A DI ĐÀ KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA

QUYỂN VII

Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa

阿彌陀經疏鈔演義講記

卷七

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空講述
越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Printed for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website:http://www.budaedu.org
Mobile Web: m.budaedu.org
This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.
KINH ẤN TỐNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Quyển VII

阿彌陀經疏鈔演義講記

卷七

明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義
民國淨業學人釋淨空講述
Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán
Thời gian: Tháng 12 năm 1984
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Tập 181

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm bảy mươi tám:

(Sao) Nhất kích vong sở tri, cánh bất giả tu trì, động dung dương cổ lộ, bất đọa tiễu nhiên cơ.

(鈔)一擊忘所知，更不假修持，動容揚古路，不墮悄然機。

*(**Sao**: Vừa đụng bèn quên sạch sở tri, chẳng còn nhọc sức phải tu trì, hành vi, vẻ mặt phô đường cũ, chẳng đọa vào trong nẻo tịch vi).*

Đây là bài kệ do Ngài (thiền sư Hương Nham) đã nói khi khai ngộ, trong Thiền Tông gọi là *"cơ phong"* (機鋒). Khi công phu thành thục, gặp cơ duyên, đó là đại triệt đại ngộ. Từ chỗ này, chúng ta cũng hiểu: Ắt phải phá hai thứ chướng thì mới thật sự triệt ngộ. Nếu Ngài vẫn còn có Sở Tri Chướng, sẽ chẳng có cách nào ngộ. Nói cách khác, trước kia, Ngài chẳng ngộ là vì có Sở Tri Chướng. Hai thứ Phiền Não Chướng và

Sở Tri Chướng đều là đại chướng ngại, ắt phải lìa bỏ hai thứ ấy. Phải phá Sở Tri Chướng như thế nào? Bí quyết là một chữ Vong (忘), quý vị có thể quên sạch những gì đã biết, đúng như kinh Bát Nhã đã nói là Vô Tri. Vô Tri bèn phá Sở Tri Chướng; Vô Đắc phá Phiền Não Chướng. Tâm Kinh đến cuối cùng bèn nói *"vô trí mà cũng vô đắc"*, hai chướng ấy đều phá, nên liền chứng đắc viên mãn Bát Nhã Ba La Mật. Nay chúng ta dụng công cách nào cũng chẳng thể nhập cảnh giới ấy là do chưa phá hai chướng. Không chỉ chẳng phá, mà hai chướng ấy đều tăng thêm theo thời gian. Đây là chuyện phiền phức to lớn, người tu hành hãy nên chú ý điều này. Dù là Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh, hai thứ chướng ấy càng ít càng hay, đến Tây Phương sẽ tăng cao phẩm vị. Sau khi đã phá hai chướng, phương pháp dụng công sẽ hoàn toàn chẳng giống như chúng ta trong hiện thời. Chúng ta dụng công trong hiện tại là hữu tu, hữu chứng. Sau khi đã phá hai thứ chướng, bèn là vô tu, vô chứng. Chẳng chứng mà chứng, chứng mà chẳng chứng, chẳng tu mà tu, tu mà chẳng tu, nên *"cánh bất giả tu trì"* (chẳng còn nhọc sức phải tu trì).

(Diễn) Cánh bất giả tu trì.

(演)更不假修持。

*(**Diễn**: Chẳng còn nhọc sức phải tu trì).*

Không cần phải cậy vào tu trì nữa, tu hay chẳng tu? Vẫn tu y như cũ! Đại Thế Chí Bồ Tát đã đạt tới địa vị Đẳng Giác, cao minh hơn Hương Nham rất nhiều. Cảnh giới của Hương Nham là Sơ Trụ trong Viên Giáo, vừa mới nhập lưu (dự vào địa vị Pháp Thân đại sĩ), được gọi là *"phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân"*, ngài Hương Nham vừa mới đạt đến cảnh giới này. Đại Thế Chí Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, cao hơn Sư (ngài Hương Nham) bốn mươi cấp bậc, Đại Thế Chí Bồ Tát có tu hay không? Vẫn là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp"*. Mỗi ngày, Ngài vẫn niệm một câu A Di Đà Phật, chẳng phải là không niệm. Tuy niệm câu A Di Đà Phật, Ngài niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Vì thế, *"chẳng còn nhọc sức phải tu trì"*.

(Diễn) Sở vị: Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc.

(演)所謂修證即不無，染污即不得。

*(**Diễn**: Đó gọi là: Chẳng phải là không có tu chứng, nhưng chẳng bị nhiễm ô).*

Hai câu này do thiền sư Hoài Nhượng thưa với Lục Tổ. Lục Tổ hỏi Sư: "Ông có còn tu hay không?" Có! *"Tu chứng tức bất vô"*, [ý nói] con còn có tu. Tuy tu, nhưng *"nhiễm ô tức bất đắc"*, đó là vô tu, chẳng giữ lại ấn tượng, tâm địa thanh tịnh. Nhìn từ bề ngoài, Sư có tu, nhưng nói theo bên trong, thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đúng là *"vốn chẳng có một vật"*. Thiền sư Hoài Nhượng nói lời ấy, Lục Tổ liền ấn chứng: *"Như thị, như thị"* (Đúng như thế đấy), ông tu theo cách ấy, mà ta cũng tu theo cách ấy.

(Diễn) Hựu tức sở vị, đoạn trừ vọng tưởng trùng tăng bệnh, thú hướng Chân Như diệc thị tà.

(演)又即所謂，斷除妄想重增病，趣向真如亦是邪。

*(**Diễn**: Lại chính là như thường nói: "Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, tiến đến Chân Như cũng vẫn tà").*

Chư vị phải biết: Đã đạt tới cảnh giới ấy thì mới có thể thốt lời này. Nếu chưa đạt đến cảnh giới ấy, quý vị muốn học theo kiểu này, sẽ chẳng được! Khi ấy, Kiến Tư phiền não đều đoạn; nếu vẫn còn phải đoạn phiền não thì chẳng phải là có bệnh rồi sao? Giống như quý vị bị bệnh phải uống thuốc, đó là đúng. Bệnh đã lành mà lại uống thuốc, há chẳng phải là lại sanh bệnh ư? Chẳng có bệnh, uống thuốc vào, sẽ đổ bệnh ra, có ý nghĩa này! Nay chúng ta đang bị bệnh, cần phải uống thuốc; họ đã lành bệnh, nên chẳng cần uống thuốc, cảnh giới chẳng giống chúng ta! Vì thế, họ chẳng đoạn vọng tưởng, mà cũng chẳng cần cầu Chân! Vì sao? Đã thật sự chứng đắc. Đã chứng đắc Chân, mà còn lại cầu Chân, tức là trên cái Chân lại chồng thêm một cái Chân nữa, sai mất rồi! Vì thế, bậc Bồ Tát từ hàng kiến tánh trở lên, nếu thật sự còn có tu, còn có chứng, tức là sai lầm quá đỗi! Cảnh giới của các Ngài là vô trí mà cũng vô đắc, vô tu, vô chứng, đó là thật sự chứng đắc.

(Diễn) Hựu tức sở vị, tùng kim dĩ hậu, bất nghi thiên, bất nghi địa dã.

(演)又即所謂，從今以後不疑天不疑地也。

*(**Diễn**: Lại chính là nói: "Từ nay trở đi, chẳng ngờ trời, chẳng ngờ đất").*

Vạn pháp như nhau, vĩnh viễn đoạn nghi căn, đối với hết thảy các

pháp đều chẳng hoài nghi. Không chỉ chẳng hoài nghi pháp thế gian, mà Phật pháp cũng không hoài nghi. Đối với hết thảy các kinh luận do hết thảy Như Lai đã nói, vô lượng pháp môn, rất nhiều tông phái, đều chẳng hoài nghi, vì sao? Hiểu chúng vốn là một chuyện, thật sự dung thông, đã nhập cảnh giới ấy. Khi chưa nhập cảnh giới ấy, đích xác là có phiền não, có chấp trước, có phân biệt. Đạt đến cảnh giới ấy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng có, thật sự đắc đại tự tại.

(Diễn) Động dung dương cổ lộ, động dung, tức động dung chu toàn, dương cổ lộ, vị phát huy diệu tánh, tức sở vị "tả hữu phùng nguyên", bất tri thủ chi, vũ chi, túc chi, đạo chi dã.

(演)動容揚古路，動容，即動容周旋，揚古路，謂發揮妙性；即所謂左右逢源，不知手之舞之足之蹈之也。

*(**Diễn**: "Động dung dương cổ lộ". Động dung là hành động lẫn dung mạo đều trọn vẹn. "Dương cổ lộ" ý nói phát huy diệu tánh, tức là "đâu đâu cũng gặp nguồn", chẳng biết hễ giơ tay lên múa thì chân cũng nhịp bước theo).*

Đây là cuộc sống sau khi đã khai ngộ. Trước khi khai ngộ, cuộc sống rất khổ não. Sau khi đã ngộ, cuộc sống khác hẳn. [Xét về] vũ trụ quan và nhân sinh quan, dẫu trong cuộc sống phải thù tiếp rất nhiều, luôn luôn là hết sức vui sướng. *"Động"* (動) là động tác, *"dung"* (容) là dung mạo, biểu hiện trong cuộc sống. *"Dương"* (揚) là triển khai, nói như hiện thời là cởi mở. *"Cổ lộ"* (古路) là tỷ dụ, thường gọi là *"cổ đạo"* (古道: đường cũ), *"cổ đạo"* là gì? Từ quá khứ vô lượng kiếp đến nay, chư Phật, Bồ Tát đi theo con đường này, đó cũng là phương cách sống của chư Phật, Bồ Tát. Sư (ngài Hương Nham) cũng đã đạt được, chẳng khác gì cổ Phật thị hiện trong thế gian này, đó gọi là *"du hý thần thông"*. Nói kiểu này dễ hiểu, Ngài du hý thần thông trong thế gian này.

Đây cũng là nói, trước khi ngộ, ngài Hương Nham là thân nghiệp báo giống hệt như chúng ta. Bị Quy Sơn đại sư hỏi vặn một câu, từ đầu đến cuối chẳng đáp được; đó là phàm phu. Ngài thiện căn, phước đức sâu dầy, nhân duyên lại tốt đẹp, gặp gỡ thiện tri thức thật sự, Ngài cũng thật sự chịu phát phẫn, thật sự chịu y giáo phụng hành, nên mới có ngày triệt ngộ. Những lý luận và phương pháp này, chẳng ít đồng tu đã biết, nhưng hiện thời khiếm khuyết công phu! Công phu khổ hạnh của ngài Hương Nham là một nhân tố khiến cho Ngài khai ngộ; nay chúng ta còn

thiếu sót loại công phu ấy. Công phu ấy chính là thật sự hành, hành đến mức vong ngã, hành đến mức quên cảnh, Tịnh Tông thường nói là *"thân, tâm, thế giới, hết thảy buông xuống"*. Chẳng phải là bảo quý vị chẳng cần đến thân thể, chẳng cần đến thế giới. Chẳng phải vậy! [Mà là] trong tâm đừng nên vướng mắc thân, tâm, thế giới nữa! Đến khi quý vị chẳng có mảy may vướng mắc, khôi phục *"vốn chẳng có một vật"* như Lục Tổ đã nói thì đúng, đó là cảnh giới của ngài Hương Nham. Vốn chẳng có một vật thì Phiền Não Chướng chẳng có, Sở Tri Chướng cũng chẳng có. Phiền Não Chướng cũng là một vật, Sở Tri Chướng cũng là một vật. Thị phi, nhân ngã, hết thảy cảnh giới đều ở trong tâm, đều là một vật, thảy đều buông những thứ ấy xuống; sau đấy, quý vị mới xử sự, đãi người, tiếp vật sẽ là pháp hỷ sung mãn, từ nội tâm sanh ra hỷ duyệt.

Ở đây, nhắc tới cách nói của Thiền Tông: *"Tả hữu phùng nguyên, đầu đầu thị đạo"* (Phải trái đều gặp nguồn, chuyện gì cũng là đạo)[1]. Chân Như bản tánh ở chỗ nào? Những cái được tiếp xúc bởi lục căn không gì chẳng phải là chân tánh, thấy Thể, Tướng, Dụng của chân tánh bày ra trước mặt chúng ta. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân thể tiếp xúc, toàn là Chân Như bản tánh, đó gọi là *"minh tâm kiến tánh"*. Người niệm Phật chúng ta gọi cảnh giới ấy là Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là đắc Định, tức là những vọng tưởng, chấp trước ấy chẳng dấy lên hiện hành, chẳng khởi tác dụng, nhưng hoàn toàn chưa đoạn. Đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, xác thực là chẳng có phiền não, vọng tưởng, chấp trước hoàn toàn chẳng có, cũng chính là *"nhất kích vong sở tri"* (vừa đụng bèn quên sạch sở tri) như đang nói ở đây, chẳng có! Khi ấy, *"tay múa, chân giẫm theo nhịp"*, hình dung sự sung sướng, pháp hỷ sung mãn.

---

[1] *"Tả hữu phùng nguyên"* (左右逢源) là một thành ngữ xuất phát từ thiên Lâu Lan Hạ trong sách Mạnh Tử. Câu nói này nguyên gốc là *"tư chi thâm, tắc thủ chi tả hữu phùng nguyên"*. Theo các nhà chú giải, Nguyên là nguồn nước, *"tả hữu phùng nguyên"* nghĩa là đến nơi đâu cũng đều tìm được nguồn nước sung túc, nên rất thoải mái. Do đó, nếu hiểu theo nghĩa bóng, câu nói ấy nhằm diễn tả ý nghĩa: Công phu đã đạt đến mức độ sâu chắc, mọi việc đều thuận theo lòng muốn mà hành xử, nghĩ đâu làm đúng đó, chẳng gặp trở ngại gì. Nhà Thiền dùng thành ngữ này nhằm diễn tả cảnh giới của bậc đã chứng nhập, đối với bất cứ pháp nào cũng đều thấu hiểu thể tánh của nó, vận dụng vô ngại, pháp nào vào trong tay họ cũng đều là phương tiện để phô diễn Chân Như chẳng trở ngại.

(Diễn) "Bất đọa tiễu nhiên cơ": "Tiễu nhiên cơ", vị hư vô tịch diệt, trạm nhập hợp trạm đẳng.

(演)不墮悄然機，悄然機，謂虛無寂滅，湛入合湛等。

*(**Diễn**: "Bất đọa tiễu nhiên cơ": "Tiễu nhiên cơ" là hư vô tịch diệt, lặng trong ứng hợp với lặng trong v.v...).*

Trong kinh luận Đại Thừa, đức Phật thường nói chuyện này. Chẳng hiểu, sẽ chấp trước các danh tướng do đức Phật đã nói, đọa lạc trong danh tướng. Ví như Tịnh Tông nói Lý nhất tâm bất loạn, quý vị [nghe nói như vậy], hằng ngày niệm Phật, vừa niệm vừa nghĩ mãi đến Lý nhất tâm bất loạn: "Ta phải làm sao hòng chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn?" Đấy chính là quý vị đọa lạc trong danh tướng của Lý nhất tâm bất loạn, có thể đắc nhất tâm hay không? Chẳng thể! Vì quý vị có chướng ngại.

(Diễn) Kim ư Niết Bàn thiên, dĩ đại minh ngộ, thập phương thế giới, cập dữ thân tâm như phệ lưu ly, nội ngoại minh triệt, cố bất đọa dã.

(演)今於涅槃天，已大明悟，十方世界，及與身心，如吠琉璃，內外明徹，故不墮也。

*(**Diễn**: Nay đối với Niết Bàn thiên đã hiểu rất rõ ràng, mười phương thế giới và thân tâm như ngọc Phệ Lưu Ly[2], trong ngoài sáng tỏ, thấu suốt, nên chẳng đọa).*

Đây là thật sự khế nhập, cũng chính là như Khởi Tín Luận đã nói: *"Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên"*. Tâm địa thật sự đạt đến thanh tịnh, hợp thành một với hết thảy vạn pháp. Giống như các dòng nước từ sông ngòi đổ vào biển cả, cùng với nước của trăm sông hợp thành một, đó mới là thật sự khế nhập. Nay chúng ta học Phật, chướng ngại lớn nhất là giới hạn. Vốn chẳng có giới hạn, giới hạn là do chính mình vọng tưởng, chấp trước. Chính mình nhất định phân biệt thị phi trong ấy, phân biệt ta và người, vạch ra lắm thứ giới hạn, tự kéo kén trói buộc mình. Chẳng có ai trói buộc quý vị, mà do chính

[2] Phệ Lưu Ly là cách phiên âm khác của chữ Tỳ Lưu Ly (Vaidūrya), chữ này còn được phiên âm là Bệ Đầu Lê, Bệ Trù Lê Dạ, hoặc gọi tắt là Lưu Ly, là một loại ngọc trong suốt, có màu xanh thẫm, được xếp vào trong thất bảo.

quý vị tạo tác. Chính quý vị chẳng phá tan giới hạn ấy, bất cứ ai cũng chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị. Chư Phật, Bồ Tát không thể giúp chúng ta đoạn phiền não, không thể giúp chúng ta phá chấp trước. Phá hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước là chuyện thuộc về bổn phận của chính mình. Người biết dụng công, sẽ dụng công nơi này; kẻ chẳng biết dụng công, sẽ dụng công nơi danh tướng hoặc dụng công nơi giáo điều, vô ích, chẳng có thành tựu! Thật sự có thành tựu thì phải dụng công nơi tâm địa.

Trong công phu nơi tâm địa, chúng ta là người tu Tịnh Tông, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu: Tâm thanh tịnh. Bất luận lúc nào, chỗ nào, thuận cảnh, nghịch cảnh, làm thế nào để có thể giữ cho tâm địa của chính mình thanh tịnh, đó là đúng. Tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, mỗi tháng một thanh tịnh hơn, đó là *"tiệm tu"* (漸修: tu tập dần dần), dần dần đi theo phương hướng minh tâm kiến tánh, đi theo con đường ấy. Nếu tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh. Sở dĩ ông Viên Liễu Phàm vô cùng lỗi lạc, đáng cho kẻ khác tôn kính, là vì ông ta thật sự chịu phản tỉnh. Ông ta biết khuyết điểm của bản thân, có thể sửa lỗi đổi mới, nên sửa đổi vận mạng có thành tích rõ rệt như vậy. Bản thân chúng ta có khuyết điểm mà không biết, người khác nói ra, chính mình còn bào chữa, che giấu, rất tệ! Kinh Phật gọi hạng người như vậy là Nhất Xiển Đề. Nhất Xiển Đề là chẳng có thiện căn, tối thiểu là chẳng thể cứu trong một đời này. Vì thế, hổ thẹn là thiện căn chân thật trong Phật môn. Trong lời Sao, đại sư đã dùng lý luận ấy để suy luận.

(Sao) Tắc diêm tiền thước táo.

(鈔)則簷前鵲噪。

*(**Sao**: Chim khách hót trước mái hiên).*

"Diêm" (簷) là mái hiên, *"thước"* là hỷ thước (喜鵲: chim khách), chim khách kêu trước mái hiên.

(Sao) Dã ngoại tùng thanh, nhất văn, nhất dăng, nhất thảo, nhất diệp, mạc bất diễn dương diệu pháp, cổ phát đạo tâm, huống thanh tịnh Phật độ hồ?

(鈔)野外松聲，一蚊一蠅，一草一葉，莫不演揚妙法，

鼓發道心，況清淨佛土乎。

*(**Sao**: Tiếng tùng ngoài đồng, một con muỗi, một con ruồi, một nhánh cỏ, một phiến lá, không gì chẳng diễn dương diệu pháp, cổ vũ, phát khởi đạo tâm, huống là cõi Phật thanh tịnh ư?)*

Bất cứ loại căn tánh rất nhạy bén nào, tu học đúng lý, đúng pháp ở trong thế giới này, cũng [sẽ thấy] lục trần thuyết pháp, huống hồ Tây Phương Cực Lạc thế giới! Trong đoạn dưới đây, đại sư giả lập một đoạn vấn đáp:

(Sao) Vấn: Giáo trung thánh thuyết pháp, thánh mặc nhiên, nhị bất thiên phế. Kim thủy, điểu, thụ lâm diễn pháp vô dĩ, tắc hữu động vô tĩnh.

(鈔)問：教中聖說法，聖默然，二不偏廢，今水鳥樹林演法無已，則有動無靜。

*(**Sao**: Hỏi: Trong giáo, [có khi] thánh nhân (Phật Thích Ca) thuyết pháp, [có lúc] thánh nhân im lặng, đối với cả hai điều ấy (thuyết pháp hoặc im lặng), Ngài chẳng riêng bỏ một điều nào! Nay nước, chim, rừng cây diễn pháp không ngớt, tức là [cõi Cực Lạc] luôn động, chẳng tĩnh).*

Giả thiết là có người nêu ra [câu hỏi] như vậy. Thuyết pháp, suốt ngày từ sáng đến tối đều thuyết như vậy, khi nghe cũng cảm thấy phiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp chưa hề gián đoạn, ngày đêm đều thuyết, lục trần đều thuyết, Phật cũng thuyết, Bồ Tát thuyết, hết thảy đều thuyết, đến chỗ ấy có đôi chút chẳng thể chịu đựng! Vì thế, nghĩ đến trong thế giới này, khi Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, có lúc Ngài thuyết pháp, có lúc Ngài im lặng, tức là có lúc chẳng nói, có lúc ngưng nghỉ, Ngài trọn chẳng phế bỏ riêng một điều nào trong hai tình trạng ấy. Nay thế giới Tây Phương thuyết pháp không ngừng nghỉ, chúng ta tới đó mong yên tĩnh một chút cũng chẳng được!

(Sao) Đáp: Đại Bổn vân, "kỳ dục văn giả, triếp độc văn chi. Kỳ bất dục văn giả, triếp độc bất văn dã". Tắc tịch dụng tùy tâm, tức động, tức tĩnh.

(鈔)答：大本云，其欲聞者，輒獨聞之；其不欲聞者，

輒獨不聞也。則寂用隨心，即動即靜。

*(**Sao**: Đáp: Kinh Đại Bổn nói: "Người muốn nghe liền lập tức nghe thấy. Kẻ chẳng muốn nghe bèn lập tức chẳng nghe". Tức là tịch tĩnh hay động dụng tùy tâm, [do cái tâm của mỗi người] mà là động hay tĩnh).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng. Do vậy có thể biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp giống như đài vô tuyến truyền thanh trong cõi này. Quý vị muốn nghe, bất cứ lúc nào vặn đúng băng tần sẽ nghe thấy. Chẳng muốn nghe, tắt đi là được rồi. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần phải mở, tắt, bất cứ lúc nào muốn nghe kinh gì bèn có thể nghe kinh đó. Nghe mệt rồi, chẳng muốn nghe nữa, mong yên tĩnh, âm thanh ấy bèn chẳng có nữa. Khi nào lại muốn nghe, âm thanh lại đưa đến, khéo tiếp tục vừa đúng [chỗ đã ngưng lại] trong lần trước, chẳng sót đoạn nào. Mầu nhiệm thay! Thế giới ấy mới là một thế giới thật sự tốt đẹp.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh lý trí giao dung, thị phong thụ nghĩa.

(Sao) Lý hàm vạn pháp như thụ, Trí châu pháp giới như phong. Trí dữ Lý minh, Lý tùy Trí hiển, nhiên nhi phong thụ các bất tương tri. Lý Trí nguyên vô nhị bổn, bách thiên chủng nhạc, bất thị phong tác, bất thị thụ tác, nhân giả tâm tác.

(Diễn) Lý hàm vạn pháp như thụ giả, thụ hữu hàm tàng nghĩa, năng hàm chi diệp hoa quả cố. Lý hàm hằng sa công đức diệc nhiên, cố vân "đạo thụ" dã.

(疏)稱理，則自性理智交融，是風樹義。

(鈔)理含萬法如樹，智周法界如風，智與理冥，理隨智顯，然而風樹各不相知，理智原無二本，百千種樂，不是風作，不是樹作，仁者心作。

(演)理含萬法如樹者，樹有含藏義，能含枝葉花果故，理含恆沙功德亦然，故云道樹也。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì Lý và Trí trong tự tánh dung thông lẫn nhau, là ý nghĩa của gió và cây.*

***Sao**: Lý bao hàm vạn pháp như cây, Trí trọn khắp pháp giới như gió. Trí và Lý ngầm hợp, Lý nhờ Trí mà hiển lộ, nhưng gió và cây trọn*

chẳng biết nhau. Lý và Trí vốn chẳng có hai gốc, trăm ngàn thứ nhạc, chẳng phải do gió tấu lên, chẳng phải do cây phát ra tiếng, mà là do cái tâm của nhân giả tạo tác!

***Diễn**: "Lý bao hàm vạn pháp như cây": Cây có ý nghĩa bao hàm vì có thể bao hàm cành, lá, hoa, quả. Lý bao hàm hằng sa công đức cũng giống như thế, vì vậy nói là "cây đạo").*

Vì cây có cành, nhánh, lá, hoa, quả, nên nói đến "cây" liền bao gồm cành, lá, hoa, quả. Sánh ví cây như Lý Thể, tức Chân Như lý thể. *"Lý hàm hằng sa công đức diệc nhiên"* (Cũng giống như vậy, Lý bao hàm hằng sa công đức), giống hệt như cây. Trong Chân Như bản tánh, bao hàm vô lượng vô biên Tánh Đức, cây tuyệt đối chẳng thể sánh bằng, ngay cả cây nơi đạo tràng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng thể sánh ví, chỉ có thể tỷ dụ phảng phất. *"Cố vân đạo thụ dã"* (Nên nói là đạo thụ).

(Diễn) Trí châu pháp giới như phong giả, phong hữu châu biến nghĩa, vô xứ bất đáo, cố vân: "Sắc vô biên cố, Bát Nhã diệc vô biên".

(演)智周法界如風者，風有周遍義，無處不到，故云色無邊故般若亦無邊。

*(**Diễn**: Trí trọn khắp pháp giới như gió. Gió có ý nghĩa trọn khắp, không chỗ nào chẳng đến. Vì thế nói: "Do sắc vô biên, nên Bát Nhã cũng vô biên").*

Lỗ hổng dù nhỏ tới đâu đi nữa, gió cũng có thể thổi lọt qua. Ở Đại Lục, kể từ mạn Bắc của Trường Giang trở lên, mùa Đông gió rất mạnh, *"châm đại đích nhãn, đấu đại đích phong"* (mắt to bằng cái kim, gió to bằng cái đấu). Trong quá khứ, nhà cửa tại Trung Quốc Đại Lục, cửa sổ chỉ dùng giấy để phất, chẳng có thủy tinh. Đâm thủng một lỗ nhỏ nơi giấy phất cửa sổ, gió rất mạnh liền thổi lọt qua. Gió được gọi là "không lỗ nào chẳng lọt", không chỗ nào nó chẳng đến, nên có ý nghĩa trọn khắp. *"Cố vân sắc vô biên, cố Bát Nhã diệc vô biên"* (Vì vậy, nói: "Do Sắc vô biên, nên Bát Nhã cũng vô biên"). Sắc là nói đến sắc tướng, sắc tướng vô biên. Vô lượng vô biên cõi nước trong hư không pháp giới, đã có quốc độ, tất nhiên có gió. Gió do đâu mà có? Do tâm động mà có! Nếu tâm tưởng của chư vị chẳng động, sẽ chẳng có gió. Hễ động bèn có gió, nên động bèn gọi là gió.

(Diễn) Trí dữ Lý minh giả, Như Trí khế Như Lý, như phong chi xuy thụ nhi vô tích.

(演)智與理冥者，如智契如理，如風之吹樹而無蹟。

*(**Diễn**: Trí và Lý ngầm hợp, Như Trí khế hợp Như Lý, như gió thổi cây chẳng có dấu vết).*

"Trí dữ Lý minh giả", "minh" (冥) có nghĩa là tương ứng, tương khế (khế hợp). *"Như Trí khế Như Lý"*: Trí như như khế hợp Lý như như. Lý và Trí là một không hai, giống như nước và sữa hòa lẫn, chẳng thể tách rời đâu là sữa, đâu là nước. Nói thật ra, Lý là nói theo Thể, Trí là tác dụng của Thể. Nếu mê mất bản thể, nó sẽ khởi tác dụng là vọng tưởng, chấp trước, tức là chính mình đã mê mất bản thể. Khi ngộ, nó có tác dụng là Trí như như. Trí như như là trí huệ Bát Nhã. Kế đó là tỷ dụ: *"Như phong chi xuy thụ nhi vô tích"* (Như gió thổi qua cây chẳng có dấu vết). Chẳng có dấu vết, chẳng tìm thấy dấu vết.

(Diễn) Lý tùy Trí hiển giả, như như Lý, nhân như như Trí phương hiển.

(演)理隨智顯者，如如理，因如如智方顯。

*(**Diễn**: Lý do Trí mà hiển, Lý như như do Trí như như mới hiển lộ).*

Lý như như là Chân Như bản tánh. Nếu chẳng có Trí như như thì Lý ấy, tức Chân Như bản tánh ở chỗ nào? Quý vị không biết, tìm không thấy. Có Trí như như, điều gì cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn, chẳng có gì không phải [là đạo]. Chẳng nhập cảnh giới ấy, chắc chắn sẽ không thấy. Đối với người ta, thứ gì cũng là đạo, đối với chúng ta, thứ gì cũng chẳng phải là đạo. Người ta là đâu đâu đều gặp nguồn (thuận lợi), chúng ta là thứ gì cũng bị chướng ngại. Ngộ nhập sẽ là [cảnh giới] Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại của Hoa Nghiêm. Chẳng ngộ nhập, chỗ nào cũng trở thành chướng ngại. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, vừa tiếp xúc bèn sanh chướng ngại. Do đã mê bèn có chướng ngại, nẩy sanh phiền não; hễ ngộ, vừa tiếp xúc bèn sanh trí huệ. Trong cuộc sống hằng ngày, trong tâm chúng ta thường sanh phiền não. Lục Tổ thưa với Ngũ Tổ: *"Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ"*. Chúng ta thấy câu ấy rất hổ thẹn, chúng ta thường sanh phiền não, người ta thường sanh trí huệ, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bèn sanh trí huệ. Cũng có nghĩa là, Ngài thật sự đạt đến *"đâu đâu cũng gặp nguồn, chuyện gì cũng là*

đạo". Vì thế, Lý như như nhờ vào Trí như như thì mới có thể hiển lộ.

(Diễn) Như thụ chi nhân phong nhi hữu thanh, nhiên nhi phong bất tri thụ, thụ bất tri phong, phong thụ các trụ tự vị, sở vị "các các bất tương đáo, các các bất tương tri".

(演)如樹之因風而有聲，然而風不知樹，樹不知風，風樹各住自位，所謂各各不相到，各各不相知。

*(**Diễn**: Như cây do gió mà có tiếng, nhưng gió chẳng biết cây, cây chẳng biết gió. Gió và cây mỗi thứ đều trụ trong vị trí của chính mình, tức là mỗi thứ đều chẳng đến với nhau, đều chẳng biết tới nhau).*

Trong Pháp Hoa và Tam Luận, đức Phật đều nói đến ý nghĩa này.

(Diễn) Hoa Nghiêm vân: "Thí như trường phong khởi, ngộ vật hàm cổ phiến, các các bất tương tri, nhất thiết pháp như thị".

(演)華嚴云：譬如長風起，遇物咸鼓扇，各各不相知，一切法如是。

*(**Diễn**: Kinh Hoa Nghiêm nói: "Ví như gió mạnh trỗi, gặp vật đều khua động, mỗi thứ chẳng biết nhau, hết thảy pháp như vậy").*

"Cổ phiến" (鼓扇) là gió thổi đến nó, nó cũng có thể phát ra âm thanh. *"Các các bất tương tri, nhất thiết pháp như thị"* cũng chính là *"chư pháp trụ pháp vị"* như kinh Pháp Hoa đã nói, *"chư pháp"* là hết thảy các pháp, ai nấy đều tự ở đúng vị trí của mình thì gọi là *"chư pháp trụ pháp vị"*. *"Thế gian tướng bất diệt"*, [nghĩa là] tướng thế gian chẳng hoại, chẳng diệt. Vì sao? *"Các các bất tương đáo, các các bất tương tri"* (Các pháp chẳng đến nhau, các pháp chẳng biết nhau), hoàn toàn do trong Chân Như bản tánh biến hiện, tự tánh khởi tác dụng. Nếu chư vị nghe mà không hiểu rõ ý nghĩa này, chúng tôi nêu một tỷ dụ để quý vị hiểu đôi chút chân tướng này. Nay chúng ta xem TV, hình ảnh trên TV do từng đốm rất nhỏ (pixel) hợp thành hình tượng. Trong hình ảnh ấy, mỗi đốm sáng có vị trí riêng của nó, đốm sáng này chẳng lấn sang đốm sáng kia, đốm sáng kia cũng chẳng lấn sang đốm sáng này. *"Các các bất tương tri"* (Mỗi mỗi đều chẳng biết): Bất luận hình ảnh biến như thế nào, chúng (các đốm sáng) vẫn chẳng biết đến nhau, mỗi đốm đều ở đúng vị trí của chính mình, mà cũng chẳng có biến động tí nào, tình hình tựa tựa

như thế đó. Tận hư không khắp pháp giới, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sâm la vạn tượng hoàn toàn giống như nguyên lý này.

Do đó, kinh nói *"bất lai, bất khứ"* (chẳng đến, chẳng đi) là thật, quý vị nghĩ "ta từ nhà đến giảng đường", há có chuyện ấy! Quý vị ngỡ chính mình từ nhà đến giảng đường, đó là mê, chẳng giác ngộ. Nếu quý vị giác ngộ, từ trong nhà cũng chẳng ra khỏi cửa, cũng chẳng rời khỏi giảng đường này, mầu nhiệm thay! Chân tướng là gì? Kinh Lăng Nghiêm đã dạy: *"Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"* (Sanh ra từ nơi đâu, bèn diệt mất ngay nơi đó). Nếu quý vị chẳng thể thấu hiểu, hãy lại nghĩ đến màn hình trong máy TV, những hình ảnh đó *"đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"*, *"các các bất tương đáo, các các bất tương tri"*, chuyện là như vậy đó. Quý vị có trí huệ thì mới có thể thấy chân tướng. Chân tướng là bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhơ, chẳng tịnh, nói toạc chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Toàn thể là diệu dụng của tự tánh, tận hư không khắp pháp giới là diệu dụng của tự tánh; vì thế, mầu nhiệm đến tột bậc! Tạo ra một cái màn hình nho nhỏ, chúng ta đã thấy đẹp đẽ khôn xiết, vô cùng yêu thích. Tạo thành toàn thể vũ trụ to tát, há chẳng phải là càng kỳ diệu hơn ư? Chân tướng sự thật xác thực là như thế.

(Diễn) Lý Trí diệc nhiên, Lý ngoại vô Trí, Trí ngoại vô Lý, Lý Trí diệc vô nhị bổn.

(演)理智亦然，理外無智，智外無理，理智亦無二本。

*(**Diễn**: Lý và Trí cũng thế, ngoài Lý chẳng có Trí, ngoài Trí chẳng có Lý. Lý và Trí cũng chẳng có hai gốc).*

"Lý Trí cũng chẳng có hai gốc", là một, không hai. *"Ngoài Lý không có Trí, ngoài Trí chẳng có Lý"*, là một, không hai. Một là chân thật, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Khế nhập như thế nào? Khi nào quý vị niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn sẽ nhập cảnh giới này, cảnh giới này là diệu cảnh do quý vị đích thân chứng nhập. Tuy đích thân chứng nhập, diệu cảnh vẫn ở trước mắt, trọn chẳng phải là lìa khỏi trước mắt bèn có một cảnh giới khác xuất hiện, chẳng phải vậy! Vì thế, sau khi khế nhập, thấy núi vẫn là núi, thấy nước vẫn là nước. Nhưng khi ấy, sự thọ dụng trong tâm sai khác rất lớn, trước kia, thấy núi là núi, thấy

nước là nước, nhưng có chướng ngại, chẳng tự tại, nay thấy núi là núi, thấy nước là nước, nhưng đắc đại tự tại, chẳng có chướng ngại mảy may.

(Diễn) Nhiên các bất tương tri, phi thị ngôn kỳ nhị bổn, nãi ngôn kỳ tự nhiên giao dung dã, hữu bất giả tạo tác, thiên nhiên dung hội ý.

(演)然各不相知，非是言其二本，乃言其自然交融也，有不假造作，天然融會意。

*(**Diễn**: Nhưng mỗi pháp chẳng biết nhau, chẳng phải là nói chúng có hai gốc [khác biệt], mà là nói chúng tự nhiên dung thông, chẳng cậy vào tạo tác, tức là nói theo ý nghĩa tự nhiên dung hội).*

Tuy mỗi pháp chẳng biết nhau, chẳng phải là nói chúng vốn là hai, vì chúng vốn là một, không hai. *"Nãi ngôn kỳ tự nhiên giao dung dã, hữu bất giả tạo tác, thiên nhiên dung hội ý"*, câu này rất quan trọng! Hiện thời, rất nhiều người tu hành gượng ép cho chúng dung thông, nhưng chẳng có cách nào, chẳng thể dung thông được! Nhất định phải xuất phát từ tự nhiên. Nay chúng ta nói thành lập một tăng đoàn, từ bốn người trở lên cùng tu Lục Hòa Kính, miễn cưỡng ghép lại, đó là chẳng tự nhiên. Khi nào sẽ tự nhiên? Mọi người đều đạt được tâm thanh tịnh thì sẽ tự nhiên; trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó là tự nhiên. Còn có chấp trước, còn có phân biệt, sẽ là miễn cưỡng tụ hợp. Dẫu ở chung một chỗ, bản thân mỗi người đều phải kiềm chế chính mình, chẳng tự nhiên. Nếu chư vị hiểu đạo lý này, mới hiểu vì sao một tăng đoàn được chư Phật Như Lai hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ? Bốn người ở chung với nhau [tâm thanh tịnh, cùng tu Lục Hòa Kính], sẽ chẳng phải là phàm phu, mà là thánh nhân! Trong tâm lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, chấp trước, sẽ là thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Vì thế, trên là cảm ứng với chư Phật, Bồ Tát, dưới thì cũng khởi cảm ứng với hết thảy rồng, trời, quỷ thần, đạo lý là như vậy đó. Miễn cưỡng học, sẽ học chẳng được!

Phải học như thế nào? Phải học từ trong nội tâm, công phu nơi tâm địa. Ngay cả Liễu Phàm Tứ Huấn nói về chuyện sửa đổi vận mạng đều là cầu từ tâm địa. Cầu từ trong nội tâm, thật sự là trong ngoài đều đắc, chẳng có gì không đạt được. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Cứ một mực hướng ra ngoài rong ruổi cầu tìm, sẽ chẳng tìm được. Dẫu có cầu được, cũng là do trong mạng đã có. Trong mạng chẳng có, cầu cách

nào cũng chẳng cầu được. Người hiểu lý, người biết cầu, quyết định sẽ không cầu từ bên ngoài. Ngay cả tiếng tăm, lợi dưỡng, hưởng thụ ngũ dục lục trần trong thế gian, như thường nói *"cầu phú quý được phú quý, cầu con cái được con cái"*, đều phải cầu từ nội tâm, chẳng phải là cầu từ bên ngoài. Nguyên lý là Thể, Tướng, Dụng tuy ba mà một, là một chuyện, một mà ba, ba mà một, cho nên nó *"tự nhiên giao dung, bất giả tạo tác"* (tự nhiên dung thông, chẳng cần phải tạo tác).

(Diễn) Như thử thuyết, phương dữ hạ cú "nguyên vô nhị bổn" hợp, "bách thiên chủng nhạc" hạ, hội quy nhất tâm.

(演)如此說，方與下句原無二本合。百千種樂下，會歸一心。

*(**Diễn**: Nói như vậy thì mới phù hợp với câu "vốn chẳng có hai gốc" trong đoạn sau. Từ câu "trăm ngàn thứ nhạc" trở đi là gom về nhất tâm).*

"Lý Trí nguyên vô nhị bổn, bách thiên chủng nhạc, bất thị phong tác, bất thị thụ tác, nhân giả tâm tác" (Lý và Trí vốn chẳng có hai gốc, trăm ngàn loại nhạc chẳng phải do gió tấu, chẳng phải do cây phát ra, mà do cái tâm của nhân giả tạo tác). Thuở ấy, Lục Tổ đại sư ở chùa Quang Hiếu, gặp lúc ngài Ấn Tông đang giảng kinh Niết Bàn, gió thổi động lá phan. Có hai người đang tranh luận tại đó, một người nói là phan động, người kia nói là gió động, Tổ nghe xong liền bảo: *"Chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động, mà do tâm nhân giả động"*. Do vậy có thể biết: Người khác thấy tướng, Lục Tổ thấy tánh. Theo tướng, sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề, chỉ có xét theo tánh thì mới có thể giải quyết vấn đề triệt để.

Hiện thời, cả thế giới động loạn… Ai cũng đều chẳng có cách khống chế cục diện này, ổn định nó. Nói theo Phật pháp thì đó là do "cộng nghiệp" của chúng sanh [cảm vời], Phật pháp có năng lực ổn định cục diện ấy hay không? Có! Tuy có, nhưng người ta chẳng tin tưởng thì chẳng có cách nào cả! Chúng ta sống trong thời đại này, hiểu đạo lý Phật pháp, trước hết hãy ổn định chính mình. Tâm mọi người đều động, tâm ta bất động. Bất động sẽ thấy rành rẽ tất cả các tướng động. Quý vị hiểu trong thời đại này, chính mình phải nên sống như thế nào, tu hành ra sao, đối với cá nhân chúng ta mà nói, quyết định chẳng nẩy sanh chướng ngại. Đó là cái hay của Phật pháp. Nếu quý vị chẳng có năng lực này, toàn thể

xã hội biến động sẽ gây trở ngại cho quý vị. Quý vị thật sự có công phu này, sẽ chẳng bị trở ngại.

Lão cư sĩ Vương Thiên Dân từng làm đoàn trưởng của Đài Bắc Liên Hữu Niệm Phật Đoàn. Cụ là trung tướng giải ngũ, là tham mưu trưởng của tư lệnh binh đoàn vào cuối thời kỳ Kháng Chiến, địa vị khá cao. Cụ kể với tôi một câu chuyện: Tại nơi họ đóng quân, có một lão đạo sĩ có thần thông. Có lần, lão đạo sĩ bảo bọn họ là ông ta thấy ở một nơi rất xa, có một cuộc chiến rất lớn, rất đáng sợ. Ông ta chỉ ra phương vị, khoảng cách bao xa, ông ta thấy được mà! Bọn họ là tướng lãnh cao cấp, hiểu khá rõ tình hình chiến tranh trên cả thế giới, nghĩ không ra vì sao nơi ấy có chiến tranh. Chẳng bao lâu sau, người Nhật đánh úp Trân Châu Cảng (Pearl Harbor), bọn họ mới vỡ lẽ: Trước khi chiến sự bộc phát tại Trân Châu Cảng ba tuần, lão đạo sĩ đã trông thấy, chỉ ra phương vị, chỉ ra khoảng cách, thật sự có thần thông!

Còn có một lần, lão đạo sĩ bảo họ: "Các Ngài hãy ngay lập tức chuyển chỗ, ba ngày sau, chỗ này sẽ bị lụt lớn". Rất nhiều người không tin, chẳng có dấu hiệu chi hết, tiết trời trong trẻo, chẳng có mưa, làm sao có lụt to cho được? Kết quả là họ liền sai người theo dõi lão đạo sĩ, vì miếu của lão đạo sĩ cách chỗ họ chẳng xa cho mấy. Họ thấy lão đạo sĩ dọn đến chỗ cao hơn, họ cảm thấy cũng có lý đôi chút, bèn chuyển chỗ đóng quân. Tới ngày thứ ba, mưa to, lũ lụt bất ngờ bộc phát, chỗ ấy quả nhiên bị nước nhấn chìm. Đưa ra cảnh cáo trước ba ngày, đích xác là có thần thông.

Khi chánh phủ [Trung Hoa Dân Quốc] dời sang Đài Loan, lão đạo sĩ khuyên họ: "Chỗ này sẽ có động loạn, các vị hãy qua Đài Loan". Vương tiên sinh hỏi: "Ông có muốn đi theo chúng tôi hay không?" Lão đạo sĩ đáp: "Tôi không cần đi, tôi ở đây không sao cả!" Thần thông, năng lực của vị đạo sĩ ấy từ trong Thiền Định mà có. Định có thể sanh ra thần thông, có phải do tu thành hay không? Chẳng phải do tu, tâm địa thanh tịnh đạt đến một mức độ kha khá, năng lực ấy sẽ tự nhiên khôi phục, sẽ tự nhiên có. Thần thông hiện tiền, đích xác là có thể hướng lành, tránh dữ. Khi tai nạn xảy đến, bèn biết trước để có thể tránh né, tự nhiên người ấy có năng lực đó, phàm phu chúng ta chẳng thể biết.

Tam, tổng kết nhị nghiêm.

三總結二嚴。

(Ba là tổng kết hai thứ trang nghiêm).

Y báo và chánh báo, đó là hai thứ trang nghiêm.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Kết thượng hóa cầm, phong thụ nhị chủng trang nghiêm.

(經)舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

(疏)結上化禽風樹二種莊嚴。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế.*

***Sớ**: Tổng kết hai thứ trang nghiêm là chim biến hóa và gió thổi qua cây báu được nói trong phần trước).*

Câu kinh văn này tổng kết [sự việc] chim biến hóa và gió thổi qua cây được nói trong phần trước. Hữu tình và vô tình thuyết pháp, hai thứ trang nghiêm.

(Sớ) Giai bỉ Phật nhân địa nguyện hạnh công đức sở thành tựu dã; hựu biến hóa công đức, Đại Thừa công đức đẳng, tứ chủng thành tựu, như Luận trung thuyết tiền hậu công đức, phồn bất các hệ điều hạ.

(疏)皆彼佛因地願行功德所成就也；又變化功德，大乘功德等，四種成就，如論中說前後功德，繁不各係條下。

*(**Sớ**: Đều do công đức nơi nguyện và hạnh của đức Phật khi tu nhân mà thành tựu. Lại do công đức biến hóa, công đức Đại Thừa v.v... bốn thứ [công đức] thành tựu, còn như trong [Vãng Sanh] Luận đã nói các công đức trước và sau [bốn thứ công đức ấy], do rườm rà nên chẳng nêu rõ điều nào tương ứng với đoạn kinh văn nào).*

"Luận" là Vãng Sanh Luận. Trước hết phải nói đến đại nguyện và đại hạnh của Phật Di Đà trong khi tu nhân. *"Nguyện"* là bốn mươi tám nguyện, *"hạnh"* là tu hành trong năm kiếp, chúng ta đã đọc những điều này từ kinh Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Tiền hậu công đức, phồn bất các hệ điều hạ giả, Thiên Thân tác Vãng Sanh Luận dĩ thích thử kinh.

(演)前後功德繁不各係條下者，天親作往生論以釋此經。

*(**Diễn**: "Các công đức trước và sau [bốn thứ công đức ấy], do rườm rà nên chẳng nêu rõ điều nào tương ứng với đoạn kinh văn nào", ngài Thiên Thân soạn Vãng Sanh Luận để giải thích kinh này).*

Vãng Sanh Luận giải thích kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, vì hai kinh ấy vốn là cùng một bổn. Ngài chú giải rất đơn giản, lời văn chẳng dài lắm, phần trước là kệ tụng, phần sau là trường hàng, *"ngôn giản ý cai"* (言簡意賅), [tức là] ngôn ngữ đơn giản, ý nghĩa hết sức viên mãn, nhưng người sơ học đọc Vãng Sanh Luận vẫn thấy khá khó khăn. Dù xem bản Chú Giải của Đàm Loan đại sư, văn tự cũng khá sâu. Hiện thời, đối với kinh luận Tịnh Độ Tông, khế cơ nhất không gì bằng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư. Vãng Sanh Luận là báo cáo tâm đắc trong tu học của chính Thiên Thân Bồ Tát.

(Diễn) Bỉ luận tụng trung, hữu thập thất chủng công đức thích thử kinh công đức trang nghiêm.

(演)彼論頌中，有十七種功德釋此經功德莊嚴。

*(**Diễn**: Trong phần kệ tụng của luận tụng ấy, có nêu ra mười bảy thứ công đức để giải thích công đức trang nghiêm của kinh này).*

Từ hai kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn, Ngài đã quy nạp vạn đức trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới thành mười bảy loại.

(Diễn) Dĩ tụng đối kinh, tiền hậu giai minh hiển khả tri, cố bất phồn dẫn.

(演)以頌對經，前後皆明顯可知，故不繁引。

*(**Diễn**: Đem bài kệ tụng ấy đối chiếu với kinh thì trước sau đều có thể nhận biết rõ ràng, nên chẳng cần trích dẫn rườm rà).*

Ở đây, Liên Trì đại sư tỉnh lược, chẳng đối chiếu từng điều trong mười bảy thứ công đức được nói trong Vãng Sanh Luận với kinh này. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã đem toàn bộ mười bảy thứ công đức trong Vãng Sanh Luận đối chiếu với kinh, đối chiếu từng điều một.

(Diễn) Độc thử kinh hóa cầm phong thụ nhị chủng trang nghiêm, dẫn đối bỉ tụng, biến hóa Đại Thừa đẳng tứ chủng công đức giả, dĩ bỉ tụng trung, khuyết Phật hóa tác cập vô ác đạo nhị nghĩa, cố kim đặc dẫn dĩ phát minh chi.

(演)獨此經化禽風樹二種莊嚴，引對彼頌。變化大乘等四種功德者，以彼頌中，缺佛化作及無惡道二義，故今特引以發明之。

*(**Diễn**: Chỉ riêng đối với hai thứ trang nghiêm trong kinh này là chim biến hóa và gió thổi qua cây là dẫn phần kệ tụng trong luận ấy để đối chiếu, [nhằm chỉ ra hai thứ trang nghiêm được nói ở đây] tương ứng với bốn thứ công đức như biến hóa, Đại Thừa v.v..., vì luận ấy thiếu phần luận định về hai ý nghĩa "Phật biến hóa" và "chẳng có ác đạo", nên nay đặc biệt dẫn ra để nêu rõ).*

Chúng ta xem đoạn Sao tiếp theo, sẽ thấy rất rõ ràng.

(Sao) Nguyện sở thành giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, tùy kỳ chí nguyện sở dục văn giả, tự nhiên đắc văn", cố điểu thụ giai thành diệu pháp âm dã.

(鈔)願所成者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，隨其志願所欲聞者，自然得聞，故鳥樹皆成妙法音也。

*(**Sao**: "Do nguyện mà thành tựu": Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng đã nguyện: "Khi tôi thành Phật, người trong cõi tôi, tùy theo chí nguyện muốn được nghe, sẽ tự nhiên được nghe". Vì thế, chim và cây đều phát ra pháp âm mầu nhiệm).*

Nói rõ các loài chim, gió và cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều diễn pháp, là do công đức từ bổn nguyện của A Di Đà Phật tạo thành, phần kinh văn bốn mươi tám nguyện là căn cứ [cho nhận định này].

(Sao) Hạnh sở thành giả, Đại Bổn nguyện hậu tu hành. Như vân: "Thường dĩ hòa nhan ái ngữ, nhiêu ích chúng sanh".

(鈔)行所成者，大本願後修行，如云：常以和顏愛語，

饒益眾生。

*(**Sao**: "Do hạnh mà thành tựu": Theo kinh Đại Bổn, sau khi phát nguyện, [ngài Pháp Tạng] tu hành. Kinh chép: "Thường dùng vẻ mặt hiền hòa, lời nói mềm mỏng để tạo lợi ích cho chúng sanh").*

Cổ nhân hình dung *"hòa nhan ái ngữ"* như gió Xuân, như được hưởng gió Xuân. Gặp một vị thiện tri thức, hoặc một vị thầy tốt, thân cận họ, nghe họ giảng giải, dạy bảo, sẽ có cảm nhận như đang hưởng gió Xuân, có ý nghĩa ấy, lợi lạc chúng sanh.

(Sao) Thị dĩ đắc thành phong xuy lâm thụ, giai xuất diệu âm cố. Như vân: Ư Phật, Pháp, Tăng, tín trọng, cung kính, thị dĩ đắc thành chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo cố.

(鈔)是以得成風吹林樹，皆出妙音故。如云：於佛法僧，信重恭敬，是以得成眾生聞者，咸念三寶故。

*(**Sao**: Do vậy, thành ra gió thổi qua rừng cây đều phát ra âm thanh mầu nhiệm. Như nói: "Đối với Phật, Pháp, Tăng, tin tưởng, tôn trọng, cung kính". Do vậy, được thành: Chúng sanh nghe xong đều niệm Tam Bảo).*

Đoạn này nói về công đức được thành tựu bởi đại hạnh của A Di Đà Phật. Nguyện và hạnh đều dựa trên kinh Vô Lượng Thọ để nói, [kinh ấy nói] tường tận hơn những điều được nêu ra ở đây.

(Sao) Biến hóa công đức giả, như Luận tụng vân.

(鈔)變化功德者，如論頌云。

*(**Sao**: "Biến hóa công đức" là như bài tụng trong Vãng Sanh Luận đã nói).*

Trong Luận đã nêu ra mười bảy loại công đức, trong ấy có câu này (*"biến hóa công đức"*). Kệ tụng trong Vãng Sanh Luận có nói:

(Sao) Chủng chủng tạp sắc điểu, các các xuất nhã âm, văn giả niệm Tam Bảo, vong tướng nhập nhất tâm.

(鈔)種種雜色鳥，各各出雅音，聞者念三寶，忘相入一心。

*(**Sao**: Các thứ chim nhiều màu, đều hót tiếng hòa nhã, người nghe niệm Tam Bảo, quên tướng, nhập nhất tâm).*

Những loài chim này do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Luận nói như vậy là có căn cứ. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà đều nói rất rõ ràng: Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có chim thật sự. Chim [bình phàm] thuộc về súc sanh đạo, còn những con chim này là do *"A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu, nên biến tạo ra"*. Vì thế, các con chim thuyết pháp chính là A Di Đà Phật thuyết pháp.

(Sao) Đại Thừa công đức giả, như Luận tụng vân: "Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh", thị dã. Đẳng giả, đẳng hư không cập tánh dã.

(鈔)大乘功德者，如論頌云：大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生，是也；等者，等虛空及性也。

*(**Sao**: "Công đức Đại Thừa": Như bài kệ tụng trong Vãng Sanh Luận có nói: "Giới thiện căn Đại Thừa, bình đẳng, không tên xấu, nữ nhân, và căn thiếu, tánh Nhị Thừa chẳng sanh" là ý này. "Đẳng" nghĩa là tánh như hư không).*

Vãng Sanh Luận cũng có nói như vậy. *"Đại Thừa thiện căn giới"*. Chữ *"đẳng"* [trong câu *"đẳng vô cơ hiềm danh"*] có nghĩa là bình đẳng. Chẳng có những danh xưng đáng chê bai, ghét bỏ, *"cơ hiềm danh"* (譏嫌名: danh xưng đáng chê trách, bị ghét bỏ) chính là danh xưng ác đạo. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là những danh xưng ấy. Nghe danh xưng ấy, chúng ta đều chán ghét, không ưa thích. Thế giới Cực Lạc không chỉ chẳng có ba ác đạo, mà danh xưng ba ác đạo cũng chẳng có. *"Nữ nhân cập căn khuyết"* (Nữ nhân và căn thiếu), *"căn khuyết"* là tàn tật. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân, chẳng có kẻ tàn tật, cũng chẳng có Nhị Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác). Câu này rất trọng yếu! Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là một pháp giới thuần nhất Bồ Tát. Trừ phi quý vị chẳng vãng sanh, chứ đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là Bồ Tát. Chúng ta đã thấy kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần đề cập, trong bốn mươi tám nguyện cũng nói rõ ràng, thế giới ấy xác thực là Nhất Chân pháp giới. Kinh lại còn nhiều lượt nói rõ, người bên

ấy *"hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức"* (đều cùng tuân hành tu tập đức của Phổ Hiền đại sĩ). Nói cách khác, trong thế giới Cực Lạc, toàn bộ đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát rất đông, có địa vị Sơ Tín, địa vị Nhị Tín, cho đến Đẳng Giác. Từ địa vị Sơ Tín đến địa vị Đẳng Giác có năm mươi mốt cấp bậc, toàn bộ đều là Phổ Hiền Bồ Tát, đều tu đức của Phổ Hiền đại sĩ. Kinh Hoa Nghiêm gọi đức của Phổ Hiền đại sĩ là Thập Đại Nguyện Vương.

Do vậy, các đồng tu cầu sanh Tịnh Độ, chớ nên không biết *"Phổ Hiền đại sĩ chi đức"*. Tốt nhất là hãy nên tu học, vì tu học [hạnh nguyện Phổ Hiền] thì mới đồng tâm, đồng nguyện, đồng hạnh với các vị thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nguyện tương đồng là điều rất trọng yếu. Vì lẽ đó, cư sĩ Ngụy Nguyên đã ghép phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện vào sau ba kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Tổ Ấn Quang lại thêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm vào sau bốn kinh Tịnh Độ, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, do vậy mà có ngũ kinh. Năm kinh một luận là kinh điển Tịnh Tông đầy đủ nhất, sau này chẳng cần thêm vào nữa, đã viên mãn rồi! Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương gồm hai trăm bốn mươi chữ là Tâm Kinh của Tịnh Độ. Chư vị phải biết: Tịnh Tông là tinh hoa trong giáo pháp suốt một đời đức Phật. Đã là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông thì phải là Tâm Kinh của toàn thể Phật pháp, chẳng biết công đức lớn hơn Bát Nhã Tâm Kinh bao nhiêu lần. Người bình phàm chẳng biết điều này. Nếu thật sự hiểu rõ, vì lợi ích thiết thực trong sự tu học của chúng sanh trong hiện thời, trong khóa tụng hoặc trong pháp hội, hãy nên đổi Tâm Kinh thành Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương thì mới là đúng. Tâm Kinh là tinh hoa của Đại Bát Nhã, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là tinh hoa của toàn thể Đại Tạng Kinh, [Tâm Kinh] chẳng thể sánh bằng! Nghi thức khóa tụng do cổ nhân định ra nhằm khế hợp căn tánh chúng sanh trong thời đại ấy. Họ tu Bát Nhã, tu Pháp Tướng có thể đạt được một chút thành tựu. Họ định ra công khóa ấy, nay chúng ta tu, chẳng đạt được hiệu quả, nếu chính mình phản tỉnh, kiểm điểm chuyện này, sẽ phát hiện và cũng thừa nhận.

Chúng ta niệm kinh Kim Cang, niệm Tâm Kinh, có mấy ai có thể làm được *"Sắc tức là Không, Không tức là Sắc"*? Quý vị chẳng Không được, chẳng làm nổi! Kinh Kim Cang nói: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, quý vị có thể làm được hay không? Kinh chẳng sai lầm, chỉ là chẳng khế hợp căn tánh của người hiện thời. Người

hiện thời vọng tưởng, chấp trước tăng trưởng hơn người trong quá khứ ngàn vạn lần! Trước kia, xã hội đơn thuần, chẳng suy nghĩ loạn xạ; xã hội hiện tại quá phức tạp, bất cứ chuyện nhỏ nhặt nào xảy ra ở bất cứ đâu trên toàn thể thế giới, TV, báo chí đều loan tải, quý vị biết ngay lập tức. Xưa kia, nơi xa xôi xảy ra chuyện, mấy tháng sau còn chưa biết. Do không biết, tâm thanh tịnh! Khi biết chuyện ít, phiền não sẽ ít. Biết nhiều người, lắm nỗi thị phi! Trước kia, giao thông chẳng thuận tiện, chẳng quen biết nhiều người cho lắm, sống ở nơi này, ở chỗ quanh đây mấy dặm đường thì biết, hễ xa hơn một chút sẽ không biết. Chẳng có phương tiện giao thông, phải đi bộ, rất vất vả, mỗi ngày đi được ba bốn chục dặm [là cùng]! Vì thế, chẳng có chuyện gì cần thiết, họ cũng chẳng đi xa, thôn trang này và thôn trang kia cho đến già chết chẳng qua lại với nhau, tâm họ thanh tịnh lắm! Hiện thời, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, đi lung tung khắp nơi trên toàn thế giới, thấy rất nhiều, nghe rất nhiều, thị phi phiền não quá nhiều, quả thật chẳng bằng trước kia!

Đối với thế giới Tây Phương, chúng sanh trong chín pháp giới chỉ cần trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng có ai không vãng sanh. Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng, sau khi sanh về nơi ấy, đều là thân sắc vàng, tướng mạo giống hệt như Phật, cư trụ, ăn uống, quần áo, hưởng thụ cũng tương đồng, chẳng có điều gì khác biệt. Trong hết thảy các cõi Phật khắp mười phương, chẳng có chuyện này. Mười phương các cõi Phật gần giống như cõi Sa Bà, sự hưởng thụ vật chất và tinh thần tùy thuộc sự tu trì của quý vị mà đạt được, bất bình đẳng. [Chỗ bất bình đẳng trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới là công phu đoạn chứng bất bình đẳng, công phu nội chứng từ địa vị Sơ Tín cho đến địa vị Đẳng Giác là năm mươi mốt cấp bậc, đó là bất bình đẳng, nhưng bên ngoài hoàn toàn bình đẳng, chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin! *"Đẳng hư không cập tánh"* (Tánh bình đẳng, như hư không).

(Diễn) Hư không công đức giả. Tụng vân: "Vô lượng bảo giao lạc, la võng hư không trung, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm". Tánh công đức giả, chánh đạo đại từ bi, xuất sanh thiện căn cố.

(演)虛空功德者，頌云：無量寶交絡，羅網虛空中，種種鈴發響，宣吐妙法音。性功德者，正道大慈悲，出生善根故。

(***Diễn***: *"Hư không công đức": Bài kệ [trong Vãng Sanh Luận] có*

đoạn: "Vô lượng báu giăng xen, lưới mành phủ hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm". "Tánh công đức" là chánh đạo đại từ bi, xuất sanh các căn lành).

Bài kệ trên đây nói về công đức trên hư không, lưới mành giao xen trên không trung, ở mỗi chỗ mành lưới giao tiếp, buộc một cái linh báu. Gió thổi linh báu phát ra âm thanh cũng là diệu âm thuyết pháp. *"Chánh đạo đại từ bi, xuất sanh thiện căn cố"* (Chánh đạo đại từ bi, xuất sanh các căn lành), đó là tánh công đức, tức Chân Như bản tánh. Những điều này nhằm bổ sung những chỗ đại sư chưa trích dẫn đầy đủ trong phần trước để chúng ta có thể thấy ý nghĩa hoàn chỉnh. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

Tập 182

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi mốt:

(Sao) Tiền hậu như thị công đức trang nghiêm hạ, bất các hệ luận tụng, dĩ kim tụng nhất khuyết hóa tác, nhị khuyết ác đạo, cố đặc minh chi. Ngôn chúng điểu xuất âm, nhược phi Phật tác, yên năng thính giả vong tướng nhất tâm dã.

(鈔)前後如是功德莊嚴下，不各係論頌，以今頌一缺化作，二缺惡道，故特明之。言眾鳥出音，若非佛作，焉能聽者忘相一心也。

*(**Sao**: Từ câu "các công đức trước và sau hai thứ trang nghiêm như thế, chẳng đối chiếu với bài tụng trong Vãng Sanh Luận [để trình bày từng điều]" vì bài tụng một là thiếu ý [các loài chim ấy do đức Phật] hóa thành, hai là thiếu ý [chúng không thuộc về] ác đạo, nên đặc biệt giảng rõ. Nói các loài chim phát ra âm thanh, nếu chẳng phải là do Phật biến hóa thì làm sao có thể khiến cho người nghe quên tướng, nhất tâm được?)*

Đoạn này nhằm giải thích câu *"như luận trung thuyết tiền hậu công đức, phồn bất các hệ"* (như đối với các thứ công đức trước và sau bốn thứ công đức (biến hóa, Đại Thừa, hư không, và tánh công đức) [được nói trong luận Vãng Sanh], do rườm rà nên chẳng đối chiếu từng

điều [với chánh kinh] để giải thích những sự trang nghiêm). *"Chúng điểu xuất âm"* (Các loài chim phát ra âm thanh), ở đây bổ sung thêm một câu: Nếu chúng chẳng do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra, sẽ chẳng có năng lực nhiếp thọ rất lớn. Chim thuyết pháp, chúng ta nghe xong, có thể khế nhập chân tánh, tự nhiên nẩy sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, có sức mạnh nhiếp thọ to lớn dường ấy, nhất định chúng là do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Vì người vãng sanh, địa vị là Đẳng Giác Bồ Tát cao cả, hãy nghĩ xem ai có tư cách thuyết pháp cho Đẳng Giác Bồ Tát? Đương nhiên là A Di Đà Phật! Chúng ta phàm phu vãng sanh chẳng kể vào đâu, nhưng người từ mười phương thế giới vãng sanh, có không ít vị là Đẳng Giác Bồ Tát, số lượng chúng sanh trong chín pháp giới vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là vô lượng vô biên.

(Sao) Bất vân ác đạo, dĩ nhân trung thượng vô nữ nhân, thánh trung thượng vô tiểu thánh.

(鈔)不云惡道，以人中尚無女人，聖中尚無小聖。

*(**Sao**: Chẳng nói tới ác đạo, vì trong loài người [nơi cõi Cực Lạc] còn không có nữ nhân, trong các vị thánh [bên cõi ấy] còn chẳng có hàng tiểu thánh).*

"Tiểu thánh" là nói về Thanh Văn và Duyên Giác. Nữ nhân đau khổ, nhiều nỗi thống khổ hơn nam nhân, nhất là những người sống trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, chẳng phải là thời đại hiện tại. Trong kinh có nhiều cách nói, đức Phật ứng cơ thuyết pháp. Trong thời đại ấy, quyền hạn của nam giới vượt xa nữ quyền, nữ nhân chẳng thể ra khỏi cửa, không như hiện thời nam nữ bình đẳng, nữ nhân cũng làm Tổng Thống, trong quá khứ chẳng thể nào! Trạng huống xã hội khác nhau, đức Phật thuyết pháp cũng khác. Nói tóm lại, xã hội quá khứ đề cao nam quyền, địa vị của nữ nhân khá thấp, chịu nhiều bó buộc, cho thấy đau khổ vô hạn! Vì thế, kinh thường nói người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân, trong các vị thánh, chẳng có hàng tiểu thánh, lấy đâu ra ác đạo? Đương nhiên là sẽ chẳng có ác đạo.

(Sao) Tiền hậu minh hiển khả tri, cố bất phồn hệ.

(鈔)前後明顯可知，故不繁係。

*(**Sao**: Trước sau đều rõ ràng có thể biết, nên chẳng rườm lời dẫn chứng).*

Trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những chuyện này đều [được nói] rất rõ ràng.

(Sao) Hựu chánh báo nhị công đức, tại "như thị trang nghiêm" điều ngoại, cố diệc bất hệ.

(Diễn) Chánh báo nhị công đức, vị thượng thủ công đức, đại chúng công đức.

(鈔)又正報二功德，在如是莊嚴條外，故亦不係。

(演)正報二功德，謂上首功德、大眾功德。

*(**Sao**: Lại nữa, hai thứ công đức nơi chánh báo do nằm ngoài phạm vi của câu "trang nghiêm như thế" ở đây, nên cũng chẳng trích dẫn Vãng Sanh Luận để đối chiếu, trình bày.*

***Diễn**: Hai thứ công đức nơi chánh báo là công đức của bậc thượng thủ và công đức của đại chúng).*

Hai thứ công đức này được nói trong phần trước của kinh này.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh Bát Nhã châu biến pháp giới, thị điểu thụ thuyết pháp nghĩa.

(疏)稱理，則自性般若周遍法界，是鳥樹說法義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh Bát Nhã trọn khắp pháp giới là ý nghĩa chim và cây thuyết pháp).*

Đoạn kế tiếp là tiêu quy tự tánh, nói xứng tánh.

(Sao) Thủ Lăng Nghiêm Sao vân: "Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai, dĩ tâm ngoại vô vật, vật tức thị tâm, đản tâm ly phân biệt, tức thị chánh trí Bát Nhã, châu biến pháp giới, vô hữu chướng ngại".

(Diễn) "Nhược năng chuyển vật" nhị cú, thị Lăng Nghiêm kinh văn. Văn vân: "Nhất thiết chúng sanh, mê kỷ vị vật, vị vật sở chuyển. Thị cố ư trung, quán đại, quán tiểu, nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai".

(鈔)首楞嚴鈔云：若能轉物，即同如來。以心外無物，物即是心，但心離分別，即是正智般若，周遍法界，無有障礙。

(演)若能轉物二句，是楞嚴經文。文云：一切眾生，迷己為物，為物所轉，是故於中，觀大觀小，若能轉物，即同如來。

*(**Sao**: Thủ Lăng Nghiêm Sao[3] giảng: "Nếu có thể chuyển vật, liền giống như Như Lai, là vì ngoài tâm chẳng có vật, vật chính là tâm, nhưng tâm lìa phân biệt, chính là chánh trí Bát Nhã, trọn khắp pháp giới, chẳng có chướng ngại".*

***Diễn**: Hai câu "nếu có thể chuyển vật…" chính là kinh văn trong Lăng Nghiêm. Kinh văn như sau: "Hết thảy chúng sanh do mê mất chính mình, ngỡ là vật, bị vật xoay chuyển. Do vậy, thấy lớn, thấy nhỏ. Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai").*

Các đạo lý và sự tướng này trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới, nhưng người có thể lãnh ngộ rốt cuộc vẫn là thiểu số. Kinh Lăng Nghiêm nói lời chân thật. Cổ đức Trung Hoa rất tán thán kinh Lăng Nghiêm: *"Khai huệ Lăng Nghiêm, thành Phật Pháp Hoa"*. Vì sao nói kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ? Kinh Lăng Nghiêm từ đầu tới cuối đều là các đệ tử cùng Thích Ca Mâu Ni Phật biện luận, chẳng phải là hàng đệ tử nêu ra nghi vấn rồi Thích Ca Mâu Ni Phật giải đáp, mà là Thích Ca Mâu Ni Phật nêu vấn đề hỏi học trò. Chúng ta nghe các Ngài một hỏi, một đáp, sẽ có thể khai trí huệ. Hỏi rất cao minh, đáp càng mầu nhiệm.

Vì sao nói *"thành Phật Pháp Hoa"*? Vì trong các kinh Đại Thừa thông thường luôn nói *"Nhất Xiển Đề không thể thành Phật"*. Nhất Xiển Đề là "chẳng có thiện căn". Cách nói này có nghĩa là thành Phật phải có điều kiện: Nếu là Nhất Xiển Đề, người ấy chẳng có tư cách thành Phật. Đó là trong quá khứ, khi giáo học, đức Phật đã nói quyền biến, nói phương tiện như vậy, cũng nhằm khích lệ đại chúng. Đến hội Pháp Hoa, đức Phật hoàn toàn nói lời thật, chẳng giấu diếm mảy may; vì thế, Ngài nói: *"Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật"*, như vậy thì Phật pháp mới viên mãn. Dùng kinh Pháp Hoa để ấn chứng kinh điển Tịnh Độ, ý nghĩa chân thật được triệt để hiển lộ, tín tâm của chúng ta được hoàn toàn kiến lập, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Nhất Xiển Đề là hạng người nào? Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể

[3] Bộ sách này có tên gọi đầy đủ là Lăng Nghiêm Kinh Nghĩa Sớ Thích Yếu Sao, gồm sáu quyển, do ngài Hoài Viễn viết vào đời Tống.

vãng sanh, hễ vãng sanh vẫn là viên chứng ba món Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Chư vị phải hiểu kinh Pháp Hoa nói Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật, do dựa vào đâu? Dựa vào pháp môn Niệm Phật vãng sanh này, nói đến hạng người thấp nhất. Kinh Hoa Nghiêm nói về hạng người cao nhất, tức là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, ngay cả Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều niệm Phật cầu sanh về Tây Phương, đó là hạng tột đỉnh! Kinh Pháp Hoa nói về hạng Nhất Xiển Đề, thấp nhất! Từ cao nhất đến thấp nhất, đúng là thích hợp khắp cả ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều được thâu gồm. Cổ nhân nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ, lời ấy hết sức hữu lý. Lăng Nghiêm là một bộ kinh điển thuần túy truy cầu chân lý vũ trụ và nhân sinh, nên kinh ấy là một bộ sách khai trí huệ của nhà Phật.

Nói theo chân tướng sự thật, hết thảy vạn vật là chính mình, hết thảy vạn vật đều là chính mình. Nói thật ra, đối với cảnh giới trước mắt, chúng ta hoàn toàn chẳng nhìn thấy rất viên mãn. Nếu đã có Thiên Nhãn thì Thiên Nhãn vẫn chia thành các đẳng cấp. Thiên Nhãn của bậc A La Hán trở lên sẽ thấy ngoại cảnh khác với chúng ta. Còn có nhiều cảnh giới chúng ta chẳng nhìn thấy, chẳng phát hiện, phạm vi quan sát bởi Thiên Nhãn của các Ngài lớn hơn chúng ta khá nhiều. Thông thường, một vị A La Hán có thể thấy một tiểu thiên thế giới. Vị Thiên Nhãn bậc nhất trong các A La Hán là ngài A Na Luật, Thiên Nhãn của Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Ngài có năng lực như vậy; nhưng vẫn chưa phải là rốt ráo viên mãn. Rốt ráo viên mãn là [trông thấy] tận hư không khắp pháp giới vô lượng vô biên hằng sa cõi nước. Điều này do đâu mà có? Từ trong tâm của chính chúng ta biến hiện, chẳng đến từ bên ngoài. Tâm của chính mình có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến. Cái có thể biến (năng biến) là chủ nhân, cái được biến (sở biến) là vạn vật. Hiện thời, hết thảy chúng sanh mê hoặc, điên đảo, mê như thế nào? *"Mê kỷ vị vật"* (Mê mất chính mình, ngỡ là vật), nên bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng biết hết thảy cảnh giới do chính mình biến hiện. Giống như nằm mộng, trong mộng chẳng biết chính mình đang nằm mơ, không biết cảnh giới trong mộng toàn là do chính mình biến ra, vẫn bị người khác sắp đặt, bị cảnh giới xoay chuyển, rất oan uổng! Đức Phật dạy chúng ta phải nhận rõ chân tướng sự thật, thật sự hiểu rõ chân tướng: Vạn vật vốn là chính mình, chính mình là vạn vật, tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một.

Nếu có thể khẳng định những điều trên đây, chẳng hoài nghi, trong Phật pháp gọi là *"chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân"*. Pháp là vạn pháp, Thân là thân thể. Vạn pháp là cái thân của ta, thân ta là vạn pháp, đó gọi là *"chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân"*. Hoàn toàn chẳng phải là nói thanh tịnh Pháp Thân Phật vẫn còn có hình tướng, [nếu hiểu Pháp Thân còn có hình tướng] thì sai mất rồi! Hiện thời, chúng ta tạc tượng Tỳ Lô Giá Na Phật là Pháp Thân Phật, cũng là do chẳng có cách nào, đành tạc một bức tượng Phật bày ra đó. Thật ra, Pháp Thân là gì? Pháp Thân là tận hư không khắp pháp giới là một thân, cho nên Pháp Thân vô tướng, mà cũng chẳng phải là không có tướng. Tận hư không khắp pháp giới mới là tướng của Pháp Thân, tướng ấy tạc theo cách nào đây? Chẳng có cách nào tạc; bởi lẽ, Pháp Thân vô tướng. Báo Thân còn có tướng, Báo Thân là chứng đắc. Báo Thân và Ứng Hóa Thân có tướng. Pháp Thân chẳng có tướng, Pháp Thân là hư không pháp giới, là diện mạo vốn có của chính mình. *"Nếu có thể chuyển vật, tức giống như Như Lai"*, đấy là mê và ngộ. Mê bèn bị vật xoay chuyển; đã ngộ bèn có thể chuyển vật.

(Diễn) "Dĩ tâm ngoại vô vật" lục cú, thị Sao trung thích từ.

(演)以心外無物六句，是鈔中釋辭。

*(**Diễn**: Sáu câu "do ngoài tâm chẳng có vật…" là lời giải thích trong [Lăng Nghiêm Kinh] Sao).*

Sáu câu được trích dẫn ấy là lời giải thích trong Lăng Nghiêm Kinh Sao.

(Diễn) Tâm ngoại vô vật, vật tức thị tâm, thị minh sắc tâm bất nhị.

(演)心外無物，物即是心，是明色心不二。

*(**Diễn**: Ngoài tâm chẳng có vật, vật chính là tâm, nói rõ sắc và tâm chẳng hai).*

Sắc là Tướng Phần của tâm. Tâm là bản thể của sắc pháp. Đối với Sắc đang được nói ở đây, nay chúng ta nói là vật chất, nhưng vật chất vẫn chưa chắc đã có thể bao hàm [trọn vẹn ý nghĩa] của chữ này, vì hiện thời còn có phi vật chất vẫn được bao gồm trong chữ Sắc của Phật pháp. Ví như lục trần, trong Phật pháp, lục trần đều được gọi là Sắc. Những cái

mà mắt có thể thấy được thì gọi là Sắc Trần, những gì tai có thể nghe được thì gọi là âm thanh, âm thanh cũng dùng chữ Sắc này để bao quát. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, dùng một chữ Sắc để bao quát lục trần. Đối với chữ Sắc này, dùng từ ngữ "hết thảy vật chất" để nói, vẫn chưa thể bao quát trọn hết. Mũi chúng ta ngửi hương, thân thể đụng chạm, tức là nói tới nhiệt độ biến đổi: Luồng khí lạnh tràn tới, chúng ta cảm thấy lạnh; mùa hè nhiệt độ cao, chúng ta cảm thấy nóng. Lạnh và nóng thuộc về Xúc Trần, những điều này thường là mắt chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe đến, thân thể chúng ta có cảm xúc nóng và lạnh, tất cả những điều này đều bao gồm trong một chữ Sắc. Tâm là cái có thể sanh (năng sanh), Sắc là cái được sanh (sở sanh), Sắc và Tâm là một, chẳng hai, là một. Sắc là Tâm, Tâm là Sắc. Cổ nhân dùng vàng và các món vật [bằng vàng] để tỷ dụ, thường nói là *"dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng"*. Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Dùng vàng ròng làm thành rất nhiều vòng đeo tay, vòng đeo cổ, nhẫn, bất luận quý vị làm thứ gì, làm nhiều đến mấy đi nữa, chất liệu của chúng đều là vàng. Tuy lục trần vô lượng vô biên, chúng đều do tâm biến hiện. Do vậy, ngoài tâm chẳng có vật ư? Chẳng có! Ngoài vật cũng chẳng có tâm. Vì tâm là vật, vật là tâm; tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một. Ngoài chính mình ra, chẳng tìm được thứ gì khác. Đó là chân tướng sự thật.

(Diễn) Đản ly phân biệt, tức thị Bát Nhã.
(演)但離分別，即是般若。
*(**Diễn**: Chỉ lìa phân biệt, tức là Bát Nhã).*

Phải như thế nào thì mới có thể thấy chân tướng? Như thế nào thì mới có thể tìm thấy chính mình thật sự? Nhà Thiền nói là *"phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục"* (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra) là nói về điều này. Như thế nào thì mới có thể tìm được? Đức Phật dạy: Chỉ cần quý vị lìa phân biệt. Trong phân biệt còn bao gồm vọng tưởng. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Sở dĩ hết thảy chúng sanh chẳng thể chứng đắc Thật Tướng (chẳng hiểu chân tướng sự thật) là vì bị vọng tưởng, chấp trước chướng ngại. Lìa phân biệt là lìa vọng tưởng, chấp trước. Trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, sẽ khởi tác dụng là trí huệ Bát Nhã. Do vậy có thể biết: Vọng tưởng, chấp trước vẫn còn, chắc chắn quý vị chẳng có trí huệ thật sự. Trí huệ Bát Nhã là trí huệ lưu lộ từ chân tâm. Chẳng xả lìa vọng tưởng, chấp trước, trí huệ của quý

vị lưu xuất từ tâm ý thức, chẳng phải là trí huệ thật sự, kinh Phật gọi trí huệ ấy là Thế Trí Biện Thông. Trí huệ chân thật thì nhất định phải là kiến tánh. Chẳng kiến tánh, sẽ chẳng có trí huệ!

Vì lẽ đó, A La Hán chẳng có trí huệ, Bích Chi Phật chẳng có trí huệ, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng có trí huệ, vì sao? Chưa kiến tánh. Tuy có Định, công phu định lực vẫn chẳng đủ, chỉ có thể tạm thời khuất phục vọng tưởng, chấp trước. Nếu công phu định lực sâu hơn một tầng, bèn khai trí huệ, khai trí huệ là minh tâm kiến tánh. Thiền gia nói là "minh tâm kiến tánh", nhưng Giáo Hạ chẳng gọi là minh tâm kiến tánh, mà gọi là "đại khai viên giải". Đại khai viên giải là khai trí huệ, có cùng một cảnh giới với minh tâm kiến tánh của Thiền gia và Lý nhất tâm bất loạn của Tịnh Độ Tông. Chỉ là cách nói khác nhau, danh từ khác nhau, nhưng thật ra cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Sự nhất tâm bất loạn tương đương với A La Hán, Niệm Phật tam-muội là công phu định lực có thể chế phục phiền não, nhưng chẳng khai huệ. Lý nhất tâm liền khai huệ, trí huệ Bát Nhã hiện tiền, hiểu rõ thông đạt chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

(Diễn) Vô hữu chướng ngại, thị minh ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới.

(演)無有障礙，是明離念相者，等虛空界。

*(**Diễn**: Chẳng có chướng ngại, là nói tướng của ly niệm bằng với hư không giới).*

Chẳng có chướng ngại, kinh Hoa Nghiêm nói bốn thứ vô ngại: Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, và Sự Sự vô ngại. Đó mới là thật sự giải thoát, chân thật tự tại. Hàng Nhị Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) chỉ đạt được món thứ nhất trong bốn món vô ngại ấy, tức là Sự vô ngại. A La Hán và Bích Chi Phật vô ngại đối với Sự, nên các Ngài có thể phân thân, có thể biến hóa. Chúng ta xem Tây Du Ký, thấy Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, nhưng thần thông biến hóa của A La Hán chẳng biết đã vượt trỗi Tôn Ngộ Không bao nhiêu lần! A La Hán có thể biến hóa, có thể phân thân, chẳng bị chướng ngại nơi Sự, nhưng còn bị chướng ngại nơi Lý, vì sao? Các Ngài chưa kiến tánh, chẳng có trí huệ.

Đại Thừa Bồ Tát đối với Lý chẳng bị chướng ngại, nhưng chướng ngại nơi Sự, đó là nói tới hàng Đại Thừa Quyền Giáo Bồ Tát chưa kiến tánh; hễ kiến tánh, đương nhiên sẽ chẳng bị chướng ngại nơi Sự. Ngài A

Nan có trí huệ, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng đến cuốn thứ ba, Ngài liền nói kệ tán thán đức Phật, đã ngộ Lý. Tuy đã hiểu Lý, khai ngộ, nhưng về Sự thì chưa thể đoạn phiền não. Do tham, sân, si, mạn vẫn có, nên vẫn bị chướng ngại về Sự. Tôn giả Phú Lâu Na nghe ngài A Nan thuyết kệ tán Phật, [chứng tỏ ngài A Nan] đã khai ngộ, Ngài cũng rất nghi hoặc: "A Nan là Sơ Quả, ta đã chứng Tứ Quả, mà nghe chẳng hiểu, chẳng khai ngộ, cớ sao thầy ấy khai ngộ?" Đức Phật bảo ngài Phú Lâu Na: A Nan là kẻ Phiền Não Chướng nặng nề, Sở Tri Chướng nhẹ nhàng, vừa nghe đức Phật thuyết pháp bèn khai ngộ. Tuy khai ngộ, nhưng thiếu công phu định lực, nên chẳng thể đoạn phiền não, vẫn là Sơ Quả. Tôn giả Phú Lâu Na thì Phiền Não Chướng nhẹ nhàng, Sở Tri Chướng nặng nề, nên đức Phật dạy cho Ngài một phương pháp. Ngài tu Định có thể đoạn phiền não, nhưng giảng đạo lý Đại Thừa Phật pháp cho Ngài nghe, Ngài không hiểu, chẳng thể khai ngộ. Chúng ta mới hiểu: Hết thảy chúng sanh thuộc các chủng loại mê hoặc khác nhau, cạn sâu khác biệt. Có những người nghe kinh, nghe rất hứng thú, nghe xong liền hiểu ngay, là do Sở Tri Chướng mỏng manh. Có những người tu rất khá, nhưng nghe kinh chẳng hiểu, giống như ngài Phú Lâu Na. Có những người nghe kinh liền hiểu, nghe xong rất hoan hỷ, nhưng bảo họ hãy nghiêm túc tu hành, họ gặp rất nhiều khó khăn, đó là do Phiền Não Chướng nặng nề, Sở Tri Chướng nhẹ nhàng. Nhìn từ chỗ này, có thể thấy chúng ta có tập khí trong đời đời kiếp kiếp khác nhau. Sau khi kiến tánh, sẽ là Lý Sự vô ngại, tức là Đại Thừa Thật Giáo Bồ Tát. Sau khi đăng địa (chứng Sơ Địa) mới là Sự Sự vô ngại, tự tại chẳng khác Phật cho mấy. Bốn thứ vô ngại có tầng cấp, đẳng cấp như vậy, nếu muốn đạt tới cảnh giới ấy, đích xác chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Nhưng pháp môn Niệm Phật rất đặc biệt, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, lập tức chứng đắc Lý Sự vô ngại và Sự Sự vô ngại, lạ lùng thay! Do đó, pháp môn này được gọi là "pháp khó tin". Khó tin mà dễ hành, nương theo phương pháp này, tu hành vô cùng dễ dàng, dễ hơn bất cứ pháp môn nào khác, thành tựu thù thắng khôn sánh, từ Đại Kinh chúng ta thấy được điều này. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông và đạo lực chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy, gần như bằng với A Di Đà Phật, chuyện này chẳng dễ khiến cho người ta tin tưởng. Nói theo phương diện Sự vô ngại, [thông thường là bậc Tu Đà Hoàn] bảy lần sanh tử trong cõi trời và nhân gian mới chứng quả A La Hán, mới chứng Sự vô

ngại; quý vị niệm Phật vài ngày, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Sự Sự vô ngại, khiến cho người ta nghe chuyện này, chẳng phục cho lắm. Vì thế, người không tin tưởng pháp môn này rất nhiều. Dường như là do đạt được quá dễ dàng, [nên họ chẳng tin tưởng], chẳng biết trong ấy có đạo lý rất sâu. Đối với lý luận của Tịnh Tông, trong kinh đức Phật đã nói: *"Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo"*, tuyệt đối chẳng phải là chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào sức của chính mình mà hòng hiểu được! Chúng ta thấy điều này từ kinh Vô Lượng Thọ. Có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, đó là thiện căn và phước đức khôn sánh. Do đó, kẻ bình phàm không tin, chúng ta chớ nên trách móc họ. Hãy nên biết: Họ không tin tưởng, đó là một hiện tượng rất tự nhiên. Pháp khó tin mà ai nấy đều tin thì làm sao gọi là pháp khó tin cho được? Bản thân chúng ta tin tưởng, [nguyên do là vì] thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta và họ khác nhau. Vì thế, kẻ bình phàm chẳng tin, những tông phái khác [chẳng tin pháp môn này], đó là chuyện đáng phải nên như vậy, là hiện tượng tất nhiên, mà cũng trọn chẳng kỳ quái tí nào!

Nhất định phải lìa phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì Bát Nhã mới có thể hiện tiền, mới chẳng bị chướng ngại. Phương pháp tu hành của Tịnh Tông quả thật đã tương ứng với nguyên tắc ấy, không mưu tính trước mà ngầm hợp. Tu học trong Tịnh Tông là dạy chúng ta *"một bề chuyên niệm"*, chuyên niệm A Di Đà Phật, chẳng còn phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, tương ứng với nguyên tắc ấy. Niệm thành công, ắt sẽ đạt được quả báo "chẳng có chướng ngại". Vì thế, sanh về Tây Phương chứng đắc pháp giới bình đẳng, chẳng phải là vô lý mà là có lý.

(Diễn) Sao ý vị kinh sở vân "chuyển vật" giả, phi thị hữu vật khả chuyển, cái dĩ tâm ngoại tịnh vô hữu vật, nhất thiết vật giai tức thị tâm, nhi sở dĩ kiến hữu vật giả, dĩ tâm sanh phân biệt cố. Đản nhất niệm bất sanh, toàn thể tức tự hiển hiện. Sở dĩ kinh thuyết: "Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai" dã.

(演)鈔意謂經所云轉物者，非是有物可轉，蓋以心外並無有物，一切物皆即是心。而所以見有物者，以心生分別故。但一念不生，全體即自顯現。所以經說，若能轉物，即同如來也。

(***Diễn***: *Lời Sao có nghĩa là: Kinh nói "chuyển vật", chẳng phải là có vật để có thể chuyển; bởi lẽ, ngoài tâm trọn chẳng có vật, hết thảy*

các vật đều chính là tâm. Sở dĩ thấy có vật là do tâm sanh phân biệt. Nhưng một niệm chẳng sanh, toàn thể bèn tự hiển hiện. Do đó, kinh nói: "Nếu có thể chuyển vật, ắt giống như Như Lai").

"Chuyển vật giả, phi thị hữu vật khả chuyển" (Chuyển vật: Chẳng phải là có vật để có thể chuyển). Nói rất hay, có vật hay không? Chẳng có vật! Thật ra là chuyển gì? Chuyển đổi quan niệm của chúng ta. Chư vị phải hiểu đạo lý này, chẳng phải là thật sự chuyển vật, mà là chuyển ý niệm của chúng ta. *"Tâm ngoại tịnh vô hữu vật"* (Ngoài tâm trọn chẳng có vật), người hiện thời rất khó lý giải câu này, mà cũng chẳng có cách nào tiếp nhận. Quý vị nói *"ngoài tâm chẳng có vật"*, vậy thì những thứ này là gì? Những người này chẳng phải là vật ư? Bày rành rành trước mặt, cớ sao chẳng phải là vật? Lý này rất sâu, kẻ bình phàm chẳng thể hiểu rõ, xác thực là ngoài thân chẳng có vật. Những vật ấy là gì? Tuy kinh Kim Cang nói rất thấu triệt, chúng ta cũng đọc rất quen thuộc, nhưng vẫn như cũ, chẳng thể đích thân chứng cảnh giới ấy! Kinh Kim Cang nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Lại nói: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Chúng ta luôn thấy chúng là thật. Nói chân thật thì hết thảy những tướng biến hiện trước mắt đúng là như mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng thật sự tồn tại. Các nhà khoa học hiện thời đã hiểu rõ, đã chứng thực, tuy vẫn chưa đạt tới cảnh giới như kinh Phật đã nói, nhưng đã dần dần tiếp cận.

Trước đây, các nhà khoa học tưởng là thế gian này có vật chất, tất cả hết thảy tướng hiện ra đều do các vật chất cơ bản hợp thành nguyên tố. Từ nguyên tố hợp thành hết thảy các tướng vật chất. Đó là cách nói trước kia. Những năm gần đây, họ lại tiến một bước lớn, [nhận biết] sự quan sát trước kia vẫn là sai lầm, về căn bản chẳng có vật chất tồn tại. Vật chất là gì? Khoa học gia hiện thời nói đó là quang tử chấn động, dao động. Hiện thời, họ công nhận tất cả những tướng vật chất biến hiện đều là dao động, trên thực tế, chẳng có vật chất tồn tại, điều này rất gần với cách nói trong Phật pháp. Duy Thức nói: *"Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng"*. Đối với Kiến Phần và Tướng Phần trong A Lại Da Thức, nay chúng ta gọi Kiến Phần là tâm, tức tâm pháp, Tướng Phần là sắc pháp, nay chúng ta nói là vật chất. Tâm pháp là tinh thần, tinh thần và vật chất là một, không hai. Tâm và vật có cùng một nguồn, cùng một Tự Chứng Phần, Tự Chứng Phần chính là chân tâm, bản thể. Vạn hữu trong vũ trụ chỉ có một bản thể,

Phật pháp gọi bản thể ấy là Chân Như bản tánh, còn gọi là *"chân tâm lý thể"*, những thứ này đều là huyễn tướng được hiện ra [bởi bản thể ấy].

Vì sao gọi là huyễn tướng? Vì các tướng ấy chẳng tồn tại vĩnh hằng. Nay chúng ta thấy rõ ràng những tướng ấy dường như tồn tại rất lâu; thật ra, chúng biến hóa trong từng sát-na, chẳng phải là bất biến. Nói thật ra, Tướng Phần do chúng ta trông thấy giống như Tướng Phần trên màn bạc trong điện ảnh. Tướng Phần ấy sanh diệt trong từng sát-na, nhưng chúng ta thấy sai lầm, vì tướng của chúng là tướng liên tục dấy lên, [cho nên chúng ta cảm thấy] tợ hồ chúng tồn tại trong một khoảng thời gian, thật ra chẳng phải vậy. Kinh Lăng Nghiêm đã nêu ra chân tướng sự thật: *"Sanh ra từ đâu, bèn diệt mất từ nơi đó"*. Nếu đối với hai câu ấy, chúng ta chẳng [cảm thấy] dễ hiểu cho lắm, hãy nhìn các hình ảnh trên màn bạc của điện ảnh: Từng tấm phim được chiếu lên chính là "sanh ra ngay từ nơi đây", ngay lập tức ống kính [của máy chiếu phim đóng lại], nó liền diệt mất ở ngay đây. Tấm phim thứ hai lại sanh ra [hình ảnh trên màn bạc] ngay tại nơi đây, [ống kính của máy chiếu phim đóng lại, bèn] diệt mất tại nơi đây. Tấm phim thứ ba, thứ tư cũng là sanh ra ngay tại nơi đây, diệt mất tại nơi đây. Chúng ta biết ống kính của máy chiếu phim đóng mở hai mươi bốn lần trong một giây, tức là một giây chiếu hai mươi bốn tấm phim. Hai mươi bốn tấm phim đã có thể khiến cho chúng ta nhìn sai, thấy chúng rất thật, ngỡ là thật.

Tất cả hết thảy các tướng được hiện ra trước mắt chúng ta đều sanh diệt trong từng sát-na, chẳng thật. Lại còn sanh diệt với tốc độ nhanh hơn tốc độ chiếu phim rất nhiều. Trong kinh, đức Phật đã nói: *"Một sát-na có chín trăm lần sanh diệt"*, một sát-na là thời gian bao lâu? Một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na là một phần sáu mươi [thời gian] khảy ngón tay. Thời gian ta khảy ngón tay bao lâu, chia thành sáu mươi phần, một phần trong sáu mươi phần ấy được gọi là một sát-na. Trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Trong một giây chúng ta có thể khảy bốn lần, bốn lần sáu mươi nhân với chín trăm, nên một giây có hai cái mười vạn tám ngàn lần sanh diệt[4], chúng ta chẳng cảm thấy tướng cảnh giới bên ngoài là giả tướng sanh diệt trong từng sát-na. Một giây, [ống kính của máy chiếu phim] đóng mở hai mươi bốn lần đã lừa được chúng ta nghĩ nó là thật. Một giây có hai mươi mốt vạn sáu ngàn lần sanh diệt, làm sao chúng ta biết là giả cho được? Chỉ có

[4] Ở đây, 4x60x900=216.000, tức là hai mươi mốt vạn sáu ngàn lần, hai cái mười vạn tám ngàn lần là hai mươi mốt vạn sáu ngàn lần.

Phật và hàng đại Bồ Tát biết, tâm các Ngài vi tế nên thấy rất rõ ràng, tâm chúng ta quá hời hợt, thô tháp, nên chẳng thấy được.

Chân tướng sự thật xác thực là như thế! Nếu quý vị biết chân tướng sự thật này, thưa cùng quý vị, tham, sân, si, mạn gì đi nữa đều chẳng có, vì sao? Chúng là giả, chẳng thật! Trong tâm dấy lên ý niệm cũng là giả, sắc tướng bên ngoài cũng là giả, quý vị nói thử xem: Còn có gì để làm nữa? Tự nhiên buông hết thảy thân tâm thế giới xuống. Buông xuống hết thảy thì trong tâm chẳng còn vướng mắc, chẳng còn ghim những chuyện ấy trong lòng, chẳng còn nữa, tâm thanh tịnh mới thật sự hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, liền chứng đắc Chân Như bản tánh, chính mình mới thật sự thấy được chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thật sự chứng đắc.

Do vậy có thể biết, khá nhiều lời đức Phật dạy trong kinh, quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa ngoài từ ngữ. Ở đây, [Liên Trì đại sư] nhắc nhở chúng ta: *"Chuyển vật giả, phi thị hữu vật khả chuyển, cái dĩ tâm ngoại tịnh vô hữu vật, nhất thiết vật giai tức thị tâm, nhi sở dĩ kiến hữu vật giả, dĩ tâm sanh phân biệt cố"* (Chuyển vật chẳng phải là có vật để có thể chuyển; bởi lẽ, ngoài tâm trọn chẳng có vật, hết thảy mọi vật đều chính là tâm. Nhưng sở dĩ thấy có vật là vì tâm sanh phân biệt), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Do phân biệt mà có. Nếu quý vị chẳng phân biệt, sẽ chẳng có. Do phân biệt mà có, có phải là thật sự có hay không? Chẳng thật sự có! Nói theo kiểu hiện thời, tuyệt đối chẳng phải là thật, mà chính là vì quý vị còn có phân biệt, thật ra là do chính mình tưởng những khái niệm trừu tượng là có, tự cho là đúng, đó là mê, chẳng phải là thật sự có. Hễ ta phân biệt thì chúng thật sự có, đức Phật cũng rất bội phục quý vị. Phân biệt kiểu nào thì cũng chẳng phải là thật sự có, cái Có ấy là giả có, huyễn hữu, chẳng phải là chân thật.

"Đản nhất niệm bất sanh, toàn thể tức tự hiển hiện. Sở dĩ kinh thuyết: Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai" (Chỉ là một niệm chẳng sanh, toàn thể bèn tự hiển hiện. Vì thế, kinh nói: "Nếu có thể chuyển vật, liền giống như Như Lai"). Có thể thấy "chuyển" là chuyển như thế nào? Chuyển phân biệt thành nhất niệm bất sanh, chuyển ở ngay chỗ này. Tuyệt đối chẳng phải là chuyển nơi cảnh bên ngoài, nên sẽ giống như Như Lai. Có thể chuyển từ chỗ này, thưa cùng chư vị, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, giải quyết viên mãn. Vì sao? Hễ chuyển thì không chỉ hết thảy vạn pháp chuyển, mà sanh tử chuyển, luân hồi

chuyển, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chuyển. Sau khi đã chuyển, sẽ biến thành gì? Chẳng có cách nào diễn tả, không nói được, bất đắc dĩ gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới do đâu mà có? Do một niệm bất sanh. Một niệm bất sanh thì pháp giới ấy được gọi là Nhất Chân pháp giới. Hễ khởi phân biệt, chấp trước, pháp giới ấy sẽ là mười pháp giới, trăm pháp giới, ngàn pháp giới, vô lượng vô biên pháp giới. Nhưng phải thưa cùng chư vị, "một" thì là chân pháp giới; nhưng vô lượng vô biên sẽ chẳng phải là thật. Mười pháp giới chẳng thật! Mười pháp giới là gì? *"Phàm những gì có tướng đều là hư vọng"*, là *"mộng, huyễn, bọt, bóng"*, chẳng thật. "Thật" thì chỉ có Nhất Chân pháp giới. Do vậy có thể biết, quý vị sử dụng nhất tâm, nhất niệm, sẽ chứng Nhất Chân pháp giới.

Tịnh Độ Tông dạy chúng ta trực tiếp cầu Nhất Chân pháp giới, vì phương pháp tu hành vô cùng đơn giản, tức là *"nhất niệm"*, bốn chữ A Di Đà Phật, *"bất sanh"* là vọng niệm chẳng sanh. *"Nhưng một niệm bất sanh"* thì một niệm là một niệm, bất sanh là bất sanh, chẳng phải là một niệm chẳng sanh! Phải hiểu rõ điều này! Nếu quý vị đọc sai câu này, nói một niệm chẳng sanh ư? Được thôi! Một niệm chẳng sanh là gì? Vô Tưởng Định! Quả báo của Vô Tưởng Định là trong tương lai sanh về Vô Tưởng Thiên, biến thành ngoại đạo. Nếu thật sự một niệm không sanh, thưa cùng chư vị, cái bàn chẳng sanh một niệm, cục đá chẳng sanh một niệm, khi nào quý vị có thể tu giống hệt như chúng? Thật sự tu thành công, bất quá quý vị cũng biến thành khối gỗ hay cục đá mà thôi! Do lẽ đó, phải hiểu rõ những câu giống như vậy. Chúng ta tu Tịnh Tông, *"nhất niệm"* là một câu A Di Đà Phật, *"bất sanh"* là tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng sanh. Không chỉ là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hiển hiện toàn thể, mà chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở ngay nơi đây, cũng có bao giờ chẳng phải là toàn thể hiển hiện? Vì thế mới nói cùng quý vị: *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm Niệm Phật"*. Tương ứng là gì? Chẳng sanh vọng niệm là tương ứng. Vừa niệm A Di Đà Phật, mà vẫn vừa khởi vọng tưởng, sẽ không tương ứng, vì sao? Một niệm là sanh, chẳng phải là không sanh, trong một niệm còn có rất nhiều vọng niệm, không được rồi! Nhất định phải là một niệm chẳng sanh ra hết thảy vọng niệm thì toàn thể tự tánh mới hiện tiền. Do lẽ này, kinh nói: *"Nếu có thể chuyển vật, tức giống như Như Lai"*, then chốt của việc chuyển là ở chỗ này, đấy là cách chuyển.

Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, chẳng giảng hai

câu này. Thuở ấy, cảnh giới của chính mình cũng chưa đạt được, rất nhiều chỗ chẳng hiểu thấu triệt ý nghĩa. Vì thế, nghe kinh thì người nghe tôi giảng hiện thời có phước báo, người nghe trước kia chẳng có phước báo, vì sao? Văn lẫn nghĩa đều chẳng thấu triệt. Không chỉ là nói [so sánh] giữa kinh được giảng trong quá khứ và trong hiện tại, nếu quý vị nghe băng thâu âm để so sánh, sẽ nhận thấy: Dù là cùng một bộ kinh, bộ kinh ấy đã được giảng một trăm tám mươi hai lần, một trăm lượt giảng trước kia chẳng giống một trăm lượt giảng về sau. Cảnh giới mỗi năm khác nhau, mỗi tháng khác nhau. Vì thế, cùng một bộ kinh, giảng suốt một đời vẫn hoan hỷ, vì sao? Mỗi lượt đều khác nhau. Giảng lần trước chưa thấu triệt, có nhiều chỗ chẳng giảng, do chính tôi không biết, chưa thấy được! Đến lần sau, mới nhìn thấy chỗ ấy. Vì thế nói là giảng lần nào cũng đều có ngộ xứ. Đọc kinh cũng như vậy, mỗi lần đọc một lượt đều khác nhau, mỗi lượt đều có ngộ xứ. Sự ngộ ấy chẳng phải do nghiên cứu, chẳng cần nghĩ tới ý nghĩa, [hễ nghĩ tưởng] thì sai mất rồi! Quý vị chỉ một mực niệm, tự nhiên ý nghĩa hiện tiền, đó gọi là ngộ xứ. Nếu hữu ý tìm cầu, quyết ý tìm cầu, đó chẳng phải là ngộ xứ. Quyết định chẳng thể cầu, chớ nên cầu hiểu, sẽ tự nhiên có ngộ xứ. Rõ ràng là Phật pháp đúng là chẳng giống với pháp thế gian.

Thật ra, há có Phật pháp hay pháp thế gian? Phật pháp và pháp thế gian đều do chúng sanh hư vọng phân biệt, chấp trước. Trong pháp thế gian, nếu quý vị dùng nguyên tắc và nguyên lý của Phật pháp để tu học, sẽ khai ngộ giống hệt! Do đó, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và sách giáo khoa của học sinh Tiểu Học chẳng khác gì nhau! Dùng vàng làm đồ vật, tượng Phật là hoàng kim, mà chén trà cũng là hoàng kim, chẳng khác gì nhau! Thế gian và xuất thế gian, đích xác là một, không hai. Quý vị mê bèn gọi là thế gian; đã ngộ, bèn gọi là xuất thế gian. Giới hạn giữa mê và ngộ ở chỗ nào? Chẳng tìm thấy. Vì thế, nói lời chân thật cùng quý vị, mê và ngộ chẳng hai, Tánh và Tướng như nhau.

"Chuyển" là chuyển biến quan niệm, chuyển từ tâm địa, chuyển biến cái tâm dấy vọng tưởng hằng ngày thành tâm thanh tịnh, chuyển từ chỗ này. Hễ chuyển điều này, hết thảy vạn pháp đều chuyển.

(Diễn) Dĩ thử quán chi, khả kiến tự tánh Bát Nhã châu biến pháp giới, nhi Tây Phương thủy, điểu, thụ lâm, tự tất giai thuyết pháp dã.

(演)以此觀之，可見自性般若周遍法界，而西方水鳥樹林，自悉皆說法也。

*(**Diễn**: Xét theo điều này, có thể thấy là tự tánh Bát Nhã trọn khắp pháp giới, mà nước, chim, rừng cây trong Tây Phương đều tự nói pháp).*

Đây là cảnh giới "Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại". Nói là A Di Đà Phật biến hóa tạo tác, chẳng bằng nói tự tánh biến hóa tạo tác, vì tự tánh và Di Đà chẳng hai. Cổ đức nói: *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*. Do Tây Phương Cực Lạc thế giới cho đến A Di Đà Phật vẫn là do tự tâm biến hóa tạo ra, là những thứ thuộc trong Chân Như bản tánh của chính mình. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ"*. Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tánh vốn trọn đủ, A Di Đà Phật cũng là tự tánh vốn trọn đủ. A Di Đà Phật là ai? Là chính mình, Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là chính mình. Chính mình biến hiện thế giới Cực Lạc, há lẽ nào chính mình chẳng thể vãng sanh? Chẳng có lẽ ấy! Vãng sanh là như Sanh Vô Sanh Luận[5] đã nói: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Tự tánh biến hiện, quý vị đi bằng cách nào? Xác thực là như thế. Thật giống như chúng ta xem TV, hình ảnh hiện thời là hình ảnh của thành phố Đài Bắc, lát sau, phần tin tức bèn chiếu cảnh Bạch Cung (tòa Bạch Ốc) của Mỹ, có đi hay không? Chẳng đi, rõ ràng là ở cùng một chỗ, nhưng xác thực là hai nơi, chẳng sai. Do vậy có thể biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy nói [cách xa Sa Bà] mười vạn ức cõi Phật, trong một niệm liền đạt đến, [giống như xem TV] trong khoảng một niệm, hình ảnh liền chuyển biến. Đừng nghĩ cõi ấy quá xa, chẳng dễ đến, đó đều là chấp trước nơi mặt sự tướng, mê rất sâu, chẳng biết chân tướng sự thật.

(Sao) Khởi Tín vân: "Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới". Thị cố, hư không giới trung, phổ giai thuyết pháp.

(鈔)起信云：離念相者，等虛空界。是故虛空界中，普皆說法。

---

[5] Bộ luận này có tên gọi đầy đủ là Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận do ngài U Khê Truyền Đăng soạn vào đời Minh, xiển minh giáo nghĩa *"sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh"* trong Tịnh Độ. Cùng với các bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận và Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận, được gọi chung là Tịnh Độ Tam Luận, rất được coi trọng.

*(**Sao**: Luận Khởi Tín nói: "Tướng ly niệm bằng với hư không giới". Vì thế, trong hư không giới, đều thuyết pháp trọn khắp).*

Câu này trích dẫn từ luận Khởi Tín.

(Diễn) Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới giả, Luận văn vân: "Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến. Pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân".

(演)離念相者，等虛空界者，論文云：所言覺義者，謂心體離念。離念相者，等虛空界，無所不遍。法界一相，即是如來平等法身。

*(**Diễn**: "Tướng ly niệm bằng với hư không giới". Luận [Khởi Tín] có nói: "Nói đến nghĩa Giác là nói tâm thể ly niệm. Tướng ly niệm bằng với hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới một tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai").*

Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát soạn. Đoạn văn này cũng nhằm bảo chúng ta Pháp Thân là gì. Chứng đắc Pháp Thân, người ấy bèn thành Phật, cũng có nghĩa là thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Tuy chẳng phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng người ấy thật sự là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật, nói theo Viên Giáo sẽ là Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên. Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên là Phần Chứng Phật, có năng lực hiện ra ba mươi hai tướng, tám mươi thứ [tùy hình] hảo, giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: "*Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp*", Ngài có năng lực ấy.

Đoạn văn này rất quan trọng. *"Sở ngôn giác nghĩa giả"* (Nói đến nghĩa giác), giác là gì? Bất giác là gì? Giác và bất giác có giới hạn ở chỗ nào? Ở đây đã nói rất rõ ràng: *"Tâm thể ly niệm"* là giác, tâm thể có niệm là bất giác. Chư vị phải biết: Giác tâm bất động, tâm động là bất giác. Hễ tâm chúng ta động là mê, là bất giác, giác tâm và chân tâm bất động. Do nó bất động, nên mới trọn khắp hư không pháp giới. Hễ bất động liền trọn khắp. Bất động bèn chẳng có giới hạn, hễ động thì còn có giới hạn. Chúng ta thấy nước trong ao chuôm, khi nước chẳng động bèn chẳng có giới hạn. Ao chuôm to bao nhiêu, nước to bấy nhiêu. Nếu chúng ta ném một viên đá nhỏ vào đó, liền động, nước ngay lập tức xuất

hiện từng vòng xoáy, đã có giới hạn. Vì vậy, hễ động bèn có mười pháp giới; bất động là Nhất Chân pháp giới. Bất động là thật, động là giả. Vì hễ là động, dẫu có giới hạn, nhưng giới hạn ấy thường biến hóa, chẳng phải là bất biến. Tâm động bèn biến hóa trong từng sát-na, tâm chẳng động sẽ vĩnh viễn bất biến.

Khi nào chư vị thật sự chứng đắc cái tâm của chính mình bất động, sẽ chẳng già, dáng vẻ sẽ vĩnh viễn chẳng biến đổi. Mười tám tuổi chứng đắc, quý vị mỗi năm đều là mười tám. Hai mươi tuổi chứng đắc, bèn mỗi năm đều là hai mươi! Bất động sẽ chẳng biến hóa. Quý vị còn bị già nua, nói cách khác, cái tâm của quý vị còn bị động. Hiểu đạo lý này, đích xác là quý vị có thể khống chế vạn vật trong vũ trụ, chẳng bị xoay chuyển bởi vạn vật trong vũ trụ. Đây là như đoạn trước đã nói: Có thể chuyển vật, chẳng bị vật chuyển. Có thể thấy "chuyển vật, không bị vật chuyển" thì mấu chốt là tâm địa. Cái công tắc là nơi tâm địa, chẳng ở bên ngoài, bên ngoài tìm chẳng thấy. Các nhà khoa học, triết gia, tôn giáo gia tìm cách nào cũng tìm chẳng thấy, vì sao? Họ tìm bên ngoài, chẳng biết tìm trong nội tâm. Đức Phật bảo chúng ta: Cái mấu chốt ấy ở trong nội tâm, chẳng ở bên ngoài, bên ngoài thì tìm cách nào cũng chẳng thấy.

Nói ra Lý ấy, tiếp đó là Sự. Trong phần trước là Tánh Đức, kế đó là nói về Tu Đức, Tu Đức từ *"ly niệm tướng"*. Trong pháp Bồ Tát của Đại Thừa, cương mục tu hành của Bồ Tát rất nhiều, quy nạp lại thì chỉ có sáu điều, gọi là Lục Độ. Nếu lại quy nạp Lục Độ, quy nạp đến cuối cùng, sẽ thành chỉ còn một điều là Bố Thí. Quý vị nghĩ xem: Trì Giới và Nhẫn Nhục là Vô Úy Bố Thí. Ta trì giới, người ta chẳng sợ hãi ta, vì sao? Dẫu để lộ tài vật, "người ấy giữ giới 'không ăn trộm', sẽ chẳng tước đoạt của ta. Ta để những thứ ấy ở đây rất an toàn, quyết định sẽ chẳng bị mất đi, cũng chẳng cần phải đề phòng", tâm người ấy an ổn. "Người ấy trì giới chẳng sát sanh, ta xử tệ với người ấy cỡ nào, người ấy cũng chẳng hại ta", tâm người ta càng thêm yên ổn, nên gọi là Vô Úy. Vì thế, Trì Giới và Nhẫn Nhục là Vô Úy Bố Thí, còn Tinh Tấn, Thiền Định, và Bát Nhã là Pháp Bố Thí. Trong Bố Thí gồm có Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, và Vô Úy Bố Thí. Toàn thể quy nạp lại, sẽ biến thành một điều là Bố Thí.

Bố Thí là gì? Là xả, là lìa. Phương pháp tu hành của Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, là xả, là lìa mà thôi. Hết thảy các pháp xả lìa sạch sành sanh, thảy đều bỏ đi, sẽ thành Phật. Đẳng Giác Bồ Tát thì những thứ khác đều bỏ sạch, hãy còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa bỏ, cho nên vẫn gọi là Bồ Tát, không gọi là Phật. Chư vị phải biết:

Tu hành trong Đại Thừa Phật pháp là xả, chẳng có gì không xả, thứ gì cũng đều phải xả. Bên trong là tư tưởng, kiến giải, các thứ cách nghĩ, cách nhìn đều phải bỏ, tâm bèn thanh tịnh. Bên ngoài là thân, tâm, thế giới, hết thảy đều có thể bỏ, chẳng bị vật chuyển. Vì sao hiện thời quý vị bị vật chuyển? Quý vị chẳng bỏ được, chẳng chịu bỏ, nên quý vị mới bị chúng nó chuyển. Nếu quý vị bỏ được, chúng nó làm sao xoay chuyển, ảnh hưởng quý vị cho được? Chẳng thể có chuyện ấy! Nay quý vị chẳng thể bỏ tài, trong tâm luôn nghĩ ta còn có bao nhiêu tiền, làm thế nào để kiếm tiền, lại sợ tiền bạc mất giá, lại sợ kinh tế chẳng khấm khá, phiền não thảy đều ùa đến! Nếu quý vị có thể bỏ sạch, há có những nỗi ưu lự, phiền não ấy? Thứ gì cũng đều chẳng có, tâm thanh tịnh lắm, tự tại lắm! Hễ có thứ gì mà quý vị chẳng bỏ được, sẽ bị rắc rối ngay, khiến cho quý vị bận lòng! Hễ quý vị bận lòng, sẽ bị phiền phức oan uổng, vì sao? Đến cuối cùng đều rỗng tuếch! Không chỉ là mai sau rỗng tuếch, mà ngay lúc này cũng là rỗng tuếch tuềnh toang!

Nếu dùng phương pháp của Thiền Tông, cái này ta không buông xuống được, cái kia chẳng buông xuống được, bèn quay lại tìm xem không buông xuống được ở chỗ nào. Quý vị đi tìm, tìm xem chỗ nào chẳng buông xuống được, đến cuối cùng, tìm chẳng thấy! Vì lẽ đó, Nhị Tổ Huệ Khả thưa: *"Tâm con bất an"*, cầu Đạt Ma Tổ Sư an tâm cho Ngài. Đạt Ma Tổ Sư xòe tay ra: *"Ông lấy cái tâm ra, ta sẽ an nó cho ông"*. Huệ Khả lại quay lại tìm, cuối cùng thưa với Tổ: *"Con tìm tâm trọn chẳng thể được"*, con không biết tâm ở chỗ nào? Chẳng biết tâm ở chỗ nào, còn gì mà an với chẳng an? Tâm ở chỗ nào, tìm không thấy! Tổ nói: *"Dữ nhữ an tâm cánh"* (Ta đã an cái tâm cho ông rồi!). Nghe câu ấy, Nhị Tổ bèn khai ngộ.

Nếu quý vị có ưu lự, có phiền não, quý vị cũng dùng phương pháp ấy, quay lại xét xem: "Ta ưu lự ở chỗ nào?". Hãy đi tìm, ưu lự ở chỗ nào? Phiền não ở chỗ nào? Tìm đến cuối cùng, chẳng thể được. Không thể được, nói cách khác, căn bản là quý vị chẳng có ưu lự, căn bản là chẳng có phiền não, đó là mê! Hễ quý vị quay đầu, quay đầu liền giác ngộ, mới hiểu vốn là rỗng tuếch! Kinh Kim Cang nói chẳng sai: *"Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng"*, bất luận là sắc tướng hay tâm tướng, trong tâm tưởng thứ gì sẽ bèn có tâm tướng (hình tướng của thứ ấy hiện bóng trong tâm). Tâm hễ tưởng, bèn có tướng. Người Hoa tạo văn tự rất cao minh: *"Tưởng"* (想) là trong Tâm (心) có Tướng (相). *"Tư"* (思) là trong tâm có giới hạn, chữ Điền (田) là vạch giới hạn [như từng ô ruộng].

Tưởng chỉ là dấy vọng tưởng, còn chưa có phân biệt, chấp trước, còn chưa có giới hạn. Tư nghiêm trọng hơn Tưởng, vì sao? Tưởng chẳng có thiện ác, không tạo nghiệp. Trong Tư có giới hạn, bèn tạo nghiệp. Quý vị hồi quang phản chiếu, sẽ biết quả thật ngay trong lúc này là bất khả đắc, há còn nói gì đến tương lai, rỗng tuếch! [Chờ đến] tương lai [mới cảm nhận nó là] rỗng tuếch tức là đã mê rất sâu rồi. Ngay trong hiện tại đây đã là rỗng không, chẳng cần đợi đến tương lai! Người học Phật hiểu đạo lý này, chẳng có một ai không là thân tâm tự tại, sung sướng, pháp hỷ sung mãn, thật sự đạt được thọ dụng trong Phật pháp. Học Phật mà học đến nỗi mỗi ngày mặt ủ mày chau, chắc chắn là đã trái nghịch Phật pháp, học sai lầm mất rồi! Phật pháp thật sự là phá mê khai ngộ, nhất định là thân tâm khỏe mạnh, sung sướng, tự tại, đó là học Phật bèn ngay lập tức đạt được điều tốt đẹp!

Tâm lượng *"đẳng hư không giới"* (bằng với hư không giới), vì sao? Hư không pháp giới là vật được biến hiện bởi tâm lượng của chính mình, lẽ đâu chẳng bằng? Đương nhiên là bằng. *"Vô sở bất biến"* (Không đâu chẳng trọn khắp), trí huệ trọn khắp hết thảy các pháp giới. Đối với năng lực của lục căn, tánh Thấy trọn khắp hết thảy các pháp giới; do đó, hết thảy các pháp giới không đâu chẳng thấy. Tánh Nghe trọn khắp hết thảy các pháp giới, âm thanh trong hết thảy các pháp giới chẳng có gì không nghe, thứ gì cũng đều trọn khắp hết thảy các pháp giới. Vì lẽ đó, lẽ nào thuyết pháp lại chẳng trọn khắp các pháp giới?

"Pháp giới nhất tướng", đó là Nhất Chân, *"tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân"* (chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai), Như Lai là tự tánh, là danh hiệu của tự tánh. *"Như"* là hết thảy đều Như, chẳng có pháp nào không Như. *"Hậu Phật như đồng cổ Phật chi tái lai"* (Vị Phật sau giống như cổ Phật trở lại). Do đó, sau khi chứng nhập, chẳng có trước sau. Có nhiều người hỏi: "Phật nào lớn nhất?" Chẳng có Phật nào lớn nhất. Nói vị Phật nào lớn nhất, sẽ còn có vị Phật nhỏ nhất, đó là sai lầm. Vị Phật nào thành Phật trước, vị Phật nào thành Phật sau? Chẳng có, thành Phật chẳng có trước sau. Ví như các dòng nước đổ vào biển cả, quý vị nói xem: Nước nào là dòng trước, nước nào là của dòng sau? Chẳng có, hòa lẫn một chỗ. Ví như những cái đèn này, khi chúng ta bật đèn thì có trước sau, nhưng khi đã bật hết cả rồi, quý vị nói xem ánh sáng nào là trước, ánh sáng nào là sau, chẳng có. Nói trước sau, hoặc lớn nhỏ, đều là vọng tưởng, chấp trước của kẻ mê! Sự thật là chẳng có, quyết định chẳng có trước hay sau, chẳng có lớn hay nhỏ!

Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là thật sự bình đẳng, Pháp Thân bình đẳng. Khi mê, nói xưa, nay, lớn, nhỏ với quý vị, đó là lừa quý vị, Phật lừa quý vị, Phật cũng nói lời thật. Đức Phật giảng kinh, thuyết pháp nhằm hướng dẫn quý vị, Ngài có nêu tỷ dụ: *"Hoàng diệp chỉ đề"* (黃葉止啼: Lá vàng dỗ trẻ thôi khóc). *"Hoàng diệp chỉ đề"* là lừa quý vị. Trẻ nhỏ khóc nhè, làm cách nào đây? Muốn cho nó thôi khóc, nhặt một chiếc lá vàng rụng xuống trong mùa Thu, bảo đứa bé: "Chiếc lá này là vàng, rất đáng giá, con có thể đem mua kẹo ăn". Đứa trẻ nghe xong, rất hoan hỷ, thôi khóc, đã đạt được mục đích, chủ yếu là dỗ cho nó khỏi khóc. Còn nó có thể đổi thành tiền hay không là chuyện khác. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho quý vị, đó là *"hoàng diệp chỉ đề"*, quý vị phải thật sự khai ngộ từ chỗ này! Ai độ quý vị? Tự mình độ chính mình, đức Phật chẳng độ chúng sanh. Đức Phật chỉ dùng lá vàng dỗ trẻ thôi khóc mà thôi! Từ chỗ này, chúng ta mới có thể thật sự tiến nhập nghĩa chân thật của Phật. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 183

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi hai.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà?

(Sớ) Thượng minh y báo chi thắng, nhi y tùng chánh sanh, cố thứ minh chánh báo.

(經)舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

(疏)上明依報之勝，而依從正生，故次明正報。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà?*

***Sớ**: Những phần trên đã nói về sự thù thắng nơi y báo, nhưng y báo sanh từ chánh báo, nên tiếp theo đây sẽ nói về chánh báo).*

Trong đoạn lớn phía trước, đức Thế Tôn đã giới thiệu hoàn cảnh vật chất của Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Y báo"* là hoàn cảnh sống của chúng ta, trong kinh gọi [hoàn cảnh ấy] là *"y báo"*. *"Chánh báo"* là thân thể chúng ta, nhưng y báo sanh từ chánh báo, câu này rất khó hiểu, sách Diễn Nghĩa có chú giải như sau:

(Diễn) Y tùng chánh sanh giả, nhược cứ ngoại giáo, tắc tùng Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, thanh trược điện vị, Tam Tài triệu phân, tắc chánh tùng y sanh.

(演)依從正生者，若據外教，則從太極生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦，清濁奠位，三才肇分，則正從依生。

*(**Diễn**: "Y báo sanh từ chánh báo": Nếu xét theo ngoại giáo, ắt từ Thái Cực sanh ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, thanh và trược đã được đặt vững vị trí, Tam Tài[6] mới tách biệt, [hiểu theo cách như vậy] thì chánh báo sanh từ y báo).*

---

[6] Thái Cực (太極) là từ ngữ để chỉ trạng thái nguyên thủy tối sơ của vũ trụ, còn được hiểu là thời kỳ sau lúc Âm Dương hỗn độn chưa phân (thường gọi là Vô Cực: 無極), nhưng trước khi vũ trụ hình thành. Lưỡng Nghi là Âm và Dương, nhằm biểu thị sự đối lập trong vũ trụ, như ngày là Dương, đêm là Âm, trời là Dương, đất là Âm v.v… Tứ Tượng chính là Thái Âm, Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương. Bát Quái là Càn, Khôn, Chấn, Cấn, Ly, Khảm, Đoài, Tốn. Mỗi Quái (thường gọi nôm na là Quẻ) gồm có ba vạch nối liền hay đứt ở giữa, mỗi vạch ấy gọi là một Hào (爻). Có thể hiểu thô thiển là Bát Quái tượng trưng cho mối quan hệ sinh thành giữa Âm và Dương mà tạo thành tám loại hình thể và cấu trúc tổng quát của vạn vật trong vũ trụ. Từ đó, họ mở rộng ra và gán mọi vật trong vũ trụ đều thuộc về một trong Bát Quái. Chẳng hạn quẻ Càn tượng trưng cho trời, có tánh chất mạnh mẽ, biểu thị người cha trong gia đình, là biểu trưng của loài ngựa, là cái đầu trong thân thể, là não trong các nội tạng, thuộc về phương Nam, là Kim trong Ngũ Hành, là Thuần Dương. Quẻ Chấn là sấm, có tánh chất chấn động, là trưởng nam trong gia đình, là rồng trong loài vật, là chân trong thân thể, là tim trong nội tạng, thuộc phương Đông Bắc, là Mộc trong Ngũ Hành v.v… Để dễ nhớ hình tượng của Bát Quái, trong sách Châu Dịch Bổn Nghĩa, Châu Hy đã viết: *"Càn tam liên, Khôn lục đoạn, Chấn ngưỡng vu, Cấn phúc oản, Ly trung hư, Khảm trung mãn, Đoài thượng khuyết, Tốn hạ đoạn"* (Càn ba liền, Khôn sáu đứt, Chấn chén ngửa, Cấn bát úp, Ly giữa rỗng, Khảm giữa đầy, Đoài trên khuyết, Tốn dưới đứt), có nghĩa là: Quẻ Càn gồm ba vạch nối liền, Khôn là ba vạch đều đứt (nên tạo thành sáu vạch nhỏ), Chấn thì hai vạch trên cùng đứt, vạch dưới nối liền, trông như cái chén lật ngửa, Cấn thì vạch trên nối liền, hai vạch dưới đứt, giống như cái bát úp xuống. Quẻ Ly vạch chính giữa đứt, hai vạch trên và dưới liền. Quẻ Khảm thì vạch chính giữa liền, vạch trên và dưới đứt. Quẻ Đoài thì vạch trên đứt, hai vạch dưới liền. Quẻ Tốn thì hai vạch trên đều liền, vạch dưới cùng đứt đoạn. Tam Tài là Thiên, Địa, Nhân.

Ngài nêu ra ngoại giáo, tức là cách nói của Nho gia. Những điều được nói trong Nho gia có mấy phần tương ứng với Phật pháp, nhưng chẳng nói cặn kẽ, rõ rệt như Phật pháp. Tuy vậy, xét theo nguyên tắc, đúng là hết sức gần gũi. Nhất là trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Khổng lão phu tử đã nói: *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* (Tinh và Khí hợp lại thành vật, cái hồn vật vờ biến hóa)[7]. Nói thật ra, cách nhìn này rất gần với Phật pháp. Vật là y báo, Biến là chánh báo, là nói tới sự luân hồi trong lục đạo, *"du hồn vi biến"* (cái hồn lang thang, phiêu diêu bất định biến hóa). Khổng lão phu tử không nói "linh hồn", người thế tục nói con người sau khi đã chết bèn có linh hồn, chư vị hãy nghĩ xem: Nếu cái hồn ấy linh, tuyệt đối sẽ chẳng đầu thai trong ba ác đạo, biến thành lợn, biến thành dê. Dẫu đến đầu thai trong loài người, nhất định hồn sẽ chọn gia đình đại phú, đại quý, cả đời làm thiếu gia, hay tiểu thư, chẳng muốn chịu khổ, lẽ đâu sanh vào nhà bần cùng? Do vậy có thể biết, hồn ấy chẳng linh, là mê hồn thì mới đúng! [Gọi nó là] "linh hồn" là sai lầm!

Khổng lão phu tử chẳng nói linh, mà cũng chẳng nói mê, Ngài nói là *"du hồn"*, cách nói này rất có lý. Trong kinh, đức Phật đã dạy, tốc độ của linh hồn hết sức nhanh chóng. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là thân thể đến đó, mà là linh hồn đầu thai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh nói Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta *"mười vạn ức cõi Phật"*. Nói thông thường, một cõi Phật (Phật quốc độ) là một hệ Ngân Hà, vậy thì từ địa cầu này tới tinh cầu của Tây Phương Cực Lạc thế giới cách nhau mười vạn ức hệ Ngân Hà, quý vị nghĩ xem: Khoảng cách ấy xa lắm! Nhưng phải mất bao nhiêu thời

---

[7] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải trong sách Châu Tử Ngữ Loại: *"Tinh Khí vi vật, thị hợp Tinh dữ Khí nhi thành vật. Tinh phách nhi Khí hồn dã. Biến tắc thị hồn phách tương ly. Tuy độc thuyết Du Hồn, nhi bất ngôn phách, nhi ly phách chi ý tự khả kiến hỹ... Lâm An Khanh vấn 'Tinh Khí vi vật, du hồn vi biến', viết: Thử thị lưỡng cá hợp, nhất cá ly. Tinh Khí hợp, tắc hồn phách ngưng kết nhi vi Vật. Ly tắc Dương dĩ tán nhi Âm vô sở quy, cố vi Biến. Tinh, Âm dã. Khí, Dương dã. Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí. Nhân, Dương dã. Trí, Âm dã"* (Tạm dịch: "Tinh Khí vi vật" là hợp Tinh và Khí thành vật. Tinh là phách, Khí là hồn. Biến là hồn và phách tách rời. Tuy chỉ nói đến Du Hồn, chẳng nói đến phách, nhưng ý nghĩa "lìa phách" có thể tự thấy được... Lâm An Khanh hỏi về chuyện "tinh khí vi vật, du hồn vi biến", bèn nói: "Đó là hai thứ hợp lại, một thứ tách lìa. Tinh và Khí hợp lại, hồn phách bèn ngưng kết thành vật. Hễ lìa thì Dương đã phiêu tán, Âm không có chỗ nào để trở về, nên là Biến. [Trong câu] "Tinh Khí vi vật", Tinh là Âm, Khí là Dương. Người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí, Nhân là Dương, Trí là Âm).

gian để có thể đến đó? Đức Phật nói [thời gian ấy] bằng một cái khảy ngón tay, trong một sát-na bèn đến đó. Do đó mới biết tốc độ của linh hồn đích xác là vô cùng nhanh chóng. Làn sóng điện hoặc ánh sáng trong thế gian còn chậm hơn tốc độ của linh hồn quá nhiều. Do đó, Khổng lão phu tử nói *"du hồn"* hết sức chánh xác. *"Du hồn vi biến"*, biến gì? Biến ra lục đạo, quý vị đến đầu thai trong đường nào bèn biến thành thân tướng trong đường ấy, xác thực là *"du hồn vi biến"*!

"Tinh khí vi vật": Ngài nói câu này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, vì *"du hồn vi biến"* (cái hồn trôi nổi biến hóa), nói thật ra, vẫn chưa khó! Ngoại đạo tại Ấn Độ vào thời cổ đều có thần thông, như các tu sĩ Bà La Môn, Số Luận[8] Du Già (Yoga) đều có năng lực sanh lên Tứ Thiền Thiên (Sắc Giới Thiên), nên họ hết sức liễu giải tình huống trong lục đạo, thấy rõ ràng, rành rẽ, nhưng bọn họ vẫn chưa nói *"tinh khí vi vật"*. Vật chất do đâu mà có? Chỉ có đức Phật đã nói trong kinh luận rằng thế giới vật chất là Tướng Phần của A Lại Da Thức, còn linh hồn là Kiến Phần của A Lại Da Thức. Trong quá trình phát triển, Kiến Phần có trước rồi mới có Tướng Phần, nên y báo sanh từ chánh báo. Nguyên lý thật sự là y báo chuyển theo chánh báo, cũng có nghĩa là thế giới vật chất và hiện tượng tự nhiên chuyển biến theo lòng người. Đó là chánh lý, quyết định là chánh xác. Khổng lão phu tử nói *"tinh khí vi vật"* hết sức gần với [cách nói trong kinh Phật], vì sao Ngài biết? Do đó, Khổng phu tử tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Cổ nhân nói Khổng Tử, Lão Tử, và Trang Tử đều là Phật, Bồ Tát ứng hóa tại Trung Hoa, nói theo lý luận thì điều này xuôi tai, nhưng trên sự thật thì chẳng có chứng cớ. Nho gia nói *"chánh báo sanh từ y báo"* chính là cách nhìn sai lầm.

(Diễn) Kim nội giáo tắc y tùng chánh sanh.
(演)今內教則依從正生。
*(**Diễn**: Nay xét theo nội giáo thì y báo sanh từ chánh báo).*

"Nội giáo" là Phật pháp, ngoài Phật pháp thì là ngoại giáo. Phật pháp: Phật có nghĩa là giác, giác là Phật, mê là ngoại đạo. Một đằng là

[8] Số Luận (Sāṃkhya) là một trong sáu học phái được coi là chính thống của Ấn Độ Giáo, đồng thời là một trường phái triết học xa xưa của Ấn Độ. Học phái này được coi là do Kapila lập ra. Trường phái này nhấn mạnh quan niệm nhị nguyên. Họ cho rằng vũ trụ bao gồm hai thực thể Bốc Lô Sa (Puruṣa, tinh thần tối cao, thần ngã) và Nguyên Chất (Prakriti, vật chất nguyên thủy). Từ đó phát sanh hai mươi lăm Tát Đỏa (Tattvas, chân lý).

giác, một đằng là bất giác, nội và ngoại được phân chia như vậy. Vàn muôn phần đừng nghĩ chúng ta học Phật thì chẳng phải là ngoại đạo. Nói không chừng, quý vị chính là ngoại đạo, vì sao? Quý vị vẫn bất giác, vẫn mê hoặc, điên đảo, đó là ngoại đạo. Thuật ngữ trong nhà Phật gọi hạng người này là *"môn nội ngoại"* (ngoại đạo trong nhà Phật). Quý vị đã học Phật, cũng đã thọ Tam Quy, thậm chí còn thọ giới, còn xuất gia, nhưng vẫn là cầu pháp ngoài tâm, vẫn kể như là ngoại đạo, được gọi là *"môn nội ngoại"*. Tiêu chuẩn nội ngoại trong kinh Lăng Nghiêm càng nghiêm ngặt hơn! Kiến tánh Bồ Tát mới gọi là nội giáo, chưa kiến tánh đều là ngoại đạo; vì thế, [xét theo tiêu chuẩn ấy], A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đều là ngoại đạo. Nói cách khác, ắt phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới là Giác. Thông thường, chúng ta coi A La Hán và Bích Chi Phật đều là Chánh Giác, nhưng xét theo tiêu chuẩn trong kinh Lăng Nghiêm, giác ấy vẫn là tà giác, vẫn chẳng phải là chánh. Theo tiêu chuẩn của Lăng Nghiêm, Chánh Đẳng Chánh Giác mới được coi là Chân Giác, vì quý vị giác bằng Phật. Phật là kiến tánh, là kiến tánh viên mãn. Tuy quý vị chưa viên mãn, nói chung là đã thấy một đôi phần, nhưng cái được thấy là chân tánh, nên quý vị bằng Phật, đó mới thật sự gọi là Giác.

A La Hán vẫn chẳng giác bằng Phật, vì sao? Ngài chưa kiến tánh. A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát đều chưa kiến tánh, nhưng so với lục đạo, tư tưởng và kiến giải của các Ngài còn thuần chánh hơn nhiều, chúng ta gọi các Ngài là Chánh Giác, không thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Bản thân chúng ta học Phật thì trong tâm phải hiểu biết và tự tin. Nói như vậy thì khi nào chúng ta mới có thể đạt tới Chánh Đẳng Chánh Giác? Thưa cùng chư vị, chỉ sợ cả một đời này chẳng có hy vọng gì, nói thật đấy! Không chỉ là chẳng mong thành Chánh Đẳng Chánh Giác, mà chứng quả A La Hán cũng sợ chẳng trông mong được! Không chỉ là chứng quả A La Hán, mà Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn cũng khá khó chứng đắc. Vì sao? Tu Đà Hoàn phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, ai có năng lực làm được?

Năm Dân Quốc 52 (1963), sau khi tôi xuất gia, thọ giới chưa được bao lâu, tôi gặp một đồng tu là một Phật tử rất kiền thành, rất khẳng định nói với tôi: Ông ta đã chứng quả A La Hán. Tôi biết ngay là ông ta hiểu lầm, nhưng ông ta chẳng nói dối. Chẳng chứng A La Hán, mà cứ ngỡ chính mình đã chứng quả A La Hán. Thật ra, ông ta trọn chẳng hiểu đạo lý nhà Phật nhiều nhõi gì! Nếu hiểu nhiều, sẽ chẳng hiểu lầm. Do chính

mình niệm Phật, tâm địa thanh lương một chút, phiền não ít đi, bèn tự cho là chính mình đã chứng quả! Chúng tôi ngồi nói chuyện trong phòng khách. Tôi nói: "A La Hán có Lục Thông, ngoài tường là đường cái, ông có thể thấy rõ ràng hay không?" Người ấy đáp: "Tôi chẳng nhìn thấy". Tôi nói: "A La Hán có Tha Tâm Thông, hiện thời trong tâm tôi đang suy nghĩ gì, ông có biết hay chăng?" "Không biết". "Vậy là chẳng thật!" Như vậy thì ông ta mới chịu phục, mới hiểu chính mình chưa chứng đắc. Không chỉ là chưa chứng đắc A La Hán! Quả Tu Đà Hoàn còn có Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Túc Mạng, ba thứ thần thông. Nhị Quả và Tam Quả có năm món thần thông, chứng đến Đệ Tứ Quả mới có Lậu Tận Thông. Người chưa chứng đắc mà nói với người khác [chính mình đã] chứng đắc, đó là đại vọng ngữ, theo giới luật là tội địa ngục. Nếu chẳng phải là vọng ngữ, mà là hiểu lầm, thì kinh Phật gọi là Tăng Thượng Mạn, cũng là một thứ phiền não. Vì thế, người ấy chẳng phải là vọng ngữ, mà là Tăng Thượng Mạn. Chúng ta phải nhận biết điều này, tận hết sức tránh đừng cho chính mình nẩy sanh sai lầm.

Học các pháp môn khác, chẳng có hy vọng đạt được Chánh Giác và Chánh Đẳng Chánh Giác trong một đời này. Tu pháp môn Tịnh Độ, hễ ra sức tu tập bèn là Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thể nghĩ bàn! Do đó, trong hết thảy các pháp môn, pháp môn này là pháp môn bậc nhất. Nếu chư vị thật sự chú tâm xem đọc các kinh điển Đại Thừa, như Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Lăng Già, Pháp Hoa, quý vị mới thật sự nhận biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Hàng Bất Thoái Bồ Tát từ vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương, là những vị đã chứng đắc quả vị từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có cách nào tính toán số lượng, kinh đã nói rất rõ ràng! Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đều thành A La Hán, thần thông đều như ngài Mục Kiền Liên, thọ mạng kể như ngàn ức năm, chung sức cùng nhau tính toán, tính chẳng ra số lượng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là bao nhiêu; kinh đã nói chuyện này rất rõ ràng. Quý vị biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, hàng Đẳng Giác Bồ Tát trong mười phương thế giới đều phải cầu sanh Tịnh Độ.

Vãng sanh như thế nào? Ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh. Nay chúng ta vừa tu tập liền chọn lấy ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, [tức là] chúng ta tu cái nhân giống như mười phương Bất Thoái Bồ Tát, nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo cũng giống như các Ngài. Các Ngài tu vô lượng kiếp mới tu tới đó, chúng ta vừa bắt đầu liền học được

ngay. Tôi bảo quý vị: Tôi quyết định chẳng phải là vọng ngữ, quý vị tu pháp môn này là Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong vô lượng vô biên pháp môn, vì sao quý vị chẳng chọn lựa [những pháp môn khác] mà chọn lựa pháp môn này? Pháp môn này được hết thảy các vị Bất Thoái Bồ Tát chọn lựa, vì sao quý vị cũng chọn lựa? Chẳng dễ dàng đâu nhé! Chọn lựa pháp môn này, quý vị chẳng khác Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền! Do đó, điều này đáng để an ủi chúng ta. Quý vị tu những pháp môn khác, chẳng có cách nói "đới nghiệp vãng sanh" như vậy, nhất định là quý vị phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não thì mới có thể thành tựu. Pháp môn này thì một phẩm phiền não cũng chẳng phải đoạn, đều mang đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; sau khi đã đến bên kia, gặp A Di Đà Phật, sẽ dần dần đoạn. Đối với pháp môn này, chỉ cần quý vị tin tưởng, phát nguyện, sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Pháp môn này tu học dễ dàng, được gọi là *"dị hành đạo"* (đạo dễ hành), hành rất dễ dàng, tin tưởng rất khó, phát nguyện cũng rất khó, khó tin, khó nguyện! Làm như thế nào để khiến cho bản thân chúng ta thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, khăng khăng một mực tu học pháp môn này? [Để đạt được điều ấy], chẳng thể không biết lý luận của pháp môn này. Nếu muốn hiểu rõ lý luận, hiểu rõ thấu triệt, thì phải là như thầy Lý đã nói xưa kia: "Nếu không nghiêm túc nghiên cứu, xem đọc nửa bộ Đại Tạng Kinh, quý vị sẽ chẳng thể hiểu", sẽ gặp khó khăn, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Đọc nửa bộ Đại Tạng Kinh là chuyện khổ lắm; nhưng cổ đức đã tạo phương tiện: Các Ngài đã trích lục tinh hoa của nửa bộ Đại Tạng Kinh, không cần chúng ta phải tìm tòi, [thực hiện] chuyện phiền phức ấy. Đó là gì vậy? Chính là bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa đang bày ra trước mặt mọi người trong hiện thời! Nội dung của bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa này, nói thật ra, chính là cô đọng của cả bộ Đại Tạng Kinh. Ngẫu Ích đại sư tán thán [bộ sách này] là *"bác đại tinh thâm"* (rộng lớn, tinh vi, sâu xa), chẳng sai tí nào! Do vậy, Sớ Sao Diễn Nghĩa hết sức quan trọng. Nhưng Sớ Sao Diễn Nghĩa có phân lượng quá lớn, chúng tôi giảng một lượt, giảng lần thứ nhất chẳng giữ lại băng thâu âm. Giảng lần thứ hai, thâu âm thành ba trăm ba mươi lăm băng, mỗi cuốn băng là chín mươi phút. Giảng lần này là lần thứ ba, phân lượng rất nặng, còn tỉ mỉ hơn [giảng] kinh Vô Lượng Thọ. Yếu Giải là tinh yếu, bao gồm những điểm chủ yếu. Nếu quý vị mong thâm nhập trong một thời gian ngắn, hãy đọc Yếu Giải. Nếu quý vị có thời gian, mong nhận thức, liễu giải nhiều hơn, hãy dốc

sức tìm tòi nơi Sớ Sao Diễn Nghĩa. Thật sự nhận biết rõ ràng Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín tâm được kiến lập, nguyện mới tha thiết, quyết định chẳng bị dao động, lại còn thật sự nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều nắm chắc. Chúng ta chọn lựa pháp môn này, nương theo pháp môn này để học, đích xác là đã nhập nội giáo, thật sự là đăng đường nhập thất. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tuy đăng đường, vẫn chưa nhập thất, còn pháp môn này là nhập thất; vì Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều dẫn về Cực Lạc.

Cách nói của nội giáo khác ngoại giáo. Nội giáo nói *"y tùng chánh sanh"* (y báo sanh từ chánh báo). Chuyển hoàn cảnh vật chất bên ngoài từ chỗ nào? Chuyển từ trong tâm. Đó gọi là *"cảnh tùy tâm chuyển". "Tâm sanh tắc pháp sanh, tâm diệt tắc pháp diệt"* (Tâm sanh ắt pháp sanh; tâm diệt ắt pháp diệt). Chúng ta thật sự hiểu rõ, khẳng định đạo lý này, cảnh giới chuyển theo tâm. Thân thể của ta là cảnh giới, nên thân thể này cũng có thể chuyển theo tâm chúng ta. Ví như tướng mạo, tục ngữ thường nói: *"Lòng mỗi người khác nhau bày rõ ra mặt".* Vì sao tướng mạo của quý vị trở thành khác nhau? Tâm chẳng giống nhau, cách nhìn và cách nghĩ của quý vị đối với hết thảy sự vật khác nhau, nên diện mạo chẳng giống nhau. Kinh văn nói: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo đều giống hệt nhau, vì sao? Vì tâm mọi người giống nhau, vì mọi người điều gì cũng đều chẳng tưởng. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả những người vãng sanh đều có tướng mạo hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Dẫu là phàm phu vãng sanh còn có tưởng, [thế nhưng họ] tưởng gì vậy? Tưởng A Di Đà Phật! Họ chẳng nghĩ gì khác, tưởng A Di Đà Phật, liền biến thành A Di Đà Phật, tướng mạo giống nhau. Hiểu đạo lý này, chúng ta thường hy vọng tướng mạo của chính mình có thể tốt lành hơn, đẹp đẽ hơn, vậy thì tâm quý vị cũng tốt lành hơn, đẹp đẽ hơn, tướng mạo tự nhiên tốt đẹp. Tâm địa thanh tịnh, tự nhiên khỏe mạnh, sống lâu, đó là đạo lý nhất định. Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn cào cào, mà mong chính mình khỏe mạnh, sống lâu, xinh đẹp, lầm lẫn quá đỗi, chẳng có lẽ ấy!

Bởi lẽ, hết thảy các pháp sanh từ tâm. Người học Phật, nói thật thà là có thể chẳng sanh bệnh. Quý vị thật sự hiểu đạo lý này, biết bí quyết tu hành, xác thực là chẳng sanh bệnh. Người học Phật còn bị bệnh tật thì chính mình phải giác ngộ, bệnh tật là gì? Nghiệp chướng hiện tiền. Nghiệp chướng hiện tiền thì phải nhanh chóng sám trừ nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã sám trừ, chẳng còn, bệnh sẽ lành, chẳng còn có

chuyện gì nữa! Người thật sự tin tưởng chẳng mấy, kẻ chẳng tin quá ư là nhiều. Đối với kinh luận Đại Thừa, phải đọc rộng, thâm nhập kha khá thì mới hiểu đạo lý này, mới có thể mở rộng và sáng tạo vận mạng của chính mình, quyết định chẳng còn bị túc mạng bó buộc. Cư sĩ Viên Liễu Phàm hiểu đạo lý này, tuy vẫn chưa hiểu triệt để, nếu thật sự triệt để, cách nghĩ và cách làm của ông ta sẽ khác hẳn, ông ta biết vài phần mà đã có thể sửa đổi vận mạng. Nếu triệt để hiểu rõ, trong kinh giáo Đại Thừa, nhất là trong kinh luận Nhất Thừa viên đốn, Tịnh Độ Ngũ Kinh đều là Nhất Thừa viên đốn, mỗi ngày có thể đọc tụng, có thể xem đọc, mỗi lần [đọc tụng] là đem kinh luận in vào trong A Lại Da Thức của chính mình, chắc chắn sẽ có chỗ lợi lạc. *"Kim nội giáo tắc y tùng chánh sanh"* (Nay theo nội giáo thì y báo sanh từ chánh báo), hoàn cảnh do tâm chúng ta biến hiện.

(Diễn) Nhất niệm vô minh, dẫn sanh tam tế.
(演) 一念無明，引生三細。
*(**Diễn**: Một niệm vô minh dẫn khởi sanh ra ba tế tướng).*

Đây chính là như Duy Thức đã nói: *"Một niệm bất giác là vô minh"*. Vô minh là mê, bản tánh vốn là minh. Câu này rất có ý nghĩa, mà cũng hết sức sâu xa, uyên áo. Như thế nào là minh? Chẳng có một niệm là minh. Hễ có một niệm, minh bị mất đi, minh chẳng còn nữa. Có thể thấy: Hễ có một niệm là hỏng, một niệm liền mê, một niệm sẽ chẳng giác. Chuyện này rất phiền phức! Được rồi, nay chúng ta thấy đức Phật nói kiểu ấy, từ nay trở đi, chúng ta liền một niệm chẳng sanh, ý niệm gì cũng chẳng nghĩ tới; đó có phải là minh hay không? Chỉ sợ vẫn là vô minh! Cớ sao vẫn là vô minh? Vì quý vị vẫn còn nghĩ tưởng *"một niệm chẳng sanh"*, vẫn rơi vào một niệm. Chẳng rơi vào hữu niệm, bèn rớt trong vô niệm. Tu kiểu ấy, càng tu càng hỏng bét, biến thành tu Vô Tưởng Định. Thật sự tu thành công Vô Tưởng Định cũng chẳng dễ dàng, quả báo là Vô Tưởng Thiên trong Tứ Thiền Thiên, đó là ngoại đạo.

Phật pháp nói *"một niệm chẳng sanh"*, ngay cả [ý niệm] *"một niệm chẳng sanh"* cũng chẳng sanh, chẳng có cách nào nói được! Nói *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"* đều là dây cà, dây muống, vẫn rớt trong dấu tích. Cảnh giới ấy chỉ có tự mình thấu hiểu, chẳng có cách nào nói ra được. Nói thật ra, không chỉ là chẳng thốt nên lời, mà cũng chẳng thể suy tưởng, vì quý vị hễ có tưởng sẽ còn có niệm, dẫu có suy nghĩ

cũng chẳng thể được! Vì thế, gọi là chẳng thể nghĩ bàn. *"Tư"* (思) là suy nghĩ, chẳng thể suy nghĩ được; *"nghị"* (議) là bàn luận, nói năng, thốt chẳng nên lời, chẳng thể nghĩ bàn. Thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đó là giác. Hễ rớt vào trong nghĩ bàn thì là vô minh. Vô minh còn tồn tại trước cả ba tế tướng. Ba tế tướng là Nghiệp Tướng, Kiến Tướng (Chuyển Tướng) và Cảnh Giới Tướng của A Lại Da Thức. Kiến Phần biến hiện Tướng Phần, Tướng Phần là Cảnh Giới Tướng.

(Diễn) Cảnh giới vi duyên, dẫn khởi lục thô.

(演)境界為緣，引起六粗。

*(**Diễn**: Cảnh giới làm duyên, dẫn khởi sáu thô tướng[9]).*

Thứ tự phát triển như vậy, rất giống như kinh Dịch đã nói: *"Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái sanh vạn vật"*. Vì thế, Phật pháp nói về quá trình phát triển rất gần với cách quan sát và diễn tả của tổ tiên người Hoa.

(Diễn) Sơn hà đại địa, nhân vô minh nhi hữu, vọng tưởng nhi thành, y tùng chánh sanh dã.

(演)山河大地，因無明而有，妄想而成，依從正生也。

*(**Diễn**: Núi, sông, đại địa, do vô minh mà có, do vọng tưởng mà thành, [tức là] y báo sanh từ chánh báo).*

---

[9] Sáu thô tướng là:
1) Trí Tướng: Chẳng thể hiểu rõ cảnh giới được hiện bởi thức chính là huyễn ảnh của tự thức, lầm lạc phát sanh "trí huệ" phân biệt các pháp. Đây là Pháp Chấp bẩm sinh.
2) Tương Tục Tướng: Do trí tướng phân biệt, đối với cảnh yêu thích, sanh cảm giác vui sướng. Đối với cảnh không yêu thích, sanh cảm giác khổ sở, dẫn khởi đủ thứ mê vọng tiếp nối chẳng ngừng.
3) Chấp Thủ Tướng: Chẳng hiểu rõ những cảnh khổ, lạc v.v… là hư vọng, chẳng thật, thường duyên niệm những cảnh giới ấy, nắm níu khổ, vui, sanh tâm chấp trước.
4) Kế Danh Tự Tướng: Do những nỗi điên đảo trên đây, bèn gán ghép tên gọi cho những cảnh giới mà chính mình đã chấp trước, so đo, phân biệt.
5) Khởi Nghiệp Tướng: Chấp trước tên gọi, so đo rồi dấy động các nghiệp thiện ác nơi thân, khẩu, ý.
6) Nghiệp Hệ Khổ Tướng: Do nghiệp thiện ác mà cảm lấy khổ quả sanh tử, chẳng được tự tại.

Đây là một câu khẳng định. Toàn thể thế giới vật chất xác thực là cảnh giới do tâm chúng ta biến hiện; vì vậy, cảnh giới chẳng chân thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: *"Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Pháp hữu vi là như trong Duy Thức đã nói về Bách Pháp, Bách Pháp là hết thảy các pháp. Di Lặc Bồ Tát tạo Du Già Sư Địa Luận, đã quy nạp hết thảy các pháp thành sáu trăm sáu mươi pháp. Thiên Thân Bồ Tát sợ kẻ sơ học chẳng dễ tiếp nhận, nên quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp thành một trăm pháp. Do đó, Bách Pháp là hết thảy vạn pháp được quy nạp thành một trăm cương lãnh. Trong một trăm pháp ấy, pháp hữu vi là pháp sanh diệt, có biến hóa, có sanh diệt, tổng cộng có chín mươi bốn loại. Trong chín mươi bốn loại ấy, trước hết là Tâm Pháp gồm tám thứ, tức là tám pháp về tâm thức. Chư vị biết tâm là pháp hữu vi, ngay cả A Lại Da Thức cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. A Lại Da Thức cũng là pháp hữu vi. Đã là pháp hữu vi thì [sẽ như] kinh Kim Cang đã nói *"như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, A Lại Da Thức như mộng, huyễn, bọt, bóng, huống hồ những thứ khác! Tâm Sở Hữu Pháp gồm năm mươi mốt loại lớn. Nói thật ra, nay chúng ta gọi Tâm Sở Hữu Pháp là "tác dụng tâm lý". Tám thức là Thể; có Thể thì đương nhiên sẽ có tác dụng, tác dụng gồm năm mươi mốt loại lớn. Sắc Pháp có mười một loại. [Trong đó], Ngũ Căn gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là Sắc Pháp, Sắc Pháp là vật chất; Lục Trần bên ngoài, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, những thứ ấy thuộc loại Sắc Pháp. Ngũ Căn và Lục Trần hợp thành mười một loại lớn [thuộc về Sắc Pháp]. Những thứ này đều là pháp hữu vi. Còn có hai mươi bốn Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách hiện thời, chúng là khái niệm trừu tượng, chẳng phải là Tâm Pháp, chẳng phải là Tâm Sở Hữu Pháp, mà cũng chẳng phải là Sắc Pháp, nhưng chúng nẩy sanh từ ba loại pháp ấy, sanh ra một loại khái niệm. Khái niệm ấy là trừu tượng, gồm có hai mươi bốn loại. Chẳng hạn như thời gian và không gian là những khái niệm rất trừu tượng, những thứ ấy (Bất Tương Ứng Hành Pháp) chẳng phải là Sắc, mà cũng chẳng phải là Tâm. Tất cả những pháp ấy (Sắc pháp, Tâm Pháp (Tâm Vương), Tâm Sở Hữu Pháp, Bất Tương Ứng Hành Pháp) gộp chung thành chín mươi bốn loại [pháp hữu vi].

Sáu thứ sau cùng gọi là vô vi pháp, vô vi pháp là gì? Chẳng phải là pháp sanh diệt. Trong sáu pháp vô vi, năm pháp trước là tương tự vô vi, vẫn chẳng phải là vô vi thật sự, chỉ có Chân Như vô vi là thật. Chân Như vô vi là gì? Là Chân Như bản tánh, là chân tâm của chính chúng ta.

Chín mươi bốn loại pháp hữu vi đều là vật được biến hiện bởi chân tâm. Cái có thể biến là chính mình, đối với cái được biến lại ngược ngạo chẳng nhận biết, coi nó là vật ngoài thân, sai lầm mất rồi! Khi nào thật sự triệt để hiểu rõ, năng biến (có thể biến) là tự tánh, sở biến (cái được biến) cũng đều là chính mình, vậy là tốt rồi, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi tự tâm. Tâm là năng biến, hết thảy quả báo nơi y báo và chánh báo đều là sở biến. Năng và Sở chẳng hai, Tánh và Tướng như nhau! Đó là cảnh giới chân thật. Câu này có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta, mà cũng có quan hệ mật thiết với sự hạnh phúc của bản thân chúng ta. Trong các phần trước đã nói về hoàn cảnh nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay sẽ giới thiệu chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là hết thảy các nhân vật, *"cố thứ minh chánh báo"* (vì thế, kế tiếp là nói về chánh báo).

(Sớ) Ư ý vân hà? Thẩm kỳ giải phủ dã.

(疏)於意云何，審其解否也。

*(**Sớ**: "Ý ông nghĩ sao?" Xét coi ngài Xá Lợi Phất có hiểu hay không?)*

Đức Thế Tôn gọi ngài Xá Lợi Phất, hỏi Ngài: *"Ư ý vân hà?"*, [nghĩa là] ý ông nghĩ ra sao? Câu này nhằm hỏi Ngài, hỏi ngài Xá Lợi Phất có thể lý giải sự thật ấy hay không? Có biết danh hiệu của đức Phật bên cõi ấy là A Di Đà hay chăng?

(Sớ) Dĩ tri bỉ Phật hiệu A Di Đà, vị tri kỳ nghĩa.

(疏)已知彼佛號阿彌陀，未知其義。

*(**Sớ**: Đã biết đức Phật ấy hiệu là A Di Đà, nhưng chưa biết ý nghĩa).*

A Di Đà nghĩa là gì? Chúng ta hằng ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật, sáu chữ ấy có nghĩa là gì? Nếu chẳng hiểu rõ ràng, đó là mê. Vì thế, có rất nhiều người niệm Phật, sau khi đã niệm được mấy năm bèn chẳng niệm nữa, càng niệm càng cảm thấy chẳng có ý vị gì! Có người dự mấy Phật Thất, niệm Phật rất vất vả, lần sau chẳng đến dự nữa. Vất vả là thật, mà chẳng đạt được lợi ích, đương nhiên lần sau người ta không đến

nữa. Có thể niệm Phật sao cho hễ niệm sẽ sanh tâm hoan hỷ, càng niệm càng hoan hỷ, người ta sẽ chẳng bỏ đi. Chứ càng niệm càng khổ sở, càng niệm càng mê hoặc, đương nhiên người ta sẽ bỏ đi. Do vậy có thể biết, tuy pháp môn này dễ tu, thế nhưng hằng tâm nghị lực cũng chẳng dễ dàng! Hằng tâm nghị lực do đâu mà có? Do hiểu rõ lý mà có. Quý vị thật sự thấu hiểu lý, tâm sẽ kiên cố, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Chúng tôi chọn bộ Sớ Sao có phân lượng to lớn để giảng cặn kẽ là do đạo lý này. Nói thật ra, trong thế gian này, hiện thời, Đài Loan thật sự có phước báo. Những nơi khác người ta mời tôi đến giảng bộ này, tôi rất thích giảng, nhưng chẳng có ai nghe, họ chẳng có thời gian dài như thế, cũng chẳng có ai kiên nhẫn như vậy để đến nghe bộ kinh lớn này. Kinh A Di Đà ngắn, nhưng Sớ Sao là một bộ [sách chú giải] kinh to lớn, phân lượng chẳng kém Pháp Hoa, chẳng thua Lăng Nghiêm, xác thực là một bộ đại kinh. Vì thế, chẳng có phước báo, sẽ chẳng có cách nào khai giảng Sớ Sao, huống chi chúng tôi còn [giảng kèm] thêm sách Diễn Nghĩa.

Niệm một câu Phật hiệu, sáu chữ ấy nghĩa là gì, nhất định phải hiểu rõ ràng thì niệm mới tương ứng. Giống như chúng ta đánh điện báo đến Phật, gởi điện báo đi, có hồi đáp thì mới có thú vị. Đánh chán chê, sau khi đã gởi đi, chẳng thấy hồi đáp gì, về sau sẽ bỏ mất tín tâm. Quý vị thật sự hiểu rõ thì từng tiếng [niệm Phật] đều có cảm ứng, có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Dĩ bỉ Phật nãi nhất kinh chánh chủ, cố tu thẩm vấn.

(疏)以彼佛乃一經正主，故須審問。

*(**Sớ**: Do đức Phật ấy là nhân vật chủ yếu của một bộ kinh, nên cần phải xét hỏi).*

A Di Đà Phật là *"chánh chủ"* của kinh này. *"Chủ"* là chủ nhân. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất nhiều, ai nấy đều là chủ nhân. Mỗi người đều là chủ nhân, chẳng sai! Nhưng A Di Đà Phật là vị chủ nhân chánh yếu bậc nhất vì thế giới ấy do Ngài tạo ra, tất cả hết thảy chúng sanh đều do Ngài tiếp dẫn, do Ngài giáo hóa. Ngài là vị chủ nhân thứ nhất. Chúng ta niệm Ngài, phải nên nhận biết, phải nên liễu giải Ngài.

Vì lẽ đó, ở đây, đức Phật hỏi tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Xá Lợi Phất cũng đại diện cho mọi người chúng ta, hỏi ngài Xá Lợi Phất chẳng khác gì hỏi chúng ta.

(Sao) Chánh chủ giả, báo hữu y chánh, Phật cư kỳ chánh cố. Chánh hữu chủ bạn, Phật vi kỳ chủ cố.

(鈔)正主者，報有依正，佛居其正故；正有主伴，佛為其主故。

*(**Sao**: "Chánh chủ": Do báo có y và chánh, Phật thuộc về chánh. Trong chánh báo lại có chủ và bạn, Phật là chủ).*

Nói rõ ý nghĩa của hai chữ Chánh và Chủ. Báo là quả báo; có nhân, ắt có quả. Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện, tu hành. Chúng ta đã đọc thấy sự phát nguyện của Ngài trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh đã trần thuật Ngài năm kiếp tu hành, kết thành đại nguyện, tạo thành Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên đó là "có nhân, có quả". Trong cái quả ấy, còn có y báo và chánh báo, nên *"Phật cư kỳ chánh"* (Phật thuộc về chánh báo). Phần trước là y báo, hoàn cảnh vật chất đã nói xong, nay giới thiệu A Di Đà Phật, là chánh báo trong quả báo. Chánh báo rất nhiều, phàm những ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc loại chánh báo. Nói theo cách hiện thời, người thế gian bình phàm chúng ta chia hết thảy vạn pháp thành ba loại là động vật, thực vật, và khoáng vật. Trong nhà Phật chỉ chia thành hai loại là chánh báo và y báo. Nay chúng ta gọi chánh báo là động vật, y báo nay được gọi là thực vật và khoáng vật, tức hoàn cảnh vật chất. Chánh báo là hữu tình chúng sanh, y báo là vô tình chúng sanh. Chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng rất nhiều, chẳng có cách nào tính toán. Trong chúng sanh đông đảo ngần ấy, A Di Đà Phật là chủ, Ngài là thầy, Ngài là giáo chủ. Giáo chủ là vị thầy chịu trách nhiệm chánh yếu trong sự giáo học, có ý nghĩa này.

(Sao) Nghĩa tu thẩm giả.

(鈔)義須審者。

*(**Sao**: Cần phải xét rõ ý nghĩa).*

Phải suy xét rõ ràng ý nghĩa này.

(Sao) Dĩ Di Đà vạn đức chi hiệu, kỳ nghĩa thâm quảng, ưng vi khai xiển, sử nhân hiểu liễu, sanh hướng mộ cố.

(鈔) 以彌陀萬德之號，其義深廣，應為開闡 ，使人曉

了，生向慕故。

*(**Sao**: Do danh hiệu Di Đà vạn đức, ý nghĩa sâu rộng, hãy nên khai thị, xiển dương, khiến cho người khác hiểu rõ, sanh lòng ngưỡng mộ, hướng về).*

Danh hiệu Di Đà có ý nghĩa vô cùng sâu rộng, nên phải khai thị, phải nói rõ ràng, minh bạch, khiến cho chúng sanh trong mười phương thế giới nẩy sanh tâm ngưỡng mộ, thì họ mới phát tâm niệm A Di Đà Phật, mong thấy A Di Đà Phật, mong đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Danh hiệu được giải thích trong phần kinh văn phía sau.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh chánh tư duy, thị "ư ý vân hà" nghĩa.

(疏)稱理，則自性正思惟，是於意云何義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh chánh tư duy là ý nghĩa của câu "ý ông nghĩ sao").*

Đoạn văn kế tiếp là tiêu quy tự tánh, cũng là nói xứng tánh. *"Tự tánh chánh tư duy"* có ý nghĩa rất sâu. Người bình phàm nói đến tư duy thì đó là thức thứ sáu, tức ý thức khởi tác dụng. Công năng của thức thứ sáu, tức ý thức, hết sức rộng rãi. Hướng ra ngoài, nó có thể phan duyên tận hư không khắp pháp giới; hướng vào trong, nó có thể duyên đến A Lại Da Thức, nhưng chẳng thể duyên bản tánh. Vì vậy, sử dụng thức thứ sáu, tức ý thức, để cầu minh tâm kiến tánh sẽ chẳng thể thực hiện được. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng, dùng thức thứ sáu, tức tâm ý thức tu hành mà mong thành Phật, khác nào *"chưng sa tác phạn"*, [nghĩa là] mong nấu cát thành cơm, chẳng thể nào! Nấu hết kiếp cũng chẳng thành cơm. Vì sao? Nhân khác nhau. Tu hành thì tâm tu nhân và sự giác ngộ nơi quả nhất định phải tương ứng.

Do vậy có thể biết, Tiểu Thừa nói có Bát Chánh Đạo, có Chánh Tư Duy. Đại Thừa cũng có Bát Chánh Đạo, có Chánh Tư Duy. Chánh Tư Duy của Đại Thừa khác Tiểu Thừa ở chỗ nào? Chánh Tư Duy của Tiểu Thừa dùng tám thức, nói thật ra, họ vẫn chưa biết dùng tám thức, mà dùng thức thứ sáu, tức ý thức. Đại Thừa nói tám thức, Tiểu Thừa nói sáu thức, họ sử dụng ý thức. Chánh Tư Duy của Đại Thừa dùng Chân Như bản tánh, tự tánh khởi tác dụng; đó là Chánh Tư Duy của Đại Thừa. Vậy thì họ chẳng có Tư hay sao? Nói thật ra, chẳng có Tư. Tư duy là một phù hiệu tượng trưng, tượng trưng cho hết thảy đều hiểu rõ, hết thảy

thông đạt. Phàm phu chúng ta đối với mỗi chuyện đều phải suy nghĩ thì mới hiểu rõ; chẳng nghĩ, sẽ không biết. Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh có phải tưởng hay không? Ngài chẳng cần tưởng, vì hễ suy tưởng liền rơi vào thức thứ sáu, tức ý thức. Chẳng cần suy nghĩ, mắt vừa thấy liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ. Các Ngài là trực giác, không thông qua tâm ý thức, nên gọi là Chánh Tư Duy.

Câu *"ư ý vân hà"* được nói trong kinh có ý nghĩa rất sâu! Chúng ta vốn đọc kinh Di Đà, thấy kinh Di Đà rất cạn, dường như rất dễ hiểu. Liên Trì đại sư giải thích, chú giải, càng giải càng sâu! Thật ra, có phải là Ngài chú giải quá sâu hay không? Chẳng phải vậy! Ý nghĩa trong kinh vốn sâu, đó là chỗ mầu nhiệm của kinh. Người nông cạn thấy rất nông cạn, người sâu xa thấy rất sâu, nên đọc trăm lượt chẳng chán. Người nông cạn niệm kinh, rất hoan hỷ, vì họ niệm bèn hiểu. Người trình độ sâu niệm kinh cũng rất hoan hỷ, vì sao? Họ hiểu thâm ý. Kinh này từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật đều niệm không chán, đạo lý ở ngay chỗ này. Liên Trì đại sư chú giải cho chúng ta, nói thật ra, vẫn là chú giải rất nông cạn, dễ hiểu; chỉ vì nếu chú giải sâu xa, chúng ta sẽ chẳng có cách nào tiếp nhận. Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp giải thích chữ Ý. *"Ư ý vân hà"* thì Ý là gì?

(Sao) Trù lượng danh Ý. Thế nhân khởi ư ý thức, niệm niệm trục ngoại trù lượng, thị tà tư duy dã.

(鈔)籌量名意，世人起於意識，念念逐外籌量，是邪思惟也。

*(**Sao**: Trù tính, suy lường gọi là Ý. Người đời khởi ý thức, niệm niệm trù tính, suy lường bên ngoài, đó là tà tư duy).*

Đó chẳng phải là Chánh Tư Duy, nói đến người thế gian. Người thế gian sử dụng thức thứ sáu, tức ý thức, cũng chính là "cái tâm" như người bình phàm thường nói. Trong tâm quý vị tưởng gì? Tâm ấy là thức thứ sáu, tức tâm ý thức. Trong tâm quý vị suy nghĩ điều gì thì chính là thức thứ sáu, tức tâm ý thức đang suy nghĩ. Chân tâm chẳng suy nghĩ, chân tâm là thanh tịnh. Chân tâm ly niệm, tức là một niệm chẳng sanh; chỉ trong vọng tâm thì mới có suy nghĩ. Vì thế, suy nghĩ được gọi là vọng tưởng, là suy nghĩ loạn xạ. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối đều suy nghĩ, thảy đều là suy nghĩ loạn xạ. Quý vị suy nghĩ chánh pháp, suy nghĩ Phật pháp, suy nghĩ gì thì cũng đều là suy nghĩ loạn xạ, nghĩ đến

Phật cũng được coi là suy nghĩ loạn xạ. Do đó, bảo quý vị niệm kinh, quý vị liền thật thà ngoan ngoãn niệm, nhưng vừa niệm vừa nghĩ ngợi ý nghĩa trong ấy, đó vẫn gọi là suy nghĩ loạn xạ. Vì sao gọi là suy nghĩ loạn xạ? Vì kinh do chân tâm lưu lộ. Chân tâm chẳng có ý niệm, chẳng có ý nghĩa, lưu lộ cũng là vô ý, cũng chẳng có ý nghĩa. Chỉ cần quý vị thật thà niệm, sẽ có thể dẫn xuất tự tánh, có thể minh tâm kiến tánh. Nếu vừa niệm kinh, vừa nghiên cứu nó có ý nghĩa gì, thôi rồi, vì sao? Toàn bộ đều rơi vào trong ý thức, chẳng thể khai ngộ! Dẫu cho quý vị nghiên cứu thấu triệt, giảng đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, nói thật thà thì là tà tri, tà kiến, chẳng chân thật! Quý vị chỉ một mực niệm, một niệm chẳng sanh. Người ta mời quý vị giảng, quý vị thấy người ấy trình độ sâu bèn giảng sâu, thấy trình độ nông cạn bèn giảng nông cạn, lời giảng có thể sâu, cạn, dài, ngắn, hoàn toàn chẳng thông qua ý thức. Đó là tự tánh của quý vị lưu lộ, là trí huệ Bát Nhã. Vì vậy, chớ nên nghiên cứu kinh, cứ thật thà niệm là được rồi.

Bản chú giải này của Liên Trì đại sư cũng từ tự tánh lưu lộ, nên chú giải của Ngài có thể sâu, cạn, dài, ngắn. Chư vị hãy đối chiếu với ba trăm ba mươi lăm băng giảng trong lần thứ hai của tôi với lần này, [sẽ thấy] chẳng giống! Tôi giảng lại từ đầu một lần nữa, ý nghĩa sẽ lại khác với lần này. Bởi lẽ, kinh này càng giảng càng hoan hỷ. Nếu ý nghĩa luôn như nhau, tôi giảng cũng chẳng có hứng thú gì! Giống như thầy giáo dạy học trong nhà trường xưa kia, mỗi năm dạy một lớp, dạy suốt một đời chỉ có một quyển sách, một quyển bút ký, có thể dùng cả đời, càng dạy càng tẻ nhạt, chẳng có ý vị gì! Kinh có ý vị, mỗi lần có ý nghĩa khác nhau! Quý vị thật sự tu học, pháp hỷ sung mãn, đúng là sự hưởng thụ cao nhất trong một đời người. Trước kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã truyền cho tôi, cụ bảo: *"Phật pháp là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người"*.

(Diễn) Trù lượng danh Ý giả, Tướng Tông vân: "Tập khởi danh Tâm, tập chư chủng tử, khởi chư hiện hành cố. Trù lượng danh Ý, trù lự tư lượng, tự phần cảnh giới cố. Liễu biệt danh Thức, chiếu liễu phân biệt tiền cảnh giới cố".

(演)籌量名意者，相宗云：集起名心，集諸種子，起諸現行故；籌量名意，籌慮思量，自分境界故；了別名識，照了分別前境界故。

*(**Diễn**: "Trù lượng gọi là Ý": Tướng Tông nói: "Tập khởi thì gọi là Tâm, vì [tâm] gom góp các chủng tử, khởi lên các hiện hành. Trù tính suy lường gọi là Ý, do nó suy tính, lo toan, cân nhắc, thuộc về cảnh giới của chính mình. Thấu hiểu phân biệt rõ ràng thì gọi là Thức, vì nó soi tỏ, phân biệt rõ ràng cảnh giới bên ngoài").*

Tâm là gì? Ý là gì? Thức là gì? Tướng Tông đã định nghĩa, Tâm có ý nghĩa *"tập khởi"*. *"Tập"* (集) là gì? Tập là gom góp chủng tử. Tập là thâu thập, giống như một cái kho, ta đều thâu thập, đó là ý nghĩa của chữ Tập. *"Khởi"* (起) là gì? *"Khởi"* là dấy lên hiện hành. Tiếp đó nói: *"Khởi chư hiện hành"*. Chủng tử gặp duyên bèn sanh trưởng. Tâm ấy là gì? Tâm ấy là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là cái kho, thu thập hết thảy chủng tử cất trong kho để gìn giữ, giống như "phòng lưu trữ hồ sơ" hiện thời. Tất cả hết thảy tạo tác của chúng ta đều có "hồ sơ". Chỉ cần quý vị tạo tác, hồ sơ đều được bảo tồn, đó là ý nghĩa của Tập. Do đó, tạo tác không chỉ là thân thể tạo tác, ngôn ngữ tạo tác, [mà còn là] khởi tâm động niệm. Quý vị vừa động một niệm, trong A Lại Da Thức liền lưu ấn tượng. Trong kinh, đức Phật khuyên, dạy chúng ta, chớ nên hối hận chuyện đã qua. Quá khứ đã tạo tác rất nhiều tội nghiệp, thường nghĩ một lần, hừm! Nghĩ một lần là lại tạo nghiệp một lần, nghĩ thêm lần nữa là lại tạo lần nữa. Thôi rồi! Tội nghiệp trong A Lại Da Thức ngày càng nhiều hơn. Đừng nghĩ tới quá khứ, chủng tử đã có, chúng ta chẳng cần tăng thêm lần nữa, hãy giữ nguyên trạng, đừng tăng thêm. Chuyện vị lai còn chưa đến, chớ nên suy nghĩ lung tung. Quý vị nghĩ đến vị lai cũng là tạo nghiệp trong đó, mới biết là đáng sợ! Đầu óc chúng sanh suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, tưởng quá khứ, tưởng hiện tại, tưởng vị lai, tưởng đến nỗi chẳng biết trong A Lại Da Thức có bao nhiêu chủng tử! Trong kinh, đức Phật đã nói, nếu những chủng tử ấy có thể tích, dẫu thể tích nhỏ đến mấy đi nữa, giống như vi trần, đức Phật dạy, từ vô lượng kiếp cho đến hiện thời, chủng tử nghiệp tập của chúng ta tận hư không khắp pháp giới chẳng thể dung nạp được! May là các chủng tử chẳng có hình tướng!

Ý nghĩa thứ hai là *"Hiện Hành"*, Hiện Hành là gì? Hễ gặp duyên, chủng tử bèn xuất hiện, nó liền khởi tác dụng. Do đó, Hiện Hành cũng là tâm. Chúng tôi nêu một tỷ dụ, từ tỷ dụ này, quý vị sẽ thấu hiểu, liễu giải Hiện Hành là gì? Hiện Hành là chủng tử khởi tác dụng. Chủng tử chẳng gặp duyên, sẽ chẳng khởi tác dụng. Ví như hạt dưa hấu đem cất giữ

trong bình, nó vĩnh viễn chẳng mọc thành dưa, vì sao? Chẳng có duyên! Nếu chúng ta muốn nó kết thành trái dưa, chỉ cần thêm duyên là được. Duyên của nó cần phải có đất màu, phân bón, ánh sáng, nước. Nếu nhiều điều kiện như vậy đều rất viên mãn thì hạt giống nhất định sẽ nẩy mầm, sẽ có thể đơm hoa, kết quả, sẽ sanh ra quả dưa rất ngon lành, đó gọi là Hiện Hành. Vì thế, Hiện Hành là nhân của chủng tử, chủng tử lại là cái nhân của Hiện Hành. Dưa là quả, hạt dưa là nhân; dưa là nhân, hạt dưa lại là quả. Vì thế, dưa và hạt dưa đều là tâm. Chư vị hãy chú ý nơi đây sẽ thấu hiểu: Đó là chủng tử và Hiện Hành. Sanh trưởng, trổ hoa, kết thành trái dưa là Hiện Hành; nhưng trong dưa lại sanh ra chủng tử. Những điều này đều gọi là tâm. Quý vị hiểu đạo lý này, [sẽ biết] nhân và quả toàn là tác dụng của tâm. Điều này mở rộng ra, sẽ là tận hư không khắp pháp giới. Trong kinh nhà Phật thường nói y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà khởi? Từ trong tâm của chính chúng ta biến hiện.

Hiểu đạo lý này, chúng ta vừa vui, vừa sợ. Sợ là vì lục đạo luân hồi tam ác đạo do chính mình biến hiện, vui là vì Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng do chính mình biến hiện. Chủng tử của mười pháp giới thảy đều có trong A Lại Da Thức của chúng ta, ai nấy đều có, tuyệt đối chẳng có người nào khiếm khuyết. Nay quý vị muốn cho chủng tử nào dấy lên hiện hành là do chính mình nắm quyền thao túng, không do người khác khống chế. Giống như trong cái chén trà này, các loại hạt đều có, đều đựng trong đó. Ta muốn ăn dưa hấu, bèn lấy hạt dưa hấu đem trồng. Ta muốn ăn đậu, lấy hạt đậu đem trồng. Quyền thao túng nơi tay ta, chẳng ở trong tay người khác.

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, quý vị muốn thành Phật, quyết định có thể thành Phật, toàn là nằm trong tay của chính mình. Chúng ta có chủng tử thành Phật, chỉ cần kết hợp đúng duyên bèn đạt được. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta có chủng tử *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*, đó là nói theo chủng tử. Chúng ta chỉ cần thêm vào Tín, Nguyện, Hạnh, đó là duyên, giống như dưa cần đất, phân, nước, thêm những thứ ấy vào là được, tự nhiên sẽ kết quả. Vì lẽ đó, muốn thành Phật bèn thành Phật, muốn làm Bồ Tát liền làm Bồ Tát, muốn đời sau được làm thân người bèn làm thân người, muốn làm quỷ, sẽ làm quỷ. Quỷ là duyên gì? Duyên nhiều nhất làm quỷ là do tâm tham nặng nề. Quý vị nghĩ xem chúng ta có tâm tham hay không? Cái này cũng tham, cái kia cũng tham, đó là duyên chủng tử của

ngạ quỷ hằng ngày tăng trưởng; mai sau, quả báo tự nhiên liền biến thành ngạ quỷ. Địa ngục là sân khuể, súc sanh là ngu si. Nếu mọi người hiểu duyên của mười pháp giới, chính mình sẽ có thể khống chế. Chẳng hạn như bất luận gặp chuyện gì chẳng thuận tâm, ta tuyệt đối chẳng nổi giận, vì sao? Đối với cái nhân địa ngục, ta chẳng tạo duyên cho nó, ta đoạn trừ nó, chắc chắn chẳng đọa địa ngục. Đối với thuận cảnh như thế nào, ta chẳng có tâm tham, không tham ái, duyên trong ngạ quỷ đạo cũng đoạn mất. Trong hết thảy cảnh giới, ta hiểu rõ, không mơ hồ, duyên súc sanh đạo bị đoạn mất.

Đức Phật giảng những pháp ấy, chúng ta thật sự tâm phục, khẩu phục. Vì vậy, thành Phật, thành Bồ Tát, chẳng phải là do các Ngài giúp đỡ chúng ta, các Ngài chẳng giúp được! Nếu các Ngài giúp được, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, chúng ta cần gì phải tự mình tu hành? Bản thân chúng ta phải tu hành nhọc nhằn như thế mới thành tựu, Phật, Bồ Tát từ bi ở chỗ nào? Chư vị phải hiểu: *"Hết thảy chỉ do tâm tạo"*, hết thảy do chính mình tạo, chẳng liên quan gì đến người khác. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dạy rất thẳng thừng: *"Phật chẳng độ chúng sanh"*, chúng sanh độ bằng cách nào? Chính mình độ chính mình. Phật cũng là một Tăng Thượng Duyên cho bản thân chúng ta, là một trong khá nhiều điều kiện. Cũng có nghĩa là Ngài bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, chúng ta mới hoảng nhiên đại ngộ, mới biết làm thế nào để khống chế duyên ấy. Vì thêm duyên vào thì mới kết thành quả, chỉ cần cái nhân mà chẳng có duyên thì sẽ không kết thành quả. Nhân chẳng thể thay đổi, không có cách nào khống chế, nhưng duyên do chính chúng ta nắm quyền thao túng; do đó, Phật pháp nói *"duyên sanh"*. Chúng ta hiểu chân tướng sự thật này, hãy khéo khống chế duyên, duyên của chín pháp giới đều bỏ đi, nhất định chẳng vun bồi chúng, chuyên vun bồi cái duyên thành Phật, như vậy là tốt lắm. Duyên thành Phật thù thắng nhất, dễ dàng nhất, đáng tin cậy nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không gì hơn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp môn này xác thực là có căn cứ lý luận, chẳng phải là nói tùy tiện. Chẳng có lý luận khá đáng tin cậy, làm sao chúng ta có thể tin sâu cho được?

Do đó, đối với *"tập khởi"*, hiểu Tập là gì? Khởi là gì? Đó là tâm. Vì thế, tâm quá ư to lớn. Tận hư không khắp pháp giới là một tâm, là một A Lại Da Thức. Nếu quý vị hỏi, tâm ở chỗ nào? Kinh Lăng Nghiêm vừa khởi đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi ngài A Nan, nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng nói rõ ràng, cũng chẳng nói là chân tâm hay

vọng tâm, bất luận là chân tâm hay là vọng tâm: Ông nói "có tâm", vậy tâm ở chỗ nào? Ông hãy nói cho tôi nghe xem. Trước tiên, ngài A Nan nói tâm ở bên trong, đức Phật không đồng ý. Nói ở bên ngoài, cũng không đồng ý, ở giữa cũng chẳng đồng ý. Nói ra bảy chỗ, đức Phật đều chẳng chấp thuận. Rốt cuộc tâm ở chỗ nào? Cuối cùng, ngài A Nan cũng chẳng có cách nào. Thưa cùng chư vị, tận hư không khắp pháp giới là một tâm của chúng ta, điều này rất chẳng dễ hiểu, rất khó hiểu. Tôi dùng chuyện nằm mộng để tỷ dụ để mọi người dễ hiểu. Mỗi ngày, quý vị đều nằm mơ, trong mộng có núi, sông, đại địa, có chính mình, và cũng có rất nhiều nhân vật, chẳng khác gì chúng ta đã thấy lúc ban ngày. Mộng do đâu mà có? Chúng ta biết mộng là do cái tâm của chính mình biến hiện. Khi tâm đang biến hiện mộng cảnh, khi ấy, nếu hỏi quý vị, tâm giống như gì? Toàn thể mộng cảnh là tâm, toàn thể tâm là mộng, toàn thể tâm thành mộng, toàn thể mộng chính là tâm. Ngoài tâm chẳng có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm. Từ chỗ này, quý vị lại hiểu thêm một chút, hiện tại, tận hư không khắp pháp giới là một A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là hư không pháp giới, pháp giới là A Lại Da Thức.

Trong hội Lăng Nghiêm, ngài A Nan chẳng hiểu điều này, nên bị đức Phật bắt bí. Nếu quý vị thật sự nhận biết, nhà Thiền có một câu: *"Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ"* (Nếu người hiểu biết tâm, đại địa không tấc đất). Cớ sao nói đại địa không có tấc đất? Vì đều là tự tâm, ngoài tự tâm ra, chẳng có một vật nào. Kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Tánh là bản thể, Triết Học nói là "bản thể của vạn hữu trong vũ trụ". Vạn hữu trong vũ trụ có bản thể là gì? Kinh Hoa Nghiêm nói là tâm, tâm ấy còn gọi là A Lại Da Thức. Kinh điển y cứ của Pháp Tướng Tông gồm có sáu bộ kinh và mười một bộ luận. Kinh Hoa Nghiêm là một trong sáu bộ kinh ấy. Đó là tâm. Điều khẩn yếu là quý vị phải hiểu rõ Tập là gì, Khởi là gì, phải hiểu rõ ràng hai chữ này. Nói thật ra, hai chữ ấy rất khó hiểu.

"Trù lượng danh Ý", Trù (籌) là trù tính, Lượng (量) là so lường, đó là Ý. Ý là gì? Là Tư (suy nghĩ), chúng đang suy xét, dự tính, đó là Ý. *"Trù lự tư lượng, tự phần cảnh giới cố"* (Vì trù tính, lo toan, cân nhắc, thuộc về cảnh giới của chính mình). *"Liễu biệt danh Thức"*: Liễu (了) là hiểu rõ, Biệt (别) là phân biệt, do định nghĩa này, chúng ta bèn gọi nó là Thức, *"chiếu liễu phân biệt tiền cảnh giới cố"* (do soi tỏ, phân biệt cảnh giới bên ngoài). Do vậy có thể biết: Đối tượng của Ý là đối với chính

mình, đối nội, chẳng đối ngoại, còn Thức là trong lẫn ngoài đều có. Trong lẫn ngoài đều là đối tượng của nó, đối tượng của nó rộng lớn. Thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và năm thức trước, tám thức ấy đều có tác dụng tập khởi, nên đều được gọi là Tâm. Chúng ta gọi chúng là Tám Tâm Vương, tâm thật nhiều! Chẳng phải chỉ có một tâm. Phàm phu có rất nhiều tâm, có tám tâm. Phật, Bồ Tát chỉ có một tâm, chỉ có chân tâm; phàm phu chúng ta có tám tâm, nên tâm rất nhiều! Tám tâm ấy đều có ý nghĩa "tập khởi", cũng đều có ý nghĩa "trù lượng". Do đó, tám thứ ấy cũng gọi là Ý. Tám thứ ấy đều có công năng phân biệt, nên cũng gọi là tám thức. Tám thứ ấy, quý vị có thể gọi chúng là tám tâm, mà cũng có thể gọi là tám ý, mà cũng có thể gọi là tám thức. Vì sao? Các ý nghĩa ấy đều có!

Nếu chúng ta lại thâm nhập phân tích, tuy mỗi thức đều có ba loại công năng ấy, nhưng mỗi thức có thiên trọng, có sức mạnh hay yếu. Có sức tập khởi mạnh mẽ nhất là thức thứ tám, là A Lại Da Thức. Do đó, nếu chúng ta tách ra để nói, tâm ý thức, thức thứ tám là A Lại Da Thức [được gọi] là Tâm. Nó có công năng tập khởi lớn nhất, bảy thức kia chẳng thể sánh bằng. Thức thứ bảy là Mạt Na Thức, Mạt Na Thức có công năng trù tính, so lường đặc biệt thù thắng, bảy thức khác đều chẳng sánh bằng, chúng ta thường nói là "chấp trước". Mạt Na Thức chấp trước nhất, chấp trước kiên cố nhất. Những thức khác cũng có, nhưng rất mỏng, chẳng kiên cố như Mạt Na Thức. Vì thế, Mạt Na Thức là Ý. Trong sáu thức trước, năng lực phân biệt mạnh nhất là thức thứ sáu, tức ý thức, nên thức thứ sáu là Thức. Trong Tướng Tông, nếu tách "tâm ý thức" ra để nói thì Tâm là thức thứ tám A Lại Da, ý là thức thứ bảy Mạt Na, thức là thức thứ sáu, tức ý thức. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 184

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ ba trăm tám mươi ba, hãy xem đoạn thứ hai trong sách Diễn Nghĩa.

Chúng tôi tiếp tục giải thích tâm ý thức. *"Tập khởi danh Tâm, trù lượng danh Ý, liễu biệt danh Thức"* (Tập khởi là Tâm, trù tính, suy lường là Ý, hiểu rõ, phân biệt là Thức), Pháp Tướng Tông nói như vậy. Tám thức đều có công năng "tập khởi, trù lượng, liễu biệt"; trong ba thứ công năng ấy, hễ công năng nào đặc biệt mạnh nhất, ta bèn gọi nó là

Tâm, hay gọi là Ý, hay gọi nó là Thức. Công năng tập khởi thù thắng nhất là A Lại Da Thức, trù lượng thù thắng nhất là thức thứ bảy.

(Diễn) Hựu Ý giả, tức đệ thất thức. Trù lượng giả, tư duy trù lượng, đệ bát Kiến Phần thị Ngã cố dã. Thử chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng danh Ý, diệc kiêm thủ Biến Hành ngũ sở trung Tư dã.

(演)又意者，即第七識。籌量者，思惟籌量，第八見分是我故也。此正取第七心王自體思量名意，亦兼取遍行五所中思也。

*(**Diễn**: Lại nữa, Ý là thức thứ bảy. Trù lượng là suy nghĩ, toan tính, so lường, Kiến Phần thứ tám là Ngã vậy. Đây là chủ yếu dựa trên [đặc tánh] tự thể suy nghĩ, so lường của Tâm Vương thứ bảy mà gọi là Ý, cũng lấy kèm thêm [ý nghĩa của] Tư [Tâm Sở] trong năm món Tâm Sở thuộc loại Biến Hành).*

Đại Thừa Phật pháp thường nói tới Ngã Chấp. Ngã Chấp có hai loại: Một loại là Nhân Ngã Chấp, loại kia là Pháp Ngã Chấp. Hai thứ Ngã Chấp này đều có cội nguồn từ thức thứ bảy. Vì thế, trong tu hành, cổ đức đã nói một nguyên tắc, nguyên tắc này rất trọng yếu: *"Thính giáo phải tiêu quy tự tánh"*, *"thính giáo"* là nghe giảng kinh. Nếu có thể tiêu quy tự tánh, đó là thật sự nghe, cũng là như chúng tôi thường nói: Dùng Phật pháp để khải phát trí huệ và quang minh trong tự tánh của chúng ta, đó gọi là *"tiêu quy tự tánh"*. Trong bộ chú giải này, cuối mỗi đoạn, Liên Trì đại sư đều có phần Xứng Lý. Xứng Lý là tiêu quy tự tánh: *"Tu hành phải chuyển Thức thành Trí"*. Chuyển thức, mà "thức" có tám thức. Chuyển tám thức thành bốn trí, đó gọi là tu hành. Liễu Phàm Tứ Huấn dạy chúng ta nguyên tắc sửa lỗi tu thiện. Sửa lỗi tối thượng thừa là sửa từ trong tâm, kế đến là sửa từ nơi Lý, thấp nhất là sửa từ nơi Sự. Tu hành mà nói *"chuyển Thức thành Trí"* thì là tu nơi tâm địa, là cách tu học tối thượng thừa, là chuyển thức thành trí.

Đối với Thức, chúng ta hiểu ý nghĩa thật sự của nó, cách chuyển như thế nào? Đây là một môn học mà người tu hành trong hiện tại phải biết. Trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch Sớ, Giao Quang đại sư đã đề xướng *"bỏ Thức dùng Căn"*, bỏ Thức dùng Căn là chuyển Thức thành Trí. Trong tám thức, chỉ có hai thức được chuyển trong khi tu nhân, sáu thức kia chuyển nơi quả địa. Nói cách khác, thật sự dụng công là

dụng công nơi thức thứ sáu và thức thứ bảy. Thức thứ sáu và thứ bảy được chuyển trong khi tu nhân. Hễ nhân đã chuyển, quả liền chuyển theo. A Lại Da Thức và năm thức trước tự nhiên liền chuyển. Thức thứ bảy là tư duy, trù tính, suy lường, thức thứ sáu khéo phân biệt, nên chúng tôi thường nói: "Chẳng phân biệt, không chấp trước", đó là chuyển. Chẳng phân biệt liền chuyển thức thứ sáu, tức ý thức, thành Diệu Quán Sát Trí. Không chấp trước liền chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Hiện thời, người thế gian chúng ta bất bình đẳng, vì sao bất bình đẳng? Mỗi người đều có chấp trước, hễ chấp trước, sẽ chẳng bình đẳng. Nếu bỏ sạch tất cả hết thảy chấp trước, sẽ bình đẳng; bỏ hết thảy phân biệt, diệu huệ liền hiện tiền. Biết tu hành là ở nơi dụng công, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, không chấp trước. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở đồng tu hãy tự khích lệ chính mình, vì sao phải làm như vậy? Hiện thời, từ đoạn kinh văn này chúng ta thấy: Đó là chuyển Thức thành Trí. Phân biệt và chấp trước là hư vọng, tuyệt đối chẳng phải là chân thật, nên đức Phật mới bảo chúng ta vứt bỏ. Nếu là chân thật, đức Phật quyết định sẽ chẳng bảo chúng ta vứt bỏ, [vứt bỏ là vì chúng] là giả, chẳng thật!

Hết thảy chúng sanh chấp trước Ngã, Ngã là gì? Thân là Ngã. Đức Phật bảo chúng ta vô ngã, Vô Ngã là dạy chúng ta "thân chẳng phải là Ngã". Ngã ở chỗ nào? Thân chẳng phải là Ngã, mọi người nghe xong, sợ hãi, học Phật đến cuối cùng Ngã cũng chẳng có, khiếp quá! Nếu Ngã chẳng có, ai thành Phật? Do vậy, thành Phật, ta thành Phật, có thành Phật hay không? Chẳng thành! Vì quý vị có Ngã Chấp, làm sao có thể thành Phật cho được? Đừng nói là chẳng thành Phật được, mà A La Hán cũng chẳng thành, vì A La Hán đã phá Ngã Chấp. Kinh Kim Cang nói Tu Đà Hoàn chẳng có Ngã Chấp, điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh rất sâu.

"Tư duy trù lượng, đệ bát Kiến Phần thị Ngã cố dã. Thử chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng danh Ý, diệc kiêm thủ Biến Hành Ngũ Sở trung Tư dã" (Tư duy trù lượng, Kiến Phần thứ tám là Ngã. Đây chính là chủ yếu dựa trên đặc tánh tự thể suy lường của Tâm Vương thứ bảy mà gọi là Ý, cũng như kèm thêm [ý nghĩa của] Tư Tâm Sở trong năm món Tâm Sở thuộc loại Biến Hành). Nếu quý vị chẳng từng đọc Bách Pháp, chẳng có cơ sở Duy Thức, đọc đoạn văn này sẽ chẳng dễ gì hiểu được! Thức thứ tám và Chân Như bản tánh là một Thể, bảy thức trước hoàn toàn là hư vọng. Nói theo cách hiện thời, sẽ là "cảm nhận sai

lầm", [bảy thức trước] sanh từ cảm nhận sai lầm, chẳng chân thật; nhưng A Lại Da Thức là thật. Tuy là thật, nó mê, tuy mê nhưng vẫn là thật, cũng chẳng phải là giả! Các nhà Duy Thức nói A Lại Da Thức là nửa thật, nửa giả, [bởi lẽ], Thể là thật, nhưng tác dụng của nó là mê. Do mê, nên mới khởi lên bảy thức trước. Trong A Lại Da Thức có ba tế tướng. Tướng thứ nhất trong ba tế tướng là Vô Minh Nghiệp Tướng, nghiệp là động. Nói cách khác, tâm động là mê. Kinh luận của tông Duy Thức thường nói: *"Một niệm bất giác bèn có vô minh"*. Bất giác là tâm đã động, giác tánh mất đi, công năng giác bị mất đi, liền biến thành bất giác. Nghiệp là động tướng, là tướng thứ nhất. Tâm vừa động, bèn khởi tác dụng, khởi tác dụng gì? Có thể thấy tướng. Nay chúng ta gọi "có thể thấy tướng" là tinh thần, hiểu lầm cái "có thể" là chính mình. "Ta có thể", chấp trước bắt đầu từ chỗ này!

Như vậy thì Thể của ta là gì? [Chính là] Kiến Phần của A Lại Da Thức, Kiến Phần có thể thấy, muốn thấy, [nhưng] trong Chân Như bản tánh chẳng có tướng, thứ gì cũng chẳng có. Chẳng có mà cứ khăng khăng muốn thấy, đã muốn thấy, nó sẽ hiện tướng. Ví như trong hư không thứ gì cũng đều chẳng có, quý vị trừng mắt nhìn lên hư không, nhìn hồi lâu trong không trung sẽ hiện tướng (các đốm sáng chao lượn), vì sao hiện tướng? Do mắt mỏi mệt, liền có thể hiện ra huyễn tướng. Kiến Phần của quý vị muốn thấy, muốn thấy quá mức, nên A Lại Da Thức mệt mỏi, liền hiện Tướng Phần, nay chúng ta gọi Tướng Phần là vật chất.

Hết thảy sâm la vạn tượng từ đâu mà có? Do Kiến Phần biến hiện. Cảnh do tâm biến hiện, [nói cách khác] vật chất do tinh thần biến hiện. Tâm và vật chất đích xác là cùng một cội nguồn. Cội nguồn ấy, nói nông cạn là A Lại Da Thức, nói sâu xa sẽ là Chân Như bản tánh. Ở đây, chỗ khác nhau là: Tướng được thấy bởi các phàm phu chính là Tướng Phần của A Lại Da Thức, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, nên cõi ấy là Pháp Tánh Độ. Trong Pháp Tánh Độ, Sự Sự vô ngại. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, hoặc là đọc Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, quý vị thấy chư Phật, Bồ Tát, đích xác là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, vì sao? Đó là Pháp Tánh Độ, là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, cũng có nghĩa là Tướng Phần của A Lại Da Thức khi nó hoàn toàn giác chứ không mê. Nay chúng ta mê mà chẳng giác, tuy hiện Tướng Phần, nhưng chẳng được tự tại trong Tướng Phần ấy, chẳng thể xứng tâm như ý, nguyên nhân là ở chỗ này!

Cớ sao sanh ra Ngã? Vì năng kiến (Kiến Phần của A Lại Da Thức) nhất định muốn thấy, nên trong A Lại Da Thức mới biến hiện Tướng Phần. Vì vậy, Tướng Phần ấy chẳng phải là thật, hư huyễn chẳng thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: *"Phàm những gì có tướng đều là hư vọng"*. Tướng Phần có thể duy trì bao lâu tùy thuộc Kiến Phần của quý vị duy trì được bao lâu. Ngày nào Kiến Phần của quý vị chẳng mong thấy nó, tướng sẽ chẳng còn nữa. Thức thứ bảy luôn suy xét, cân nhắc, Ngã Chấp sẽ không gián đoạn. Khi ngủ, Ngã cũng chẳng đoạn; thậm chí đã chết, chấp trước về Ngã vẫn chẳng đoạn. Nếu đã đoạn trừ, sẽ chẳng đầu thai, chẳng luân hồi trong lục đạo. Do Ngã Chấp quá kiên cố, vĩnh viễn không chịu bỏ, nên người ta mới phải luân hồi trong lục đạo.

"Chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng vi Ý" [nghĩa là] Mạt Na Thức có ý nghĩa chánh yếu là luôn suy xét, cân nhắc. *"Diệc kiêm thủ Biến Hành ngũ sở trung Tư dã"*, [nghĩa là] còn kèm thêm Tư Tâm Sở trong năm thứ Biến Hành. Trong năm mươi mốt Tâm Sở, có năm Tâm Sở [được xếp vào loại] Biến Hành[10]. Năm Biến Hành chính là năm thứ tác dụng tâm lý mà tám thức đều có, nên chúng được gọi là Biến Hành Tâm Sở, có tất cả năm thứ. Trong năm thứ ấy có Tư. Tư lại đặc biệt tương ứng với chuyện luôn suy xét, cân nhắc, cho nên Ý kiêm thêm Tư Tâm Sở trong năm Biến Hành.

(Diễn) Ý thức vị ý chi thức, tức đệ lục thức dã.
(演)意識謂意之識，即第六識也。
*(**Diễn**: Ý thức là nói thức của ý, tức thức thứ sáu).*

"Ý" [được nói trong câu này] là Mạt Na, Mạt Na là Ý Căn (thức thứ bảy). Thức thứ sáu, tức ý thức, là do Mạt Na khởi tác dụng, khởi lên tác dụng phân biệt, chúng ta liền gọi nó (tác dụng ấy) là thức thứ sáu. Có thể thấy thức thứ sáu và thức thứ bảy có mối quan hệ hết sức mật thiết.

(Diễn) Luận vân: Ngôn ý thức giả, tức thử Tương Tục Thức, y chư phàm phu thủ trước chuyển thâm, kế ngã, ngã sở, chủng chủng

[10] Năm Tâm Sở thuộc loại biến hành là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Biến (遍) có nghĩa là trọn khắp, không đâu chẳng đến, Hành (行) chính là tâm vận hành. Lại còn có bốn ý nghĩa trọn khắp: Trọn khắp hết thảy các pháp thiện ác, trọn khắp hết thảy tam giới cửu địa, trọn khắp hết thảy thời gian dài ngắn, trọn khắp hết thảy các thức.

vọng chấp, tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, danh vi Ý Thức, diệc danh Phân Ly Thức, hựu phục thuyết danh Phân Biệt Sự Thức, thị dã.

(演)論云：言意識者，即此相續識，依諸凡夫取著轉深，計我我所，種種妄執，隨事扳緣，分別六塵，名為意識，亦名分離識，又復說名分別事識，是也。

*(**Diễn**: Luận viết: "Nói đến ý thức thì chính là Tương Tục Thức, nương theo sự chấp giữ của phàm phu mà chuyển thành sâu đậm. So đo ngã, ngã sở, các thứ chấp trước hư vọng, nắm níu theo sự, phân biệt sáu trần, nên gọi là Ý Thức. Còn gọi là Phân Ly Thức, lại còn nói là Phân Biệt Sự Thức" chính là nói về điều này).*

"Luận vân" là theo như Duy Thức Luận[11] đã nói. Tướng Tông là một môn Tâm Lý Học khá phức tạp. Nếu quý vị đã đọc kinh luận của Tướng Tông, sẽ chẳng còn muốn đọc các tác phẩm về Tâm Lý Học trong ngoài nước nữa! Vì chúng quá ấu trĩ, chẳng đáng xem. Pháp Tướng Tông là Tâm Lý Học Phật pháp, vô cùng cao minh. Bộ sách đơn giản nhất về Pháp Tướng là Tướng Tông Cương Yếu do lão cư sĩ Mai Quang Hy biên soạn, biên soạn hết sức khéo, nội dung hoàn toàn là quy nạp nguyên văn từ kinh luận. Ví như nói đến A Lại Da Thức, cụ sao chép tất cả những điều kinh luận giảng về A Lại Da Thức cùng một chỗ; nói đến Mạt Na, bèn sao chép [những gì kinh điển đã giảng về Mạt Na] vào cùng một chỗ. Quý vị muốn tra cứu kinh luận Pháp Tướng Tông thì kinh luận quá nhiều, chẳng dễ tìm, cụ đã quy nạp các điểm trọng yếu vào một chỗ, nên tra duyệt rất thuận tiện.

Tuy Phật pháp có rất nhiều tông phái, rất nhiều pháp môn, nhưng trong đó, có ba thứ mà mỗi tông, mỗi pháp môn đều phải tu học:

- Thứ nhất là giới luật. Giới luật là khuôn phép sinh hoạt. Các tông phái Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, chẳng có tông phái nào không tuân thủ giới luật.

- Thứ hai là Duy Thức. Duy Thức nói đến lý luận, bất luận các tông, các phái Đại Thừa hay Tiểu Thừa, lý là một, chẳng có lý luận thứ hai.

---

[11] Duy Thức Luận được nói ở đây chính là bộ Thành Duy Thức Luận của ngài Huyền Trang biên soạn nhằm giải thích bộ Duy Thức Tam Thập Tụng (Triṃśikā Vijñaptimātratā) của ngài Thế Thân. Ngài Huyền Trang đã dùng tác phẩm chú giải của ngài Hộ Pháp làm luận điểm chánh yếu và tổng hợp những giáo thuyết của mười đại luận sư khác để biên soạn tác phẩm này.

- Thứ ba là Tịnh Độ, Tịnh Độ là quy túc. Bất luận quý vị học tông nào hay pháp môn nào, cuối cùng đều quy về Tịnh Độ, khác đường nhưng về cùng một chỗ.

Do vậy có thể biết, giới luật, pháp tướng, và Tịnh Độ là khóa trình bắt buộc trong Phật pháp, những thứ khác quý vị có thể chọn lựa để tu tập trong Phật pháp, nhưng ba thứ ấy chẳng thể không tu.

Từ ngữ *"ý thức"* chỉ thức thứ sáu. Kẻ bình phàm tưởng lầm thức thứ sáu là chân tâm của chính mình, coi thức thứ sáu tức ý thức là tâm. Tác dụng lớn nhất của thức thứ sáu, tức ý thức, là nó có thể nghĩ, có thể dấy vọng tưởng. Thức thứ bảy là Mạt Na có tác dụng lớn nhất là chấp trước, cố chấp. Thức thứ sáu tức ý thức, phân biệt, vọng tưởng, công năng này lớn nhất. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta tu hành phải hạ thủ từ hai thức này. Nó muốn phân biệt, ta chẳng phân biệt. Nó muốn chấp trước, ta chẳng chấp trước. Không chấp trước, thiên hạ thái bình, vạn pháp bình đẳng. Hễ có chấp trước, sẽ không bình đẳng.

Trong các chấp trước, chấp trước kiên cố nhất là Ngã Chấp. Có Ngã, làm sao có thể bình đẳng cho được? Ta luôn cao hơn người khác một chút, luôn mạnh hơn kẻ khác một chút, nẩy sanh ngã mạn, đó là phiền não ngạo mạn. Nghèo hèn đến tột cùng như kẻ được gọi là *"hoa tử"*[12], phải ăn xin, "nghèo" là chẳng có của cải, "hèn" là chẳng có địa vị, kẻ ấy có ngạo mạn hay không? Ngạo mạn y chang! Thấy người có tiền, hoặc người làm quan to đi qua, kẻ ấy vẫn hấm hứ: "Có gì ghê gớm đâu chứ! Chẳng qua là có mấy đồng tiền hôi thối mà thôi!" Vẫn cảm thấy mình chẳng thua ai! Chư vị phải biết: Thức thứ bảy tức Mạt Na Thức là *"tứ đại phiền não thường tương tùy"* (thường đi kèm theo bốn đại phiền não). Trong bốn đại phiền não còn có ngạo mạn. Hễ có Ngã, nhất định là có Mạn. Lễ Ký có nói: *"Ngạo bất khả trưởng"*, [cổ nhân] biết ngạo mạn là bẩm sinh, [*"ngạo bất khả trưởng"* là] đừng nên tăng trưởng [ngạo mạn] là được rồi. Nho gia mong khống chế ngạo mạn, chẳng để cho nó tăng trưởng. Phật pháp biết Mạn là đại phiền não, tham, sân, si, mạn, nhất định phải đoạn. Nếu chẳng đoạn phiền não, Ngã Chấp chắc chắn chẳng đoạn được!

Bắt tay vào tu học Phật pháp, nguyện thứ nhất trong các nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là *"lễ kính chư Phật"*, lễ kính là tu gì? Là chiết

---

[12] Đây là cách gọi châm biếm người ăn mày. Do người ăn mày rách rưới quần áo vá chằng vá đụp bằng đủ thứ vải nhặt nhạnh được nên trông loang lổ, nhiều màu. Hơn nữa, họ còn bị ghẻ lở, hay bôi thuốc lam nham như "trổ hoa".

phục ngạo mạn. Phật pháp như thế, mà pháp thế gian cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Trong sự giáo học xưa kia, ai nấy đều phải đọc Lễ Ký, giống như chúng ta học các sách giáo khoa của các môn Công Dân và Tu Thân trong hiện thời. Câu đầu tiên trong Lễ Ký là: *"Khúc Lễ viết: Vô bất kính"* (Khúc Lễ nói: "Không gì chẳng kính"). *"Vô bất kính"* là cung kính hết thảy. Định nghĩa của Lễ là gì? *"Tự ty nhi tôn nhân"*, [nghĩa là] phải tự hạ mình, phải tôn trọng người khác. Giáo học Nho gia cũng nhằm chế phục ngã mạn, thánh nhân thế gian và xuất thế gian có cách nhìn giống nhau, phương châm giáo học cũng giống nhau. Kinh Đại Thừa nói *"chuyển Thức thành Trí"*, bất quá Nho gia chẳng thể chuyển biến thật triệt để, chỉ chế phục mà thôi. Phật pháp kiên quyết chuyển biến nó!

Mạt Na Tương Tục Thức, tức là Mạt Na Thức có tác dụng kéo dài. *"Y chư phàm phu thủ trước chuyển thâm"* (Do các phàm phu chấp giữ mà càng thêm sâu), *"thủ"* (取) là giữ lấy tướng, *"trước"* (著) là chấp trước. *"Kế ngã, ngã sở"* (So đo ta và cái của ta), *"kế"* (計) là so lường, phân biệt, tức là trù tính, cân nhắc, phân biệt, phân biệt Ngã, phân biệt Ngã Sở. Ngã Sở là cái ta vốn có. Những vật ngoài thân đều là cái của ta, gia đình ta, tài sản của ta, sự nghiệp của ta, quyến thuộc của ta, thảy đều là những thứ ta có! Ngã rất khó đoạn, đức Phật có pháp phương tiện: Trước hết, trừ bỏ Ngã Sở, sẽ dễ hơn một chút. Từ Ngã Sở, sau đó sẽ phá trừ Ngã Chấp. Chúng ta phải hiểu, phương pháp có rất nhiều loại, thường nói là *"tám vạn bốn ngàn pháp môn"*, *"pháp"* là phương pháp, *"môn"* là cửa nẻo. Nhưng quả thật chẳng dễ bỏ, đừng nói là Ngã khó bỏ, ngay cả Ngã Sở cũng chẳng bỏ được. Nếu chấp trước kiên cố Ngã và Ngã Sở, chẳng thể buông xuống, nói cách khác, sẽ chắc chắn ở trong lục đạo, quyết định chẳng thể nào vượt thoát được!

Lục đạo được hình thành như thế nào? Do Ngã và Ngã Sở biến hiện. Sơ Quả Tu Đà Hoàn đã trừ bỏ Ngã Sở, chứng đắc Vị Bất Thoái. Tuy chẳng vượt thoát luân hồi, đảm bảo chẳng đọa trong ba ác đạo, vì sao? Các Ngài đã trừ bỏ Ngã Sở, nhưng chưa trừ bỏ Ngã, đã bỏ được Ngã Sở, ngã tham, ngã sân, ngã si, ngã mạn đều chẳng có, đã bỏ hết. Do Tu Đà Hoàn chẳng có tham, sân, si, mạn, nên gọi là thánh nhân. Đắc quả A La Hán, Ngã Chấp liền phá trừ, không chỉ chẳng có Ngã Sở, mà Ngã cũng trừ bỏ, bèn vượt thoát tam giới, chẳng còn luân hồi. Tu Đà Hoàn vẫn còn luân hồi, Ngài qua lại trong cõi trời và nhân gian bảy lần, tức là bảy lần luân hồi, sẽ chứng quả A La Hán, bèn vượt thoát.

Nay chúng ta chẳng bỏ Ngã Sở Hữu được! Đáng sợ quá! Người thế gian quả thật khó thể buông xuống, vì sao? Chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Ví như hiện thời chúng tôi bảo quý vị bố thí, quý vị đem tất cả tài vật bố thí, sẽ nghĩ: "Ngày mai làm thế nào để có cơm ăn?" Vì nghĩ đến ngày mai ta vẫn phải ăn cơm, ta có bố thí thì cũng phải chừa tiền lại để có cơm ăn ngày mai, vẫn chẳng thể bỏ sạch sành sanh. Nay chúng ta đang tu tập để bỏ Ngã Sở, chỉ có thể bỏ được một hai phần trăm Ngã Sở mà thôi. Có thể bỏ đến mười phần trăm, hoặc hai mươi phần trăm, sẽ rất lỗi lạc! Đó là nguyên nhân vì sao người tu hành suốt cả một đời mà chẳng thể thành tựu, chẳng dứt khoát[13], chẳng trừ sạch sành sanh. Tu hành kiểu đó làm sao có thể thành tựu cho được? Vì thế, muốn có thành tựu, thật sự phải có *"đảm thức"* (can đảm và hiểu biết). Chữ Thức (識: nhận thức) trong Đảm Thức quan trọng lắm, quý vị phải có nhận thức, sau đó, quý vị mới có lòng can đảm, mới nhanh chóng trừ bỏ. Để kiến lập đảm thức, tôi cảm thấy tốt nhất là đọc Liễu Phàm Tứ Huấn. Liễu Phàm Tứ Huấn đọc một hai lần vô dụng, chẳng thể sanh ra hiệu quả. Trước kia, tôi khuyên lơn khích lệ các đồng tu, đọc Liễu Phàm Tứ Huấn từ đầu đến cuối chẳng ngừng, mỗi ngày tối thiểu niệm hai ba lượt. Quý vị niệm đến ba trăm lượt, sẽ thay đổi quan niệm. Đọc một hai lần thì do tập khí của quý vị quá nặng, ấn tượng rất mỏng manh, yếu ớt, chẳng sanh ra hiệu quả; ba trăm lần, cho đến ba ngàn lần, trong đầu nẩy sanh tác dụng, sau đấy, quý vị mới dám xả. Vì sao dám xả? Biết *"một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định trước"*, ta đều bỏ hết, ngày mai tự nhiên sẽ có cơm ăn, cơm từ đâu ra? Chẳng biết! Ngày mai quý vị vẫn đương nhiên có cơm ăn, rất mầu nhiệm! Nhưng mọi người chẳng dám tin tưởng điều này!

Tôi thưa cùng chư vị đồng tu: Thuở tôi vừa mới học Phật, lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng tôi một quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Tôi đọc xong, rất cảm động, cảm thấy rất có lý, liền bắt đầu bỏ, vẫn chưa phải là bỏ sạch ngay, mà là bỏ từ từ. Chương Gia đại sư dạy tôi tu sáu năm, trong

---

[13] Nguyên văn *"tha nê đới thủy"* (拖泥帶水: lội bùn, dầm nước, hình dung kẻ đi trên con đường lầy lội, càng sợ bẩn, càng rón rén, càng dính đẫm bùn, ướt nước), còn nói là *"hòa nê hợp thủy"* (和泥合水: khuấy bùn vào nước), là một thuật ngữ chuyên dụng trong Phật giáo, hàm ý chẳng thể gạt sạch triền phược, chẳng thể dứt khoát dũng mãnh đoạn trừ. Từ ngữ này thường được sử dụng rất phổ biến trong nhà Thiền để phê phán những kẻ do dự, chẳng quả quyết, chẳng dũng mãnh gạt bỏ triền phược để đốn siêu trực nhập, hay nói cách khác là chẳng *"đơn đao trực nhập"*.

sáu năm, tôi bỏ sạch sành sanh, thứ gì cũng đều chẳng có. Khi đó, các bạn đồng nghiệp hỏi tôi: "Nay anh chẳng có một đồng nào, lại muốn thôi việc, anh sống bằng cách nào?" Bạn bè thân thiết, cấp trên, đồng nghiệp đều lo lắng giùm tôi. Tôi thôi việc, là do tự mình bỏ việc, bỏ việc thì chẳng nhận được đồng nào, [công ty] chỉ phát một tháng tiền lương. Tôi rất vui vẻ nhận lấy, vì chỉ bằng lòng cho tôi thôi việc là được rồi, một đồng tôi cũng chẳng cần! Khi ấy, đồng nghiệp và cấp trên, mọi người đóng góp chút tiền, tặng tôi hai ngàn đồng, tôi đem món tiền ấy đến Ấn Kinh Xứ của Châu lão cư sĩ để in kinh, thay họ làm việc thiện. Vì chính bọn họ chẳng chịu phát tâm in kinh, nên tôi dùng tên bọn họ để in kinh. Sau khi in xong, tặng mỗi người một quyển để làm kỷ niệm, tôi chẳng cần đến đồng nào! Tôi nói với cấp trên và đồng nghiệp: "Nếu tôi có số đáng phải chết đói, nay quý vị trao ngân hàng Đài Loan cho tôi, tôi vẫn bị chết đói. Trong mạng tôi chẳng bị chết đói, thứ gì tôi cũng đều chẳng cần, ngày mai tự nhiên có cơm ăn". Bọn họ nghe nói đều sững sờ, tôi còn có niềm tin như thế đó! Do số tôi không chết đói, nên mãi cho đến hiện thời, chưa hề bị đói bữa nào, xác thực là như thế đấy! Vì vậy, *"đảm thức"* hết sức trọng yếu, quý vị thật sự có nhận thức thì mới có đảm lượng (lòng can đảm).

Khi tôi cầu học với thầy Lý ở Đài Trung, từng dẫn hai vị pháp sư đến đó. Vị thứ nhất là pháp sư Huệ Nhẫn, nay ở Hương Cảng. Vị này rất thông minh, tôi dẫn theo thầy ấy. Thầy ấy ở Đài Trung mười tháng, có tiền lắm, vì cho vay nặng lãi, mỗi tháng được hơn ba trăm đồng tiền lời. Vào khoảng năm Dân Quốc 50 (1961), ba trăm mấy chục đồng rất đáng giá. Thầy ấy thân thể không khỏe, thường mua thuốc bổ uống, tôi khuyên thầy ấy: "Thầy dùng tiền để mua thuốc uống hết, chẳng đáng tí nào, chẳng có ý nghĩa gì hết, sao không quyên món tiền ấy cho bệnh viện để cứu tế những người đang bị bệnh khổ?" Thầy ấy đáp: "Sau khi tôi quyên tặng rồi, lỡ chính tôi bị bệnh thì làm sao?" Tôi đáp: "Thầy quyên cúng sạch trơn, sẽ chẳng ngã bệnh. Thầy chuẩn bị sẵn một mớ tiền thuốc, còn chưa bị bệnh mà đã chuẩn bị sanh bệnh, làm sao chẳng ngã bệnh cho được? Cảnh chuyển theo tâm, thầy nhất định sẽ đổ bệnh". Nếu tôi có sẵn món tiền dành dụm để lo thuốc thang, tôi sẽ ngã bệnh. Tôi chẳng có tiền thuốc men, vì thế, từ trước đến nay tôi chẳng ngã bệnh. Tôi khuyên thầy ấy, nhưng ông ta chẳng tin tưởng. Dẫu cho thân thể chẳng khỏe, hễ có tiền, bèn đem món tiền ấy quyên tặng bệnh viện, chính mình sẽ chẳng đổ bệnh. [Quyên tặng tiền cho bệnh viện thì có

nghĩa là] tiền thuốc men vẫn cứ phải chi ra y hệt như vậy, nhưng chính mình chẳng sanh bệnh, tốt lắm, thông minh đấy! Cớ gì cứ phải nắm chặt món tiền ấy, tiền chẳng giữ lâu được, vẫn phải bỏ ra, chính mình lại còn chuốc lấy bệnh khổ, oan uổng quá! Chuyện này cần phải có trí huệ, phải nhận rõ chân tướng sự thật. Chư vị đồng tu nếu muốn chính mình chẳng sanh bệnh, hãy quyên tặng món tiền dành dụm để lo thuốc men. Người trong thế gian bệnh khổ rất nhiều, giúp đỡ họ, chính mình chẳng sanh bệnh. Vì lẽ đó, đối với *"đảm thức"*, quý vị thật sự có nhận thức thì mới có lòng can đảm, mới dám thật sự làm, làm đến mức sung sướng không ngằn, mới có thể sanh trí huệ.

Thức thứ sáu tức ý thức là mỗi ngày đều phan duyên. *"Tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần"* (Nắm níu theo sự việc, phân biệt lục trần), lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, ai phân biệt? Thức thứ sáu tức ý thức phân biệt. Đó là ý thức, cũng gọi là Phân Biệt Sự Thức.

(Diễn) Niệm niệm trục ngoại trù lượng giả, niệm niệm tùy trục ngoại trần, tư lượng, trù độ, tằng bất tạm ly, nhật dạ an ư mê loạn, nhi bất giác dã, duy sanh, duy tử, tự nhược ư phân nhiễu chi trung, vô cổ, vô kim, tương vong ư tán loạn chi nội, khả cụ dã.

(演)念念逐外籌量者，念念隨逐外塵，思量籌度，曾不暫離，日夜安於迷亂，而不覺也，唯生唯死，自若於紛擾之中，無古無今，相忘於散亂之內，可懼也。

***(Diễn**: "Niệm niệm trù tính, suy lường theo bên ngoài": Niệm niệm đuổi theo ngoại trần, suy nghĩ, trù tính, cân nhắc, chưa từng tạm lìa, ngày đêm ở yên trong mê loạn mà chẳng nhận biết. Chỉ sống, chỉ chết, tự đặt mình trong sự nhiễu loạn, chẳng xưa, chẳng nay, quên bẵng trong tán loạn, đáng sợ thay!)*

"Ngoại trần" là cảnh giới bên ngoài. Vì sao cảnh giới bên ngoài gọi là Trần? Trần (塵) là tỷ dụ, có ý nghĩa ô nhiễm. Tâm thanh tịnh của chúng ta bị cảnh giới bên ngoài ô nhiễm. Nói thật ra, cảnh giới bên ngoài có bao giờ ô nhiễm tâm thanh tịnh của quý vị? Ô nhiễm cũng là tỷ dụ, trọn chẳng phải là ô nhiễm thật sự. Do vì quý vị phân biệt, chấp trước, nên giống như bị nhuốm bẩn. Nếu đối với cảnh giới lục trần bên ngoài, quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, chúng ta thường nói là "không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước",

ngoại cảnh có thể hưởng thụ, có thể thọ dụng, có trở ngại chính mình hay không? Không trở ngại. Đó là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vì lẽ đó, nói thật ra, cuộc sống của chư Phật, Bồ Tát chẳng khác chúng ta. Trên hình thức, sự tướng, chẳng khác gì nhau; nhưng tâm lý khác nhau. Chúng ta phân biệt, chấp trước, nên bị ô nhiễm; các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước, nên chẳng bị ô nhiễm. Nói theo phía các Ngài là Sự Sự vô ngại; nói theo phía chúng ta thì là "gặp chuyện bèn thành chướng ngại", đâu đâu cũng đều là chướng ngại. Quý vị phải truy cứu nguyên nhân, chướng ngại do đâu mà có? Chướng ngại là từ tâm lý khởi tác dụng, lại còn chấp trước hư vọng, trọn chẳng phải là thật sự có chướng ngại, mà do quan niệm của chính mình sai lầm. Do quan niệm sai lầm ấy, tạo ra rất nhiều chướng ngại; do có những chướng ngại ấy nên khởi phiền não. Do có phiền não, nên dẫn khởi khổ báo, tam đồ là khổ báo.

"Niệm niệm tùy trục ngoại trần" (Niệm niệm đuổi theo ngoại trần), bị cảnh giới bên ngoài dối gạt, bị cảnh giới bên ngoài lôi đi, tâm chuyển theo cảnh, khổ lắm! Khổ quá! Trong Phật pháp thường nói đến chuyện bị *"ma dựa"*, ma cảnh. Ma có rất nhiều loại, kinh Bát Đại Nhân Giác chia ma thành bốn loại lớn, trong đó ba loại lớn thuộc về bản thân, chỉ có một loại ở bên ngoài. Ngũ Ấm Ma và Phiền Não Ma thuộc về bản thân, chính mình vốn sẵn có; Tử Ma là sanh tử, cũng là bản thân sẵn có, chỉ có Thiên Ma là ở bên ngoài. Thiên Ma là gì? Trừ ba loại lớn thuộc về bản thân ra, đều gọi là Thiên Ma. Có phải là Thiên Ma thật sự có thể chướng ngại chúng ta? Chẳng phải vậy! Vì bên trong quý vị có ba loại ma ấy, bên ngoài mới có thể khởi tác dụng. Nếu ba thứ bên trong chẳng có, bên ngoài chắc chắn chẳng có Thiên Ma. Chư vị đọc kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chẳng gặp phải Thiên Ma, vì sao chẳng có? Vì chính Ngài chẳng có Ngũ Ấm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, nên bên ngoài cũng chẳng có Thiên Ma. Bản thân chúng ta có phiền não, nên bên ngoài có ma. Thiện Tài đồng tử thấy cảnh giới bên ngoài là cảnh giới thiên nhiên, cảnh giới tự nhiên, toàn là thiện tri thức. Tình và vô tình đều là thiện tri thức, nên Ngài là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Do vậy có thể biết, ma sanh từ đâu? Ma sanh từ tâm, cũng tức là ma sanh từ quan niệm và tư tưởng sai lầm của quý vị. Nếu kiến giải và tư tưởng của quý vị chánh chứ không tà, giác chứ không mê, quyết định chẳng có ma. Tư tưởng và kiến giải sai lầm, thưa cùng chư vị, ngay cả A

Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật đều là ma, vì sao? Quý vị sẽ bị các Ngài thử thách, thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu đối với hết thảy các tướng, quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, yêu ma, quỷ quái đều là thiện tri thức, đều chẳng phải là ma, quý vị mới thật sự hiểu rõ cảnh chuyển theo tâm.

Cho nên tu hành là tu gì? Tu cái tâm của chính mình, thanh tịnh tâm. Tuy nói ba tâm, giác tâm, chánh tâm, thanh tịnh tâm, một mà ba, ba mà một. Trong ba loại tâm ấy, thanh tịnh tâm thuận tiện nhất, dễ dàng tu nhất. Tâm đã thanh tịnh, đương nhiên là chánh tri chánh kiến, đương nhiên là giác chứ không mê. Thiền tu tập từ nơi giác tâm, chẳng dễ dàng cho lắm! Giáo Hạ tu tập từ chánh tâm, tức là chánh tri chánh kiến, cũng chẳng phải chuyện dễ dàng. Niệm Phật tu tập từ tâm thanh tịnh.

Chúng ta hiểu chân tướng sự thật này, phải nên chuyển ngược lại, xoay chuyển lại. Niệm niệm đừng nên đuổi theo ngoại trần nữa, đừng bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, chính mình có chủ trương, chính mình làm chủ tể, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Quý vị có bản lãnh ấy, sẽ chẳng khác Phật, Bồ Tát. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai"*. Như Lai có bản lãnh gì? Như Lai chẳng bị cảnh giới chuyển. Chúng ta bị cảnh giới chuyển, nên là phàm phu. Chẳng bị cảnh giới chuyển, sẽ là Phật, Bồ Tát.

"Tư lương trù độ, tằng bất tạm ly, nhật dạ an ư mê loạn, nhi bất giác dã" (Suy lường, trù tính, cân nhắc, chưa hề tạm rời, ngày đêm ở yên trong mê loạn, mà chẳng hay biết). Đây là nói về phàm phu. *"Duy sanh, duy tử"*, sanh sanh tử tử, vĩnh viễn chẳng xong, luân hồi trong lục đạo. *"Tự nhược ư phân nhiễu chi trung, vô cổ, vô kim, tương vong ư tán loạn chi nội, khả cụ dã"* (Tự đặt mình trong sự nhiễu loạn, không xưa, không nay, quên bẵng trong vòng tán loạn, đáng sợ thay). Chữ *"nội"* chỉ lục đạo luân hồi. Tự mình mê mất, nên thấy hết thảy chúng sanh đều mê, mà vẫn cứ ngỡ đó là chánh xác.

Thuở tôi còn trẻ, thích đọc lịch sử, sau này học Phật, chẳng còn đọc Nhị Thập Ngũ Sử nữa, tôi buông một câu phê bình "chó cắn sủa nhau". Lịch sử xưa nay, trong ngoài nước đều là như vậy, thật ra là đang tạo nghiệp. Trước kia, tại Đài Loan hằng năm đều tuyển chọn người tốt, chuyện tốt, thầy Lý viết trên bảng đen chữ Hảo Nhân (người tốt), dưới chữ Hảo bèn khuyên một cái, [thành ra] "hảo nhân háo sự!" (người tốt ham bới ra việc)[14]. Lại nghĩ tới Bàng cư sĩ đã bảo: *"Hảo sự chẳng bằng*

[14] Cụ Lý Bỉnh Nam chơi chữ. Chữ Hảo là tốt, và chữ Háo (ham chuộng) viết cùng

vô sự". Nếu mỗi người đều chẳng muốn làm chuyện tốt, sẽ đều vô sự, thưa cùng chư vị, thiên hạ thái bình. Vì sao hiện thời Đài Loan loạn như thế? Người "tốt" lắm quá! Ai nấy đều muốn làm chuyện tốt! Quý vị thấy ngay cả viện Lập Pháp (Quốc Hội) cũng đấu đá như vậy, háo sự đấy!

Công việc chúng ta đang làm hiện thời, đối với quốc gia, đối với xã hội, đối với thế giới có sự cống hiến nhất định, tuyệt đối chẳng ít hơn những việc họ làm, nhưng công việc của chúng ta thanh tịnh hơn. Việc người ta chẳng muốn làm, chúng ta sẽ làm. Những gì người ta muốn, thảy đều nhường cho quý vị làm; nếu quý vị chẳng làm, chúng tôi sẽ làm. Những người làm chuyện tốt ấy, bảo họ xuống tóc, xuất gia, giảng kinh, họ chẳng làm. Họ chẳng làm, tức là họ chẳng làm chuyện tốt đẹp ấy. Vì thế, phải hiểu chuyện tốt là gì, tiêu chuẩn của chuyện tốt cũng rất khó nhận biết rõ ràng. Chẳng có trí huệ kha khá, sẽ chẳng có cách nào phân biệt thị phi, thiện ác. Thị phi, thiện ác đều chẳng thể phân biệt, coi nhất loạt như nhau, ngay cả lợi hại cũng chẳng thể phân biệt, đó là ngu si tới tột cùng!

Trong lời Sao có nói: *"Thế nhân khởi ư ý thức, niệm niệm trục ngoại trù lượng, thị tà tư duy dã"* (Người đời khởi lên ý thức, niệm niệm trù tính, suy lường theo bên ngoài; đó là tà tư duy). Liên Trì đại sư đã kết luận: Thức thứ sáu và thức thứ bảy khởi tác dụng là tà tư duy, chẳng phải là chánh tư duy! Tà tư duy là tà tri, tà kiến, chẳng phải là trí huệ chân chánh.

(Sao) Toàn kỳ ý thức, khấu kỷ nhi tham, tư chi hựu tư, tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư, toàn thân tức thọ, tức quang, hà luận bỉ Phật, thử Phật?

(鈔)旋其意識，扣己而參，思之又思，思盡還源，思無所思，全身即壽即光，何論彼佛此佛。

*(**Sao**: Xoay chuyển ý thức, quay trở lại tham cứu chính mình, suy đi nghĩ lại, suy nghĩ cho đến khi hết hẳn suy nghĩ sẽ trở về nguồn, suy nghĩ mà không còn có gì để suy nghĩ nữa, toàn thân chính là thọ, là quang, còn luận định Phật này, Phật kia chi nữa?)*

---

một chữ, chỉ có giọng đọc khác nhau. *"Hảo nhân hảo sự"* (Người tốt, việc tốt) được cụ đọc thành *"hảo nhân háo sự"* (người tốt ham bới ra chuyện này nọ).

Đây là trở về tự tánh, chuyển thức thành trí, dạy chúng ta cách tu học như thế nào? *"Toàn kỳ ý thức"* (Xoay chuyển ý thức) thì cách xoay là như thế nào? Tham cứu như thế nào?

(Diễn) Toàn kỳ ý thức giả.

(演)旋其意識者。

*(**Diễn**: Xoay chuyển ý thức).*

"Toàn" (旋) là quay đầu. Trong Phật môn thường nói *"hồi đầu thị ngạn"* (quay đầu sẽ là bờ). Quán Thế Âm Bồ Tát rất biết vận dụng phương pháp này. Quý vị xem Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm, sẽ thấy Ngài giảng phương pháp tu hành của Ngài.

(Diễn) Vị sơ tâm nhân, vị năng cự y nghiệp thức tu hành, chỉ khả tức tựu ý thức hồi quang phản chiếu dã. Cố chư tu hành nhân vị đắc định giả, giai tán vị độc đầu ý thức vi quán Thể; đắc thượng định giả, diệc thị định ý thức hiện lượng quán sát dã.

(演)謂初心人，未能遽依業識修行，只可即就意識回光返照也。故諸修行人未得定者，皆散位獨頭意識為觀體；得上定者，亦是定意識現量觀察也。

*(**Diễn**: Ý nói kẻ sơ tâm chẳng thể dựa ngay trên nghiệp thức để tu hành, chỉ có thể từ ngay nơi ý thức mà hồi quang phản chiếu. Vì lẽ đó, người tu hành mà chưa đắc Định đều dùng tán vị độc đầu ý thức[15] để quán Thể. Người đã đắc Định bậc thượng cũng là dùng Định hiện lượng*

---

[15] "Độc đầu ý thức" (獨頭意識) là thuật ngữ hàm ý: Ý thức chẳng cùng sanh khởi với năm thức trước, mà là sanh khởi độc lập. Nói cách khác, khi năm căn tiếp xúc năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) sanh khởi năm thức, năm thức ấy lại chuyển các hình bóng của tiền trần cho ý thức phân biệt, lưu giữ ấn tượng trong A Lại Da. Ý thức kiểu đó chẳng phải là độc đầu. Độc đầu ý thức chỉ duyên với pháp cảnh, tức hình ảnh của pháp trần. Độc đầu ý thức gồm bốn loại:

1) Mộng trung độc đầu ý thức: Khi nằm ngủ, ý thức phan duyên cảnh giới trong mộng, sanh ra ý thức. So trong tam lượng, cảnh trong mộng được xếp vào phi lượng (chẳng thuộc trong tam lượng).

2) Định trung độc đầu ý thức: Khi Thiền Định, cảnh giới trong thiền định khiến ý thức sanh khởi, loại này chỉ thuộc vào hiện lượng.

ý thức để quán sát).

Chúng ta chớ nên không biết chân tướng sự thật này, vì lý luận này xuyên suốt tất cả các pháp môn. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng cùng một nguyên lý như vậy. Người sơ phát tâm quyết định dùng thức thứ sáu, tức ý thức, để tu hành. Thiên Thai đại sư do kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, sau khi đã ngộ, bèn sáng chế phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán. Phương pháp này của Ngài hết sức gần với phương pháp được giảng trong kinh Lăng Nghiêm. Thuở đó, cao tăng Ấn Độ đến núi Thiên Thai thăm viếng Trí Giả đại sư, nghe Ngài giảng pháp môn tu hành, đã bội phục năm vóc sát đất. Do kinh Lăng Nghiêm chưa truyền đến Trung Hoa, Ngài nghiễm nhiên suy nghĩ một phương pháp tương ứng với kinh Lăng Nghiêm. Tuy là giống nhau, trên thực tế, vẫn có chỗ bất đồng, bất đồng ở chỗ nào? Giao Quang đại sư đã nói rất rõ ràng: Tam Chỉ Tam Quán của ngài Thiên Thai dùng tâm ý thức để tu. Xa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiền Na được nói trong kinh Lăng Nghiêm dùng tự tánh để tu, chẳng dùng ý thức, đó là chỗ bất đồng. Nhìn bề ngoài, Xa Ma Tha là Chỉ, Tam Ma Địa là Quán, Thiền Na là Chỉ Quán đẳng vận (Chỉ và Quán cùng vận dụng), xác thực là giống như Tam Chỉ Tam Quán do Thiên Thai đại sư đã nói, [thật ra là] phương pháp giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau. Lăng Nghiêm khó, Lăng Nghiêm phải bỏ thức dùng căn, Thiên Thai dễ dàng, Thiên Thai dùng tâm ý thức, chúng ta ai nấy đều có thể tu học. Chú giải kinh Lăng Nghiêm chia làm hai phái lớn. Ngài Giao Quang là tân phái, chủ trương bỏ thức dùng căn. Ngài Trường Thủy[16] là cựu phái, chủ trương vận dụng tư tưởng của tông Thiên Thai, theo lối này, người bình phàm đều có thể tu học.

---

3) Tán vị độc đầu ý thức: Chẳng phải là mộng mà cũng chẳng phải là trong định, chẳng duyên theo cảnh của năm thức trước. Trong tình huống bình thường, tâm tán loạn dấy lên, ý thức rong ruổi, trước sau, xưa nay, chợt nghĩ nọ, nghĩ kia, loạn tưởng chẳng ngừng thì gọi là tán vị độc đầu ý thức. Nói cách khác, tán vị độc dầu ý thức chính là vọng tưởng.

4) Cuồng loạn độc đầu ý thức: Khi con người điên đảo, hoặc thần kinh thác loạn, thường tự nói, tự kể, thậm chí hoa chân múa tay, nói năng lộn xộn, ý thức khi ấy được gọi là cuồng loạn độc đầu ý thức.

[16] Ngài Tú Châu Trường Thủy Tử Tuyền (965-1038), tự là Trọng Vi, hiệu Trường Thủy, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm, sống vào đời Bắc Tống, họ ngoài đời là Trịnh. Năm chín tuổi, xin xuất gia với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, học tập kinh Lăng Nghiêm. Năm mười hai tuổi, thọ giới Sa Di. Trong niên hiệu Thái Bình Hưng

Tâm ý thức khẩn yếu ở chỗ hồi quang phản chiếu, phải biết quay đầu. "Quay đầu" là chẳng hướng ra ngoài phan duyên, mà là hướng nội phan duyên. Ngoại phan duyên là duyên theo lục trần, hướng nội phan duyên là duyên theo tự tánh. Bất luận chuyện gì, hễ có thể quay đầu, như vậy là tốt đẹp. Người tu hành chưa đắc Định, giống như chúng ta hiện thời chưa đắc Định, ai làm chủ? Tán vị độc đầu ý thức làm chủ. Nay chúng ta nói niệm Phật cũng thế, mà tu quán tưởng cũng thế, đọc tụng kinh điển cũng như vậy, đều là dùng tâm ý thức. Quý vị đã đắc Định, người niệm Phật đắc Định được gọi là Niệm Phật tam-muội. Vì quý vị thông thường dùng tâm ý thức sẽ dần dần có thể quay đầu, có thể phản quán, cũng là đối với hết thảy cảnh giới bên ngoài, pháp thế gian lẫn Phật pháp thảy đều buông xuống. Pháp môn Tịnh Tông chỉ duyên theo một câu A Di Đà Phật, chỉ tư duy một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Di Đà cũng là kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta suy nghĩ, nghĩ nhớ trong phạm vi ấy, không chạy theo bên ngoài, dần dần sẽ đắc Định, tâm thanh tịnh.

Thoạt tiên, quý vị đạt được cái gọi là "công phu thành phiến" trong Tịnh Tông. Công phu thành phiến chẳng phải là Định thật sự, nhưng coi như là Định, vì công phu của quý vị có thể chế phục tâm tán loạn. Công phu như vậy chắc chắn vãng sanh, đó gọi là "đới nghiệp vãng sanh", sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu công phu sâu hơn một tầng, thật sự đoạn Kiến Tư phiền não, chúng chẳng còn khởi tác dụng,

---

Quốc, ngài đến chùa Linh Quang thuộc Tú Châu, theo học kinh Lăng Nghiêm với ngài Mẫn Huệ, được ngài Mẫn Huệ phó pháp. Về sau, Sư đến tham phỏng ngài Huệ Giác núi Lang Gia, hoảng nhiên đại ngộ, xin làm thị giả. Ngài Huệ Giác thấy tông Hoa Nghiêm đã suy vi, bèn phó chúc Sư chấn hưng. Ngài bèn vâng lời lui về học Hoa Nghiêm, tham cứu sâu xa huyền chỉ. Về sau, Sư trụ tại chùa Trường Thủy, chuyên giảng Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm, trong đời Ngài đã giảng kinh Lăng Nghiêm hơn ba mươi lần. Năm Thiên Thánh thứ tám (1030), đại sư soạn Lăng Nghiêm Nghĩa Sớ hai mươi quyển (đây chính là bộ sách thường được gọi là Lăng Nghiêm Trường Thủy Sớ), Kim Cang Bát Nhã Kinh Toản Yếu Khoa (một quyển), Khởi Tín Luận Bút Sao Ký (hai mươi quyển). Ngài còn giảng Hạnh Nguyện Sao, Pháp Giới Quán, Viên Giác Kinh, Thập Lục Quán Kinh mấy chục hội. Năm Đại Trung Tường Phù nguyên niên (1013), triều đình ban tặng sư áo ca-sa tía và tước hiệu Trường Thủy Sớ Chủ Lăng Nghiêm Đại Sư. Trước khi Hoa Lục rơi vào tay Mao Trạch Đông, huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang còn có chùa Lăng Nghiêm. Đây chính là nơi Ngài từng ở để viết chú giải kinh Lăng Nghiêm. Trong chùa có ngôi điện Vũ Hoa Đường, theo truyền thuyết, khi Ngài viết chú giải, chư thiên rải hoa cúng dường, nên ngôi điện ấy có tên như vậy. Năm 1935, Thái Hư đại sư từng giảng Lăng Nghiêm Kinh Đại Ý tại nơi này.

chẳng khởi hiện hành, thật sự đã đoạn, bèn chứng đắc Sự nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là Niệm Phật tam-muội thật sự. Công phu thành phiến là tương tự tam-muội, chẳng phải là thật sự, nhưng chắc chắn vãng sanh. Đạt đến Sự nhất tâm, sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, địa vị vãng sanh đương nhiên cao. Công phu như vậy, nói thật ra, kẻ bình phàm chúng ta rất khó làm được!

Nói tới công phu thành phiến, có thể nói là bất cứ ai, chỉ cần quý vị thật sự nỗ lực, thật sự chịu tu, chẳng có một ai chẳng đạt được! Điều này có nghĩa là pháp môn này *"vạn người tu, vạn người đến"*. Hơn nữa, trong công phu thành phiến, cũng có ba bậc chín phẩm. Trong ba phẩm thượng của công phu thành phiến, [hành nhân] biết trước lúc mất, sanh tử tự tại, điều này có tác dụng cổ vũ chúng ta rất lớn. Sanh tử tự tại thì ta muốn đi lúc nào bèn ra đi lúc ấy, muốn ở thêm mấy năm bèn ở thêm mấy năm, tự tại! Bất cứ học vấn hay tôn giáo nào trong thế gian cũng đều chẳng làm được điều này, chỉ riêng trong Phật pháp là có thể làm được, sanh tử tự tại, thật vậy, chẳng giả! Ba phẩm trung của công phu thành phiến tuy không thể tự tại, nhưng có thể biết trước lúc mất, có thể đứng mất, ngồi mất, lúc mất chẳng bị bệnh khổ. Hễ còn chết trong bệnh khổ thì phẩm vị chẳng cao cho lắm!

Trong quá khứ, khi thầy Lý tại thế, đã có lần giảng kinh tại đại hội trường Trung Hưng, cụ công khai tuyên bố cụ sanh tử tự tại. Lúc ấy, cụ chỉ mới bảy mươi lăm tuổi. Cụ có thể làm được thì chúng ta cũng có thể làm được, phải có ý niệm này thì mới được. Cụ làm được, chúng ta rất hâm mộ, nhưng chúng ta làm không được, vậy là chẳng có ý nghĩa gì hết! Cụ có thể làm, chúng ta cũng có thể làm. Cụ bảy mươi lăm tuổi làm được thì chúng ta sáu mươi lăm tuổi phải làm được, đó gọi là "kẻ đến sau mà ở trước", nói chung, chẳng lọt sau người ta! Quý vị chỉ cần hiểu rõ lý luận, tìm được phương pháp, nghiêm túc tu học, chẳng có ai không thành tựu!

Phật pháp chẳng phải là đặc quyền [cho riêng một ai], mà là bình đẳng, ai nấy đều có thể tu thành, ai nấy đều có thể đạt được, vấn đề là quý vị có chịu tu hay không? Đó gọi là *"ông tu ông đắc, bà tu bà đắc"*, không tu sẽ không đắc, quyền kiểm soát vấn đề này hoàn toàn nằm trong tay của chính mình. Dẫu đắc Định, vẫn là ý thức làm chủ trong Định, chẳng phải là bản tánh. Thật sự làm chủ thì nhất định phải chuyển thức thành trí. Trong Phật pháp, Đại Thừa Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát mới

chẳng dùng tâm ý thức, lìa khỏi tâm ý thức. Thiền Tông nói đến chuyện tham Thiền, Tham là gì? Lìa tâm ý thức mới là Tham. Nay chúng ta nói "nghiên cứu", Phật pháp chẳng nói "nghiên cứu". Nghiên cứu là dùng tâm ý thức, dùng thức thứ sáu, tức ý thức, đó là tà tư duy, chẳng phải là chánh tư duy. Lìa khỏi tâm ý thức, sẽ là chánh tư duy, là chánh tri chánh kiến. Chánh tri chánh kiến cũng là *"Phật tri Phật kiến"* như kinh Pháp Hoa đã nói. Vị Phật ấy chẳng phải là Phật ở bên ngoài, mà là vị Phật của chính mình, tức tự tánh Phật, tự tánh Bát Nhã lưu lộ. Đức Phật dạy chúng ta làm như vậy, chẳng phải là dạy chúng ta dựa vào tri kiến, ý tưởng của Ngài. Phật chẳng phải là như vậy, Phật dạy chúng ta khai phát chánh tri chánh kiến trong tự tánh.

(Diễn) Khấu kỷ nhi tham giả, vị bất trục ngoại trù lượng, đản hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo, niệm niệm thể sát, niệm niệm cứu thẩm, cúc kỳ căn nguyên dã.

(演)扣己而參者，謂不逐外籌量，但向一句阿彌陀佛上著倒，念念體察，念念究審，鞫其根源也。

*(**Diễn**: Tham cứu chính mình là chẳng trù tính, suy lường theo bên ngoài, chỉ hướng về một câu A Di Đà Phật mà nghiền ngẫm, niệm niệm nghĩ xét, niệm niệm tham cứu cặn kẽ, tra xét nguồn cội của nó).*

Chúng ta thường nói là trong hết thảy cảnh duyên, chẳng phân biệt, không chấp trước, chẳng khởi tâm, không động niệm, giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, đó là chân chánh tu hành. Đó là quay đầu, trở về tự tánh. Trong phần trước đã nói, *"toàn kỳ ý thức"* (xoay chuyển ý thức), chúng ta phải quay đầu như vậy. *"Đản hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo, niệm niệm thể sát, niệm niệm cứu thẩm, cúc kỳ căn nguyên dã"* (Chỉ hướng về một câu A Di Đà Phật mà nghiền ngẫm, niệm niệm nghĩ xét, niệm niệm tham cứu cặn kẽ, tra xét nguồn cội của nó): Đó là nói theo phía người tu Tịnh Độ, vì tu pháp môn Tịnh Độ là dễ dàng nhất trong tất cả các pháp môn, mà cũng là pháp môn ổn thỏa, thích đáng nhất, đắc lực nhất. Chúng ta chẳng hướng ra ngoài phan duyên, chư vị nhất định phải biết: Đọc kinh luận càng ít càng hay! Quý vị niệm nhiều chẳng có lợi gì! Niệm nhiều, mà nếu chẳng thể hội quy tự tánh, chắc chắn sẽ tăng trưởng tà kiến. Thanh Lương đại sư nói lời này, vì sao? Quý vị niệm nhiều, vọng tưởng nhiều, chấp trước nhiều, phân biệt nhiều, phiền phức ở ngay chỗ này!

Học đạo chẳng giống như cầu học. Lão Tử đã nói: *"Vi học nhật ích"* (Vì sự học mà ngày càng tăng), đó là học thuật thế gian, càng học nhiều càng tốt. *"Vi đạo nhật tổn"*, vì đạo, học đạo thì trong tâm mỗi ngày phải buông xuống, mỗi ngày trừ bỏ, bỏ đến khi chẳng còn gì để bỏ, quý vị sẽ thành tựu, sẽ thành công. Vì lẽ đó, quý vị biết chuyện càng ít càng hay, những thứ quý vị đọc, xem, nghe càng ít càng hay! Hiện thời, người học đạo chẳng dễ thành tựu, là do các đồng tu học đạo biết quá nhiều chuyện, đến các chùa miếu khắp nơi, đi khắp nơi để xem kinh điển loạn xạ, xem đến nỗi một thân toàn là khuyết điểm! Vì vậy, kinh Phật có thể cứu người, mà cũng có thể hại người, hại chết quý vị mà quý vị cũng chẳng biết. Oan uổng quá! Vì vậy, bị Thích Ca Mâu Ni Phật hại chết. Thuở tôi thân cận thầy Lý, khi ấy, tôi còn chưa xuất gia, tôi nói: *"Kinh Phật có thể hại chết người"*. Các bạn học nghe nói chẳng phục, đến hỏi thầy. Thầy gật đầu: *"Chẳng sai! Kinh Phật có thể hại chết người"*. Họ nghe nói sững sờ! Kinh Phật giống như thuốc, thuốc trong tiệm thuốc đều là thuốc tốt lành, đều để chữa bệnh, nhưng quý vị có thể uống tùy tiện hay sao? Chắc chắn là uống vô chết ngắc, không đúng chứng bệnh mà! Kinh Phật là pháp dược, có thể đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, nên kinh Phật chẳng thể tùy tiện xem, chẳng thể tùy tiện nghe!

Khi tôi bái cụ Lý Bỉnh Nam làm thầy, thầy đặt ra ba điều kiện. Ba điều kiện ấy là ba điều giới luật:

- Điều kiện thứ nhất, chỉ cho phép nghe cụ giảng kinh. Trừ cụ ra, bất luận kẻ nào giảng kinh cũng chẳng được phép nghe.

- Điều kiện thứ hai, xem sách Phật hoặc sách thông thường, nếu chẳng được cụ đồng ý, chẳng được phép xem.

- Điều kiện thứ ba càng hà khắc hơn: "Những gì anh đã học trước đây tôi đều chẳng thừa nhận, nhất loạt bỏ đi. Nay anh đến chỗ tôi để học thì phải học lại từ đầu!" Điều kiện này rất lợi hại, thầy nói gì chỉ được phép nghe theo, chẳng thể biện bác, nói "trong quá khứ, con đã xem ở đâu đó, chẳng giống như thầy nói". Thầy bảo: "Tôi chẳng thừa nhận điều ấy, bỏ nó đi!" Vì thế, ngay cả cơ hội nói năng cũng chẳng có, chỉ đành ngoan ngoãn nghe theo.

Về sau, chúng tôi mới hiểu rõ ba điều kiện ấy, chẳng phải là thầy Lý độc đoán. Từ xưa tới nay, tổ sư đại đức truyền dạy học trò đều là ba điều kiện ấy, chúng ta mới hiểu sư thừa là gì. Thầy đoạn tuyệt tất cả hết thảy vọng tưởng, phân biệt, ý kiến của quý vị, khiến cho tâm địa quý vị thật sự khôi phục sự thanh tịnh thì mới có thể tiếp nhận pháp môn quảng

đại vi diệu rất sâu này. Về sau, tôi biết pháp sư Diễn Bồi cũng được giáo dục như vậy: Lúc Ngài làm tiểu sa-di theo lão hòa thượng Đế Nhàn, lão hòa thượng Đế Nhàn cũng đặt ra ba điều kiện ấy.

Hiện thời, các đồng tu trong Phật môn chúng ta, rất nhiều đồng tu xuất gia, quý vị nghĩ xem, họ làm sao có thể thành tựu cho được? Chẳng thể thành tựu, vì sao? Xem kinh quá nhiều, khi xem quá nhiều thì vọng niệm quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều, chẳng có cách nào nói chuyện Phật pháp với họ được. Kinh này nói như thế này, kinh kia nói như thế ấy, luôn đem [các kinh ấy] ra để tranh cãi, đầy một bụng Phật pháp, nhưng trong tâm phiền não tầng tầng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều hơn bất cứ ai. Khi chưa học Phật còn ít, càng học [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] càng nhiều, làm sao có thể thành tựu cho được? Vì thế, ba đại nguyên tắc trong Phật pháp là: *"Giác chứ không mê"*, kẻ ấy là mê chứ chẳng giác. *"Chánh chứ không tà"*, kẻ ấy là tà, chẳng chánh. *"Tịnh chứ chẳng nhiễm"*, kẻ ấy là nhiễm chứ không tịnh. Do đó, sự tu học của người ấy là mê, tà, nhiễm, càng mê càng sâu, càng nhiễm càng sâu, lỗi lầm đặc biệt quá lớn.

Chư vị nhất định phải biết: Phật pháp tu gì? Phật pháp cầu gì? Cầu minh tâm kiến tánh. Người niệm Phật chúng ta cũng nhằm minh tâm kiến tánh, mục tiêu bậc nhất của người niệm Phật là nhất tâm bất loạn. Trong nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn là Định, Lý nhất tâm bất loạn là Huệ, là minh tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn hoàn toàn giống như minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền, Giáo Hạ nói là *"đại khai viên giải"*. Chúng ta dùng phương pháp tuyệt diệu, một câu A Di Đà Phật khiến cho cái tâm định, khăng khăng một mực dựa vào một câu A Di Đà Phật, dựa vào một quyển kinh A Di Đà. Hiện thời, chúng tôi đề xướng hai loại chú giải kinh Di Đà, một là Sớ Sao Diễn Nghĩa, loại kia là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đối với Đại Bổn, chúng ta dựa vào kinh Vô Lượng Thọ là đủ rồi. Thật sự có thể tuân thủ trong phạm vi nhỏ nhoi này, quý vị là người bậc thượng trong loài người, là căn tánh thượng thượng, vì sao? Quý vị khăng khăng một lòng. Ở Trung Hoa xưa kia có một vị thiền sư, biệt hiệu là Chân Hiết Liễu, Hiết (歇) là nghỉ ngơi, [Chân Hiết Liễu] là thật sự nghỉ ngơi. Nếu chúng ta có thể dốc trọn một lòng niệm A Di Đà Phật, chúng ta đã thật sự nghỉ ngơi, chẳng có chuyện gì, chính mình cũng chẳng có chuyện gì, thiên hạ thái bình, thật sự nghỉ ngơi, thanh tịnh vô vi. Đó là bí quyết nhập môn, cũng là [bí quyết] nhập môn minh tâm kiến tánh, nhập môn Lý nhất tâm bất loạn. Chẳng có công phu

như vậy, chẳng có điều kiện như vậy, sẽ chẳng thể nhập môn.

Đó gọi là *"khấu kỷ nhi tham"*, thứ gì cũng chẳng cần hỏi, tự nhiên đạt được nhất tâm bất loạn, tự nhiên minh tâm kiến tánh, tự nhiên cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 185

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi tư:

(Diễn) Tư tận hoàn nguyên giả, tức sở vị thể cứu chi cực, ư tự bổn tâm, hốt nhiên khế hợp dã.

(演)思盡還源者，即所謂體究之極，於自本心忽然契合也。

*(**Diễn**: "Đã hết suy nghĩ bèn trở về nguồn" chính là nói suy xét, thấu hiểu đến tận cùng, bỗng khế hợp bản tâm của chính mình).*

Đây là công phu khá sâu! Tất cả các tông phái và pháp môn trong Phật môn đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. *"Hoàn nguyên"* (Trở về nguồn): Nguyên (源) là cội nguồn, là Chân Như bản tánh. Bọn phàm phu chúng ta, Nhị Thừa, và Quyền Giáo Bồ Tát chưa thể kiến tánh, nguyên nhân căn bản là vì có Tư, có Tư là có vọng tưởng. *"Tư tận"* là đoạn sạch vọng tưởng. Đoạn sạch vọng tưởng thì mới có thể minh tâm kiến tánh.

Nhìn bề ngoài, Giáo Hạ sử dụng phương pháp chẳng giống Tông Môn. Tông Môn chú trọng tham cứu, thường nói là *"chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người"*, dạy quý vị buông xuống hết thảy vọng niệm. Dùng phương pháp ấy xác thực là người căn tánh rất nhạy bén. *"Căn tánh nhạy bén"* chẳng phải là nói tới những kẻ rất thông minh trong thế gian. Kẻ rất thông minh là Thế Trí Biện Thông, chưa chắc họ đã là căn tánh rất nhạy bén. Nếu người ấy thật sự có thể buông xuống, căn tánh ấy rất nhạy bén, mới có thể dùng phương pháp này để khế nhập. Nếu vọng niệm nhiều, nay chúng ta nói vọng niệm nhiều là "suy nghĩ nhiều quá", kẻ ấy suy Đông nghĩ Tây, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn cào cào. Căn tánh như vậy chẳng thích hợp để tham Thiền, mà thích hợp để nghiên cứu Giáo. Nghiên cứu Giáo, chư vị phải biết, thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài chẳng dạy: "Mỗi học trò, bất luận là tại gia hay xuất gia, phải nghiên cứu hết thảy các kinh điển do đức Phật đã giảng". Chẳng có

chuyện ấy! Thuở ấy, đức Phật giảng kinh trọn chẳng có kế hoạch giảng giải từ cạn đến sâu, thực hiện theo từng bước, chẳng có! Đức Phật trọn chẳng có kế hoạch giáo học, hoàn toàn chẳng có thứ tự và trình tự giáo học, mà là kẻ như thế nào đến [thưa hỏi], Ngài bèn dùng phương pháp nào [thích hợp với căn tánh của người ấy] để dạy. Phương pháp của Ngài là *"ứng cơ thí giáo"* (tương ứng với căn cơ mà giảng dạy), tùy theo tài năng của họ mà dạy bảo. Vì thế, người gặp đức Phật, hướng về đức Phật thỉnh giáo, đức Phật dạy người ấy một pháp môn, người ấy bèn dụng công đến cùng nơi pháp môn ấy. Nói cách khác, học trò đức Phật ai nấy đều là thâm nhập một môn, trọn chẳng phải là hết thảy các pháp môn đều thông đạt, chẳng có chuyện ấy! Vì sao? Chỉ có thâm nhập một môn thì mới có thể làm được *"tư tận hoàn nguyên"*, mới có thể kiến tánh. *"Tư"* (思) là trao cho quý vị một phạm vi, để cho quý vị tư duy trong phạm vi ấy, khi đã tư duy đến mức chẳng còn có thể tư duy được nữa, bèn kiến tánh. Hết thảy các kinh điển quý vị đều nghiên cứu, đều suy nghĩ, dò lường, thôi rồi! Chắc chắn là chẳng thể thành tựu trong một đời này! Chúng ta nhất định phải biết nguyên tắc này!

Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, mỗi tự viện tùng lâm đều có học phong và đạo phong duy nhất, đặc biệt, tức là tôn sùng mấy bộ kinh luận nào đó. Tông Hoa Nghiêm lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, dùng các kinh luận có quan hệ mật thiết với kinh Hoa Nghiêm để phụ trợ. Mỗi tông phái luôn lấy một bộ kinh hoặc luận làm chủ. Tông phái có kinh luận [dùng làm căn cứ lập luận chủ yếu] nhiều nhất là Pháp Tướng Duy Thức Tông, gồm có sáu bộ kinh và mười một bộ luận. Tịnh Độ Tông từ xưa tới nay chỉ có ba kinh một luận, luận là Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát soạn, cho đến hiện thời, vì được các vị tổ sư đại đức bổ sung, nên mới có năm kinh một luận.

Chữ Tư ở đây có phải là suy xét hoặc nghiên cứu hay không? Chẳng phải! Nếu dùng suy xét hoặc nghiên cứu, sẽ hoàn toàn rơi vào thức thứ sáu, tức ý thức. Dùng thức thứ sáu, tức ý thức, để tu hành, cao nhất là chỉ có thể đắc Cửu Thứ Đệ Định, chứng quả A La Hán, chẳng thể kiến tánh. Cũng có nghĩa là chúng ta dùng thức thứ sáu, tức tâm ý thức, để niệm Phật, có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn, đó là cao nhất, chứ Lý nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể đạt được. Vì thế, Tư ở đây là Tư Huệ trong sự tu học của Bồ Tát, [dùng Tư Huệ trong] Tam Huệ Văn, Tư, Tu thì mới có thể hoàn nguyên.

Chúng ta nhất định phải biết ý nghĩa chân thật của Tư Huệ, nó

chẳng phải là dùng suy xét, mà dùng gì? Thể cứu (體究: Tham cứu đến mức thấu hiểu tận cùng). Thể (體) là thấu hiểu, hết sức thân thiết. Nghiên cứu, suy xét là thức thứ sáu, còn thấu hiểu, thể cứu sử dụng Chân Như bản tánh, tức là dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm ly niệm, nên nó là trực giác. Cũng có nghĩa là: Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, đó là Tư. Hoàn toàn chẳng thông qua suy xét, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. Từ ý nghĩa tiếp xúc mà gọi là Văn Huệ. Từ ý nghĩa hiểu rõ mà gọi là Tư Huệ. Từ ý nghĩa phá mê mà gọi là Tu Huệ. Có thể thấy tiếp xúc, hiểu rõ, chẳng mê, là cùng một chuyện. Tam Huệ được hoàn thành cùng một lúc, trọn chẳng có thứ tự, chẳng phải là trước hết là Văn, sau đấy lại Tư, kế đó là Tu. Chẳng phải vậy! Nếu theo thứ tự, sẽ là Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát đều có, chẳng thể nói là chỉ riêng Bồ Tát mới có Tam Huệ. Tam Huệ được hoàn thành cùng một lúc, chẳng có thứ tự, ở đây là nói tới bậc đại Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, chứ kẻ bình phàm chẳng có [Tam Huệ hoàn thành cùng một lúc]!

Chúng ta xem câu này vận dụng như thế nào vào công phu tu hành của bản thân chúng ta, điều này rất trọng yếu. Phải sử dụng như thế nào? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường khuyến khích các đồng tu niệm kinh, niệm kinh là tu học Tam Huệ của Bồ Tát. Chúng ta mắt nhìn kinh bổn, tiếp xúc, là Văn Huệ. Sau khi đã tiếp xúc, bèn chuyên tâm đọc tụng, không khởi vọng tưởng, đó là Tu Huệ. Niệm kinh văn rành mạch rõ ràng, đó là Tư Huệ. Chẳng cần tìm cầu trong kinh có những ý nghĩa gì, chỉ một mực niệm, phương pháp này là Văn - Tư - Tu Tam Huệ hoàn thành cùng một lúc. Niệm kinh là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, Tam Học và Tam Huệ đều hoàn thành cùng một lúc.

Đáng tiếc là hiện thời quý vị chẳng hoàn nguyên; chẳng hoàn nguyên thì Tư vẫn chưa hết. Khi nào quý vị hết sạch ý niệm, hết sạch chính là vô niệm. Vô niệm, vô bất niệm! Niệm đã không còn, vô niệm cũng không còn. Vô niệm, vô bất niệm chính là hoàn nguyên. Tôi lại thưa cùng quý vị, quý vị đã đạt được vô niệm, nói theo tiêu chuẩn của chúng ta, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Quý vị đắc Niệm Phật tam-muội, vô niệm là Định. Chẳng có niệm thì vô niệm cũng chẳng có, đó là Huệ, là hoàn nguyên, tức là Lý nhất tâm bất loạn, đấy mới là *"tư tận hoàn nguyên"*. *"Ư tự bổn tâm"* (Đối với bổn tâm): Bổn tâm là chân tâm, là bản tánh, tức là Chân Như bản tánh của quý vị. *"Hốt nhiên khế hợp"* (Bỗng khế hợp), nhà Thiền nói là minh tâm kiến tánh, [*"hốt nhiên khế*

hợp" là] bỗng kiến tánh. Kiến tánh là như thế nào? Tôi lại nói cho quý vị biết, tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay, chính là *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Quý vị phải hiểu người kiến tánh là như thế nào? Người kiến tánh tâm tuyệt đối thanh tịnh, tuyệt đối bình đẳng, giác chứ không mê, người ấy đã kiến tánh. Kiến tánh thành Phật, người ấy bèn thành Phật. Tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ quá hay, nguyên lý và mục tiêu tu học, phương pháp tu hành và cảnh giới đều được nêu bày trong tựa đề kinh. Vì thế, năm chữ *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* là mục tiêu dụng công của chúng ta. *"Tư tận hoàn nguyên"* là nghĩ mà không có gì để nghĩ.

(Diễn) Tư vô sở tư giả, tức niệm nhi vô niệm, thị ly niệm cảnh giới, sở vị viễn ly vi tế niệm cố. Đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ dã. Hựu phục thử tức bất tư chi tư, thị nhậm vận thanh tịnh chi ý, cố Phật quả đệ thất, diệc danh vi Ý.

(演)思無所思者，即念而無念，是離念境界，所謂遠離微細念故。得見心性，心即常住也。又復此即不思之思，是任運清淨之意，故佛果第七，亦名為意。

*(**Diễn**: "Nghĩ mà không có gì để nghĩ" chính là niệm mà vô niệm, là cảnh giới ly niệm, tức là xa lìa niệm vi tế. Được thấy tâm tánh, tâm chính là thường trụ. Điều này lại còn là chẳng nghĩ mà nghĩ, ý mặc lòng thanh tịnh, nên trong Phật quả, thức thứ bảy cũng gọi là Ý).*

Sau khi *"tư tận hoàn nguyên"*, bèn là *"niệm mà vô niệm"*. Niệm và vô niệm là một, chẳng hai. Nay chúng ta trước khi đạt đến cảnh giới ấy, là phàm phu, đương nhiên Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, niệm và vô niệm là hai, chẳng phải là một; sanh và vô sanh cũng là hai, chẳng phải là một; phiền não và Bồ Đề là hai, chẳng phải là một; sanh tử và Niết Bàn cũng là hai, chẳng phải là một. Nhà Thiền nói toàn bộ đều rớt vào hai, ba, đó là mê, là bất giác. Nếu thật sự khế hợp chân tánh, thưa cùng chư vị, vạn pháp quy nhất. *"Nhất"* thì mới thanh tịnh, mới bình đẳng; là Nhị thì lấy đâu ra bình đẳng? Rớt vào Nhị là mê, Nhất mới là giác. Tông này (tức là tông Tịnh Độ) đặc biệt đề xướng *"nhất tâm bất loạn"*, Nhất là giác, là thanh tịnh, là bình đẳng. Phải như thế nào thì mới có thể đạt tới nhất tâm? Phải bỏ sạch hết thảy phân biệt, chấp trước, quý vị mới có thể đạt được. Trong kinh luận, đức Phật thường nói: Vì sao phàm phu chẳng thể thành tựu? Ngay trong Liễu

Phàm Tứ Huấn, thiền sư Trung Phong đã nói: *"Chấp tướng tu phước"*. Chấp tướng tu phước, sẽ đạt được phước báo trong tam giới lục đạo. Chấp tướng tu phước, niệm niệm đều là phân biệt, so đo, chẳng thể đạt đến tam luân thể không. Tam luân thể không, có tu phước hay không? Tu chứ! Tuy tu, nhưng cũng giống như chẳng tu, trong tâm sạch làu làu, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là chân tu.

"Tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư" là cảnh giới Phật pháp rất cao, là cảnh giới của Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát hoặc Biệt Giáo Sơ Địa trở lên. Quý vị chứng đắc cảnh giới ấy, Tịnh Độ Tông gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Nhưng chỗ tốt đẹp lớn nhất của Tịnh Tông chẳng ở nơi Lý nhất tâm, vì nếu coi Lý nhất tâm là tiêu chuẩn, Tịnh Tông chẳng đáng coi là quý báu. Vì sao? Những pháp môn khác cũng đều là tiêu chuẩn như vậy. Chỗ đáng quý nhất của Tịnh Tông là đới nghiệp vãng sanh! Chẳng đạt đến công phu ấy, một phẩm phiền não chẳng đoạn, người ấy vẫn có thể vãng sanh, đó là điểm đặc sắc của Tịnh Độ Tông, trong các tông phái và pháp môn khác chẳng có chuyện này! Chỉ có như thế thì pháp môn này mới có thể phổ độ hết thảy chúng sanh.

Câu này là *"ly niệm cảnh giới"*, *"niệm"* cũng là hữu niệm và vô niệm; ly hữu niệm, ly vô niệm, đó mới là thật sự ly niệm. Chỉ niệm "hữu niệm" chẳng được, niệm "hữu niệm" thì quý vị vẫn rớt vào "vô niệm". Vô niệm cũng chẳng thể, cũng phải trừ bỏ vô niệm. *"Sở vị viễn ly vi tế niệm cố"* (Đó gọi là xa lìa niệm vi tế), như vậy thì mới có thể kiến tánh. Vi tế niệm là Trần Sa Hoặc. Bồ Tát đạt đến minh tâm kiến tánh là đã đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng đoạn, lại phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là *"đắc kiến tâm tánh"*, phá một phẩm vô minh thì mới có thể thấy tâm tánh. *"Tâm tức thường trụ"* (Tâm tức là thường trụ), khi ấy, tâm quý vị chẳng động, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Cái tâm giống như ta trong hiện thời thì không được, người ta khen ngợi một câu rất hoan hỷ, bị chửi một câu liền sanh phiền não, cáu kỉnh mấy ngày liền, không được rồi! Tâm bị cảnh giới bên ngoài dao động. Người thật sự thấy tâm, tâm chẳng động, tuyệt đối sẽ chẳng bị ngoại cảnh lay động. Đạt đến cảnh giới này, tôi lại thưa cùng quý vị: Chẳng có vận mạng, Phong Thủy cũng chẳng có, thảy đều chẳng có, những thứ ấy toàn là pháp thế gian. Trong hết thảy các cảnh giới, quý vị không gì chẳng tự tại, đắc đại tự tại. Đấy cũng là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai"*; khi ấy, sẽ chuyển cảnh, chẳng phải là cảnh chuyển ta, mà là ta chuyển cảnh, ắt

giống như Như Lai.

Tiếp theo đó, lại là một cách giải thích từ ngữ *"tư vô sở tư"* là *"tức bất tư chi tư"* (nghĩ mà không nghĩ), người ấy có Tư hay không? Có Tư! Vì sao có Tư mà lại nói là người ấy chẳng tư? *"Tư"* là thức thứ bảy (Mạt Na Thức). Chẳng phải là Mạt Na khởi tác dụng thì là *"vô tư chi tư"*, tức là chân tánh khởi tác dụng. Chân tánh khởi tác dụng và tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở khởi tác dụng, nhìn từ bên ngoài sẽ chẳng nhìn ra [sự khác biệt của hai loại tác dụng ấy], quý vị thấy chúng đều giống như nhau. Đức Phật cũng cười, cũng tức giận, cũng có lúc mắng người khác, cũng có lúc khen ngợi kẻ khác, Ngài có gì khác chúng ta? Nhìn từ bên ngoài, quý vị sẽ thấy thật sự chẳng khác gì, nhưng bên trong tuyệt đối khác hẳn! Phàm phu chúng ta là tâm và Tâm Sở khởi tác dụng, còn Phật là Chân Như bản tánh khởi tác dụng, cũng có nghĩa là Phật mừng, giận, buồn, vui, thảy đều là thanh tịnh, thảy đều là bất nhiễm, thảy đều là bình đẳng, công phu của Ngài là như thế đấy. Đã là thanh tịnh, bình đẳng, bất nhiễm, vì sao có những thứ biểu lộ ấy? Những biểu lộ ấy đều nhằm độ chúng sanh, giống như diễn tuồng: Viết kịch bản, [tác giả quy định] đến đoạn này nhất định phải nổi nóng, quý vị không nổi nóng cũng không được, làm ra vẻ tức giận. Ngài đang biểu diễn trên sân khấu, chẳng phải là nội tâm [thật sự có cảm xúc ấy], mà là biểu diễn cho kẻ khác xem, nhằm khơi gợi người khác. Vì thế, đó là kỹ xảo độ chúng sanh. Đấy chính là *"nhậm vận thanh tịnh chi ý"* (ý mặc tình thanh tịnh). Trong bài kệ Khai Kinh có nói: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*, Như Lai chân thật nghĩa là thanh tịnh ý, chẳng giống như chúng ta!

"Cố Phật quả đệ thất, diệc danh vi Ý" (Vì thế, trong Phật quả, thức thứ bảy cũng gọi là Ý). Nơi quả địa Như Lai, trong Tướng Tông, thức thứ bảy là Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Bình Đẳng Tánh Trí là thức thứ bảy, tức Ý Căn, tức là Mạt Na Thức nơi quả địa Như Lai, có ý nghĩa này. Thật ra, cách nói phân biệt này đều vì phàm phu chúng ta. Bởi lẽ, từ Sơ Trụ trở lên sẽ chẳng phân biệt, quý vị còn nói với họ về những chuyện này, sẽ chẳng có mảy may ý nghĩa gì cả! Từ Sơ Địa trở lên, đúng là chẳng có cách nào giảng kinh, vì là vô công dụng đạo. Phàm là các ngôn thuyết, giảng giải, đều là vì những kẻ chưa đạt đến Sơ Trụ, [đối với bậc] đã kiến tánh thì còn có gì để nói nữa? Chẳng nói được gì! Khi đó, tu hành hoàn toàn là tùy ý mà tu. Những lời chú giải đã đều được giới thiệu cả rồi, chúng ta hãy đem những phần kinh văn trên đây gộp lại để đọc một lượt.

(Sao) Trù lượng danh ý. Thế nhân khởi ư ý thức, niệm niệm trục ngoại trù lượng, thị tà tư duy dã.

(鈔)籌量名意，世人起於意識，念念逐外籌量，是邪思惟也。

*(**Sao**: Trù tính, suy lường gọi là Ý. Người đời dấy lên ý thức, niệm niệm trù tính, suy lường theo bên ngoài, đó là tà tư duy).*

Không chỉ là lục đạo phàm phu, trên thực tế là kể cả Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, thảy đều dùng tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở. Nói cách khác, tri kiến bất chánh, thuộc loại tà tư duy.

(Sao) Toàn kỳ ý thức, khấu kỷ nhi tham.

(鈔)旋其意識，扣己而參。

*(**Sao**: Xoay lại ý thức, tham cứu chính mình).*

"Toàn" (旋) là quay đầu. Lục căn của ta chẳng duyên theo sáu trần bên ngoài, quay về duyên theo sáu tánh. Mắt thấy sắc tánh, tai nghe thanh tánh, cho đến ý biết pháp tánh. Sáu trần biến thành sáu tánh, Trần (塵) là ô nhiễm, tánh là thanh tịnh, bất nhiễm, đó là công phu tối thượng thừa. Chư vị hiểu điều này có quan hệ quá lớn đối với Tịnh Độ, Tịnh Độ là *"tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh"*, dùng phương pháp này để tu học.

"Toàn kỳ ý thức" (Xoay lại ý thức), cách xoay chuyển như thế nào? Chúng ta biết trong kinh, đức Phật đã bảo A Lại Da Thức là lưu lại ấn tượng. Ấn tượng được lưu lại trong ấy giống như một cái kho tài liệu, hoặc một kho chứa, thâu thập trọn hết, nó có tác dụng "tập khởi". Nếu chúng ta không lưu lại ấn tượng, tuyệt lắm! Sẽ là Phật và các vị đại Bồ Tát, [vì] chẳng có tài liệu cho quý vị ghi chép, bảo tồn. Chỉ cần có tài liệu được ghi chép, bảo tồn, sẽ còn có quả báo. Chủng tử thiện nhất định có thiện báo, chủng tử ác nhất định có ác báo, thiện ác báo ứng chẳng sai suyển mảy may, quý vị có thể trốn được hay sao? Chẳng trốn khỏi! Vì sao? Đã ghi lại ấn tượng. Thấy sắc, nghe tiếng đều lưu lại ấn tượng, toàn bộ đều có ghi chép. Sự ghi chép này là ghi chép tự nhiên, chẳng phải do ai khác ghi chép cho quý vị, [mà là] hễ khởi tâm động niệm, đều có ấn tượng trong A Lại Da Thức, đó là tác dụng của A Lại Da. Tác dụng của Mạt Na là chấp trước. Tác dụng của thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt. Năm thức trước là liễu biệt, là hiểu rõ. Ví như chúng ta mắt thấy bên

ngoài rõ ràng, rành mạch, có phân biệt hay không? Chẳng phân biệt. Ai phân biệt? Thức thứ sáu, tức ý thức, phân biệt. Nếu chúng ta chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức, chúng ta thường nói là *"không chú ý"*. Không chú ý nhìn thì tuy là nhìn như thế đó, dẫu nhìn, nhưng chẳng thấy rõ ràng, vì chẳng chú ý mà! Danh từ *"chú ý"* xuất phát từ Phật giáo, [chú ý là] dồn thức thứ sáu, tức ý thức vào đó, mắt liền trông thấy rõ ràng. Nhĩ Thức chuyên chú, bèn nghe rõ ràng. Nếu chẳng chú ý, sẽ là thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe, vì sao? Ý thức chẳng sử dụng vào nơi đó.

Trước kia, khi tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, tôi sống ở Bắc Đầu[17]. Pháp sư Diễn Bồi giảng kinh ở chùa Thiện Đạo, khi đó Ngài là Trụ Trì. Buổi tối, nghe kinh xong, tôi đều ngồi xe lửa trở về. Chờ xe ở trạm xe lửa, có lúc tôi vừa chờ xe, vừa xem sách. Khi xem sách, xe lửa đến rồi đi cũng chẳng biết, [trong lòng cứ thắc mắc] sao lâu thế mà xe lửa chưa đến? Nhìn thời gian thì đã qua mấy lượt xe rồi! Phía sau chỗ

---

[17] Bắc Đầu (北投) là khu hành chính thuộc cực Bắc thành phố Đài Bắc, nổi danh với suối nước nóng Bắc Đầu. Thoạt đầu, khu này là nơi ở của dân thiểu số Bình Phố. Đến thời Khang Hy, người Hán mới đến cư trụ tại đây. Mãi đến năm 1920, chính quyền mới thiết lập đường sá và trở thành một khu vực thịnh vượng. Trong khi đó, chùa Thiện Đạo nằm ở trên đường Trung Hiếu, thuộc khu Trung Chánh (gần về cực Nam của Đài Bắc). Chùa Thiện Đạo vốn có tên là Tịnh Độ Tông Đài Bắc Biệt Viện, được thành lập vào thời Nhật chiếm đóng Đài Loan (nhằm năm Minh Trị Thiên Hoàng thứ hai mươi lăm, tức năm 1895), trực thuộc Tịnh Độ Tông Tri Ân Viện (Jōdo-shū Chion-in) của Nhật Bản, có vai trò quản trị toàn bộ các hệ thống chùa miếu thuộc hệ thống Tịnh Độ Tông Nhật Bản tại Đài Loan. Năm Chiêu Hòa Nguyên Niên (1926), do các vật liệu xây dựng đã cũ, bèn dời đến địa điểm mới tại Hoa Sơn Đinh, xây dựng hoàn toàn mới (vì thế, tài liệu của sở du lịch Đài Loan nói chùa Thiện Đạo được xây dựng vào năm 1926, tức là đã hoàn toàn bỏ qua giai đoạn chùa được dùng làm tổng bổn sơn bố giáo của Tịnh Độ Tông Nhật Bản tại Đài Loan). Năm 1937, chùa được xây cất lại bằng vật liệu bê tông cốt sắt giả gỗ. Năm 1945, Nhật chiến bại phải rút khỏi Đài Loan, chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc giao cho ông Lý Tử Khoan tiếp quản vào năm 1948. Lý Tử Khoan đã mời các vị Đại Tỉnh, Chương Gia, Nam Đình, Ấn Thuận lần lượt làm Đương Gia Sư từ năm 1948 đến năm 1957. Năm 1967, pháp sư Diễn Bồi được mời làm Trụ Trì từ năm 1957. Do là một ngôi chùa lớn, giàu có, thành phần đồng sự toàn là nhân vật tai to mặt lớn trong chính quyền, nhân sự phức tạp, lắm chuyện bè phái tranh chấp, giám viện sư chuyên quyền, pháp sư Diễn Bồi đành gắng gượng làm Trụ Trì ba năm rồi kiên quyết từ nhiệm. Các vị đại cư sĩ khẩn thỉnh Ngài lưu lại, thậm chí lão cư sĩ Hằng Dịch Triệu Di Niên đã tám mươi mấy tuổi đắp y đảnh lễ, khóc ròng van nài, nhưng thấy tình thế không thể nào giải quyết được, pháp sư Diễn Bồi kiên quyết thoái lui.

ngồi chính là đường xe lửa, xe đến xe đi âm thanh ầm ĩ dường ấy, do chỉ chú ý đọc sách, quên bẵng cả xe, chẳng chú ý đến. Vì thế, thuật ngữ "chú ý" xuất phát từ kinh Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, rất nhiều thuật ngữ phát xuất từ kinh Phật, quý vị mới biết Phật pháp có quan hệ to cỡ nào đối với cuộc sống và văn hóa của chúng ta!

Quay ý thức lại như thế nào? Ta chẳng phân biệt, không chấp trước. Ta thấy rất rõ ràng, nhưng chẳng phân biệt; nghe rất rõ ràng, nhưng chẳng chấp trước, đó là quay lại. Trong cảnh giới, quý vị vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, liền đi theo cảnh giới. Trong hết thảy các cảnh giới, quý vị hiểu rõ ràng, rành mạch, đó là Huệ. Chẳng có phân biệt, chấp trước là Định. Định Huệ đẳng trì (Định và Huệ giữ cân bằng), cách tu là như vậy, chẳng phải là tu Định thì cứ nhất định phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách, Định kiểu ấy vô ích! *"Định Huệ đẳng trì"* là Định và Huệ tu học đồng thời, ở nơi đâu? Trong cuộc sống hằng ngày, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Không lúc nào, không chỗ nào chẳng phải là lúc tu Định Huệ, [không nơi đâu] chẳng phải là nơi chốn để tu Định Huệ. Đạo tràng ở chỗ nào? Chẳng có chỗ nào không phải là đạo tràng. Phải tu Định, tu Huệ ngay trong cuộc sống. Định là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Chuyển thức thành trí, thức thứ sáu và thứ bảy chuyển nơi nhân, A Lại Da và năm thức trước được chuyển nơi quả, chẳng cần phải chú ý những thức ấy, chỉ chú ý nơi thức thức sáu và thức thứ bảy. *"Toàn kỳ ý thức"* (Xoay ý thức lại) là nói đến thức thứ bảy và thức thứ sáu. Thật sự biết xoay về thì trong hết thảy các pháp sẽ chẳng phân biệt, không chấp trước, chắc chắn có lợi ích cho chính mình, chắc chắn có thành tựu. Hết thảy phân biệt và chấp trước hư vọng nhất định có hại cho chính mình, quyết định sẽ chẳng thành tựu. Đối với người khác, sự lợi hại rất nhỏ ít, đối với chính mình lợi hại quá to. Hãy nghiêm túc tham học câu *"khấu kỷ nhi tham"* (tham cứu chính mình).

(Sao) Tư chi hựu tư, tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư.

(鈔)思之又思，思盡還源，思無所思。

*(**Sao**: Suy đi nghĩ lại, suy nghĩ đến hết còn suy nghĩ sẽ trở về nguồn, suy nghĩ mà không có gì để suy nghĩ).*

Đây là nói tới công phu thành tựu. Tôi nói cho quý vị biết: Từ *"toàn kỳ ý thức"* cho đến *"tư tận hoàn nguyên"* cũng là từ lúc mới bắt đầu tu tập cho đến khi công phu thành tựu, chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc

này. Nếu chư vị muốn thật sự có thành tựu, nay chúng ta dùng một bộ kinh Di Đà, hoặc một bộ kinh Vô Lượng Thọ, chắc chắn có thể đắc nhất tâm bất loạn, nhất định có thể minh tâm kiến tánh, quyết định có thể thành Phật, làm Tổ, chỉ cần quý vị bỏ hết vọng tâm. Ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm một bộ kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, tâm ta đặt chết cứng ở nơi này, hết thảy các vọng niệm khác đều buông xuống, thảy đều chẳng có, thứ gì cũng chẳng cần. Không chỉ là pháp thế gian ta chẳng còn nghĩ đến, chẳng còn phân biệt, chấp trước; mà vô lượng pháp môn xuất thế gian, ta cũng chẳng nghĩ tới, cũng chẳng chấp trước, triệt để buông xuống. Cổ nhân nói *"chân hiết liễu"* (thật sự nghỉ ngơi), Hiết (歇) là trừ bỏ, thật sự bỏ sạch. Mỗi ngày niệm bộ kinh này chính là tham cứu chính mình, mỗi ngày niệm câu Phật hiệu cũng là tham cứu chính mình, một mực vận dụng công phu. *"Khấu kỷ nhi tham, tư chi hựu tư"* trong tông này chính là thật thà niệm Phật; công phu tự nhiên thành tựu, chẳng có mảy may miễn cưỡng! Đó là *"tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư"*. Từ Sự nhất tâm chứng đắc Lý nhất tâm, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là thượng phẩm vãng sanh.

(Sao) Toàn thân tức thọ, tức quang, hà luận bỉ Phật, thử Phật?
(鈔)全身即壽即光，何論彼佛此佛。

*(**Sao**: Toàn thân tức là thọ, là quang, còn luận định vị Phật này, vị Phật kia chi nữa).*

"Bỉ Phật" là A Di Đà Phật. *"Thử Phật"*, nói thật ra, chẳng phải nói tới Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là nói về chính mình. Vì sao? Tự và Tha chẳng hai! Tự và Tha là một, chẳng hai, là một Phật, chẳng phải là hai Phật, há có lẽ nào chẳng thành Phật? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp A Di Đà Phật, chính quý vị đích thân thành Phật, quý vị thành một vị Phật chẳng hai, chẳng khác A Di Đà Phật, công phu thật sự là đạt đến chỗ này. Thông thường, chúng ta phải đặc biệt chú ý, chớ nên suy nghĩ loạn xạ. Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp tới nay, chúng ta phải sanh tử luân hồi, do nguyên nhân nào? Vì thích suy nghĩ loạn xạ! Từ nay trở đi, chúng ta đã tìm được gốc bệnh, trị liệu đúng vào căn bản, dốc hết tất cả tâm lực tinh thần vào kinh, dùng phương pháp này. Kinh điển cũng đừng học quá nhiều, tuân thủ trong một phạm vi nhỏ, chuyên tinh là *"tư chi hựu tư"*, học trong phạm vi ấy. Nước chảy mãi sẽ thành khe ngòi, đó là *"tư tận hoàn nguyên"*, chẳng cần chờ đến Tây Phương

Cực Lạc thế giới, mà là ngay trong hiện tiền. Chúng ta còn chưa vãng sanh, chưa ra đi, mà ngay trong thân thể hiện tại đã là vô lượng thọ, vô lượng quang. Vì sao? Tâm địa thanh tịnh chính là vô lượng quang minh, vô lượng thanh tịnh bèn vô lượng quang minh. Công phu thành phiến thượng phẩm bèn sanh tử tự tại, sanh tử tự tại sẽ chẳng có sanh tử, chẳng có sanh tử là vô lượng thọ! Vì lẽ đó, vô lượng thọ, vô lượng quang chẳng cần đợi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà có thể chứng đắc trong hiện tiền. Đây thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

Nhị hiển đức.

二，顯德。

(Hai, hiển đức).

Giải thích ý nghĩa của danh hiệu A Di Đà.

Sơ, danh hàm đa nghĩa. Nhị, đạo thành viễn kiếp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà.

(Sớ) Vô lượng dĩ như tiền thích.

初，名含多義。二，道成遠劫。

(經)舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號為阿彌陀。

(疏)無量已如前釋。

([Phần này gồm có hai tiểu mục]. Một là danh hiệu bao hàm nhiều ý nghĩa; hai là Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước chẳng bị chướng ngại. Vì thế, hiệu là A Di Đà.*

***Sớ**: Chữ "vô lượng" như trong các phần trước đã giải thích).*

Trong phần trước đã giải thích ý nghĩa chữ *"vô lượng"*.

(Sớ) Nhiên vị tri vô lượng đắc danh chi cố.

(疏)然未知無量得名之故。

*(**Sớ**: Nhưng chẳng biết nguyên nhân vì sao được gọi là vô lượng).*

Đức Phật ấy vì sao phải dùng chữ Vô Lượng trong danh hiệu?

(Sớ) Kim vị thị quang minh, thọ mạng, nhị giai vô lượng dã.

(疏)今謂是光明壽命，二皆無量也。

*(**Sớ**: Nay nói là do hai thứ quang minh và thọ mạng đều vô lượng).*

Danh hiệu A Di Đà Phật là phiên âm tiếng Phạn. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật, hoàn toàn dịch theo ý nghĩa sẽ là Vô Lượng Giác. Nhưng ý nghĩa của chữ Vô Lượng chẳng có cách nào nói trọn hết, nếu có thể nói trọn hết thì làm sao gọi là vô lượng cho được? Nói chẳng trọn hết! Bất luận là chuyện gì, quý vị nghĩ đến cũng thế, hay chẳng nghĩ đến cũng thế, đều là vô lượng. Thích Ca Mâu Ni Phật quy nạp ý nghĩa vô lượng thành hai loại lớn: Một loại là vô lượng thọ, loại kia là vô lượng quang. Thọ biểu thị phước, Quang biểu thị trí huệ, [hàm nghĩa] phước đức và trí huệ của đức Phật thảy đều là vô lượng vô biên. Nói theo cách hiện thời, Quang biểu thị không gian, chiếu khắp mười phương. Thọ mạng là quá khứ, hiện tại, vị lai, theo chiều dọc cùng tột ba đời. Toàn thể vũ trụ, toàn thể pháp giới là một danh hiệu này, danh hiệu này bao quát toàn bộ. Quý vị hãy suy nghĩ, có thứ gì có thể vượt thoát thời gian và không gian? Danh hiệu ấy chẳng thể nghĩ bàn! Tựa đề kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cũng hết sức viên mãn tột bậc, nhưng một câu A Di Đà Phật đã bao gồm trọn vẹn. Trong vô lượng nghĩa, quan trọng nhất là thọ mạng. Nếu chẳng có thọ mạng, bất cứ loại vô lượng nào cũng đều rỗng tuếch, lấy ai để hưởng thụ? Chẳng có cách nào hưởng thụ. Vì thế, trong hết thảy các thứ vô lượng, thọ mạng là chủ yếu. Quý vị có thọ mạng thì đối với hết thảy vô lượng mới có sự thọ dụng chân thật, mới có thể hưởng thụ. Nếu chẳng có thọ mạng, vô lượng gì gì đi nữa đối với quý vị chẳng có liên quan, vô dụng! Chúng ta xưng tụng A Di Đà Phật là Vô Lượng Thọ Phật, tức là lấy một ý nghĩa chủ yếu trong vô lượng nghĩa. Trong kinh này, trước hết là nói tới vô lượng quang, đặt ý nghĩa chủ yếu nhất ra phía sau, đó là tác phong thuyết pháp quen thuộc của đức Phật. Thứ tốt nhất, thù thắng nhất đều đặt ra sau dùng làm màn biểu diễn kết thúc. Quang minh và trí huệ đều tuyệt diệu!

(Sớ) Quang minh giả hữu nhị, nhất giả trí quang, nhị giả thân quang. Phục hữu nhị nghĩa, nhất giả thường quang, nhị giả phóng quang. Hựu quang sở nhân, phục hữu nhị nghĩa, nhất thị vạn đức sở thành, nhất thị bổn nguyện sở trí.

(Sao) Tiên thích quang minh dã.

(疏)光明者有二，一者智光，二者身光；復有二義，一者常光，二者放光；又光所因，復有二義，一是萬德所成，一是本願所致。

(鈔)先釋光明也。

*(**Sớ**: Quang minh có hai thứ, một là trí quang, hai là thân quang. Lại có hai nghĩa, một là thường quang, hai là phóng quang. Nói đến cái nhân của quang minh thì lại có hai nghĩa, một là do muôn đức tạo thành, hai là do bổn nguyện tạo nên như vậy.*

***Sao**: Trước hết, giải thích về quang minh).*

Trong Vô Lượng, đức Phật nói hai ý nghĩa là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Trước hết, hãy giải thích về quang minh.

(Sao) Trí quang, thân quang giả, như Lô Xá Na, thử vân Quang Minh Biến Chiếu. Tự Thọ Dụng thân, chiếu chân pháp giới, thị danh trí quang.

(鈔)智光身光者，如盧舍那，此云光明遍照。自受用身，照真法界，是名智光。

*(**Sao**: Trí quang và thân quang: Như Lô Xá Na, cõi này dịch là "quang minh chiếu trọn khắp". Tự Thọ Dụng Thân, chiếu chân pháp giới, nên gọi là trí quang).*

Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có ba thân:

Thứ nhất là Pháp Thân, tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Trọn khắp hết thảy mọi nơi là Lý, trong Triết Học, [Lý ấy] được gọi là *"bản thể của vạn hữu trong vũ trụ"*. Trong Phật pháp không nói là bản thể, mà nói là Pháp Thân. Triết học gọi Pháp Thân là bản thể. Bản thể trọn khắp hết thảy mọi nơi. Vì hết thảy mọi nơi đều do một Thể biến hiện, nên gọi là bản thể. Giống như chúng ta nằm mơ, trong mộng có khá nhiều cảnh giới, mộng từ đâu mà có? Mộng sanh từ tâm. Tâm là bản thể của mộng. Chẳng có tâm, chắc chắn sẽ chẳng có mộng. Trong khi quý vị đang nằm mộng, toàn thể mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng. Toàn thể mộng cảnh là tâm của quý vị, tâm hiện tướng. Tất cả hết thảy cảnh giới trong mộng, người quý vị ưa thích, kẻ quý vị chán ghét, toàn là do một tâm biến hiện. Do quý vị có kẻ đáng ghét, có kẻ

đáng ưa, đó là do quý vị mê tự tâm, nên mới có những tướng biến hiện ấy. Nếu quý vị giác chứ không mê, sẽ chẳng có những tướng ấy biến hiện.

Không mê, nhất định là quý vị sẽ thấy tất cả cảnh giới bình đẳng, tất cả cảnh giới đều thanh tịnh. Chính mình rốt cuộc là giác hay mê, cân nhắc từ góc độ này, sẽ thấy rất dễ dàng! Công phu tu hành của ta có tiến bộ hay không? Nếu có tiến bộ, ta phân biệt, chấp trước mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi năm một nhạt mỏng hơn, cũng là tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, mỗi năm một bình đẳng hơn. Đó là có tiến bộ, là hiện tượng rất tốt! Tuy rất dụng công tu hành, nhưng phân biệt, chấp trước vẫn nặng nề ngần ấy, người mà ta ưa thích vẫn rất đáng ưa thích, kẻ ta chán ghét vẫn rất đáng ghét, tức là chẳng có tiến bộ. Tuy hằng ngày niệm Phật, chẳng có tiến bộ. Giác thì mới là tiến bộ, mê là chẳng tiến bộ. Chẳng tiến bộ, dẫu dụng công nhiều đến mấy, nói thật thà đều là uổng công, vô dụng, nhiều nhất là tu được một chút phước báo trong đời sau mà thôi! Đó là si phước trong lục đạo, chẳng phải là trí huệ thật sự. Xem nhạt hết thảy nhân sự, không chỉ Phật pháp là như thế, giáo học Nho gia cũng là *"quân tử chi giao đạm như thủy"* (người quân tử giao tiếp với nhau nhạt như nước lã), như nước là rất bình thường. Mối giao tình ấy mới có thể lâu dài, mới có thể không thay đổi; đây đều là nguyên lý và nguyên tắc xử sự, đãi người, tiếp vật do cổ thánh tiên hiền đã dạy.

Pháp Thân: Quý vị đích thân suy xét, thấu hiểu đến cùng cực, hoát nhiên khai ngộ: Tận hư không khắp pháp giới do tự tâm của ta biến hiện, ta ở nơi đâu? Tận hư không khắp pháp giới, chẳng có pháp nào chẳng phải là ta, ta là toàn thể hư không pháp giới, phá sạch Ngã Chấp, chẳng còn nữa! Ngã Chấp là chấp trước "thân này là ta, ngoài cái thân này ra đều chẳng phải là ta". Kẻ ấy chẳng hiểu tận hư không khắp pháp giới vốn là ta. Có Ngã hay không? Có! Có chân ngã. Chân ngã là Pháp Thân, chẳng có gì không phải [là Pháp Thân]. Hết thảy hữu tình chúng sanh là ta, mà hết thảy vô tình chúng sanh cũng là ta, đó là triệt để giác ngộ, chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân. Chứng đắc cảnh giới này, chư vị hãy nghĩ xem, quý vị còn có sanh tử hay chăng? Quyết định là chẳng có sanh tử. Hiện tượng sanh tử là gì? Là do ta dấy lên sự biến hóa trong ấy. Quyết định là chẳng có sanh tử, mà cũng chẳng có luân hồi, cũng chẳng có lục đạo, cũng chẳng có mười pháp giới; khi ấy, gọi là gì? Là Nhất Chân pháp giới. Do mê nên mới có mười pháp giới, mới có lục đạo luân hồi; hễ giác ngộ, sẽ chẳng còn nữa!

Kế đó là Báo Thân, tiếng Phạn là Lô Xá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quang Minh Biến Chiếu (quang minh chiếu khắp nơi). Chư vị nghĩ xem, làm thế nào để thấu hiểu tận hư không khắp pháp giới là chính mình, điều này phải cậy vào trí huệ. Chúng ta đang nằm mộng, hễ tỉnh giấc: "Ta mới vừa nằm mộng; tất cả những thứ trong mộng đều do tự tâm của ta biến hiện". Đó là có trí huệ, người ấy đã hiểu. Nay đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải lãnh hội, suy xét theo phương hướng ấy, tận hư không khắp pháp giới xác thực là chính mình, là một chỉnh thể. Trong chỉnh thể ấy, quả thật là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đó là thật, là chân tướng sự thật. Vì sao có chướng ngại? Chướng ngại là vì phân biệt, chấp trước hư vọng đối với hết thảy chúng sanh. Do mê nên mới có chướng ngại; hễ ngộ, sẽ chẳng có chướng ngại. Mê thì chỗ nào cũng thành chướng, đối với người ngộ là Sự Sự vô ngại. Hễ ngộ, sẽ biết tận hư không khắp pháp giới là một với chính mình. Do đã mê, nên mới có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, người ấy chẳng biết có bao nhiêu tướng! Ở trong ấy, khởi vô lượng phân biệt, vô lượng chấp trước trong ấy, [cho nên có] vô lượng phiền não, vô lượng đau khổ, vô lượng nghiệp báo, tạo tác những thứ ấy, rất đáng thương! Lay gọi cách nào vẫn chẳng tỉnh, người ấy đã mê quá sâu! Vì thế, nhất định phải cầu trí huệ. Pháp Thân là Thể, Báo Thân là Huệ. Giáo học Phật pháp lấy trí huệ làm mục tiêu, từ đầu tới cuối đều phải khai trí huệ. Tông chỉ của Phật pháp là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; sở cầu trong Phật pháp là cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là trí huệ viên mãn.

(Diễn) Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới giả, nãi vô tướng chi thân.

(演)自受用身照真法界者，乃無相之身。

*(**Diễn**: Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới, chính là thân vô tướng).*

Báo Thân có phải là thân của chúng ta hay không? Chẳng phải! Báo Thân là trí huệ. Vì vậy, Báo Thân là Trí Thân. Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có mười thân[18], mười loại thân ấy là do ba thân mở rộng ra,

[18] Mười thân của Như Lai là Bồ Đề thân, nguyện thân, hóa thân, trụ trì thân, tướng hảo trang nghiêm thân, thế lực thân, như ý thân, phước đức thân, trí thân và pháp thân.

mười thân quy nạp thành ba thân. Ba thân và mười thân chẳng hai, chẳng khác, bất tăng, bất giảm. Mười thân chẳng nhiều, ba thân chẳng ít, tách ra hay hợp lại khác nhau. Đó là thân vô tướng.

(Diễn) Dĩ công đức trí huệ vi Thể, cố chiếu Nhất Chân pháp giới.

(演)以功德智慧為體，故照一真法界。

*(**Diễn**: Dùng công đức và trí huệ làm Thể, nên chiếu Nhất Chân pháp giới).*

Nay chúng ta cầu trí huệ, tu công đức, tu gì vậy? Tu Báo Thân của chính mình. Trong kinh thường nói đến Pháp Thân huệ mạng, Pháp Thân là tu Tỳ Lô Giá Na của chính mình, Huệ Mạng là tu Lô Xá Na của chính mình. Tỳ Lô Giá Na và Lô Xá Na đều là chính mình, đều chẳng phải là người ngoài. Vì sao phải cầu Huệ? Vì sao phải tu tập, tích lũy công đức? Nhằm trưởng dưỡng Báo Thân của chính mình; nhưng đối với Báo Thân, quý vị chỉ cần tu một phần bèn có một phần tác dụng, tu hai phần bèn có hai phần tác dụng. Quý vị quan sát vũ trụ và nhân sinh, mỗi ngày sẽ hiểu khác nhau, mỗi năm một khác nhau. Phật môn nói là cảnh giới khác nhau, cảnh giới của quý vị dần dần tăng cao hơn, cảnh giới tăng cao hơn chính là trưởng dưỡng Báo Thân của quý vị, có thể vun bồi Báo Thân tốt đẹp.

Phật là Ứng Hóa Thân, chúng ta là Nghiệp Báo Thân, tức là do tạo nghiệp bèn đến chịu báo. Làm thế nào để chuyển biến Nghiệp Báo Thân thành Ứng Hóa Thân? Phật pháp dạy chúng ta điều này. Trừ Phật pháp ra, pháp thế gian chẳng có đạo lý này! Đây chính là *"thân nghĩa lý"* (nghĩa lý chi thân) như thiền sư Vân Cốc đã nói trong Liễu Phàm Tứ Huấn, chuyển đổi! Thân phàm nhân đều có vận mạng, nhưng Nghĩa Lý Thân có thể *"cách thiên"* (格天: cảm thông với trời)[19], đương nhiên là có thể sửa đổi vận mạng, có thể vượt ngoài vận mạng. Sư nói cách ấy vẫn còn nông cạn, ở đây nói sâu hơn, nói đến mức rốt ráo, nói triệt để. Bản thân chúng ta phải biết tu Báo Thân của chính mình, tu Pháp Thân của

[19] *"Cách thiên"* (Cảm thông với trời) là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong thiên Quân Thích của sách Thượng Thư: *"Tại tích Thành Thang ký thọ mạng, thời tắc hữu nhược Y Doãn, cách ư hoàng thiên"* (Khi xưa, Thành Thang đã nhận mạng [lên ngôi thiên tử], lúc đó, bèn có những người như Y Doãn có thể cảm thông với trời cao). Đôi khi còn nói là *"cách thiên triệt địa"* (thấu trời thông đất).

chính mình, chẳng cần chuyển thân này, nó sẽ tự nhiên biến thành Ứng Hóa Thân, giống hệt như chư Phật Như Lai. Thị hiện khác nhau trong thế gian này, chính mình có thể làm chủ, chính mình rất tự tại. Đó là *"công đức trí huệ vi Thể, cố chiếu Nhất Chân pháp giới"* (công đức và trí huệ làm Thể, nên chiếu Nhất Chân pháp giới), tự thọ dụng!

(Sao) Tha Thọ Dụng thân, biến chiếu đại chúng, thị danh thân quang.

(Diễn) Tha Thọ Dụng thân biến chiếu đại chúng giả, nãi hữu tướng chi thân, dĩ sắc tâm vi Thể, vi Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, cố biến chiếu đại chúng. Thử ước thân trí phân thích.

(鈔)他受用身，遍照大眾，是名身光。

(演)他受用身遍照大眾者，乃有相之身。以色心為體，為十地菩薩現起，故遍照大眾。此約身智分釋。

*(**Sao**: Tha Thọ Dụng Thân: Chiếu khắp đại chúng, được gọi là Thân Quang.*

***Diễn**: Tha Thọ Dụng Thân chiếu khắp đại chúng, chính là thân hữu tướng. [Thân ấy] lấy sắc và tâm làm Thể, do Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, nên chiếu trọn khắp đại chúng. Đây là tách rời Thân và Trí để giải thích).*

Tự Thọ Dụng vô hình, vô tướng, là trí huệ. Tha Thọ Dụng có thân tướng và sắc tướng, nhằm giúp cho người khác giác ngộ. Sau khi chư Phật Như Lai thành Phật, đức Phật có thân hình hay không? Phật chẳng có, chư vị phải biết điều này. Người thành tựu tam-muội chẳng có thân, vì thân người ấy có thể biến hóa. Do có thể tùy ý biến hóa, quý vị chẳng thể nói người ấy là nam, nữ, già, trẻ, chẳng thể nói được! Rốt cuộc Quán Âm Bồ Tát là nam hay nữ? Chẳng có cách nào nói được, vì Ngài có thể tùy ý biến hóa, muốn biến thân gì liền biến thành thân ấy, thân tự tại. Nay chúng ta chẳng được tự tại, nên chẳng thể biến.

Nói nghiêm ngặt, kiến tánh Bồ Tát cũng tức là từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, đã chứng đắc Báo Thân, [đối với] người niệm Phật là đã niệm đạt đến Lý nhất tâm bất loạn; lúc đó, năng lực của quý vị sẽ giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói: Quán Âm Bồ Tát có ba mươi hai Ứng Thân, đáng nên dùng thân gì để độ liền hiện thân có hình dạng ấy. Hiện thân tự tại, thọ mạng tự tại, trí huệ tự tại, phước báo tự tại, chẳng có gì không tự tại! Đấy mới gọi là viên mãn đến tột cùng, thứ gì cũng đều tự

tại. Quả báo thù thắng như vậy là do tu thành. Tuy là Tánh Đức, nhưng nếu Tánh Đức chẳng có Tu Đức, Tánh Đức chẳng thể hiển lộ, nhất định là phải có Tu Đức. Tu gì vậy? Chẳng phải là tu bên ngoài, mà là tu tự tánh của chính mình, câu này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác: Tu tự tánh ở bên trong. Tự tánh ở bên trong là gì? [Chính là như] tựa đề kinh Vô Lượng Thọ [đã nói] *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, tu những điều này. Vì thế, hiện thân này bèn chiếu khắp đại chúng.

Do vậy có thể biết: Chư Phật, Bồ Tát tùy loại hiện thân, thân ấy là tác dụng gì? Thân các Ngài là Tha Thọ Dụng, Tự Thọ Dụng chẳng cần thân! Lại thưa cùng chư vị, vì Tự Thọ Dụng chẳng cần thân, nên các Ngài chẳng có bệnh khổ, mà cũng chẳng già! Có thân thì mới có bệnh, mới có già, chết. Thân chẳng có, lấy đâu ra già, chết? Lấy đâu ra bệnh? Thứ gì cũng đều chẳng có. Phàm phu bậc cao trong thế gian này là chư thiên trong Vô Sắc Giới, họ chẳng thoát tam giới, họ thấy hễ có thân bèn có phiền phức, nên cũng chẳng cần thân. Lão Tử cũng nói: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"*, [ý nói] ta có nỗi lo lắng rất lớn, vì ta có thân thể này. Ta chẳng có thân thể sẽ tốt lắm, tự tại lắm! Vì thế, thân này phiền toái rất lớn, là gánh nặng rất lớn!

Đối với Tự Thọ Dụng, chư Phật, Bồ Tát chẳng có thân, chẳng có khái niệm ấy, thân là gì? Thân là để cho người khác thọ dụng, chẳng liên can đến chính mình! Nếu chư vị chuyển biến ý niệm, ngay lập tức thân hiện tại sẽ từ Nghiệp Báo Thân chuyển thành Ứng Hóa Thân của Phật, Bồ Tát, tùy thuộc quý vị có thể chuyển hay không? Hễ chuyển biến, thân ta là công cụ nhằm hóa độ hết thảy chúng sanh, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Thân này có thoải mái hay không, chẳng liên can đến ta, về căn bản ta chẳng có thứ này. Nó là một công cụ giúp chúng sanh thành Phật, thoát ly luân hồi, viên thành Phật đạo mà thôi. Hễ chuyển được quan niệm này, thân thể, thọ mạng, và phước đức của quý vị, toàn bộ đều chẳng liên can đến quý vị. Do đó, nhất định phải biết chuyển, cần gì phải chấp trước cứng ngắc thân thể này? Vì sao không đem thân này dâng hiến, tặng cho hết thảy chúng sanh? Trên là cúng dường hết thảy chư Phật, dưới là bố thí hết thảy chúng sanh, thân này chẳng còn nữa. Thân chẳng còn, những bệnh tật phải mang trên thân cũng chẳng có, khổ cũng chẳng có, phiền não cũng chẳng có, ưu lự cũng chẳng có, toàn bộ đều chẳng có, quý vị thấy tự tại lắm! Học Phật phải học từ chỗ này! Đó gọi là *"chiếu khắp đại chúng"*.

(Sao) Hựu Niết Bàn vân: "Lưu Ly Quang Bồ Tát, phóng thân

quang minh. Văn Thù ngôn: Quang minh giả, danh vi trí huệ, tắc Sự Lý viên dung, thân trí bất nhị dã".

(鈔)又涅槃云：琉璃光菩薩，放身光明。文殊言：光明者，名為智慧，則事理圓融，身智不二也。

*(**Sao**: Kinh Niết Bàn lại nói: "Lưu Ly Quang Bồ Tát phóng quang minh từ nơi thân. Ngài Văn Thù nói: Quang minh có tên là trí huệ, tức là Sự Lý viên dung, thân và trí chẳng hai").*

Phàm quang minh chiếu đến đâu, nơi nơi đều sáng bừng, mọi vật được chiếu sáng, chẳng có thứ gì không sáng. Tận hư không khắp pháp giới là Báo Thân của chính mình, đó là Tự Thọ Dụng Báo Thân, tự và tha chẳng hai, đó chính là *"thân và trí chẳng hai"*.

(Diễn) Quang minh danh vi trí huệ giả, nhược thân quang bất thị trí huệ, tắc đồng, thổ, thạch, mộc ngẫu vô tình. Nhược trí huệ bất tức thân quang, tắc trí huệ hữu sở bất biến. Cố thân quang chi Sự, tức trí huệ chi Lý, viên dung bất nhị dã. Thử ước thân trí hợp thích.

(演)光明名為智慧者，若身光不是智慧，則同土石木偶無情；若智慧不即身光，則智慧有所不遍。故身光之事，即智慧之理，圓融不二也。此約身智合釋。

*(**Diễn**: "Quang minh gọi là trí huệ": Nếu thân quang chẳng phải là trí huệ, ắt sẽ giống như đất, đá, tượng gỗ vô tình. Nếu trí huệ chẳng phải là thân quang, ắt trí huệ có chỗ chẳng trọn khắp. Vì thế, Sự nơi thân quang chính là Lý nơi trí huệ, viên dung, chẳng hai. Đây là gộp chung Thân và Trí để giải thích).*

Trong đoạn trước, tách rời thân và quang để nói, đoạn này là nói gộp lại. Nói gộp lại thì chúng là một, chẳng hai. Chúng ta ngày càng thấu hiểu sự tướng này. Nay chúng ta hiểu về mặt Lý, vẫn tu học nghiêm túc nơi mặt Sự, đó là Bồ Tát Ma Ha Tát, từ phàm trở thành thánh. Chúng ta là phàm phu đến trong thế gian này, nay lắc thân một cái để biến đổi, liền biến thành Phật, Bồ Tát, biến thành thánh nhân. Tâm tâm khế nhập đạo lý này, khiến cho đạo lý này được vận dụng viên mãn trong cuộc sống thực tế. Tất cả hết thảy cảnh duyên, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, chẳng có gì không thanh tịnh, chẳng có gì bất bình đẳng, thuận cảnh cũng thế mà nghịch cảnh cũng vậy, thuận tâm

cũng thế, mà nghịch tâm cũng thế, thảy đều là thanh tịnh, bình đẳng, vì sao? Được trí huệ quang minh chiếu soi. Biết hết thảy cảnh giới toàn là do tự tánh biến hiện, trong các cảnh giới đã hiện, trong vô lượng vô biên mối quan hệ giữa con người với nhau, có giác và mê. Hiện thời, quý vị đã thoát ra. Thoát ra bèn là người xem diễn tuồng, chẳng phải là người diễn tuồng. Chưa thoát ra thì hãy còn đang trình diễn trên sân khấu. Nay ta tích cực thoát ra, thoát ra để xem diễn tuồng. Phật, Bồ Tát là người xem diễn tuồng, lục đạo luân hồi là diễn tuồng. Người diễn tuồng mê muội, người xem diễn tuồng chẳng mê. Kẻ diễn tuồng ngỡ tuồng giả là thật, đang mê. Người xem diễn tuồng hiểu rành mạch, rõ ràng!

Quan sát các hữu tình chúng sanh, thấy ai có thể giác ngộ bèn giúp đỡ người ấy, chỉ điểm cảnh tỉnh người ấy, đó là hóa độ. Kẻ chưa thể giác ngộ, chỉ điểm chẳng tỉnh thì cũng kết thiện duyên với kẻ đó. Kết thiện duyên là tạo cho người ấy chủng tử, chờ khi cơ duyên chín muồi. Cơ duyên ấy không nhất định chín muồi trong một đời này, có lẽ là đời sau, hoặc đời sau nữa, có lẽ là vô lượng kiếp sau. Đối với chúng ta thì thấy rất dài, nhưng đối với Phật, Bồ Tát thì là "niệm và kiếp viên dung". Nay chúng ta cảm thấy thời gian có dài hay ngắn là do chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thật ra, nói thật với quý vị: Chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian; thời gian và không gian đều là giả.

Niệm niệm trí huệ quang minh chiếu khắp pháp giới, pháp giới và chính mình là một Thể, đó là *"viên dung bất nhị"*. Không chỉ là Lý nơi Trí, mà cũng là Lý nơi Sự. Nhập cảnh giới ấy, bèn gọi là chứng đắc Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm, dùng phương pháp gì để chứng đắc? Nhất tâm. Nhất Tâm là năng chứng (cái có thể chứng), Nhất Chân là sở chứng (cái được chứng), Năng và Sở bất nhị. Vì thế, kinh Di Đà chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm, tu hành kinh Di Đà có kết quả là Nhất Chân pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm. Cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm rất hợp lý, có căn cứ, chẳng phải là nói năng tùy tiện, bừa bãi!

Trong lời kết luận, [Liên Trì đại sư nói] *"Lý Sự viên dung, thân trí bất nhị"*. Đó là nói về trí quang và thân quang, tức là hai ý nghĩa trước của quang minh. Sau đó, lại nói hai thứ là thường quang và phóng quang trong đoạn tiếp theo.

Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 186

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi lăm:

(Sao) Thường quang, phóng quang giả, thường sở hiển quang, vô phóng bất phóng, như viên quang nhất tầm đẳng, thị dã. Phóng quang giả, hoặc ư mi gian, hoặc ư đảnh thượng, hoặc khẩu, hoặc xỉ, hoặc tễ, hoặc túc chi loại, thị dã. Kim ngôn quang giả, chánh ý tại thường, nhi diệc kiêm phóng, cập dữ thân trí. Như Đại Bổn ngôn: "Nhĩ thời, A Di Đà Phật, tùng kỳ diện môn, phóng vô lượng quang". Hựu vân: "Ngã dĩ trí huệ quang, quảng chiếu vô ương giới cố".

(鈔)常光放光者，常所顯光，無放不放，如圓光一尋等，是也。放光者，或於眉間、或於頂上，或口、或齒、或臍、或足之類，是也。今言光者，正意在常，而亦兼放，及與身智。如大本言：爾時阿彌陀佛，從其面門，放無量光。又云：我以智慧光，廣照無央界故。

*(**Sao**: "Thường quang, phóng quang": Thường quang là quang minh hiển lộ, chẳng có tỏa sáng hay không, như [kinh nói] viên quang chiếu xa một Tầm, chính là nói về thường quang. Phóng quang là như từ nơi giữa hai mày, hoặc từ trên đỉnh đầu, hoặc từ miệng, hoặc từ răng, hoặc từ rốn, hoặc từ chân v.v... [tỏa ra ánh sáng] là nói về loại này. Nay nói đến quang thì ý nghĩa chánh yếu là nói đến thường quang, mà cũng kèm thêm phóng quang cùng với thân quang và trí quang. Như kinh Đại Bổn nói: "Khi ấy, A Di Đà Phật từ nơi diện môn[20], tỏa ra vô lượng quang minh". Lại nói: "Ta dùng trí huệ quang chiếu rộng khắp vô ương cõi").*

Quang minh biểu thị trí huệ. Phật quang có hai loại:

1) Một là thường quang. Thường quang còn gọi là thân quang, trên thân đức Phật luôn có [loại quang minh này]. Thuở Thích Ca Mâu

---

[20] *"Diện môn"* có ba cách hiểu: Một là miệng, hai là toàn bộ khuôn mặt, ba là khoảng giữa mũi và miệng. Cách hiểu thứ nhất căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm bản dịch đời Đường: *"Tức ư diện môn chúng xỉ chi gian, phóng Phật sát vi trần số quang minh"* (Từ nơi răng trong miệng, tỏa ra quang minh nhiều như số vi trần trong một cõi Phật). Cách hiểu thứ hai phổ biến nhất.

Ni Phật thị hiện trên thế gian này, [thân thị hiện] là thân Liệt Ứng, tức thân cao một trượng sáu thước. Thường Quang của Ngài chiếu xa một tầm. Một Tầm (尋) là đơn vị đo lường. Trung Hoa gọi tám thước là một Tầm. Thường quang của đức Phật chiếu xa tám thước, toàn thân đều có.

2) Phóng quang là do có nhân duyên đặc biệt, đức Phật sẽ tỏa ánh sáng.

Do vậy có thể biết, thường quang từ tâm thanh tịnh biến hiện. Tâm địa Ngài thanh tịnh, nên tự nhiên quang minh này chẳng gián đoạn. Vì thế, chẳng thể nói là Ngài có phóng quang hay không. Phóng quang là duyên phận, gặp cơ duyên, đức Phật sẽ phóng quang. Phóng quang là cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh: Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Ứng hiện nhanh chóng nhất không gì hơn phóng quang. Phóng quang thì không nhất định ở nơi nào, đại khái là mỗi nơi đều có ý nghĩa biểu thị pháp đặc thù. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật từ trên nhục kế nơi đỉnh đầu phóng quang, biểu thị pháp môn ấy là đảnh pháp. Từ diện môn tỏa ánh sáng, ở đây nói là *"hoặc ư mi gian"* (hoặc từ giữa hai mày), *"mi gian"* nghĩa là tướng bạch hào phóng quang. Giữa hai chân mày của đức Phật có hai sợi bạch hào[21], bạch hào cuộn tròn lại cùng một chỗ, giống như một viên châu. Từ chỗ ấy tỏa ánh sáng là phổ biến nhất. Mỗi bộ vị trên thân Ngài đều có thể tỏa ánh sáng, loại tỏa sáng này được gọi là *"phóng quang"*.

Nay kinh này nói tới Quang, *"chánh ý tại thường"* (ý nghĩa chánh yếu là thường quang), thường quang của A Di Đà Phật. Kinh Đại Thừa thường nhắc tới và tán thán A Di Đà Phật, đức Phật có vô lượng tướng và vô lượng [tùy hình] hảo. Mỗi hảo có vô lượng quang minh, trong quang minh lại hóa hiện vô lượng chư Phật, phổ độ mười phương chúng sanh, trang nghiêm dường ấy! Vì thế, ý nghĩa chánh yếu là thường quang, nhưng trong ấy cũng hàm nhiếp phóng quang. Quang là trí quang và thân

---

[21] Bạch hào (Ūrṇā) chính là sợi lông trắng dài cuộn tròn ở giữa hai chân mày đức Phật, thường được biểu thị bằng một viên thủy tinh hoặc ngọc gắn chính giữa trán tượng Phật. Theo kinh Quán Phật Tướng Hải, lúc sơ sanh, bạch hào dài năm thước, cuộn tròn theo chiều phải. Khi thành đạo, bạch hào dài một trượng bốn thước năm tấc. Kéo thẳng ra, sợi lông ấy trong suốt, sáng lóng lánh. Buông ra, lông tự động cuộn tròn lại theo chiều bên phải, trông như bạch ngọc. Khi đức Phật giảng kinh thuộc về giáo pháp viên thật, bèn phóng quang từ bạch hào. Sách Thám Huyền Ký giảng: *"Tướng bạch hào giữa hai mày biểu thị pháp Trung Đạo Nhất Thừa, bạch hào biểu thị sự chứng đạo nơi pháp bạch tịnh. Hơn nữa, màu trắng là màu gốc của các sắc, vì thế, [bạch hào] biểu thị pháp Nhất Thừa là nguồn cội của các giáo"*.

quang. Liên Trì đại sư trích dẫn một đoạn kinh Vô Lượng Thọ để chứng minh: *"Nhĩ thời, A Di Đà Phật tùng kỳ diện môn, phóng vô lượng quang"* (Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật từ nơi diện môn, tỏa ra vô lượng quang minh), đó là phóng quang. Lại nói: *"Ngã dĩ trí huệ quang, quảng chiếu vô ương giới"* (Ta dùng ánh sáng trí huệ chiếu rộng khắp vô ương cõi nước). *"Vô ương"* là một con số lớn, thường nói là vô lượng vô biên, hoặc Vô Ương Số, chẳng có cách nào tính toán, chiếu rộng khắp mười phương thế giới.

(Sao) Vạn đức sở thành giả, Hoa Nghiêm Hiền Thủ phẩm, khai tứ thập tứ môn quang minh, các xuất kỳ nhân, hoặc quy Tam Bảo, hoặc phát Tứ Hoằng, Tam Học, Lục Độ chi sở thành tựu, nhất nhất kết vân, thị cố đắc thành thử quang minh.

(鈔)萬德所成者，華嚴賢首品，開四十四門光明，各出其因，或歸三寶，或發四弘，三學六度之所成就，一一結云，是故得成此光明。

*(**Sao**: "Do muôn đức tạo thành": Phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm có nói bốn mươi bốn môn quang minh, đối với mỗi loại quang minh đều nêu ra cái nhân, hoặc quy vào Tam Bảo, hoặc do Tứ Hoằng, Tam Học, Lục Độ thành tựu. Mỗi môn quang minh đều được kết thúc bằng câu "do vậy, được thành quang minh này").*

Trí quang và thân quang do đâu mà có? Nói thật ra, thân của mỗi người, thân mỗi chúng sanh đều có quang minh, chỉ vì tâm chúng ta chẳng thanh tịnh nên không thấy. Nếu tâm địa thanh tịnh, có thể thấy thân quang của mỗi người. Thân quang của Phật là tám thước, phàm phu chỉ có mấy tấc. Đã thế, màu sắc của quang minh cũng khác nhau, kim sắc quang minh là tốt nhất. Người luyện Khí Công, từ màu sắc và độ lớn nhỏ của quang minh, họ có thể thấy được tâm tư, mà cũng có thể thấy trạng huống sức khỏe nơi thân quý vị, biết quý vị bị bệnh ở chỗ nào! Vì sao? Nếu trong quang minh có chướng ngại, bộ phận nào chẳng phóng quang được, [tức là] ở nơi ấy bị bệnh, nên có chướng ngại. Quang minh có mối quan hệ mật thiết với tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chúng ta. Tâm Phật thuần tịnh, đại từ, đại bi, nên quang minh của Ngài thù thắng.

Từ ý nghĩa này trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết thân quang và trí quang thù thắng là do tu thành. Tuy bản tánh vốn trọn đủ, nhưng nếu quý vị chẳng tu, Tánh Đức sẽ chẳng thể hiện tiền. *"Vạn đức sở*

thành": Trong vạn đức, đương nhiên bao hàm Tánh Đức và Tu Đức, nhưng thiên trọng Tu Đức, Tánh Đức vốn trọn đủ. Phẩm Hiền Thủ nói đại lược bốn mươi bốn thứ [quang minh][22], *"các xuất kỳ nhân"* (đối với mỗi loại quang minh đều nêu ra cái nhân của nó). Bốn mươi bốn thứ quang minh ấy do nhân duyên gì mà có, chúng ta phải chú ý những điều này. *"Hoặc quy y Tam Bảo"*: Quý vị thật sự quy y Tam Bảo, quỷ thần trông thấy quý vị đều cung kính, vì sao? Quỷ thần có thể thấy quang minh nơi thân quý vị. Thật sự quy y Tam Bảo, trên thân thể sẽ tỏa ra kim sắc quang minh. Kim quang minh thù thắng nhất trong các thứ quang

---

[22] Do nêu đầy đủ các thứ quang minh ấy sẽ rất rườm rà, xin trích một vài bài kệ trong phẩm ấy như sau: *"Hựu thắng tam-muội danh An Lạc, năng phổ cứu độ chư quần sanh, phóng đại quang minh bất tư nghị, linh kỳ kiến giả tất điều phục. Sở phóng quang minh danh Thiện Hiện. Nhược hữu chúng sanh ngộ thử quang, tất linh hoạch ích bất đường quyên, nhân thị tắc thành Vô Thượng Trí. Bỉ quang thị hiện ư chư Phật, thị Pháp, thị Tăng, thị chánh đạo. Diệc thị Phật tháp cập hình tượng. Thị cố đắc thành thử quang minh. Hựu phóng quang minh danh Chiếu Diệu, ánh tế nhất thiết chư thiên quang. Sở hữu ám chướng mỵ bất trừ, phổ vị chúng sanh tác nhiêu ích. Thử quang giác ngộ nhất thiết chúng, linh chấp đăng minh cúng dường Phật. Dĩ đăng cúng dường chư Phật cố, đắc thành thế trung vô thượng đăng. Nhiên chư du đăng cập tô đăng, diệc nhiên chủng chủng chư minh cự, chúng hương, diệu dược, thượng bảo chúc, dĩ thị cúng Phật hoạch thử quang. Hựu phóng quang minh danh Tế Độ, thử quang năng giác nhất thiết chúng, linh kỳ phổ phát đại thệ tâm, độ thoát dục hải chư quần sanh. Nhược năng phổ phát đại thệ tâm, độ thoát dục hải chư quần sanh, tắc năng việt độ tứ bộc lưu, thị đạo vô ưu giải thoát thành. Ư chư hành lộ, đại thủy xứ, tạo lập kiều lương cập thuyền phiệt, hủy ta hữu vi, tán tịch tĩnh, thị cố đắc thành thử quang minh"* (Có tam-muội quý tên An Lạc, hay cứu độ khắp các quần sanh, phóng đại quang minh chẳng nghĩ bàn, khiến kẻ trông thấy đều điều phục. Quang minh vừa phóng tên Thiện Hiện. Nếu có chúng sanh gặp quang ấy, đều được lợi ích, chẳng luống uổng. Do vậy, đắc thành Vô Thượng Trí. Quang ấy thị hiện nơi chư Phật, nêu Pháp, nêu Tăng, nêu chánh đạo, phô bày tháp Phật và hình tượng. Vì thế, được thành quang minh này. Lại phóng quang minh tên Chiếu Diệu, chói lấp hết thảy các thiên quang. Tất cả ám chướng thảy đều trừ, khắp vì chúng sanh tạo lợi lạc. Quang ấy giác ngộ hết thảy chúng, khiến họ cầm đèn cúng dường Phật. Do cúng đèn lên chư Phật, thành đèn vô thượng trong cõi đời. Thắp các đèn dầu, đèn đốt bơ, cũng thắp các thứ đuốc chiếu sáng, các hương, thuốc tốt và đuốc báu, do cúng Phật được quang minh này. Lại phóng quang minh tên Tế Độ. Quang ấy giác ngộ hết thảy chúng, khiến họ đều phát tâm đại thệ. Độ thoát quần sanh trong biển dục, nếu hay phát trọn đại thệ tâm, độ thoát quần sanh trong biển dục, ắt vượt bốn dòng thác cuồn cuộn, dẫn đến vô ưu giải thoát thành. Nơi các đường sá, chỗ nước to, tạo lập cầu cống và thuyền mảng, chê bai hữu vi, khen tịch tĩnh. Do vậy được thành quang minh này).

minh, lẽ nào quỷ thần trông thấy chẳng tôn kính? Quang minh của quý vị vượt trỗi họ, họ cung kính quý vị. Nhưng hai chữ Quy Y chẳng dễ dàng! Nay chúng ta nói *"quy y"* thì đó là quy y trên hình thức, chẳng hữu dụng to tát. Phải thật sự làm được *"phiên tà tam quy"* (do Tam Quy mà lật ngược sự tà vạy), Quy là thật sự quay đầu, đoạn ác, tu thiện. Từ mê hoặc, điên đảo quay về, nương tựa tự tánh giác, giác chứ không mê, đó là Quy Y Phật. Từ tư tưởng và kiến giải sai lầm quay về, nương theo chánh tri chánh kiến, đó là Quy Y Pháp. Từ hết thảy ô nhiễm, ô nhiễm là gì? Cảm tình. Cảm tình là ô nhiễm, tham, sân, si, mạn, từ nơi đây quay về, nương theo tâm thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là Quy Y Tăng. Thật sự từ mê, tà, nhiễm, quay về nương tựa giác, chánh, tịnh, đó là Quy Y Tam Bảo. Ý niệm của quý vị vừa chuyển, đó gọi là *"y báo chuyển theo chánh báo"*. Thân quang và trí quang cũng là y báo, quang minh lớn hay nhỏ khác nhau, màu sắc cũng khác nhau. Thông thường, tâm thuật bất chánh, tạo tác ác nghiệp, quang minh màu xám hay đen. Màu đen là bất hảo nhất, gần như tai nạn sẽ xảy đến. Quang minh thù thắng là quang minh màu vàng, hoặc kim sắc quang minh, quang minh ấy khá thù thắng!

"Hoặc phát Tứ Hoằng": Phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là Bồ Đề tâm. Tứ Hoằng lấy độ chúng sanh làm chủ, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. *"Độ"* là tận tâm tận lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chỉ cần là họ cần đến, chúng ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Giúp đỡ họ thì quan trọng nhất là giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ minh tâm kiến tánh, điều này quan trọng nhất! Vì sau khi khai ngộ, hết thảy phiền não, mê hoặc đều có thể đoạn trừ, trí huệ và đức năng tự nhiên hiển lộ. Đó là sự giúp đỡ thù thắng khôn sánh của Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, những thứ khác như *"đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo"* đều nhằm thỏa nguyện thứ nhất.

Nếu chúng ta muốn phổ độ chúng sanh, trước hết, phải độ chính mình. Chính mình chưa độ, sẽ chẳng có cách nào độ người khác. Độ chính mình thì trước hết phải đoạn phiền não, có thứ tự hoàn toàn giống như trong Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói. Trước hết, phải đoạn ác. *"Đoạn phiền não"* là đoạn ác, *"học pháp môn"* là tu thiện, tích thiện, tích đức. Chỉ có viên thành Phật đạo, chúng ta mới giúp đỡ chúng sanh viên mãn. Chẳng thành Phật, trình độ của quý vị vẫn là hữu hạn, quý vị có thể giúp những chúng sanh có trình độ thấp hơn chính mình, nhưng đối với những chúng sanh có trình độ cao hơn, quý vị chẳng có cách nào giúp đỡ

họ! Ắt phải thành Phật đạo thì mới có thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát. [Những người có mức độ giác ngộ] từ Đẳng Giác trở xuống thì đương nhiên chẳng cần phải nói nữa! Do vậy, [phải thành Phật đạo] thì mới có thể phổ độ chúng sanh. Nếu quý vị phát đại tâm chân thành, rất khó có, hết sức hy hữu! Tuy chúng ta học Phật, hằng ngày niệm bốn câu ấy, chỉ là niệm ngoài cửa miệng, chẳng khởi tác dụng, chẳng thật sự phát tâm ấy. Vì sao biết? Nếu thật sự phát tâm ấy, người đó sẽ nghiêm túc đoạn phiền não, sửa lỗi, tu thiện. Người ấy có phiền não tập khí, vẫn chưa thể sửa, có thể thấy là Bồ Đề tâm và Tứ Hoằng Thệ Nguyện chưa phát, phát bằng miệng thì chẳng có tác dụng gì hết! Phật pháp là pháp môn tâm địa, nhất định phải từ nội tâm sanh khởi thì mới có thể thật sự biến hóa khí chất. Tam Học, Lục Độ: Tam Học là pháp tu tập của Nhị Thừa, tức là Giới Học, Định Học, Huệ Học. Lục Độ là pháp tu của Bồ Tát, gồm Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã.

Ở đây, nêu đại lược bốn khoa trong bốn mươi bốn môn [quang minh]. Trong mỗi môn, kinh Hoa Nghiêm đều kết luận: *"Thị cố đắc thử quang minh"* (Do vậy, đắc quang minh này). Từ chỗ này, chúng ta hoàn toàn hiểu rõ. Quang minh của đức Phật là do vô lượng kiếp tu tập, tích lũy mà đạt được. Vì tu tập, tích lũy [công đức], trừ bỏ phiền não, sở tri, nên quang minh vốn sẵn có trong Tánh Đức mới có thể hiển lộ. Mỗi người chúng ta đều có tướng hảo và quang minh giống hệt như Như Lai. Phẩm [Như Lai] Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai"*, có thể thấy là quang minh cũng giống như vậy. Quang minh là một trong các đức tướng, thảy đều có, *"chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc"*. Vì sao quang minh chẳng hiển lộ? Quý vị có phiền não, có vọng tưởng, có chấp trước, nên Tánh Đức chẳng thể hiện tiền. Do vậy có thể biết, Tu Đức là tu gì? Trừ khử vọng tưởng và chấp trước mà thôi. Vọng tưởng và chấp trước đã trừ, trí huệ quang minh trong bản tánh tự nhiên hiển lộ. Quý vị đồng tu phải thấu hiểu cặn kẽ ý nghĩa này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta mới có thể nghiêm túc nỗ lực tu học.

(Sao) Hựu Bát Nhã kinh, Phật ngôn: "Ngã ư nhất thiết pháp vô sở chấp, cố đắc thường quang nhất tầm". Tắc tri kim Phật quang minh, phi nhất đức sở trí dã.

(Diễn) Ngã ư nhất thiết vô sở chấp, đắc thường quang giả, chư Phật quang minh tùng trí huệ sanh. Phàm phu chấp trọng, trí huệ bất

sanh. Trí huệ bất sanh, quang minh hà hữu? Cố đãng tận nhất thiết chấp giả, nãi năng phát quang minh dã. Hựu hữu sở chấp giả thức tình, vô sở chấp giả trí huệ. Ký hữu trí quang, khởi vô thân quang?

(鈔)又般若經，佛言：我於一切法無所執，故得常光一尋，則知今佛光明，非一德所致也。

(演)我於一切無所執，得常光者，諸佛光明從智慧生，凡夫執重，智慧不生，智慧不生，光明何有，故蕩盡一切執者，乃能發光明也。又有所執者識情，無所執者智慧。既有智光，豈無身光。

*(**Sao**: Lại nữa, trong kinh Bát Nhã, đức Phật nói: "Đối với hết thảy các pháp, ta chẳng chấp trước, nên đạt được thường quang chiếu xa một Tầm". Do đó biết quang minh của Phật chẳng phải do một đức tạo nên.*

***Diễn**: "Đối với hết thảy, ta chẳng chấp trước, nên đắc thường quang": Quang minh của chư Phật sanh từ trí huệ. Phàm phu chấp trước nặng nề, chẳng sanh trí huệ. Trí huệ chẳng sanh, làm sao có quang minh? Vì thế, gột sạch hết thảy chấp trước thì mới có thể phát sanh quang minh. Lại nữa, có điều gì chấp trước thì là thức tình, chẳng có chấp trước bèn là trí huệ. Đã có trí quang, lẽ nào chẳng có thân quang?)*

Lời chú giải hay lắm, đã giải thích rõ ràng Lý và Sự của chuyện này. Ở đây còn có một chuyện đáng cho chúng ta chú ý. Người bình phàm thấy thân quang và trí quang của đức Phật, luôn cảm thấy cao chẳng thể vói tới, xa xôi chẳng thấu đạt được, dường như chẳng có mối quan hệ to tát gì đối với chính mình, thấy rồi kể như xong. Trước mắt, điều có quan hệ chặt chẽ nhất đối với chúng ta là gì? Tôi bảo quý vị, thân thể khỏe mạnh. Nhắc tới điều này, mọi người đều nên chú ý, thân quang và phóng quang có mối quan hệ mật thiết với sức khỏe nơi thân thể. Có thể thấy phần kinh văn này chẳng phải là không liên quan đến chúng ta, chẳng phải là vĩnh viễn không đạt được. Từng chữ, từng câu đều liên quan rất lớn với cuộc sống hiện tiền của chúng ta. Nếu quý vị biết học, thật sự thấu hiểu ý nghĩa này, vận dụng vào cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ khỏe mạnh, sống lâu, thanh xuân, chẳng già, quý vị có muốn hay không? Nếu quý vị muốn, chẳng thể không đổ công dốc sức nơi điều này, xác thực là có hiệu quả. Vì lẽ đó, chẳng phải là một đức mà

có thể viên mãn, phải là các đức thì thân quang và trí quang mới viên mãn, nhưng các đức phải tu từ một đức.

Phật pháp thường dùng Pháp Luân để biểu thị pháp, dùng nó làm tiêu chí (logo). Luân biểu thị Không và Hữu bất nhị. Luân (bánh xe) tròn, nhưng cái tâm của hình tròn là Không, vành tròn thì có, nó biểu thị Không và Hữu bất nhị, động tĩnh như nhau. Vành tròn bên ngoài là động, tâm hình tròn chẳng động. Trong động mà có bất động, trong bất động có động. Động tĩnh bất nhị, biểu thị điều này. Vì thế, tâm chúng ta phải là rỗng không, trong tâm chớ nên có thứ gì, tâm phải tĩnh, tâm chẳng thể động, tâm thanh tịnh. Thân phải động, thân là gì? Thân là vành tròn, bánh xe không xoay, sẽ chẳng khởi tác dụng. Khoa học kỹ thuật hiện thời phát triển như vậy, truy tìm nguyên nhân, toàn là do bánh xe đang chuyển động. Chẳng có bánh xe, khoa học kỹ thuật trên thế giới đều phải ngưng dứt! Do đó, thân là bánh xe, thân phải động, tâm phải thanh tịnh, quý vị mới có thể khỏe mạnh.

Con người hiện thời sanh bệnh, [là vì] thân muốn thoải mái, chẳng động, trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, hoàn toàn điên đảo. Thân chẳng động, thân này liền rỉ sét, phát sanh bệnh tật. Tâm đang động, tâm cũng sanh bệnh. Tâm vốn là thanh tịnh, bất động, nay quý vị khăng khăng buộc nó động, cho nên tâm sanh bệnh. Tâm đã bệnh, thân thể làm sao khỏe mạnh cho được? Chư vị phải biết: Dưỡng tâm thì phải tĩnh, dưỡng thân thì phải động. Lễ bái trong Phật môn là một thứ phương pháp tu hành rất tốt. Năm vóc gieo xuống đất là vận động. Khi lễ Phật, tâm địa cung kính, tâm cung kính là một niệm chẳng sanh. Đó là cung kính. Tâm thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh lạy Phật, đó là cung kính nhất. Vừa lạy Phật, trong tâm còn khấn khứa: "Phật, Bồ Tát ơi! Các Ngài phải phù hộ cho con", sẽ chẳng linh! Vì sao? Thiếu cung kính, tâm chẳng chân thành. Quý vị dùng cái tâm vọng tưởng lạy Phật, làm sao có thể cảm ứng cho được? Có lẽ sẽ có người hỏi: "Trong tâm tôi có nguyện cầu, tôi không nói ra, làm sao đức Phật biết?" Nếu đức Phật không biết, Ngài sẽ chẳng được gọi là Phật, Phật sẽ biết. Vì thế, chẳng cần phải động niệm, chẳng cần phải khấn khứa. Quý vị càng động niệm, càng khấn khứa, càng chẳng được. Quý vị chẳng động niệm, chẳng cần khấn khứa, quý vị lạy Phật, Phật liền linh ứng. Vì lòng thành mà linh. Thành là gì? *"Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành"*. Trong tâm động niệm sẽ chẳng thành, chẳng thành sẽ không linh, chẳng có cảm ứng đạo giao. Phải nên ghi nhớ, phải biết những nguyên lý này.

(Sao) Bổn nguyện sở trí giả.

(鈔)本願所致者。

*(**Sao**: Do bổn nguyện tạo thành).*

Lời Sớ có nói quang minh có hai loại nguyên nhân: Một là do muôn đức tạo thành, hai là do *"bổn nguyện sở trí"* (bổn nguyện tạo thành). Phần trước đã nói về Tu Đức, tức là do muôn đức tạo thành. Nay trong phần này, nói về bổn nguyện.

(Sao) Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, đảnh trung quang minh, thắng ư nhật nguyệt bách thiên vạn ức bội". Hựu nguyện vân: "Nguyện ngã tác Phật thời, quang minh chiếu vô ương số thiên hạ, u minh chi xứ, giai đương đại minh. Chư thiên nhân dân, dĩ cập quyên nhuyễn, kiến ngã quang minh, mạc bất từ tâm, tác thiện, lai sanh ngã quốc".

(鈔)大本法藏願云：我作佛時，頂中光明，勝於日月百千萬億倍。又願云：願我作佛時，光明照無央數天下，幽冥之處，皆當大明，諸天人民，以及蜎蠕，見我光明，莫不慈心作善，來生我國。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, quang minh nơi đỉnh đầu vượt trỗi mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức lần". Lại nguyện rằng: "Nguyện khi tôi thành Phật, quang minh chiếu vô ương số thiên hạ, chỗ tối tăm đều sẽ sáng bừng. Chư thiên nhân dân, cùng với các loài ngọ nguậy, bò trườn, thấy quang minh của tôi, không ai chẳng từ tâm, làm lành, sanh về nước tôi").*

Hai đoạn này là kinh văn trong phần bốn mươi tám nguyện.

(Sao) Hựu nguyện tiền kệ vân: "Năng sử vô lượng sát, quang minh tất chiếu diệu". Cố kim thành Phật, đắc như sở nguyện.

(鈔)又願前偈云：能使無量剎，光明悉照耀，故今成佛，得如所願。

*(**Sao**: Trong bài kệ trước phần phát nguyện lại nói: "Hay khiến vô lượng cõi, quang minh ắt chói ngời". Do đó, nay Ngài thành Phật, được như sở nguyện).*

Đoạn này nhằm giải thích câu *"bổn nguyện sở trí"*. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật chẳng phải là phát ra ngay lập tức; do đâu mà có bốn mươi tám nguyện? Thế Gian Tự Tại Vương Phật vì Ngài tuyên nói y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười phương cõi Phật trải qua ngàn ức năm. Thời gian nghe pháp lâu dài như thế, đồng thời lại được Phật gia trì, khiến cho Ngài có thể đích thân thấy hai mươi mốt câu-chi các cõi Phật (hai mươi mốt câu-chi là hai trăm mười ức). Hai trăm mười ức chẳng phải là một con số, mà là biểu thị pháp. Bát Nhã và Mật Tông đều dùng *"hai trăm mười ức"* để biểu thị sự viên mãn đến tột cùng. Nói cách khác, đối với mười phương ba đời các cõi Phật, A Di Đà Phật đều đã đến thăm, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đại nguyện là từ những lần tham học và nghe pháp liên tục kết thành. Ngài thấy mười phương thế giới có lục đạo, có ba ác đạo rất khổ sở, cho nên phát nguyện: *"Sau khi ta thành Phật, trong thế giới của ta chẳng có ba ác đạo"*. Do Ngài thấy hoàn cảnh bên ngoài, nên mới phát đại nguyện như vậy.

Do vậy có thể biết, bốn mươi tám nguyện chẳng thể nghĩ bàn; sau khi Ngài đã nghe pháp, tu học viên mãn, mới kết thành đại nguyện. Sau khi đã kết thành đại nguyện, lại còn năm kiếp tu hành, dùng hạnh để thực hiện nguyện, nguyện nào cũng đều chẳng hư luống, mỗi nguyện đều thật sự làm được, như vậy thì mới viên thành Phật đạo. Nếu quý vị biết sự thật này thì mới hoảng nhiên đại ngộ: Tây Phương Cực Lạc là thế giới gì? Là tập hợp toàn bộ những điều tốt đẹp trong các cõi Phật, hết thảy những chỗ chẳng tốt đẹp trong các cõi Phật, Ngài chẳng dùng đến, các ưu điểm bèn hoàn toàn chọn lấy, [tạo thành] một thế giới như thế đó. Thế giới ấy vượt trỗi hết thảy các thế giới của chư Phật. Thế giới đã vượt trỗi, đương nhiên A Di Đà Phật cũng vượt trỗi, thế giới là y báo, Phật là chánh báo. Trong chánh báo, quý vị hãy nghĩ xem: Nếu cái tâm chẳng vượt trỗi, thân cũng chẳng thể vượt trỗi. Vì thế biết A Di Đà Phật thù thắng bậc nhất, phát tâm thù thắng. Ngài phát tâm chẳng phải là độ chúng sanh trong một thế giới, một thế giới là nói một tam thiên đại thiên thế giới, chẳng phải vậy! Ngài phát tâm muốn độ hết thảy chúng sanh trong các cõi Phật trọn khắp mười phương tận hư không khắp pháp giới, Ngài phát nguyện ấy. Vì thế, khu vực giáo hóa của A Di Đà Phật chẳng phải là một thế giới, mà vô lượng vô biên các cõi Phật đều là khu vực giáo hóa của Ngài. Vì thế, thường quang của Phật Di Đà cũng chiếu khắp pháp giới, cũng lại chẳng thể nghĩ bàn! Một Tầm, tức tám thước, là

quang minh nơi Ứng Thân của Phật, chẳng phải là Báo Thân. Báo Thân của Phật thì quang minh chiếu trọn khắp.

Trong lời nguyện có nói tới *"đảnh quang"*, tức quang minh phát xuất từ đỉnh đầu *"thắng ư nhật nguyệt bách thiên vạn ức bội"* (trỗi vượt mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức lần). Quang minh nơi một chỗ mà còn như thế, huống là thường quang nơi toàn thân. *"Hựu nguyện vân"* (Lại nguyện rằng), khi Ngài thành Phật, *"quang minh chiếu vô ương số thiên hạ"*, *"thiên hạ"* là một thế giới, đó là chiếu trọn khắp. *"U minh chi xứ, giai đương đại minh"* (Chỗ tối tăm đều sáng bừng). *"U minh"* là ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo, trong lục đạo, đó là chỗ nghiệp chướng nặng nhất, quang minh của A Di Đà Phật đều chiếu thấu. *"Chư thiên nhân dân"* là nói thiên đạo và nhân đạo, *"quyên nhuyễn"* (蜎蝡) là súc sanh đạo, lục đạo thảy đều được nhắc tới. Lục đạo chúng sanh thấy quang minh của Phật Di Đà, *"mạc bất từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc"* (không ai chẳng từ tâm, làm lành, sanh về nước ta).

Nếu nay chúng tôi hỏi mọi người: Quý vị có thấy quang minh của A Di Đà Phật hay không? Có mấy người thấy? Nói thật ra, mỗi vị đồng tu đều đã thấy, nhưng chính quý vị chẳng biết. Vì sao biết là đã thấy? Quý vị có thể thấy bộ kinh này, bộ kinh này chính là Phật quang. Quý vị có thể nghe câu danh hiệu A Di Đà Phật, một tiếng Nam-mô A Di Đà Phật là Phật quang. Quý vị nghe, thấy, trong tâm sanh hoan hỷ, cũng chịu niệm Phật, niệm kinh, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy chính là như trong kinh đã nói *"kiến ngã quang minh, mạc bất từ tâm, tác thiện, lai sanh ngã quốc"* (thấy quang minh của ta, không ai chẳng từ tâm, làm lành, sanh về nước ta). Do đó, ba câu này nhằm nói tới chính chúng ta, chẳng nói tới ai khác! Đọc bộ kinh này, tâm địa phóng quang, chuyển biến ý niệm, dần dần tương ứng với bổn nguyện của A Di Đà Phật, và cũng tương ứng với sự tu trì của A Di Đà Phật. Đó là tiếp nhận Phật quang.

"Năng sử vô lượng sát, quang minh tất chiếu diệu" (Hay khiến vô lượng cõi, quang minh ắt chói ngời). Hai câu kệ này là kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, *"cố kim thành Phật, đắc như sở nguyện"* (nên nay thành Phật, được như sở nguyện). A Di Đà Phật nay đang thị hiện thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân quang, trí quang, thường quang, phóng quang của Ngài, thảy đều chiếu khắp pháp giới, đối với điều này, chúng ta chẳng có mảy may nghi hoặc!

Tiếp theo đây là nói về Vô Lượng, tức Vô Lượng Quang. Phần

trên đây chỉ giới thiệu Quang, có thân quang và thường quang. Quang minh của A Di Đà Phật là vô lượng quang. Hai thứ vô lượng thọ và vô lượng quang là cốt lõi của kinh này.

(Sớ) Vô lượng giả, ngôn sở chiếu chi quảng dã. Thập phương giả, bất đồng tha kinh chiếu nhất phương cố. Vô chướng ngại giả, bất đồng nhật quang, do hữu ngại cố.

(疏)無量者，言所照之廣也。十方者，不同他經照一方故。無障礙者，不同日光，猶有礙故。

*(**Sớ**: "Vô lượng": Ý nói chiếu rộng khắp. "Mười phương": Chẳng giống như các kinh khác chỉ chiếu một phương. "Vô chướng ngại": Chẳng giống như ánh sáng mặt trời còn bị chướng ngại).*

"Vô lượng" có nghĩa là chiếu trọn khắp, không đâu chẳng chiếu tới. *"Thập phương"* là phạm vi chiếu thấu của Phật quang.

(Sao) "Bất đồng tha kinh" giả, như Pháp Hoa Đông chiếu, tắc bất thuyết dư phương.

(鈔)不同他經者，如法華東照，則不說餘方。

*(**Sao**: "Chẳng giống như kinh khác": Như kinh Pháp Hoa nói [đức Phật phóng quang chiếu các cõi nước] ở phương Đông, tức là chẳng nói đến những phương khác).*

Chỉ chiếu một phương.

(Sao) Vạn bát thiên, tắc bất cai dư quốc.

(鈔)萬八千，則不該餘國。

*(**Sao**: [Kinh Pháp Hoa chỉ nói quang minh ấy chiếu tới] một vạn tám ngàn cõi, tức là chẳng bao gồm các nước khác).*

"Vạn bát thiên" chẳng phải là một con số quá lớn. Có thể thấy quang minh ấy chẳng trọn khắp, nó có phạm vi.

(Sao) Nghĩa các hữu thủ cố, kim tắc tứ duy thượng hạ, nhất thiết quốc độ, vô bất chiếu cố.

(鈔) 義各有取故。今則四維上下 ，一切國土，無不照

故。

*(**Sao**: Xét ra, mỗi kinh có ý nghĩa riêng biệt, nay thì [kinh này nói] bốn phương, trên dưới, hết thảy các cõi nước, không đâu chẳng chiếu).*

Tôi phải nói ý nghĩa này cùng quý vị, vì sao quang minh của Phật Di Đà không đâu chẳng chiếu đến? Từ Đại Bổn và Tiểu Bổn, chúng ta đều thấy, đặc biệt là tựa đề của kinh Tiểu Bổn vô cùng rõ rệt, Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh (kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thảy chư Phật hộ niệm), đó là đề mục nguyên gốc của kinh. Ai khen ngợi? Mười phương ba đời hết thảy chư Phật khen ngợi, đó là quang minh chiếu trọn khắp. Chẳng có một vị Phật nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ; chẳng có vị Phật nào không nói kinh A Di Đà. Bộ kinh này tận hư không khắp pháp giới chẳng có cõi nước nào không hoằng dương! Quý vị mới biết bộ kinh này được lưu truyền rộng rãi, các kinh khác chẳng có hiện tượng này.

Đức Phật ứng cơ thuyết pháp, nếu căn cơ chẳng phù hợp, đức Phật sẽ không nói. Bộ kinh này chẳng có căn cơ nào không phù hợp, trên là đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới là đến chúng sanh trong địa ngục, chẳng có một ai không khế cơ. Trừ phi quý vị chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu niệm Phật thì chẳng có cách nào! Chỉ cần quý vị chịu tin, chịu nguyện, chịu niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị sẽ là bậc đương cơ trong pháp môn này. Bậc đương cơ ấy rất lỗi lạc, quyết định thành Phật trong một đời này. Vì thế, pháp môn này là pháp môn thành Phật trong một đời, thành tựu trong một đời. Bất luận quý vị là thân phận gì, Bồ Tát cũng thế, Thanh Văn cũng thế, La Hán cũng thế, trời, người, quỷ thần, cho đến địa ngục thảy đều như thế, cũng chẳng quản nam, nữ, già, trẻ, cũng chẳng quản làm lành hay làm ác, đều chẳng quản. Chỉ cần trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng có ai không vãng sanh, chẳng có ai không thành Phật. Quý vị nghĩ xem: Tìm đâu ra một pháp môn như thế này? Đó là "chiếu khắp". Không như các kinh khác, những kinh khác ví như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa còn có rất nhiều chỗ chẳng khai diễn, chẳng nói, nên các kinh ấy chẳng rộng.

(Sao) Bất đồng nhật quang giả.

(鈔)不同日光者。

*(**Sao**: Chẳng giống như ánh sáng mặt trời).*

Nói theo tỷ dụ.

(Sao) Nhật tuy hữu quang, Tu La yểm chi tắc ngại, Thiết Vi lưỡng gian tắc ngại, phúc bồn chi hạ tắc ngại.

(鈔)日雖有光，修羅掩之則礙，鐵圍兩間則礙，覆盆之下則礙。

*(**Sao**: Mặt trời tuy có quang minh, nhưng bị Tu La che bèn bị trở ngại, giữa hai núi Thiết Vi bèn bị trở ngại, dưới đáy chậu úp thì bị trở ngại).*

Ánh sáng mặt trời có chướng ngại, Phật quang chẳng bị chướng ngại, Phật quang có thể soi thấu hết thảy vật chất, chẳng ngăn che được. Đối với ánh nắng mặt trời, kinh nói A Tu La dùng tay che khuất [mặt trời], sẽ chẳng thấy ánh sáng mặt trời. Người Ấn Độ nói như vậy, [họ nói] nhật thực do đâu mà có? Do tay A Tu La che khuất thái dương. Nay chúng ta biết, đó là do mặt trăng che khuất mặt trời, chẳng phải là tay A Tu La. Cổ Ấn Độ nói là do tay A Tu La che khuất thái dương, Thích Ca Mâu Ni Phật có biết chân tướng sự thật này hay không? Biết chứ! Thích Ca Mâu Ni Phật biết tinh cầu vận hành, mặt trăng chuyển đến vị trí ấy sẽ gây ra hiện tượng này. Vì sao thuở ấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói? Chư vị nghĩ xem: Nói ra có tác dụng gì đâu? Mọi người đều nói như thế, được rồi, ta thuận theo cách nói của quý vị. Vì ý của đức Phật là khiến cho tâm quý vị thanh tịnh, khiến cho quý vị khai ngộ, chẳng phải là khiến cho quý vị hiểu những điều thường thức ấy. Tông chỉ giáo học của đức Phật ở chỗ này, chẳng liên can đến thường thức. Tâm thật sự thanh tịnh, khai ngộ, tự nhiên quý vị sẽ hiểu rõ hết thảy chân tướng, cần gì phải nói? Trong lúc khoa học kỹ thuật chưa phát minh, có nói cũng chẳng rõ ràng, không nói thì còn chẳng có chuyện gì, chứ càng nói càng rách việc! Người bình phàm nghĩ là tay A Tu La che khuất, đức Phật cũng nói: Quý vị nói kiểu ấy, ta cũng nói thuận theo quý vị, tùy thuận thế tục mà nói. Đức Thế Tôn thuyết pháp tùy thuận Chân Đế và Tục Đế, xét theo chính đức Phật là Chân Đế; tùy thuận cách nói của mọi người trong thế gian là Tục Đế. Quý vị phải hiểu nguyên tắc thuyết pháp của đức Phật vì hết thảy chúng sanh, chúng ta mới có thể hiểu nghĩa thú trong lời Phật dạy.

"Thiết Vi lưỡng gian tắc ngại": Đây là hai rặng núi cao, khi mặt trời mọc từ phương Đông, mặt Đông của núi ngăn che ánh mặt trời, trong sơn cốc chẳng thấy. Chỉ đến khi mặt trời đã đứng bóng, mới chiếu

xuống mặt đất [giữa hai núi Thiết Vi]. Hơi chênh về Tây, mặt Tây của núi lại ngăn che ánh sáng mặt trời, lại chẳng thấy nữa! Nó bị ngăn ngại! *"Thiết Vi"* là nói đến núi Thiết Vi. Giữa hai rặng Thiết Vi bèn có trở ngại.

"Phúc bồn chi hạ tắc ngại" (Dưới đáy chậu úp bèn bị trở ngại). Quý vị dùng cái chậu úp xuống, tuy mặt trời chiếu sáng, chẳng chiếu đến dưới đáy chậu, nên bị trở ngại.

(Sao) Hựu Diêm Phù minh, tắc Đan Việt ngại; Cù Da minh, tắc Phất Vu ngại.

(鈔)又閻浮明，則單越礙；瞿耶明，則弗于礙。

*(**Sao**: Lại nữa, châu Diêm Phù sáng thì châu Đan Việt tối tăm, châu Cù Da sáng thì châu Phất Vu tối tăm).*

Đây là nói tới Đông, Nam, Tây, Bắc bốn đại bộ châu. Diêm Phù là châu Nam Diêm Phù (Jambudvīpa), ở phương Nam. Đan Việt là Uất Đan Việt (Uttarakuru), tức Bắc Câu Lô Câu ở phương Bắc; Cù Da (Aparagodānīya) là phương Tây; Phất Vu (Pūrvavideha) là phương Đông. Phương Nam sáng sủa, phương Bắc liền tối tăm. Phía Tây sáng sủa, phía Đông bèn tối tăm. Giống như địa cầu vận hành, mặt trời chỉ có thể chiếu sáng một nửa, nửa kia chẳng chiếu thấu. Có ý nghĩa này, những điều này đều nhằm nói rõ ánh sáng mặt trời bị chướng ngại.

(Sao) Kim tắc triệt sơn thấu bích, thông u đạt minh, vô năng giá chướng, sử quang ẩn một, vô năng cách ngại, sử quang đoạn tuyệt cố.

(鈔)今則徹山透壁，通幽達冥，無能遮障，使光隱沒，無能隔礙，使光斷絕故。

*(**Sao**: Nay [Phật quang] soi núi, xuyên tường, thông đạt tới chỗ tối tăm, u ám, không gì có thể ngăn che khiến cho quang minh ấy bị ẩn mất; không gì có thể cách ngăn khiến cho quang minh ấy bị đoạn tuyệt).*

Đây là nói về Phật quang. Núi cao, vách tường chẳng thể chướng ngại, Phật quang, nó xuyên thấu. Nay chúng ta có thể hiểu ý nghĩa này, ví như tia X, tia tử ngoại tuyến, mắt thường nhìn chẳng thấy, nó có thể xuyên qua vách tường. Khoa học hiện tại vẫn chưa thể dò thấy Phật quang, vì những thứ như tia X hoặc tia tử ngoại vẫn có chướng ngại, đối với một thứ kim loại nào đó, chúng vẫn chưa thể xuyên thấu. Nhưng

Phật quang khác hẳn, chẳng có thứ gì có thể chướng ngại nó. Phật quang tuy chiếu trọn khắp, nhưng mắt thịt của chúng ta chẳng thể trông thấy.

Lại thưa cùng chư vị, nếu mắt thường của chúng ta có thể thật sự trông thấy những ánh sáng có bước sóng khác nhau, thế giới này ngay lập tức biến đổi. Nay chúng ta có thể thấy các ánh sáng [có bước sóng] rất ngắn, những ánh sáng có bước sóng dài hơn, chúng ta chẳng thấy, mà những ánh sáng có bước sóng ngắn hơn, chúng ta cũng chẳng nhìn thấy. Đối với vô hạn ánh sáng có bước sóng khác nhau, công năng của mắt chúng ta là chỉ có thể nhìn thấy một loại. Hiện thời, cậy vào các dụng cụ khoa học để đo lường, [các ánh sáng có] bước sóng đạt đến một độ dài nào đó thì chúng ta có thể trông thấy; đối với bước sóng ngắn hơn, cũng có thể trông thấy, nhưng chẳng dùng máy móc, sẽ chẳng thể thấy. Máy móc vẫn là hữu hạn, biết là còn có ánh sáng có bước sóng cực dài, nhưng máy móc bó tay. Nếu ánh sáng có bước sóng cực ngắn, máy móc cũng chịu thua. Chư vị phải biết: Phật là ngũ nhãn viên minh, chẳng cần nhờ vào bất cứ máy móc nào, tất cả hết thảy các sóng ánh sáng, chẳng có gì Ngài không thấy rõ ràng, rành rẽ. Vì vậy, thế giới trong mắt Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật khác biệt chúng ta, hoàn toàn khác nhau.

Tục ngữ thường nói thế gian này là *"nhân quỷ tạp cư"* (người và quỷ sống lẫn lộn). Tuy tạp cư, nhưng vì cảm giác về sóng ánh sáng khác nhau, nên đôi bên chẳng trở ngại lẫn nhau. Một mai thật sự hiểu rõ, cũng có lẽ là quỷ ngồi chễm chệ bên cạnh chúng ta, họ không thấy ta, chúng ta chẳng thấy họ. Nhà của chúng ta và nhà của quỷ trùng điệp, nhưng chẳng trở ngại lẫn nhau. Vì sắc pháp của chúng ta vô ngại đối với họ, sắc pháp của họ vô ngại đối với chúng ta, chúng ta xây tường bèn không đi qua được, nhưng họ có thể xuyên qua, vì sao? Trong tâm mục của họ chẳng cảm nhận thấy thứ ấy, nên họ đi xuyên qua được. Quỷ xây tường, họ chẳng vượt qua được. Họ bị chướng ngại, vì cảm giác nơi đó họ đã dựng tường, nên chẳng thể vượt qua được. Chúng ta chẳng cảm thấy nơi đó là tường, nên chẳng bị chướng ngại. Quả nhiên có năng lực ấy, quý vị sẽ thấy thế gian này hoàn toàn biến đổi hình dạng.

Ai biết chân tướng thế gian này? Đức Phật biết. Chúng ta nào có biết, chúng ta chỉ biết một phần cực nhỏ. Quang minh là như thế, âm thanh cũng là như thế, đối với tác dụng của tai, âm thanh có bước sóng dài chúng ta chẳng nghe thấy, âm thanh có bước sóng ngắn chúng ta cũng chẳng nghe thấy. Hiện thời dùng vô tuyến điện, biến đổi sóng âm thành dài hay ngắn, có thể truyền đến nơi xa; lại dùng máy móc để khôi

phục trạng thái cũ, chúng ta lại nghe rất rõ ràng. Nếu tai chúng ta thông suốt, sáng tỏ, các thứ sóng âm khác nhau đều nghe, mười phương hết thảy chư Phật thuyết pháp, chúng ta ngồi nơi đây đều nghe trọn hết, chẳng có gì không nghe. Vì thế, phải hiểu, mắt của chúng ta tệ lắm, có chướng ngại; cái máy thu âm (tai) này cũng dở ẹt, cũng chẳng linh hoạt, chỉ nghe được một phần sóng âm cực nhỏ như thế, sóng âm dài hơn hoặc ngắn hơn đều chẳng thể nghe thấy.

Giáo học Phật pháp nhằm khôi phục năng lực sẵn có của sáu căn, đức Phật dạy: Hai mắt chúng ta không gì chẳng thấy, tận hư không khắp pháp giới chẳng có thứ gì chúng ta không thấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy cách xa chúng ta mười vạn ức cõi Phật, nhưng nếu mắt của quý vị khôi phục năng lực vốn có, sẽ thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới "như đối trước mắt", quý vị sẽ thấy rành mạch. Nếu năng lực của tai được khôi phục, A Di Đà Phật thuyết pháp trong thế giới Cực Lạc, chúng ta sẽ nghe rõ ràng, rành mạch. Giáo học Phật pháp chẳng có gì khác, giúp chúng ta khôi phục năng lực sẵn có của sáu căn mà thôi! Vì thế nói là *"Phật chẳng độ chúng sanh"*, Phật có gì để ban cho chúng ta? Chẳng có, Phật dạy chúng ta khôi phục năng lực sẵn có của chính mình. Vì thế, giáo huấn của đức Phật đáng cho chúng ta tôn kính, đáng cho chúng ta bội phục.

"Vô năng giá chướng, sử quang ẩn một" (Không gì có thể ngăn che, khiến cho quang minh ấy ẩn mất), Phật quang chẳng có chướng ngại, *"ẩn một"* (隱沒) là gián đoạn, quang minh của Phật chẳng bị gián đoạn. Ví như chúng ta cảm thấy ánh sáng mặt trời có lúc sáng, có lúc tối, khi tối thì chẳng có ánh sáng, tức là có hiện tượng gián đoạn, Phật quang chẳng bị gián đoạn. *"Vô năng cách ngại, sử quang đoạn tuyệt cố"* (Chẳng thể ngăn cách khiến cho ánh sáng bị đoạn tuyệt), Phật quang vĩnh viễn chẳng đoạn. Đặc biệt là quang minh của A Di Đà Phật; bất luận thân quang, trí quang, thường quang, hay phóng quang, đều chiếu khắp pháp giới, hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ, chẳng bị chướng ngại, chẳng bị đoạn tuyệt.

(Sao) Như Đại Bổn vân: Bỉ Phật quang minh, tối vi viễn trước, chư Phật quang minh sở bất năng cập.

(鈔)如大本云：彼佛光明，最為遠著，諸佛光明所不能及。

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn nói: "Quang minh của đức Phật ấy,*

chiếu xa nhất, quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng).

Đây là trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Bỉ Phật quang minh tối vi viễn giả, dĩ dữ chúng sanh duyên thâm, bị cơ phổ biến cố. Hựu kinh kinh tất tự tán, ức dương tùy thời diệc vô ngại. Hoặc nạn: "Phật quang ký viễn, kim hà bất kiến?" Viết: Phật quang bổn biến, chúng sanh tự mê, dĩ phiền não tâm chướng trí huệ nhãn cố. Như nhật quang biến chiếu, manh giả bất kiến, thị manh giả quá, phi nhật nguyệt cữu dã.

(演)彼佛光明最為遠者，以與眾生緣深，被機普遍故。又經經必自讚，抑揚隨時亦無礙；或難，佛光既遠，今何不見？曰佛光本遍，眾生自迷，以煩惱心障智慧眼故。如日光遍照，盲者不見，是盲者過，非日月咎也。

*(**Diễn**: Quang minh của đức Phật ấy xa nhất, do có duyên sâu đậm với chúng sanh, thích hợp căn cơ phổ biến nhất. Lại đối với kinh nào cũng tự khen ngợi, tùy thời mà hạ thấp hay đề cao cũng vô ngại. Chắc là có kẻ bắt bẻ: "Phật quang đã chiếu xa như vậy, nay sao chẳng thấy?" Thưa: Phật quang vốn khắp mọi nơi, nhưng chúng sanh tự mê, do tâm phiền não chướng ngại mắt trí huệ. Như mặt trời soi khắp nơi, kẻ mù chẳng thấy, là do lỗi của kẻ mù, chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng).*

Vì sao quang minh của A Di Đà Phật thù thắng, chiếu khắp mười phương pháp giới như vậy? Đó là do Phật Di Đà có duyên sâu cùng hết thảy chúng sanh. Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, duyên ấy sâu xa. Nay chúng ta cũng phát nguyện này, công khóa sớm tối đều niệm *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Tuy niệm, nhưng thế nào? Chẳng phát. Vì sao? Chúng sanh kia đáng ghét, ta chẳng độ hắn. Có thể thấy nguyện do quý vị đã phát là giả, chẳng thật! Nếu quý vị thật sự phát nguyện này, thưa cùng chư vị, quý vị chẳng phải là phàm phu, từ địa vị phàm phu ngay lập tức nâng lên thành Bồ Tát, Bồ Tát gì vậy? Đại Thừa Bồ Tát, là hàng Bồ Tát từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, từ phàm phu ngay lập tức trở thành Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Vì thế, tâm này chẳng dễ gì phát xuất.

Hễ phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nhất định tương ứng với kinh Vô

Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ do Hạ lão cư sĩ hội tập có tựa đề rất hay, ý nghĩa viên mãn trọn đủ, trang nghiêm, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nay chúng ta nói "trang nghiêm" là mỹ, tức chân, thiện, mỹ. Chân, thiện, mỹ đều là trang nghiêm. *"Thanh tịnh, bình đẳng, giác"*: Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, mà cũng chẳng giác, lấy đâu ra Tứ Hoằng Thệ Nguyện? Hằng ngày niệm, hy vọng niệm cho ra tâm này, nhưng niệm suốt cả một đời, cũng chẳng niệm ra cái tâm ấy! Giống như một cục gỗ quăng xuống nước, ngâm giầm mấy ngàn năm, đã ướt đẫm, nay vớt lên, châm một que diêm mà mong đốt cháy! Mỗi ngày châm một lần, châm suốt đời cũng chẳng đốt được! Phiền não tập khí của chúng ta giống như gỗ ngâm trong nước mấy ngàn năm, Tứ Hoằng Thệ Nguyện, niệm niệm có tác dụng gì đâu? Niệm một lần giống như lấy que diêm châm một chút, châm chẳng cháy, vô dụng! Củi đẫm nước cả ngàn năm, ở chỗ nào mới có thể đốt cháy nó? Trong lò luyện gang, bỏ nó vào chỗ đó, chốc lát cháy tan ngay!

Do đó, ý niệm bé tẹo của chúng ta không được, tâm chẳng phát nổi! Phải thật sự phát, phải phát tâm chân thành. Quý vị phải thật sự phát, phải có đảm thức, tức là quý vị có lòng can đảm và nhận thức, thật sự chịu buông xuống, hễ có mảy may điều gì chẳng thể buông xuống, tâm ấy sẽ chẳng phát được! Phải triệt để buông xuống, giống như Lục Tổ đại sư đã nói: *"Vốn chẳng có một vật, nơi nào nhuốm bụi bặm"*, như vậy là được rồi! Tâm địa thanh tịnh, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng sanh, *"trong cửa nhà Phật, chẳng lập một pháp"*, *"lập"* là kiến lập, một pháp cũng chẳng kiến lập. Tâm này thanh tịnh lắm, đó là tâm thanh tịnh. *"Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một pháp"*, đó là tâm từ bi. Tâm thanh tịnh là Thể, tâm từ bi là Dụng. Khi dùng, bèn là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh; khi chẳng dùng, thanh tịnh bất nhiễm, đó là Bồ Tát. Đã thành Phật, từ bi và thanh tịnh là một, không chỉ lúc chẳng dùng là bất nhiễm, mà lúc dùng cũng chẳng nhiễm, Thể và Dụng như nhau, đạt đến thuần tịnh chẳng chướng ngại.

Phật Di Đà có duyên rất sâu với chúng sanh. Tâm Phật Di Đà thanh tịnh, tâm Phật Di Đà bình đẳng, Phật Di Đà tuyệt đối chẳng yêu thương thiên vị chúng sanh, tâm Ngài bình đẳng. Yêu thích chúng sanh này, không thích chúng sanh kia, không được rồi! Đó là tâm phàm phu, chẳng phải là tâm Phật. Đó là mê tâm, chẳng phải là giác tâm, là nhiễm tâm, chẳng phải là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là bình đẳng. Vì thế, quang minh của đức Phật chiếu trọn khắp, thù thắng nhất. *"Bị cơ phổ*

biến cố" (Do thích hợp căn cơ trọn khắp), mười phương vô lượng vô biên hết thảy chúng sanh đều là đối tượng tiếp dẫn và giáo hóa của A Di Đà Phật đại nguyện. Cơ duyên chưa chín muồi, tức là chúng sanh ấy chẳng chịu tiếp nhận, chẳng phải là đức Phật không muốn dạy kẻ ấy! Khi nào quý vị mong tiếp nhận, Phật, Bồ Tát liền hiện diện trước mặt quý vị.

"Hựu kinh kinh tất tự tán" (Lại nữa, kinh nào cũng đều tự khen ngợi), đây là đạo lý nhất định. Đức Phật giảng hết thảy các kinh, đều nói bộ kinh ấy hay. Nếu Ngài nói bộ kinh ấy chẳng hay, đức Phật cần gì phải giảng? Đức Phật sẽ chẳng cần giảng. Do đó, mỗi khi nói một bộ kinh, đức Phật đều tán thán bộ kinh ấy, nói mỗi pháp môn đều tán thán pháp môn ấy, đây là đạo lý nhất định. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ đạo lý này, thấy đức Phật kinh này cũng tán thán, kinh kia cũng tán thán, thứ gì quý vị cũng đều muốn học, hỏng bét rồi! Ắt phải chọn lựa một bộ kinh, một pháp môn khế hợp căn tánh của chính mình, nhất định phải thâm nhập một môn. Chẳng thể cùng lúc học hai bộ kinh, chẳng thể học cùng lúc hai pháp môn, vì sao? Tu học Phật pháp nhằm mục đích "giác, chánh, tịnh", quý vị học hai bộ kinh, hai pháp môn, trong hai bộ kinh, đức Phật giảng theo phương cách khác nhau, vì sao khác nhau? Vì đức Phật nói với các đối tượng khác nhau, điều đó sẽ khiến cho quý vị mờ mịt!

Trong kinh này, đức Phật nói Có, trong kinh kia đức Phật nói Không, quý vị thấy vậy, [sẽ băn khoăn]: Rốt cuộc là Không hay Có? Không chỉ là chính mình chẳng hiểu rõ ràng, lại còn hủy báng Thích Ca Mâu Ni Phật: "Thích Ca Mâu Ni Phật đầu óc chẳng tỉnh táo cho lắm, một hồi nói Có, một hồi nói Không", chẳng tự trách chính mình không biết chân tướng. Phật chẳng có pháp nhất định, chẳng có pháp để có thể nói. Đức Phật nói Có, là do người thỉnh giáo đức Phật chấp trước Không, đức Phật liền nói Có để phá cái Không của người đó, phá chấp trước ấy. Lại có kẻ khác chấp trước Có, đức Phật liền nói Có là sai, Không là đúng, dùng Không để phá cái Có của kẻ ấy. Khi đức Phật nói, Ngài nói Có hay Không đều là có lý, đều nhằm trị lành bệnh cho chúng sanh. Nay chúng ta chẳng mắc chứng bệnh ấy, xem kinh ấy đều bị trúng độc, đều bị bệnh, nên mới nói: *"Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải"* (Phật pháp mà không có người nói thì dù là kẻ có trí vẫn chẳng thể hiểu). Đức Phật thuyết pháp có đối tượng nhất định, đặc biệt [cho mỗi bản kinh]. Chẳng có đối tượng nhất định, đặc biệt chính là kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, [bởi lẽ] các kinh này vì trọn khắp hết thảy đại chúng mà nói.

Chúng ta chẳng biết căn tánh của chính mình, hãy chọn lựa pháp môn thù thắng bậc nhất này. Pháp môn này là pháp môn phổ độ, mới đáng gọi là pháp môn bậc nhất. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thường dùng máy chụp hình làm tỷ dụ. [Theo cụ], những kinh điển khác giống máy chụp ảnh được chế tạo đặc biệt, người bình thường đều chẳng biết dùng, hoặc là điều chỉnh độ mở ống kính chẳng đúng, hoặc là chỉnh tốc độ chụp chẳng đúng, hoặc chọn độ phân giải màu sắc không đúng, chụp hình thường chẳng được vừa ý. Pháp môn Tịnh Độ Di Đà giống như người hiện thời nói là "máy chụp ảnh dành cho kẻ vụng về", hoàn toàn tự động, bất luận do người nào nhấn nút, tấm ảnh nào cũng đẹp đẽ, chẳng có tấm nào không đẹp. Cụ thường dùng chuyện này để tỷ dụ. Đây là khuyên chúng ta chọn lựa pháp môn này, khăng khăng một mực tu học, chẳng có ai không thành tựu. Kinh nào cũng tự khen ngợi [pháp môn đang được giảng giải bởi kinh ấy], phải hiểu đức Phật giảng kinh cho từng đối tượng đặc biệt, nhất định, do kinh này quyết định có lợi ích cho đối tượng ấy, nên nhất định phải tán thán, họ nghe như vậy thì mới có thể hoan hỷ, mới có thể y giáo phụng hành.

"Ức dương tùy thời diệc vô ngại" (Tùy thời mà hạ thấp hay đề cao cũng vô ngại), *"Ức"* (抑) là biếm ức (貶抑: chê trách, hạ thấp) pháp môn kia không hay, chẳng thích hợp. *"Dương"* (揚) là tán thán. Chê bai, hạ thấp pháp này, ca ngợi pháp kia, cũng chẳng có trở ngại. Vì sao? Vì đối với thính chúng khi ấy, chắc chắn có lợi ích. Thiền gia thường nói: *"Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"*, lời ấy nói với những người đang ở trong Thiền đường thì có lợi ích, vì sao? Những người đó dùng pháp môn ấy, công phu sắp thành tựu; nếu đổi sang niệm Phật, công phu sẽ bị thoái chuyển, nên dùng câu nói ấy để họ không còn hứng thú với pháp môn Niệm Phật, chuyên tâm tham cứu, ngay lập tức khai ngộ, có ý nghĩa này! Chẳng phải là nói người tham Thiền chẳng thể niệm Phật. Quý vị thấy khóa tụng hằng ngày trong Thiền môn, khóa tối luôn tụng kinh Di Đà, luôn niệm A Di Đà Phật. Do đó, phải hiểu lời tổ sư, cũng tức là xét xem Ngài nói khi nào, có đối tượng đặc biệt nhất định, chớ nên hiểu lầm ý Ngài. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói: *"Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cọp đội sừng"*. Lời ấy có đối tượng đặc biệt, nhất định, chẳng phải là nói với chúng ta. Đối tượng đặc biệt, nhất định là ai? Là những kẻ tham Thiền. Ngài thấy rõ ràng, những kẻ tham Thiền chẳng thể thành tựu, nhưng khuyên họ niệm Phật, họ chẳng cam lòng, xem thường Tịnh Độ. Vì thế, Tổ nói *"có Thiền"* lại có thêm Tịnh Độ sẽ rất lỗi lạc,

đáng gọi là *"cọp mang sừng"*. Cọp đã rất hung mãnh, mọc thêm hai cái sừng nữa thì ghê gớm quá! Lời này là gì? Cổ vũ, khích lệ bọn họ! Thấy họ chẳng thể thành công bên Thiền, nên bảo họ niệm Phật, khuyên lơn họ. Chúng ta thật thà niệm Phật, nghe hai câu ấy lại đi tham Thiền. Nếu Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư biết, chắc sẽ tức chết luôn, khóc ròng, quý vị đã hoàn toàn hiểu sai ý Ngài. Vì thế, phải biết người ta nói chuyện là đối cơ, tức là nói với người [có căn tánh tương ứng] nào đó. Đấy là chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức ứng cơ thuyết pháp. *"Cơ"* là đối tượng. Đối tượng của những lời giảng nơi giảng đài là thính chúng [đang nghe giảng khi ấy]; nếu quý vị bảo tôi viết thành sách để lưu thông, rất nhiều thứ dành riêng cho những đối tượng đặc biệt, nhất định phải loại bỏ, vì sao? Tránh cho người khác thấy những thứ ấy nẩy sanh hiểu lầm. Viết thành sách, đối tượng sẽ là trọn khắp, chẳng phải là một đối tượng đặc biệt, nhất định nào, còn nơi giảng tòa là một đối tượng đặc biệt, nhất định.

Tiếp đó, có người nêu ra lời cật vấn, hoặc là có người bắt bẻ. Người ấy nói *"Phật quang ký viễn"*, nghĩa là nếu [Phật quang] đã chiếu xa, *"kim hà bất kiến?"*, [nghĩa là] vì sao nay chúng ta chẳng trông thấy? *"Viết: Phật quang bổn biến, chúng sanh tự mê, dĩ phiền não tâm chướng trí huệ nhãn cố"* (Thưa: Phật quang vốn chiếu khắp, do chúng sanh tự mê, do tâm phiền não chướng ngại mắt trí huệ). Tiếp theo đó là tỷ dụ, giống như *"nhật quang biến chiếu, manh giả bất kiến"* (ánh sáng mặt trời chiếu khắp nơi, nhưng kẻ mù chẳng thấy). Lỗi lầm là do mù lòa, chẳng phải là lỗi lầm của mặt trời. Tỷ dụ này khá dễ hiểu! Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

Tập 187

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi bảy:

(Sao) Như Đại Bổn vân: "Bỉ Phật quang minh, tối vi viễn trước, chư Phật quang minh sở bất năng cập". Thập phương chư Phật đảnh trung quang minh, hữu chiếu nhất lý giả, nhị lý giả. Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn lý giả, hữu chiếu nhất thế giới giả, nhị thế giới giả. Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn thế giới giả. Duy A Di Đà Phật quang minh, chiếu thiên vạn thế giới, vô hữu cùng tận. Cố hiệu Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang

Phật, nãi chí Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, giai quang minh vô lượng nghĩa dã.

(Diễn) "Chư Phật quang minh sở bất năng cập" giả, hoặc hữu nạn vân: "Phật Phật đạo đồng, tắc quang minh diệc đồng, kim Phật quang viễn cận huyền thù giả, hà dã?" Viết: Phật quang thật đồng, nhân cơ hiện dị.

(鈔)如大本云：彼佛光明，最為遠著，諸佛光明所不能及，十方諸佛頂中光明，有照一里者，二里者；如是漸遠，有照二百萬里者，有照一世界者，二世界者；如是漸遠，有照二百萬世界者；唯阿彌陀佛光明，照千萬世界，無有窮盡，故號無量光佛、無邊光佛、無礙光佛，乃至超日月光佛，皆光明無量義也。

(演)諸佛光明所不能及者，或有難云：佛佛道同，則光明亦同，今佛光遠近懸殊者，何也？曰佛光實同，因機現異。

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn nói: "Quang minh của đức Phật ấy chiếu xa nhất, quang minh của chư Phật đều chẳng thể sánh bằng". Quang minh từ trên đỉnh đầu của mười phương chư Phật có vị chiếu xa một dặm, hai dặm. Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu đến hai trăm vạn dặm, có vị chiếu xa một thế giới, hai thế giới. Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu hai trăm vạn thế giới. Chỉ riêng quang minh của A Di Đà Phật là chiếu ngàn vạn thế giới chẳng có cùng tận. Vì thế, Ngài có hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, cho đến Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, đều có nghĩa là quang minh vô lượng.*

***Diễn**: "Quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng": Chắc là có kẻ bắt bẻ: "Phật Phật đạo đồng, vậy thì quang minh cũng giống nhau, nay Phật quang xa hay gần thật khác xa nhau, là do cớ nào?" Thưa: Phật quang vốn thật sự là như nhau, do căn cơ [của chúng sanh khác nhau] mà hiện [chiếu xa hay gần] khác nhau).*

Đoạn này cho chúng ta biết: Phật tâm thanh tịnh, bình đẳng, chẳng có sai biệt. Sở dĩ Phật hiện tướng là vì cơ duyên của chúng sanh mà hiện tướng. Nếu chẳng có cơ cảm, Phật sẽ chẳng thể hiện tướng, chúng ta phải biết nguyên lý này. Cơ cảm như thế nào, Ngài sẽ hiện tướng như

thế ấy. Biết sự thật này, mới biết chúng ta đang thuộc địa vị phàm phu, cũng có nghĩa là đối với thân phận của chúng ta trong hiện tiền, hãy nên tu học như thế nào. Không hiểu rõ đạo lý này, dẫu trong tương lai quý vị thành Phật, quang minh của quý vị cũng không chiếu xa hơn một dặm, hai dặm, thân cũng rất kém. Quý vị hóa độ chúng sanh; tuy đã thành Phật, chúng sanh chẳng có duyên với quý vị, chẳng ưa thích quý vị. Quý vị giảng kinh, họ chẳng thích nghe, lắc đầu bỏ đi! Chẳng phải là vì Phật nói không hay, mà do chẳng có duyên với chúng sanh. Đó là [lý do] trước khi thành Phật, phải kết thiện duyên rộng rãi.

Đây là muốn nói đến [vấn đề] thiện và ác. Tiêu chuẩn của thiện ác không ở ngoại cảnh, các đồng tu hãy nên nhớ kỹ sự thật này. Học Phật thành tựu trong một đời chẳng dễ dàng. Quý vị thấy bao nhiêu người niệm Phật, mấy người vãng sanh? Năm Dân Quốc 47 (1958), khi tôi chưa xuất gia, ở Đài Trung, thầy Lý bảo tôi, theo danh sách tên họ và địa chỉ [của các liên hữu] thuộc Đài Trung Liên Xã thì có gần hai mươi lăm vạn người. Liên hữu trong Liên Xã đông ngần ấy, vãng sanh mấy người? Cũng bất quá dăm ba người mà thôi! Trong hai ba vạn người niệm Phật mới có một người vãng sanh! Vì sao chẳng thể vãng sanh? Nghiệp chướng quá nặng. Cố nhiên pháp môn này là đới nghiệp vãng sanh, nhưng mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới. Nay ta vừa niệm Phật, mà vẫn vừa tạo nghiệp, ngỡ là có thể mang nghiệp ấy đi vãng sanh, sai mất rồi! Những nghiệp mang theo là các nghiệp trước khi quý vị chưa nghe Phật pháp, những nghiệp đã trót tạo ấy có thể mang theo. Quý vị nghe pháp, tu học pháp môn này, mà vẫn tạo nghiệp, sẽ chẳng thể vãng sanh! Là người niệm Phật, có mấy ai không tạo nghiệp? Rất khó! Vì thế, mọi người tu tập, tích lũy một chút thiện căn trong pháp môn Tịnh Độ, chuyện này rất phổ biến, rất nhiều, nhưng [những người] thật sự muốn cầu sanh Tịnh Độ trong một đời, có thể y giáo phụng hành quá ít.

Thật sự mong vãng sanh, điều thứ nhất là phải khai ngộ. Khai ngộ là gì? Biết khuyết điểm và tập khí của chính mình, đó gọi là khai ngộ. Quý vị thật sự chẳng biết thì hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ, quý vị hãy niệm năm chương ba mươi ba, ba mươi bốn, ba mươi lăm, ba mươi sáu, và ba mươi bảy, đối chiếu với chính mình, xem chính mình có những lỗi lầm, tập khí ấy hay chăng? Nếu có, quý vị hãy tìm kiếm. Sau khi đã tìm ra, từ nay trở đi hãy sửa đổi. Pháp môn này tu từ tâm địa; tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Tập khí nghiêm trọng nhất của lũ phàm phu tầm thường

chúng ta là ganh tỵ, sân khuể, tham ái. Thấy người khác có chỗ nào tốt đẹp hơn ta đôi chút, tâm ganh tỵ liền sanh khởi, chẳng biết ganh tỵ, sân khuể, tham ái là nghiệp nhân của ba ác đạo, tuy suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng A Di Đà Phật chẳng ngừng, nhưng nếu quý vị chẳng đoạn ba tâm ấy, vẫn là niệm niệm tăng trưởng, dẫu niệm Phật, quả báo trong tương lai của quý vị là tam đồ!

Trong quá khứ, tôi đọc Đại Thế Chí Viên Thông Chương Sớ Sao của pháp sư Quán Đảnh, thấy một trăm loại quả báo của người niệm Phật ở cuối sách ấy, tôi cũng rất hoài nghi, liền thỉnh giáo thầy Lý: Vì sao quả báo thứ nhất của người niệm Phật là *"đọa A Tỳ địa ngục"*, tôi rất chẳng phục. Niệm Phật là chuyện tốt, cớ sao niệm đến nỗi vào A Tỳ địa ngục? [Thầy giải thích, đó là do] tâm ganh tỵ và sân khuể quá nặng, chướng ngại Phật pháp. Chướng ngại Phật pháp đáng sợ lắm. Chướng ngại chánh pháp là căn bệnh lớn của chúng ta, còn những khuyết điểm nho nhỏ thì nhiều lắm! Vì lẽ đó, mọi người niệm Liễu Phàm Tứ Huấn, niệm Cảm Ứng Thiên, chúng ta là kẻ nghiệp chướng nặng nề, hãy coi hai thứ ấy như công khóa. Chúng tôi in Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, phía sau không chỉ in kèm thêm Bảo Vương Tam Muội Sám và Tịnh Tu Tiệp Yếu, mà tôi còn đặc biệt in thêm Cảm Ứng Thiên và Âm Chất Văn vào phía sau, vì sao? Người bình phàm chúng ta chẳng biết khuyết điểm của chính mình, những khuyết điểm ấy là nghiệp chướng. [Do chúng ta thường] chẳng biết nghiệp chướng của chính mình, [nên in thêm những sách ấy] khiến cho quý vị đọc xong, mỗi ngày sẽ phát hiện nghiệp chướng của chính mình. Quý vị có thể sửa đổi những khuyết điểm ấy thì gọi là *"tiêu trừ nghiệp chướng"*, tâm được thanh tịnh.

Tu học pháp môn Tịnh Tông này, chẳng có gì khác, tu cái tâm thanh tịnh mà thôi. Bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, phàm những gì có thể khiến cho tâm chúng ta không thanh tịnh, nhất định phải xa lìa. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu đừng xem báo chí, đừng nghe radio, không xem TV, những kẻ không cần phải gặp bèn tận hết sức tránh gặp gỡ, tâm bèn thanh tịnh. Tục ngữ thường nói: *"Biết nhiều chuyện, lắm điều phiền não"*, quý vị cần gì phải biết nhiều chuyện ngần ấy? *"Quen nhiều người, lắm nỗi thị phi"*. Quý vị qua lại với người khác nhiều, thị phi sẽ nhiều, tâm làm sao thanh tịnh cho được? Quý vị nói: "Ta làm chuyện tốt". *"Chuyện tốt chẳng bằng không có chuyện gì"*. Không chỉ là Bàng cư sĩ bảo như vậy, mà Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong kinh Vô Lượng Thọ đã dạy: *"Túng sử cúng dường hằng sa thánh*

chúng" (Dẫu cúng dường thánh chúng số nhiều như cát sông Hằng), chẳng tuyệt diệu ư? Chư Phật, Bồ Tát đến, mọi người tranh nhau cúng dường, đức Phật dạy như thế nào? *"Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác"* (Chẳng bằng kiên quyết, dũng mãnh cầu Chánh Giác). Quý vị thấy đó, Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng bắt buộc phải cúng dường, ta tu tâm thanh tịnh. Quý vị tu thành tựu cái tâm thanh tịnh, sẽ thật sự có thể vãng sanh, có thể thấy A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi. Quý vị cúng dường hằng sa thánh chúng, chẳng có cách chi hết, làm không được, bất quá là tu một chút si phước trong cõi trời, người mà thôi.

Nay chúng ta chẳng tiếp xúc người khác, làm thế nào để kết pháp duyên? Trong niệm niệm, kết pháp duyên bằng tâm thanh tịnh. Một niệm thanh tịnh tâm chẳng có chướng ngại, chẳng có phạm vi, tận hư không khắp pháp giới đều ở trong một niệm thanh tịnh tâm. Ta niệm một tiếng A Di Đà Phật hồi hướng cho họ, đều kết duyên cùng họ. Trong tâm phân biệt, so đo, dẫu quý vị tu công đức to tát cách mấy, vẫn là hết sức hữu hạn, vì sao? Trong tâm quý vị có phân biệt, có chấp trước. Phân biệt và chấp trước chẳng phá, dẫu tu công đức to tát cách mấy, nó bị hạn cuộc, có phạm vi, chẳng thể đột phá, mà cũng chẳng thể xứng tánh.

Học Phật phải học từ chỗ nào? Chiều hôm nay, Lục lão cư sĩ dẫn theo một người bạn, họ đều là người đã ngoài bảy mươi tuổi, đã học Phật vài chục năm, đến đây hỏi tôi: "Hãy nên học Phật theo cách nào?" Tôi bảo họ: - Quý vị đã cao tuổi rồi! Cổ nhân thường nói *"người bảy mươi tuổi, xưa nay hiếm"*, còn được bao nhiêu năm nữa? Tôi khuyên họ buông xuống hết thảy, thật thà niệm Phật. Phải biết tu học Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ, chỉ có một cái tâm thanh tịnh. Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Thực hiện từ chỗ nào? Hôm nay tôi tặng cho họ một quyển kinh Vô Lượng Thọ. Tôi nói: - Quý vị hãy thực hiện từ nơi đây. Những gì đã tu trong mấy chục năm qua thảy đều buông xuống, chẳng cần tới nữa. Đó là tu mù luyện đui, hãy bắt đầu học từ hôm nay, niệm một bộ kinh đến cùng. Trước hết, hãy niệm ba ngàn lần, khiến cho cái tâm định, niệm cho tâm tĩnh. Vì sao người bình phàm niệm kinh cái tâm chẳng định? Vì sao chẳng tĩnh? Họ chẳng thể tuân thủ ba nguyên tắc: Chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Làm những chuyện thị phi, nhân ngã là xen tạp, rảnh hơi quản chuyện người khác cũng là xen tạp, quên bẵng công phu thật sự của chính mình.

Người có phước báo lớn nhất thì mới có thể tu học pháp môn này,

nên khi chúng ta tu tập, sẽ có rất nhiều nghiệp chướng, vì sao? Thiếu phước! Vì sao chẳng có phước? Rảnh hơi lo chuyện bao đồng nhiều quá, chẳng chịu buông xuống muôn duyên, kẻ đó chẳng có phước! Người có phước báo tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là có phước báo. Tâm chẳng thanh tịnh, không có phước! Chẳng phải là nói quý vị có tiền, có thế lực thì là có phước, rỗng tuếch! Có tiền, có thế lực, chết rồi đâu có mang theo được! Tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian cũng bất quá là cho quý vị mượn vài ngày xem chơi mà thôi! Thế mà quý vị mê hoặc, điên đảo đến mức ấy, chúng đâu phải là thật. Phước báo thật sự là tâm thanh tịnh, là trí huệ khôn sánh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Quý vị có trí huệ thì mới phóng quang. Phật quang như đang được nói ở đây mới phóng quang. Chẳng có trí huệ, làm sao quý vị phóng quang cho được? Chẳng có lẽ ấy! Thân quang vẫn do trí quang sanh ra! Chẳng có trí, thân cũng chẳng thể phóng quang.

Các đồng tu nhất định phải ghi nhớ: Để tiêu nghiệp chướng thì niệm Phật là diệu pháp bậc nhất. Dẫu nghiệp chướng của quý vị lớn đến đâu đi nữa, dẫu sâu nặng đến mấy, một câu A Di Đà Phật đều tiêu diệt. Điều then chốt là phải giác, cổ nhân thường nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Ví như một niệm sân khuể vừa dấy lên trong tâm ta, liền lập tức nhận biết, ta sai rồi, đó gọi là sám hối. Một niệm tâm ganh tỵ vừa sanh khởi, ta sai rồi, ta là người niệm Phật, nếu muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy A Di Đà Phật, làm sao có thể ôm giữ ý niệm này cho được? Niệm ấy vừa sanh bèn lập tức giác ngộ, đó gọi là khai ngộ, người ấy là giác chứ không mê. Người ấy vừa giác, niệm ấy chẳng còn nữa, đã tiêu trừ, nghiệp chướng liền tiêu. Nếu như ý niệm [xấu ác ấy] tăng trưởng trong mỗi niệm thì là bất giác, là mê.

Nếu quý vị muốn thật sự giác ngộ, thật sự không mê, phải xem nhạt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, phải buông xuống. Sở dĩ con người mê hoặc, điên đảo, chẳng thể giác ngộ, là do quá coi trọng các pháp thế gian, không chịu buông xuống, nên niệm niệm tăng trưởng mê tình, chẳng thể giác ngộ. Chuyện gì quý vị cũng coi nhạt, sẽ giác ngộ dễ dàng. Hễ giác ngộ, lập tức dấy lên một câu Phật hiệu, cũng có nghĩa là niệm thứ nhất của ta là vọng niệm, niệm thứ hai là A Di Đà Phật, chuyển thật mau; đó gọi là *"chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Niệm thứ hai ta liền giác, liền chuyển thành A Di Đà Phật, khiến cho một niệm A Di Đà Phật này tăng trưởng trong mỗi niệm, khiến cho hết thảy các vọng niệm khác chỉ tồn tại trong một niệm, qua niệm thứ hai

bèn chẳng còn nữa, tối đa là khởi một niệm, chứ niệm thứ hai, thứ ba, quyết định sẽ chuyển [thành niệm A Di Đà Phật]. Người như vậy có phước, chắc chắn thành Phật trong một đời này! Người như vậy có đại phước đức, đại trí huệ, chẳng ai có trí huệ cao hơn người ấy!

Giúp đỡ chúng sanh, chư vị thấy trong giảng tòa này, chúng ta cộng tu một thời gian dài như vậy, hãy nên hiểu rõ, mà cũng nên khẳng định: Giúp đỡ người khác chỉ có một câu A Di Đà Phật. Khuyên người ta niệm Phật, người ta không chịu niệm. Vì sao họ chẳng chịu niệm? Do họ chẳng nhận biết pháp môn này. Vì thế, hãy khuyên họ đến nghe kinh. Họ chưa từng tiếp xúc kinh Phật, có thành kiến đối với Phật pháp, khuyên thế nào cũng chẳng đến. Ở đây, chúng ta còn có băng thâu âm, có thể để cho họ rảnh rỗi thì nghe một, hai băng hòng khơi gợi, phát khởi tín tâm của họ. Còn có những người chẳng thích nghe, nếu chúng ta có thể tặng những tập sách nhỏ giới thiệu đơn giản, tóm tắt Phật pháp cho họ xem, cũng rất có thể tiếp dẫn người ta. Những tác phẩm lớn, họ vừa trông thấy [liền kêu]: "Quá nhiều! Tôi chẳng có thời gian xem!" Các tập sách nhỏ tốt lắm, hết sức cần thiết! Nhất là tại ngoại quốc, chúng ta có hai đạo tràng, trong những năm qua đã in không ít kinh sách, [nhận được] phản ứng [từ đại chúng] cũng tốt lắm, nhưng một mực nhận được lời phê bình là chúng ta in những thứ quá sâu, khiến cho rất nhiều người đọc không hiểu. Có nhiều đồng tu bảo tôi như vậy, mong chúng ta hãy in những tác phẩm dễ hơn. Những thứ dễ hơn kiếm đâu ra? Tìm không thấy. Mấy hôm nay, Quán Trưởng phát đại tâm, tôi thỉnh bà ta viết chú giải đơn giản cho Tịnh Độ Ngũ Kinh. Trước hết là viết lời thiển thích (chú giải nông cạn, sơ lược) cho kinh A Di Đà, sau đó sẽ viết [những phần thiển thích] cho kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nhằm chuyên môn tiếp dẫn hàng sơ cơ. Những tác phẩm ấy sau khi được ấn hành, nhất định sẽ được hết sức hoan nghênh!

Kế đó, mỗi lần viết thư, Hoàng lão cư sĩ đều nhắc nhở, hy vọng tôi rút ngắn thời gian giảng kinh, cụ yêu cầu tôi viết sách, yêu cầu tôi bồi dưỡng học trò. Bồi dưỡng học trò chẳng dễ dàng! Học trò có thể gặp, chứ không thể cầu, nhất là học trò trong Tịnh Độ Tông, phải có phước báo thượng thượng thừa. Chẳng có đại phước báo, sẽ chẳng thể học pháp môn này. Học trò khó tìm, trong vạn ức người mới có thể tìm thấy một hai người, chẳng dễ dàng. Nhưng viết sách thì dễ hơn nhiều, nhất là trong năm trước, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ ở Tân Gia Ba, băng thâu âm được lưu thông. Giáo sư Tạ đã ghi lại toàn bộ thành [một bộ sách]

bảy tám chục vạn chữ, nay đã đưa cho tôi xem lại lần nữa, sửa chữa cẩn thận, thuận tiện hơn tôi tự viết lấy rất nhiều. Giảng kinh là giảng tại hiện trường, có đối tượng đặc biệt, nhất định, nhưng sách thì cung cấp phổ biến cho đại chúng xem, chẳng phải là một đối tượng đặc biệt, nhất định nào. Vì vậy, trong phần ghi chép còn có nhiều chỗ phải gạt bỏ, cũng như có những chỗ cần phải bổ sung. Sau khi chúng ta ấn hành bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký, nhất định có thể lợi ích nhiều vị đồng tu, khiến cho họ nhận biết pháp môn này, sau đó ưa thích và tu học pháp môn này, công đức ấy vô lượng vô biên. Chúng tôi tuyệt đối chẳng cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, quyết định không cần những thứ ấy, vì mục tiêu của chúng tôi là hy vọng sớm có ngày về thế giới Cực Lạc, bỏ sạch sành sanh hết thảy những thứ trong thế giới này. Chúng ta dùng phương pháp này để báo ân Phật, dùng phương pháp này để mãn nguyện Phật.

Phật phổ độ chúng sanh, chúng ta có thể tận hết một chút sức lực yếu mỏng giúp Phật phổ độ chúng sanh. Đó là phương pháp báo ân thật sự duy nhất nhằm *"thượng báo tứ trọng ân"*. Trừ cách này ra, chẳng có gì gọi là báo ân thật sự. Quý vị hằng ngày dùng hoa quả cúng dường Phật, hằng ngày lạy Phật mười vạn lễ, vẫn chẳng thể báo ân Phật. Vì sao? Phật chẳng cần những thứ đó. Điều Phật cần là làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ, hy vọng hết thảy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là nguyện vọng của Phật. Chúng ta có thể làm chuyện này nhiều hơn một chút thì mới thật sự là *"thượng báo tứ ân, hạ tế tam khổ"* (trên đền bốn ân, dưới cứu khổ ba đường). Đó là kết pháp duyên cùng hết thảy chúng sanh. Không chỉ kết pháp duyên cùng hết thảy chúng sanh, mà còn là kết duyên với mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai và hết thảy Bồ Tát, vì hết thảy Bồ Tát, hết thảy chư Phật đều hoằng dương pháp môn này, đều khuyên hết thảy chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ. Nay chúng ta cũng tham dự công tác này, đồng tâm, đồng nguyện, đồng hạnh với hết thảy chư Phật. Quý vị chẳng có phước báo chân thật, làm sao có thể tu học suốt một đời này? Do đó, tu học pháp môn này là đại phước báo khôn sánh! Phàm nhân thường sanh phiền não, chúng ta phải rộng dung đối với họ, vì rốt cuộc là trong hết thảy chúng sanh, người trọn đủ phước báo và trí huệ chân thật cực ít; do đó, chúng sanh nẩy sanh phiền não là chuyện đương nhiên!

Quang minh của A Di Đà Phật, *"chư Phật quang minh sở bất năng cập"* (quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng), đó là do chư Phật trong khi tu nhân đã phát nguyện khác nhau. Tuy sự giác ngộ nơi

quả địa giống nhau, nhưng cái tâm nơi nhân địa khác nhau. Xét theo nhân địa của hết thảy chư Phật, chỉ riêng nguyện hạnh của A Di Đà Phật là chẳng thể nghĩ bàn, từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đã đọc thấy điều này.

"Thập phương chư Phật đảnh trung quang minh" (Quang minh từ trên đỉnh đầu của mười phương chư Phật), nêu ra một loại trong các thứ quang minh. Chúng ta thường nói [quang minh] từ *"Phật đảnh"* là *"viên quang"*. Đỉnh đầu đức Phật phóng quang, *"hữu chiếu nhất lý giả, nhị lý giả"* (có vị chiếu xa một dặm, hai dặm), chúng ta có thể tưởng tượng [quang minh chiếu xa] một dặm hoặc hai dặm bèn là Liệt Ứng Thân của Phật. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian này; thuở ấy, quang minh của đức Phật chiếu xa một Tầm. Một Tầm (尋) là tám thước. *"Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn lý giả, hữu chiếu nhất thế giới giả, nhị thế giới giả"* (Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu đến hai trăm vạn dặm, có vị chiếu xa một thế giới, hai thế giới). Một thế giới là một tam thiên đại thiên thế giới. *"Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn thế giới giả"* (Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu đến hai trăm vạn thế giới), có thể thấy là sau khi mỗi vị thành Phật, nhân địa tâm và quả địa giác tương ứng, vẫn không ra ngoài phạm vi nhân quả. Thành Phật còn chẳng lìa nhân quả, huống hồ lục đạo phàm phu? Đúng như câu nói *"thiện có thiện báo, ác có ác báo"*. Sở tu của đức Phật là chí thiện, nên quả báo được hiển thị bằng quang minh, hiển thị bằng quốc độ lớn hay nhỏ, thế giới trang nghiêm; hiển thị ở những chỗ này.

Trong hết thảy chư Phật, *"duy A Di Đà Phật quang minh, chiếu thiên vạn thế giới, vô hữu cùng tận"* (chỉ có quang minh của A Di Đà Phật chiếu ngàn vạn thế giới, chẳng có cùng tận). *"Ngàn vạn"* không phải là một con số, mà nhằm hình dung rất nhiều. Nếu hiểu là một con số, ngàn vạn vẫn là một số nhỏ, chẳng phải là một con số lớn. *"Vô hữu cùng tận"*, phạm vi chiếu soi do quang minh của A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới, chẳng bỏ sót chỗ nào. Hoằng nguyện của Phật Di Đà viên mãn, đại hạnh của Phật Di Đà cũng viên mãn, nguyện hạnh viên mãn; do đó, quang minh thù thắng khôn sánh. *"Cố hiệu Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, nãi chí Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật"* (Vì thế, hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, cho đến Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật), đấy là mười hai [danh hiệu nhằm xưng tán] quang minh [của A Di Đà Phật] được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, "*giai quang*

minh vô lượng nghĩa dã" (đều có nghĩa là quang minh vô lượng).

(Sao) Quán Kinh vân: "Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên thế giới". Hựu vân: "Bỉ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng, hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo, nhất nhất hảo, hữu bát vạn tứ thiên quang minh, biến chiếu thập phương niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả".

(鈔)觀經云：彼佛圓光，如百億三千大千世界。又云：彼佛有八萬四千相，一一相，有八萬四千隨形好，一一好，有八萬四千光明，遍照十方念佛眾生，攝取不捨。

*(**Sao**: Quán Kinh nói: "Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới". Lại nói: "Đức Phật ấy có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Mỗi một hảo có tám vạn bốn ngàn quang minh, chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương, nhiếp thủ chẳng bỏ").*

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói như vậy. Đó là một đoạn kinh văn dạy về Báo Thân của A Di Đà Phật. Báo Thân Phật chẳng phải là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, nói thật ra: *"Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, mỗi hảo có vô lượng quang"*. Ở đây, [đối với mỗi thứ] đều nói thành tám vạn bốn ngàn. Tám vạn bốn ngàn cũng là biểu thị pháp, vì chúng sanh có tám vạn bốn ngàn phiền não, quý vị có biết hay không? Đức Phật biết, đức Phật nói mỗi điều thật sự tương ứng với tám vạn bốn ngàn phiền não của quý vị, chẳng sót một điều nào. Vì thế, *"tám vạn bốn ngàn"* chẳng phải là một con số thật sự, chẳng phải là giả thiết, chẳng phải là từ ngữ hình dung. Quý vị có thể tra cứu [từ ngữ này trong] từ điển Phật học hoặc sách Giáo Thừa Pháp Số[23]. Quý vị

[23] Sách Giáo Thừa Pháp Số gồm 40 quyển do ngài Viên Tịnh biên tập tại Cối Kê. Ngài Thích Viên Tịnh, tự là Tâm Nguyên, không rõ thân thế, xuất gia từ bé, theo học với ngài Vũ Ông tại chùa Thiên Trúc, Hàng Châu. Trong niên hiệu Tuyên Đức (1426-1435), Ngài từng giữ chức Tăng Lục Ty Hữu Thiện Thế. Sách Giáo Thừa Pháp Số biên soạn theo ý tưởng của bộ Chư Thừa Pháp Số (do ngài Hành Thâm biên soạn vào đời Minh, thường gọi là Hoa Nghiêm Pháp Số), nhưng lấy giáo nghĩa Thiên Thai làm chủ. Sách gồm ba ngàn một trăm sáu mươi hai hạng mục. Lời giải thích cặn kẽ, tường tận, rất hữu ích cho người tham cứu. Điểm đặc biệt là tuy sách lấy giáo nghĩa tông Thiên Thai làm chủ để giải thích danh tướng pháp số, nhưng vẫn trích dẫn

có thể tìm ra từng điều phiền não nơi thân mình, sẽ là bậc đại giác! Sau khi đã tìm ra, thảy đều đoạn sạch từng thứ một! Giáo Hạ dùng phương pháp này. Phương pháp này rất phiền phức, và cũng rất khó đoạn. Thiền Tông thông minh, chẳng đoạn từ cành lá, mà đoạn ngay từ căn bản. Tịnh Độ Tông dùng phương pháp còn thông minh hơn Thiền Tông. Có thể nói là "đoạn từ căn bản của mọi căn bản", tức là tu tự tánh thanh tịnh tâm, những thứ khác đều chẳng quan tâm tới. Tâm đã thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, tất cả hết thảy cảnh giới đều thanh tịnh, chẳng có gì không thanh tịnh.

Chư vị phải hiểu, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta còn có vọng tưởng, tạp niệm, còn có tham, sân, si, mạn, nhất định phải giác ngộ! Đó là gì? Nghiệp chướng hiện tiền, Phật môn thường nói là "phiền não hiện hành". Tôi nói "phiền não hiện hành", chư vị cũng chẳng chú ý. Vì sao? Coi thường phiền não, chẳng quan tâm tới. Nhưng nghiệp chướng hiện tiền, vấn đề này nghiêm trọng. Đúng là nghiệp chướng hiện tiền, quý vị sẽ coi trọng nó. Khởi tâm động niệm, nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng ấy sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc, chướng ngại quý vị công phu thành phiến, chướng ngại quý vị nhất tâm bất loạn. Đó là nghiệp chướng, chẳng giả tí nào! Vì sao chúng ta niệm Phật mãi cho tới nay tâm vẫn chẳng thanh tịnh? Vì sao công phu chẳng thể thành phiến? Thưa cùng chư vị, hễ công phu thành phiến thì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nắm chắc. Trong công phu thành phiến, thượng phẩm liền sanh tử tự tại, mong khi nào vãng sanh bèn có thể vãng sanh khi ấy, mong ở lại thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại. Sanh tử tự tại, tức là sanh tử chẳng còn nữa, đến đi tự do. Người khác làm được, vì sao chúng ta chẳng làm được? Thấy người ta làm được, chúng ta chẳng làm được, đúng là hổ thẹn, đúng là *"kỳ sỉ đại nhục"* (nhục nhã không chi bằng). Vì sao người ta có thể làm, chúng ta chẳng làm được? Người ta trong mười hai thời tâm địa thanh tịnh, vì sao chúng ta chẳng thanh tịnh? Phải tự trách mình ở chỗ này, chính mình phải nghiêm túc kiểm thảo, nghiêm túc sửa lỗi thì mới gọi là người tu hành, thì mới là người niệm Phật. Chẳng phải là suốt ngày từ sáng đến tối miệng leo lẻo một câu A Di Đà Phật, mà trong tâm suy nghĩ loạn tùng phèo, đó chẳng phải là người niệm Phật!

---

rộng rãi kinh luận của Tam Luận, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Thiền, Tịnh Độ, Luật và Mật, kể cả những sách vở liên quan của Nho và Đạo.

Vì thế, quý vị thật sự niệm Phật, Phật quang chiếu gội. A Di Đà Phật thời thời khắc khắc chiếu cố quý vị, đó gọi là *"trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai"*. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy. Từ kinh văn của kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: *"Nhất nhất hảo, hữu bát vạn tứ thiên quang minh, biến chiếu thập phương niệm Phật chúng sanh"* (Trong mỗi tùy hình hảo, có tám vạn bốn ngàn quang minh, chiếu khắp các chúng sanh niệm Phật trong mười phương). Nay chúng ta đang niệm Phật ở đây, chúng ta cũng thuộc trong [phạm vi] chiếu gội của Phật quang. *"Nhiếp thủ bất xả"* chính là Phật lực gia trì, khiến cho chúng ta tín tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng, thiện căn tăng trưởng. Trừ phi bản thân quý vị trái nghịch giáo huấn của đức Phật, tức là quý vị chẳng muốn tiếp nhận sự nhiếp thủ của Phật quang. Chớ trách Phật, hãy tự trách mình, chính mình muốn thoát lìa Ngài! Chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đại đức, tâm luôn thanh tịnh, bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh, tuyệt đối chẳng yêu thương thiên vị. Nếu có yêu thương thiên vị, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng bình đẳng, đó là mê, chẳng phải là giác. Vì thế, các Ngài chẳng yêu thương thiên vị, chẳng có tâm riêng tư. Nhưng chúng ta cũng thường thấy các Ngài đặc biệt chú trọng một người nào đó, đặc biệt vun vén một kẻ nào đó, giúp cho kẻ ấy thành tựu. Thấy [dường như] các Ngài có tâm riêng tư, vì sao chẳng chiếu cố người này, mà chiếu cố người kia? Chư vị phải hiểu, đó chẳng phải là tư tâm, mà là duyên của hết thảy chúng sanh đã chín muồi. Chúng sanh này duyên chín muồi, chúng sanh kia còn chưa chín tới. Đã chín muồi bèn chiếu cố trước, chưa chín muồi sẽ chiếu cố sau, có ý nghĩa ấy. Trong mắt phàm phu chúng ta, các Ngài đối với người khác đích xác là có sự ưa chuộng thiên vị. Trên thực tế, tâm các Ngài thanh tịnh, bình đẳng.

Ví như cây đào, quả đào đã chín muồi, khi quý vị hái trái, nhất định là hái trước những quả vừa đỏ vừa to. Quả bé, còn chưa chín, đợi mấy hôm nữa rồi mới hái, có ý nghĩa này! Những quả được quý vị hái hôm nay, có phải là do đặc biệt có lòng yêu chuộng thiên vị, bất công hay chăng? Chẳng có, tâm là bình đẳng. Đối với mỗi quả đào trên cây đều bình đẳng, nhưng quả nào chín trước [sẽ được hái trước], [căn cơ của] chúng sanh chín muồi có trước hay sau khác nhau! Chín muồi là gì? Có thể thật sự phụng hành lời thầy chỉ dạy. Đó là chín muồi, thầy bằng lòng dạy dỗ quý vị. Vì sao? Quý vị bằng lòng tiếp nhận. Nếu chẳng coi thầy là đúng, thầy sẽ đối với kẻ ấy rất khách sáo, đối đãi với kẻ ấy như bằng hữu, chẳng dạy dỗ, chẳng thân thiết. Có thể thấy: Chẳng phải là

thầy có lòng riêng tư, mà do học trò có lòng cung kính sai khác. Thầy trọn chẳng đòi hỏi trò phải có tâm cung kính như vậy. Nếu thầy đòi hỏi người khác cung kính, vị thầy ấy chẳng đáng cho chúng ta tôn kính. Tâm cung kính là do Tánh Đức lưu lộ. Tánh Đức lưu lộ ra bên ngoài, người ấy coi như là có thể minh tâm kiến tánh, nhất định phải giúp đỡ người ấy. Đối với kẻ chẳng phải là Tánh Đức lưu lộ, mà là phiền não lưu lộ, chỉ đành từ từ chuyển biến kẻ ấy, chẳng thể nào giúp kẻ ấy thành tựu ngay lập tức được. Mấu chốt là ở chỗ này!

Tôi hết sức ưa thích chế độ xưa kia. Thuở đó, những quan viên thuộc chánh phủ do quốc gia tuyển lựa, đề bạt. Quốc gia tuyển chọn kẻ làm quan theo hai tiêu chuẩn: Một là Hiếu, hai là Liêm. Người có thể hiếu thuận với cha mẹ, sẽ có thể trung quân ái quốc, sẽ chẳng thể làm chuyện xấu. Vì sao? Làm chuyện xấu, sẽ nghĩ có lỗi với cha mẹ, khiến cha mẹ mất hết mặt mũi! Nhằm vinh diệu tổ tông, khiến cho cha mẹ nở mày rạng mặt, người ấy sẽ tuân theo lẽ công chánh và pháp luật. Do đó, *"trung thần xuất hiếu tử chi môn"* (từ hàng hiếu tử mới có bề tôi trung thành). Vì thế, quốc gia tuyển chọn, đề bạt quan lại, điều kiện thứ nhất là Hiếu. Quan viên địa phương thường đi thăm dò bên ngoài, tìm tòi kẻ vừa hiếu vừa liêm, nghe ngóng nơi ấy có hiếu tử hay không. Nếu thăm dò là có, chánh phủ nhất định mời mọc người ấy, quốc gia vun đắp cho quý vị, để quý vị học hành, nhận tiền tài trợ của nước nhà. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn có nhắc tới Lẫm Sinh (廩生)[24]. Lẫm là lẫm bổng (廩俸), [tức là]

---

[24] Lẫm Sinh, còn gọi là Lẫm Thiện Sinh, đôi khi còn gọi là Tú Tài, hoặc Sinh Viên, thường là những người đã đỗ thi Hương, đủ tư cách nhập học trường của phủ, châu, huyện; nhưng tùy theo xuất thân mà cách gọi hơi khác. Chẳng hạn như người thi đỗ vào trường do phủ, châu, huyện thành lập thì gọi là Tường Sinh. Dưới thời Minh - Thanh, nếu đỗ khoa thi Minh Kinh trong kỳ thi Hương, vào học Quốc Tử Giám thì gọi là Cống Sinh (khác với Cống Sĩ. Cống Sĩ là người đã đậu Cử Nhân, đỗ khoa thi Hội, đủ tư cách vào kỳ thi Đình, ta gọi là ông Cống, trong khi người đỗ kỳ thi Đình là Tiến Sĩ, gọi nôm na là ông Nghè. Còn Cống Sinh sau khi đã vào học trường Quốc Tử Giám thường gọi là Giám Sinh). Dưới thời Minh - Thanh, địa vị của Lẫm Sinh khá cao, họ được coi là đã dự vào hàng ngũ sĩ đại phu (dân khoa bảng), được coi là hàng thân sĩ tại địa phương, không phải làm việc lao dịch do nhà nước hoặc làng xã cắt đặt, gặp Tri Huyện chỉ vái chào, không phải quỳ. Nếu bị dính vào chuyện thưa kiện, Tri Huyện không được tùy tiện dùng hình cụ tra khảo họ. Nếu có chứng cớ phạm tội rõ ràng, phải chuyển lên các tòa án cao hơn để xét xử. Nếu có chuyện cần thiết, Lẫm Sinh có thể đến gặp thẳng Tri Huyện không cần phải có đơn từ tấu trình. Cũng trong thời này, Lẫm Sinh nhiều khi chưa đỗ khoa thi Hương mà chỉ trúng tuyển các kỳ Tuế Khảo (khoa thi hằng năm) của quận huyện, nhưng thành tích, phẩm

quốc gia cung cấp lương thực, đãi ngộ kẻ ấy, được quốc gia vun quén, nói theo hiện thời là sinh viên nhận học bổng của quốc gia. Điều kiện thứ hai là Liêm. Liêm là liêm khiết, tuyệt đối chẳng thể hối lộ, chắc chắn chẳng tham ô.

Thầy bồi dưỡng trò, cũng quan sát căn cơ của trò. Đối với vấn đề căn cơ, trong Văn Sao, lão pháp sư Ấn Quang đã nói rất hay: *"Một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích"*. Thầy dạy học giống hệt, mà mỗi đứa học trò đạt được lợi ích khác nhau. Vấn đề là chính mình có thật sự tiếp nhận lời thầy dạy hay không? Có phải là thật sự tiêu hóa [những giáo huấn ấy] hay không? Có thật sự biến những giáo huấn ấy thành hành động trong cuộc sống thực tế của chúng ta hay không? Điều này quan trọng lắm. Nếu chỉ học một ít học vấn ngoài cửa miệng, vô dụng! Học rồi sẽ biến thành Thế Trí Biện Thông. Nói đến nỗi hoa trời rơi lả tả, nhưng phiền não trùng trùng, tăng trưởng tham, sân, si, mạn, sai bét mất rồi! Vì thế, đạo nghiệp có thể thành tựu hay không là do chính mình, chẳng do ai khác. Thiện tri thức ở ngay trước mặt chúng ta! Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, tận hư không khắp pháp giới chẳng có một ai không phải là thiện tri thức. Đó gọi là "khéo học", nên Ngài có thể viên thành Phật đạo trong một đời. Ngài thành Phật là thành Viên Giáo Phật, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy Ngài chẳng đổi thân, vẫn là thân này, là một thân, là nhục thân. Thế mà nhục thân thành Phật, thành Viên Giáo Phật. Đó là một tấm gương cho chúng ta, chúng ta hãy nên học tập, hãy nên làm theo. Mở Tứ Thập Hoa Nghiêm ra, [học theo] người ta xử sự, đãi người, tiếp vật như thế nào, trong hết thảy thuận cảnh và nghịch cảnh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề của chính mình.

Từ xưa tới nay, hễ thầy dạy trò, cũng đều là nói *"năm năm học giới"*. Năm năm học giới là một môn trọng yếu nhất để tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Quý vị xem Cao Tăng Truyện, hoặc xem Ngữ Lục của các tông, sẽ phát hiện một chuyện hết sức phổ biến: Học trò bái sư, trong năm năm, thầy chẳng dạy trò chi hết! Sau khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã bái Ngũ Tổ làm thầy, giã gạo suốt tám tháng trong phòng xay xát, suốt tám tháng chẳng gặp mặt Ngũ Tổ. Người bình phàm sẽ nói: "Tôi

---

hạnh ưu tú, nên vẫn được coi như hàng khoa bảng. Trong các triều đại, Lẫm Sinh được quốc gia trợ cấp lương bổng (trong khi Tú Tài thông thường không được châu, huyện cấp lương thực).

bái ông ta làm thầy, tám tháng mà chẳng thấy mặt, đi cho rồi, tôi theo ổng làm chi nữa?" Gặp phải hạng người ấy, nhất định là tổ sư chắp tay: "A Di Đà Phật! Hãy đi cho sớm!" Vì sao? Chẳng thể thành tựu, chẳng phải là nhân tài thích hợp. Vì thế, đầu tiên là huấn luyện quý vị nhẫn nhục. Hễ có nhẫn, sẽ có Định. Tiền phương tiện của Định là Nhẫn. Chẳng Nhẫn, lấy đâu ra Định? Chẳng có Định, làm sao quý vị khai Huệ? Do vậy có thể biết, thời gian dài như thế nhằm rèn luyện quý vị nhẫn nhục, cũng là thầy đang dạy dỗ. Chẳng phải là thầy không dạy, hằng ngày đều dạy tuy chẳng gặp mặt quý vị. Thầy hằng ngày xem xét, hằng ngày chú ý: Quý vị có thật sự dụng công hay không, có thật sự nghe kinh hay chăng? Mở đầu là huấn luyện. Vì thế, kẻ chẳng thể nhẫn, chắc chắn chẳng phải là pháp khí, quyết định chẳng phải là nhân tài, dẫu bỏ đi nhiều cách mấy cũng chẳng đáng tiếc, tận hết sức cho người ấy ra đi! Nếu chèo kéo kẻ ấy ở lại, vì cảm thấy đáng tiếc, đó chính là quý vị điên đảo, tri kiến sai lầm.

Người thật sự có trí huệ, cách nhìn và cách làm khác kẻ bình phàm như chúng ta. Kẻ bình phàm mê hoặc, có cảm tình, xử sự theo cảm tình. Người thật sự có trí huệ, dùng trí huệ để quán chiếu, chẳng xử sự theo cảm tình, có thể nhẫn. Do nhẫn mà đắc Định, khi ấy, rất dễ dàng, do một bộ kinh, hoặc nửa bộ kinh mà khai ngộ, đại triệt đại ngộ, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt. Một vị thầy tốt yêu cầu học trò như vậy, chẳng phải là người bình phàm! Người bình phàm dạy quý vị suốt đời cũng chẳng dạy nổi, dạy một điều, quý vị liền hiểu một điều, dạy hai thứ quý vị liền biết hai thứ. Chẳng dạy, quý vị sẽ không biết. Quý vị nghĩ xem một vị thầy kiểu ấy cả đời có thể dạy mấy người? Một người cũng chẳng dạy được! Một trăm năm là ba vạn sáu ngàn ngày, dạy ba vạn sáu ngàn chuyện; những gì thầy không dạy, quý vị hoàn toàn chẳng hiểu, có ích gì hay chăng? Vô dụng! Khổng lão phu tử dạy học, *"cử nhất ngung nhi bất dĩ tam ngung phản"* (nêu ra một góc mà chẳng thể suy ra ba góc kia), lão phu tử chẳng dạy, chẳng thâu nhận đứa học trò ấy! Vì sao? Đầu óc chết cứng, đầu não cứng còng, dạy một chỉ hiểu một, Khổng lão phu tử chẳng dạy. Tôi dạy quý vị một thứ, những thứ khác quý vị đều có thể suy ra mà hiểu. Tôi bảo quý vị góc tường này vuông vức, quý vị sẽ hiểu: Ba góc khác cũng phải biết là giống như vậy. Học trò như vậy thì phu tử mới chịu dạy. Do đó, Khổng lão phu tử dạy học trò, chẳng phải là người nào cũng nhận làm học trò, chẳng thể có chuyện ấy! Ngài vẫn phải khảo thí, vẫn phải có điều kiện.

Nhà Phật thu nhận học trò là nhận lấy người có thể Định. Bất luận Hiển Giáo hay Mật Giáo, bất luận tông nào, chỉ cần là Phật pháp thật sự, chẳng phải là tà pháp, tà pháp chẳng cần bàn tới. Mục tiêu của tà pháp là tiếng tăm, lợi dưỡng, nên họ sẽ chẳng đòi hỏi quý vị nghiêm ngặt như thế. Chỉ cần quý vị đến [với họ], chỉ cần quý vị tán dương, chỉ cần quý vị có thể quyên cúng, họ đã đạt được mục đích. Đối với Phật pháp thật sự, những thứ ấy đều chẳng cần tới! Toàn bộ tiếng tăm, lợi dưỡng đều chẳng cần, đạo tràng cũng chẳng cần! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có cách nhìn hoàn toàn giống như chúng tôi. Đạo tràng chẳng cần to, chẳng coi trọng hình thức, chẳng chú trọng bề ngoài, đồng tu không chú trọng đông người, chẳng mong làm chuyện náo nhiệt, đồng tu quý chuyên tinh, chẳng quý nhiều. Tu hành trọng kiến tánh, chẳng coi trọng cảm ứng, chẳng đặt nặng thần thông, chẳng muốn làm những chuyện ấy. Niệm Phật, chú trọng nhất tâm bất loạn, chúng ta phải học những điều này: Tu tâm thanh tịnh, tu nhất tâm bất loạn. Phàm những gì chướng ngại nhất tâm bất loạn, chúng ta nhất định phải xa lìa. Có thể nhẫn, có thể định, niệm niệm đều cầu nhất tâm như vậy, mười phương Như Lai đều hoan hỷ, đều tán thán, A Di Đà Phật nhiếp thọ, lẽ nào chẳng vãng sanh? Kinh đã nêu chứng minh cho chúng ta.

(Sao) Hựu Đại Bổn ngôn: "A Nan đầu não trước địa, xưng Phật danh hiệu, lễ vị khởi tế, Phật phóng đại quang minh, biến thập phương thượng hạ", giai quang minh vô lượng nghĩa dã.

(鈔)又大本言：阿難頭腦著地，稱佛名號，禮未起際，佛放大光明，遍十方上下。皆光明無量義也。

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Đại Bổn nói: "A Nan gieo đầu xuống đất, xưng danh hiệu Phật, trong lúc lễ bái, chưa đứng dậy, Phật đã phóng quang minh to lớn, trọn khắp mười phương trên dưới", đều là ý nghĩa quang minh vô lượng vậy).*

Đoạn này ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Người hiện tại nhiều nghiệp chướng hơn người thuở trước. Tôi tin là quý vị có thể tự hiểu, hễ phản tỉnh quý vị liền biết chúng ta phiền não rất nhiều, tâm tình chẳng ổn định, một hồi mong Đông, một hồi nghĩ Tây, một hồi cái này tốt, một hồi cái kia tốt, suốt ngày sống trong nghiệp chướng sâu nặng! Hết sức đáng sợ, hết sức đáng thương! Nếu muốn cứu vãn, chẳng có phương pháp nào khác, chỉ có một phương pháp là chuyên tâm. Do vậy, học Phật,

tôi ở mỗi nơi trên toàn thế giới, đều khuyên dạy trọn khắp các đồng tu: Quý vị học Phật mong thật sự có thành tựu, chỉ có thể theo một thầy. Trước khi quý vị khai ngộ, quý vị theo hai vị thầy là đi theo hai con đường, ba vị thầy là ngã ba, bốn vị thầy liền thành ngã tư, quý vị không có gì để noi theo. Quý vị chỉ có thể tham dự một đạo tràng, chớ nên tham gia hai đạo tràng. Hai đạo tràng quý vị nhất định thất bại hoàn toàn. Đến khi nào thì quý vị mới có thể tham học trọn khắp? Đến lúc quý vị đắc Định, khai Huệ. Đến khi quý vị đã khai huệ, thầy sẽ chẳng bảo quý vị theo thầy, cũng chẳng thể buộc quý vị ở đạo tràng này. Vì thế, theo nhất định một vị thầy nhằm cầu Căn Bản Trí, theo hai vị thầy, chắc chắn chẳng thể nào đắc Căn Bản Trí.

Khi tôi theo cầu học với thầy Lý, thầy liền hạn chế: "Chỉ có thể nghe một mình thầy giảng kinh". Thầy lại còn tuân thủ quy chế thời cổ: Năm năm! Trong năm năm, quyết định theo một vị thầy, nghe một vị thầy giảng kinh, thuyết pháp. Bất luận là ai giảng kinh, thuyết pháp, thầy cũng chẳng cho phép chúng tôi nghe. Đọc sách đều phải được thầy đồng ý. Chưa được thầy đồng ý, không được phép xem! Trên thực tế, chúng tôi phiền não quá nặng, thầy chỉ có thể yêu cầu tôi như vậy để giữ tôi lại. Nếu lúc đó, thầy hạn định sách chỉ có thể đọc một quyển, tôi chịu không nổi, ngày hôm sau sẽ bỏ đi. Tôi vẫn muốn đọc rất nhiều sách, nhưng nhất định phải được thầy đồng ý. Thầy không đồng ý, chẳng thể xem! Điều này thì còn có thể chịu được. Nếu thầy nói: "Anh chỉ có thể đọc kinh Vô Lượng Thọ. Trừ kinh ấy ra, thứ gì cũng chẳng được phép xem", có lẽ tôi ở đôi ba bữa rồi nhất định rời đi. Đó là gì? Phiền não nặng nề!

Nay tôi mới hoảng nhiên đại ngộ; vì thế, tiêu chuẩn của tôi đòi hỏi cao hơn thầy Lý. Tôi buộc quý vị trong năm năm chỉ đọc một bộ kinh, vì sao? Chư vị sẽ thành tựu vượt trỗi tôi, càng thuần, càng chuyên, càng dễ dàng thành tựu hơn tôi. Tôi dạy theo cách như vậy mới hòng chẳng có lỗi với quý vị. Nếu tôi dùng phương pháp của thầy Lý để dạy chư vị, tôi sẽ có lỗi với quý vị, cảm thấy lương tâm áy náy! Đấy chính là phước báo và thiện căn của chư vị sâu dầy hơn tôi. Thuở đó, tôi mới tiếp xúc Phật pháp, nghe kinh rất ít. Nay chư vị đã nghe kinh nhiều năm ngần ấy, đã có nền tảng kha khá, tôi nói với quý vị, quý vị có thể tin tưởng. Trước đây, tôi vừa mới gặp thầy Lý, thầy Lý nói như vậy, tôi chẳng thể tin tưởng. Càng lợi hại hơn là "những gì anh đã học trước đây tôi đều chẳng thừa nhận, thảy đều bỏ hết! Từ nay trở đi, anh bắt đầu học lại từ đầu với tôi". Ba điều kiện ấy tôi đều ưng thuận.

Sau khi đã học mấy tháng, dần dần có chút hiểu biết, biết phương pháp này là chánh xác, phương pháp này hay! Vì vậy, thầy Lý yêu cầu tôi vâng giữ năm năm, tôi tự động tăng thêm gấp đôi, chẳng phải do thầy yêu cầu, mà tôi tuân thủ giáo huấn của thầy suốt mười năm. Nhưng tôi thấy thầy Lý chẳng đòi hỏi các bạn học khác chuyện này, chỉ có lúc tôi đến học là buộc mình tôi làm như thế. Về sau, tôi giới thiệu ông Từ Tỉnh Dân đến đó, thầy cũng chẳng yêu cầu như vậy. Trước tôi là ông Châu Gia Lân, thầy Lý cũng chẳng đòi hỏi như vậy. Đại khái là thầy thấy tôi nghiệp chướng rất nặng, chẳng có sự hạn chế ấy, sẽ chẳng thể thành tựu, đó là lòng từ bi của lão nhân gia. Vì thế, đối với pháp môn này, nếu chẳng tuân theo đường lối của cổ nhân, chúng ta muốn thành tựu trong một đời này rất khó!

Những điều trên đây đều là trích dẫn kinh văn nhằm nói rõ ý nghĩa của vô lượng quang.

(Sao) Hoặc nạn.
(鈔) 或難。
*(**Sao**: Hoặc có kẻ cật vấn).*

"Nạn" (難) là có người đến vấn nạn, đưa ra câu hỏi khó khăn.

(Sao) Nhật do hữu ngại, thế sở cộng tri.
(鈔)日猶有礙，世所共知。
*(**Sao**: [Ánh sáng của] mặt trời còn bị trở ngại, cõi đời đều biết).*

Ánh sáng mặt trời có chướng ngại, mọi người chúng ta đều biết chuyện này!

(Sao) Phật quang vô ngại, đương hữu hà cứ?
(鈔) 佛光無礙，當有何據。
*(**Sao**: Phật quang chẳng trở ngại, có căn cứ gì chăng?)*

Quý vị nói "Phật quang chẳng bị chướng ngại", có gì để làm chứng cứ?

(Sao) Đáp: Tu Đạt lão nữ, bất nguyện kiến Phật, tỵ nhập thâm khuê, Phật quang sở cập, viên bích câu triệt, nội ngoại tứ phương, hằng dữ Phật đối, tức vô ngại chi trưng dã.

(鈔)答：須達老女，不願見佛，避入深閨，佛光所及，垣壁俱徹，內外四方，恆與佛對，即無礙之徵也。

*(**Sao**: Đáp: Người tớ gái già của trưởng giả Tu Đạt chẳng muốn thấy Phật, trốn vào trong phòng kín, Phật quang vẫn chiếu tới, tường vây đều xuyên qua, trong, ngoài, bốn phương, [dẫu bà ta chạy trốn đến đâu] đều luôn đối trước Phật. Đấy chính là chứng cớ [Phật quang] vô ngại vậy).*

Lời đáp hay lắm. Thuở ấy, đức Phật đặc biệt thị hiện chuyện này cho các đệ tử thấy. Người ấy chẳng có duyên với Phật, đức Phật chẳng độ được bà ta. Ở đây nói *"Tu Đạt lão nữ"*[25], chính là *"thành Đông lão*

[25] Theo Quán Phật Tướng Hải Tam Muội Kinh, quyển sáu: Tại thành Xá Vệ, có trưởng giả Tu Đạt Đa giàu có bậc nhất, thường phát tâm cúng dường tăng đoàn. Hễ tăng chúng cần gì, cứ đến xin, ông ta đều châu cấp. Trưởng giả có một bà lão đầy tớ già, tính tình cẩn thận, siêng năng, tên là Tỳ Chi La. Do vậy, trưởng giả giao cho bà ta cầm chìa khóa nhà kho, quản lý mọi thứ xuất nhập. Do lòng keo tham, bà này tiếc của, oán ghét Phật và tăng chúng, xua đuổi chư tỳ-kheo, nói lời thô ác: "Ta nguyện chẳng nghe tên gọi Phật và Tăng, chẳng muốn thấy kẻ cạo đầu, đắp y nhuộm". Tiếng ác đồn khắp thành Xá Vệ. Phu nhân Mạt Lợi (vợ vua Ba Tư Nặc) thương xót, muốn độ bà ta, nên bảo bà ta vào cung giúp hoàng gia làm cỗ cúng dường khách quý. Bà ta hoan hỷ vào cung, nào ngờ hoàng gia thỉnh Phật đến thọ trai. Bà ta thấy đức Phật, vừa sợ vừa tức: "Kẻ ác này đuổi theo ta đến tận đây", bèn chui lỗ chó để trốn, nào ngờ lỗ chó bịt kín. Chạy vào ngõ nhỏ, ngõ nhỏ cũng bịt kín. Bà ta liền bịt mắt, che mặt để khỏi thấy Phật, nhưng Phật vẫn hiện rõ mồn một. Bà ta quay đầu rảo chạy, chạy khắp bốn phương đều thấy Phật trước mặt. Ngửa mặt lên trời cũng thấy Phật, cúi gằm đầu xuống đất cũng thấy Phật. Hết cách, bà ta chạy về nhà, chui vào một cái lồng gỗ to để trốn, sai người phủ một trăm tấm da lên, lại dùng bạch chiên phủ kín đầu, vẫn trông thấy Phật, bèn khổ não, khóc ròng. Đức Phật bảo phu nhân Mạt Lợi: "Chỉ có La Hầu La có đại nhân duyên là độ được bà này", liền sai La Hầu La đi hóa độ. Một ngàn hai trăm năm mươi vị sa-môn hiếu kỳ cũng xin đi theo. Ngài La Hầu La nhập Như Ý Định, lễ bái đức Phật, đi nhiễu quanh Phật bảy vòng, hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương đến nhà Tu Đạt. Ngài A Nan hóa làm thần coi kho, Nan Đà hóa làm vị nguyên soái, một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ-kheo bèn hóa làm con trai của Luân Vương. Đoàn người rầm rộ tiến đến nhà Tu Đạt. Bà lão nghe tiếng Thánh Vương xuất hiện, từ trong lồng chui ra, lễ bái, hoan hỷ. Vị thần coi kho lên tiếng chúc mừng, ca ngợi bà ta có phước báo, đã được Luân Vương chọn làm Bảo Nữ. Bà ta hổ thẹn, nói: "Con hèn hạ, xấu xí như phân nhơ, được thánh vương ghé mắt nhìn tới, đã hoan hỷ vô lượng, há dám làm Bảo Nữ". Thánh Vương cầm ngọc như ý chiếu vào mặt, khiến bà ta trông như Bảo Nữ thật sự. Bà ta hoan hỷ lễ bái. Thừa dịp, vị thần coi kho (A Nan) thuyết pháp Thập Thiện, bà ta nghe xong, đại

mẫu" (bà cụ già ở phía Đông thành [Xá Vệ]) như trong kinh Phật đã nói. Người này chẳng có duyên cùng Phật. Chẳng có duyên thì có thể hóa độ hay không? Chẳng độ được bà ta! Bà ta gặp đức Phật, quay đầu bỏ đi [sang chỗ khác]. Đức Phật có thần thông, lại hóa thân khác ở nơi đó. Bà ta lại gặp Ngài: "Hừm! Lại gặp ngươi thì ta rẽ sang lối khác!" Đức Phật lại dùng thần thông, bất luận bà ta đi đến đâu, đức Phật đều biến hiện rất nhiều thân, bốn phương tám hướng đều vây chặt lấy bà ta; cuối cùng, bà ta bưng đầu khóc lớn, vẫn là chẳng chấp nhận [đức Phật tiếp độ], chứng tỏ vô duyên! [Câu chuyện] bà đầy tớ già của ngài Tu Đạt chứng tỏ điều gì? Chứng minh Phật quang chiếu trọn khắp, bà ta chẳng có duyên nên chẳng thấy! Bà ta núp trong phòng mình, Phật quang xuyên thấu vách tường vẫn chiếu đến. *"Viên bích câu triệt"* (Tường vách đều xuyên qua): Viên là viên tường (垣牆)[26], tường vách. [Phật quang] xuyên thấu, *"nội ngoại tứ phương, hằng dữ Phật đối"* (trong ngoài bốn phương, luôn đối trước Phật), bà ta vẫn chẳng tin y như cũ. Chẳng có cách nào, vẫn không thể tiếp nhận. Điều này chứng tỏ Phật quang vô ngại.

Đoạn này giải thích Vô Lượng Quang, đoạn tiếp theo là ý nghĩa trọng yếu nhất trong kinh này, tức Vô Lượng Thọ. Trong hết thảy các thứ vô lượng, thọ mạng là bậc nhất, lấy thọ mạng làm Thể. Nếu chẳng có thọ mạng, dẫu có vô lượng quang cũng vô dụng. Vì thế, nhất định phải có thọ mạng.

---

hoan hỷ: "Thánh vương nói năng chẳng có nghĩa nào bất thiện", tự trách lỗi mình, tâm được điều phục. La Hầu La và chư tăng hiện lại hình ban đầu, truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới. Bà lão do nghe pháp bèn chứng quả Tu Đà Hoàn. Theo ngài La Hầu La trở về Kỳ Viên, thấy Phật, sám hối, đảnh lễ, xin xuất gia. Đức Phật bảo bà ta hãy đến học với ni trưởng Kiều Đàm Di (Gautami, tức di mẫu của đức Phật). Trên đường đi, ngài La Hầu La lại nói các pháp khổ, không, vô thường v.v… bà ta nghe xong, tóc rụng sạch, thành tỳ-kheo-ni, chứng Tam Minh, Lục Thông v.v… Đức Phật liền giảng cho các tỳ-kheo biết nhân duyên: Trong quá khứ, bà lão là một vương tử, tên là Khoái Kiến, theo một vị tăng xuất gia. Vị tăng ấy là tiền thân của ngài La Hầu La. Thuở ấy, đức Phật là tỳ-kheo Đức Hoa Quang khéo thuyết pháp Đại Thừa. Vương tử do kiêu ngạo, không hiểu nghĩa sâu nên phỉ báng Đức Hoa Quang, chỉ tin tưởng vị thầy của mình. Do đó, chết đi đọa trong địa ngục tám mươi ức kiếp. Sau đó, được thoát ra làm kẻ nghèo hèn, trong năm trăm đời điếc đặc, khùng điên, không có mắt, một ngàn hai trăm đời luôn làm đầy tớ người khác. Do nhân duyên quá khứ, chỉ có ngài La Hầu La độ được bà ta trong đời này khi nhân duyên đã chín muồi.

[26] Viên tường: Tường hoặc hàng rào vây quanh một khu vực. Ở đây có nghĩa là tường xây quanh khu vực dành cho nữ nhân ở trong các nhà giàu có.

Nhị, thọ mạng vô lượng.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

二壽命無量。

(經)又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

(Hai là thọ mạng vô lượng.

***Kinh**: Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà).*

Ý nghĩa trọng yếu được bao hàm [trong danh hiệu] A Di Đà là Vô Lượng Thọ, Phật có thọ mạng vô lượng. Câu tiếp theo quan trọng: *"Cập kỳ nhân dân"* (Và nhân dân của Ngài). Phàm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có thọ lượng giống như Phật. Đức Phật thọ vô lượng, mỗi người [trong cõi Cực Lạc] cũng đều thọ vô lượng, tức là hạ hạ phẩm vãng sanh cũng thọ vô lượng! Lại thưa cùng quý vị, dẫu sanh trong Biên Địa, nghi thành, vẫn là thọ vô lượng. Thế giới ấy chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Quang minh vô lượng, thị vô lượng chi nhất nghĩa.

(疏)光明無量，是無量之一義。

*(**Sớ**: Quang minh vô lượng là một nghĩa trong vô lượng nghĩa).*

"Quang minh vô lượng" là một nghĩa trong vô lượng nghĩa, cũng là một ý nghĩa rất trọng yếu, có ý nghĩa trọn khắp mười phương.

(Sớ) Kim ngôn thọ mạng, diệc vô lượng dã.

(疏)今言壽命亦無量也。

*(**Sớ**: Nay nói thọ mạng cũng vô lượng).*

Thọ mạng vô lượng là nói "theo chiều dọc, trọn khắp ba đời"; vì thế, dùng một quang, một thọ sẽ là toàn thể pháp giới, đương nhiên là vô lượng. Quang và thọ tượng trưng cho toàn thể pháp giới, toàn thể của toàn bộ pháp giới là chính mình, chính mình là toàn thể pháp giới. Quay lại suy nghĩ, nay chúng ta tâm lượng nhỏ hẹp, đáng thương lắm! Tâm lượng chúng ta vốn là tận hư không khắp pháp giới, nay thì hai người

chẳng thể dung nạp nhau. Không chỉ là hai người chẳng thể dung nạp nhau, mà chính mình và chính mình cũng chẳng thể dung nạp được. Vì sao? Một niệm trước chẳng thể dung nạp một niệm sau, quý vị thấy có hỏng bét hay là không? Chúng ta phải giác ngộ rất sâu điều này. Dẫu quý vị làm nhiều việc tốt lành, và cũng niệm Phật, nhưng nếu tật xấu và tập khí chẳng sửa, Quán Đảnh đại sư đã nói một trăm thứ quả báo do niệm Phật, trong tương lai quý vị sẽ vãng sanh nơi đâu? Vào trong A Tu La đạo, vì A Tu La là chính mình chẳng thể dung nạp chính mình, chính mình nổi cáu với chính mình, chính mình kèn cựa chính mình! Niệm Phật mà niệm thành A Tu La, có hỏng bét hay không? A Tu La có bốn loại là thiên A Tu La, phước báo to lớn, nhân gian A Tu La, phước báo ít nhất. Lại còn có ngạ quỷ đạo A Tu La, súc sanh đạo A Tu La, phước báo càng nhỏ hơn nữa. Quý vị sẽ đến làm A Tu La trong đường nào, vẫn là một câu hỏi lớn. Đến ngạ quỷ đạo cũng chẳng thể làm một con quỷ cho ra hồn, vẫn phải làm A Tu La, quý vị nói có hỏng bét hay là không?

Do đó, nghiệp chướng tập khí, nếu phát hiện, phải thống thiết sửa đổi lỗi trước! Phương pháp để sửa là niệm Phật tốt đẹp, tức là chuyên nhất niệm Phật. Vì thế, có thể thật sự dùng thời gian năm năm để học một bộ kinh, một câu Phật hiệu có thể đặt vững nền tảng của chính mình; sau đó, quý vị mới phát tâm tham học, sẽ khác hẳn. Hiện thời có những đạo tràng do ta đã đến đó nhiều lần, khi ta không đến nữa, nói theo phương diện tình cảm sẽ khó xử, [nhưng quý vị phải nhớ], tình cảm là cái còng tay xiềng chân của lục đạo luân hồi, còng chặt quý vị, Tây Phương A Di Đà Phật chẳng lôi đi được. Dưới chân có xích sắt khóa chặt tại đó, sợi xích sắt ấy là tình cảm, làm Phật sự theo lối tình cảm! Còng chặt quý vị, chẳng có cách nào vượt thoát luân hồi, mà cũng chẳng có cách nào lìa khỏi ba ác đạo, đáng sợ quá!

Chư vị hãy suy nghĩ kỹ càng, học Phật khó lắm, học Phật thật sự chẳng dễ dàng! Bản thân tôi học Phật có thể đạt một chút thành tựu như thế, đúng là rất may mắn, vừa học Phật liền gặp một vị thầy tốt, tôi chẳng đi theo con đường oan uổng. Tôi học Phật trước sau thân cận hai vị thầy, vị trước là Chương Gia đại sư, tôi theo Ngài ba năm thì lão nhân gia viên tịch. Vị sau là tôi theo thầy Lý mười năm, tôi cũng chẳng đến [rất nhiều] đạo tràng. Trừ Đài Trung Liên Xã và Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung ra, tôi chẳng đến bất cứ đạo tràng nào! Vì thế, tôi biết chuyện rất ít, rất nhiều chùa miếu ở Đài Loan tôi không quen biết, rất nhiều pháp sư tôi cũng chẳng thân thuộc. Tôi đến Tân Gia Ba, pháp sư

Diễn Bồi ở Tân Gia Ba vừa gặp mặt tôi liền hỏi: "Thầy từ Đài Loan đến đây, ắt là biết rõ chuyện ở Đài Loan". Tôi nói: "A Di Đà Phật! Tôi chẳng biết chuyện gì ở Đài Loan cả! Hết sức hổ thẹn". Thật vậy, chuyện gì cũng không biết. Quý vị nghĩ xem, vừa trở về, xuống máy bay thì quý vị sắp xếp cho tôi giảng kinh ngay tối hôm sau. Ngày mốt lên máy bay, tối mai vẫn chẳng bỏ không, vẫn phải giảng một buổi. Ra nước ngoài cũng là như thế, các đồng tu ở ngoại quốc bảo: "Thầy một năm mới đến dăm ba bữa", đương nhiên là vừa đến là giảng liền, cũng chẳng để cho tôi nghỉ ngơi một hai bữa. Vì thế, phải biết là chuyện gì cũng chẳng biết, tốt lắm! Trong đầu chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng không biết, quyết định vãng sanh.

Quá trình học Phật của tôi cũng là hết sức may mắn, đơn giản là tôi chưa đến đạo tràng nào, chẳng thân cận pháp sư đại đức nào. Trong quá khứ, thầy Lý hạn chế không cho phép thân cận, sau này học giảng kinh, muốn thân cận cũng chẳng có cơ hội thân cận, chẳng có thời gian, chẳng có cơ hội. Cổ nhân nói hai câu này, tôi đã làm được: *"Biết chuyện ít, ít điều phiền não"*, tôi rất ít phiền não, vì ít biết chuyện. *"Quen nhiều người, lắm nỗi thị phi"*, tôi quen biết người ta rất ít, nên thị phi cũng ít. Vì thường xuyên giảng kinh, người khác nhận biết tôi, tôi chẳng nhận biết họ. Họ gật đầu chào tôi, tôi cũng gật đầu lại, người ấy tên họ là gì tôi đâu có biết. Không chỉ là người bình thường nghe kinh tôi không biết, mà chư vị thường đến nghe kinh bao nhiêu năm, tôi cũng chẳng biết chư vị họ gì, địa chỉ và số điện thoại của quý vị tôi chưa hề nhớ. Chẳng nhớ chuyện gì, chỉ nhớ A Di Đà Phật là được rồi. Những thứ khác chẳng cần phải nhớ thì học pháp mới có thể đạt được lợi ích.

Đôi khi, có những đồng học đến gặp tôi, nói đạo tràng này, nói những chuyện nọ, người ấy nói cả buổi, nói rất nhọc nhằn, tôi chẳng nghe lọt vào tai, một câu cũng chẳng nghe. Không chỉ là chư vị nói chuyện tôi không hiểu, mà còn chẳng nghe thấy. Tôi giảng kinh một tiếng rưỡi, sau khi bước xuống tòa, quý vị hỏi tôi: "Thưa pháp sư! Trong một tiếng đồng hồ ấy, thầy đã giảng những gì?" Tôi cũng không biết. Chư vị hãy tìm băng thâu âm để nghe, đại khái là giảng qua rồi; nếu không, đích xác là chẳng biết [đã nói những gì]. Tôi giảng kinh chẳng chuẩn bị trước, xong chuyện bèn chẳng nghĩ tới nữa. Còn như hiện thời quý vị chép ra từ băng thâu âm, tôi mới xem qua, chỉnh sửa kỹ càng. Đó là một chút tâm đắc trong tu học của bản thân tôi kính dâng lên chư vị để mọi người tham khảo.

Phương pháp này do thầy Lý dạy tôi, tôi vận dụng phương pháp này của thầy vẫn thật sự đạt được một chút tốt lành, chỗ tốt lành chính là tâm địa thanh tịnh, ít phiền, ít não. Ít phiền, ít não, bèn lắm phước, nhiều huệ. Lắm phước chẳng phải là có tiền; tôi tiếng tăm lẫn lợi dưỡng đều chẳng có. Chúng tôi chẳng thù tạc, chẳng có thị phi, chẳng có phiền não, yên ổn niệm Phật, đọc kinh. Chúng tôi ngày một xa rời thế giới Sa Bà, ngày càng gần với Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng tôi đi theo con đường này. Hôm nay tôi giảng tới đây, ngày mai chúng ta lại nghiên cứu đoạn Vô Lượng Thọ, đó là một khoa trọng yếu nhất trong kinh Di Đà.

Tập 188

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bổn, trang ba trăm tám mươi tám:

(Sớ) Quang minh vô lượng, thị vô lượng chi nhất nghĩa, kim ngôn thọ mạng diệc vô lượng dã. Phật thọ hữu tam, Pháp Thọ, Báo Thọ, Ứng Thọ, như Pháp Hoa cập Quán Kinh Sớ trung thuyết. Nhiên Phật thọ vô lượng, tùy cơ sở kiến, kim chi vô lượng, diệc khả tức vô lượng chi vô lượng.

(疏)光明無量，是無量之一義，今言壽命亦無量也。佛壽有三，法壽，報壽，應壽，如法華及觀經疏中說。然佛壽無量，隨機所見，今之無量，亦可即無量之無量。

*(**Sớ**: Quang minh vô lượng là một nghĩa trong vô lượng nghĩa, nay nói thọ mạng cũng vô lượng. Phật thọ có ba loại là Pháp Thọ, Báo Thọ, và Ứng Thọ, như kinh Pháp Hoa và Quán Kinh Sớ đã nói. Nhưng Phật thọ vô lượng, tùy theo căn cơ mà thấy [sai khác], vô lượng ở đây cũng có thể chính là vô lượng của vô lượng).*

Trong kinh Di Đà, danh hiệu của Phật hiển thị Vô Lượng Thọ là chủ thể, mà cũng là điều quan trọng nhất. Nếu chẳng có thọ mạng, hết thảy vô lượng đều như không, ai hưởng thụ? Vì thế, thọ mạng là Thể của hết thảy vô lượng. Có thọ mạng thì quý vị mới có thể thọ dụng hết thảy các thứ vô lượng. A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc được gọi là Vô Lượng Thọ, rốt cuộc là vô lượng thật sự hay vô lượng giả? Chắc là nhiều người suy nghĩ vấn đề này, và cũng đều đã từng hỏi. Vì trong kinh đã nói rõ ràng, trong tương lai A Di Đà Phật sẽ nhập diệt, Quán Âm Bồ Tát

kế tiếp thành Phật. Sau khi Quán Âm Bồ Tát thành Phật, thọ mạng cũng là vô lượng. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, Đại Thế Chí lại nối tiếp thành Phật. Thoạt nhìn như vậy, thọ mạng của A Di Đà Phật vẫn là có hạn lượng. Do đó, có người nói "vô lượng" ở đây là *"hữu lượng chi vô lượng"*, [có nghĩa là do] số lượng quá lớn, nên chúng ta chẳng thể tính ra, [bèn gọi là "vô lượng"]. Cách nói của Liên Trì đại sư ở đây là chỉ rõ: *"Tùy cơ sở kiến"* (Tùy theo cái thấy của từng căn cơ). Thật ra, thọ mạng của A Di Đà Phật thật sự là *"vô lượng chi vô lượng"*[27], chẳng phải là một con số.

Phật Di Đà thọ mạng đã là thật sự vô lượng, phàm người nào sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, do thọ mạng giống như Phật, nên cũng biến thành vô lượng thật sự. Ngoại giáo thường nói thật sự vô lượng thọ là "sống đời đời". Nói thật ra, chỉ trong Phật môn mới có "sống đời đời", ngoài Phật môn mà mong sống đời đời sẽ là chuyện chẳng thể nào có được! Phàm phu muốn chứng đắc "sống đời đời" ngay trong một đời, chỉ có pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ này. Trừ pháp môn này ra, tu học những pháp môn khác, nói theo lý luận thì có thể thông suốt, nhưng trên sự thật chẳng dễ gì làm được. Chỉ riêng pháp môn này là Lý Sự viên dung, ai nấy đều có thể thành tựu.

(Sao) Thọ mạng giả, thọ chi sở lịch, hữu đoản, hữu trường. Kim đương giảm kiếp, thọ cẩn bách niên, bỉ tăng kiếp thời, diệc chỉ bát vạn. Túng Luân Vương, Thiên Đế, chư Phật trụ thế, diệc hữu hạn lượng.

(鈔)壽命者，壽之所歷，有短有長。今當減劫，壽僅百年，彼增劫時，亦止八萬。縱輪王天帝，諸佛住世，亦有限量。

*(**Sao**: "Thọ mạng" là thời gian sống có dài, hay ngắn. Nay đang trong thời giảm kiếp, chỉ thọ một trăm năm. Trong thời tăng kiếp, cũng chỉ thọ tám vạn năm. Dẫu là Luân Vương, Thiên Đế, chư Phật trụ thế cũng có hạn lượng).*

Hết thảy chúng sanh ở trong lục đạo, thọ mạng có dài hay ngắn. Thọ mạng là một trong các quả báo. Chư vị đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn,

---

[27] Hữu lượng chi vô lượng: Nói cách khác, Vô Lượng chính là một con số rất lớn trong một trăm con số lớn của Ấn Độ (A Tăng Kỳ, Vô Lượng, Vô Biên, Bất Khả Tư Nghị, Bất Khả Tư Nghị Chuyển v.v...) Tuy rất lớn, nhưng vẫn là hữu hạn.
"Vô lượng chi vô lượng" là vô lượng thật sự, không thể nào tính đếm và hình dung.

sẽ biết thọ mạng của mỗi người quả thật đều có nhất định. Phật pháp thừa nhận chúng sanh trong lục đạo quả thật có thọ mạng, nhưng trọn chẳng phải là *"định mạng"* (có thọ mạng nhất định, không hề thay đổi)! Nói thật ra, thọ mạng dài hay ngắn do chính mình nắm quyền thao túng. Người thọ mạng dài, nếu hằng ngày tạo nghiệp, mạng dài sẽ biến thành mạng ngắn. Người thọ mạng ngắn, hằng ngày làm việc thiện, do thiện nghiệp cảm vời, mạng ngắn ngủi sẽ biến thành mạng dài. Từ Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị có thể đạt được kết luận cụ thể. Thọ mạng có thể kéo dài, đây là chuyện khó khăn nhất, huống hồ những phước báo khác? Các phước báo khác, nếu trong mạng chẳng có mà muốn cầu đạt được [thì so ra] vẫn dễ dàng hơn; trong hết thảy các sở cầu, thọ mạng là khó khăn nhất. Mọi người đều hy vọng sống lâu, sống lâu thì phải khỏe mạnh mới tốt. Nếu sống lâu mà chẳng khỏe mạnh, thường ngã bệnh, sẽ rất đau khổ. Nếu thọ mạng dài, chẳng biết học Phật, tuổi cao sẽ hết sức cô quạnh. Nhất là trong hiện thời tại ngoại quốc, người già bên ngoại quốc tự sát hết sức nhiều, mỗi năm một tăng nhiều hơn, vì sao? Quá đỗi cô quạnh, lại còn bị bệnh khổ, bệnh cũ rề rề, rất đau khổ! Đức Phật nói tám khổ, trong đó còn có lão khổ, [bốn nỗi khổ thấy rõ nhất là] sanh khổ, bệnh khổ, lão khổ, tử khổ!

Sống lâu lại khỏe mạnh, già mà chẳng khổ, rất hạnh phúc, hạnh phúc ấy cũng chỉ trong Phật môn mới có thể cầu được; chẳng phải là Phật môn, sẽ rất khó cầu! Trong Phật môn, phải cầu đúng lý, đúng pháp, đó gọi là *"trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng"*. Cầu chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, đương nhiên sẽ chẳng thể có cảm ứng. Nếu cầu chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp mà có cảm ứng, thưa cùng chư vị, đó là yêu ma quỷ quái đang giở trò. Nếu quý vị kết bạn với họ, sau này mong thoát lìa ma chướng rất khó! Họ có thể khống chế quý vị suốt đời. Không chỉ khống chế một đời, mà rất có thể là khống chế nhiều đời. Quý vị chẳng có cách nào thoát khỏi sự nắm giữ của họ. Do đó, nhất định chớ nên tiếp cận yêu ma quỷ quái. Đối với những chuyện có cầu ắt ứng, đừng nên hâm mộ, chẳng phải là chuyện tốt đẹp! Cầu phát tài, tiền tài đưa tới, có đáng hâm mộ hay chăng? Chẳng đáng hâm mộ. Quý vị nghĩ xem, quý vị phát tài thì dùng tiền tài ấy để làm gì? Mỗi ngày vẫn chỉ ăn ba bữa. Mỗi ngày ăn ba bữa thì quý vị có thể ăn tới một trăm năm. Mỗi ngày ăn sáu bữa, chỉ có thể ăn năm mươi năm, quý vị sẽ đoản mạng. Đó gọi là *"lộc tận, nhân vong"* (lộc hết, người chết), quý vị đã tiêu sạch cái phước đáng lẽ hưởng thụ trong một đời. Tuy có thọ mạng, cũng chẳng có cách nào,

lộc đã hết, người sẽ chết mà! Người hiện thời chẳng biết tiết kiệm, người xưa nhấn mạnh tiết kiệm. Tiết kiệm, ví như chúng ta có tuổi thọ sáu mươi năm, hưởng lộc sáu mươi năm, *"lộc"* là sự hưởng thụ về mặt vật chất. Quý vị hết sức cần kiệm, đến lúc sáu mươi tuổi, quý vị vẫn chưa hưởng hết lộc, hãy còn dư, còn dư thì sao? Thọ mạng sẽ kéo dài. Vì thế, quý vị mới biết tiếc phước cũng là đường lối để sống lâu.

Kinh nói *"kim đương giảm kiếp, thọ cẩn bách niên"* (nay đang thời giảm kiếp, chỉ thọ một trăm năm). Đây là nói về thời đức Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian này, đức Phật nói tới thọ mạng của chúng sanh trong lục đạo, đặc biệt là nói về nhân gian. Khi con người có thọ mạng dài nhất, sẽ là tám vạn bốn ngàn năm, lúc ngắn nhất là mười năm. Từ ngắn nhất là mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm bèn tăng thêm một tuổi, tăng như vậy cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi; từ tám vạn bốn ngàn tuổi, lại mỗi một trăm năm bèn giảm một tuổi cho đến [khi thọ mạng của con người chỉ còn] mười năm. Chu kỳ tăng giảm này lại được gọi là một tiểu kiếp (Antah-Kalpa). Kiếp (Kalpa) là đơn vị thời gian được nói trong kinh Phật. Thời Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, nhằm lúc thế gian đang thuộc giảm kiếp, giảm đến bao nhiêu tuổi? Giảm đến một trăm tuổi. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian vào lúc giảm kiếp còn một trăm tuổi. Từ lúc đức Phật diệt độ cho đến hiện thời là ba ngàn năm, cứ một trăm năm bèn giảm một tuổi, hiện thời tuổi thọ bình quân của con người là bảy mươi tuổi.

"Bỉ tăng kiếp thời" (Vào lúc tăng kiếp), chữ Bỉ (彼) là nói đến lúc tăng kiếp cao nhất, cũng chỉ là tám vạn bốn ngàn tuổi, đây là nói về nhân đạo trong lục đạo. Cõi trời thọ mạng dài hơn nhân gian chúng ta. *"Túng Luân Vương, Thiên Đế"* (Dẫu là Luân Vương, Thiên Đế), Luân Vương là Chuyển Luân Thánh Vương. Khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện trên thế gian này, thọ mạng của loài người trong thế gian rất dài, tám vạn tuổi, sáu vạn tuổi, hoặc bốn vạn tuổi. Khi vị Luân Vương nhỏ nhất[28] xuất hiện, tuổi thọ của loài người gần như là hai vạn năm, chúng sanh có phước. Thọ mạng dài là phước báo. Luân Vương xuất hiện trong thế gian vào thời này, người nơi thế gian này có phước. Cũng có rất

[28] Nói là "Luân Vương nhỏ nhất" vì Luân Vương có bốn loại là Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương và Thiết Luân Vương. Kim Luân Vương lớn nhất, có phạm vi cai quản rộng nhất; Thiết Luân Vương có phạm vi giáo hóa bé nhất.

nhiều Thiên Đế, [vì cõi trời] có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên[29]. Dục Giới có sáu tầng, Sắc Giới có mười tám tầng.

"Chư Phật trụ thế", *"Phật"* [ở đây] là nói tới Ứng Thân trụ thế, trong mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, thị hiện tám tướng thành đạo, thọ mạng luôn có số lượng. Ứng Thân của đức Phật tùy thuận sự cơ cảm của chúng sanh mà ứng. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Ứng Thân có sanh diệt hay không? Phàm phu chúng ta thấy có sanh diệt, trên thực tế, chẳng có sanh diệt! Vì Ngài vốn chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Bất quá là cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh mà thôi. Người nào trong tâm cầu Phật, Phật liền ứng hiện. Khi chẳng có ai cầu Phật, Phật liền diệt độ, căn cơ đã hết bèn chẳng hiển lộ nữa! Trong tầm mắt của phàm phu, Phật cũng có thọ mạng. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế, bảy mươi chín tuổi bèn nhập diệt, tính theo tuổi ta là tám mươi tuổi. Người thuở ấy thọ một trăm năm, vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật tám mươi tuổi liền nhập diệt? Đức Phật rất từ bi, rất giữ chữ tín. Khi ấy, Ma Vương Ba Tuần tới thỉnh cầu Thích Ca Mâu Ni Phật hãy sớm nhập Bát Niết Bàn, đức Phật đáp ứng. Chuyện này cho thấy các đệ tử đã sơ sót, chẳng thỉnh Phật trụ thế. Ma Vương thỉnh Phật nhập Bát Niết Bàn, Phật bèn đáp ứng. Ý nghĩa thứ hai: Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, Thích Ca Mâu Ni Phật nói Ngài còn có hai mươi năm dư phước [trong tuổi thọ], hai mươi năm dư phước ấy để cho đệ tử xuất gia đời sau hưởng thụ tứ sự cúng dường chẳng cùng tận!

Hiện thời, người xuất gia được hưởng thụ là do dư phước của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chỉ cần quý vị nghiêm túc tu hành, chớ nên phan duyên. Đức Phật đã nói như thế, chúng ta phải nên tin tưởng. Vì thế, hàng xuất gia chẳng cần quan tâm đến cuộc sống áo cơm, chẳng phải lo lắng chuyện này. Tuy trong kinh đức Phật đã nói như vậy, chúng ta cảm thấy Phật chẳng có đảm bảo cụ thể, nên hằng ngày vẫn phan duyên y như cũ! Quý vị do phan duyên mà đạt được thì nói thật thà, vẫn là do dư phước của Thích Ca Mâu Ni Phật chiếu cố! Quý vị chẳng phan duyên, do chẳng phan duyên mà vẫn có nhiều ngần ấy, tội gì mà phải phan duyên? Trong pháp thế gian, một hớp uống, một miếng ăn không gì chẳng được định sẵn. Trong Phật pháp, tất cả hết thảy những gì trong cuộc sống của quý vị đã được chư Phật, Bồ Tát chăm lo, chính mình thật sự chẳng cần bận tâm, tâm mới có thể tương ứng với đạo. Đạo là tâm thanh tịnh, đã xuất gia thì phải tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Bất luận thuận

---

[29] Vô Sắc Giới Thiên không có thiên đế.

cảnh hay nghịch cảnh, trong hết thảy các cảnh duyên, chỉ cầu thanh tịnh. Thanh tịnh là Định, thanh tịnh là Huệ, Định cũng là phước thật sự. Nói *"Định Huệ đẳng học"* hoặc nói *"Định Huệ song tu"* đều được, phước thật sự là Định.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy thuở ấy, khi tỳ-kheo Pháp Tạng theo học với Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, lúc đó, đức Phật trụ thế bốn mươi hai kiếp, cho thấy thọ mạng lâu dài. Tuổi thọ của đức Phật và tuổi thọ của con người trong thuở ấy, chắc là gần bằng nhau. Ngài thị hiện thân tướng độ các chúng sanh trong thời đại ấy, nên có thọ mạng tương đương với chúng sanh, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã ứng hóa. Do vậy có thể biết: Thuở Thế Nhiêu Vương tại thế, phước báo của chúng sanh trong thời ấy hết sức lớn. Trong hết thảy các kinh, đức Phật đã nói trạng huống của mười phương thế giới, chúng ta có thể thấu hiểu: Thọ mạng dài là phước báo lớn.

(Sao) Duy bỉ Phật thọ mạng, chí vi cửu viễn, bất cục thường số, vân vô lượng dã.

(鈔)唯彼佛壽命，至為久遠，不局常數，云無量也。

*(**Sao**: Chỉ có thọ mạng của đức Phật ấy lâu xa tột cùng, chẳng hạn cuộc trong lẽ thông thường, nên nói là "vô lượng").*

"Duy" (唯) là duy nhất, *"bỉ Phật"* là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật rất đặc thù, chẳng giống hết thảy các vị Phật khác. Trong thế giới của hết thảy chư Phật đều có bốn cõi, nhưng bốn cõi chẳng ở cùng một chỗ, bốn cõi chẳng xếp ngang nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, nó cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi ở cùng một chỗ, bốn cõi dung thông lẫn nhau, chẳng có cách nào phân biệt. Giống như ánh đèn, ánh sáng của từng ngọn đèn hòa lẫn vào nhau, quý vị có thể phân biệt ánh sáng nào là của ngọn đèn nào hay chăng? Chẳng phân biệt được! Tây Phương Cực Lạc thế giới xác thực là có bốn cõi, nhưng bốn cõi ở cùng một chỗ, giống như ánh sáng của bốn ngọn đèn. Thế nhưng các cõi Phật ở phương khác chẳng có tình hình này, chúng có chướng ngại, có cách ngăn, trở ngại. Thế giới Tây Phương chẳng có cách ngăn, trở ngại, nên thế giới ấy là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Thọ mạng trong thế giới ấy lại đặc biệt lâu xa, *"bất cục thường số"* (chẳng hạn cuộc trong lẽ thường), *"thường số"* là tình hình trong mười phương thế giới. Quý vị dùng tình hình trong mười phương cõi nước để quan sát Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ

chẳng có cách nào lý giải. Vì thế, thọ mạng của đức Phật ấy đúng là vô lượng, chẳng phải vô lượng trong hữu lượng.

(Sao) Tam thọ giả, Pháp Hoa Thọ Lượng Phẩm Sớ vân: "Thọ giả thọ dã. Nhược Pháp Thân, Chân Như bất cách chư pháp, cố danh vi Thọ. Nhược Báo Thân, cảnh trí tương ứng, cố danh vi Thọ. Nhược Ứng Thân, nhất kỳ báo đắc, bách niên bất đoạn, cố danh vi Thọ".

(鈔)三壽者，法華壽量品疏云：壽者受也，若法身，真如不隔諸法，故名為受；若報身，境智相應，故名為受；若應身，一期報得，百年不斷，故名為受。

*(**Sao**: Ba loại tuổi thọ: Lời sớ giải của phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa có giảng: "Thọ (thọ mạng) là Thọ (hứng chịu). Như Pháp Thân, Chân Như chẳng cách biệt các pháp, nên gọi là Thọ (hứng chịu, lãnh chịu). Nếu là Báo Thân, cảnh và trí tương ứng, nên gọi là Thọ (hứng chịu). Nếu là Ứng Thân, do quả báo kéo dài một thời gian, nên trăm năm chẳng đoạn, vì thế gọi là Thọ (hứng chịu)").*

Chữ Sớ (疏) chỉ tác phẩm chú giải kinh Pháp Hoa của Trí Giả đại sư. Đoạn này giảng về Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, và Ứng Thân Phật.

(Diễn) Tam thọ giả dĩ hạ thập tam cú, Phật hữu tam thân, thọ diệc hữu tam.

(演)三壽者以下十三句，佛有三身，壽亦有三。

*(**Diễn**: [Đối với] mười ba câu kể từ "ba loại tuổi thọ" trở đi, do Phật có ba thân, nên thọ mạng cũng có ba loại).*

Phật có ba thân, nên ba thứ thọ mạng nơi thân cũng khác nhau.

(Diễn) Pháp Thân dĩ như Lý vi thân, Báo Thân dĩ trí huệ vi thân, Ứng Thân dĩ ứng cơ phó cảm vi thân.

(演)法身以如理為身，報身以智慧為身，應身以應機赴感為身。

*(**Diễn**: Pháp Thân lấy như Lý làm thân, Báo Thân lấy trí huệ làm thân, Ứng Thân lấy chuyện ứng theo căn cơ để cảm ứng làm thân).*

Pháp Thân là vô lượng thọ thật sự, bất sanh, bất diệt. Báo Thân là hữu sanh vô diệt, cũng là vô lượng thọ thật sự, Báo Thân dùng trí huệ làm thân.

Người thế gian chúng ta có thông minh, nhưng chẳng có trí huệ. Dẫu tu hành, nếu chưa đạt tới minh tâm kiến tánh, tuy có trí huệ, nhưng hễ đầu thai, trí huệ chẳng còn nữa, lại mê. Đó gọi là *"cách ấm chi mê"* (mê khi cách ấm). Sau khi đã minh tâm kiến tánh, mới chẳng bị mê khi cách ấm. Trong kinh Kim Cang, đức Phật phó chúc hàng đại Bồ Tát phải thường hộ niệm các tiểu Bồ Tát, vì hàng tiểu Bồ Tát có thoái chuyển, bị mê khi cách ấm. Khi cơ duyên đến, những vị ấy (các đại Bồ Tát) sẽ đến chỉ điểm, cảnh tỉnh họ (các tiểu Bồ Tát). Vừa được chỉ điểm, họ liền khai ngộ, có thể khôi phục bình thường. Do đó, Phật và các vị đại Bồ Tát thường chẳng ngừng chiếu cố hàng tiểu Bồ Tát.

Nếu chư vị thật sự hiểu sự thật này, mới cảm nhận đức Phật nói hai câu *"thân người khó được, Phật pháp khó nghe"* có ý nghĩa quá sâu! Được làm thân người chẳng dễ dàng, đánh mất thân người quá dễ dàng. Lỡ đánh mất thân người, được làm thân người lần nữa, khó lắm! Chúng ta phải thường phản tỉnh chuyện này! Chính chúng ta hãy suy ngẫm, đánh mất thân người thì đời sau lại có thể làm thân người nữa hay không? Mấy ai dám nói đời sau ta vẫn được làm thân người? Chẳng có ai! Đời sau sẽ được làm thân người, trì Ngũ Giới, Thập Thiện thanh sạch, chúng ta có làm được hay chăng? Giết, trộm, dâm, dối, mỗi ngày đều hành, nói dối, nói đôi chiều, tham, sân, si, mạn, dùng tâm tham để học Phật, dùng tâm sân khuể, dùng tâm ganh tỵ để học Phật. Làm công đức trong Phật môn thì "ngươi bỏ ra một vạn, ta bỏ ra hai vạn, ta phải vượt trội ngươi!" Tâm thái như vậy, đời sau không chỉ chẳng thành Phật, mà thân người cũng chẳng đạt được! Trong tâm, phiền não quá nặng, chân vọng, tà chánh, thị phi, chẳng phân biệt được! Ngay cả lợi và hại cũng đều chẳng hiểu rõ ràng! Đức Phật gọi hạng người ấy là kẻ ngu si, ngu si đến mức cùng cực. Pháp thế gian và xuất thế gian có lợi và có hại đối với quý vị như thế nào, đều chẳng phân biệt được, coi chuyện tai hại là tốt lành, ngỡ chuyện tốt lành là xấu xa, mê hoặc, điên đảo! Vì thế, trong kinh đức Phật thường nói những kẻ ấy "là những kẻ đáng thương xót", thật sự đáng thương! Quý vị mới biết đời sau được làm thân người chẳng dễ dàng! Thân trong cõi trời, người đều phải cậy vào tu phước thì mới có thể đạt được. Phật pháp càng cần phải tu giác, chánh, tịnh! Phật pháp từ đầu tới cuối, nói theo phương diện công phu, sẽ là đoạn phiền não, phá

chấp trước. Nói theo phương diện thành tựu là khai trí huệ. Nói là *"khai trí huệ"* chính là trong hết thảy các pháp, quý vị có năng lực phân biệt chân, vọng, tà, chánh, thị, phi, thiện, ác, lợi, hại. Nếu chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể phân biệt.

Báo Thân là thân trí huệ, hễ đạt được sẽ vĩnh viễn chẳng bị mất đi. Vì thế, có khởi đầu, nhưng chẳng có kết thúc. Pháp Thân là chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Pháp Thân là Chân Như bản tánh, bản thể, bất sanh, bất diệt. *"Ứng Thân dĩ ứng cơ phó cảm vi thân"* (Ứng Thân lấy tùy cơ cảm ứng để làm thân), đó là cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Thân ấy có sanh, có diệt, có [thọ mạng] dài hay ngắn, là huyễn thân, tức cái thân biến huyễn. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng ba loại thân này. Đức Phật có ba thân, bản thân chúng ta cũng có ba thân. Pháp Thân là Lý, mỗi người đều trọn đủ. Tuy trọn đủ, nhưng nay quý vị chẳng thọ dụng được. Vì sao chẳng thọ dụng được? Đã mê rồi, mê gì vậy? Mê mất Pháp Thân của chính mình. Hễ ngộ thì ngộ gì? Ngộ Pháp Thân của chính mình. Mê ngộ bất nhị, mê ngộ là một, mê là Pháp Thân, ngộ vẫn là Pháp Thân, nhưng mê và ngộ thọ dụng khác biệt rất lớn.

(Diễn) Thọ giả thọ dã, lãnh nạp nghĩa dã.

(演)壽者受也，領納義也。

*(**Diễn**: Thọ là nhận, có ý nghĩa nhận lãnh).*

Nói đơn giản, nay ta gọi Thọ là hưởng thụ, thọ mạng là hưởng thụ. Xét theo ý nghĩa này, ba thân đều có sự hưởng thụ.

(Diễn) Pháp Thân dĩ Chân Như lãnh thọ chư pháp, cố danh vi Thọ.

(演)法身以真如領受諸法，故名為受。

*(**Diễn**: Pháp Thân dùng Chân Như để lãnh nhận các pháp, nên gọi là Thọ).*

Pháp Thân có ý nghĩa thọ lượng. Pháp Thân nhận lãnh gì? Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian trong hư không pháp giới, nó đều tiếp nhận, vì tất cả hết thảy các pháp đều do Pháp Thân biến hiện. Pháp Thân là Chân Như, là bản tánh. Trong triết học hiện thời, nó được gọi là *"bản thể của vạn hữu trong vũ trụ"*, trong Phật môn gọi là Pháp Thân. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều nương vào nó mà biến

hiện; do vậy, hết thảy các pháp đều là sự trang nghiêm và thọ dụng của Pháp Thân.

(Diễn) Tuy vân lãnh thọ, thật vô Năng Sở.

(演)雖云領受，實無能所。

*(**Diễn**: Tuy nói là tiếp nhận, nhưng thật ra chẳng có Năng và Sở).*

Vì Năng và Sở là một, không hai, cái có thể biến (năng biến) là bản tánh, cái được biến (sở biến) vẫn là bản tánh. Ngoài bản tánh ra, chẳng có một pháp nào để có thể đạt được. Đó là chỗ khác biệt so với triết học thế gian. Trong triết học thế gian, Năng và Sở là đối lập, cái có thể sanh chẳng phải là cái được sanh, cái được sanh chẳng phải là cái có thể sanh. Do đó, Phật pháp chẳng phải triết học, [trong Phật pháp] Năng và Sở là một, không hai. Có thể sanh là nó, mà cái được sanh vẫn là nó; cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng có cách nào nghĩ thông suốt. Vì tư tưởng của chúng ta, nói thật ra, đều là vọng tưởng, là thức thứ sáu, tức ý thức, khởi tác dụng. Làm thế nào thì mới có thể thông đạt? Chẳng suy nghĩ sẽ thông đạt, càng suy tưởng, càng chẳng thông đạt. Chẳng suy nghĩ, quý vị sẽ thấy sự thật này rõ ràng! Do đó, tu học Phật pháp chú trọng Thiền Định, không đặt nặng nghiên cứu. Kinh điển càng nghiên cứu càng hỏng bét, càng sai bét! Chẳng nghiên cứu, quý vị sẽ hiểu rõ tất cả. Phương pháp hoàn toàn khác hẳn pháp thế gian. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là tri thức, mà là trí huệ. Tri thức là từ tâm phân biệt mà hiển hiện. Trí huệ được hiển hiện từ cái tâm thanh tịnh, khác nhau! Vì thế, người học Phật tâm phải thanh tịnh. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm phải tuyệt đối thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, chẳng sanh một pháp. Há có Năng và Sở? Vì thế, *"thật vô Năng Sở"* (thật sự chẳng có Năng và Sở).

(Diễn) Dĩ Chân Như tức chư pháp, chư pháp tức Chân Như. Ngôn lãnh thọ giả, bất cách nghĩa dã.

(演)以真如即諸法，諸法即真如。言領受者，不隔義也。

*(**Diễn**: Do Chân Như chính là các pháp, các pháp chính là Chân Như. Nói "tiếp nhận" có nghĩa là "chẳng ngăn cách" vậy).*

Tánh và Tướng giao hòa, dung nhập; trong ấy, chẳng có giới hạn,

chẳng có sai biệt.

(Diễn) Chân Như vô thỉ, vô chung, chư pháp diệc vô thỉ, vô chung, cắng triệt tam tế, vô cùng, vô tận giả, Pháp Thân thọ dã.

(演)真如無始無終，諸法亦無始無終，互徹三際，無窮無盡者，法身壽也。

*(**Diễn**: Chân Như chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, các pháp cũng chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, trọn khắp thấu triệt ba đời, vô cùng, vô tận. Đó chính là Pháp Thân Thọ).*

Kinh Hoa Nghiêm nói hết thảy các pháp chỉ do tâm hiện. Vì thế, chư pháp là chân tâm, chân tâm là chư pháp. Các pháp ấy thường biến hóa, vì sao có thể biến hóa? Chỉ do thức biến. *"Thức"* ở đây là nói tới tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở. Tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở là vọng tâm, là tâm mê. Tâm đã mê, quý vị thấy hết thảy chư pháp có thể biến. Động vật có sanh, lão, bệnh, tử. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt; có sanh trưởng, đã sanh trưởng thì sẽ có một giai đoạn ngưng trụ, sau đó dấy lên biến hóa, rồi lại biến mất, tức là diệt, nên nó có sanh, trụ, dị, diệt. Khoáng vật thành, trụ, hoại, không, biến hóa trong từng sát-na. Tuy nó đang biến hóa, vẫn là vô thỉ, vô chung (chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc).

Khoa học hiện đại tiến bộ hơn khoa học xưa kia rất nhiều. Nhờ vào quan sát khoa học, chúng ta có thể lãnh hội, hiểu rõ những đạo lý do đức Phật đã giảng. Chúng tôi lại nghĩ đến cổ nhân xưa kia, chẳng cần nói rất xa xôi, hai trăm năm trước thôi, họ cũng có thể tiếp nhận những điều được giảng trong kinh Phật, và cũng có thể tin tưởng. Chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy có thể biết: Người thời ấy trí huệ cao hơn chúng ta! Nay chúng ta nói [chính mình] có kiến thức thông thường phong phú hơn họ, nhưng kiến thức thông thường chẳng sánh bằng trí huệ! Nay chúng ta hiểu: Hết thảy các pháp xác thực là bất sanh, bất diệt. Ví như đóa hoa này, quý vị chăm bẵm nó, nó sanh trưởng, nở một khoảng thời gian rồi héo tàn. Chúng ta thấy đóa hoa ấy đích xác là có sanh diệt, tức sanh, trụ, dị, diệt. Trong mắt các khoa học gia, đóa hoa ấy bất sanh bất diệt, vì sao? Các nhà khoa học chẳng thấy đóa hoa ấy, mà thấy gì? Thấy các nguyên tử, điện tử, bất quá chúng từ chỗ này chạy sang chỗ kia. Các khoa học gia thấy các nguyên tử, điện tử ấy có tụ, có tán, có diệt hay không? Chẳng có diệt!

Nếu mỗi người trong giảng đường của chúng ta là một hạt nguyên tử, nay chúng tôi đang giảng kinh, mọi người tụ họp tại đây, đó là một pháp hội. Giảng xong, mọi người giải tán. Chẳng có sanh diệt, bất sanh, bất diệt. Có duyên bèn tụ lại, vô duyên bèn tản mác. Các khoa học gia thấy các pháp chẳng có sanh diệt. Các khoa học gia gần đây mới phát hiện quan niệm này, nên nói "vật chất chẳng diệt". Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu ra sự phát hiện này từ hơn ba ngàn năm trước, hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt. Có chết hay không? Chẳng có chết! Chết rồi, mỗi phân tử trong nhục thể này đều tồn tại, chỉ bất quá là tản mác. Thân thể trong hiện thời là do nhiều nguyên tử và điện tử như vậy tụ tập thành một hình trạng. Hết thảy vạn vật thảy đều là đạo lý này, duyên tụ hay duyên tán. Hễ tụ bèn thành hình, hễ tán ắt tiêu mất. Trong ấy, thật sự chẳng tìm thấy có sanh diệt, hy vọng chư vị hãy chú tâm hiểu điều này. Quý vị có thể hiểu đạo lý này, mới hiểu kinh Pháp Hoa đã nói: *"Thế pháp trụ pháp vị, thế gian tướng bất hoại"* (Pháp thế gian trụ đúng nơi vị trí của nó, tướng thế gian chẳng hư hoại), hai câu ấy là cảnh giới gì? Trong kinh, mọi người thường đọc thấy Vô Sanh Pháp Nhẫn, hai câu ấy đã nói rõ: Hết thảy các pháp vốn bất sanh, há có diệt? Phật và đại Bồ Tát thấy chân tướng của hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp bất sanh, bất diệt; nếu quý vị thấy là sanh diệt, tức là quý vị đã thấy sai mất rồi!

Tế bào, nguyên tử, và điện tử tụ hay tán trong thân thể chúng ta là tụ tán mỗi ngày, chẳng phải là đến khi chết mới phân tán. Các tế bào nơi thân thể chúng ta cứ đúng chu kỳ bảy năm sẽ chẳng còn một tế bào cũ nào, toàn là mới toanh, nhưng chúng chẳng phải thay đổi cùng một lúc, mà là thay thế hằng ngày, thay đổi trong từng sát-na. Nói như vậy thì càng thay đổi càng tốt hơn mới đúng chớ! Giống như cỗ máy bị hư, tìm linh kiện khác thay vào, nhất định là thay bằng linh kiện tốt, chứ đâu có ai thay linh kiện xấu vào! Vì thế, người biết thay đổi, sẽ là càng thay đổi càng trẻ trung, càng thay đổi càng tốt đẹp hơn. Chẳng biết thay đổi, sẽ càng thay đổi càng bệnh nhiều hơn, càng thay đổi càng già nua hơn. Kẻ ấy chẳng biết cách thay đổi, chẳng biết chọn lựa linh kiện mới, chuyên môn tìm linh kiện cũ, tìm đồ bỏ đi của người khác, dùng những thứ ấy, rất khổ não! Tôi bảo các đồng tu: Chư vị dùng giác tâm, chánh tâm, thanh tịnh tâm để thay đổi, càng thay đổi, càng tốt đẹp hơn. Chư vị hằng ngày dùng phiền não, phân biệt, chấp trước [để thay đổi], vậy là càng thay đổi càng tệ hại! Sự trang nghiêm nơi thân thể và tướng mạo của chư vị đều do chính mình nắm quyền thao túng, tùy thuộc quý vị thay đổi

theo cách nào! Người thật sự tu hành, thời gian càng lâu, xác thực sẽ hiển lộ hoàn toàn khác hẳn kẻ bình phàm, tôi nói cách này cho mọi người dễ hiểu, tức là người ta biết cách chọn lựa thay cũ, đổi mới tế bào, chọn cái tốt đẹp thay cho cái cũ kỹ.

(Diễn) Báo Thân tắc Thỉ Giác chi trí, lãnh thọ Bổn Giác chi Lý danh Thọ. Tuy vân lãnh thọ, diệc vô Năng Sở.

(演)報身則始覺之智，領受本覺之理名受，雖云領受，亦無能所。

*(**Diễn**: Báo Thân thì trí Thỉ Giác, lãnh nhận Lý Bổn Giác, gọi là Thọ. Tuy nói là "lãnh nhận", cũng chẳng có Năng và Sở).*

Báo Thân là trí huệ, Bổn Giác vốn có. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát bảo Bổn Giác là Phật. Quan sát từ góc độ này, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*. Lời này là thật, chẳng giả chút nào, vì sao? Mỗi người đều có Bổn Giác, Bổn Giác của quý vị chưa hề mất đi. Thành Phật, Bổn Giác hiển lộ. Dẫu đọa trong A Tỳ địa ngục, Bổn Giác của quý vị vẫn hiển lộ, chẳng hai, chẳng khác với quả địa Phật. Bổn Giác là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Nếu quý vị nói: "Thầy nói chúng tôi đều chưa từng mất [trí huệ Bát Nhã], vậy nó ở chỗ nào? Tôi cảm thấy chính mình suốt ngày từ sáng đến tối mê hoặc, điên đảo, bất giác". Đúng vậy! Nay quý vị là bất giác. Bất giác thì như Mã Minh Bồ Tát nói *"bất giác vốn không"*, vốn chẳng có. Vốn chẳng có mà quý vị cứ khăng khăng muốn tìm nó, tìm cho ra nó, tìm bất giác làm người chủ chốt, vấn đề trở thành hỏng mất rồi! Do đó, tế bào của quý vị khi thay cũ đổi mới bèn chuyên môn chọn lấy thứ xấu, chẳng chọn thứ tốt đẹp. Vì sao? Bất giác. Trong tựa đề của Đại Kinh có nói *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, giác trọng yếu. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, bất bình đẳng, sẽ chẳng giác. Giác là như thế nào? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng là giác.

Thỉ Giác là quý vị bắt đầu giác ngộ. Bắt đầu như thế nào? Thỉ Giác là như thế nào? Nói đơn giản, biết lỗi lầm của chính mình, biết tật xấu của chính mình, đó là giác. Bất giác là gì? Chính mình một thân đầy tật xấu mà chẳng biết! Vẫn cứ luôn tưởng chính mình là đúng. Tưởng chính mình là đúng tức là điên đảo, chính mình phạm lỗi mà cứ ngỡ là đúng. Thấy người khác đúng, lại tưởng họ sai. Đó là bất giác. Biết chính mình sai trái, biết chính mình đang mê, quý vị bắt đầu giác ngộ. Thưa

cùng chư vị, Thỉ Giác là mỗi ngày bắt đầu giác ngộ. Hằng ngày có giác ngộ, hằng năm giác ngộ. Thỉ Giác chẳng phải là nói năm nào đó, ta mới bắt đầu [giác ngộ]. Hiểu như thế là sai bét bè be! Mỗi ngày đều là Thỉ Giác. Mãi cho đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn là mỗi ngày Thỉ Giác. Thành Phật là Cứu Cánh Giác, trước khi thành Phật thì mỗi ngày vẫn là Thỉ Giác. Phải hiểu rõ ý nghĩa hai chữ Thỉ Giác! Thỉ Giác là Bổn Giác trí, cho nên nó *"lãnh thọ Bổn Giác chi Lý"* (tiếp nhận lý Bổn Giác).

Điều tốt đẹp lớn nhất của chư Phật, Bồ Tát, và hết thảy thiện hữu là các Ngài có thể giúp đỡ chúng ta Thỉ Giác. Nếu chúng ta lìa khỏi những vị thiện hữu ấy, sẽ càng mê sâu hơn, sẽ chẳng giác. Vì thế, nhất định phải thân cận thiện tri thức, phải thân cận Như Lai. Như Lai chẳng trụ thế, chúng ta thân cận Ngài bằng cách nào? Quý vị niệm kinh điển là thân cận Như Lai, đọc chú giải là thân cận thiện tri thức. Kinh do đức Phật nói, chú giải do tổ sư nói, ta hằng ngày niệm kinh, đọc chú giải, đó chính là thân cận chư Phật, Bồ Tát, và thiện tri thức. Chẳng cần tìm cầu bên ngoài, tìm bên ngoài sẽ chẳng thấy! Thiện tri thức thật sự ở trong nhà mà chẳng nhận biết, cứ chạy long nhong bên ngoài để tìm kiếm, tìm thấy toàn là ác tri thức, chẳng phải là thiện tri thức.

"Tuy vân lãnh thọ, diệc vô Năng Sở" (Tuy nói là tiếp nhận, cũng chẳng có Năng và Sở). Thỉ Giác và Bổn Giác hợp thành một, hoàn toàn giao hòa, dung thông, chẳng thể phân ra đâu là Năng Giác, đâu là Sở Giác. Năng Sở bất nhị! Câu kế tiếp nêu ra lý này.

(Diễn) Dĩ vô hữu Trí ngoại Như vi Trí sở chứng.
(演)以無有智外如為智所證。
*(**Diễn**: Do chẳng có Như ở ngoài Trí để được chứng bởi Trí).*

"Như" ở đây là Lý, tức Lý như như.

(Diễn) Vô hữu Như ngoại Trí năng chứng ư Như.
(演)無有如外智能證於如。
*(**Diễn**: Chẳng có Trí ở ngoài Như để có thể chứng Như).*

Có thể thấy: Cái Trí có thể chứng (năng chứng Trí) và cái Lý được chứng (sở chứng Lý, tức sở chứng Như) là một, không hai. Trong kinh Phật, chữ Như là một chữ kỳ diệu nhất. Nó có nghĩa là gì? Hoàn toàn như nhau thì là Như. Thứ gì hoàn toàn như nhau? Hiện tướng (tướng

được biến hiện); hiện tướng và bản tánh như nhau. Hiện tướng, tận hư không khắp pháp giới, chúng ta nói y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, được gọi là *"hết thảy vạn pháp"*, pháp giống như tánh của nó, tánh giống như pháp. *"Như"* có ý nghĩa này. Quý vị muốn kiến tánh, kiến ở chỗ nào? Kiến tướng là kiến tánh. Vì sao? Như! Người bình phàm chúng ta rất khó hiểu cảnh giới này. Thuở trước, Hiền Thủ quốc sư đã nêu tỷ dụ: *"Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*. Ví vàng như Tánh, ví đồ vật như Tướng. Đồ vật thì ta làm bông tai, làm dây chuyền, làm xuyến đeo tay, làm bát uống trà, làm chén trà, làm tượng Phật, làm giá cắm nến, hình dáng thiên biến vạn hóa, nhưng chất liệu đều là hoàng kim. *"Đồ vật giống như vàng, vàng giống như đồ vật"*. Vàng ví như Chân Như bản tánh của chúng ta, tất cả hết thảy vạn tướng đều do Chân Như bản tánh biến ra.

Vì vậy, Tánh ở chỗ nào? Tánh là Tướng, Tướng là Tánh. Do đó, kinh vừa mở đầu liền nói Như Thị. Nếu quý vị đã hiểu hai chữ ấy, tất cả các kinh đều chẳng cần xem, vì sao? Như Thị! Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, các Ngài giảng những gì? Như Thị mà thôi! Ngàn kinh muôn luận đều nhằm giảng Như Thị! Vì lẽ đó, quý vị đã hiểu Như Thị thì cần gì phải xem kinh nữa! Quý vị thật sự lãnh hội, khế nhập hai chữ ấy, quý vị thấy chư Phật giảng kinh, thuyết pháp sẽ cười cợt: "Nói thừa thãi!" Đúng là nói thừa thãi! Quý vị thấy Đại Tạng Kinh được bày ra đó: "Giấy lộn! Rác rưởi!" Thật vậy! Cảnh giới như thế đó! Nhưng vì sao đức Phật vẫn nói? Vì sao có nhiều "giấy lộn" dường ấy? Vì còn có rất nhiều kẻ chẳng hiểu Như Thị là gì, nên rất cần phải giảng cho họ. Đối với người đã hiểu Như Thị, chẳng cần phải nói! Vì thế, kinh mở đầu bằng hai chữ cực diệu ấy, hai chữ ấy là cương lãnh thuyết pháp của đức Phật. Đức Phật giảng gì? Giảng Như Thị. Như như Trí, như như Lý, quý vị có hiểu ý nghĩa của hai chữ Như ấy hay không? Một đằng là nói "Sự giống như Lý" như thế đó, một đằng là nói "Lý giống như Sự" như thế đó. Lý và Sự là một; do đó, Lý và Trí cũng là một. Năng và Sở trọn chẳng thể được, nên chẳng có Năng và Sở.

(Diễn) Như không hợp không, tự thủy đầu thủy.

(演)如空合空，似水投水。

*(**Diễn**: Như hư không hợp với hư không, như nước gieo vào nước).*

Đây là nêu tỷ dụ. Hư không và hư không chẳng có giới hạn! Nước và nước, nếu lấy một chén nước đổ vào một chén nước, chẳng thể phân biệt trong ấy, nước nào mới vừa đổ vào? Chẳng có! Tướng ấy hoàn toàn chẳng có, thật sự viên dung.

(Diễn) Ngôn lãnh thọ giả, tương ứng nghĩa dã.

(演)言領受者，相應義也。

*(**Diễn**: Nói "tiếp nhận" có nghĩa là tương ứng).*

Thọ (受: tiếp nhận) có ý nghĩa ở chỗ nào? Đã là giao hòa, dung hợp, Thọ có nghĩa là tương ứng.

(Diễn) Thỉ Giác hữu thỉ vô chung, Bổn Giác tuy triệt tam tế, kim thỉ xuất triền, diệc hữu thỉ vô chung.

(演)始覺有始無終，本覺雖徹三際，今始出纏，亦有始無終。

*(**Diễn**: "Thỉ Giác có khởi đầu, chẳng có kết thúc": Bổn Giác tuy thấu suốt ba đời, nhưng nay mới thoát khỏi triền phược, nên cũng có khởi đầu, chẳng có kết thúc).*

Quý vị phải chú tâm lãnh hội mấy câu này. Thỉ Giác có khởi đầu, chẳng có kết thúc, vì quý vị mỗi ngày giác ngộ. Bổn Giác vốn có, giống như Pháp Thân, chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, vô sanh, vô diệt. Nhưng quý vị chẳng có Thỉ Giác, là vì Bổn Giác của quý vị bị Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng quấn trói, nên Bổn Giác tuy có mà chẳng khởi tác dụng. Hiện thời, quý vị niệm niệm đều giác ngộ, Bổn Giác sẽ dần dần thấu lộ. Chư vị đồng tu phải ghi nhớ, dùng phương pháp gì để khôi phục Bổn Giác? Phải dùng Thỉ Giác. Trong Thỉ Giác, phương pháp thuận tiện nhất và xảo diệu nhất là dùng cái tâm thanh tịnh, dùng tâm chân thành, dùng tâm cung kính để niệm một bộ kinh, sẽ niệm cho ra Bổn Giác, khôi phục nó. Vì sao chẳng bảo quý vị niệm rất nhiều kinh? Niệm rất nhiều kinh sẽ mê. Vì mục đích của việc niệm kinh chẳng nhằm cầu hiểu ý nghĩa của kinh, kinh Phật chẳng có ý nghĩa gì để nói cả, chẳng phải là bảo quý vị cầu hiểu ý nghĩa, mà nhằm bảo quý vị hãy khôi phục Bổn Giác.

Vì lúc quý vị niệm kinh, điều gì cũng chẳng mong tưởng, nên tâm thanh tịnh. Lúc niệm kinh, chẳng có một vọng niệm nào, cũng chẳng có

chút phân biệt nào, tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó mới là Thỉ Giác. Mỗi ngày có mấy phút, có mấy giờ Thỉ Giác bằng cách tu thanh tịnh, bình đẳng, lâu ngày chầy tháng, Bổn Giác sẽ dần dần khôi phục. Vì thế, niệm kinh là phải niệm cho hết phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chớ nên nghiên cứu ý nghĩa trong kinh. Nghiên cứu ý nghĩa trong kinh là tăng thêm vọng tưởng, tăng thêm phân biệt, tăng thêm chấp trước, hoàn toàn tương phản, điên đảo mất rồi! Vì lẽ đó, nếu mọi người muốn thật sự khai trí huệ, có thể hiểu hết thảy các pháp, chẳng cần phải học rất nhiều kinh.

Cổ đức có một câu danh ngôn, đó cũng là chân lý: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông"*, vì sao? Mỗi bộ kinh đều là Như Thị Ngã Văn, quý vị thông suốt một kinh là thông gì vậy? Thật sự thông đạt hai chữ Như Thị. Chỉ cần quý vị thông đạt Như Thị, tất cả hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt, mầu nhiệm ở chỗ này! Càng học kinh luận cho nhiều, càng chẳng thể thông đạt. Người sáng mắt ắt trong tâm có chủ kiến, nói với họ, họ sẽ chẳng tin tưởng. Vì sao không tin? Nghiệp chướng quá nặng!

Do đó, một người thật sự sáng suốt, nếu quan sát một kẻ mới học, [thấy] trên bàn chỉ có một quyển kinh, trong nhà chỉ thờ một bức tượng Phật, sẽ tôn kính người ấy khôn sánh! Vì sao? Người ấy quyết định khai ngộ, quyết định thành tựu. Thấy trong nhà người ấy kinh sách thật nhiều, như vào một tiệm sách, người ấy chẳng thể thành tựu. Người ấy Sở Tri Chướng nặng nề, Phiền Não Chướng nặng nề, chẳng thể thành tựu. Vì sao? Mê man nơi kinh, bị kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật mê hoặc. Do đó, đối với Giáo, cổ nhân đã nói Giáo giống như tấm lưới, tức *"giáo võng"* (教網: lưới giáo). Mê mệt trong giáo võng, kẻ ấy là phường tầm thường, rất khó thành tựu! Thật sự là cao nhân, sẽ là suốt một đời chỉ niệm một bộ kinh, mà cũng chẳng cần nghiên cứu, mỗi ngày niệm bộ kinh ấy, niệm đến mức tâm thật sự thanh tịnh, trí huệ hiện tiền. Quý vị nghe người ấy giảng bất luận kinh gì, đều có thể giảng đến mức "chỗ nào cũng là đạo", tuyệt đối chẳng giảng sai! Lục Tổ đại sư ở núi Hoàng Mai, cả đời Ngài chỉ nghe kinh Kim Cang, nghe bao nhiêu? Đại khái là từ một phần ba đến một phần tư, Ngũ Tổ giảng cho Ngài, giảng đến câu *"ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm"*, Ngài thưa *"chẳng cần giảng nữa"*, phần sau không cần giảng. Không chỉ là kinh Kim Cang Ngài hiểu rõ hoàn toàn, mà tất cả hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, Ngài đều hiểu. Ngài hiểu gì vậy? Ngài hiểu rõ Như Thị. Đây là một chứng cứ rất hay!

Chư vị một hồi muốn nghiên cứu cái này, một hồi muốn nghiên cứu cái nọ, tôi ở bên cạnh thấy rất khó chịu! Vì sao? Chẳng có cách nào dạy được! Đó là nghiệp chướng, tập khí quá nặng, là *"kẻ đáng thương xót"*. Nói lời thật với quý vị, quý vị chẳng tin. Dạy quý vị niệm một quyển kinh, quý vị chẳng tin. Đã không tin lại còn hủy báng, còn chỉ trích tôi: "Chẳng phải là trong quá khứ thầy đã đọc khá nhiều kinh đó sao?" Giống như tôi lừa họ vậy! Trong quá khứ, tôi nghiệp chướng nặng nề, chẳng biết bí quyết này. Nếu tôi vừa bắt đầu học Phật, thầy dạy cho tôi bí quyết ấy, tôi ngay lập tức tiếp nhận, thì hiện thời bét nhất tôi cũng là hàng Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, há có giống như tình hình hiện thời? Tướng mạo của tôi sẽ giống như Phật, chẳng có ba mươi hai tướng, cũng phải nên có ba mươi tướng mới đúng! Tôi nói lời thật cùng mọi người: [Đọc quá nhiều kinh luận] là lỗi lầm của tôi, đã đi sai đường, hy vọng quý vị chớ nên lặp lại [sai lầm ấy]! Nếu quý vị muốn đi theo con đường ấy, vẫn chưa chắc là đã có thể đi trót lọt được. Tôi từ vòng mê thoát ra, chỉ sợ quý vị lại mê trong ấy sẽ rất khó thoát ra! Người thoát khỏi Giáo Hạ, từ xưa tới nay chẳng nhiều cho lắm. Người chết gục trong Giáo Hạ đông lắm, không thoát ra khỏi được! Tôi rất may mắn, từ trong giáo võng thoát ra. Nếu chư vị đi theo con đường ấy giống như tôi, tôi cảm thấy rất khó, quý vị chẳng có vận may giống như tôi. Thật sự là đi theo con đường của tôi [đã đi lúc mới bắt đầu học Phật] rất khó đi trót lọt! Nay tôi chỉ điểm con đường này, nếu quý vị có thể đi theo, chắc chắn có thể đi thông suốt, thành tựu nhất định vượt trỗi tôi. Vì tôi đã đi rất nhiều chặng đường oan uổng, chịu thiệt thòi rất to lớn. Cổ đức thường nói: *"Yếu tri sơn hạ lộ, tu vấn quá lai nhân"* (Muốn biết đường qua núi, phải hỏi kẻ từng trải). Tôi là kẻ đã từng nếm trải, vậy mà quý vị chẳng tin, được rồi! Quý vị cứ đi đi, coi thử khi nào quý vị có thể vùng thoát ra được!

(Diễn) Tùng kim chí đương, vô cùng vô tận giả, Báo Thân Thọ dã.

(演)從今至當，無窮無盡者，報身壽也。

*(**Diễn**: Từ nay cho tới tương lai, vô cùng, vô tận, đó chính là Báo Thân Thọ).*

Ở đây, hãy đặc biệt chú trọng *"kim thỉ xuất triền"* (nay mới thoát khỏi triền phược). Chữ Kim trong Kim Thỉ ngụ ý: Niệm niệm đều là

"nay mới bắt đầu". Ngày nào cũng đều là *"kim thỉ"*, mãi cho đến khi thành Phật, *"kim thỉ thành Phật"* (nay mới thành Phật). Mở đầu kinh Hoa Nghiêm là khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, chính là ý nghĩa này; [kinh chép] *"thỉ thành Chánh Giác"* (vừa mới thành Chánh Giác). Niệm niệm, mỗi ngày đều là *"kim thỉ"*, nói thông tục là hằng ngày đều có tiến bộ. Một ngày chẳng có tiến bộ, tức là một ngày mê, "tiến bộ" là tâm địa thanh tịnh. Nay chúng ta nghiệp chướng phiền não tập khí rất nặng, phương pháp tốt nhất là đọc kinh. Trước kia, cơ hội tiếp nhận giáo dục ít ỏi, dùng phương thức Thiền Định xác thực rất hữu hiệu. Do đó, Thiền đặc biệt hưng thịnh tại Trung Hoa. Hiện thời, cơ hội tiếp nhận giáo dục nhiều hơn, giáo dục rất phát triển, Thiền Định chẳng hữu dụng. Vì sao? Ai nấy đều biết chữ, ai nấy đều thích đọc sách. Thích đọc sách mà bảo người ấy ngồi yên, người ấy sẽ ngồi rất khổ sở, chẳng thể ngồi yên được, nhất định phải đọc sách, nên con đường Giáo Hạ cũng rất khế cơ. Tịnh Độ Tông cũng thuộc về Giáo Hạ, là một pháp môn đặc biệt trong Giáo Hạ.

Lại xem tiếp Ứng Thân, giảng về Ứng Hóa Thân, điều này dễ hiểu. Bởi lẽ, Ứng Thân hoàn toàn nói theo sự tướng, còn những phần trên đây hoàn toàn nói theo Lý, chẳng dễ hiểu cho lắm!

(Diễn) Ứng Thân tắc từ bi lãnh thọ đương cơ.
(演)應身則慈悲領受當機。
*(**Diễn**: Ứng Thân là từ bi lãnh nhận đương cơ).*

"Từ bi" là ái. Học Phật phải đoạn ái dục, có những người không hiểu. Có một năm, trong khóa giảng mùa Hè tại Phật Quang Sơn, toàn là sinh viên các trường đại học hoặc các trường chuyên nghiệp đến đó học Phật, khi tôi giảng "Phật pháp phải đoạn ái dục", có một nữ sinh viên đứng lên hỏi: "Thưa pháp sư! Nếu ái dục đều đoạn, con người ta sống còn có ý nghĩa gì nữa?" Khi ấy, tôi bảo cô ta: "Cao Hùng có Ái Hà[30], cô

[30] Ái Hà là một con sông nổi tiếng ở thành phố Cao Hùng (nơi đặt tổng bản sơn của giáo hội Phật Quang Sơn). Sông này còn có tên là Đả Cẩu Xuyên hoặc Cao Hùng Xuyên. Sông này phát xuất từ vùng Nhân Vũ của Cao Hùng, chạy xuyên qua thành phố Cao Hùng trước khi đổ vào vịnh Cao Hùng. Do được chăm sóc kỹ lưỡng, con sông này trở nên nổi tiếng, nhất là kể từ khi hội hoa đăng hằng năm được tổ chức tại đây. Theo truyền thuyết, vào năm 1948, do trận bão thổi qua vùng này, khiến cho tấm bảng hiệu của tiệm cho thuê thuyền Nhân Ái Hà Du Thuyền Sở (tiệm Nhân Ái

cứ nhảy xuống đó sẽ rất có ý nghĩa, vĩnh viễn tắm gội trong Ái Hà". Chư vị phải nên biết, tình ái của phàm phu là giả, chẳng thật. Nếu là thật sự, sẽ chẳng biến đổi. Quý vị thấy bữa nay yêu thương, ngày mai ầm ĩ ly hôn, toàn là giả trất. Vì thế, phàm phu là hư tình giả ý. Chân ái được gọi là từ bi. Ái dục là giả, từ bi là thật. Lòng yêu thương do từ bi vĩnh viễn chẳng thay đổi. Chỉ có Phật, Bồ Tát mới có chân ái, nếu chẳng phải Phật, Bồ Tát thì đều là giả ái. Yêu thương kiểu đó toàn là gạt người, gạt người mà cũng là lừa chính mình, lừa mình, dối người. Đức Phật dạy quý vị đoạn tuyệt giả ái, tu tập, gìn giữ chân ái. Từ bi là chân ái.

"Lãnh thọ đương cơ", đương cơ là kẻ học trò có thể dạy dỗ, có thể giúp kẻ ấy. Có thể giúp thì ắt phải giúp đỡ người ấy. Chẳng thể giúp, quý vị ở bên cạnh lặng lẽ quan sát. Vì sao? Chẳng thể giúp! Càng giúp càng phiền phức. Càng giúp, người ấy tạo tội nghiệp càng nặng, người ấy có thể báng Phật. Khi chúng sanh chẳng tin Phật pháp, vì sao Phật, Bồ Tát chẳng đến? Để tránh cho kẻ ấy tạo tội. Phật, Bồ Tát đến, kẻ đó báng Phật, báng thánh hiền tăng, mắc quả báo đọa địa ngục. Phật, Bồ Tát tội gì xuất hiện vào lúc ấy để tạo Tăng Thượng Duyên khiến cho kẻ ấy đọa địa ngục? Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát xuất hiện là đại từ đại bi, Phật, Bồ Tát không xuất hiện trong cõi đời cũng là đại từ đại bi. Thấy quý vị đã có thể tiếp nhận, các Ngài bèn đến dạy quý vị. Thấy quý vị chẳng thể tiếp nhận, các Ngài bèn rời khỏi. Hoặc là các Ngài trở lại thị hiện thân đồng loại, quý vị sẽ chẳng báng Phật. Các Ngài cũng thị hiện làm phàm phu, quý vị chẳng đến nỗi hủy báng các Ngài. Đó là từ bi tiếp nhận đương cơ.

(Diễn) Cố danh vi Thọ, tuy vân lãnh thọ, diệc vô Năng Sở.

(演)故名為受，雖云領受，亦無能所。

*(**Diễn**: Vì thế gọi là Thọ (tiếp nhận), tuy nói là "lãnh nhận", cũng chẳng có Năng và Sở).*

Tâm Phật thanh tịnh, tuyệt đối chẳng phải là "tôi là người có thể độ, quý vị là người được tôi độ". Nếu có quan niệm ấy, sẽ là phàm phu, tuyệt đối chẳng phải là một bậc giác ngộ, vì sao? Tâm Ngài thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, há có cao thấp? Há có Năng và Sở?

---

cho thuê thuyền du lịch trên sông), bị bão đánh nát, chỉ còn sót hai chữ Ái Hà. Sau đó không lâu, có một cặp nam nữ yêu nhau gặp trắc trở bèn trầm mình dưới sông, nên giới ký giả gọi luôn sông Đả Cẩu là Ái Hà.

(Diễn) Dĩ Phật duy đại bi đại trí, vị chúng sanh tác Tăng Thượng Duyên, linh thiện căn thành thục chúng sanh, tự kỷ tâm trung kiến Phật thuyết pháp. Ngôn lãnh thọ giả, cơ cảm tương ứng nghĩa dã. Chúng sanh cơ thục, ưng tắc tùy hiện. Chúng sanh cơ tức, ưng tắc tùy vong, hữu thỉ, hữu chung, nhất kỳ bất đoạn giả, thử Ứng Thân thọ dã.

(演)以佛唯大悲大智，為眾生作增上緣，令善根成熟眾生，自己心中見佛說法。言領受者，機感相應義也。眾生機熟，應則隨現，眾生機息，應則隨亡，有始有終。一期不斷者，此應身壽也。

*(**Diễn**: Do Phật chỉ vì đại bi đại trí mà làm Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh, khiến cho các chúng sanh có thiện căn đã chín muồi bèn thấy đức Phật thuyết pháp trong tâm của chính mình. Nói "lãnh nhận" nghĩa là cơ cảm tương ứng. Chúng sanh căn cơ đã chín muồi, bèn phải nên ứng hiện. Căn cơ của chúng sanh đã hết, ắt phải thuận theo đó mà chấm dứt. [Do đó], có khởi đầu, có kết thúc. [Tồn tại] một thời kỳ chẳng ngưng dứt là thọ mạng của Ứng Thân vậy).*

Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi năm, tức là có khởi đầu, có kết thúc. Vì sao đức Phật xuất hiện trong thế gian? *"Chúng sanh cơ thục"* (Căn cơ của chúng sanh chín muồi), vì sao nhập diệt? *"Chúng sanh cơ tức"* (Căn cơ của chúng sanh đã chấm dứt). Đó là có khởi đầu, có kết thúc. Phật do đại bi tâm, *"đại bi tâm"* là tâm thương xót chúng sanh, đó là một động lực, *"đại trí"* là giúp chúng ta khai ngộ. Vì thế, Ngài làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, nêu bày chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, dạy chúng ta khôi phục bản tánh như thế nào, khôi phục trí huệ và đức năng sẵn có trong bản tánh của chính mình như thế nào. Ngài làm chuyện này, chỉ là Tăng Thượng Duyên.

Trên thực tế, khôi phục bản tánh là năng lực của chính quý vị, còn đức Phật thì khuyên dụ, hướng dẫn. Giống như hai ngọn nến, ngọn nến của Phật đã thắp sáng, ngọn nến của chúng ta tắt ngấm, chúng ta mượn ánh sáng của Ngài để thắp sáng, quang minh do tự thân phát ra, chẳng do Ngài ban cho. Trí huệ và đức năng của chúng ta cũng khôi phục như thế. Hiểu đạo lý này thì mới thật sự thấu hiểu "đức Phật chẳng độ chúng sanh", chúng sanh là tự ngộ, tự độ. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 189

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm tám mươi chín:

(Diễn) Hựu Pháp Thân giả, sư quỹ Pháp Tánh, hoàn dĩ Pháp Tánh vi thân. Thử thân phi sắc chất, diệc phi tâm trí, phi Ấm, Giới, Nhập chi sở nhiếp trì, cưỡng chỉ Pháp Tánh vi Pháp Thân nhĩ.

(演)又法身者，師軌法性，還以法性為身，此身非色質，亦非心智，非陰界入之所攝持，強指法性為法身耳。

*(**Diễn**: Lại nữa, Pháp Thân noi theo Pháp Tánh, lại còn lấy Pháp Tánh làm thân. Thân ấy chẳng phải là sắc chất, cũng chẳng phải là tâm trí, chẳng bị nhiếp trì bởi Ấm, Giới, Nhập, cưỡng gọi Pháp Tánh là Pháp Thân mà thôi).*

Pháp Hoa Kinh Thọ Lượng Phẩm Sớ (lời Sớ cho phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa) chép: *"Thọ giả thọ dã, nhược Pháp Thân, Chân Như bất cách chư pháp, cố danh vi Thọ"* (Thọ mạng là Thọ (lãnh chịu). Nếu là Pháp Thân, do Chân Như chẳng cách ngăn các pháp, nên gọi là Thọ (lãnh chịu)), giải thích Pháp Thân là gì. Sách Diễn Nghĩa đã giảng rất rõ ràng, văn tự vắn tắt, ý nghĩa trọn đủ, dễ nhớ. *"Sư quỹ Pháp Tánh"*: Pháp Thân là Pháp Tánh. Pháp Tánh chẳng phải là vật chất, nên nó chẳng phải là sắc pháp, mà cũng chẳng phải là tâm trí, cho nên cũng chẳng phải là tâm pháp, nhưng hết thảy sắc pháp và tâm pháp đều do nó biến hiện. Triết học cận đại gọi nó là "bản thể của vạn hữu trong vũ trụ"; trong Phật pháp, nó được gọi là Pháp Thân. *"Sư quỹ Pháp Tánh"*, *"sư"* (師) có nghĩa là sư pháp (師法: tuân theo, vâng theo), tuân theo pháp. *"Quỹ"* (軌) là quỹ tắc (軌則: đường lối, khuôn khổ), giống như xe lửa chạy trên đường rầy. Pháp Tánh là thể tánh của hết thảy các pháp, chúng ta gọi nó là Pháp Tánh, nó cũng là bản thể của hết thảy các pháp. Chúng ta gọi Pháp Tánh là thân, thân ấy chẳng phải là thân thể của chúng ta, mà là thân của vạn pháp trong toàn thể vũ trụ; thân ấy được gọi là Pháp Thân.

"Thử thân phi sắc chất, diệc phi tâm trí" (Thân ấy chẳng phải là sắc chất, mà cũng chẳng phải là tâm trí). Pháp Thân chẳng phải là sắc pháp, mà cũng chẳng phải là tâm pháp. Đức Phật nói đến sắc và tâm, thường triển khai tỉ mỉ thành Ngũ Ấm, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới,

kinh Lăng Nghiêm nói rất cặn kẽ. Pháp Thân có phải là những thứ ấy hay không? Chẳng phải! Thảy đều chẳng phải! Pháp Thân cũng chẳng rời lìa những thứ ấy, vì hết thảy các pháp đều do Pháp Tánh biến hiện, nơi hữu tình chúng sanh, chúng ta gọi nó là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh thì gọi là Pháp Tánh. Chư vị phải biết: Pháp Tánh có phạm vi bao quát còn lớn hơn Phật Tánh. Nói thật ra, chúng là một tánh, chẳng phải là hai tánh. Hiểu đạo lý này, chúng ta mới chẳng hoài nghi câu *"tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí"* trong kinh Hoa Nghiêm, vì tất cả vạn pháp đều sanh từ cùng một căn nguyên.

"Cưỡng chỉ", *"cưỡng"* (強) là miễn cưỡng. Trên thực tế, chỉ có thể hiểu ý, chẳng thể diễn tả bằng ngôn ngữ. Vì thế, nói đến chỗ này, *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*. Không chỉ là nói chẳng được, mà ngay cả nghĩ tưởng cũng chẳng thể nghĩ tưởng được! Hễ nghĩ tưởng bèn rơi vào tâm trí, hễ nói năng sẽ rớt vào sắc chất. Nó có thật, chẳng phải là không có, thật sự tồn tại. Tuy tồn tại, lục căn của chúng ta chẳng có cách nào tiếp xúc. Nói thật ra, chẳng phải là lục căn không thể tiếp xúc! Nếu bảo là lục căn không thể tiếp xúc, cớ sao Phật và đại Bồ Tát có thể tiếp xúc? Có thể thấy bọn phàm phu chúng ta sở dĩ chẳng thể tiếp xúc là vì còn có chướng ngại trong ấy. Chướng ngại gì vậy? Chướng ngại rất nhiều, trong kinh, đức Phật đã quy nạp khá nhiều thứ chướng ngại ấy thành hai loại lớn: Một loại lớn là Phiền Não Chướng, loại lớn kia là Sở Tri Chướng. Chỉ cần hai thứ chướng ngại này tồn tại, sẽ chẳng có cách nào thấy Pháp Thân.

Thấy Pháp Thân thì mới coi như tìm được chính mình, tức là cái được Thiền gia gọi là *"phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục"* (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), coi như quý vị đã tìm được chính mình. Chẳng thấy Pháp Thân, nói thật ra là mê mất chính mình, chính mình ở đâu chẳng biết! Do vậy có thể biết, chuyện này hết sức trọng yếu, chúng ta học Phật nhằm mục đích nào? Mong tìm được Pháp Thân, Thiền Tông nói là *"minh tâm kiến tánh"*, kiến tánh đã tìm được [Pháp Thân]. Tánh là gì? Tánh là Pháp Tánh, là Pháp Thân, đã tìm được nó. Phải như thế nào thì mới kiến tánh? Phải minh tâm. Nay cái tâm của chúng ta chẳng minh, tâm một mực hồ đồ. Do đó, phải thực hiện "công tác" minh tâm!

Phải làm sao thì tâm mới minh? Vậy thì trước hết quý vị trước phải tự hỏi: Vì sao tâm chẳng minh? Trong tâm có vọng niệm sẽ chẳng minh, có phân biệt sẽ không minh, có vọng tưởng sẽ không minh, có

phiền não, có chấp trước sẽ không minh. Những thứ ấy điều nào chúng ta cũng có đầy đủ; vì thế, tâm chẳng minh, chẳng thấy Pháp Tánh! Mê mất chính mình, do mê nên mới có lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi do ai tạo ra? Mê tạo ra! Chính mình mê, chính mình tạo, chính mình hứng chịu, quý vị thấy oan uổng quá đi! Trong kinh, đức Phật thường cảm thán: *"Kẻ đáng thương xót"*, rất đáng thương! Tự làm, tự chịu. Có những thứ ấy hay chăng? Thưa cùng chư vị, thật sự chẳng có, lục đạo cũng chẳng có, luân hồi cũng chẳng có. Tuy chẳng có, nhưng chính quý vị khăng khăng tạo ra cho có, giống như nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thật sự chẳng có! [Đã là] thật sự chẳng có, mà quý vị cứ khăng khăng muốn nằm mộng, mỗi ngày gặp ác mộng, mỗi ngày sợ đến nỗi toàn thân mướt mồ hôi lạnh, do đâu mà khổ sở thế? Do mê mất chính mình nên mới có hiện tượng này.

Cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn được nói trong Tịnh Độ Tông chẳng hai, chẳng khác [cảnh giới] *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"* trong nhà Thiền. Chư vị phải biết: So sánh giữa Thiền và Tịnh, Thiền khó khăn! Thiền nếu không thấy tánh, chẳng có thành tựu. Nói cách khác, luống uổng một đời! Dẫu đắc Thiền Định, sanh lên Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, khi thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa lạc. Vì vậy, chẳng thể coi là thành tựu, vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ. Nhưng muốn do Thiền mà kiến tánh, có mấy ai [tu thành công]? Nếu chúng ta đọc lịch sử Thiền Tông, từ xưa tới nay, có mấy ai khai ngộ kiến tánh do Thiền? Chưa được một phần vạn! Trong một vạn người, khó có được một kẻ thành tựu. Đó là trong quá khứ, cận đại thì chỉ sợ trong mười vạn người hoặc trăm vạn người, chẳng tìm được một ai! Vì sao? Tâm họ chẳng tĩnh được. Xã hội hiện thời có sức dụ dỗ, mê hoặc quá lớn, dụ dỗ, mê hoặc quá nhiều, quá phức tạp. Xã hội xưa kia đơn thuần mà thành tựu còn ít ỏi ngần ấy, huống hồ hiện thời!

Pháp môn Tịnh Độ Tông, vạn người tu vạn người đến, một vạn người tu, một vạn người thành công. Thiền là một vạn người tu, khó có một kẻ thành công, quý vị vẫn hành pháp ấy hay sao? Phải hiểu rõ chân tướng sự thật, biết pháp môn ấy không thể theo! Chẳng phải là pháp môn không hay, mà là do nghiệp chướng của chính mình quá nặng, chẳng thể hành trót lọt! Pháp môn này (Tịnh Độ) là đới nghiệp vãng sanh; vì thế, hành trót lọt, chẳng cần đoạn phiền não. Tuy chẳng đoạn phiền não, nhưng chư vị phải biết: Ắt phải do một câu Phật hiệu khuất phục phiền não thì mới có thể vãng sanh. Khuất phục phiền não dễ hơn đoạn phiền

não quá nhiều. Chúng ta suy nghĩ [sẽ thấy chính mình] chẳng có năng lực đoạn phiền não, nhưng chế phục phiền não thì vẫn có thể làm được! Phải quý trọng pháp môn này, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành tựu Lý nhất tâm bất loạn, đó là chứng Pháp Thân.

Chiếu theo cách nói trong kinh Vô Lượng Thọ, pháp môn này thật sự là pháp khó tin. Không vãng sanh thì thôi, chẳng bàn tới nữa, chứ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, kinh đã dạy rõ ràng: Bốn mươi tám nguyện chẳng giả, đức Phật nói người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chứng đắc A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là cảnh giới gì? Cảnh giới của bậc Thất Địa Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo, tuyệt diệu thay! Sơ Trụ đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Từ Sơ Trụ đạt đến Thất Địa, chẳng thể nghĩ bàn! Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị ấy, lại thêm Thất Địa, tức là đã vượt trỗi ba mươi bảy địa vị, làm sao có thể khiến cho kẻ khác tin tưởng cho được! Do vậy, pháp môn này được gọi là pháp khó tin. Không chỉ là phàm nhân khó tin, mà khá nhiều bậc Đại Thừa Bồ Tát cũng chẳng thể tin tưởng.

Kinh cũng nói rất hay: Nếu pháp môn này chẳng được Phật lực gia trì, tuyệt đối chẳng phải là chúng sanh trong chín pháp giới có thể cậy vào năng lực của chính mình để liễu giải! Chín pháp giới bao gồm cả Bồ Tát, trong hàng Bồ Tát bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu Đẳng Giác Bồ Tát chẳng được Phật lực gia trì, cũng chẳng hiểu rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay chúng ta có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, đều là do Phật lực gia trì. Chẳng do Phật lực gia trì, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát cũng không [tin pháp môn này], chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất làm sao có thể tin tưởng cho được? Do đó, ngày nay có khá nhiều người chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng pháp môn này, quý vị ngàn vạn phần đừng hoài nghi, đừng nên chê trách. Chúng ta có thể tin tưởng tức là rất may mắn, chướng ngại ít hơn một chút, được Phật gia trì; những kẻ chẳng thể tiếp nhận, nghiệp chướng nặng nề, Phật lực có muốn gia trì họ cũng chẳng thể gia trì được, do có chướng ngại trong ấy.

(Diễn) Chân như bất cách giả, dĩ nhất thiết pháp tất giai chân cố, nhất thiết pháp giai đồng như cố.

(演)真如不隔者，以一切法悉皆真故，一切法皆同如故。

*(**Diễn**: Chân Như chẳng ngăn cách: Do hết thảy các pháp đều*

thật, hết thảy các pháp đều Như).

Hai câu này có ý nghĩa quá sâu. Bậc Viên Giáo Sơ Trụ trở lên thấy Pháp Tánh, chúng ta chẳng thấy, là do đạo lý *"Chân Như bất cách"*. Chân Như chẳng có chướng ngại, đó gọi là *"Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại"*. Thế gian này đích xác là chẳng có chướng ngại, chướng ngại do đâu mà có? Do mê mà có. Mê là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, phiền não, do có những thứ ấy nên có chướng ngại. Chẳng có những thứ ấy, tất cả chướng ngại đều chẳng có. Vì Chân Như chẳng ngăn cách, nên không có một pháp nào chẳng Chân, chẳng có pháp nào không Như! *"Chân"* là nói tới bản thể của Pháp Tánh, tức tánh thể; Như là nói tới tác dụng của Pháp Tánh. Nó chẳng có tướng, mà nó có thể biến hiện hết thảy tướng. Nó chẳng phải là sắc pháp, mà có thể biến hiện sắc pháp. Nó chẳng phải là tâm pháp, mà có thể biến hiện tâm trí. Sắc và tâm đều do nó biến. Vì thế, sắc và tâm đều giống hệt như nhau!

Vừa mở kinh điển Đại Thừa ra, câu đầu tiên là Như Thị Ngã Văn. Như Thị được giải thích như thế nào? Chính là *"Chân Như bất cách"* như đang nói ở đây. Hết thảy các pháp đều Chân, hết thảy các pháp đều Như. Như Thị có ý nghĩa như vậy đó. Hai chữ Như Thị đã nói trọn vẹn tất cả Phật pháp. Một bộ Đại Tạng Kinh ngàn vạn ngôn từ đều nhằm chú giải hai chữ Như Thị mà thôi! Quý vị hiểu hai chữ ấy, có còn phải xem Đại Tạng Kinh nữa hay không? Chẳng cần! Do đó, chư vị thật sự ngộ nhập, đã hiểu, khi ấy, có thể vỗ tay cười to ha hả, những gì đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm là một đống to đùng lời lẽ thừa thãi! Đại Tạng Kinh là giấy lộn, rác rưởi! Ai cần nó? Người mê mới cần! Người đã ngộ chẳng cần tới. Kẻ miệt mài trong đống giấy cũ, suốt một đời vẫn chẳng thể khai ngộ. Học Phật, Phật bảo quý vị khai ngộ, chẳng phải là bảo quý vị miệt mài trong đống giấy cũ, chẳng bảo quý vị đọc rất nhiều kinh. Chớ nên hiểu lầm, hãy ngộ gì? Ngộ Pháp Tánh, Pháp Tánh mới là căn bản, mới là diện mạo chính mình vốn sẵn có, điều này là trọng yếu! Ba thân lấy Pháp Thân làm căn bản. Ai nấy đều trọn đủ Pháp Thân. Nếu quý vị chẳng có Pháp Thân, cái thân này do đâu biến hiện? Cảnh giới trước mắt chúng ta do đâu biến hiện? Toàn là do Pháp Thân biến hiện. Vì thế, Pháp Thân ai nấy đều trọn đủ, chẳng ai không có, lại còn chắc chắn là bình đẳng, Pháp Thân là bình đẳng.

Tựa đề Đại Kinh đã phô bày [rõ rệt]: Pháp Thân Lý thể là Vô Lượng Thọ, thật sự vô lượng, chẳng phải là *"hữu lượng chi vô lượng"*,

mà là thật sự vô lượng, tức là vô lượng thọ. Tướng Pháp Thân là Trang Nghiêm, tác dụng của Pháp Thân là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Chúng ta tu hành, tu những gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác chứ không mê, quả là trang nghiêm, là vô lượng thọ, quý vị thảy đều đạt được. Trang Nghiêm là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vô Lượng Thọ là Chân Như biến hiện hết thảy các pháp, pháp nào cũng đều Như, pháp nào cũng đều thật.

Người biết học nắm vững cương lãnh, nắm những thứ này để học, chẳng cần phải học những thứ cành lá! Vì sao nhập môn bèn bảo quý vị dùng đọc kinh để nhập môn? Đọc kinh nhằm tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu giác tâm, tu những điều ấy. Quý vị niệm kinh này một lần, tâm quý vị bèn thanh tịnh một lần. Mỗi lần là hai tiếng đồng hồ, quý vị tu tâm thanh tịnh hai tiếng đồng hồ. Niệm một tiếng đồng hồ là quý vị tu tâm thanh tịnh một tiếng đồng hồ. Do đó, niệm kinh chẳng cần mong hiểu nghĩa, hiểu nghĩa chính là suy nghĩ loạn xạ. Kinh chẳng có ý nghĩa, quý vị cứ khăng khăng tìm tòi ý nghĩa trong ấy, chẳng phải là hỏng bét ư! Nó vừa chẳng phải là sắc pháp, mà cũng chẳng phải là tâm trí, há có ý nghĩa gì? Chẳng có ý nghĩa, cứ khăng khăng tìm ý nghĩa trong ấy, đó gọi là *"dấy vọng tưởng, chẳng thật thà"*, quý vị vĩnh viễn chẳng tìm thấy thanh tịnh Pháp Thân! Điều này vô cùng khẩn yếu. Lại xem đến Báo Thân, Báo Thân là Pháp Thân hiện tướng, là Pháp Thân khởi tác dụng. Báo Thân là tác dụng của Pháp Thân.

(Diễn) Hựu Báo Thân giả, tu hành sở cảm.

(演)又報身者，修行所感。

*(**Diễn**: Lại nữa Báo Thân là do tu hành cảm vời).*

Báo Thân là trí huệ, là tâm trí, [tức là] trí huệ.

(Diễn) Pháp Hoa vân: "Huệ quang chiếu vô lượng, cửu tu nghiệp sở đắc".

(演)法華云：慧光照無量，久修業所得。

*(**Diễn**: Kinh Pháp Hoa chép: "Huệ quang chiếu vô lượng, nghiệp tu lâu đạt thành").*

Đối với hai câu này, tôi nghĩ chẳng có chữ nào là khó, đều nhận ra, mà cũng có thể niệm được, nhưng có thể thấu hiểu ý nghĩa hay không?

Nếu quý vị thật sự lãnh hội, chắc chắc sẽ thành tựu trong một đời này. Kinh chẳng cần nhiều, một câu hoặc hai câu là đủ dùng rồi, thọ dụng suốt một đời này chẳng hết. Trong đây, điều quan trọng nhất là phải Chiếu, kế đó là *"tu lâu"*, đó là những chữ then chốt trong câu này. Như nhà Thiền đã nói, mọi người thường niệm Tâm Kinh, [trong ấy có câu] *"chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*. Cương lãnh tu học trong nhà Thiền không chỉ thích hợp với Thiền Tông. Hễ nói tới cương lãnh thì Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều thích hợp. Trong phương pháp tu hành, bước đầu là sử dụng Quán Chiếu. Quán Chiếu lâu ngày sẽ Định, tức là Chiếu Trụ. Chiếu Trụ là đắc Định. Trong Định lại khai trí huệ, trí huệ vừa khai liền Chiếu Kiến. Trong ba bậc công phu ấy, tầng thứ nhất là Quán Chiếu, tầng thứ hai là Chiếu Trụ, tầng thứ ba là Chiếu Kiến, Tâm Kinh là Chiếu Kiến.

Đem phối hợp với Tịnh Độ, chúng ta gọi Quán Chiếu là công phu thành phiến. Ví như nay chúng ta dùng phương pháp niệm kinh Vô Lượng Thọ, đích xác là một phương pháp tốt đẹp. Ta mỗi ngày niệm ba lượt hoặc năm lượt, đó là tu Quán Chiếu. Tịnh Độ Tông nói là *"chế phục phiền não"*. Ta dùng phương pháp này để chế phục phiền não. Chế phục lâu ngày, phiền não chẳng còn nữa, đoạn mất. Phiền não đoạn mất sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Thiền Tông gọi Sự nhất tâm bất loạn là Chiếu Trụ, Tịnh Độ Tông gọi là Niệm Phật Tam Muội. Công phu lại tăng cao hơn bèn chứng Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là Chiếu Kiến, là thấy bản tánh. Do vậy có thể biết: Sự nhất tâm chỉ đắc Định, chẳng khai huệ; Lý nhất tâm bèn khai trí huệ, là bậc Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên. Nói theo Lục Tức Phật của tông Thiên Thai, Pháp Thân là Lý Tức Phật, tức là Lý Thể ai nấy đều có. Công phu thành phiến là Quán Hạnh Tức Phật, Quán Chiếu như Thiền gia đã nói chính là Quán Hạnh Tức Phật. Chiếu Trụ là Sự nhất tâm bất loạn, là Tương Tự Tức Phật. Tương Tự nghĩa là rất giống Phật, nhưng vẫn chưa phải là Chân Phật, mà là Tương Tự Phật. Đạt đến Chiếu Kiến bèn là Lý nhất tâm bất loạn, là Phần Chứng Tức Phật. Đó là thật, chẳng giả, nhập địa vị Phần Chứng. Vì lẽ đó, Báo Thân là từ Sơ Trụ trở lên, cũng là cảnh giới *"chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không"* như Tâm Kinh đã nói, chính là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ Tông.

Vì vậy, cương lãnh trọng yếu trong tu hành là phải quán chiếu, phải là huệ quang chiếu vô lượng. Huệ quang trong Tịnh Tông là tụng kinh, trì danh. Một tiếng Phật hiệu là một tiếng vô lượng quang minh,

từng tiếng Phật hiệu là từng tiếng vô lượng quang. Quý vị niệm kinh hay niệm Phật là vô lượng quang, vô lượng thọ, không ngừng chiếu. Nay chúng ta cũng niệm kinh, cũng niệm Phật, vì sao chẳng có hiệu quả? Quý vị chẳng tu đã lâu! Lâu là lâu cỡ nào? Tôi nói cho quý vị biết: Ba tháng! Quý vị có chịu làm hay không? Ba tháng mà quý vị cũng chẳng chịu làm, còn nói chi nữa! Phải trì thường hằng thì quý vị mới có thể thành công. Tuyệt đối chẳng phải là tu đôi ba ngày bèn có hiệu quả, chẳng hề có chuyện đó! Tôi dạy quý vị một phương pháp, mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ một lượt, hoặc hai lượt, ba lượt, mỗi ngày [đều niệm như thế] chẳng gián đoạn; sau ba tháng quý vị sẽ có cảm nhận, tâm sẽ thanh tịnh, phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, đó chính là hiệu quả. Quý vị niệm càng nhiều, sức mạnh càng lớn. Người thật sự niệm suốt ba tháng, bèn có tín tâm, vì sao? Đã nếm được pháp vị, bèn có thể sanh tâm hoan hỷ. Niệm nửa năm, tâm sẽ kiên cố, chẳng bị dao động. Các pháp môn khác dụ dỗ, mê hoặc, người ấy chẳng dễ dàng bị dao động. Vì sao? Người ấy đã dần dần đặt vững căn cội nơi ấy, đã nếm được công đức lợi ích. Nay chúng ta còn bị cảnh giới bên ngoài dao động, vẫn còn nghĩ Đông tưởng Tây, tức là ngay cả căn còn chẳng có, thật sự chẳng có hai chữ "tu lâu"! Ba tháng công phu mà chúng ta cũng chẳng có, nói gì được nữa!

Đối với các bậc cổ đức, chư vị đọc ngữ lục của Thiền Tông, hoặc đọc Cao Tăng Truyện, Nho lẫn Phật đều nói tới sư thừa, học theo một vị thầy, thầy dạy những gì? Từ truyện ký hoặc lịch sử, chúng ta chẳng thấy thầy giảng kinh, thuyết pháp cho học trò mỗi ngày. Gương điển hình nhất [được ghi chép trong] Lục Tổ Đàn Kinh. Lục Tổ ở núi Hoàng Mai, Ngũ Tổ dạy Ngài những gì? Ngày đầu tiên gặp mặt, nói mấy câu, liền sai Ngài đến làm việc trong xưởng xay xát, đó là truyền pháp, có mấy ai biết? Làm lụng nhọc nhằn tám tháng, Ngũ Tổ biết Ngài đã thành tựu, bèn nửa đêm canh ba tìm Ngài truyền y bát cho. Suốt tám tháng Lục Tổ chẳng bước vào Thiền đường, chẳng nghe Ngũ Tổ thuyết pháp, đó gọi là truyền tâm! Làm việc là tu phước, trong khi làm lụng chẳng có một vọng tưởng nào, một niệm chẳng sanh, Định lẫn Huệ đều thành tựu. Vì thế, Lục Tổ ở Hoàng Mai tám tháng là phước huệ song tu! [Sau khi đã tu viên mãn bèn] rời khỏi sư phụ, ra đi!

Sư phụ dạy đồ đệ, trao cho quý vị một bản kinh, trao cho quý vị kinh Pháp Hoa hoặc kinh Lăng Nghiêm, mỗi ngày niệm một lần, niệm suốt năm năm. Niệm xong năm năm mới lại đến gặp ta, ta sẽ truyền pháp

cho ngươi. Niệm xong năm năm, hướng về sư phụ thỉnh pháp, sư phụ bảo: *"Pháp tại nhữ biên"* (Pháp ở ngay nơi ngươi), ngay lập tức đạt được! Vì sao? Trong năm năm ấy, Định và Huệ đã thành tựu viên mãn. Đó là vị thầy Căn Bản, sau đấy mới ra ngoài tham học, tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Thành tựu Căn Bản Trí từ tay thầy, Căn Bản Trí là Bát Nhã vô tri. Do đó, đối với sư thừa, thầy dạy quý vị vô tri, chẳng nhằm dạy quý vị hữu tri! Dạy quý vị hữu tri là hỏng rồi! Dạy quý vị đắc tâm thanh tịnh như thế nào, trong tâm thanh tịnh tự nhiên sanh ra trí huệ. Nếu quý vị chẳng nghe lời thầy, vẫn lén lút mong học điều này, học điều nọ, thôi rồi. Thầy thấy vậy: "Đứa học trò này hết cách, đã hết cách thì cũng chẳng thể miễn cưỡng!" Trong Phật pháp, nhất định chẳng thể miễn cưỡng một ai! Nghe lời thì quý vị sẽ tự nhiên đạt thành tựu; chẳng nghe lời, chẳng thể thành tựu. Thầy thật sự dạy, thật sự dạy những gì? Thứ gì cũng không dạy! Điều gì cũng không dạy là thật sự dạy! Mầu nhiệm ở chỗ này! Phật pháp hoàn toàn khác pháp thế gian, hy vọng mọi người hãy thường thấu hiểu, đó là pháp vị. *"Cửu tu nghiệp sở đắc"* (Là điều đạt được do hạnh nghiệp tu trì đã lâu), một pháp môn!

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường kể với chư vị: Đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhàn niệm một câu A Di Đà Phật, niệm ba năm bèn đứng vãng sanh. Sau khi đã vãng sanh, vẫn đứng sững ba ngày, chờ sư phụ đến lo liệu hậu sự cho chính mình. Ông ta chỉ có một câu A Di Đà Phật. Quý vị thấy lão hòa thượng dạy ông ta đơn giản lắm: *"Ông cứ thật thà niệm. Niệm mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoắn xong bèn niệm tiếp"*. Ông ta thật sự nghe lời, niệm ba năm, do nghiệp tu đã lâu bèn đạt được, niệm đến mức nhất tâm bất loạn! Biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, trước ngày vãng sanh, còn đến gặp thân thích, bằng hữu để từ biệt, ngày hôm sau tự tại ra đi. Nếu ông ta chẳng thật thà, còn muốn xem kinh này, vừa muốn theo đuổi kinh sám, vừa muốn làm pháp hội, vừa muốn giao tế, thù tạc, thôi rồi, ba mươi năm cũng chẳng thể thành tựu! Vị thầy ấy mới đúng là ân sư! Lão pháp sư Đế Nhàn đưa ông ta đến một ngôi chùa nhỏ tại vùng quê, trước nay chẳng gặp ông ta một lần! Sau khi đưa ông ta đến đó ba năm, lại đến lo liệu hậu sự, Ngài là vị thầy chân chánh. Há có phải là thầy suốt ngày từ sáng đến tối trông chừng, đó là thầy kiểu gì vậy! Nhìn vào các tấm gương sư thừa xưa nay, hãy nên lãnh ngộ, nhất định phải là phước huệ song tu. Vì lẽ đó, hai câu kinh Pháp Hoa này rất hay! Phải học!

(Diễn) Niết Bàn vân: Đại Bát Niết Bàn tu đạo đắc cố.

(演)涅槃云：大般涅槃修道得故。

*(**Diễn**: Kinh Niết Bàn nói: "Đại Bát Niết Bàn là do tu đạo mà đắc").*

Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệt, [hàm ý] diệt phiền não, diệt vọng tưởng, diệt sanh tử, những thứ ấy đều diệt thì gọi là Niết Bàn. Niết Bàn còn dịch là Viên Tịch, Viên (圓) là viên mãn, Tịch (寂) là thanh tịnh tịch diệt. Người hiện thời lầm lạc, ngỡ chết là Niết Bàn. Nếu chết là Niết Bàn, thì Niết Bàn có còn phải tu nữa không? Chẳng cần phải tu, nhất định phải hiểu điều này! Đấy là lầm lẫn quá đỗi! Chư vị phải hiểu: Niết Bàn là chứng đắc ngay trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới chứng đắc. Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinirvāṇa): Đại là Đại Thừa. Tiểu Thừa bát Niết Bàn, chỉ diệt Kiến Tư phiền não, hãy còn có Trần Sa và Vô Minh mà họ chẳng biết. Đại Bát Niết Bàn là Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não thảy đều diệt hết, là do *"tu đạo đắc cố"* (do tu đạo mà đạt được). Đại Bát Niết Bàn là do tu đạo thì mới có thể đạt đến. Đại Bát Niết Bàn là Pháp Tánh, là Pháp Thân được nói trong phần trước, nhất định phải tu đạo thì mới có thể đạt đến.

(Diễn) Thử thân phi thân, phi bất thân, cưỡng danh thử trí vi Báo Thân nhĩ.

(演)此身非身非不身，強名此智為報身耳。

*(**Diễn**: Thân này chẳng phải là thân, chẳng phải là không phải thân, cưỡng gọi trí ấy là Báo Thân mà thôi).*

Chẳng thể nói Báo Thân là thân, mà cũng chẳng thể nói nó không phải là thân. Quý vị nói nó chẳng phải là thân ư? Thân tồn tại. Quý vị bảo nó là thân ư? Thân này chẳng phải là Báo Thân. Tuy thân này chẳng phải là Báo Thân, nhưng nó là chỗ nương vào của Báo Thân. Báo Thân là trí huệ, tức là đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hoàn cảnh, đối với chính mình, đều triệt để nhận biết, triệt để hiểu rõ, nương tựa vào cái thân này, *"phi thân, phi bất thân"* (chẳng phải là thân, chẳng phải là không phải thân). Chư vị nhất định phải biết: Báo Thân là nói theo phương diện trí huệ, trí huệ là nói theo sự ngộ nhập Pháp Tánh. Vì lẽ đó, hàng Bồ Tát bình phàm chẳng có Báo Thân. Từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên mới có Báo Thân. Nói cách khác, chẳng kiến tánh, thân này chẳng

gọi là Báo Thân. Ngày nào, quý vị minh tâm kiến tánh, thân này là Báo Thân. Chúng ta niệm Phật, niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, đắc Lý nhất tâm bất loạn thì khi ấy, thân này là Báo Thân. Chẳng chứng đắc Lý nhất tâm, bèn chẳng phải là Báo Thân; nhưng cũng coi như là Báo Thân, cái Báo Thân ấy chính là thân nghiệp báo! Thân nghiệp báo chẳng giống Báo Thân của hàng Bồ Tát. Báo Thân của Bồ Tát là trí báo, là trí huệ Bát Nhã, còn thân chúng ta là thân do nghiệp thiện ác [cảm vời], là thân nghiệp báo! Vì vậy, [thân của] lục đạo chúng sanh là thân nghiệp báo.

(Diễn) Cảnh trí tương ứng giả, như như trí chiếu như như cảnh, Bồ Đề trí huệ, dữ Pháp Tánh tương ứng, tương minh dã.

(演)境智相應者，如如智照如如境，菩提智慧，與法性相應相冥也。

*(**Diễn**: Cảnh trí tương ứng: Như như trí chiếu như như cảnh, trí huệ Bồ Đề tương ứng và ngầm khế hợp Pháp Tánh).*

Nêu rõ cảnh giới của Báo Thân, tâm và cảnh như một, dung thông vô ngại. Giống như trong giảng đường của chúng ta có nhiều đèn như thế. Sau khi bật đèn, ánh sáng hòa nhập lẫn nhau. Mỗi ngọn đèn có ánh sáng riêng của nó, nhưng ở đây, quý vị có thể tách bạch giới tuyến ánh sáng của từng ngọn đèn hay không? Chỗ nào là do ánh sáng của ngọn đèn ở đây [chiếu sáng], có thể tách bạch hay không? Vì sao? Chúng đã dung hòa thành một thể, giống như nước và sữa hòa lẫn, các ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau.

Cảnh (境) là cảnh giới, Trí (智) là tâm trí. Chúng ta thường nói là "tánh, tướng chẳng hai, Lý, Sự như một" đều nhằm nói về chuyện này. *"Như như trí chiếu như như cảnh"*, như như trí là năng chiếu, như như cảnh là sở chiếu. Vì sao phải thêm *"như như"* vào trí? Hai chữ Như ấy, chữ Như thứ nhất là động từ, chữ Như thứ hai là danh từ. Chữ Như thứ hai chính là Chân Như, là Pháp Tánh, bản tánh, cũng có thể nói nó là chân tâm. Chân tâm khởi tác dụng là trí huệ. Cảnh giới cũng là như thế, như như cảnh mà! Như chính là Như trong câu Như Thị Ngã Văn mở đầu một bản kinh, nói trọn hết các pháp. Nếu tâm quý vị chẳng Như, cảnh cũng chẳng Như. Tâm và cảnh còn có chướng ngại, tức là Lý Sự hữu ngại! Tâm và cảnh có chướng ngại, giữa các Sự đều có chướng ngại, giữa các cảnh với nhau đều có chướng ngại. Đó là Sự Sự hữu ngại! Nếu quý vị minh tâm kiến tánh, Lý Sự vô ngại, Sự Sự cũng vô ngại, cảnh giới

ấy chính là *"cảnh trí tương ứng, như như trí chiếu như như cảnh"*. Thưa cùng chư vị, đối với câu nói này, [tức câu] *"như như trí chiếu như như cảnh"*, một phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm gồm bốn mươi quyển nhằm giảng điều gì? Nhằm giảng một câu này! Câu này nếu nói cặn kẽ sẽ là bốn mươi quyển của kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử là *"như như trí chiếu như như cảnh"*, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, Nhất Chân pháp giới, đó là cảnh giới của thế giới Hoa Tạng, là cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì vậy, câu này là đề mục của bốn mươi quyển cuối trong kinh Hoa Nghiêm, kinh văn trong bốn mươi quyển nhằm giải thích tỉ mỉ [một câu kinh này]. Vì lẽ đó, hai chữ Như Như quan trọng lắm!

Khi nào thì tâm chúng ta mới có thể giống như chân tâm bản tánh? Tu hành mà chẳng chú trọng chuyện này, sẽ là sai lầm đặc biệt to lớn. Khi nào quý vị có thể thành tựu? Chẳng thể nào có chuyện ấy. Nói theo thực tiễn cụ thể, nhất định là phải tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, vì chúng là như như. Tâm không thanh tịnh, tâm bất bình đẳng, thấy gì cũng đều có chướng ngại. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tuyệt đối chẳng phải là có thể đạt được từ [xem đọc, nghiên cứu] kinh điển; vì vậy, mọi người ngàn muôn phần đừng mê tín kinh điển. Quý vị niệm Đại Tạng Kinh, đem Đại Tạng Kinh niệm từ đầu đến cuối, niệm suốt một đời, tâm quý vị vẫn chẳng thanh tịnh! Vì sao? Trong kinh này, đức Phật nói như thế này, trong kinh kia đức Phật nói như thế nọ, càng xem nhiều, [sẽ cảm thấy] dường như Thích Ca Mâu Ni Phật nói năng cũng mâu thuẫn lung tung! Một hồi nói Không, một hồi nói Có, rốt cuộc là Không hay Có? Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói rõ ràng. Vì lẽ đó, quý vị chẳng xem thì còn đỡ, vừa xem liền bị kinh điển làm mê!

Vì thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, quý vị chẳng đích thân hiện diện, chẳng biết vì sao Ngài phải nói những điều ấy. Đối với người chấp trước Có, Thích Ca Mâu Ni Phật nói Không, khiến cho người ấy đừng nên chấp trước Có. Đối với kẻ chấp trước Không bèn nói Có, khiến cho người ấy đừng chấp trước Không. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng mâu thuẫn, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói một câu nào! Không gì chẳng nhằm trừ khử chấp trước cho người khác mà thôi! Nay quý vị chấp trước đã quá nhiều, vẫn sợ chẳng đủ, lại chấp trước lời Thích Ca Mâu Ni Phật, càng thêm hỏng bét! Tam thế Phật đều ứa lệ, học Phật kiểu đó làm sao có thể học thành công cho được? Phật [giảng kinh, thuyết

pháp] nhằm trừ khử phân biệt, chấp trước. Phân biệt và chấp trước là cái gốc bệnh. Phẩm [Như Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc"*. Đức Phật xuất hiện trên thế gian để làm gì? Nhằm giúp chúng ta trừ khử vọng tưởng và chấp trước mà thôi. Người biết dụng tâm, y giáo phụng hành, chẳng có một ai không thể thành tựu. Những kinh văn được trích dẫn ở đây, câu nào cũng đều là tinh hoa, cũng đều hết sức quan trọng. *"Bồ Đề trí huệ, dữ Pháp Tánh tương ứng, tương minh"* (Trí huệ Bồ Đề tương ứng, ngầm hợp Pháp Tánh). *"Tương ứng"* là gì? *"Tương minh"* là gì?

(Diễn) Tương ứng giả, như hàm cái tương ứng.
(演)相應者，如函蓋相應。
*(**Diễn**: Tương ứng là như hộp và nắp khít khao).*

Hàm (函) chính là cái hộp. Hộp và nắp vừa khít chặt chẽ, dùng chuyện này để tỷ dụ hai vật phù hợp, vô ngại. Hộp to thì nắp cũng to, hộp nhỏ thì nắp cũng nhỏ.

(Diễn) Tương minh giả, như thủy nhũ tương minh.
(演)相冥者，如水乳相冥。
*(**Diễn**: "Ngầm khế hợp" là như nước và sữa hòa lẫn).*

"Minh" (冥) có nghĩa là dung nhập, như nước và sữa hòa lẫn vào nhau. Người hiện thời thường uống sữa bò. Sữa bỏ vào nước liền hòa tan, nước và sữa hòa lẫn thành một, cũng chẳng tách rời được, đó là *"tương minh"*.

Ý nghĩa ở đây là tương ứng và dung nhập cùng Pháp Tánh. Khi ấy, tâm chính mình là hư không, là pháp giới; hư không pháp giới là chính mình, đấy mới là *"tương ứng, tương minh"*. Có thể làm được hay không? Thưa cùng chư vị, thật sự có thể làm được. Như thế nào thì mới làm được? Một niệm chẳng sanh bèn tương ứng, bèn tương minh; hễ động một niệm, sẽ chẳng tương ứng. Chân tâm ly niệm, trong chân tâm chẳng có niệm. Hễ có niệm thì là vọng niệm, phải ghi nhớ điều này. Ta có một niệm "phải độ hết thảy chúng sanh" tức là vẫn có vọng niệm. Trong kinh, đức Phật đã nói *"Phật chẳng độ chúng sanh"*, Phật còn chẳng độ chúng sanh, quý vị làm sao có thể độ chúng sanh? Suốt ngày dấy vọng tưởng!

Phật cũng chẳng thuyết pháp, quý vị còn có thể thuyết pháp ư? Chuyện lạ đấy nhé! Kinh Kim Cang đã nói rất hay: Nếu có kẻ nào nói đức Phật thuyết pháp thì đó là báng Phật, đức Phật chẳng thuyết pháp. Thật vậy! Đích xác là đức Phật chẳng thuyết pháp, vì đức Phật trước nay chưa hề khởi tâm động niệm. Giống như chuông trống chưa hề nói chính mình ngân vang, chẳng hề có! Quý vị gõ nó, nó liền phát ra tiếng. Chẳng gõ, sẽ không kêu. Đó gọi là cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Sự cảm ứng ấy tận hư không khắp pháp giới. Nơi nào có cảm, sẽ ứng nơi đấy. Trong Quán Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm đã nói sự tướng này rất rõ ràng: *"Thiên xứ kỳ cầu, thiên xứ ứng"* (Ngàn xứ khẩn cầu, ngàn xứ ứng). Vì sao có năng lực to dường ấy? Năng lực là bản năng (năng lực sẵn có), là như thế đó. Chỉ cần trong tâm quý vị chẳng có chướng ngại, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tâm địa thanh tịnh bèn chẳng có chướng ngại, sợ nhất là khởi tâm động niệm.

Đấy là Báo Thân, ý nghĩa và cảnh giới của Báo Thân. Văn tự không nhiều lắm, rất đơn giản, nhưng nói rõ ràng, dễ hiểu. Báo Thân là dùng trí huệ làm thân, còn Pháp Thân dùng Lý Thể làm thân. Loại thứ ba…

(Diễn) Hựu Ứng Thân giả, ứng đồng vạn vật vi thân dã, ứng đồng liên trì vi thọ dã.

(演)又應身者，應同萬物為身也，應同連持為壽也。

*(**Diễn**: Lại nữa, Ứng Thân là ứng hiện giống như vạn vật để làm thân, ứng hiện giống như được duy trì liên tục để làm thọ lượng vậy).*

Thân tướng hiện tại của chúng ta là Ứng Thân. Vạn vật đều có hình trạng, chúng ta cũng có một hình trạng, coi hình trạng ấy là Thân. Bất luận hữu tình hay vô tình đều có một thân tướng, có hình trạng tồn tại. Chén trà có "thân" của chén trà, nến có thân của nến, đều có một hình tướng, nên gọi là Thân. Đã có thân thì thân có thọ mạng, thọ mạng là *"liên trì vi thọ"*. *"Liên"* (連) là tồn tại liên tục, nên gọi là thọ. Thời gian liên tục, dài hay ngắn chẳng nhất định. Liên tục có nghĩa là tiếp nối, dùng chữ này quá hay. *"Liên trì"* (連持) là tiếp nối (tương tục). Tiếp nối thì chẳng phải là thật sự tồn tại. Thật sự tồn tại thì làm sao có thể dùng từ ngữ "tiếp nối" cho được? Tiếp nối là cái này tiếp theo cái kia, cái kia tiếp theo cái nọ, chẳng ngừng! Giống như chúng ta xem phim, phim xi-nê là từng tấm phim nối tiếp nhau, chẳng ngừng. Hễ ngừng, sẽ chẳng phải là

"tiếp nối".

Dùng hai chữ *"tiếp nối"* hoặc *"liên trì"* (duy trì liên tục), nhằm bảo với chúng ta: Thân hiện tại chẳng thật, mà là tướng tiếp nối đó thôi! Một giây trước và một giây sau khác nhau! [Nói là] "một giây trước" thì thời gian ấy còn quá dài! [Nói đúng ra là] khác nhau trong từng sát-na, nó tiếp nối mà! [Nói là tiếp nối] trong từng sát-na vẫn là quá dài, kinh bảo một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na là một phần sáu mươi [của thời gian] khảy ngón tay. Trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, chín trăm lần sanh diệt tiếp tục chẳng ngừng trong ấy, há có thứ gì là thật? Chẳng có! Quý vị nghĩ hết thảy các pháp trong thế gian là thật, tức là lầm lẫn đặc biệt to lớn, hoàn toàn thấy sai bét mất rồi!

Kinh Kim Cang đã nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh rất rõ ràng: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*. Đúng vậy, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh! Do đó, hết thảy các hiện tượng, chẳng có một hiện tượng nào tồn tại! Những gì chúng ta thấy trong hiện thời đều là tướng tiếp nối. Phải nhận rõ điều này. Sau khi đã nhận biết rõ ràng, quý vị sẽ chẳng còn chấp trước hết thảy hiện tượng. Thưa cùng quý vị, không chấp trước sẽ chẳng có phiền não, vì sao? Ý niệm được mất chẳng còn, biết là chẳng có được mà cũng chẳng có mất. Do có được, nên mới có mất. Có thể đạt được hay không? Không đạt được. "Đạt được" là vọng tưởng, chẳng đạt được! Trong Bách Pháp, khái niệm *"đắc"* (đạt được) chính là môn thứ nhất trong hai mươi bốn pháp Bất Tương Ứng. Bất Tương Ứng hoàn toàn là khái niệm trừu tượng, trọn chẳng phải là sự thật, thuần túy là vọng tưởng. Quý vị đạt được gì? Thân thể của chính mình mà còn chưa đạt được, nó sanh diệt trong từng sát-na, huống hồ vật ngoài thân? Chẳng có gì để có thể đạt được!

Nhưng có biện pháp để có thể đạt được: Chỉ cần quý vị tìm được Pháp Tánh, sẽ đạt được. Nếu quý vị chẳng tìm được Pháp Tánh, thứ gì cũng chẳng đạt được! Truy đến tận cội nguồn, Pháp Tánh trọng yếu lắm! Nói cụ thể, nhất tâm bất loạn là trọng yếu, tâm thanh tịnh là trọng yếu. Có tâm thanh tịnh bèn chẳng có chướng ngại, chẳng có giới hạn. Có giới hạn, có nhân ngã, có thị phi, tâm chẳng thanh tịnh. Thị phi, nhân ngã, vọng tưởng thảy đều chẳng có, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh to cỡ nào? Tận hư không khắp pháp giới là một tâm; khi ấy, quý vị biến thế nào đi nữa cũng chẳng ra ngoài bản tánh. Vì thế, quý vị thảy đều đạt được,

chẳng có gì không đạt được. Nếu chẳng đạt đến cảnh giới ấy, thứ gì cũng chẳng đạt được! Phật pháp nhằm khiến cho chúng ta thật sự đạt được, đạt được viên mãn! Phật pháp chẳng tiêu cực, trong quá trình tu học, [nhìn bề ngoài] dường như là tiêu cực, nhưng sau khi thành tựu, thật sự là chẳng thể nghĩ bàn!

Trước khi nói đến phần chú giải kế tiếp, tôi phải nói cho quý vị biết một chuyện: Vô lượng thọ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật, chẳng phải là giả. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư trong các thế giới phương khác đều chẳng thật, chỉ riêng cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Phải thật sự hiểu rõ sự thật này thì quý vị mới có thể thật sự mong mỏi, hâm mộ Tây Phương. Vì sao? Thành tựu trong một đời! Hơn một năm qua, tại Mỹ rất chẳng thể nghĩ bàn! Tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles), pháp sư Ấn Hải giảng kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật. Pháp sư Diệu Cảnh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) cũng niệm A Di Đà Phật, cũng đọc kinh Vô Lượng Thọ, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong quá khứ, họ chẳng tin pháp môn này, nay đều quay về. Không chỉ là tự mình học, mà còn hoằng dương bên đó, khuyên người khác học. Do đó, thế giới Cực Lạc hết sức hy hữu, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Trí dữ thể minh, năng khởi đại dụng.

(演)智與體冥，能起大用。

*(**Diễn**: Trí và Thể ngầm hợp, có thể khởi tác dụng to lớn).*

"Thể" là Pháp Tánh, là Pháp Thân, *"Trí"* là Báo Thân, chúng là một, không hai, tuy một mà hai, tuy hai mà một, tương ứng, dung nhập. Hễ tương ứng, dung nhập, chúng liền khởi tác dụng.

(Diễn) Như thủy ngân hòa chân kim, năng đồ chư sắc tượng, công đức hòa Pháp Thân, xứ xứ ứng hiện vãng.

(演)如水銀和真金，能塗諸色像，功德和法身，處處應現往。

*(**Diễn**: Như thủy ngân và vàng ròng [hòa tan vào nhau] có thể dùng để sơn phết các hình tượng, công đức và Pháp Thân đến ứng hiện khắp nơi).*

Khởi tác dụng, hình dung tác dụng của nó to lớn chẳng thể nghĩ bàn. Thủy ngân và vàng ròng hòa hợp, nay ta gọi là vàng K[31], bất luận vật phẩm gì cũng đều có thể dùng nó để trang sức. Như Lai *"công đức hòa Pháp Thân"*, Pháp Thân là vàng ròng, công đức giống như thủy ngân. Thân ứng hóa của Phật *"xứ xứ ứng hiện vãng"* (đến ứng hiện khắp nơi), tận hư không khắp pháp giới, chúng sanh nơi nào có cầu, Phật, Bồ Tát lập tức ứng hiện. Hư không pháp giới to như vậy, xa như vậy, vì sao các Ngài có thể lập tức hiện tiền? Vì tâm chư Phật, Bồ Tát thanh tịnh, bình đẳng, không đâu chẳng tồn tại. Các Ngài có từ nơi xa đến hay không? Chẳng hề đến, các Ngài ở ngay trước mặt quý vị, nhưng chính quý vị chẳng nhận biết! Quý vị cầu trong một niệm, các Ngài liền hiện ngay trong một niệm. Quý vị chẳng cầu, các Ngài chẳng hiện, quý vị nhất định phải hiểu nguyên lý này. Chúng ta cầu Phật, Phật hiện tiền; cầu Bồ Tát, Bồ Tát hiện tiền; cầu quỷ, quỷ hiện tiền; cầu ma, ma hiện tiền. Hiện thời, có kẻ chẳng học Phật cũng bị ma dựa, mà người học Phật bị ma dựa cũng chẳng ít! Chuyện này phiền phức to lớn! Yêu ma quỷ quái tràn ngập trong thế gian này, hễ một niệm bất chánh liền rơi vào ma chướng, muốn trốn thoát rất khó. Trong thế giới ma cảnh, tham, sân, si, mạn, quần ma quay cuồng này, để có thể bảo toàn chính mình thì chúng ta ắt phải có chánh niệm.

Chánh niệm là gì? Chúng ta tu Tịnh Độ Tông, một niệm A Di Đà Phật là chánh niệm. Niệm niệm chẳng lìa A Di Đà Phật, niệm niệm

---

[31] Thật ra vàng K và vàng pha thủy ngân để sơn phết tượng là hai thứ khác nhau. Vàng và thủy ngân hòa lỏng theo tỷ lệ 1:9, sẽ thành một dung dịch lỏng, thường gọi là *"hỗn hống"* (混汞), có thể quét lên tượng bằng kim loại, rồi đem nung nhẹ cho thủy ngân bốc hơi, chỉ còn lại vàng. Đó là cách mạ vàng truyền thống. Còn K chính là viết tắt của chữ Karat, tức là đơn vị đo lường dành cho quý kim. Vàng K tức là các loại vàng không thuần, pha thêm các kim loại khác (thường là đồng, bạc, thiếc. Chẳng hạn như "vàng trắng" có tỉ lệ vàng 75%, palladium 10%, kền 10%, thiếc 5%, hoặc chỉ là vàng pha bạch kim). Ta thường nói là vàng 24K, vàng 18K… Thấp nhất là vàng 14K, tức là lượng vàng chỉ chiếm tối đa là 62,5%, trong khi vàng 24K có lượng vàng chiếm đến 99,9%. Chữ Karat là biến thể của chữ Carat (hiện thời, Carat là đơn vị đo lường các loại bảo thạch, ngọc, nhất là kim cương) phát xuất từ chữ Qīrāt trong tiếng Ả Rập. Chữ này lại phát xuất từ chữ Kerátion của tiếng Hy Lạp có nghĩa là hạt Carob (một loại đậu, thường gọi là đậu sừng), vốn là đơn vị đo lường thời cổ. Người ta tin rằng hoàng đế Constantine đệ nhất của Hy Lạp đã cho đúc đồng tiền vàng solidus từ một phần bảy mươi hai của một libra (một pound của La Mã) vàng, có trọng lượng bằng 24 siliqua. Một siliqua chính là tiền thân của cách đo bằng carat về sau này.

nương tựa A Di Đà Phật, nhất tâm mong thấy A Di Đà Phật, mong sanh về thế giới Cực Lạc; đó là chánh niệm, quyết định chẳng sai! Chúng ta còn mong nghiên cứu kinh điển, còn mong hoằng pháp lợi sanh, thưa cùng chư vị, đều là tà niệm, chẳng phải là chánh niệm! Ý niệm đều tà, còn có thể hoằng pháp lợi sanh ư? Trong quá trình hoằng pháp lợi sanh, quý vị chẳng bị nẩy sanh rối loạn ư? Ý niệm đã tà! Ắt phải do tâm trí thuần chánh hiển lộ, phát xuất, thì khi ấy mới có thể hoằng pháp lợi sanh. Do đó, phải phát nguyện *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, nhưng chẳng phải là thực hiện trong hiện thời. Điều phải làm trong hiện thời là *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, phải làm chuyện này! [Chưa đoạn phiền não mà] pháp môn vô lượng thệ nguyện học thì thôi rồi, hỏng rồi! Phiền não đã đoạn hết thì mới có thể học pháp môn, đó là đúng! Phiền não chẳng đoạn hết, học pháp môn bèn tăng trưởng tà tri, tà kiến, trong tương lai sẽ giúp quý vị làm xằng, làm càn, họa hại chúng sanh. Nói cách khác, [chưa đoạn phiền não mà đã "pháp môn vô lượng thệ nguyện học" chính là] hy vọng quý vị sớm có ngày đọa địa ngục! Do đó, Phật pháp là đoạn phiền não trước rồi mới thành trí huệ, chẳng thể đồng thời học những thứ này!

Do cổ nhân tuân theo thứ tự ấy, cho nên thành tựu rất nhanh chóng, người thành tựu rất nhiều. Người hiện tại tu học tràn lan, chẳng thực hiện từng bước theo thứ tự, học đồng thời cả bốn nguyện trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tự xưng là Phật chi đó hoặc Bồ Tát chi đó tái lai. Hiện thời, tôi nghe các đồng tu cho biết tại Cựu Kim Sơn (San Francisco) nước Mỹ nghiễm nhiên có bọn ngoại đạo tạo ra tân kinh gọi là Chân Phật Kinh[32]. Những kinh Phật trước kia chẳng cần niệm, mà niệm chân kinh do chính hắn ta viết ra, quý vị thấy có hỏng bét hay là không! Kẻ ấy

---

[32] Chân Phật Kinh là bản kinh do Liên Sanh Hoạt Phật (danh hiệu tự xưng của Lô Thắng Ngạn, giáo chủ tà giáo Chân Phật Tông tại Đài Loan. Hiện thời, tà phái này có tổng bản sơn là chùa Lôi Tạng tại Seatle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ), được rất nhiều người Hoa tin theo tại các tiểu bang miền Tây như California, Oregon và Washington. Cái gọi Chân Phật Tông thật ra là một tổng hợp bát nháo của Đạo giáo, Mật Tông Trung Hoa, Mật Tông Tây Tạng và những tín ngưỡng mê tín dân gian. Lô Thắng Ngạn tự xưng mình là Liên Hoa đồng tử từ Tây Phương Cực Lạc thế giới chuyển thế và tự lưu bố bản kinh này với danh xưng Chân Thật Phật Pháp Tiêu Tai Tứ Phước Kinh, nhằm đề cao bản thân Đại Bạch Liên Hoa Đồng Tử (tức là danh hiệu của ông ta tại Tây Phương Cực Lạc thế giới), dạy đệ tử phải trì câu chú *"Ông, câu lỗ liên sanh tất địa sa bà ha"* (nói cách khác là niệm danh hiệu của chính ông ta). Câu Lỗ là phiên âm của chư Guru (đạo sư), Tất Địa là Siddhi (thành tựu).

Phật đạo vô thượng đã thành, tứ hoằng thệ nguyện tu đồng thời, cùng một lúc, ngay lập tức thành Phật. Vì thế, mọi người đều như ong vỡ tổ kéo đến. Chư vị phải hiểu, giống như chúng ta dựng căn nhà to có bốn tầng lầu, xây lầu cùng lúc, có thể thành công hay chăng? Người ta xây lầu thì trước hết xây tầng thứ nhất, rồi lại xây tầng thứ hai, rồi lại xây đến tầng thứ ba, tiếp tục xây tầng thứ tư, còn họ xây cả bốn tầng cùng lúc, người hiện thời thích làm theo kiểu ấy, toàn là yêu ma quỷ quái, há có chuyện ấy!

Nếu chư vị muốn thật sự thành tựu, hãy học từ chỗ nào? Học từ đoạn phiền não, học từ tu tâm thanh tịnh, những điều khác đều chẳng cần làm! Chúng tôi cũng in Đại Tạng Kinh rất nhiều, in để làm gì? Để cho người khác ngộ. Liên Trì đại sư nói: *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ"*. Chúng ta cũng in Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ, mọi người nhất định phải hiểu đạo lý này. Bản thân chúng ta chọn lựa một bộ kinh từ Đại Tạng Kinh, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chúng ta chọn lựa một pháp môn niệm A Di Đà Phật, quyết định thành tựu!

Năm ngoái, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ ở Tân Gia Ba, các đồng tu bên ấy chép lại, đưa cho tôi sửa chữa. Tôi vừa coi bản thảo ấy, [thấy đúng là] nói nhăng nói cuội, chẳng thể dùng được! Gần như là phải viết lại hai phần ba! Cảnh giới năm xưa khác với năm nay. Ngày mai chúng tôi sẽ lại giảng lại từ đầu, là cảnh giới mới, chẳng giống trước kia. Những gì đã giảng xưa kia đều phải bỏ hết, tôi chẳng giảng kinh! Nếu quý vị nói tôi giảng kinh cũng là hủy báng! Tôi chưa hề giảng kinh. Các đồng tu phải ghi nhớ, tu tâm thanh tịnh, thâm nhập một môn, mỗi ngày một vui sướng hơn, ngày càng hạnh phúc hơn. Đó là lợi ích chân thật trong Phật pháp. Kinh đã nói rất rõ ràng: *"Trụ chân thật huệ"*. Trí huệ chân thật là gì? Là một câu A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ chân thật nhất. Cổ nhân bảo: Trong hết thảy các kinh, Hoa Nghiêm chân thật bậc nhất. So sánh giữa Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ chân thật nhất. So giữa kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu A Di Đà Phật chân thật nhất. Chân thật huệ là một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, lợi ích chân thật.

Lợi ích chân thật là quý vị thọ trì một câu Phật hiệu A Di Đà Phật này. Quý vị có thể thọ trì giống như người đồ đệ của lão pháp sư Đế Nhàn, thọ trì ba năm, đứng vãng sanh, đó là lợi ích chân thật, chẳng phải giả! Nếu so với người ấy, trong tương lai chúng ta chẳng thể nằm mà ra

đi. Nằm thì sẽ chẳng bằng người ta. Ngã bệnh thì càng tệ hơn nữa, càng thua kém người ta. Nếu chẳng muốn mất mặt, phải ra đi chẳng khác ông ta cho mấy, tức là vạn duyên buông xuống, trụ chân thật huệ, thật thà niệm Phật, đó là đúng. Chớ nên bày trò hoa dạng nữa! Bày trò hoa dạng chắc chắn tổn hại chính mình. Đó là nói *"xứ xứ ứng hiện vãng"* (chỗ nào cũng đều ứng hiện tới đó), Ngài có năng lực to lớn ấy. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 190

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi:

(Diễn) Hựu Ứng Thân giả, ứng đồng vạn vật vi thân dã, ứng đồng liên trì vi thọ dã. Trí dữ thể minh, năng khởi đại dụng, như thủy ngân hòa chân kim, năng đồ chư sắc tượng, công đức hòa Pháp Thân, xứ xứ ứng hiện vãng.

(演)又應身者，應同萬物為身也，應同連持為壽也。智與體冥，能起大用，如水銀和真金，能塗諸色像，功德和法身，處處應現往。

*(**Diễn**: Lại nữa Ứng Thân là ứng hiện giống như vạn vật để làm thân, ứng hiện liên tục tiếp nối giống như vậy để làm thọ lượng. Trí và thể dung nhập, có thể khởi tác dụng to lớn, như thủy ngân hòa lẫn vàng ròng có thể dùng để sơn phết các hình tượng, công đức và Pháp Thân chỗ nào cũng đều ứng hiện đến).*

Chủ yếu nói đến Ứng Thân của đức Phật. Ứng Thân biến hiện từ Pháp Thân, kinh Lăng Nghiêm đã giảng chuyện này rất rõ ràng: *"Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Do đâu mà có Ứng Thân? Có phải là do Phật hữu ý hiện thân ấy hay chăng? Trọn chẳng phải là như vậy! Ứng Thân là do chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, đó gọi là *"cảm ứng đạo giao"*. Chúng sanh có cảm, tức là có tâm, Như Lai ứng hiện là vô tâm; giống như chúng ta gõ khánh. Chúng ta hữu ý gõ nó, khánh ngân vang là vô tình ngân vang. Chúng ta gõ mạnh, âm thanh ngân to, tiếng ngân kéo dài. Chúng ta gõ nhẹ, tiếng ngân cũng nhẹ, thời gian ngân cũng ngắn. Khánh vô tâm, do vô tâm nên mới có thể ứng.

Do vậy có thể biết, Phật có vô lượng vô biên Ứng Thân. Vì sao? Pháp Thân không đâu chẳng tồn tại, nên Ứng Thân trọn khắp pháp giới. Nói thật ra, chẳng có đến đi, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Sanh ra từ nơi đâu, bèn diệt tận tại đó"*. Chẳng đến, chẳng đi, bất sanh, bất diệt. Tuy là Ứng Thân, vẫn là bất sanh, bất diệt. Nay chúng ta thấy Ứng Thân là tướng sanh diệt, là do bọn phàm phu chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để nhìn sự thật ấy. Nói thật ra, chẳng có sanh diệt, thân ứng hóa trọn chẳng có sanh diệt. Trong đoạn trên đây, câu quan trọng nhất là *"công đức và Pháp Thân, không nơi đâu chẳng ứng hiện đến đó"*. Nói thật ra, há có đến? Hễ có đến là có tới, tức là có lui tới, [thật ra], chẳng có đến đi. Vẫn là kinh Lăng Nghiêm nói sự thật, nói rốt ráo, sanh ra ở nơi đâu, sẽ diệt tận ở ngay nơi đó!

(Diễn) Nhiên thử ứng thân, hữu thắng, hữu liệt. Thắng tức Tha Thọ Dụng, thị nghiệp thức sở kiến giả, thử y Trung Lý nhi trụ. Liệt tức sanh thân, sự thức sở kiến giả, thử y Chân Lý nhi trụ.

(演)然此應身，有勝有劣，勝即他受用，是業識所見者，此依中理而住；劣即生身，事識所見者，此依真理而住。

*(**Diễn**: Nhưng Ứng Thân ấy có thắng và liệt. Thắng Ứng Thân chính là Tha Thọ Dụng, được thấy bởi nghiệp thức, thân này nương vào Trung Lý để trụ. Liệt Ứng Thân chính là sanh thân, được thấy bởi sự thức, thân này nương vào Chân Lý để trụ).*

Cách nói này tuân theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói Chân, Giả, Trung, điều đó được gọi là Tam Đế Tam Quán. *"Ứng Thân"* ở đây chính là Ứng Hóa Thân. Quả thật là Ứng Hóa Thân có thân rất thù thắng, mà cũng có thân khá kém cỏi. Ví như đức Phật giáo hóa chúng sanh trong chín pháp giới, chúng ta thấy phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa có nói đến ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Nên dùng thân Phật để độ được, bèn hiện thân Phật. Ứng Thân ấy cũng rất thù thắng. Đáng nên dùng thân người để độ liền hiện thân người. Thân người tuy kém Phật rất xa, kể ra vẫn còn khá. Đáng nên dùng thân súc sanh để độ liền hiện thân súc sanh, thân tướng ấy còn thua cả loài người. Thậm chí hiện thân thảo mộc. Nói theo Phật pháp, quý vị đọc kinh Địa Tạng sẽ biết: Hoa, cỏ, cây cối đều có quỷ thần ở trong ấy. Vì thế, có thần

cây, thần hoa, thân phận còn thấp kém hơn thân súc sanh bình phàm. Thậm chí hiện thân quỷ vương, thị hiện thân địa ngục. Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong địa ngục, hiện thân địa ngục, chẳng phải là thân mà chúng ta thấy trong hiện thời. Nay chúng ta thấy Ngài là thân Bồ Tát. Thân Bồ Tát vào trong địa ngục, chúng sanh trong địa ngục chẳng thấy Ngài; nhất định phải hiện thân đồng loại thì mới có thể khiến cho những chúng sanh tiếp nhận sự hóa độ của Ngài hoan nghênh. [Như vậy là] thân này (Ứng Thân) còn có thân thù thắng và thân hèn kém.

Ở đây nói tới thù thắng và hèn kém, vẫn chẳng phải là ý nghĩa như tôi vừa mới nói, mà còn thù thắng hơn ý nghĩa vừa được đề cập! Nói đến Thắng Ứng Thân thì *"Thắng tức Tha Thọ Dụng thân"*, Tha Thọ Dụng Thân là nói đến hạng người nào? Nói đến Thập Địa Bồ Tát. Đức Phật nhằm độ bậc Địa Thượng Bồ Tát bèn hiện thân tướng hết sức trang nghiêm, đó là độ hàng Bồ Tát. Tam Hiền Thập Thánh thấy [thân tướng của] Phật là Thắng Ứng Thân, tức Tha Thọ Dụng. *"Nghiệp thức sở kiến giả"* (Được thấy bằng nghiệp thức): Nghiệp thức khác sự thức, nghiệp thức có sự phân biệt vi tế, sự thức có sự phân biệt rất thô. *"Sự thức"* là gì? Nói theo tám thức, sáu thức trước đều thuộc về sự thức, thức thứ bảy tức Mạt Na là chuyển thức, A Lại Da mới là nghiệp thức. Có thể thấy là khi sắp chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, khi đó mới thấy Thắng Ứng Thân. Nếu như A Lại Da đã chuyển thành Đại Viên Kính Trí, chẳng phải là thấy Ứng Thân Phật, mà là thấy Báo Thân Phật, vì sao? Bản thân người ấy đã chứng đắc Báo Thân. Vì vậy, Ứng Thân và Báo Thân vẫn có sai biệt. Nghiệp thức nương vào lý Trung Đạo để trụ, sự thức nương vào Chân Lý để trụ. [Sách Diễn Nghĩa nói Trung Lý và Chân Lý] chính là như tông Thiên Thai đã nói Chân, Giả, Trung, [Chân Lý là] Chân Đế. Nhưng chư vị phải biết, [những điều được trình bày trong đoạn này] đều là nói theo cách thông thường. Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba thân là một Thể, là Pháp Thân, đồng thời cũng là Báo Thân và Ứng Thân, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Vì lẽ đó, thế giới Tây Phương thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Nhất kỳ báo đắc bách niên bất đoạn giả.
(演)一期報得百年不斷者。
*(**Diễn**: Một kỳ hiện báo là trăm năm chẳng đoạn).*

Đây là nêu một thí dụ, nêu Thích Ca Mâu Ni Phật làm thí dụ. Vì

đức Thích Ca Thế Tôn xuất hiện trong thế giới này, đối với chúng ta, Ngài thân thuộc nhất. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trong ba thân thì là thân nào? Là Ứng Thân. Thuở đức Phật tại thế, thuở ấy, người thế gian thông thường có tuổi thọ bình quân là một trăm năm. Nay chúng ta đang thuộc giảm kiếp, cứ mỗi một trăm năm giảm một tuổi, từ khi Phật Thích Ca diệt độ cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ mười bảy năm, nên hiện thời tuổi thọ bình quân của con người là bảy mươi tuổi.

Đức Phật trọn chẳng trụ thế một trăm năm. Ngài thị hiện viên tịch lúc tám mươi tuổi. Nói cách khác, Ngài còn có thể trụ thế hai mươi năm, nhưng đã đi trước hai mươi năm. Kinh đã nói rất rõ ràng, đức Phật cúng dường phước báo trong hai mươi năm ấy cho các đệ tử xuất gia trong thời Mạt. Quý vị thật sự phát tâm học Phật, sẽ chẳng phải lo lắng về chuyện thọ dụng vật chất. Vì sao? Đức Phật đã đem hai mươi năm phước báo ban cho quý vị, đó là di sản, quý vị hưởng thụ chẳng hết! Nếu quý vị chẳng tin, đi tìm kẻ khác, đó là trái nghịch ý Phật, chẳng phải là học trò đức Phật! Học trò đức Phật quyết định chớ nên lo lắng cuộc sống vật chất, vì sao? Quý vị tiếp nhận di sản hai mươi năm phước báo của đức Như Lai, nhất định có chư Phật Như Lai và thần hộ pháp chăm nom quý vị, chính mình phải có tín tâm đối với điều này thì mới được!

(Diễn) Như ngã Thế Tôn, vương cung xuất gia, khổ hạnh thành đạo, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thuyết pháp ngũ tuần.

(演)如我世尊，王宮出家，苦行成道，三十二相八十種好，說法五旬。

*(**Diễn**: Như đức Thế Tôn của chúng ta, [lìa khỏi] vương cung xuất gia, khổ hạnh, thành đạo, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, thuyết pháp năm mươi năm).*

Đây là nói tròn số, trên thực tế, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, *"ngũ tuần"* (五旬) là năm mươi năm.

(Diễn) Trụ thế bát thập.

(演)住世八十。

*(**Diễn**: Ở trên đời tám mươi năm).*

Nói tròn số, trên thực tế, Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch khi Ngài bảy mươi chín tuổi.

(Diễn) Song Lâm thụ hạ, nãi nhập Niết Bàn, thử tức Liệt Ứng sanh thân dã.

(演)雙林樹下，乃入涅槃，此即劣應生身也。

*(**Diễn**: Dưới cội cây trong rừng Song Lâm, bèn nhập Niết Bàn. Đấy chính là sanh thân Liệt Ứng).*

Vì đức Phật xuất hiện trong thế gian này nhằm thời Mạt Pháp, lại còn nhằm đời ô trược, ngũ trược ác thế, nhằm khi con người chỉ thọ một trăm tuổi. Kinh bảo chúng ta: Khi con người trong thế gian này có tuổi thọ dài nhất sẽ là tám vạn bốn ngàn năm, có thể thấy người trong thuở ấy có phước báo rất lớn, thọ mạng rất dài, tâm địa cũng thanh tịnh. Hiện thời, tuy y dược tiến bộ hơn xưa kia, có những người thọ mạng dài hơn trong hiện thời, [khiến cho chúng ta cảm thấy] dường như kinh Phật nói chẳng đúng. Thật ra, đó là một thứ cảm giác sai lầm. Vì nếu quý vị khảo sát sự sanh tử của dân cư trên cả thế giới, sẽ biết đức Phật nói rất chánh xác. Ngài nói tới tuổi thọ bình quân, người hai mươi, ba mươi tuổi đã chết rất nhiều, trọn chẳng nhất định là do bị bệnh, mà do thiên tai, nhân họa! Giống như pháp sư Khai Tâm đã nói xưa kia, Ngài nói thế giới này có tai nạn, cả một đống người vô duyên vô cớ chết ngắc, đích xác là có tình hình này! Thống kê theo phương diện này, tuổi thọ con người thật sự là bảy mươi tuổi. Đoạn này thuật bày chuyện Thích Ca Mâu Ni Phật nên rất dễ hiểu!

(Diễn) Pháp Thân dĩ như lý tam cú, vị Pháp Thân dĩ Lý vi thân, cố tức như lý vi mạng.

(演)法身以如理三句，謂法身以理為身故即如理為命。

*(**Diễn**: Ba câu "Pháp Thân dùng như lý..." ý nói: Pháp Thân lấy Lý làm thân tức là lấy như lý làm mạng).*

Tiếp đó là giải thích thọ mạng của Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Pháp Thân chẳng có hình tướng, nó là cội nguồn của hết thảy hình tướng. Nói cách khác, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới từ đâu mà có? Đều từ Pháp Thân biến hiện. Pháp Thân là Thể, nó có thể hiện, có thể biến, hết thảy vạn pháp trong vũ trụ là cái được biến, đó là hiện tướng của bản thể. Do vậy, nó có Thể, có Tướng. Đã có tướng, đương nhiên còn có tác dụng. Thể, Tướng, Dụng là phân chia đại

lược thành ba phần, đối với ba phần, chư vị nhất định phải nhớ rõ, là một mà ba, tuy ba mà một, chẳng thể độc lập. Nếu chúng ta lãnh ngộ chỗ này thì mới thật sự hiểu tận hư không khắp pháp giới là một Thể, là một, không hai. Pháp giới này quả thật như đức Phật đã nói là Nhất Chân pháp giới. Nói "mười pháp giới" hoặc "chín pháp giới", hay nói lục đạo, đều là đức Như Lai nói phương tiện, pháp giới xác thật là Nhất Chân. Từ nghĩa lý của Pháp Thân, chúng ta có thể thấu hiểu rất rõ ràng; vì thế, nó là *"dĩ Lý vi thân"* (dùng Lý làm thân), *"như Lý vi mạng"* (như Lý làm mạng), đó là vô lượng thọ, thật sự vô lượng, [bởi lẽ] Lý là vô lượng vô biên.

(Diễn) Báo Thân dĩ trí huệ vi thân cố tức trí huệ vi mạng.

(演)報身以智慧為身故即智慧為命。

*(**Diễn**: Do Báo Thân lấy trí huệ làm thân nên trí huệ chính là mạng).*

Cớ sao biết có Lý? Quý vị đã biết có Lý ấy, thấu hiểu cái Lý ấy. Sự nhận biết, thấu hiểu ấy chính là trí huệ Bát Nhã. Do vậy có thể biết, Báo Thân là nói tới trí huệ, là cái có thể biết. Pháp Thân là Lý được biết (sở tri chi Lý), Báo Thân là trí huệ nhận biết [cái Lý ấy] (năng tri chi Trí). Năng và Sở chẳng hai, năng tri và sở tri là một, không hai. Nếu coi là hai, sai rồi, chúng là một chuyện. Do vậy có thể biết: Trong Phật pháp chẳng có Năng và Sở đối lập, tự mình biết chính mình, Năng và Sở đều là chính mình. Vì thế, Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc, cũng là vô lượng thọ, Pháp Thân là chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc.

Khi quý vị chưa khai ngộ, mê mất chính mình, tức là mê mất Pháp Thân của chính mình, nay chúng ta giác ngộ, đã tìm được chính mình. Nay chúng ta có giác ngộ hay không? Có tìm được hay không? Thưa cùng chư vị, hiện thời là nghe nói mà thôi, chẳng tìm được, cũng chẳng giác ngộ, chỉ là nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói có một chuyện như thế. Đức Phật bảo cho chúng ta biết tin tức này, tìm lại chính mình như thế nào? Đó là một đại sự trọng yếu từ nay trở đi. Phải tìm lại chính mình, Thiền Tông thường nói *"phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục"* (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra) tức là nói tới Pháp Thân. Phải dùng thứ gì để tìm lại nó? Phải dùng trí huệ. Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ từ Thiền Định mà có. Vì thế, quý vị chẳng có Định, sẽ chẳng có trí huệ, chắc chắn chẳng tìm được chính mình.

Vì lẽ đó, học Phật, chư vị đồng tu ngàn muôn phần phải ghi nhớ, muốn thật sự được thọ dụng, phải lấy Định làm then chốt. Đức Phật đã nói rất rõ ràng: Tu học phải có thứ tự, chẳng thể tràn lan. Thứ tự chính là trước hết đoạn phiền não, sau đó học pháp môn. Sau khi đoạn hết phiền não bèn khai ngộ, sau khi đã khai ngộ bèn thông đạt hết thảy các pháp môn. Vì thế, học pháp môn vào lúc nào? Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm là gương mẫu tốt nhất, đó chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta cách học Phật pháp như thế nào. Trong quá khứ, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã tán thán Phật pháp tột bậc, nhất là kinh Hoa Nghiêm. Cụ là một triết gia, công nhận kinh Hoa Nghiêm là sách khái luận triết học hay nhất trên toàn thế giới xưa nay, trong ngoài nước. Kinh có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh vi. Cuối kinh còn có biểu diễn, năm mươi ba lần tham học nhằm làm cho chúng ta thấy. Cụ nói: "Trên thế giới há có sách giáo khoa nào hoàn bị dường ấy?" Thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta hiểu rõ, khi nào Thiện Tài đồng tử học vô lượng pháp môn? Sau khi đã đại triệt đại ngộ dưới tòa của Văn Thù Bồ Tát, mới có tư cách "pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Ngài "phiền não vô tận thệ nguyện đoạn" trong hội của Văn Thù Bồ Tát, theo thầy, chẳng có gì khác, đoạn phiền não mà thôi! Phiền não đã đoạn hết, Văn Thù Bồ Tát mời Ngài đi tham học, nhằm thành tựu vô lượng pháp môn. Giáo học cổ đại tại Trung Quốc đều căn cứ theo phương pháp lý luận này. Trước khi khai ngộ, chẳng có tư cách tham học! Tham học là chuyện sau khi đã khai ngộ. Khai ngộ là cảnh giới gì? Là cảnh giới của bậc Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát theo kinh Hoa Nghiêm, vượt trỗi A La Hán quá nhiều. A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng có đủ tư cách đi tham học.

Người trẻ tuổi trong hiện thời rất lỗi lạc, vừa học Phật bèn tham học, chẳng cần *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, vừa bắt đầu bèn là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, chắc chắn là chẳng thể nào [có thành tựu được]! Học pháp môn như vậy, đúng là "tà tri, tà kiến" như Thanh Lương đại sư đã viết trong phần giảng giải tựa đề kinh của bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao. Sở học và sự thành tựu đều là tà tri, tà kiến, quý vị nói xem có hỏng bét hay là không? Đó chẳng phải là trí huệ. Trong Phật pháp, nói dễ nghe hơn một chút là Thế Trí Biện Thông, đó là tà tri, tà kiến. Do vậy có thể biết, đoạn phiền não trọng yếu dường ấy! Các đồng tu chúng ta nhất định phải ghi nhớ điều này!

Nay chúng ta dùng phương pháp gì để đoạn phiền não? Phương pháp rất nhiều, thường nói là là tám vạn bốn ngàn pháp môn, chúng đều là phương pháp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn có thể quy nạp thành bốn loại lớn: Thứ nhất là tham Thiền, đây là một phương pháp. Loại thứ hai là đọc kinh, Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh, đọc tụng; Tịnh Độ Tông dùng phương pháp niệm Phật; Mật Tông dùng phương pháp trì chú. Bốn loại phương pháp này đều nhằm tu Định, do đã Định bèn có thể khai Huệ. Chẳng hề nói: Kẻ tâm bất định, còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn mà có thể học pháp môn, chẳng thể nào có chuyện ấy được! Mở kinh bổn ra, chữ nào cũng đều biết, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa! Ý nghĩa trong kinh từ chỗ nào lưu lộ? Từ tâm thanh tịnh lưu lộ. Quý vị mới biết tu tâm thanh tịnh là căn bản to lớn trong giáo học Phật pháp. Tâm chẳng thanh tịnh, vô dụng!

Muốn cho tâm được thanh tịnh, phương pháp quan trọng nhất là phải trì giới. Giới là kỹ xảo nhằm giúp cho chúng ta đạt đến thanh tịnh. Tâm địa đã thanh tịnh bèn có những cái được gọi là Đạo Cộng Giới và Định Cộng Giới, tâm thanh tịnh làm sao có thể lầm lỗi cho được? Chẳng phạm lầm lỗi! Người đắc Thiền Định chẳng phạm lầm lỗi, tâm người ấy định, nên gọi là Định Cộng Giới. Do trí huệ hiện tiền, nên gọi là Đạo Cộng Giới. *"Đạo"* được nói trong Phật pháp chính là trí huệ Bát Nhã, ở đây nói là *"dĩ trí huệ vi thân"* (lấy trí huệ làm thân), *"dĩ trí huệ vi mạng"* (lấy trí huệ làm mạng). Giới, Định, Huệ Tam Học. Người ấy khai Huệ, khai Huệ là Đạo Cộng Giới. Trước khi khai Huệ phải có Định, Định ở địa vị này được gọi là Định Cộng Giới, ngay cả Định cũng chẳng có thì là Luật Nghi Giới!

Do vậy có thể biết: Từ sơ học mãi cho đến khi thành Phật đều chẳng lìa khỏi giới luật! Luật Nghi Giới là có sự tướng. Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới có khi chẳng có sự tướng. Chúng ta biết, mục đích của giới luật là giúp cho chúng ta đắc Định, mục đích của Định là giúp chúng ta khai Huệ. Mục tiêu chung cực của Phật pháp là khai Huệ, mở mang trí huệ. Trí huệ vừa khai, bèn chứng đắc Báo Thân. Vì thế, nói theo Viên Giáo, Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, Báo Thân liền hiện tiền. Sơ Trụ là Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân, ba thân đều cùng hiện tiền. Chúng ta học Phật phải hiểu đạo lý này, phải hiểu phương pháp tu học này thì chúng ta mới có thể thành tựu.

Nay chúng ta niệm kinh thì mục đích niệm kinh là gì? Vì sao phải

niệm kinh? Vì sao phải niệm Phật? Nhất định phải hiểu! Chẳng niệm kinh, không niệm Phật, bèn dấy vọng tưởng, vọng tưởng là gì? Vọng tưởng là nghiệp chướng. Có người nói: "Tôi nghiệp chướng rất nặng!" Quý vị hỏi người ấy: "Nghiệp chướng là gì?" Người ấy cũng chẳng thể nói ra. Tội nghiệp rất nặng, nhưng tội nghiệp là gì thì cũng chẳng hiểu rõ! Kinh Địa Tạng đã giảng rõ ràng: *"Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội"* (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội). Tội nghiệp là gì? Tội nghiệp là khởi tâm động niệm, là dấy vọng tưởng. Do vậy có thể biết, người học Phật đang học những gì? Chỉ nhằm trừ bỏ vọng tưởng mà thôi! Vọng tưởng đã trừ bỏ, tâm định, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Học Phật rốt cuộc là học gì, tu gì? Nhất định phải hiểu rõ những điều này! Tuyệt đối chẳng phải là ta niệm bao nhiêu bộ kinh, hoặc niệm bao nhiêu bộ luận, ta cũng có thể viết lách, cũng có thể giảng giải, vô dụng! Mọi người trên thế gian đều có thể làm được điều ấy. Coi Phật pháp như một loại học thuật thế gian để nghiên cứu, người ấy làm chuyện thuộc về Phật học, chẳng phải là chuyện học Phật. Học Phật là phải hành trì Giới, Định, Huệ, còn Phật học là lo toan Thế Trí Biện Thông, hoàn toàn là hai chuyện [khác hẳn nhau]! Học Phật thì thành tựu là công đức. Phật học, thành tựu là tạo nghiệp, chẳng phải là công đức. Không chỉ chẳng có công đức, mà nói thật thà, phước đức cũng chẳng có. Thật sự nói lời thật thà thì là "tạo nghiệp"! Bản thân chúng ta rốt cuộc là đang tu tập, tích lũy công đức, hay vẫn là đang tạo nghiệp? Chẳng thể không hiểu rõ điều này.

(Diễn) Ứng Thân dĩ ứng cơ phó cảm vi thân, cố dĩ nhân duyên vi mạng.

(演)應身以應機赴感為身故以因緣為命。

*(**Diễn**: Vì Ứng Thân do cảm ứng thuận theo căn cơ, nên lấy nhân duyên làm mạng).*

Ứng Thân là Dụng, Pháp Thân là Thể, Báo Thân là Tướng. Ứng Thân là khởi tác dụng, từ Thể khởi tác dụng, tác dụng gì vậy? Giúp người khác khai ngộ, giúp người khác chứng đắc Pháp Thân. Vì lẽ đó, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, đó là *"ứng cơ phó cảm"*. Chữ Cơ (機) chỉ hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh mong được

học, chỉ cần quý vị dấy một niệm muốn học, sẽ lập tức cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát liền hiện thân. Các đồng tu nhất định phải biết một đạo lý, đấy là chân lý: Phật, Bồ Tát có thể ứng cơ phó cảm, yêu ma quỷ quái cũng có thể ứng cơ phó cảm. Trong tâm quý vị nghĩ đến quỷ, quỷ liền đến. Nghĩ tưởng yêu quái, yêu quái bèn hiện tiền. Quý vị nghĩ gì bèn hiện nấy, vì sao? Vì Pháp Thân là tự tánh, tự tánh vốn sẵn đầy đủ hết thảy vạn pháp. Phật ở trong tự tánh, Bồ Tát cũng ở trong tự tánh, yêu ma quỷ quái thảy đều ở trong tự tánh. Ứng cơ phó cảm là bản tánh phó cảm, chẳng phải là gì khác! Người hiện thời ham chuộng kỳ quái. Ý niệm kỳ quái ấy vừa động, yêu ma quỷ quái đều đến, Phật, Bồ Tát đều chẳng thấy, vì sao? Phật, Bồ Tát chẳng có cơ duyên, nhưng yêu ma quỷ quái có cơ duyên.

Cơ duyên gì vậy? Thích cảm ứng, chuộng thần thông, ham Thiền Định, thích làm các chuyện ấy, chuộng thấy thần, thấy quỷ, ngỡ những chuyện ấy là rất tuyệt vời! Chỉ cần quý vị động một niệm ấy, bèn có [cơ duyên gặp gỡ yêu ma quỷ quái], thật sự trông thấy, tiếp xúc, thấy người ta phóng quang, thấy thân hình kẻ ấy ngồi ở đó mà lìa khỏi mặt đất ba thước. Tâm như thế nào bèn có cảm ứng như thế ấy. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vốn sẵn trọn đủ. *"Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*. Quý vị tưởng Phật sẽ thấy Phật, tưởng Bồ Tát sẽ thấy Bồ Tát. Đó là ta mong thành Phật, mong thành Bồ Tát, trọn chẳng phải là mong thấy Phật, thấy Bồ Tát. Quý vị muốn thấy thì sai bét rồi! *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, đức Phật đã nói rất rõ ràng [như vậy] trong kinh Kim Cang. Do bản thân chúng ta mong thành Phật, thành Bồ Tát, mong minh tâm kiến tánh, cho nên khởi cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát.

Ứng Thân là có thọ mạng, thọ mạng là *"nhân duyên vi mạng"* (lấy nhân duyên làm mạng). Có duyên phận này, Phật sẽ trụ trong thế gian này. Chẳng có duyên phận, Phật liền diệt độ, cũng chẳng hiện hình. Chính là ý nghĩa *"sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt mất từ nơi đó"*. [Do trong thế gian có] nhiều người học Phật, thời gian Phật trụ thế bèn lâu hơn một chút. Ít người học Phật, thời gian Ngài trụ thế bèn ngắn hơn đôi chút. Chẳng phải là đức Phật hữu ý trụ thế dài hay ngắn, chẳng phải vậy, Ngài chẳng có ý nghĩ ấy. Nếu có ý nghĩ ấy, Ngài là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Do Ngài chẳng có ý nghĩ, đức Phật trụ thế dài hay ngắn tùy thuộc duyên phận của chúng sanh, tức là [tùy thuộc] cơ duyên tu học của

chúng sanh. Vì lẽ đó, thọ mạng của Phật, Bồ Tát do từ chỗ này mà có!

Thuở đức Phật trụ thế, các đệ tử chẳng biết cầu Phật trụ thế, quên bẵng, sơ sót chuyện này. Ma Vương Ba Tuần thấy đức Phật hằng ngày đều độ chúng sanh, dạy chúng sanh ai nấy đều vượt thoát tam giới, trong tâm hắn rất bồn chồn. Do chẳng có ai thỉnh Phật trụ thế thì hắn ta đến [chỗ đức Phật], đến để làm gì? Thỉnh Phật hãy mau chóng nhập Bát Niết Bàn, thỉnh Phật ra đi ngay lập tức: "Ngài ở đây đã độ chẳng ít người, cũng được rồi, đủ rồi, chẳng cần độ thêm nữa". Đức Phật rất từ bi, nhận lời. Đức Phật chẳng nói dối, đã đáp ứng thì nhất định phải thực hiện. Vì lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Bát Niết Bàn sớm hai mươi năm là do Ma Vương Ba Tuần khải thỉnh, các đệ tử nhất thời hồ đồ, bỏ sót!

(Diễn) Nhân tức chúng sanh năng cảm chi nhân, duyên tức chư Phật năng ứng chi duyên. Nhân duyên thời chí, cảm ứng đạo giao, nhân duyên biệt ly, cảm ứng tư mẫn.

(演)因即眾生能感之因，緣即諸佛能應之緣，因緣時至，感應道交，因緣別離，感應斯泯。

*(**Diễn**: Nhân là chúng sanh có thể cảm, duyên là chư Phật có thể ứng. Khi nhân duyên đã tới, bèn cảm ứng đạo giao. Khi nhân duyên đã tách lìa, sự cảm ứng bèn chấm dứt).*

Đây là nói về Ứng Thân. Chúng ta cần phải biết cảm ứng đạo giao cùng Phật thì cảm ứng theo cách nào? Nay chúng ta cầu Phật, toàn là cảm ứng yêu ma quỷ quái kéo đến, vì sao chẳng thể cảm ứng Phật, Bồ Tát thật sự hiện tiền? Điều này đáng cho chúng ta nghiêm túc phản tỉnh: Chúng ta đã dụng tâm sai lầm mất rồi! Chúng ta chẳng dùng chân tâm, mà dùng vọng tâm. Vọng tâm chẳng thể khởi cảm ứng cùng Phật, Bồ Tát. Đừng nói là cảm ứng với Phật, Bồ Tát, từ A La Hán trở lên [mà dùng vọng tâm thì] đều chẳng có cách nào cảm ứng. Vọng tâm có thể cảm lục đạo, vì lục đạo phàm phu, dẫu là chư thiên thuộc cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng vẫn dùng thức thứ sáu, tức tâm ý thức. Nay chúng ta dùng thức thứ sáu, tức tâm ý thức, để cầu Phật, Bồ Tát, sẽ chẳng cảm được vị Phật thật sự.

Nếu muốn cảm ứng đạo giao với Phật, Bồ Tát, phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính thì mới được, mới có thể cảm ứng đạo giao. Dùng cái tâm thị phi, nhân ngã; tâm tham, sân, si, mạn; tâm ganh tỵ, ngu si, làm sao có thể cảm ứng đạo giao cùng

thánh nhân? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Đừng nói là trong thời đại này, Phật, Bồ Tát chẳng đến, chẳng phải vậy, mà là do chúng ta chẳng có cách nào khởi cảm ứng cùng các Ngài. Chúng ta vẫn tưởng chính mình thông minh, học Phật như vậy, cả một đời này vẫn luống uổng, rất khó thành tựu.

Tu hành, trong ba nghiệp thân, khẩu, ý, quan trọng nhất là ý nghiệp, cũng là tu từ tâm địa, sửa đổi quan niệm và tư tưởng sai lầm. Tâm đã chánh, ngôn ngữ và sự tạo tác nơi thân thể tự nhiên đều chánh. Vì thế, người biết tu bèn tu từ căn bản, căn bản là tu pháp môn tâm địa. Người Tiểu Thừa tu theo sự tướng, người Đại Thừa tu từ tâm địa. Đối với giới luật, Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Vì thế, tại Thái Lan, Tích Lan, hàng Tiểu Thừa xem thường Đại Thừa Phật giáo của Trung Quốc! Vì sao? [Nhìn bề ngoài] Đại Thừa Phật giáo chẳng trì giới, họ (Tiểu Thừa) trì giới rất nghiêm, nhưng trì nơi sự tướng. Giới Đại Thừa trì nơi tâm địa. Nếu tâm địa chẳng thanh tịnh, nói thật thà, đúng là chẳng bằng họ. Do đó, giới Đại Thừa khó hơn giới Tiểu Thừa quá nhiều. Giới Đại Thừa xét theo chỗ khởi tâm động niệm.

Hiểu rõ đạo lý tam thân trong đoạn này, đồng thời, quý vị cũng biết cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát như thế nào. Phải biết: Hết thảy chư Phật, hết thảy Bồ Tát hiện hữu khắp nơi, vì sao? Pháp Thân trọn khắp pháp giới. Pháp Thân Phật, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Tỳ Lô Giá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Pháp Thân trọn khắp hết thảy mọi nơi, há có chỗ nào chẳng tồn tại! Thiền Tông Trung Hoa có một công án kể rằng: Có một chú tiểu sa-di rất nghịch ngợm, đại tiện trong Đại Hùng Bảo Điện, rắn mắt quá sức! Hết nói nổi luôn! Thầy duy-na trông thấy bèn vội báo lên Trụ Trì, phải xử phạt nó, đại bất kính đối với đức Phật! Kết quả là hòa thượng đến mắng nó: "Ngươi làm vậy, quá thiếu cung kính", tiểu sa-di trả lời bằng một câu: "Xin hòa thượng kiếm chỗ nào chẳng có Phật để con đại tiện". Một câu nói khiến hòa thượng bí rị, tìm chẳng thấy! Tận hư không khắp pháp giới đều là Phật hóa thân, đến chỗ nào để tìm [một nơi chẳng có Phật]! Lão hòa thượng quá chấp tướng, bị một câu nói cảnh tỉnh, lão hòa thượng bèn khai ngộ. Đó là người thật sự khai ngộ, dùng kỹ xảo ấy để giúp cho người khác khai ngộ.

Vì thế, đối với cảm ứng đạo giao, ngàn vạn phần đừng hiểu lầm là chỉ có Phật mới có cảm ứng đạo giao, mà [thật ra] yêu ma quỷ quái thảy

đều cảm ứng đạo giao với quý vị! Lý là một; do đó, tâm chánh, tâm thanh tịnh quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác! Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có bao giờ chẳng do cảm ứng đạo giao biến hiện? Tùy thuộc ý niệm của quý vị biến đổi theo cách nào. Đúng như kinh Đại Thừa đã nói *"duy tâm sở hiện"*, cảnh giới do tâm hiện, *"duy thức sở biến"*. Duy tâm sở hiện bèn hiện Nhất Chân pháp giới, biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới là biến như thế nào? Do thức biến, thức là phân biệt, chấp trước, kinh Hoa Nghiêm nói là "vọng tưởng, chấp trước". Nếu chẳng có vọng tưởng, chấp trước, sẽ bất biến, bất biến chính là Nhất Chân! Pháp giới là Nhất Chân. Hễ có vọng tưởng, chấp trước, liền biến Nhất Chân thành mười pháp giới. Trong mười pháp giới có thù thắng, có kém cỏi, nhưng trong Nhất Chân pháp giới chẳng có thù thắng hay kém cỏi, mà là bình đẳng.

Do đó, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nhất định phải học, học gì vậy? Gặp chuyện quái lạ nào cũng đừng nghĩ là lạ, tâm chúng ta sẽ thanh tịnh. Chớ nên bị dao động bởi hoàn cảnh, chớ nên bị nhuốm bẩn bởi hoàn cảnh, hãy tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng trong hoàn cảnh, đó là đúng. Thấy người lành, chuyện tốt cũng thế, mà thấy kẻ ác, chuyện xấu cũng thế, đều coi bình đẳng, đó là thật sự tu hành. Đương nhiên, công phu của chúng ta còn chưa đủ, vẫn chưa có cách nào tu tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng trong hai cảnh giới cực đoan, công phu chưa đến mức! Khi công phu chưa đến mức, tốt nhất là xa lìa chúng, tâm chúng ta sẽ thanh tịnh.

Tâm địa thật sự thanh tịnh, cũng chẳng phải là cố ý tiếp cận, vì sao? Hóa độ chúng sanh. Chúng sanh ở nơi nào cơ duyên đã chín muồi, mời quý vị đến giảng kinh, thuyết pháp, mời quý vị trụ trì đạo tràng, quý vị có thể đến đó. Xưa kia, trụ trì đạo tràng toàn là Phật, Bồ Tát, hoặc bậc tái lai, vì sao? Trong cảnh giới chẳng động tâm thì mới có tư cách trụ trì giáo hóa một phương. Vẫn bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng thì chỉ có thể làm học trò, làm thanh tịnh chúng, chẳng thể trông nom sự vụ. Trông nom sự vụ sẽ phải tiếp xúc với người khác, hễ tiếp xúc với người khác mà còn có phiền não, phiền não ngày càng tăng trưởng, trái nghịch đạo tâm. Người học đạo mong sao phiền não mỗi ngày một ít đi, chẳng thể là ngày một tăng thêm. Ngày một tăng thêm là tu lục đạo luân hồi, tu ba ác đạo, sai mất rồi, chắc chắn là chẳng thể làm theo cách ấy! Vì thế, đối với cảm ứng đạo giao, chúng ta nhất định phải liễu giải, nhất định phải coi trọng.

(Sao) Quán Kinh Sớ vân: "Thị đồng sanh diệt, hữu thỉ hữu chung giả, Ứng Thân thọ dã. Nhất đắc vĩnh đắc, hữu thỉ vô chung giả, Báo Thân thọ dã. Phi thọ, phi bất thọ, vô thỉ vô chung giả, Pháp Thân thọ dã".

(鈔)觀經疏云：示同生滅，有始有終者，應身壽也；一得永得，有始無終者，報身壽也；非壽非不壽，無始無終者，法身壽也。

*(**Sao**: Quán Kinh Sớ viết: "Thị hiện cùng sanh diệt [giống như chúng sanh], có khởi đầu, có kết thúc, đó là thọ mạng của Ứng Thân. Hễ đạt được sẽ vĩnh viễn đạt được, có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Báo Thân. Chẳng phải là thọ, chẳng phải là không thọ, chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Pháp Thân").*

Giảng về vô lượng thọ, đối với vô lượng thọ bèn giảng giải theo ý nghĩa của ba thân.

(Diễn) Quán Kinh Sớ vân hạ thập cú.

(演)觀經疏云下十句。

*(**Diễn**: Mười câu kể từ "Quán Kinh Sớ viết" trở đi).*

Chính là đoạn chúng ta vừa đọc.

(Diễn) Lục đạo hữu sanh diệt, Pháp Thân khởi ứng, diệc thị hữu sanh diệt, vương cung giáng tích, song lâm Niết Bàn, hữu thỉ, hữu chung, Ứng Thân thọ dã.

(演)六道有生滅，法身起應，亦示有生滅，王宮降蹟，雙林涅槃，有始有終，應身壽也。

*(**Diễn**: "Có sanh diệt trong lục đạo": Pháp Thân ứng hiện, cũng thị hiện có sanh diệt, thị hiện giáng sanh trong cung vua, nhập Niết Bàn chốn Song Lâm, có khởi đầu, có kết thúc, đó là thọ mạng của Ứng Thân).*

Lấy đức Phật làm thí dụ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong nhân gian, thị hiện trong lục đạo. Thị hiện trong lục đạo bèn giống như lục đạo. Nếu thị hiện khác biệt, rất khó kiến lập sự giáo hóa. Nếu đức Phật thị hiện trụ trong thế gian, mãi cho đến nay vẫn còn hiện diện, chúng ta có thể học theo Ngài hay chăng? [Chúng ta sẽ thưa]: "Ngài là

Phật! Ngài sống hơn ba ngàn năm, chứ chúng con thì không được, chúng con làm sao có thể học được?" Học chẳng được, mọi người chẳng chịu học theo Ngài. Nhất định là phải thị hiện có hoàn cảnh sống giống như chúng ta, sau đấy mới bảo: "Ta có thể làm được thì các vị cũng có thể làm được". Chúng ta suy nghĩ bèn gật đầu: "Chẳng sai! Ngài làm được thì con cũng có thể làm được!" Đó là phương tiện giáo hóa nhiếp thọ chúng sanh. Đức Phật xuất hiện trong nhân gian, có thọ mạng giống như loài người. Nếu thị hiện trên cõi trời, sẽ có thọ mạng giống như chư thiên. Ngài ở trong đường nào, nhất định phải có tình huống giống như chúng sanh trong đường ấy. Đây là nói về thọ mạng của Ứng Thân, nói theo sự cảm ứng.

(Diễn) Tam kỳ hạnh mãn, vô minh đoạn tận, Bát Nhã hiện tiền, tùng Tự Thọ Dụng, hiện Tha Thọ Dụng, ư Sắc Cứu Cánh Thiên hiện tối cao đại thân, tận vị lai tế thuyết pháp giáo hóa, hữu thỉ vô chung giả, Báo Thân thọ dã.

(演)三祇行滿，無明斷盡，般若現前，從自受用，現他受用，於色究竟天現最高大身，盡未來際說法教化，有始無終者，報身壽也。

*(**Diễn**: Tu hành trọn ba A-tăng-kỳ, đoạn sạch vô minh, Bát Nhã hiện tiền, từ Tự Thọ Dụng hiện Tha Thọ Dụng, hiện thân to lớn cao nhất trong Sắc Cứu Cánh Thiên, thuyết pháp, giáo hóa đến tận đời vị lai, có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Báo Thân).*

"Tam kỳ" là ba A-tăng-kỳ kiếp. Trong hết thảy các kinh, đức Như Lai thường bảo từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật phải mất thời gian bao lâu? Phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp. Sơ phát tâm tuyệt đối chẳng phải là nói chúng ta phát tâm trong hiện thời. Nói thật thà, hiện thời chúng ta về căn bản là chẳng phát tâm, đạo tâm của chúng ta trong hiện thời, nói theo thuật ngữ Phật giáo là *"lộ thủy đạo tâm"* (đạo tâm mong manh như sương buổi sáng). Sương buổi sáng thì mặt trời vừa mọc liền tan mất, đạo tâm như sương buổi sáng chẳng thể coi là phát tâm được! Sơ phát tâm như kinh đã nói là sơ phát tâm theo kiểu nào? Quý vị hãy đọc Đại Thừa Khởi Tín Luận, [nói] *"Đại Thừa Khởi Tín"* thì Khởi là mới vừa phát tâm, quý vị có thể nhập cảnh giới của Đại Thừa Khởi Tín Luận thì mới được coi là thật sự phát tâm. Bắt đầu kể từ ngày hôm ấy, [trải qua] ba A-tăng-kỳ kiếp bèn thành Phật. Thật sự chẳng dễ dàng! Sơ phát tâm

thì mức độ thấp nhất là phải chứng đắc Vị Bất Thoái. Vị Bất Thoái là địa vị gì? Tiểu Thừa Sơ Quả. Tiểu Thừa Sơ Quả là cảnh giới gì? Kinh đã dạy rất rõ, phải đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, tính từ ngày hôm ấy trở đi. Kể từ ngày hôm ấy, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Nếu chẳng đạt tới cảnh giới này, thảy đều chẳng tính. Trong đời quá khứ, chúng ta tu hành không chỉ là ba A-tăng-kỳ kiếp, mà là đã tu vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nhưng mỗi đời mỗi kiếp đều chẳng đạt tới tiêu chuẩn này, nên thoái chuyển trong lục đạo. Tiến tiến lùi lùi, không ngừng thoái chuyển, chẳng có lần nào đạt tới tiêu chuẩn Vị Bất Thoái. Nếu quý vị đạt tới tiêu chuẩn này, quyết định sẽ chẳng làm phàm phu, chẳng thoái chuyển. Do đó, ba đại A-tăng-kỳ kiếp là tính từ Vị Bất Thoái. Nói theo Viên Giáo, sẽ là Sơ Tín Vị Bồ Tát. Quả vị Viên Giáo Bồ Tát gồm năm mươi mốt giai cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, năm mươi mốt địa vị. Năm mươi mốt địa vị phải tu ba A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể tu viên mãn, gọi là *"hạnh mãn"*, khi ấy *"vô minh đoạn tận"*, tới lúc ấy, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não thảy đều đoạn tận, đã thành Phật, *"Bát Nhã hiện tiền"*.

"Tùng Tự Thọ Dụng thân, hiện Tha Thọ Dụng thân" (Từ Tự Thọ Dụng thân, hiện Tha Thọ Dụng thân): Thân Tha Thọ Dụng nhằm giáo hóa bậc Địa Thượng Bồ Tát, vì Địa Thượng Bồ Tát chứng đắc Báo Thân, thân tướng rất lớn. Trong bài kệ tán Phật có câu: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải"*. Thân tướng này của đức Phật ở trước mặt chúng ta, chúng ta chẳng thấy, quá to lớn. Đầu đức Phật to hơn địa cầu quá nhiều, hai mắt đức Phật còn to hơn Thái Bình Dương, làm sao quý vị có thể thấy được? Căn bản là chẳng thấy. Bạch Hào là một trong ba mươi hai tướng, là hai sợi lông quấn lại một chỗ giữa hai chân mày giống như một hạt châu, to cỡ nào? To bằng năm quả núi Tu Di. Báo Thân Bồ Tát cũng là thân to dường ấy. Quý vị muốn hóa độ họ, cũng hiện thân to ngần ấy. Nếu không, quý vị hiện thân tướng nhỏ, họ sẽ không thấy quý vị, mà quý vị cũng chẳng thấy họ, nhất định phải là hiện thân tướng bằng nhau. Vì thế, hiện thân to lớn là Tha Thọ Dụng, cũng là Địa Thượng Bồ Tát cảm ứng Phật tướng có thân tướng to lớn ngần ấy. *"Ư Sắc Cứu Cánh Thiên hiện tối cao đại thân"* (Trong Sắc Cứu Cánh Thiên, hiện thân to lớn cao nhất), Sắc Cứu Cánh Thiên là tầng trời cao nhất trong Tứ Thiền Thiên, cao nhất trong Sắc Giới. Lên cao hơn nữa là Vô Sắc Giới bèn chẳng có thân tướng, *"tận vị lai tế thuyết pháp*

giáo hóa" (thuyết pháp giáo hóa đến tận đời vị lai).

Chư vị phải biết: Thuyết pháp giáo hóa chúng sanh phải là chuyện sau khi chính mình đã khai trí huệ. Trí huệ chưa khai, thuyết pháp phải cẩn thận. Cổ nhân đã có tiền lệ rồi đó: *"Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời"*, đó là chuyện rất đáng sợ! Quyết định chẳng thể tùy tiện nói, càng chẳng thể tùy tiện viết. Giảng kinh chẳng thể tùy tiện giảng, kinh điển đương nhiên càng chẳng thể tùy tiện phiên dịch. Hiện thời có nhiều người muốn dịch kinh Phật sang tiếng Anh, vấn đề này rất nghiêm trọng! Chính mình trí huệ chẳng hiện tiền, phiền não chẳng đoạn sạch, chớ nên lỗ mãng. Tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, các vị Tam Tạng pháp sư dịch kinh, mức độ thấp nhất đều là thánh nhân đã chứng từ Tam Quả trở lên, tâm các Ngài thanh tịnh lắm nên mới có khởi tác dụng cảm ứng với Phật. Nhất là đối với bộ kinh này, Ngẫu Ích đại sư nói: Nếu chẳng do Phật lực gia trì, hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới tuyệt đối chẳng thể cậy vào năng lực của chính mình để tin hiểu, chẳng phải là chuyện đơn giản! Nhất định phải cầu cảm ứng, mong cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Cầu cảm ứng chỉ có một phương pháp là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, cung kính thì mới có thể được Phật, Bồ Tát gia trì. Trong tâm có thị phi, nhân ngã, có tà niệm, có [ý niệm ham cầu] tiếng tăm, lợi dưỡng, quyết định chẳng thể được Phật lực gia trì, mà được yêu ma quỷ quái gia trì. Yêu ma quỷ quái phá hoại chánh pháp, chúng lợi dụng quý vị, quý vị lợi dụng chúng, đôi bên kết hợp làm công tác hủy diệt Phật pháp, quả báo trong tương lai là A Tỳ địa ngục, hết sức đáng sợ!

Do đó, phải ghi nhớ, Bát Nhã hiện tiền. Chuyện này khó lắm! Rất khó! Nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ có nói, chuyện này chẳng khó, chẳng khó là vì người có phước mới được gặp gỡ. Kẻ chẳng có duyên, chẳng có phước báo sẽ chẳng gặp! Vì sao? Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà là chân thật huệ! Kinh dạy *"trụ chân thật huệ"*, Trụ là tâm an trụ, an trụ trong trí huệ chân thật. Trí huệ Bát Nhã chân thật là gì? Là kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị có thể mỗi ngày đọc tụng là trụ chân thật huệ, thọ trì một câu danh hiệu này, Nam-mô A Di Đà Phật chính là trụ chân thật huệ. Trong tâm quý vị chẳng trụ chân thật huệ, nhất định sẽ dấy vọng tưởng. Dấy vọng tưởng thì nói thật thà sẽ là tu lục đạo luân hồi. Chẳng dấy vọng tưởng thì niệm kinh hay niệm Phật hiệu đều là tu Tây Phương Tịnh Độ.

Mỗi ngày quý vị phải lắng lòng suy tưởng, hôm nay ta đã tu lục

đạo luân hồi bao nhiêu tiếng đồng hồ? Tu Tây Phương Cực Lạc thế giới mấy tiếng đồng hồ? Nếu thời gian tu lục đạo luân hồi dài, thời gian tu thế giới Tây Phương ít ỏi thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo, vẫn chẳng thể vãng sanh! Nếu tu thứ này mười hai giờ, mà thứ kia cũng là tu mười hai giờ, vẫn chẳng đáng tin cậy cho lắm! Tôi nói lời thật cùng mọi người, tôi chẳng lừa gạt các quý vị. Nếu lừa gạt quý vị tức là có lỗi với quý vị. Vì thế, tâm an trụ nơi hai bộ Đại Bổn và Tiểu Bổn, nơi một câu Phật hiệu, quyết định phải hơn mười hai tiếng đồng hồ thì chúng ta mới thật sự nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã thế, chính mình còn cảm giác nắm chắc, chính mình nhận biết, vì sao? Tâm đã thanh tịnh, phiền não quả thật ít hơn, vọng niệm ít hơn, chẳng còn muốn làm chuyện thị phi, nhân ngã, trong hết thảy các pháp, ý niệm tham, sân, si dần dần nhạt mỏng hơn. Đó gọi là *"thấy thấu suốt, buông xuống"*, là tiến bộ, là lợi ích chân thật, đức Phật ban cho chúng sanh lợi ích chân thật chính là những điều này. Đối với các pháp môn khác, thưa cùng chư vị, chẳng tìm thấy [những lợi ích ấy], chỉ riêng pháp môn này là có!

"Chân Thật Tế" chính là ba thân Pháp, Báo, Ứng đã nói trên đây, ba thân chính là Chân Thật Tế. Đại Bổn và Tiểu Bổn là kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, là chân thật huệ. Chúng ta có thể nghiêm túc thọ trì, sẽ đạt được lợi ích chân thật. Đến khi đó, trí huệ mở mang, đấy mới là *"tận vị lai tế, thuyết pháp giáo hóa, hữu thỉ vô chung"* (thuyết pháp, giáo hóa đến tận đời vị lai, có khởi đầu, chẳng có kết thúc). Đấy là vô lượng thọ, là thọ lượng của Báo Thân. Báo Thân đã là có khởi đầu, chẳng có kết thúc, thưa cùng chư vị, Ứng Hóa Thân vẫn là có khởi đầu, chẳng có kết thúc!

(Diễn) Báo, Ứng tức Pháp, cố phi thọ.

(演)報應即法，故非壽。

*(**Diễn**: Báo Thân và Ứng Thân chính là Pháp Thân, nên chẳng phải là thọ).*

Báo Thân và Ứng Thân đều từ Pháp Thân biến hóa mà ra, bản thể của chúng là thanh tịnh Pháp Thân. Đối với Pháp Thân, chẳng thể nói đến thọ và vô thọ!

(Diễn) Pháp tức Báo, Ứng, cố phi bất thọ.

(演)法即報應，故非不壽。

*(**Diễn**: Pháp Thân chính là Báo Thân và Ứng Thân, nên chẳng phải là không có thọ lượng).*

Nói theo Thể, sẽ chẳng nói tới thọ mạng. Nói theo tướng và tác dụng, bèn có thể miễn cưỡng nói đến thọ lượng.

(Diễn) Thụ cùng tam tế, vô thỉ, vô chung giả, Pháp Thân thọ dã.

(演)豎窮三際，無始無終者，法身壽也。

*(**Diễn**: Theo chiều dọc trọn khắp ba đời, chẳng có khởi đầu, không có kết thúc chính là thọ lượng của Pháp Thân).*

Khi Hiền Thủ quốc sư giảng kinh Hoa Nghiêm, đã nêu tỷ dụ: *"Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"*, vàng là gì? Pháp Thân. Đồ vật là Báo Thân và Ứng Thân, đều do Pháp Thân biến hóa. Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Nói thật thà, Ứng Thân và Hóa Thân cũng là chẳng có khởi đầu và kết thúc. Đó là nói chân tướng với chư vị, đó là Thật Tướng của các pháp. Lời này thoạt nghe dường như rất khó hiểu, nhưng người hiện thời đã có kiến thức khoa học, sẽ chẳng khó hiểu cho lắm! Các khoa học gia hiện tại đã chứng thực: Vật chất bất diệt. Ứng Thân là vật chất, vật chất bất diệt thì phải là vô lượng thọ, phải là chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Lại nói tinh thần bất diệt, tinh thần là trí huệ, là Báo Thân. Báo Thân cũng là vô lượng thọ, cũng là bất sanh, bất diệt, vì sao? Thể là bất sanh, bất diệt. Ba thân tuy một mà ba, tuy ba mà một, chẳng thể tách nó làm ba thân.

Nếu chư vị khế nhập từ chỗ này, chúng ta cũng rất vui sướng, vì sao? Thân hiện tại bất sanh bất diệt. Thân này do nghiệp báo mà có, là thân tướng có được bởi nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ. Nhưng kể từ hôm nay, chúng ta phải chuyển biến thân nghiệp báo thành Báo Thân thanh tịnh. Thân này do chính mình tạo ra, nên chính mình có thể chuyển. Do chính mình tạo, nên người khác chẳng có cách nào chuyển thay cho ta. Vì thế, mọi người đầu óc phải tỉnh táo, đừng bị kẻ khác lừa bịp. Mạng do chính mình tạo, quyết định là do chính mình chuyển! Nếu người khác có thể chuyển thay cho chúng ta, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, ắt sẽ chuyển thay cho chúng ta, chúng ta cũng chẳng cần phải tu hành, ai nấy đều thành Phật. Phật, Bồ Tát chẳng thể chuyển thay cho chúng ta! Phật, Bồ Tát dẫu tốt với quý vị cách mấy, ưa chuộng quý vị cách nào đi nữa, đều chẳng có cách nào chuyển nghiệp thay cho quý

vị. Vì thế, sửa đổi vận mạng, chuyển biến quả báo, thảy đều phải cậy vào chính mình.

Những điều chúng tôi nói hôm nay chính là nguyên lý, đã hiểu Lý thì về Sự đương nhiên sẽ là chuyện có thể thực hiện được! Do đó, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực tu học nơi sự tướng, điều then chốt trong sự tu học là quyết định phải đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Thiện ác là gì? Đức Phật đã dạy một tiêu chuẩn rất thấp: Phàm những gì có lợi ích cho chính mình đều là ác, phàm những gì lợi ích đại chúng thì là thiện. Chúng ta nghe lời ấy có khi rất khó tiếp nhận, đối với ta có lợi ích, cớ sao là ác? Quý vị hãy nghiêm túc suy nghĩ, [sẽ thấy] đúng là như vậy. Vì Phật pháp từ đầu tới cuối là phá chấp trước, phá Ngã Chấp bèn chứng quả A La Hán, phá Pháp Chấp bèn thành Pháp Thân đại sĩ, thành Phật. Niệm niệm đều là lợi ích của ta, Ngã Chấp sẽ tăng trưởng trong mỗi niệm, quý vị vĩnh viễn chẳng thể phá [Ngã Chấp]. Nói cách khác, chẳng thể phá Ngã Chấp, bèn chẳng thể thoát tam giới, đó có phải là ác hay chăng? Niệm niệm nghĩ đến chính mình, chẳng thoát khỏi tam giới, do đó, đức Phật bảo là ác. Niệm niệm vì chúng sanh, quên bẵng chính mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới đại chúng, nghĩ tới hết thảy chúng sanh, đừng nghĩ tới chính mình, dần dần quên sạch chính mình, chẳng đoạn Ngã Chấp mà Ngã Chấp tự nhiên chẳng còn, đó là đại thiện. Hãy nên học tập điều này. Do đó, phải đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện.

Trong đoạn ác tu thiện, khẩu nghiệp là nặng nhất. Kinh Địa Tạng nói về chuyện đọa địa ngục, địa ngục có ba loại: Thân tạo tội nghiệp ít, đọa trong tiểu địa ngục. Khẩu tạo tội nghiệp nặng nề, khẩu nghiệp rất nặng, thường rêu rao lỗi lầm của kẻ khác, nói dối, nói đôi chiều. Nói đôi chiều là khơi gợi thị phi, nói chuyện chẳng chịu trách nhiệm, đáng sợ lắm! Khẩu nghiệp đọa trong mười tám địa ngục, là đọa đại địa ngục. Ý niệm càng nặng hơn, nên nói là do ý nghiệp bèn đọa Vô Gián địa ngục. Vì vậy, chúng ta nói chuyện phải hết sức cẩn thận, đừng nói tới khuyết điểm của người khác. Cổ nhân đã nói: *"Quân tử tuyệt giao, bất xuất ác ngôn"* (Quân tử nghỉ chơi, chẳng thốt lời ác), đó là đúng. Quý vị và người khác xích mích, bèn kể lể điều xấu của người ta, người khác nghe kể sẽ cảnh giác, vì sao? Ngươi đã có thể nói xấu kẻ khác, trong tương lai sẽ bêu xấu ta, ta phải kiêng dè, lánh xa ngươi! Vì thế, người đầu óc tỉnh táo đôi chút, chắc chắn chẳng dám làm bạn với quý vị, vì sao? Biết là trong tương lai nhất định sẽ bị quý vị làm hại! Trước đây, đi ra ngoài tham học, quải đơn (xin nhập chúng), sau khi người ấy rời khỏi ngôi

chùa ấy, có người hỏi: "Chùa ấy như thế nào?" Kẻ đó nói không tốt như thế này, không hay như thế nọ! Người ta nghe xong, tối đa là đãi quý vị một bữa cơm, mời quý vị lên đường, ở đây tôi không dám giữ quý vị. Vì sao? Quý vị ở đây vài hôm, đến chỗ khác, lại nói chỗ tôi đây chẳng ra gì! Không ai dám lưu quý vị! Vì thế, vẫn là chính mình bị thua thiệt, chẳng phải là ai khác, khiến cho người khác dấy lòng nghi kỵ. Do vậy, quyết định đừng kể lể lỗi lầm của kẻ khác, người như vậy, chẳng có ai không tôn trọng quý vị, chẳng có ai không ưa thích, đều bằng lòng kết bạn với quý vị. Thường kể lể lầm lỗi của kẻ khác, chính mình bị thua thiệt quá to lớn!

Quý vị biết lầm lỗi, tật xấu, đó là giác ngộ; có thể sửa đổi thì là tu hành. Tu hành chẳng phải là mỗi ngày lạy Phật, niệm Phật. Nếu làm những việc ấy một cách hình thức, sẽ chẳng có tác dụng gì, đều là thực hiện bề ngoài, bề ngoài thì chẳng có lợi ích chân thật. Phải nghiêm túc tu hành! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 191

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi mốt:

(Diễn) Hựu phi thọ giả, phi ứng đồng liên trì chi thọ. Phi bất thọ giả, phi báo trí bất liên trì thọ. Song phi nhị biên, minh trung pháp thể. Hựu thử thọ phi trường lượng, diệc phi đoản lượng, vô diên, vô xúc, vân "phi thọ, phi bất thọ" dã.

(演)又非壽者，非應同連持之壽；非不壽者，非報智不連持壽。雙非二邊，冥中法體。又此壽非長量，亦非短量，無延無促，云非壽非不壽也。

*(**Diễn**: Lại nữa, "chẳng phải thọ" là chẳng giống với thọ mạng do tướng duy trì liên tục. "Chẳng phải là không thọ" vì chẳng phải là thọ mạng của Báo Thân Trí Huệ chẳng có tướng duy trì liên tục. Đều chẳng thuộc vào hai loại ấy, ngầm khế hợp pháp thể. Thọ mạng ấy lại chẳng phải là số lượng dài, chẳng phải là số lượng ngắn, không kéo dài, chẳng rút ngắn, nên nói là "chẳng phải là thọ, chẳng phải là không thọ").*

Đoạn này nói về Pháp Thân. Pháp Thân chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, nên chẳng thể nói tới thọ và "chẳng thọ" được! Chúng ta nói

"thọ" thì nói chung là nó có số lượng. Nếu đã là vượt ngoài số lượng, sẽ chẳng thể hạn cuộc trong ngôn từ hay suy lường! Đó là nói theo Pháp Thân, chứ nói theo Ứng Thân và Báo Thân vừa được nhắc đến trong phần trước thì mới có cách nói như vậy[33]. Nếu rời khỏi Báo Thân và Ứng Hóa Thân, sẽ như nhà Thiền thường nói: *"Ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*.

"Phi thọ giả, phi ứng đồng liên trì chi thọ" ("Chẳng phải thọ" là chẳng ứng với thọ mạng do tướng tiếp nối): Ứng Hóa Thân dùng tướng liên tục để làm thọ mạng, Phật là như thế, chúng ta cũng chẳng ra ngoài lệ ấy! Nói thật ra, thân thể chúng ta sanh diệt trong từng sát-na, hiện tượng ấy là tướng tiếp nối trong từng sát-na. Nếu thật sự khế nhập Thật Tướng, sẽ hiểu cái thân hiện tại của chúng ta cũng là bất sanh, bất diệt. Vốn là chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Đạo lý này hết sức sâu, rất khó hiểu! Dẫu tỷ dụ, cũng chẳng có cách nào tỷ dụ rất thích đáng! Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví phảng phất, phải từ sự phảng phất ấy mà thấu hiểu.

Ví như chúng ta xem phim, chư vị đều biết chuyện thường thức này. Chúng ta thấy các hình ảnh trong phim, [cứ tưởng] những tướng ấy dường như là thật. Thật ra, các hình ảnh đó là một loại tướng liên tục. Chúng ta nhìn vào cuộn phim liền biết đó là hình ảnh trong từng tấm phim một, tấm phim này được chiếu lên màn bạc, ống kính [của máy chiếu phim] lập tức đóng lại [rồi mở ra] chiếu tấm phim thứ hai. Do tốc độ nhanh, chúng ta trông thấy những hình ảnh ấy giống như thật. Bất quá tốc độ của máy là một giây chiếu hai mươi bốn tấm phim, tức là ống kính đóng mở hai mươi bốn lần. Hai mươi bốn lần [đóng mở] mà đã lừa được chúng ta, [khiến cho] chúng ta ngỡ là rất giống như thật! Đức Phật bảo các hiện tượng trong hiện tiền rất giống ống kính của máy chiếu phim đóng mở, bất quá tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi chúng ta chẳng có cách nào phân biệt! Đức Phật bảo: Trong một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một phần sáu mươi của [thời gian] khảy ngón tay là một sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Một giây chúng ta có thể khảy ngón tay bốn lần, bốn nhân với sáu mươi lại nhân với chín

---

[33] Câu này hơi khó hiểu, nên chúng tôi mạn phép ghi thêm như sau: Hòa Thượng có ý nói, nếu nói đến Báo Thân và Ứng Thân thì mới có khái niệm thọ lượng, vì chúng còn thuộc trong vòng ngôn ngữ và suy lường. Nếu nói về Pháp Thân thì không thể nào nói đến thọ hay chẳng thọ, vì nói kiểu nào cũng rơi vào đối đãi nhị biên; bởi lẽ, Pháp Thân là Lý Thể, là Chân Như. Lý Thể Chân Như đã vượt ngoài suy lường, ngôn ngữ.

trăm, tức là trong một giây, "ống kính" nơi A Lại Da Thức của quý vị đóng mở bao nhiêu lần? Vừa đúng hai lần của mười vạn tám ngàn lần (hai mươi mốt vạn sáu ngàn lần). [Ống kính của máy chiếu phim đóng mở] hai mươi bốn lần mà chúng ta đã chẳng có cách nào phân biệt nó là tướng liên tục, huống hồ một giây là hai mươi mốt vạn sáu ngàn lượt, chúng ta làm sao có thể biết những hiện tượng ấy là giả! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: Tất cả hết thảy các tướng cảnh giới, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng có ngoại lệ, *"sanh ra từ nơi đâu, bèn diệt từ nơi đó"*. Đừng nên nghĩ chúng ta mới vừa từ nhà đến đây, chẳng có chuyện ấy! Chẳng đến, chẳng đi, sanh ra từ nơi đâu, diệt mất ngay tại đó, đó mới là chân tướng sự thật. Nhìn từ Tướng Phần thì tướng liên tục, tiếp nối được gọi là *"liên trì"* (連持), [có nghĩa là] một hiện tượng được duy trì liên tục, chúng ta gọi nó là thọ mạng. Thọ mạng ấy có dài hay ngắn, đó là Ứng Hóa Thân. Chỉ cần là Tướng Phần, sẽ đều chẳng thể vượt ra ngoài nguyên lý này.

"Phi bất thọ giả, phi báo trí bất liên trì thọ" ("Chẳng phải là thọ" vì chẳng phải là thọ mạng của Báo Thân trí huệ không có tướng duy trì liên tục): Đây là nói tới Báo Thân. Báo Thân dùng trí huệ làm thân. Nó chẳng phải là sắc tướng, sắc tướng là tướng liên tục; do nó chẳng phải là sắc tướng, nên chẳng thể nói tới chuyện liên tục. Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Sau khi quý vị chứng đắc, [Báo Thân] sẽ không bị mất đi. Đây là nói về trí huệ. Nay chúng ta chẳng có trí huệ, trí huệ đã đi về đâu rồi? Trí huệ đều biến thành phiền não. Kinh Đại Thừa thường nói *"phiền não chính là Bồ Đề"*, trí huệ là Bồ Đề, nhưng nay chúng ta biến nó thành phiền não cả rồi! Do đó, phiền não vô lượng vô biên. Sau khi Bồ Tát tu học đến một mức độ nào đó, chứng đắc Báo Thân. Biệt Giáo gọi sự chứng đắc Báo Thân ấy là Sơ Địa Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, thấy một phần Pháp Thân. Thấy một phần Pháp Thân cũng là chứng đắc Báo Thân. Trong Viên Giáo, sẽ là từ Sơ Trụ trở lên. Kinh Hoa Nghiêm nói [những vị Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên thuộc về] bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, đấy là [những người] chứng đắc Báo Thân. Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Do đó, nó cũng chẳng phải là thọ mạng của Báo Thân trí huệ, không có tướng duy trì liên tục. Pháp Thân chẳng có khởi đầu, không có kết thúc, Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc, Ứng Thân có khởi đầu, có kết thúc, nên *"song phi nhị biên"* (đều chẳng thuộc về hai loại ấy), cả hai bên đều chẳng phải. *"Minh trung pháp thể"* (Ngầm khế hợp pháp thể): Minh (冥) là âm thầm, ngấm ngầm,

nó dung thông, khế hợp cùng bản thể của các pháp, là bản thể của hết thảy các pháp.

"Thử thọ phi trường lượng, diệc phi đoản lượng" (Thọ mạng ấy chẳng phải là số lượng dài, mà cũng chẳng phải là số lượng ngắn). Pháp Thân Lý thể đã là chẳng có khởi đầu, không có kết thúc, nên chẳng thể nói số lượng của nó là dài, cũng chẳng thể nói số lượng của nó là ngắn. Dài và ngắn là "hai bên", nó vượt thoát hai bên. *"Vô diên, vô xúc"* (Chẳng kéo dài, chẳng rút ngắn), *"diên"* (延) là thời gian lâu dài, *"xúc"* (促) là thời gian ngắn ngủi. *"Vân phi thọ, phi bất thọ dã"* (Nói là "chẳng phải là thọ, chẳng phải là không thọ"). Thọ và phi thọ cũng là hai bên, Pháp Thân vĩnh viễn rời khỏi hai bên, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta hễ khởi tâm động niệm đều rớt vào hai bên, chỉ có lúc chẳng khởi tâm, không động niệm thì mới có thể ngầm khế hợp Trung Đạo, mới có chút tương ứng với Pháp Thân. Đó là giải thích cho câu *"phi thọ, phi bất thọ"*.

(Diễn) Nhiên thượng tam thọ, diệc thị tùy nghi cơ giáo, phi viên đốn nghĩa dã.

(演)然上三壽，亦是隨宜機教，非圓頓義也。

*(**Diễn**: Nhưng ba thứ thọ mạng trên đây cũng là giáo nghĩa tùy thuận cơ nghi, chẳng phải là ý nghĩa viên đốn).*

Đức Phật dạy thọ mạng của ba thân khác nhau, cách nói ấy cũng là ứng cơ thuyết pháp, là phương tiện thuyết pháp. Nói thật sự thì như thế nào? Thật sự thì như trong đoạn kế tiếp đã khải thị cho chúng ta đôi chút, đúng là chẳng thể nói được, nhất định phải do chính mình tự thấu hiểu. *"Phi viên đốn nghĩa"* (Chẳng phải là ý nghĩa viên đốn): Những điều vừa nói trên đây chẳng phải là giáo nghĩa Viên Giáo, chẳng phải giáo nghĩa Đốn Giáo. Trong phần trước, đức Phật đã nói theo giáo nghĩa Tạng Giáo, giáo nghĩa Thông Giáo, giáo nghĩa Biệt Giáo, cho nên nói như vậy. Giáo nghĩa Đốn Giáo chẳng nói như thế.

(Diễn) Nhược cứ Viên Giáo tánh cụ pháp môn, tam thân tánh cụ, tam thân dung tức, tùng tánh khởi tu. Tánh ký tam thân, vô thỉ, vô chung, Tu diệc tam thân, vô thỉ, vô chung. Tánh ký tam thân dung tức, Tu diệc tam thân dung tức. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất, bất khả tư nghị giả, Viên Giáo thọ dã.

(演) 若據圓教性具法門，三身性具，三身融即，從性

起修，性既三身，無始無終，修亦三身，無始無終。性既三身融即，修亦三身融即，舉一即三，言三即一，不可思議者，圓教壽也。

*(**Diễn**: Nếu xét theo pháp môn "tánh trọn đủ" trong Viên Giáo thì tánh trọn đủ ba thân. Ba thân dung thông, chính là lẫn nhau, từ tánh khởi tu. Tánh đã là ba thân, không có khởi đầu, chẳng có kết thúc, Tu cũng là ba thân, không có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Tánh đã là "ba thân dung thông, chính là lẫn nhau", nên Tu cũng là "ba thân dung thông, chính là lẫn nhau". Nêu ra một bèn chính là ba, nói đến ba thì chính là một, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là thọ mạng theo Viên Giáo).*

Hai dòng rưỡi này toàn là lời chân thật, hoàn toàn là chân tướng sự thật. Chư Phật, Bồ Tát là như thế, mà mỗi người chúng ta cũng đều như thế. Rất đáng tiếc là bản thân chúng ta chẳng biết, đã mê! Tự mình nghĩ là thọ mạng của Phật, Bồ Tát rất dài, thọ mạng của chúng ta rất ngắn. Phật, Bồ Tát đã chứng đắc *"ba thân một Thể"*, còn chúng ta thì Pháp Thân và Báo Thân đều chưa chứng đắc. Nhìn từ phía chư Phật, Bồ Tát, chúng ta chẳng khác các Ngài. Vì sao chúng ta và Phật, Bồ Tát có cách nhìn khác nhau? Nguyên nhân chỉ có một, phàm phu mê mất chính mình, đó là nguyên nhân. Vì thế, trong Phật môn nói đến mê và ngộ, mê là gì? Mê là chính mình. Ngộ là gì? Ngộ vẫn là chính mình. Vì thế, nói mê và ngộ chẳng hai! Mê và ngộ là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Nhìn từ tiêu chuẩn này, khi nào mới giác ngộ? Ắt phải là khi đại khai viên giải thì mới thật sự khai ngộ. Chúng ta ai nấy đều mong khai ngộ, nhưng chẳng thể ngộ. Vì sao chẳng thể ngộ? Có chướng ngại, khiến cho ngộ môn của quý vị bị chướng ngại. Chướng ngại là gì? Đương nhiên chướng ngại rất nhiều, Phật pháp quy nạp chúng thành Nhị Chướng hoặc Tam Chướng. Nhị Chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Tam Chướng là Hoặc Chướng, Nghiệp Chướng và Báo Chướng, hoặc, nghiệp, khổ. Phải dùng phương pháp gì để trừ bỏ các chướng ngại ấy? Trừ bỏ sẽ khai ngộ; hễ trừ bỏ, ba thân bèn hiện tiền.

Muốn trừ Tam Chướng, cũng chỉ có một cách là tu Định. Trừ Định ra, chẳng có cách nào trừ khử chướng ngại. Phật pháp tuy nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, có pháp môn nào chẳng phải là tu Định? Thảy đều là tu Định, nhưng mỗi pháp môn tu Định khác nhau, cách thức tu Định khác nhau. Tám vạn bốn ngàn hoặc vô lượng [pháp môn] chính là cách thức, phương pháp khác nhau, nhưng

đều nhằm tu Thiền Định. Chúng ta dùng cách niệm A Di Đà Phật. Kinh A Di Đà nói *"nhất tâm bất loạn"*, nhất tâm bất loạn là Thiền Định. Chúng ta thường nói tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Thiền Định. Đối với chuyện này, tôi tin là các đồng tu nghe cũng đã nhàm tai, chẳng biết đã nghe nói bao nhiêu lần, có tác dụng gì hay không? Chẳng có tác dụng chi hết! Vì sao biết là vô dụng? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối vẫn là thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn, trước nay chưa hề thật sự dấy động ý niệm muốn tu Định. Vì lẽ đó, tụng kinh cũng thế, lạy Phật cũng thế, niệm Phật cũng vậy, trì chú cũng vậy, công phu đều chẳng đắc lực, đều chẳng thành tựu. Nhất định phải hiểu: Trong hiện tiền, chúng ta phải tu đoạn phiền não nhằm trừ bỏ những chướng ngại ấy.

Ngày hôm qua, pháp sư Huệ Thiên ở chùa Tịnh Luật tại Nam Đầu dẫn mấy vị đồng học đến thăm tôi, họ mở một Phật học viện bên đó. Sư dẫn năm học viên đã tốt nghiệp trong khóa thứ nhất đến hỏi tôi: "Tu học thì phải tu theo cách nào?" Tôi bảo họ: "Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã dạy rõ ràng, rành rẽ phương pháp, thứ tự và cương lãnh trọng yếu trong chuyện tu hành". Trong Tứ Nguyện, chỉ có điều thứ nhất là nguyện, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* là phát Bồ Đề tâm, ba điều sau đều là hành. Đối với ba điều ấy, chẳng thể đảo lộn thứ tự, hãy từ đoạn phiền não mà khởi tu. *"Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn"*. Sau khi đã đoạn phiền não thì mới có thể học pháp môn, *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Hiện thời, mọi người tu hành chẳng thành công, càng tu càng điên đảo, càng tu càng nhiều phiền não, nguyên nhân ở chỗ nào? Quý vị đã làm sai thứ tự. Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, đối với phần giảng về tựa đề kinh, Thanh Lương đại sư đã nói hết sức rõ ràng: Chẳng đoạn phiền não thì hết thảy các pháp môn đã học đều là tăng trưởng tà kiến! Mỗi ngày đã có rất nhiều tà kiến, mà lại còn tăng trưởng tà kiến hằng ngày, làm sao có thể thành công cho được?

Kinh Hoa Nghiêm đích xác là một bộ sách hay nhất. Trong quá khứ, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã suốt đời tán thán [kinh Hoa Nghiêm], rất có lý! Trong Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu ra một khuôn phép: Ngài bái Văn Thù Bồ Tát làm thầy. Trong hội của Văn Thù Bồ Tát, Ngài đã học gì? Chư vị có thể lật xem Tứ Thập Hoa Nghiêm, mà cũng có thể tra cứu kinh điển. Văn Thù Bồ Tát chẳng dạy Ngài, chẳng sai tí nào! Trong hội của Văn Thù Bồ Tát, Thiện Tài đoạn phiền não, thành tựu điều này: *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, đoạn sạch phiền não trong hội của Văn Thù Bồ Tát. Sau khi đã đoạn, Văn Thù Bồ Tát bảo

Thiện Tài đi tham học, tham học là học gì? Tham học là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, năm mươi ba lần tham học! Đến lần tham học cuối cùng, gặp Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đó chính là nguyện cuối cùng *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã được nói rõ ràng. Tứ Thập Hoa Nghiêm giảng gì? Giảng Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Vì vậy, tu học chẳng thể luông tuồng, không tuân theo thứ tự! Nay chúng ta tu học chẳng thành công, điều kỵ nhất là chẳng đoạn phiền não mà đã khởi sự mong học pháp môn, [cứ tưởng] học càng nhiều càng hay, vẫn muốn làm đại thông gia, nhưng sở học và sở đắc đều là tà tri, tà kiến, đến khi nào thì mới có thể thành tựu? Vì lẽ đó, các đồng tu chúng ta phải thật thà ghi nhớ giáo huấn này!

Các đồng học hỏi tôi: "Thưa pháp sư! Nếu vừa khởi đầu, thầy liền học pháp môn Tịnh Độ, chẳng học hết thảy các pháp môn khác và hết thảy kinh điển, thầy có thể đạt thành tựu như ngày nay hay không?" Họ vẫn còn hoài nghi, tôi bảo họ: "Nếu vừa bắt đầu học Phật, tôi liền thật thà niệm Phật thì bây giờ tôi sẽ có thành tựu vượt trỗi tối thiểu là từ mười lần trở lên so với hiện thời". Họ nghe nói đều sững sờ! Tôi bảo: "Tôi nói thật đấy! Gấp mười lần trở lên chính là sự ước đoán rất dè dặt. Tôi đã đi theo một con đường oan uổng cả ba mươi năm mới thật sự tìm được một con đường như thế này, mới thật sự hiểu rõ!" Tứ Hoằng Thệ Nguyện là một bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, trong quá khứ, quý vị đã từng nghe người khác nói như vậy hay chưa? Phí thời gian hơn ba mươi năm mới phát hiện, mới tìm được, nguyên lai một bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm nhằm giảng rõ ràng, cặn kẽ Tứ Hoằng Thệ Nguyện! *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"* vốn là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Những thứ trước đó chẳng cần tới nữa, tôi phải chuyên học pháp môn này!

Chuyên học pháp môn này, phải biết: Nay chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà, niệm A Di Đà Phật, trong giai đoạn hiện thời, nhắm đến mục tiêu nào? Nhắm tới đoạn phiền não! Phải niệm sao cho trừ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền chính là đoạn phiền não, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, dùng phương pháp này để đoạn phiền não. Chẳng có phiền não, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, tâm thanh tịnh xử sự, đãi người, tiếp vật tức là năm mươi ba lần tham học. Trong quá khứ, tôi giảng Hoa Nghiêm thường nói: "Năm

mươi ba lần tham học là suốt ngày từ sáng đến tối ở trong xã hội, tiếp xúc các loại nhân vật, vì trong các vị thiện tri thức của năm mươi ba lần tham học, mọi nghề nghiệp, nam nữ, già trẻ thảy đều có, đó chính là nói tới xã hội hiện thực. Đến khi tâm địa quý vị thanh tịnh, tiếp xúc xã hội hiện thực đều khai trí huệ, giác chứ không mê, thành tựu vô lượng trí huệ". Như vậy thì chúng ta mới thật sự tìm được căn bản to lớn trong tu hành.

Hiện thời có cần phải nghiêm túc nghiên cứu giáo lý hay không? Phải nghiêm túc, nhưng chẳng phải là thực hiện trong hiện thời. Yêu cầu trong hiện tại là: Đoạn phiền não là chuyện khẩn yếu! Trước hết là cầu gì? Vô tri. Kinh Bát Nhã nói: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*. Vô tri là tâm thanh tịnh, không gì chẳng biết là tâm thanh tịnh khởi tác dụng. Hiện thời, nếu quý vị muốn cầu hiểu biết, đó là điên đảo, toàn là tà tri, tà kiến, làm sao có thể thực hiện được! Bởi lẽ, hiện thời chúng ta phiền não rất nặng, thế gian này rất loạn, là cõi đời đại loạn.

Nay chúng ta muốn tu, chư vị nhất định phải biết: Tu tâm thanh tịnh thì đạo nghiệp mới có thể thật sự thành tựu trong một đời này. Tuy phương pháp tu học rất nhiều, vô lượng pháp môn, quy nạp lại, chỉ có bốn loại lớn:

Thứ nhất là tham Thiền. Giáo học Thiền Tông dùng gì để dạy? Hương bản giáo học, tức là đánh! Quý vị khởi tâm động niệm, hương bản liền giáng xuống hòng đập tan ý niệm của quý vị. Đánh tới khi quý vị nói "chẳng có niệm nào", vẫn phải đánh! Cớ sao chẳng có ý niệm mà vẫn đánh? Chẳng có ý niệm tức là vô minh, phải đánh hòng cảnh tỉnh quý vị. Có ý niệm thì là vọng niệm, chẳng có ý niệm bèn là vô minh, thảy đều phải đánh. Nhưng trong hiện tại thì phương pháp này của Thiền Tông không sử dụng được, thời đại này khác với thời đại trước kia. Trước đây, học trò bị thầy đánh là chuyện rất bình thường, nay thì không được. Bây giờ mà đánh liền ngay lập tức đâm đơn kiện, phạm pháp, bó tay luôn! Vì thế, hiện thời, nói thật thà, Thiền Tông không thể sử dụng được, chẳng thể dùng hương bản được!

Giáo Hạ là đọc kinh. Đọc kinh chỉ cần đọc một bộ, bất luận bộ kinh nào. Quý vị thích kinh điển nào, bèn chọn một bộ. Đã chọn một bộ, đừng đổi sang bộ thứ hai. Vì chúng ta đọc kinh chẳng nhằm hiểu nghĩa, chẳng mong hiểu ý nghĩa trong kinh Phật; dùng phương pháp niệm kinh để niệm cho hết sạch phân biệt, chấp trước, có ý nghĩa này! Vì quý vị không niệm kinh, bèn suy nghĩ lung tung. Niệm kinh sẽ chẳng suy nghĩ

lung tung, mục đích ở chỗ này, chẳng nhằm hiểu ý nghĩa của kinh. Do vậy, kinh nào cũng đều được, tùy thuộc thời gian của chính mình. Nếu quý vị rất rảnh rỗi, có thể chọn một bộ kinh có phân lượng khá lớn, như kinh Pháp Hoa hoặc kinh Lăng Nghiêm chẳng hạn, mỗi ngày niệm một bộ. Công việc rất bận rộn, chẳng có nhiều thời gian như vậy thì kinh Vô Lượng Thọ rất tiện, chẳng quá dài. Mỗi ngày niệm một bộ. Sau khi đã niệm quen, ước chừng một giờ là đủ rồi. Quý vị mỗi ngày niệm một giờ, tức là tu hành một giờ, tu gì? Tu tâm thanh tịnh. Nếu quý vị nghiên cứu ý nghĩa trong kinh điển, sai mất rồi, chẳng đạt được cái tâm thanh tịnh! Có hiểu ý nghĩa trong kinh Phật hay không? Căn bản là chẳng hiểu, những gì quý vị đạt được là tà tri, tà kiến, hết sức đáng tiếc, công sức đọc kinh hoàn toàn bị phá hoại. Do đó, phải hiểu: Chúng ta đọc kinh là tu Định, chẳng nhằm cầu hiểu nghĩa. Chúng ta đọc kinh để cầu Căn Bản Trí, để cầu vô tri, chẳng phải là cầu "không gì chẳng biết". Không gì chẳng biết sẽ cầu không được, trước hết, hãy cầu vô tri. Mọi người nhất định phải ghi nhớ kỹ càng đạo lý này, nghiêm túc tu học. Tu dăm ba năm, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh, phiền não ít đi. Phiền não giảm ít, thưa cùng chư vị, sẽ ít nói lăng nhăng! Vì sao biết là có phiền não? Mỗi ngày quý vị nói cả đống lời lẽ nhảm nhí, người như vậy phiền não cũng rất nhiều. Lời lẽ nhảm nhí ít đi, thị phi sẽ ít đi, tâm bèn thanh tịnh.

Tâm sau khi đã thanh tịnh bèn nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu kinh điển là học pháp môn. Từ xưa tới nay, Phật pháp ở Ấn Độ chẳng tính, khi truyền sang Trung Hoa, trong hai ngàn năm, tổ sư đại đức đời nào cũng truyền thừa phương pháp cổ lỗ này. Chúng ta dùng phương pháp này để tu học, nhất định có thành tựu. Dùng phương pháp này để tu Tịnh Độ, mới là *"vạn người tu, vạn người đến"*, chớ nên không biết chuyện này! Người khác hỏi ta về Phật pháp, chúng ta có thể dạy họ nguyên tắc này, sẽ là công đức vô lượng; đó là con đường chánh đáng. Lìa khỏi con đường chánh đáng này, sẽ là đường tà! Người hiện thời vừa khởi đầu bèn học rộng, nghe nhiều, Tứ Hoằng Thệ Nguyện học tràn lan! Giống như dựng nhà, chẳng cần tầng thứ nhất, muốn dựng ngay tầng thứ hai, dựng như thế nào đây? Vĩnh viễn chẳng thể thành tựu. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đều lấy tu tâm thanh tịnh làm cơ sở, làm căn bản. Nếu cơ sở này chẳng được thật sự đặt vững, rất khó nói tới chuyện thành tựu! Nho và Phật nói tới sư thừa, sư thừa cũng là nói từ chỗ này. Đối với sư thừa, không nhất định là phải kề cận thầy hằng ngày, đó gọi là *"một ngày làm thầy, suốt đời là cha"*.

Thầy giảng cho quý vị mấy câu, quý vị thật sự tiếp nhận, suốt một đời y giáo phụng hành. Đó là truyền pháp, *"thầy trò đạo hợp"*, há có phải là mỗi ngày đều theo sát thầy! Chẳng bắt buộc phải như vậy!

Vì thế, chúng ta và Phật, Bồ Tát, cùng hết thảy chúng sanh trong pháp giới, đúng là chẳng hai, chẳng khác. *"Tánh cụ pháp môn"*: Bất luận là Phật pháp hay pháp thế gian, hết thảy các pháp môn thảy đều vốn trọn đủ trong tự tánh. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ"*. Đó là *"tánh cụ pháp môn"*. Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân, *"tam thân tánh cụ, tam thân dung tức"* (ba thân tánh trọn đủ, ba thân chính là lẫn nhau, dung thông lẫn nhau), một tức là ba, ba chính là một. Lời này rất khó hiểu, nói như thế nào? Pháp Thân tận hư không khắp pháp giới, còn Ứng Hóa Thân là một cái thân như thế đó, cái thân này của ta làm sao có thể tận hư không khắp pháp giới? Thật ra, cái thân này xác thực là tận hư không khắp pháp giới, cảnh giới này đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm nói *"giới tử nạp Tu Di"* (hạt cải chứa đựng núi Tu Di), *"giới tử"* (芥子) là hạt cải. Hạt cải rất bé, núi Tu Di quá to. Bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải, núi Tu Di chẳng rút nhỏ, hạt cải cũng chẳng phình to; làm sao có thể bỏ vào được? Tỷ dụ này vẫn chưa được coi là rốt ráo. Nói rốt ráo thì như trong kinh, đức Phật đã nói: *"Thập phương Như Lai ư nhất mao đoan chuyển đại pháp luân"* (Mười phương Như Lai chuyển đại pháp luân trong một chót lông), *"mao đoan"* (毛端) là chót đầu của một sợi lông, còn bé hơn hạt cải nhiều. Trong chót đầu một sợi lông, mười phương Như Lai đều giảng kinh, thuyết pháp tại đó. Vô lượng vô biên hằng sa thế giới ở ngay trong đầu sợi lông. Điều này có nghĩa là trong Pháp Tánh chẳng có lớn hay nhỏ, dung thông lẫn nhau, trọn khắp lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn! Ví như ánh sáng của một ngọn nến chiếu khắp giảng đường, giảng đường dung nhập trong ánh sáng của nến, đó là nhỏ mà chứa đựng lớn, nó được bao gồm trong quang minh [của ngọn nến], cả giảng đường được nến chiếu soi rõ ràng. Thấy ánh sáng của nến trong giảng đường, tức là lớn dung chứa nhỏ, chân tướng của pháp giới là như thế. Thân thể này của chúng ta rút đến mức nhỏ nhất, rút nhỏ đến một sợi lông, đó là toàn thể pháp giới cô đọng, là toàn thể của toàn bộ pháp giới, chẳng phải là một bộ phận. Đấy chính là Thập Huyền Môn, Tứ Vô Ngại, tức bốn thứ vô ngại "Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại" như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Khi nào mới có thể thật sự thấu hiểu Thập Huyền, Tứ Vô Ngại? Phá một phẩm vô minh, cảnh giới ấy liền hiện tiền. Vô minh chưa phá, cảnh giới vẫn ở trước mặt, vẫn là ở

ngay trước mặt mà chính mình chẳng biết! Phá vô minh, sẽ hoảng nhiên đại ngộ cảnh giới trước mắt vốn là [Tứ Vô Ngại, Thập Huyền Môn]! Cổ nhân nói: *"Đạp phá thiết hài vô mịch xứ, đắc lai toàn bất phí công phu"* (Giày sắt đi mòn, tìm chẳng thấy! Được rồi, chẳng tốn chút công phu), [cái mà ta mải miết tìm kiếm] vốn chính là nó, ở ngay trước mắt! Vì thế, xác thực một chính là ba, ba chính là một. Chư Phật Như Lai là như thế, chúng ta cũng là như thế. Chúng ta mê, bất giác; Phật, Bồ Tát giác chứ không mê. *"Tam thân dung tức"*: Dung nhập lẫn nhau, chính là lẫn nhau. Thân này là Ứng Thân, mà cũng là Báo Thân, cũng là Pháp Thân. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói đạo lý này rất cặn kẽ, kinh Hoa Nghiêm càng nói thấu triệt hơn!

"Tùng tánh khởi tu, Tánh ký tam thân, vô thỉ, vô chung, Tu diệc tam thân, vô thỉ, vô chung" (Từ tánh khởi tu, Tánh đã là ba thân, không khởi đầu, chẳng kết thúc. Tu cũng là ba thân, chẳng khởi đầu, không kết thúc). Cổ đức đã để lại khuôn mẫu, dạy chúng ta phương pháp *"tùng tánh khởi tu"*, dạy quý vị trước hết là đoạn phiền não, tức là từ tánh khởi tu. Tánh là gì? Tâm thanh tịnh, chân tâm! Chân tâm là bản tánh, phải bắt đầu tu tập từ chỗ này. Chẳng phải là khởi tu bằng nghiên cứu giáo lý. Nghiên cứu giáo lý chẳng phải là khởi tu từ tánh, mà là khởi tu từ sự tướng, phiền phức to lớn, phải tới năm nào thì mới có thể quay về tự tánh? Tiểu Thừa Phật pháp khởi tu từ sự tướng, cho nên để chứng A La Hán phải qua lại cõi trời và nhân gian bảy lần! Nhân gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thọ mạng lâu dài, bao nhiêu năm mới có thể chứng A La Hán! Đại Thừa Phật pháp thông minh, khởi tu từ tánh, mau chóng lắm! Khởi tu từ Tánh Đức là khởi tu từ tâm thanh tịnh.

Tánh đã là ba thân, chẳng có khởi đầu, không có kết thúc, nên nay chúng ta cũng tu ba thân, cũng là chẳng có khởi đầu, không có kết thúc. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói: Nếu quý vị thật sự là chân tâm, dùng cái tâm chân thành để cầu sanh Tịnh Độ, niệm câu A Di Đà Phật, trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, hiện tại chúng ta là vô lượng thọ! Chẳng cần phải đợi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới gọi là vô lượng thọ, mà hiện tại đã là vô lượng thọ! Chẳng cần phải đợi tới vãng sanh mới chứng trọn vẹn Tam Bất Thoái, mà là hiện tiền đã viên chứng ba món Bất Thoái. Vì sao? Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] đã trả lời: *"Tùng tánh khởi tu, tánh ký tam thân, vô thỉ, vô chung, tu diệc tam thân, vô thỉ, vô chung"* (Từ tánh khởi tu, Tánh đã là ba thân, không khởi đầu, chẳng kết thúc. Tu cũng là ba thân, chẳng khởi đầu, không kết thúc),

chính là đạo lý này! Ở đây, lời tôi nói đã được ấn chứng. Quý vị mới biết: Pháp môn Niệm Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Điều cuối cùng trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là thành Phật đạo, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc chính là thành Phật đạo, từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy điều này!

Hai kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn chuyên giảng về y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, hai bộ kinh này hoàn toàn nói về cảnh giới công đức nơi quả địa Như Lai. Chúng ta tu pháp môn này là khởi tu từ quả, chẳng phải là khởi tu từ nhân, nhân quả đồng thời, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm vẫn là từ nhân đến quả. Pháp môn này khởi tu từ quả, lấy quả làm nhân, trong hết thảy các pháp môn khác chẳng tìm thấy điều này. Nhân tức là quả, quả tức là nhân, nhân quả chẳng hai! Nếu không thể lãnh hội như vậy, quý vị sẽ chẳng thể nhận ra sự nhiệm mầu trong pháp môn này, chẳng thể lý giải sự thù thắng của pháp môn này, chẳng có cách nào lý giải!

"Tánh ký tam thân dung tức, tu diệc tam thân dung tức. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất, bất khả tư nghị giả, Viên Giáo thọ dã" (Tánh đã là ba thân dung nhập, chính là lẫn nhau. Tu cũng là ba thân dung nhập, chính là lẫn nhau. Nêu ra một chính là ba, nói là ba mà chính là một, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là thọ mạng theo Viên Giáo). Mấy câu này dễ hiểu, thuộc về giáo nghĩa Viên Giáo, xác thực là chẳng giống những giáo nghĩa khác. Cổ đức tán thán kinh này viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Bổn Sư tán thán A Di Đà Phật: *"Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (Quang minh tôn quý nhất, vua trong chư Phật). Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta tu học pháp môn này, chỉ dạy, truyền trao pháp môn thành Phật của chính Ngài, ân đức ấy quá lớn. Chúng ta có được pháp môn này, sẽ ổn thỏa thành Phật trong một đời này. Vấn đề là quý vị có tin tưởng hay không, quý vị có chịu tiếp nhận hay không? Nếu thật sự tin tưởng, thật sự chịu tiếp nhận, từ nay về sau chẳng dấy vọng tưởng, một bộ kinh, một câu Di Đà niệm đến cùng, chắc chắn sẽ thành công! Ta còn mong học các pháp môn khác, đó chính là vọng niệm, là đi vào ngõ rẽ, là xen tạp. Cổ đức dạy chúng ta *"tử tận thâu tâm"* (chết sạch tấm lòng mong ngóng, chụp giật), phải vứt bỏ những vọng niệm ấy, tuyệt đối chẳng khởi lên niệm thứ hai.

Có lẽ chư vị đồng tu sẽ nói: "Hiện thời người học kinh Di Đà,

kinh Vô Lượng Thọ đông ngần ấy, ta chẳng cần phải học!" Quý vị tính cho tôi xem thử, rốt cuộc có mấy người? Trung Quốc Đại Lục to dường ấy, có mười một ức dân cư, thế giới phương Đông và phương Tây rộng lớn ngần ấy, có [lèo tèo] mấy người chúng ta, có đủ dùng hay chăng? Chẳng đủ dùng! Nói thật ra, kiểu suy nghĩ ấy là nghiệp chướng, là tội chướng, chướng ngại sự tu học của chính mình. Trong thời kỳ Mạt Pháp, muốn độ chúng sanh, thành Phật đạo, nói thật thà, chỉ có pháp môn này. Có được pháp môn này là may mắn, quá hên! Sau khi đã có được, hãy nghiêm túc tu học, nỗ lực hoằng dương, như vậy thì mới có thể báo Phật ân. Trong hết thảy các kinh, chúng ta chỉ tuyển chọn một bộ này, những bộ khác đều chẳng màng tới! Người khác muốn hoằng dương kinh điển nào đó, chúng ta cũng tán thán, cũng hoan hỷ, cũng đừng chướng ngại họ. Bản thân chúng ta chỉ học bộ kinh này, chỉ hoằng dương bộ kinh này, con đường này là chánh xác!

(Sao) Hựu vị bỉ Phật thọ mạng, thật hữu kỳ hạn, nhân thiên mạc sổ, thị hữu lượng chi vô lượng dã.

(鈔)又謂彼佛壽命，實有期限，人天莫數，是有量之無量也。

*(**Sao**: Lại có kẻ nói: "Thật ra thọ mạng của đức Phật ấy thật sự có kỳ hạn, nhưng trời, người chẳng thể tính nổi số lượng, đó chính là vô lượng trong hữu lượng").*

"Hựu vị" (又謂) [nghĩa là] lại có kẻ nói. *"Bỉ Phật"* là A Di Đà Phật. [Họ cho rằng] thọ mạng của A Di Đà Phật nói thật ra là có kỳ hạn. Kinh đã nói[34] rất rõ ràng: Trong tương lai, A Di Đà Phật nhập Niết Bàn. A Di Đà Phật buổi sáng nhập Bát Niết Bàn, buổi chiều Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện thành Phật. Vì vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có Tượng Pháp, Mạt Pháp và Chánh Pháp, luôn luôn có Phật trụ thế. Trong tương lai, Quán Âm Bồ Tát nhập Bát Niết Bàn, Đại Thế Chí Bồ Tát nối ngôi thành Phật, từng vị nối tiếp nhau thành Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn có Phật trụ thế, chẳng phải là không có Phật trụ thế.

Nói thật ra là có kỳ hạn, nhưng kỳ hạn ấy quá dài, *"nhân thiên mạc sổ"* (trời, người chẳng tính được), tính không ra! Trong kinh Vô

[34] Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký (do ngài Đàm Vô Kiệt dịch sang chữ Hán) và Phật Thuyết Như Huyễn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn (do ngài Thi Hộ dịch).

Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói *"giả sử"*, tức là ví như, chẳng phải là thật. *"Thập phương thế giới chúng sanh"*, chẳng phải là một thế giới (một thế giới là thế giới Sa Bà, tức là một đại thiên thế giới), mà là mười phương thế giới, tất cả chúng sanh trong vô lượng vô biên các cõi Phật khắp mười phương thảy đều chứng quả Bích Chi Phật. Bích Chi Phật còn cao hơn A La Hán một bậc, tâm địa còn thanh tịnh hơn A La Hán. *"Thần thông giai như Đại Mục Kiền Liên"* (Thần thông đều như Đại Mục Kiền Liên): Trong các đệ tử của Phật Thích Ca, ngài Mục Kiền Liên thần thông bậc nhất. Ngài Mục Kiền Liên có năng lực trong một ngày một đêm có thể tính rõ số lượng tinh tú trên bầu trời. Những người ấy đều thành Bích Chi Phật, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, thọ mạng của họ đều dùng kiếp số để luận, dùng trọn hết tuổi thọ ấy để chung sức tính toán thọ mạng của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều tính chẳng ra, [đó chính là] *"nhân thiên mạc sổ"* (người lẫn trời đều chẳng tính được). Vô lượng thọ chẳng phải là Vô Lượng trong mười con số lớn của Ấn Độ. Con số Vô Lượng đó dễ dàng tính ra. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, dễ tính toán, người bình phàm đều có thể tính ra. Thọ mạng ấy (thọ mạng của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới) trời, người chẳng thể tính toán được, tuy là hữu lượng, chúng ta có thể nói nó thật sự là vô lượng, chẳng có cách nào tính toán!

(Sao) Việt Khê giải vân: "Thử kinh tuy vân vô lượng, nãi thị tam thập nhị tướng thường sở kiến thân, phi Quán Kinh Thắng Ứng tôn đặc chi thân", diệc đồng thượng ý.

(鈔)越溪解云：此經雖云無量，乃是三十二相常所見身，非觀經勝應尊特之身，亦同上意。

*(**Sao**: Ngài Việt Khê giải thích: "Tuy kinh này nói vô lượng, nhưng đó là thân ba mươi hai tướng thường thấy, chẳng phải là Thắng Ứng Thân đặc biệt tôn quý trong Quán Kinh", cũng có cùng ý nghĩa như trên đây).*

Việt Khê đại sư giải thích, ba mươi hai tướng chính là Ứng Hóa Thân của Phật, thị hiện trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Thân to lớn nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ngự trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Báo Thân, có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Vì thế, nói tới thọ lượng của Tây Phương Cực Lạc thế

giới A Di Đà Phật, nói thật ra là nói tới thọ lượng của Ứng Thân Phật. Thọ lượng của Ứng Thân quả thật có kỳ hạn, Báo Thân đương nhiên chẳng cần nói tới. Đừng nói là A Di Đà Phật, hết thảy chư Phật Như Lai đều là vô lượng thọ. Bất quá là thọ mạng của Ứng Thân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật quá ư là dài. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng sẽ giống như thọ lượng của Phật. Trong hết thảy các thứ chân thật, điều này là chân thật bậc nhất. Chẳng có thọ mạng, hết thảy các thứ trang nghiêm khác đều rỗng tuếch, ai sẽ hưởng thụ? Ắt phải là trường thọ thì mới có thể hưởng thụ, hưởng thụ hết thảy y báo và chánh báo trang nghiêm.

(Sao) Kim vị tùy cơ sở kiến giả. Thử kinh Phật thân vô định, tiền nghĩa lý trung dĩ biện, huống kinh văn đản ngôn A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền, vị tằng chỉ định hiện hà đẳng thân, Việt Khê an đắc phán thuộc tam thập nhị tướng, tất vị Liệt Ứng, tắc liệt cơ tự kiến, phi thử kinh chuyên dĩ Liệt Ứng nhi bị liệt cơ dã.

(鈔)今謂隨機所見者，此經佛身無定，前義理中已辯，況經文但言阿彌陀佛現在其前，未曾指定現何等身，越溪安得判屬三十二相，必謂劣應，則劣機自見，非此經專以劣應而被劣機也。

*(**Sao**: Nay tôi nói là "tùy theo căn cơ mà thấy [khác biệt]", thân Phật trong kinh này chẳng nhất định, điều này đã được biện định trong phần nghĩa lý trên đây. Huống chi kinh văn chỉ nói "A Di Đà Phật hiện ra trước mặt" [người sắp vãng sanh], chưa hề nói rõ hiện những thân nào, sao ngài Việt Khê lại phán định [thân Phật trong kinh này] thuộc về ba mươi hai tướng? Ắt là hễ nói tới Liệt Ứng Thân thì đó là thân được thấy bởi kẻ căn cơ kém hèn, chứ không phải là kinh này chuyên dùng thân Liệt Ứng để tiếp độ kẻ căn cơ kém cỏi).*

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư phê bình lời nhận định của ngài Việt Khê. Ngài Việt Khê nói có lý, mà trong đoạn này, Liên Trì đại sư cũng nói có lý! Vì sao? Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi người mang theo nghiệp khác nhau, khi vãng sanh sẽ thấy hình tượng Phật khác nhau. Trong Quán Kinh đã nói rất rõ ràng, thượng phẩm thượng sanh thấy tận hư không khắp pháp giới đều là A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí. Phẩm vị vãng sanh thấp hơn sẽ chẳng thấy hình

tượng Phật thù thắng như vậy. Hạ phẩm hạ sanh chỉ thấy Quán Âm và Thế Chí đến tiếp dẫn, chẳng thấy A Di Đà Phật.

Tịnh Tông nhất định phải lấy kinh Vô Lượng Thọ làm kinh bậc nhất, lấy kinh ấy làm căn cứ nguyên thủy. Vì sao? Vì trong kinh Vô Lượng Thọ có bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật tự nói, cho nên là chân thật nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật kể lại cho chúng ta biết, kể lại tức là chẳng khác A Di Đà Phật tự nói! Bốn mươi tám nguyện đã nói rõ ràng: Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ là thọ mạng giống hệt như Phật, mà tướng mạo cũng giống như Phật, y báo và chánh báo trang nghiêm đều giống như Phật. Vì vậy, thế giới ấy là thế giới bình đẳng, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy có thể biết: Khi chúng ta ở trong cõi này, muốn vãng sanh, còn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, lúc Phật đến tiếp dẫn thì còn có chút sai biệt, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn chẳng có sai biệt. Từ cõi này, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới phải mất bao lâu? Thời gian quả thật hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, tốc độ quá nhanh, trong một cái khảy ngón tay! Dẫu là Liệt Ứng Thân, thời gian cũng rất ngắn ngủi. Đến thế giới Cực Lạc, bèn chứng pháp giới bình đẳng; từ Đại Kinh, chúng ta đã có được sự thật này.

Tiếp đó, chúng ta hãy xem lời Liên Trì đại sư lão nhân gia nói: *"Kim vị tùy cơ sở kiến giả, thử kinh Phật thân vô định, tiền nghĩa lý trung dĩ biện, huống kinh văn đản ngôn A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền"* (Nay nói là tùy theo căn cơ mà thấy [thân Phật sai khác]. Thân Phật trong kinh này không nhất định, điều này đã được biện định trong phần nghĩa lý trên đây, huống chi kinh văn chỉ nói A Di Đà Phật hiện trước mặt [người sắp vãng sanh]), trọn chẳng nói là Báo Thân hay Ứng Thân của A Di Đà Phật, chỉ nói A Di Đà Phật hiện ra trước mặt người ấy. Pháp sư Việt Khê nói là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, đó là Liệt Ứng Thân, giống như thân tướng do Thích Ca Mâu Ni Phật đã hiện trong thế gian này. Chúng ta căn cơ hèn kém, Ngài liền thị hiện Liệt Ứng Thân, [đó là] *"liệt cơ tự kiến"* (do căn cơ của chúng sanh kém cỏi, bèn tự thấy [thân Phật là Liệt Ứng Thân]). Nói thật thà, chúng ta niệm Phật vãng sanh, đại khái thấy hình tượng Phật đều là thân này. Ngài Việt Khê nói có lý, vì sao? Nếu Báo Thân của Phật hiện tiền, chúng ta chẳng trông thấy! *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải"*, làm sao chúng ta có thể trông thấy được? Chẳng thấy nổi! Do đó, đức Phật nhất định phải hiện một tướng, tuy là thân to lớn, cũng chẳng

thể quá lớn, quá lớn thì chúng ta chẳng thấy rõ, sẽ chẳng thấy được!

Ví như chúng ta là thân người, kiến chắc chắn chẳng thấy vẻ mặt chúng ta, vì sao? Nó quá nhỏ. Phật muốn độ kiến, cũng phải hiện thân kiến, to hơn nó một hai lần thì nó mới thấy; quá lớn, nó sẽ chẳng thấy. Vì thế, đến tiếp dẫn chúng ta, ắt phải là thân ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, [tức là] kim thân trượng sáu, thân tướng to gấp đôi, gấp ba người bình phàm đến tiếp dẫn, đó là hợp lý. Nhưng phải biết: A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong chín pháp giới. Bồ Tát vãng sanh mà A Di Đà Phật hiện thân tướng [trượng sáu] này, thân tướng của Bồ Tát to như vậy, thân tướng của Phật nhỏ chừng ấy, chẳng tương xứng! Do đó, Phật nhất định phải hiện đại thân.

Mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, chẳng có một vị Phật nào không khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Hằng ngày đều có Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo phàm phu cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên Phật hiện thân cũng là tương ứng căn cơ. Đáng nên dùng thân gì để tiếp dẫn, đức Phật tự nhiên hiện thân tướng ấy. Ứng cơ thị hiện là chuyện hợp lý! Nhưng chư vị phải ghi nhớ, tuyệt đối chẳng phải chỉ có một Liệt Ứng Thân ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Nếu nghĩ như vậy (tức là nghĩ chỉ có một Liệt Ứng Thân thị hiện), sai mất rồi! Đối với thế giới Sa Bà, đối với người trên địa cầu niệm Phật vãng sanh, [hiểu như vậy] thì rất chánh xác!

(Sao) Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, giả linh thập phương chúng sanh, giai tác Duyên Giác, Thanh Văn, giai tọa Thiền nhất tâm, dục kế ngã niên thọ kỷ thiên ức vạn kiếp, vô năng tri giả", khởi diệc thường sở kiến thân chi vô lượng hồ?

(鈔)大本法藏願云：我作佛時，假令十方眾生，皆作緣覺聲聞，皆坐禪一心，欲計我年壽幾千億萬劫，無能知者，豈亦常所見身之無量乎。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi ta thành Phật, giả sử mười phương chúng sanh đều là Duyên Giác, Thanh Văn, đều tọa Thiền nhất tâm, muốn tính xem ta thọ mấy ngàn ức vạn kiếp đều chẳng thể biết", há chẳng phải là cái thân thường thấy cũng là thọ vô lượng ư?)*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Ở đây, trích dẫn bốn mươi tám nguyện nhằm chứng minh *"A Di Đà Phật thọ vô lượng"* xác thực là vô

lượng thọ. Dẫu trong phần trên có nói là hữu lượng, nhưng trời lẫn người đều chẳng tính được, chẳng có cách nào tính toán.

(Sao) Thị cố, nhập diệt Song Lâm, hoặc kiến Linh Sơn vị tán, Xá Na thiên trượng, hoặc kiến trượng lục kim thân, Phật bổn bất di, cơ tự dị cố. Tắc vị bỉ Phật thọ mạng, tức vô lượng chi vô lượng, diệc hà bất khả?

(鈔)是故入滅雙林，或見靈山未散，舍那千丈，或見丈六金身，佛本不移，機自異故。則謂彼佛壽命，即無量之無量，亦何不可。

*(**Sao**: Do vậy, nhập diệt chốn Song Lâm, hoặc thấy hội Linh Sơn chưa giải tán, thân Lô Xá Na Phật cao ngàn trượng, hoặc thấy thân vàng trượng sáu, Phật vốn chẳng dời, do căn cơ mà thấy sai khác. Do vậy, nói thọ mạng của đức Phật ấy chính là vô lượng của vô lượng thì cũng chẳng có gì là không được!)*

Đoạn này viện dẫn Thích Ca Mâu Ni Phật làm tỷ dụ, Ngài nhập diệt tại Song Lâm.

(Diễn) Thị cố hạ, dẫn Thích Ca lệ Di Đà, nhập diệt Song Lâm, nãi Ứng Thân, bị phàm tiểu cơ. Cơ tân ký tận, ứng hỏa tắc vong.

(演)是故下，引釋迦例彌陀，入滅雙林，乃應身，被凡小機，機薪既盡，應火則亡。

*(**Diễn**: Từ chữ "do vậy" trở đi, dẫn Phật Thích Ca để suy diễn Phật Di Đà. Nhập diệt tại Song Lâm là Ứng Thân nhằm độ hàng phàm phu tiểu cơ. Củi cơ duyên đã hết, lửa ứng hóa bèn tắt).*

Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian, giáng sanh tại vương cung, ba mươi tuổi thị hiện thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, bảy mươi chín tuổi *"nhập diệt Song Lâm"*, [tức là] nhập diệt trong rừng cây [Sa La] Song Thụ. Đấy là Ứng Thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ứng Thân có tác dụng gì? Giáo hóa phàm phu, giáo hóa Tiểu Thừa. Đối tượng giáo học đã hết, đức Phật bèn ra đi. Nói thật ra, Ứng Thân của Phật thọ mạng dài ngắn tự tại, chẳng giống như chúng ta. Thọ mạng của chúng ta là nghiệp báo, mong kéo dài chẳng thể kéo dài, muốn rút ngắn cũng chẳng thể rút ngắn, thân nghiệp báo mà! Có người sống không nổi,

bèn tự sát, tự sát có giải quyết vấn đề hay chăng? Chẳng giải quyết được! Tự sát còn khổ sở, còn đáng sợ hơn là sống sót! Vì sao? Thọ mạng của quý vị chưa hết, quý vị đoạn dứt nó, phàm là kẻ tự sát đều phải tìm kẻ chết thay, chẳng tìm kẻ thế thân, người ấy chẳng có cách nào đi luân hồi, chẳng có cách nào đầu thai, mới biết đó thật sự là khổ sở!

Chư Phật, Bồ Tát nương theo nguyện trở lại, nên thọ mạng dài ngắn tự tại. Các Ngài muốn trụ trong thế gian này một trăm năm, hai trăm năm, thậm chí trụ một ngàn năm, hai ngàn năm, đều làm được! Vì sao các Ngài chẳng thường trụ trong thế gian? Nói thật thà, thường trụ trong thế gian chẳng có tác dụng, chẳng thể độ chúng sanh. Chúng sanh thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đã sống ba ngàn năm, chúng con làm sao có thể sánh bằng Ngài? Chẳng sánh bằng thì chúng con chẳng có cách nào học theo Ngài! Vì thế, để dạy bảo chúng ta, đức Phật nhất định phải thị hiện hoàn toàn giống như chúng ta, sau đó mới bảo: "Ta có thể thành tựu, quý vị cũng có thể thành tựu!" Chúng ta nghe nói gật đầu, có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận.

Những chúng sanh hữu duyên đều đắc độ, thân thể Ngài lưu lại thế gian vô dụng, đó là *"cơ tân ký tận"* (củi cơ duyên đã hết), cơ (機) là cơ duyên, tức là học trò. Các học trò có thể giáo hóa chẳng còn, đều đã thành tựu, *"ứng hỏa tắc vong"* (lửa ứng hóa bèn tắt), lửa cần có củi đốt, củi chẳng còn nữa, đương nhiên lửa cũng tắt, đó là đạo lý nhất định. Học trò chẳng có, thầy cũng chẳng có. Có học trò thì mới có thầy. Chẳng có học trò thì thầy cũng chẳng còn! Đó là nói đến Ứng Thân.

(Diễn) Linh Sơn vị tán, nãi Báo Thân, bị Bồ Tát cơ. Cơ ký thường thời, Phật diệc thường tại.

(演)靈山未散，乃報身，被菩薩機，機既常時，佛亦常在。

*(**Diễn**: Hội Linh Sơn chưa giải tán là nói về Báo Thân nhằm độ Bồ Tát. Căn cơ đã thường tồn tại, đức Phật cũng thường tồn tại).*

Đời Tùy, Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai đọc kinh Pháp Hoa, đọc đến phẩm Dược Vương Bồ Tát, lão nhân gia nhập Định. Trong Định, Ngài tới núi Linh Thứu, Thích Ca Mâu Ni Phật còn đang giảng kinh Pháp Hoa tại đó. Ngài ngồi nghe một buổi, trở về xuất Định, bảo mọi người: "Hội Linh Sơn nay vẫn chưa giải tán!" Ngài Trí Giả cách Thích Ca Mâu Ni Phật hơn một ngàn năm, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh

Pháp Hoa tại núi Linh Thứu vẫn chưa giải tán, Trí Giả đại sư đích thân trông thấy. Không chỉ là vào thời Trí Giả đại sư hội ấy chưa giải tán, mà thưa cùng chư vị, hiện thời cũng chẳng giải tán! Rất đáng tiếc, quý vị đến Ấn Độ lên núi bái Phật, thấy núi Linh Thứu, chẳng thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng thấy Ngài đang giảng kinh Pháp Hoa tại đó. Hội ấy thật sự chưa tan. Điều này cũng chứng tỏ hết thảy các pháp bất sanh bất diệt, tùy thuộc quý vị có duyên phận hay không!

Nói theo Lý, người nào chẳng có duyên phận? Ai nấy đều có! Ai nấy đều có, cớ sao hiện tại chẳng có? Hiện thời, duyên của quý vị tạm thời gián đoạn, vì sao gián đoạn? Do quý vị có hai thứ chướng hoặc ba thứ chướng, có vọng tưởng, chấp trước, nên quý vị chẳng thấy. Lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, chấp trước, sẽ trông thấy. Chư vị nghĩ xem, muốn học kinh, muốn đọc kinh, cần gì phải phiền phức như vậy? Hễ tâm địa thanh tịnh, thứ gì cũng đều hiện thành, chẳng cần phải kiếm chuyện phiền phức ấy! Do đó, Phật pháp cầu ở nơi đâu? Cầu trong tự tánh! Chẳng phải là ở ngoài tâm, cầu pháp ngoài tâm là ngoại đạo. Vì thế, chính mình học Phật mà học thành ngoại đạo, vẫn chẳng biết, oan uổng quá! Phật pháp phải học từ trong tự tánh.

Trí Giả đại sư là Bồ Tát, nên Ngài có thể trông thấy. Nay chúng ta chẳng thấy, chúng ta chẳng phải là Bồ Tát. Nhưng chư vị phải nhớ, nếu quý vị thật sự phát Bồ Đề tâm, nhất tâm chuyên niệm, quý vị là Bồ Tát. Đáng tiếc là hằng ngày niệm kinh, kinh đã dạy như thế, trong các buổi giảng chúng tôi cũng hằng ngày lớn tiếng kêu gào như vậy, quý vị chẳng thể phát cái tâm Bồ Đề! Đó là vì chẳng chịu một mực chuyên niệm, khi niệm Phật vẫn còn xen tạp! Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã bảo: *"Pháp môn này kỵ nhất là xen tạp"*. Chúng ta khăng khăng muốn xen tạp, làm cách nào đây? Cứ ngỡ chính mình thông minh, tự cho là đúng, lầm lỡ chính mình!

(Diễn) Xá Na thiên trượng, nãi Bồ Đề tràng sở hiện Báo Thân.

(演)舍那千丈，乃菩提場所現報身。

*(**Diễn**: Lô Xá Na Phật thân cao ngàn trượng, chính là Báo Thân hiện nơi Bồ Đề đạo tràng).*

Đây là Lô Xá Na Phật, là cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm. Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Như Lai, Lô Xá Na là Báo Thân Như Lai, Thiên Bách Ức Hóa Thân là Thích Ca Như Lai, ba thân là một nhưng là

ba, tuy là ba mà một, kinh Hoa Nghiêm nói như vậy.

(Diễn) Trượng lục kim thân nãi Lộc Dã Uyển sở hiện Ứng Thân, nhị thỉ đồng thời, song thùy lưỡng tướng dã.

(演)丈六金身乃鹿野苑所現應身，二始同時，雙垂兩相也。

*(**Diễn**: Thân vàng trượng sáu chính là Ứng Thân đã hiện tại Lộc Dã Uyển, hai thân ấy cùng đồng thời khởi đầu, rủ lòng thị hiện hai tướng).*

Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, bộ kinh được giảng đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm. Giảng kinh Hoa Nghiêm bèn hiện thân tướng cao lớn ngàn trượng. Thân tướng ấy thị hiện trong Định, phàm phu và Tiểu Thừa đều chẳng thấy. Trong mười bốn ngày giảng Hoa Nghiêm, thính chúng là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, đó là khởi đầu. Sau khi đức Phật giảng xong Hoa Nghiêm, xuất Định, tại Lộc Dã Uyển độ năm vị tỳ-kheo bèn giảng kinh A Hàm; đó là Ứng Thân, tức thân cao một trượng sáu, phàm phu và Tiểu Thừa trông thấy thân ấy. *"Nhị thỉ đồng thời"*: Nhị Thỉ (二始: hai thứ khởi đầu), một là trong Định giảng Hoa Nghiêm, hai là xuất Định, ở Lộc Dã Uyển, giảng kinh A Hàm cho năm vị tỳ-kheo. *"Song thùy lưỡng tướng"* nghĩa là đồng thời hiện hai loại thân tướng khác nhau. Năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển thấy Ứng Thân, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong Định thấy Báo Thân, tức là Lô Xá Na Phật cao ngàn trượng.

(Diễn) Phật bổn bất di, cơ tự dị giả.

(演)佛本不移，機自異者。

*(**Diễn**: Phật vốn chẳng đổi dời, do căn cơ mà tự thấy khác biệt).*

Phật chẳng phải là hữu tâm hiện tướng, Phật chẳng phải là cố ý. Hễ đức Phật hữu tâm, hữu ý, sẽ là phàm phu. Phàm phu sở dĩ chẳng giống Phật, Bồ Tát là do hữu tâm, hữu ý, có cách nghĩ, có cách nhìn. Mỗi người có cách nghĩ và cách nhìn của riêng họ, chư Phật, Bồ Tát chẳng có cách nghĩ, mà cũng chẳng có cách nhìn của riêng mình. Vì thế, tâm các Ngài thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Hiện tướng là tự nhiên hiện, chẳng phải là cố ý hiện. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, tự

nhiên hiện thân, cảm ứng đạo giao. Dùng gì để cảm? Dùng tâm để cảm. Tùy thuộc vào mức độ của tâm thanh tịnh và chân thành trong tâm quý vị, tùy thuộc mức độ nguyện lực và công đức sâu hay cạn, dùng những điều ấy để cảm, Phật tự nhiên ứng hiện. Mỗi người chúng ta tâm địa thanh tịnh, tâm địa chân thành, tâm địa cung kính, chân thành, công đức sâu hay cạn khác nhau, nên Phật ứng hiện tướng cũng khác nhau, đạo lý ở ngay chỗ này. Tiếp đó, sách viết mấy câu rất thú vị:

(Diễn) Pháp Thân khởi dụng, như không cốc truyền thanh.

(演)法身起用，如空谷傳聲。

*(**Diễn**: Pháp Thân khởi tác dụng, như hang trống dội lại tiếng vọng).*

"Không cốc" là sơn cốc (hang núi). Chúng ta ở trong hang núi hét to một tiếng, ngay lập tức có tiếng vọng. Âm thanh của quý vị dài, tiếng vọng sẽ dài. Âm thanh ngắn, tiếng vọng sẽ ngắn. Tiếng vọng tương ứng với âm thanh mà quý vị đã hét. Sánh ví Pháp Thân như hang trống, chúng ta ở đó hú dài, tức là cảm, tiếng vọng là ứng. Chúng ta có tâm, tiếng vọng vô tâm, vô tâm mới là thật sự bình đẳng. Tuy mọi người thấy hình tướng khác nhau, nhưng nói theo phía Phật thì bình đẳng. Phật trọn chẳng hữu ý hiện [thân tướng nào]. Hữu ý sẽ là bất bình đẳng. Nói thật thà, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, hữu tâm sẽ chẳng bình đẳng, vô tâm bèn bình đẳng. Chúng ta hãy nên học tập điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 192

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi hai:

(Diễn) Phật bổn bất di, cơ tự dị giả, Pháp Thân khởi dụng, như không cốc truyền thanh, minh kính tả ảnh, tùy thanh cao hạ, tùy tướng nghiên xi, động nhược hành vân, chỉ do cốc thần, vân vân tự bỉ, ư ngã hà vi da?

(演)佛本不移，機自異者，法身起用，如空谷傳聲，明鏡寫影，隨聲高下，隨相妍媸，動若行雲，止猶谷神，紜紜自彼，於我何為耶。

*(**Diễn**: Phật vốn chẳng đổi dời, do căn cơ mà tự thấy sai khác. Pháp Thân khởi tác dụng như hang trống dội lại tiếng vọng, như gương sáng in hình ảnh, tùy theo âm thanh cao hay thấp, tùy theo hình tướng đẹp hay xấu, động thì như mây bay, ngưng lặng thì giống như chính giữa hang núi, lăng xăng tự nó, can dự gì đến ta?)*

Đoạn này tổng kết thân tướng do Phật đã hiện, thân tướng xác thực là có khác biệt, nhưng sở dĩ Phật hiện tướng là vì chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên ứng hiện Tướng Phần. Hoàn toàn chẳng phải là Phật cố ý muốn hiện các thứ tướng, mà thật ra là do chúng sanh có các thứ tâm, nên Phật tự nhiên hiện các thứ tướng. Tuy ở đây nói đến Phật Thích Ca và Phật Di Đà để làm thí dụ; thật ra, Tướng Phần do mỗi người chúng ta đã hiện cũng là do cảm ứng đạo giao. Chúng ta đọc kinh, ắt cần phải chú ý điều này, vì những điều được nói trong kinh chính là cảnh giới hiện tiền của bản thân chúng ta, mà cũng là chuyện thuộc về bổn phận của chính mình. Nói tới Phật là nói đến tự tánh, nói tới Pháp Thân, nói tới bản thể, chúng sanh và Phật chẳng hai! Mười pháp giới hiện tướng khác nhau, đó là vì bản tánh tùy duyên khác nhau, chúng ta gọi duyên ấy là *"cơ duyên"*.

"Phật bổn bất di" (Phật vốn chẳng đổi dời), câu này nói về Chân Như bản tánh. Chúng sanh và Phật chẳng khác, nói tới Phật Thích Ca, nói đến Phật Di Đà, hay nói đến chư Phật là nói về chính mình. *"Cơ tự dị giả"* (Do căn cơ mà tự sai khác), cơ cảm không giống nhau. Cũng có lẽ chúng ta lý giải chuyện "trong tâm chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng" khá dễ dàng; còn đối với Chân Như bản tánh của chính chúng ta, làm sao chính mình có thể cảm ứng đạo giao cùng chính mình? Nói thật ra, chính mình cảm ứng chân tánh bằng ý niệm. Chúng ta một niệm niệm Phật bèn tương ứng với Phật, một niệm niệm Bồ Tát bèn tương ứng với Bồ Tát. Chúng ta từ sáng đến tối khởi tâm động niệm chẳng giống nhau, tướng được biến hiện sẽ khác nhau. Tương đối dễ nhận biết là ví như hôm nay có chuyện rất vui vẻ, quý vị sẽ hiện tướng vui sướng, ngày hôm nay gặp chuyện trái ý, quý vị sẽ hiện tướng rất khó coi. Chẳng phải là tướng biến đổi theo tâm ư? Trọn chẳng khó hiểu! Thầy bói xem tướng nói: *"Tướng chuyển theo tâm"*, tâm ấy là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là cơ cảm. Hiện các thứ tướng bất đồng, đó là Phật ứng, Phật ở đây là Tự Tánh Phật. Nếu hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết chúng sanh thành Phật chẳng khó, khẩn yếu là quý vị niệm niệm trong tâm nghĩ tới

Phật, tâm giống như tâm Phật, đương nhiên [tướng sẽ] giống như tướng Phật. Đó là đạo lý nhất định.

Cổ nhân nói: Sau bốn mươi tuổi, tướng mạo phải do chính mình chịu trách nhiệm, từ bốn mươi tuổi trở về trước là tướng có được khi thần thức đầu thai. Vì sao con cái giống cha mẹ? Chúng nhìn thấy tướng của cha mẹ, ưa thích tướng ấy, bèn biến thành tướng tương tự như họ. Chuyện này chẳng phải là di truyền, mà trong một sát-na đầu thai đã giữ lấy tướng đó. Giữ lấy tướng đó chính là tiên thiên, nhưng tướng mạo hậu thiên[35] sẽ biến đổi theo tâm hạnh của quý vị trong một đời. Nếu suốt đời tâm địa hết sức thiện lương, đối xử trung hậu với người khác, sau khi đã thành niên, ba mươi, bốn mươi, người ấy bèn có tướng trung hậu, lão thành, tướng mạo đã biến đổi. Lúc bốn mươi tuổi, tướng mạo định hình, chẳng dễ gì biến đổi, khi ấy, chính mình phải chịu trách nhiệm về tướng mạo.

"Pháp Thân khởi dụng", y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do Pháp Thân khởi tác dụng. Trước mắt chúng ta, chánh báo là thân thể của chúng ta, y báo là hoàn cảnh sống, thảy đều là Pháp Thân khởi tác dụng. Mười pháp giới chẳng có ngoại lệ, toàn là Pháp Thân khởi tác dụng, Pháp Thân là chính mình. Khởi tác dụng là gì? *"Không cốc truyền thanh, minh kính tả ảnh"* (Hang trống dội lại tiếng vọng, gương sáng soi hình ảnh), *"không cốc"* (空谷) là hang núi. Chúng ta ở trong hang núi hú dài, sẽ có tiếng vang dội lại, [thân Phật ứng hiện theo căn cơ cảm ứng của chúng sanh] giống như tiếng vọng. *"Minh kính"* (明鏡) là một tấm gương sạch làu làu, soi rõ rệt hiện tượng bên ngoài, đó gọi là *"tả ảnh"* (寫影). Pháp Thân khởi tác dụng xác thực là như vậy. Vì thế, kinh Kim Cang có nói: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*. Đúng là như vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói Lý Sự vô ngại, Lý là Pháp Thân, Sự là khởi tác dụng, vô ngại. Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Quý vị thật sự hiểu thấu triệt đạo lý này, sẽ vô ngại. Vì sao vô ngại? Vì chẳng chấp trước; không chấp trước bèn chẳng có ngăn ngại. Bọn phàm phu chúng ta hiện thời vì sao có ngăn ngại? Trong vô ngại, sanh khởi chướng

---

[35] Khái niệm tiên thiên và hậu thiên khá phức tạp, nhưng có thể tạm hiểu thô thiển như sau: Tiên Thiên là bẩm sanh, là những gì được thừa hưởng từ cha mẹ, hình thành từ ngay lúc thụ thai cho đến khi lọt lòng, còn Hậu Thiên là những gì do nuôi nấng, chăm sóc, bồi bổ, huấn luyện, giáo dục, cũng như do sự tự rèn luyện hoặc tàn phá thân thể của chính cá nhân ấy.

ngại. Nẩy sanh chướng ngại là vì chỗ nào cũng chấp trước, chỗ nào cũng phân biệt, coi giả là thật. Còn những gì là thật, họ chẳng nhận biết!

"Phàm những gì có tướng đều là hư vọng": Hang trống dội lại tiếng vọng, chúng ta biết là hư vọng. Chúng ta biết hình bóng trong gương là hư vọng, nhưng chẳng biết thân thể này và thế giới trước mắt là hư vọng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã đôi ba lượt bảo chúng ta: Cảnh giới hiện tại sanh diệt trong từng sát-na. Kinh Lăng Nghiêm giảng thấu triệt, cảnh giới *"sanh ra từ nơi đâu sẽ diệt mất từ nơi đó"*, *"thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ"*, ứng theo tâm lượng. Chúng ta đọc những câu kinh văn ấy, ứng theo tâm lượng, *"thuận theo tâm chúng sanh, Phật, Bồ Tát ứng theo khả năng nhận biết của họ"*. Nếu quý vị hiểu như vậy, đó chỉ là hiểu Phật pháp ở mức nông cạn. Chân Như bản tánh thuận theo vọng niệm của chúng ta mà hiện tướng, điều đó gọi là *"tùy tâm ứng lượng"*. Hết thảy các kinh do đức Phật đã giảng có quan hệ rất mật thiết với chúng ta, hết thảy các kinh luận vốn là chuyện của chính bản thân ta. Lìa khỏi bản thân chúng ta, nói thật ra, chẳng có một pháp nào để có thể đạt được. Đã là chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, còn có pháp gì để có thể nói hay chăng? Phật là bản tánh của chính mình. Bồ Tát cũng là bản tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vẫn là bản tánh của chính mình. Thiền Tông nói rất hay: *"Nếu người hiểu biết tâm, đại địa không tấc đất"*. Tâm [trong câu nói trên đây] chính là chân tâm. Nếu quý vị nhận biết chân tâm, đại địa chẳng có tấc đất nào, vì sao? Hết thảy toàn là Tướng Phần của tự tâm. Tánh, Tướng như nhau, Lý, Sự chẳng hai, mới biết hoàn toàn là chính mình.

Do hang trống dội lại tiếng vọng, cho nên có *"tùy thanh cao thấp"*, [nghĩa là] âm thanh của quý vị cao, tiếng vọng cũng cao. Âm thanh của quý vị dài, tiếng vọng cũng kéo dài. Gương sáng chiếu cảnh giới bên ngoài, chẳng hạn như soi người ta thì cổ nhân thường nói: *"Hồ lai hiện Hồ, Hán lai hiện Hán"* (người Hồ đến soi, gương bèn hiện bóng người Hồ. Người Hán đến soi, gương bèn hiện bóng người Hán). Người Hán soi gương, trong gương hiện người Hán. Người Hồ là người ngoại quốc, người ngoại quốc soi gương, trong gương hiện hình người ngoại quốc, *"tùy tướng nghiên xi"* (tùy theo tướng mà hiện hình bóng xấu đẹp). Nay chúng ta thường tự trách tướng mạo của chính mình chẳng đẹp, tướng mạo đức Phật đẹp nhất, mảy may khuyết hãm đều chẳng có. Kinh thường tán thán mặt Phật như *"mãn nguyệt"* (trăng tròn), vầng trăng

ngày Rằm. Nếu chúng ta hiểu lầm ý nghĩa, [cứ ngỡ] *"mãn nguyệt"* là tròn xoe, đầu Phật tròn quay, cũng rất khó coi! *"Mãn nguyệt"* là chẳng có chỗ nào khuyết hãm, mang ý nghĩa này. Ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, quý vị chẳng tìm thấy chỗ khuyết hãm nào trên thân tướng đức Phật, quá đẹp đẽ! Vì sao có hảo tướng như vậy? Kinh Đại Thừa đã nói rất rõ ràng: Tướng thuộc về quả báo, mỗi tướng đều có tu nhân (cái nhân để tu tập). Chẳng có thiện nhân, lấy đâu ra thiện quả? Đối với ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo của đức Phật, trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã trích lục nhân quả rất rõ ràng. Nếu quý vị muốn tu tướng hảo, hãy nên tu từ nơi nhân, quả sẽ tự nhiên chuyển biến. Đó gọi là *"tướng tùy tâm chuyển"* (tướng chuyển theo tâm). Do điều này có thể biết, tướng Phật trang nghiêm như vậy [là do] tâm Phật quá tốt đẹp! Tâm tốt lành là nhân, tướng hảo là quả, phải biết điều này!

"Động nhược hành vân" (Động thì như mây bay): Trong kinh Phật, chữ Vân được dùng rất nhiều, nhất là kinh Hoa Nghiêm. Dùng chữ này với ý nghĩa gì? "Chẳng phải có, chẳng phải không". Chúng ta thấy áng mây thật sự là có, nhưng đến gần thì chẳng có. Đức Phật nói: Chúng ta đều hãy nên quán hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian như thế, chớ nên chấp trước có, mà cũng đừng chấp trước không! Quý vị nói nó không có, nó có! Quý vị nói nó là có, thật sự nó là không. Đó mới là chân tướng sự thật. Trước mắt chúng ta cũng là như thế, thân thể chúng ta cũng là chẳng phải có, chẳng phải không, giống như mây trôi. *"Động"* là nói nó khởi tác dụng, Pháp Thân khởi tác dụng, hiển hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chẳng phải có, chẳng phải không. Vì thế, chớ nên chấp trước những thứ ấy. Phàm phu chấp trước, cho nó là có. Hàng Nhị Thừa tưởng nó là không. Phàm phu chấp trước có, Nhị Thừa chấp trước không, đều là sai lầm. Bồ Tát bất đắc dĩ, cưỡng gọi chuyện này là Trung Đạo. Trung Đạo là chẳng chấp trước có, mà cũng chẳng chấp trước không. Quý vị nói "ta là Trung Đạo", lại sai bét mất rồi! Quý vị lại có chấp trước! Nói tóm lại, quyết định chớ nên chấp trước, quý vị bèn tự tại. Có chấp trước tức là bệnh. Hết thảy đều chẳng chấp trước sẽ tự tại.

"Chỉ do cốc thần" (Ngưng lặng thì như hang núi), Lão Tử nói: *"Cốc thần bất tử"*, chính giữa hang núi gọi là *"cốc thần"* (谷神). Chính giữa sơn cốc là vô hình, vô ảnh. Cả quả núi, sơn cốc thấp nhất, tỷ dụ sự thấp hèn, hình dung sự an tĩnh, bất động. Lão Tử dùng ý nghĩa này để

dạy người. Xử thế, đãi người, trong xã hội phải hạ mình, khiêm hư, an tĩnh, chẳng mê. Dùng chỗ chính giữa nơi đáy hang núi để làm tỷ dụ nhằm sánh ví sự nhiệm mầu của đạo. Nói thật ra, Đạo do Nho gia nói, Đạo của Đạo gia nói và Đạo do Phật gia nói đều hết sức gần gũi, đều là nói về tâm. Dụng tâm phải khiêm hư, phải hạ mình, phải an tĩnh. Phật môn gọi "an tĩnh" là Thiền Định, là *"như như bất động"*! Tâm bất động sẽ chẳng khởi bất cứ tác dụng gì, nên là bất tử. Phật pháp gọi *"bất tử"* là bất sanh bất diệt, có ý nghĩa này! Cổ đại đức Trung Quốc nói cảnh giới của Lão Trang là từ Thất Địa trở lên. [Cảnh giới của] Nho và Đạo, nói thật ra, xác thực là cảnh giới Bồ Tát trong Phật pháp. Họ có phải là Phật, Bồ Tát hóa thân đến Trung Quốc nhằm giáo hóa chúng sanh hay chăng? Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng xét theo Sự bèn chẳng có dấu tích. *"Chỉ do cốc thần"* (Ngưng lặng thì giống như đáy hang núi), đó là đại định. Tự tánh vốn định, mang ý nghĩa này.

"Vân vân tự bỉ, ư ngã hà vi da" (Lăng xăng tự nó, can dự gì đến ta), hai câu này nói đến sâm la vạn tượng. Trong xã hội hiện thời xao động bất an, cả thế giới nguy cơ ẩn nấp bốn bề, giống như quả bom đã cài giờ sẵn, chẳng biết sẽ nổ tung lúc nào. Kinh nói là *"ngũ trược ác thế"*, thật đấy, chẳng giả! Nếu bản thân chúng ta có thể thật sự khế nhập cảnh giới Như Lai, sự động loạn ấy chẳng dính dáng gì đến ta! Chính mình ở trong cảnh giới ấy vẫn là động tĩnh như nhau, chẳng hề dính dáng! Họ động, chúng ta bất động. Người bất động sẽ thấy rõ ràng, rành rẽ cảnh giới đang động. Tục ngữ thường nói *"kẻ trong thì quáng, người ngoài bèn sáng"*. Kẻ bàng quan do chẳng có lợi hay có hại gì đối với họ, cho nên họ nhìn thấy rất rành rẽ. Hiện thời, thế giới này động loạn, vì sao mọi người chẳng thấy rõ ràng? Vì tâm chính mình đang bị động, chính mình rất sợ chết, trong tâm có [nỗi sợ] sanh tử!

Đoạn kinh văn này đã nói: *"Động nhược hành vân, chỉ do cốc thần"*, đó là bất sanh bất diệt. Dùng cái tâm bất sanh bất diệt để thấy cảnh giới được hiện bởi cái tâm sanh diệt trong thế gian này, [sẽ thấy] khác hẳn! Đó là chỗ khác biệt, chúng ta phải học điều này, mong cầu đạt được. Học Phật nhập môn từ chỗ nào? Nhập môn từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là *"cốc thần"*, tuyệt chẳng phải do niệm kinh điển bao nhiêu, nghiên cứu bao nhiêu, hoặc là phải biết cỡ nào! Chẳng phải do những điều ấy. Nói thật thà, tâm địa thanh tịnh đến tột bậc thì mới có tư cách xem kinh, mới có tư cách đọc sách, mới có tư cách nhìn vào thế giới này, nhìn vào nhân sinh. Vì sao? Chính quý vị đã vượt thoát, đã

thấy rõ ràng, rành rẽ, mới biết khi nào, nhà Phật thường nói là *"thời tiết, nhân duyên"*, đối với người nào thì phải nên dùng phương pháp gì để giúp họ. Đó gọi là *"quán cơ thí giáo"* (xem xét thời cơ, để ban bố giáo pháp), giáo hóa chúng sanh, cơ cảm tương ứng.

Nếu tâm chính mình vẫn chưa thanh tịnh, càng đọc, tri kiến càng nhiều, quan sát xã hội càng nhiều, phiền não càng lắm. Sách Phật pháp hay sách thế gian càng đọc nhiều, tà kiến càng nhiều. Vì sao người ấy chẳng thể biến thành đại thánh đại hiền? Do chẳng trừ bỏ phiền não. Chẳng trừ bỏ phiền não thì trong Phật môn, quý vị nghiên cứu kinh luận ít sẽ tạo nghiệp cũng ít, chẳng có năng lực tạo nghiệp. Đọc kinh sách càng nhiều, tạo nghiệp cũng lớn! Quý vị có thể giảng, biết lắm thứ, đó là cái học do hỏi han ghi nhớ, hết sức rộng rãi, có thể nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, có thể lừa hết thảy chúng sanh, tạo tội nghiệp to đùng! Tăng trưởng vô lượng tà tri, tà kiến, làm thế nào được nữa! Đó chẳng phải là hưng thịnh Phật pháp, mà là hủy diệt Phật pháp. Do vậy, cổ đức giáo học thì trước hết là khởi sự bằng đoạn phiền não. Trước hết, chẳng bảo quý vị đọc kinh, không cho phép quý vị xem kinh sách, chỉ là chỉ định một quyển bảo quý vị đọc tụng, chẳng giảng giải, [nhằm vào mục đích] định cái tâm! Tu tâm thanh tịnh. Đến khi tâm địa đã khá thanh tịnh, thầy chấp nhận, khi ấy, mới có thể nghiên cứu kinh điển, đọc rộng rãi các kinh, mới có tư cách [làm chuyện đó]. Khi đó, quý vị biết càng nhiều càng hay. Quý vị có trí huệ, trong tương lai có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, thành tựu vô lượng công đức. Tu học trong hiện thời, căn bệnh to lớn là điên đảo thứ tự. Vì thế, đoạn kinh văn này có ý nghĩa hết sức sâu xa!

(Sớ) Cập kỳ nhân dân giả, xảo dụng đảo ngữ cố. Ngôn nhân dân giả, Phật như vương cố. A-tăng-kỳ, thử vân Vô Số, bội chi danh Vô Lượng, Vô Biên. Nhân thọ hữu nhị: Nhất Phật bổn nguyện lực cố, nhị tự công đức lực cố.

(疏)及其人民者，巧用倒語故。言人民者，佛如王故。阿僧祇，此云無數，倍之名無量無邊。人壽有二：一佛本願力故，二自功德力故。

*(**Sớ**: "Cùng với nhân dân": Khéo sử dụng đảo ngữ. Nói "nhân dân" là vì Phật giống như vua. Cõi này dịch A-tăng-kỳ là Vô Số. Những bội số của nó là Vô Lượng và Vô Biên. Tuổi thọ của con người [trong cõi Cực Lạc] có hai [yếu tố]: Một là do bổn nguyện lực của Phật, hai là do sức công đức của chính mình).*

Đoạn này nhằm giải thích câu kinh văn *"cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp"*.

(Sao) Đảo ngữ giả, chánh ngữ đương vân "Phật cập nhân dân, thọ mạng vô lượng".

(鈔)倒語者，正語當云佛及人民，壽命無量。

*(**Sao**: "Đảo ngữ": Nói thuận theo cú pháp thì phải là "Phật và nhân dân, thọ mạng vô lượng").*

Đây là nói theo ngữ pháp tiếng Hán, ngữ pháp tiếng Phạn có sai khác đôi chút. Họ nói là *"bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhân dân"*, theo cách nói của người Hoa sẽ là *"bỉ Phật cập kỳ nhân dân, thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp"*, nói theo cách đó. Kinh văn nói đảo ngược, nên gọi là *"đảo ngữ"*.

"Phật như vương cố" (Do Phật giống như vua), vãng sanh có nhân dân. Đây là tỷ dụ. Chư vị phải hiểu, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có vua, mà cũng chẳng có nhân dân. Vì sao? Thế giới ấy bình đẳng. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có họ tên. Nhà cửa họ ở chẳng có tên đường, mà cũng chẳng có số nhà. Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới như vậy đó. Hình dáng của mọi người lại đều giống hệt như nhau, hoàn cảnh sống đều giống nhau, thế giới bình đẳng mà! Chúng ta vừa nghe lời này, ắt sẽ kinh hãi, đến đó, Trương Tam hay Lý Tứ đều chẳng nhận biết, vị nào là Phật, vị nào là Bồ Tát, chúng ta cũng chẳng phân biệt rõ ràng! Kinh dạy: Sau khi đã đến bên đó, thần thông và đạo lực của chúng ta thảy đều khôi phục, chắc chắn chẳng nhận lầm bất cứ một ai. Quý vị vừa thấy người đó, không chỉ biết hiện thời người ấy là ai, mà chuyện trong đời đời kiếp kiếp quá khứ của người đó quý vị đều biết. Người trong thế giới Tây Phương trọn đủ sáu loại thần thông, gần như chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy. Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp, trong tình hình ấy, chẳng cần đến danh tự! Vì thế, bên ấy chẳng có vua, mà cũng chẳng có nhân dân. Cách thuyết pháp bên ấy chắc chắn chẳng giống cách thuyết pháp ở nơi đây, vì trong cõi này, phải dùng ngôn ngữ, phải dùng phân biệt, chấp trước để thuyết pháp, ở bên kia thảy đều chẳng cần, chẳng có những thứ ấy!

(Sao) Như Ba La Mật, vân Bỉ Ngạn Đáo, đương thị Đáo Bỉ Ngạn nhĩ.

(鈔)如波羅密，云彼岸到，當是到彼岸耳。

*(**Sao**: Như Ba La Mật, nghĩa là Bờ Kia Đến, [hiểu theo cách hành văn theo thứ tự thuận] phải là Đến Bờ Kia).*

Đây là nêu một thí dụ. Ngữ pháp tiếng Ấn Độ tương phản ngữ pháp tiếng Hán, như Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, dịch thẳng [từng chữ] sang tiếng Hán sẽ là Bỉ Ngạn Đáo, nhưng theo ngữ pháp tiếng Hán thì phải là Đáo Bỉ Ngạn.

(Sao) Dĩ ý hội chi, vô dĩ từ hại.

(鈔)以意會之，無以辭害。

*(**Sao**: Phải hiểu theo ý nghĩa, chớ vì từ mà hại ý).*

Dạy chúng ta phải hiểu ý nghĩa, chớ nên chấp trước danh tướng, chính là *"y nghĩa, bất y ngữ"* trong Tứ Y Pháp. Hiểu rõ ý nghĩa là được rồi!

(Sao) Phật như vương giả.

(鈔)佛如王者。

*(**Sao**: "Phật như vua").*

Đây là tỷ dụ.

(Sao) Bỉ quốc tuy vô quân thần phụ tử.

(鈔)彼國雖無君臣父子。

*(**Sao**: Tuy cõi ấy chẳng có vua, tôi, cha, con).*

Phàm là đi vãng sanh đều là liên hoa hóa sanh. Do đó, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có quan hệ cha con, chẳng có quan hệ vua tôi.

(Sao) Nhiên Phật vi pháp vương, hữu quân chủ nghĩa.

(鈔)然佛為法王，有君主義。

*(**Sao**: Nhưng Phật là pháp vương, nên có ý nghĩa quân chủ).*

Nhưng xác thực là có A Di Đà Phật ở trong thế giới ấy giáo hóa

chúng sanh, địa vị của đức Phật là thầy. Vì thế, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có quan hệ thầy trò. Phật là thầy, hết thảy Bồ Tát đều là học trò.

(Sao) Sanh bỉ quốc giả, y Phật, học Phật, hữu nhân dân nghĩa.

(鈔)生彼國者，依佛學佛，有人民義。

*(**Sao**: Người sanh về cõi ấy nương theo Phật, học Phật, nên có ý nghĩa nhân dân).*

Dùng theo ý nghĩa này, có ý nghĩa này.

(Sao) Phi như thử độ, bản tịch sở thống, thật biên manh dã.

(鈔)非如此土，版籍所統，實編氓也。

*(**Sao**: Chẳng giống như cõi này, có sổ bộ, hộ tịch thống kê, biên chép dân chúng).*

Thế gian này là xã hội Ngũ Luân, thật sự có tổ chức, có sự thống hạt (cai quản, kiểm soát, quản chế). Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có chuyện ấy. [Chỉ có một mối quan hệ] là thầy trò. Nói thật ra là một trường học, thầy và học trò địa vị bình đẳng.

(Sao) Tăng Kỳ giả, nhập thập đại số chi thủ.

(鈔)僧祇者，入十大數之首。

*(**Sao**: Tăng Kỳ thuộc con số đầu tiên trong mười con số lớn).*

Những chữ số của Ấn Độ tính từ những số cơ bản là đơn vị, mười, trăm, ngàn, đại khái có một trăm năm mươi mấy chữ số. A Tăng Kỳ (Asaṅkhya**)** là số đầu tiên trong mười con số lớn cuối cùng[36].

(Sao) Tùng bách Lạc Xoa, bội bội tích lũy nhi sanh.

(鈔)從百洛叉，倍倍積累而生。

*(**Sao**: Từ một trăm Lạc Xoa[37] tính gấp bội dần mà có những số đó).*

---

[36] Mười con số lớn cuối cùng là 1) A Tăng Kỳ, 2) Vô Lượng, 3) Vô Biên, 4) Vô Đẳng, 5) Bất Khả Số, 6) Bất Khả Xưng, 7) Bất Khả Tư, 8) Bất Khả Lượng, 9) Bất Khả Thuyết, 10) Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết.

[37] Lạc Xoa (Lakṣá) là một trăm ngàn.

Cơ số của Ấn Độ được tính theo cách tăng gấp mười, nhưng đến những con số lớn chẳng tính theo cách tăng gấp mười, mà là bội số của chính nó nhân lên, nên những con số ấy hết sức to lớn.

(Sao) Hựu Tăng Kỳ Tăng Kỳ vi nhất Vô Lượng.

(鈔)又僧祇僧祇為一無量。

*(**Sao**: Lại nữa, Tăng Kỳ lần Tăng Kỳ là một Vô Lượng).*

A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng.

(Sao) Vô Lượng Vô Lượng vi nhất Vô Biên.

(鈔)無量無量為一無邊。

*(**Sao**: Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên).*

Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên.

(Sao) Kim hợp ngôn giả, tự hữu nhị nghĩa.

(鈔)今合言者，自有二義。

*(**Sao**: Nay nói gộp lại, là có hai ý nghĩa).*

Nay trong kinh văn nói là *"vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp"*, ở đây có hai ý nghĩa.

(Sao) Nhất thị thật minh kỳ số, dĩ tăng kiếp kế chi, hữu vô lượng vô biên Tăng Kỳ dã.

(鈔)一是實明其數，以僧劫計之，有無量無邊僧祇也。

*(**Sao**: Một là thật sự nói đến con số ấy, dùng A Tăng Kỳ kiếp để tính toán bèn có Vô Lượng Vô Biên Tăng Kỳ).*

Nói đến một con số thật sự.

(Sao) Nhị thị cực tán kỳ đa, vô phục biên lượng, vô phục cùng tận chi Tăng Kỳ dã.

(鈔)二是極讚其多，無復邊量，無復窮盡之僧祇也。

*(**Sao**: Hai là tán thán số ấy nhiều đến tột bậc, lại còn là chẳng có bờ mé, số lượng, chẳng có cùng tận A Tăng Kỳ vậy).*

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, biết trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng của Phật và chúng sanh dài lâu đương nhiên [phải hiểu] theo ý nghĩa thứ hai, tuyệt đối chẳng phải là ý nghĩa thứ nhất, vì sao? Theo ý nghĩa thứ nhất, Vô Lượng Vô Biên A-tăng-kỳ kiếp có thể tính toán được. Vì thế, từ ngữ này (vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp) thật sự là từ ngữ hình dung, chẳng phải là một con số, vì Đại Kinh đã nói rất rõ ràng: *"Giả sử chúng sanh trong mười phương thế giới đều chứng đắc quả Bích Chi Phật, thần thông đều như Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán thọ mạng của A Di Đà Phật, trọn hết tuổi thọ của họ để tính toán, đều chẳng có cách nào tính toán được!"* Vậy thì đương nhiên chẳng phải là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp [hiểu theo nghĩa một con số cụ thể]. Nếu thật sự là [một con số] vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, một mình tôn giả Mục Kiền Liên đã tính ra, cần gì phải có lắm người ngần ấy? Vì vậy, ý nghĩa thứ hai là chánh xác.

(Sao) Phật lực giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, thọ mạng giai vô ương số kiếp, vô hữu năng kế kỳ số giả", thị thừa Phật nguyện lực, hữu thử thọ cố.

(鈔)佛力者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，壽命皆無央數劫，無有能計其數者，是承佛願力，有此壽故。

*(**Sao**: Phật lực: Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, người trong cõi tôi thọ mạng đều là vô ương số kiếp, chẳng người nào có thể tính được số ấy". Đó là nhờ vào nguyện lực của Phật mà có tuổi thọ ấy).*

Giải thích vì sao người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng dài như thế. Trong lời Sớ, đã nêu ra hai nguyên nhân, thứ nhất là Phật lực, do sức bổn nguyện của Phật gia trì. Vì Phật đã từng phát ra bốn mươi tám nguyện. Nếu người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có thọ mạng dài như thế, đức Phật đã trái nghịch bổn nguyện, chẳng thể thành Phật. Vì lẽ đó, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định là thọ mạng dài lâu như đức Phật đã phát nguyện. Đây là nêu nguyên văn trong bốn mươi tám nguyện để nói. Pháp Tạng là tiền thân của A Di Đà Phật, Pháp Tạng chính là pháp danh của A Di Đà Phật khi Ngài còn tu nhân. *"Ngã tác Phật thời"* (Khi ta thành Phật), nay Ngài đã thành Phật, kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn đều nói rất rõ ràng, Ngài thành

Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đến nay đã là mười kiếp. *"Ngã sát trung nhân"* (Người trong cõi ta), [tức là] người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, *"thọ mạng giai vô ương số kiếp"* (thọ mạng đều là vô ương số kiếp), Vô Ương[38] là một con số lớn, *"vô hữu năng kế kỳ số giả"* nghĩa là chẳng có ai có thể tính toán con số ấy, đó là *"thừa Phật nguyện lực"* (nương vào nguyện lực của Phật), nên người vãng sanh có thọ mạng dài như vậy, thọ mạng giống như Phật. Nguyên nhân thứ hai là:

(Sao) Tự lực giả.
(鈔)自力者。
*(**Sao**: Sức của chính mình).*

Là sức công đức của chính mình, cũng chớ nên coi nhẹ!

(Sao) Nhất tâm niệm Phật, tâm thanh tịnh cố.
(鈔)一心念佛，心清淨故。
*(**Sao**: Do nhất tâm niệm Phật, nên tâm thanh tịnh).*

Hai câu này nói đến tự lực, hai câu này hết sức quan trọng. Vì sao? Chẳng có tự lực, Phật lực chẳng thể gia trì được! Do vậy có thể biết, chúng ta tu học pháp môn này, quan trọng nhất là nhất tâm niệm Phật, niệm cho đạt đến tâm thanh tịnh. Tâm còn có thị phi, nhân ngã, còn có tham, sân, si, mạn, tâm ấy chẳng thanh tịnh. Xưa kia, các vị đại đức đã nói: Nếu muốn nhập Phật môn, phải thấy thấu suốt, phải buông xuống. Thấy thấu suốt là giác ngộ, buông xuống là công phu. Nay vì sao tâm chúng ta chẳng thanh tịnh? Không buông xuống được! Vì sao không buông xuống được? Chẳng thấy thấu suốt! Những gì đức Phật dạy, chúng ta đều có thể ghi nhớ, chính mình cũng có thể nói *"phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Đều là hư vọng, vì sao quý vị không buông xuống? Vì sao phải chấp trước tướng hư vọng ấy? Chấp trước những tướng hư vọng ấy sẽ tạo vô biên tội nghiệp, phải tạo tác lục đạo luân hồi, vẫn phải tạo nghiệp, chịu báo trong ấy, chẳng thể nào giải

---

[38] Vô Ương là dịch nghĩa của chữ A Tăng Kỳ. Ở đây, xin chú ý là Hòa Thượng không nói thẳng là A Tăng Kỳ (vì A Tăng Kỳ tuy lớn, vẫn là hữu hạn. Một A Tăng Kỳ là mười lũy thừa 140, tức là sau số một có một trăm bốn mươi con số không, tuy lớn, vẫn là tính đếm được). Vô Ương được dùng theo nghĩa phiếm chỉ là không có hạn lượng, chẳng thể tính toán được.

quyết xong, khổ chẳng thể nói! Vì thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta: "Phải thấy thấu suốt, phải buông xuống!" Nếu những hiện tướng là thật, mà Phật, Bồ Tát dạy chúng ta "thấy thấu suốt, buông xuống" thì trật mất rồi! Do tất cả hết thảy huyễn tướng đều là giả, chẳng có gì là thật, nên bảo quý vị thấy thấu suốt và buông xuống là tuyệt đối chánh xác. Chỉ cần quý vị có thể thấy thấu suốt, buông xuống, mới đắc đại tự tại trong hết thảy cảnh giới. Vì lẽ đó, tâm thanh tịnh trọng yếu hơn bất cứ gì khác.

Sở dĩ pháp môn này thù thắng, có thể vượt trỗi hết thảy các pháp môn, là do nó đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, tức là nhất tâm niệm Phật, trong tâm chỉ có mình A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng chẳng có. Giống như Liên Trì đại sư đã nói: *"Tam Tạng mười hai bộ, để dạy người khác ngộ"*, tuyệt đối chẳng phải để dạy chính mình. Dạy chính mình thì một câu Nam-mô A Di Đà Phật cũng đủ rồi, ngay cả kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ đều là quá thừa, huống gì những thứ khác! Còn cần đến những kinh điển ấy vì chúng là công cụ để tiếp dẫn chúng sanh, tuyệt đối chẳng phải là để chính mình thọ dụng, mà nhằm dành cho người khác thọ dụng. Quý vị có thể hiểu rõ giới tuyến ở chỗ này, sẽ không trở ngại sự. Hóa độ người khác, chẳng trở ngại tâm chính mình thanh tịnh; tự tâm thanh tịnh cũng chẳng trở ngại giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, vô ngại! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhất định phải hiểu rõ ràng. Nhưng đối với tự lợi, lợi tha, nhất định lấy tự lợi làm chủ, [bởi lẽ] chính mình chẳng thật sự đạt được lợi ích, sẽ chẳng thể lợi tha. Lợi tha thì phải tự lợi trước. Tự lợi được nói như thế nào? Chính mình phải đạt được cái tâm thanh tịnh trước đã, đó là tự lợi.

(Sao) Liên hoa hóa sanh, thanh hư chi thân, bất đồng chất ngại nhục thân, hữu lão bệnh tử. Thị tự tinh tấn lực, hữu thử thọ cố.

(鈔)蓮華化生，清虛之身，不同質礙肉身，有老病死，是自精進力，有此壽故。

*(**Sao**: "Liên hoa hóa sanh": Cái thân thanh hư, chẳng giống như nhục thân vật chất ngăn ngại, có già, bệnh, chết. Đó là do sức tinh tấn của chính mình mà có thọ lượng ấy).*

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là *"liên hoa hóa sanh"*. Nói cách khác, thân thể chẳng giống thân thể loài người chúng ta trong thế giới này! Nếu nói là khác nhau, thì vẫn rất khó nói, vì sao? Nói theo

lý luận thì như nhau, chẳng khác gì cả! Các nhà khoa học đã phân tích thân thể này, tách thành nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản. Hoa sen phân tích ra cũng là những thứ đó, há có khác gì? Hết thảy vạn pháp, pháp thế gian và xuất thế gian phân tích đến cuối cùng, vật chất cơ bản đều như nhau. Nếu nói là khác nhau thì là do sự tổ hợp khác nhau, công thức cấu tạo khác nhau. Rốt cuộc là do ai sắp đặt? Ai tổ hợp chúng? Thưa cùng chư vị, người sắp đặt và tổ hợp chẳng phải là A Di Đà Phật, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Nếu Phật, Bồ Tát có năng lực tổ hợp, sắp đặt, chúng ta còn phải tu chi nữa! Các Ngài giúp chúng ta tổ hợp là được rồi! Hiện thời nói là *"biến đổi thể chất"*. Nếu Phật, Bồ Tát có năng lực giúp chúng ta biến đổi thể chất, các Ngài đại từ đại bi đều giúp chúng ta biến đổi, chúng ta chẳng cần tu hành! Chư vị nhất định phải biết, trong sự tổ hợp, sắp xếp ấy, ai làm chủ tể? Ý niệm làm chủ tể, niệm lực chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh Phật thường nói: *"Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt"*. Bản năng của tâm, năng lực của Phật, và năng lực nghiệp duyên của chúng sanh, ba sức mạnh ấy đều chẳng thể nghĩ bàn!

Thân người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do tâm thanh tịnh tổ hợp, tâm thanh tịnh tạo thành công thức cấu tạo, chúng ta gọi [thân tâm ấy] là Vô Lậu Ngũ Ấm. Ngũ Ấm như nhau, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhưng chúng là vô lậu. Vô lậu là tâm thanh tịnh, hữu lậu là tâm phiền não. Chúng ta do tâm phiền não sắp đặt, tổ hợp, nên biến thành hữu lậu Ngũ Ấm, khác hẳn, bất đồng ở chỗ này. *"Liên hoa hóa sanh, thanh hư chi thân"*, do tâm thanh tịnh sắp đặt, tổ hợp; lại còn được Phật lực gia trì, nên thân của họ là thân Kim Cang bất hoại. *"Thanh hư chi thân, vô cực chi thể"* (Thân thanh hư, thể vô cực), do đó, thọ mạng dài lâu, chẳng có già, bệnh, chết! Trong thế gian này, chúng ta là thân hữu lậu Ngũ Uẩn. Hữu lậu là do tâm phiền não sắp đặt, tổ hợp thể chất, nên có chướng ngại. Vì thế, có già, có bệnh, có chết.

Thân người trong thế giới Tây Phương và thân người chúng ta khác nhau, điều này đáng để chúng ta chú ý. Ví như vàng y và chén trà, vật chất cơ bản hoàn toàn như nhau, nhưng công thức cấu tạo khác nhau, một đằng là có thể gìn giữ lâu dài, một đằng chẳng thể gìn giữ lâu dài. Ai sắp xếp? Do tâm niệm sắp xếp. Trong tâm chẳng có vọng niệm, sắp xếp, sẽ hoàn toàn phù hợp tự nhiên, tự nhiên là bất sanh bất diệt. Do khởi tâm động niệm sắp xếp, sẽ chẳng thể thuận theo tự nhiên, bèn trở thành hữu sanh, hữu diệt. Hiện thời đạo lý này đã được khoa học chứng thực. Vì thế, chúng ta mong trường thọ, mong được trẻ trung mãi mãi,

quý vị phải biết then chốt ở chỗ nào? Then chốt là tâm thanh tịnh. Tuyệt đối chẳng phải do thuốc men, chẳng do cầu thần, cầu quỷ, chẳng do sửa sắc đẹp mà có thể đạt được, mà là do trong tâm của chính quý vị biến đổi thể chất của chính mình. Hiện thời có người đề ra uống thuốc gì đó, dùng phương pháp gì đó để biến đổi, toàn là gạt người! Đó là trị đằng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc. Quan trọng nhất để có thể biến đổi thể chất là tâm niệm. Hiểu đạo lý này, chúng ta mới chẳng bị kẻ khác lường gạt!

"Thị tự tinh tấn lực" (Do sức tinh tấn của chính mình), Tinh (精) là thuần chứ chẳng tạp. Nhất tâm là Tinh, niệm niệm tiếp nối là Tấn (進). Nay chúng ta có sức tinh tấn, thọ mạng trong thế gian hiện thời cũng có thể lâu dài, cũng chẳng phải là hạn lượng cố định, mà có thể vượt khỏi hạn lượng đã định sẵn. Nếu bản thân chúng ta chẳng biết tu học, xác thực là thọ mạng có hạn lượng nhất định. Như trong Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, thọ mạng có [hạn lượng] nhất định. Thọ mạng kéo dài hay rút ngắn do sự tu học của chính quý vị. Quý vị tu tốt đẹp, sẽ chẳng phải là hạn lượng cố định, thọ mạng có thể kéo dài. Quý vị tạo nên oan nghiệt, tạo tội quá nhiều, vốn là trường thọ mà thọ mạng có thể bị rút ngắn. Do đó, tuy có thọ mạng, nó cũng chẳng là một con số nhất định, dài hay ngắn vẫn là do duyên, tùy thuộc bản thân chúng ta thực hiện như thế nào. Trong đoạn kế tiếp, đại sư đã giả lập một đoạn vấn đáp:

(Sớ) Vấn vân: Thử vô lượng diệc khả tức vô lượng chi vô lượng giả, hoàn hữu chứng phủ?

(疏)問云：此無量亦可即無量之無量者，還有證否？

*(**Sớ**: Hỏi: "Vô lượng" ở đây cũng có thể hiểu là vô lượng trong vô lượng, còn có chứng cớ gì chăng?)*

Kinh nói là *"vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp"*, ở đây, Liên Trì đại sư nêu ra hai ý nghĩa: Một là hữu lượng vô lượng, hai là vô lượng vô lượng. Chúng ta chọn thuyết sau. Chọn thuyết sau do ý nghĩa viên mãn, nhưng có những kẻ sẽ hoài nghi: "Quý vị nói kiểu ấy có căn cứ hay không?" Kinh Vô Lượng Thọ là căn cứ, chúng ta thật sự niệm kinh Vô Lượng Thọ rất thuần thục, nên chẳng thấy có vấn đề gì! Ở đây là giả thiết, thời Liên Trì đại sư, kinh Vô Lượng Thọ lưu thông chẳng rộng. Người tu Tịnh Độ quá nửa thọ trì kinh A Di Đà, người niệm kinh Vô Lượng Thọ chẳng có mấy ai, nhưng người niệm kinh Hoa Nghiêm đông

đảo, nên lão nhân gia chỗ nào gặp phải khó khăn đều dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh, giải thích.

(Sớ) Đáp: Lệ như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(疏)答：例如華嚴中說。

*(**Sớ**: Đáp: Theo như trong kinh Hoa Nghiêm có nói).*

Kinh Hoa Nghiêm nói gì? Trong phần chú giải, lão nhân gia đã nêu cặn kẽ:

(Sao) Thượng dẫn Quán Sớ vân: "Thử vô lượng thị hữu lượng chi vô lượng, nhi ngôn diệc khả tức vô lượng chi vô lượng giả", dĩ kim văn chánh tự Hoa Nghiêm cố.

(鈔)上引觀疏云：此無量是有量之無量，而言亦可即無量之無量者，以今文正似華嚴故。

*(**Sao**: Trong phần trước đã trích dẫn Quán Kinh Sớ: "Vô lượng ở đây là vô lượng trong hữu lượng, mà cũng có thể nói là vô lượng trong vô lượng", nay phần kinh văn này giống như kinh Hoa Nghiêm).*

"Hữu lượng chi vô lượng" là căn cứ theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, là điều được nói trong Thập Lục Quán Kinh. Nói nó là "vô lượng trong vô lượng", tức là nói theo kinh Vô Lượng Thọ. Trong các kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa cũng có nói. Cổ đức gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, nói thật ra là có lý, vì sao? Ý nghĩa hết sức giống kinh Hoa Nghiêm. Ở đây, Ngài bèn trích dẫn:

(Sao) Bỉ kinh Thập Hồi Hướng văn vân: "Vô lượng A-tăng-kỳ". Thích vân: "Thử phi số trung chi nhất, đản thị vô số chi ngôn. Nhược định thị số, tiện đương cục hạn".

(鈔)彼經十回向文云，無量阿僧祇，釋云：此非數中之一，但是無數之言，若定是數，便當局限。

*(**Sao**: Trong phần kinh văn giảng về Thập Hồi Hướng có nói: "Vô lượng A-tăng-kỳ". [Ngài Thanh Lương] giải thích: "Đây chẳng phải là một con số, chỉ là do không thể tính đếm bèn nói như vậy. Nếu nhất định coi nó là một con số, sẽ trở thành có giới hạn").*

Chú giải phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói theo kiểu này.

(Sao) Kim kinh diệc vân "vô lượng vô biên A-tăng-kỳ".

(鈔)今經亦云無量無邊阿僧祇。

*(**Sao**: Nay kinh này cũng nói "vô lượng vô biên A-tăng-kỳ").*

Rất giống câu *"vô lượng A-tăng-kỳ kiếp"* được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu *"vô lượng A-tăng-kỳ kiếp"* trong kinh Hoa Nghiêm đã được Thanh Lương đại sư giải thích chẳng phải là một con số, mà là một từ ngữ để hình dung, đương nhiên ở đây cũng có thể giải thích [vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp] chẳng phải là một con số, mà là từ ngữ để hình dung, nhằm hình dung thời gian lâu dài tột bậc! Nói theo ý nghĩa trong Hoa Nghiêm, đây chẳng phải là một con số hạn cuộc!

(Sao) Nhị kinh văn thế, ý cực tương loại.

(鈔)二經文勢，意極相類。

*(**Sao**: Ngữ mạch của lời văn trong hai kinh có ý nghĩa hết sức giống nhau).*

Câu kinh Hoa Nghiêm và câu văn trong kinh này hết sức tương tự.

(Sao) Cố ngôn bỉ Phật thọ mạng, diệc khả tức thị cánh vô hạn lượng chi vô lượng dã.

(鈔)故言彼佛壽命，亦可即是更無限量之無量也。

*(**Sao**: Nên nói "thọ mạng của đức Phật ấy cũng có thể hiểu là vô lượng theo nghĩa chẳng có hạn lượng").*

Chúng ta dùng lời nguyện trong phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ và lời khai thị của đức Thế Tôn thì đều có thể chứng minh lời giải thích của Liên Trì đại sư là chánh xác.

(Sao) Vấn: Hoa Nghiêm Thọ Lượng phẩm, vị Sa Bà thế giới nhất kiếp vi Cực Lạc thế giới nhất trú dạ. Cực Lạc thế giới nhất kiếp vi Ca Sa Tràng thế giới nhất trú dạ, triển chuyển kiếp nhật tương đối, nãi chí bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, cực ư Thắng Liên Hoa, tắc Cực Lạc cẩn thắng Sa Bà, liệt hậu thù thậm, an đắc vi cánh vô hạn lượng chi vô lượng hồ?

(鈔)問：華嚴壽量品，謂娑婆世界一劫，為極樂世界一晝夜，極樂世界一劫，為袈裟幢世界一晝夜，輾轉劫日相對，乃至百萬阿僧祇世界，極於勝蓮華，則極樂僅勝娑婆，劣後殊甚，安得為更無限量之無量乎。

*(**Sao**: Hỏi: Phẩm Thọ Lượng trong kinh Hoa Nghiêm nói một kiếp trong thế giới Sa Bà là một ngày đêm trong thế giới Cực Lạc. Một kiếp trong thế giới Cực Lạc là một ngày đêm trong thế giới Ca Sa Tràng. Lần lượt so sánh giữa kiếp và ngày như vậy, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, tột bậc là thế giới Thắng Liên Hoa. Như vậy thì Cực Lạc chỉ trỗi hơn Sa Bà, thua kém quá mức, lẽ nào là vô lượng theo ý nghĩa chẳng có số lượng cho được?)*

Lời hỏi này hay lắm! Kinh Hoa Nghiêm thật sự có một đoạn kinh văn như vậy. Vì thế, quý vị niệm kinh Hoa Nghiêm đến đoạn này, [ắt sẽ nghĩ] thế giới Cực Lạc trọn chẳng có gì là tuyệt diệu, bất quá tốt đẹp hơn thế giới Sa Bà một chút, còn kém xa những thế giới ở phương khác! Gặp phải câu hỏi này, làm như thế nào đây? Vẫn phải dùng giáo nghĩa Hoa Nghiêm để giải thích:

(Sao) Đáp: Bỉ sao thích vân, tam thân ký dung, tam thọ vô ngại.

(鈔)答：彼鈔釋云，三身既融，三壽無礙。

*(**Sao**: Đáp: Trong lời Sao cho kinh ấy, [ngài Thanh Lương] đã giải thích: "Ba thân đã dung thông thì ba loại thọ mạng chẳng ngăn ngại").*

Lời Sớ và Sao của kinh Hoa Nghiêm đều do Thanh Lương đại sư soạn. Thanh Lương đại sư đã vì chúng ta giải thích vấn đề này, Ngài nói rất hay: *"Tam thân ký dung"* (Ba thân đã dung thông), ba thân là Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Thân. Kinh Hoa Nghiêm nói ba thân thì một chính là ba, ba chính là một. Nói thật ra, nhục thân hiện tại của chúng ta xác thực là tương dung, tương tức cùng hư không pháp giới. Nếu chẳng dung thông, làm sao mắt chúng ta có thể thấy được? Nếu nói thân chỉ có to đôi chút như thế, vì sao mắt quý vị có thể nhìn xa ngần ấy? Mắt quý vị có thể nhìn thấy là vì thân lượng đạt tới. Phạm vi tai có thể nghe cũng là do thân lượng đạt đến. Nhưng nay chúng ta mê mất tự tánh, năng lực của sáu căn rất hữu hạn.

Thật sự giác ngộ, sẽ giống như kinh Lăng Nghiêm nói *"sáu căn dùng lẫn cho nhau"*. Kinh Vô Lượng Thọ nói Thiên Nhãn thấy thấu suốt, tận hư không khắp pháp giới đều có thể thấy rõ ràng. Chúng ta ngồi ở nơi đây, bất động, thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như ở ngay trước mặt. Thân của chúng ta há chẳng phải là hợp làm một với toàn thể hư không pháp giới? Đó là Pháp Thân và nhục thân của chúng ta dung thông, to như nhau, chẳng có lớn hay nhỏ! Khi ấy, mới giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Phá một vi trần, lấy ra quyển kinh to bằng đại thiên thế giới"*, hoặc *"ngồi trong vi trần, chuyển đại pháp luân"*, là cảnh giới ấy. Nói thật ra, cảnh giới này ở ngay trước mắt chúng ta, nhưng chúng ta tự mình mê muội, bất giác, chính mình ràng buộc chính mình! Do tâm lượng của chúng ta nhỏ nhoi như thế, nên thân nhỏ nhoi ngần ấy, chính mình đã hạn cuộc chính mình!

Phải biết: Ba thân của Phật dung thông lẫn nhau, mà ba thân của chúng ta vẫn dung thông. Tuyệt đối chẳng phải là đến khi thành Phật thì ba thân mới dung thông, chẳng phải vậy. Hết thảy chư Phật lúc thành Phật, chẳng tăng, chẳng giảm. Thành Phật chẳng hề tăng thêm chút nào, mà tại địa vị phàm phu, chẳng hề giảm bớt chút nào, chỉ là giác và mê khác biệt! Phật là giác ngộ, đã phát sanh sự giác ngộ: Thân tâm và pháp giới xác thực hợp thành một. Khi mê, chẳng biết chính mình và pháp giới hợp nhất. Thật ra, [vẫn là] hợp thành một, khi mê bèn bất giác, khi giác sẽ không mê, then chốt ở ngay chỗ này. Nếu ba thân dung thông, ba thọ liền vô ngại. Chúng ta nói vô lượng trong vô lượng, tức là Pháp Thân thọ. Nói vô lượng trong hữu lượng thì là Ứng Thân thọ. Nói kiểu nào cũng đều suông, đều chẳng bị chướng ngại.

(Sao) Tức trường năng đoản, tức đoản hằng trường, vô trường, vô đoản, trường đoản tồn yên!

(鈔)即長能短，即短恆長，無長無短，長短存焉。

*(**Sao**: Tức là dài mà có thể rút ngắn, chính là ngắn mà luôn dài, chẳng dài, chẳng ngắn, dài ngắn cùng tồn tại vậy).*

Nói dài hay ngắn là do phàm phu phân biệt, chấp trước. Chư vị hãy suy nghĩ: Nếu thật sự niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, nhất tâm là chẳng có vọng tưởng. Chẳng có vọng tưởng thì lấy đâu ra dài hay ngắn? Nói dài là vọng tưởng; nói ngắn, vẫn là vọng tưởng, đều biến thành vọng tưởng. Chỉ cần đạt đến nhất tâm, tâm thanh tịnh hiện tiền, dài lẫn ngắn

đều chẳng có. Khi đạt đến nhất tâm bất loạn, mới bảo quý vị: Các vị xem Tam Tạng mười hai bộ, nghe Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp cho chúng sanh, quý vị ở bên cạnh nghe, [sẽ thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật đang gạt gẫm trẻ nít, dỗ dành trẻ nít! Sẽ cảm thấy quả thật Ngài đang dỗ dành trẻ nhỏ, lá vàng dỗ trẻ thôi khóc! Hết thảy các pháp đã nói đều chẳng có thật nghĩa! Có ý nghĩa thật sự hay không? Chẳng có. Vì sao? Ý nghĩa thật sự chẳng thể nói được! Ý nghĩa thật sự chẳng thể suy tưởng được. Ý nghĩa thật sự là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*. Đức Phật nói lời thật cùng chúng ta: Phàm những gì được nói ra đều chẳng có thật nghĩa. Chính quý vị phải ngộ thật nghĩa, chẳng thể diễn tả được. Thật nghĩa thật sự có, vô lượng vô biên, là chân thật, chẳng thể nói được, mà cũng chẳng thể tưởng tượng. Khi nào tâm quý vị thanh tịnh, Thật Tướng ở ngay trước mặt. Quý vị có thể thấu hiểu thật nghĩa, sẽ có thể thấy Thật Tướng, quý vị bèn thành Phật, tối thiểu cũng là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, thuộc địa vị Phần Chứng Phật. Đó là điều đức Phật kỳ vọng nơi chúng ta. Chúng ta cứ khăng khăng tìm tòi trong ngôn ngữ, kinh điển, đó là chuyện rất oan uổng. Đấy gọi là *"y theo kinh văn để hiểu nghĩa, ba đời Phật đều oan uổng"*. Ba đời chư Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai, hết thảy chư Phật đều kêu oan uổng! Coi chuyện dỗ dành trẻ nít là chân thật, oan uổng quá! Vì lẽ đó, thọ mạng dài hay ngắn tự tại chính là thuận theo niệm mà hiện tướng.

(Sao) Nhất nhất viên dung, ngôn tư tư tuyệt.

(鈔)一一圓融，言思斯絕。

*(**Sao**: Mỗi mỗi đều viên dung, ngôn ngữ lẫn tư duy đều dứt bặt).*

Đây là nói chân thật cùng quý vị. *"Nhất nhất viên dung"* là pháp nào cũng đều viên dung, chẳng có một pháp nào không viên dung. Vì thế, pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Mê thì gọi là mười pháp giới, *"mười"* chẳng phải là một con số cố định, mà nhằm biểu thị sự vô lượng. Mê, Nhất Chân bèn biến thành vô lượng pháp giới; ngộ, vô lượng pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Một là thật, hai là vọng, chẳng thật. Một thì chứng từ nơi đâu? Tâm! Nhất tâm là chân, nhị tâm là hư vọng. Chúng ta dùng nhất tâm, tận hư không khắp pháp giới sẽ là chân thật. Chúng ta dùng nhị tâm, thảy đều là hư vọng, quý vị quyết định chẳng thấy chân thật. Nay tâm chúng ta không chỉ là nhị tâm, chẳng biết là có bao nhiêu tâm, làm sao quý vị có thể thấy Nhất Chân pháp giới?

(Sao) Kỳ nghĩa tự minh, bất lao cánh biện.
(鈔)其義自明，不勞更辯。
*(**Sao**: Nghĩa này tự rõ, chẳng cần nhọc sức biện định).*

Liễu giải ý nghĩa này, chẳng cần biện luận nữa!

(Diễn) Tức trường năng đoản, tức Báo tức Ứng dã.
(演)即長能短，即報即應也。
*(**Diễn**: Tức là dài mà có thể rút ngắn, Báo Thân chính là Ứng Thân).*

Nói đến Báo Thân và Ứng Thân.

(Diễn) Tức đoản hằng trường, tức Ứng tức Báo dã.
(演)即短恆長，即應即報也。
*(**Diễn**: Chính là ngắn mà luôn dài, Ứng Thân chính là Báo Thân vậy).*

Ứng Thân là Báo Thân, Ứng Thân ngắn ngủi, Báo Thân dài. Ứng Thân và Báo Thân là một, đương nhiên dài ngắn đều tự tại.

(Diễn) Vô trường, vô đoản, Báo, Ứng tức Pháp dã.
(演)無長無短，報應即法也。
*(**Diễn**: Chẳng dài, chẳng ngắn, Báo Thân và Ứng Thân chính là Pháp Thân).*

Báo Thân và Ứng Thân đều do Pháp Thân biến hiện.

(Diễn) Trường đoản tồn yên, Pháp tức Báo, Ứng dã.
(演)長短存焉，法即報應也。
*(**Diễn**: Dài ngắn cùng tồn tại thì Pháp Thân chính là Báo Thân và Ứng Thân).*

Pháp Thân là Báo Thân và Ứng Thân, tuy một mà ba, tuy ba mà một.

(Diễn) Nhất nhất viên dung, ngôn tư tư tuyệt giả, tức trường năng đoản, bất khả dĩ Báo ngôn.

(演)一一圓融，言思斯絕者，即長能短，不可以報言。

*(**Diễn**: Mỗi mỗi viên dung, ngôn ngữ lẫn tư duy đều dứt bặt: Chính là dài mà có thể rút ngắn thì chẳng thể nói là Báo Thân).*

"Bất khả dĩ Báo ngôn" nghĩa là chẳng thể chấp trước có Báo Thân. Nói là Báo Thân, Pháp Thân hay Ứng Thân đều là *"thuận theo tâm chúng sanh, ứng với sự nhận biết của họ"*. Trong tâm Phật thanh tịnh, chẳng có ba chữ ấy. Nếu trong tâm Phật còn có Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Thân, tâm Phật bị nhiễm bẩn. Lục Tổ nói *"vốn chẳng có một vật"*, Ngài chẳng có một vật như thế nào? Ngài còn có Báo Thân, còn có Pháp Thân thì sẽ có chẳng ít vật trong ấy. Vốn chẳng có một vật là tâm thanh tịnh! Tuy nói với quý vị nhiều ngần ấy, một câu đức Phật cũng chẳng nói! Tâm Phật vĩnh viễn thanh tịnh, Ngài nói là thuận theo ý niệm của chúng sanh mà nói, chẳng phải là theo phía Ngài, [thuận theo phía Ngài], Ngài sẽ chẳng nói chi hết! Thuận theo chúng sanh bèn có nói, tùy thuận chính mình, chẳng nói! *"Nói mà chẳng nói"*, đối với người khác bèn có nói, chính mình chẳng nói, *"chẳng nói mà nói"*. Ý nghĩa này sâu xa, chúng ta làm sao hiểu được? Chúng ta tưởng Phật giống như chúng ta, nói là có nói, không nói là không nói, há có biết Phật, Bồ Tát hoàn toàn khác chúng ta.

Chúng ta phải học chỗ này, cũng phải học *"nói mà không nói, không nói mà nói"*, đó là tu hành, cho đến thân thể chúng ta *"làm mà không làm, không làm mà làm"*, khi ăn cơm bèn *"ăn mà chẳng ăn, chẳng ăn mà ăn"*. Trong cuộc sống, mặc quần áo, ăn cơm, xử sự, đãi người, tiếp vật, chẳng có chuyện gì không phải là tu hành. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là tu như thế đó, đó gọi là *"trải qua sự việc để luyện tâm"*. Trải qua sự việc là Hữu, luyện tâm, tâm thanh tịnh, bất luận chuyện gì đều chẳng lìa tâm thanh tịnh. Trong hết thảy sự, rèn luyện tâm càng thanh tịnh, người ấy bèn thành tựu. Nhất tâm bất loạn, tu từ chỗ nào? Thành tựu từ năm mươi ba lần tham học. Lìa khỏi hết thảy cảnh duyên, làm sao quý vị biết chính mình đã đắc nhất tâm bất loạn? Chẳng trải qua khảo nghiệm! [Tu luyện trong ấy] bèn gọi là công phu chân chánh, hy vọng mọi người phải lưu ý, ý nghĩa này hết sức sâu xa!

(Diễn) Tức đoản hằng trường, bất khả dĩ Ứng ngôn, nãi chí trường đoản tồn yên, bất khả dĩ Pháp ngôn. Dĩ ngôn lệ tư, diệc phục như thị.

(演)即短恆長，不可以應言，乃至長短存焉，不可以法言，以言例思，亦復如是。

*(**Diễn**: Chính là ngắn mà luôn dài, chẳng thể nói là Ứng Thân. Cho đến dài và ngắn cùng tồn tại, chẳng thể nói là Pháp Thân. Dựa theo cách giải thích về "nói năng" mà có thể suy ra ý nghĩa của Tư (suy nghĩ) cũng giống như thế).*

Chỗ này dễ hiểu. Đoạn này đã giới thiệu thọ mạng xong, phần tiếp theo lại nói về quang minh, vì Ngài là vô lượng thọ, vô lượng quang. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 193

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi bốn:

(Sớ) Hựu thọ mạng, quang minh giả, ước nhi ngôn chi, thiểu nhiếp đa cố. Nhị bộ danh đề, chỉ viết Vô Lượng Thọ giả, ước chi hựu ước, Thể nhiếp Dụng cố. Nhược cụ thuyết giả, y báo, chánh báo, tất giai vô lượng.

(Sao) Ước ngôn giả.

(疏)又壽命光明者，約而言之，少攝多故。二部名題，止曰無量壽者；約之又約，體攝用故；若具說者，依報正報，悉皆無量。

(鈔)約言者。

*(**Sớ**: Lại nữa, thọ mạng và quang minh là nói ước lược, dùng ít để bao gồm nhiều. Tựa đề của hai bộ kinh chỉ nói là Vô Lượng Thọ, tức là đã ước lược lại còn ước lược hơn, vì dùng Thể để thâu nhiếp Dụng vậy. Nếu nói đầy đủ, y báo và chánh báo thảy đều vô lượng.*

***Sao**: Nói ước lược…)*

Nói ước lược.

(Sao) Phật cụ vạn đức, kim chỉ cử thọ mạng, quang minh giả, như Hoa Nghiêm Bát Địa, ngôn thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, thanh tịnh âm thanh vô lượng đẳng. Tắc tri cử nhị sự giả, dĩ thiểu nhiếp đa dã.

(鈔)佛具萬德，今止舉壽命光明者。如華嚴八地，言身相無量，智慧無量，方便無量，光明無量，清淨音聲無量等。則知舉二事者，以少攝多也。

*(**Sao**: Phật có đủ vạn đức, nay chỉ nêu lên thọ mạng và quang minh, như kinh Hoa Nghiêm nói bậc Bát Địa Bồ Tát thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, âm thanh thanh tịnh vô lượng v.v... cho nên biết nêu ra hai chuyện chính là dùng ít để thâu nhiếp nhiều vậy).*

Danh hiệu của Phật Di Đà là A Di Đà Phật. Bốn chữ A Di Đà Phật là phiên âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Danh hiệu Vô Lượng có ý nghĩa hết sức sâu rộng. Trong sự sâu rộng vô hạn, đức Phật chỉ nói hai chuyện: Một là thọ mạng, hai là quang minh, tức là vô lượng thọ và vô lượng quang. Đây chính là ý nghĩa của chữ *"ước ngôn"* (約言), tức là nói đơn giản nhất, nói tóm tắt nhất. Cổ đức nói: Trong hết thảy các thứ vô lượng, coi thọ mạng là bậc nhất. Chúng ta suy nghĩ thấy rất có lý. Nếu chẳng có thọ mạng, hết thảy các thứ vô lượng đều rỗng tuếch. Dẫu là vô lượng, chúng ta chẳng thể thọ dụng, chẳng thể hưởng thụ được. Vì thế, thọ mạng trọng yếu bậc nhất. Có thể nói là hết thảy các thứ vô lượng đều lấy thọ mạng vô lượng làm Thể, những điều khác đều là đức dụng của nó. Trong hết thảy các đức dụng, đương nhiên coi *"trí huệ quang minh"* là bậc nhất. Vì sao? Có trí huệ thì mới có vui sướng thật sự; có trí huệ, sẽ chẳng có phiền não. Vì sao nhiều phiền não? Vì chẳng có trí huệ. Do mê, nên mới có phiền não; hễ ngộ, sẽ chẳng có phiền não. Vì lẽ đó, trong hết thảy các thọ dụng, trí huệ là bậc nhất. Chẳng có trí huệ, dẫu có phước báo, tục ngữ thường nói là *"giàu mà chẳng vui"*. Người ấy rất giàu có, nhưng chẳng sung sướng. *"Quý mà chẳng vui sướng"*, Quý (貴) là có địa vị trong xã hội, địa vị rất cao, làm hoàng đế, làm Tổng Thống, suốt một đời chẳng sung sướng, đó là vì thiếu trí huệ. Nếu có trí huệ, dẫu nghèo hèn, tuy nghèo mà vui, người ấy vẫn hết sức sung sướng. Do vậy có thể biết, trong hết thảy các đức dụng, trí huệ hết sức trọng yếu. Vì lẽ đó, trong hết

thảy các thứ vô lượng, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nêu lên những điều khác, chỉ nêu ra hai thứ này: Một là nêu lên thọ mạng, hai là nêu ra quang minh.

Ở đây, đại sư dùng một trường hợp trong kinh Hoa Nghiêm để thuyết minh, nêu rõ đức Phật đề ra hai thứ quang minh và thọ mạng là nói theo ý nghĩa tỉnh lược, chứ trên thực tế là nói chẳng thể cùng tận! Ngài nhắc tới bậc Bát Địa Bồ Tát trong Hoa Nghiêm, Bát Địa là Bất Động Địa (Achala-bhūmi). Hoa Nghiêm là Viên Giáo, Tịnh Tông gọi bậc Bát Địa của Viên Giáo là A Bệ Bạt Trí. Chúng ta biết: Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo sẽ giống như Bát Địa Bồ Tát. Thầy Lý chú giải kinh đã ghi là *"từ Thất Địa trở lên"*, từ Thất Địa trở lên là Bát Địa. Đó là A Bệ Bạt Trí, là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, thật sự chẳng thoái chuyển. Thất Địa là Viễn Hành Địa (Duramgama-bhūmi), Bát Địa mới là Bất Động Địa.

Khen ngợi Bát Địa Bồ Tát *"thân tướng vô lượng"*, câu này rất khó hiểu, thân tướng vô lượng cách nào? Dẫu lớn cách mấy, cũng còn có hạn lượng. Như trong bài kệ Tán Phật đã mô tả thân lượng Phật to lớn: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải"*, năm Tu Di, bốn đại hải, vẫn là có hạn lượng! Vì cớ nào nói Bát Địa Bồ Tát thân tướng vô lượng? Nói thật ra, Bát Địa Bồ Tát thật sự đoạn sạch phân biệt, chấp trước. Từ Thất Địa trở xuống là phục đoạn (chế ngự phiền não), chẳng phải là diệt đoạn (đoạn hết), các Ngài dùng sức Định Huệ để chế ngự, khiến cho chúng chẳng dấy lên hiện hành, chẳng khởi tác dụng, còn Bát Địa Bồ Tát là diệt đoạn. Nay chúng ta nói là hữu lượng, do đâu mà có hữu lượng? Do từ vọng tưởng, chấp trước mà có. Nếu chẳng có vọng tưởng, chấp trước, sẽ giống như cảnh giới khai ngộ trong Thiền Tông: *"Tận hư không khắp pháp giới là một con mắt của sa-môn"*. Các vị hãy suy nghĩ: Thân tướng này là hữu lượng hay vô lượng? Phải thật sự đoạn sạch phân biệt và chấp trước thì mới có thể thấy cảnh giới ấy. Nói theo Lý thì nói thật ra, cũng chẳng khó lãnh hội, tận hư không khắp pháp giới là một Chân Như bản tánh, là một chân tâm.

Người học Phật học điều gì? Khôi phục chân tâm của chính mình mà thôi. Phàm phu sử dụng vọng tâm, suốt ngày từ sáng đến tối đều dùng vọng tâm. Trong Phật pháp, vọng tâm được gọi là dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức chính là biến cái vốn là vô lượng trở thành hữu lượng. Có phân biệt, có chấp trước, bèn đối lập với hết thảy các pháp. Hễ đối lập, bèn có giới hạn. Vì thế, vốn là vô lượng, nay bị biến thành hữu

lượng. Vọng tưởng, chấp trước càng nặng, giới hạn ngày càng bé đi. Vọng tưởng, chấp trước nhẹ đi, giới hạn bèn lớn hơn đôi chút. Nói chung, chẳng thể thoát lìa giới hạn! Vì thế, tâm thể vô lượng là chân tâm bản tánh, chúng ta chẳng thể chứng đắc! Hư không pháp giới đều là vật được biến hiện bởi Chân Như bản tánh. Nói cách khác, Tướng Phần của tự tánh là vô lượng, chúng ta cũng chẳng thể chứng đắc. Nếu chứng đắc, bèn gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân.

Trong các buổi giảng, tôi cũng thường nhắc tới Pháp Thân, Pháp là hết thảy vạn pháp, dùng vạn pháp để làm tự thân! Chẳng phải là lấy thân thể này làm tự thân. Thân thể là một pháp trong vạn pháp, đương nhiên cũng chẳng phải là ngoại lệ, mà cũng chẳng thể nói thân này chẳng phải là chính mình. Người thật sự nhập cảnh giới này, sẽ có quan niệm chẳng giống chúng ta, người ấy lấy vạn pháp làm tự thân, vì [vạn pháp] do một Chân Như bản tánh biến hiện. Giống như nằm mộng, khi mê bèn ở trong mộng, trong mộng đương nhiên có chính mình, chấp trước chính mình là ta, cảnh giới bên ngoài chẳng phải là ta. Nếu ở trong mộng mà lập tức giác ngộ "ta nay đang nằm mộng", toàn thể mộng cảnh đều do tự tâm của ta biến hiện, vậy thì có thứ gì trong mộng chẳng phải là chính mình? Thứ gì cũng đều là chính mình, toàn là do tự tánh biến hiện. Hễ giác ngộ, toàn thể mộng cảnh vốn đều là chính mình, đó gọi là Pháp Thân. Vì vậy, Pháp Thân chẳng phải là nói về một thân của chính mình, mà là thân của vạn pháp. Lão Tử nói: *"Trời đất và ta có cùng cội rễ, vạn vật và ta có cùng một Thể"*. Hai câu này chính là Thanh Tịnh Pháp Thân được nói trong Phật pháp; nói rõ thân tướng vô lượng.

Tâm tánh trọn khắp hư không pháp giới; thân tướng cũng là trọn khắp hư không pháp giới vô lượng vô biên. Vì sao biết? Nhất định là phải có trí huệ. Chẳng có trí huệ, làm sao quý vị có thể hiểu được! Nói thật ra, Quyền Giáo Bồ Tát, thánh nhân Nhị Thừa, và lục đạo phàm phu đều không biết. Thật sự biết chân tướng sự thật này, trong kinh Phật thường nói là *"chư pháp Thật Tướng"*, tức là tướng chân thật của hết thảy các pháp. Chứng đắc Thật Tướng là các vị Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trở lên trong Biệt Giáo, vì các vị Bồ Tát ấy trí huệ vô lượng. Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh. Nay chúng ta nhất tâm nhất ý mong cầu trí huệ, nhưng cầu trí huệ mà tâm chẳng thanh tịnh, lấy đâu ra trí huệ? Trí huệ tuyệt đối chẳng phải là do sự học hỏi ghi nhớ mà có! Ngay cả Nho gia cũng biết: *"Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã"* (Cái học do hỏi han, ghi nhớ thì

chẳng đáng để làm thầy người khác). Vì lẽ đó, tu học Phật pháp coi trọng tu Định, tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có một pháp môn nào không tu Định, quý vị biết Định học trọng yếu dường ấy! Có thể nói là lìa khỏi Thiền Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Người niệm Phật chúng ta tu nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là Thiền Định. Cảnh giới trong Định vô lượng vô biên. Tâm đã định, sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm, bèn chẳng có giới hạn.

Công phu niệm Phật và tham Thiền, nói thật ra, chỉ có phương pháp khác nhau, chứ cảnh giới giống nhau. Công phu quán chiếu được nói trong nhà Thiền chính là công phu thành phiến trong Tịnh Độ Tông. Công phu thành phiến chính là công phu vừa mới đắc lực, [nói công phu thành phiến] là nói công phu đắc lực. Thành phiến bằng cách nào? Trong mười hai thời, trong tâm luôn có A Di Đà Phật. Đó gọi là *"tịnh niệm nối tiếp"*, bèn thành phiến. Công phu đã thành phiến, tuy quý vị có vọng tưởng, chấp trước, nhưng chúng chẳng khởi tác dụng, vì trong tâm quý vị một câu A Di Đà Phật niệm niệm chẳng gián đoạn, cũng là như chúng tôi thường nói *"không gián đoạn, không xen tạp"*, sẽ thành một phiến. Gián đoạn bèn chẳng thành một phiến, xen tạp cũng chẳng thể thành một phiến. Vì thế, thật sự muốn công phu đắc lực thì quyết định chớ nên gián đoạn, xen tạp, điều này rất trọng yếu.

Vì sao tu hành bèn coi trọng kết kỳ hạn niệm Phật, thường gọi thông tục là *"đả Phật Thất"*. Đả Phật Thất nhằm cầu công phu thành phiến. Phật Thất thì phải luyện tập, giống như lũ bình phàm chúng ta niệm Phật suốt bảy ngày chỉ sợ chẳng thể chịu nổi; bởi lẽ, "chẳng gián đoạn" là ngày lẫn đêm đều chẳng gián đoạn. Buổi tối đi ngủ, hễ ngủ bèn gián đoạn, ngủ một giờ bị gián đoạn một giờ, ngủ hai giờ bị gián đoạn hai giờ, ngày lẫn đêm đều chẳng ngủ. Bắt đầu học thì tốt nhất là một ngày, niệm suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, dần dần sẽ kéo dài thời gian, đối với chúng ta mà nói, cách làm này khá thích đáng. Giống như trong đạo tràng thông thường hiện thời, Phật Thất là Pháp Hội Phật Thất, có thể tham gia, vì sao? Trong ấy có gián đoạn, và cũng có xen tạp, mục đích bất quá là để mọi người rộn ràng suốt bảy ngày mà thôi, trọn chẳng phải là cầu đạt công phu thành phiến.

Phật Thất chân chánh nhằm cầu công phu thành phiến. Đạt đến công phu thành phiến là thành tựu tối thiểu, coi như đạt tiêu chuẩn. Thành tựu cao là đắc Sự nhất tâm bất loạn, thành tựu cao nhất là đắc Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn tương đương với Chiếu Trụ được

nói trong Thiền Tông. Lý nhất tâm bất loạn là Chiếu Kiến như Tâm Kinh đã nói, đạt đến cảnh giới cao nhất. Chiếu Kiến là phá trừ vô minh, tối thiểu là phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, nhập cảnh giới này. Tâm thể vô lượng, tâm tướng vô lượng, tác dụng của tâm là vô lượng, khi ấy, quý vị đều chứng đắc, đó là cảnh giới của Viên Giáo Sơ Trụ, là mục tiêu chân chánh của người học Phật. Nhập cảnh giới ấy, thưa cùng chư vị, chẳng có sanh tử, thật sự là liễu sanh tử, vượt thoát tam giới, thành Phật ngay trong thân này! Thành Phật ngay trong thân này (tức thân thành Phật) không chỉ là Mật Tông [mới có], mà tông phái nào cũng đều là như thế, bất quá các tông phái khác chẳng phô trương như vậy, chứ thật ra là hoàn toàn tương đồng. Nói theo Tịnh Độ Tông, chỗ phương tiện tối thắng là quý vị niệm đến mức công phu thành phiến, là thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, liễu sanh tử, thoát tam giới, tức thân thành Phật. Vì vậy, các đồng tu phải thật sự nỗ lực hướng theo mục tiêu và phương hướng này.

Học Phật trọn chẳng phải là trò đùa bỡn của trẻ nít! Thật sự nỗ lực ắt cần phải buông xuống; thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống. Vì sao phải buông xuống? Chẳng buông xuống, chúng sẽ là chướng ngại. Người biết buông xuống bèn buông xuống từ căn bản, người biết tu bèn tu từ căn bản. Căn bản là gì? Căn bản là vọng tưởng, chấp trước như đức Phật đã nói. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: *"Hết thảy chúng sanh chẳng thể chứng đắc, là do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc"*. Quý vị có thể buông vọng tưởng, chấp trước xuống, những cành lá thảy đều buông xuống. Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày, bất luận là đối với người, đối với sự, tâm vừa khởi một niệm, bèn nghĩ: "Ta lại chấp trước, ta lại dấy vọng tưởng". Nếu nói cụ thể hơn một chút, [sẽ là] "ta lại khởi nghiệp chướng". Vọng tưởng, chấp trước là nghiệp chướng, là tội chướng, tội chướng hiện tiền! Vì sao trong hết thảy cảnh giới, chư Phật, Bồ Tát chẳng khởi vọng tưởng, chấp trước? Vì sao ta khởi vọng tưởng, chấp trước? Ở đây, phải sanh tâm hổ thẹn. Tâm hổ thẹn vừa khởi, lo cho chính mình còn chưa xuể, há có thời gian để dòm ngó người khác? Bởi vậy, Lục Tổ đại sư đã nói rất tuyệt: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi kẻ khác"*. Vì sao? Tự trông chừng mình còn không xuể, há có thời gian dò xét người khác!

Công phu thật sự đắc lực, nói thật thà, nhất định phải học theo Thiện Tài. Thiện Tài đồng tử là biểu thị pháp, trọn chẳng phải là thật sự có một người như thế. Thiện (善) là nói tới thiện căn, Tài (財) là nói về

phước đức, biểu thị phước đức. Người có đại thiện căn, đại phước đức ấy bèn được gọi là Thiện Tài. Vì thế, nam, nữ, già, trẻ đều có thể gọi bằng danh xưng Thiện Tài. Ai có thiện căn và phước đức, người ấy là Thiện Tài. Người có thiện căn, phước đức, thái độ tu học giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: Chỉ có mình ta là học trò; trừ ta ra, đều là thiện tri thức, đều là Phật, Bồ Tát. Trên đường Bồ Đề, hoàn toàn chẳng có đồng học! Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài là một người tham phỏng, chẳng có đồng học! Vì sao chẳng có đồng học? Có đồng học, Ngài sẽ chẳng thể thành tựu trong một đời. Vì sao? Đồng học thì "ngươi chẳng khác gì ta cho mấy", vọng tưởng, chấp trước lại dấy lên! Chẳng có đồng học, ai nấy đều là Phật, người nào cũng là Bồ Tát, ai cũng chẳng có lầm lỗi, lầm lỗi hoàn toàn do chính một mình ta gánh hết. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, người ấy sửa lỗi, đổi mới, sửa sao cho tất cả lỗi lầm đều chẳng còn, bèn thành Phật, viên thành Phật đạo! Vì lẽ đó, chẳng thể có một đồng học.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nêu gương cho chúng ta, Ngài bảo: *"Thành Phật trong một đời"*. Thiện Tài đồng tử thành Phật trong một đời, nhục thân thành Phật, chẳng trải qua đời thứ hai, Ngài tu như thế nào? Nếu tu giống như Thiện Tài, có ai chẳng là nhục thân thành Phật? Ai nấy đều như vậy! Chỉ thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi người khác. Lục Tổ bảo Thần Hội: *"Ta cũng thấy, mà cũng chẳng thấy"*. *"Ta cũng thấy"* là thấy lỗi của chính mình. *"Ta chẳng thấy"* là chẳng thấy lỗi của người khác. Có thể thấy sự hành trì trong suốt một đời Lục Tổ là theo tiêu chuẩn của Thiện Tài đồng tử. Lục Tổ chẳng thấy lỗi của chúng sanh, chỉ thấy lỗi của chính mình. Ai nấy đều là Thiện Tài, đoàn thể ấy chính là Tăng đoàn Lục Hòa Kính. Nói thật ra, Phật pháp cao minh hơn pháp thế gian quá nhiều. Pháp thế gian ấn định một chương trình nhất định, buộc mọi người phải tuân thủ, Phật pháp chẳng phải vậy. Phật pháp đề ra chương trình nhằm khuyên bản thân mỗi người tự mình tuân thủ, chẳng buộc ai khác phải tuân thủ. Bản thân ta tuân thủ, người khác đã thành Phật, hoặc là Bồ Tát, họ còn phải vâng giữ chi nữa? Họ chẳng cần tuân thủ. Ta là một kẻ mới học, phải tuân thủ! Mỗi người đều có thể hồi quang phản chiếu, đoàn thể ấy chính là đoàn thể của Phật, Bồ Tát; vì vậy, Lục Hòa Kính là tu như thế đó. Do đó, giới luật được nói trong Phật pháp và pháp luật, quy củ của thế gian chẳng giống nhau, [Phật pháp] là tự hạn chế, chẳng bó buộc người khác. Vì lẽ đó, chẳng thấy lỗi của người khác.

Thấy lỗi lầm của kẻ khác, trong tâm chúng ta khởi phiền não, chẳng phải là kẻ khác có lầm lỗi, mà là nghiệp chướng của chính mình lại hiện tiền, hiện tượng bên ngoài dẫn khởi nghiệp chướng của chính mình. Nếu muốn tìm phương pháp để tiêu nghiệp chướng của chính mình, chớ nên đoái hoài cảnh giới bên ngoài. Thuận cảnh, khởi tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ cũng là nghiệp chướng. Chẳng hoan hỷ, khởi tâm sân khuể, tâm sân khuể cũng là nghiệp chướng. Nói chung, trong tâm thanh tịnh chẳng sanh một pháp, Lục Tổ thường nói *"vốn chẳng có một vật"*, há có tham, sân, si, mạn ư? Há có ngũ dục, thất tình ư? Thất tình, ngũ dục vừa động, tội chướng hiện tiền. Chúng ta có thể thường phản tỉnh từ chỗ này, dụng công ở chỗ này, lẽ nào công phu của quý vị chẳng đắc lực? Tu hành là tu từ nơi đâu? Tu ở ngay chỗ này! Thật sự trong hết thảy cảnh duyên, "cảnh" là hoàn cảnh vật chất, "duyên" là hoàn cảnh nhân sự, trong hết thảy hoàn cảnh, chúng ta luôn có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, luôn có thể giữ gìn cái tâm bình đẳng, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, chẳng có nghiệp chướng!

Cảnh giới nào cũng đều thấy thuận mắt, tâm luôn thanh tịnh, tuyệt đối chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là tự tánh vốn định đã thành tựu. Quý vị thấy tướng cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng, đó là vô lượng trí huệ hiện tiền. Trí huệ ấy là thanh tịnh huệ, vì sao? Trong huệ chẳng có phân biệt, chẳng phân biệt "chuyện này là tốt, chuyện kia là xấu", chẳng có sự phân biệt ấy. Hễ khởi phân biệt, bèn có chấp trước liên đới dấy lên, sai mất rồi! Đó là tri kiến phàm phu, chẳng phải là Phật tri Phật kiến.

Phật tri Phật kiến, tâm giống như gương sáng; bởi lẽ, tâm là Đại Viên Kính Trí. Gương soi rành rẽ bên ngoài, gương có phân biệt hay không? Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Tuy chiếu rất rõ ràng, bản thân tấm gương sạch làu, chẳng nhiễm mảy trần. Nay chúng ta vừa chiếu, hễ chiếu thì cái tâm liền bị nhiễm, liền ghi lại ấn tượng. Làm thế nào để khiến cho cái tâm chúng ta chiếu cảnh giới bên ngoài mà chẳng giữ lại ấn tượng? Không chỉ là lìa cảnh giới bèn chẳng ghi lại ấn tượng, mà khi cảnh giới hiện tiền, cũng chẳng giữ lại ấn tượng, đó gọi là "thật sự chẳng giữ lại ấn tượng"! Chỉ có không ghi lại ấn tượng thì tâm quý vị mới thanh tịnh, mới bình đẳng. Trong Phật pháp, bất luận tông nào, pháp môn nào, đều tu cùng một chuyện: *"Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh!"* Cõi Phật thanh tịnh được tu hành như vậy. Vô lượng trí huệ hiện khởi từ cái tâm thanh tịnh.

"Phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, âm thanh thanh tịnh vô lượng", ba câu này là sự lợi tha của Bồ Tát. Trong phần trước đã nói về sự tự lợi của Bồ Tát, chính mình chứng đắc. Sau khi đã chứng đắc, Bồ Tát nhất định sẽ giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Giúp đỡ chúng sanh thì có vô lượng phương tiện, Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là tiện nghi. Đáng nên dùng phương pháp nào, bèn dùng phương pháp ấy, chẳng có pháp nhất định, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát trong phẩm Phổ Môn. *"Ba mươi hai"* là nói tới ba mươi hai loại lớn, trong mỗi loại lại có thể chia ra vô lượng, vô biên. Đáng nên dùng thân gì để độ, liền hiện thân ấy; nên dùng phương pháp gì, bèn sử dụng phương pháp ấy, chẳng có phương pháp nhất định. Đó là nói *"phương tiện vô lượng"*.

"Quang minh vô lượng" là nói tới tác dụng của trí huệ. Trí huệ được nói trong phần trước chính là Căn Bản Trí, còn quang minh vô lượng là nói tới Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là ứng dụng nơi Sự. Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri! Ứng dụng là không gì chẳng biết, ứng dụng là nói theo phía chúng sanh. Nói cách khác, sẽ là Tha Thọ Dụng, chẳng phải là Tự Thọ Dụng. Trong tâm Tự Thọ Dụng, vĩnh viễn thanh tịnh, là vô tri. Tự Thọ Dụng là vô tri, Tha Thọ Dụng là không gì chẳng biết. Chư vị muốn cầu trí huệ chân thật, trí huệ chân thật là vô tri. Chỉ có vô tri thì ứng dụng mới có thể là không gì chẳng biết. Vô tri là như Lục Tổ đã nói *"vốn chẳng có một vật"*, người biết học Phật cầu điều này. Quý vị hằng ngày dốc hết tánh mạng để cầu biết, sai lầm mất rồi! Trong tâm thanh tịnh chẳng có một vật, làm sao có nhiều thứ ngần ấy cho được? Các kinh do đức Phật đã giảng toàn là Hậu Đắc Trí, chẳng phải là Căn Bản Trí. Vì sao đức Phật có thể nói ra lắm kinh dường ấy, nói ra vô lượng nghĩa? Đều là do Ngài vô tri!

Nay chúng ta dụng công dốc sức nơi Hậu Đắc Trí của Ngài, lầm lẫn quá đỗi! Quý vị vĩnh viễn chẳng giống như Ngài, vĩnh viễn chẳng thể bằng Ngài, chẳng thể vượt trỗi Ngài. Phải như thế nào thì mới có thể bằng Ngài, mới có thể vượt trỗi Ngài? Quý vị hãy mong cầu vô tri. Đối với sự thật này, hy vọng mọi người hãy đọc kỹ Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư có thể chứng minh cho chúng ta, ban cho lũ hậu học chúng ta một sự khải thị rất lớn. Sau đó, bản thân chúng ta mới có thể phát hiện chính mình vốn đã dụng công dốc sức lầm lạc, phương pháp lẫn thái độ thảy đều sai bét, luôn thực hiện ở chỗ hữu tri, chẳng biết đi theo con đường vô tri!

Đối với ba câu này, nếu dùng ngay gương giáo hóa chúng sanh suốt một đời của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thuở Ngài tại thế để nhìn vào thì sẽ rất rõ ràng. Đức Phật giảng cho chúng ta vô lượng pháp môn, tức là phương tiện vô lượng. Đức Phật hiển thị đủ mọi loại trí huệ để giáo hóa chúng sanh đó là quang minh vô lượng. Đức Phật vì chúng ta nói ra kinh điển nhiều ngần ấy, đó là âm thanh thanh tịnh vô lượng! Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng âm thanh làm Phật sự. Kinh Hoa Nghiêm tán thán Bát Địa Bồ Tát, cũng chỉ nêu ra mấy câu như vậy, đó cũng là tỉnh lược. Nếu nói cặn kẽ, sẽ chẳng thể nói trọn hết! *"Tắc tri cử nhị sự giả, dĩ thiểu nhiếp đa dã"* (Cho nên biết nêu ra hai sự nhằm dùng ít để bao gồm nhiều). Trong kinh Di Đà, để giải thích vô lượng, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ nêu lên hai điều là vô lượng thọ và vô lượng quang. Chúng ta biết *"dùng ít để bao gồm nhiều"* là nêu thí dụ mà thôi. Tiếp đó, sách viết: *"Ước chi hựu ước, Thể nhiếp Dụng cố"* (Đã ước lược lại càng ước lược hơn, do Thể nhiếp Dụng vậy).

(Sao) Thể nhiếp Dụng giả, hoặc nạn: Ký quang thọ song cử, vân hà Đại Bổn cập Quán Kinh đề, giai chỉ vân Vô Lượng Thọ, bất ngôn quang giả, phục thị hà nghĩa?

(鈔)體攝用者，或難，既光壽雙舉，云何大本及觀經題，皆止云無量壽，不言光者，復是何義。

*(**Sao**: "Thể nhiếp Dụng": Chắc là có kẻ bắt bẻ: "Đã là quang lẫn thọ cùng nêu, cớ sao tựa đề của Đại Bổn và Quán Kinh chỉ nói Vô Lượng Thọ, chẳng nói đến quang, ý nghĩa lại là như thế nào?")*

"Nạn" là vấn nạn (問難: bắt bẻ, cật vấn). Có người hướng về đại sư bắt bẻ: Đã là quang lẫn thọ cùng nêu, nêu ra hai ý nghĩa ấy, cớ sao tựa đề kinh Vô Lượng Thọ chẳng ghi là Vô Lượng Thọ Vô Lượng Quang Kinh, tựa đề kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng chẳng nói là kinh Quán Vô Lượng Thọ Vô Lượng Quang Phật, [cả hai kinh] đều chỉ nói tới vô lượng thọ, chẳng nhắc tới vô lượng quang? Chúng ta xem lời giải thích của đại sư:

(Sao) Lương dĩ Nhất Chân Như tâm.

(鈔)良以一真如心。

*(**Sao**: Ấy là vì Nhất Chân Như tâm).*

"Nhất Chân Như": Nhất là chân tâm, chân tâm còn gọi là Chân Như, cũng gọi là nhất tâm. Nhị tâm sẽ chẳng chân! Tâm chẳng động niệm bèn là nhất tâm; hễ động một niệm bèn là nhị tâm. Chân tâm lìa niệm, trong chân tâm chẳng có niệm. Điều này rất khó, khá chẳng dễ dàng! Hết thảy phàm phu luôn khởi tâm động niệm, nên tuy có chân tâm, nhưng chân tâm chẳng thể hiện tiền. Dẫu có chân tâm, chân tâm chẳng khởi tác dụng, đó chính là phàm phu.

Nhưng trong hết thảy các pháp môn, chỉ riêng Tịnh Tông là thuận tiện. Vì sao? Một câu A Di Đà Phật là chân tâm. A Di Đà Phật cũng là một niệm, một niệm ấy có kể như là vọng niệm hay không? Nếu chư vị chỉ có một niệm ấy, niệm ấy chẳng coi như là vọng niệm, mà niệm ấy chính là chánh niệm hiện tiền, vì chánh niệm "chẳng phải là hữu niệm, chẳng phải là vô niệm". Nếu thật sự hết thảy đều vô niệm, sẽ biến thành Vô Tưởng Định, cũng sai mất rồi! Quý vị có một niệm là một câu A Di Đà Phật này, chẳng phải là vô niệm. Trừ câu A Di Đà Phật ra, xác thực là trong tâm chẳng một niệm thứ hai, cảnh giới này là phi hữu niệm phi vô niệm. Niệm đến mức Năng lẫn Sở đều mất. Năng và Sở đều mất là chẳng có phân biệt và chấp trước, lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, một câu A Di Đà Phật bốn chữ, chữ nào cũng đều rõ ràng, rành mạch, trong ấy chẳng có năng niệm (cái tâm niệm Phật) mà cũng chẳng có sở niệm (đức Phật được niệm), Năng lẫn Sở đều mất. Đó gọi là Lý nhất tâm bất loạn, là chánh niệm.

Trong hết thảy các pháp môn tu học, dùng phương pháp Niệm Phật để đạt tới chánh niệm khá dễ dàng. Khởi đầu, cái niệm hiện thời của chúng ta là vọng niệm, tích lũy vọng niệm [niệm Phật] đến cuối cùng sẽ biến thành chánh niệm. Khi nào sẽ niệm đến mức biến vọng niệm [niệm Phật] thành chánh niệm? Niệm cho đến mức "cả Năng lẫn Sở đều mất" thì sẽ là chánh niệm. Niệm đến mức mất cả Năng lẫn Sở thì là Lý nhất tâm bất loạn. Vẫn còn chưa rời khỏi Năng và Sở thì là công phu thành phiến hoặc Sự nhất tâm bất loạn, chúng ta gọi là Niệm Phật tam-muội, đã nắm chắc vãng sanh, quyết định chẳng có vấn đề gì! Niệm đến mức công phu thành phiến bèn vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chuyện này trọng yếu! Trong kinh đã đôi ba lượt cảnh tỉnh chúng ta, kinh Di Đà dạy *"nhất tâm bất loạn"*, kinh Vô Lượng Thọ dạy *"một mực chuyên niệm"*, những điều này trọng yếu! Tâm Nhất Chân Như hiện tiền.

(Sao) Vô khứ, vô lai, cắng cổ, cắng kim, kỳ thọ vô lượng, kỳ

quang diệc nhĩ.

(鈔)無去無來，亙古亙今，其壽無量，其光亦爾。

*(**Sao**: Chẳng đi, chẳng đến, suốt xưa, thấu nay, thọ mạng vô lượng, quang minh cũng giống như vậy).*

Thế nào là chẳng có đến, chẳng có đi? Quý vị hãy ngẫm xem: Đến và đi là hai pháp, hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp. Chẳng phải là Phật pháp, sẽ không phải là Tánh Đức, chẳng phải là đức năng vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Tánh Đức là Phật pháp, trong Tánh Đức chẳng có tương đối. Đến và đi là tương đối, xưa và nay là tương đối, những thứ ấy đều sanh từ vọng tưởng, chẳng phải là sự thật, [nhưng trong cách nghĩ, cách nhìn của] lũ phàm phu chúng ta thì dường như có sự thật. Nói thật ra, đó là cảm nhận sai lầm. Các đại khoa học gia đã phát hiện chuyện này, như ông Ái Nhân Tư Thản (Albert Einstein) biết [những hiện tượng ấy là] tương đối, chẳng phải là thật. Thậm chí, khoa học cận đại cũng phát hiện: Ngay cả vật chất cũng không là sự thật. Trước kia, người ta nghĩ vật chất tồn tại, hiện thời, họ biết vật chất chẳng tồn tại, chẳng phải là sự thật. Vật chất là gì? Các nhà khoa học hiện thời phát hiện chúng là hiện tượng dao động, là hiện tượng sóng ánh sáng chấn động, chẳng phải là sự thật. Những phát hiện này rất gần với những điều đã nói trong kinh Phật. Trong kinh Phật có nói *"Tánh và Tướng cùng nguồn"*. Nói theo Duy Thức sẽ là Kiến Phần và Tướng Phần có cùng một Tự Chứng Phần. Tự Chứng Phần là bản thể, Kiến Phần và Tướng Phần đều do Tự Chứng Phần biến hiện. Kiến Phần là tâm pháp, Tướng Phần là sắc pháp. Sắc và tâm là một, không hai. Tâm pháp và sắc pháp là một pháp, chẳng phải là hai pháp. Những lời nhận định của giới khoa học tiến bộ quá nhiều, chỉ có Phật pháp là có thể chứng minh cho họ. Vật chất chẳng thật, quý vị coi vật chất và sắc tướng đều là thật, há chẳng oan uổng ư? Ai oan uổng? Chính mình bị oan uổng, chính mình sanh phiền não trong ấy, sanh khởi phân biệt và chấp trước hư vọng, chính mình luân hồi trong lục đạo, tự mình hứng chịu trong ấy. Đó gọi là *"tự làm, tự chịu"*, kinh Phật thường nói là *"kẻ đáng thương xót"*. Hạng người ấy thật sự đáng thương xót, chẳng biết chân tướng sự thật.

Chân tướng sự thật chỉ có Nhất Chân; vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải cầu chân thật, tức là cầu Nhất Chân. Cầu Nhất Chân từ đâu? Cầu từ tâm địa. Nhất tâm, quý vị sẽ thấy pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới có mười pháp giới hay không? Có mười pháp giới,

tuyệt đối chẳng phải là không có. Quý vị lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Ví như quý vị ở trong thiên đường, ao bảy báu, nước tám công đức, cung điện bảy báu, quý vị ở trong đó mà chẳng có Lạc Thọ, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng. Quý vị đến thăm địa ngục, trèo lên núi đao, lại vào trong vạc dầu, chẳng có Khổ Thọ. [Do] quý vị bình đẳng, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Khi ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng; khi mê, bất bình đẳng, chẳng thanh tịnh. Khổ và lạc do đâu mà có? Khổ và lạc từ vọng tưởng, chấp trước mà có. Lìa khỏi vọng tưởng, chấp trước thì khổ lẫn lạc đều chẳng thể có được! Chẳng có khổ, lạc thì mới là Chân Lạc, được gọi là Cực Lạc. Hai bên khổ và lạc đều chẳng có, đó là Cực Lạc. Do vậy, Nhất Chân vô cùng trọng yếu; Nhất Chân là mong cầu nhất tâm. Trong nhất tâm, chẳng có một pháp đối lập, chẳng có đến, đi, chẳng có xưa, nay, đương nhiên là thọ vô lượng. Nói thật ra, ngay cả thọ cũng chẳng nói được, đây là chuyện bất đắc dĩ! Phàm phu còn có quan niệm về thọ, được rồi, dùng ngay quan niệm ấy để nói thì là vô lượng thọ. *"Thọ vô lượng"*: Thọ là Thể, Quang là tác dụng. Thể đã là vô lượng, đương nhiên Dụng cũng là vô lượng, [nên mới nói] *"kỳ quang diệc nhĩ"* (quang cũng là như thế). Dưới đây là nêu tỷ dụ [nhằm nói lên ý nghĩa] Thể và Dụng chẳng hai.

(Sao) Kim thể, kim quang, bất tương ly cố.

(鈔)金體金光，不相離故。

*(**Sao**: Thể của vàng và ánh sáng của vàng chẳng lìa nhau).*

Đối với vàng y thì vàng là Thể, vàng y tỏa ra ánh sáng nhìn rất đẹp. Ánh sáng của vàng chẳng lìa khỏi Thể của vàng, chúng là một! Sánh ví Thọ như Thể, sánh ví Quang như Dụng, chẳng tách lìa nhau!

(Sao) Khởi Tín vân: "Tâm tánh bất khởi, tức thị đại trí huệ quang minh, châu biến pháp giới".

(鈔)起信云：心性不起，即是大智慧光明，周遍法界。

*(**Sao**: Luận Khởi Tín chép: "Tâm tánh chẳng khởi, chính là quang minh đại trí huệ, trọn khắp pháp giới").*

"Khởi Tín" là Đại Thừa Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát soạn. Mã Minh Bồ Tát là một vị đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, chẳng phải là

phàm nhân, những lời Ngài nói chẳng khác gì đức Phật nói, chính là lời Phật nói. *"Đại trí huệ quang minh, châu biến pháp giới"* là điều chúng ta hướng tới, vô cùng hâm mộ, cũng mong đạt được. Đấy là Tánh Đức, nói thật ra, đó là những gì chúng ta vốn có, vốn trọn đủ. Phải như thế nào thì mới có thể khiến cho Tánh Đức của chúng ta hiện tiền? Trong phần trên có một câu trọng yếu: *"Tâm tánh chẳng khởi"*. Trong hết thảy cảnh duyên, quý vị thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng tôi lại nói thêm hai câu nữa là "chẳng phân biệt, không chấp trước", Tánh Đức của quý vị liền lưu lộ. Tánh Đức khởi tác dụng sẽ là *"đại trí huệ quang minh"*, xác thực là *"trọn khắp pháp giới"*.

Chúng ta hãy suy nghĩ, nghiệp chướng của chính mình thật sự nặng nề. Nghiệp chướng là khởi tâm động niệm. Hằng ngày, mọi người luôn cầu tiêu nghiệp chướng, tiêu bằng cách nào? Lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, niệm mấy bộ kinh Địa Tạng [với hy vọng] nghiệp chướng liền tiêu trừ. Quý vị cứ chăm chỉ tu hành [theo kiểu đó] xem sao, sau khi tu xong, chính mình có còn khởi tâm động niệm hay không? Vẫn còn khởi tâm động niệm thì nghiệp chướng vẫn còn, chẳng tiêu mất! Bao nhiêu người cảm thấy chính mình có nghiệp chướng, tội nghiệp rất sâu, nhưng chẳng biết nghiệp chướng là gì, đều là ù ù cạc cạc, làm thế nào được nữa! Nương theo pháp môn này để tu học, sau khi đã tu, tâm thật sự đạt đến thanh tịnh, vọng niệm ít, phiền não giảm, đó là hiện tượng nghiệp chướng tiêu trừ. Đương nhiên chẳng thể nào tiêu trừ ngay lập tức, phải giảm bớt dần dần, đó là một hiện tượng tốt đẹp.

Do vậy có thể biết, phương pháp tiêu nghiệp chướng có hiệu quả nhất là chuyên tu. Bất luận pháp môn nào, chỉ cần là chuyên, tâm người ấy sẽ thanh tịnh. Tham Thiền mà có thể tiêu nghiệp chướng, người ấy đắc Định. Học Giáo mà có thể tiêu nghiệp chướng, người ấy có thể tùy văn nhập quán, quán là Chỉ Quán. Niệm Phật có thể tiêu nghiệp chướng, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, chẳng có hết thảy vọng tưởng, tạp niệm. Nếu chúng ta tu học, dẫu dụng công cỡ nào, mà vọng tưởng, chấp trước vẫn còn, vẫn chẳng đoạn, tức là công phu chẳng đắc lực, công phu chẳng có hiệu quả, rất đáng tiếc! Công phu chẳng có hiệu quả, tu đến cuối cùng đạt được phước báo, công đức đều biến thành phước đức, trở thành phước báo nhân thiên! Phước báo nhân thiên rất khổ! Bảo tôi làm người đại phú đại quý trong thế gian này, tôi không làm! Tôi rất ngại phiền, khổ quá! Hiện thời làm quan phải lo tranh cử, vất vả quá, chẳng thể làm chuyện này! Dẫu không phải tranh cử, mời tôi làm, tôi

cũng chẳng muốn làm, vì sao? Họp hành quá nhiều, thù tạc quá nhiều. Đừng nói chi khác, mỗi ngày phải bắt tay người khác tôi đã không quen, mệt chết luôn! Hạnh phúc nhất vẫn là hằng ngày du sơn ngoạn thủy, đọc các sách chính mình ưa thích, làm những chuyện chính mình ưa thích, người ấy là người có phước bậc nhất. Phàm là miễn cưỡng, chẳng muốn làm, nhưng chẳng thể không làm, sẽ rất khổ não, chẳng làm chuyện này được! Phải thật sự giác ngộ ở chỗ này. Do đó, chớ nên tu phước thế gian, chúng ta phải tu tập và tích lũy công đức, công đức là tâm địa thanh tịnh.

(Sao) Bất khởi, thọ dã.

(鈔)不起，壽也。

*(**Sao**: Chẳng khởi là Thọ).*

Vì người ấy chẳng khởi tâm động niệm, nên chẳng có dài hay ngắn, chẳng có trước, sau, chẳng có xưa, nay, đó là vô lượng thọ. Đối với khái niệm thọ lượng của chúng ta, người ấy đã hoàn toàn đột phá, vượt trỗi thọ lượng. Đấy là vô lượng thọ thật sự.

(Sao) Trí huệ, quang dã. Ngôn thọ tắc quang tại kỳ trung, cố đơn cử dã.

(鈔)智慧，光也。言壽則光在其中，故單舉也。

*(**Sao**: Trí huệ là quang. Nói đến thọ thì quang đã được bao gồm trong ấy, nên chỉ nói đến thọ).*

Tựa đề kinh chỉ cần nói Vô Lượng Thọ là được rồi. Không chỉ là Quang được hàm nhiếp trong ấy, mà như trong phần trên đã nói, thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, âm thanh thanh tịnh vô lượng, cho đến y báo và chánh báo trang nghiêm, thứ gì cũng đều là vô lượng, thảy đều được bao hàm trong vô lượng thọ. Đối với tất cả hết thảy vô lượng, vô lượng thọ là bản thể. Lìa khỏi vô lượng thọ, hết thảy các thứ vô lượng khác đều chẳng có ý nghĩa gì nữa! Do vậy mới hiểu: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ lượng như Phật; do Phật là vô lượng thọ, mỗi người chúng ta đều là vô lượng thọ, vô lượng trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thảy đều thọ dụng. Chúng ta cần gì phải bỏ ra một khoảng thời gian và tinh thần để làm những chuyện chẳng liên can trong thế gian này? Chẳng có ý nghĩa chi hết! Không chỉ là pháp thế gian chẳng liên quan,

mà ngay cả Phật pháp cũng chẳng có liên quan! Quý vị thật sự giác ngộ, chúng ta học một câu Nam-mô A Di Đà Phật, sáu chữ ấy là được rồi, những thứ khác đều chẳng cần tới. Tôi thường nói: Trong suốt một đời này, chỉ có một bộ kinh, một câu Phật hiệu, đó là người thượng thượng căn. Vẫn còn phải học Tịnh Độ Ngũ Kinh, niệm câu A Di Đà Phật, đó là hạng căn tánh bậc trung. Năm kinh vẫn chưa đủ, còn phải đọc ngữ lục của cổ đại đức Tịnh Độ như Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, đó là hạng hạ căn. Nếu còn muốn học những thứ khác nữa, đời này chẳng thể vãng sanh, vẫn chưa thể coi là hạng hạ căn được, vì hạ căn vẫn có thể vãng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ, có mấy ai là bậc thượng thượng căn? Điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh, kiểm điểm sâu xa.

(Sao) Y chánh vô lượng giả.
(鈔)依正無量者。
*(**Sao**: Y báo và chánh báo vô lượng).*

Đây là giải thích câu *"y báo, chánh báo, tất giai vô lượng"* (y báo và chánh báo thảy đều vô lượng) trong lời Sớ. Chánh báo là nói tới thân thể. Trừ thân thể ra, thảy đều gọi là y báo. Trong y báo có hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất. Hết thảy mọi người đều thuộc về y báo của chính mình. Chúng ta phải nương vào đại chúng thì mới có thể sống sót trên thế gian này. Cũng giống như vậy, chúng ta phải nương vào đại chúng thì đạo nghiệp của chính mình mới có thể thành tựu. Nếu Thiện Tài đồng tử chẳng tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba lần tham học là nương tựa đại chúng, Ngài sẽ chẳng thể thành tựu đạo nghiệp. Vì vậy, Ngài phải nương cậy đại chúng, trải qua sự việc trong hoàn cảnh để luyện cái tâm, trải nghiệm trong mỗi chuyện, luyện tâm gì vậy? Luyện không khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, luyện những điều này.

Trong cảnh giới, chuyển tâm ý thức, tức là chuyển tám thức thành bốn trí. Chuyển tám thức thành bốn trí là chuyển nơi cảnh giới, chẳng phải là lìa khỏi cảnh giới, đóng chặt cửa để chuyển! [Đóng chặt cửa, xa lìa cảnh giới] sẽ vô dụng, chẳng thể chuyển được! Chẳng phân biệt, chuyển thức thứ sáu tức ý thức thành Diệu Quán Sát Trí. Chẳng chấp trước, chuyển Mạt Na thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Không giữ lại ấn tượng, chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí. Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chuyển năm thức trước thành Thành Sở Tác Trí, chuyển

trong cảnh giới! Do đó, trong hết thảy cảnh giới, người ấy chẳng khởi phiền não, chỉ tăng trưởng trí huệ. Khi gặp Ngũ Tổ, Huệ Năng đại sư đã thưa: *"Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ"*. Chúng ta thấy vậy rất hâm mộ, chúng ta và Ngài hoàn toàn tương phản, chúng ta thường sanh phiền não, còn Ngài thường sanh trí huệ. Vì sao Ngài sanh trí huệ? Trong cảnh duyên, Ngài có thể chuyển thức thành trí, trí huệ là Tứ Trí Bồ Đề. Người bình phàm tu hành dụng công, chẳng biết tu như thế nào, chẳng biết phải dụng công như thế nào? Đó là tu mù luyện đui! Chẳng biết phải tu như thế nào ư? Chẳng biết phải thực hiện từ chỗ nào ư? Nào có biết là dụng công ngay trong mặc áo, ăn cơm, trong đãi người, tiếp vật, dụng công ở ngay trong những chỗ ấy, sẽ bất tri bất giác thành Phật ngay trong các chỗ ấy, nghiệp chướng tiêu trừ, Phật đạo thành tựu viên mãn. Chúng ta xem phần nói về y báo và chánh báo vô lượng:

(Sao) Tự Phật nhất thân sở hữu công đức, cập như hạ văn Thanh Văn, Bồ Tát, nãi chí tiền chi lan võng hàng thụ đẳng, chủng chủng trang nghiêm, tất vô lượng cố.

(鈔)自佛一身所有功德，及如下文聲聞菩薩，乃至前之欄網行樹等，種種莊嚴，悉無量故。

*(**Sao**: Từ tất cả các công đức nơi thân một đức Phật cho đến các vị Thanh Văn, Bồ Tát như sẽ nói trong phần sau, cho đến lan can, lưới mành, hàng cây v.v... trong phần trước, các thứ trang nghiêm thảy đều vô lượng).*

"Vô lượng" không chỉ là nói về Sự, vì Thể, Tướng, Đức Dụng là một chỉnh thể. Tâm tánh vô lượng, nên Thanh Văn, Bồ Tát, cho đến mười phương chư Phật Như Lai, kể cả Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đều là do tự tánh biến hiện. Do đó nói *"tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*, *"ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm"* đều do tự tánh biến hiện. Do tự tánh vô lượng, nên chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn cũng vô lượng, cho đến mười phương thế giới vô lượng, hết thảy thế giới, chúng sanh cũng là vô lượng, toàn là do tâm tánh biến hiện. Chánh báo là như thế, mà y báo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, trong phần trước đã nói lan can, lưới mành, hàng cây, ao báu, nước tám công đức, mỗi mỗi đều là vô lượng. *"Chủng chủng trang nghiêm"* (Các thứ trang nghiêm), *"chủng chủng"* là bao gồm toàn bộ, đây là hai chữ tỉnh lược, [mang ý nghĩa] nói chẳng trọn hết, thảy đều vô lượng! Các thứ vô lượng

vô biên trang nghiêm, chư vị phải ghi nhớ: Nếu chẳng có vô lượng thọ, toàn bộ [các thứ vô lượng khác] đều rỗng tuếch, chẳng có tí ti ý nghĩa nào cả! Có thể thấy tầm trọng yếu của vô lượng thọ! Trong tựa đề kinh, đối với hết thảy các thứ vô lượng, đức Phật chỉ nêu ra một mình vô lượng thọ, đạo lý ở ngay chỗ này! Trong tất cả hết thảy vô lượng, vô lượng thọ là bậc nhất.

Trong đoạn cuối cùng [của phần này] sẽ được nêu ra dưới đây, Liên Trì đại sư đã hội quy tự tánh để nói, đây cũng là tâm đắc trong khi đọc kinh của Ngài, [tức là] những gì Ngài đã lãnh hội từ đoạn kinh văn này. Trong Phật pháp thường nói tới chuyện *"hội quy tự tánh"*; đoạn kinh văn này được hội quy tự tánh như thế nào, đấy mới là thật sự đạt được thọ dụng.

(Sớ) Xứng Lý.
(疏)稱理。
*(**Sớ**: Xứng Lý).*

Nói theo Chân Như bản tánh, Lý là bản tánh, hội quy tự tánh.

(Sớ) Tắc tự tánh thường chiếu, thị quang minh nghĩa.
(疏)則自性常照，是光明義。
*(**Sớ**: Tự tánh thường chiếu là ý nghĩa của quang minh).*

Tự tánh vốn có đức năng là Chiếu. Nơi phàm phu, đức năng Chiếu này cũng hoàn toàn chẳng mất đi. Chiếu là gì? Chiếu là giác. Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể cảm nhận, đều là tự tánh giác. Điều này nơi phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, bản năng trong tự tánh vĩnh viễn chẳng thể mất. Khi mê, công năng giác chiếu bị trở ngại đôi chút, phạm vi nhỏ hơn một chút. Sau khi ngộ, chướng ngại chẳng có, công năng của giác chiếu vô lượng vô biên. Điều gì chướng ngại công năng? Tâm dao động, tức là vọng tâm, tâm bị động. Tâm động với mức độ càng lớn, chướng ngại càng to. Mức độ dao động càng nhỏ, chướng ngại càng nhỏ. Nói thật ra, mười pháp giới là do tâm dao động với các mức độ sai biệt mà hình thành. Phật hoàn toàn bất động, Bồ Tát còn bị động khe khẽ. Duyên Giác động nhiều hơn Bồ Tát, Thanh Văn càng nhiều hơn nữa. Càng đi xuống, mức độ dao động càng lớn. Địa ngục nói đơn giản là gió to, sóng lớn! Sai biệt như

thế đó, mười pháp giới sai biệt.

Tâm vọng tưởng, chấp trước thì mức độ dao động càng lớn, chướng ngại càng lớn, nên bản năng (năng lực sẵn có) của quý vị bị chướng ngại. Tuy có chướng ngại, nó vẫn khởi tác dụng, chẳng phải là không có tác dụng. Ví như hôm trời âm u, mây dày che khuất mặt trời, đó là chướng ngại. Tuy bị che khuất, nó vẫn có ánh sáng, chẳng qua ánh sáng yếu ớt, chẳng rạng rỡ như khi trời quang đãng. Quang minh hôm trời âm u vẫn là ánh nắng mặt trời. Nay chúng ta tuy thuộc địa vị phàm phu, sóng gió vọng tưởng, chấp trước trong tâm rất lớn, vẫn là còn có tri giác, mắt vẫn có thể thấy, tai vẫn có thể nghe, bản năng vẫn khởi tác dụng. Kinh Lăng Nghiêm gọi chuyện này là *"căn tánh của sáu căn"*. Phật, Tổ thường nói: *"Lục căn môn đầu phóng quang động địa"* (Từ nơi lục căn phóng quang minh chấn động cõi đất), đó chính là con người vốn có của ta, là diện mục sẵn có của ta, chỉ cần đừng thêm cái tâm ý thức vào đó là được rồi. Hiện thời chúng ta mê điều gì? Tròng thêm cái tâm ý thức [vào bản tâm sẵn có]. Tâm ý thức: Thức là phân biệt, ý là chấp trước, tâm là ghi giữ ấn tượng, chúng ta phạm lỗi ở chỗ này. Nếu thật sự chẳng phân biệt, không chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, sẽ chuyển tâm ý thức thành Tứ Trí Bồ Đề, chuyển ở ngay chỗ này!

Cổ đức dạy chúng ta: *"Nghe giáo phải hội quy tự tánh"*, đó là thọ dụng chân thật, chớ nên ghi nhớ ngôn ngữ văn tự, hãy thấu hiểu ý nghĩa, hội quy tự tánh nhằm giúp quý vị giác ngộ. *"Tu hành phải chuyển thức thành trí"*. Tôi nói đơn giản cùng quý vị, chuyển thức thành trí là trong hết thảy cảnh giới, ta học chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không ghi giữ ấn tượng. Nói cách khác, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều giữ gìn cái tâm thanh tịnh của chính mình, đó là tu hành. Bất luận quý vị dùng phương pháp gì, tám vạn bốn ngàn pháp môn, mục đích là một: Làm thế nào để khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm? *"Tự tánh thường chiếu"*: Chiếu là giác, thường giác chính là ý nghĩa của quang minh. Đó là trí huệ quang minh chân chánh.

(Sớ) Tự tánh thường tịch, thị thọ mạng nghĩa.

(疏)自性常寂，是壽命義。

*(**Sớ**: Tự tánh thường tịch là ý nghĩa của thọ mạng).*

"Tịch" (寂) là vắng lặng, bất động. Lục Tổ nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động"*, tự tánh là bất động. Nay chúng ta nói khởi tâm

động niệm, vọng tâm là động, chân tâm bất động. Chân tâm là vốn có, vọng tâm vốn không. Vốn không thì đương nhiên có thể rời lìa, vốn có thì đương nhiên có thể chứng đắc. Bất động là ý nghĩa của thọ mạng, bất động là thường hằng vĩnh cửu, chẳng có xưa, nay, đến, đi; đó là trường thọ thật sự, thật sự sống đời đời, bất sanh, bất diệt.

(Sớ) Tự tánh tịch chiếu bất nhị, thị A Di Đà nghĩa.

(疏)自性寂照不二，是阿彌陀義。

*(**Sớ**: Tự tánh tịch và chiếu chẳng hai, đó là ý nghĩa của A Di Đà).*

Vì sao niệm một câu A Di Đà Phật chẳng phải là vọng niệm? Từ chỗ này đã chứng minh. Niệm điều gì khác đều là vọng tưởng, đều là vọng niệm, chỉ có riêng niệm A Di Đà Phật chẳng phải là vọng niệm, vì sao? A Di Đà Phật là *"tự tánh tịch chiếu bất nhị"*. Vì sao niệm câu A Di Đà Phật bèn thấy tự tánh tịch chiếu bất nhị? Trong phần Sao tiếp theo sẽ giảng tỉ mỉ, nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi chỉ có thể giảng tới chỗ này. Trong buổi sau, chúng ta sẽ lại thảo luận *"tự tánh tịch chiếu bất nhị"* là ý nghĩa của A Di Đà Phật.

Tập 194

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi lăm:

(Sao) Linh minh đỗng triệt, quang tuyệt nhai sĩ, trạm tịch thường hằng, thọ hà trù toán? Thường hằng nhi phục đỗng triệt, cố tức thọ nhi quang, đỗng triệt nhi diệc thường hằng, cố tức quang nhi thọ. Như thị, tắc A Di Đà Phật, tuy quá thập vạn ức sát chi ngoại, nhi thật ư thử Sa Bà thế giới chúng sanh tâm trung, kết già phu tọa, nghiễm nhiên bất động.

(鈔)靈明洞徹，光絕涯涘，湛寂常恆，壽何籌算，常恆而復洞徹，故即壽而光，洞徹而亦常恆，故即光而壽。如是，則阿彌陀佛，雖過十萬億剎之外，而實於此娑婆世界眾生心中，結跏趺坐，儼然不動。

*(**Sao**: Linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang, sáng ngời chẳng có ngằn mé. Trong trẻo, tĩnh lặng, thường hằng, làm sao có thể tính toán*

thọ lượng cho được? Thường hằng mà lại rỗng rang thấu triệt, nên thọ chính là quang. Rỗng rang thấu triệt mà cũng thường hằng, nên quang chính là thọ. Như vậy thì tuy A Di Đà Phật ở ngoài mười ức cõi, mà thật sự ở trong tâm của chúng sanh, Ngài ngồi kết già, nghiễm nhiên, bất động).

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư bổ sung những ý chưa được nói hết trong đoạn trước. Ba câu đầu trong đoạn này nói về tác dụng to lớn của Tánh Đức, cũng chính là *"xứng tánh khởi dụng"* như kinh điển Đại Thừa thường nói. Trong tu học, điều này được gọi là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh"*. Mấy câu ở đây đều nhằm nêu rõ ý nghĩa này. Nay chúng ta mê thì chính là mê mất những điều này, chư Phật, Bồ Tát ngộ chính là ngộ những chuyện này.

Bản tánh cũng là chân tâm, vốn là *"linh minh đỗng triệt"* (linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang), nên nó là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức. Chính là như Lục Tổ đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn trọn đủ"*. Nó vốn là như vậy. *"Linh"* (靈) nghĩa là chẳng mê muội, Minh là hiểu rõ. Đức dụng của bản tánh là đối với hết thảy sự vật trong vũ trụ, không gì chẳng hiểu rõ. Không chỉ hiểu rõ, lại còn thấu triệt rỗng rang, chẳng phải chỉ là hiểu rõ nơi hình tướng. Chúng ta thường nói là "hiểu rõ lẽ đương nhiên, nhưng chẳng biết rõ nguyên do". *"Đỗng triệt"* (洞徹) là đối với căn nguyên, hiện tượng, biến hóa, quy túc, chẳng có gì không hiểu rõ đến lý tột cùng. Câu này chính là câu khen ngợi *"Thượng Đế toàn tri toàn năng"* của các tín đồ tôn giáo. Bốn chữ [toàn tri toàn năng] ấy có nghĩa là "không gì chẳng biết, không gì chẳng thể". Nói thật ra, Thượng Đế trọn chẳng phải là toàn năng, mà cũng chẳng phải là toàn tri. Ông ta cũng là phàm phu, cũng mê hoặc, điên đảo giống như chúng ta. Có thể là có chỗ nào đó ông ta mê nhẹ hơn chúng ta đôi chút, chúng ta mê nặng hơn ông ta. Vì lẽ đó, ông ta tỏ lộ dáng vẻ rất có trí huệ, nhưng hoàn toàn chẳng phải là toàn tri toàn năng. Thật sự có toàn tri toàn năng, đức Phật nói mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ [toàn tri toàn năng], chẳng có tí ti hiếm hoi, lạ lùng gì, đó là năng lực sẵn có của chính mình. Nay bảo chúng ta là mê, nói thật ra là mê mất bản năng của chính mình; kinh bảo là *"kẻ đáng thương xót"*, rất đáng thương! Mê mất, chẳng biết chính mình có trí huệ và đức năng viên mãn như vậy. *"Quang tuyệt nhai sĩ"* (Quang minh chẳng có ngằn mé), *"nhai sĩ"* (涯涘) là bờ mé. Trí huệ và đức năng chẳng có ngằn mé, đúng là toàn tri toàn năng.

"Trạm tịch thường hằng": Trong phần trước đã nói là đức dụng của năng lực sẵn có, còn *"trạm tịch thường hằng"* là nói về thể tánh. Câu này vô cùng quan trọng. Nếu chẳng có câu này, đức năng trong phần trước sẽ chẳng thể hiển lộ. *"Trạm"* (湛) là giống như nước hết sức thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Dẫu nước sâu đến mấy, từ trên mặt nước có thể nhìn thấy đáy nước, thấy rõ ràng, rành rẽ. Chữ này nhằm hình dung sự sạch sẽ, chẳng bị nhiễm ô. *"Tịch"* (寂) là tịch tĩnh, chẳng dao động, tỷ dụ chân tâm của chúng ta. Tâm giống như nước; vì thế, tâm chớ nên động, hễ động sẽ chẳng tĩnh. Tâm chớ nên nhiễm ô, hễ nhiễm ô sẽ mất tánh chất *"trạm"* (trong trẻo). *"Trạm"* là chẳng nhiễm. *"Tịch"* là bất động. Bí quyết tu hành ở ngay nơi đây. *"Thường hằng"* là công phu. Nơi phàm phu, Trạm và Tịch có thể tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, nhưng chẳng thể giữ được một thời gian dài. Dẫu là thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, cũng phải huấn luyện. Chẳng trải qua sự huấn luyện, dẫu trong một thời gian ngắn ngủi nhất, cũng chẳng thể xuất hiện.

Trong chú giải Liễu Phàm Tứ Huấn có nói về chuyện vẽ bùa: Trong sát-na vẽ bùa ấy, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, tâm người vẽ một niệm chẳng sanh, cũng là có công phu trạm tịch, đạo bùa chú do người ấy vẽ bèn thiêng. Vẽ bùa thì phải vẽ theo cách như vậy. Niệm chú cũng phải niệm theo cách đó. Có người niệm chú rất linh, có người niệm chú chẳng linh, do nguyên nhân gì vậy? Bất luận chú dài hay ngắn, hễ đã niệm chú thì trong tâm chẳng khởi một tạp niệm, dùng cái tâm trạm tịch để niệm bài chú ấy, chú ấy sẽ linh. Vì thế, chú càng dài càng khó linh nghiệm, vì sao? Có thể dấy lên vọng tưởng. Chú càng ngắn càng dễ linh, [vì] trong thời gian rất ngắn có thể giữ cho chính mình chẳng sanh một niệm. Nói thật ra, câu A Di Đà Phật là thần chú vô thượng, là thần chú ngắn nhất. Kinh dạy chúng ta phải nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là trạm tịch, trạm tịch là nhất tâm. Trong tâm chẳng có nhiễm ô, chẳng có tạp niệm, chẳng có dao động, đó là nhất tâm. Trong tâm dấy động vọng niệm, khởi lên ý niệm, tâm ấy chẳng phải là chân tâm. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, người ấy có cảm ứng. Chúng ta niệm câu Phật hiệu, trong Phật hiệu xen tạp vọng tưởng, khi niệm Phật vẫn bị ngoại cảnh lay động, đó là chẳng tương ứng. Không tương ứng, dẫu niệm nhiều đến mấy, vẫn chẳng có tác dụng! Giống như Hàn Sơn, Thập Đắc đã nói: *"Niệm toạc cổ họng, cũng uổng công!"* Tức là mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uổng công, nguyên nhân ở chỗ nào? "Chẳng có một niệm" chính là vận dụng công phu trạm tịch.

Dùng trạm tịch thì mới có cảm ứng, mới có hiệu quả.

Đạt đến trạm tịch thường hằng, có hai chữ *"thường hằng"* sẽ là nhất tâm bất loạn. Mức độ thấp nhất cũng là Sự nhất tâm bất loạn. Nói thật ra, Sự nhất tâm bất loạn là đã đắc Niệm Phật tam-muội. Nói thật thà, trong cảnh giới ấy, thọ mạng chẳng có! Do đâu mà có thọ mạng? Từ phân biệt, chấp trước mà có. Vì chấp trước "có quá khứ, hiện tại, vị lai", nên mới có thọ mạng. Thọ mạng là thời gian, khi tâm đã định, giới hạn ấy chẳng có, chẳng chấp trước ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai, nên chẳng có thọ mạng, bất sanh, bất diệt. Đắc Niệm Phật tam-muội thì nói trường thọ hay đoản thọ đều chẳng có ý nghĩa, đó là đối với chúng sanh mà nói phương tiện, chẳng phải là lời chân thật. Trong chân thật ngữ, chẳng có khái niệm thọ mạng. Nay phương tiện để nói với hết thảy chúng sanh nên nói "vô lượng thọ". *"Thọ hà trù toán?"* (Làm thế nào để tính toán thọ lượng cho được?), chẳng có cách nào tính toán thọ mạng! Người ấy đã chẳng khởi tâm, không động niệm, còn tính toán gì nữa? Chỉ có khởi tâm động niệm thì mới có thể tính toán.

Do vậy có thể biết: *"Trạm tịch thường hằng"* là Thể, là Định, là nhất tâm bất loạn. *"Linh minh đỗng triệt"* là khởi tác dụng, là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Thể và Dụng có thể dung thông lẫn nhau. *"Linh minh đỗng triệt"* là Thể, *"trạm tịch thường hằng"* là Dụng, [hoặc nói] *"trạm tịch thường hằng"* là Thể, *"linh minh đỗng triệt"* là Dụng, có thể dùng lẫn cho nhau. Đấy là Định Huệ cân bằng, Định là Thể, Huệ là Dụng, [hoặc nói] Huệ là Thể, Định là Dụng, có thể dùng lẫn cho nhau. Do vậy, Định và Huệ chuyển sâu hơn, Định cũng ngày càng sâu hơn, Huệ cũng ngày càng rộng hơn.

"Thường hằng nhi phục đỗng triệt, cố tức thọ nhi quang" (Thường hằng mà lại rỗng rang, thấu triệt, nên thọ chính là quang), vô lượng thọ và vô lượng quang cũng là một chuyện, vô lượng thọ là vô lượng quang, vì sao? Định là Huệ, thường hằng là Định, đỗng triệt là Huệ. *"Đỗng triệt nhi diệc thường hằng, cố tức quang nhi thọ"* (Rỗng rang thấu suốt mà cũng thường hằng, nên quang chính là thọ). Quang là thọ, thọ là quang, là một, không hai, đây là sự thật. Quan sát từ sự thật này, thọ mạng của A Di Đà Phật đúng là vô lượng. Chẳng phải là vô lượng hữu hạn, mà là vô lượng trong vô lượng. Nó là Tánh Đức của bản thể, há có hạn lượng?

"Như thị, tắc A Di Đà Phật, tuy quá thập vạn ức sát chi ngoại" (Như thế thì A Di Đà Phật tuy ở ngoài mười vạn ức cõi), phàm phu luôn

chấp tướng, nhìn theo sự tướng, [bèn thấy] Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới này ngoài mười vạn ức cõi Phật. Một Phật sát rốt cuộc to cỡ nào? Trước đây, chúng ta thường nghĩ một hệ Ngân Hà là một đại thiên thế giới; đó là một Phật sát. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói "một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới, tức là một tiểu thế giới", chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ sợ khoa học hiện thời vẫn chưa phát hiện đại thiên thế giới. Điều này nói rõ từ thế giới Sa Bà đến thế giới Cực Lạc, nói theo hình tích, dấu vết thì khoảng cách khá xa, khoảng cách rất lớn. Tuy khoảng cách to như thế, chư vị phải hiểu [những cõi Phật ấy] đều ở trong nhất tâm của chúng ta, chẳng phải là ở bên ngoài. Khoảng cách dẫu lớn đến mấy đều chẳng lìa khỏi nhất tâm của chúng ta. Giống như ban đêm chúng ta nằm mộng, mộng thấy ngồi phi cơ bay sang ngoại quốc, bất luận bay tới đâu đi nữa, [thân người nằm mộng] đều chẳng rời khỏi cái giường! Hư không dẫu to cách mấy, chẳng thể lìa khỏi cái tâm nằm mộng, thảy đều do tâm biến. Cùng một đạo lý giống như vậy, tận hư không khắp pháp giới, vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, thảy đều do nhất tâm hiện ra. Vì thế, nếu tâm quý vị thanh tịnh, bất động, xác thực là linh minh đỗng triệt, tận hư không khắp pháp giới, chẳng có gì quý vị không biết, thứ nào cũng đều rõ ràng!

Từ thế giới Sa Bà đến thế giới Cực Lạc, quý vị động một niệm muốn tới liền tới. Khoảng cách dẫu xa đến mấy, một niệm bèn đến. Vì sao? Khi trong tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt, chấp trước, thưa cùng chư vị, chẳng có khoảng cách, không gian và thời gian đều chẳng có, đều là giả. Thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai, [xét theo không gian thì] không có bốn phương chính, bốn phương bàng, và trên dưới. Trong kinh luận Duy Thức, đức Phật nói những thứ ấy chẳng phải là thật. *"Phương phần"* (方分) là không gian, *"thời phần"* (時分) là thời gian, quy nạp lại, chúng (thời gian và không gian) sẽ thuộc vào hai mươi bốn món Bất Tương Ứng, chúng thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chúng chẳng phải là tâm pháp, chẳng tương ứng với tâm pháp, mà cũng chẳng phải là sắc pháp, cũng chẳng tương ứng với sắc pháp. Thảy đều chẳng tương ứng với tâm, tâm sở và sắc pháp. Nói theo cách hiện thời, chúng thuộc về khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật. Khi quý vị mê, trong tâm có phân biệt, chấp trước, [sẽ thấy] xác thực là có những chuyện như ba đời và mười phương. Nếu tâm địa thanh tịnh, lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, quyết định chẳng có những thứ ấy! Tâm, tâm sở pháp, sắc pháp là Y Tha Khởi Tánh, do các thứ duyên thành tựu, từ trong khá

nhiều điều kiện mà sanh ra các pháp ấy. Còn Bất Tương Ứng Hành Pháp chẳng có, thuần túy thuộc về khái niệm trừu tượng. Nói theo Phật pháp, [Bất Tương Ứng Hành Pháp] là mê, là cảm nhận sai lầm, nẩy sanh từ cảm nhận sai lầm.

Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, sẽ biết vì sao tận hư không khắp pháp giới trong một niệm bèn đến nơi. Nay chúng ta dùng tốc độ ánh sáng để nói, tốc độ của ánh sáng rất nhanh, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Dùng tốc độ ánh sáng để từ thế giới Sa Bà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ sợ cũng phải mất mấy vạn ức năm! Quý vị mới biết tốc độ của ánh sáng không lớn, quá nhỏ, chẳng có sức mạnh to như tâm lực! Do đó, tu học Phật pháp, quan trọng nhất là tu tâm, tu tâm thanh tịnh, chẳng để trong tâm có một vọng niệm tồn tại, công phu sẽ thành tựu. Hãy nên tu hành như thế nào? Thật thà niệm Phật. Thật thà là khi niệm Phật chẳng xen tạp vọng niệm; xen tạp vọng niệm là chẳng thật thà. Thật thà niệm Phật nhằm mục đích nào? Nhằm mục đích khôi phục Tánh Đức *"linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng"*, khôi phục bản năng của chính chúng ta. Mê mất bản năng, nói thật ra là sỉ nhục to lớn! Chúng ta vốn giống hệt mười phương chư Phật, cớ sao hiện thời biến thành nông nỗi này? Các Ngài đắc đại tự tại trong hư không pháp giới, hết thảy các pháp tùy tâm sở dục (thuận theo lòng mong muốn), nay chúng ta luân hồi trong lục đạo, vẫn phải trôi lăn trong ba ác đạo, đáng thẹn thay!

Chiều nay có một pháp sư trẻ tuổi từ Đài Trung đến gặp tôi, thầy ấy hiện thời muốn làm rất nhiều chuyện, đến hỏi tôi. Thầy ấy nghe băng thâu âm rất thích học Tịnh Độ, tôi khuyên thầy ấy: "Những chuyện to nhỏ thầy hãy đều buông xuống!" Tôi hỏi thầy ấy: "Thầy có nắm chắc sanh tử hay không? Sanh tử là chuyện lớn! Chẳng nắm chắc sanh tử, làm chi được nữa? Dẫu làm nhiều cách mấy, làm tốt đẹp đến mấy, sẽ là phước báo hữu lậu trong tam giới mà thôi, những gì thầy đang tu là tu phước báo! Hiện thời trong xã hội này, chúng ta thấy lắm kẻ làm quan lớn, giàu sụ, là do đời quá khứ đã tu phước. Nếu hiện thời thầy tu học theo kiểu đó, đời sau làm quan to, giàu sụ. Do làm quan to, giàu có, lại mê, hễ mê bèn tạo nghiệp. Đã tạo tội nghiệp, chết đi, tất nhiên đọa trong ba ác đạo". Phật môn nói *"tam thế oán"* (nỗi oán ba đời), [tức là] đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc, tam thế oán đấy nhé, chúng ta nhất định phải giác ngộ điều này. Cổ đức thường nói: *"Chuyện tốt chẳng bằng vô sự"*.

Nói là độ chúng sanh, nhưng chính mình vẫn chưa độ được, làm sao độ người khác cho nổi? Hôm nay, tôi bảo thầy ấy: "Thứ tự tu học của Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã sắp xếp rành mạch, rõ ràng, xác thực là phải có đại nguyện độ chúng sanh. Đã nguyện rồi thì phải khởi hạnh, phải thật sự tu hành. Điều thứ nhất trong tu hành là phải đoạn phiền não. Sau khi đã đoạn phiền não thì mới có thể học pháp môn". Thầy ấy cũng muốn mở Phật học viện, lỗi lạc thay! Tôi liền bảo thầy ấy: "Cũng có rất nhiều người khuyên tôi lập Phật học viện, tôi chẳng thể làm". Thầy ấy hỏi: "Vì sao?" Tôi đáp: "Chẳng tìm được học trò". Thầy ấy hỏi: "Chẳng phải là học trò rất đông ư? Thưa pháp sư, khi thầy mở Phật học viện, nhất định là học trò rất đông". Tôi bảo: "Các Phật học viện khác thu nhận các trò ấy, chứ Phật học viện của tôi không nhận những trò ấy". Thầy ấy hỏi: "Vì sao?" [Tôi đáp]: "Phiền não chưa đoạn!" Phiền não chưa đoạn thì tu hết thảy các pháp môn, sẽ như Thanh Lương đại sư đã nói rất hay: *"Tăng trưởng tà kiến"*. Chúng ta lập Phật học viện, thành tích ở chỗ nào? Thành tích là giúp học trò tăng trưởng tà kiến, vấn đề này khá nghiêm trọng, tôi phải gánh trách nhiệm nhân quả. Vì lẽ đó, chẳng thể [lập Phật học viện].

Vì sao tôi khuyên mọi người hãy thật thà niệm kinh Vô Lượng Thọ suốt ba năm, chẳng mong cầu hiểu nghĩa? Nhằm mục đích tu tâm thanh tịnh, khiến cho cái tâm định trong ba năm. Sau khi đã định, sẽ lại học này nọ, hiệu quả hoàn toàn khác hẳn. Quý vị dùng tâm thanh tịnh để đối diện hết thảy các pháp, thưa cùng chư vị, tăng trưởng trí huệ, trí huệ mới có thể hiện tiền. Chẳng đoạn phiền não, chẳng thể có trí huệ. Những thứ học được dẫu giỏi giang cách mấy, ngay cả Nho gia cũng nói, [chỉ là] cái học do ghi nhớ, hỏi han! Nho gia chẳng nói là "tà tri, tà kiến", chỉ nói là cái học do ghi nhớ, hỏi han, ta ghi nhớ rất nhiều, nghe rất nhiều. *"Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã"* (Học vấn do hỏi han, ghi nhớ, chẳng đáng để làm thầy người khác), chẳng thể làm thầy người khác, chẳng thể dạy người khác. Vì thế, Phật pháp yêu cầu chúng ta: Tâm địa thanh tịnh bèn có thể sanh ra trí huệ. Nhất định phải là từ cái tâm thanh tịnh mà khai ngộ. Nhấn mạnh thể ngộ (lãnh hội, giải ngộ), không coi trọng ghi nhớ, hỏi han. Khi tôi theo học với thầy Lý tại Đài Trung, thầy Lý chẳng tán thành chuyện hỏi han, ghi nhớ, hễ nghe [giảng kinh, thuyết pháp] thì phải dùng tâm để nghe. Khi đó, tôi nghe giảng kinh, ghi bút ký; thầy không bằng lòng, bảo: *"Anh ghi để làm gì? Quý ở chỗ có thể lãnh ngộ, có thể thấu hiểu, ngộ nhập, chẳng quý ở chỗ ghi nhớ những danh từ,*

thuật ngữ. Anh có thể lãnh ngộ, [những điều đã được nghe giảng] sẽ xác thực là những thứ của chính mình. Vì thế, dùng tâm cung kính để nghe, dùng tâm thanh tịnh để nghe, nghe kinh là nhập Định. Nghe một tiếng rưỡi thì một tiếng rưỡi ấy là nhập Định, tâm địa thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Nghe kinh như vậy dễ dàng khai ngộ, có ngộ xứ". Nghe hiểu cũng được, mà không hiểu cũng thế. Hiểu là có ngộ xứ; không hiểu thì chính mình ở trong Định, Định chẳng khởi tác dụng. Vì thế nói là Định lẫn Huệ đều đạt được, hai đằng đều đạt được. Dấy vọng tưởng thì Định lẫn Huệ cùng mất, hai đằng đều lỡ làng, biến thành giống như giảng bài trong các trường học thông thường của thế gian.

Nói cách khác, hiện thời, quá nửa người học Phật có thái độ sai lầm, họ chẳng hiểu đạo lý này, chẳng biết Phật pháp và pháp thế gian khác nhau. Nói thật ra là chẳng giống với pháp thế gian trong hiện thời, chứ so với pháp thế gian vào thời cổ thì vẫn giống nhau. Tại Trung Quốc, vào thời cổ, Nho gia và Đạo gia cũng nói tới khai ngộ, thầy dạy học coi trọng ngộ tánh của trò. Huấn luyện trò bèn tuân theo phương cách học thuộc lòng. Trẻ nhỏ đọc sách, nhất là đối với Tiểu Học trong quá khứ tại Trung Quốc, hoàn toàn là học thuộc lòng, thầy chẳng giảng sách, tức là chẳng giảng giải, cứ đốc thúc lũ trẻ sao cho chúng có thể học thuộc, bắt chúng nó liên tục đọc thuộc lòng một trăm lần hoặc hai trăm lần. Đã là học thuộc lòng, vì sao còn phải học nhiều lần như vậy? Nói thật ra là khiến cho chúng nó chẳng dấy vọng tưởng. Nếu chúng nó chẳng học thuộc sách, sẽ suy nghĩ lung tung, muốn rong chơi. Từ nhỏ đã huấn luyện chúng nó giảm bớt vọng tưởng, tận hết sức giúp chúng nó giảm thiểu, khiến cho chúng nó khôi phục bản tánh. Trong các trước tác về Duy Thức, cư sĩ Đường Đại Viên đã nói rất cảm khái: *"Từ thời Dân Quốc trở đi, cách dạy học sai lầm, Định lẫn Huệ thảy đều chẳng có"*.

Đoạn này nói về cảnh giới Định Huệ viên mãn, Định là Huệ, Huệ là Định. Vì thế, hoàn toàn đột phá không gian và thời gian, toàn thể pháp giới biến thành một Thể, gọi là Nhất Chân pháp giới, đấy là cảnh giới sở chứng của chư Phật Như Lai. Tu học Phật pháp là mong mỏi chúng ta đều có thể đạt tới cảnh giới này, đó mới là thật sự học Phật. Chính mình học Phật có thọ dụng, chúng ta bèn giúp đỡ người khác. Giúp người khác thì quan trọng nhất là kiến lập tín tâm cho đại chúng, giúp họ có một thái độ tu học chánh xác, lại có thể cống hiến một phương pháp vô cùng tốt đẹp. Nếu họ có thể tiếp nhận, sẽ thành tựu nhanh chóng, đó là giáo học. Nhưng pháp môn này, nói thật ra là pháp khó tin nhất trong các

pháp khó tin, là pháp khó tin tột bậc, nay chúng ta nói với người khác thái độ và phương pháp này, chưa chắc người ta đã tin tưởng! Vì sao họ chẳng tin? Họ thấy mỗi người đều đi theo con đường khác với những gì quý vị đã nói! Vừa mở đầu, [người khác] bèn thực hiện từ học rộng, nghe nhiều, [còn chúng ta bảo họ hãy chuyên nhất một bộ kinh, một pháp môn, huân tu dài lâu, họ sẽ băn khoăn]: "Quý vị bảo tôi thứ gì cũng đừng xem, nguy hiểm quá! Chỉ sợ là trong tương lai điều gì tôi cũng chẳng thể thành tựu!" Vì thế, nói thật với họ, họ chẳng tin tưởng. Nói lời giả dối, liền hợp ý ngay; họ tin giả, chứ không tin thật! Bởi thế, người hiện thời khó độ lắm! Nghe lừa, chẳng nghe khuyên; nhận giả, chẳng nhận thật! Rất khó! Có thể nghe lọt tai những lẽ thật, người ấy thật sự là đại thiện căn, đại phước đức, xác thực chẳng phải là một người bình phàm. Quả thật, kẻ bình phàm hết sức khó tiếp nhận. Vì lẽ đó, ở trong cảnh giới này, đột phá thời gian và không gian, nói "đột phá thời gian và không gian" chính là chẳng còn phân biệt, chấp trước.

"Nhi thật ư thử Sa Bà thế giới chúng sanh tâm trung, kết già phu tọa, nghiễm nhiên bất động" (Thật sự ở trong tâm của chúng sanh nơi thế giới Sa Bà này, ngồi kết già, nghiễm nhiên bất động), quý vị có lãnh hội ý nghĩa này hay không? A Di Đà Phật ở trong tự tánh của chúng ta, *"ngồi kết già, nghiễm nhiên, bất động"*. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh biến hiện, nên A Di Đà Phật cũng do tự tánh biến hiện. Ngài không ở trong tâm chúng sanh thì ở nơi đâu? Tận hư không khắp pháp giới do đâu mà có? Từ trong tâm chúng sanh biến hiện. *"Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Tâm là Thể, thức là tác dụng. Không chỉ A Di Đà Phật là như thế, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai có bao giờ chẳng phải [như vậy]? Chẳng có một vị nào là ngoại lệ!

Chư Phật, Bồ Tát là tác dụng nơi phần giác trong bản tánh của chúng ta, lục đạo phàm phu là tác dụng của phần mê trong tự tánh của chúng ta. Vì thế, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là do tự tánh biến hiện. Nếu chúng ta một niệm giác, quý vị sẽ thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới như như bất động. Phật chẳng động, cớ sao nay chúng ta thường động? Đức Phật ngồi kết già, nghiễm nhiên bất động, lục đạo chúng sanh cho đến chúng sanh trong địa ngục cũng là ngồi kết già, nghiễm nhiên bất động, chẳng có ngoại lệ! Trong khi chúng ta đang mê, thấy chư Phật Như Lai đều động. Đã mê thì một động, hết thảy đều động; bất động thì hết thảy đều bất động. Bất động là nhìn từ chỗ nào? Bất động nhìn từ Tánh Đức,

Tánh Đức bất động. Động là nhìn từ chỗ nào? Động là sau khi mê mất Tánh Đức, thoạt nhìn dường như có động, thật ra vẫn là bất động. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật có nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*. Vốn đã thành Phật là nhìn từ Tánh Đức, Tánh Đức xác thực là vốn sẵn thanh tịnh, vốn chẳng có dao động, vốn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp, là thật, vốn là như thế, tuyệt đối chẳng phải là khi mê liền mất đi. Tuy mê, vẫn chẳng mất, cho nên mới gọi là bản tánh, vĩnh viễn là như vậy.

Dẫu chúng ta đọa trong ba ác đạo, bản tánh vẫn là thanh tịnh, vẫn bất động. Ba ác đạo là ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, bản thể của họ (chúng sanh trong ba ác đạo) vẫn là Chân Như bản tánh. Trong ác đạo, nhất là kinh Địa Tạng nói là "chịu khổ, chịu nạn", thấy nỗi khổ to tát dường ấy thảy đều kinh hãi, rởn cả da gà, đó là chuyện như thế nào? Vọng thức, tức là vọng tâm. Vọng tâm là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm! Chân tâm vốn bất động, vọng tâm động. Bất động là chân, động là vọng. Vọng thì đương nhiên có thể lìa khỏi, đương nhiên có thể trừ bỏ. Bất động là chân, đương nhiên có thể khôi phục. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: *"Bổn Giác vốn có"*. Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, đó là Bổn Giác vốn có. *"Bất Giác vốn không"*. Bất giác là vọng tâm, khởi tâm động niệm vốn là không, vốn chẳng có. Vốn chẳng có, đương nhiên có thể đoạn trừ. Vốn có, đương nhiên có thể khôi phục. Mấy câu này khiến cho người học Phật chúng ta kiến lập tín tâm thật sự.

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng về Tín, Nguyện, Hạnh, Ngài nói về Tín thì điều thứ nhất là tin vào chính mình. Điều này giúp chúng ta kiến lập tín tâm: Tin chính mình vốn đã thành Phật, tin chính mình trong một đời này quyết định có thể đoạn phiền não, quyết định có thể thành Phật đạo, chúng ta thật sự có thể buông vọng niệm xuống. Vì sao chúng ta không buông xuống được? Vì thời gian sử dụng vọng tưởng đã quá lâu, dùng đến nỗi trở thành thói quen, thói quen trở thành tự nhiên, mong buông xuống cũng chẳng thể buông xuống được! Nguyên nhân ở chỗ này. Đức Phật có phương tiện, phương tiện bậc nhất trong các phương tiện là dạy chúng ta niệm Phật. Vì thế, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn phương tiện, Niệm Phật là pháp môn bậc nhất, dùng phương pháp này có thể đoạn sạch sành sanh vọng niệm. Dùng theo cách nào? Niệm Phật, *"ức Phật, niệm Phật, tịnh niệm tương kế"* (nhớ Phật, niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối), tám chữ trong kinh Lăng Nghiêm! Ức (憶)

là nghĩ tưởng, hằng ngày ta nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Pho tượng A Di Đà Phật này chúng ta tạc đích xác là trang nghiêm, nay chúng ta in ra, nhìn [hình in ra] còn trang nghiêm hơn, còn đẹp hơn tượng thật. Do vậy, có đồng tu phát tâm in thành những bức nhỏ như hình chụp để mọi người mang theo nơi thân, hễ rảnh rỗi bèn ngắm nhìn, tưởng A Di Đà Phật, đừng nghĩ tới ai khác! Nghĩ tới người khác, nghĩ tới chuyện khác, đều là tạo lục đạo luân hồi, đều là dấy vọng tưởng.

Ta nghĩ tới A Di Đà Phật, bèn niệm A Di Đà Phật, hết thảy những chuyện vướng mắc trong tâm thảy đều buông xuống, thay đổi chúng, đổi thành gì vậy? Đổi thành vấn vương A Di Đà Phật. Quý vị có thể tu như vậy, thưa cùng chư vị, chẳng cần nhiều, sáu tháng bèn thành công. Tất cả vọng niệm tối thiểu có thể trừ bỏ tám mươi phần trăm, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Nói cách khác, quý vị niệm Phật có thể đắc công phu thành phiến, chẳng cần rất lâu, trong thời gian nửa năm bèn có thể đạt đến công phu thành phiến, ba năm là có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Vấn đề là quý vị chẳng chịu làm, còn khăng khăng nghĩ tưởng người này, chuyện nọ, phiền toái to đùng! Nhất định phải đề cao cảnh giác đối với điều này. Nghĩ tưởng hết thảy người, hết thảy sự, phải nhớ: Toàn là tạo lục đạo luân hồi. Từ vô thỉ kiếp tới nay đã bị những chuyện ấy làm hại, bị chúng hại phải sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng thể xuất ly, [thế mà] vẫn chẳng giác ngộ, vẫn muốn làm chuyện này, sai mất rồi!

Vì thế, mọi người hãy nhất tâm nhất ý tưởng A Di Đà Phật, in hình A Di Đà Phật cho nhiều, in với số lượng lớn, thường đem theo người, lại còn có thể mang theo mấy tấm để biếu tặng người khác bất cứ lúc nào. Nếu người ta nghĩ tới quý vị, quý vị bảo họ: "Chẳng cần nhớ tới tôi, hãy tưởng A Di Đà Phật. Tưởng A Di Đà Phật thì trong tương lai chúng ta cùng đến Tây Phương, mới sẽ có thể vĩnh viễn ở cùng một chỗ!" Trừ điều này ra, muốn vĩnh viễn ở cùng một chỗ, thưa cùng chư vị, về căn bản là chẳng thể nào được! Nhất định là chẳng thể tránh khỏi sanh ly tử biệt. Sau khi đã chết, mỗi người bị nghiệp lực lôi đi luân hồi, lần sau gặp lại, đúng là vô lượng kiếp sau! Dẫu có gặp mặt, cũng chẳng nhận ra. Vì lẽ đó, há có gì tốt đẹp như nghĩ tưởng Phật? Thật sự mong mỏi chúng ta đừng bị chia lìa, vĩnh viễn ở chung với nhau, thế thì mọi người hãy đều nghĩ tưởng A Di Đà Phật sẽ là đúng. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, *"ức Phật, niệm Phật"* là pháp môn bậc nhất, vì hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, nghĩ thứ gì liền biến ra thứ đó. Mấy câu dưới đây ý nghĩa hết sức viên mãn, hết sức chân thật.

(Sao) Hà nãi bội trường sanh chi quyết, uổng tự thương vong.

(鈔)何乃佩長生之訣，枉自殤亡。

*(**Sao**: Cớ sao lại đeo giữ bí quyết trường sanh, mà tự oan uổng chết yểu).*

Nói đến vô lượng thọ. Mỗi người chúng ta vốn là vô lượng thọ, vô lượng thọ chẳng phải là do tu được. Mỗi người chúng ta vốn có vô lượng thọ. Vốn là vô lượng thọ, nay trở thành đoản mạng, quá oan uổng! Vì sao bị đoản mạng? Do suốt ngày dấy vọng tưởng. Vọng tưởng càng nhiều, thọ mạng càng ngắn. Nói thật ra, cái thân nghiệp báo của chúng ta cũng là như thế, vọng tưởng ít, thọ mạng sẽ dài, chẳng dễ gì già suy! Cổ nhân thường nói: *"Ưu sầu khiến người ta già sọm"*. Một người thường ưu lự, sẽ lão hóa rất nhanh! Người chẳng có ưu lự, chẳng dễ gì già đi. Chúng ta bỏ sạch hết thảy ưu lự, hết thảy phiền não, hết thảy vọng niệm, hết thảy vướng mắc, vọng tưởng, chấp trước, bèn khôi phục Tánh Đức, Tánh Đức vốn là vô lượng thọ.

Nói tới thọ mạng trong thế giới Tây Phương, mọi người quyết định đừng hoài nghi. Có người nói "rốt cuộc chỉ sợ thọ mạng ấy vẫn là có hạn lượng, bất quá là rất dài mà thôi, chúng ta chẳng có cách nào tính toán". Quý vị xem đoạn này, [đã biết] thật sự là vô lượng thọ! Chẳng giả! Hai câu này nói về trường thọ, cũng là như chúng ta nói *"bất sanh, bất diệt"*, xác thực là bất sanh, bất diệt, Pháp Thân thường trụ! Pháp, Báo, Ứng ba thân một Thể, Pháp Thân bất sanh, bất diệt, Báo Thân và Ứng Thân cũng là bất sanh, bất diệt, chẳng có ý niệm tham sống sợ chết! Tham sống sợ chết là vọng niệm, vọng tưởng; lục đạo phàm phu sống trong vọng tưởng. Đó là chuyện rất khổ.

(Sao) Phụ cảo nhật chi minh, phiên thành hắc ám.

(鈔)負杲日之明，翻成黑暗。

*(**Sao**: Được chiếu bởi ánh sáng mặt trời rạng rỡ, mà trở thành tối tăm).*

Câu này nói về quang minh. Quang minh cũng là vốn có, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là vô lượng quang, là vô lượng trí huệ. Hiện thời chẳng có trí huệ, biến thành vô minh. *"Hắc ám"* là vô minh, nay vô lượng quang minh biến thành vô minh, biến như thế nào? Chẳng phải do người khác biến đổi quý vị, mà do chính quý vị tự biến, vẫn là do vọng

tưởng, chấp trước biến ra. Có vọng tưởng, chấp trước, vô lượng trí huệ quang minh liền mất đi, hiển hiện thành vô minh, tà kiến. Do vậy có thể biết, nếu xóa trừ vọng tưởng và chấp trước, vô minh liền biến thành quang minh, tà kiến liền biến thành trí huệ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai"*, trí huệ là vô lượng quang, đức tướng là vô lượng thọ, *"chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc"*. Câu này đã chỉ ra gốc bệnh của chúng ta. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, chư vị hãy suy nghĩ, trong pháp môn nhiều ngần ấy, pháp môn nào vô cùng hữu hiệu, có thể phá tan vọng tưởng, chấp trước, pháp môn ấy sẽ là pháp môn thù thắng nhất. Qua sự thể nghiệm tu học các pháp môn, cổ đức đã đạt đến một kết luận: *"Niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật"*. Vì sao? Kinh quá dài, chú ngắn hơn kinh, nhưng vẫn dài hơn Phật hiệu. Một câu A Di Đà Phật đơn giản, dễ dàng, ức niệm thuận tiện.

Vì thế, đối với tượng Phật trang nghiêm này, tôi đề nghị các đồng tu hãy thỉnh nhiều bức về nhà, treo ở chỗ dễ thấy nơi mỗi phòng trong nhà, bất luận đi đến đâu, mắt ta đều thấy tượng Phật, thường ở cùng một chỗ với Phật, thời thời khắc khắc chẳng lìa Phật, như vậy là đúng. Thật sự làm được *"ức Phật, niệm Phật"*, thật sự làm được *"tịnh niệm tiếp nối"*, đó là chuyển vô minh thành bổn minh (cái vốn sáng suốt), chuyển tà kiến thành trí huệ, khôi phục vô lượng quang, vô lượng thọ mà chúng ta vốn có. Vô lượng quang, vô lượng thọ chẳng đến từ bên ngoài, cũng chẳng phải là do tu được. Tu được thì nói thật thà: [Cái tu được ấy] còn có thể dài hay ngắn, vẫn chưa chắc là thật! Do nó vốn trọn đủ trong Tánh Đức, nên chẳng thể nói là dài hay ngắn!

(Sao) Tâm bổn thị Phật, tự muội tự tâm; Phật bổn thị tâm, tự mê tự Phật.

(鈔)心本是佛，自昧自心；佛本是心，自迷自佛。

*(**Sao**: Tâm vốn là Phật, tự mê muội tự tâm, Phật vốn là tâm, tự mê muội vị Phật của chính mình).*

Hai câu này thật sự nói thấu triệt, nói tới chỗ cùng tột! Sở dĩ phàm phu biến thành phàm phu là do tự mê muội tự tâm, nên tự mê muội vị Phật của chính mình. Do đó, Phật pháp dạy chúng ta phá mê khai ngộ. Mê là tâm, cho nên phải đổ công dốc sức nơi tâm địa, chớ nên đổ công

dốc sức nơi văn tự, chớ nên đổ công dốc sức ngoài tâm. Đổ công dốc sức ngoài tâm, vĩnh viễn chẳng thể đắc lực. Nói cách khác, đổ công dốc sức ngoài tâm sẽ vĩnh viễn chẳng có liên can chi hết, cổ nhân ví von: *"Gãi ngứa ngoài giày"*, gãi chẳng được! Nhất định phải là đổ công dốc sức nơi tâm địa, cầu tâm bất muội, cầu tâm không mê. Ức Phật, niệm Phật là tâm bất muội, không mê, trọng yếu lắm! Chúng tôi cũng học Phật chẳng ít năm. Trong tất cả các pháp môn, chúng tôi thí nghiệm, xác thực là pháp môn Niệm Phật dễ dàng đắc lực. Bởi lẽ đó, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát đề xướng pháp môn này là có lý! Nói những pháp môn khác là do cơ duyên đặc biệt mà nói. Đề xướng pháp môn Niệm Phật, có thể nói là mười phương chư Phật, Bồ Tát chẳng tiếc sức thừa, tận tâm tận lực, mạnh mẽ đề xướng, chúng ta hãy nên thấu hiểu điều này. Vô lượng thọ và vô lượng quang giảng đến đây là hết một đoạn. Lại xem phần kinh văn tiếp theo.

Nhị, đạo thành viễn kiếp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

二道成遠劫。

(經)舍利弗。阿彌陀佛成佛以來。於今十劫。

(Hai, thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay đã là mười kiếp).*

Chúng ta xem phần chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Dĩ tri bỉ Phật đắc danh chi nghĩa.

(疏)已知彼佛得名之義。

*(**Sớ**: Đã biết ý nghĩa vì sao đức Phật ấy có danh hiệu như thế).*

Danh hiệu này có nghĩa là vô lượng; trong vô lượng, đặc biệt lấy vô lượng thọ và vô lượng quang để biểu thị. Đó là ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu A Di Đà Phật.

(Sớ) Vị thẩm bỉ Phật thành Phật chí kim.

(疏)未審彼佛成佛至今。

*(**Sớ**: Chưa rõ đức Phật ấy từ khi thành Phật tới nay).*

Lại tiến hơn bước nữa, chẳng biết A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến hiện thời đã là bao lâu? Bọn phàm phu chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước luôn thắc mắc.

(Sớ) Kinh kỷ hà thời.
(疏)經幾何時。
*(**Sớ**: Đã được bao lâu).*

Trải qua bao lâu?

(Sớ) Kiếp giả, cụ vân Kiếp Ba.
(疏)劫者，具云劫波。
*(**Sớ**: Kiếp, nói đầy đủ là Kiếp Ba).*

Kiếp Ba (Kalpa) là tiếng Phạn. Người Hoa thích đơn giản, thường tỉnh lược âm cuối. Trung Quốc từ xưa tới nay, bất luận là ngôn ngữ hay văn chương, đòi hỏi phải *"giản yếu tường minh"*, tức là đơn giản, nêu lên những điểm trọng yếu, tường tận, và rõ ràng.

(Sớ) Thử vân Thời Phần.
(疏)此云時分。
*(**Sớ**: Cõi này dịch là Thời Phần).*

Ý nghĩa của Thời Phần là như hiện thời chúng ta nói "thời gian".

(Sớ) Thập kiếp giả.
(疏)十劫者。
*(**Sớ**: Mười kiếp).*

Kiếp Ba là đơn vị thời gian, là một đơn vị số lượng rất lớn. Chúng ta nói ngày, tháng, năm, nhưng Kiếp còn lớn hơn rất nhiều. Tại Ấn Độ có đại kiếp, trung kiếp, và tiểu kiếp. Rốt cuộc [Kiếp ở đây] là đại kiếp hay tiểu kiếp, kinh văn chẳng nói rõ.

(Sớ) Nhất vân đại kiếp, nhất vân tiểu kiếp.
(疏)一云大劫，一云小劫。
*(**Sớ**: Có thuyết nói là đại kiếp, thuyết khác là tiểu kiếp).*

Có người nói là đại kiếp, cũng có người nói là tiểu kiếp.

(Sớ) Kim vị minh viễn, ưng thị đại kiếp.

(疏)今謂明遠，應是大劫。

*(**Sớ**: Nay nói rõ là lâu xa, phải nên là đại kiếp).*

Đây là ý kiến của Liên Trì đại sư, phải là đại kiếp thì mới hợp lý. Đức Phật đã thành Phật, cách hiện tại một thời gian khá xa xôi. Kiếp tính toán theo cách nào?

(Sao) Nhất đại kiếp giả, Thành, Trụ, Hoại, Không, các nhị thập tiểu kiếp, bát thập kiếp chung, phương thành đại kiếp.

(鈔)一大劫者，成住壞空各二十小劫，八十劫終，方成大劫。

*(**Sao**: Một đại kiếp là các thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không, mỗi thời kỳ là hai mươi tiểu kiếp, đã hết tám mươi [tiểu] kiếp mới thành một đại kiếp).*

Một đại kiếp gồm có bốn trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Một trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp. Một đại kiếp có tất cả tám mươi tiểu kiếp.

(Sao) Vân thập đại kiếp, thị bát bách tiểu kiếp dã. Kinh ý vi minh thành Phật cửu viễn, nhi viết tiểu kiếp vị kiến kỳ viễn.

(鈔)云十大劫，是八百小劫也。經意為明成佛久遠，而曰小劫未見其遠。

*(**Sao**: Nói mười đại kiếp tức là tám trăm tiểu kiếp. Ý kinh nhằm nói rõ Ngài đã thành Phật lâu xa, nếu nói là tiểu kiếp thì chẳng xa xưa cho mấy).*

Nếu là tiểu kiếp, A Di Đà Phật thành Phật cách hiện thời chẳng được coi là xa lắm. Nếu là đại kiếp thì khá xa.

(Sao) Kim y Đường dịch, vân thập đại kiếp.

(鈔)今依唐譯，云十大劫。

*(**Sao**: Nay dựa theo bản dịch đời Đường, [trong ấy] nói là mười đại kiếp).*

"Đường dịch" là bản dịch của Huyền Trang đại sư. Bản dịch của Huyền Trang đại sư là trực dịch, [tức là] chiếu theo nguyên văn mà dịch trực tiếp, khá đáng tin cậy. Ngài dịch là "mười đại kiếp", La Thập đại sư dịch là "mười kiếp", chẳng nói là đại kiếp hay tiểu kiếp. Liên Trì đại sư nhận định là mười đại kiếp cũng có căn cứ, vì bản dịch của Huyền Trang đại sư viết như vậy.

Một tiểu kiếp dài cỡ nào? Kinh Phật có tới mấy cách nói. Thường nói đến nhất là "tăng giảm kiếp". Đức Phật dạy, thọ mạng của con người trong thế giới này khi dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm. Từ tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi là lúc con người có thọ mạng ngắn nhất. Lại từ mười tuổi, mỗi trăm năm tăng thêm một tuổi, lại tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, [thời gian hết một chu kỳ] một tăng một giảm ấy là một tiểu kiếp. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, con người thọ một trăm tuổi, nhằm vào thời giảm kiếp, cứ một trăm năm giảm một tuổi. Thích Ca Mâu Ni Phật cách hiện thời ba ngàn năm, nên [thọ mạng của nhân loại đã] giảm bớt ba mươi năm. Tuổi thọ bình quân của nhân loại hiện thời là bảy mươi tuổi.

Ngoài ra, còn có mấy cách nói khác, đều hình dung [thời gian] rất dài, nhưng cũng rất khó hiểu. Trong quá khứ, trong Phật Học Giảng Tòa, thầy Lý có nói một con số, đương nhiên là thầy cũng có căn cứ. Có thể tra cứu Pháp Uyển Châu Lâm hoặc Kinh Luật Dị Tướng, đó là những bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật. Thầy có một cách tính rất đơn giản, dựa theo cách đếm số của Trung Hoa, lấy Triệu làm đơn vị, vạn vạn là một Ức, vạn Ức là một Triệu[39]. Một ngàn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn), con số ấy mới là một A-tăng-kỳ. Chúng ta nói thành Phật theo A-tăng-kỳ kiếp, dẫu là tiểu kiếp, thời gian cũng chẳng thể nghĩ bàn! Nếu tính bằng đại kiếp, thời gian càng chẳng thể nghĩ bàn, phải lớn hơn tám mươi lần. Có thể thấy thời gian tu học vô cùng lâu xa!

Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng là vô lượng kiếp, A Di Đà Phật thành Phật mới mười kiếp. Dùng vô lượng kiếp để xem mười kiếp,

---

[39] Xin chú ý, cách tính số đếm theo lối cổ truyền của Trung Hoa hơi khác với cách hiểu thông thường hiện thời. Vạn là mười ngàn, vạn vạn là một ức, tức là 10.000 x 10.000 = 100.000.000. Như vậy một ức của cổ Trung Hoa là một trăm triệu theo cách hiểu thông thường trong hệ thống tính toán Âu Tây. Triệu trong cách đếm cổ truyền của Trung Hoa là một vạn ức, tức là 10.000 x 100.000.000 = 1.000.000.000.000 (một triệu triệu theo cách đếm của Âu Tây).

thật giống như người thế gian chúng ta thọ trăm tuổi, nay Ngài thành lập [cõi Cực Lạc] đã bao lâu? Đại khái chẳng hơn mười phút! Có thể nói là thế giới Cực Lạc mới khai mạc chưa đầy vài bữa! Ở đây, đức Phật khuyến khích chúng ta, nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là thời gian tốt nhất, vì sao? Ngài mới "khai trương" một vài ngày, nếu chúng ta vãng sanh, trong tương lai đến thế giới Cực Lạc đều mang thân phận nguyên lão. A Di Đà Phật thành Phật mười kiếp, chúng ta đã đến, cơ duyên ấy khó có. Vì thế, ngàn muôn phần đừng lỡ làng. Hễ lỡ làng, nếu đời sau lại gặp pháp môn này, chẳng biết là đã trải qua bao nhiêu kiếp! Nếu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật thành Phật đã rất nhiều kiếp, chẳng phải là mười kiếp, khác hẳn. Đoạn kế tiếp nói rất hay:

(Sớ) Hựu thập đại kiếp, diệc thị nhất kỳ phó cơ chi thuyết. Cứu cực nhi ngôn, thành Phật dĩ lai, diệc ưng vô lượng, như Pháp Hoa trung thuyết.

(疏)又十大劫，亦是一期赴機之說。究極而言，成佛以來，亦應無量，如法華中說。

*(**Sớ**: Lại nữa, "mười đại kiếp" cũng là nói theo một khoảng thời gian của sự cảm ứng thuận theo căn cơ. Nói đến mức rốt ráo, cũng phải là vô lượng, như trong kinh Pháp Hoa đã nói).*

"Nhất kỳ chi thuyết" là chuyện như thế nào? Ví như hiện thời nhà trường mỗi năm đều phải chiêu sinh, hằng năm đều có học trò tốt nghiệp, đó là từng khóa một. *"Nhất kỳ"* nói đúng ra là từng khóa một, chẳng phải là nói kể từ khi trường học được thành lập tới nay. Nếu xét theo Tây Phương Cực Lạc thế giới từ khởi đầu cho tới nay, thế giới ấy lâu xa, đó là vô lượng vô lượng kiếp. A Di Đà Phật thành Phật tới nay *"ư kim thập kiếp"*, đó là nói theo kiếp hiện tiền. Trong quá khứ vô lượng kiếp, trong tương lai vẫn là vô lượng kiếp, nói theo giai đoạn trước mắt là mười kiếp. Thời gian ấy chẳng dài, kinh Pháp Hoa có chứng cứ.

(Sao) Như Pháp Hoa trung, chúng nghi Thế Tôn thành Phật vị cửu, vân hà khoáng kiếp Bồ Tát thị sở giáo hóa.

(鈔)如法華中，眾疑世尊成佛未久，云何曠劫菩薩是所教化。

*(**Sao**: Như trong kinh Pháp Hoa, đại chúng nghi Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu như thế, làm sao Ngài có thể giáo hóa hàng Bồ Tát trong nhiều kiếp lâu xa?)*

Trong hội Pháp Hoa, có kẻ hoài nghi: Có rất nhiều Bồ Tát hoặc Đại Bồ Tát từ mười phương thế giới hiện đến, đều là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật chưa bao lâu, Ngài thị hiện thành đạo lúc ba mươi tuổi, thuyết pháp bốn mươi chín năm, thành Phật không lâu, vì sao hàng đại Bồ Tát nhiều dường ấy đều là học trò của Ngài? Khi đó, đức Phật mới nêu bày lời thật.

(Sao) Phật ngôn: "Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên kiếp".

(鈔)佛言：我實成佛以來，無量無邊劫。

*(**Sao**: Đức Phật nói: "Kể từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã là vô lượng vô biên kiếp").*

Điều này được nói trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đã thành Phật từ kiếp xa xôi, đây là thị hiện mà thôi!

(Sao) Tắc A Di Đà Phật, kỳ khả lượng hồ?

(鈔)則阿彌陀佛，其可量乎。

*(**Sao**: Như vậy thì [thọ mạng của] A Di Đà Phật có thể tính lường được sao?)*

Do vậy có thể biết, lẽ nào A Di Đà Phật chẳng phải là đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa, nay Ngài ngự trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là một lần thị hiện; vì thế, có ý nghĩa tương đồng. Thọ mạng xác thực là vô lượng vô biên. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 195

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi sáu:

(Sớ) Nhược khảo A Di Đà Phật, thành Phật dĩ tiền nhân địa, bất

đản Pháp Tạng nhất nhân, hữu đa chủng nhân, như chư kinh trung thuyết.

(疏)若考阿彌陀佛，成佛以前因地，不但法藏一因，有多種因，如諸經中說。

*(**Sớ**: Nếu khảo sát về nhân địa của A Di Đà Phật trước khi Ngài thành Phật thì không chỉ là một thời kỳ tu nhân của tỳ-kheo Pháp Tạng, mà còn có nhiều nhân như trong các kinh đã nói).*

Đoạn này nói rõ về những sự tích (dấu tích ứng hiện nơi mặt Sự) của A Di Đà Phật trước khi Ngài thành Phật, còn đang tu nhân. Thông thường, chúng ta giới thiệu [nhân địa của A Di Đà Phật] chỉ dựa theo kinh Vô Lượng Thọ. Thật ra, trong nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã từng nói đến chuyện tu nhân chứng quả của A Di Đà Phật. Nếu chúng ta gộp chung các kinh luận ấy để xem, sẽ biết: Lần này, A Di Đà Phật thị hiện thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là lần đầu tiên thành Phật, mà là thị hiện thành Phật giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện trong thế gian này. Chúng ta đọc kinh điển Đại Thừa, như kinh Phạm Võng có nói: *"Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật trong thế giới Sa Bà lần này là lần thứ tám ngàn"*. Vì thế, chẳng phải là Ngài ba mươi tuổi thành đạo dưới cội Bồ Đề, trong đêm thấy sao Mai bèn hoảng nhiên đại ngộ. Đó là diễn tuồng cho chúng ta xem, diễn tuồng giống như vậy lần này là lần thứ tám ngàn, chẳng phải là Ngài thành Phật trong một đời này, mà là đã thành Phật nhiều đời nhiều kiếp. Do vậy có thể biết, A Di Đà Phật thị hiện trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng khác đức Bổn Sư cho mấy. Thật ra, Ngài cũng đã sớm thành Phật từ kiếp lâu xa!

(Sao) Pháp Tạng nhân giả.

(鈔)法藏因者。

*(**Sao**: Cái nhân của ngài Pháp Tạng).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói nhân địa của A Di Đà Phật là tỳ-kheo Pháp Tạng, chúng ta vẫn dùng danh xưng này.

(Sao) Đại Bổn vân: Định Quang Phật tiền ngũ thập tam Phật, danh Thế Tự Tại Vương, Pháp Tạng thời vi quốc vương, xả vị xuất

gia, phát tứ thập bát nguyện, kim A Di Đà Phật thị Pháp Tạng sở thành chi Phật dã.

(鈔)大本云：定光佛前五十三佛，名世自在王，法藏時為國王，捨位出家，發四十八願，今阿彌陀佛，是法藏所成之佛也。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn chép: Trước Định Quang Phật năm mươi ba vị Phật, có một vị tên là Thế Tự Tại Vương. Khi ấy, ngài Pháp Tạng làm quốc vương, bỏ ngôi, xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật hiện nay chính là vị Phật do Pháp Tạng tu thành).*

Đây là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật trong hiện tại chính là do tỳ-kheo Pháp Tạng tu thành. Sự tu thành này giống như Thái Tử Tất Đạt Đa tu thành Thích Ca Mâu Ni Phật, chư vị phải hiểu sự thật này. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đều đã đọc thấy những chuyện này, rất quen thuộc! Chuyện này đáng để nhắc tới, cũng là nhắc nhở bản thân chúng ta, đánh thức chính mình. Đối với các pháp thế gian như tiếng tăm, lợi dưỡng, người thế gian tham luyến, chẳng nỡ buông xuống, tỳ-kheo Pháp Tạng đã nêu gương, Ngài thảy đều buông xuống. Nếu chẳng thể buông xuống, nói thật ra, sẽ là lục đạo luân hồi! Đã luân hồi trong lục đạo thì quan hệ với hết thảy chúng sanh trong thế gian sẽ là quan hệ ân oán. Nói thật ra, kết ân huệ với chúng sanh cực ít, kết cừu oán với chúng sanh chiếm đại đa số, bản thân chúng ta khéo phản tỉnh đôi chút sẽ biết ngay. Kết thù oán nhiều ngần ấy, càng kết càng sâu, mai sau giải quyết bằng cách nào? Vì thế, người thật sự có trí huệ nêu gương cho chúng ta thấy, mong chúng ta thảy đều buông xuống.

Người thế gian tranh danh trục lợi! Thuở ấy, ngài Pháp Tạng mang thân phận là quốc vương. Nói theo phương diện danh vọng, lợi dưỡng, Ngài phú quý tột bậc, thường nói là *"quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải"* (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), ngũ dục, lục trần trong thế gian này Ngài đều đạt được. Vì sao lại bỏ sạch để đi xuất gia? Đạt được danh lợi thế gian là một đời này, quý vị có thể hưởng thụ trong một thời gian hết sức ngắn ngủi, tạm bợ! Trong khi hưởng thụ, sẽ tạo vô lượng tội nghiệp; trong tương lai, nhất định sẽ phải đền trả những việc đã làm, tuyệt đối chẳng có chuyện may mắn [tránh né, khỏi phải trả nợ]. Sát nghiệp càng nặng, giết chết chúng sanh, đó là thiếu nợ mạng. Thiếu mạng thì phải đền mạng, thiếu nợ thì phải đền tiền, chẳng có kẻ nào may mắn thoát khỏi! Nếu chúng ta thật sự nhìn vào nhân trước, quả sau, sẽ

chẳng dám dấy khởi một vọng niệm, chẳng dám khởi một ác niệm, chẳng dám làm chuyện xấu, nhân quả thông suốt ba đời mà! Kẻ mê hoặc điên đảo chỉ nhìn chuyện trước mắt, chẳng biết quả báo tương lai đáng sợ. Ngài (Pháp Tạng) thấy nhân quả mai sau, quốc vương cũng chẳng muốn làm, biết pháp thế gian chẳng có gì không rỗng tuếch, đúng là *"tay trắng đến, tay trắng ra đi"*. Đó gọi là *"muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân!"* Tạo một thân đầy tội nghiệp, vô cùng đáng sợ! Do đó, người ta làm quốc vương, ngôi vua cũng bỏ phứt, theo Phật xuất gia. Đấy là sự thị hiện của A Di Đà Phật trong giai đoạn này nhằm cảnh tỉnh, răn nhắc chúng ta. Tiếp theo đây, [đại sư] giới thiệu các kinh, dẫn ra tám bộ kinh luận:

(Sao) Đa chủng nhân giả, nhất, Pháp Hoa kinh, Đại Thông Trí Thắng Như Lai thời, thập lục vương tử, xuất gia tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Bồ Đề, Phật diệt độ hậu, thường nhạo thuyết thị Diệu Pháp Hoa kinh, hậu tất thành Phật. Đệ cửu vương tử ư Tây Phương thành Phật. Bỉ vương tử giả, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)多種因者，一、法華經，大通智勝如來時，十六王子，出家淨修梵行，求無上菩提，佛滅度後，常樂說是妙法華經，後悉成佛，第九王子於西方成佛，彼王子者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: "Có nhiều nhân": Một là như trong kinh Pháp Hoa, vào thời Đại Thông Trí Thắng Như Lai, mười sáu vương tử xuất gia tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi đức Phật đã diệt độ, họ thường thích nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, về sau, đều thành Phật. Vương tử thứ chín thành Phật ở phương Tây, vương tử ấy nay là A Di Đà Phật).*

Đây là chuyện trong kiếp xa xưa của đức Phật được nói trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là một trong mười sáu vương tử. Vào thời Đại Thông Trí Thắng Như Lai (Mahābhijñā Jñānābhibhū), Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật là anh em. Mười sáu người anh em các Ngài thảy đều xuất gia, sau này đều thành Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật trong hiện tại chính là vị vương tử thứ chín thuở ấy. Đây là nói đến nhân địa xưa kia, rất lâu xa, chẳng phải là chuyện trong khoảng mười kiếp, mà là chuyện từ nhiều kiếp lâu xa về trước!

(Sao) Nhị, Bi Hoa kinh vân: "Vô lượng kiếp tiền, hữu Chuyển Luân Vương, danh Vô Tránh Niệm, cúng dường Bảo Tạng Như Lai. Thời vương phát nguyện, nguyện thành Phật thời, quốc trung chủng chủng thanh tịnh trang nghiêm. Phật dữ thọ ký, quá Hằng hà sa kiếp, Tây Phương thế giới tác Phật, quốc danh An Lạc. Bỉ quốc vương giả, kim A Di Đà Phật thị".

(鈔)二、悲華經云：無量劫前，有轉輪王，名無諍念，供養寶藏如來。時王發願，願成佛時，國中種種清淨莊嚴，佛與授記，過恆河沙劫，西方世界作佛，國名安樂，彼國王者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Hai là kinh Bi Hoa chép: Vô lượng kiếp trước, có Chuyển Luân Vương tên là Vô Tránh Niệm, cúng dường Bảo Tạng Như Lai. Khi ấy, nhà vua phát nguyện, nguyện khi thành Phật, trong nước các thứ thanh tịnh trang nghiêm, Phật bèn thọ ký cho vua: Sau Hằng hà sa kiếp, sẽ làm Phật trong thế giới Tây Phương, cõi nước tên An Lạc. Quốc vương ấy chính là A Di Đà Phật hiện thời).*

Kinh Bi Hoa nói nhân địa của Phật Di Đà vượt quá Hằng hà sa số đại kiếp, đúng là vô lượng kiếp, đâu phải chỉ là mười kiếp! Kinh Vô Lượng Thọ nói "mười kiếp"; do vậy có thể biết, A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương là thị hiện, được gọi là *"nhất kỳ thị hiện"* (thị hiện trong một giai đoạn), giống như mở trường học, là một khóa học mà thôi. Trước khóa ấy, còn có rất nhiều khóa khác. Đây là nói rõ: Đức Phật đã thành Phật từ nhiều kiếp xa xôi trước.

(Sao) Tam, Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì Kinh vân: Vô Cấu Diễm Xưng Khởi Vương Như Lai thời, hữu Tịnh Mạng tỳ-kheo, tổng trì chư kinh thập tứ ức bộ, tùy chúng sanh nguyện nhạo, quảng vị thuyết pháp. Bỉ tỳ-kheo giả, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)三、大乘方等總持經云：無垢燄稱起王如來時，有淨命比丘，總持諸經十四億部，隨眾生願樂，廣為說法，彼比丘者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Ba là Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì Kinh[40] nói: Thời Vô*

[40] Kinh Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì do ngài Tam Tạng Tỳ Ni Đa Lưu Chi dịch vào đời Tùy, gồm một quyển.

Cấu Diễm Xưng Khởi Vương Như Lai, có tỳ-kheo Tịnh Mạng tổng trì các kinh số đến mười bốn ức bộ, tùy theo lòng ưa muốn của chúng sanh mà rộng vì họ thuyết pháp. Vị tỳ-kheo ấy nay là A Di Đà Phật).

Bộ kinh này tuy chẳng nói rõ thời kiếp, chẳng nói thời gian dài hay ngắn, nhưng từ chuyện Ngài tổng trì các kinh mười bốn ức bộ, [ta biết ngay] đấy chẳng phải là thời kiếp thông thường. Nay kinh luận do Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại, dịch sang tiếng Hán bất quá là hơn ba ngàn bộ! Mười bốn ức bộ, dẫu theo cách tính của Ấn Độ coi "mười vạn là một ức", thì cũng là một trăm bốn mươi vạn bộ! Đấy là chúng ta nói tối thiểu, tính theo cách tối thiểu, tuyệt đối chẳng phải là người bình phàm có thể thọ trì. Nếu chẳng có thọ mạng rất dài, làm sao có thể thọ trì kinh điển nhiều ngần ấy? Lại còn rộng vì chúng sanh tuyên thuyết, cho nên nhất định là sự tu học nơi nhân địa từ nhiều kiếp lâu xa trước.

(Sao) Tứ, Hiền Kiếp kinh vân: Vân Lôi Hống Như Lai thời, hữu vương tử danh Tịnh Phước Báo Chúng Âm, cúng dường bỉ Phật. Bỉ vương tử giả, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)四、賢劫經云：雲雷吼如來時，有王子名淨福報眾音，供養彼佛，彼王子者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Bốn là kinh Hiền Kiếp nói: Vào thời Vân Lôi Hống Như Lai, có một vương tử tên là Tịnh Phước Báo Chúng Âm cúng dường đức Phật ấy. Vị vương tử ấy nay là A Di Đà Phật).*

Kinh Hiền Kiếp do đức Phật nói. Xét theo kinh văn, trong vô lượng kiếp quá khứ, Phật Di Đà đã phước huệ song tu, nên lần này Ngài gặp Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, tu thành Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ dùng thời gian năm kiếp, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng! Đức Phật thuyết pháp cho Ngài ngàn ức năm, ngàn ức năm cũng chẳng coi như rất dài; vì khi ấy, đức Phật trụ thế bốn mươi hai kiếp, trong năm kiếp Ngài (Phật Di Đà) đã tạo thành thế giới Cực Lạc. [Thoạt nhìn sẽ thấy sao mà] thực hiện dễ dàng quá! Chẳng biết Ngài đã tích lũy công đức từ vô lượng kiếp trước, đã sớm thành Phật.

Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật kiến lập Phật pháp trong thế gian này là lần thứ tám ngàn. Thoạt nhìn, Ngài kiến lập rất dễ dàng, từ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, chẳng bao lâu sau đã có một tăng đoàn khổng lồ!

(Sao) Ngũ, bỉ kinh hựu vân: Kim Long Quyết Quang Phật thời, hữu pháp sư danh Vô Hạn Lượng Bảo Âm Hạnh, lực hoằng kinh pháp. Bỉ pháp sư giả, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)五、彼經又云：金龍決光佛時，有法師名無限量寶音行，力弘經法。彼法師者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Năm, kinh ấy lại nói: Vào thời Kim Long Quyết Quang Phật, có pháp sư tên Vô Hạn Lượng Bảo Âm Hạnh, tận lực hoằng dương kinh pháp. Vị pháp sư ấy nay là A Di Đà Phật).*

Trong nhân địa (khi tu nhân), thân phận nào A Di Đà Phật cũng đều từng trải qua.

(Sao) Lục, Quán Phật Tam Muội đệ cửu kinh vân.

(鈔)六、觀佛三昧第九經云。

*(**Sao**: Sáu là quyển chín kinh Quán Phật Tam Muội[41] có nói).*

Kinh Quán Phật Tam Muội, quyển thứ chín.

(Sao) Không Vương Phật thời, hữu tứ tỳ-kheo, phiền não phú tâm, không trung giáo linh quán Phật, toại đắc Niệm Phật tam-muội, bỉ đệ tam tỳ-kheo, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)空王佛時，有四比丘，煩惱覆心，空中教令觀佛，遂得念佛三昧，彼第三比丘，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Vào thời Không Vương Phật có bốn vị tỳ-kheo, phiền não*

---

[41] Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, do ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch vào thời Đông Tấn. Kinh dạy về cách quán tướng hảo của đức Phật và công đức do sự quán tưởng. Ngoài quán tưởng các tướng hảo nơi Báo Thân, kinh còn dạy cách quán Pháp Thân và phép quán Thật Tướng, cũng như các mẫu chuyện trong đời đức Phật như chuyện bà lão thành Đông tuy ở ngay cạnh Kỳ Viên vẫn không chịu thấy Phật, hoặc các phương tiện độ sanh thiện xảo của đức Phật, như để độ một cô gái xinh đẹp, có tâm tham đắm vẻ đẹp của người nam rất nặng, đức Phật liền dùng thần thông biến hóa ra một hóa nhân đẹp đẽ tuyệt luân đến xin cưới cô ta, và khiến cho cô ta từ thỏa thích dục vọng đâm ra chán ngán, kinh sợ. Đã thế, chàng thanh niên ấy không được thỏa dục bèn tự sát, nhưng vẫn ôm chặt lấy cô ta không chịu rời, khiến cô phải đeo cái xác thối chương phình suốt mấy ngày, nên hiểu rõ thế gian hư huyễn, sắc tướng vô thường, thiện căn trong đời quá khứ do đó phát khởi bèn dốc sức tu tập, trừ sạch tham dục…

che lấp tâm, [nghe] trong hư không [có tiếng] truyền dạy hãy nên quán Phật, bèn đắc Niệm Phật tam-muội. Vị tỳ-kheo thứ ba khi ấy nay là A Di Đà Phật).

Sau khi chúng ta đọc đoạn kinh văn này, có thể đạt được đôi chút lợi ích chân thật. Vì sao? Phiền não che lấp tâm, đây là trạng huống của chúng ta trong hiện thời. Nay trong tâm chúng ta toàn là phiền não. Ngoài phiền não ra, chẳng có thứ gì khác, học đầy ắp một bụng Phật pháp vẫn là phiền não! Trong kinh thường có tỷ dụ, [dùng] các đồ đựng [để tỷ dụ]: Như cái chén trà này, trước kia đã từng đựng thuốc độc; nay đã đổ hết thuốc độc đi, nhưng vẫn chưa rửa sạch sẽ. Lại đổ đề-hồ vào, đề-hồ cũng biến thành thuốc độc! Huống chi chúng ta vẫn chưa trừ hết phiền não, phiền não đầy dẫy, lại bỏ thêm đề-hồ Phật pháp vào, toàn thể đề-hồ đều biến thành thuốc độc! Do phiền não che lấp tâm đó mà!

Vì lẽ này, chư Phật, Bồ Tát truyền pháp, nhất định phải tìm người như thế nào? Tìm pháp khí, thật sự là pháp khí. Pháp khí là gì? Cái chén này sạch sẽ, tuy trước kia từng đựng thuốc độc, nhưng đã rửa sạch sẽ, một tí cặn cũng chẳng sót lại. Như vậy thì mới được, đấy mới là pháp khí, đựng đề-hồ sẽ không bị biến chất! Còn có một chút phiền não chưa đoạn, sẽ bị biến chất. Chư vị hãy nghĩ xem, đoạn phiền não quan trọng như thế đó! Phiền não chẳng đoạn, không thể nào đạt được thành tựu. Chúng ta ngàn muôn phần phải ghi nhớ điều này, tuyệt đối chẳng thể đùa bỡn. Vì sao? Có mối quan hệ chặt chẽ với sự vãng sanh Tịnh Độ trong tương lai của chúng ta. Tâm thanh tịnh thì mới có thể sanh về Tịnh Độ, đới nghiệp chỉ là mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới.

Nghiệp cũ và nghiệp mới tính từ ngày nào? Tôi nói cho quý vị biết, quý vị có thể rất yên lòng: Tính từ ngày quý vị vãng sanh. Khi vãng sanh mà nghiệp còn hiện tiền, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì sao biết là tính từ lúc vãng sanh? Kinh có nói: Khi lâm chung, [kẻ trót tạo tội] Ngũ Nghịch, Thập Ác gặp thiện tri thức, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Có thể thấy là nghiệp cũ và nghiệp mới được tính từ lúc vãng sanh. Nhưng quý vị phải hiểu, tuy tính từ lúc ấy, chúng ta phải chuẩn bị từ hiện thời. Hiện thời không chuẩn bị, đến khi vãng sanh, đối với một niệm lúc lâm chung, quý vị có thể bảo đảm khi đó sẽ có thể chế phục cựu nghiệp, khiến cho nó chẳng dấy lên hiện hành hay chăng? Quý vị chẳng nắm chắc! Chẳng nắm chắc, nói cách khác, sanh tử chẳng nắm chắc, sẽ chẳng đảm bảo vãng sanh! Vì thế từ ngay trong hiện thời phải nghiêm túc nỗ lực, phải thấy thấu suốt, phải buông xuống.

Đương nhiên chuyện này cũng cần phải có phương pháp. Kinh dạy chúng ta phương pháp rất hay. *"Không trung giáo lệnh"* (Tiếng truyền dạy trong hư không), *"không trung"* [là tiếng truyền dạy] của Không Vương Phật (Dharmagahanābhyudgata-rāja), dạy họ hãy dùng phương pháp Quán Phật. Quán Phật là niệm Phật, *"toại đắc Niệm Phật tam-muội"* (bèn đắc Niệm Phật tam-muội), thành tựu Niệm Phật tam-muội. Phương pháp này thật sự hay lắm! A Di Đà Phật dùng phương pháp gì để thành Phật? Ngài cũng do niệm Phật mà thành Phật. Chúng ta hãy nên biết chân tướng sự thật này. Từ nay trở đi, tâm chúng ta trong mỗi niệm đều niệm Phật, trong mỗi niệm đều tưởng Phật, hết thảy những thứ khác đều chẳng nghĩ tới, chẳng vương vấn. Mọi người chớ nghĩ: Nếu như vậy thì có phải là chúng ta quá lạnh nhạt đối với người nhà quyến thuộc hay không? Nếu quý vị chẳng lạnh nhạt mà rất nhiệt tình, hễ nhiệt tình sẽ phải luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo thì kết quả, nói thật ra, bất quá cũng là ngắn ngủi, tạm bợ mấy chục mùa nóng lạnh, sau khi đã chết, ai nấy đều bươn bả theo tương lai riêng, muốn gặp lại khó lắm, rất ư là khó! Phải thật sự hiểu rõ điều này!

Nếu có thể thật sự buông xuống, niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình niệm Phật sanh về Tịnh Độ, đối với người nhà quyến thuộc đều có thể khuyên họ vãng sanh Tịnh Độ. Do thọ mạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới dài lâu, như vậy thì mới có thể thật sự ở cùng một chỗ. Vì thế, người niệm Phật thoạt nhìn dường như rất lạnh nhạt, tiêu cực, thật ra là hành vi tích cực nhất, chẳng có gì tích cực hơn! Người thế gian nhìn bề ngoài là tích cực, nói thật ra, thật sự là tiêu cực, thật sự xem nhẹ hiện thực! Vì thế, ngàn muôn phần đừng coi rẻ pháp môn Niệm Phật này! Những lo nghĩ, vướng mắc thảy đều phải buông xuống, biến đổi tất cả phiền não trong tâm thành A Di Đà Phật thì sẽ thành công.

(Sao) Thất, Như Huyễn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn Kinh vân: Sư Tử Du Hý Kim Quang Như Lai thời, hữu quốc vương danh Thắng Oai, tôn trọng cúng dường bỉ Phật, tu Thiền Định hạnh, bỉ quốc vương giả, kim A Di Đà Phật thị.

(鈔)七、如幻三摩地無量印法門經云：獅子遊戲金光如來時，有國王名勝威，尊重供養彼佛，修禪定行，彼國王者，今阿彌陀佛是。

*(**Sao**: Bảy là kinh Như Huyễn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp*

Môn[42] nói: Vào thời Sư Tử Du Hý Kim Quang Như Lai, có quốc vương tên Thắng Oai tôn trọng cúng dường đức Phật ấy, tu Thiền Định hạnh. Vị quốc vương ấy nay là A Di Đà Phật).

Từ chỗ này chúng ta cũng biết, khi tu nhân, Phật Di Đà không chỉ tu pháp môn Niệm Phật, mà là trong đời quá khứ, pháp môn gì Ngài cũng đều đã tu. Trong thời kỳ này, Ngài tu Thiền Định, đúng là *"vô lượng pháp môn thệ nguyện học"*, Ngài thảy đều đã tham học. Chỉ có như thế thì ngày nay Ngài dạy chúng ta pháp môn Niệm Phật, chúng ta mới có thể tin tưởng! A Di Đà Phật không chỉ biết một pháp môn này, mà pháp môn nào Ngài cũng đều biết, pháp môn nào Ngài cũng đều đã từng học. So trong hết thảy các pháp môn, pháp môn này thù thắng, rốt ráo, thuận tiện bậc nhất, đáng gọi là "đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng". Trong hết thảy các pháp môn, không có pháp nào vượt hơn pháp môn này! Trong vô lượng kiếp, [pháp môn nào] Ngài cũng đều đã từng tu, điều này đáng để cho chúng ta nghiêm túc phản tỉnh.

(Sao) Bát, Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát Kinh vân: A Di Đà Phật, tích vi Thái Tử, văn thử vi diệu pháp môn, phụng trì tinh tấn, thất thiên tuế trung, hiếp bất chí tịch.

(鈔)八、一向出生菩薩經云：阿彌陀佛，昔為太子，聞此微妙法門，奉持精進，七千歲中，脅不至席。

*(**Sao**: Tám là kinh Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát[43]: A Di Đà Phật xưa kia làm Thái Tử, nghe pháp môn vi diệu này, phụng trì tinh tấn, trong bảy ngàn năm, chẳng ngả lưng xuống chiếu).*

---

[42] Kinh này được ngài Thi Hộ dịch vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980) đời Tống. Trước đó, kinh này đã được dịch ba lần: Bản đầu tiên có tựa đề là Quang Thế Âm Đại Thế Chí Thọ Quyết Kinh (chữ Quang ở đây là ánh sáng) do ngài Trúc Pháp Hộ dịch trong khoảng niên hiệu Thái Thỉ nhà Tây Tấn. Bản thứ hai là Quán Thế Âm Thọ Ký Kinh do ngài Nhiếp Đạo Chân dịch trong khoảng niên hiệu Thái Khang - Vĩnh Gia nhà Tây Tấn. Hai bản dịch này hiện thời bị tàn khuyết, chỉ dùng để tham khảo. Bản thứ ba do ngài Đàm Vô Kiệt dịch năm Nguyên Gia thứ ba (426) đời Lưu Tống, có tựa đề là Quán Thế Âm Bồ Tát Đắc Đại Thế Bồ Tát Thọ Ký Kinh, thường gọi tắt là Quán Thế Âm Thọ Ký Kinh. Bản này khá đầy đủ và thông dụng hơn bản dịch của ngài Thi Hộ. Kinh nói về nhân địa của A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát.

[43] Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát Kinh (Anantamukhasā-dhakadhāraṇī-sutra) do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, gồm một quyển. Trong kinh này, đức Phật đã dạy

"Pháp môn vi diệu" là nói về bộ kinh điển Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát. Ngài tu học [bộ kinh ấy] trong thời hạn bảy ngàn năm; do vậy có thể biết: Thọ mạng thuở ấy cũng là dùng kiếp số để luận. *"Hiếp bất chí tịch"* (Hông chẳng chạm chiếu) là không nằm xuống giường, ngồi suốt, chẳng nằm! Không nằm xuống chẳng phải là ngồi ngủ, ngồi ngủ thì chẳng thà nằm xuống ngủ, thoải mái hơn! Có rất nhiều người học đòi hạnh "không nằm xuống đơn" (giường của tăng sĩ), sai lầm mất rồi, họ học cách ngủ ngồi! Người ta không nằm xuống ngủ để tu Thiền Định. Trong Định, ý thức sáng suốt, còn ngủ nghê là hôn trầm. Hôn trầm chẳng phải là Định! Chúng ta thường thấy có kẻ ngồi đó ngủ khì, lại còn ngáy ầm ầm, chứng tỏ kẻ ấy tuyệt đối chẳng phải là đang nhập Định, mà đang học ngủ ngồi! Ngồi lâu, ngồi ngủ tại đó thì đương nhiên tinh thần chẳng thể phấn chấn được, đầu cũng ngoẹo đi, đầu và chân [gần như] chạm nhau, lưng cũng khòm xuống. Quý vị thấy tượng Phật tĩnh tọa, ngực vị nào cũng vươn thẳng, tinh thần luôn luôn sung mãn, chẳng có vị nào ngoẹo đầu, khòm lưng!

Lão hòa thượng Hư Vân là người thật sự có công phu hiếm có trong Thiền Tông cận đại, Ngài chưa hề khòm lưng, nghiêng hông, bất luận đứng hay ngồi, ngực luôn vươn thẳng. Chúng ta đọc Niên Phổ thấy chép: Có lúc Ngài tĩnh tọa mấy chục ngày, tuyệt đối chẳng phải là đang ngủ, mà là thật sự nhập Định. Sau khi xuất Định, Ngài thường kể cùng mọi người cảnh giới trong Định. Có một dịp Tết, Ngài nhập Định hơn nửa tháng, lên trời Đâu Suất nghe Di Lặc Bồ Tát giảng kinh, nghe hết một hội mới xuất Định. Trước khi nhập Định, Ngài nấu một nồi khoai; sau khi xuất Định tìm khoai để ăn thì kết quả là [khoai] trong nồi đều nổi mốc hết! Chính Ngài cảm thấy thời gian [nhập Định] khoảng chừng hai mươi phút, đâu biết là trong thế gian này đã hơn nửa tháng [trôi qua]!

(Sao) Bất niệm ái dục tài bảo, bất vấn tha sự, thường độc xử chỉ, ý bất khuynh động.

(鈔)不念愛欲財寶，不問他事，常獨處止，意不傾動。

*(**Sao**: Chẳng nghĩ tới ái dục, của cải, không hỏi đến chuyện khác, thường ở riêng một chỗ, ý chẳng khuynh động).*

---

ngài Xá Lợi Phất Vô Biên Môn Đà La Ni. Kinh này còn có một bản dịch khác mang tựa đề A Nan Đà Mục Khư Ni Ha Ly Đà Kinh do ngài Cầu Na Bạt Đà La dịch vào thời Lưu Tống.

Thưa cùng chư vị, bốn câu này chính là đại định chân chánh. Câu *"hiếp bất chí tịch"* (hông chẳng chạm chiếu) trong đoạn trước là nhập Định hình thức, bốn câu sau này chính là đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong Định. Đó gọi là *"Na Già thường tại Định, chẳng lúc nào không Định"*, Định là tâm bất động! Kinh Kim Cang dạy: *"Bất thủ ư tướng, như như bất động"* (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), *"bất thủ tướng"* là chẳng chấp tướng. *"Bất niệm ái dục, tài bảo, bất vấn tha sự"* (Chẳng nghĩ tới ái dục, của cải, chẳng hỏi đến chuyện khác) chính là không chấp tướng. *"Thường độc xử chỉ, ý bất khuynh động"* (Thường ở riêng một chỗ, ý chẳng khuynh động) là như như bất động. Đây là nói tâm bất động, chẳng phải là nói thân bất động. Vì sao? Đoạn kế tiếp nói:

(Sao) Phục giáo hóa bát thiên ức vạn na-do-tha nhân, đắc bất thoái chuyển.

(鈔)復教化八千億萬那由他人，得不退轉。

*(**Sao**: Lại còn giáo hóa tám ngàn ức vạn na-do-tha người đắc bất thoái chuyển).*

Ngài giáo hóa chúng sanh, giáo hóa chúng sanh là động. Tuy hằng ngày giáo hóa chúng sanh, tuy cùng đại chúng ở chung một chỗ, nhưng Ngài chẳng chấp tướng, chẳng động tâm, thời thời khắc khắc đều ở trong Định, chúng ta phải nên học điều này. Bồ Tát chẳng giống phàm phu ở chỗ này. Sáu căn của phàm phu tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, chấp tướng, tham đắm sắc tướng, khởi lên những ý niệm tham, sân, si, mạn. Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, khác nhau ở ngay chỗ này. Nếu chúng ta muốn siêu phàm nhập thánh, phải học ở chỗ này.

Hiện thời, trong Phật môn, thực hiện sự nghiệp từ thiện là chuyện rất phổ biến. Đấy là chuyện tốt, nhưng đó là pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là tu tâm thanh tịnh, liễu sanh tử, thoát tam giới. Nếu làm sự nghiệp từ thiện thế gian, tâm địa thanh tịnh, ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm thì được! Đó là hành Bồ Tát đạo. Nếu làm những chuyện ấy mà chúng ta khởi tâm động niệm, khởi tham, sân, si, mạn, chớ nên làm những chuyện ấy! Hễ làm thì sẽ như thế nào? Chính mình đọa lạc luân hồi, những gì đã tu đều là phước báo hữu lậu. Đối với phước báo hữu lậu ấy, tôi trọn chẳng thêm vào hai chữ *"nhân thiên"*. Vì sao? Chưa chắc đã hưởng trong nhân thiên! Chuyện này rất

đáng sợ, chúng ta hãy nên cảnh giác.

Không thoát khỏi tam giới, không thể vãng sanh, nói thật thà, đáng ngại lắm! Vấn đề này rất nghiêm trọng. Trong một đời này, hễ gặp gỡ Phật pháp thì quyết định phải vãng sanh, quyết định phải thấy Phật. Chúng ta chỉ có một mục tiêu này, chỉ có một phương hướng này, chỉ có một mong cầu này, những thứ khác thảy đều chẳng có. Do đó, chúng ta làm việc là hoằng pháp lợi sanh, vẫn chẳng phải là sự nghiệp từ thiện thông thường, cũng phải tùy duyên, chớ nên phan duyên. Hơi phan duyên đôi chút, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Đánh mất tâm thanh tịnh thì tệ lắm! Dẫu hoằng pháp lợi sanh, vẫn là thiện pháp hữu lậu, cũng là phước báo hữu lậu trong thế gian. Nhất định phải nhận thức rõ ràng điểm này!

Nhận thức rõ ràng là *"giác chứ không mê"*, tuyệt đối chẳng mê nơi sự tướng. Nhất tâm nhất ý niệm câu A Di Đà Phật, trong mười hai thời chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, đó là *"chánh chứ không tà"*. Trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn bèn chẳng có phiền não, đó là *"tịnh chứ chẳng nhiễm"*. Chúng ta tu gì? Chúng ta dùng câu A Di Đà Phật, dùng bộ kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà để tu giác, chánh, tịnh. Giác, chánh, tịnh viên mãn bèn thành Phật. Chẳng viên mãn bèn là Bồ Tát, thật sự phát Bồ Đề tâm tu Bồ Tát đạo.

(Sao) Bỉ Thái Tử giả, kim A Di Đà Phật thị. Dĩ thượng lược cử sổ đoan, nhược kỳ đa kiếp đa nhân, diệc ưng vô lượng.

(鈔)彼太子者，今阿彌陀佛是。以上略舉數端，若其多劫多因，亦應無量。

*(**Sao**: Vị Thái Tử ấy nay là A Di Đà Phật. Trên đây đã nêu đại lược vài chi tiết. Nếu [A Di Đà Phật] đã là nhiều lượt tu nhân trong nhiều kiếp thì cũng phải là vô lượng).*

Nếu nói rộng ra, sẽ nói chẳng tận! Đây là nói đại lược nhân địa của A Di Đà Phật nhằm chứng tỏ từ nhiều kiếp lâu xa trước, Ngài đã sớm thành Phật. Lần này, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là một kỳ ứng hiện. Tuy ứng hiện, cũng thật sự là chẳng thể nghĩ bàn, thọ mạng chẳng thể nghĩ bàn, thế giới chẳng thể nghĩ bàn, trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, người vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn, đại chúng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn! Thế giới ấy thù thắng hơn hết thảy một thời kỳ thị hiện của hết thảy chư Phật Như Lai quá nhiều!

(Diễn) Đa chủng nhân giả, nhất nhạo thuyết, nhị phát nguyện, tam tổng trì, tứ cúng dường, ngũ hoằng kinh, lục niệm Phật, thất tu Thiền, bát hành độ.

(演)多種因者，一樂說，二發願，三總持，四供養，五弘經，六念佛，七修禪，八行度。

*(**Diễn**: "Nhiều thứ nhân": Một là thích nói, hai là phát nguyện, ba là tổng trì, bốn là cúng dường, năm là hoằng kinh, sáu là niệm Phật, bảy là tu Thiền, tám là hành Lục Độ).*

Đương nhiên tám loại này là nêu đại lược, chúng ta cũng phải nên học tập những điều này. Học tập, phải đừng chấp tướng, đừng kể công: *"Ta làm bao nhiêu chuyện tốt, ta làm bao nhiêu công đức"*, [nếu kể công] tâm địa sẽ chẳng thanh tịnh, [những công đức đã làm đều] biến thành phước báo hữu lậu. Quý vị tu tập tích lũy hết thảy thiện pháp, tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm trước, đó là công đức vô lậu. Ghi công, ta làm bao nhiêu chuyện tốt, bao nhiêu việc thiện, niệm niệm chẳng quên, đấy là hữu lậu, bèn biến thành phước báo thế gian. Làm giống hệt như vậy, nhưng tâm khác hẳn, kết quả sẽ khác hẳn. Quả báo của tịnh nghiệp là ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nghiệp chẳng tịnh, sẽ luân hồi ngay trong lục đạo của thế giới Sa Bà, quả báo chênh lệch quá lớn! Sai sót hào ly, lạc đi ngàn dặm!

Thứ nhất là Nhạo Thuyết. Chữ Nhạo (樂) đọc giọng Khứ Thanh, nên hiểu như động từ, nghĩa là yêu chuộng, ưa thích, thích nói. Thích nói gì vậy? Chẳng phải là bảo quý vị lắm mồm, ham nói, [nếu hiểu "nhạo thuyết" là lắm mồm, ham nói] thì sai mất rồi! Thích nói ở đây là dùng pháp môn A Di Đà Phật để khuyên bảo, hướng dẫn kẻ khác, cũng tức là khuyên người khác niệm Phật, thích nói cho người khác nghe, nói bộ kinh này, nói công đức của danh hiệu Di Đà, nói y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ưa thích nói những chuyện này.

Thứ hai là Phát Nguyện. Nguyện này chẳng phải là nguyện nào khác, chỉ có một nguyện: Nguyện sanh Tịnh Độ. Thông thường, Đại Thừa Phật pháp hễ nói tới phát nguyện đều nêu lên Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện thảy đều bao gồm trong *"nguyện sanh Tịnh Độ"* của Tịnh Tông. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là nguyện chung của mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là biệt nguyện. Biệt nguyện chẳng ra ngoài bốn loại

lớn ấy, nên Tứ Hoằng Thệ Nguyện thảy đều được bao gồm. Một niệm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của chúng ta là để độ chúng sanh. Bởi lẽ, chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta chẳng có năng lực độ chúng sanh, nên điều thứ nhất [trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện] đã được bao gồm. Nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, phiền não trong tâm đều biến thành A Di Đà Phật, phiền não liền đoạn. *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, dùng phương pháp gì để đoạn? Một câu A Di Đà Phật. Hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong tâm quý vị thảy đều dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế, thay đổi chúng, phiền não chẳng còn nữa, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn!

Đại Thế Chí Bồ Tát bảo chúng ta, Ngài và những người cùng chí hướng, *"ngũ thập nhị đồng luân"*, *"đồng luân"* (同倫) là cùng chí hướng. *"Năm mươi hai"* là kể từ địa vị Sơ Tín cho đến thành Phật, [tức là] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm mươi hai [cấp bậc] cùng chí hướng. Cùng chí hướng gì vậy? Thảy đều niệm A Di Đà Phật. Từ sơ phát tâm mãi cho đến thành Phật, chẳng dùng phương pháp thứ hai, mà dùng một câu A Di Đà Phật, nêu rõ: Dùng câu A Di Đà Phật để đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, đoạn Vô Minh phiền não, ngay cả đối với một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng vẫn dùng câu Phật hiệu này để đoạn, chẳng dùng phương pháp khác. Vì thế, những người thuộc nhóm của Đại Thế Chí Bồ Tát là loại người *"một bộ kinh, một câu danh hiệu"*. Trong Tịnh Tu Tiệp Yếu, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói Tịnh Tông Sơ Tổ là Đại Thế Chí Bồ Tát, nói chẳng sai tí nào, Ngài mới thật sự là Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông. Một bộ kinh, một câu danh hiệu, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, chẳng dùng phương pháp thứ hai, đúng là *"chẳng nhờ vào phương tiện, mà tự được tâm khai"*, chẳng cần dùng tới phương pháp thứ hai! Do đó, Đại Thế Chí Bồ Tát mới là thật thà niệm Phật đúng tiêu chuẩn. Lũ bình phàm chúng ta chẳng thật thà, vì sao? Vẫn muốn đọc kinh này, xem luận nọ, đấy là chẳng thật thà! Nhóm người Đại Thế Chí Bồ Tát, những người cùng chí hướng ấy mới thật sự là thật thà niệm Phật. Đó là đoạn hết phiền não.

Niệm một câu A Di Đà Phật đến mức tâm khai ý giải. Đại Thế Chí Viên Thông Chương có nói *"tự đắc tâm khai"*. Hễ tâm khai thì vô lượng pháp môn thành tựu. *"Vô lượng pháp môn thệ nguyện học"*, chẳng học mà thành tựu, đều thông suốt, vì sao? Đã kiến tánh, nên vô lượng pháp môn thảy đều thông đạt, Sơ Trụ Bồ Tát bèn thông đạt. Sơ Trụ Bồ Tát

phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chính là Phần Chứng Tức Phật trong Lục Tức Phật của tông Thiên Thai. Vị ấy là Phật thật sự, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, trong Tịnh Độ Tông là Lý nhất tâm bất loạn. Chỉ cần niệm Phật niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, đối với hết thảy các pháp môn, chẳng có một pháp môn nào không thông đạt. Một câu A Di Đà Phật, *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* ở ngay trong một câu A Di Đà Phật. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Vì vậy, chỉ phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tứ Hoằng Thệ Nguyện bèn viên mãn, bèn trọn đủ. Phát nguyện [là như vậy đấy]!

Thứ ba là Tổng Trì. Tổng Trì có nghĩa là *"tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa"* (bao gồm hết thảy các pháp, nắm giữ hết thảy các nghĩa). Nói theo cách hiện thời, sẽ là "nắm vững cương lãnh". Chỉ cần nắm được cương lãnh, quý vị sẽ đạt được hết thảy. Chúng ta biết: Không riêng gì hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, mà hết thảy kinh do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, cương lãnh là gì? Chính là kinh này! Hai bản kinh Đại Bổn và Tiểu Bổn, Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ, Tiểu Bổn là kinh A Di Đà. Đại Bổn và Tiểu Bổn là tổng cương lãnh của hết thảy các pháp môn do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói. Đến tuổi xế bóng, Liên Trì đại sư triệt để giác ngộ, đã nói: *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho kẻ khác ngộ"*, chẳng cần nữa! Nếu chẳng triệt để giác ngộ, Ngài chẳng nắm được cương lãnh này. Nắm được cương lãnh này, chẳng cần đến những thứ khác, những thứ khác do kẻ khác ngộ, là chuyện của họ. Họ học bộ kinh nào, bộ luận nào đó, chúng ta trông thấy đều chắp tay, hết sức hoan hỷ, hết sức cung kính. Chúng ta tán thán, lễ kính họ, nhưng vẫn niệm kinh Di Đà của chính mình, niệm A Di Đà Phật của chính mình. Bởi lẽ, một câu A Di Đà Phật là cương lãnh của các cương lãnh, là pháp môn đại tổng trì.

Thứ tư là Cúng Dường. Chúng ta cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường hết thảy chúng sanh, dùng gì để cúng dường? Tôi thưa cùng chư vị đồng tu, cúng dường vô thượng, cúng dường bậc nhất là một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Chúng ta dùng một câu Phật hiệu này để cúng dường hết thảy chư Phật Như Lai, dùng một câu Phật hiệu này để cúng dường hết thảy Pháp Bảo, dùng một câu Phật hiệu này để cúng dường Tăng Bảo, dùng một câu Phật hiệu này để cúng dường chúng sanh trong chín pháp giới. Đây là cúng dường bậc nhất,

cúng dường vô thượng. Chúng sanh trong chín pháp giới *"một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo"*. Trong tương lai, gặp duyên, [hạt giống ấy] bèn chín muồi, họ sẽ có thể niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương. Đó là sự cúng dường tốt nhất, có mấy ai hiểu? Chúng ta vừa thấy "cúng dường" liền nghĩ tới tiền tài; đó là loại cúng dường vặt vãnh, sự cúng dường ấy có lợi ích quá ít ỏi, mỏng manh. Phẩm [Phổ Hiền] Hạnh Nguyện có nói: *"Nhất thiết cúng dường trung, pháp cúng dường tối"* (Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất). Trong hết thảy các pháp cúng dường, một câu Nam-mô A Di Đà Phật là bậc nhất! Hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết tu cúng dường, những gì quý vị tu tập sẽ là cúng dường bậc nhất, là vô thượng cúng dường.

Thứ năm là Hoằng Kinh: Tùy phần, tùy sức giải nói với người khác chính là hoằng kinh. In tặng kinh sách cũng là hoằng kinh. Làm băng ghi hình, đĩa CD/DVD cũng là hoằng kinh. Giới thiệu lợi ích thù thắng do bản thân chúng ta đạt được từ Phật pháp cùng chúng sanh hữu duyên. Được gọi là *"hữu duyên"* tức là sau khi họ tiếp xúc, sẽ có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể tin tưởng, có thể phụng hành. Đó là chúng sanh hữu duyên, chúng ta phải tận tâm tận lực thực hiện [sự nghiệp hoằng kinh]. Trừ những phương pháp này ra, chúng ta đem Đại Tạng Kinh làm thành đĩa DVD/CD, dùng phương thức này để truyền bá thì sẽ tiện lợi hơn, ít tốn công hơn in kinh. Khi cần dùng, cần phải in ra bao nhiêu phần thì máy in sẽ in ra bấy nhiêu phần, thuận tiện lắm!

Sáu là Niệm Phật, bảy là tu Thiền, tám là hành Lục Độ: Ba hạng mục này nói về sự tu trì. Trong tất cả hết thảy các pháp môn tu trì, niệm Phật thù thắng nhất. Niệm vị Phật nào? Trong quá khứ, Văn Thù Bồ Tát dạy thiền sư Pháp Chiếu niệm A Di Đà Phật. A Di Đà Phật đặc biệt có duyên với thế giới Sa Bà, Văn Thù Bồ Tát dạy đấy nhé! Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng dạy chúng ta điều này. Không chỉ là đức Bổn Sư dạy chúng ta, mà trong đoạn sáu phương Phật ở phần sau kinh này, sáu phương chính là mười phương, mười phương tất cả chư Phật chẳng có vị nào không tán thán kinh này. Tán thán là gì? Tán thán là tuyên giảng. Nói cách khác, hết thảy chư Phật chẳng có vị nào không giảng kinh A Di Đà, chẳng có vị nào không khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này nêu rõ: Niệm A Di Đà Phật là lời khuyên chân thật của hết thảy chư Phật đối với chúng ta, có lợi ích tuyệt đối.

Tu Thiền chẳng phải là bảo quý vị hằng ngày xếp bằng tĩnh tọa.

Thiền Định như Lục Tổ đại sư đã giảng trong Đàn Kinh chẳng phải là kiểu Thiền Định tĩnh tọa nhìn vách. Lão nhân gia giảng Thiền Định là *"ngoài chẳng chấp tướng là Thiền, trong chẳng động tâm là Định"*. Ngoài chẳng chấp tướng là *"bất thủ ư tướng"* như kinh Kim Cang đã dạy. Trong chẳng động tâm là *"như như bất động"* như kinh Kim Cang đã nói. Lão nhân gia do kinh Kim Cang mà khai ngộ. Do lẽ đó, chẳng chấp tướng, không động tâm chính là tu Thiền Định.

"Hành độ": Độ (度) là Lục Độ (六度). Lục Độ là cương lãnh trọng yếu trong cuộc sống của chúng ta, là nguyên tắc sống phải tuân thủ. Trong cuộc sống hằng ngày, một người học Phật căn cứ vào đâu? Căn cứ vào Lục Độ. Bố Thí là buông xuống. Trì Giới là vâng giữ quy củ, tuân theo khuôn pháp. Nhẫn Nhục là có tâm nhẫn nại, có tâm thường hằng, có tâm dài lâu. Tinh Tấn là cầu tiến bộ, đổi mới mỗi ngày! Thiền Định là tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Bát Nhã là chánh tri chánh kiến, giác chứ không mê. Sáu cương lãnh tu học của Bồ Tát thảy đều nằm trong cuộc sống, tu hành ngay ở chỗ xử sự, đãi người, tiếp vật, chẳng lìa khỏi thế gian này, chẳng rời khỏi xã hội.

(Diễn) "A Di Đà Phật tích vi Thái Tử" hạ nhất tiết, cụ túc Lục Độ.

(演)阿彌陀佛昔為太子下一節，具足六度。

*(**Diễn**: Từ sau đoạn "A Di Đà Phật xưa kia làm Thái Tử" trở đi là trọn đủ Lục Độ).*

Đoạn này trọn đủ ý nghĩa Lục Độ.

(Diễn) Thất thiên tuế trung, hiếp bất chí tịch, Tinh Tấn Độ.

(演)七千歲中脇不至席，精進度。

*(**Diễn**: Trong bảy ngàn năm, hông chẳng chạm chiếu là Tinh Tấn Độ).*

Vì sao nói Ngài tinh tấn? Người bình phàm đêm ngủ, công phu bị gián đoạn. Chẳng ngủ nghê, công phu của Ngài chẳng gián đoạn, đó là chân tinh tấn. Ngài nhập Định có thể khôi phục tinh thần và thể lực, cảnh giới trong Định rõ rệt, phân minh, quyết định chẳng có hôn trầm.

Hôn trầm là thoái chuyển, gián đoạn. Ngài chẳng bị hôn trầm, thật sự tinh tấn.

(Diễn) Bất niệm ái dục, Giới Độ.
(演)不念愛欲，戒度。
*(**Diễn**: Chẳng nghĩ tới ái dục là Giới Độ).*

Đây là Trì Giới Ba La Mật, là đoạn phiền não.

(Diễn) Bất niệm tài bảo, Thí Độ.
(演)不念財寶，施度。
*(**Diễn**: Chẳng nghĩ tới của cải là Thí Độ).*

Đây là Bố Thí. Ngài thật sự buông tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần xuống, trong tâm chẳng có những thứ ấy, thảy đều buông xuống, thân tâm thanh tịnh. Chúng ta phải học những điều này. Nay chúng ta tuy tu Tịnh Độ, mong tu tâm thanh tịnh, nhưng nói chung, tâm chẳng thanh tịnh, do nguyên nhân nào? Không buông xuống, làm sao có thể thanh tịnh cho được? Những thứ ấy nhiễm ô tâm tánh nghiêm trọng; chẳng thể triệt để trừ bỏ những thứ ấy, khi nào thì tâm mới có thể thanh tịnh? Chẳng thể nào có chuyện đó! Tâm thanh tịnh là Niệm Phật tam-muội. Tam-muội là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, [nghĩa là] một loại hưởng thụ đúng mực, bình thường. Tâm địa thanh tịnh là sự hưởng thụ đúng mực, chánh đáng; chẳng thanh tịnh thì là bất bình thường. Phàm phu bất bình thường, Phật, Bồ Tát mới là bình thường.

(Diễn) Bất vấn tha sự, thường độc xử chỉ, Thiền Độ.
(演)不問他事，常獨處止，禪度。
*(**Diễn**: Chẳng hỏi đến chuyện khác, thường ở riêng một mình, chính là Thiền Độ).*

Chuyện chẳng thuộc về bổn phận của chúng ta, chớ nên bận lòng. Cớ gì rỗi hơi lo chuyện bao đồng? Càng bận tâm lắm chuyện, phiền não càng nhiều, thị phi càng lắm, những thứ ấy đều chướng ngại cái tâm thanh tịnh. Vì thế, trong thiên hạ, người như thế nào là có phước? Người chẳng cần quan tâm chuyện gì hết là người có phước! Thân tâm thanh tịnh, trong tâm vô sự, thân cũng vô sự, đó là đại phước báo bậc nhất! Đích xác là chẳng dễ dàng đạt được. Người thật sự thông minh bèn đối

với cơm áo có thể miễn cưỡng sống qua ngày, chẳng hề lo lắng gì. Người thông minh hãy nên bỏ sạch hết thảy mọi chuyện.

Người Hoa vào thời cổ, như Vương Long Thư có thể sống cho qua ngày, đỗ Tiến Sĩ, nhưng chẳng làm quan, suốt ngày từ sáng đến tối ở trong nhà niệm A Di Đà Phật. Ông ta có phước, đấy mới thật sự là người thông minh. Giống như Bành Tế Thanh, giác ngộ rất nhanh chóng, [giác ngộ khi còn] rất trẻ tuổi, hai mươi mấy tuổi đã giác ngộ. Ông Bành lúc mười mấy tuổi, chưa đến hai mươi tuổi, đã đỗ Tiến Sĩ. Cha ông làm Binh Bộ Thượng Thư thời hoàng đế Càn Long[44], tương đương với Bộ Trưởng Quốc Phòng hiện thời. Ông Bành xuất thân là vương tôn, công tử, mười mấy tuổi đã đỗ Tiến Sĩ, đích xác là hết sức có tài, rất khó có một người như thế. Ông chỉ làm quan một thời gian rất ngắn, sau đó chẳng làm quan nữa. Do hoàn cảnh gia đình khá giả, nên chuyện gì ông ta cũng chẳng làm, mọi chuyện thảy đều buông xuống, cũng là thật thà niệm Phật. Ông viết không ít tác phẩm, thảy đều là trước tác về Phật giáo. Trong các trước tác, trọng yếu nhất là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận và Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, người thông minh lắm!

Bàng cư sĩ (Bàng Long Uẩn) càng thông minh hơn. Ông ta cũng rất giàu có, tài sản trong nhà thảy đều chẳng cần tới! Ông chất hết vàng, bạc, của cải, vật báu trong nhà lên một chiếc thuyền lớn, chèo chiếc thuyền ấy ra giữa dòng Trường Giang, đục lỗ cho thuyền chìm lỉm. Cách làm ấy khiến cho người khác chất vấn, người ta nhất định hỏi ông ta: "Ông Bàng ơi! Tài sản to tát như vậy, ông chẳng cần đến thì hãy đem làm một chút sự nghiệp từ thiện hoặc làm đôi chút chuyện tốt cho xã hội chớ?" Ông ta dẫn dụ kẻ khác hỏi câu ấy để giải đáp: *"Chuyện tốt chẳng bằng vô sự"*. Câu nói ấy trở thành danh ngôn. Vô sự, tâm thanh tịnh. Sau đó, cả nhà ông ta sinh sống bằng cách nào? Bện giày cỏ. Mỗi ngày bện mấy đôi giày cỏ, bán được mấy đồng để sống qua ngày, tự tại, sung sướng! Nói thật ra là do ông ta đã đắc đạo, sanh tử tự tại, nên chẳng quan tâm tới! Lúc ông sắp mất, bảo con gái ra ngoài xem [tiết trời]. Khi đó,

---

[44] Cha ông Bành Tế Thanh là Bành Khải Phong (1701-1784), tự Hàn Văn, hiệu Chi Đình, đỗ Trạng Nguyên năm Ung Chánh thứ năm (1727), giữ chức Hàn Lâm Viện Tu Soạn, rồi giữ chức Hành Tẩu tại Nam Thư Phòng, làm quan đến chức Binh Bộ Thượng Thư. Về sau do tính bộc trực, can vua không kiêng dè, nên nhiều lần bị trách phạt, từng bị giáng chức. Mãi đến năm Càn Long 33 (1768) mới được phục nguyên chức.

chẳng có đồng hồ, nhìn ánh nắng mặt trời bên ngoài để biết là lúc nào. Con gái ông biết ông sắp mất, kết quả là ở bên ngoài, nói dối: "Còn chưa đến lúc". Cha cô ta đành phải đợi một lát nữa, đâu biết cô con gái đã đứng vãng sanh ở ngoài, đã ra đi rồi. Người cha nói: "Ta tưởng ta đi rồi, nó sẽ lo liệu hậu sự cho ta. Kết quả là nó đi trước, ta còn phải lo hậu sự cho nó, bị trễ tràng bảy ngày". Quý vị thấy đó, người nhà ấy ai nấy đều có bản lãnh. Vì sao người ta có bản lãnh ấy? Tâm thanh tịnh, chẳng tham nhiễm, nên người ta đắc đại tự tại, đến đi tự tại.

(Diễn) Ý bất khuynh động, Nhẫn Độ. Phục giáo hóa tha nhân, Trí Độ.

(演)意不傾動，忍度。復教化他人，智度。

*(**Diễn**: Ý chẳng khuynh động là Nhẫn Độ. Lại còn giáo hóa người khác là Trí Độ).*

Ý nghĩa Lục Độ viên mãn.

(Diễn) Như thượng sở dẫn chư nhân, hoặc vi quốc vương, vương tử, hoặc vi Luân Vương, hoặc vi tỳ-kheo, hoặc vi pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi nhân, hoặc phát Tứ Hoằng Thệ, hoặc hành Lục Độ, sở vị căn thâm quả mậu, nguyên viễn lưu trường, đạo bất lãng giai, tùy công thiệp vị nhĩ.

(演)如上所引諸因，或為國王王子，或為輪王、或為比丘，或為法師，或供養佛，或說法利人，或發四宏誓，或行六度，所謂根深果茂，源遠流長，道不浪階，隨功涉位耳。

*(**Diễn**: "Các nhân đã dẫn như trên đây": Hoặc làm quốc vương, vương tử, hoặc làm Luân Vương, hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi người, hoặc phát Tứ Hoằng Thệ, hoặc hành Lục Độ. Đó gọi là "rễ sâu, quả xum xuê, do nguồn xa, dòng chảy sẽ dài", đạo chẳng vượt cấp, tùy theo công hạnh mà đạt quả vị vậy).*

Tán thán Phật Di Đà tu hành nơi nhân địa, thật sự là nhiều kiếp lâu xa lại càng lâu xa hơn, nên nay Ngài mới có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này.

Tập 196

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi tám:

(Diễn) Như thượng sở dẫn chư nhân, hoặc vi quốc vương, vương tử, hoặc vi Luân Vương, hoặc vi tỳ-kheo, hoặc vi pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi nhân, hoặc phát Tứ Hoằng Thệ, hoặc hành Lục Độ, sở vị căn thâm quả mậu, nguyên viễn lưu trường, đạo bất lãng giai, tùy công thiệp vị nhĩ.

(演)如上所引諸因，或為國王王子，或為輪王、或為比丘，或為法師，或供養佛，或說法利人，或發四宏誓，或行六度，所謂根深果茂，源遠流長，道不浪階，隨功涉位耳。

*(**Diễn**: "Các nhân đã dẫn như trên đây": Hoặc làm quốc vương, vương tử, hoặc làm Luân Vương, hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi người, hoặc phát Tứ Hoằng Thệ, hoặc hành Lục Độ. Đó gọi là "rễ sâu, quả xum xuê, do nguồn xa, dòng chảy sẽ dài", đạo chẳng vượt cấp, tùy theo công hạnh mà đạt quả vị vậy).*

Đoạn này vẫn là giải thích chuyện tu hành nơi nhân địa của A Di Đà Phật đã được nhắc đến trong lời Sao. Trong lời Sao đã dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát; ở đây, nêu ra một tổng kết. Lời tổng kết ấy có ý nghĩa hết sức rộng rãi: A Di Đà Phật không chỉ tu hành nhân địa trong một đời, mà Ngài đã đời đời kiếp kiếp tu hành nhân địa. Bồ Tát ứng thế do thuận theo cơ duyên của chúng sanh, như trong phẩm Phổ Môn đã nói: *"Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn thị hiện thân phận như thế ấy"*. Ở đây đã nêu ra [các thân phận] quốc vương, vương tử, Luân Vương, đều là sự thị hiện của Bồ Tát. Do vậy có thể biết, trong quá trình Ngài thị hiện, đời đời kiếp kiếp đều phát Bồ Đề tâm, phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tu Lục Độ, vạn hạnh. Kế đó là lời tổng kết: *"Căn thâm, quả mậu"* (Rễ sâu, quả xum xuê). Những chuyện này chúng ta đều phải làm theo, phải học tập. Người ta đời đời kiếp kiếp tu hành, chẳng phải là thành tựu trong một đời một kiếp, tùy theo công phu mà quả vị tăng tấn, mãi cho đến khi viên mãn thành Phật.

(Diễn) Kim nhân nhất hạnh bất tu, dục hy thắng quả, kỳ do quyền thạch vị biện, dục lũy thất tầng bảo tháp, kỳ khả đắc hồ?

(演)今人一行不修，欲希勝果，其猶拳石未辦，欲累七層寶塔，其可得乎。

*(**Diễn**: Người đời nay chẳng tu một hạnh nào cả, cứ mong muốn quả thù thắng, ví như một hòn đá bé tí còn chưa lo liệu mà đã toan dựng tháp báu bảy tầng, há có được chăng?)*

Nói tới chúng ta trong hiện tại; đây cũng là răn nhắc chúng ta rất sâu! Đương nhiên, trong quá khứ, chúng ta cũng là đời đời kiếp kiếp tu hành cái nhân, nhưng bản thân chúng ta phản tỉnh bèn biết: Đời đời kiếp kiếp tu hành, nay vẫn là phàm phu, vẫn là nghiệp chướng, phiền não trùng trùng, chẳng được giải thoát, tuyệt đối chẳng phải là Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Nếu là Bồ Tát thừa nguyện tái lai, tâm địa sẽ thanh lương tự tại, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, chúng ta chẳng có năng lực ấy. Chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn ở chỗ này. Chúng ta tu hằng ngày, nhưng trọn chẳng có gì là tu tập nghiêm túc, tu tập thật thà. Nếu muốn cầu đạt được quả báo thù thắng, sẽ là chuyện khó khăn. Kế đó là một tỷ dụ: *"Quyền thạch"* (拳石) là hòn đá nhỏ chừng bằng nắm tay. Một hòn đá bé tẹo như vậy mà còn chẳng có, làm sao quý vị có thể dựng tháp báu bảy tầng cho được? Tỷ dụ này ngụ ý: Quả địa Phật, Bồ Tát là phải do tích công lũy đức thì mới có thể tu thành, tuyệt đối chẳng phải là do chụp giật, lươn lẹo mà hòng đạt được!

(Diễn) Vi diệu pháp môn giả, vị tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, chúng sanh pháp diệu.

(演)微妙法門者，謂心法妙，佛法妙，眾生法妙。

*(**Diễn**: "Vi diệu pháp môn" là tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, và chúng sanh pháp diệu).*

Kinh Pháp Hoa giảng ba thứ diệu này rõ ràng nhất. Quy nạp lại, *"diệu"* chẳng ngoài ba pháp:

1) Thứ nhất là *"tâm pháp diệu"*. Tâm có thể hiện hết thảy vạn pháp, nhưng chẳng nhiễm hết thảy vạn pháp. Nó diệu là diệu ở chỗ này! Nếu hiện hết thảy vạn pháp, lại nhiễm hết thảy vạn pháp, tâm ấy chẳng diệu! Tâm phàm phu chẳng diệu, vì sao? Suốt ngày từ sáng đến tối khởi

tâm động niệm toàn là dấy vọng tưởng. Tuy giống chư Phật, Bồ Tát biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, nhưng bị nhuốm bẩn, bị trói buộc bởi hết thảy các pháp, nên chẳng diệu! Họ chẳng biết muôn pháp không có tự tánh, hết thảy vạn pháp vốn không tịch, chẳng hiểu chân tướng sự thật này, nên nhiễm trước hết thảy vạn pháp, đánh mất diệu tâm, mê mất diệu tâm.

2) Thứ hai là *"Phật pháp diệu"*. Phật pháp là giác, Phật pháp là không mê. Đối với diệu tâm và diệu cảnh (*"diệu cảnh"* chính là *"chúng sanh pháp"* sẽ được nói trong đoạn kế tiếp), thông đạt rành rành chân tướng sự thật này, tự tại vô ngại. Đó là Phật pháp diệu.

3) Thứ ba là *"chúng sanh pháp diệu"*. *"Chúng sanh pháp"* là nói về tướng.

Ba câu này nếu nói theo thuật ngữ triết học hiện đại thì *"tâm pháp diệu"* là bản thể diệu, *"Phật pháp diệu"* là nhận thức diệu, trong triết học gọi là Nhận Thức Luận (Epistemology), *"chúng sanh pháp diệu"* là hiện tượng diệu. Trong triết học [ba điều này được gọi] là bản thể, hiện tượng, và nhận thức. Phật pháp là nhận thức, có thể nhận thức chánh xác hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, kinh điển thường gọi sự nhận thức ấy là *"chư pháp Thật Tướng"*, người ấy hiểu rõ chân tướng của hết thảy các pháp. *"Chúng sanh pháp diệu"* là hết thảy các tướng đã hiện. *"Chúng sanh"* ở đây không chỉ là nói về hữu tình mà còn bao gồm vô tình. Tất cả hết thảy các hiện tượng, thường gọi là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, thảy đều là vật được biến hiện bởi tự tâm, xác thực là ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Vạn pháp do tâm biến hiện; tâm có một niệm thiện liền biến ra tứ thánh pháp giới, một niệm ác liền biến thành lục phàm pháp giới.

Pháp giới trọn đủ viên mãn, đúng như Lục Tổ đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vốn trọn đủ trong tự tánh. Vốn trọn đủ, khi biến hiện bèn là: *"Một pháp giới hiện, chín pháp giới ẩn"*. *"Hiện"* thì nó chỉ có thể hiện một cảnh giới, một pháp giới, còn chín pháp giới kia tạm thời chẳng hiện. Nay chúng ta gọi những pháp giới ấy là *"không gian nhiều chiều"*. Nhân pháp giới (pháp giới loài người) của chúng ta là không gian ba chiều, súc sanh pháp giới là ba chiều và hai chiều, pháp giới của quỷ thần là bốn chiều hoặc năm chiều. Con người chết rồi đầu thai, nói thật ra là chuyển biến không gian, từ một chiều không gian này chuyển sang một chiều không gian khác, chuyện là như thế đó. Nói kiểu này, những người học

khoa học có thể thấu hiểu, cũng sẽ thừa nhận, nói theo lý luận sẽ suông sẻ. Hết thảy các pháp giới là *"duy tâm sở hiện"*: Tâm thanh tịnh hiện Tịnh Độ, tâm chẳng thanh tịnh hiện uế độ; hết thảy đều biến hiện từ tâm. Vì thế, tu hành chẳng phải là tu nơi cảnh giới, mà phải tu từ nơi tâm địa. Tâm là căn bản, tâm là cái có thể biến, cảnh là cái được biến, nhất định phải hiểu rõ chuyện này!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh bổn lai thành Phật, thị thập kiếp nghĩa.

(疏)稱理，則自性本來成佛，是十劫義。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh vốn sẵn thành Phật là ý nghĩa của "mười kiếp").*

Chúng ta xem phần giải thích cho câu này trong lời Sao. Đừng hiểu *"mười"* ở đây là một con số cố định, nó được dùng với ý nghĩa biểu thị pháp. Dưới đây, [đại sư] đã dẫn một thí dụ trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Hoa Nghiêm cử thập, thị biểu vô tận. Tức kim tự tánh thành Phật dĩ lai, hà chỉ Oai Âm na biên cánh na biên, trần sa kiếp hựu trần sa kiếp dã.

(鈔)華嚴舉十，是表無盡。即今自性成佛以來，何止威音那邊更那邊，塵沙劫又塵沙劫也。

*(**Sao**: Kinh Hoa Nghiêm nêu ra "mười" nhằm biểu thị sự vô tận. Tức là ["mười kiếp" trong kinh này phải hiểu là] kể từ khi tự tánh thành Phật đến nay, há có phải chỉ là trước thời Oai Âm Vương Phật, mà lại còn là trước thời đó nữa, là trần sa kiếp trước trần sa kiếp vậy).*

Đây là nói lời thật cùng chúng ta. Sách Diễn Nghĩa có chú thích mấy câu này.

(Diễn) Hoa Nghiêm cử thập biểu vô tận giả, nhất giả số chi thỉ, thập giả số chi chung.

(演)華嚴舉十表無盡者，一者數之始，十者數之終。

*(**Diễn**: "Hoa Nghiêm nêu ra Mười nhằm biểu thị vô tận": Một là con số khởi đầu, mười là con số kết thúc).*

Nêu ra số Mười là nói tới sự kết thúc, dùng theo ý nghĩa viên mãn.

(Diễn) Thiên vi thập bách, vạn vi thập thiên, kinh trung sổ sự, tất cử thập giả, biểu vô tận dã.

(演)千為十百，萬為十千，經中數事，必舉十者，表無盡也。

*(**Diễn**: Ngàn là mười lần một trăm, vạn là mười ngàn, trong kinh hễ nói tới nhiều sự đều dùng Mười để biểu thị sự vô tận).*

Chúng ta thấy điều này từ kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm bất luận nói tới pháp nào, đều kể ra mười pháp, nhằm biểu thị các pháp vô tận, các pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, hiển thị cảnh giới được gọi là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại của kinh Hoa Nghiêm. Ở đây cũng có ý nghĩa này, vì cổ đức gọi kinh này là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm. Do đó, nghĩa thú trong kinh này và nghĩa thú của Hoa Nghiêm chẳng khác gì nhau! Hoa Nghiêm nói bốn vô ngại pháp giới, kinh này cũng trọn đủ bốn món vô ngại. Hoa Nghiêm nói Thập Huyền Môn, kinh này cũng trọn đủ Thập Huyền Môn, các kinh khác chẳng có những điều này. Vì thế, cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, đích xác là có căn cứ. Điều này đã nêu rõ ý nghĩa: Tự tánh vốn đã thành Phật là vô tận, chẳng có ngằn mé. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã tuyên bố minh bạch: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*, do Ngài nhìn từ chỗ này. Vì thế, chẳng nói tới thời gian. *"Mười kiếp"* ở nơi đây nhằm biểu thị [ý nghĩa] chẳng có khởi đầu, không có kết thúc, biểu thị ý nghĩa này, vốn đã thành Phật!

"Hà chỉ Oai Âm na biên" (Đâu phải chỉ là thời Oai Âm Vương Phật), *"Oai Âm"* là nói về Oai Âm Vương Phật (Bhīṣma-garjitasvara-rāja). Trong kinh điển, đức Thế Tôn có nói trong vô lượng kiếp trước, con số này hết sức to lớn, có một vị Phật xuất thế hiệu là Oai Âm [Vương]. Kinh thường nói: *"Trước thời Oai Âm Vương, chẳng có thầy, chính mình có thể ngộ đạo. Sau Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa [mà tự mình ngộ đạo] thì đều là thiên nhiên ngoại đạo"*. Do đó, sau thời Oai Âm Vương ắt phải có sư thừa. Chúng ta đọc Đàn Kinh, sẽ thấy đoạn này trong phần chép về thiền sư Huyền Giác.

(Sao) Nhược định chấp thập kiếp, tích nhân đạo, do thị Vương lão sư nhi tôn.

(鈔)若定執十劫，昔人道，猶是王老師兒孫。

*(**Sao**: Nếu chấp khăng khăng [thật sự là chỉ đúng] mười kiếp, cổ nhân bảo [kẻ chấp trước như vậy] vẫn là con cháu của Vương lão sư).*

Có những người xem kinh văn bèn chấp trước. Kinh nói "mười kiếp", họ bèn chấp trước thật sự có mười kiếp. [Hiểu] thật sự là mười kiếp thì có sai lầm hay không? Chẳng sai, nhưng tầm nhìn quá nông cạn! Nếu có thể thấy A Di Đà Phật vốn đã thành Phật, cách nhìn ấy là sâu xa, ý nghĩa viên mãn. Nói theo sự tướng là mười kiếp, tức là nhìn theo dấu tích thị hiện, đấy chính là A Di Đà Phật thị hiện trong giai đoạn hiện tại ở Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Liên Trì đại sư hy vọng chúng ta đọc kinh và nghe giáo đều có thể tiêu quy tự tánh. Trong ấy có vô lượng công đức, chẳng mong chúng ta chỉ chấp trước nơi tướng ngôn ngữ, văn tự. [Chấp trước] như vậy tuy có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị rất thấp, sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu đối với kinh, chỗ nào cũng đều có thể kiến tánh, xứng lý là kiến tánh, là tiêu quy tự tánh, trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Từ chỗ này, ta có thể thấy đại sư rát miệng buốt lòng khuyên bảo người đời sau. *"Do thị Vương lão sư nhi tôn"* (Vẫn là con cháu của Vương lão sư), đây là một công án trong Thiền Tông.

(Diễn) Do thị Vương lão sư nhi tôn giả, Nam Tuyền tánh Vương, thường tự xưng Vương lão sư.

(演)猶是王老師兒孫者，南泉姓王，常自稱王老師。

*(**Diễn**: "Vẫn là con cháu của Vương lão sư": Ngài Nam Tuyền họ Vương, thường tự xưng là "Vương lão sư").*

Tổ sư Nam Tuyền[45] của Thiền Tông cũng là một người rất lỗi lạc. Họ ngoài đời của Ngài là Vương, nên thường tự xưng là Vương lão sư.

---

[45] Ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện (748-834) là một vị thiền sư hữu danh vào giữa đời Đường. Ngài quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu (nay là trấn Tân Trịnh, huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), họ Vương. Năm mười tuổi, Sư quỳ gối van nài cha mẹ cho phép xuất gia, cha mẹ đành nhượng bộ cho phép Sư theo học với ngài Đại Huệ Hoài Nhượng. Sư siêng năng, chuyên tinh học đạo, thọ Cụ Túc Giới vào năm Đại Lịch 12 (777) tại chùa Hội Thiện ở Tung Sơn, chuyên học Luật theo truyền thống của luật sư Pháp Lệ. Không lâu sau, tham học các nơi nghe giảng các kinh Lăng Già, Hoa Nghiêm v.v... lại còn thông đạt huyền nghĩa của Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận v.v… Về sau, đến tham yết Mã Tổ Đạo Nhất bèn tỉnh ngộ, được Tổ phó pháp. Năm

(Diễn) Hoàng Bá chí Nam Tuyền.
(演)黃檗至南泉。
*(**Diễn**: Ngài Hoàng Bá tới chỗ ngài Nam Tuyền).*

Trong Thiền Tông, thiền sư Hoàng Bá cũng rất nổi tiếng, đều là những vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài Hoàng Bá là vãn bối, thuở trẻ tham học, đến chỗ ngài Nam Tuyền thỉnh giáo.

(Diễn) Nhất nhật trai thời.
(演)一日齋時。
*(**Diễn**: Một hôm, trong lúc thọ trai).*

Có một ngày, trong lúc thọ trai vào giữa trưa.

(Diễn) Phủng bát hướng Nam Tuyền vị thượng tọa.
(演)捧鉢向南泉位上坐。
*(**Diễn**: Bưng bát tiến đến ngồi ở chỗ của ngài Nam Tuyền).*

Cảnh giới của ngài Hoàng Bá cũng khá cao. Trong lúc thọ trai, Ngài cầm bát đến chỗ của phương trượng Nam Tuyền ngồi xuống. Thuở ấy, ngài Nam Tuyền là phương trượng hòa thượng, Hoàng Bá là thanh chúng.

(Diễn) Nam Tuyền lai kiến tiện vấn.

Trinh Quán 11 (795), Sư sáng lập thiền viện Nam Tuyền ở huyện Thang Trì tỉnh An Huy, tự cày cấy nuôi thân, xiển dương Thiền đạo, hơn ba mươi năm chẳng ra khỏi núi. Mãi đến niên hiệu Thái Hòa đời Đường Văn Tông, do nhận lời cầu thỉnh của thái thú Thang Trì, Tuyên Phủ Sứ Lục Hằng, và Hộ Quân Bành Thành Lưu Công, Sư mới xuống núi thâu nhận học trò, thanh danh vang dội, thường được người đương thời xưng tụng là Nam Tuyền Cổ Phật. Có một hôm hai chúng Đông đường và Tây đường tranh luận ồn ào con mèo có Phật tánh hay không, Sư nắm cổ con mèo, bảo đại chúng: "Nếu các ông nói được thì cứu nó. Nếu nói chẳng được, ta sẽ chém chết nó". Đại chúng không ai đáp được, Sư bèn chém chết con mèo. Vì thế có thành ngữ *"Nam Tuyền trảm miêu"*. Đến tối, ngài Triệu Châu về tới, đại chúng kể lại, phàn nàn: "Sư huynh có nhà thì đã cứu được con mèo rồi". Ngài Triệu Châu vào gặp Sư, Sư lặp lại câu hỏi, ngài Triệu Châu bèn tháo dép đội lên đầu bước ra. Sư thị tịch vào năm Thái Hòa thứ tám (834), học trò nối pháp có các vị Triệu Châu Tùng Thẩm, Trường Sa Cảnh Sầm, Tử Hồ Lợi Tung, Đàm Chiếu v.v… hơn mười bảy người.

(演)南泉來見便問。
*(**Diễn**: Ngài Nam Tuyền thấy Sư tiến đến liền hỏi).*

Ngài Nam Tuyền trông thấy liền hỏi Sư.

(Diễn) Trưởng lão thậm ma niên trung hành đạo.
(演)長老什麼年中行道。
*(**Diễn**: Trưởng lão đã hành đạo bao nhiêu năm?)*

Người thật sự có đạo hạnh trong Thiền Tông, bất luận là người học đã lâu hoặc mới học, trong mắt họ luôn bình đẳng cung kính đối với người đã tu lâu hay mới học. Giống như thuở trước Lục Tổ đại sư ở núi Hoàng Mai, Ngài đã minh tâm kiến tánh, hễ thấy người trẻ mới mười mấy tuổi còn để tóc tu hành trong tự viện đều gọi là "thượng nhân". Cách xưng hô ấy hết sức cung kính, vô cùng khách sáo. Tự mình khiêm hư, Tổ gọi Sư là trưởng lão: *"Trưởng lão, thậm ma niên trung hành đạo?" "Hành đạo"* là tu hành. Câu này có nghĩa là thầy tu hành đã bao lâu?

(Diễn) Bá vân Oai Âm na bạn.
(演)檗云威音那畔。
*(**Diễn**: Ngài Hoàng Bá đáp: "Trước thời Oai Âm Vương Phật").*

Sư trả lời cũng rất tuyệt diệu! Thầy hỏi tôi bắt đầu từ khi nào, tôi nói là trước cả thời Oai Âm Vương Phật, [đó là ý nghĩa của từ ngữ] *"Oai Âm na bạn"*.

(Diễn) Tuyền vân: "Do thị Vương lão sư nhi tôn".
(演)泉云猶是王老師兒孫。
*(**Diễn**: Ngài Nam Tuyền bảo: "Vẫn là con cháu của Vương lão sư").*

Ngài Nam Tuyền nói: "Vậy thì thầy vẫn chẳng bằng tôi, vẫn là vãn bối của tôi!" Quý vị nghe lời này có hiểu hay không? Hai người họ một hỏi, một đáp, ngụ ý gì vậy? *"Oai Âm na biên cánh na biên"* (Vào trước thời của trước thời Oai Âm Vương Phật), đáng nể quá! Vì sao vẫn

chẳng bằng ngài Nam Tuyền? Ý nghĩa thật sự ở đây là ngài Hoàng Bá còn chấp tướng, ngài Nam Tuyền đã chẳng chấp tướng. [Ngài Nam Tuyền bảo] tuy thầy (Hoàng Bá) nói là *"Oai Âm Vương na biên cánh na biên"*, vẫn là chấp tướng! Vẫn y như cũ rớt vào trong số lượng, vẫn chưa hoàn toàn trừ sạch vọng tưởng, chấp trước. Ngài Nam Tuyền chẳng có vọng tưởng, chấp trước; đã chẳng có thì còn nói đến niên đại chi nữa! Một đằng chấp tướng, một đằng ly tướng, chẳng thể sánh bằng! Ý nghĩa là [hễ chấp tướng thì] vẫn là vãn bối, vẫn chẳng thể ngồi ngang hàng với ta!

Ở đây, [Liên Trì đại sư] dùng một tỷ dụ trong Thiền Tông để giảng rõ: Chấp chặt "A Di Đà Phật thành Phật tới nay là mười kiếp" tức là chấp tướng. Hễ chấp tướng, chắc chắn chẳng thể kiến tánh. Lìa tướng thì mới biết vốn đã thành Phật. A Di Đà Phật vốn đã thành Phật, bản thân chúng ta lẽ nào chẳng vốn đã thành Phật? Tự và Tha chẳng hai. Ý nghĩa thật sự của Liên Trì đại sư là ở chỗ này.

Đoạn nói về hóa chủ A Di Đà Phật đã giới thiệu xong, đoạn kế tiếp sẽ giới thiệu các đại chúng từ mười phương thế giới vãng sanh. Đoạn trước nói A Di Đà Phật là vị thầy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay chúng ta xem đến [phần nói về] các đồng học bên ấy.

Nhị, hóa bạn. Sơ kiến tại, nhị vãng sanh.

二化伴。初見在，二往生。

(Hai là hóa bạn. Một là các đại chúng đang ở bên ấy, hai là người vãng sanh).

Đoạn kinh văn này được chia thành hai khoa nhỏ. Tiểu khoa thứ nhất là Kiến Tại, tiểu khoa thứ hai là nói về chuyện vãng sanh. Chúng ta xem đoạn thứ nhất:

Sơ, kiến tại. Sơ, Thanh Văn, nhị, Bồ Tát, tam, tổng kết.

初見在。初聲聞，二菩薩，三總結。

([Tiểu khoa] thứ nhất nói về đại chúng đang ở bên ấy. [Tiểu khoa này được chia thành ba mục nhỏ]: Một là Thanh Văn, hai là Bồ Tát, ba là tổng kết).

Trong đoạn thứ nhất có Thanh Văn chúng và Bồ Tát chúng, sau đó còn có tổng kết.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri.

(Sớ) Chủ tất hữu bạn, tiên Thanh Văn, thứ Bồ Tát.

(經)又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。

(疏)主必有伴，先聲聞，次菩薩。

*(**Kinh**: Lại này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là bậc A La Hán, chẳng thể nào tính toán để biết được.*

***Sớ**: Chủ ắt có bạn, trước là Thanh Văn, sau là Bồ Tát).*

Thầy nhất định có trò. Nếu chẳng có học trò, làm sao có thể gọi vị ấy là thầy cho được? Trong hàng học trò [của A Di Đà Phật] có Thanh Văn và Bồ Tát.

(Sớ) Minh giai hiền thánh chi lữ dã.

(疏)明皆賢聖之侶也。

*(**Sớ**: Nói rõ bạn lữ đều là bậc hiền thánh).*

Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là bậc thánh hiền, chẳng có phàm phu. Chư vị nhất định phải biết điều này. Từ đại kinh, chúng ta thấy thế giới Tây Phương là một thế giới thuần nhất Bồ Tát. Nói "trời, người" hoặc nói Thanh Văn là nhằm vào ý nghĩa khác, chẳng phải là thật sự có trời, người, Thanh Văn. Gọi họ là Thanh Văn là do hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất: Trước khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở thế giới phương khác, những người ấy đã chứng quả Thanh Văn, từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả đều có. Họ nghe pháp môn này, hoan hỷ tin nhận, phát nguyện vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì trước kia họ là Thanh Văn, nên vẫn gọi là Thanh Văn. Đây là một ý nghĩa.

2) Ý nghĩa thứ hai: Tuy thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, nhưng đoạn Hoặc chẳng bình đẳng. Nếu ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn chưa đoạn, người ấy bèn được gọi là Thanh Văn, vì quả vị đoạn chứng của người ấy bằng với quả vị Tiểu Thừa trong mười phương thế giới. Trong mười phương thế giới, đoạn Kiến Tư phiền não bèn chứng quả Thanh Văn. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như chúng ta là đới nghiệp vãng sanh, sang bên ấy, đương nhiên là trước hết đoạn Kiến

Tư. Đoạn Kiến Tư phiền não sẽ bằng với Thanh Văn ở các thế giới phương khác.

Ngàn vạn phần phải ghi nhớ, trong thế giới Tây Phương, ngay cả Thanh Văn và Duyên Giác đều chẳng có, lấy đâu ra nhân thiên?

(Sớ) Kim sơ Thanh Văn. Thanh Văn giả, văn Tứ Đế thanh giáo nhi đắc chứng quả. A La Hán giả, giản phi tiền tam dã. Bất ngôn Duyên Giác, nhiếp Thanh Văn trung cố. Phi toán số giả, thậm ngôn kỳ đa dã.

(疏)今初聲聞。聲聞者，聞四諦聲教而得證果。阿羅漢者，揀非前三也。不言緣覺，攝聲聞中故。非算數者，甚言其多也。

*(**Sớ**: Nay trước hết nói về Thanh Văn. Thanh Văn là người nghe thanh giáo Tứ Đế bèn được chứng quả. [Nói là] A La Hán nhằm chỉ rõ chẳng phải là ba quả vị trước đó. Chẳng nhắc tới Duyên Giác vì đã được gộp trong Thanh Văn. "Chẳng thể tính toán", ý nói hết sức nhiều).*

Những chuyện này chẳng cần phải nói chi tiết. Chúng ta xem đoạn Diễn Nghĩa kế tiếp, có thể nói đoạn này là thường thức trong Phật học.

(Diễn) Tứ Đế thanh giáo giả.

(演)四諦聲教者。

*(**Diễn**: Thanh giáo[46] Tứ Đế).*

Là nói tới Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

(Diễn) Nhất, Khổ Đế.

(演)一、苦諦。

*(**Diễn**: Một là Khổ Đế).*

"Đế" (Satyāni) có nghĩa là chân thật, người ta thường nói là "chân lý", tức là chuyện chân thật. Khổ là nói tới quả báo. Lục đạo khổ sở, đó là sự thật. Phàm nhân sống trong đau khổ mà chẳng biết khổ, đó là ngu

[46] Thanh giáo: Giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật được gọi là *"thanh giáo"* vì Ngài dùng âm thanh để thuyết pháp hóa độ, gọi như vậy để phân biệt với các phương pháp hóa độ khác (chẳng hạn trong cõi Hương Tích, dùng cơm thơm để hóa độ).

si. Nói *"giác ngộ"* nghĩa là đã biết con người rất khổ, biết lục đạo rất khổ, có mức độ tự giác khá sâu. Biết lục đạo khổ, người ấy mới chịu phát tâm rời lìa lục đạo. Nếu ở trong lục đạo mà vẫn chẳng cảm nhận nỗi khổ, làm sao có thể lìa khỏi lục đạo cho được? Mê và giác phân định từ chỗ này. Biết đời người là khổ, biết lục đạo là khổ, người ấy đã giác ngộ, đã khai ngộ.

(Diễn) Nhị thập ngũ Hữu, y chánh nhị báo thị.

(演)二十五有，依正二報是。

*(**Diễn**: Hai mươi lăm Hữu là y báo và chánh báo).*

Sách Giáo Thừa Pháp Số và Phật Học Từ Điển đều giải thích hai mươi lăm Hữu[47]. Hữu (有) là có quả báo sanh tử. Có nhân thì đương nhiên có quả. Đức Phật chia nhân và quả của lục đạo luân hồi thành hai mươi lăm loại, gọi là Nhị Thập Ngũ Hữu. Hai mươi lăm Hữu tương ứng với tam giới lục đạo. *"Y chánh nhị báo"* là nói tổng quát.

(Diễn) Biệt tắc nhị thập ngũ Hữu, tổng tắc lục đạo sanh tử.

(演)別則二十五有，總則六道生死。

*(**Diễn**: Nói riêng biệt thì có hai mươi lăm Hữu, nói tổng quát thì có sanh tử trong lục đạo).*

Hai mươi lăm Hữu chẳng thường được nhắc tới vì rất phiền phức, quá nhiều! Chúng ta thường quy nạp, nói đến cương lãnh của chúng. Cương lãnh chính là y báo và chánh báo trong lục đạo.

(Diễn) Nhất, địa ngục đạo, tác thượng phẩm Ngũ Nghịch, Thập Ác giả, cảm thử đạo thân.

(演)一、地獄道，作上品五逆十惡者，感此道身。

*(**Diễn**: Một là địa ngục đạo, kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác thượng phẩm sẽ cảm vời thân trong đường này).*

---

[47] Theo Phật Học Từ Điển: Dục Giới có mười bốn Hữu (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tu La, tứ đại châu, sáu tầng trời trong cõi Dục), Sắc Giới có bảy Hữu (Tứ Thiền Thiên, Đại Phạm Thiên, Tịnh Cư Thiên, và Vô Tưởng Thiên), Vô Sắc Giới có bốn Hữu (Tứ Không Xứ Thiên). Tổng cộng là hai mươi lăm Hữu. Như vậy, hai mươi lăm hữu chỉ là tam giới được nói chi tiết.

Tạo nghiệp nặng hay nhẹ là do tâm! Ví như tạo ác nghiệp, tâm kẻ ấy rất hung hăng, quyết liệt, sẽ tạo nghiệp nặng. Chẳng hạn như sát sanh, do cái tâm oán hận, tâm cừu hận cực sâu, thủ đoạn vô cùng tàn khốc, tội ấy sẽ nặng nề, kết tội thuộc loại thượng phẩm. Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Nếu kẻ ấy dùng ác tâm, ác ý, tội ấy cũng rất nặng. Thập Ác: Thân tạo giết, trộm, dâm; miệng nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói lời thô ác; trong tâm tham, sân, si. Bất luận là đối với pháp thế gian hay xuất thế gian pháp, chỉ cần có Thập Ác hiện diện, thảy đều là chướng đạo! Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì sao tham Thiền chẳng thể khai ngộ? Đừng nói là khai ngộ, ngay cả Thiền Định còn chẳng đạt được, do nguyên nhân nào? Tập khí Thập Ác quá nặng, chướng ngại chúng ta tu hành, chướng ngại công phu, chớ nên không biết chuyện này! Nếu cứ tiếp tục làm mãi, sẽ tạo [thành quả báo] địa ngục. Địa ngục do đâu mà có? Chính mình tạo ra, tự làm, tự chịu, ai cũng chẳng có cách nào cứu quý vị. Ngàn muôn phần đừng nghĩ Địa Tạng Bồ Tát là U Minh giáo chủ, trong tương lai ta đọa địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến cứu quý vị. Có tâm như vậy thì sai mất rồi, Địa Tạng Bồ Tát cũng không thể nào cứu quý vị được! Địa Tạng Bồ Tát có thể cứu kẻ nào đã giác ngộ. Bản thân người ấy đã giác ngộ thì Ngài có thể giúp đỡ. Chính quý vị chẳng giác ngộ, Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp được, tuyệt đối chẳng phải là các Ngài thiếu từ bi!

(Diễn) Nhị, súc sanh đạo, tác trung phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân.

(演)二、畜生道，作中品惡逆者，感此道身。

*(**Diễn**: Hai là súc sanh đạo. Kẻ tạo Ác Nghịch trung phẩm sẽ cảm vời thân trong đường này).*

Ác là Thập Ác, Nghịch là Ngũ Nghịch. Tâm tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác nhẹ hơn địa ngục đôi chút, chẳng độc địa dường ấy, sẽ sanh trong súc sanh đạo.

(Diễn) Tam, ngạ quỷ đạo, tác hạ phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân.

(演)三、餓鬼道，作下品惡逆者，感此道身。

*(**Diễn**: Ba là ngạ quỷ đạo, kẻ tạo Ác Nghịch hạ phẩm, sẽ cảm thân*

trong đường này).

Hạ phẩm, tâm tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác càng nhẹ hơn. Trong đoạn này, sách Diễn Nghĩa sử dụng Thập Thiện và Thập Ác để giải thích lục đạo luân hồi.

(Diễn) Tứ, Tu La đạo, tác hạ phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân.

(演)四、修羅道，作下品十善，感此道身。

*(**Diễn**: Bốn là Tu La đạo, tạo hạ phẩm Thập Thiện, cảm thân trong đường này).*

Người ấy có tu Thập Thiện hay không? Tu Thập Thiện. Vì sao tu Thập Thiện được gọi là hạ phẩm? Khi tu Thập Thiện, trong tâm chen lẫn ngạo mạn, thường gọi là *"cống cao ngã mạn"*. Người như vậy chúng ta thường thấy trong hiện thời. Họ thật sự làm chuyện tốt; tuy làm chuyện tốt, nhưng luôn nghĩ chính mình đã làm rất nhiều chuyện tốt. Trong chùa chiền, họ ganh nhau làm chuyện tốt. Ví như đối với chuyện xuất tiền làm công đức, người khác bỏ ra một vạn, ta bỏ ra hai vạn, ta phải vượt trội kẻ khác. Đó là tâm ngạo mạn, tâm kiêu căng, đều là hạ phẩm thiện, tương lai hưởng phước trong A Tu La đạo. Điều này rất đau khổ! A Tu La là đấu tranh kiên cố. Không chỉ là đấu đá với người ngoài, mà đối với chính mình cũng muốn đấu đá!

(Diễn) Ngũ, nhân đạo, tứ châu bất đồng, giai khổ lạc tương gián. Tại nhân chi thời, hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, cập trung phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân.

(演)五、人道，四洲不同，皆苦樂相間。在因之時，行五常五戒，及中品十善，感此道身。

*(**Diễn**: Năm là nhân đạo, [tuy có] bốn châu khác nhau, đều là khổ và vui chen lẫn. Trong lúc tu nhân, đã hành Ngũ Thường, Ngũ Giới và trung phẩm Thập Thiện, nên cảm thân trong đường này).*

Tứ Châu là nói tới tứ đại bộ châu ở bốn phía núi Tu Di. Loài người trong mỗi châu khác nhau, nhưng nhân quả chẳng sai biệt cho mấy. *"Giai khổ lạc tương gián"* (Đều là khổ và vui chen lẫn), có khổ và vui. Trong quá khứ, tu nhân là hành Ngũ Thường, Ngũ Giới. Ngũ

Thường do Nho gia chế định. Giáo dục Nho gia lấy luân thường làm chủ yếu, đó là tông chỉ giáo học. *"Luân"* (倫) là luân lý, *"Thường"* (常) là khuôn phép đạo đức. Nói cách khác, [luân thường là] điều kiện cơ bản để làm người: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là Ngũ Thường. *"Thường"* là vĩnh hằng, quyết định chẳng thể biến đổi, quyết định chẳng thể khuyết thiếu, giống như loài người chúng ta sống trong thế gian nhất định phải ăn uống. Chẳng ăn, chẳng uống, con người sẽ chẳng thể nào sống sót. Sách Tả Truyện viết: *"Nhân khí thường, tắc yêu hưng"* (Con người vứt bỏ lẽ thường, ắt yêu quái dấy lên). Nếu người nào chẳng có Ngũ Thường, kẻ ấy chính là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái chẳng phải là mặt xanh nanh chĩa. Yêu ma quỷ quái mặt xanh nanh chĩa chẳng thể hại người. Vì sao? Chúng ta vừa trông thấy đã kinh hãi, đã sớm ẩn núp rồi, họ chẳng hại được loài người. Yêu ma quỷ quái thật sự hại người, quý vị trông thấy chúng sẽ rất hoan hỷ! Năm thứ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thảy đều chẳng có, chính là yêu ma quỷ quái hiện tiền.

Ngũ Thường và Ngũ Giới nhà Phật giống nhau. *"Nhân"* (仁) là nhân từ, là không sát sanh; Nghĩa (義) là những điều phải nên có, là bổn phận. Một người có thể vâng giữ bổn phận sẽ chẳng thể trộm cắp, Nghĩa là chẳng trộm cắp. Lễ (禮) là chẳng tà dâm; Trí (禮) là chẳng uống rượu. Uống rượu say khướt bèn hồ đồ. Tín (信) là chẳng nói dối. Ngũ Giới tương đương Ngũ Thường, là điều kiện cơ bản để làm người. Nếu chẳng làm được năm điều này, đời sau chẳng được làm thân người, mà vào trong tam đồ. Những điều chúng ta tạo tác, thực hiện trong hiện thời đương nhiên chẳng ra ngoài lục đạo. Trong lục đạo, chúng ta tạo tác ba thiện đạo hay là ba ác đạo? Chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình biết rành rành! Nếu khởi tâm động niệm trái nghịch Ngũ Giới Thập Thiện, ắt đọa trong tam đồ. Đức Phật rất từ bi, dạy chúng ta sự thật này, chúng ta chẳng nghe theo, vẫn cứ muốn tiếp tục tạo tác. Chuyện này chẳng thể trách Phật, hãy tự trách mình! Chính mình phải gánh chịu trách nhiệm!

"Cập trung phẩm Thập Thiện" (Và trung phẩm Thập Thiện), một người có thể vâng giữ Ngũ Thường, trì Ngũ Giới, tu trung phẩm Thập Thiện, đời sau mới có thể được làm thân người. Thân người khó được, dễ mất! Nay chúng ta được làm thân người là do trong đời quá khứ *"hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, tu trung phẩm Thập Thiện"*, đời này cảm được quả báo. Nếu đời này chẳng tiếp tục nỗ lực hành trì, đời người rất ngắn, sau khi đã mất [thân người], mong được làm người lần nữa cũng chẳng được! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy: *"Thân người khó*

được mà dễ mất". Vì sao khó được? Chính chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ: Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, khởi ác niệm nhiều, hay là thiện niệm nhiều? Bèn hiểu rõ ngay! Nếu ác niệm nhiều, niệm niệm trái nghịch Ngũ Thường, Ngũ Giới, Thập Thiện, đương nhiên sẽ vào trong tam đồ, há còn có thể sanh vào nhân đạo? Vì thế, hễ suy nghĩ, [sẽ thấy] được làm thân người lần nữa đích xác là chẳng dễ dàng.

(Diễn) Lục, thiên đạo, nhị thập bát thiên bất đồng.

(演)六、天道，二十八天不同。

*(**Diễn**: Sáu là thiên đạo, hai mươi tám tầng trời khác nhau).*

Cõi trời có hai mươi tám loại, gồm hai mươi tám tầng. Quả báo trong mỗi tầng trời khác nhau, đương nhiên nhân hạnh của họ cũng khác nhau.

(Diễn) Tu thượng phẩm Thập Thiện, cập Thiền Định vi nhân, cảm thử đạo thân.

(演)修上品十善，及禪定為因，感此道身。

*(**Diễn**: Do tu thượng phẩm Thập Thiện và Thiền Định làm nhân mà cảm thân trong đường này).*

Chỉ tu thượng phẩm Thập Thiện thì cao nhất là chỉ có thể sanh về trời Đao Lợi. Từ Dạ Ma Thiên trở lên đều phải tu Thiền Định, chẳng có Thiền Định sẽ chẳng đến đó được! Trong Dục Giới, bốn tầng trời Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên đều chưa đắc Định. Chẳng tu Thiền Định thành công, họ có công phu Thiền Định, nhưng chẳng có thành tựu nơi Thiền Định. Nếu Thiền Định thành tựu, họ sẽ thoát khỏi Dục Giới, sanh về Sắc Giới. [Sanh lên] Sắc Giới và Vô Sắc Giới [phải cậy vào] Tứ Thiền Bát Định. Thành tựu thấp nhất trong Thiền Định là gì? Trong Thiền Định chẳng có dục, dục vọng gì vậy? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, tiếng tăm, lợi dưỡng, quý vị còn có những ý niệm ấy hay không? Nếu có những ý niệm ấy, quý vị chẳng thể đến Sơ Thiền Thiên được. Dẫu quý vị tu Thiền Định tốt đẹp cách mấy, vẫn sanh trong bốn tầng trời Dục Giới, thọ quả báo trong ấy. Thật sự tu Thiền Định thành công, đoạn hết Ngũ Dục, đối với năm thứ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê đều có thể đoạn hết, có thể chẳng

cần ăn uống, Thiền duyệt làm thức ăn. Nay chúng ta vì cơm áo mà bươn chải, khổ khôn kể xiết! Thiền Định thành công, chẳng cần tới ăn uống nữa! Vì thế, người có công phu Thiền Định càng sâu, ăn uống càng ít, vì sao? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh bèn tiêu hao năng lượng ít.

Ăn uống nhằm bổ sung năng lượng, [thức ăn] là cội nguồn của năng lượng. Thân là một cỗ máy, cỗ máy hoạt động cần phải có năng lượng thúc đẩy. Ăn uống là [nạp thêm] năng lượng, bổ sung hằng ngày. Ăn thứ gì đó, trong bụng bèn có các phản ứng hóa học, biến chúng thành năng lượng để hấp thâu, chúng ta gọi là dinh dưỡng, thật ra là năng lượng. Các năng lượng bị tiêu hao vào đâu? Chín mươi lăm phần trăm trở lên bị tiêu hao bởi vọng niệm. Vọng niệm càng nhiều, quý vị ăn càng nhiều. Vọng niệm ít, quý vị ăn ít đi. Có những người muốn học kiểu "giữa trưa ăn một bữa", muốn trì ngọ, nhưng vọng niệm rất nhiều, vọng niệm chẳng đoạn được, lại muốn học, học để làm gì? Vẫn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng, muốn nở mày rạng mặt: "Ta giữa trưa ăn một bữa, các ngươi đều chẳng làm được!" Họ tiêu hao nhiều như vậy, bổ sung năng lượng chẳng đủ, kết quả nhất định là ngã bệnh, chẳng bình thường mà! Người ta tu Định thật sự có công phu, tâm địa thanh tịnh, vọng niệm ít, tự nhiên cần [bổ sung năng lượng] ít. Do đó, đấy là chuyện tự nhiên, chẳng có tí ti miễn cưỡng nào!

Thuở Phật tại thế, những vị xuất gia hằng ngày theo Phật ra ngoài thác bát (khất thực), mỗi ngày ăn một bữa. Trong kinh, đức Phật có nói A La Hán bảy ngày ăn một bữa, Bích Chi Phật nửa tháng ăn một bữa. Công phu định lực của Bích Chi Phật sâu hơn A La Hán, tâm địa càng thanh tịnh, tiêu hao càng ít, nửa tháng ăn một bữa là đủ. Đó là gì? Vì Ngài có thân thể. Nếu chẳng cần đến thân, cũng chẳng cần ăn uống nữa. Vì thế, trong hai mươi tám tầng trời, sáu tầng trời phía dưới thuộc Dục Giới Thiên có ăn uống, từ Sơ Thiền trở lên bèn chẳng có ăn uống. Đoạn hết ăn uống, ngủ nghê cũng đoạn trừ. Người thật sự có Thiền Định chẳng ngủ. Người có ngủ nghê chứng tỏ là người ấy chẳng có Định. Ngồi ngủ ở đó tức là chẳng Định, người có Thiền Định chẳng ngồi ngủ ở đó mà đang nhập Định, khác hẳn kẻ [ngồi] ngủ. Cũng có thể nói là người ấy tỉnh táo, chẳng hôn trầm. Ngủ nghê là hôn trầm.

Nhưng từ Sắc Giới trở lên, [tức là trong] Sắc Giới và Vô Sắc Giới, từ Sơ Thiền trở lên, ngoài việc tu Thiền Định (Tứ Thiền Bát Định) ra, còn phải tu Tứ Vô Lượng Tâm (Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả), đó gọi là thượng thượng phẩm Thập Thiện. Vì lẽ đó, người từ Sơ Thiền trở

lên, quyết định chẳng có sân khuể, ghen tỵ, quyết định chẳng có điều gì khiến cho tâm bực bội. Nếu có những hiện tượng ấy, sẽ thuộc về Dục Giới, chứ chư thiên Sắc Giới chẳng có [những hiện tượng ấy]. Chúng ta cần phải biết những điều này, có thể chú tâm quan sát xem chính mình đã đạt đến cảnh giới gì. Tâm địa hơi đạt được đôi chút thanh tịnh, bèn tưởng lầm là chính mình đã đắc nhất tâm bất loạn, đã đắc Thiền Định, đó gọi là Tăng Thượng Mạn, là hiểu lầm, chẳng phải là thành tựu thật sự.

(Diễn) Thượng lai sở thích.

(演)上來所釋。

*(**Diễn**: Những điều đã giải thích trên đây).*

Những điều vừa được giải thích trên đây.

(Diễn) Tùng địa ngục chí Phi Tưởng Thiên.

(演)從地獄至非想天。

*(**Diễn**: Từ địa ngục tới trời Phi Tưởng).*

Phi Tưởng Thiên là tầng thứ hai mươi tám, là tầng cao nhất trong Tứ Không Thiên.

(Diễn) Tuy khổ lạc bất đồng, vị miễn tử nhi phục sanh, sanh nhi phục tử.

(演)雖苦樂不同，未免死而復生，生而復死。

*(**Diễn**: Tuy khổ vui khác nhau, chẳng tránh khỏi tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử).*

Nói về lục đạo, dẫu tu đạt đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, tám vạn đại kiếp là có hạn lượng, khi đã đến hạn thì vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc, lại còn đọa rất nặng. Nguyên nhân đọa lạc nặng nề là do lúc gần bị đọa lạc, họ hủy báng Tam Bảo, tưởng là Phật đã lừa gạt, chẳng biết cảnh giới của chính mình là chưa thoát khỏi tam giới, cứ ngỡ cảnh giới của chính mình là đã nhập Vô Dư Niết Bàn, đã thành Phật, [nên ấm ức]: "Cớ sao đã thành Phật mà còn bị thoái chuyển? Cớ sao bị đọa lạc? Những gì chư Phật đã nói trước kia đều là lừa người!" Vì báng Phật, báng Pháp, hủy báng Tam Bảo, nên quyết định đọa địa ngục; đó gọi là *"trèo cao ngã nặng"*. Hễ té nhào liền rớt

xuống địa ngục. Trong địa ngục, quá nửa là những chúng sanh như vậy!

(Diễn) Thử thị Tạng Giáo thật hữu Khổ Đế.

(演)此是藏教實有苦諦。

*(**Diễn**: Đây là Tạng Giáo thật sự có Khổ Đế).*

Tứ Đế phối hợp với tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Lục đạo phàm phu chúng ta nhận thức Tạng Giáo. Trong quan niệm cảm xúc lâu dài của chúng ta, xác thực là có lục đạo luân hồi. Những điều được giảng trong đoạn này đều là nói về quả báo.

(Diễn) Nhị, Tập Đế giả.

(演)二、集諦者。

*(**Diễn**: Hai là Tập Đế).*

"Tập Đế" là nói tới cái nhân. Quý vị hứng chịu quả báo, có quả ắt có nhân. Vì sao đức Phật chẳng nói tới nhân trước, mà phải nói quả báo trước? Đây là thuyết pháp thiện xảo, vì nói tới quả báo, đó chính là những điều quý vị đang phải hứng chịu, quý vị sẽ cảm nhận dễ dàng, có thể thấu hiểu. Sau đấy mới lại giải thích do nguyên nhân nào mà nay chúng ta sống khổ sở dường ấy, quý vị sẽ lưu ý nghe dạy.

(Diễn) Tức Kiến Tư Hoặc, hựu vân Tứ Trụ, hựu vân Chi Mạt Vô Minh, hựu vân Thông Hoặc, hựu vân Giới Nội Hoặc, tuy danh bất đồng, đản Kiến Tư nhĩ.

(演)即見思惑，又云四住，又云枝末無明，又云通惑，又云界內惑，雖名不同，但見思耳。

*(**Diễn**: Chính là Kiến Tư Hoặc, còn gọi là Tứ Trụ, lại gọi là Chi Mạt Vô Minh, lại gọi là Thông Hoặc, lại gọi là Giới Nội Hoặc. Tuy tên gọi khác nhau, nhưng chỉ là Kiến và Tư mà thôi).*

Đối với Kiến Tư phiền não, trong kinh, đức Phật đã nói rất nhiều danh từ. Danh từ khác nhau, ý nghĩa như nhau. Vì sao cùng là một chuyện mà đức Phật nói ra lắm tên gọi như vậy? Điều này là có dụng ý, đức Phật dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự, đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết. Đó gọi là *"y nghĩa, bất y ngữ"*. Tên gọi nói tùy

tiện như thế nào cũng được, chỉ cần hiểu đúng ý nghĩa là được rồi, đừng nên chấp trước danh tướng rồi tranh luận! Vì lẽ đó, cách nói này vẫn là nhằm mục đích phá chấp trước. Trong các danh từ, chúng ta thường dùng nhất là Kiến Tư phiền não. Quý vị hiểu Kiến Tư phiền não là gì. Tiếp đó, [các danh từ] Tứ Trụ Phiền Não, Chi Mạt Vô Minh, Thông Hoặc, Giới Nội Hoặc như sách đã nêu ra đều là những thứ mê hoặc trong tam giới, quý vị đều hiểu rõ. Biết một điều, hết thảy đều hiểu.

(Diễn) Kiến Hoặc hữu bát thập bát Sử.
(演)見惑有八十八使。
*(**Diễn**: Kiến Hoặc có tám mươi tám Sử).*

Kiến Hoặc có tám mươi tám Sử[48], còn gọi là tám mươi tám phẩm. Tư Hoặc có tám mươi mốt phẩm[49], tức là tam giới có chín địa, trong mỗi địa có chín phẩm, tổng cộng là chín lần chín thành tám mươi mốt. Chúng được gọi là Kiến Tư phiền não. Tập Đế là Kiến Tư phiền não.

(Diễn) Dĩ Ngũ Độn, Ngũ Lợi, Thập Sử.
(演)以五鈍五利十使。
*(**Diễn**: Do Ngũ Độn và Ngũ Lợi mà hợp thành Thập Sử).*

"Sử" (使) là tỷ dụ. Trước kia, có kẻ phạm tội, chánh quyền bèn phái công sai đi bắt người. *"Sử"* là bắt người, giống như đội cảnh sát

---

[48] Theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú, tám mươi tám món Sử là do phối hợp Thập Sử với Tứ Đế và tam giới mà thành. Đối với Dục Giới, Khổ Đế có đủ mười Sử, Tập Đế và Diệt Đế mỗi Đế có bảy Sử (tức là không có Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến), Đạo Đế có tám Sử (tức là không có Thân Kiến và Biên Kiến). Do đó, Tứ Đế trong Dục Giới hợp thành ba mươi hai Sử. Sắc Giới và Vô Sắc Giới số lượng mỗi Sử giống như trong Dục Giới nhưng loại trừ Sân Sử. Do đó, mỗi giới có hai mươi tám Sử. Vì thế, Vô Sắc Giới và Sắc Giới có tất cả năm mươi sáu Sử cộng với ba mươi hai Sử của Dục Giới thành tám mươi tám Sử trong tam giới.

[49] Cũng theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú, coi Dục Giới là một địa, coi từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền của Sắc Giới là bốn địa, coi bốn Không Xứ Thiên của Vô Sắc Giới là bốn địa. Do vậy, tam giới có tổng cộng chín địa. Đối với Tư Hoặc (tham, sân, si, mạn), Dục Giới có đủ chín phẩm (thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ), tám địa của Sắc Giới và Vô Sắc Giới, mỗi địa cũng đều có đủ chín phẩm, nên chín địa nhân với chín phẩm thành tám mươi mốt phẩm.

hình sự hiện thời. Chư vị hãy suy nghĩ, "đội cảnh sát hình sự" Kiến Hoặc gồm tám mươi tám "người", Tư Hoặc có tám mươi mốt. Cảnh sát hình sự đông ngần ấy, hằng ngày chầu chực quanh quý vị, muốn bắt quý vị, quý vị còn có thể chạy đi đâu nữa? Chẳng có cách nào, chạy chẳng thoát! Nhằm thuận tiện thuyết pháp, chúng ta quy nạp những món ấy thành Ngũ Độn Sử và Ngũ Lợi Sử. Chỉ cần hiểu rõ mười điều ấy, đại khái có thể liễu giải tám mươi tám phẩm [Kiến Hoặc] và tám mươi mốt phẩm [Tư Hoặc].

Ngũ Lợi: Lợi (利) là nhạy bén, mạnh mẽ. Tuy mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng nếu đoạn trừ chúng thì thật sự vẫn là khá dễ dàng, đó là nói về Kiến Hoặc. Món thứ nhất trong Kiến Hoặc là Thân Kiến, món thứ hai là Biên Kiến, món thứ ba là Giới Thủ Kiến, món thứ tư là Kiến Thủ Kiến, món thứ năm là Tà Kiến. Nói chung, nay chúng ta gọi năm loại lớn này là kiến giải sai lầm. Kiến (見) là kiến giải, Hoặc (惑) là mê hoặc. Kiến giải của quý vị sai lầm, kiến giải đã mê. Có năm loại lớn như vậy.

Tư Hoặc: Tư (思) là tư tưởng, quý vị nghĩ sai lầm, tư tưởng đã mê hoặc. Mê hoặc về tư tưởng cũng có năm thứ: Tham, sân, si, mạn, nghi. Gộp chung lại thành mười loại, tức là Ngũ Độn và Ngũ Lợi hợp thành Thập Sử. Ngũ Độn là Tư Hoặc, Ngũ Lợi là Kiến Hoặc.

Lũ phàm nhân chúng ta luôn ngỡ thân thể này là chính mình, đó gọi là Thân Kiến (身見), nó là cội nguồn tội ác của hết thảy họa hoạn. Tiêu chuẩn thiện ác ở chỗ nào? Đức Phật dạy: Phàm những gì tự lợi đều là ác, phàm những gì lợi tha đều là thiện. Chúng ta thường nghe chẳng hiểu, chuyện tốt đẹp cho chính mình, có lợi ích cho chính mình, cớ sao nói là ác? Chư vị hãy suy nghĩ, sẽ hiểu rõ Kiến Tư phiền não, sẽ có thể cảm nhận: Hễ là tự lợi, sẽ tăng trưởng Ngã Kiến, ta phải phá trừ! Phải phá Thân Kiến, phá Ngã Chấp. Hằng ngày quý vị tăng trưởng Ngã Chấp và Thân Kiến, ý niệm hễ dấy lên bèn nghĩ đến ta. Nói thật thà, hết thảy các sự tu học của chúng ta đều chẳng tăng trưởng nhanh chóng dường ấy, kiên cố ngần ấy! Khởi tâm động niệm chẳng có gì khác, đầu tiên là Ngã. Quý vị nói Ngã Chấp kiên cố quá, làm sao có thể thoát khỏi tam giới? Nếu quý vị muốn thoát khỏi tam giới, phải phá Ngã Chấp. Đức Phật đã nói Nhân Ngã Chấp và Pháp Ngã Chấp. Phá Nhân Ngã Chấp bèn chứng quả La Hán và Bích Chi Phật. Phá Pháp Ngã Chấp bèn chứng Bồ Tát, thành Phật. Vì thế, chẳng dễ gì phá tan Ngã Chấp. Hễ khởi tâm động niệm thì niệm đầu tiên là nghĩ đến chính mình, có mấy ai quên đi cái Ta? Do đó, trong pháp Bồ Tát, điều thứ nhất là tu bố thí, bố thí nhằm dụng ý

gì? Hy vọng sẽ quên mất cái Ta. Bố thí là niệm niệm nghĩ tới người khác, chẳng nghĩ tới mình! Lợi ích ấy vô lượng vô biên, có thể khiến cho quý vị vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, thật sự liễu sanh tử, thoát tam giới! Há có phải là bố thí một chút tài vật để đạt được một tí phước báo nhân thiên hữu lậu! Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Bố thí nhằm mục đích phá trừ Ngã Kiến, trừ bỏ Ngã Chấp. Đức Phật dạy Bồ Tát niệm niệm đừng nghĩ tới chính mình, niệm niệm hãy nghĩ tới chúng sanh. Phương pháp này đích xác là cao hơn, khéo hơn Tiểu Thừa. Tiểu Thừa phá Ngã Chấp vô cùng khó khăn, phương pháp của họ rất vụng về! Phương pháp của hàng Đại Thừa Bồ Tát thiện xảo, khởi tâm động niệm đều chẳng nghĩ tới chính mình, niệm niệm mong làm thế nào để lợi ích hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh được lợi ích thì chính mình là một chúng sanh, đương nhiên cũng sẽ được lợi ích. Vì vậy, Ngài chẳng nghĩ cho chính mình. Đó là phương tiện tu học thiện xảo của Đại Thừa Bồ Tát. Vì thế, đầu tiên là phá Thân Kiến. Thân Kiến họa hoạn vô cùng! Không chỉ là đối với chuyện liễu sanh tử, mà đối với niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, nó cũng là chướng ngại to lớn bậc nhất. Chỉ cần có thứ này tồn tại, rất khó vãng sanh.

Thứ hai là Biên Kiến (邊見). Biên Kiến là kiến giải sai lầm. Biên Kiến là gì? Lục đạo phàm phu ai nấy đều có, các khoa học gia hiện thời gọi [Biên Kiến] là "quan niệm tương đối". Tương đối là hai bên. Chúng ta nói đến ta, thì đối lập với ta là người khác, đều là do tương đối mà kiến lập. Có dài thì đối lập với dài là ngắn. Có lớn thì đối lập với lớn là nhỏ. Đối lập với thiện là ác. Đấy là Nhị Biên. Quý vị có kiến giải nhị biên, kiến giải nhị biên chẳng thật. Kiến giải nhị biên là mê, chẳng ngộ! Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: Nhị biên là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị. Có nhị biên, tâm quý vị làm sao thanh tịnh cho được? Nói cách khác, quyết định chẳng đắc Thiền Định. Nếu quý vị muốn thật sự đắc Thiền Định, người niệm Phật chúng ta muốn thật sự đắc tâm thanh tịnh, đắc công phu thành phiến, ắt phải vứt bỏ Nhị Biên.

Chúng ta thấy Đàn Kinh có chép Huệ Minh truy đuổi Lục Tổ để đoạt lại y bát. Cuối cùng, Tổ bị Sư đuổi kịp, y bát thật sự có thần hộ pháp hộ trì. Sư vốn là tứ phẩm tướng quân, nghiễm nhiên chẳng thể lay động y bát, nên mới thật sự sanh tâm hổ thẹn, hiểu là sức người chẳng thể đoạt lấy vật ấy được. Sư hướng về Huệ Năng cầu pháp, Huệ Năng dạy Sư: *"Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác"*. Thiện và ác là Nhị Biên,

Biên Kiến đấy! Quý vị buông Nhị Biên xuống, hai bên đều vứt bỏ. Khi ấy, Tổ chỉ điểm một câu: *"Chính ngay khi ấy, diện mạo vốn có của thượng tọa Huệ Minh là gì?"* Do câu nói ấy, Sư liền khai ngộ. Vì sao chúng ta không thể khai ngộ? Chẳng bỏ Nhị Biên. Khi đó, Sư chí thành, cung kính, tâm thật sự sám hối, do tâm cung kính, thầy dạy như thế nào, Sư liền làm như thế ấy. Sau khi đã bỏ hai bên, được chỉ điểm bằng một câu nói liền tỉnh ngộ. Nói thật ra, mê và ngộ là trong một niệm! Vì sao hiện thời chúng ta được chỉ điểm cách nào cũng đều chẳng tỉnh, chẳng thể khai ngộ? Là do quý vị chưa từng có sát-na nào lìa khỏi hai bên! Các khoa học gia Tây phương nói chúng ta sống trong thế giới tương đối. Phật pháp gọi thế giới tương đối là Biên Kiến.

Người Hoa gọi hai thứ Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến là thành kiến, [ta thường nói] "người nào đó có thành kiến rất sâu", đó là chấp trước! Giới Thủ Kiến (戒取見) là thành kiến nơi nhân, Kiến Thủ Kiến (見取見) là thành kiến nơi quả. Thành kiến đều là sai lầm, trọn chẳng hiểu rõ sự thật. Trong Phật pháp giải thích bằng hai câu: *"Phi nhân kế nhân"*, [nghĩa là] chẳng phải là nhân mà người ấy tưởng lầm là nhân, đó là Giới Thủ Kiến. *"Phi quả kế quả"*, chẳng phải là quả báo, lầm tưởng là quả báo; đó là Kiến Thủ Kiến.

Thí dụ như sanh thiên. Sanh thiên là quả báo, phải như thế nào thì mới có thể sanh lên trời? Ở Ấn Độ, có kẻ trì ngưu giới. *"Trì ngưu giới"* là học theo trâu bò: Trâu bò ăn cỏ, kẻ ấy cũng đi ăn cỏ. Trâu bò cày ruộng cho con người, người ấy cũng đến thay trâu cày ruộng, hằng ngày ăn cỏ. Cứ ngỡ làm theo kiểu ấy sẽ có thể sanh thiên. Người nào tu kiểu đó? Đương nhiên chẳng phải là kẻ thông thường, mà là kẻ có công phu kha khá, tu Thiền Định. Trong khi Thiền Định, thấy trâu sau khi chết được sanh lên trời, bèn hiểu lầm: "Vốn là trâu sau khi chết bèn được sanh lên trời". Thấy con người chết đi đều đọa địa ngục, hoặc biến thành ngạ quỷ, người ấy [nẩy sanh quan niệm] phải học theo trâu. Đó là do người ấy chỉ thấy sự thật, chẳng hiểu nhân duyên thật sự. Sanh thiên là do tu thượng phẩm Thập Thiện, cớ sao trâu có thể sanh lên trời? Đó gọi là *"quả báo thông ba đời"*. Chẳng phải là do trong cuộc đời làm trâu có công đức gì nên có thể sanh thiên, [mà là do] trong đời quá khứ, người ấy từng tu thượng phẩm Thập Thiện, tới lúc này, cái nhân ấy chín muồi. Người tu Định trông thấy [chuyện đó], nhưng chẳng biết chuyện trong quá khứ, hiểu lầm, cứ tưởng làm như vậy sẽ có thể sanh thiên. Đó gọi là Giới Thủ Kiến.

Kiến Thủ Kiến là [hiểu lầm] đối với quả báo, có rất nhiều người ngỡ là hễ sanh thiên thì cõi trời sẽ là sống đời đời, vì [họ tưởng lầm] sanh lên cõi trời bèn bất sanh bất tử, sẽ sống đời đời, đó là quan niệm sai lầm. Dẫu sanh đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, huống chi Dục Giới Thiên? Do đó, đấy chẳng phải là quả báo chân thật. Chẳng phải là quả báo chân thật, mà tưởng là quả báo chân thật, chấp trước kiên cố, đó gọi là Kiến Thủ Kiến, là sai lầm. Hai loại này, một là thành kiến nơi nhân, một là thành kiến nơi quả, đều thuộc loại vọng tưởng, chấp trước.

Loại thứ năm là Tà Kiến (邪見), chẳng thuộc vào bốn loại trước. Hết thảy các tri kiến sai lầm được quy nạp vào cùng một chỗ, gọi là Tà Kiến. Phối hợp Tứ Đế với tam giới, tổng cộng gồm tám mươi tám phẩm, [tức là] tám mươi tám loại. Tư Hoặc có tám mươi mốt phẩm, quy nạp thành Ngũ Độn Sử. Độn (鈍) là rất chậm chạp, chẳng dễ đoạn. Quý vị mong đoạn nó thì như thường nói là *"dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng"*. Ngũ Lợi Sử là Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến. Hễ giác ngộ thì chúng thật sự dễ đoạn. Ngũ Độn Sử là tham, sân, si, mạn, nghi, rất khó đoạn!

Tham là tham ái, đây là căn bản sanh tử. Cổ đức thường nói: *"Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà"*, tức là luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là do sức mạnh nào thúc đẩy? Do ái dục thúc đẩy. *"Niệm chẳng nhất, chẳng sanh Tịnh Độ"*, phải như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Niệm phải chuyên nhất. Nói là Một thì quyết định chẳng thể xen tạp, quyết định chẳng thể gián đoạn. Thật sự làm được chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, niệm ấy là Nhất. *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*, đấy là pháp môn Bất Nhị để thoát tam giới, liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo. Do vậy, nhất định phải đoạn tham ái, nó nhất định chẳng phải là thứ tốt đẹp, đời đời kiếp kiếp chúng ta đã bị thứ này hại thê thảm. Sân khuể là nghiệp nhân của địa ngục. Ngu si là nghiệp nhân của súc sanh đạo. Ngạo mạn, hoài nghi là nghiệp nhân của đoạn thiện căn. Vì sao thiện căn của chúng ta chẳng thể hiện tiền? Ngạo mạn, hoài nghi thánh giáo, nói với quý vị, quý vị sẽ không tin, khó lắm! Cổ thánh tiên hiền vô lượng kiếp khổ tu đã đạt được kinh nghiệm, đạt được giáo huấn quý báu, trao truyền cho chúng ta, chúng ta chẳng tin, chẳng muốn tiếp nhận. Như đối với pháp môn Niệm Phật là kết luận đạt được do sự tu hành trong vô lượng kiếp của vô lượng chư Phật, các Ngài

truyền cho chúng ta pháp môn vi diệu nhất, chúng ta hoài nghi pháp ấy, pháp khó tin đó mà!

Cớ sao có tám mươi tám phẩm và tám mươi mốt phẩm? Trong sách Giáo Thừa Pháp Số có biểu giải[50], điều này thuộc loại Phật học thường thức, nên ở đây tôi chẳng rườm lời. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 197

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi chín:

(Diễn) Kiến Hoặc hữu bát thập bát Sử, dĩ Ngũ Độn Ngũ Lợi Thập Sử, lịch tam giới Tứ Đế hạ, tăng giảm bất đồng, thành bát thập bát. Tư Hoặc hữu bát thập nhất phẩm, vị tam giới phân vi cửu địa, Dục Giới hợp vi nhất địa, Tứ Thiền, Tứ Không vi bát, cộng vi cửu địa. Dục Giới nhất địa trung, hữu cửu phẩm tham, sân, si, mạn, thượng bát địa các hữu cửu phẩm, trừ Sân Sử, cố thành bát thập nhất dã. Thượng lai Kiến Tư bất đồng, tổng thị Tạng Giáo, thật hữu Tập Đế.

(演)見惑有八十八使，以五鈍五利十使，歷三界四諦下，增減不同，成八十八；思惑有八十一品，謂三界分為九地，欲界合為一地，四禪四空為八，共為九地。欲界一地中，有九品貪瞋痴慢，上八地各有九品，除瞋使，故成八十一也。上來見思不同，總是藏教，實有集諦。

*(**Diễn**: Kiến Hoặc có tám mươi tám Sử, do mười Sử gồm Ngũ Độn và Ngũ Lợi trải khắp Tứ Đế trong tam giới, do tăng giảm khác nhau mà thành tám mươi tám phẩm. Tư Hoặc có tám mươi mốt phẩm, tức là tam giới chia thành chín địa: Dục Giới hợp thành một địa, Tứ Thiền Thiên và Tứ Không Thiên là tám địa, cộng thành chín địa. Trong một địa của Dục Giới có chín phẩm tham, sân, si, mạn. Đối với tám địa trên đó (tám địa của Tứ Không Thiên và Tứ Thiền Thiên), mỗi địa có chín phẩm, ngoại trừ Sân Sử, nên thành tám mươi mốt phẩm. Kiến Tư [được phân định] sai khác như trên đây nói chung là Tạng Giáo, [theo cách nhìn của họ] thật sự có Tập Đế).*

---

[50] Biểu giải: Xếp những khái niệm thành bảng, vẽ các đường mũi tên nối kết nhằm giảng giải quá trình hình thành diễn biến của từng pháp.

Những điều giải thích ở chỗ này đều dựa theo Tạng Giáo, chúng ta cũng thường nói là Tiểu Thừa. Phần trước nói về Khổ Đế của Tạng Giáo, đoạn này giảng về Tập Đế của Tạng Giáo. Trong lần trước, tôi đã giảng đại lược ý nghĩa.

(Diễn) Tam, Diệt Đế giả.

(演)三、滅諦者。

*(**Diễn**: Ba, Diệt Đế là...).*

"Tập" (集) là nói đến cái nhân. Đã tạo nhân, bèn có quả báo, bèn có lục đạo luân hồi. Hai Đế sau nói tới pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian Tiểu Thừa cũng là nói quả trước rồi mới nói tới nhân. Trước hết là nói về Diệt Đế:

(Diễn) Diệt tiền Khổ Tập.

(演)滅前苦集。

*(**Diễn**: Diệt Khổ và Tập trước đó).*

Diệt gì? Diệt sanh tử, diệt luân hồi, diệt phiền não.

(Diễn) Hiển Thiên Chân lý, nhân Diệt hội Chân, Diệt phi Chân Đế.

(演)顯偏真理，因滅會真，滅非真諦。

*(**Diễn**: Hiển lộ lý Thiên Chân, do Diệt mà thấu hiểu Chân, Diệt [trong Tạng Giáo] chưa phải là Chân Đế).*

Đây là Thiên Chân Niết Bàn do hàng Tiểu Thừa chứng đắc. Chân (真) là chẳng sai lầm. Vì sao gọi là Thiên Chân? Thiên (偏: lệch lạc) là chẳng viên, tức là chẳng viên mãn, lệch về một bên. Phàm phu lệch về Hữu, Tiểu Thừa lệch về Không, tức Chân Không; Hữu là huyễn hữu. Luôn chấp trước, ngỡ [điều mình thiên chấp] là chân thật, nên gọi là Thiên. Do sự thiên chấp này, phàm phu chịu khổ rất lớn, ngỡ huyễn hữu là chân hữu; do đó, tạo thành lục đạo luân hồi, khổ khôn kể xiết! Hàng Tiểu Thừa cũng ngỡ Không là chân thật, nhưng bị hại nhẹ hơn chúng ta nhiều, họ bị hại là "bản tánh bị chướng ngại". Vì lẽ đó, hàng Tiểu Thừa chẳng thể kiến tánh là do họ chấp trước Chân Không, tưởng cái Không

ấy là thật, [cứ ngỡ là] thật sự có chuyện như vậy. Vì hai thứ chấp trước ấy nên đều chẳng thể kiến tánh. *"Diệt"* còn gọi là Niết Bàn, cũng gọi là Viên Tịch, có rất nhiều tên gọi khác nhau, nhưng thực tế đều là nói đến một chuyện. Nói là Viên Tịch thì Viên (圓) là nói đến sự viên mãn, Tịch (寂) là tịch diệt. Các danh xưng Niết Bàn và Viên Tịch đều dùng chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Tứ Đế và Diệt Đế cũng được sử dụng chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa; ở đây là nói đến Diệt Đế của Tạng Giáo. Quả báo đang được nói đến ở đây đương nhiên là điều mong cầu, hy vọng đạt được của mỗi người học Phật chúng ta. Hy vọng liễu sanh tử, hy vọng vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, phải như thế nào thì mới có thể thực hiện được? Dưới đây bèn nói tới phương pháp, tức là nói tới Đạo.

(Diễn) Tứ, Đạo Đế giả, lược tắc Giới, Định, Huệ, quảng tắc tam thập thất Đạo Phẩm.

(演)四、道諦者，略則戒定慧，廣則三十七道品。

*(**Diễn**: Bốn là Đạo Đế, đại lược thì là Giới, Định, Huệ, nói rộng thì là ba mươi bảy Đạo Phẩm).*

Ba mươi bảy Đạo Phẩm sẽ được nói đến trong kinh này.

(Diễn) Thử tam thập thất hợp vi thất khoa.

(演)此三十七合為七科。

*(**Diễn**: Ba mươi bảy phẩm ấy hợp thành bảy khoa).*

"Khoa" là khoa loại (科類: chia thành từng loại tổng quát), ba mươi bảy phẩm có thể chia thành bảy loại lớn. Bảy loại lớn [chính là]…

(Diễn) Nhất, Tứ Niệm Xứ, nhị, Tứ Chánh Cần, tam, Tứ Như Ý Túc, tứ, Ngũ Căn, ngũ, Ngũ Lực, lục, Thất Giác Chi, thất, Bát Chánh Đạo.

(演)一、四念處，二、四正勤，三、四如意足，四、五根，五、五力，六、七覺支，七、八正道。

*(**Diễn**: Một là Tứ Niệm Xứ, hai là Tứ Chánh Cần, ba là Tứ Như Ý Túc, bốn là Ngũ Căn, năm là Ngũ Lực, sáu là Thất Giác Chi, bảy là Bát Chánh Đạo).*

Tới phần sau sẽ nói cặn kẽ, trong kinh văn có nói.

(Diễn) Dĩ thượng thất khoa, tức thị Tạng Giáo Sanh Diệt Đạo Đế, nhiên Tứ Đế chi trung, phân thế xuất thế.

(演)已上七科，即是藏教生滅道諦，然四諦之中分世出世。

*(**Diễn**: Bảy khoa trên đây, chính là Sanh Diệt Đạo Đế của Tạng Giáo, nhưng trong Tứ Đế có chia thành thế gian và xuất thế gian).*

"Thế" là thế gian, *"xuất thế"* là xuất thế gian.

(Diễn) Tiền nhị Đế vi thế gian nhân quả.

(演)前二諦為世間因果。

*(**Diễn**: Hai Đế trước là nhân quả thế gian).*

Tức là Khổ và Tập.

(Diễn) Hậu nhị Đế vi xuất thế gian nhân quả, giai tiền quả hậu nhân giả, linh tri Khổ, đoạn Tập, mộ Diệt, tu Đạo dã.

(演)後二諦為出世間因果。皆前果後因者，令知苦斷集慕滅修道也。

*(**Diễn**: Hai Đế sau là nhân quả xuất thế gian, đều là quả trước, nhân sau, ngõ hầu [người nghe] sẽ biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo).*

Đây là sự thiện xảo trong cách thuyết pháp của đức Phật, đều là nói đến cái quả trước, nói cái nhân sau, khiến cho chúng ta thật sự biết khổ, biết tam giới khổ sở thì mới chịu đoạn phiền não. Người thế gian, kẻ bình phàm thì chẳng nói, chứ nói về phía kẻ tu đạo, đặc biệt là kẻ học Phật đạo, cớ sao kẻ đã học Phật đạo chẳng chịu đoạn phiền não? Nói thật ra, [nguyên nhân là vì kẻ ấy] vẫn chưa nhận biết rõ ràng nỗi khổ trong thế gian! Thật sự nhận biết nỗi khổ trong thế gian, đạo tâm của người ấy sẽ khác hẳn. Phàm là những kẻ chẳng phát đạo tâm là do chẳng nhận thức rõ ràng nỗi khổ trong thế gian, sống trong sự khổ sở mà chẳng biết khổ. Chúng ta thường nói là "chai lì, bất nhân", chẳng biết thế gian khổ sở, chẳng biết luân hồi đáng sợ. Cõi trời và cõi người còn hơi tốt đẹp

một chút, chứ ba ác đạo đáng kinh hãi lắm! Trong ba ác đạo, địa ngục đạo và ngạ quỷ đạo thì chúng ta chẳng thấy, chứ súc sanh đạo thì thường xuyên trông thấy. Nghĩ tới tình cảnh của súc sanh, chúng ta có bằng lòng làm súc sanh hay chăng? Quỷ đạo còn thua súc sanh, địa ngục đạo còn chẳng bằng ngạ quỷ đạo. Trong lục đạo, khổ nhất là địa ngục đạo. Chúng ta mong làm súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ ư? Đương nhiên là chẳng có ai muốn làm! Tuy chẳng muốn làm, nhưng hằng ngày chúng ta đang tạo cái nhân, vậy thì chẳng được rồi! Nếu quý vị đã tạo nhân, lẽ đâu chẳng hứng chịu quả báo? Đoạn này vừa mở đầu liền nói: Quý vị phải biết khổ, biết khổ thì mới chịu đoạn phiền não. Thật sự nhận biết, thật sự lý giải Phật đạo thì mới có thể sanh tâm ngưỡng mộ, mới chịu nghiêm túc tu đạo.

"Đạo" là gì? *"Lược tắc Giới, Định, Huệ"* nghĩa là nói đơn giản: Đạo là Tam Vô Lậu Học Giới, Định, Huệ, trì Giới, tu Định, khai Huệ. Tam Học Giới, Định, Huệ là tổng cương lãnh của Phật pháp, thực hiện từ chỗ nào? Tiểu Thừa giáo (Thanh Văn giáo) thực hiện từ Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Cần. Tứ Niệm Xứ là Quán Huệ, là trí huệ, là giác ngộ. Điều thứ nhất là *"quán thân bất tịnh"*, thân là cội khổ. Không chỉ là Phật, Bồ Tát biết, mà người thế gian chúng ta cũng hiểu. Lão Tử nói: *"Ta có nỗi họa hoạn to lớn là do ta có thân"*; đó là khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, Đạo gia đã giác ngộ cái thân là cội khổ! Hàng phàm phu bậc cao trong lục đạo chẳng cần đến thân thể, họ sanh trong Vô Sắc Giới. Sắc Giới tuy đã đoạn Ngũ Dục, vẫn còn có thân thể. Vì thế, hàng phàm phu thông minh nhất bèn chẳng cần thân thể nữa, đó là hạng phàm phu bậc cao. Đó là trí huệ! Có trí huệ quan sát, thật sự giác ngộ thì mới chịu nghiêm túc tu học. Tu học bắt đầu từ chỗ nào? Từ Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần thì một đằng là thiện, một đằng là ác. Ác thì phải nghiêm túc đoạn, thiện thì phải phát tâm tu tập.

Đề mục của ba mươi bảy phẩm như nhau, nhưng ý nghĩa trong Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Đối với Tam Học và ba mươi bảy Đạo Phẩm, tông Thiên Thai nói có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Những điều được nói ở đây thuộc về Tạng Giáo, thuộc về Tiểu Thừa, chỉ là vượt thoát sự luân hồi trong tam giới mà thôi. Đấy là bậc A La Hán trong Tiểu Thừa. Kinh nói trong các đệ tử đức Phật, có nhiều vị là A La Hán.

(Diễn) A La Hán giản phi tiền tam giả.

(演)阿羅漢揀非前三者。

*(**Diễn**: [Nói] A La Hán nhằm chỉ rõ: Chẳng thuộc về ba quả vị trước).*

Ba địa vị trước đó là Tu Đà Hoàn (Srotāpanna), Tư Đà Hàm (Sakridāgāmi), và A Na Hàm (Anāgāmi), đều là quả vị Tiểu Thừa, chúng ta gọi [các quả vị ấy] là Sơ Quả, Nhị Quả, và Tam Quả. Kinh nói đến Tứ Quả, tức là A La Hán (Arhat), chẳng phải là ba loại trước.

(Diễn) Nhất, Tu Đà Hoàn, thử vân Dự Lưu.
(演)一、須陀洹，此云預流。
*(**Diễn**: Một là Tu Đà Hoàn, cõi này dịch là Dự Lưu).*

Dự Lưu (預流) là nhập lưu (入流), tức là dự vào hàng thánh nhân, vì Ngài đã chứng đắc Vị Bất Thoái. Vị Bất Thoái sẽ tuyệt đối chẳng lui sụt xuống phàm phu, tuyệt đối chẳng đọa trong ba ác đạo. Ngài có tiến, có lùi, bảy phen sanh tử trong nhân gian hay cõi trời. Tuy có tiến, lùi như vậy, Ngài vẫn thuộc vào hàng thánh nhân, cho nên Ngài thoái chuyển có chừng hạn. Nếu chẳng chứng đắc Tu Đà Hoàn, trước khi đạt đến Tứ Gia Hạnh[51] thì mới có thể lui sụt xuống địa ngục, mức độ thấp nhất là A Tỳ địa ngục. Chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả, ngăn hạn [lui sụt đến mức] thấp nhất sẽ là Sơ Quả, chẳng thể lùi xuống phàm phu, lại càng chẳng thể đọa lạc ba ác đạo. Nhất định phải hiểu điều này! Đối với sự tiến, lùi, chúng ta thường nói *"Thất Địa Bồ Tát còn có thoái chuyển"*, Thất Địa Bồ Tát lui sụt đến chỗ nào? Chúng ta nói theo Viên Giáo thì Ngài sẽ lui sụt đến Sơ Trụ. Sơ Trụ là phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, tiến tiến lùi lùi đến mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo, chẳng lui sụt đến Tiểu Thừa, chẳng thể lui sụt đến A La Hán, Bích Chi Phật, mà cũng chẳng thể lui sụt đến Quyền Giáo Bồ Tát. Vì thế, mỗi lần lui sụt, Ngài đều có chừng hạn. Đạt đến Bát Địa, sẽ là Bất Thoái. Bát Địa thật sự viên mãn ba thứ Bất Thoái.

(Diễn) Thử vị.
(演)此位。
*(**Diễn**: Địa vị này).*

Địa vị này là Tu Đà Hoàn, tức Tiểu Thừa Sơ Quả.

---

[51] Theo Thành Duy Thức Luận, Tứ Gia Hạnh gồm bốn pháp là Noãn Pháp, Đảnh Pháp, Ấn Thuận Nhẫn Pháp và Thế Đệ Nhất Pháp.

(Diễn) Đoạn tam giới bát thập bát Sử Kiến Hoặc, kiến Chân Đế, cố danh vi Kiến Đạo.

(演)斷三界八十八使見惑，見真諦，故名為見道。

*(**Diễn**: Đoạn tám mươi tám Sử thuộc Kiến Hoặc trong tam giới, thấy Chân Đế, nên gọi là Kiến Đạo).*

Đây là Kiến Đạo trong Tiểu Thừa: Đoạn sạch tám mươi tám Sử thuộc Kiến Hoặc, chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả. Nếu người ấy là căn tánh viên đốn thì phải là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo. Sơ Tín của Viên Giáo bằng với Sơ Quả của Tiểu Thừa. Nói theo phương diện đoạn chứng, sẽ bằng với Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, đều là đoạn tám mươi tám Sử; nhưng nói theo phương diện trí huệ và công đức, A La Hán chẳng sánh bằng. Do vậy có thể biết, căn cơ viên đốn đáng quý.

(Diễn) Nhị, Tư Đà Hàm, thử vân Nhất Lai.

(演)二、斯陀含，此云一來。

*(**Diễn**: Hai là Tư Đà Hàm, cõi này dịch là Nhất Lai).*

Đây là Nhị Quả trong Tiểu Thừa, Nhất Lai nghĩa là gì? Ngài còn phải sanh trong nhân gian một lần, sau đấy có thể chẳng cần sanh trong nhân gian nữa.

(Diễn) Thử vị đoạn Dục Giới cửu phẩm Tư trung, đoạn tiền lục phẩm tận, hậu tam phẩm do tại, cố cánh nhất lai.

(演)此位斷欲界九品思中，斷前六品盡，後三品猶在，故更一來。

*(**Diễn**: Địa vị này đã đoạn sáu phẩm trước trong chín phẩm Tư Hoặc thuộc Dục Giới, do hãy còn ba phẩm sau [chưa đoạn] nên phải trở lại lần nữa).*

Dục Giới có tất cả chín phẩm Tư Hoặc, Ngài đã đoạn sạch sáu phẩm trước, còn sót lại ba phẩm, nên vẫn phải trở lại một lần nữa; do đó gọi là Nhất Lai quả. Nhị Quả còn phải sanh trong nhân gian một lần, Tam Quả chẳng tái sanh nữa.

(Diễn) Tam, A Na Hàm, thử vân Bất Lai.

(演)三、阿那含，此云不來。

*(**Diễn**: Ba là A Na Hàm, cõi này dịch là Bất Lai).*

A là Vô, Na Hàm là Lai. Vô Lai chính là Bất Lai, [ý nói] chẳng đến (chẳng sanh trong) Dục Giới nữa!

(Diễn) Thử vị đoạn dục tàn Tư tận.

(演)此位斷欲殘思盡。

*(**Diễn**: Địa vị này đoạn sạch mọi Tư Hoặc còn sót lại trong Dục Giới).*

"Tàn" (殘) là tàn dư. Ngài đoạn sạch ba phẩm còn thừa sót, chẳng trở lại [nhân gian] nữa. Trong chín địa của tam giới, Dục Giới là một địa, trong mỗi địa có chín phẩm, Ngài đã đoạn hết chín phẩm Hoặc. Ngài đến nơi đâu để tu hành? Ngài tiến tiến lùi lùi trong Sắc Giới từ Sơ Thiền cho đến Tứ Thiền, nếu đọa lạc thì cũng bất quá đọa xuống Sơ Thiền [là hết mức], chẳng thể đọa xuống các cõi thấp hơn cõi Sơ Thiền. Tiến lên trên là Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, tiến tiến lùi lùi trong các chỗ ấy, chẳng thể đọa xuống Dục Giới. Vì thế, gọi là Bất Lai, còn gọi là Bất Hoàn Quả.

(Diễn) Tấn đoạn thượng bát địa Tư.

(演)進斷上八地思。

*(**Diễn**: Tiến cao hơn là đoạn Tư Hoặc trong tám địa phía trên).*

"Tư" là Tư Hoặc. Phía trên đó còn tám địa, tức là [các phẩm Tư Hoặc] thuộc về Tứ Thiền Thiên và Tứ Không Thiên.

(Diễn) Tứ, A La Hán, thử vân Vô Học.

(演)四、阿羅漢，此云無學。

*(**Diễn**: Bốn là A La Hán, cõi này dịch là Vô Học).*

A La Hán là Vô Học. A là Vô, La Hán là Học. Vô Học là đã tốt nghiệp.

(Diễn) Hựu vân Vô Sanh.

(演)又云無生。
*(**Diễn**: Lại dịch là Vô Sanh).*

Vô Sanh là gì? Ngài chẳng còn đến thọ sanh trong tam giới lục đạo, đã thoát khỏi tam giới.

(Diễn) Hựu vân Sát Tặc.
(演)又云殺賊。
*(**Diễn**: Lại còn dịch là Sát Tặc).*

Có rất nhiều người chẳng hiểu rõ Phật giáo cho lắm, thấy A La Hán còn gọi là Sát Tặc, [bèn dè bỉu]: "Nhà Phật chẳng sát sanh! Quý vị thấy [La Hán] còn giết giặc, đã khai sát giới rồi!" Đó là hiểu lầm! Chữ *"tặc"* (賊) chỉ Kiến Tư phiền não. Đoạn sạch Kiến Tư phiền não, giống như đã giết sạch giặc Kiến Tư phiền não, có ý nghĩa này, chẳng phải là thật sự sát sanh, mà nhằm tỷ dụ sự đoạn trừ phiền não. Ở đây là giặc phiền não, chẳng phải là giặc nào khác!

(Diễn) Hựu vân Ứng Cúng.
(演)又云應供。
*(**Diễn**: Còn dịch là Ứng Cúng).*

A La Hán có công đức chân thật, đoạn sạch Kiến Tư phiền não là công đức chân chánh. Trời, người cúng dường A La Hán, phước báo ấy rất lớn. Ngài xứng đáng tiếp nhận sự cúng dường của trời, người, nên được gọi là bậc Ứng Cúng.

(Diễn) Thử vị đoạn Kiến Tư câu tận.
(演)此位斷見思俱盡。
*(**Diễn**: Địa vị này, Kiến Hoặc và Tư Hoặc đều đoạn hết sạch).*

Tám mươi tám sử Kiến Hoặc và tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc thảy đều đoạn sạch.

(Diễn) Tử phược dĩ đoạn, quả phược do tồn, danh Hữu Dư Niết Bàn.

(演)子縛已斷，果縛猶存，名有餘涅槃。

*(**Diễn**: Triền phược thô đã đoạn, triền phược vi tế hãy còn, nên gọi là Hữu Dư Niết Bàn).*

"Tử phược" (子縛) là phiền não thô. Đoạn sạch phiền não thô, hãy còn phiền não vi tế chưa đoạn. Phiền não vi tế là Quả Phược, Phược (縛) là trói buộc. Ba loại phiền não lớn là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. A La Hán chỉ đoạn Kiến Tư, chứ Trần Sa và Vô Minh đều chưa đoạn, nên Niết Bàn do Ngài đã chứng được gọi là Hữu Dư Niết Bàn (Sa-upādisesa-nibbānadhātu), vì còn thừa sót Trần Sa, còn sót lại Vô Minh. Hai loại này vẫn còn, nhưng Ngài đã thoát khỏi tam giới. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc sẽ đoạn sau khi thoát khỏi tam giới. Đấy là giải thích về A La Hán.

(Sao) Văn Tứ Đế giả, Thế Tôn vị Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân, chuyển Khổ, Tập, Diệt, Đạo pháp luân, sơ thị, nhị khuyến, chí tam tắc chứng. Chư lậu dĩ tận, thành A La Hán. Nhân văn thanh giáo dĩ đắc khai minh, cố danh Thanh Văn. Thanh Văn chi hiệu, thông tiền tam quả, kim Tứ Quả dã.

(鈔)聞四諦者，世尊為憍陳如等五人，轉苦集滅道法輪，初示、二勸，至三則證。諸漏已盡，成阿羅漢。因聞聲教以得開明，故名聲聞。聲聞之號，通前三果，今四果也。

*(**Sao**: "Nghe Tứ Đế": Đức Thế Tôn vì nhóm năm người của ngài Kiều Trần Như chuyển pháp luân Khổ Tập Diệt Đạo, đầu tiên là chỉ bày, hai là khuyên lơn, cho đến điều thứ ba là chứng nhập. Các lậu đã hết, thành A La Hán. Do nghe thanh giáo bèn được khai minh, nên gọi là Thanh Văn. Danh hiệu Thanh Văn bao gồm cả ba quả trước, ở đây là Tứ Quả).*

Thanh Văn (Śrāvaka) là hiệu chung của Tiểu Thừa. Từ Sơ Quả đến Tứ Quả A La Hán đều gọi là Thanh Văn. Các Ngài do nghe đức Phật thuyết pháp mà ngộ đạo, nên được gọi là Thanh Văn. Chúng ta xem phần chú giải dưới đây.

(Diễn) Thế Tôn vị Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân giả.

(演)世尊為憍陳如等五人者。

*(**Diễn**: Đức Thế Tôn vì nhóm năm người Kiều Trần Như).*

Đây là nói đến một đoạn nhân duyên Phật thuyết pháp độ chúng sanh đầu tiên. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, sau khi thành đạo, trong mười bốn ngày tuyên nói kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm được đức Phật giảng trong Định. Đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Hôm, bèn hoát nhiên đại ngộ. Sau khi đã ngộ, Ngài vẫn ngồi dưới cội Bồ Đề. Lũ phàm phu chúng ta thấy Phật tĩnh tọa tại đó, chẳng biết Ngài đang giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định. Pháp hội náo nhiệt dường ấy, nhưng bọn phàm phu chúng ta đâu có biết! Chờ đến sau khi Ngài xuất Định, gặp năm người ấy tại Lộc Dã Uyển, vì năm người ấy thuyết pháp, năm người ấy khai ngộ. Lũ phàm phu chúng ta thấy thoạt tiên Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp gì? Thuyết pháp Tứ Đế, thuyết cho năm người ấy. Vì lẽ đó, người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận kinh Hoa Nghiêm do đức Phật nói. Vì sao? Chẳng thấy! Hiện tại, người phương Tây nói đến khảo cứu, nói đến lịch sử, cũng chẳng thừa nhận Đại Thừa, cho rằng kinh Hoa Nghiêm đại khái do chính Long Thọ Bồ Tát (Nāgārjuna) tự soạn, mạo danh Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây chính là dùng tâm lượng phàm phu để suy lường thánh nhân! Nhưng người Hoa có cách nhìn chẳng giống như vậy, người Hoa thừa nhận [kinh Hoa Nghiêm và Đại Thừa]. Đây là chỗ khác biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa. Hiện thời nói đến Phật giáo nguyên thủy là nói tới Tứ A Hàm, tức là những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho các vị thuộc nhóm Kiều Trần Như. Chúng ta cũng phải hiểu chuyện này, nhưng quyết định đừng bị mê hoặc bởi các luận thuyết rối ren! [Hễ bị mê hoặc] thì là sai lầm mất rồi! Trong pháp Đại Thừa có nói *"đức Phật không có pháp nhất định để có thể nói"*, đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói. Đức Phật lại chưa hề nói một câu pháp nào! Năm người ấy do đâu mà có? Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] giới thiệu đơn giản.

(Diễn) Phật sơ xuất gia nhập sơn tu đạo, phụ vương tư niệm, mạng Trần Như, Mã Thắng đẳng ngũ nhân tùy thị.

(演)佛初出家入山修道，父王思念，命陳如馬勝等五人隨侍。

*(**Diễn**: Lúc đức Phật mới xuất gia, vào núi tu đạo, phụ vương lo nghĩ, bèn sai nhóm năm người như Trần Như, Mã Thắng v.v… theo hầu).*

Năm người ấy[52] vốn là do phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật sai đến chăm sóc Ngài. Đức Phật vào núi tu đạo, cha Ngài chẳng an lòng, sai năm người đi theo chăm sóc Ngài. [Sở dĩ] có năm người ấy là như vậy đó.

(Diễn) Ngũ nhân bất thắng kỳ khổ, thoái cư Lộc Uyển.

(演)五人不勝其苦，退居鹿苑。

*(**Diễn**: Năm người không chịu khổ nổi, bèn lui về ở trong Lộc Uyển).*

Năm người ấy cũng rất có đạo tâm, nhưng họ thật sự chẳng kham nổi sự khổ hạnh của Thích Ca Mâu Ni Phật, thật sự chịu không nổi, bèn bỏ đi, chẳng ở cùng một chỗ với Ngài. Năm người ấy đến Lộc Dã Uyển, là một nơi nuôi nai, đến ở chỗ đó để tự tu hành.

(Diễn) Phật thành đạo dĩ, quán ngũ nhân nghi tối tiên đắc độ, cố Phật chí Lộc Uyển, thuyết pháp độ chi.

(演)佛成道已，觀五人宜最先得度，故佛至鹿苑，說法度之。

*(**Diễn**: Đức Phật đã thành đạo, quán thấy năm người ấy đáng nên đắc độ trước tiên, nên đức Phật đến Lộc Uyển thuyết pháp độ họ).*

Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành đạo, quán xem người nào khế cơ nhất, người nào đắc độ đầu tiên? Đến Lộc Dã Uyển, Ngài nhìn thấy năm người ấy, thấy Kiều Trần Như cơ duyên đã chín muồi, liền thuyết pháp cho các vị ấy. Vừa thuyết pháp, tôn giả Kiều Trần Như khai ngộ đầu tiên,

---

[52] Năm vị ấy thường gọi là Ngũ Tỳ Kheo (Pancaka Bhadravargiya, Ngũ Hiền Giả) chính là Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya, dịch nghĩa là Liễu Bổn Tế), Bạt Đề (Bhaddiya, dịch nghĩa là Tiểu Hiền), Bạt Ba (Vappa, dịch nghĩa là Bá Chủng), Ma Ha Nam (Mahānāma, dịch nghĩa là Đại Danh), A Thuyết Thị (Assaji, dịch nghĩa là Mã Thắng). Tùy theo cách phiên âm sai khác mà danh hiệu các Ngài được ghi hơi khác nhau trong các kinh luận, như kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả ghi là Kiều Trần Như, Bạt Đà La Xà, Ma Ha Na Ma, Bạt Ba, A Xá Bà Xà; luật Tứ Phần ghi là Kiều Trần Như, Bạt Đề, Ma Ha Na Nam, Bà Phu, A Thấp Tỵ v.v… Ngài Kiều Trần Như thuộc chủng tánh Bà La Môn, tinh thông Phạn điển ngay từ khi còn rất trẻ, nên được bổ làm quan cố vấn của Tịnh Phạn Vương. Tôn giả Phú Lâu Na là cháu gọi ngài Kiều Trần Như bằng cậu.

chứng quả A La Hán, nên Ngài là đệ tử thứ nhất. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, thấy Ngài được nêu tên đầu tiên, vì Ngài là người đầu tiên đắc độ khi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật độ chúng sanh. Kinh Kim Cang nói: Đời trước, vị này chính là vua Ca Lợi (Kaliṅga-rāja), còn Thích Ca Mâu Ni Phật là tiên nhân Nhẫn Nhục (Kṣānti-ṛṣi). Đời trước các Ngài có sự hiểu lầm rất lớn. Tiên nhân Nhẫn Nhục bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, trọn chẳng sanh tâm sân khuể, lại còn phát nguyện trong tương lai thành Phật, sẽ độ nhà vua đầu tiên. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, quả nhiên người được độ đầu tiên là tôn giả.

Do vậy có thể biết, đức Phật độ hết thảy chúng sanh đều có nhân duyên rất sâu. Chẳng có nhân duyên, chẳng thể đắc độ. Giống như nay chúng ta ở trong thời kỳ Mạt Pháp của đức Phật, có nhân duyên nghe bộ kinh điển này, từ bộ kinh điển này sanh khởi tín tâm, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật thà niệm Phật, đó cũng là có nhân duyên rất sâu. Nếu chẳng có duyên với A Di Đà Phật, chẳng có duyên với Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt một đời này, quý vị chẳng nghe pháp môn này, dẫu có nghe cũng chẳng tin tưởng. Vì thế, phàm là người có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ giống như nhóm các vị Kiều Trần Như, thiện căn, phước đức, nhân duyên đã gieo trong nhiều đời nhiều kiếp đến lúc ấy bèn chín muồi đó thôi!

Khi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, [nhân duyên của] nhóm người Kiều Trần Như đã chín muồi, bèn đắc độ đầu tiên. Đức Phật giảng cho các Ngài nghe pháp Khổ Tập Diệt Đạo. Phương pháp giảng giải của đức Phật gồm có chỉ dạy, khuyên lơn, làm chứng; đó gọi là *"tam chuyển pháp luân"*, là kỹ xảo thuyết pháp. Chúng ta xem chú giải.

(Diễn) Tam chuyển pháp luân giả, nhất, thị tướng chuyển.

(演)三轉法輪者，一、示相轉。

*(**Diễn**: Tam chuyển pháp luân: Một là chuyển bằng cách chỉ bày các tướng).*

Dưới đây là nêu ra ví dụ để nói.

(Diễn) Thử thị khổ, bức bách tánh.

(演)此是苦，逼迫性。

*(**Diễn**: Đây là khổ vì có tánh chất bức bách).*

Phạm vi của chữ *"thử"* (này) hết sức rộng rãi, bảo quý vị: Đây là khổ! Sanh là khổ, già cũng khổ, bệnh cũng khổ, chết cũng khổ, cầu chẳng được cũng khổ, yêu thương phải chia lìa cũng khổ, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ cũng khổ. Thường nói là ba khổ hoặc tám khổ, những điều ấy là khổ. Đó gọi là *"thị tướng chuyển"*. Vì sao khổ? *"Bức bách tánh"*, [nghĩa là] chúng nó có tánh chất bức ép khiến cho quý vị thân tâm chẳng thể yên ổn, đó là khổ! Khổ đang ép bức quý vị, nên dạy con người hãy giác ngộ các nỗi khổ trong thế gian. Đối với Khổ Đế, nêu lên một thí dụ để nói. Tiếp theo đây là nói tới Tập Đế, [nhằm giải thích] Khổ do đâu mà có?

(Diễn) Thử thị Tập, chiêu cảm tánh.
(演)此是集，招感性。
*(**Diễn**: Đây là Tập, có tánh chất chiêu cảm).*

Nếu quý vị hỏi những sự khổ ấy do đâu mà có ư? Khổ do chính quý vị chuốc lấy, chiêu tập nó. Nếu quý vị chẳng tìm kiếm nó, lấy đâu ra khổ? Chẳng có khổ! Chèo kéo khổ bằng cách nào? Khởi Hoặc, tạo nghiệp! Cái nhân là mê hoặc, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, mê mất rồi! Duyên là tạo nghiệp, tạo đủ thứ nghiệp. Vì sao tạo nghiệp? Vì mê hoặc. Do mê hoặc tạo nghiệp nên mới chịu báo. Quả báo là Khổ, [là kết quả của] những điều trước; nên nói là Hoặc, Nghiệp, Khổ. Đó là Tập, Tập là *"chiêu cảm tánh"*. Tạo nghiệp: Tạo thiện nghiệp sẽ thọ báo trong ba thiện đạo. Tạo ác nghiệp, thọ báo trong ba ác đạo. Lục đạo phàm phu chẳng có ai không tạo nghiệp. Luân hồi: Chúng ta tạo nghiệp rất nhiều, có thể nói là mỗi cá nhân đều đang tạo nghiệp trong mười pháp giới. Tạo nghiệp phức tạp như vậy, sẽ thọ báo của nghiệp nhân nào trước? Tùy thuộc nghiệp lực nào lớn mạnh, nghiệp lực nào mạnh mẽ! Nghiệp mạnh sẽ lôi trước, lôi đi trước thì sẽ "ưu tiên" thọ báo [của nghiệp ấy]. Hiểu sự thật này, chúng ta sẽ giác ngộ. Suốt ngày từ sáng đến tối, vọng niệm nào của chúng ta có sức mạnh lớn nhất, phải giác ngộ điều này! Nếu ý niệm tham ái mạnh nhất, chắc chắn sẽ vào ngạ quỷ đạo, đời sau làm quỷ. Tham là tham gì? Tham danh, tham lợi, tham tài, tham sắc, tham Phật pháp, đều là tham. Tham Phật pháp cũng phải đi vào ngạ quỷ đạo, vì quý vị chịu báo do cái tâm tham, chẳng cần biết quý vị tham điều gì! Nếu đoạn sạch tâm tham, chẳng tham ái hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị sẽ chẳng đọa làm ngạ quỷ.

Lại thưa cùng quý vị, ngoại lệ duy nhất là quý vị có thể yêu mến A Di Đà Phật, điều này chẳng sao hết! [Do yêu mến A Di Đà Phật], sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ [tham ái những điều khác] chẳng được đâu nhé! [Tham ái] những điều khác thì đều vào trong ngạ quỷ đạo! Nói thật thà, quý vị yêu mến Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không được, vẫn phải vào trong ngạ quỷ đạo, chẳng có cách nào thành tựu. Niệm A Di Đà Phật là một pháp môn đặc biệt, quý vị chỉ cần đặt A Di Đà Phật trong tâm, sẽ thành công, những điều khác đều buông xuống hết, như vậy thì mới có thể vãng sanh! Do đó, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật. Nếu quý vị hỏi "do nguyên nhân nào" ư? Kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đã nói rành mạch, vì sao niệm đức Phật khác không được, nhưng niệm Ngài (A Di Đà Phật) thì được? Niệm Ngài là đới nghiệp vãng sanh. Mang theo nghiệp gì vậy? [Chính là] nghiệp yêu mến A Di Đà Phật, có thể mang theo nghiệp ấy vãng sanh, [mang theo] những nghiệp khác thì không được. Trong hết thảy các Tịnh Độ khác của chư Phật, chẳng có đới nghiệp vãng sanh, chỉ riêng pháp môn này là có thể đới nghiệp vãng sanh.

Trong mỗi niệm đều là nóng giận, ganh ghét, nhất định phải đọa địa ngục, chúng ta thường có cái tâm ấy hay không? Có ý niệm ấy hay không? Ngạo mạn, kiêu căng, ngã mạn là A Tu La. Thị phi, thiện ác chẳng hiểu rõ ràng, mê hoặc, điên đảo, sẽ là súc sanh đạo. Nói thật thà, chúng ta mỗi ngày tạo nghiệp gì? Tạo ba ác đạo, quá đáng sợ, thật sự là khổ! Khởi Hoặc, tạo nghiệp, đấy là Tập Đế. Hai câu trên đây nói về nhân quả thế gian; hai câu sau sẽ nói đến nhân quả xuất thế gian.

(Diễn) Thử thị Diệt, khả chứng tánh.
(演)此是滅，可證性。
*(**Diễn**: Đây là Diệt, tánh có thể chứng).*

Tánh chất của nó là có thể chứng đắc. Diệt là diệt hết thảy khổ, diệt hết thảy mê hoặc tạo tác, có thể diệt những điều ấy. Nói cách khác, nó có thể diệt sanh tử, có thể diệt luân hồi, có thể diệt phiền não; những thứ ấy hư vọng, chẳng chân thật, quyết định có thể diệt trừ. Cách diệt như thế nào? Phải nói đến Đạo.

(Diễn) Thử thị Đạo, khả tu tánh.
(演)此是道，可修性。

*(**Diễn**: Đây là Đạo, tánh có thể tu).*

Có thể tu học. Đối với Đạo, Tiểu Thừa nói ba mươi bảy Đạo Phẩm, còn đối với Đại Thừa sẽ là lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh cũng chẳng ra ngoài ba mươi bảy Đạo Phẩm. Ba mươi bảy khoa mục ấy quy nạp lại sẽ là Tam Học Giới, Định, Huệ. Vô lượng vô biên pháp môn đều chẳng lìa khỏi Tam Học, dùng Tam Học sẽ bao gồm toàn bộ.

Nói theo kiểu này, Thị Tướng chính là khai thị. Nói theo phía người căn cơ nhạy bén, hễ vừa nói, họ liền giác ngộ. Căn tánh con người có ba hạng, đối với người bậc thượng, đức Phật chỉ cần nêu ra, chỉ bày, họ liền giác ngộ, quay đầu. Đối với người căn tánh bậc trung, tuy chỉ bày, họ vẫn luôn cảm thấy chẳng liên quan gì tới mình cho lắm, chẳng thấu hiểu sâu đậm như vậy. Đức Phật lại dùng phương pháp khuyên dạy, *"khuyên"* là trực tiếp nói với quý vị.

(Diễn) Nhị, khuyến tu chuyển. Thử thị Khổ nhữ ưng tri, thử thị Tập nhữ ưng đoạn, thử thị Diệt nhữ ưng chứng, thử thị Đạo nhữ ưng tu.

(演)二、勸修轉。此是苦汝應知，此是集汝應斷，此是滅汝應證，此是道汝應修。

*(**Diễn**: Hai là khuyến tu chuyển. Đây là Khổ ngươi nên biết. Đây là Tập ngươi nên đoạn. Đây là Diệt ngươi nên chứng. Đây là Đạo ngươi nên tu).*

Đây là nói thẳng, chỉ dạy quý vị, còn trong trường hợp trước, chẳng chỉ dạy quý vị trực tiếp, mà nói với đại chúng. Quý vị hãy nên thấu hiểu, đây là chỉ dạy thẳng thừng, quý vị hãy nên biết điều này! *"Khuyến"* [có nghĩa là] quý vị phải nên làm theo cách nào! Sau khi đã được khuyên, căn tánh bậc trung sẽ giác ngộ. Kẻ căn tánh bậc hạ sau khi được khuyên vẫn chưa tin tưởng: "Quý vị nói những lời này là thật ư?" Nửa tin nửa ngờ! Bất đắc dĩ, lại làm chứng cho kẻ đó. Nói theo cách hiện thời là phải "nêu ra chứng cớ". Đức Phật lấy ngay chính mình làm thí dụ.

(Diễn) Tam, tác chứng chuyển, thử thị Khổ, ngã dĩ tri.

(演)三、作證轉，此是苦我已知。

*(**Diễn**: Ba là tác chứng chuyển, đây là Khổ, ta đã biết).*

Ta có thể chứng minh cho quý vị, ta đã biết.

(Diễn) Thử thị Tập, ngã dĩ đoạn.
(演)此是集我已斷。
*(**Diễn**: Đây là Tập, ta đã đoạn).*

Quý vị có mê hoặc, có tạo nghiệp, ta chẳng mê hoặc, cũng chẳng tạo nghiệp. Ta chẳng mê hoặc, tức là duyên đã đoạn. Ta chẳng tạo nghiệp, nhân đã đoạn. Nhân và duyên đều đã đoạn, đương nhiên quả báo sẽ đoạn.

(Diễn) Thử thị Diệt, ngã dĩ chứng. Thử thị Đạo, ngã dĩ tu.
(演)此是滅我已證，此是道我已修。
*(**Diễn**: Đây là Diệt, ta đã chứng. Đây là Đạo, ta đã tu).*

"Tôi nói với quý vị, câu nào cũng đều là lời chân thật", đây là đức Phật hiện thân thuyết pháp, vì mọi người làm chứng. Đó gọi là Tác Chứng Chuyển. Đấy là Tam Chuyển Pháp Luân. Câu văn Tam Chuyển Pháp Luân này giống như công thức toán học, chúng ta hãy nên học tập điều này. Nhất là hoằng pháp, luôn luôn chẳng rời khỏi nguyên tắc này, bất luận ở chỗ nào, gặp kẻ nào hỏi pháp, quý vị giữ vững nguyên tắc này, chắc chắn sẽ không phạm sai lầm. Thị chuyển, khuyến chuyển, tác chứng chuyển! Lại xem đoạn kế tiếp:

(Sao) Duyên Giác nhiếp giả.
(鈔)緣覺攝者。
*(**Sao**: [Nói Thanh Văn] là đã bao gồm Duyên Giác).*

Kinh này chẳng nhắc tới Duyên Giác, Duyên Giác được bao gồm trong Thanh Văn, tỉnh lược!

(Sao) Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên nhi đắc khai ngộ, tuy thập nhị chi, nhi thúc chi bất xuất Tứ Đế.
(鈔)緣覺觀十二因緣而得開悟，雖十二支，而束之不出四諦。
*(**Sao**: Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên nên khai ngộ. Tuy*

gồm mười hai chi, nhưng tóm lại, chẳng ra ngoài Tứ Đế).

"Thập nhị chi" cũng là mười hai khoa mục. *"Thúc"* (束) là quy nạp. Quy nạp lại thì [Thập Nhị Nhân Duyên] cũng chẳng ra ngoài Tứ Đế. Vì thế, trong pháp Tiểu Thừa, Tứ Đế được gọi là căn bản pháp luân. Thập Nhị Nhân Duyên bất quá là triển khai Tứ Đế để nói tỉ mỉ, rõ ràng mà thôi!

(Sao) Tuy hữu lợi sanh chi tâm, nhi diệc vị quảng, cố nhiếp Thanh Văn trung dã.

(鈔)雖有利生之心，而亦未廣，故攝聲聞中也。

*(**Sao**: Tuy có tâm lợi sanh, nhưng cũng chưa rộng, nên gom vào hàng Thanh Văn).*

Tiếng Phạn là Bích Chi Phật (Pratyeka-buddha), dịch sang tiếng Hán là Duyên Giác; Ngài từ Thập Nhị Nhân Duyên (Dvādaśāga-pratītya Samutpāda Aṅga) mà khai ngộ. Hạng người này tuy cũng độ chúng sanh, nhưng không chủ động, giống như A La Hán. Quý vị đến tìm Ngài, Ngài thấy quý vị rất có duyên phận với Ngài trong đời quá khứ, bèn độ quý vị. Ngài có thể nhập Định quán sát, [nếu thấy] trong đời quá khứ chẳng có duyên với chính Ngài, bèn chẳng độ quý vị, vì sao? Nói ra, quý vị sẽ không tin tưởng, mà cũng chẳng bằng lòng nghe. Ta cũng đỡ tốn công nói, mà quý vị cũng ít phiền não. Ngài bảo quý vị hãy đi đi. Bồ Tát tâm từ bi sâu nặng, chủ động giáo hóa chúng sanh; A La Hán và Bích Chi Phật chẳng chủ động dạy người khác; vì thế, các Ngài thuộc về Tiểu Thừa. Lời chú giải đơn giản dưới đây giảng rõ Thập Nhị Nhân Duyên là gì. Điều này cũng là thường thức trong Phật học.

(Diễn) Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên giả, nhất Vô Minh, vị Phiền Não Chướng, Phiền Não Đạo.

(演)緣覺觀十二因緣者，一、無明，謂煩惱障煩惱道。

*(**Diễn**: Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên: Một là Vô Minh, nghĩa là Phiền Não Chướng, Phiền Não Đạo).*

Vô Minh đang nói ở đây chính là Chi Mạt Vô Minh, chẳng phải là Căn Bản Vô Minh (Mūlāvidyā). Phá một phẩm Căn Bản Vô Minh sẽ là

Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, là Pháp Thân đại sĩ. A La Hán và Bích Chi Phật cũng phá vô minh, nhưng phá Chi Mạt Vô Minh. Chi Mạt Vô Minh là gì? Là Kiến Tư phiền não. Trong Tứ Đế, nó được gọi là Kiến Tư phiền não, còn trong Thập Nhị Nhân Duyên thì là Vô Minh (Vidyā), Vô Minh là Kiến Tư phiền não, là mê hoặc, *"Phiền Não Chướng, Phiền Não Đạo"* là như thế đó. Phiền Não Chướng là Kiến Hoặc, Phiền Não Đạo là Tư Hoặc, đó gọi là Kiến Tư phiền não, đấy là vô minh.

(Diễn) Nhị, Hành.
(演)二、行。
*(**Diễn**: Hai là Hành).*

Quý vị có Phiền Não Chướng, có Phiền Não Đạo, tức là quý vị có Kiến Tư Vô Minh, nhất định sẽ vọng động. Hành (Saṅkhāra) là tạo nghiệp.

(Diễn) Nghiệp chướng, nghiệp đạo.
(演)業障業道。
*(**Diễn**: Nghiệp chướng, nghiệp đạo).*

Đây là tạo tác. Vô Minh là duyên, Hành là nhân. Vô Minh xa hơn, nghiệp thì gần hơn. Nếu lấy quan hệ ông cháu ba đời để nói thì Vô Minh là ông nội, Hành là cha, sanh ra con là Thức trong phần kế tiếp. Thức là quả báo, năm điều tiếp theo đây đều là quả báo. Quan hệ hơi xa so với quả thì gọi là duyên, quan hệ mật thiết thì là nhân. Do đó, Vô Minh là duyên, Hành là nhân; có nhân, có duyên, sau đó là kết quả. Đó là *"nghiệp chướng, nghiệp đạo"*, nay chúng ta thảy đều đang tạo tác.

(Diễn) Thử nhị chi thuộc quá khứ.
(演)此二支屬過去。
*(**Diễn**: Hai chi này thuộc về quá khứ).*

Hai điều này đều nói về quá khứ, vì trong đời quá khứ, quý vị mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp, một đời này thọ báo, trở thành quả báo của quý vị. Cách thức thọ báo như thế nào? Trước hết là đến đầu thai. Trong lục đạo, chúng ta nói đến nhân đạo, tuy nói một đường này, nhưng năm đường kia đều chẳng ra ngoài lệ ấy, đều giống như nhau.

(Diễn) Tam, Thức, thác thai nhất phần khí tức.

(演)三、識，托胎一分氣息。

*(**Diễn**: Ba là Thức, tức là một phần khí tức nương gá nơi thai).*

"Thức" (Vijñāna) là thần thức, tục ngữ gọi nó là *"linh hồn"*. Linh hồn đến đầu thai. Thần thức có tốc độ vô cùng lớn, vượt thoát thời gian và không gian. Tuy Khổng lão phu tử chẳng nói rõ, nhưng từ văn chương của Ngài cũng thấu lộ đôi chút tin tức. Trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, Ngài nói: *"Du hồn vi biến"* (Cái hồn phiêu du biến hóa); thần thức chính là "du hồn" (遊魂), Khổng lão phu tử gọi nó là *"du hồn"*. Nói là *"du hồn"* thì tuyệt đối chánh xác. Vì sao? Tốc độ chuyển động của nó quá nhanh.

"Du hồn vi biến, tinh khí vi vật" (Cái hồn phiêu du biến hóa, tinh khí hóa thành vật), hai câu này hoàn toàn giống với vũ trụ quan và nhân sinh quan trong Phật pháp. *"Vật"* (物) là vật chất, vật chất từ đâu mà có? Do Tinh Khí biến thành vật. Có thể thấy Khổng lão phu tử hoàn toàn chẳng thừa nhận thật sự có vật chất tồn tại, vật chất là tinh khí mà thôi! Các khoa học gia hiện thời chẳng thừa nhận có vật chất, [họ nói] vật chất là chấn động, là huyễn tướng do ánh sáng chấn động, chẳng phải là thật sự có vật chất. Kinh Dịch từ hai ngàn năm trăm năm trước của Khổng lão phu tử có thể tương ứng với khoa học hiện đại. Các khoa học gia chẳng đọc sách của Khổng Tử. Họ đọc sách của Khổng Tử sẽ càng thông minh hơn, trong Phật pháp càng nói cặn kẽ hơn nữa. Tinh Khí như Khổng lão phu tử đã nói chính là gì? Trong Duy Thức gọi chúng là Kiến Phần. Vật là gì? Vật là Tướng Phần. Kiến Phần và Tướng Phần có cùng cội nguồn, Kiến Phần và Tướng Phần chẳng hai! Phật pháp nói như vậy đó!

Có rất nhiều người kết hôn nhưng suốt đời chẳng có con, vì sao? Chẳng có duyên! Con cái phải có duyên với quý vị thì chúng mới đầu thai vào nhà quý vị. Chúng nó chẳng có duyên với quý vị, sẽ chẳng đầu thai vào nhà quý vị. Nói cách khác, chúng nó đi đầu thai, phải tìm đối tượng. Quý vị mong cầu chúng nó, chưa chắc chúng nó đã để ý tới quý vị! Tìm đối tượng nào? Có mối quan hệ trong đời quá khứ. Trong kinh, đức Phật đã nói bốn loại nhân duyên:

1) Loại thứ nhất là báo ân. Trong đời quá khứ, đôi bên có ân huệ với nhau, lần này chúng nó lại thấy quý vị, bèn đầu thai vào nhà quý vị, sẽ trở thành con hiếu, cháu hiền, đến để báo ân.

2) Loại thứ hai là báo oán. Trong đời quá khứ, quý vị kết cừu hận với họ. Gặp gỡ lần này, họ đến làm con cái quý vị, mai sau lớn lên sẽ thành đứa con khiến cho gia đình suy bại, khiến cho quý vị nhà tan, người chết, nó đến để báo thù quý vị! Vì thế, chớ nên kết oán cừu cùng kẻ khác. Kẻ oán cừu bên ngoài có thể đề phòng, chứ họ đến đầu thai trong nhà quý vị, làm cách nào đây? Quý vị hại chết kẻ đó, thần thức kẻ ấy sẽ đến làm con cháu trong nhà quý vị. Đó gọi là "con cháu ngỗ nghịch" khiến cho nhà tan, người chết!

3) Loại thứ ba là đòi nợ. Đời quá khứ, cha mẹ thiếu nợ chúng nó, chúng nó đến đòi nợ. Nếu thiếu nợ ít, nuôi hai, ba năm, con bèn chết. Nếu thiếu nợ nhiều, đại khái là nuôi đến khi tốt nghiệp đại học, sắp có thể làm việc bèn chết mất. Nợ đã đòi xong, nó bèn ra đi.

4) Loại thứ tư là trả nợ. Con cái thiếu nợ cha mẹ, đời này gặp gỡ, nó phải trả nợ. Nó phải nỗ lực làm lụng để nuôi nấng cha mẹ. Nếu nó thiếu nợ cha mẹ rất nhiều, nó cung phụng cha mẹ vật chất rất trọng hậu. Nếu thiếu nợ rất ít, nó lo cho cuộc sống cha mẹ rất tệ bạc, miễn sao quý vị chẳng chết đói là được rồi. Hạng người này tuy có thể phụng dưỡng cha mẹ, nhưng thiếu lòng cung kính, chẳng có tâm hiếu thuận. Báo ân bèn có tâm hiếu thuận, chứ trả nợ chẳng có tâm hiếu thuận. Thậm chí trong lòng chúng nó còn ghét bỏ, chán ngán cha mẹ, nhưng vẫn cho quý vị tiền để sống, nhiều hay ít là do xưa kia chúng nó thiếu quý vị nhiều hay ít.

Đức Phật dạy rõ chân tướng sự thật, người một nhà là do bốn loại quan hệ ấy mà tụ hợp. Gia đình là như thế, mà người trong một họ cũng là như thế. Ân, oán, nợ nần nhiều, bèn biến thành cha con, anh em một nhà. Ân, oán, nợ nần ít hơn thì biến thành thân thích, bầu bạn. Do đó, giữa người và người với nhau đều có duyên phận. Quý vị đi đường, một kẻ xa lạ gật đầu mỉm cười với quý vị cũng là do duyên phận xưa kia. Thấy một kẻ xa lạ, vừa thấy kẻ ấy liền cảm thấy gai mắt cũng là do duyên phận trong quá khứ.

Phải hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta khởi tâm động niệm chớ nên không cẩn thận, ngàn muôn phần đừng kết oán cừu với hết thảy chúng sanh, đừng nên có quan hệ nợ nần với hết thảy chúng sanh. Thiếu nợ phải trả cho sạch nợ, để đời sau khỏi phải đền trả nữa. Chuyện này rất phiền toái! Giáo huấn của thánh hiền Nho và Phật đều dạy chúng ta phải hóa giải ân, oán. [Hóa giải] sẽ là phương pháp tốt lành nhất và viên mãn nhất. Chỉ có Nho và Phật mới có thể làm được, những thứ giáo dục khác

trong thế gian chẳng thể thực hiện được! Điều này nhằm nói rõ đầu thai chẳng phải là tùy tiện bèn trở thành người một nhà, chẳng phải như vậy, mà là đã có quan hệ trong đời quá khứ .

Khi vừa đầu thai thì lúc đó bèn gọi là Thức, do chẳng thể đặt tên gọi cho nó, nó mới vừa đầu thai mà! Mẹ hoài thai, tức là thần thức đến đầu thai.

(Diễn) Tứ, Danh Sắc.
(演)四、名色。
*(**Diễn**: Bốn là Danh Sắc).*

Danh Sắc (Nāmarūpa) là thai nhi còn chưa phát triển thành hình dạng [con người], đại khái là trong mười bốn ngày, chưa phát triển thành hình thể rõ rệt, thứ gì cũng chẳng nhận ra được, chỉ là một khối thịt, nhưng trong khối thịt ấy có thần thức, nên gọi là Danh Sắc. Danh là tâm, sống động, chẳng chết cứng, Sắc là vật chất. [Vì thế], gọi [gộp chung] là Danh Sắc.

(Diễn) Ngũ, Lục Nhập.
(演)五、六入。
*(**Diễn**: Năm là Lục Nhập).*

Lục Nhập (Ṣaḍāyatana) là thai nhi thành hình, mang dáng vẻ con người, sáu căn đã mọc ra, khi đó sẽ gọi là Lục Nhập. Khi sáu căn chưa lộ ra thì gọi là Danh Sắc.

(Diễn) Lục căn thành, thử thai trung.
(演)六根成，此胎中。
*(**Diễn**: Sáu căn hình thành, những giai đoạn này đều ở trong thai).*

Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, ba chi này đều ở trong thai.

(Diễn) Lục, Xúc.
(演)六、觸。
*(**Diễn**: Sáu là Xúc).*

Xúc (Sparśa) là xuất thai, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, tức là

được sanh ra. Có thể nói là từ sanh ra cho đến khi già, chết, luôn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài. Vì thế, sau khi rời khỏi thân mẹ đều gọi là Xúc, thời gian này hết sức dài. Vì sao xếp nó vào chỗ này? Xếp nó vào [chỗ này] là có đạo lý. Ví như đứa trẻ vừa mới được sanh ra, tuy tiếp xúc [cảnh giới] bên ngoài, nó vẫn chưa có cảm nhận, vẫn chưa thể phân biệt.

(Diễn) Thất, Thọ, lãnh nạp tiền cảnh hảo ác đẳng sự.

(演)七、受，領納前境好惡等事。

***(Diễn**: Bảy là Thọ, lãnh nhận những chuyện ưa ghét thuộc tiền cảnh).*

Trẻ thơ [chưa đầy năm] vẫn chưa có yêu ghét, chẳng có gì ham thích, chẳng có gì chán ghét, mà cũng chẳng sợ hãi, ngay cả phân của chính nó, nó cũng ăn. Lúc đó, nó điều gì cũng chưa hiểu, tức là có Xúc, nhưng chẳng có Thọ (Vedanā). Đợi cho nó dần dần lớn lên, bèn có tâm yêu ghét. Trước khi có Thọ, người Hoa thường nói là *"thiên chân"* (ngây thơ, ngờ nghệch). Trong tâm nó thanh tịnh, hết sức vui sướng, chẳng lo lắng, chẳng ưa ghét. Người thuở trước, thời gian ngây thơ rất lâu, thông thường là từ mười tuổi trở đi mới biết đến ưa ghét, có ưa thích, có chán ghét, trước khi mười tuổi thì chẳng biết. Tuổi thơ hạnh phúc quá! Trẻ nhỏ hiện thời đáng thương lắm, một hai tuổi đã có ưa, ghét, thời gian thơ ngây bị rút ngắn! Nó phải chịu khổ, chịu vui trước tuổi, cớ sao biết trước tuổi? Hằng ngày xem TV, TV dạy nó mỗi ngày! Vì thế, trẻ hai ba tuổi đã biết nhìn sắc mặt, nhận biết giọng điệu, biết người lớn đang vui thích hay chán ghét, trong tâm nó bèn toan tính, vận dụng tâm cơ! Trước kia, trong xã hội nông thôn, trẻ mười một, mười hai tuổi, chuyện gì cũng không biết, trừ chơi đùa ra, nó chẳng hiểu chuyện, thời gian ngây thơ dài lâu, hiện thời đã bị rút ngắn.

Đừng sanh làm người hiện thời! Đến đầu thai làm người, tôi không làm! Con người quá khổ! Chẳng sung sướng như người thuở trước, người hiện thời khổ hơn tiền nhân. Tuy hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, thật ra chẳng có ý vị như xưa kia. Ví dụ như đèn điện soi rất sáng, rất nhanh chóng, tiện lợi, bất quá chẳng có thi vị và tình điệu như đèn nến. Hiện thời, chúng ta đến Mỹ, ngồi máy bay khoảnh khắc bèn đến. Trước kia, ngồi thuyền buồm, phải mất mấy tháng, hoặc nửa năm, ý vị cũng khác hẳn! Cuộc sống của người xưa quả thật là tình thơ ý họa, hiện thời chẳng còn nữa. Người hiện thời sống như một cỗ máy, hết

sức đáng thương! Ý vị làm người chẳng có, ý nghĩa giá trị con người bị chôn vùi. Tôi thấy nhân gian hiện thời chẳng thể coi là thiện đạo, mà A Tu La cũng chẳng thể coi là thiện đạo. Vì lẽ đó, Thọ là lãnh nạp cảnh giới ưa hay ghét.

Năm loại quả báo này là quả báo trong đời này, Vô Minh và Hành trong kiếp trước là duyên, là nhân. Có nhân duyên ấy thì mới có quả báo trong một đời này. Nếu chư vị thật sự hiểu đạo lý trong Phật pháp, nói "hiểu đạo lý trong Phật pháp" nghĩa là nhận thức chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đời này chúng ta chịu khổ, hưởng vui, chớ nên oán trời hờn người. Vì sao? Tự làm, tự chịu. Khổ nạn chẳng phải do người khác ban cho chúng ta, mà do chính mình tạo tác! Làm sao có thể trách móc kẻ khác cho được? Có thể nào oán trách ông trời chẳng công bằng? Chẳng thể! Dấy lên ý niệm ấy chính là lại tạo tội, tạo tội càng nặng hơn! Phát tài hay trúng số đều do mạng. Chẳng có vận mạng ấy, bèn hủy phá tượng Bồ Tát, quỷ, thần, tạo tội nghiệp càng lớn hơn nữa. Tôi nghe nói có kẻ chơi vé số Lục Hợp Thái[53], lạy lục Phật, Bồ Tát, cầu các Ngài phù hộ họ trúng số. Không trúng số, hôm sau bèn chặt đầu tượng Phật, Bồ Tát, đốt rụi, đó là tạo nghiệp! Tội nghiệp oán trời hờn người càng nặng! Thọ là có nhân quả. Ba điều tiếp theo lại là sự tạo tác trong đời hiện tại.

(Diễn) Bát, Ái.
(演)八、愛。
*(**Diễn**: Tám là Ái).*

Ái (Tṛṣṇā) là tham ái.

(Diễn) Ái nam, nữ, kim, ngân đẳng sự.
(演)愛男女金銀等事。
*(**Diễn**: Yêu mến những thứ như nam, nữ, vàng, bạc v.v...).*

Phạm vi của Ái quá nhiều, có chữ Đẳng (vân vân) là đủ [diễn tả ý

[53] Lục Hợp Thái là một loại vé số lưu hành tại Hương Cảng, thường được biết dưới tên tiếng Anh là Mark Six, do Hương Cảng Tưởng Khoán Quản Lý Cục (Cục quản lý xổ số của Hương Cảng) phát hành, do Hương Cảng Trại Mã Hội (hội đua ngựa Hương Cảng) chịu trách nhiệm phân phối chính. Vé được xổ vào chín giờ ba mươi tối hằng tuần, thường là thứ Ba, thứ Năm và Chủ Nhật. Người chơi đoán sáu số từ 1 đến 49.

quá nhiều]. Ái là vô minh, là mê hoặc. Đã ái, kẻ ấy còn có hành động, tạo tác; sau khi đã có tạo tác bèn Thủ.

(Diễn) Cửu, Thủ, phàm kiến nhất thiết cảnh giới sanh thủ trước tâm.

(演)九、取，凡見一切境界生取著心。

*(**Diễn**: Chín là Thủ, hễ trông thấy hết thảy cảnh giới bèn sanh tâm chấp giữ).*

Tự mình yêu thích, đó là Ái. Muốn chiếm hữu nó, đó là Thủ (Upādāna). Không ưa thích nó, muốn lìa khỏi nó, cũng là Thủ, đều là chấp giữ, là tạo nghiệp, tạo tác. Khởi tâm động niệm tạo tác đều bao gồm trong chữ [Thủ] này. Sau tạo tác bèn Hữu.

(Diễn) Thử nhị vị lai nhân, giai thuộc phiền não, như quá khứ vô minh.

(演)此二未來因，皆屬煩惱，如過去無明。

*(**Diễn**: Hai điều này đều là cái nhân của vị lai, đều thuộc về phiền não, giống như vô minh trong quá khứ).*

Đây là mê hoặc, mê hoặc tạo nghiệp! Còn có nghiệp tập chủng tử.

(Diễn) Thập, Hữu. Nghiệp dĩ thành tựu, thị vị lai nhân thuộc nghiệp đạo, như quá khứ Hành.

(演)十、有。業已成就，是未來因屬業道，如過去行。

*(**Diễn**: Mười là Hữu, nghiệp đã thành tựu, là cái nhân của vị lai, thuộc về nghiệp đạo, giống như Hành trong quá khứ).*

Hữu (Bhava) là gieo chủng tử thiện ác trong A Lại Da Thức. Hữu là có chủng tử. Có chủng tử thì đời sau lại phải thọ báo. Sự tạo tác của chúng ta trong đời này là Ái, Thủ, Hữu.

(Diễn) Thập nhất, Sanh, vị lai thọ sanh sự.

(演)十一、生，未來受生事。

*(**Diễn**: Mười một là Sanh, tức là chuyện thọ sanh trong tương lai).*

Đời sau còn phải luân hồi, phải đi đầu thai.

(Diễn) Thập nhị, lão tử.
(演)十二、老死。
*(**Diễn**: Mười hai là già chết).*

Sau khi đầu thai, lại phải làm những chuyện này, vĩnh viễn luân chuyển, đó là luân hồi. Vì sao có luân hồi? Hiện tượng luân hồi là gì? Thập Nhị Nhân Duyên đã giải đáp vấn đề này cho quý vị. Luân hồi do chính mình tạo ra! Hiện tượng luân hồi đáng sợ dường ấy, chúng ta phải giác ngộ điều này. Sau khi giác ngộ, phải như thế nào thì mới có thể lìa khỏi luân hồi? Lìa khỏi luân hồi, chẳng thể lìa khỏi [luân hồi từ nơi] quả báo được! Có người sống rất đau khổ, cảm thấy cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì, bèn tự sát. Tự sát có thể giải quyết vấn đề hay chăng? Chẳng thể giải quyết vấn đề, [vì] chẳng thể giải quyết vấn đề nơi quả báo! Để giải quyết vấn đề thì phải giải quyết từ nhân và duyên, đoạn sạch nhân và duyên. Chúng ta biết Ái là duyên, quý vị có thể chẳng yêu thích hết thảy, sanh tử luân hồi sẽ bị đoạn. Đó là một phương pháp rất thông minh. Nếu chưa thể, [hãy thực hiện] từ Thủ, đoạn sạch Thủ cũng được, cũng lìa thoát luân hồi. Từ Quyền Giáo trở xuống, tức là Quyền Giáo Bồ Tát, Duyên Giác, và Thanh Văn đều thực hiện đoạn trừ [luân hồi] từ hai điều này. Hàng Bồ Tát lợi căn, Đại Thừa Bồ Tát, Thật Giáo Bồ Tát thực hiện từ Hữu, đó là công phu thật sự. Hữu là gì? Các Ngài chẳng đoạn Ái và Thủ, nhưng trong tâm chẳng giữ ấn tượng, đó là cao minh nhất. Mật Tông đoạn từ chỗ này, chúng ta có bản lãnh ấy hay chăng? Ái và Thủ chẳng đoạn, tâm địa thanh tịnh chẳng giữ lại ấn tượng, kẻ bình phàm sẽ chẳng thể làm được chuyện ấy! Đối với kẻ bình phàm, hai chữ trước sẽ dễ dàng, chữ sau hết sức khó khăn! Vì lẽ đó, [người đoạn trừ được Hữu] sẽ là Đại Thừa Bồ Tát. Hễ làm được, bèn dạo chơi trong nhân gian, thật sự đắc đại tự tại. Người có Ái và Thủ, nhưng chẳng có Hữu, sẽ chẳng đọa lạc luân hồi.

Chúng ta chẳng làm được, chỉ đành niệm A Di Đà Phật. Niệm A Di Đà Phật, chúng ta cũng có Hữu. Ái, Thủ và Hữu đều có, chúng ta ái A Di Đà Phật, thủ A Di Đà Phật, trong tâm có A Di Đà Phật, như vậy là đới nghiệp vãng sanh. Vì trong lục đạo luân hồi chẳng tìm thấy A Di Đà Phật, trong ba ác đạo chẳng có A Di Đà Phật, trong Tu La cũng chẳng có A Di Đà Phật, trong cõi người cũng chẳng có A Di Đà Phật, trong cõi

trời cũng chẳng có A Di Đà Phật. Vì thế, quý vị ái, thủ, hữu A Di Đà Phật, sẽ chẳng có cách nào thọ báo trong lục đạo, đành phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để thọ báo, tuyệt diệu thay! Do vậy, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có pháp môn nào diệu bằng pháp môn này! Nay chúng ta đối với ba thứ Ái, Thủ, Hữu đều chẳng đoạn trừ, chỉ có cách thay đổi ý niệm, đổi thành A Di Đà Phật. Vì vậy, tôi bảo các vị đồng tu hằng ngày hãy nhìn ngắm tượng Phật, mỗi ngày niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà, chớ nên gián đoạn ngày nào, thật sự phải làm được *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, như vậy là tốt đẹp!

(Diễn) Thử tức thị Tứ Đế, sở dĩ trùng khai giả.
(演)此即是四諦，所以重開者。
*(**Diễn**: Đấy chính là Tứ Đế được mở rộng ra).*

Đây chính là triển khai Tứ Đế thành Thập Nhị Nhân Duyên.

(Diễn) Dĩ Duyên Giác chi nhân, tiên quán Tập Đế.
(演)以緣覺之人，先觀集諦。
*(**Diễn**: Vì hàng Duyên Giác trước là quán Tập Đế).*

Họ chẳng giống Thanh Văn. Thanh Văn tu tập từ Khổ Đế, còn Duyên Giác tu tập từ Tập Đế.

(Diễn) Sở vị Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, nãi chí Sanh duyên Lão Tử, thử tắc sanh khởi.
(演)所謂無明緣行，行緣識，乃至生緣老死，此則生起。
*(**Diễn**: Thường nói là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, cho đến Sanh duyên Lão Tử. Đấy chính là sanh khởi).*

Tùy thuận Thập Nhị Nhân Duyên là sanh tử luân hồi. Nếu muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, đi ngược lại Thập Nhị Nhân Duyên là được.

(Diễn) Nhược Diệt quán giả, Vô Minh diệt, tắc Hành diệt, nãi chí Sanh diệt, tắc Lão Tử diệt.

(演)若滅觀者，無明滅，則行滅，乃至生滅，則老死滅。

*(**Diễn**: Nếu quán Diệt thì Vô Minh diệt ắt Hành diệt, cho đến Sanh diệt thì Lão và Tử đều diệt).*

Quý vị xem ngược trở lại thì chính là trí huệ, sẽ thấy thấu suốt vũ trụ và nhân sinh.

(Diễn) Nhân quán Thập Nhị Nhân Duyên, giác Chân Đế lý, cố ngôn Duyên Giác. Thử nhân đoạn tam giới Kiến Tư, dữ Thanh Văn đồng.

(演)因觀十二因緣，覺真諦理，故言緣覺。此人斷三界見思，與聲聞同。

*(**Diễn**: Do quán Thập Nhị Nhân Duyên, giác ngộ lý Chân Đế; vì thế nói là Duyên Giác. Người này đoạn Kiến Tư Hoặc trong tam giới, giống như Thanh Văn).*

Đoạn chứng của Duyên Giác giống như Thanh Văn, nhưng thông minh hơn Thanh Văn.

(Diễn) Cánh xâm tập khí, cố cư Thanh Văn thượng.

(演)更侵習氣，故居聲聞上。

*(**Diễn**: Do đã đoạn trừ tập khí, nên cao hơn Thanh Văn).*

Thanh Văn đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng đoạn tập khí, còn Duyên Giác tập khí đoạn sạch, nên công phu cao hơn A La Hán. Tập khí là gì? Kinh Phật có một tỷ dụ: Ví như bình rượu dùng để đựng rượu, nay quý vị đổ sạch rượu đi, trong ấy xác thực là chẳng có rượu nữa. Quý vị lại dùng khăn khô lau chùi sạch sẽ, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu, đó gọi là tập khí. Trong các vị đệ tử của đức Phật, có rất nhiều vị là con em nhà phú quý theo Phật xuất gia. Người phú quý luôn có tập khí ngạo mạn, các Ngài đã chứng quả A La Hán, xác thực đã đoạn trừ ngạo mạn, thật sự chẳng có nữa, nhưng đôi khi vẫn còn thái độ cao ngạo, đó là tập khí. Có phải là thật sự có hay chăng? Thật sự chẳng có, các Ngài cung kính người khác, nhưng tập khí hãy còn! Phiền não đoạn dễ dàng, tập khí khó trừ! Tập khí thường khiến cho kẻ khác hiểu lầm, chẳng chướng

ngại sự tu hành của chính mình, nhưng gây trở ngại cho việc giáo hóa chúng sanh; do đó, phải đặc biệt chú ý tập khí. Làm người nhất định phải học khiêm hư, cung kính, lễ độ, nhường nhịn, học tập đoạn trừ những tập khí ấy. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 198

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ một, phần này nói về Thập Nhị Nhân Duyên, tức là sự tu chứng của bậc Duyên Giác.

(Diễn) Thúc chi bất xuất Tứ Đế giả, nhược Lưu Chuyển Môn, Vô Minh, Ái, Thủ tam chi thị Phiền Não Đạo, Hành, Hữu nhị chi thị Nghiệp Đạo, thử ngũ chi vi Tập Đế, Thức, Danh Sắc đẳng thất chi vi Khổ Đế.

(演)束之不出四諦者，若流轉門，無明愛取三支是煩惱道，行有二支是業道，此五支為集諦，識名色等七支為苦諦。

*(**Diễn**: "Tóm lại, chẳng ra ngoài Tứ Đế": Nếu xét theo Lưu Chuyển Môn, ba chi Vô Minh, Ái, Thủ là Phiền Não Đạo, hai chi Hành và Hữu là Nghiệp Đạo. Năm chi này là Tập Đế, bảy chi Thức, Danh Sắc v.v... là Khổ Đế).*

Tuy Thập Nhị Nhân Duyên nói khá tỉ mỉ, nhưng quy nạp lại, vẫn chẳng ra ngoài Tứ Đế. Tứ Đế là nói tới Khổ, Tập, Diệt, Đạo, trong Tập Đế là khởi Hoặc, tạo nghiệp. Vô Minh là phiền não trong quá khứ, Ái và Thủ là phiền não trong hiện tại. Ba chi này đều thuộc về phiền não, nên quy nạp vào Hoặc, Nghiệp, Khổ thì [ba chi ấy] là mê hoặc. Do mê hoặc nên mới có [quả báo là Khổ]. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt ghi nhớ, Vô Minh là chuyện thuộc đời quá khứ, chẳng thể làm gì được! Hiện thời, nếu sanh lòng tham ái hết thảy các pháp, nếu mong tưởng chấp trước, giữ lấy, thì chấp trước, giữ lấy là chiếm hữu, phải giác ngộ! Những điều ấy đều là mê hoặc, điên đảo.

Hành là tạo nghiệp trong đời quá khứ, Hữu là hiện tại, tức là tạo nghiệp trong một đời này. Đã có nghiệp, đương nhiên sẽ có quả báo. Hai chi Hành và Hữu là tạo nghiệp. Do vậy có thể biết, chúng ta có dục vọng chiếm hữu, Phật môn nói là tạo nghiệp. Thiện nghiệp có thiện báo, ác

nghiệp có ác báo, ác báo là trong ba ác đạo, thiện nghiệp ở trong ba thiện đạo. Nói chung, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi; do đó, chớ nên tạo nghiệp. Không tạo nghiệp, câu này nói dễ dàng quá, thực hiện rất khó! Vì sao? Khởi tâm động niệm đều đang tạo nghiệp, làm thế nào được nữa!

Hết thảy các pháp môn đều nhằm giúp chúng ta đoạn Hoặc, tiêu nghiệp, xuất ly lục đạo luân hồi. Trong hết thảy các pháp môn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không gì hơn pháp môn Niệm Phật. Trong mười hai thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm tưởng Phật, niệm Phật, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều chẳng quên mất câu Phật hiệu này, đấy cũng là đang tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tạo tịnh nghiệp, tạo nghiệp niệm A Di Đà Phật, kể ra nghiệp ấy cũng khá lắm, vì sao? Trong tam giới lục đạo chẳng có, [tức là] trong ba thiện đạo chẳng có A Di Đà Phật, trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật, đó là tịnh nghiệp. Tạo tịnh nghiệp, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ con đường này ra, thưa thật cùng quý vị, chúng ta chẳng tìm thấy con đường thứ hai nào dễ đi! Chúng ta phải tạo tịnh nghiệp, nghiệp thiện và ác đều chớ nên tạo. Không chỉ là chớ nên tạo ác nghiệp, mà thiện nghiệp cũng chẳng làm; như vậy thì mới có thể xuất ly.

Vô Minh, Ái, Thủ, Hành, Hữu, năm điều này là Tập Đế. Trừ năm điều ấy ra, bảy điều kia là Khổ Đế. Từ Thức đến Thọ đều là quả báo trong một đời này. Quá khứ tạo nhân, hiện tại lãnh chịu quả. Ái, Thủ, Hữu là tạo nhân hiện tại. Sanh, Lão, Tử là quả báo trong đời sau. Nếu quý vị hỏi lục đạo luân hồi do đâu mà có, thì Thập Nhị Nhân Duyên đã giảng rành mạch, rõ ràng. Điều này được gọi là Lưu Chuyển Môn. Lưu Chuyển là đi theo thứ tự thuận, đó là tạo tác lục đạo luân hồi. Nếu ngược lại thì…

(Diễn) Nhược Hoàn Diệt Môn, diệt tiền Thập Nhị Nhân Duyên chi trí vi Đạo Đế, chứng tịch diệt lý vi Diệt Đế.

(演)若還滅門，滅前十二因緣之智為道諦，證寂滅理為滅諦。

*(**Diễn**: Nếu là Hoàn Diệt Môn, cái trí diệt mười hai nhân duyên trên đây là Đạo Đế, chứng lý tịch diệt là Diệt Đế).*

Quý vị hãy giác ngộ trong chốc lát, vì sao con người có già, chết? Vì có sanh. Chẳng có sanh, sẽ chẳng có già, chết. Sanh có tốt đẹp gì?

Hậu quả của sanh là già, chết. Vì sao có sanh? Vì có Thủ. Vì sao có Thủ? Vì có Ái! Quý vị truy ngược lại để tìm nguyên nhân của chúng, đó là trí huệ. Đối với Thập Nhị Nhân Duyên, chỉ cần đoạn một điều trong mười hai điều, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Đoạn từ chỗ nào? Thưa cùng chư vị, phải đoạn từ nhân và duyên, chứ đoạn nơi quả chẳng được! Có những kẻ ngu si, cảm thấy cuộc sống rất đau khổ liền tự sát. Tự sát là đoạn nơi quả, chẳng đoạn được. Đã tự sát, chẳng đầy mấy ngày lại đầu thai, lại sanh ra, vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Vì vậy, tự sát chẳng phải là hết chuyện, chẳng thể giải quyết vấn đề. Không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà chỉ càng làm cho vấn đề tệ hại hơn, đời sau chẳng biết sẽ khổ hơn đời này bao nhiêu lần, đừng làm như thế! Phải đoạn từ nơi nhân, [đoạn] từ nơi nhân là đoạn nơi Tập Đế, chứ Khổ Đế chẳng có cách nào đoạn được, [bởi lẽ], Khổ là quả! Đối với Tập, chúng ta biết Vô Minh và Hành thuộc về đời quá khứ, đời quá khứ thì làm sao quý vị có thể đoạn được? Chỉ trong đời hiện tại thì xét trong Thập Nhị Nhân Duyên, đời hiện tại chỉ có ba chi là Ái, Thủ, Hữu. Trong ba chi Ái, Thủ, Hữu, có thể đoạn một chi. Hoặc là quý vị đoạn trừ Ái, đoạn trừ Thủ, đoạn trừ Hữu, đoạn một chi trong ba chi ấy là được, sẽ thoát lìa lục đạo luân hồi. Đó gọi là Hoàn Diệt Môn. Quý vị có trí huệ, biết chân tướng sự thật, biết thực hiện từ chỗ nào, đó là Đạo Đế. Đạo là phương pháp, cửa nẻo, quý vị đã tìm được. Thật sự vượt thoát luân hồi, liễu sanh tử, đó chính là Diệt Đế. Chứng lý tịch diệt là Diệt Đế. Đây là nói rõ Thập Nhị Nhân Duyên chẳng ra ngoài Tứ Đế.

Duyên Giác tuy độ chúng sanh, nói thật ra, chẳng khác A La Hán cho mấy! Ngài chẳng chủ động hóa độ chúng sanh, vẫn là chúng sanh đến cầu Ngài, Ngài mới chịu dạy. Chúng sanh chẳng cầu Ngài, Ngài sẽ chẳng tìm người khác [để dạy bảo], chẳng giống như Bồ Tát là *"bạn chẳng thỉnh"*. Vì thế, Ngài độ chúng sanh chẳng nhiều, mà cũng chẳng rộng. Duyên Giác và Thanh Văn được gọi là Tiểu Thừa. Nếu nói thành ba thừa thì Thanh Văn là Tiểu Thừa, Duyên Giác là Trung Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa.

(Sao) Toán số giả.
(鈔)算數者。
*(**Sao**: Tính toán…).*

Đoạn này nhằm giải thích câu kinh *"phi thị toán số chi sở năng*

tri" (chẳng thể tính toán để biết được). *"Toán số"* ở đây là một danh từ, được giải thích đơn giản [như sau].

(Sao) Thế gian toán số, tận ư Cửu Chương.

(鈔)世間算數，盡於九章。

*(**Sao**: Phép tính toán trong thế gian đều xuất phát từ Cửu Chương).*

Cửu Chương[54] là Toán Học cổ đại của Trung Hoa. Toán Học hiện thời tiến bộ hơn xưa kia rất nhiều.

---

[54] Toán Học cổ đại của Trung Hoa thường được gọi là Cửu Chương vì kiến thức Toán Học đã được hệ thống hóa và tổng hợp tương đối hoàn chỉnh bởi tác phẩm Cửu Chương Toán Thuật (tác phẩm này thường được coi là đã hoàn thiện vào triều đại nhà Hán). Không rõ ai là tác giả của tác phẩm này, chỉ biết người chỉnh lý là Trương Thương và Cảnh Thọ Xương. Tác phẩm này được chú giải rất nhiều, nổi tiếng nhất là các bản chú giải của Lưu Huy, Lý Thuần Phong, Giả Hiến, Dương Huy, Lý Hoàng v.v... Do tác phẩm này được chia thành chín chương, chép thành chín quyển, nên mới thường gọi là Cửu Chương. Hiện thời, bản lưu hành phổ biến nhất được dựa theo bản in trong niên hiệu Gia Định đời Tống. Bộ sách này gồm hai trăm bốn mươi sáu bài toán, chia thành hai trăm lẻ hai thuật toán (Algorithms), bao gồm chín thể loại như sau:

1) Phương Điền (方田): Giảng về cách tính toán diện tích ruộng đất và phân số.

2) Túc Mễ (粟米): Cách tính toán để hoán chuyển các đơn vị đo lường lương thực, và đề cập nhiều vấn đề thuộc về tỷ lệ.

3) Suy Phân (衰分): Cách tính toán các quy tắc tỷ lệ thuận, tỷ lệ nghịch, tam suất v.v…

4) Thiếu Quảng (少廣): Cách rút căn bậc hai và bậc ba.

5) Thương Công (商功): Cách tính thể tích, cách tính toán vật liệu khi xây dựng các công trình lớn.

6) Quân Thâu (均輸): Cách tính thuế khóa và các vấn đề tỷ lệ phức tạp, lãi đơn, lãi kép v.v...

7) Doanh Bất Túc (盈不足): Cách giải các hệ thống phương trình tuyến tính, đặc biệt liên quan đến vấn đề thừa thiếu. Một bài toán điển hình là: *"Nhiều người cùng mua hàng, nếu mỗi người trả bảy đồng thì tổng số tiền thiếu mất bốn đồng, mỗi người trả tám đồng thì tổng số tiền thừa ra ba đồng. Hỏi có mấy người mua, tổng số tiền phải trả là bao nhiêu?"* (Đáp số là bảy người mua và món tiền phải trả là năm mươi ba đồng). Hiện thời, để giải bài toán này, có thể đơn giản dùng hệ phương trình {7x = y - 4; 8x= y+3}, trong đó x là số người mua, y là tổng số tiền phải trả, nhưng đối với Toán Học Trung Hoa thời đó, chưa có cách dùng ẩn số và các ký hiệu như trong

(Sao) Phật thuyết toán số, như A Tăng Kỳ phẩm, tắc phi thế nhân tâm lực sở kế.

(鈔)佛說算數，如阿僧祇品，則非世人心力所計。

*(**Sao**: Cách tính toán số lượng như đức Phật đã nói phẩm A Tăng Kỳ thì tâm lực của người đời chẳng thể tính toán được).*

"A Tăng Kỳ phẩm" là một phẩm của kinh Hoa Nghiêm. Phẩm kinh này giảng về Toán Học, [nói ra] những con số quá lớn, phàm phu chúng ta chẳng có cách nào tính toán.

(Sao) Kim vân toán số, thông thế xuất thế gian nhi ngôn dã. Dĩ kỳ đa đa vô tận, siêu xuất toán số chi ngoại, tuy Lạc Hoằng, Nhất Hạnh, vô sở thi kỳ xảo giả dã.

(鈔)今云算數，通世出世間而言也。以其多多無盡，超出算數之外，雖洛閎一行，無所施其巧者也。

*(**Sao**: Nay nói đến "toán số" là nói gồm trọn [các phương pháp tính toán trong] thế gian và xuất thế gian. Do con số ấy nhiều vô tận, vượt ngoài khả năng tính toán. Dẫu là Lạc Hoằng hoặc Nhất Hạnh, cũng chẳng có cách nào thi thố tài khéo được).*

Ở đây, kinh nói *"toán số"* đã bao gồm tất cả những cách tính toán

---

Toán Học Tây phương, để giải bài toán này, cổ nhân đã áp dụng thuật toán khá độc đáo và hơi khó hiểu, nhưng giải quyết vấn đề rất nhanh.

8) Phương Trình (方程): Cách giải hệ thống phương trình bậc nhất và cách cộng trừ các số âm và dương.

9) Câu Cổ (勾股): Các ứng dụng của định lý Pythagore (trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng số của bình phương hai cạnh còn lại, nghĩa là $a^2 + b^2 = c^2$).

Thật ra, Toán Học cổ Trung Hoa có đến mười bộ sách toán (thường gọi là Toán Kinh Thập Thư) gồm Châu Bễ Toán Kinh, Cửu Chương Toán Thuật, Hải Đảo Toán Kinh, Tôn Tử Toán Kinh, Trương Khâu Kiến Toán Kinh, Ngũ Tào Toán Kinh, Ngũ Kinh Toán Thuật, Tập Cổ Toán Kinh, Số Thuật Ký Di và Hạ Hầu Dương Toán Kinh, nhưng Cửu Chương Toán Thuật nổi tiếng nhất, chi tiết nhất, có thuật toán và nội dung phong phú nhất, văn phong rành mạch, khúc chiết nhất, nên được coi là sách toán trọng yếu nhất. Sách này được truyền sang Đại Hàn và Nhật Bản, tạo ảnh hưởng to lớn và khơi gợi hứng thú cao độ trong việc nghiên cứu Toán Học tại hai quốc gia ấy. Sách này còn được dùng làm tài liệu giáo khoa chủ yếu cho các quan đảm nhiệm dạy Toán trong Quốc Tử Giám đời Đường.

trong thế gian và xuất thế gian. Nhưng những con số ấy hết sức lớn, nếu chẳng phải là nhà Toán Học rất cao minh, tuyệt đối chẳng phải là kẻ tầm thường có thể tính toán nổi! *"Lạc Hoằng, Nhất Hạnh"* là những nhà Toán Học vào thời xưa của Trung Hoa. Liên Trì đại sư là người đời Minh; đương nhiên là từ sau nhà Minh, do giao thông phát triển, nhiều nhà toán học thuộc các quốc gia khác trên thế giới vượt trỗi Trung Quốc. Vào thời cổ, người Hoa vượt trội người ngoại quốc, hiện thời có rất nhiều người ngoại quốc chuyên tinh, suốt đời dốc sức nơi một môn, thâm nhập một môn, nên xuất hiện chẳng ít nhà Toán Học [lỗi lạc]. Những nhà Toán Học này cũng chẳng có cách nào biết rõ những con số được nói trong kinh Phật.

(Diễn) Toán số Cửu Chương giả.

(演)算數九章者。

*(**Diễn**: Toán số Cửu Chương...).*

Cửu Chương là gì? Ở đây là giải thích danh từ Cửu Chương, nội dung chẳng thể nói chi tiết được. Nói thật ra, [các thuật toán trong Cửu Chương] cũng rất gần với Toán Học hiện đại. Toán Học cận đại tiến bộ hơn Toán Học Trung Hoa vào thời cổ rất nhiều.

(Diễn) Nhất Phương Điền, nhị Túc Bố, tam Sai Phân, tứ Thiếu Quảng, ngũ Thương Công, lục Quân Thâu, thất Phương Trình, bát Doanh Nục, cửu Câu Cổ.

(演)一方田，二粟布，三差分，四少廣，五商功，六均輸，七方程，八盈朒，九勾股。

*(**Diễn**: Một là Phương Điền, hai là Túc Bố, ba là Tu Phân, bốn là Thiếu Quảng, năm là Thương Công, sáu là Quân Thâu, bảy là Phương Trình, tám là Doanh Nục, chín là Câu Cổ).*

Nay chúng ta gọi *"phương trình"* là phương trình[55], *"câu cổ"* nay được gọi là rút căn bậc hai. Đây là những danh từ toán học Trung Hoa từ xưa[56].

---

[55] Hán ngữ hiện thời gọi Phương Trình (Equation) là Phương Trình Thức (方程式), nhưng chúng ta vẫn gọi là Phương Trình.

(Diễn) "Lạc Hoằng, Nhất Hạnh" giả, Lạc Hoằng Hán Vũ Đế thời nhân, tinh ư lịch số, Hán thời cải Chánh Sóc kỳ sở định dã, toán châu thiên số vân: "Hậu kỷ bách niên, đương hữu sai ngoa, tất hữu thánh nhân xuất nhi chánh chi".

(演)洛閎一行者，洛閎漢武帝時人，精於曆數，漢時改正朔，其所定也。算周天數云：後幾百年，當有差訛，必有聖人出而正之。

*(**Diễn**: "Lạc Hoằng[57], Nhất Hạnh": Lạc Hoằng là người sống vào thời Hán Vũ Đế, tinh thông lịch số. Việc sửa đổi ngày mồng Một tháng Giêng vào thời Hán là do ông ấn định. Khi ông tính toán số châu thiên*

---

[56] Tên gọi các chương của Cửu Chương trong sách Diễn Nghĩa hơi khác, có lẽ vì chép sai, hoặc do sử dụng các bản in khác nhau, chẳng hạn Túc Mễ được sách Diễn Nghĩa chép thành Túc Bố, hoặc gọi bằng danh từ khác như Doanh Nục (có nghĩa là thừa thiếu, đồng nghĩa với Doanh Bất Túc). Ở đây, thật ra Thiếu Quảng mới là rút căn bậc hai (square root). Câu Cổ còn gọi là Cao Thương hoặc Tất Thị Tam Nguyên Số (Tất Thị là phiên âm chữ Pythagore), chính là định lý bình phương cạnh huyền của một tam giác vuông bằng tổng số bình phương của hai cạnh kia. Mở rộng ra, những con số Câu Cổ là những số thỏa mãn điều kiện ấy, chẳng hạn (3, 4, 5) hoặc (8, 5, 11) v.v…

[57] Lạc Hoằng (tên gọi đầy đủ là Lạc Hạ Hoằng, 156-87 trước Công Nguyên, Lạc Hạ là họ kép), tự là Trưởng Công, người xứ Lãng Trung, Ba Quận (Tứ Xuyên), sống vào thời Tây Hán, là một nhà thiên văn và toán học lừng lẫy. Thoạt đầu, ông không ra làm quan, chuyên tâm nghiên cứu Thiên Văn và Triết Học. Ông chế ra dụng cụ quan sát các tinh tú để tính lịch pháp gọi là Hỗn Thiên Nghi (Armillary sphere) có hình cầu, có nhiều vòng đồng bao quanh để tính toán quỹ đạo của các tinh cầu. Vào năm Thái Sơ nguyên niên (104 trước Công Nguyên), Hán Vũ Đế nghe danh, xuống chiếu triệu ông đến Trường An để tu chỉnh lịch pháp. Ông hợp sức cùng với Đường Đô, Tư Mã Thiên, Tiên Ư Vọng v.v… soạn ra bộ lịch Thái Sơ, cải tiến cách tính lịch của Chuyên Húc đã lỗi thời của nhà Tần, tiến hành cải cách lịch pháp một cách hệ thống và hợp lý. Ông đề xướng nhiều cách tính lịch mới mẻ, chẳng hạn ông đề xướng bỏ quan niệm một năm gồm mười tháng trong lịch Chuyên Húc, chia một năm thành mười hai tháng và hai mươi bốn tiết Khí, ấn định bốn mùa theo đúng thứ tự và độ dài, quy định lại ngày đầu năm (Chánh Sóc), biến lịch Trung Hoa thành Âm Dương Lịch, giúp cho người dân chỉ coi lịch để tính toán thời điểm nông vụ, không cần phải tốn công quan sát thiên tượng để tiên đoán khí hậu như trước kia. Điểm đặc sắc của lịch Thái Sơ là ấn định một năm có 365 ngày, nhưng mỗi tháng tối đa chỉ có ba mươi ngày, nên mới sử dụng năm nhuần để hiệu chỉnh những sai lệch. Học thuyết Hỗn Thiên nhằm lý giải vũ trụ của ông (với quan điểm trái đất là trung tâm vũ trụ) về sau được Trương Hành hoàn thiện trở thành một học thuyết chánh yếu về vũ trụ quan của Trung Hoa mãi cho tới đời Thanh.

đã nói: "Mấy trăm năm sau, sẽ bị sai ngoa, ắt có thánh nhân ra đời sửa đổi cho đúng").

Lạc Hoằng là một nhà Toán Học. Toán Học là mẹ của khoa học! Số Lý[58] có thể suy diễn vận mạng suốt đời của mỗi cá nhân, mở rộng ra là quốc gia, thế giới, ngay cả sự vận chuyển của các tinh cầu trong vũ trụ cũng đều có thể tính toán. Rất nhiều tinh cầu trong Thiên Văn Học, trước hết là do suy luận Toán Học mà tìm ra, biết ở chỗ nào đó phải có tinh cầu. Sau đấy lại tìm tòi, quả nhiên tìm được. Đó là nhìn vào sự vận hành của tinh cầu, vì sự vận hành của nó bị ảnh hưởng bởi sức hấp dẫn giữa các vật thể, từ đó suy diễn ra [kết quả]. Tuy chưa phát hiện, nhưng biết là phải có [một thiên thể ở nơi đó], nên mới có hiện tượng ấy. Thiên Vương Tinh (Uranus) và Minh Vương Tinh (Diêm Vương Tinh, sao Pluto) đều là trước hết suy luận từ Số Lý, sau đấy mới tìm được những tinh cầu ấy. Có rất nhiều dự ngôn (lời tiên đoán) cũng được diễn dịch dựa trên suy luận Số Lý, nhưng có khi phạm sai sót, rất khó tránh khỏi, không nhất thiết là hoàn toàn chánh xác! Nếu thấy trong Định, sẽ có thể thấy chuyện thuộc ngàn vạn năm sau trong cõi này hay phương khác. Đó là cảnh giới Hiện Lượng, chẳng sai lầm tí nào! Ở đây, [sách Diễn Nghĩa nói] ông ta tính toán con số châu thiên, nói theo thiên văn hiện thời, [số châu thiên] chính là [tính toán] sự vận hành của tinh cầu. Mấy trăm năm sau, tốc độ vận hành và góc độ của các tinh cầu sẽ bị sai lệch lớn hơn đôi chút, nên lịch pháp cần phải tu chỉnh.

(Diễn) Đường Huyền Tông thời, tăng Nhất Hạnh quả xuất, phục định lịch số.

(演)唐玄宗時，僧一行果出，復定曆數。

*(**Diễn**: Vào thời Đường Huyền Tông, quả nhiên sư Nhất Hạnh[59] xuất hiện, lại ấn định lịch số).*

---

[58] Số Lý ở đây là lý luận về số học, tức suy luận Toán Học thuần túy, không phải là Lý Số. Lý Số là thuật bói toán, tiên đoán vận mạng dựa trên Âm Dương và Ngũ Hành.

[59] Nhất Hạnh (638-727) là một nhà toán học và lịch pháp lừng danh của Trung Hoa, đồng thời là một vị tổ sư của Đông Mật Trung Hoa. Ngài tên thật là Trương Toại, pháp hiệu Kính Hiền, tôn hiệu là Đại Huệ thiền sư, người xứ Xương Lạc, Ngụy Châu (tỉnh Hà Nam hiện thời), còn được gọi là Nhất Hạnh A Xà Lê. Ngài xuất thân từ thế gia vọng tộc (ông cố chính là quan đại thần Trương Công Cẩn đời Đường Thái Tông, ông nội là Trương Đại Tố làm quan đến chức Môn Hạ Tỉnh Đông Đài Xá Nhân, cha

Thời Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng), có một vị xuất gia là pháp sư Nhất Hạnh tinh thông Thiên Văn và Toán Học, Ngài cũng thông hiểu những điều này. *"Phục định lịch số"* là tu chỉnh lịch số một lần nữa. Đó là Nông Lịch được sử dụng tại Trung Hoa hiện thời, dựa trên tiêu chuẩn mặt trăng xoay quanh địa cầu, còn gọi là Âm Lịch. Lịch của người Tây Dương gọi là Dương Lịch, dựa theo tiêu chuẩn trái đất xoay quanh mặt trời để tính toán. Những nhà đại toán học đối với các số lượng đã nói trong kinh Phật cũng chẳng có cách nào suy luận!

(Sao) Thượng ngôn vô lượng vô biên, thập đại số trung, đương kỳ nhị tam.

(鈔)上言無量無邊，十大數中當其二三。

*(**Sao**: Vô lượng và vô biên như đã nói trên đây đứng vào hàng thứ hai và thứ ba trong mười con số lớn).*

Mười con số lớn được nói trong phẩm A Tăng Kỳ. Đơn vị số đếm

---

là huyện lệnh huyện Vũ Công). Ngài tinh thông tiếng Phạn, Toán Học, lịch pháp, đặc biệt là Thiên Văn Học. Năm hai mươi mốt tuổi, khi cha mẹ đều khuất bóng, do nghe ngài Hoằng Cảnh thuộc tông Thiên Thai giảng pháp, bèn dấy lên ý niệm xuất gia, xin quy y, xuống tóc với ngài Phổ Tịch ở Tung Sơn. Do thâm nhập Nhất Hạnh tam-muội, nên còn có hiệu là Nhất Hạnh. Về sau, Ngài chuyên học tập kinh điển nhà Phật cũng như nghiên cứu Thiên Văn, Toán Học tại Tung Sơn và chùa Ngọc Tuyền. Năm Khai Nguyên thứ 5 (711), Đường Huyền Tông xuống chiếu triệu hồi Ngài về Trường An phụ tá ngài Thiện Vô Úy dịch kinh Đại Nhật. Ngài còn học Mật Pháp với ngài Kim Cang Trí, được đại sư truyền quán đảnh. Ngài lại làm Bút Thọ trong việc dịch thuật các bộ kinh trọng yếu của Kim Cang Giới Mạn Đà La như Kim Cang Tụng Niệm Pháp, Thất Câu Chi Đà La Ni… Sau đó lại cầu pháp với Bất Không đại sư, học kinh Kim Cang Đảnh. Có thể nói Ngài là người đầu tiên được truyền thừa đồng thời hai hệ thống Mật Pháp trong lịch sử Trung Hoa. Năm 713, Đường Huyền Tông sai Ngài cải cách lịch pháp, biên soạn bộ Đại Diễn Lịch với sự trợ giúp của Trương Thuyết, Trần Huyền Cảnh v.v... Ngài thiết kế nhiều dụng cụ thiên văn như Hoàng Đạo Du Nghi, Hỗn Tượng, Phục Củ v.v… đo lường quỹ đạo các hằng tinh, sửa đổi hiệu chỉnh lịch pháp từ đời Hán cho khớp với vận hành của các tinh tú, phát hiện hiện tượng tuế sai (precession). Năm Khai Nguyên 12 (723), Ngài chủ trì công cuộc đo lường bóng mặt trời trên quy mô lớn, phía Bắc đến Thiết Lặc (vùng phụ cận kinh đô Ulan Bator của Mông Cổ hiện thời), phía Nam đến Giao Châu (miền Bắc Việt Nam), tính ra độ dài của kinh tuyến (nhằm có số lượng chánh xác về thiên văn để hiệu chỉnh lịch pháp). Riêng về Mật Tông, Ngài viết bộ Đại Nhật Kinh Sớ (ghi chép những lời giảng giải của đại sư Thiện Vô Úy) được coi là tác phẩm chú giải quan trọng nhất để hiểu giáo nghĩa Mật Tông, đặc biệt là Thai Tạng Giới Mạn Đà La.

của cổ Ấn Độ tính từ những số căn bản đến con số cuối cùng gồm có hơn một trăm năm mươi đơn vị (đơn vị số đếm của Trung Hoa chỉ có hai mươi mấy loại), những số về sau lại là nhân gấp bội của chính nó, chẳng phải là tăng gấp mười. Mười con số lớn sau cùng, chúng ta thường gọi là Thập Đại Số. Đầu tiên là A-tăng-kỳ, thứ hai là Vô Lượng. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, nên Vô Lượng là danh từ chỉ số đếm. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Trong mười con số lớn, Vô Lượng là thứ hai, Vô Biên là thứ ba, nên nói: *"Thập đại số trung, đương kỳ nhị tam"*.

(Sao) Thị hữu toán số, nhi kim ngôn "phi thị toán số sở tri".

(鈔)是有算數，而今言非是算數所知。

*(**Sao**: [Những con số ấy tuy lớn nhưng vẫn] là có thể tính toán được, nhưng nay kinh nói "chẳng thể tính toán để biết được").*

Nói thật ra, Vô Lượng là vô lượng trong hữu lượng, chẳng phải là vô lượng thật sự. Vô Lượng là một đơn vị số đếm. Kinh nói đến chữ này, rốt cuộc có phải là vô lượng có hạn lượng hay là vô lượng theo nghĩa vô lượng? Kinh Di Đà chẳng nói tỉ mỉ, nhưng kinh Vô Lượng Thọ giảng rất cặn kẽ. Quý vị nói nó là vô lượng có hạn lượng, vậy thì đức Phật đã nói: Giả sử mười phương thế giới chúng sanh thảy đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán xem trong thế giới Tây Phương có bao nhiêu người, họ tính chẳng ra! Thọ mạng của A Di Đà Phật họ cũng tính chẳng ra. Do vậy có thể biết, tuyệt đối chẳng phải là vô lượng có hạn lượng như đang nói ở đây. Vì sao? Đối với các con số Vô Lượng và Vô Biên của Ấn Độ, người khá Toán một chút trong bọn chúng ta vẫn có thể tính toán được! Hiện thời, chúng ta chẳng khá Toán cho lắm, nhưng lợi dụng máy tính điện tử thì vẫn có thể tính ra. Dùng kinh Vô Lượng Thọ để quan sát, đức Thế Tôn giới thiệu sự vô lượng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể nói đó là vô lượng thật sự. Dẫu là có hạn lượng, đối với cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta, vẫn thật sự là vô lượng, vẫn chẳng thể nào tính toán để biết được!

(Sao) Cố tri vô lượng, nãi tán thán cực đa chi ngữ, vị khả dĩ thường số nệ dã.

(鈔)故知無量，乃讚歎極多之語，未可以常數泥也。

*(**Sao**: Cho nên biết "vô lượng" chính là từ ngữ tán thán số lượng cực nhiều, chớ nên câu nệ hiểu là những con số thông thường).*

Đặc biệt nhắc nhở chúng ta, tuyệt đối chẳng thể dùng những con số Ấn Độ để suy lường, [chấp chặt vô lượng vô biên là các con số đếm] thì chúng ta sai lầm mất rồi!

(Sao) Như Đại Bổn vân.

(鈔)如大本云。

*(**Sao**: Như kinh Đại Bổn có nói).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư trích dẫn Đại Bổn, đại đa số đều dựa theo kinh văn trong bản hội tập của ông Vương Long Thư, tức là Đại A Di Đà Kinh.

(Sao) Giả sử tỳ-kheo mãn ức na-do-tha bách thiên số lượng, giai như Mục Liên thần thông, dục cộng kế toán bỉ Phật sơ hội Thanh Văn, tận kỳ thần lực, bách phần trung bất năng tri nhất, nãi chí Ổ-ba-nê-sát-đàm phần, diệc bất năng tri nhất.

(鈔)假使比丘滿億那由他百千數量，皆如目連神通，欲共計算彼佛初會聲聞，盡其神力，百分中不能知一，乃至鄔波尼殺曇分，亦不能知一。

*(**Sao**: Giả sử tỳ-kheo số lượng nhiều đến ức na-do-tha trăm ngàn, đều có thần thông như ngài Mục Liên, muốn cùng nhau tính toán số lượng Thanh Văn trong hội đầu tiên của đức Phật ấy, trọn hết thần lực của họ, vẫn chẳng biết được một phần trăm, cho đến một phần Ổ-ba-nê-sát-đàm cũng chẳng biết được).*

"Ổ-ba-nê-sát-đàm" (Upaniṣad)[60], kinh Lăng Nghiêm nói (phiên âm) là Ưu-ba-ni-sa-đà, âm đọc rất gần gũi, vì là dịch âm tiếng Phạn [nên tùy theo dịch giả mà phiên âm sai khác đôi chút], dịch sang nghĩa tiếng

---

[60] Theo Huệ Lâm Âm Nghĩa: *"Ưu-ba-ni-sa-đà phần theo cách tính toán trong tiếng Phạn là số nhỏ nhất, Đại Luận giải thích là vi tế được phân chia tới cực hạn… Giảng nghĩa là Vi Tế, nhỏ đến gần bằng Hư Lân thì gọi là Ổ-ba-ni-sát-đàm"*. Hư Lân tức là Hư Lân Trần, là vi trần chia đến mức nhỏ nhất, nếu chia chẻ ra nữa sẽ thành hư không.

Hán là Vi Tế Phần. Một phần của Vi Tế mà còn chẳng thể biết, huống hồ toàn thể!

(Sao) Hựu vân, Phật cáo A Nan: "Giả sử hữu nhân, xuất nhất thân mao, toái vi vi trần, dĩ nhất nhất trần, đầu hải xuất thủy, mao trần thủy đa? Hải trung thủy đa?" A Nan đáp ngôn: "Mao trần thủy đa, bất cập bán cáp, hải thủy vô lượng".

(鈔)又云，佛告阿難：假使有人，出一身毛，碎為微塵，以一一塵，投海出水，毛塵水多，海中水多？阿難答言：毛塵水多，不及半合，海水無量。

*(**Sao**: Kinh lại chép: Đức Phật bảo A Nan: "Giả sử có người nhổ một sợi lông trên thân, nghiền nát thành vi trần, dùng mỗi một vi trần ấy để nhúng xuống biển lấy nước thì nước dính trên hạt bụi của sợi lông ấy là nhiều hay nước trong biển là nhiều?" A Nan đáp rằng: "Nước dính trên hạt bụi của sợi lông nhiều lắm là chưa đầy nửa lẻ[61], nước biển vô lượng).*

Một hạt bụi của sợi lông chẻ ra chính là một phần trăm. Sợi lông đã rất nhỏ, đem chẻ theo chiều dọc, chẻ thành một trăm phần, quý vị nghĩ xem một phần trăm của nó sẽ nhỏ đến mức nào! Dùng nó để chấm một giọt nước trong biển, đức Phật hỏi: "Nước dính nơi hạt bụi từ sợi lông ấy là nhiều, hay nước trong biển là nhiều?" Đây là sánh ví giống như vừa mới nói [trong đoạn trước], chúng sanh trong mười pháp giới đều chứng quả Bích Chi Phật, thần thông đều giống như Mục Kiền Liên, số lượng trong thế giới Cực Lạc mà họ có thể biết được, chẳng qua là lượng nước dính trên hạt bụi của sợi lông mà thôi, chẳng biết lượng nước trong biển cả. Điều này nhằm hình dung số lượng tột bậc chẳng thể nghĩ bàn. Thế giới Tây Phương chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, Ngẫu Ích đại sư nói như thế này: *"Nếu chẳng do Phật lực gia trì, chúng sanh trong chín pháp giới tuyệt đối chẳng thể nào cậy vào sức mình mà hòng lý giải được!"*.

(Sớ) Luận ngôn "Nhị Thừa bất sanh", kim ngôn Thanh Văn giả,

---

[61] Lẻ là một đơn vị đo lường, thường hiểu là tương đương với một decilitter (dl) trong đơn vị đo lường hiện thời. Khi chỉ đơn vị đo lường, chữ 合 phải đọc là Cáp (không đọc là Hợp hoặc Hiệp như trong cách đọc thông thường).

dĩ quán tập Tiểu, bất cửu chứng Đại, chung vô Tiểu cố. Như Quán Sớ thuyết: "Nhược cứ biến hóa, Tiểu diệc vô ngại".

(疏) 論言二乘不生，今言聲聞者，以慣習小，不久證大，終無小故。如觀疏說：若據變化，小亦無礙。

*(**Sớ**: Luận nói "Nhị Thừa chẳng sanh", nay [chánh kinh] nói đến Thanh Văn, là do họ đã quen tu pháp Tiểu Thừa, chẳng lâu sau sẽ chứng quả Đại Thừa, trọn chẳng có quả Tiểu Thừa. Như Quán Kinh Sớ đã nói: "Nếu xét theo sự biến hóa thì Tiểu Thừa cũng chẳng trở ngại gì").*

Vãng Sanh Luận nói: *"Nhị Thừa chủng bất sanh"*, [nghĩa là] chủng tánh Nhị Thừa chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tây Phương Tịnh Độ thuần nhất chủng tánh Đại Thừa, là chủng tánh Bồ Tát, chẳng có chủng tánh Nhị Thừa. Nay kinh nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn, đó là chuyện như thế nào? Ở đây, đại sư giải thích, *"dĩ quán tập Tiểu"* (do quen tu tập pháp Tiểu Thừa), *"quán"* (慣) là thói quen. Trước khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như trong thế giới này của chúng ta, họ đã tu pháp Tiểu Thừa rất lâu, nay nghe nói thế giới Tây Phương, bèn hồi Tiểu hướng Đại, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nên cũng có thể vãng sanh. Tuy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí Tiểu Thừa rất nặng, tập khí Tiểu Thừa vẫn chưa đoạn, chúng ta gọi họ là Tiểu Thừa, tức là nói đến thân phận Tiểu Thừa của họ trước khi vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta cũng thấy điều này. Lời giải thích của Liên Trì đại sư chẳng phải là thiên kiến của chính Ngài, mà là căn cứ trên Đại Kinh. *"Chung vô tiểu cố"* (Trọn chẳng có Tiểu Thừa): Thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng có Tiểu Thừa.

(Sao) Chung vô Tiểu giả, Quán Kinh Sớ vị tập Tiểu chi nhân, bổn bất đắc sanh.

(鈔)終無小者，觀經疏謂習小之人，本不得生。

*(**Sao**: "Trọn chẳng có Tiểu Thừa": Quán Kinh Sớ nói người tu tập pháp Tiểu Thừa vốn chẳng được vãng sanh).*

Người Tiểu Thừa quả thật chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ.

(Sao) Diêu bỉ lâm chung, phát Đại Thừa tâm, diệc nãi đắc sanh.

(鈔)繇彼臨終，發大乘心，亦乃得生。

*(**Sao**: Do khi người ấy lâm chung, phát tâm Đại Thừa, nên cũng được vãng sanh).*

Duyên phận Tịnh Độ của người ấy trước khi mạng chung mới chín muồi, lúc sắp mạng chung, gặp thiện tri thức bảo ban sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghe xong, đương nhiên là người ấy nhất định đã có thiện căn trong đời quá khứ, do thiện căn chín muồi nên có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, có thể niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vãng sanh.

(Sao) Dĩ quán tập Tiểu.

(鈔)以慣習小。

*(**Sao**: Do quen tu tập pháp Tiểu Thừa).*

Vì người ấy tu Tiểu Thừa đã lâu, cũng là do sức lực của chủng tử pháp Tứ Đế rất mạnh, nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghe A Di Đà Phật [thuyết pháp] cũng như nghe các pháp môn do y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tịnh Độ đã nói, [sẽ nghe thành] toàn là giảng giải pháp môn Tiểu Thừa. Nói thật thà, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có bao giờ [cố ý] thuyết pháp? Tuy Phật chẳng thuyết pháp, nhưng ở bên ấy, từ đầu đến cuối thuyết pháp chẳng gián đoạn. Thuyết pháp là do chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Quý vị mong nghe kinh gì, nghe pháp gì, quý vị sẽ nghe âm thanh nói kinh pháp ấy. Những người ấy tập khí Tiểu Thừa rất sâu, đương nhiên là nghĩ tới kinh Tiểu Thừa, vì họ chưa từng tiếp xúc kinh Đại Thừa. Đừng nói là chẳng hiểu ý nghĩa trong kinh, ngay cả tựa đề kinh cũng chẳng hiểu. Trong tâm họ luôn nghĩ tới kinh Tiểu Thừa, nên họ nghe A Di Đà Phật giảng giải, hướng dẫn cũng là pháp Tiểu Thừa.

(Sao) Tài văn khổ, không, vô thường đẳng pháp, thuận kỳ tiên tập, toại chứng tiểu quả.

(鈔)纔聞苦空無常等法，順其先習，遂證小果。

*(**Sao**: Mới nghe các pháp như khổ, không, vô thường v.v... hợp với những gì đã tu tập trước kia bèn chứng tiểu quả).*

Sau khi người ấy nghe những pháp đó, bèn đoạn Kiến Tư phiền não. Đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ bằng với chứng quả A La Hán. Thật ra,

trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy là Bồ Tát, tuyệt đối chẳng phải là A La Hán. Chúng ta biết trong quả vị Bồ Tát của Viên Giáo, đoạn hết Kiến Tư phiền não là địa vị Thất Tín, Thất Tín vị Bồ Tát. Nhưng xét theo Đại Thừa Phật pháp, sự huân tu đoạn chứng của người ấy bằng với Tiểu Thừa. Trừ sự đoạn chứng ra, đối với trí huệ, thần thông, đạo lực của người ấy, chắc chắn là Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể sánh bằng!

(Sao) Nhi hướng Đại chi tâm dĩ thành, huống đắc cận Phật, tự đương bất cửu chứng Đại, an tại kỳ vi Thanh Văn hồ?

(鈔)而向大之心已成，況得近佛，自當不久證大，安在其為聲聞乎？

*(**Sao**: Nhưng cái tâm hướng về Đại Thừa đã thành lập, huống hồ được thân cận Phật, không lâu sau sẽ tự chứng quả Đại Thừa, há thuộc vào địa vị Thanh Văn ư?)*

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng xa lìa A Di Đà Phật, thường thân cận A Di Đà Phật. Có lẽ quý vị hoài nghi: Thế giới Tây Phương to dường ấy, người đông như vậy, làm sao ta có thể hằng ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật? Đó là quan niệm của người thế gian chúng ta. Thế gian này xác thực đúng là như vậy. Chẳng cần nói quá to, chúng ta ở thành phố Đài Bắc là một nơi rất nhỏ, mỗi người chúng ta hằng ngày có trông thấy Lý Tổng Thống[62] hay không? Bắt tay ông ta, cùng ông ta trò chuyện được chăng? Chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Ông ta chỉ có một thân! A Di Đà Phật có vô lượng vô biên hóa thân, nên mỗi người đều hằng ngày thấy Phật, hằng ngày ở cùng một chỗ với Phật. Nếu Lý tổng thống có hóa thân, thành phố Đài Bắc có hai trăm vạn người, ông ta có hai trăm vạn hóa thân, mỗi hóa thân bồi tiếp một người, chẳng phải là hằng ngày ở cùng một chỗ ư? Phật có hóa thân, Quán Âm Bồ Tát cũng có hóa thân, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng có hóa thân, chúng ta xem Quán Kinh Sớ Sao sẽ biết. Không chỉ là Phật, Bồ Tát có hóa thân; tới cõi ấy, chính chúng ta cũng có thể hóa thân, tuyệt diệu chẳng thể nói nổi! Chính mình cũng hóa thân giống như Phật, hóa thân vô lượng vô biên, hóa thân nhiều như thế để làm gì? Hằng ngày đến thăm viếng mười phương chư Phật, không chỉ là thân cận A Di Đà Phật, mà mười phương

[62] Khi ấy, Tổng Thống Đài Loan là Lý Đăng Huy.

ba đời hết thảy chư Phật quý vị đều có thể thân cận hằng ngày, quý vị nói xem thế giới Cực Lạc có tốt đẹp hay không? Nếu quý vị chẳng sanh về thế giới Tây Phương, sẽ chẳng đạt được điều tốt đẹp ấy. Nếu Bồ Tát muốn đạt được lợi ích như vậy, phải là bậc đã đắc từ Thất Địa trở lên! Khi nào quý vị có thể tu đến Thất Địa của Viên Giáo trở lên thì quý vị mới có năng lực thân cận mười phương Như Lai. Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh đều đạt được điều tốt đẹp này, là do thần lực của A Di Đà Phật gia trì. Từ Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đều nhìn thấy điều này, thời thời khắc khắc đều có thể thân cận Phật Di Đà. Vì lẽ đó, há có thể nói họ là Thanh Văn ư?

(Sao) Thị tắc kinh cử Thanh Văn, dĩ tạm hữu cố. Luận minh Nhị Thừa bất sanh giả, dĩ chung vô cố.

(鈔)是則經舉聲聞，以暫有故。論明二乘不生者，以終無故。

*(**Sao**: Do vậy, kinh nêu ra Thanh Văn là vì tạm thời có. Vãng Sanh Luận bảo Nhị Thừa chẳng thể vãng sanh là nói "rốt cục, chẳng có Thanh Văn").*

Kinh nói tới Thanh Văn là vì có hai ý nghĩa, chúng ta đọc được điều này từ kinh Vô Lượng Thọ:

1) Ý nghĩa thứ nhất là nói Thanh Văn hoặc nói trời, người, chính là nói đến thân phận của họ trước khi vãng sanh: Họ từ Tiểu Thừa vãng sanh, hoặc do thân phận trời, người mà vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên gọi theo thân phận trước đó.

2) Một cách nói khác là xét theo sự đoạn Hoặc, đoạn phiền não của họ. Nếu quý vị vẫn chưa đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ bằng với trời, người trong các thế giới khác. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, sẽ bằng với Thanh Văn trong các thế giới phương khác. Nói theo kiểu này!

Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, thảy đều là Bồ Tát. Thế giới ấy là một pháp giới thuần nhất Bồ Tát. Chúng ta lại còn đọc từ rất nhiều kinh, hiểu sâu xa, họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là hàng Bồ Tát bình phàm. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] chỉ có Phổ Hiền Bồ Tát mới có thể thành Phật, các Bồ Tát khác chẳng thể thành Phật. Nếu Bồ Tát nào muốn thành Phật, nhất định phải tu Phổ Hiền hạnh, nhất định phải biến chính mình

thành Phổ Hiền Bồ Tát thì mới có thể viên thành Phật đạo.

Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm *"mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc"* có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Đoạn kế tiếp nói càng hay hơn:

(Sao) Tiểu diệc vô ngại giả.

(鈔)小亦無礙者。

*(**Sao**: Tiểu Thừa thì cũng chẳng trở ngại).*

Câu này nói viên mãn, đích xác là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

(Sao) Tịnh Độ thượng dung chúng điểu, Thanh Văn khởi bất điểu như?

(鈔)淨土尚容眾鳥，聲聞豈不鳥如？

*(**Sao**: Tịnh Độ còn dung nạp các loài chim, Thanh Văn há chẳng bằng chim ư?)*

Lẽ đâu Thanh Văn chẳng bằng các loài chim? Còn thua kém chúng ư?

(Sao) Điểu ký biến hóa sở thành, Thanh Văn ninh độc thật hữu?

(鈔)鳥既變化所成，聲聞寧獨實有？

*(**Sao**: Chim đã là do biến hóa tạo thành, há riêng Thanh Văn là thật sự có?)*

Mấy câu này nói quá hay, đích xác là viên dung đến tột bậc. Há Tây Phương Cực Lạc thế giới có chim? Chim là do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Trời, người, Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có thể là do A Di Đà Phật biến hóa tạo tác. Nói theo cảnh giới Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại của Hoa Nghiêm, xác thật là viên dung vô ngại. Chúng ta chẳng cần hoài nghi chuyện này!

(Sao) Túng sử bỉ quốc cửu hữu Thanh Văn, diệc phục hà ngại?

(鈔)縱使彼國久有聲聞，亦復何礙。

*(**Sao**: Hơn nữa, dẫu cõi ấy có Thanh Văn lâu ngày, cũng có trở ngại gì?)*

Nếu thế giới ấy thật sự có người, trời, có Thanh Văn, cũng có thể là do A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Thần thông, đạo lực của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng cần phải hoài nghi. Kinh điển của Tịnh Độ Tông để chúng ta y cứ là năm kinh, năm kinh quy nạp lại sẽ là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Kinh Vô Lượng Thọ lại quy nạp sẽ thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện do chính miệng A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] kể lại và chính A Di Đà Phật nói ra, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải lấy điều gì làm căn cứ? Lấy bốn mươi tám nguyện làm căn cứ. Bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp, bất cứ pháp nào trong hết thảy các pháp hễ mâu thuẫn với nó thì đều chẳng có hiệu quả! Vì lẽ đó, lấy bốn mươi tám nguyện làm chủ.

Tôi thường khuyên các đồng tu; nếu chẳng có thời gian đọc trọn bộ kinh, người thật sự tu Tịnh Độ trong khóa sáng hãy niệm chương thứ sáu tức là bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khóa tối niệm năm chương là ba mươi ba, ba mươi bốn, ba mươi lăm, ba mươi sáu, và ba mươi bảy, năm chương ấy là trì giới niệm Phật. Dùng kinh văn của năm chương ấy để phản tỉnh, sám hối, sửa lỗi đổi mới. Chẳng thể đọc trọn bộ kinh thì đọc theo cách như vậy. Niệm xong, lại niệm thêm kệ Hồi Hướng, Tam Quy Y, như vậy thì khóa sáng và khóa tối đều hết sức viên mãn, đó là chuyên tu Tịnh Tông.

Thanh Văn chúng được giới thiệu tới đây, kế tiếp là giới thiệu Bồ Tát chúng.

Nhị, Bồ Tát.
(Kinh) Chư Bồ Tát chúng, diệc phục như thị.
二菩薩。
(經)諸菩薩眾。亦復如是。
(Hai là Bồ Tát.
***Kinh**: Các vị Bồ Tát cũng giống như thế).*

Thanh Văn chúng nói cặn kẽ, đối với Bồ Tát chúng, ngôn ngữ tỉnh lược khá nhiều, nhưng chúng ta phải nhớ trong phần kinh văn trước đó, đức Phật đã nói: *"Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử"* (Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử), ở đây, chiếu theo thể lệ

trong phần trước, sẽ là *"bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Bồ Tát đệ tử, phi thị toán số chi sở năng tri"* (Đức Phật có vô lượng vô biên Bồ Tát đệ tử, chẳng thể tính toán để biết được số lượng).

(Sớ) Thừa thượng, bất độc Tiểu Thừa.

(疏)承上不獨小乘。

*(**Sớ**: Nói tiếp ý kinh văn trong phần trên, không riêng gì Tiểu Thừa).*

Số lượng trời, người và Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Chư Đại Thừa Bồ Tát vô bất sanh cố.

(疏)諸大乘菩薩無不生故。

*(**Sớ**: Các vị Đại Thừa Bồ Tát, không vị nào chẳng vãng sanh).*

Vì từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy, Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật. Bồ Tát tu hành đến mức đăng địa (chứng Sơ Địa), sẽ biết pháp môn này thù thắng. Nói cách khác, địa tiền Bồ Tát (Bồ Tát chưa chứng Sơ Địa) chẳng biết pháp môn này, không nhận biết pháp môn này. Sau khi đã đăng địa, mới hiểu pháp môn này thù thắng, mới biết chỗ tốt đẹp của pháp môn này, biết sự lợi ích chân thật của pháp môn này, nên chẳng có vị nào không tin. Vì lẽ đó, số lượng các vị đại Bồ Tát trong thế giới Tây Phương không chỉ chẳng thể ít hơn trời, người, Thanh Văn, mà còn vượt trỗi quá nhiều. Hàng đại Bồ Tát trong cõi kia đông lắm!

(Sớ) Diệc phục giả, diệc vô lượng vô biên bất khả toán số dã. Hựu phục cụ vô lượng vô biên công đức, như Đại Bổn trung thuyết.

(疏)亦復者，亦無量無邊不可算數也。又復具無量無邊功德，如大本中說。

*(**Sớ**: "Cũng lại [giống như thế]": Cũng là vô lượng vô biên chẳng thể tính toán. Lại còn có đủ vô lượng vô biên công đức như trong kinh Đại Bổn đã nói).*

Kinh Vô Lượng Thọ nói các vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới công đức vòi vọi, chư Phật chẳng thể tán thán trọn hết!

(Sao) Bồ Tát giả, tự sơ tâm dĩ chí địa tận, tiền như giáo khởi trung biện, hậu như Bổ Xứ văn trung sở dẫn, thậm đa vô lượng, hà khả sổ kế.

(鈔)菩薩者，自初心以至地盡，前如教起中辯，後如補處文中所引，甚多無量，何可數計。

*(**Sao**: Bồ Tát là từ sơ tâm cho đến hết các địa vị thuộc Thập Địa, trước thì như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên đã biện định, sau thì như trong phần kinh văn nói về Nhất Sanh Bổ Xứ sẽ dẫn chứng, thật nhiều vô lượng, làm sao có thể tính đếm cho được).*

Trước hết nói về số lượng, từ sơ phát tâm, sơ phát tâm chính là lũ phàm phu chúng ta đới nghiệp vãng sanh. Trong một đời, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, chẳng dễ dàng! Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo là hạng người nào? Kinh Di Đà nói là nhất tâm bất loạn. Vì thế, La Thập đại sư dịch là *"nhất tâm bất loạn"*, dịch hay quá! Nhất tâm bất loạn cũng có ba bậc chín phẩm, chúng ta là hạ hạ phẩm nhất tâm bất loạn. Hạ hạ phẩm nhất tâm bất loạn là mức độ nào? Đoạn Ngũ Lợi Sử, tức là đoạn sạch tám mươi tám Sử thuộc Kiến Hoặc trong tam giới. Nay chúng ta một phẩm cũng chẳng đoạn, hễ vãng sanh bèn đoạn, khi vãng sanh bèn được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu thì Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến đều bị Phật quang chiếu rơi rụng, chẳng còn nữa, vãng sanh như vậy đó! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, địa vị này bằng với quả vị Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa.

Pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực, bản thân chúng ta niệm Phật, niệm đến mức công phu thành phiến, niệm đến mức dùng câu Phật hiệu trừ sạch vọng tưởng, chấp trước. [Nói là] "niệm trừ sạch" chẳng phải là thật sự đoạn hết mà là [niệm đến mức khiến cho] vọng tưởng, chấp trước chẳng thể khởi tác dụng. Ta niệm A Di Đà Phật, câu nọ gối lên câu kia, vọng tưởng, chấp trước chẳng xen vào được, đó là chẳng xen tạp. Vì thế, công phu phải là chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Phiền não có đoạn hay không, chẳng cần quan tâm đến, không khẩn yếu, chỉ cần chúng ta đạt được công phu chẳng gián đoạn, không xen tạp là được rồi, những món phiền não như vậy chẳng thể khởi lên hiện hành, khi vãng sanh thì mới nắm chắc. Phật đến tiếp dẫn, Phật quang chiếu gội, đó là Phật lực gia trì, nâng công phu chúng ta lên tới địa vị Sơ Tín. Ba tư

lương, thứ nhất là Tín, [tức là Tín trong] Tín, Nguyện, Hạnh! Chẳng phải là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, làm sao có thể vãng sanh cho được? Do đó, tín tâm phải thanh tịnh, tín tâm phải kiên cố!

Tu hành trong thế gian này, nhất là trong giai đoạn hiện thời, rất khó khăn! Chính mình nhất định phải có chủ tể, phải nắm vững. Chủ tể là gì? Chẳng bị kẻ khác lừa gạt! Hiện thời, trong thế gian này, kẻ lừa gạt rất nhiều; đúng là người hiện thời nghe lừa, chẳng nghe khuyên, khuyên họ hãy siêng năng niệm Phật, họ chẳng nghe. Lừa họ làm gì đó, họ lập tức làm ngay! Đó là mê hoặc, điên đảo! Trong kinh luận, đức Phật đã buốt lòng rát miệng khuyên bảo chúng ta, chúng ta chẳng nghe, cứ thích nghe những lời đồn thổi bên ngoài, bó tay! Đó là nghiệp chướng sâu nặng! Học Phật thì phải ghi nhớ, hãy *"y pháp, bất y nhân"*! Pháp là gì? Kinh điển. Trong hết thảy các pháp, chúng ta chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, kinh Di Đà có Sớ Sao và Yếu Giải, ba bộ ấy là chỗ quy y chân thật của chúng ta. Một đời này có thể dựa vào ba bộ ấy, chẳng có ai không liễu sanh tử, chẳng có ai không vãng sanh, chẳng cần phải làm gì khác. Đó mới là thật sự trọn đủ tín tâm, tín tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: *"Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng). Thật Tướng là bản tánh, *"tắc sanh Thật Tướng"* là kiến tánh. Tín tâm thanh tịnh bèn kiến tánh. Do vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thảy đều chứng quả. Tiểu Thừa là Sơ Quả, còn trong pháp Đại Thừa sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

"Dĩ chí địa tận" (Cho đến hết các địa vị thuộc về Thập Địa Bồ Tát), Địa (地) là Địa Thượng Bồ Tát (đã chứng từ Sơ Địa trở lên). Đến hết các địa vị thuộc Địa Thượng Bồ Tát, sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. *"Tùng sơ tâm dĩ chí địa tận"* chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: *"Dữ ngũ thập nhị đồng luân"* (Cùng với những người thuộc năm mươi hai địa vị cùng hàng), *"đồng luân"* (同倫) là đồng chí, [tức là] chí đồng đạo hợp. *"Năm mươi hai"* ở đây là từ sơ tâm cho đến hết Thập Địa, đạt đến Đẳng Giác là năm mươi mốt địa vị, lại lên cao hơn là Diệu Giác, Diệu Giác bèn thành Phật, gồm năm mươi hai địa vị. "Năm mươi hai người ấy" chẳng phải là chỉ có năm mươi hai người, mà là năm mươi hai loại, đều nương theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, đều niệm một câu A Di Đà Phật mà thành tựu. *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"*, nghĩa là các Ngài chẳng cần đến những pháp môn khác, chỉ trơ trọi một câu A Di Đà Phật, từ sơ phát tâm cho đến viên

thành Phật đạo, chẳng cần dùng phương pháp thứ hai, nên Ngài là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông! Chư vị phải ghi nhớ: Đại Thế Chí Bồ Tát là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông là nói theo phương diện nào? Nói theo toàn thể pháp giới. Tận hư không khắp pháp giới, đối với pháp môn Niệm Phật, Ngài là bậc nhất, chẳng ai vượt trội Ngài. Trong thế giới Sa Bà, vị tổ sư đầu tiên đề xướng pháp môn Niệm Phật là ai? Phổ Hiền Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, bộ kinh được giảng đầu tiên là Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vì thế, đề xướng pháp môn Niệm Phật [trong thế giới Sa Bà] là Phổ Hiền Bồ Tát. Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông trong thế giới Sa Bà là Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Trung Hoa, tổ sư đời thứ nhất đề xướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là Huệ Viễn đại sư. Đối với tổ sư đời thứ nhất, cả ba vị đều là đời thứ nhất, một là đời thứ nhất trong pháp giới, vị kia là đời thứ nhất trong Sa Bà, vị cuối cùng là đời thứ nhất tại Trung Hoa.

Số lượng nhiều đến nỗi chẳng có cách nào tính toán, *"tiền như giáo khởi trung biện"* [nghĩa là] trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên trước kia đã nói rất cặn kẽ, trong phần sau đến đoạn Bổ Xứ Bồ Tát sẽ lại giảng, sẽ lại thuật bày, giới thiệu những vị Bồ Tát đó. *"Thậm đa vô lượng, hà khả sổ kế"* (Rất nhiều vô lượng, làm sao có thể tính đếm cho được). Số lượng Bồ Tát nhiều quá, chẳng có cách nào tính toán!

(Sao) Công đức giả, Đại Bổn Phật tán bỉ quốc Bồ Tát chủng chủng công đức, vi nhị thập tam dụ.

(鈔)功德者，大本佛讚彼國菩薩種種功德，為二十三喻。

*(**Sao**: "Công đức" là như trong kinh Đại Bổn, để tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát cõi ấy, đức Phật đã dùng hai mươi ba tỷ dụ).*

Ở đây nói là *"hai mươi ba tỷ dụ"*, nhưng chương Chân Thật Công Đức trong bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư chẳng có hai mươi ba tỷ dụ, chỉ có mười mấy tỷ dụ. Hai mươi ba tỷ dụ ở chỗ nào? Trong Đại A Di Đà Kinh của ông Vương Long Thư! Xác thực là Liên Trì đại sư đã trích dẫn từ bản của Vương Long Thư. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Trong Sớ Sao, [khi dẫn kinh Đại Bổn], quá nửa là Liên Trì đại sư đã trích dẫn từ bản của ông Vương Long Thư, cụ nêu ra sự thật này cũng nhằm chứng tỏ việc hội tập rất

quan trọng. Vì có những người có thành kiến đối với chuyện hội tập, Liên Trì đại sư là bậc tổ sư của cả một thế hệ, trước tác Sớ Sao đã trích dẫn [bản hội tập của Vương Long Thư] rất nhiều, có thể thấy là Ngài hoàn toàn chẳng phản đối bản hội tập. Ở đây, nêu đại lược mấy thứ, chẳng hoàn toàn nêu trọn, nhằm tán thán công đức của Bồ Tát. Thứ nhất…

(Sao) Nhất, kiên cố bất động, như Tu Di sơn.
(鈔) 一、堅固不動，如須彌山。
*(**Sao**: Một là kiên cố bất động như núi Tu Di).*

Nói thật ra, các công đức do những vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã thành tựu cũng là thành tựu trong tương lai của chúng ta. Chúng ta muốn tương lai đạt thành tựu, mà nếu hiện tại chẳng tu, lấy đâu ra thành tựu? Hiện tại phải tu, chẳng thể hoàn toàn dựa vào sự gia trì của A Di Đà Phật. Nếu bản thân quý vị chẳng có chút gì, A Di Đà Phật có muốn gia trì cũng chẳng gia trì được! Quý vị phải có đôi chút, A Di Đà Phật mới có thể gia trì. Trong phần trước, chúng tôi cũng thường nhắc nhở ý nghĩa này, Phật Di Đà gia trì là gia trì tương đối, [nghĩa là] chúng ta có một phần sức mạnh thì Ngài gia trì cho chúng ta một phần, chúng ta có hai phần sức mạnh thì sẽ được Ngài gia trì hai phần. Ví như chúng ta niệm Phật đến mức công phu thành phiến, nếu chưa đến mức ấy, A Di Đà Phật chẳng gia trì được, chẳng gia trì sẽ không thể vãng sanh. Vì lẽ đó, người niệm Phật rất nhiều, một vạn người niệm Phật, khó được dăm ba kẻ vãng sanh, do nguyên nhân nào? Do chính quý vị niệm Phật chẳng đủ công phu, Phật lực chẳng thể gia trì được! Ắt là quý vị phải đạt tới một tiêu chuẩn thì Ngài mới có thể gia trì. Bản thân chúng ta niệm đến mức công phu thành phiến, tức là một câu Phật hiệu thật sự có thể chế phục phiền não, khi Ngài đến tiếp dẫn, do Phật lực gia trì, sẽ khiến cho công phu thành phiến được nâng cao lên thành nhất tâm bất loạn.

La Thập đại sư dịch kinh Di Đà chẳng sai! Quả thật là "nhất tâm bất loạn", nhưng chẳng phải là chúng ta chứng đắc nhất tâm bất loạn trong một đời này, mà là do thần lực của Phật Di Đà gia trì, khi vãng sanh xác thực là nhất tâm bất loạn. Nếu không, làm sao có thể dự vào địa vị Bồ Tát? Vì quý vị đến nơi đó, nhất định là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Chẳng thể nào không đạt đến địa vị Sơ Tín! [Nếu chẳng đạt], sẽ chẳng có tư cách đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sơ Tín vị Bồ Tát

là hạ phẩm nhất tâm bất loạn, vì Tín vị có tất cả mười địa vị, từ Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín cho đến địa vị Thất Tín là Sự nhất tâm viên mãn. Lên cao hơn, Sơ Trụ là Lý nhất tâm bất loạn.

Do vậy có thể biết, chúng ta niệm Phật, trong tâm chớ nên dễ ngươi. Chẳng đạt đến công phu thành phiến, chẳng thể vãng sanh. Nhất định phải đoạn phiền não, nhất định phải tu tập tích lũy công đức. Công đức là gì? Công đức khác với phước đức. Nay chúng ta bỏ ra tiền bạc đến khắp nơi bố thí, làm chuyện tốt đẹp. Đó là tu phước, tu phước chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh cần đến công đức, công đức là gì? Tâm thanh tịnh. Có phải là phiền não thật sự giảm bớt hay không? Vọng niệm có ít đi hay không? Phiền não vọng niệm mỗi ngày ít hơn, đó là công đức. Nhớ Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn, đó là công đức. Vì thế, *"chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp"* trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác. Gián đoạn và xen tạp thì lại phải luân hồi trong lục đạo, quý vị nói còn làm sao được nữa!

Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, phải học theo Bồ Tát *"kiên cố bất động"*. Tín tâm kiên cố, nguyện tâm kiên cố, sẽ quyết định có thể vãng sanh. Không chỉ là pháp thế gian phải buông xuống, mà pháp xuất thế gian cũng phải buông xuống. Ngàn kinh vạn luận đều phải buông xuống. Các kinh điển có tác dụng khiến cho kẻ chẳng tin sẽ sanh khởi lòng tin, nên họ dùng các kinh ấy. Chúng ta là những kẻ đã tin, chẳng cần đến nữa! Hiện thời, tại đạo tràng do chúng tôi đã lập ở bên Mỹ, gần đây nhất tôi mua bốn bộ Đại Tạng Kinh; ở bên đó, chúng tôi đã có hai bộ. Ở giảng đường bên đó, chính chúng tôi có in một bộ Đại Tạng Kinh, cho nên có tất cả bảy bộ Đại Tạng Kinh, phiên bản khác nhau, tôi vẫn đang tiếp tục thâu thập. Không chỉ thâu thập Đại Tạng Kinh, tôi còn thâu thập Tứ Khố Toàn Thư, mua cả đống sách, rốt cuộc để làm gì? Để làm cho kẻ khác giác ngộ, chẳng phải là để cho chính mình sử dụng! Nhường cho người khác, nhưng họ lại chẳng ngộ được, cho nên chúng ta vẫn phải giúp họ khai ngộ, phải giới thiệu cặn kẽ những thứ ấy với người ngoại quốc.

Chúng tôi làm công tác này, trước hết là khiến cho người ngoại quốc ngộ, khiến cho người ngoại quốc hoan hỷ, sau đấy mới dần dần đem những tài liệu giáo dục ấy chuyển đến Đại Lục để độ người Trung Quốc, đi một vòng lớn như vậy, dạy người ngoại quốc trước! Vì thế, toàn tâm toàn lực làm công tác này. Công tác này là bỏ mình vì người, kinh Địa Tạng có nói: *"Ta chẳng vào địa ngục, ai sẽ vào địa ngục?"* Hy

sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình để giúp đỡ người khác, nhưng sự hy sinh ấy có hạn độ, tức là hạ hạ phẩm vãng sanh, là Sơ Tín, chúng ta nhất định phải làm được điều này. Chớ nên làm đến nỗi chính mình chẳng thể vãng sanh, vậy là không được rồi, chớ nên!

Trí Giả đại sư suốt đời hoằng pháp lợi sanh, Ngài là tổ sư của tông Thiên Thai. Khi vãng sanh, học trò hỏi Ngài thuộc phẩm vị nào, Ngài đáp: *"Nếu ta chẳng lãnh chúng, cũng chẳng giảng kinh, thuyết pháp, chẳng làm những chuyện phụ thuộc, xen tạp, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì lãnh chúng, hoằng pháp lợi sanh, nên chỉ vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm"*. Đấy là hy sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình! Đáng giá lắm! Vì sao? Hy sinh phẩm vị vãng sanh của chính mình để giúp nhiều người vãng sanh. Do vậy, Bồ Tát phát tâm lợi ích chúng sanh, chẳng nhằm cầu lợi ích cho chính mình, chỉ cần chính mình có thể vãng sanh, hạ hạ phẩm là được rồi! Vì lẽ đó, tín tâm, nguyện tâm và sự chấp trì danh hiệu của chúng ta phải là kiên cố bất động như núi Tu Di!

(Sao) Nhị, trí huệ minh liễu, như minh nhật nguyệt.

(鈔) 二、智慧明了，如明日月。

*(**Sao**: Hai là trí huệ sáng tỏ, như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng).*

Pháp môn có thể nói là trí huệ bậc nhất. Cớ sao nói là trí huệ bậc nhất? Trong hết thảy các vị Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát trí huệ bậc nhất, Ngài tuyển chọn pháp môn này. Phổ Hiền Bồ Tát đại hạnh bậc nhất, nguyện hạnh bậc nhất, Ngài cũng tuyển chọn pháp môn này. Đối với pháp môn được chọn lựa bởi đại trí, đại nguyện, đại hạnh, nay chúng ta cũng khăng khăng một dạ chọn lựa pháp môn này, quý vị chẳng phải là đại trí huệ, đại nguyện, đại hạnh thì là gì? Quý vị là những nhân vật bậc nhất như Văn Thù, Phổ Hiền, tuyệt vời thay! Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chẳng phải là đại trí huệ, sẽ chẳng thể tin tưởng pháp môn này. Vì vậy, pháp môn này được gọi là pháp khó tin. Trong sự biểu thị pháp của kinh này, Tiểu Thừa là Xá Lợi Phất, Đại Thừa là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đều là trí huệ bậc nhất thì mới chọn lựa pháp môn này.

(Sao) Tam, quảng đại như hải, xuất công đức bảo cố.

(鈔) 三、廣大如海，出功德寶故。

*(**Sao**: Ba là rộng lớn như biển vì sanh ra của báu công đức).*

Trí huệ tỷ dụ Văn Thù, *"quảng đại như hải"* là tỷ dụ Phổ Hiền. Phổ Hiền Bồ Tát đại nguyện đại hạnh, *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, chúng ta phải học điều này. Tâm lượng phải rộng lớn, phải biết thời gian chúng ta ở trong thế gian này rất ngắn ngủi, tạm bợ, phải biết trong thế gian này thứ gì cũng đều là giả, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Người thật sự niệm Phật, tùy duyên sống qua ngày trong thế gian này là được rồi, chớ nên so đo, chớ nên tranh chấp, nhất tâm nhất ý niệm Phật, vài hôm nữa chúng ta đến thế giới Cực Lạc. Chẳng có tâm lượng như vậy thì cũng là chướng ngại rất lớn. Trong thế gian này, trong tâm bỏ sạch hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, giúp họ học Phật, giúp họ niệm Phật, chúng ta có thể tận tâm tận lực công đức viên mãn.

Hiện thời, đạo tràng của chúng ta tuy nhỏ, nhưng công đức xác thực là niệm niệm viên mãn, vì sao? Tâm và lực đều dốc trọn hết. Chúng ta có mười phần năng lực, chỉ dùng chín phần, đó là chẳng viên mãn; nay chúng ta tâm lẫn lực thảy đều trọn hết. Đó là đúng pháp, tâm địa thanh tịnh. Có đồng tu nói với tôi, những đạo tràng khác đều cậy tín đồ đi hóa duyên, đi quyên mộ, làm đủ thứ chuyện tốt. Thưa cùng chư vị, công đức ấy chẳng viên mãn, vì sao? Quý vị hãy nghĩ tới Bàng cư sĩ thuở trước. Bàng cư sĩ là bậc Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Trong Lục Tổ Đàn Kinh có lời thọ ký, nói sau này sẽ có hai vị đại Bồ Tát xuất hiện trong thế gian này để chấn hưng Tông Môn một lần nữa. Bàng cư sĩ là một trong hai vị đại Bồ Tát ấy, Ngài dạy chúng ta một câu: *"Chuyện tốt chẳng bằng vô sự"*. Vì sao thế giới hiện thời loạn như thế? Người tốt quá nhiều, chuyện tốt quá nhiều! Mỗi một người tốt đều làm chuyện tốt, khiến cho thiên hạ đại loạn. Vì thế, chuyện gì là chuyện tốt thật sự? Vô sự là chuyện tốt. Có những đồng tu đưa tiền đến đây, chúng ta chẳng có cách nào khác, phải thay họ làm chuyện tốt. Nếu họ không đưa tới, chúng ta chẳng làm, chẳng phải là càng tốt hơn ư? Hai đạo tràng của chúng ta đều tuân theo nguyên tắc này, Giản cư sĩ ở bên đó đã một đôi lần nói chuyện thật lâu với tôi, tôi bảo ông ta hãy vĩnh viễn giữ gìn một nguyên tắc: Mỗi tháng thâu vào nhiều liền làm nhiều, thâu ít làm ít, không ai tặng tiền thì không làm, tự tại lắm! Tuyệt đối đừng nên đi hóa duyên, tuyệt đối đừng hỏi xin tiền người khác, đó là phan duyên, chẳng phải là tùy duyên. Có người tặng tiền nhiều, chúng ta làm nhiều chuyện tốt, chúng sanh có phước, chúng ta nhọc nhằn. Không ai tặng tiền, chúng sanh chẳng có phước, chúng ta tự tại thanh tịnh, chúng ta chẳng có

chuyện gì! Vì thế, tùy duyên, đừng phan duyên, thân tâm chẳng có gánh nặng, sung sướng lắm! Thân tâm chẳng có vướng mắc!

Ở đây là xuất sanh vô lượng vô biên công đức bảo, công đức bảo tạng sanh từ nơi đây. Vì thế, tâm lượng phải rộng lớn, chớ nên có giới hạn, chớ nên có phân biệt, chớ nên có chấp trước, thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh mà chẳng nhiễm, giác, chánh, tịnh, đó là Tam Bảo! Đấy là *"xuất công đức bảo"*, Tam Bảo xuất sanh. Có Tam Bảo chính là sanh ra vô lượng vô biên công đức bảo tạng. Của báu thật sự chính là điều này, chư vị phải ghi nhớ. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có nói "thanh tịnh, bình đẳng, giác", đó là Tam Bảo! Trong cuộc sống, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, tu gì? Tu Tam Bảo. Nhưng tâm lượng nhỏ hẹp thì Tam Bảo chẳng thể xuất hiện; dẫu có, chẳng thể hiển lộ! Ắt phải là tâm lượng quảng đại, bỏ sạch vọng tưởng, chấp trước, Tự Tánh Tam Bảo sẽ hiển lộ. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 199

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ ba:

(Sao) Đại Bổn Phật tán bỉ quốc Bồ Tát chủng chủng công đức, vi nhị thập tam dụ. Nhất, kiên cố bất động như Tu Di sơn. Nhị, trí huệ minh liễu như minh nhật nguyệt. Tam, quảng đại như hải, xuất công đức bảo cố. Tứ, xí thịnh như hỏa, thiêu phiền não tân cố. Ngũ, nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng cố. Lục, thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu cố. Nãi chí nhị thập tam, như Từ Thị quán, đẳng pháp giới cố. Mạt phục kết vân: "Kim vị nhữ đẳng cử yếu ngôn chi, nhược quảng thuyết giả, nhất kiếp bất tận". Tắc tri Bồ Tát chi số vô lượng vô biên, Bồ Tát công đức diệc vô lượng vô biên dã.

(鈔)大本佛讚彼國菩薩種種功德，為二十三喻，一、堅固不動如須彌山，二、智慧明了如明日月，三、廣大如海出功德寶故，四、熾盛如火燒煩惱薪故，五、忍辱如地一切平等故，六、清淨如水洗諸塵垢故。乃至二十三，如慈氏觀，等法界故。末復結云：今為汝等舉要言之，若廣說者一劫不盡 。則知菩薩之數無量無邊 ，菩薩功德亦無量

無邊也。

*(**Sao**: Trong kinh Đại Bổn, đức Phật tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát trong cõi ấy, đã dùng hai mươi ba tỷ dụ. Một là kiên cố bất động như núi Tu Di. Hai là trí huệ sáng suốt như mặt trời, mặt trăng sáng ngời. Ba là rộng lớn như biển, sanh ra của báu công đức. Bốn là hừng hực như lửa đốt sạch củi phiền não. Năm là nhẫn nhục như đất vì hết thảy bình đẳng. Sáu là thanh tịnh như nước, rửa các bụi nhơ. Cho đến tỷ dụ thứ hai mươi ba là như ngài Từ Thị quán tưởng pháp giới bình đẳng. Cuối cùng lại kết luận: "Nay ta vì các ông nói những điều chánh yếu. Nếu nói rộng rãi, thì [nói suốt] một kiếp chẳng hết". Do vậy biết số lượng của Bồ Tát là vô lượng vô biên, công đức của Bồ Tát cũng vô lượng vô biên).*

Hai mươi ba tỷ dụ được Liên Trì đại sư trích dẫn vốn là chương thứ ba mươi mốt, tức chương Chân Thật Công Đức trong bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, nhưng trong chương đó, cụ Hạ chẳng hoàn toàn trích lục hai mươi ba tỷ dụ ấy. Trong hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai của kinh Đại Bảo Tích, tức là nơi trang hai trăm bảy mươi bốn của bộ Ngũ Kinh Độc Bổn có đoạn kinh văn ấy. Kế đó, trong bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, hai mươi ba tỷ dụ đều trọn đủ. Ấn Quang đại sư, cụ Hạ Liên Cư và lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đều công nhận: Hễ Sớ Sao trích dẫn kinh Đại Bổn, đại đa số là dùng bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, tức là Đại A Di Đà Kinh. Nay chúng tôi in chương ấy, chương ấy có đầy đủ hai mươi ba tỷ dụ. Chương ấy có tên là Bồ Tát Công Đức Phần Đệ Tam Thập Tứ (phần ba mươi bốn, Công Đức Của Các Bồ Tát). Chương ấy trích từ bản của cư sĩ Vương Long Thư, chúng tôi cho sao chụp in lại để cúng dường chư vị đồng tu. Trong một chương kinh văn ấy, đức Phật tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chương ấy rất đáng cho chúng ta đọc kỹ, vì có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Chúng tôi lợi dụng cơ hội này để giới thiệu đơn giản cùng các đồng học một chương kinh văn ấy.

Phật ngôn: A Di Đà Phật sát trung chư Bồ Tát chúng.

佛言：阿彌陀佛剎中諸菩薩眾。

(Đức Phật nói: "Các vị Bồ Tát trong cõi của A Di Đà Phật").

"Chư" (諸) là bao gồm toàn bộ [các vị Bồ Tát] từ hạ hạ phẩm cho

đến thượng thượng phẩm trong cõi Thật Báo. Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Bồ Tát pháp giới, chẳng có các pháp giới khác. *"Chư"* là như chúng ta nói từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác Bồ Tát.

Dung mạo nhu hòa, tướng hảo cụ túc.

容貌柔和相好具足。

(Dung mạo mềm mỏng, ôn hòa, tướng hảo trọn đủ).

Từ Đại Kinh, chúng ta thấy điều này rất rõ ràng: Dung mạo và tướng hảo đều giống như A Di Đà Phật. Vì vậy, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng. Mười phương thế giới đều chẳng bình đẳng, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng. Mọi người đều giống như nhau, màu da cũng như nhau, vóc dáng cũng như nhau. Thế giới Tây Phương đích xác là chẳng thể nghĩ bàn.

Thiền Định trí huệ thông đạt vô ngại, thần thông oai đức vô bất mãn túc.

禪定智慧通達無礙，神通威德無不滿足。

(Thiền Định, trí huệ thông đạt vô ngại, thần thông, oai đức, không gì chẳng trọn vẹn).

Đây cũng là sự thật. Từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta từng đọc thấy điều này. Tuy là đới nghiệp vãng sanh, sanh trong hạ hạ phẩm, thậm chí Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung sám hối vãng sanh, hễ tới thế giới Tây Phương, trí huệ, thần thông và đạo lực cũng đều chẳng sai khác A Di Đà Phật cho mấy. Pháp môn Tịnh Độ được gọi là "pháp khó tin", khó ở chỗ nào? Ở ngay chỗ này. Đó là sự thật. Không chỉ là lũ phàm phu chúng ta khó tin, mà hàng Bồ Tát cũng [cảm thấy] khó tin. Chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm nói *"phải đạt tới Đăng Địa Bồ Tát thì mới chẳng hoài nghi pháp môn này"*. Do vậy có thể biết, các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) trong hội Hoa Tạng đều rất khó tin tưởng pháp môn này! Đạt đến Đăng Địa (từ Sơ Địa trở lên) thì mới từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật, mới thật sự phát nguyện tu học pháp môn này. Có phải là Địa Thượng Bồ Tát và Đẳng Giác Bồ Tát đã hoàn toàn hiểu rõ hay không? Cũng chưa chắc! Vẫn còn cậy vào Phật gia trì. Nếu chẳng được Phật lực gia trì, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng có cách nào lý giải. Pháp môn này khó tin ở chỗ này, vì nó là cảnh giới

thuộc về quả địa của Như Lai.

Pháp môn này chẳng tu từ nơi nhân, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu nhân chứng quả, pháp môn này tu từ nơi quả, chẳng tu từ nơi nhân, nên ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng hiểu rõ ràng. Chúng ta đọc đến đây, [thấy kinh nói] tướng mạo [của mọi người trong cõi Cực Lạc] giống hệt như Phật, có lẽ còn miễn cưỡng tin tưởng, chứ Thiền Định, trí huệ, thần thông và oai đức ngay lập tức đều chẳng sai khác đức Phật cho mấy, khó tin quá! Nhưng điều ấy xác thực là sự thật, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thấu suốt, Tha Tâm biết trọn khắp, xác thực là thần thông và đạo lực chẳng cách xa quả địa của đức Phật cho mấy!

Thâm nhập pháp môn, đắc Vô Sanh nhẫn.
深入法門得無生忍。
(Thâm nhập pháp môn, đắc Vô Sanh Nhẫn).

Kinh Nhân Vương nói địa vị nào mới chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Vô Sanh Pháp Nhẫn có ba phẩm: Hạ phẩm là Thất Địa Bồ Tát, trung phẩm là Bát Địa Bồ Tát, thượng phẩm là Cửu Địa Bồ Tát. Thập Địa Bồ Tát chứng Tịch Diệt Nhẫn, cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn một cấp. Dẫu là hạ phẩm, công phu Thiền Định rất sâu, cũng là từ Thất Địa trở lên. Cụ Lý Bỉnh Nam chú thích *"A Bệ Bạt Trí là từ Thất Địa trở lên"* do dựa trên câu này. Từ Thất Địa trở lên đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. *"Thâm nhập pháp môn"* là thật sự thâm nhập. Đã nhập pháp môn này, bèn chẳng có pháp nào không thông đạt, chư vị đồng tu nhất định phải biết điều này!

Chúng tôi tu học trong quá khứ, đã đi lầm đường. Vì thế, mọi người nghe tôi giảng kinh, tốt nhất là nghe những gì tôi đã giảng trong hai năm nay, những gì đã giảng trước hai năm gần đây đừng nên nghe. Vì sao? Trong ấy, có chẳng ít sai lầm! Hai năm nay ít sai lầm hơn, chính mình đã có tín tâm, chẳng đi lạc đường, nhất định phải tu tập từ tâm thanh tịnh. Vì lẽ đó, cái hay của kinh Vô Lượng Thọ là từ tựa đề đã nói rõ, phải thực hiện từ tâm "thanh tịnh, bình đẳng", hãy tu tập nơi "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Vì thế, tôi đặc biệt nhấn mạnh tánh trọng yếu của việc đọc kinh, niệm Phật, chẳng cần mong hiểu nghĩa. Vì sao chẳng cần mong hiểu? Chúng ta chưa đoạn phiền não tập khí, chưa đoạn vọng tưởng, chấp trước, tất cả hết thảy lý giải đều là tà tri, tà kiến, chẳng phải

là chánh tri chánh kiến. Khi nào tâm chúng ta đạt được thanh tịnh, tâm đạt được bình đẳng, sự lý giải khi ấy sẽ là trí huệ. Do đó, tâm thanh tịnh vô cùng khẩn yếu. Đó là *"thâm nhập pháp môn"*. Chỉ có tâm thanh tịnh thì mới có thể thâm nhập. Tâm càng thanh tịnh, nhập càng sâu.

Nếu quý vị hỏi pháp môn này là pháp môn nào ư? Nếu nói theo kinh Di Đà, sẽ là pháp môn *"nhất tâm bất loạn"*, nói theo kinh Vô Lượng Thọ sẽ là pháp môn *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*. Quý vị càng thâm nhập, tâm càng thanh tịnh, tâm càng bình đẳng. Độ sâu được đo lường bằng tâm địa thanh tịnh, bình đẳng; vì thế, các Ngài mới có thể thấy hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt. *"Vô Sanh"* là hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, quý vị đồng ý, chấp nhận, khẳng định. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, quý vị chẳng thể nào có sự nhận thức ấy. Dẫu thấy đức Phật dạy như vậy, cũng là miễn cưỡng tiếp nhận, có thật sự nhập cảnh giới ấy hay không? Chẳng có! Chỉ là nghe nói mà thôi, chẳng thể thấy cảnh giới trên thực tế. Ắt phải là tâm địa có mức độ thanh tịnh kha khá thì mới nhận biết rõ ràng căn bản của nhân sinh và vũ trụ.

Tri thức và trí huệ trong thế gian này, nói thật thà thì là từ Đệ Nhị Nghĩa trở xuống, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Nhà Phật nói Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa là nói tới ý nghĩa căn bản. Các nhà triết học, khoa học, tôn giáo hiện thời chẳng tìm thấy bản thể của vũ trụ, cũng có nghĩa là tuy họ rất thông minh, nhưng đối với vũ trụ và nhân sinh, đối với khởi nguyên của vũ trụ, đối với ý nghĩa và giá trị của nhân sinh, họ luôn nghiên cứu, thăm dò suốt mấy trăm năm, vẫn chẳng có kết luận, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng kiến tánh! Do tìm tòi, khảo sát, họ đạt được những kết luận, toàn là tà tri, tà kiến. Trong Phật pháp, chánh tri chánh kiến được nói bởi đức Phật chính là ở chỗ nào? Ở ngay nơi tâm! Trong tâm chẳng có một vọng tưởng nào, tâm sẽ chánh. Tâm chánh thì kiến giải bèn chân chánh. Tâm bất chánh, kiến giải làm sao có thể chân chánh cho được? Toàn là vọng tưởng. Trong Phật pháp, những vọng tưởng ấy được gọi chung là Tục Đế. Chúng ta gọi tri kiến của Như Lai là Chân Đế.

Chư Phật mật tạng cứu cánh minh liễu.
諸佛密藏究竟明了。
(Hiểu rõ rốt ráo tạng bí mật của chư Phật).

"Chư Phật" không chỉ là một mình Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chẳng phải là riêng mình A Di Đà Phật, mà là mười phương

ba đời hết thảy chư Phật. Hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thảy đều hiểu rõ sự chứng đắc bí mật của các Ngài. Chúng ta đọc câu kinh văn này, hãy nên giác ngộ: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu! Trong cõi này, đừng nói là chư Phật, suốt một đời [chúng ta] vẫn chẳng hiểu rõ mật tạng của một đức Phật, chẳng có cách nào hiểu rõ. Đừng nói là một đức Phật, ngay như ý nghĩa uyên áo của một bộ kinh còn chẳng thể thông đạt, huống hồ hết thảy các kinh! Đó là lý do vì sao phải cầu sanh thế giới Tây Phương. Ở đây, tôi lại muốn nói cho quý vị biết bí mật thật sự của câu này. Mật tạng thật sự của chư Phật là một câu A Di Đà Phật. Nay chúng ta có thể niệm câu A Di Đà Phật. Chưa hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm [trong danh hiệu] A Di Đà Phật, mật tạng của A Di Đà Phật xác thực là mật tạng của hết thảy chư Phật. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Một bộ kinh Vô Lượng Thọ nhằm giải thích bốn chữ A Di Đà Phật. Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là lược thích, tức là giải thích khái lược. Nếu giải thích cặn kẽ thì phải là Đại Tạng Kinh. Một bộ Đại Tạng Kinh là để giải thích cặn kẽ [ý nghĩa của] A Di Đà Phật. Có phải là cặn kẽ nhất hay không? Chẳng phải! Chúng ta vẫn chưa biết cặn kẽ nhất là gì? Chúng ta nghe kể Long Thọ Bồ Tát trong cung rồng thấy Đại Bổn Hoa Nghiêm Kinh, phân lượng là mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Đừng nói là địa cầu, cả hệ Ngân Hà đều chứa không nổi, đó là giải thích bốn chữ A Di Đà Phật khá tỉ mỉ. Vì vậy, bốn chữ ấy nghĩa lý sâu không đáy, rộng vô biên, nhiếp trọn hết thảy các pháp môn, tổng trì diệu pháp của chư Phật, chẳng phải là mật tạng của chư Phật thì là gì? Bởi lẽ đó, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể hiểu rõ rốt ráo.

Điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyễn.
調伏諸根身心柔軟。
(Điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn).

Nay chúng ta *"điều phục"* chính là dùng Giới để rèn thân, dùng Định để rèn tâm, bèn biết tầm trọng yếu của Giới và Định! Nhất tâm hệ niệm là điều tâm, trì giới niệm Phật là điều thân. *"Thân tâm nhu nhuyễn"* là thân tâm tự tại! Chúng ta thua kém Bồ Tát là do nguyên nhân nào? Chúng ta chẳng biết Thật Tướng của các pháp. Nói cách khác, chẳng nhận thức chính mình, mà cũng chẳng liễu giải hoàn cảnh. Vì thế, dẫu chúng ta rất nghiêm túc điều phục, kết quả đạt được vẫn là khá hữu

hạn, chẳng bằng Bồ Tát đã thật sự thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thật ra, đức Phật trọn chẳng giữ bí mật, chẳng giấu diếm những chân tướng ấy, Ngài đã nói ra. Do Ngài đã nói ra, chúng ta cũng biết nói, nhưng chẳng thấu hiểu ý nghĩa ấy. Kinh Kim Cang nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Đức Phật đã nói toạc ra: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*. Câu sau chính là đức Phật khuyên chúng ta hãy coi nhân sinh và vũ trụ trước mắt như mộng cảnh, huyễn ảnh. Coi chúng như mộng cảnh, huyễn ảnh, chúng ta sẽ không chấp trước. Không chấp trước thì vọng tưởng ấy cũng chẳng còn nữa, đó là tu học Đại Thừa. Đây là một phương pháp rất xảo diệu.

Tất cả đau khổ, điên đảo của chúng ta trong hiện thời là do đã coi nhân sinh và vũ trụ là thật, hỏng bét ở chỗ này! Vì lẽ đó, cứ lo được, lo mất trong đó. Nếu thấy cảnh giới trước mắt đều là mộng, là ảnh, cái tâm được mất của quý vị sẽ chẳng còn nữa. Chẳng có tâm được mất, tối thiểu là phiền não giảm bớt tám mươi phần trăm, lẽ nào quý vị chẳng tự tại? Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện: Chẳng có vật chất. Hết thảy vật chất là cảm nhận sai lầm của con người. Họ nói: Trên sự thật, [vật chất] là chấn động của sóng ánh sáng. Trong Đàn Kinh, câu này đã được Lục Tổ đại sư diễn tả là *"do tâm nhân giả động"*. Các nhà khoa học biết hết thảy hiện tượng vật chất sanh từ dao động, nhưng sự dao động ấy do đâu mà có, họ chẳng biết! Vì lẽ đó, sự nhận thức của họ là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Sóng [dao động] do đâu mà có? Sóng từ Chân Như bản tánh mà có. Lục Tổ nói: *"Do tâm nhân giả động"*. Kiến tánh, đó là Đệ Nhất Nghĩa. Phải nhận biết Đệ Nhất Nghĩa thì mới có thể thực hiện viên mãn *"điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyễn"* (điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn).

An trụ tịch tĩnh tận Bát Niết Bàn.
安住寂静盡般涅槃。
(An trụ tịch tĩnh trọn hết Bát Niết Bàn).

"Tận" (盡) có nghĩa là viên mãn, *"Bát Niết Bàn"* là thanh tịnh tịch diệt. Tâm chúng ta phải an trụ nơi đâu? Phải trụ tại chỗ nào? Dựa theo tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, quý vị an trụ nơi *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"* là đúng. Ở đây, thanh tịnh bình đẳng giác được gọi là *"tận Bát Niết Bàn"*.

Thâm nhập chánh huệ, vô phục dư tập.
深入正慧無復餘習。
(Thâm nhập chánh huệ, chẳng còn thừa sót các tập khí).

"Tập" (習) là tập khí, *"chánh huệ"* là trí huệ Bát Nhã, là trí huệ vốn sẵn có trong bản tánh. Hiện thời, trí huệ của chúng ta chẳng thấu lộ, chẳng thể khởi tác dụng, đức Phật bảo là do phàm phu chúng ta có hai thứ ngăn chướng trí huệ. Hai chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng là những thứ như Thân Kiến, Biên Kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. Sở Tri Chướng là quý vị biết chuyện thế gian và xuất thế gian chẳng ít. Chúng đều là chướng ngại.

Giáo học Phật pháp dạy chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Dạy chúng ta hãy thực hiện từ vô tri. Từ vô tri nghĩa là sao? Phá trừ Sở Tri Chướng, sau khi đã đoạn trừ Sở Tri Chướng, sẽ là không gì chẳng biết. Nay vì chúng ta có Sở Tri Chướng, nên sẽ có những điều chẳng biết! Những thứ không biết quá nhiều. Vì lẽ đó, sau khi đoạn Phiền Não Chướng, chứng Đại Niết Bàn, tâm địa thanh tịnh tự tại, sung sướng khôn sánh. Phá Sở Tri Chướng, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng biết. Nhưng phá Sở Tri Chướng phải thực hiện từ vô tri, Bát Nhã vô tri thì mới là không gì chẳng biết. Vì thế, biết nhiều thứ chẳng có lợi gì, Thanh Lương đại sư bảo là *"tăng trưởng tà kiến"*. Hiện thời, chúng tôi thể nghiệm câu nói ấy thật sâu! Thật sự khai trí huệ, tuyệt đối chẳng phải là có thể thành công trong một thời gian ngắn ngủi. Vì vậy, Bồ Tát tu hành phải trải qua bao kiếp dài lâu, phải tu học trong một thời gian dài, phải có lòng kiên nhẫn. Kiên nhẫn là cơ sở của nhất tâm và tâm thanh tịnh. Quý vị là người thiếu kiên nhẫn, hãy ngẫm xem, làm sao có thể thành tựu Định cho được? Nhẫn nhục là tiền phương tiện của Thiền Định; chẳng thể nhẫn, kẻ ấy quyết định chẳng đắc Định. Chẳng có Định thì nói cách khác, quyết định chẳng thể phá Phiền Não Chướng. Chẳng có Định, quyết định là trí huệ Bát Nhã chẳng thể thấu lộ.

Tu học không tuân theo thứ tự có được hay không? Không được! Lục Độ là cương lãnh tu hành, mà cũng là thứ tự tu hành của Bồ Tát. Điều thứ nhất là bảo quý vị buông xuống, bố thí là buông xuống. Buông vọng tưởng xuống, buông chấp trước xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông hết thảy tri kiến xuống, trí huệ chân chánh bèn hiện tiền, tức là Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí mới có thể hiện tiền. Căn Bản Trí khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết! *"Thâm nhập*

chánh huệ" ở đây là nói tới Căn Bản Trí. *"An trụ tịch tĩnh tận Bát Niết Bàn"* trong phần trước là đoạn Phiền Não Chướng. *"Thâm nhập chánh huệ vô phục dư tập"* (Thâm nhập chánh huệ, chẳng còn tập khí thừa sót) là Sở Tri Chướng cũng phá. Chúng ta đã thật sự hiểu rõ: Học Phật thì thực hiện từ nơi đâu? Học từ nơi đâu? Trong hai năm nay, tôi giảng điều gì cũng đều đề xướng, khuyên lơn mọi người cứ đọc, chẳng cần mong hiểu nghĩa, rất nhiều người hiểu lầm, chê tôi nói nhăng nói cuội. Họ rất khó tin tưởng, rất khó lãnh hội điều ấy. Trong quá khứ, tôi đã đi sai đường. Đối với các kinh đã giảng trước kia, họ nghe rất hoan hỷ, có thể tiếp nhận, vì sao? Nói nhăng nói cuội mà! Đầu óc họ đầy ắp tà tri, tà kiến, nên [đối với họ, những thứ tri kiến tạp loạn ấy] rất tương ứng. Nay tôi đã quay đầu, họ cảm thấy kỳ quái, đại khái là cảm thấy tôi có vấn đề! Nay tôi đã thật sự tìm được đường, thật sự hiểu rõ ràng!

Y Phật sở hành Thất Giác Thánh Đạo.

依佛所行七覺聖道。

(Nương theo Thất Giác Thánh Đạo đức Phật đã hành).

"Hành" là hành vi trong cuộc sống. Hành vi trong cuộc sống lấy Thất Giác Chi và Bát Thánh Đạo làm tiêu chuẩn.

Tu hành Ngũ Nhãn chiếu Chân đạt Tục, biện tài tổng trì tự tại vô ngại.

修行五眼照真達俗。辯才總持自在無礙。

(Tu hành Ngũ Nhãn, chiếu soi lẽ Chân, thông đạt lẽ Tục, biện tài tổng trì tự tại vô ngại).

Ngũ Nhãn là Phật nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, thiên nhãn, và nhục nhãn. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều là *"Ngũ Nhãn viên minh"*, nên có thể Thiên Nhãn thấy thấu suốt. *"Chiếu Chân đạt Tục"*: Chân là căn nguyên hoặc bản thể của vũ trụ và nhân sinh, Tục (俗) là thế tục. Tư tưởng, kiến giải, và hành vi của đông đảo chúng sanh trong mười pháp giới các Ngài đều biết, đó là *"đạt Tục"*. Do *"biện tài tổng trì tự tại vô ngại"* thì các Ngài mới có thể giáo hóa chúng sanh, thành tựu biện tài.

Thiện giải thế gian vô biên phương tiện.

善解世間無邊方便。
(Khéo hiểu vô biên phương tiện của thế gian).

Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng lìa khỏi phương tiện, vì sao? Vì chân thật thì nói chẳng được, ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt, hễ có thể nói thì hoàn toàn là phương tiện! Vì lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Trong suốt bốn mươi chín năm, Ngài chẳng thuyết pháp một câu nào! Vì sao? Vì những gì đã nói trong bốn mươi chín năm đều là nói pháp phương tiện, cũng chẳng nói một câu pháp chân thật nào! Những pháp phương tiện được nói ra đều nhằm mục đích dạy cho người ta từ phương tiện bèn thấu hiểu chân thật. Xét theo ý nghĩa này, chúng ta cũng có thể nói: Những câu do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều là nói pháp chân thật, phương tiện chính là chân thật! Đó gọi là thiện xảo, là quyền biến.

Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị.
所言誠諦深入義味。
(Lời nói chân thành, xác thực, thâm nhập nghĩa vị).

Đối với lời đức Phật nói, nhất định phải hiểu nghĩa thú thuyết pháp của Ngài; bởi lẽ, những lời đức Phật nói, ý ở ngoài lời! Quý vị phải lãnh hội, quyết định chớ nên chấp trước. Chấp trước ngôn ngữ của Phật, chấp trước văn tự trong kinh điển thì sai bét mất rồi! Trong kinh, đức Phật đã nói: *"Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan"*, ba đời chư Phật đều kêu oan uổng! Quý vị phải từ ngôn ngữ và văn tự mà lãnh hội, thấu hiểu nghĩa thú, như vậy thì mới có thể đắc đạo.

Phu diễn Chánh Pháp, quảng độ hữu tình.
敷演正法廣度有情。
(Phô diễn Chánh Pháp, rộng độ hữu tình).

"Phu" (敷) là khai triển. Triển khai giáo học rộng rãi nhằm rộng độ chúng sanh. Nên nói Chánh Pháp là như thế nào? Chánh pháp là chánh tri chánh kiến. Dẫu đức Phật nói ra phương tiện quyền xảo, Ngài vẫn dẫn dắt, khuyên dụ chúng ta nhập chánh tri chánh kiến, đó là Chánh Pháp. Chánh tri chánh kiến nói chung là phải có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn là "giác, chánh, tịnh" được nói trong Tam Quy Y. Nói đơn giản về "giác,

chánh, tịnh" thì thứ nhất là chẳng mê. Đối với chính mình, nhân sinh, vũ trụ, lý sự, nhân quả, đều có thể giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Chánh Pháp. Chúng ta phải luôn kiểm điểm điều này. Vì sao khóa tụng sáng tối nhất định phải có Tam Quy Y? Khóa tụng sáng tối, thứ gì khác cũng có thể chẳng niệm, nhưng nhất định phải niệm Tam Quy Y. Tam Quy Y nhằm dạy chúng ta sáng tối kiểm điểm, phản tỉnh, kiểm tra chính mình, ngày hôm nay ta có mê hay không? Có tà hay không? Có nhiễm ô hay không? Nếu là mê, tà, nhiễm, sai mất rồi, đó là tà pháp, chẳng phải là Chánh Pháp. Chúng ta tiếp người, đãi vật, những nhân vật ấy đều có thể giúp cho chúng ta giác, chánh, tịnh. Đó là Chánh Pháp.

"Phu diễn chánh pháp, quảng độ hữu tình" thì Phật, Bồ Tát là đương nhiên [làm chuyện này]. Trừ Phật, Bồ Tát ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sáu trần thuyết pháp. Sáu trần trong thế gian này cũng đều thuyết pháp. Tuy sáu trần thuyết pháp, chúng ta chẳng hiểu. Vì sao không hiểu? Vì chúng ta mê quá sâu. Sáu trần thuyết pháp, chúng ta không có cách nào lãnh hội. Tâm địa ắt phải đạt đến mức độ thanh tịnh kha khá thì mới có thể thấu hiểu! Bậc đại đức trong Thiền Tông nghe tiếng mảnh ngói văng vào thân trúc bèn khai ngộ; thấy nước chảy bèn khai ngộ, nghe chim hót trên cành bèn khai ngộ. Đó chính là sáu trần thuyết pháp. Do vậy có thể biết, tâm địa của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, nên đối với sáu trần, họ đều có thể cảm xúc rất sâu; do từ chỗ này mà họ có thể lãnh ngộ Chân Đế. Chúng ta tâm ý thô tháp, hời hợt, giảng cách nào cũng chẳng ngộ! Chẳng phải là sáu trần trong thế giới này không thuyết pháp, hằng ngày sáu trần đều thuyết pháp, nhưng họ chẳng khai ngộ! Thắp nến mỗi ngày, mỗi ngày [nến] đều thuyết pháp, có mấy ai thấy nến mà khai ngộ hay chăng? Phạm vi của câu này hết sức rộng lớn. Đó là rộng độ hữu tình.

Trừ bỉ nhất thiết phiền não chi hoạn.
除彼一切煩惱之患。
(Trừ nỗi lo về hết thảy các phiền não cho họ).

Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh dần dần đoạn sạch.

Đẳng quán tam giới không vô sở hữu.
等觀三界空無所有。

(Quán tam giới bình đẳng, rỗng không, vô sở hữu).

Đây là thấy Thật Tướng của các pháp. *"Đẳng"* (等) là bình đẳng, *"tam giới"* là lục đạo. Lục đạo là chuyện như thế nào? Lục đạo *"không, vô sở hữu"*, đây là nói thật với quý vị. Tâm Kinh đã dạy: *"Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"*, rỗng không, chẳng có gì hết. *"Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị"*. Nếu nghe những lời này không hiểu thì Bách Pháp Minh Môn là chú giải của Tâm Kinh. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức triển khai thành một trăm pháp. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Tâm Vương và Tâm Sở, tức là tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở. Sắc là mười một sắc pháp, [gồm] năm căn và sáu trần, những pháp này đều là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang nói: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, rỗng không, chẳng có gì hết! Quý vị coi những thứ đó là thật, chẳng phải là tự chuốc khổ ư? Đó là mê, là tà. Ở trong ấy, phân biệt, chấp trước, có lấy, có bỏ thì gọi là nhiễm, tức là mê, tà, nhiễm! Biết hết thảy các pháp rỗng không, chẳng có gì, đó là trí huệ, là giác. Trong hết thảy các pháp, chẳng lấy, chẳng bỏ, đó là tịnh, là thanh tịnh. Quý vị cố ý bỏ đi thì cũng là nhiễm ô, vì thế, hết thảy tùy duyên, đừng phan duyên. Phàm phu "giữ lấy", đã lệch về một bên. Người Tiểu Thừa trừ bỏ, cũng lệch sang một bên. Người Tiểu Thừa rớt trong Thiên Chân Niết Bàn, thứ gì cũng đều chẳng cần. Còn phàm phu thì thứ gì cũng muốn, người Tiểu Thừa thì thứ gì ta cũng chẳng cần, đều sai! Vì sao? Rỗng không, chẳng có gì, cần cũng là mê, mà không cần cũng là mê. Hai bên lấy và bỏ đều trừ sạch, Bồ Tát hành Trung Đạo thì mới là thật sự hiểu rõ chuyện này. Do đó, đối với cảnh giới, chúng ta chẳng lấy, chẳng bỏ, hết thảy tùy duyên.

Bồ Tát du hý thần thông, chẳng coi nó là thật, nó chẳng có thật. Gì là thật? Tâm thanh tịnh là thật; giác, chánh, tịnh là thật. Hết thảy thời, hết thảy chỗ, trong hết thảy cảnh giới, giữ vững những thứ này, quyết định chẳng để mất đi. Giác, chánh, tịnh là thật. Thật ra, chúng ta chẳng làm được [những điều vừa nói] thì một câu A Di Đà Phật là thật. Trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng bỏ, ức niệm không quên! Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật. Đó là thật, chẳng bỏ điều này, hết thảy các pháp khác tùy duyên là được rồi. Đó gọi là *"đẳng quán tam giới không vô sở hữu"*.

Tri nhất thiết pháp tất giai tịch diệt, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô

quả, vô thủ, vô xả, vô phược, vô thoát.

知一切法悉皆寂滅，無相無為無因無果，無取無捨無縛無脫。

(Biết hết thảy các pháp đều là tịch diệt, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả, không lấy, không bỏ, không trói buộc, không giải thoát).

Mấy câu này là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Đã gọi là *"cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ"* thì quý vị chưa thấy Pháp Thân, sẽ chẳng thể có được. Hễ thấy Pháp Thân, hết thảy sẽ tự nhiên trọn đủ. Thấu lộ một ít tin chính là trong tâm người ấy không hề vướng mắc mảy may. Chẳng có vướng mắc, ưu lự, chẳng có chấp trước, vọng tưởng, đương nhiên là chẳng có phiền não. Những thứ ấy đều chẳng có, thưa cùng chư vị, sanh tử luân hồi cũng chẳng có. Vì sanh tử luân hồi là quả báo, còn những thứ này đều là nhân; nhân đã chẳng có, lấy đâu ra quả? Vì thế, sanh tử cũng chẳng có, luân hồi cũng chẳng có; không chỉ chẳng có những thứ ấy, mà tam giới cũng chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có. Rốt cuộc Ngài trụ nơi đâu? Bất đắc dĩ nói là Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới. Tự tại lắm!

Nếu chúng ta muốn nhập cảnh giới này, hãy khéo niệm A Di Đà Phật, niệm đến cảnh giới công phu thành phiến, quý vị sẽ lãnh hội đôi chút. Sự lãnh hội ấy chẳng phải là chứng đắc thật sự, trong Tứ Gia Hạnh, [sự lãnh hội ấy] được gọi là Noãn Vị (煖位)[63], [hàm nghĩa] chẳng thấy lửa, nhưng có nhiệt độ, có độ ấm, quý vị đã lãnh hội. Đạt đến nhất tâm bất loạn, sẽ nhập cảnh giới này. Đạt đến tâm địa thanh tịnh, tức là khi công phu đã thành phiến, dần dần tiếp cận cảnh giới này, quý vị có thể lãnh hội, rất tin tưởng, công phu là như thế đó! Nghiên cứu kinh [hòng mong đạt đến cảnh giới ấy] sẽ không được! Đọc trọn khắp Đại Tạng Kinh, nghiên cứu hết thảy các chú giải, chẳng liên quan gì đến chuyện này, chạm đến ngoài rìa còn chẳng được! Càng tiếp xúc, càng rét run, chẳng ấm áp, càng rét cóng, chẳng tiếp xúc được! Vì thế, hôm nay tôi nói lời thật cùng mọi người.

Tuy tôi mua sách, thâu thập Đại Tạng Kinh, đó là vì giúp đỡ chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh, dùng làm tài liệu. Vì chúng tôi nói với người khác, câu nào cũng đều phải có căn cứ, chẳng thể bịa chuyện, đơm đặt, nhằm tiếp dẫn mọi người nhập môn. Sau khi đã nhập môn, phải

---

[63] Noãn hiểu theo nghĩa đen là ấm áp.

chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị mới có thể đạt thành tựu, quyết định chớ nên coi nhẹ chuyện này! Chính mình tu hành là thâm nhập một môn, để rộng độ hữu tình thì nhất định phải là phương tiện thiện xảo, phải phô diễn chánh pháp. Chánh pháp có phạm vi vô lượng vô biên, nguyên tắc của nó là giác, chánh, tịnh, khuyên dụ, hướng dẫn lòng người hướng về giác, hướng về chánh, hướng về thanh tịnh; đó là chánh pháp. Vì vậy, tà và chánh, nói thật ra, rất dễ phân biệt.

Biết hết thảy vạn pháp, pháp thế gian và xuất thế gian, *"vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả"*, tuyệt đối chẳng phải là bài bác "không có nhân quả". Phải đạt tới mức độ nào? Phải cho tới khi trong tâm quý vị thật sự thanh tịnh, chẳng khởi một niệm thì mới là vô nhân, vô quả, chẳng lấy, chẳng bỏ. Trong tâm quý vị hãy còn khởi một niệm, nói cho quý vị biết, [vẫn là] có nhân, có quả. Vô nhân, vô quả là hạng người nào? Nơi quả địa của Như Lai. Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ vẫn chẳng lìa nhân quả. Kinh Hoa Nghiêm nói ngũ châu nhân quả (năm tầng nhân quả), kinh Pháp Hoa nói Nhất Thừa nhân quả, chẳng rời lìa [nhân quả]! Nơi quả địa Như Lai mới là không nhân, không quả, vô tướng, vô vi, triệt để liễu giải chân tướng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thế gian và xuất thế gian.

Khử chư phân biệt, viễn ly điên đảo.
去諸分別遠離顛倒。
(Trừ các phân biệt, xa lìa điên đảo).

Đây là chứng đắc cực quả, chỉ riêng thế giới Tây Phương là thành tựu chuyện này trong một đời. Trong các thế giới phương khác, sẽ là đời đời kiếp kiếp, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc vô lượng kiếp, chẳng biết là đã bỏ thân, thọ thân, thay đổi bao nhiêu thân thì mới có thể hoàn tất! Tây Phương Cực Lạc thế giới làm xong trong một đời. Điều này cũng chỉ rõ lý do vì sao hết thảy chư Phật đều khuyên mọi người cầu sanh Tịnh Độ, vì chúng ta sẽ thành tựu viên mãn ngay trong một đời ở bên ấy.

Dưới đây là hai mươi ba tỷ dụ được Liên Trì đại sư trích dẫn, hôm nay, chúng tôi đặc biệt rút ra chương kinh này [để giảng giải], tỷ dụ thứ nhất là:

Kiên cố bất động như Tu Di sơn.

堅固不動如須彌山。

(Kiên cố, chẳng lay động như núi Tu Di).

Ý nghĩa này vô cùng sâu rộng! Chúng ta không cần hiểu mức độ sâu rộng dường ấy, [vì có cố gắng hiểu] cũng chẳng thể thấu hiểu nổi, chúng ta chỉ dựa vào đoạn kinh văn này để nghĩ xem chính mình phải ứng dụng trong sự tu học hiện tiền như thế nào hòng đạt được lợi ích cho bản thân. *"Kiên cố bất động"* là nói tới tín tâm, chúng ta đối với bộ kinh điển này, đối với pháp môn này, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với sự phát tâm vãng sanh cầu sanh Tịnh Độ của chính mình, có tín tâm kiên cố bất động. Tín tâm ấy quyết định chẳng bị dao động *"như núi Tu Di"*.

Trí huệ minh liễu như nhật nguyệt lãng.

智慧明了如日月朗。

(Trí huệ sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng rạng ngời).

Để thấy rõ ràng, minh bạch chuyện này, chúng ta nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ Sự, quá khứ, hiện tiền có bao nhiêu người vãng sanh, đó là Sự. Trong những người vãng sanh ấy, nếu quan sát cặn kẽ, [sẽ thấy] hàng tại gia rất đông. Lại còn có nhiều người chẳng biết chữ, chẳng hiểu giáo lý, họ nhất tâm niệm Phật đều có thể vãng sanh. Người chuyên tâm niệm Phật, có nhiều vị còn đứng hay ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, quý vị có thể thấy những trường hợp ấy bèn sanh trí huệ. Đó là thật, chẳng giả. Đối với kẻ chỉ biết nói suông, quý vị hãy xem họ trong tương lai khi chết sẽ chết như thế nào? Nếu [quý vị thấy họ] khi chết, vẫn nằm trên giường bệnh mà chết, quý vị sẽ nói: "Những lời lẽ ấy của họ nói chưa chắc đã đáng tin". Như thầy Tu Vô đã nói, khi pháp sư Đàm Hư mở giới đàn tại chùa Cực Lạc ở Trường Xuân (Harbin), thầy Tu Vô đến giúp chăm sóc người bệnh. Được một vài ngày, Sư liền xin nghỉ vì Sư phải về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ta biết trước lúc mất, lại chẳng ngã bệnh. Cuối cùng, người ta hỏi Sư: "Thầy Tu Vô! Thầy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng nên làm mấy bài kệ, lưu lại mấy bài thơ để làm kỷ niệm cho chúng tôi". Sư nói: "Tôi xuất thân quê mùa, chưa từng học hành, không biết chữ, cũng chẳng hiểu kinh giáo chi cả". Cuối cùng, Sư nói: *"Tôi có lời thật thà thưa cùng quý vị, có thể dùng làm kỷ niệm: Nói được, chẳng làm được; chẳng phải trí huệ chân thật!"*.

Nói xong, Sư bèn tịch. *"Nói được, chẳng làm được"* là những pháp sư giảng kinh, chẳng phải là trí huệ chân thật. Trong Cận Đại Vãng Sanh Truyện và Niệm Phật Luận có chép chuyện này. Chuyện này do đích thân lão pháp sư Đàm Hư chứng kiến.

Chư vị đọc những sách ấy có thể khai trí huệ! Đọc sách khác, chưa chắc đã khai trí huệ. Đời Tống, pháp sư Oánh Kha niệm Phật ba ngày cảm được A Di Đà Phật hiện đến. Sư khai trí huệ bằng cách nào? Đọc Vãng Sanh Truyện. Bản thân Sư là người xuất gia, không tuân thủ Thanh Quy, thường phạm giới, nhưng còn có một điểm đáng tán thán là tin tưởng nhân quả. Chính Sư tự phản tỉnh, nói: "Trong tương lai, ta nhất định đọa địa ngục. Đáng sợ quá! Làm thế nào đây?" Liền thỉnh giáo đồng học. Các đồng học tìm một quyển Vãng Sanh Truyện đưa cho Sư đọc. Sư đọc bèn hết sức cảm động, xem chuyện vãng sanh của mỗi người đều xúc động ứa nước mắt. Sau khi xem xong Vãng Sanh Truyện, Sư đóng chặt cửa phòng, phát tâm niệm Phật, cũng không ăn cơm, mà cũng chẳng uống nước, cũng chẳng ngủ nghê, niệm một câu Phật hiệu suốt ba ngày ba đêm, cảm A Di Đà Phật hiện tới. A Di Đà Phật bảo Sư: "Ông hãy còn mười năm thọ mạng, hãy khéo tu hành trong mười năm. Tới khi đó, ta lại đến tiếp dẫn ông". Sư suy nghĩ, bạch Phật: "Con chẳng cần mười năm thọ mạng, vì sao? Căn tánh kém hèn rất nặng, không chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc. Hễ bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, con sẽ lại phạm giới, sẽ lại tạo tội nghiệp, chẳng biết trong mười năm ấy sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp. Con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con đi theo Phật". A Di Đà Phật gật đầu, chấp thuận: "Được rồi, ba hôm nữa ta sẽ đón ông". Ba ngày sau, Sư cũng chẳng bị bệnh, mọi người niệm Phật cho Sư, Sư tự tại vãng sanh. Vị này lỗi lạc thay!

Vì lẽ đó, đọc Vãng Sanh Truyện có thể khai trí huệ nhanh hơn đọc các bộ đại kinh, đại luận rất nhiều. Đại kinh, đại luận khai trí huệ rất chậm, đã thế, người đọc còn nửa tin, nửa ngờ, đôi khi còn biến thành Sở Tri Chướng, há nhanh chóng, lẹ làng như đọc Vãng Sanh Truyện? Thấy gương của những vị ấy, họ là thầy của chúng ta, nêu khuôn mẫu cho chúng ta noi theo. Đó là trí huệ thật sự hiểu rõ. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, và bộ Thiện Nữ Nhân Truyện trong Đại Tạng Kinh là những tác phẩm hay, đáng nên đề xướng. Thậm chí trong một thời gian ngắn ngủi, người ta thỉnh chúng ta giảng khai thị, bèn giảng ba bốn mẫu chuyện cũng rất hợp, xác thực là có thể giúp đỡ người khác. Bởi lẽ đó, sách Niệm Phật Luận của pháp sư Đàm Hư nói thật ra là tam chuyển

pháp luân, phần đầu là thị thuyết (giảng giải chỉ dạy), phần giữa là khuyến thuyết (khuyên bảo), cuối cùng nêu ra chuyện của ba người để chứng minh, đó là chứng thuyết. Ngài kể chuyện thầy Tu Vô là người xuất gia, ông Trịnh Tích Tân là một nam cư sĩ tại gia, còn có bà Trương là nữ cư sĩ, nêu gương ba người để chứng minh. Ba người ấy Sư đều đích thân chính mắt trông thấy. Ông Trịnh Tích Tân và bà Trương đều là đệ tử quy y của Ngài.

Quảng đại như hải, xuất công đức bảo.
廣大如海出功德寶。
(Rộng lớn như biển, xuất sanh của báu công đức).

"Quảng đại" là tâm lượng rộng lớn. Tâm lượng rộng lớn, vô lượng công đức sẵn có trong bản tánh bèn hiện tiền. Tâm lượng nhỏ nhoi, tối đa là tu được một chút phước đức, chẳng có công đức. Lương Vũ Đế là một vị đại hộ pháp trong Phật môn Trung Hoa, dựng hơn bốn trăm tám mươi ngôi chùa, thành tựu người xuất gia mấy chục vạn người. Đạt Ma tổ sư đến Trung Hoa, vua hướng về Đạt Ma tổ sư thỉnh giáo: "Công đức của trẫm có lớn hay không?" Trên thực tế, Đạt Ma tổ sư cũng chẳng nhạy bén cho lắm. Nếu Đạt Ma tổ sư phương tiện vọng ngữ, vua có sức mạnh hộ pháp rất lớn, nhất định sẽ hộ trì. Do Đạt Ma tổ sư nói thẳng thừng, ý kiến không hợp nhau, vua chẳng hộ pháp cho Tổ. Đạt Ma tổ sư nói: *"Trọn chẳng có công đức gì!"* Vì sao nói nhà vua chẳng có công đức? Tâm lượng nhỏ hẹp, chỗ nào cũng chấp tướng! Vì thế, hoàng đế không ngó ngàng tới Tổ, mà cũng chẳng giúp đỡ Ngài. Tổ đành phải tới chùa Thiếu Lâm nhìn vào vách, đợi một người là Huệ Khả suốt chín năm. Vì vậy, tâm lượng phải rộng lớn, chớ nên chấp trước, chớ nên so đo, sẽ thành tựu công đức chân thật.

Xí thịnh như hỏa thiêu phiền não tân.
熾盛如火燒煩惱薪。
(Hừng hực như lửa đốt củi phiền não).

"Xí thịnh" (熾盛) là trí huệ tinh tấn, cũng có thể nói là Định Huệ tinh tấn, giống như lửa cháy rất dữ dội. Lửa Định và Huệ mới có thể đoạn phiền não. Có Định thì mới có thể phá Kiến Tư phiền não, có Huệ thì mới có thể phá Trần Sa và Vô Minh. Một là phá Sở Tri Chướng, hai

là phá Phiền Não Chướng, phải hừng hực tinh tấn thì mới được! Quý vị nhìn vào Lục Độ, Nhẫn Nhục cộng thêm Tinh Tấn sẽ là xí thịnh thì mới có thể đắc Thiền Định, mới có thể đắc Bát Nhã, phá Phiền Não Chướng, phá Sở Tri Chướng.

Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng.
忍辱如地一切平等。
(Nhẫn nhục như đất, hết thảy bình đẳng).

Tâm giống như đại địa, thứ gì cũng đều có thể nhẫn. Nói thật ra, học Phật thì đầu tiên phải là học nhẫn nhục. Vì thế, trong tứ đại Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát được xếp đầu tiên. Địa biểu thị đại địa. Tâm chúng ta phải giống như đại địa, có thể nhẫn, có thể hứng chịu, tốt cũng hứng chịu, xấu cũng hứng chịu, lại còn hứng chịu bình đẳng, học những điều này. Học những điều ấy thì sau đó mới có thể đắc Định, mới có thể đắc tâm thanh tịnh. Chẳng thể nhẫn nhục thì người ấy tu học Phật pháp, tối đa là trong tương lai làm một nhà Phật học mà thôi, có thể nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, nhưng trong tương lai đáng nên luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi đúng như thế ấy, chẳng có tác dụng gì cả. Đúng như sư Tu Vô đã nói: *"Nói được, chẳng làm được; chẳng phải trí huệ chân thật"*. Căn bản là chẳng có trí huệ chân thật. Vì vậy, phải tu nhẫn nhục, biết nhẫn nhục hết sức trọng yếu. Trong kinh Kim Cang, đức Phật giảng về Lục Độ đã nêu ra hai trọng điểm: Một là Bố Thí, hai là Nhẫn Nhục. Bố Thí nhằm bảo quý vị hãy buông xuống, tu tập, tích lũy công đức. Nhẫn Nhục là thành tựu công đức, giữ vững công đức, chẳng để mất đi.

Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu.
清淨如水洗諸塵垢。
(Thanh tịnh như nước, rửa các bụi nhơ).

Vì có nhẫn nhục thì tâm mới có thể thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ rửa sạch phiền não nghiệp tập (nghiệp chướng, tập khí) từ vô thỉ kiếp tới nay. Đó là sám hối thật sự. Vì thế, chúng ta vọng tưởng ít đi, phân biệt giảm bớt, tức là sám hối có hiệu quả, thật sự đạt được lợi ích. Nếu tuy tu pháp sám hối ấy, mà phiền não tập khí chẳng đoạn, tức là đã uổng công tu pháp sám hối ấy! Cũng có đồng tu kể với tôi: Khi tu thì [phiền não] ít hơn, được hai ngày rồi lại có. Tu bao nhiêu năm, phiền não tập khí vẫn

chẳng đoạn, do nguyên nhân nào? Không đúng pháp, kẻ ấy tu nơi Sự, chẳng tu nơi tâm địa! Pháp môn này phải tu từ tâm địa; không chỉ là phải tu, mà còn phải nghiêm túc gìn giữ nó. Nói cách khác, chớ nên đánh mất cái tâm thanh tịnh. Trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ, phải gìn giữ cái tâm thanh tịnh, gìn giữ cái tâm bình đẳng. Quý vị có thể gìn giữ cái tâm bình đẳng, tức là thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Có thể giữ vững cái tâm thanh tịnh, tức là thành tựu Thiền Định Ba La Mật. Có công phu như vậy, chúng ta niệm Phật mới có thể niệm đến nhất tâm bất loạn, mới có thể niệm đến công phu thành phiến. Dẫu chẳng thể chứng đắc nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiến quyết định có thể chứng đắc. Đạt đến công phu thành phiến thì cũng là Niệm Phật tam-muội. Hạ phẩm Niệm Phật tam-muội chắc chắn nắm chắc vãng sanh. Chính mình có nắm chắc thì chính mình sẽ có tín tâm!

Như hư không vô biên, bất chướng nhất thiết cố.
如虛空無邊不障一切故。
(Như hư không vô biên vì chẳng ngăn trở hết thảy).

Câu này diễn tả tâm lượng rộng lớn, có thể bao dung hết thảy. *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, phải mở rộng tâm lượng. Vì sao? Đây là chân tâm, tâm lượng vốn là như thế! Hiện thời, tâm lượng của chúng ta rất nhỏ, chẳng thể bao dung, chịu đựng. Vì sao xã hội động loạn ngần ấy? Vì đôi bên chẳng thể bao dung nhau. Do chẳng bao dung, nên mới có tranh chấp, mới có đấu tranh. Tâm lượng của mỗi cá nhân đều rất lớn, đều có thể bao dung, xã hội liền tốt đẹp, an tường, hòa hợp, hài hòa, chẳng thể có tranh chấp. Vì lẽ đó, tâm lượng phải rộng lớn. *"Bất chướng nhất thiết"* (Chẳng ngăn trở hết thảy), biết hết thảy các pháp tất nhiên có đạo lý và phương pháp dung hòa. Chẳng thể dung hòa thì chỉ là xung đột nhất thời. Sự xung đột ấy nhất định phải có nguyên nhân. Tìm ra nguyên nhân, tiêu trừ nguyên nhân ấy thì sẽ dung hòa. Sở dĩ Phật pháp vĩ đại là do vĩ đại ở chỗ này: Chẳng có pháp nào không viên dung, Lý Sự viên dung, Sự Sự viên dung, hết thảy vô ngại!

Như liên hoa xuất thủy, ly nhất thiết nhiễm cố.
如蓮華出水離一切染故。
(Như hoa sen ngoi khỏi mặt nước, lìa hết thảy nhiễm).

Đây là tỷ dụ. Vì vậy, chúng ta phải hiểu lẽ thiện xảo trong sự thuyết pháp của đức Phật, chớ nên chấp tướng. Chớ nên nghĩ là mỗi vị Phật, Bồ Tát đều ngồi hoặc đứng trên hoa sen, trong tương lai quý vị thành Phật hoặc thành Bồ Tát có phải là cũng cần tạo ra hoa sen hay không? [Nghĩ như vậy] là sai mất rồi! Vì sao? Chấp tướng! Hoa sen biểu thị chẳng nhiễm trước, mang ý nghĩa này. Chẳng phải là mỗi người đều phải tạo một cái hoa sen để ngồi lên đó. [Nghĩ như vậy thì] sai lầm mất rồi. Đó là biểu thị pháp, hy vọng các vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điểm này!

Hoa sen mọc từ bùn lầy, nhưng chẳng nhuốm bẩn. Bùn lầy biểu thị lục đạo, biểu thị lục phàm. Phía trên bùn là nước trong; chẳng có nước, hoa sen sẽ chết khô! Nó có nước trong, nước sạch hơn bùn, tượng trưng tứ thánh, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở phía trên mặt nước biểu thị lục phàm lẫn tứ thánh đều chẳng nhiễm. Hoa sen vượt khỏi mặt nước, không chỉ chẳng bị thế gian pháp nhuốm bẩn, mà pháp xuất thế gian cũng chẳng nhuốm bẩn, cũng chẳng nhiễm Phật pháp! Như vậy thì mới thành công! Nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, vẫn nhất định chấp trước có tướng ấy, có hoa sen, tức là hoàn toàn bị nhiễm trước. Dẫu quý vị chẳng bị pháp thế gian nhiễm trước, nhất định bị Phật pháp nhiễm trước. Chư Phật thấy nông nỗi này, lẽ nào chẳng ứa lệ? Quý vị đã hoàn toàn hiểu sai ý nghĩa của các Ngài. Bởi lẽ, hoa sen biểu thị sự bất nhiễm. Chúng ta thấy chư Phật, Bồ Tát đứng hoặc ngồi trên hoa sen, phải hiểu ý nghĩa của các Ngài, phải học theo các Ngài: Pháp thế gian và xuất thế gian pháp đều chẳng nhiễm trước, đều chẳng chấp trước. Cái tâm như vậy thì mới khôi phục sự thanh tịnh thật sự.

Có chẳng ít kẻ học Phật chẳng nhiễm pháp thế gian, nhưng bị Phật pháp nhiễm, vẫn tưởng đó là chân thật, tưởng đó là Phật pháp. Vì thế, họ chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể phá vô minh. Nguyên nhân ở chỗ nào? Họ bị Phật pháp nhiễm ô! Vì thế, kẻ khéo dùng Phật pháp, sẽ đạt được giải thoát nơi Phật pháp. Kẻ chẳng biết dùng Phật pháp, sẽ bị Phật pháp ràng buộc. Vì lẽ đó, người biết dùng Phật pháp, sẽ đạt được công đức và lợi ích thù thắng khôn sánh trong Phật pháp. Kẻ chẳng biết sử dụng, sẽ bị Phật pháp hại chết, hại thê thảm! Phật pháp có thể hại người! Chính là vì quý vị chẳng thật sự hiểu rõ Phật pháp, chẳng thật sự biết sử dụng. Điều này có mối quan hệ hết sức to lớn; do vậy, nhất định phải hiểu vì sao đức Phật phải trụ trong thế gian? Cớ sao đức Phật phải vì chúng ta thuyết pháp? Đức Phật thuyết pháp có dụng ý thật sự là gì? Đức

Phật dùng phương pháp nào để giúp đỡ chúng ta? Có thể giúp chúng ta đến mức độ nào? Chư vị phải hiểu rành mạch, rõ ràng!

Tôi muốn giới thiệu chương kinh văn này cùng chư vị vì nó hữu ích rất lớn đối với sự tu hành của chúng ta. Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 200

Chư vị đồng tu, chúng ta mở xem trang giấy in lại [chương kinh có tựa đề] là Bồ Tát Công Đức Phần Đệ Tam Thập Tứ trong bản hội tập kinh Đại Bổn của ông Vương Long Thư. Liên Trì đại sư trích dẫn hai mươi ba tỷ dụ trong chương kinh này; lần trước, chúng tôi đã giảng tám tỷ dụ, hôm nay bắt đầu từ tỷ dụ thứ chín:

Như lôi âm chấn hưởng xuất pháp âm cố.
如雷音震響出法音故。
(Thốt ra pháp âm như tiếng sấm vang rền).

Tiếng sấm nghe vang xa, tỷ dụ âm thanh thuyết pháp của đức Phật như sấm dội vào tai, mang ý nghĩa này. Sấm có thể khiến cho vạn vật kinh động, cũng nhằm tỷ dụ âm thanh thuyết pháp của đức Phật có thể chấn động những kẻ đang hôn mê, thường nói là *"phá mê, khai ngộ"*, có thể kinh động, đánh thức hết thảy chúng sanh trong đêm dài vô minh. Tỷ dụ thứ mười là...

Như vân ái đãi, giáng pháp vũ cố.
如雲靉靆降法雨故。
(Như mây đen dầy, tuôn xuống mưa pháp).

Tỷ dụ đức Phật thuyết pháp như tuôn mưa móc, nhuần thấm hết thảy chúng sanh. Đổ mưa thì chúng ta biết nhất định là có mây rất dầy, chứa rất nhiều hơi nước thì mới có thể tuôn mưa lai láng. Đức Phật dùng chuyện này để tỷ dụ việc thuyết pháp.

Như phong động thụ, trưởng Bồ Đề nha cố.
如風動樹長菩提芽故。
(Như gió lay cây, tăng trưởng mầm Bồ Đề).

Đối với gió, chúng ta thường nói tới gió Xuân. Đến mùa Xuân, tất cả thực vật đều nẩy mầm, có ý nghĩa này. *"Như phong động thụ"*, *"phong"* là nói tới Xuân phong hoặc gió nhẹ thổi hây hẩy. Khi ấy, vạn vật bắt đầu sanh trưởng, tỷ dụ đức Phật thuyết pháp giống như gió nhẹ thổi hây hẩy, đó gọi là *"như mộc xuân phong"* (如沐春風: như được tưới gội bởi gió Xuân). Trước kia, để ca ngợi thầy, [bèn nói] học trò dưới tòa của thầy *"như mộc xuân phong"*, tăng trưởng trí huệ, có ý nghĩa này.

Như ngưu vương thanh dị chúng ngưu cố.
如牛王聲異眾牛故。
(Như tiếng trâu chúa, chẳng giống tiếng của các con trâu khác).

Hiện thời, tạp âm quá nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình cảm trong cuộc sống của con người. Trước kia, hoàn cảnh rất yên tĩnh, vì sao? Những thứ máy móc chưa được phát minh. Tạp âm lớn nhất là tiếng trâu kêu, vì trong gia đình luôn nuôi các loài gia súc. Trong các loài gia súc, tiếng trâu kêu to nhất. Xưa kia, người xuất gia tu hành trụ tại A Lan Nhã (Araṇya). A Lan Nhã là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh Chi Xứ Sở (nơi chốn vắng lặng). A là Vô, Lan Nhã là âm thanh. Nơi ấy rất an tĩnh, chẳng nghe âm thanh ồn ào. Lấy gì làm tiêu chuẩn? Chẳng nghe thấy tiếng trâu kêu bên ngoài, nơi ấy rất an tĩnh. Hiện thời, tiếng xe cộ còn nghiêm trọng hơn tiếng trâu kêu rất nhiều, hiện nay tìm một hoàn cảnh an tĩnh chẳng dễ dàng. Đây là tỷ dụ âm thanh lớn nhất, *"dị chúng ngưu cố"* (chẳng giống các con trâu khác), vua của loài trâu mà!

Như long tượng oai nan khả trắc cố.
如龍象威難可測故。
(Như long tượng oai thế khó thể suy lường).

"Long tượng" có oai đức. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Quý vị thấy voi dáng dấp rất an tường, giống như nó luôn ở trong Định, tỏ lộ oai đức của nó. Trong kinh, đức Phật thường dùng điều này để tỷ dụ Thiền Định, như câu nói: *"Na Già thường nhập Định, không lúc nào chẳng định"*. Thiền Định thật sự là đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong Định. Na Già là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là *"long tượng"*. Chúng ta nhất định phải giống như voi, không lúc nào,

không chỗ nào, đi, đứng, nằm, ngồi mà chẳng an tường, chẳng an định, có ý nghĩa này. *"Nan khả trắc cố"* (Khó thể suy lường): Như Lai và các vị đại Bồ Tát nhập Thiền Định rất sâu, xác thực là chúng ta chẳng thể tưởng tượng được!

Như lương mã hành thừa vô thất cố.
如良馬行乘無失故。
(Như ngựa giỏi kéo xe chẳng sai sót).

Thời cổ, phương tiện giao thông tốt nhất là xe ngựa. Ngựa giỏi kéo xe có thể khiến cho quý vị đến mục tiêu bình yên, an ổn. Vì thế, coi chuyện đức Phật thuyết pháp hướng dẫn hết thảy chúng sanh hướng đến đại đạo Vô Thượng Bồ Đề giống như ngựa giỏi. So với các pháp môn khác, pháp môn Tịnh Tông thù thắng nhất. Nương theo môn này tu học thì mới có thể viên mãn Bồ Đề trong một đời.

Như sư tử tòa ly bố úy cố.
如師子座離怖畏故。
(Như tòa sư tử, lìa sợ hãi).

Đây cũng là tỷ dụ đức Phật thuyết pháp. Kinh thường tỷ dụ đức Phật như sư tử rống. Sư tử rống là tỷ dụ pháp âm, *"sư tử tòa"* là tỷ dụ oai đức của Phật. Sư tử là vua của trăm loài thú, hết thảy các dã thú đều sợ sư tử, nhưng sư tử chẳng sợ hãi gì cả! Sư tử chẳng sợ điều gì, nên nói là *"ly bố úy"* (lìa sự sợ hãi). Thân cận chư Phật, Bồ Tát tu học Phật pháp có thể lìa hết thảy sợ hãi. Nỗi sợ hãi lớn nhất là sanh tử. Có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, nói thật ra, Phật pháp là đường lối duy nhất.

Pháp môn trong Phật pháp tuy nhiều, mỗi pháp môn đều có thể đạt đến mục tiêu này; vì thế nói: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Pháp môn tuy nhiều, căn tánh của chúng sanh khác nhau, có những pháp môn chúng ta có thể tu, có các pháp môn chúng ta tu học sẽ cảm thấy khó khăn. Người khéo học phải thuận theo căn tánh của chính mình, đối với hết thảy các pháp môn có sự lấy hoặc bỏ thích đáng. Lấy hoặc bỏ thích đáng thì có thể nói là tu học rất nhiều thuận tiện, trong một thời gian ngắn có thể thu được hiệu quả thù thắng. Nếu lấy bỏ chẳng thích đáng, tất nhiên là tốn công mà đạt được hiệu quả ít ỏi. Làm nhiều mà

hiệu quả ít ỏi thì hãy còn may, sợ là đi lạc lối, hậu quả chẳng thể nào tưởng tượng được!

Đặc biệt là trong thời đại này, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng"*. Phân biệt và lấy bỏ như thế nào, thật sự chẳng phải là chuyện dễ! Trong khi chúng ta chẳng có trí huệ phân biệt, chẳng có năng lực lấy bỏ, thì niệm A Di Đà Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất. Pháp môn này được gọi là *"thích hợp khắp ba căn, thâu tóm trọn vẹn phàm lẫn thánh"*, chỉ có lợi lạc, chẳng có tác dụng phản diện. Như Thiền và Mật rất dễ bị ma dựa, Giáo Hạ dễ tăng trưởng Sở Tri Chướng, chỉ riêng pháp môn Niệm Phật ổn định, thỏa đáng. Thật thà niệm một câu Phật hiệu, niệm tới khi công phu đắc lực, tự nhiên đoạn phiền não, phá vô minh. Trong hết thảy các pháp môn, nói đến tánh chất ổn thỏa, thích đáng thì chẳng có pháp môn nào trỗi vượt pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này xác thực có thể khiến cho chúng ta lìa hết thảy sợ hãi.

Như Ni Câu Đà thụ phú ấm đại chúng cố.
如尼拘陀樹覆蔭大眾故。
(Như cây Ni Câu Đà che rợp đại chúng).

Cây Ni Câu Đà (Nyagrodha) là một loài thực vật của Ấn Độ, dịch nghĩa là Vô Tiết Thụ (cây không có lóng đốt). Lá cây ấy rất to rộng, bóng râm rất lớn, rất mát mẻ. Vào mùa Hè, tất cả mọi người đều thích đến hóng mát dưới cây này.

Như Ưu Đàm Bát hoa nan trị ngộ cố.
如優曇鉢花難值遇故。
(Như hoa Ưu Đàm Bát khó gặp gỡ).

Tại Đài Loan, chúng ta gọi hoa Ưu Đàm Bát (Uḍumbara) là Đàm Hoa. Hoa này chỉ nơi vùng á nhiệt đới[64] mới có. Thời gian nở hoa lại rất

[64] Á nhiệt đới (Subtropics), còn gọi là phó nhiệt đới, là vùng giáp ranh giữa ôn đới và nhiệt đới (thường ở vào khoảng từ hai mươi ba độ rưỡi đến bốn mươi độ thuộc vĩ độ Bắc hoặc Nam). Mùa Hạ tại vùng á nhiệt đới giống như mùa Hạ tại vùng nhiệt đới, có khi còn nóng hơn, mùa Đông lạnh lẽo chẳng kém vùng ôn đới. Nói chung, khí hậu á nhiệt đới lại chia làm bốn tiểu loại. Chẳng hạn Á Nhiệt Đới Quý Phong có đặc điểm là mưa nhiều, mùa Hè rất nóng (vùng Quan Đông của Nhật Bản, miền Trung

ngắn, thường nói là *"hoa Đàm thoáng hiện"*. Từ khi hoa nở đến lúc hoa tàn chỉ hơn một tiếng đồng hồ, nên hết sức khó thấy. Tại Đại Lục chẳng có loài hoa này. Trong quá khứ, chúng tôi chỉ nghe nói *"hoa Đàm thoáng hiện"*, đến Đài Loan mới thấy. Lại còn phải ngắm vào nửa đêm. Hoa nở vào lúc nửa đêm, sáng ra hoa đã tàn rụng. Dùng chuyện này để tỷ dụ Phật pháp *"nan trị ngộ cố"* (khó thể gặp gỡ), giống như hoa Đàm không dễ gì gặp được. Đấy chính là như câu nói: *"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*. Chúng ta phải quý tiếc nhân duyên vô cùng thù thắng này!

Như Kim Cang Xử phá tà sơn cố.
如金剛杵破邪山故。
(Như chày Kim Cang[65] đập nát núi tà).

Trong các thứ binh khí thời cổ, chày Kim Cang sắc bén nhất. Các binh khí khác đụng phải nó, nó sẽ cắt đứt rời những món binh khí khác,

---

Đài Loan, cực Nam của bán đảo Đại Hàn v.v…), á nhiệt đới khô nóng (loại hình Địa Trung Hải) như các vùng Địa Trung Hải, bờ biển Hắc Hải, Nam California, vùng phía Nam Adelaide của Úc, đặc trưng là mùa Hè khô cằn, mùa Đông mưa dầm…

[65] Kim Cang Xử (Vájra), đôi khi còn được phiên âm là Bạt Chiết La, Phạt Chiết La, Phạt Xà La, dịch nghĩa là Giáng Ma Xử, Bảo Xử v.v… Đây là thứ vũ khí của Đế Thích Thiên, tượng trưng cho sấm sét (vì thế, có sách dịch Kim Cang Xử là "lưỡi tầm sét"), làm bằng chất Kim Cang, không phải là kim cương (diamond) vì Kim Cang không gì có thể phá hoại được, có thể phá hoại mọi thứ, trong khi kim cương có thể bị đốt cháy. Trong Phật giáo, đây là vũ khí được cầm bởi các vị hộ pháp như Mật Tích Lực Sĩ nhằm biểu thị tính cách diệt trừ vô minh mạnh mẽ nhất của trí huệ. Trong Mật giáo, Kim Cang Xử biểu thị Bồ Đề tâm, biểu thị lực dụng mạnh mẽ của đại trí huệ. Vì lẽ đó, phần lớn các vị tôn thánh trong Mật giáo cầm Kim Cang Xử, hoặc những vật dụng liên quan đến Kim Cang như Kim Cang kiếm, Kim Cang trượng, Kim Cang bổng, Kim Cang chùy, Kim Cang câu, Kim Cang cung, Kim Cang tiễn v.v… Hành nhân tu Mật giáo cũng cầm Kim Cang Xử trong khi tác pháp (thực hành nghi quỹ) để nhắc nhở chính mình phải vận dụng trí huệ đối trị ngu si, phiền não. Kim Cang Xử trong Mật Tông có thể làm bằng vàng, bạc, đồng, đá, pha lê, hợp kim, sắt, gỗ quý, và có nhiều loại: Hai nhánh, ba nhánh, bốn nhánh, năm nhánh, chín nhánh (nhằm biểu pháp khác nhau, chẳng hạn chày năm nhánh biểu thị Ngũ Trí Như Lai. Do chày năm nhánh có hai đầu, nên biểu thị từ Ngũ Trí Như Lai thể hiện thành Quyền Trí và Thật Trí, tạo thành Thập Ba La Mật). Nhưng các loại một nhánh, ba nhánh và năm nhánh phổ biến nhất, đặc biệt là Mật Giáo Tây Tạng còn có loại song Kim Cang Xử, gồm hai chày Kim Cang đúc liền khối giống như hình chữ thập, bốn đầu, mỗi đầu có năm nhánh.

mà chính nó chẳng bị đứt gãy. Đó là nói tới loại vũ khí kiên cố và sắc bén nhất. *"Phá tà sơn"*, tà sơn là núi cao tà kiến. Kinh Phật thường dùng Kim Cang để tỷ dụ trí huệ. Trong kinh Bát Nhã, có kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Vájracchedikā-prajñā-pāramitā-sūtra), dùng chày Kim Cang làm tỷ dụ, nhằm sánh ví trí huệ dũng mãnh có thể trừ dẹp tà tri, tà kiến. Núi cao tà kiến chỉ có mình Phật pháp là có thể dẹp trừ.

Như Phạm Vương thân sanh Phạm chúng cố.
如梵王身生梵眾故。
(Như thân Phạm Vương sanh ra các thiên chúng trong cõi Phạm Thiên).

"Phạm" (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Ở đây, dùng Đại Phạm Thiên Vương làm tỷ dụ. Thế giới của Đại Phạm Thiên là một thế giới hết sức thanh tịnh. *"Năng sanh Phạm chúng"* (Có thể sanh ra Phạm chúng) là tỷ dụ Phật pháp có thể tịnh hóa lòng người, có thể tịnh hóa cõi nước. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là một thế giới thanh tịnh.

Như kim xí điểu thắng độc long cố.
如金翅鳥勝毒龍故。
(Như chim cánh vàng chiến thắng rồng độc).

"Độc long" tỷ dụ ba độc tham, sân, si. Khắc tinh của rồng là Kim Xí Điểu (Garuḍa). Kim Xí Điểu ăn rồng, nên rồng sợ Kim Xí Điểu nhất. Chúng ta chưa thấy Kim Xí Điểu, nhưng thấy trong kinh Phật có nói: Loài chim này rất to, cánh giang ra rộng đến mấy ngàn dặm, mấy vạn dặm. Trong kinh, đức Phật nói như vậy, chúng ta cũng chẳng cần phải khảo chứng, mà cũng chớ nên hoài nghi, nhưng giảng kinh phải có phương tiện thiện xảo. Đối với người hiện thời, khi nói đến Kim Xí Điểu, chớ nên dùng cách hình dung tỉ mỉ dường ấy như trong chú giải của cổ nhân kẻo khiến cho đại chúng nghe rồi dấy lên cảm giác khó chịu. Nói chung, hiện thời chẳng có rồng, mà cũng chẳng có Kim Xí Điểu, chỉ có sách cổ ghi chép. Ý nghĩa thật sự là đức Phật dùng Kim Xí Điểu để tỷ dụ Định Huệ có thể đoạn phiền não.

Như không trung cầm vô trụ tích cố.
如空中禽無住跡故。

(Như chim chẳng lưu lại dấu vết trong hư không).

Câu này nói về tâm hạnh của Phật, Bồ Tát, cũng là nói tới Thiền Định rất sâu: *"Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm"*. Kinh Kim Cang dạy: *"Hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm"*. Câu này chính là *"Ưng vô sở trụ"* (Chẳng nên trụ vào đâu), tâm quý vị mới có thể thanh tịnh. Vô trụ vô niệm là cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát trở lên, thánh nhân còn khó thể làm được, huống hồ bọn phàm phu chúng ta? Nhưng chúng ta phải biết: Chỗ thù thắng trong tông này chính là chỉ phương lập tướng, chẳng phải là *"vô trụ tích cố"* (chẳng có dấu vết). Tông này là có trụ, tâm trụ nơi A Di Đà Phật, tu dễ dàng! Vì thế, câu này là cảnh giới trong kinh Kim Cang, mức độ thấp nhất là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Các vị Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới là cảnh giới này. Do lẽ đó, chúng ta phải tinh tấn hướng đến mục tiêu này. Nói cách khác, quý vị có thể buông pháp thế gian và xuất thế gian xuống càng nhiều càng hay, phải buông chúng xuống, chớ nên chấp trước, đừng ghim trong lòng, cũng có nghĩa là phải học đến mức tâm không vương vấn. Tâm không vương vấn, sẽ chẳng trụ vào đâu! Vì thế, *"trụ"* là trong tâm quý vị còn có vướng mắc thì trong tâm còn có trụ; trong tâm chẳng có vướng mắc, tâm sẽ chẳng trụ vào đâu. Chẳng trụ vào đâu để sanh tâm, sanh cái tâm gì vậy? Sanh cái tâm phổ độ chúng sanh, đó là đúng.

Như Tuyết Sơn chiếu công đức tịnh cố.
如雪山照功德淨故。
(Như núi Tuyết chiếu công đức thanh tịnh).

Trong kinh, đức Phật thường dùng Tuyết Sơn làm tỷ dụ, vì thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Nê Bạc Nhĩ (Nepal) hiện thời, rất gần núi Tuyết. Tuyết Sơn nay là núi Hỷ Mã Lạp Nhã, quanh năm tuyết đọng chẳng tan chảy, tuyết có màu trắng, thấy rất thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đức Phật thường dùng Tuyết Sơn để tỷ dụ thân tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh thì gọi là công đức, chư vị phải ghi nhớ điều này. Công đức và phước đức khác nhau. Trong công đức, nhất định có phước đức, vì sao có phước đức? Vì công đức là kiến tánh, vốn trọn đủ trong chân tánh. Phước đức cũng là vốn trọn đủ. Do đó, trong công đức có phước đức; trong phước đức chẳng nhất định có công đức. Có thể

nói là trong phước đức chẳng có công đức! Một người tu phước báo rất lớn, tâm chẳng thanh tịnh, còn có mê hoặc, điên đảo. Do đó, đức Phật dạy chúng ta phải tu công tích đức, chớ nên chấp tướng tu phước. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói rất hay: *"Chấp tướng tu phước, đến khi lâm chung, phước chẳng cứu được"*. Phước chẳng có cách nào cứu quý vị vượt thoát luân hồi. Công đức có thể giúp quý vị vượt thoát luân hồi, phước đức chẳng được. Vì thế, phải biết tu tập, tích lũy công đức đáng quý! Cách tu như thế nào? Tựa đề Đại Kinh nói *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, những điều ấy đều là công đức.

Như Từ Thị quán pháp giới đẳng cố.
如慈氏觀法界等故。
(Như ngài Từ Thị quán pháp giới bình đẳng).

"Từ Thị" là Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát từ bi bình đẳng. *"Di Lặc"* (Maitreya)[66] là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Từ Bi, dịch ý bèn gọi là Từ Thị, tiếng Phạn là Di Lặc. Người Hoa tạo tượng Di Lặc Bồ Tát toàn là tạo tượng Bố Đại hòa thượng. Bố Đại hòa thượng xuất hiện tại Trung Quốc vào triều đại Nam Tống, nên tượng Di Lặc Bồ Tát tại Trung Hoa chẳng giống tượng ở Ấn Độ và Tây Tạng. Tượng Di Lặc Bồ Tát của Tây Tạng hơi giống như tượng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chẳng mập mạp, mà dong dỏng. Người Hoa tạo tượng [Di Lặc Bồ Tát là tượng] Bố Đại hòa thượng. Khi Bố Đại hòa thượng viên tịch, tự mình nói ra thân phận, Ngài bảo với mọi người Ngài là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Nói xong liền viên tịch, đó là thật. Hiện thời, có rất nhiều kẻ nói họ là Phật, Bồ Tát chi đó tái lai, nói xong vẫn chẳng tịch. Nếu nói ra bèn tịch, chúng ta sẽ tin tưởng là thật. Nói rồi vẫn sống nhăn, chẳng đáng tin cậy! Các đại đức vào thời cổ tại Trung Hoa, đích xác là có không ít vị là Phật,

---

[66] Theo một số nhà nghiên cứu, trước thời ngài Huyền Trang, kinh Phật được các vị dịch sư mang đến từ Tây Vực, có khá nhiều vị sử dụng tiếng Tocharian là một ngôn ngữ thông dụng tại các quốc gia Tây Vực thời ấy. Trong tiếng Tocharian, danh xưng Maitreya được đọc trại thành Metrak, nên khi phiên âm sang tiếng Hán đã trở thành Di Lặc, bởi lẽ, phát âm tiếng Hán trước thời Đường - Tống còn có nhiều phụ âm tắc họng ở cuối chữ, điều này có thể thấy rõ qua cách phát âm chữ Di Lặc trong tiếng Nhật (Miroku), tiếng Đại Hàn (Mireuk), tiếng Quảng Đông (Mei Lak), hoặc tiếng Phước Kiến (Mî-lėk).

Bồ Tát tái lai, hễ thân phân bộc lộ, chỉ cần có người khác biết đến, các Ngài chắc chắn chẳng trụ thế mà liền đi ngay. Đó là quy củ trong Phật môn. Nói xong, chẳng ra đi, chẳng thể được! Chúng ta tạc tượng Ngài với ý nghĩa từ bi, bình đẳng. Đó gọi là *"sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng"* (sanh tâm bình đẳng, tạo thành tướng vui vẻ). Di Lặc Bồ Tát biểu thị pháp môn này. *"Pháp giới đẳng cố"*, *"đẳng"* (等) là bình đẳng, Di Lặc Bồ Tát thật sự đại từ đại bi. Ngài thấy mười pháp giới đều là bình đẳng.

Đến chỗ này, đã nói xong hai mươi ba tỷ dụ. Hai mươi ba tỷ dụ đều nhằm tán thán công đức thù thắng của tất cả hết thảy các vị Bồ Tát trong thế giới Tây Phương, có thể nói là viên mãn trọn đủ. Chúng ta cũng đọc luôn đoạn kinh văn kế tiếp.

Chuyên nhạo cầu pháp tâm vô yếm túc, thường dục quảng thuyết chí vô bì quyện.

專樂求法心無厭足，常欲廣說志無疲倦。

(Chuyên thích cầu pháp, tâm chẳng chán nhàm; thường muốn rộng nói, chí chẳng mệt mỏi).

Câu trước là hạnh tự lợi của Bồ Tát, câu sau là hạnh lợi tha, tự lợi lợi tha. Nhưng chư vị nhất định phải biết, nếu muốn lợi tha, nhất định phải tự lợi trước. Chính mình chẳng đạt được lợi ích chân thật, làm thế nào để có thể giúp đỡ người khác? Chính mình tâm chẳng thanh tịnh, làm sao có thể giúp người khác đạt tới thanh tịnh cho được? Chính mình chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới, cũng chẳng có cách nào giúp người khác liễu sanh tử, thoát tam giới. Đó là đạo lý nhất định. Vì thế, phát Bồ Đề tâm, nhất định phải là tu chính mình trước. Hai câu này rất quan trọng!

"Chuyên nhạo cầu pháp", nhạo (樂) là ưa thích, tâm chẳng chán nhàm. Phải cầu pháp từ chỗ nào? Chư vị nhất định phải ghi nhớ, pháp tuyệt đối chẳng phải là ở trong Tam Tạng kinh điển. Trong Tam Tạng kinh điển chẳng có pháp; nhưng pháp cũng chẳng lìa khỏi Tam Tạng kinh điển. Nếu quý vị thật sự cầu pháp, phải thâm nhập một môn. Nói rõ "trong Tam Tạng kinh điển chẳng có pháp" nhằm bảo quý vị đừng nên mê tín kinh điển, chớ nên thứ gì cũng đều học. [Thứ gì cũng học] thì hỏng bét, bảo đảm quý vị suốt một đời này, cầu gì cũng đều chẳng cầu được! Vì thế nói là "chẳng có pháp!" Nếu quý vị chọn lấy một bộ kinh

trong Tam Tạng kinh điển để thâm nhập thì pháp ở ngay trong kinh điển. Nếu quý vị học nhiều thì trong sự học nhiều ấy chẳng có pháp! Học một thứ thì trong thứ ấy có pháp. Điều này rất lạ lùng, mọi người hãy khéo suy nghĩ, thật đấy, chẳng giả đâu! Chỉ có một môn thì mới có thể thành tựu *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*. Học nhiều sẽ chẳng thể thành tựu, [mà là] tăng trưởng tà tri, tà kiến.

"Thường dục quảng thuyết chí vô bì quyện" (Thường muốn rộng nói, chí chẳng mệt mỏi). Đây là nói đến chuyện giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chính là như nhà Phật có nói: *"Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai"*. Một người phát khởi đạo ý chân thật, Bồ Tát có phải đến dạy người ấy hay không? Phải đến! Bồ Tát thuyết pháp, giáo học, tuyệt đối chẳng chú trọng thính chúng phải đông đúc. Đông nhiều thì thuyết pháp rất hoan hỷ, số người nghe ít ỏi bèn thuyết pháp ỉu xìu, sai mất rồi! Đó là tâm chẳng thanh tịnh, tâm bất bình đẳng. Thuyết pháp nhằm mục đích dạy họ khai ngộ, dạy họ thành tựu. Một người có thể ngộ, một người có thể vãng sanh, tuyệt diệu thay! Một đại pháp hội, mấy ngàn người nghe hoặc mấy vạn người nghe; nghe xong chẳng có người nào khai ngộ, chẳng có một ai vãng sanh, tức là nói phí công, chẳng có ý nghĩa gì cả! Vì lẽ đó, thuyết pháp phải chú trọng thành quả, có mấy người khai ngộ? Có mấy người y giáo tu hành thật sự vãng sanh? Nhìn vào thành quả ở chỗ này, chẳng phải là coi xem thính chúng bao nhiêu, cũng chẳng phải là xét coi cúng dường bao nhiêu! Những thứ đó đều vô dụng, giả trất! Vì thế, thuyết pháp chẳng mệt mỏi, chẳng ngăn ngại, chẳng bỏ một ai!

Kích pháp cổ, kiến pháp tràng.

擊法鼓建法幢。

(Đánh trống pháp, dựng pháp tràng).

"Kích pháp cổ" là tỷ dụ tuyên truyền. Hiện thời nói là "tuyên truyền". Trong quá khứ, Phật môn có thuật ngữ là *"chủng thiện căn"*, tiếp dẫn chúng sanh, vì hết thảy chúng sanh mà gieo thiện căn. *"Kiến pháp tràng"* là thành lập đạo tràng, tức đạo tràng giảng kinh, thuyết pháp. Đạo tràng có hữu hình, và vô hình. Hữu hình là thành lập tự, viện, am, đường. Chư vị phải ghi nhớ: Miếu là nơi thờ phụng thần thánh của Đạo Giáo. Nơi quỷ thần hoặc thiên thần trụ là miếu. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có trụ miếu. Miếu và đền thờ đều là nơi thờ phụng quỷ thần. Đó là kiến lập đạo tràng hữu hình. Vô hình là pháp hội giảng kinh. Một ngày

cũng là đạo tràng, hai ngày cũng là đạo tràng; một giờ cũng là đạo tràng, nửa giờ vẫn là đạo tràng. Tùy thời, tùy chốn, quý vị giảng Phật pháp cho người khác, khuyên kẻ khác niệm Phật. Đó là đạo tràng vô hình, đều gọi là *"kiến pháp tràng"*.

Diệu huệ nhật trừ si ám.
曜慧日除痴暗。
(Mặt trời trí huệ rạng rỡ trừ tối tăm ngu si).

Đây là nói về hoằng pháp, vì người khác thuyết pháp. Phật pháp là trí huệ, bất luận dùng phương thức nào. Đó là nói tới phương tiện thiện xảo. Vô lượng pháp môn, ý nghĩa chỉ có một, đều nhằm giúp người khác phá mê khai ngộ. *"Diệu huệ nhật"* (Mặt trời trí huệ rực rỡ), huệ ấy chính là tự tánh trí huệ của mỗi người. *"Trừ si ám"*, si ám là vô minh. Tạo tăng thượng duyên, giúp họ phá trừ vô minh, khơi mở trí huệ, tông chỉ thuyết pháp là ở chỗ này. Sau khi phá mê khai ngộ, tiếp đó là phải tu hành, tu hành là tu gì? Phá trừ tập khí. Cổ đức thường nói: *"Lý có thể đốn ngộ, Sự cần phải trừ dần dần"*. *"Đốn ngộ"* là hoảng nhiên khai ngộ, hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, chẳng trừ hết tập khí, tập khí khó trừ, cho nên:

Tu Lục Hòa Kính.
修六和敬。
(Tu Lục Hòa Kính).

"Lục Hòa Kính" là pháp căn bản trong Phật pháp, nhất định phải tu học. Đối với người tu Tịnh Tông chúng ta, điều thứ nhất trong Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải. Kiến giải của chúng ta nhất định phải dựa trên kinh Vô Lượng Thọ, hoặc là dựa trên Tịnh Độ Ngũ Kinh. Mọi người đều dùng kiến giải trong kinh, tức là lấy cách nghĩ, cách làm [được dạy trong kinh] làm cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, tư tưởng và kiến giải liền nhất trí, liền giống nhau. Giới luật cũng ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy trong bản hội tập của Hạ lão cư sĩ chính là giới luật, Giới Hòa Đồng Tu.

Thường vi đạo sư.
常為導師。

(Thường làm đạo sư).

"Đạo sư" là thân phận Phật, trên thế gian chỉ có đức Phật được mọi người tôn xưng là Đạo Sư, hoặc gọi là Đại Sư. Ở đây, kinh tán thán chư Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc đến các thế giới ở phương khác giúp đỡ chúng sanh, đáng nên dùng thân Phật để độ bèn thị hiện thân Phật để xuất hiện. Thường dùng thân phận Phật để xuất hiện trong hết thảy các thế giới.

Vi thế đăng minh tối thắng phước điền.
為世燈明最勝福田。
(Làm đèn soi sáng và ruộng phước tối thắng cho thế gian).

"Đăng minh" giống như tháp hải đăng giữa biển trong hàng hải vào ban đêm, chỉ cho hết thảy chúng sanh đang mê hoặc một con đường sáng sủa. Phật, Bồ Tát muốn làm mắt sáng cho hết thảy chúng sanh, và cũng là ruộng phước chân thật của hết thảy chúng sanh. Nếu chúng sanh muốn tu phước, nói thật ra, phước báo thù thắng nhất là nơi Tam Bảo. Vì vậy, cúng dường Tam Bảo là vô thượng phước điền. Chỉ tu phước, chẳng thể giải quyết vấn đề. Do đó, gieo phước, chúng ta nói là phước điền. So sánh giữa các phước điền, phước điền thù thắng nhất theo như phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy, chính là pháp bố thí. Pháp bố thí vượt trỗi tài bố thí! Trong pháp bố thí, thù thắng nhất là *"y giáo tu hành bố thí"*. Chúng ta có thể thật sự y giáo tu hành, không chỉ là phước điền trọn đủ, mà công đức cũng trọn đủ. Do vậy, đây là phước điền tối thắng.

Phải biết cách tu như thế nào? Kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta rất rõ ràng: *"Giả linh cúng dường Hằng sa thánh"* (Giả sử cúng dường các vị thánh nhân nhiều như cát sông Hằng), *"thánh"* là thánh nhân, chư Phật, Bồ Tát, cúng dường bao nhiêu? Nhiều đến Hằng hà sa số, đức Phật bảo: *"Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác"* (Chẳng bằng dũng mãnh, kiên cố cầu Chánh Giác). Cầu Chánh Giác là y giáo tu hành cúng dường. Trước đó là tài cúng dường, cúng dường các vị thánh nhân số nhiều như cát sông Hằng đều chẳng bằng y giáo tu hành cúng dường. Do vậy, tu phước điền tối thắng, chẳng cần đến tiền! Có những kẻ nói: "Nhà tôi rất nghèo, chẳng có tiền! Tôi thấy kinh dạy phải tu phước điền tối thắng, tôi thấy vậy chỉ đành hâm mộ, chính mình chẳng có cách nào tu".

Trọn chẳng biết phước điền tối thắng chẳng phải tốn tiền, ai nấy đều có thể tu. Người có tiền có thể còn bị chướng ngại, chẳng thể tu phước điền này, họ chỉ có thể tu một chút phước vụn vặt, đến cúng dường thánh chúng số nhiều như cát sông Hằng đó thôi [vẫn là phước báo chẳng đáng kể]!

Bạt chư dục thích, dĩ an quần sanh.
拔諸欲刺以安群生。
(Dẹp các gai dục để an ổn quần sanh).

Câu này nói đến công đức trì giới, vô úy bố thí. *"Dục"* là dục vọng, là căn bản của phiền não, nhất định phải giác ngộ, phải trừ dẹp nó tận gốc. Cổ thánh tiên hiền cũng biết điều này, bảo là *"vô dục tắc cương"* (không có lòng ham muốn, chí khí sẽ cứng cỏi), *"hữu dung nãi đại"* (có lòng bao dung thì mới thành tựu việc lớn). Những điều này đều do người Hoa đã nói trước khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa. Chữ Dục là căn bản của sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta chẳng muốn sanh tử luân hồi trong đời sau, đích xác là phải trừ dẹp nó. Quý vị chẳng dẹp trừ, chắc chắn chẳng thể vượt thoát luân hồi. Dẫu tu hành Phật pháp tốt đẹp cách mấy, đời sau vẫn phải luân hồi, biến sự tu học của chính mình thành phước báo trong cõi trời, người, nói theo cổ nhân thì chính là *"độc dược"*. Chúng ta học Phật, Phật pháp là đề-hồ. Trong cái bát còn có một tí độc dược, sau khi đề-hồ được rót vào, cả thảy đều biến thành độc dược. Đây chính là nói rõ, chúng ta có tham, sân, si, mạn, có dục, hễ còn có [những phiền não ấy] tồn tại tí ti, vô lượng công đức đã tu tập, tích lũy đều biến thành phước báo hữu lậu nhân thiên, bị biến chất, hết sức đáng tiếc!

Do đó, thứ tự tu hành trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã xếp đặt rất rõ ràng, nhất định là trước hết đoạn phiền não, sau đấy là học pháp môn. Sự tu học trong pháp môn chính là trí huệ chân thật. Chẳng đoạn sạch phiền não, vô lượng vô biên pháp môn đã tu đến cuối cùng đều biến thành phước báo trời, người, chẳng phải là trí huệ chân thật.

Công đức thù thắng mạc bất tôn trọng.
功德殊勝莫不尊重。
(Công đức thù thắng, không ai chẳng tôn trọng).

Đây là tán thán các vị Bồ Tát ấy, công đức thù thắng như đã nói trong hai mươi ba tỷ dụ trên đây. Các vị Bồ Tát ấy ở trong thế giới Cực Lạc, trong các thế giới phương khác, trên là từ chư Phật, dưới là đến hết thảy chúng sanh, chẳng có ai không tôn trọng các vị Bồ Tát ấy. Giống như trong thế gian này, chẳng có ai không tôn trọng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí.

Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường vị chư Phật sở cộng tán thán.

恭敬供養無量諸佛，常為諸佛所共讚歎。

(Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật cùng tán thán).

Bồ Tát hằng ngày tự tu, hằng ngày giáo hóa chúng sanh, giúp chư Phật tiếp dẫn hết thảy chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm hạnh của các Ngài chính là bổn nguyện của hết thảy chư Phật; vì vậy, có vị Phật nào chẳng tán thán. Tiếp dẫn hết thảy chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là bổn nguyện của A Di Đà Phật, là bổn nguyện của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là bổn nguyện của mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai. Hết thảy các pháp môn khác chẳng phải là bổn nguyện của chư Phật, vì bổn nguyện của chư Phật là hy vọng quý vị thành Phật trong một đời này. Kết quả là quý vị chẳng thành Phật, mà thành Bồ Tát, hoặc thành A La Hán, được lắm, cũng là khá lắm, nhưng chẳng phải là bổn nguyện của các Ngài! Bổn nguyện là dạy quý vị thành Phật, chúng sanh trong chín pháp giới chỉ có niệm Phật vãng sanh thì mới thành Phật trong một đời. Vì vậy, đấy là bổn nguyện của Như Lai. Chúng ta tu học pháp môn này, dùng pháp môn này để khuyên người khác tu học, đều là phù hợp bổn nguyện của Như Lai, người như vậy nhất định được hết thảy chư Phật cùng tán thán. Ở đây, chúng ta đã được chứng minh, được ấn chứng. Quý vị học pháp môn khác, khuyên người khác tu học, chẳng được chư Phật tán thán.

Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật.

究竟菩薩諸波羅蜜。

(Rốt ráo các Ba La Mật của hàng Bồ Tát).

Câu này nêu rõ lý do vì sao chư Phật tán thán. Vì sao Phật tán thán?

Vì những gì quý vị tu, đã truyền, đã dạy cho người khác đều là thực hiện rốt ráo các Ba La Mật của hàng Bồ Tát. Câu này xác thực nói lên điều gì? Thưa cùng chư vị, xác thực là nói về một câu Nam-mô A Di Đà Phật, sáu chữ hồng danh. Sáu chữ hồng danh chính là *"rốt ráo Bồ Tát chư Ba La Mật"*. Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Đáo Bỉ Ngạn (đến bờ bên kia). Đấy là dịch sát theo văn tự, ý nghĩa thật sự là *"rốt ráo viên mãn"*. Bồ Tát hạnh rốt ráo viên mãn, rốt ráo viên mãn là Vô Thượng Bồ Đề, mà cũng là một câu sáu chữ hồng danh Nam-mô A Di Đà Phật.

Tu không, vô tướng, vô nguyện tam-muội, cập bất sanh, bất diệt chư tam-muội môn.

修空無相無願三昧，及不生不滅諸三昧門。

(Tu không, vô tướng, vô nguyện tam-muội, và các môn tam-muội bất sanh bất diệt).

Tiếp đó, lại tán công đức chân thật của các vị Bồ Tát. Câu trước là tổng thuyết (nói tổng quát), còn câu tiếp theo này là biệt thuyết (nói riêng biệt, nói chi tiết về một khía cạnh nào đó). *"Không"* là nói Chân Như bản tánh. Tánh là không tịch. Bản tánh là chân tâm, chân tâm không tịch. *"Vô tướng"* là chẳng chấp tướng. Tướng là Có, nhưng tướng là Giả Hữu, là Tương Tục Hữu, chẳng phải là Chân Hữu. Vì thế, đối với hết thảy các tướng đều chẳng chấp trước. *"Không"* là tâm địa thanh tịnh, vốn chẳng có một vật; đối với tướng của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. *"Vô nguyện"* là chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp giữ. Đó là Vô Nguyện. Những vị Bồ Tát này trụ nơi tâm địa thanh tịnh, chẳng chấp tướng, chẳng có vọng tưởng, chấp trước, đó là Vô Nguyện. Tam-muội là Chánh Thọ, tức là sự hưởng thụ bình thường, chúng ta phải học tập điều này.

Nay chúng ta tu hành, nói thật ra, chướng ngại quá nhiều, nghiệp chướng sâu nặng! *"Không, vô tướng, vô nguyện"*, năm chữ ấy chính là linh đơn để tiêu trừ hết thảy nghiệp chướng, trong Phật môn cái được gọi là Đại Tam Không tam-muội chính là một câu này. Nay chúng ta hoàn toàn tương phản với năm chữ ấy. Thứ nhất, trong tâm chúng ta là có, chẳng thể "không" được! Không chỉ là có, mà còn có quá nhiều, vô lượng vô biên, có tính đếm cũng chẳng thể tính đếm rõ ràng được, có vô số điều vướng mắc. Đó là Có, chẳng phải là Không! Đối với bên ngoài

bèn chấp tướng. Trong hết thảy muôn hình tượng, [luôn cảm thấy] có cái ưa thích, có cái đáng ghét, chấp trước đấy nhé! Do trái nghịch điều này (Không), nên có nguyện, có cầu [tức là trái nghịch Vô Tướng, Vô Nguyện]. Hoàn toàn trái nghịch năm chữ ấy nên khổ sở!

Chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn tương phản với chúng ta. Tâm địa các Ngài thanh tịnh, chẳng có vướng mắc, đối với tướng của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. Các Ngài cũng chẳng có nguyện, mà cũng chẳng có cầu. Độ chúng sanh chẳng phải là có mong cầu độ chúng sanh, tưởng độ chúng sanh, [nếu có mong cầu, nghĩ tưởng] thì sai mất rồi! Có thể độ chúng sanh bằng cách nào? Cảm ứng đạo giao! Ví như thân chúng ta có chỗ nào bị đau, bị ngứa, tay liền sờ gãi ngay, tay có thường nghĩ "ta phải giúp nó" hay không? Chẳng hề nghĩ! Khi có chút đau ngứa thì mới sờ. Chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng. Phật có nguyện hay không? Chẳng có! Phật có tưởng hay không? Chẳng có. Chỉ có vô nguyện, vô cầu thì mới có thể cảm ứng đạo giao, chẳng sót một chúng sanh nào. Hai tay chúng ta đối với bất cứ bộ phận nào trên thân thể đều chẳng có tưởng, chẳng có nguyện, chẳng có cầu, hễ bộ phận nào ngứa thì nó bèn gãi, giúp đỡ một chút, có cùng một đạo lý như vậy. Lỗi lầm đặc biệt to lớn của chúng ta hiện thời là nghĩ phải phổ độ chúng sanh! Các khuyết điểm đều nảy sanh từ chỗ này. Quý vị nói: "Ta vô nguyện, vô cầu", kẻ khác nhất định sẽ nói: "Ngươi là kẻ thật sự tiêu cực, một tí tâm từ bi cũng chẳng có!" Nói thật ra, [kẻ nói như vậy] hoàn toàn chẳng hiểu nghĩa do đức Như Lai đã nói, chẳng lãnh hội được! Đích xác là phải rất lắng lòng suy tưởng, chú tâm thấu hiểu điều này.

Vì sao kinh thường nói tới pháp môn Đại Tam Không tam-muội "không, vô tướng, vô nguyện"? Nói thật ra, nếu muốn khế nhập Thật Tướng, chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, minh tâm kiến tánh thì phải có đầy đủ ba điều kiện này. Ba điều kiện của Tịnh Độ Tông thấp hơn ba điều kiện này rất nhiều, ba điều kiện trong Tịnh Độ Tông là Tín, Nguyện, Hạnh bảo đảm quý vị vãng sanh, còn ba điều kiện này (không, vô tướng, vô nguyện) bảo đảm quý vị đắc Lý nhất tâm bất loạn, bảo đảm quý vị minh tâm kiến tánh. Vì thế, khó lắm! Tuy khó, nhưng phải biết công đức và lợi ích của chúng, phải phát tâm nghiêm túc tu học. Muốn đạt tới mức có thể không vướng mắc, hãy nên buông xuống. Còn người nào chẳng thể không vướng mắc, chư vị đồng tu xem bộ Ảnh Trần Hồi Ức Lục của pháp sư Đàm Hư, hãy khéo thấu hiểu. Khi đó, pháp sư Đàm Hư vượt qua

cửa ải ấy cũng khó khăn lắm, cũng phải mất rất nhiều năm. Cuối cùng, Sư nghĩ: "Vợ con, gia đình, lỡ ta chết đi, chẳng phải là họ vẫn phải sống ư?" Sau khi nghĩ tới lúc [chính mình] phải chết, mới hạ quyết tâm xuất gia. Vốn là [tính] xuất gia mà vẫn còn bị vướng mắc [chuyện vợ con], bèn nghĩ: "Coi như ta đã chết". Sau khi Sư xuất gia, vợ con đều xuất gia, lại còn đều có thành tựu. Đây là một vị pháp sư hiếm có trong các vị cao tăng cận đại. Nếu quý vị nghĩ đến cái chết, còn có gì chẳng thể không buông xuống? Không buông xuống được cũng phải buông, [vì] không buông xuống thì cũng chẳng thể đem theo! Nếu lại thâm nhập, quan sát, không buông xuống sẽ có "sanh, già, chết" trong đời sau, vẫn phải noi theo khuôn khổ đó. Nếu hết thảy đều buông xuống, Hữu trong Thập Nhị Nhân Duyên chẳng còn nữa. Trong Thập Nhị Nhân Duyên, có thể ra sức đoạn trừ là Ái, Thủ và Hữu. Có thể đoạn Hữu thì Thập Nhị Nhân Duyên bèn đoạn, vượt thoát lục đạo luân hồi. Đó là công phu thật sự.

Bồ Tát chẳng giống lũ phàm phu chúng ta. Có lúc, Bồ Tát thị hiện giống như phàm phu chúng ta, hòa quang đồng trần, chúng ta chẳng nhìn ra. Điểm thật sự khác biệt là chúng ta có vướng mắc, các Ngài chẳng có vướng mắc. Nói cách khác, chúng ta hữu tình, Bồ Tát vô tình, các Ngài đã biến tình cảm thành trí huệ. Các Ngài là lý trí, chúng ta là phàm phu dấy động cảm tình. Phàm phu chuyển biến lý trí thành cảm tình, lý trí đã mê bèn gọi là cảm tình. Cảm tình sau khi giác ngộ sẽ là trí huệ. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói *"phiền não chính là Bồ Đề"*, nó là một, không hai, là mê và ngộ. Ngộ thì cảm tình phiền não bèn biến thành Bồ Đề; mê thì Bồ Đề liền biến thành phiền não, biến thành cảm tình, là do một niệm giác hay mê. Một niệm giác sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi; một niệm mê, chỉ sợ là phải nhiều đời nhiều kiếp đọa lạc trong tam đồ. Sự lợi hại, được mất quá to!

Chúng ta phải nhớ kỹ năm chữ này trong tâm. Đối với Phật pháp, người học Phật ở trong thế gian này, hết thảy tùy duyên, đừng phan duyên, ngàn muôn phần phải ghi nhớ, xuất gia hay tại gia đều như nhau, vì mục tiêu của chúng ta đều nhất trí là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm không thanh tịnh, chấp tướng, có nguyện, có cầu, đều chướng ngại quý vị vãng sanh, chướng ngại cái tâm thanh tịnh. Nói cách khác, vì sao công phu niệm Phật chẳng thể thành phiến? Vì sao chẳng thể đắc nhất tâm? Quý vị truy tìm nguyên nhân thì nguyên nhân chẳng ngoài *"không, vô tướng, vô nguyện"*. Quý vị hiểu tầm quan trọng của năm chữ này, cho nên phải dốc trọn hết thảy khả năng để thực hiện.

Có thể nghiêm túc tu học như vậy, sẽ đạt được quả báo [nói] kế đó: *"Cập bất sanh, bất diệt chư tam-muội môn"* (Và các môn tam-muội bất sanh, bất diệt). Thọ dụng bất sanh, bất diệt là từ không, vô nguyện, vô tướng mà có. Ở đây, tôi báo cáo cụ thể cùng các đồng tu, bất sanh, bất diệt là nói về một niệm, một vọng niệm cũng chẳng sanh. Do chẳng sanh, nên chẳng có diệt. Kinh luận đã dạy: *"Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh, tâm diệt ắt đủ mọi pháp diệt"*. Cái tâm quý vị cũng chẳng sanh, mà pháp cũng chẳng diệt, vạn tướng đều như như, đó là cảnh giới gì? Là Nhất Chân pháp giới. Nói thật ra, Nhất Chân pháp giới ở ngay trong hiện tiền! Chẳng có một pháp nào không chân thật. Phàm tất cả tướng đều là Thật Tướng, đó gọi là *"bất sanh, bất diệt chư tam-muội môn"*, là đắc đại tự tại. Tâm Kinh nói *"Quán Tự Tại Bồ Tát"*, cảnh giới này giống như Quán Tự Tại Bồ Tát, chẳng khác gì nhau!

Viễn ly Thanh Văn, Duyên Giác chi địa.
遠離聲聞緣覺之地。
(Xa lìa các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác).

Thanh Văn và Duyên Giác là Nhị Thừa. Nhị Thừa là *"tự liễu hán"* (自了漢: kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình), còn có bệnh thái rất nghiêm trọng, nên các Ngài chẳng độ chúng sanh. Tuy các Ngài đã thấu hiểu phần nào Tánh Không, vẫn chấp tướng, còn có chấp giữ, nên Thanh Văn và Duyên Giác đoạn Kiến Tư phiền não, chưa phá Trần Sa và Vô Minh. Trong ba đức, tức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát, các Ngài chỉ đạt được ít phần Giải Thoát, chẳng có Bát Nhã, mà cũng chẳng chứng đắc Pháp Thân, chẳng thể sánh bằng Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này vượt xa Thanh Văn và Duyên Giác, Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể nào sánh bằng! Đoạn cuối cùng là tổng kết. Đức Phật gọi ngài A Nan, bảo:

A Nan, bỉ chư Bồ Tát, thành tựu như thị vô lượng công đức.
阿難，彼諸菩薩，成就如是無量功德。
(Này A Nan! Các vị Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng công đức như thế).

Chữ *"như thị"* chỉ những điều đã nói trên đây, *"bỉ"* là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Câu này cũng hết sức quan trọng, quyết định

chớ nên coi thường xem lướt qua. Vì sao? Bản thân chúng ta có một phần trong ấy. Trong phần trên đã nói các vị Bồ Tát có công đức nhiều ngần ấy, quý vị có mong [chính mình cũng được] trọn đủ [giống như vậy] hay không? Nếu quý vị mong trọn đủ, hãy niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ thảy đều trọn đủ. Rất mong được trọn đủ, mà lại chẳng chịu niệm Phật vãng sanh Tây Phương thì có muốn cũng như không, vẫn là vọng tưởng, chính mình chẳng có phần!

"Bỉ chư Bồ Tát" (Các vị Bồ Tát ấy) thuộc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu chúng ta thật sự phát tâm, nhất tâm nhất ý mong mỏi Tây Phương, tuy nay chúng ta còn chưa đến, những công đức ẩn mật ấy chúng ta cũng trọn đủ. Tuy dường như chưa thấy công đức ấy, nhưng đối với khí phận của những công đức ấy chúng ta đã rất nồng đậm, còn chưa thấy lửa, đã tiếp xúc với hơi ấm, đúng là như thế đó. Tín nguyện chẳng mạnh mẽ, sẽ chẳng có khí phận này, chẳng có cảm xúc này. Nếu tín tâm kiên cố, nguyện thiết tha, mỗi lần quý vị đọc đoạn kinh văn này, sẽ có niềm cảm xúc ấy, giống như mỗi điều đều rất gần gũi với chính mình, dần dần tiến nhập cảnh giới này. Bất quá, đức Phật nói đại lược mấy thứ mà thôi; nói thật ra, nếu nói chi tiết, mỗi thứ đều là vô lượng vô biên.

Ngã đản vị nhữ cử yếu ngôn chi.
我但為汝舉要言之。
(Ta chỉ vì ông nói những điều trọng yếu).

Thích Ca Mâu Ni Phật nói những điều đã được nêu trên đây bất quá là trần thuật đại lược mấy điều trọng yếu đó thôi!

Nhược quảng thuyết giả, tuy lịch nhất kiếp bất năng cùng tận.
若廣說者雖歷一劫不能窮盡。
(Nếu nói rộng thì dẫu trải cả một kiếp cũng chẳng thể nói cùng tận).

"Quảng thuyết" là nói cặn kẽ. Nếu nói tỉ mỉ trọn đủ công đức của các vị Bồ Tát trong thế giới Tây Phương, nói hết một kiếp cũng nói không hết. Những kẻ chẳng liễu giải Phật pháp thấy những lời này, sẽ chẳng cho là đúng, sẽ nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật thổi phồng sự thật quá đáng. Lúc tôi mới học Phật, có quen một vị giáo sư đại học ở Đài Loan. Ông ta xem một số kinh Phật, bèn nói: "Trên thế giới này, người bốc

phét nhất, khoác lác nhất chính là Thích Ca Mâu Ni Phật". Ông ta nói những câu mà ngay cả chúng tôi bình thường cũng chẳng nghĩ tới. Đó là hàng học giả xem kinh Phật, đích xác là khó thể hiểu ý nghĩa do Như Lai đã nói. Kinh Kim Cang thịnh hành tại Trung Hoa như vậy, ông ta nói chính mình đã từng xem. Tôi nói: "Ông thấy như thế nào?" "Giống như hai cái thùng nước đổ qua, đổ lại, chẳng có ý nghĩa gì cả". Học giả là học giả, hễ khác nghề bèn giống như cách nhau cả một quả núi! Ông ta nghĩ kinh Kim Cang trùng lặp quá nhiều. Thật ra, kinh Kim Cang từ đầu đến cuối chẳng có một câu nào trùng lặp, ông ta đâu có thấy! Chư vị đọc bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, sẽ biết mỗi một chữ, tuy chữ trước và sau giống nhau, câu văn giống nhau, nhưng trong ấy có một chữ khác nhau, ý nghĩa sẽ hoàn toàn khác hẳn. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Phật pháp không có người nói, dẫu có trí vẫn chẳng thể hiểu"*. Người thế gian dẫu thông minh, dẫu có trí huệ đến mấy đi nữa, nếu chẳng có ai giảng kinh cho người ấy, người ấy cũng chẳng hiểu, cậy sức chính mình để xem thì dẫu có xem vẫn chẳng hiểu!

Phật pháp cần phải do hạng người nào nói? Có tu, có chứng. Nếu chư vị hiểu rõ ý nghĩa của câu này, quý vị sẽ biết: Nếu chúng ta cậy vào chú giải kinh luận để nghiên cứu thì kết quả của sự nghiên cứu ấy sẽ giống như ông giáo sư nọ, hiểu sai bét ý nghĩa! Vì thế, người nói Phật pháp phải là không, vô tướng, vô nguyện, mức độ thấp nhất là phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng. Do đó, điều thứ nhất là phải đoạn phiền não, phải phá Ngã và Ngã Sở, sau đấy tri kiến mới chánh đáng, hễ tiếp xúc Phật pháp, liễu giải sẽ là chánh tri chánh kiến, là ý nghĩa chân thật của Như Lai. Nay chúng ta có Ngã, Ngã Sở, có tham, sân, si, mạn, tà tri, tà kiến, chúng ta nghe, đọc, nghiên cứu đều chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Chính mình nhất định phải biết, phải giác ngộ điều này. Đừng coi những điều chúng ta suy nghĩ lung tung là nghĩa chân thật của Như Lai, [dùng ý mình để ức đoán nghĩa chân thật của Phật] chính là báng Phật, báng pháp, lỗi lầm to lớn!

Giảng đến đoạn kinh văn này, do đại sư trích dẫn hai mươi ba tỷ dụ, chúng tôi bèn giới thiệu chương này trong bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Vương Long Thư. Nhân duyên này cũng hết sức hiếm có. Nếu không, chúng tôi chẳng thể giảng bản hội tập của ông Long Thư. Qua chương này, chúng ta cũng có được rất nhiều điều khơi gợi, chỉ dạy.

Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 201

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ bốn:

(Sớ) Như Hoa Nghiêm vân: "Như Lai sở đô, chư thanh tịnh chúng, ư trung chỉ trụ", chánh đồng thử nghĩa.

(疏)如華嚴云：如來所都，諸清淨眾，於中止住，正同此義。

*(**Sớ**: Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Chỗ trụ của Như Lai, các vị thanh tịnh trụ ở trong đó" chính là có cùng một ý nghĩa này).*

Liên Trì đại sư lại trích dẫn kinh văn từ kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Trong các phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị ý nghĩa của việc trích dẫn kinh Hoa Nghiêm. Thuở Liên Trì đại sư tại thế, Tịnh Độ Tông hết sức suy vi, phong khí Thiền Tông trong Phật môn vô cùng hưng thịnh. Tuy rất hưng thịnh, nói thật ra, rất ít người thành tựu! Học Thiền mà học chẳng đúng pháp, rất dễ đọa vào cuồng huệ, bèn kiêu căng, ngã mạn, đặc biệt khinh rẻ Tịnh Độ, coi thường pháp môn Tịnh Độ. Liên Trì đại sư cũng từng học Thiền, và cũng từng học Giáo, môn gì Ngài cũng đều thông, đến cuối cùng, Ngài phát hiện Tịnh Độ Tông xác thực là vô cùng thù thắng, nhưng muốn hoằng dương Tịnh Tông thì phải bài trừ thành kiến của nhiều kẻ như vậy, nói thật ra là chuyện khá khó khăn. Vì thế, giảng kinh A Di Đà, chú giải kinh A Di Đà, Ngài bèn tận hết sức vận dụng kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Bởi lẽ, đối với kinh Hoa Nghiêm, bất luận là Tông Môn hay Giáo Hạ, mọi người đều hết sức tôn sùng kính trọng kinh ấy là *"căn bản pháp luân"* của Như Lai.

Dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, chính là đề cao thân phận của kinh A Di Đà. Đấy là một phen khổ tâm của lão nhân gia. Có miễn cưỡng hay không? Ở đây, chúng ta thấy đích xác là chẳng miễn cưỡng, xác thực là giáo nghĩa Tịnh Tông và Hoa Nghiêm tương đồng. Do đó, cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm là có đạo lý. Ta thấy trong Sớ Sao của Liên Trì đại sư, kinh Hoa Nghiêm được trích dẫn với một số lượng lớn, ta cảm thấy cổ nhân nói lời ấy là hữu lý, xác thực là có căn cứ.

Đối với đoạn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm này, chúng tôi có ghi

chú bằng chữ cỡ nhỏ bên dưới: *"Thập Hồi Hướng phẩm, Vô Tận Công Đức Tạng, cập Thiện Căn Hồi Hướng sơ phần pháp môn"* (Phẩm Thập Hồi Hướng, phần đầu của pháp môn Vô Tận Công Đức Tạng và Thiện Căn Hồi Hướng), Liên Trì đại sư trích dẫn đoạn này. Lời Sao đã chép bổ sung nguyên văn.

(Sao) Hoa Nghiêm nhị thập ngũ kinh vân.

(鈔)華嚴二十五經云。

*(**Sao**: Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ hai mươi lăm nói).*

Kinh Hoa Nghiêm gồm tám mươi quyển, phần này trích từ quyển thứ hai mươi lăm.

(Sao) Nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, Như Lai sở đô, bất khả tư nghị, đồng hạnh túc duyên chư thanh tịnh chúng, ư trung chỉ trụ, vị lai thế trung, đương thành Chánh Giác.

(鈔)一切諸佛國土莊嚴，如來所都，不可思議，同行宿緣諸清淨眾，於中止住，未來世中，當成正覺。

*(**Sao**: Các cõi nước trang nghiêm của hết thảy chư Phật là chỗ trụ của Như Lai, chẳng thể nghĩ bàn, chúng thanh tịnh cùng hạnh, hữu duyên trong đời trước bèn trụ nơi đó, trong đời vị lai sẽ thành Chánh Giác).*

Cho đến chỗ này [là nguyên văn trích dẫn] từ kinh Hoa Nghiêm. Trong chín câu kinh văn này, có ba món viên mãn.

(Diễn) Nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, chỉ sở y công đức, y báo viên mãn dã.

(演)一切諸佛國土莊嚴，指所依功德，依報圓滿也。

*(**Diễn**: "Các cõi nước trang nghiêm của hết thảy chư Phật" là nói do nương tựa vào công đức mà y báo được viên mãn).*

"Sở y công đức" là nhân, *"y báo viên mãn"* là quả. Công đức của ai? Từ Đại Kinh, chúng ta đọc thấy A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã tu hành năm kiếp, thành tựu vô lượng công đức, công đức ấy do chính A Di Đà Phật tự tu. Trừ chính mình ra, mười phương thế giới chư Phật, Bồ

Tát xưng dương, tán thán, đó là công đức do chư Phật, Bồ Tát đã tu. Những chúng sanh tiếp nhận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, ai nấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ thì tâm địa phải thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Đó là công đức được thành tựu bởi người vãng sanh. Có thể thấy nhân duyên của người trong cõi ấy cũng là vô lượng vô biên, chẳng phải là [một nhân duyên] đơn thuần. A Di Đà Phật là chánh nhân, chư Phật, Bồ Tát và hết thảy đại chúng vãng sanh là trợ nhân. Do nhân duyên như vậy mà thành tựu y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc chẳng thể nghĩ bàn, tức là *"quốc độ trang nghiêm"*. *"Trang nghiêm"* là tốt đẹp, đẹp đẽ tột bậc! Đối với chúng sanh trong mười phương thế giới, kinh thường nói là *"chúng hữu tình trong chín pháp giới"* cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đó là nói tới vẻ đẹp nơi hình tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) Như Lai sở đô, chủ viên mãn dã.

(演)如來所都，主圓滿也。

*(**Diễn**: Chỗ ngự của Như Lai là nói về sự viên mãn của Giáo Chủ vậy).*

Nói tới chánh báo. Câu đầu tiên trong đoạn trước nói về y báo, hoàn cảnh mỹ mãn; câu này nói về Như Lai, Như Lai là người. A Di Đà Phật là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giáo chủ viên mãn; đây là chủ viên mãn.

"Sở đô": *"Đô"* (都) là nơi đô hội, giống như nơi thiết lập chánh phủ trung ương của một quốc gia trong hiện thời được gọi là Thủ Đô. Toàn thể thế giới trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là *"Như Lai sở đô"* (chỗ ngự chủ yếu của Như Lai). Không như Đài Loan có thủ đô là thành phố Đài Bắc, các nơi khác chẳng phải là thủ đô. Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt diệu! Cõi nước vô cùng lớn, toàn thể cõi nước là một thủ đô, là một đô thành. Vì sao? Nơi nơi chốn chốn đều có thể thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật không chỗ nào chẳng tồn tại, A Di Đà Phật không lúc nào chẳng hiện hữu, đó là diệu. Từ kinh điển, đặc biệt là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta đọc thấy đức Phật có vô lượng vô biên hóa thân, đó gọi là *"không chỗ nào chẳng hiện thân"*. Người trong thế gian này đều là phàm phu, chẳng có bản lãnh này, không thể hiện thân ở bất cứ nơi đâu, chỉ có một thân. [Người trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng vô biên thân. Phật là như thế, mà bất cứ người

nào vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều có năng lực này. Phật có thể hóa thân, chúng ta tới đó đều có thể hóa thân, vô cùng tự tại. Thân được tự tại thường gọi là Thần Túc Thông, còn gọi là Như Ý Thông, có thể biến hóa thuận theo lòng mong muốn. Điều này được gọi là chánh báo, là sự viên mãn của đấng Giáo Chủ.

Mấy câu tiếp theo đó nói về sự viên mãn của đại chúng. Hàng Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc viên mãn, *"bất khả tư nghị, đồng hạnh túc duyên chư thanh tịnh chúng"* (chẳng thể nghĩ bàn, đại chúng thanh tịnh cùng hạnh, hữu duyên trong đời trước), chẳng thể nghĩ bàn! Câu này nói theo lối song quan (câu có ý nghĩa kép). Thứ nhất là số lượng chẳng thể nghĩ bàn, công đức chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, câu này bao hàm ý nghĩa rất sâu, bao hàm rất nhiều [ý nghĩa]! *"Đồng hạnh"* là có cùng nguyện và hạnh với A Di Đà Phật, hai chữ này hết sức quan trọng. Chúng ta muốn đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp, giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói là *"huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi"* (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật), *"trụ chân thật huệ"* (trụ trong huệ chân thật), nhất định phải lấy nguyện của Phật làm nguyện của chính mình. Tâm nguyện của chúng ta và Phật giống nhau, tâm đồng Phật tâm, nguyện đồng Phật nguyện, hạnh đồng Phật hạnh, quyết định vãng sanh! Không chỉ là vãng sanh, mà còn chẳng sai khác Phật cho mấy; tuy chưa thành Phật, dáng vẻ đã có chút giống Phật. Vì thế, đồng hạnh rất trọng yếu!

"Túc duyên" (宿緣) là [duyên trong] đời trước. Nhiều đời, nhiều kiếp có duyên với A Di Đà Phật. Nói *"có duyên"* nghĩa là quý vị từng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc từng đọc kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, kết thành duyên phận với A Di Đà Phật. Duyên ấy đã kết từ nhiều đời nhiều kiếp trước, hoặc là kết trong đời quá khứ, hoặc là kết trong một đời này, điều ấy chẳng quan trọng. Điểm then chốt là ở chỗ nào? Then chốt là duyên ấy đã chín muồi. Tuy đã kết duyên cùng Phật từ kiếp xa xôi, nhưng duyên ấy chưa chín muồi thì vẫn vô dụng! Trong một đời này, chúng ta mới vừa nghe danh hiệu, mới đọc kinh điển này, duyên ấy dường như nông cạn một chút. Tuy cạn cũng có thể chín muồi, hễ chín muồi bèn ngay lập tức khởi tác dụng.

Chín muồi là gì? Chẳng chín muồi là gì? Nếu trọn đủ hai chữ "thanh tịnh", duyên ấy đã chín muồi. Tuy có duyên với Phật, tâm ta vẫn chẳng thanh tịnh, duyên ấy chẳng chín muồi. Chẳng thanh tịnh là do quý vị chẳng thể chuyên tâm, niệm Phật thì tuy là niệm A Di Đà Phật mà vẫn

đồng thời suy nghĩ loạn xạ, nên tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là nhất tâm xưng niệm. *"Nhất"* bèn thanh tịnh, *"nhị"* sẽ chẳng thanh tịnh. *"Nhị"* thuộc về tam tâm nhị ý, chẳng thanh tịnh. Vì thế, Đại Kinh dạy chúng ta phương pháp tu hành: *"Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*. Kinh này dạy chúng ta *"nhất tâm bất loạn"*; trong bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi là *"nhất tâm hệ niệm"*, đều có *"nhất"*, *"nhất"* là trọng yếu.

Chúng ta nhất định phải giác ngộ, giác ngộ đời người khổ sở, ngắn ngủi. Đời người quá khổ, đời người quá ngắn ngủi, tạm bợ. Tuổi càng cao, càng dễ cảm nhận. Nhất là trong xã hội hiện thời, toàn thể xã hội bất bình thường. Bất bình thường là trái nghịch tự tánh, đó là nói theo nhà Phật. Nếu nói theo pháp thế gian, sẽ là trái nghịch luân thường, luân thường bị vùi lấp gần như tận diệt, đó là cội nguồn của hết thảy các nỗi khổ. Do đó, phải hiểu thế gian này là khổ, đau khổ còn nhiều hơn xã hội xưa kia. Tuy sự hưởng thụ vật chất ngày càng phong phú, dồi dào, nhưng tinh thần đọa lạc, phiền não, tà kiến tăng trưởng vượt xa mức độ tiến bộ của khoa học kỹ thuật, chúng ta phải giác ngộ điều này. Thật sự giác ngộ thì mới có tâm xuất ly, mới thật sự phát tâm "ta phải vượt thoát sanh tử luân hồi, nghiêm túc học Phật", mới chịu khăng khăng một mực thâm nhập một môn.

Học Phật thì quan trọng nhất là tu tâm thanh tịnh, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Chúng ta hiểu tâm chư Phật, tâm Bồ Tát đều là thanh tịnh. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng giống như các Ngài. Chẳng giống như các Ngài, sẽ chẳng thể chung sống với nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy tâm địa thanh tịnh. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh mà sang bên đó, không đầy mấy bữa, họ chẳng đuổi chúng ta, bản thân chúng ta cũng tự cảm thấy chẳng quen sống ở chỗ họ, cũng bỏ đi ngay! Vì thế, điều kiện vãng sanh ở chỗ này, chẳng phải là Phật không từ bi, mà là chính mình chẳng thể ở chung với đại chúng, nhất định phải tu tâm thanh tịnh. Do đó, tâm địa thanh tịnh cho thấy cơ duyên lìa thoát tam giới, vãng sanh thành Phật của quý vị trong một đời này đã chín muồi. Chín muồi là ở ngay chỗ này, thật sự chín muồi! Chúng tôi thường nói: Người tiếp nhận pháp môn này liền tin tưởng, phát nguyện, chịu niệm Phật, kể như là duyên. Duyên ấy cũng coi như đã chín muồi, nhưng có thể vãng sanh hay không, vẫn chẳng nhất định! Vì sao? Người ấy tuy trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, nhưng tâm chẳng thanh tịnh thì vẫn chưa được, vẫn chẳng thể vãng sanh. Vì lẽ đó, người niệm Phật

đông đảo, người vãng sanh ít ỏi, mọi người phải chú ý. Niệm Phật xác thực là phải buông hết thảy thân, tâm, thế giới xuống, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ đau đáu nhớ đến A Di Đà Phật, chỉ tưởng A Di Đà Phật, trong tâm chớ nên vương vấn những thứ khác; đó gọi là *"nhất tâm hệ niệm"*, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh. Nếu còn nghĩ điều gì khác, thưa cùng chư vị, đó là "ma chướng". Niệm Phật mà còn nghĩ tới người khác, còn nghĩ tới chuyện khác, hỏng be bét mất rồi! Đó là ma chướng, chướng ngại chúng ta thành tựu trong một đời này, [bởi lẽ] cái tâm chẳng thanh tịnh! Vì thế, câu này nói ra cái hạnh nhân thật sự của những vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới *"đồng hạnh, túc duyên, thanh tịnh"*, ba điều kiện này.

"Ư trung chỉ trụ" (Trụ ở trong ấy), *"trung"* (中) là [ở trong] thế giới Cực Lạc. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bất luận phẩm vị gì, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, hễ sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng có ngày nào rời khỏi A Di Đà Phật. Hằng ngày A Di Đà Phật bầu bạn với quý vị, há quý vị còn chẳng thể thành Phật ư? Trong thế gian này, chúng ta mong thân cận một vị thầy tốt chẳng dễ dàng, tìm không ra! A Di Đà Phật là vị thầy tốt nhất trong các thế giới của mười phương chư Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, khen Ngài là *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (quang minh tôn quý nhất, vua trong chư Phật), tán thán A Di Đà Phật tột bậc. Một người như vậy mà quý vị chẳng thân cận Ngài thì sẽ thân cận ai đây? Chúng ta nhất định phải biết điều này! Lại bảo quý vị, quý vị phải thật sự thân cận A Di Đà Phật. Chỉ có chuyện này là chân thật, vĩnh hằng. Quý vị thân cận người khác sẽ chẳng đáng tin cậy, vì sao? Có sanh tử, luân hồi! Sau khi đã chết, cũng chẳng gặp lại nữa. Gặp lại lần nữa, chẳng biết là chuyện thuộc về đời nào, kiếp nào? Dẫu gặp gỡ, cũng chẳng nhận biết.

Vì thế, người thế gian chúng ta ở chung với nhau, duyên phận này rất ngắn ngủi, tạm bợ. Có duyên tụ hội thì hãy nên quý tiếc, biết chúng ta sau khi đã chia tay vĩnh viễn chẳng gặp lại, cớ gì khi tụ hội một chỗ bèn kèn cựa, đấu đá lẫn nhau, vẫn có những chỗ không thể chấp nhận lẫn nhau? Đúng là chẳng có ý nghĩa gì! Thời gian quá ngắn ngủi! Thời gian quý vị ở cùng Phật lâu dài, đúng là vô lượng kiếp của vô lượng kiếp, chỉ có điều này là chân thật. Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng lâu dài, thật sự là vô lượng thọ.

"Vị lai thế trung, đương thành Chánh Giác" (Trong đời vị lai, sẽ

thành Chánh Giác), nói tới đại chúng viên mãn. Nếu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mà chẳng thể thành Phật, sẽ chẳng thể coi là viên mãn. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai nhất định thành Phật, thành Phật mới là viên mãn. Thành Phật, thành tựu trí huệ viên mãn rốt ráo, đạt được phước đức rốt ráo viên mãn, trí huệ viên mãn, phước báo viên mãn, chính là thành Phật. Dưới đây, Liên Trì đại sư lại chỉ quy Tây Phương Tịnh Độ.

(Sao) Như Lai sở đô, tức A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(鈔)如來所都，即阿彌陀佛極樂國土。

*(**Sao**: Chỗ chánh yếu để chư Phật ngự chính là cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật).*

Chỉ quy Tịnh Độ.

(Sao) Thanh tịnh chúng giả, tức chư Bồ Tát.

(鈔)清淨眾者，即諸菩薩。

*(**Sao**: "Thanh tịnh chúng" chính là các vị Bồ Tát).*

Các vị Bồ Tát thuộc Liên Trì hải hội trong thế giới Cực Lạc được kinh Hoa Nghiêm gọi là *"thanh tịnh chúng"*.

(Sao) Vị lai thành Phật, tức hạ văn Nhất Sanh Bổ Xứ.

(鈔)未來成佛，即下文一生補處。

*(**Sao**: Thành Phật trong đời tương lai, tức là các vị Nhất Sanh Bổ Xứ [sẽ được nói tới] trong phần kinh văn ở phía sau).*

[Đại chúng trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tương lai đều là Nhất Sanh Bổ Xứ. Xem đối chiếu kinh Hoa Nghiêm với kinh này, sẽ biết kinh này và kinh Hoa Nghiêm đích xác là giáo nghĩa chẳng hai, chẳng khác.

Lại xem đoạn kế tiếp, đây là đoạn cuối, tức Xứng Lý trong chương này. Đoạn này khá sâu, trong Phật môn thường nói *"tiêu quy tự tánh"*, người hiện thời nói là *"đọc sách có tâm đắc"*. Tâm đắc là sau khi nghe đoạn kinh văn này bèn có ngộ xứ, ngộ xứ là tâm đắc chân chánh, chẳng phải là quý vị ghi chép. Ghi chép chính là bút ký, ghi lại những cách nghĩ nẩy sanh liên quan đến những điều [đọc được từ trong sách],

đó là cảm tưởng, [chẳng phải là tâm đắc].

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh tức Không, tức Giả, thị "Phật hữu Thanh Văn, Bồ Tát" nghĩa.

(疏)稱理，則自性即空即假，是佛有聲聞菩薩義。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa "Phật có Thanh Văn, Bồ Tát").*

Câu này là tổng thuyết. Lý là tự tánh, học thuyết hiện thời gọi [Lý] là bản thể của vũ trụ và nhân sinh. Muôn tướng trong vũ trụ thuộc về Sự, Sự do đâu mà có? Nhất định là có đạo lý, lý ấy là cội nguồn của hết thảy sự tướng. Trong Triết Học, Lý ấy được gọi là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Chúng ta quan sát từ chỗ này, thấu hiểu từ chỗ này thì mới hoảng nhiên đại ngộ.

(Diễn) Tự tánh tức Không, tức Giả, thị Phật hữu Bồ Tát nghĩa giả. Thanh Văn đọa Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật tức tự tánh Pháp Thân bất đọa nhị biên, nhi song tức nhị biên dã.

(演)自性即空即假，是佛有菩薩義者，聲聞墮空，菩薩出假，佛即自性法身不墮二邊，而雙即二邊也。

*(**Diễn**: "Tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa Phật có Bồ Tát": Thanh Văn đọa Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật chính là Tự Tánh Pháp Thân chẳng đọa vào hai bên, mà đồng thời cũng chính là hai bên).*

Hết thảy chúng sanh được chia làm ba loại lớn: Một loại là Thanh Văn, loại thứ hai là Bồ Tát, và loại thứ ba thường được gọi là chúng sanh, giống như chúng ta. Ba loại này cũng là chín pháp giới. Chúng ta là chúng sanh trong lục đạo, ngoài lục đạo có Thanh Văn (bao gồm Duyên Giác), lại lên cao hơn nữa thì là Bồ Tát. Lục đạo chúng sanh mê hoặc, điên đảo, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh hoàn toàn mê hoặc, hoàn toàn không thể chánh tri (hiểu biết đúng đắn). Những gì họ biết toàn là sai lầm, hoặc phiến diện, chẳng hoàn chỉnh, chẳng hoàn toàn lý giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh; đó là lục đạo phàm phu. Người Tiểu Thừa thông minh hơn chúng ta, họ biết hết thảy vạn pháp là rỗng không, vạn pháp đều là Không. Được rồi! Họ liền rút vào trong Không, chẳng ra nữa, đó gọi là *"nhập Thiên Chân Niết Bàn"*. Chân là Chân

Không, đọa trong Chân Không, chẳng thoát ra, chẳng khởi tác dụng; đó là hàng Nhị Thừa. Vì thế Phật cũng chẳng tán thành. Chúng ta thường gọi họ là Nhị Thừa, tức là còn rất tôn kính họ, chứ kinh Lăng Nghiêm chẳng tôn kính hàng Nhị Thừa cho lắm, gọi hàng Nhị Thừa là gì? Coi họ như một loài ma, nhưng tốt hơn ma đôi chút. Chẳng phải là ác ma, nhưng họ vẫn là ma. Trong hội Lăng Nghiêm, ngay cả A La Hán và Bích Chi Phật đều bị gọi là ma. Gọi họ là ma thì cũng có lý, vì chuẩn mực của kinh Lăng Nghiêm cao, những kẻ thấp hơn chuẩn mực thì không được rồi! Chúng ta thường tán thán họ, vì chuẩn mực của chúng ta thấp, nên thấy họ kể ra vẫn còn khá lắm; nhìn theo chuẩn mực cao thì [sẽ thấy] họ không được! Lăng Nghiêm cũng là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, đương nhiên là thấy Thanh Văn và Duyên Giác quá thấp.

Bồ Tát càng thông minh hơn. *"Bồ Tát xuất Giả"*, từ Không thoát ra. Sau khi đã thoát ra, bèn đắc đại tự tại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. A La Hán và Bích Chi Phật là Lý Sự vô ngại, nhưng Sự Sự bèn có ngại. Phàm phu chúng ta không chỉ là Sự Sự có ngại, mà Lý Sự cũng có ngại, khởi tâm động niệm thảy đều có chướng ngại. Bồ Tát là Sự Sự vô ngại, đã xuất Giả!

Phật là tự tánh, là Pháp Thân, là bản thể, cũng là chân tánh hoặc bản giác của chính chúng ta. Trong bản giác chẳng có Không và Hữu, Không và Hữu là hai bên, Chân và Giả cũng là hai bên. Bất luận nói Chân hay nói Giả, chẳng ra ngoài bản thể, chẳng rời lìa pháp giới này. Phật là điều gì cũng đều bao dung, thảy đều hàm nhiếp, nên "Phật có Thanh Văn, Bồ Tát" cũng có nghĩa là "có hết thảy chúng sanh". Câu này nếu nói rõ hơn một chút sẽ là: Đối với những tướng được hiện bởi Thể, những sự tướng ấy quyết định là bình đẳng. Bình đẳng là Chánh Giác, bình đẳng là thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã thật thà bảo chúng ta, hoàn toàn là lời chân thật: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*, thật đấy, chẳng dối gạt ai! Nay vì sao quý vị chẳng phải là Phật, mà biến thành phàm phu? Chính quý vị tự mê mất chính mình. Bị mê mất chính mình thì mê có sâu hay cạn khác nhau. Mê nặng nhất là lục đạo phàm phu, nhẹ hơn một tí là Thanh Văn và Duyên Giác. Mê nhẹ nhất là Bồ Tát, hoàn toàn chẳng mê bèn gọi là thành Phật. Từ chỗ này, quý vị nhận biết hết thảy muôn hình tượng do bản thể hiện ra, quyết định chẳng bị sai lầm.

Giáo học Phật giáo nhằm phá mê khai ngộ, chẳng có gì khác. Khai ngộ là khôi phục tự tánh, khôi phục vô lượng trí huệ và đức năng trong

Tánh Đức của chính mình. Chúng ta cậy vào năng lực của chính mình, sẽ chẳng có cách nào khôi phục! Tuy Phật giúp chúng ta, dạy chúng ta khá nhiều phương pháp, nhưng các phương pháp ấy đều phải cậy vào sự tu học của chính mình thì mới có thể khôi phục. Chính mình tu học rất khó, cũng chẳng dễ gì thành tựu. Trì danh niệm Phật của Tịnh Tông là pháp môn đặc biệt, chỉ cần quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ giúp quý vị khôi phục. So với các pháp môn khác chỉ dựa vào sức của chính mình thì [pháp môn Tịnh Độ] đúng là thuận tiện quá nhiều! Do đó, pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực. Pháp môn này được hết thảy chư Phật, Bồ Tát tán thán là do đạo lý này. Do vậy, hết thảy muôn hình tượng do Tánh Đức của chúng ta lưu hiện, tức là cảnh giới được lưu xuất và biến hiện từ Tánh Đức.

(Sao) Tánh Không, tắc Nhất Chân ngưng tịch. Tánh Giả, tắc vạn dụng Hằng sa. Ngưng tịch, tắc yểu mạc biên nhai. Hằng sa, tắc quảng vô tế hạn, tằng hà toán số khả đắc bình lượng giả tai!

(鈔)性空，則一真凝寂。性假，則萬用恆沙。凝寂，則杳莫邊涯。恆沙，則廣無際限。曾何算數可得評量者哉。

*(**Sao**: Tánh Không là Nhất Chân ngưng lặng. Tánh Giả chính là muôn diệu dụng nhiều như cát sông Hằng. Ngưng lặng thì mênh mông không bờ bến. "Cát sông Hằng" [ý nói] rộng lớn không ngằn hạn, há có thể tính toán để suy lường được ư?)*

Mấy câu này hoàn toàn nói về bản tánh, nói về chân tâm và chân tánh vốn sẵn có của chúng ta. Bản thể của Tánh Không là không tịch. Hết thảy chúng sanh đều có chân tánh. Thực vật và khoáng vật cũng có pháp tánh. Tánh chính là bản thể của nó, bản thể của nó là không tịch, vì sao? Bản thể chẳng phải là vật chất, vật chất do bản thể biến hiện. Hiện thời, khoa học tiến bộ đã nhận thức chuyện này ngày càng rõ ràng hơn, ngày càng gần với những điều được nói trong kinh Phật. Đây là một chuyện tốt. Khoa học có thể dần dần chứng minh kinh Phật, các tiến bộ và phát triển trong khoa học có lợi cho việc giải nói Phật pháp.

Đối với Không được nói ở đây, chư vị phải ghi nhớ: Chớ nên hiểu Không là "chẳng có gì", Không là có, đã có, cớ sao nói là Không? Vì nó chẳng có hình tướng, mắt chúng ta chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe, tay cũng chẳng sờ được. Không chỉ là ta chẳng sờ được, mà trong tâm cũng

chẳng nghĩ được, nhưng nó xác thực là có, xác thực là tồn tại; chúng ta bất đắc dĩ bảo nó là Không. Dùng danh từ này [để diễn tả những ý trên đây, tuy gọi là Không], nó không đâu chẳng tồn tại. Vì thế, Không chẳng phải là không có gì. Nếu Không là chẳng có gì thì dễ hiểu quá, đứa trẻ hai ba tuổi cũng đều hiểu. Không là Có, điều này khó hiểu, chẳng dễ gì hiểu được! Chúng tôi dùng một tỷ dụ để nói. Ví như sóng vô tuyến điện, bất luận khi nào, bất luận chỗ nào, nó thảy đều có. Điện đài ở mỗi nơi trên thế giới phát sóng, ở đây chúng ta đều có. Nếu quý vị không tin, chúng ta lấy radio mở lên ở đây, sẽ lập tức thu được sóng của mỗi đài truyền thanh, vô tuyến, nó thật sự có! Tuy có, chúng ta không dùng máy móc sẽ chẳng thấy được, chẳng có cách nào cảm nhận. Chúng ta nói sóng vô tuyến điện là không; nhưng nó tồn tại, không phải là chẳng có gì! Nói thật ra, sóng vô tuyến điện vẫn là có hình tướng, chúng ta vẫn có thể dùng dụng cụ khoa học để đo lường. Cái Không trong chân tánh chẳng có bất cứ máy móc nào có thể đo lường được, nhưng nó tồn tại, còn vi tế hơn sóng vô tuyến điện. Sóng vô tuyến điện có chấn động, có độ dao động rất lớn, dễ dàng đo lường được. Đối với sóng vi tế trong tâm chúng ta, không dễ gì cảm nhận sự dao động ấy.

Các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh: Tất cả hết thảy các hiện tượng vật chất bất quá chỉ là hiện tượng dao động mà thôi. Cuối bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết thêm một chương, dùng khoa học cận đại để dẫn chứng. Cụ nói rất rõ ràng: *"Về căn bản là chẳng có vật chất tồn tại"*, cách nói này hết sức gần với cách nói trong Phật pháp. Vật chất từ đâu mà có? Các nhà nghiên cứu Duy Thức nói Tướng Phần do từ Kiến Phần biến hiện. Kiến Phần và Tướng Phần đều cậy vào Tự Chứng Phần làm bản thể. Tự Chứng Phần là Không, là Tánh Không. Kinh điển Đại Thừa nói là Tánh Không, kinh luận Duy Thức gọi [Tánh Không] là Tự Chứng Phần. Quý vị biết tới cái Tánh Không ấy thì gọi là Chứng Tự Chứng Phần, dùng phương pháp gì để biết? Chính là nhất tâm. Nhất tâm là tâm ta bất động, bất động thì mới có thể đo lường cái động.

Vì lẽ này, tu hành trong Phật pháp coi trọng tu Thiền Định. Tâm thanh tịnh là Thiền Định, Thiền Định là tâm thanh tịnh. Nói *"Thiền"* nghĩa là *"ngoài chẳng chấp tướng"*, đối với hết thảy tướng cảnh giới, đều dùng cái tâm bình đẳng để quan sát, tiếp đãi. Dùng cái tâm thanh tịnh để đối diện với chúng, *"ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng khởi niệm"*, không động tâm. Đó gọi là Thiền Định, là tâm thanh tịnh. Thanh

tịnh đến một mức độ kha khá, quý vị sẽ thấy sự dao động ấy, thấy nguồn gốc của vật chất, mới hoảng nhiên đại ngộ, quý vị đã thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Cảnh giới do đức Phật đã nói là cảnh giới Hiện Lượng, Ngài đích thân trông thấy, chính mắt trông thấy, chính tai nghe thấy, chẳng phải là suy lường theo lý luận, chẳng từ Toán Học mà tính toán ra! Nó do đâu mà có? Hình thành ra sao? Diễn biến như thế nào? Trở về tự tánh như thế nào? Nói thật ra, kinh Lăng Nghiêm đã giảng cặn kẽ. Trong quá khứ, tuy tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lần, nhưng nói thật thà thì tôi chẳng nhập cảnh giới ấy. Hiện thời, nếu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm một lần nữa, cảnh giới sẽ hoàn toàn khác hẳn, tôi có thể giảng rất vi tế, đích xác là thú vị vô cùng, kết hợp với khoa học hiện đại thành một thể. Kinh Lăng Nghiêm là sách gì vậy? Chính là vật lý học vũ trụ. Những điều đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước, cho đến hiện thời, vật lý học vũ trụ vẫn chưa thể ấn chứng hoàn toàn, chỉ có thể chứng minh một phần mà thôi! Thật sự lỗi lạc, vật lý học vũ trụ đấy nhé!

Như thế nào thì mới có thể lý giải? Chính là [bằng] cái tâm thanh tịnh, chẳng có pháp môn nào khác! Vì vậy, học Phật là học gì? Phải tu Định, phải tu cái tâm thanh tịnh. Chuyện gì có thể chẳng cần nghĩ tới thì tốt nhất là đừng nghĩ. Chuyện gì có thể chẳng vấn vương thì tốt nhất là đừng vướng bận. Tận hết khả năng khiến cho tâm địa thanh tịnh, đó là bí quyết nhập Phật [môn]. Tuyệt đối chẳng phải là đọc rất nhiều kinh văn, đọc thật nhiều chú giải, dụng tâm nghiên cứu. Xưa kia, tôi giảng kinh đã sử dụng phương pháp ấy, đều là nói nhăng nói cuội! [Tuy vậy, người đời] nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Phật pháp do tôi giảng trước kia là lừa người, các vị nghe theo. Nay nói lời thật với quý vị, quý vị đều chẳng tin tưởng. Nay tôi khuyên quý vị, quý vị chẳng tin tưởng. Phương pháp xưa kia là gạt người, quý vị lại tin tưởng, quái lạ thay! Trong quá khứ, cũng chẳng phải là tôi cố ý lừa gạt quý vị, mà là do trình độ của chính mình chưa tới. Trình độ ấy, sự tiến bộ ấy, tuyệt đối chẳng phải là do đọc nhiều thứ. Nói thật thà, hiện thời, tôi đọc những thứ này nọ ngày càng ít đi, càng đọc tinh chuyên hơn, càng đọc đơn giản hơn. Nói cách khác, tâm càng niệm càng thanh tịnh, từ chỗ này mà đạt được. Do đó mới biết cách dạy học của cổ nhân tuyệt đối là chánh xác. Quyết định chớ nên vứt bỏ phương pháp [dạy học] được lưu truyền từ thời cổ. Vứt bỏ phương pháp của cổ nhân, những gì quý vị đạt được từ Phật pháp sẽ là Phật học thường thức. Vì sao? Chẳng dính dáng gì tới cái tâm thanh tịnh của quý vị. Quý vị vẫn chẳng có cách nào đoạn phiền não, vẫn chẳng có cách nào

minh tâm kiến tánh! Quý vị có thể giành mấy học vị tiến sĩ Phật học, mấy danh vị trên thế giới, có thể đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, nhưng chẳng có chút nào liên quan đến chuyện liễu sanh tử, thoát tam giới. Đó là lầm lẫn quá đỗi!

Chư vị nhất định phải lưu ý "Nhất Chân", chỉ có Nhất mới là thật, Nhị là giả, chẳng thật. Do đó, pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới; thế giới Hoa Tạng cũng là Nhất Chân pháp giới. Phải tiến nhập Nhất Chân pháp giới như thế nào? Phương pháp của Tịnh Độ Tông đơn giản, thẳng chóng: Nhất tâm. Nhất tâm là có thể nhập (năng nhập), Nhất Chân là cái được nhập (sở nhập). Trong Nhất (một) thì chẳng có Năng và Sở. Năng và Sở là một, chẳng hai, đấy mới là *"ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt"*. Vì sao? Nếu có Năng và Sở thì vẫn là hai, Năng và Sở chẳng hai! Nói cách khác, chỉ cần công phu của chúng ta đạt tới nhất tâm, Nhất Chân lập tức hiện tiền, chẳng cần lại đi tìm Nhất Chân, Nhất Chân bèn hiện tiền. Nay chúng ta khởi tâm động niệm, tam tâm, nhị ý, bèn lập tức đánh mất Nhất Chân. "Đánh mất" là bị mê mất, trọn chẳng phải là thật sự đánh mất Nhất Chân. Đã mê mất, tuy nó ở trước mắt, quý vị chẳng nhận biết. Do vậy có thể biết, tâm địa thanh tịnh trọng yếu ngần ấy!

Nếu đạo nghiệp của chúng ta có tiến bộ, nhìn thấy tiến bộ từ chỗ nào? Tâm ngày càng thanh tịnh hơn, vướng mắc càng ngày ít hơn; đó là tiến bộ. Lão Tử nói: *"Vi đạo nhật tổn"* (Vì đạo mà ngày một hao tổn). *"Tổn"* (損) là buông xuống, trừ bỏ. Phật pháp là vì đạo, chẳng phải là vì học. Chúng ta học Phật, chẳng phải là Phật học. Phật học thì chẳng phải là học Phật. Người hiện thời coi Phật học là học Phật, sai mất rồi! Sai từ quan niệm, lầm lẫn bước này chính là lầm lẫn từ nền tảng, vĩnh viễn sai lầm! Do đó, phải biết bản thể, chân tâm, bổn tánh là như Lục Tổ đã nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*. Chỉ cần quý vị kiến tánh, hết thảy vạn pháp chẳng có pháp nào không trọn đủ.

"Nhất Chân ngưng tịch": *"Ngưng tịch"* (凝寂) là [từ ngữ diễn tả] tướng, tức là hình dạng của nó. *"Tánh Giả"*: Giả (假) là khởi tác dụng, *"tắc vạn dụng Hằng sa"* (muôn vạn công dụng nhiều như cát sông Hằng). Sau khi khai ngộ, Lục Tổ đã nói *"nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp"*, có thể sanh vạn pháp là tánh Giả. *"Giả"* là nói theo tướng, sâm la vạn tượng trong vũ trụ được biến hiện từ Chân Không ngưng lặng. Chân và Giả chẳng hai, Tánh và Tướng như một, đấy mới là thật sự thấy Thật Tướng của các pháp. Thấy như vậy sẽ được thọ dụng to tát, thật sự

đạt được đại tự tại.

"Ngưng tịch": Tướng của Tánh Thể là ngưng lặng, *"tắc yểu mạc biên nhai"* (mênh mông không bờ bến). Nói cách khác là chẳng có giới hạn, rộng lớn chẳng có giới hạn. Hết thảy giới hạn sanh từ đâu? Sanh từ khởi tâm động niệm. Chỉ cần khởi tâm động niệm, bèn có giới hạn. Trong chân tâm chẳng có giới hạn, chính mình vạch ra giới hạn, rắc rối liền xảy ra. Đừng nói chi to tát, chúng ta nói đến địa cầu nho nhỏ này, hiện thời địa cầu quả thật rất nhỏ, ngồi máy bay có thể bay vòng quanh địa cầu trong một ngày, đúng là khá nhỏ bé. Trên địa cầu há từng có ranh giới ư? Con người ngu si cứ muốn vạch ra ranh giới. Hễ vạch ra ranh giới, sẽ có chiến tranh vì ranh giới. Chiến tranh dấy lên như thế nào? Dấy lên từ ranh giới. Chẳng có ranh giới, sẽ chẳng có chiến tranh. Nước này với nước kia chẳng có ranh giới, ranh giới [là do con người] vạch ra. Tỉnh này và tỉnh kia chẳng có giới hạn, ranh giới [cũng do con người] vạch ra. Huyện này và huyện kia chẳng có ranh giới, họ cũng vạch ra ranh giới ấy. Ranh giới là cội nguồn của tranh chấp. Đối với nhà ở, giữa láng giềng với nhau bèn vạch ra ranh giới, họ vẫn tranh chấp, từng tấc, từng thước đều muốn tranh chấp, chẳng khi nào xong!

Vốn chẳng có giới hạn, [đặt ra giới hạn] chính là quan niệm sai lầm. Quý vị đến đâu để tìm? Tìm chẳng thấy! Đây là nói tới phân biệt, chấp trước; phân biệt, chấp trước chẳng phải là sự thật, mà là một quan niệm trừu tượng sai lầm. Bao nhiêu phiền não, bao nhiêu tranh chấp, bao nhiêu tội nghiệp đã sanh từ quan niệm hư vọng, sai lầm này, quá oan uổng! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta hãy bỏ hết thảy phân biệt, chấp trước, tâm chúng ta to như hư không pháp giới. Pháp giới là chân tâm, chân tâm là pháp giới. Trong hết thảy các pháp đều không chấp trước, chẳng chấp trước pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng chấp trước. Người hiện thời học Phật, còn có người nhất định chấp trước Tây Phương thế giới A Di Đà Phật, Đông Phương Lưu Ly thế giới Dược Sư Phật, vẫn còn có chấp trước, học Phật mà vẫn chia ra giới hạn! Nếu quý vị chú tâm phản tỉnh, suy nghĩ đôi chút, [hãy xét xem] giới hạn giữa A Di Đà Phật và Dược Sư Như Lai ở chỗ nào, quý vị có thể nói rõ ràng hay không? Nói chẳng nên lời! Không chỉ là nói chẳng nên lời! Trong lời Khai Thị tại Phật Thất, pháp sư Đàm Hư đã nêu một trường hợp. Trước kia, Ngài mở một trường học ở vùng Đông Bắc, hiệu trưởng [ngôi trường ấy] học Phật, từng hỏi Sư một vấn đề: "Giới hạn giữa Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà là ở chỗ nào?" Lão hòa

thượng có trí huệ, bảo ông ta hãy tự hồi quang phản chiếu, hãy tự mình quan sát. Vị hiệu trưởng ấy cũng rất thông minh, suy đi nghĩ lại, dường như chẳng tìm được giới hạn ấy. Vì sao? Tâm tánh là một, là một Thể; trong một Thể làm sao có thể tìm ra, vạch ra giới hạn cho được? Lão hòa thượng ấn chứng: "Đúng như vậy, xác thực là chẳng có giới hạn".

Không chỉ là thế giới Tây Phương của A Di Đà Phật và thế giới Sa Bà chẳng có giới hạn, cùng một đạo lý như nhau, tất cả hết thảy sát-độ (cõi nước) của mười phương chư Phật đều chẳng có giới hạn. Sát-độ tồn tại hay không? Có, quyết định là có. Giới hạn thì sao? Chẳng tìm thấy giới hạn, kỳ quái! Giống như trong giảng đường này, chúng ta có nhiều đèn như vậy, vị trí của từng ngọn đèn xác thực là có, quý vị có thể tìm được giới hạn giữa ánh sáng của ngọn đèn này và ngọn đèn kia hay không? Chẳng tìm thấy! Cõi nước của chư Phật cũng lại giống như vậy. Cõi nước của chư Phật là như thế, mà tâm địa quang minh của chính chúng ta cũng lại giống như thế. Quang minh nơi tâm địa của mỗi người chúng ta chính là trí huệ và đức năng trong bản tánh, chẳng có giới hạn đối với tất cả chư Phật, Bồ Tát và hết thảy chúng sanh trong mười phương hết thảy các cõi Phật. Chẳng có giới hạn mà chính quý vị vạch ra giới hạn, đó là sai lầm. Đấy là lý do vì sao chúng ta mê hoặc, điên đảo, hằng ngày suy tưởng loạn xạ trong ấy, đó là vô minh!

Vô minh khởi lên như thế nào? Vô minh là do quý vị suy nghĩ lung tung mà có, khi nào có vô minh? Khi quý vị suy nghĩ loạn xạ, khi ấy bèn có vô minh. Khi nào quý vị điều gì cũng chẳng tưởng, sẽ chẳng có vô minh. Do vậy, đức Phật nói lời thật thà cùng quý vị: Vô minh là vô thỉ, tức là chẳng có khởi đầu. Quý vị dấy vọng tưởng bèn có vô minh; chẳng dấy vọng tưởng, nó bèn chẳng có. Chẳng có khởi đầu, cũng là chẳng có kết thúc. Ắt phải đạt đến nhất tâm bất loạn thì mới hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng sự thật này, tất cả hết thảy nghi lự đều tiêu tan. Đây là nói tới tầm trọng yếu của việc tu nhất tâm.

Vì vậy, nói thật thà, có nhiều kẻ thông minh tài trí chẳng bằng một bà cụ thật thà niệm Phật, người ta thật sự có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, thật sự hiểu rành rẽ, rõ ràng hết thảy các pháp. Bà ta cũng chẳng nói với quý vị, vì sao? Có nói với quý vị, quý vị cũng chẳng tin tưởng. Nói với quý vị, đầu óc quý vị chứa đầy ắp Phật pháp, quý vị vẫn chê bà cụ nói trật lất. Người ta chứng thật sự, [cảnh giới của người ta chứng] là cảnh giới Hiện Lượng. Quý vị suy nghĩ loạn xạ, bụng đầy ắp Phật học, nói thật ra, thua bà cụ ấy xa lắc, người ta đã đắc nhất tâm. Tục

ngữ có câu *"thông minh đâm ra bị lầm lẫn bởi thông minh"*. Người thông minh đáng thương, kinh thường nói là *"kẻ đáng thương xót"*. Người đáng được thương xót chẳng phải là những ông già, bà cả ấy, mà là kẻ tự cho mình là thông minh, trí huệ, hạng người ấy đáng thương! Kẻ hằng ngày nghiên cứu kinh luận, dùi mài nơi đống giấy cũ, đức Phật nói kẻ ấy là kẻ đáng thương!

Ở đây nói: Thể là ngưng lặng; có Thể thì mới có Dụng. Vì thế, cầu trí huệ ắt cần phải cầu Căn Bản Trí thì mới có Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là vô tri, vô tri thì tâm mới thanh tịnh, tâm bèn định. Do đó, trí huệ Bát Nhã, trí huệ căn bản là tâm thanh tịnh, là như Lục Tổ đã nói *"vốn chẳng có một vật"*, đó là *"Bát Nhã vô tri"*. Khi khởi tác dụng thì *"không gì chẳng biết"*, khi chẳng khởi tác dụng thì là vô tri. Chư Phật, Bồ Tát suốt ngày từ sáng đến tối *"vô tri"*, quý vị hỏi gì, các Ngài đáp nấy. Đó gọi là "không gì chẳng biết". Tuy trả lời quý vị, các Ngài vẫn là vô tri, chẳng phải là suy nghĩ: "Đối với câu hỏi này của quý vị, tôi phải suy nghĩ, nghiên cứu để trả lời quý vị như thế nào". Nếu như vậy thì thôi rồi, đã là "có biết" mất rồi! Các Ngài vô tri để trả lời hữu tri, trả lời hết sức xảo diệu, hết sức thích đáng, chẳng có vấn đề nào không thể giải quyết. Vì vậy, vô tri là trí huệ chân thật.

Vô tri là gì? Tâm thanh tịnh chiếu rành rẽ hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ, giống như một tấm gương, [đó là] Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là vô tri, còn Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí là có biết, "không gì chẳng biết". Chẳng có Đại Viên Kính, làm sao có ba thứ trí huệ trên đây? Trong tâm khởi một niệm sẽ chẳng là viên kính, gương ấy liền bẩn thỉu vì dính bụi trần, bị chướng ngại, giống như nước cuộn sóng, đánh mất tác dụng. Tâm phải thanh tịnh, phải trong sạch, đừng nổi sóng. Không cuộn sóng thì được gọi là *"như như bất động"*, trong sạch là *"chẳng nhiễm mảy trần"*, mang ý nghĩa thanh tịnh. Dùng tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để nói, bất động có nghĩa là bình đẳng, chẳng nhiễm nghĩa là thanh tịnh. Tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ] có nói *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, Giác là Căn Bản Trí. Từ Căn Bản Trí khởi lên Hậu Đắc Trí, mới có Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, và Thành Sở Tác Trí. Bình Đẳng Tánh Trí là tác dụng của Đại Viên Kính Trí, biết hết thảy đạo lý của vũ trụ và nhân sinh, biết Lý. Diệu Quán Sát Trí là biết hết thảy vạn sự vạn pháp, biết hết thảy sự. Thành Sở Tác Trí là năng lực, kỹ xảo, nó có thể làm hết thảy sự, có thể thành tựu hết thảy sự. Do vậy có thể biết, then chốt là Đại Viên Kính.

Hiển lộ Đại Viên Kính của chính mình bằng cách nào? Thật thà niệm Phật. Pháp môn này mầu nhiệm, còn các pháp môn khác nói ra [sẽ cảm thấy] rất phức tạp, chưa chắc đã nghe hiểu! Dẫu có hiểu, cũng rất khó tu. [Bí quyết tu tập trong pháp môn Tịnh Độ là] bốn chữ *"thật thà niệm Phật"*, chỉ cần quý vị chịu thật thà, niệm đến mức công phu thành phiến, thọ dụng sẽ khá khả quan. Niệm đến mức nhất tâm bất loạn, sẽ nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Quý ở hai chữ *"thật thà"*, thật thà niệm. Thật thà là trong tâm chẳng có tạp niệm; hễ có niệm, sẽ chẳng thật thà.

"Hằng sa" là nói tới Dụng, vạn dụng hằng sa. Hằng sa (cát sông Hằng) là tỷ dụ [vật gì có số lượng rất] nhiều, Hằng (恒) là sông Hằng (Ganges). Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh, thuyết pháp, phần lớn thời gian ở lưu vực sông Hằng. Hễ nói đến số lượng nhiều, lão nhân gia thường dùng chữ *"Hằng hà sa"* (cát sông Hằng) để tỷ dụ. Sông Hằng rất dài, còn dài hơn Trường Giang và Hoàng Hà của Trung Quốc. Cát sông Hằng như bột mì, rất mịn. Trong sông Hằng, biết bao nhiêu là cát! Đây là tỷ dụ tác dụng vô lượng vô biên. *"Quảng vô tế hạn"*, *"tế"* (際) là biên tế (ranh giới), *"hạn"* (限) là hạn lượng, [*"vô tế hạn"* là] chẳng có ngằn mé, chẳng có hạn lượng, tác dụng của nó quá lớn. Thế giới Sa Bà do Chân Như bản tánh biến hiện, Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói vô lượng vô biên hằng sa thế giới, nói nhiều cách mấy đi nữa, vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện ra, chẳng thể vượt ra ngoài tự tánh, quý vị bèn hiểu công đức của tự tánh đúng là vô lượng vô biên. Tự tánh là con người thật sự của chính mình, Thiền Tông gọi là *"phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục"* (diện mạo trước khi được cha mẹ sanh ra), là diện mục sẵn có, là con người thật sự của chính mình. Giáo học Phật pháp chẳng có gì khác, nhằm khôi phục diện mạo của chính mình mà thôi. Nói cách khác, tìm lại chính mình. Chúng sanh mê mất chính mình, đức Phật dạy chúng ta cách tìm lại chính mình, đó là Phật pháp.

Do vậy có thể biết, Phật pháp và chúng ta có mối quan hệ mật thiết như vậy, chẳng phải là tìm những thứ ở bên ngoài, mà là tìm lại chính mình. Do vậy, cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo. Hằng ngày, chúng ta tìm Phật pháp trong kinh điển, chuyện này là như thế nào? Vẫn coi là ngoại đạo! Vì từ trong kinh điển, quý vị tìm được này nọ, đó là pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, chẳng phải là của chính quý vị, nên đó là ngoại đạo. Quý vị tìm trong Sớ Sao, Sớ Sao do Liên Trì đại sư trước tác, Diễn Nghĩa do pháp sư Cổ Đức soạn, là những thứ của các

Ngài. Quý vị tìm trong ấy, cũng là cầu pháp ngoài tâm. Như thế nào thì mới được coi là Phật pháp? Nương theo những thứ của Thích Ca Mâu Ni Phật và tổ sư đại đức để dẫn phát tự tánh của chính mình, đó là Phật pháp. Giống như hai ngọn nến này, một ngọn nến đã được thắp sáng, ngọn kia chẳng được thắp. Chẳng thắp sáng, vĩnh viễn không đốt lên, cứ đi theo ngọn [đã được thắp sáng] kia, đó gọi là *"cầu pháp ngoài tâm"*, chẳng phải là của chính mình. Quý vị ắt phải mượn ánh sáng của ngọn nến kia để thắp sáng chính mình, đó là đúng. Đó là Phật pháp. Chúng ta phải mượn quang minh của Thích Ca Mâu Ni Phật, văn tự trong kinh điển là quang minh, mượn quang minh của Liên Trì đại sư và pháp sư Cổ Đức để thắp sáng quang minh trong tự tánh, khôi phục tự tánh quang minh, đó là Phật pháp, mới là chẳng cô phụ Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức hoằng pháp lợi sanh. Nếu quý vị chẳng hiểu, cứ coi những thứ của các Ngài là Phật pháp, vĩnh viễn đi theo người khác, tam thế chư Phật đều ứa lệ, kêu oan uổng! Sai mất rồi! Phật pháp là khai phát tự tánh quang minh, chẳng phải là ỷ lại kẻ khác.

Do vậy, chúng ta mở kinh A Di Đà ra, kinh A Di Đà là kinh A Di Đà của ai? Là kinh A Di Đà trong tự tánh. Tuy kinh này do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, nhưng bày ra trước mặt chúng ta, khiến cho kinh A Di Đà trong tự tánh của chúng ta cũng được dẫn phát. Kinh A Di Đà của chúng ta và kinh A Di Đà do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói chẳng hai, chẳng khác. Giống như hai ngọn nến được thắp sáng, hai ánh sáng ấy chẳng hai, chẳng khác. Ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, chẳng thể tách rời ánh sáng nào là của ngọn nến nào, chẳng tách được! Chúng hoàn toàn dung hợp thành một Thể, đó gọi là học Phật. Học Phật phải học từ chỗ này, quý vị mới có thể đạt được thọ dụng chân thật, mới có thể đạt được pháp hỷ sung mãn, mới có thể thật sự hưởng thụ. Kinh Vô Lượng Thọ nói ba thứ chân thật, quý vị thảy đều đạt được. *"Chân thật chi tế"* là Tánh Không, *"trụ chân thật huệ"* và *"chân thật chi lợi"*, quý vị đều đạt được toàn bộ.

"Tằng hà toán số khả đắc bình lượng giả tai" (Há có thể dùng tính toán để suy lường được ư?), có thể thấy là đã vượt ngoài số lượng. Số lượng chẳng thể hạn cuộc nó, còn có tính toán chi nữa, chẳng cần! Do vậy có thể biết, những số lượng đã nói đều là đức Phật nói phương tiện, đều là Phật nói theo Tục Đế. Từ Tục Đế bèn quay ngược lại để lãnh hội Chân Đế. Trong kinh Hoa Nghiêm có ý nghĩa này. Bài *"Phật pháp dùng thế tục để giảng giải lẽ chân"* của cư sĩ Âu Dương Cánh Vô đã giảng về

đạo lý này, nêu rõ sự thiện xảo và nghĩa thú trong việc thuyết pháp của đức Phật. Quý vị phải hiểu thì mới có thể lãnh hội nghĩa chân thật do đức Phật đã nói. Nếu quý vị chẳng thấu hiểu, chỉ là [thấy được] ý nghĩa hời hợt bề ngoài nơi văn tự, sai mất rồi! [Những gì quý vị] đạt được sẽ là Phật học thường thức.

(Sao) Thị tắc hiền thánh tam thừa, cộng tông nhất Phật.
(鈔)是則賢聖三乘，共宗一佛。
*(**Sao**: Do vậy, hiền, thánh, tam thừa cùng tôn sùng một vị Phật).*

"Hiền" (賢) là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), *"thánh"* là các vị Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên), *"tam thừa"* là nói tới Quyền Giáo Bồ Tát, Thanh Văn và đại chúng trời, người. Đó là bao gồm trọn hết ba bậc chín phẩm đại chúng vãng sanh thế giới Cực Lạc, bất luận là cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Đồng Cư. Nói chung, *"cộng tông nhất Phật"* (đều cùng tôn sùng một vị Phật), [*"nhất Phật"* là] A Di Đà Phật, đều tôn A Di Đà Phật làm thầy, đều tiếp nhận A Di Đà Phật đích thân giáo dục.

(Sao) Chân Tục nhị đế, đồng xuất nhất tâm.
(鈔)真俗二諦，同出一心。
*(**Sao**: Chân Đế và Tục Đế đều phát xuất từ nhất tâm).*

Chư vị có thể hiểu rõ những điều tôi đã nói trên đây, sẽ liễu giải Nhị Đế đều từ nhất tâm lưu xuất.

(Sao) Nhất tâm liễu nhiên, phước túc, huệ túc.
(鈔)一心了然，福足慧足。
*(**Sao**: Đã liễu đạt nhất tâm, thì phước lẫn huệ đều trọn đủ).*

Chúng ta mong cầu trí huệ và phước đức thật sự, hãy tu từ nơi đâu? Nhất tâm. Phước trong nhất tâm là phước báo xứng tánh! Không thể tu nhất tâm, làm nhiều chuyện tốt, thì phước báo ấy là phước báo do tu được, sẽ hưởng hết, [vì nó] có hạn lượng. Tánh Đức chẳng có hạn lượng, cho nên phước báo của chư Phật, Bồ Tát to tát, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Vì sao? [Phước báo của] các Ngài là Tánh Đức, vốn

trọn đủ trong Chân Như bản tánh, chẳng phải là do tu được. Vì thế, người biết tu sẽ tu từ căn bản, căn bản là gì? Nhất tâm bất loạn, căn bản là cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ, lại còn có thể sanh ra phước báo, kỳ diệu thay! Trong quá khứ, chỉ nghe nói có thể sanh trí huệ, chẳng nghe nói có thể sanh ra phước báo; nhưng có thể sanh ra phước báo là thật, chẳng giả. Ở đây, Liên Trì đại sư nói rõ, trong Đàn Kinh Lục Tổ đại sư cũng đã nói rõ, có thể thấy là tâm thanh tịnh trọn đủ phước báo viên mãn, điều này chẳng giả. Phước và huệ đều cầu từ tâm thanh tịnh. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 202

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ năm:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經)舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy).*

Tổng kết một khoa lớn này, chúng ta xem chú giải của Liên Trì đại sư.

(Sớ) Kết thượng Thanh Văn, Bồ Tát đệ tử trang nghiêm, giai bỉ Phật túc nhân, nguyện hạnh, công đức chi sở thành tựu dã. Luận vân: "Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh", thị dã.

(疏)結上聲聞菩薩弟子莊嚴，皆彼佛宿因願行功德之所成就也。論云：如來淨華眾，正覺華化生。是也。

*(**Sớ**: Tổng kết sự trang nghiêm của đệ tử Thanh Văn, Bồ Tát như đã nói trên đây, đều được thành tựu bởi nguyện hạnh và công đức nơi túc nhân của đức Phật ấy. Vãng Sanh Luận nói: "Các thứ hoa thanh tịnh của Như Lai, hoa Chánh Giác hóa sanh" là nói về điều này).*

Đoạn này giới thiệu đại chúng từ mười phương vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh nói trong số đó có Thanh Văn chúng, Bồ Tát chúng, và nhân, thiên chúng. Chúng ta đã đọc thấy cách nói này

trong kinh Vô Lượng Thọ, đó là nói phương tiện; nói chân thật thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Bồ Tát. Nói Thanh Văn hay nói trời, người là có hai dụng ý:

1) Một là [nói về] thân phận [của những vị ấy] trước khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như chúng ta vãng sanh sẽ là nhân, thiên chúng. Nếu là người tu Tiểu Thừa chứng đắc từ Sơ Quả trở lên, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ được coi là Thanh Văn chúng. Đây là một cách nói.

2) Một cách nói khác là sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, [xét theo] công phu tu học đoạn chứng: Hoàn toàn chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, tuy là Bồ Tát, là Bồ Tát trong Viên Giáo từ địa vị Sơ Tín cho đến địa vị Lục Tín, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng đoạn hết, nên coi như nhân, thiên chúng. Từ Thất Tín đến mãn tâm Thập Tín được coi là Thanh Văn chúng. Từ Sơ Trụ trở lên sẽ là Bồ Tát chúng. Nói theo cách như vậy.

Nói theo công phu tu học đoạn chứng bèn có hai ý nghĩa ấy. Từ kinh Đại Bổn, chúng ta có thể thấy được những điều ấy.

Sự trang nghiêm trong thế giới Tây Phương chẳng giống thế giới này. Thế giới này được thành tựu bởi nhân duyên của nghiệp thiện ác. Do vì thế giới này người ác đông, người lành ít, trong tâm của kẻ bình phàm ác niệm nhiều, thiện niệm ít. Đối với tiêu chuẩn thiện ác, hễ khởi tâm động niệm mà niệm thứ nhất luôn nghĩ đến chính mình, nghĩ tới có lợi hay có hại cho chính mình, Phật pháp gọi niệm ấy là ác niệm. Trong hết thảy các thứ tạo tác của chúng ta, thứ nhất là nghĩ đến bản thân, nghĩ tới lợi ích của chính mình, đó là ác nghiệp, tạo tác ác nghiệp. Bồ Tát chẳng vậy! Bồ Tát niệm niệm nghĩ đến hết thảy chúng sanh, niệm niệm vì tạo phước cho hết thảy chúng sanh. Đó là sự nghiệp của Bồ Tát. Do đó, nhân duyên của hai thế giới khác hẳn. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những chỗ này, do chúng có mối quan hệ mật thiết đối với sự cầu sanh Tây Phương của chúng ta. [Điều này] thật sự đã cảnh tỉnh chúng ta, vãng sanh Tây Phương không chỉ là niệm một câu Phật hiệu, Phật hiệu phải niệm cho đắc lực. Đắc lực là như thế nào? Niệm đến mức tâm chúng ta thanh tịnh, những vọng tưởng Ngã và Ngã Sở dần dần phai nhạt. Phật hiệu có sức mạnh khắc phục những vọng niệm ấy thì mới có thể vãng sanh. Chúng ta thường nói là *"đới nghiệp vãng sanh"*.

Duyên của người trong thế giới Tây Phương thù thắng, *"giai bỉ Phật túc nhân nguyện hạnh công đức chi sở thành tựu"* (đều được thành

tựu bởi nguyện hạnh và công đức nơi túc nhân của đức Phật ấy), điều này thù thắng! *"Bỉ Phật"* là A Di Đà Phật. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi công đức nơi đại nguyện và đại hạnh của A Di Đà Phật trong đời quá khứ. Đó là chỗ khác hẳn các thế giới của hết thảy chư Phật trong mười phương, đó là một thế giới đặc biệt.

"Luận vân" (Luận nói), trong Vãng Sanh Luận có hai câu kệ là *"Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh"* [được sách Diễn Nghĩa giải thích như sau].

(Diễn) Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh giả, tịnh hoa tức thất tịnh hoa dã, Như Lai nhân trung tu thất tịnh hoa, quả thượng thành Phật.

(演)如來淨華眾，正覺華化生者，淨華即七淨花也，如來因中修七淨花，果上成佛。

*(**Diễn**: "Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh": "Tịnh hoa" là Thất Tịnh Hoa. Trong khi tu nhân, Như Lai tu bảy loại tịnh hoa, đắc quả là thành Phật).*

"Thất tịnh hoa" còn gọi là tịnh nghiệp, nêu ra bảy điều, nói hết sức cụ thể. *"Bảy"* mang ý nghĩa biểu thị pháp, chẳng phải là một con số cố định, mà là tượng trưng cho sự viên mãn. Nói cách khác, tư tưởng, kiến giải, và hành vi của chúng ta đều phải thanh tịnh. Như thế nào thì mới có thể đạt được thanh tịnh thật sự? Thanh tịnh viên mãn rốt ráo thì ắt phải xa lìa Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não. Đó là thanh tịnh viên mãn rốt ráo chỉ có Phật và các vị đại Bồ Tát mới chứng đắc. Chúng ta là kẻ sơ học, chẳng có cách nào đạt tới cảnh giới này. Chúng ta hy vọng trong một đời này, chẳng đạt đến viên mãn thì cũng có thể đạt được ít phần. Ít phần là phải đoạn trừ Kiến Tư phiền não. Dẫu chẳng thể đoạn thì nói chung Kiến Tư phiền não phải ngày càng nhạt mỏng hơn, như vậy là được. Ngày càng thật sự nhạt mỏng hơn, Phật hiệu bèn có sức mạnh; có điều kiện đới nghiệp vãng sanh như vậy thì mới có thể vãng sanh! Nếu Phật hiệu chẳng thể chế phục Kiến Tư phiền não, Phật hiệu sẽ biến thành phước báo hữu lậu trong thế gian, chẳng thể vãng sanh! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này. Trong nhân địa, hết thảy chư Phật đều tu tịnh nghiệp. *"Tu thất tịnh hoa"* là tu tịnh nghiệp; do đó, Ngài có thể thành Phật.

(Diễn) Cố Chánh Giác hóa sanh, Chánh Giác hoa chỉ tam thừa hiền thánh, dĩ tam thừa hiền thánh, tương lai thành Đẳng Chánh Giác, xưng Chánh Giác chi hoa dã.

(演)故正覺化生，正覺華指三乘賢聖，以三乘賢聖，將來成等正覺，稱正覺之花也。

*(**Diễn**: Vì thế, Chánh Giác hóa sanh: [Từ ngữ] Hoa Chánh Giác chỉ tam thừa hiền thánh, bởi tam thừa hiền thánh sẽ thành Đẳng Chánh Giác trong tương lai, nên gọi là "hoa Chánh Giác").*

Tam Thừa thánh nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đoạn Kiến Tư thì là Chánh Giác, A La Hán và Bích Chi Phật đều gọi là Chánh Giác. Lại đoạn Trần Sa thì là Chánh Đẳng Chánh Giác; phá sạch vô minh thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, gọi là *"Chánh Giác chi hoa"*.

(Diễn) Kinh vân: "Trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh lai sanh kỳ quốc" đẳng, chánh thử ý dã.

(演)經云：直心是菩薩淨土，菩薩成佛時，不諂眾生來生其國等。正此意也。

*(**Diễn**: Kinh nói: "Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chẳng siểm nịnh chúng sanh để họ sanh về nước mình" v.v… chính là ý này).*

Kinh Duy Ma nói *"trực tâm là đạo tràng"*. Trực tâm là Bồ Đề tâm; Bồ Đề bao gồm trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Vì thế, *"trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát"*. Khi Bồ Tát thành Phật, tuyệt đối chẳng bợ đỡ các chúng sanh. *"Siểm"* (諂) là siểm mị, bợ đỡ, [chư Phật] trọn chẳng mong cầu quý vị sanh về chỗ các Ngài. Quý vị ngàn vạn phần đừng nhìn sai lầm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chẳng cầu chúng ta, chỉ có chúng ta cầu Ngài. Ngài có nguyện, tuy có nguyện mà chẳng có tâm. Nếu A Di Đà Phật có tâm "ta đã phát nguyện khiến cho quý vị đều đến, cớ sao vẫn chẳng đến?" Vậy thì A Di Đà Phật sẽ biến thành phàm phu. A Di Đà Phật có nguyện, chẳng có tâm, chư vị nhất định phải biết điều này. Chúng ta học Phật cũng phải nên học theo tâm thái của Phật, chúng ta phát nguyện, chớ nên hằng ngày dùng vọng tâm để cầu đảo, [dùng vọng

tâm cầu khẩn] là sai mất rồi! Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều để cho nó mặc tình tùy duyên, chúng ta sẽ tự tại. Cũng có người nói "sống mặc tình tùy duyên sẽ khổ lắm!" Quý vị có cảm thụ sướng, khổ, sẽ chẳng thể mặc tình tùy duyên. Mặc tình tùy duyên là hai bên khổ và lạc đều bỏ. Nói cách khác, người ấy có chân lạc.

Khi Phật pháp chưa truyền sang Trung Hoa, chỉ có một người được Khổng lão phu tử tán thán là Nhan Hồi. Nhan Hồi sống cuộc đời rất kham khổ, *"nhất đan thực, nhất biều ẩm"* (một giỏ cơm, một bầu nước). *"Đan"* (簞) là một vật do trúc đan thành. Ông ta ăn cơm chẳng có chén bát, dùng giỏ để đựng cơm; uống nước chẳng có chén trà, dùng quả bầu [đựng nước]. Giỏ cơm, bầu nước, trong nhà chén bát đều chẳng có, nghèo đến mức như vậy! *"Cư lậu hạng"* (Sống trong ngõ nghèo hèn), Khổng lão phu tử nói *"nhân bất kham kỳ ưu"* (người khác chẳng thể chịu đựng nỗi lo âu ấy): Xét theo người bình phàm, cuộc sống ấy khổ quá, tất nhiên sẽ lo sầu, nhưng Nhan Hồi quên bẵng chuyện ấy, ông ta *"bất cải kỳ lạc"* (chẳng thay đổi niềm vui), suốt ngày từ sáng đến tối vui sướng khôn cùng. Ông ta vui bởi điều gì? Điều khiến ông ta vui sướng là đạo. Nếu chúng ta còn lo nghĩ cho cuộc sống, chẳng có đạo tâm, chẳng gọi là *"mặc sức tùy duyên"*.

Trong Phật môn, gia đình Bàng cư sĩ có thể nói là thật sự đắc đạo. Nhà ông ta vốn rất giàu có, vàng, bạc, của cải trong nhà đều vứt bỏ, không cần tới, chất toàn bộ lên một chiếc thuyền, chèo ra chỗ nước xoáy giữa sông, quăng chìm xuống nước, thảy đều từ bỏ. Có người hỏi ông: "Ngài chẳng cần những tài vật ấy, đem quyên tặng để làm một chút sự nghiệp từ thiện chẳng phải là rất tốt ư?" Lão nhân gia đáp: "Chuyện tốt chẳng bằng vô sự", để lại cho người đời sau câu danh ngôn ấy. Sau đấy, ông ta sống như thế nào? Bện thảo hài tức là dùng rơm rạ để bện thành giày. Bện một đôi giày rơm có thể bán được hai đồng, hai ba phân tiền, bện mấy đôi giày để bán hòng sống qua ngày hôm nay. Để sống ngày mai thì ngày mai lại làm việc. Nói theo bọn phàm nhân chúng ta sẽ là: "Sao mà khổ thế? Cuộc sống như vậy mà còn sống nổi ư?" [Thế nhưng] cả nhà ông ta vui sướng khôn sánh, người thế gian chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này!

Nay chúng ta học Phật, thường là trong ngân hàng hãy còn cất một ít tiền thì mới sống được, làm sao có thể sánh bằng cổ nhân? Nay chúng ta học Phật là vô ưu vô lự, có nhà để ở, cuộc sống chẳng thành vấn đề, an tâm học đạo. Người ta thứ gì cũng đều chẳng có, họ cũng an tâm học

đạo, tâm địa thật sự thanh tịnh, quyết định chẳng có tâm siểm nịnh. Nói cách khác, tham, sân, si, mạn thảy đều đoạn sạch, tâm địa thanh tịnh dường ấy! Tây Phương Cực Lạc thế giới tiếp dẫn loại chúng sanh nào? Chúng sanh thân tâm thanh tịnh, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Chúng ta phải biết điều này, thân tâm thanh tịnh, có nguyện vãng sanh, nhất định được vãng sanh.

(Sao) Nguyện giả.

(鈔) 願者。

*(**Sao**: Nguyện là…).*

Giải thích chữ *"nguyện hạnh"* trong đoạn trước *"bỉ Phật túc nhân nguyện hạnh công đức chi sở thành tựu"*. Trước hết, nói về Nguyện.

(Sao) Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần, tất giai như Phật".

(鈔)大本法藏願云：我作佛時，剎中菩薩，神通智慧辯才，相好威神，悉皆如佛。

*(**Sao**: Theo kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần của hàng Bồ Tát trong cõi nước đều giống như Phật").*

Đoạn này là một lời nguyện trong bốn mươi tám nguyện. Ở đây, tôi đặc biệt nhắc nhở các đồng tu, chúng sanh trong mười phương thế giới, bất luận là đường nào, mười pháp giới kể cả Phật pháp giới đều phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Chắc là có kẻ hỏi: "Đã thành Phật mà còn phải phát nguyện ư?" Đúng vậy, chẳng sai! Vì Phật có bốn loại, trừ Viên Giáo Phật ra, Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, và Biệt Giáo Phật đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Sanh Tịnh Độ để làm gì? Để thành Viên Giáo Phật. Vì những vị Phật [trong các giáo] khác, [trừ Viên Giáo ra], đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa đạt đến Vô Thượng; chỉ riêng Viên Giáo Phật mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy có thể biết, Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới cho đến chúng sanh trong ác đạo, nếu có duyên phận gặp gỡ bộ kinh điển này, người Hoa gọi "duyên phận" là "phước khí". Người ấy có phước khí gặp bộ kinh điển này, đã gặp rồi lại có thể lý giải, có thể tin tưởng, nương theo kinh điển này để tu

hành, sẽ có phần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy có thể vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn làm Bồ Tát. Sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, và oai thần của người đó giống như A Di Đà Phật, *"tất giai như Phật"* (thảy đều như Phật). Vì vậy, thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, chẳng thể nghĩ bàn; thật sự là pháp khó tin!

(Sao) Kim lai thành Phật, đắc toại sở nguyện dã.

(鈔)今來成佛，得遂所願也。

*(**Sao**: Nay đã thành Phật, bèn được toại nguyện).*

Đức Di Đà nay đã thành Phật; vì vậy, nguyện nào cũng đều được thực hiện, chẳng có nguyện nào là giả, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện cũng đều chân thật. Từ bốn mươi tám nguyện, có thể liễu giải trạng huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dưới đây là nói đến hạnh. Đã có nguyện thì còn phải có hạnh, dùng hạnh để thực hiện nguyện, phải làm được từng điều đại nguyện.

(Sao) Hạnh giả, Đại Bổn ngôn nhĩ thời Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành lục độ, quảng hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, hạnh kim thành tựu, hữu tư trang nghiêm dã.

(鈔)行者，大本言爾時法藏教化眾生，修行六度，廣行教化。致無量眾生，發菩提心，行今成就，有斯莊嚴也。

*(**Sao**: Hạnh là như kinh Đại Bổn nói lúc ấy, Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành lục độ, giáo hóa rộng rãi khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Nay hạnh thành tựu, nên có sự trang nghiêm như vậy).*

Đoạn này nói tới Hạnh. Trong nhân địa, không chỉ là A Di Đà Phật tự mình tu hành, ngoài việc tự mình tu hành ra, chuyện rất trọng yếu là *"giáo hóa chúng sanh"*, phải giúp đỡ người khác tu hành. Chư vị phải hiểu, giúp người khác là tự hành, tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Nếu chỉ có tự hành, không chịu hóa tha, tâm lượng chẳng dễ gì rộng mở, Ngã Chấp chẳng dễ gì phá trừ. Trong Bồ Tát hạnh, nói thật ra, giáo hóa chúng sanh còn quan trọng hơn tự hành, niệm

niệm nghĩ tới hết thảy chúng sanh, quên sạch chính mình, Ngã và Ngã Sở chẳng phá mà tự nhiên chẳng còn, tâm mới đạt được thanh tịnh. Tâm đạt được thanh tịnh bèn có cảm ứng, chúng ta gọi tâm thanh tịnh là "công phu thành phiến", đó là tâm thanh tịnh. Nếu chẳng có Kiến Tư phiền não, bèn đắc Sự nhất tâm bất loạn. Có thể phá một phẩm vô minh, bèn đắc Lý nhất tâm bất loạn. Tu tâm thanh tịnh từ chỗ nào? Tôi khuyên các đồng tu niệm niệm vì hết thảy chúng sanh, chớ nên vì chính mình. Vì chính mình, nói thật thà, sẽ là niệm câu A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là vì chính mình. Vì chính mình thì chỉ có một chuyện này. Trừ chuyện này ra, niệm niệm đều nhằm lợi ích chúng sanh.

Tất cả hết thảy những thứ sắp đặt và thiết bị trong đạo tràng của chúng ta đều nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng phải vì chính mình. Nếu có một niệm "đạo tràng là của chính mình", sai mất rồi, sai lầm quá đỗi! Mỗi người trụ trong đạo tràng này, tục ngữ thường nói: *"Thiết đả thường trụ, lưu thủy tăng"* (Chúng thường trụ như sắt rèn, tăng như nước chảy), [ý nói] thường trụ là vĩnh viễn ở nơi này, còn chúng ta cư trụ ở chỗ này, đến đến đi đi thì là *"lưu thủy tăng"*. Tuy là lưu thủy tăng, ta trụ ở đây một ngày, bèn có trách nhiệm yêu mến bảo vệ một ngày, có trách nhiệm chăm sóc một ngày. Yêu thương, bảo vệ, chăm sóc là lợi ích hết thảy chúng sanh. Thường trụ dọn dẹp sạch sẽ, sắp đặt bàn ghế ngay ngắn để đại chúng đến cộng tu ở chỗ này, đó là lợi ích hết thảy chúng sanh. Đấy chính là ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Ngàn muôn phần đừng nghĩ ta trụ nơi đây chưa tới hai ngày, nơi đây chẳng liên quan gì đến ta, [nghĩ như vậy] là sai mất rồi! Quý vị vẫn là tự tư tự lợi, tâm lượng quá nhỏ hẹp. Do đó, điều này có ý nghĩa hết sức sâu xa!

Câu tiếp theo nói đến tổng cương lãnh trong sự giáo hóa chúng sanh của Phật, Bồ Tát, *"tu hành lục độ"*. Lục độ là vô lượng hạnh môn của Bồ Tát được quy nạp lại, chẳng ngoài sáu loại lớn ấy.

1) Thứ nhất là bố thí. Bố thí là buông xuống; thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, buông đến tột cùng. Thưa cùng quý vị, buông tất cả phiền não xuống, quý vị sẽ chẳng có phiền não. Nay quý vị có phiền não là vì quý vị chẳng chịu buông xuống. Hãy buông sanh tử xuống, nay quý vị có sanh có tử là vì quý vị chẳng chịu buông sanh tử xuống. Buông luân hồi xuống, mười pháp giới cũng buông xuống, vì sao? Vì những thứ ấy đều là vọng tưởng, quyết định chẳng phải là sự thật. Phiền não là vọng tưởng, sanh tử là vọng tưởng, luân hồi là vọng tưởng,

mười pháp giới vẫn là vọng tưởng, buông xuống bèn tự tại.

2) Thứ hai là trì giới. Trì giới là vâng giữ luật lệ. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta: *"Phật pháp ở trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian"*. Bản thân chúng ta buông hết thảy thân, tâm, thế giới xuống, xác thực là siêu phàm nhập thánh, chẳng phải là phàm phu, mà là thánh nhân. Tuy là thánh nhân, chúng ta vẫn sống trên thế gian, vẫn ở cùng một chỗ với đại chúng, tâm chúng ta thanh tịnh, họ chẳng thanh tịnh. Vì thế, pháp thế gian có pháp lệnh, quy định, quan niệm đạo đức, phong tục, tập quán, thứ gì chúng ta cũng đều phải tuân thủ. Không chỉ là tuân thủ, mà còn tuân thủ rất nghiêm ngặt, nêu gương, làm mẫu cho người thế gian. Mỗi người đều vâng giữ khuôn phép, xã hội sẽ hòa thuận, thiên hạ thái bình. Bồ Tát đại từ đại bi giáo hóa chúng sanh, giữ lễ, giữ pháp. Có thể thấy dụng ý này rất sâu!

3) Thứ ba là nhẫn nhục. Nhẫn nhục là nhẫn nại, bất luận chuyện gì cũng đều phải nhẫn. Nói thật ra, Bồ Tát buông xuống hết thảy, há còn có gì phải nhẫn? Đối với Bồ Tát mà nói, nhẫn chẳng có ý nghĩa gì hết! Tuy Ngài chẳng phải nhẫn, cũng phải ra dáng nhẫn, tức là phải làm ra vẻ nhẫn nhục cho người khác thấy. Không chỉ là ngôn giáo (dạy bằng lời nói), mà còn có thân giáo, tức là chính mình nêu gương cho đại chúng nhìn vào. Có rất nhiều người nghe mấy câu chẳng đẹp lòng cho lắm, trở về bực tức, cáu kỉnh nhiều ngày, đó là như thế nào? Chẳng thể nhẫn! Đó gọi là *"tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu"* (chuyện nhỏ mà không nhẫn được, sẽ hỏng những điều mưu tính to lớn). Kinh Kim Cang dạy: *"Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn"* (Hết thảy pháp do Nhẫn mà thành tựu). Nếu muốn thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng kiên nhẫn sẽ không thể thành công.

Ví như niệm Phật, mỗi ngày niệm một vạn câu Phật hiệu. Quý vị thiếu kiên nhẫn sẽ chẳng niệm được. Mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ hai lần, thiếu kiên nhẫn sẽ chẳng niệm được, nhất định phải nhẫn nại. Chuyện thế gian và xuất thế gian đều phải nhẫn nại! Nhẫn nhục là tiền phương tiện của Thiền Định, và cũng là công phu dự bị. Chẳng thể nhẫn, chẳng thể đắc định. Nói thật ra, trong Phật môn, đích xác chẳng có cách nào lừa gạt người khác. Ví dụ như có người khoe chính mình có công phu định lực rất sâu, quý vị nói mấy câu chẳng trúng ý kẻ ấy, coi thử kẻ đó có bực tức hay hông? Hễ kẻ ấy nổi cáu tức là công phu định lực giả trất, chẳng thật. Người đắc Định làm sao tức giận cho được? Chẳng thể nào! Người có thể nhẫn sẽ chẳng nổi nóng. Chửi người ấy mấy câu,

người ấy vẫn bực bội thì tức là chẳng có công phu định lực. Không chỉ chẳng có công phu định lực, mà nhẫn nhục cũng chẳng tu đến mức, còn nói đến định chi nữa! Vì thế, khảo nghiệm kiểu này là lộ rõ ngay!

4) Sau khi đã có thể nhẫn thì mới có tinh tấn, cũng có nghĩa là mới có tiến bộ. Kẻ chẳng thể nhẫn, chẳng nói tới chuyện tiến bộ được! Hết thảy các pháp đều có thể nhẫn, đạo nghiệp của người ấy rất tiến bộ. Điều khẩn yếu của tiến bộ là như đức Phật đã yêu cầu chúng ta, phải tinh tấn. *"Tinh"* là tinh thuần. Phải nên tinh tấn, chớ nên tạp tấn. Tạp là tạp loạn, rối ren. Tuy mỗi ngày đều có tiến bộ, nhưng chẳng có tác dụng, không thể thành tựu, luống uổng công phu, mà cũng uổng phí thời gian.

5) Sau đấy mới có thể đắc Thiền Định.

6) Có Thiền Định thì mới có thể sanh ra trí huệ. Trí huệ sanh từ Thiền Định.

Đó là sáu đại cương lãnh để Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh.

"Quảng hành giáo hóa": Dùng sáu đại cương lãnh này để phổ biến, mở rộng, giáo hóa trong hết thảy các pháp giới khắp mười phương. *"Trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm"* (Khiến cho hết thảy chúng sanh phát Bồ Đề tâm): Sau khi chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát, họ bị cảm động, từ đấy trở đi bèn quay đầu, giác chứ không mê, đó là phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là giác tâm, từ đấy trở đi, người ấy sẽ chẳng mê hoặc, điên đảo, đã giác ngộ. Đó là giác tâm. *"Hạnh kim thành tựu, hữu tư trang nghiêm dã"* (Nay hạnh đã thành tựu bèn có sự trang nghiêm như thế). Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần như mỗi vị Bồ Tát đều là thượng hành, hạ hóa, vì thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo và oai thần của các Ngài đều chẳng sai khác đức Phật cho mấy. Nhất là thần thông chẳng thể nghĩ bàn, có thể phân thân vô lượng. Bản thân ở trước đức Phật nghe Phật thuyết pháp, phân thân đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh. Phân thân chẳng là phân ra một thân, mà là phân thành vô lượng thân. Nơi nào chúng sanh có cầu, Ngài bèn hiện thân giáo hóa. Trong tâm chúng sanh mong mỏi thân gì, Ngài bèn hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. *"Tùy thuận cái tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ"*, kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thần thông, trí huệ và biện tài như vậy, họ đều làm được. Vì lẽ đó, pháp môn này (pháp môn Tịnh Độ) và thế giới này (cõi Cực Lạc) thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm thù thắng khôn

sánh. Đó là giảng giải câu *"thành tựu như thị công đức trang nghiêm"*.

(Sao) Tịnh hoa chúng giả, như Tịnh Danh kinh.
(鈔)淨華眾者，如淨名經。
*(**Sao**: "Tịnh hoa chúng" là như kinh Tịnh Danh [đã nói]).*

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cật.

(Sao) Thất chủng tịnh hoa.
(鈔)七種淨華。
*(**Sao**: Bảy thứ hoa thanh tịnh).*

Cũng là bảy thứ tịnh nghiệp. "*Hoa*" tượng trưng cho cái nhân. Thực vật nở hoa trước, kết quả sau, nên nhà Phật dùng hoa để biểu thị nhân hạnh. *"Nhân viên quả mãn"*: Nếu nhân đã tu viên mãn bèn kết quả. Đây là tỷ dụ Bồ Tát hạnh như hoa. Chúng ta thấy hoa, bèn nghĩ phải tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh, nói cụ thể thì ở đây bèn nói ra bảy thứ. Phải hiểu ý nghĩa này, không chỉ là thấy hoa trong Phật đường [bèn biết] nó biểu thị pháp, biểu thị Bồ Tát hạnh. Hễ thấy hoa, bèn nghĩ ta phải tu bảy hạnh ấy. Quý vị rời khỏi Phật đường, thấy hoa bên ngoài thì cũng phải nghĩ tới [Bồ Tát hạnh]. Không chỉ là ở bất cứ nơi đâu, hễ trông thấy hoa bèn nghĩ tới, mà [nhìn thấy] hoa giả chế tạo bằng thủ công cũng là hoa, thậm chí quần áo mặc trên người có hoa, cũng là hoa. Chỉ cần trông thấy hoa, bèn nghĩ tới bảy thứ tịnh hoa được nói ở đây, quý vị phải nghĩ tới. Thời thời khắc khắc chẳng quên tịnh hạnh, tu tịnh nghiệp, đó là đúng. Chớ nên nghĩ cúng hoa trước Phật thì mới là biểu thị pháp, [còn những hoa] chẳng ở trước Phật bèn chẳng biểu thị pháp! [Nếu nghĩ như vậy thì] sai mất rồi! Học Phật đừng học ngây ngốc như vậy, lìa khỏi Phật đường bèn chẳng có Phật pháp, sao lại như thế được? Phật pháp không lúc nào, không chỗ nào chẳng tồn tại. Do đó, không lúc nào, không chỗ nào chẳng phải là đạo tràng của Bồ Tát.

(Sao) Nhất giả, giới tịnh, tam nghiệp tịnh cố.
(鈔)一者戒淨，三業淨故。
*(**Sao**: Một là giới tịnh, do ba nghiệp thanh tịnh).*

Là trì giới.

(Diễn) Giới tịnh, vị thân khẩu ý thỉ chung thanh tịnh, tức Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng dã.

(演)戒淨，謂身口意始終清淨，即正語正業正命也。

*(**Diễn**: Giới tịnh có nghĩa là thân, miệng, ý từ đầu tới cuối thanh tịnh, tức là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng).*

"Thân" là tạo tác, cử chỉ, hành động nơi thân thể. *"Khẩu"* là ngôn ngữ; *"ý"* là tư tưởng kiến giải, ý là nói tới tâm. Trong *"giới tịnh"* ở đây, điều quan trọng nhất là ý nghiệp thanh tịnh, vì ý nghiệp đã thanh tịnh, thân và miệng chẳng thể nào không thanh tịnh. Phật, Tổ dạy chúng ta *"trì giới niệm Phật"*. Hiện thời trong xã hội này, cho đến trong thế giới ngày nay, nói đến chuyện trì giới, kẻ bình phàm rất khó tiếp nhận, nhất là hiện thời đang nói đến dân chủ, tự do, mỗi cá nhân đều làm chủ, ai giữ giới của ai? Ai cũng chẳng muốn giữ giới của ai hết, chuyện này khó lắm. Thích Ca Mâu Ni Phật chế định giới luật, nhưng nói thật ra, giới luật chẳng do Ngài chế định, quý vị nói Ngài chế định, oan uổng quá! Ngài còn phải khởi tâm động niệm chế định các giới điều cho chúng ta thì nói thật thà, Ngài là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Giới luật do đâu mà có? Giới luật là Tánh Đức trong bản tánh của hết thảy chúng sanh, [thế nhưng] chúng ta không biết, chúng ta đã mê, Ngài thấy rõ ràng, rành rẽ, bèn nói cho chúng ta biết từng điều một. Đó là lương tri, lương năng vốn trọn đủ trong bản tánh của chúng ta, Ngài chế định ở chỗ nào? Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rất rõ ràng: Trong bốn mươi chín năm, Ngài chưa hề thuyết pháp một câu nào! Há Ngài chế định giới luật gì ư? Do vậy có thể biết, chế định hết thảy giới luật, hết thảy kinh luận ngôn ngữ đều do tự tánh tự nhiên lưu lộ, tuyệt đối chẳng hề khởi tâm động niệm. Vì thế, Ngài thanh tịnh.

Do vậy có thể biết, giới là thanh tịnh, nay chúng ta ba nghiệp thân, ngữ, ý, đều chẳng tịnh, chúng ta giữ giới thanh tịnh sẽ có thể khôi phục tự tánh thanh tịnh của chúng ta. Cổ đức nói: *"Thanh thủy châu đầu ư trược thủy, trược thủy bất đắc bất thanh"* (Thanh thủy châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong), chính là đạo lý này. Thanh thủy châu (清水珠) là gì? Là giới luật. Nay tâm chúng ta chẳng thể thanh tịnh, có cần dùng phương pháp này để thanh tịnh cái tâm hay không? Làm thế nào để có thể khiến cái tâm ta thanh tịnh? Đức Phật trao cho quý vị tịnh thủy châu, quý vị chẳng tin, chẳng muốn dùng nó, vậy là chẳng có cách nào cả! Chúng ta phải biết giá trị! Có rất nhiều người

không hiểu chuyện, nên thấy giới luật trói buộc con người, bảo "lễ do Nho gia chế định là thứ lễ giáo ăn thịt người", há có nghiêm trọng như vậy ư? Hiện thời, lễ bị vứt bỏ, hằng ngày kèn cựa lẫn nhau!

(Sao) Nhị giả tâm tịnh, phiền não kết lậu tận cố.

(鈔)二者心淨，煩惱結漏盡故。

*(**Sao**: Hai là tâm tịnh, do đã hết phiền não, kết lậu).*

Thứ hai là tâm tịnh.

(Diễn) Tâm tịnh, vị tam thừa chế phiền não, đoạn kết lậu tận, tức Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định dã.

(演) 心淨，謂三乘制煩惱，斷結漏盡，即正精進正念正定也。

*(**Diễn**: Tâm tịnh nghĩa là tam thừa chế ngự phiền não, đoạn sạch kết lậu, tức là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định).*

Dùng Bát Chánh Đạo để giải thích tâm thanh tịnh. Tam Thừa là nói Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Ba hạng người này có thể chế phục phiền não. *"Chế"* (制) là chế phục phiền não, ở đây là Kiến Tư phiền não. Người ấy biết nhất định phải dùng lý trí để khắc phục phiền não. *"Phiền não"* là cảm tình dục vọng xung động, là tập khí từ vô thỉ kiếp tới nay, nó tự nhiên có thể tác động. Nhất là trong xã hội hiện thời được gọi là "xã hội rộng mở", cũng là xã hội tự do, chẳng có ước thúc, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá to. Chư vị phải biết: Vào thời đại đế vương xưa kia, tuy chuyên chế, nhưng chẳng cho phép dụ dỗ, mê hoặc con người tạo nghiệp, cấm chỉ dấy lên ác niệm hoặc dấy lên tham, sân, si, vì sao? Ngăn ngừa từ những điều sai trái nhỏ nhặt, chấm dứt những thói xấu đang manh nha, xã hội mới có thể đạt đến an ninh thật sự.

Ba mươi năm trước, có người hỏi tiên sinh Phương Đông Mỹ: "Phải làm như thế nào để phục hưng văn hóa Trung Hoa?" Lão nhân gia nói: "Trước hết, nhất loạt đình bản báo chí và tạp chí trên cả nước, nhất loạt dẹp bỏ các đài phát thanh và truyền hình". Khi đó, các quan chức thuộc Bộ Giáo Dục nghe nói đều lắc đầu, chẳng làm chuyện ấy được! Cụ Phương nói: "Vậy là chẳng có cách nào hết! Những thứ ấy hằng ngày dụ dỗ, mê hoặc người ta tạo tác tham, sân, si, mạn, phá hoại văn hóa cố hữu

của Trung Hoa. Quý vị chẳng nhổ trừ tận gốc những thứ phá hoại văn hóa, sẽ chẳng có cách nào khôi phục!" Nhìn từ chỗ nào, [quý vị nghĩ xem] có thể phục hưng văn hóa cố hữu hay không? Chẳng thể nào! Quá khứ vĩnh viễn trôi qua, chẳng thể nào khôi phục lại. Chỉ có một số rất ít người thật sự tự mình giác ngộ, họ đọc sách cổ, làm theo giáo huấn của cổ nhân, cá nhân người ấy được lợi ích. Chẳng thể nào giống như xưa kia, dùng phương thức chánh trị và mệnh lệnh có thể buộc hết thảy đại chúng trong toàn thể xã hội cùng nhau học tập, hiện thời chẳng thể làm như vậy được!

Phải biết khắc phục phiền não của chính mình, khắc phục dục vọng của chính mình. Hễ có những chuyện xung động, dẫn khởi [phiền não, dục vọng], chính mình phải ngay lập tức nghĩ đến hậu quả, hậu quả của tham, sân, si, mạn là trong tam đồ. Cổ nhân nói là *"đao đầu thỉ mật"* (nếm mật ở lưỡi đao): Đao sắc bén, trên lưỡi đao bôi một chút mật, quý vị liếm nó, nếm vị ngọt thì lưỡi cũng bị xén đứt, cái được chẳng thể bù nổi cái mất. Huống hồ có phải là có chân lạc hay không? Quyết định là chẳng có, những gì quý vị đạt được đều là khổ. Những gì đạt được trong hiện tiền là khổ, tương lai càng khổ hơn, có mấy ai biết? Người thế gian mê hoặc, điên đảo, chẳng biết đó là khổ, ngỡ khổ là chuyện vui, mai sau còn có nỗi khổ to tát đang chờ đợi họ, chính là quả báo trong tam đồ. Chỉ có Tam Thừa, đó là [những bậc] Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, họ không mê, đã hiểu rõ, cho nên trong tâm họ vừa khởi tâm động niệm, bèn lập tức có thể chế phục. Niệm thứ nhất là vọng niệm, không sao cả, cổ nhân thường nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*, quý vị phải giác nhanh chóng! Niệm thứ hai là giác, ý niệm bèn chuyển, người niệm Phật chúng ta chuyển niệm thứ hai thành A Di Đà Phật.

Trong xã hội hiện tại, sức dụ dỗ, mê hoặc quá lớn, cơ hội quá nhiều, nên tôi nói với người khác: Trong gia đình, hễ là những nơi thường xuyên hoạt động ở đó, hãy dán hình Phật, Bồ Tát khắp nơi. Đừng nghĩ làm như vậy là thiếu cung kính, chẳng có gì thiếu cung kính! [Làm như vậy] để thời thời khắc khắc cảnh giác chính mình, ta sẽ quay đầu. Như vậy là đúng. Chúng tôi in rất nhiều tượng Phật, rất nhiều danh hiệu Phật, để mọi người đem dán khắp nơi, khiến cho quý vị trong mười hai thời, mắt có thể tiếp xúc, tai có thể nghe. Chúng ta dùng máy niệm Phật, dùng băng thâu âm, không gì chẳng nhằm thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị quay đầu! Vọng niệm thứ nhất dấy lên, vọng niệm thứ hai bèn trở về A Di Đà Phật. Nếu nghi ngại là cung kính hay chẳng cung kính thì

nói cách khác, vọng niệm của quý vị sẽ tăng trưởng; đó chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Ý nghĩa của Phật là mong cho chúng ta trong mười hai thời thân tâm thanh tịnh. Do vậy, phải hiểu ý nghĩa thật sự và tầm trọng yếu của việc chế phục phiền não.

"Đoạn kết lậu tận", "Kết" (結) là tên gọi chung của phiền não, khởi đầu là chế phục, chế phục đến cuối cùng sẽ đoạn. Người thế gian thường nói: "Trong tâm có kết (có điều vấn vít)". Kết là gì? Nói đơn giản là chấp trước, nghĩ không thông, cứ lẩn quẩn suy lường, đó là Kết. Kết ở chỗ nào? Quý vị tìm thử xem, có tìm được Kết hay chăng? Giải phẫu toàn thể thân tâm, coi thử trong tế bào nào có Kết? Tìm chẳng thấy! Vì thế, nói cho quý vị biết: Kết là giả, chẳng thật, nó là vọng tưởng, nhất định phải đoạn trừ. *"Lậu tận"* (漏盡) là đoạn sạch phiền não, đoạn hết Kiến Tư phiền não. Đó là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định trong Bát Chánh Đạo.

(Sao) Tam giả, kiến tịnh, kiến pháp chân tánh, bất khởi vọng tưởng cố.

(鈔)三者見淨，見法真性，不起妄想故。

*(**Sao**: Ba là kiến tịnh, vì thấy chân tánh của pháp, chẳng dấy lên vọng tưởng).*

"Kiến" (見) là kiến giải. Giới phải tịnh, giới là khuôn phép trong cuộc sống. Nói cách khác, là hành vi trong cuộc sống. Hành vi trong cuộc sống phải thanh tịnh, tâm phải thanh tịnh, kiến giải phải thanh tịnh.

(Diễn) Kiến tịnh, vị kiến nhất thiết pháp chi chân tánh, bất khởi vọng tưởng, tức Chánh Kiến, Chánh Tư Duy dã.

(演)見淨，謂見一切法之真性不起妄想，即正見正思惟也。

*(**Diễn**: Kiến tịnh là thấy chân tánh của hết thảy các pháp, chẳng khởi vọng tưởng, tức là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy).*

Hết thảy các pháp, bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chúng ta đối với pháp thế gian chẳng mê, mà đối với pháp xuất thế gian cũng không mê. Có rất nhiều người học Phật chẳng mê pháp thế gian, [điều này] chẳng dễ dàng, khó có, nhưng lại mê nơi Phật pháp, bị

Phật pháp mê. Kẻ ấy vẫn mê y hệt, [chỉ là] thay đổi đối tượng, đổi pháp thế gian thành pháp xuất thế gian, vẫn là vô dụng! Phật pháp là phá mê khai ngộ, chẳng bảo quý vị thay đổi đối tượng! Vì vậy, sau khi thật sự giác ngộ, *"Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ"*, nói rõ pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều chẳng mê! Kinh luận không gì chẳng nhằm giúp quý vị minh tâm kiến tánh mà thôi! Trong kinh luận chẳng có tâm tánh, trong kinh luận chẳng có Phật pháp, Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp ở ngay trong tâm quý vị, nhằm dạy quý vị hãy tự ngộ, tự độ. Nói *"Phật chẳng độ chúng sanh"* là do ý nghĩa này. Vì thế, kiến giải phải thanh tịnh.

"Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm", đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng dấy lên một niệm. Dấy lên một niệm đều là vọng niệm. Chẳng dấy niệm, kiến giải sẽ thanh tịnh. Ba điều trên đây (giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh) đều thuộc về Tự Phần. Tự Phần là chính mình, tự tu!

(Sao) Tứ giả độ nghi tịnh, kiến thâm nghi đoạn cố.

(鈔)四者度疑淨，見深疑斷故。

*(**Sao**: Bốn là độ nghi tịnh, là kiến giải sâu xa, nghi hoặc đoạn trừ).*

"Nghi" (疑) là nghi hoặc, là tham, sân, si, mạn, nghi trong phiền não. Nếu chẳng đoạn trừ nghi, trong tu hành cũng bị chướng ngại rất lớn.

(Diễn) Độ nghi tịnh giả, nhược kiến vị thâm, đương thời tuy liễu, hậu hoặc sanh nghi; nhược kiến thâm nghi đoạn, danh độ nghi tịnh.

(演)度疑淨者，若見未深，當時雖了，後或生疑；若見深疑斷，名度疑淨。

*(**Diễn**: "Độ nghi tịnh": Nếu kiến giải chưa sâu, tuy trong lúc ấy đã hiểu, về sau có lẽ sanh nghi. Nếu kiến giải đã sâu, nghi đã đoạn, bèn gọi là "độ nghi tịnh").*

Chư vị thấy mấy câu này liền suy nghĩ: Có lúc chúng ta nghe kinh dường như nghe rất hiểu, sau khi ra khỏi cổng lại hoài nghi. Vài hôm sau càng nghi sâu hơn, hoàn toàn chẳng tin nữa! Đó là do kiến giải chẳng thấu triệt, chưa hiểu rõ lý luận, nên mới có hiện tượng này. *"Kiến thâm"* là thâm nhập pháp tạng (tôi chẳng nói là "kinh tạng"). Thật sự thấu hiểu thật sâu kinh luận thì mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín. Phương pháp

thâm nhập pháp tạng rất nhiều. Phương pháp thứ nhất là quyết định chẳng hoài nghi, dùng tâm thanh tịnh để đọc tụng, cứ niệm từng lượt một. Niệm suốt ba năm, hay niệm suốt năm năm, mười năm, không nhất định là do cơ duyên nào, quý vị bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì sao? Quý vị kiến giải đã sâu. Khi đọc bèn thâm nhập một môn, suốt một đời niệm một bộ kinh, [hễ chỉ niệm] một bộ kinh bèn khai ngộ. Lại tiếp xúc hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, Hậu Đắc Trí sẽ viên mãn, không gì chẳng biết. Nhưng muốn thật sự đạt tới đại triệt đại ngộ, không gì chẳng biết, nhất định là phải thâm nhập một môn. Vì vậy, *"độ nghi tịnh"* là từ thâm nhập một môn. Phương pháp khác là nghe giảng, nghe giảng cũng phải là nghe chẳng ngừng. Tốt nhất là nghe một bộ kinh. Nhưng cơ duyên này rất khó có; hiện thời, dễ hơn đôi chút, có băng thâu âm, nghe đi nghe lại từng lượt một, còn có cơ hội như vậy. Xưa kia khó khăn! Trước kia, trong các đại tùng lâm, các vị tổ sư đại đức hễ giảng kinh bèn giảng một bộ. Rất nhiều vị pháp sư suốt đời giảng một bộ kinh, giảng xong lại giảng từ đầu. Như Thanh Lương đại sư suốt đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lượt, mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ, mỗi năm có thể giảng một bộ, giảng từ đầu đến cuối một lượt tối thiểu phải hơn ba ngàn giờ. Mỗi năm giảng một lượt, Ngài giảng suốt năm mươi năm, năm mươi lần là giảng suốt năm mươi năm. Lão nhân gia trường thọ, Ngài sống hơn trăm tuổi. Quý vị nghĩ xem tâm ấy có thanh tịnh lắm không? Kinh Di Đà tuy ngắn, cổ đại đức có vị suốt đời giảng ba bốn trăm lần cũng là giảng cùng một bộ kinh. Đấy mới là thật sự thực hiện *"kiến thâm, nghi đoạn"*. Đó là *"độ nghi tịnh"*. Chính mình chẳng nghi ngờ thì mới có thể giáo hóa chúng sanh. Tâm thái và ngôn ngữ giáo hóa chúng sanh của quý vị mới là chém đinh, chặt sắt, khẳng định, chẳng khiến cho người khác nghe xong băn khoăn đôi ngả, do dự không quyết, chẳng đạt được lợi ích.

(Sao) Ngũ giả phân biệt đạo tịnh, thị đạo nghi hành, phi đạo nghi xả cố. Lục giả hành đoạn tri kiến tịnh, sở hành sở đoạn thông đạt cố.

(Diễn) Hành đoạn tri kiến tịnh giả, hành vị khổ nan, khổ dị, lạc nan, lạc dị, tứ hành dã. Đoạn vị đoạn chư kết dã, học địa trung bát trí, vị năng tự tri sở hành sở đoạn, ký đắc vô học, tận trí vô sanh trí tất tự tri kiến, sở hành sở đoạn, thông đạt phân minh, thị danh hành đoạn tri kiến tịnh.

(鈔)五者分別道淨，是道宜行，非道宜捨故。六者行斷知見淨，所行所斷通達故。

(演)行斷知見淨者，行謂苦難、苦易、樂難、樂易，四行也。斷謂斷諸結也，學地中八智，未能自知所行所斷，既得無學，盡智無生智悉自知見，所行所斷，通達分明，是名行斷知見淨。

*(**Sao**: Năm là phân biệt đạo tịnh: Đúng là đạo thì hãy nên hành; chẳng phải là đạo thì hãy nên bỏ. Sáu là hành đoạn tri kiến tịnh vì thông đạt những điều nên hành, nên đoạn.*

***Diễn**: "Hành đoạn tri kiến tịnh": Hành có nghĩa bốn hạnh khổ khó, khổ dễ, lạc khó, lạc dễ. "Đoạn" là đoạn các kết (phiền não). Nơi địa vị hữu học, đối với tám trí chưa thể tự biết những điều đã hành, đã đoạn của chính mình. Đã đạt đến Vô Học thì đối với Tận Trí và Vô Sanh Trí đều tự hay biết, thông đạt phân minh những điều đã hành, đã đoạn. Đó gọi là "hành đoạn tri kiến tịnh").*

"Bát trí" là nói theo Tiểu Thừa. Trong Giáo Thừa Pháp Số, Thiên Thai Tứ Giáo Nghi và Phật Học Từ Điển đều có [giảng giải các danh từ này]. Ở đây, tôi giới thiệu đơn giản tám danh từ ấy:

1) Thứ nhất là Tật Trí, Tật (疾) là nhanh chóng, biết rất nhanh, chẳng cần tự suy nghĩ, xem xét. Hễ tiếp xúc bèn biết.

2) Thứ hai là Thượng Trí (上智), có thể thấy nó chẳng phải là trí huệ bình phàm. Nay chúng ta nói là "trí huệ cao cấp".

3) Thứ ba là Lợi Trí (利智), Lợi là trong *"lợi độn"* (nhạy bén hay chậm lụt).

4) Thứ tư là Thâm Trí (深智).

5) Thứ năm là Giải Thoát Trí (解脫智).

6) Thứ sáu là Bất Cộng Trí (不共智).

7) Thứ bảy là Quảng Phổ Trí (廣普智).

8) Thứ tám là Tất Cánh Trí (畢竟智).

Tám trí này phát xuất từ kinh Niết Bàn. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, trong địa vịa Hữu Học, tức là quý vị còn chưa chứng quả, từ Tiểu Thừa Tam Quả trở xuống, đối với tám thứ trí ấy hoàn toàn chẳng hiểu rõ. Chính mình có phải là học như vậy hay không, có phải là tu học viên mãn hay chưa? Rốt cuộc công phu đạt đến mức độ nào, chứng đắc

mấy phần? Người ấy hoàn toàn chẳng biết. Phải là đã chứng quả A La Hán, mới hiểu rành rẽ tám trí ấy, đó gọi là *"hành đoạn tri kiến tịnh"*.

(Sao) Thất giả, Niết Bàn tịnh, dĩ Vô Học cố.

(鈔)七者涅槃淨，以無學故。

*(**Sao**: Bảy là Niết Bàn tịnh vì đã thuộc địa vị Vô Học).*

Vô Học là đã tốt nghiệp. Vô Học có Tiểu Thừa và Đại Thừa [sai khác]. [Vô Học trong] Tiểu Thừa là Tứ Quả La Hán, đó là Vô Học. Đại Thừa là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, Ngài đã tốt nghiệp pháp Đại Thừa, nên Vô Học (chẳng còn phải học nữa). Chúng ta thường nói Đại A La Hán thì Đại A La Hán là Thập Địa Bồ Tát. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 203

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ năm:

(Sao) Nguyện giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần, tất giai như Phật", kim lai thành Phật, đắc toại sở nguyện dã. Hạnh giả, Đại Bổn ngôn: "Nhĩ thời Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành Lục Độ, quảng hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm", hạnh kim thành tựu, hữu tư trang nghiêm dã.

(鈔)願者，大本法藏願云：我作佛時，剎中菩薩，神通智慧辯才，相好威神，悉皆如佛，今來成佛，得遂所願也。行者，大本言：爾時法藏教化眾生，修行六度，廣行教化，致無量眾生，發菩提心，行今成就，有斯莊嚴也。

*(**Sao**: "Nguyện": Theo kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong cõi nước thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần thảy đều như Phật", nay đã thành Phật, sở nguyện đã toại. "Hạnh": Kinh Đại Bổn chép: "Khi ấy, Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành Lục Độ, giáo hóa rộng rãi khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm". Nay hạnh đã thành tựu, nên có sự trang nghiêm như vậy).*

Đoạn này nhằm giảng rõ nguyện và hạnh được đề cập trong lời Sớ. Kinh chép: *"Thành tựu như thị công đức trang nghiêm"* (Thành tựu công đức trang nghiêm như thế), công đức trang nghiêm được thành tựu như thế nào? A Di Đà Phật tu nhân, chứng quả là do đại nguyện và đại hạnh từ vô lượng kiếp đến nay tạo thành. Vì sao phải cầu sanh Tây Phương? Chẳng cầu sanh Tây Phương, chúng ta có thể thành tựu hay không? Nói theo lý luận, chẳng cầu sanh Tây Phương vẫn có thể thành tựu; nhưng nói theo thực tế, đúng là rất khó thành tựu, nhất định phải có hoàn cảnh kha khá làm Tăng Thượng Duyên cho sự tu học. Trong các cõi Phật, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi chốn tu hành lý tưởng nhất; nguyên nhân hết sức nhiều, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ rệt điều này! Các vị Pháp Thân đại sĩ trong mười phương thế giới đều cầu sanh Cực Lạc, chúng ta thường thấy chuyện này [được đề cập] trong kinh Đại Thừa. Kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng phải là ngoại lệ. Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều tuân thủ lời khuyên dạy của Phổ Hiền Bồ Tát mà cầu sanh Tây Phương, chính Phổ Hiền và Văn Thù cũng tự cầu sanh Tây Phương. Chúng ta cũng nên suy nghĩ cho kỹ! Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, vì sao vẫn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Các vị Đại Bồ Tát còn phải sanh về thế giới Tây Phương là do hai nguyên nhân:

1) Một là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn là Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa chứng đắc Vô Thượng. Trừ điều này ra, các Ngài còn cầu mong chi nữa? Đẳng Giác Bồ Tát mong cầu thành Phật.

2) Hai là các vị thượng thiện nhân ở cùng một chỗ, nhân duyên này quá hy hữu! Nay chúng ta tu hành trong thế giới này khó khăn, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ mọi người bất hòa, mỗi người có ý kiến riêng! Vì thế nói *"làm việc khó, làm người càng khó hơn"*. Xử sự khó khăn, cư xử với người khác càng khó hơn nhiều! Thế giới Tây Phương là nơi các vị thượng thiện nhân đều ở chung một chỗ, chẳng phải là "thiện" bình phàm, mà là *"thượng thiện"*. *"Thượng thiện"* là Đẳng Giác Bồ Tát, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền là những vị như vậy, hằng ngày ở chung một chỗ với các Ngài. Mười phương thế giới chẳng có chuyện này, chỉ riêng thế giới Tây Phương là có!

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. [Thời Liên Trì đại sư], kinh Vô Lượng Thọ có sáu bản, trừ năm bản dịch gốc ra, có một bản hội tập do

cư sĩ Vương Long Thư biên soạn, đặt tên là Đại A Di Đà Kinh. Sớ Sao của Liên Trì đại sư trích dẫn kinh văn [kinh Vô Lượng Thọ] thì đại đa số trích từ bản hội tập của cư sĩ Long Thư, cũng có chỗ trích dẫn nguyên văn [từ năm bản dịch gốc]. Trong phần lời nguyện, đã nói hết sức rõ ràng: Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. A Di Đà Phật phát nguyện (Pháp Tạng là đức hiệu của A Di Đà Phật khi Ngài còn là Bồ Tát): *"Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát"* (Khi tôi làm Phật, các Bồ Tát trong cõi nước), Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là Bồ Tát. Chúng ta từ cõi này niệm Phật, hạ phẩm hạ sanh tới đó cũng là Bồ Tát. Trong thế giới này có mười pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có một pháp giới là Bồ Tát pháp giới. Do đó, [nhân dân trong cõi Cực Lạc] đều là Bồ Tát. *"Thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần"* chẳng khác A Di Đà Phật. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Chúng ta một thân đầy nghiệp chướng, đới nghiệp vãng sanh, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn nghiễm nhiên giống như Phật. Không chỉ là giống như Phật, mà thần thông, trí huệ, biện tài, oai thần cũng giống như Phật. Quý vị nói xem người nào có thể tin tưởng được [điều này]? Do đó, pháp môn này được gọi là *"pháp khó tin"*, nhưng chắc chắn đức Phật chẳng nói dối. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: *"Như Lai là bậc Chân Ngữ"*, Chân là chẳng giả; *"là bậc Thật Ngữ"*, Thật (實) là chẳng hư dối, *"là bậc Như Ngữ"*, Như Ngữ (如語) là vừa đúng, chẳng tăng, chẳng giảm, hoàn toàn là sự thật; *"là bậc chẳng Vọng Ngữ, là bậc Bất Cuống Ngữ"*, Bất Cuống (不誑) là chẳng khoe khoang quá lố. Chẳng vọng ngữ thì trọn chẳng lừa gạt kẻ khác. Lời này do chính A Di Đà Phật tự nói, Thích Ca Mâu Phật nhắc lại. Thích Ca Mâu Ni Phật kể lại, khác nào A Di Đà Phật đích thân tự bảo chúng ta. Nay Ngài đã thành Phật ở Tây Phương, lại còn đã thành Phật mười kiếp; do đó, mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều được thực hiện. Chúng ta mong cầu sanh về Tây Phương thì điều quan trọng nhất là tâm chúng ta phải giống như A Di Đà Phật, nguyện của chúng ta cũng phải giống như A Di Đà Phật, giải hạnh cũng phải giống như A Di Đà Phật thì sẽ quyết định vãng sanh.

Kế đó là nói về Hạnh. Ở đây nói đơn giản về Hạnh Môn, nói đến cương lãnh. Lời Sao nói đến Lục Độ thì Lục Độ là Chánh Hạnh, giống như trong tòa cao ốc này, nói với quý vị là tầng thứ nhất, hay tầng thứ hai, nhưng quý vị phải biết, dưới tầng trệt của tòa cao ốc này còn có nền móng. Nếu chẳng có nền móng, chẳng thể xây thành công tòa cao ốc này.

Nền móng là gì? Nền móng [của việc tu học Phật] chính là Tam Phước được giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Vì lẽ đó, nói đến Lục Độ, mọi người đừng quên Tam Phước, nó là cơ sở. Vì sao biết nó là cơ sở? Quý vị đọc Quán Kinh, [sẽ thấy] phu nhân Vi Đề Hy cũng do gặp phải khổ nạn, chẳng muốn sống nữa. Chẳng muốn sống, mà cũng chẳng thể chết, chết được thì đỡ quá rồi! Lúc đó mới cầu Phật: "Có chỗ nào tốt đẹp hay không? Con muốn cầu sanh về đó. Con chẳng muốn ở trong thế giới Sa Bà nữa!" Đức Phật rất từ bi, hiển hiện cõi nước của mười phương chư Phật trước mặt bà, giống như hiện thời chúng ta xem TV, mười phương các cõi Phật thảy đều trông thấy, để phu nhân Vi Đề Hy tự mình chọn lựa. Bà ta liền chọn trúng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Có thể thấy: Nhất định là Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng hơn các cõi Phật khác, nên bà ta mới chọn lựa pháp môn này, chọn lựa nơi chốn này!

Chọn lựa xong xuôi, bà liền cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy mình phương pháp nào để vãng sanh? Trước khi nói ra phương pháp, đức Phật bèn dạy bà ta tu Tam Phước trước, bảo rõ với bà: *"Tam Phước là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật"*, chúng ta liền hoàn toàn hiểu rõ: Tam Phước là cơ sở để học Phật. Không riêng gì pháp môn Tịnh Độ, tất cả hết thảy các pháp môn đều phải lấy ba điều này làm cơ sở. Vì sao? Đó là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật! Nay chúng ta học Phật công phu chẳng đắc lực, không đạt được kết quả, nguyên nhân vì đâu? Tu Lục Độ mà không chịu xây đắp nền tảng! Nếu chúng ta cất nhà, cất càng cao càng tốt, nhưng không xây móng, còn chưa xây xong đã bị sụp đổ, xây suốt một đời cũng chẳng thành công. Chư vị đồng tu phải hiểu: Học Phật thì bắt đầu học từ chỗ nào? Học khởi đầu từ chỗ này! Điều thứ nhất trong Tam Phước là *"hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp"*. Tôi lại bảo quý vị: Nếu chẳng có tâm từ bi, nếu trong tâm còn có tham, sân, si, mạn, sẽ là bất hiếu, sẽ là bất kính, bất hiếu với cha mẹ, bất kính với sư trưởng! Bởi lẽ, Phật pháp được kiến lập trên nền tảng hiếu đạo. Điều thứ hai là *"thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*. Điều thứ ba là *"phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*. Cơ sở đã hoàn thành thì mới tu Lục Độ. *"Quảng hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm"* (Giáo hóa rộng rãi khiến cho vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề). *"Trí"* (致) là khuyên dạy, chỉ bảo. Hạnh của A Di Đà Phật đã thành tựu, tức là thành tựu công đức trang nghiêm

như thế đó!

(Sao) Tịnh hoa chúng giả, như Tịnh Danh Kinh, thất chủng tịnh hoa.

(鈔)淨華眾者，如淨名經，七種淨華。

*(**Sao**: "Các thứ hoa thanh tịnh" là như bảy thứ tịnh hoa được nói trong kinh Tịnh Danh).*

Thông thường, chúng ta cúng Phật bèn dùng hương hoa để cúng dường. Hoa biểu thị điều gì? Biểu thị *"thất tịnh hoa"*. Quý vị mỗi ngày đối trước Phật, Bồ Tát cúng hoa, chẳng biết hoa có ý nghĩa gì. Nói cách khác, quý vị cúng hoa mà chính mình chẳng được thọ dụng. Hoa nhắc nhở bảy thứ tánh cảnh giác của chính quý vị, gọi [chung] là *"thất chủng tịnh hoa"*. Bất luận quý vị cúng dường hoa gì, hễ thấy hoa [liền biết nó] biểu thị bảy ý nghĩa ấy, [bèn tự phản tỉnh] thất tịnh của chúng ta có hiện tiền hay không?

Do vậy có thể biết: Trong Phật môn, kể cả hình tượng Phật, Bồ Tát, hết thảy các thứ xếp đặt, thiết lập, đều nhằm biểu thị ý nghĩa về pháp để khơi gợi trí huệ quang minh cho chúng ta. Chẳng hạn như chúng ta cúng dường đèn, đuốc, nến. Nến tỏa ánh sáng, tượng trưng cho trí huệ Bát Nhã. Nến càng cháy càng ngắn dần, cháy đến cuối cùng chẳng còn gì nữa, biểu thị [ý nghĩa] "thiêu mình nhằm soi sáng người khác, bỏ mình vì người", nhằm biểu thị ý nghĩa này. Vì thế cúng đuốc, hoặc cúng đèn dầu có ý nghĩa hết sức rõ rệt, đèn điện chẳng có ý nghĩa rõ ràng [như vậy]. [Cúng đèn nhằm biểu thị] dùng trí huệ và đức năng của chúng ta để phục vụ hết thảy chúng sanh, bỏ mình vì người, có ý nghĩa này! Thất Tịnh là…

(Sao) Nhất giả, giới tịnh, tam nghiệp tịnh cố.

(鈔)一者戒淨，三業淨故。

*(**Sao**: Một là giới tịnh vì tam nghiệp thanh tịnh).*

"Giới tịnh" là ba nghiệp thân, ngữ, ý, thanh tịnh, tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh. Lần này, ở Bắc Kinh, tôi gặp cụ Hoàng Niệm Tổ, lão nhân gia biết tại Đài Loan từ Nam đến Bắc người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều, cụ rất hoan hỷ, bảo: *"Những người ấy có bao nhiêu người có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tôi*

chẳng dám nói, nhưng khẳng định là Đài Loan có thể tiêu trừ kiếp nạn. Trong tương lai, thế gian này có đại tai nạn, chỗ ấy chẳng mắc nạn". Đồng thời, cụ cũng bảo chúng tôi: Vào thời cực thịnh của triều đại Mãn Thanh, Vạn Thánh Điện là nơi niệm kinh Vô Lượng Thọ; trong cung đình, thỉnh pháp sư hướng dẫn mọi người cùng niệm. Cụ nói: *"Chỉ có một câu A Di Đà Phật là ngữ nghiệp tịnh. Chẳng niệm A Di Đà Phật thì đều chẳng thể coi là thanh tịnh. Hết thảy các lời lẽ nói ra, dẫu giảng kinh, thuyết pháp, cũng đều là những lời lẽ thừa thãi"*. Đấy cũng là nói rõ một câu A Di Đà Phật là lời thật, những lời lẽ khác đều là thừa thãi, đều giả trất, toàn là vô dụng! Nói rõ tính cách trọng yếu của việc niệm Phật. Người đồ đệ của lão pháp sư Đế Nhàn niệm Phật ba năm bèn vãng sanh, vì suốt ba năm, người ấy chẳng nói một câu vô ích nào! Cụ Đế Nhàn dạy ông ta: *"Ông niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp"*; khi mất, [người ấy] bèn đứng vãng sanh. Sau khi đã vãng sanh còn đứng sừng sững ba ngày, chờ thầy mình đến lo liệu hậu sự.

Ba nghiệp thanh tịnh thì ngữ nghiệp thanh tịnh quan trọng nhất. Nhiều sự hiểu lầm giữa người và người với nhau đều do lời ăn tiếng nói. Nếu quý vị suốt ngày từ sáng đến tối đều *"A Di Đà Phật, A Di Đà Phật"*, ai hiểu lầm? Tuyệt đối chẳng có ai hiểu lầm. Hy vọng chúng ta phải ghi nhớ giáo huấn này, ba nghiệp thanh tịnh, thân lễ A Di Đà Phật, miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm nghĩ tưởng A Di Đà Phật, ba nghiệp liền thanh tịnh. Chẳng tưởng A Di Đà Phật, sẽ dấy vọng tưởng. Dấy vọng tưởng là tạo tác sanh tử luân hồi, há quý vị có thể tránh khỏi luân hồi ư? Làm sao có thể thoát tam giới cho được? Có thể thấy là ba nghiệp thanh tịnh vô cùng trọng yếu.

(Sao) Nhị giả tâm tịnh, phiền não kết lậu tận cố.
(鈔)二者心淨，煩惱結漏盡故。
*(**Sao**: Hai là tâm tịnh vì phiền não kết lậu đã hết).*

"Tâm tịnh" là trong ba nghiệp, ý thanh tịnh. Giới tịnh vốn đã có thể bao gồm [ý nghĩa ý nghiệp thanh tịnh này, nhưng lời Sao] nêu ra lần nữa nhằm đặc biệt nhấn mạnh. Vì tâm thanh tịnh, thân và ngữ nhất định thanh tịnh; vãng sanh là tâm vãng sanh, thân chẳng thể vãng sanh. Đó cũng là tâm ý, nay chúng ta nói là "tinh thần", chẳng phải là thân xác này. Chắc chắn là thân xác chẳng thanh tịnh, phải giác ngộ điều này. *"Tâm tịnh, phiền não kết lậu tận cố"* (Tâm tịnh, hết sạch phiền não kết

lậu): Phiền não thì mọi người đều biết, Kết (結) là gì? Kết là vướng mắc, trong tâm có vướng mắc. Lậu (漏: rò rỉ) là nói tỷ dụ, chỉ cần quý vị có phiền não, có kết, công đức của quý vị đều bị rò rỉ, chảy mất. Vì vậy, Lậu cũng là một tên gọi khác của phiền não.

Người học Phật trước hết là đoạn phiền não rồi mới học pháp môn. Nếu chẳng dứt phiền não, sẽ chẳng có tư cách học pháp môn, vì sao? Pháp môn đã học đều là tà tri, tà kiến. Thanh Lương đại sư đã nói rất hay: Nơi phần giải thích tựa đề kinh trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, lão nhân gia đã nói: *"Có giải thiếu hành, tăng trưởng tà kiến"*. *"Hành"* là tu hành, *"có giải"* là học pháp môn, Hành là đoạn phiền não. Nói cách khác, có *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* mà nếu chẳng đoạn phiền não, sẽ tăng trưởng tà kiến. *"Có hành thiếu giải, tăng trưởng vô minh"*: Chuyện này rất phiền phức! Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta phải giải hành tương ứng thì mới có thể đoạn phiền não, mới có thể phá vô minh.

Phiền não vô minh rốt ráo là gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: *"Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai"*, do vậy có thể biết, mỗi người chúng ta vốn là Phật. Vốn đều là Phật mà vì sao nay lại rơi vào tình cảnh này? Một câu nói của đức Phật đã vạch trần gốc bệnh của chúng ta: *"Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Vọng tưởng là vô minh, chấp trước là phiền não. Vì thế, học Phật thì trước hết phải đoạn sạch vọng tưởng và chấp trước, vô lượng trí huệ và đức năng trong bản tánh của chúng ta sẽ tự nhiên hiển hiện! Nhà Phật tu hành là tu điều này, những thứ này cần phải đổ công dốc sức nơi tâm địa, ngôn hạnh bên ngoài thuộc về trợ hạnh, điều quan trọng nhất là chuyển biến ý niệm. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, trước hết là đoạn phiền não, sau đấy mới học pháp môn, chư vị đồng tu nhất định phải biết điều này!

Giảng kinh, thuyết pháp, cho đến Tam Tạng mười hai phần giáo là để cho người chưa nhập môn sử dụng, mục đích nhằm giúp họ kiến lập chánh tín và chánh giải. Tới lúc thật sự tu hành, thảy đều chẳng cần đến những thứ ấy nữa, chư vị phải biết điều này. Dụng công thì giống như trước hết là giảng giải bản đồ, đi đường theo cách nào, đến khi quý vị đã ở trên đường thì chẳng cần đến những thứ ấy nữa, ta đã biết rõ đường lối, đã quen thuộc, ta đã đi trên đường rồi, cũng chẳng cần phải nói tới những thứ ấy nữa, cũng chẳng cần đến bản đồ, đều chẳng cần nữa. Trong vô lượng hạnh môn, chỉ có một câu A Di Đà Phật, pháp môn này thật sự

chẳng thể nghĩ bàn! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói rất hay: *"Ức vạn nhân trung, nhất, nhị tri"* (Trong ức vạn người, chỉ có một hai kẻ biết). Thật sự liễu giải thấu triệt chẳng dễ dàng! Hiện thời, người niệm Phật tuy nhiều, nhưng người hiểu nguồn cội của việc niệm Phật trọn chẳng nhiều. So theo tỷ lệ trên toàn thế giới hiện thời, người Đài Loan biết [Tịnh Độ] nhiều nhất. Đài Loan là đảo báu, là phước địa, chỗ này sẽ chẳng gặp nạn, chúng tôi rất tin tưởng.

Vì lẽ đó, nhất định phải đoạn phiền não, phải đoạn tập khí. Đoạn bằng cách nào? Khi phiền não tập khí dấy lên hiện hành, nhà Thiền nói rất hay: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Chắc chắn là sẽ dấy niệm! Nếu chẳng dấy, quý vị đã là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Phàm nhân thường dấy phiền não. Phiền não dấy lên, đừng sợ, mà sợ là quý vị chẳng giác. Giác là gì? Phiền não vừa dấy lên, ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật, đó là giác. Nói theo Tịnh Tông, một câu A Di Đà Phật là giác. Ở đây, tôi đặc biệt nói rõ cùng các đồng tu: Phiền não là gì? Trong tâm bực bội, chẳng như ý chính là phiền não. Trong tâm vui sướng, thoải mái, vẫn là phiền não, phải ghi nhớ điều này. Tâm là thanh tịnh. *"Vốn chẳng có một vật"*, cho nên mừng, giận, buồn, vui đều là phiền não. Vì sao? Tâm quý vị động, tức là tâm chẳng bình thường! Do đó, khi chúng ta lo buồn, hãy ngay lập tức niệm A Di Đà Phật. Khi bực bội, bèn vội vã niệm A Di Đà Phật. Khi hoan hỷ, cũng vội vã niệm A Di Đà Phật. Chớ nên hễ hoan hỷ bèn quên bẵng A Di Đà Phật, [hễ quên bẵng] thì vẫn là rớt vào trong phiền não. Nói cách khác, làm như thế nào để gìn giữ cái tâm thanh tịnh của quý vị, điều này quan trọng lắm! Tựa đề của Đại Kinh có nói *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, điều này trọng yếu! Trong mười hai thời, quý vị có thể giữ gìn *"thanh tịnh, bình đẳng, giác"*, quý vị đang hành Bồ Đề đạo, thật sự là Bồ Tát đạo, phương pháp là dùng một câu A Di Đà Phật. Khi nào niệm Phật là khẩn yếu nhất? Khi khởi tâm động niệm, ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật. Một câu A Di Đà Phật có thể đoạn phiền não, có thể phá kết lậu, công đức vô lượng vô biên, tùy thuộc chính quý vị có biết dùng hay không, hữu hiệu hơn bất cứ gì khác!

(Sao) Tam giả, kiến tịnh, kiến pháp chân tánh, bất khởi vọng tưởng cố.

(鈔)三者見淨，見法真性，不起妄想故。

*(**Sao**: Ba là kiến tịnh, vì thấy chân tánh của pháp, chẳng dấy lên*

vọng tưởng).

"Kiến" (見) là kiến giải. Lục căn đối trước cảnh giới sáu trần bên ngoài, trong tâm dấy lên phản ứng, đó là kiến giải. *"Kiến pháp chân tánh, bất khởi vọng tưởng cố"* (Vì thấy chân tánh của pháp, chẳng dấy lên vọng tưởng). Chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài luôn khởi tâm động niệm. Thuận cảnh bèn khởi tham ái, nghịch cảnh bèn dấy lên nóng giận. Chư vị phải biết: Tham ái là phiền não, nóng giận cũng là phiền não. Hằng ngày, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn sanh phiền não. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng Lục Tổ Đàn Kinh, lục căn của ngài Huệ Năng tiếp xúc cảnh giới sáu trần thường sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, còn chúng ta sanh phiền não. Do nguyên nhân nào? Tâm Ngài thanh tịnh, tâm Ngài *"vốn chẳng có một vật"*, Ngài đương nhiên sanh trí huệ. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, trong tâm đầy ắp tham, sân, si, mạn, tiếp xúc ngoại cảnh bèn sanh phiền não. Sanh phiền não là vì chúng ta kiến giải sai lầm, cái thấy chẳng thanh tịnh.

Nếu kiến giải chẳng sai lầm thì như thế nào? Thế gian này chẳng thật. Kinh Kim Cang nói rất hay: *"Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng. Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Pháp hữu vi là gì? Trong một trăm pháp của Bách Pháp Minh Môn Luận, chín mươi bốn pháp đầu đều là pháp hữu vi, chỉ có sáu pháp cuối là pháp vô vi. Chín mươi bốn pháp đầu bao gồm tâm pháp, tám thức, tức tám Tâm Vương, là pháp hữu vi; năm mươi mốt Tâm Sở cũng là pháp hữu vi, hai mươi bốn món Bất Tương Ứng vẫn là pháp hữu vi, cho đến mười một sắc pháp cũng là pháp hữu vi. Nay chúng ta gọi sắc pháp là vật chất, gọi tâm pháp là tinh thần. Theo quan niệm hiện thời, tinh thần và hết thảy vật chất đều là pháp hữu vi. Nếu là pháp hữu vi, sẽ đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng có thứ gì là chân thật!

Nếu quý vị nhìn thấu suốt, sẽ chẳng so đo, cũng sẽ thường sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não. Vì sao? Khi thấy hết thảy đều vừa lòng, nói thật ra thì khi ấy, vừa lòng hoặc trái ý đều chẳng có, há còn có tham, sân, si, mạn chi nữa! Tâm thanh tịnh, bèn cùng hết thảy vạn pháp bình đẳng. Tây Phương Cực Lạc thế giới và địa ngục A Tỳ bình đẳng. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tâm tham ái, đối với địa ngục A Tỳ cũng chẳng có ý niệm chán ghét, bình đẳng mà! Tâm đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, đó là *"kiến pháp chân tánh"*. Tây Phương Cực Lạc thế giới do Chân Như bản tánh biến hiện, địa ngục A Tỳ và lục đạo luân hồi cũng

do Chân Như bản tánh biến hiện. Do vậy có thể biết, kiến giải thanh tịnh trọng yếu lắm! Đó là *"kiến tịnh"*.

Trong quá khứ, chúng ta còn nói tâm và vật, hiện thời, các khoa học gia đã phát hiện "chẳng có vật chất tồn tại". Chúng ta thấy hình tướng mọi vật rốt cuộc là gì? Nay họ đã phát hiện chúng là dao động, là chấn động, là hiện tướng (tướng được biến hiện) sanh từ dao động. Rốt cuộc là sóng gì vậy? Các nhà khoa học còn đang nghiên cứu. Trên thực tế, Phật pháp bảo sóng ấy là *"tâm ba"* (sóng tâm), kinh Hoa Nghiêm đã nói rất thấu triệt: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Thức là sự dao động của cái tâm, biến hiện thành mười pháp giới. Nếu chẳng có sự dao động ấy, pháp giới này sẽ được gọi là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới, nên nó là bình đẳng.

(Sao) Tứ giả, độ nghi tịnh, kiến thâm nghi đoạn cố.
(鈔)四者度疑淨，見深疑斷故。
*(**Sao**: Bốn là độ nghi tịnh, vì thấy sâu xa, đã đoạn nghi).*

"Thâm" là [nói đến] Lý, Lý rất sâu. Người ấy đã thấy chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ, nên chẳng hoài nghi. Đặc biệt là Tịnh Tông, Tịnh Tông là pháp môn bậc nhất để chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh đoạn phiền não, chứng Bồ Đề. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Tịnh Tông bậc nhất, có thể nói là vô lượng vô biên kinh điển, vô lượng vô biên pháp môn thảy đều lưu xuất từ kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là cội nguồn. Nếu chẳng đạt đến *"độ nghi tịnh"*, sẽ chẳng thể tin tưởng bộ kinh này. Đạt đến *"độ nghi tịnh"* chẳng đơn giản, *"độ"* (度) là vượt qua. Nhiều nỗi nghi hoặc đối với vũ trụ, nhân sinh và hết thảy các pháp môn, người ấy thảy đều vượt qua, đạt đến thanh tịnh, rất khó!

Do vậy, tôi nói các đồng tu hiện thời có phước, thiện căn, phước đức và nhân duyên của quý vị vượt trỗi hơn tôi nhiều lắm. Tôi phải mất ba mươi năm mới tin tưởng pháp môn này, nay quý vị nghe tôi nói liền tin ngay, đúng là chẳng đơn giản! Điều này chứng tỏ thiện căn của quý vị sâu dầy hơn tôi. Đúng như Đại Kinh đã nói, trong đời quá khứ, chư vị đồng tu đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, giống như kinh Kim Cang đã nói: Chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi ba, bốn, năm đức Phật, mà là trong đời quá khứ quý vị đã gieo thiện căn nơi vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Hiện thời, do được chư Phật Như Lai

âm thầm gia trì, cho nên quý vị vừa được tiếp xúc bộ kinh này bèn hoan hỷ, vừa nghe liền tin tưởng, tiếp nhận; đó gọi là *"nhân duyên chín muồi"*, đích xác là hiếm có, khó gặp! Đúng như cư sĩ Bành Nhị Lâm đã nói: *"Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*, đáng nên mừng rỡ, đáng nên quý trọng, nhất định phải nắm chắc cơ duyên này, đoạn nghi sanh tín, như vậy thì chẳng có một ai không thành tựu.

(Sao) Ngũ giả, phân biệt đạo tịnh, thị đạo nghi hành, phi đạo nghi xả cố.

(鈔)五者分別道淨，是道宜行，非道宜捨故。

*(**Sao**: Năm là phân biệt đạo tịnh, là đạo thì nên hành, chẳng phải là đạo thì nên bỏ).*

"Đạo" là đường lối. Nói cách khác, quý vị có thể nhận biết đường. Đạo được nói ở đây chính là *"đạo thành Phật"*. Đạo thành Phật có tám vạn bốn ngàn, có vô lượng pháp môn, Đạo là pháp môn. Trong nhiều pháp môn như vậy, quý vị nhận biết một con đường gần nhất, một con đường ổn thỏa, thích đáng nhất, trong một đời của chính mình, quyết định có thể chọn lựa và nhận biết một con đường đạt đến mục đích, điều này không dễ dàng, đó là trí huệ, là phước đức. Chẳng có đại trí huệ và đại phước đức thì trong vô lượng pháp môn, làm sao quý vị có thể chọn lựa pháp môn này? Điều này không dễ dàng! *"Thị đạo nghi hành, phi đạo nghi xả cố"* (Là đạo thì nên hành, chẳng phải là đạo thì nên bỏ). Ở đây, "đúng, sai" có tuyệt đối và tương đối. Nói theo tuyệt đối, hễ là đạo để minh tâm kiến tánh, đó là *"thị đạo"* (đúng với đạo). Nhất tâm bất loạn của Tịnh Độ Tông chính là minh tâm kiến tánh của Thiền gia, đó là Đạo. Giới, Định, Huệ là đạo tuyệt đối. Đạo tương đối thì phải là [pháp môn] nào thích hợp với căn tánh, thích hợp với sự hứng thú, thích hợp với hoàn cảnh sống của chính mình, chúng ta chọn lựa đạo ấy, tu hành sẽ chẳng gặp khó khăn.

Nay mọi người chúng ta chọn lựa con đường Trì Danh Niệm Phật này, nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ con đường này. Con đường này là Chánh Trợ Song Tu. Chánh Hạnh là Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Trợ Hạnh là những người như chúng ta trong hiện thời chưa đến Tây Phương, vẫn chưa rời khỏi xã hội, chẳng rời khỏi nhân quần, chúng ta làm thế nào để cư xử cùng mọi người, trong ấy có khá nhiều nguyên tắc như Tam Phước và Lục Độ đều thuộc loại trợ tu.

Tịnh Tông Học Hội của chúng ta đề ra năm khoa mục tu hành, thứ nhất là Tam Phước, thứ hai là Lục Hòa. Lục Hòa là đại giới căn bản của tăng đoàn Phật giáo. Vì sao trong hiện thời thế gian này chẳng có tăng đoàn? Do mọi người đều chẳng tuân thủ Lục Hòa, nên chẳng phải là tăng đoàn. Vì lẽ đó, ta biết Lục Hòa trọng yếu! Tục ngữ có câu *"gia hòa vạn sự hưng"*, nhà quý vị bất hòa, gia đình ấy chẳng thể nào hưng vượng. Đoàn thể, công ty, xã hội và quốc gia đều chẳng có ngoại lệ. Đương nhiên, điều trọng yếu nhất trong Hòa là kiến giải. Hai điều phía trước là cơ sở, [đã có] kiến thanh tịnh và độ nghi tịnh thì có thể thực hiện Hòa. Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, sau đấy sẽ là Tam Học, Lục Độ, mười đại nguyện vương. Chúng ta tu Tịnh Tông, xử sự, đãi người, tiếp vật lấy năm khoa này làm nguyên tắc, dùng năm khoa này để sửa đổi tư tưởng, kiến giải và hành vi của chúng ta. Đó là Đạo. Những gì vi phạm với những điều này thì chính là *"phi đạo nghi xả"*.

(Sao) Lục giả, hành đoạn tri kiến tịnh, sở hành, sở đoạn thông đạt cố.

(鈔)六者行斷知見淨，所行所斷通達故。

*(**Sao**: Sáu là hành đoạn tri kiến tịnh, vì đã thông đạt những điều nên hành, nên đoạn).*

"Hành" là những điều được thực hiện, trong Hành có *"đoạn tri kiến"*, *"sở hành sở đoạn thông đạt cố"* (vì đã thông đạt những điều nên hành, nên đoạn). Có những người quý vị bảo họ đoạn, họ cũng có thể làm được, nhưng rốt cuộc vì sao phải đoạn, người ấy chẳng hiểu rõ ràng. Do chẳng hiểu rõ bèn miễn cưỡng làm, làm được một khoảng thời gian sẽ hoài nghi, thậm chí ngã lòng, hủy báng, đều là do tri kiến bất tịnh. Chúng ta tu hành, vì sao phải tu hành? Dựa vào gì để tu hành? Rốt cuộc tu hạnh gì? Sau khi tu hành sẽ đạt được kết quả như thế nào? Nếu đều biết, từ nhân đến quả đều hiểu rành mạch, rõ ràng, đó là *"hành đoạn tri kiến tịnh"*, sẽ chẳng có chướng ngại trên đường Bồ Đề.

(Sao) Thất giả Niết Bàn tịnh, dĩ vô học cố.

(鈔)七者涅槃淨，以無學故。

*(**Sao**: Bảy là Niết Bàn tịnh vì đã chẳng còn phải học nữa).*

Đây là thanh tịnh tối cực. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn,

thường dịch là Diệt, [nghĩa là] diệt vọng tưởng, diệt phiền não, diệt chấp trước, thảy đều diệt trừ, khôi phục tâm địa chân tịnh, khôi phục bản tánh. [Niết Bàn] cũng còn dịch là Viên Tịch, Viên là viên mãn, Tịch là thanh tịnh tịch diệt. *"Dĩ vô học"* (Do đã chẳng còn học nữa), ở đây còn dịch là Vô Học, có học sẽ chẳng thanh tịnh. Thanh tịnh sẽ chẳng có học, đã tốt nghiệp rồi.

Chư vị đồng tu phải ghi nhớ, Hoa có bảy ý nghĩa này. Mỗi ngày, khi quý vị cúng hoa, có nghĩ tới bảy thứ tịnh này hay không? Hoa là thất tịnh hoa, Quả là Niết Bàn quả. Quả là quả báo, hoa là tu nhân, tu nhân chứng quả. Chúng ta dâng trái cây cúng Phật, trái cây biểu thị quả báo. Tiểu Thừa có tứ quả, Đại Thừa có Bồ Tát, có Phật, đó là [những quả vị mà] chúng ta kỳ vọng. Chúng ta mong mỏi những quả báo ấy thì phải thật sự tu nhân. Hoa tượng trưng cho nhân, trước là nở hoa, sau là kết quả, biểu thị ý nghĩa này. Vì lẽ đó, hoa chẳng phải là để cho đức Phật ngắm, quả cũng chẳng phải là để cho đức Phật ăn. Phật không ăn mà cũng chẳng ngửi những thứ ấy. Vì vậy, cúng Phật, dâng cúng [những phẩm vật cúng dường] trước Phật, thứ nhất là để biểu lộ tâm ý cung kính của chúng ta đối với Phật. Cúng dường hoa hương để biểu lộ tâm ý cung kính. Dùng cái tâm kính Phật để kính hết thảy mọi người, kính hết thảy sự, kính hết thảy vật, đức Phật dạy chúng ta điều này. Chúng ta cung kính Phật mà chẳng cung kính người, sai mất rồi! Chúng ta bất kính người khác chính là bất kính đối với Phật, sự lễ kính đối với Phật hãy còn có khiếm khuyết, chẳng viên mãn. Thiện nhân thì phải kính trọng, nhưng ác nhân vẫn phải kính trọng, vì sao? Thiện nhân hay ác nhân đều là người, thiện nhân lẫn ác nhân đều có Phật tánh. Thiện nhân hay ác nhân trong tương lai đều sẽ thành Phật. Do vậy, lễ kính chẳng có giới hạn. Trong mười đại nguyện vương, điều thứ nhất là *"lễ kính chư Phật"*. Trong [điều thứ hai là] Xưng Tán Như Lai thì xưng tán có sai khác đôi chút. Như Lai và Phật [có ý nghĩa] khác nhau. Phật là nói theo tướng. Xét theo sự tướng thì bình đẳng, phải lễ kính bình đẳng; nhưng đối với xưng tán thì phải nói là Như Lai, Như Lai là nói đến Chân Như bản tánh. Tương ứng với tiêu chuẩn của Tánh Đức bèn khen ngợi, chẳng tương ứng với tiêu chuẩn của Tánh Đức thì chẳng khen ngợi. Lễ kính mà chẳng khen ngợi thì cổ nhân nói là *"kính nhi viễn chi"* (kính trọng nhưng tránh xa), Kính là chúng ta bình đẳng cung kính giống hệt như nhau, Viễn là chẳng khen ngợi, kẻ đó là người ác làm chuyện ác nên chẳng khen ngợi. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần,

đã làm mẫu cho chúng ta thấy. Thiện Tài đồng tử tham phỏng thiện tri thức, trong năm mươi ba vị ấy, có người học Phật, có [người là] ngoại đạo, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp thảy đều có, có người làm chuyện tốt, cũng có kẻ làm chuyện xấu. Đối với Thắng Nhiệt Bà La Môn, Thiện Tài đồng tử lễ kính, nhưng chẳng tán thán. Đối với cô gái Phạt Tô Mật Đa, Thiện Tài đồng tử lễ kính, nhưng không tán thán. Đối với Cam Lộ Hỏa Vương, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng nhà vua, cũng là có lễ kính, nhưng không tán thán. Vì sao? Ba vị ấy tượng trưng cho tham, sân, si. Làm sao có thể tán thán tham, sân, si cho được? Chẳng thể tán thán! Vì vậy, phải lễ kính, chẳng thể tán thán! Tán thán là xưng tán Như Lai, chẳng nói là "chư Phật". Nếu là chư Phật thì phải là bình đẳng, quyết định chẳng có sai biệt. Lễ kính chẳng có sai biệt, còn đối với xưng tán thì phải dùng trí huệ.

Nếu chúng ta bình thường cúng hoa, cúng quả mà biết điều này thì cúng hoa, quả sẽ đạt được vô thượng pháp hỷ. Cúng dường tượng Phật, hoa thơm, nước trong, cúng một chén nước trong rất trọng yếu. Người thật sự tu hành, giống như trong Niệm Phật Đường của Ấn Quang đại sư chẳng có hoa, mà cũng chẳng có quả, Ngài chẳng cúng những thứ ấy, vì sao? Chẳng có thời gian để lo liệu, cúng dường đơn giản nhất là hương và nước. Nước biểu thị cái tâm, tâm thanh tịnh, nước thanh tịnh. Nước bình lặng, biểu thị sự thanh tịnh, bình đẳng. Thấy một chén nước, bèn nghĩ xem cái tâm có giống nước hay không, nó biểu thị pháp. Tuyệt đối chẳng phải nước đã cúng dường Phật ấy uống vào có thể trị bách bệnh, [thế nhưng hiểu theo chân nghĩa thì] thật sự là trị bách bệnh! Chẳng phải là uống vào trị bách bệnh, mà quý vị hiểu ý nghĩa của nó: Tâm địa quý vị thanh tịnh, bình đẳng thì bệnh gì cũng đều chẳng có! Bệnh từ đâu ra? Tâm quý vị chẳng thanh tịnh thì mới sanh bệnh, tâm đã thanh tịnh, lẽ đâu sanh bệnh? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, sẽ không thể sanh bệnh. Nước biểu thị thanh tịnh và bình đẳng, hương biểu thị Giới Định Chân Hương. Hương cũng biểu thị Tín, [ta thường nói là] *"tín hương"*. Vì vậy, học Phật chẳng mê tín, quý vị cúng dường những thứ này thì phải nói được đạo lý [bao hàm trong ấy], kinh đã dạy rõ ràng!

(Sao) Hải Đông vị luận tụng Thanh Văn, kim vị diệc khả kiêm thông Bồ Tát, như Đạo Phẩm diệc thông Đại Tiểu Thừa cố.

(鈔)海東謂論頌聲聞，今謂亦可兼通菩薩，如道品亦通大小乘故。

*(**Sao**: Ngài Hải Đông bảo [hai câu ấy trong] bài kệ tụng của Vãng Sanh Luận nói về Thanh Văn, nay tôi nói: "Cũng có thể là nói đến Bồ Tát, như Đạo Phẩm chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa vậy").*

Hải Đông là một vị cổ đại đức, lão nhân gia bảo hai câu này trong Vãng Sanh Luận nói về A La Hán, nói về Thanh Văn. Liên Trì đại sư bảo hai câu này cũng có thể nói về Bồ Tát, hoàn toàn chẳng hạn định trong Thanh Văn. Tiếp đó, Ngài nêu ra chứng cứ. Ví như ba mươi bảy Đạo Phẩm, Tiểu Thừa nói ba mươi bảy Đạo Phẩm, Đại Thừa cũng nói ba mươi bảy Đạo Phẩm. Theo Thiên Thai đại sư, ba mươi bảy Đạo Phẩm còn có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Ví như nói đến Tứ Niệm Xứ thì có Tạng Giáo Tứ Niệm Xứ, Thông Giáo Tứ Niệm Xứ, Biệt Giáo Tứ Niệm Xứ, và Viên Giáo Tứ Niệm Xứ. Thông, Biệt, Viên đều là pháp Bồ Tát. Ba mươi bảy Đạo Phẩm đã áp dụng chung cho Đại Thừa và Tiểu Thừa, đương nhiên hai câu này trong Vãng Sanh Luận cũng thể dùng chung cho Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Liên Trì đại sư giải thích: Chớ nên hạn cuộc trong Tiểu Thừa, vì kinh Di Đà không chỉ là Đại Thừa, mà là Đại Thừa viên mãn. Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ cùng bộ, là một bộ kinh, kinh kia nói cặn kẽ, kinh này nói đơn giản; tuy nói có cặn kẽ hay giản lược sai khác, nhưng nội dung trọn chẳng khác nhau. Vì thế, Liên Trì đại sư gọi [hai kinh ấy] là Đại Bổn và Tiểu Bổn.

(Sao) Tự lan võng hàng thụ chí thử, y chánh cộng ngũ phiên trang nghiêm, Cực Lạc chi nghĩa, lược tận ư thị.

(鈔)自欄網行樹至此，依正共五番莊嚴，極樂之義，略盡於是。

*(**Sao**: Từ lan can, lưới mành, hàng cây đến đây tổng cộng là năm tầng trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, ý nghĩa Cực Lạc đã được trình bày đại lược trọn hết nơi đây).*

Tổng kết đoạn kinh trên đây, nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong y báo là lan can, lưới mành, hàng cây; trong chánh báo là Phật, Bồ Tát, A Di Đà Phật là giáo chủ, Thanh Văn và Bồ Tát là hóa bạn, là đồng học, bạn lữ. Đối với điểm này, chúng ta ắt phải đọc Đại Kinh thì mới có thể thật sự hiểu rõ. Nói thật ra, trong thế giới Tây Phương có những danh hiệu Thanh Văn, Duyên Giác, trời, người hay không? Chẳng có. Vì sao chẳng có? Nếu

thật sự có, tâm sẽ không thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, há còn có trời, người, Thanh Văn, Duyên Giác? Không chỉ ngay cả những danh hiệu ấy chẳng có, lại thưa cùng chư vị, Phật, Bồ Tát cũng chẳng có. Trong tâm thanh tịnh, lấy đâu ra Phật? Nơi ấy thật sự là một thế giới thanh tịnh, Nhất Chân pháp giới. Đức Phật giới thiệu cho chúng ta, chẳng thể không dùng lời phương tiện. Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới thì toàn bộ những danh tướng ấy đều chẳng có, đấy mới gọi là Nhất Chân. Trong tâm động một niệm, sẽ là hai, chẳng phải là một. Do đó, pháp giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng rất tỉ mỉ, bộ kinh này giảng giản lược, nhưng cũng đã trình bày đại khái trạng huống trong thế giới Cực Lạc, [đúng là] *"lược tận ư thị"*.

(Sao) Hạ văn chúng sanh sanh giả, cập Bổ Xứ đẳng, diệc chánh báo trung nhiếp.

(鈔)下文眾生生者，及補處等，亦正報中攝。

*(**Sao**: "Chúng sanh sanh về cõi đó" và "Bổ Xứ v.v..." trong đoạn văn dưới đây cũng thuộc về chánh báo).*

Cả một đoạn lớn tiếp theo đây sẽ nói về chuyện vãng sanh, giới thiệu mười phương vô lượng vô biên chúng sanh, trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh trong ác đạo. Có thể nói là đối với chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều có phần. Vấn đề là quý vị có duyên phận gặp gỡ pháp môn này hay không? Đã gặp, quý vị có tin pháp môn này hay không? Nếu gặp gỡ mà có thể tín, có thể nguyện, chẳng có một ai không vãng sanh. Lý này rất sâu, nhưng xét về Sự thì chẳng khó. Xét theo Sự, rất dễ dàng, đó gọi là *"tin khó, hành dễ"*.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí.

(Sớ) Thừa thượng bất độc kiến tại bỉ quốc, vô phi hiền thánh, đản hữu sanh giả, tất giai bất thoái dã.

(經)又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。

(疏)承上不獨見在彼國，無非賢聖，但有生者，悉皆不退也。

*(**Kinh**: Lại này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí.*

***Sớ**: Tiếp nối ý trong phần trên: Không chỉ những người đang ở trong nước ấy, không ai chẳng phải là hiền thánh, mà chỉ cần sanh về cõi ấy, thảy đều là bậc Bất Thoái).*

Phàm là người vãng sanh thế giới Tây Phương, từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta thấy dù là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Bệ Bạt Trí (Avaivartika), cũng là Bất Thoái. A Bệ Bạt Trí là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Bất Thoái. Bất Thoái rốt cuộc là địa vị như thế nào? Cổ đức bảo: Từ Thất Địa trong Biệt Giáo trở lên mới có thể gọi là A Bệ Bạt Trí, địa vị này cao lắm. Phàm phu thông thường khởi sự tu học, tu đến địa vị Thất Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo phải mất hai A-tăng-kỳ kiếp, hạng phàm phu ấy chẳng phải là phàm phu thông tục. Phàm phu thông tục thì mỗi vị đồng tu đang hiện diện nơi đây từ vô lượng kiếp tới nay chẳng biết đã tu bao nhiêu A-tăng-kỳ kiếp, có thể nói là đã tu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp thì quý vị mới có cơ hội cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, vì sao đến nay vẫn chẳng thành tựu? Hai A-tăng-kỳ kiếp tính từ lúc nào? Tính từ địa vị Sơ Trụ trong Biệt Giáo; chưa chứng đắc Sơ Trụ trong Biệt Giáo thì đều chẳng tính. Giống như học hành trong nhà trường, quá trình học tập tính từ lúc nào? Tính từ lớp Một Tiểu Học, chứ thời gian học Mẫu Giáo chẳng tính. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp tu hành đều quẩn quanh trong lớp Mẫu Giáo, chưa hề lên Tiểu Học, vấn đề xuất hiện ở chỗ này! Vì thế, nói theo Phật pháp, Biệt Giáo Sơ Trụ là đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, tính từ ngày ấy, sau hai A-tăng-kỳ kiếp bèn chứng A Bệ Bạt Trí. Hai A-tăng-kỳ kiếp là con số thiên văn, thời gian quá dài.

Chúng ta tu pháp môn này vài ngày bèn có thể vãng sanh, kinh nói *"hoặc một ngày, hoặc hai ngày"*, tối đa là *"hoặc bảy ngày"*, quý vị nghĩ xem có pháp môn nào nhanh chóng hơn pháp môn này? Mật Tông nói *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong cái thân này); ở đây, chúng ta là bảy ngày hoặc một ngày bèn thành Phật, cao hơn họ quá nhiều. Mấy ai thấy? Quá khó có. Năm trước, cư sĩ Châu Quảng Đại ở Washington DC niệm Phật ba ngày, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ông ta vãng sanh, đúng là "ba ngày" bèn thành tựu. Chúng ta chẳng thể gọi Châu tiên sinh là Châu cư sĩ, vì ông ta chẳng học Phật, cũng chẳng nghe

pháp, chẳng tin Phật. Khi lâm chung bệnh nặng sắp chết mới gặp Phật pháp, mới thật sự niệm Phật cầu nguyện vãng sanh. Niệm ba ngày cảm A Di Đà Phật hiện đến, theo Phật vãng sanh, ba ngày ba đêm thôi nhé! Do vậy, vãng sanh sẽ đều là bất thoái chuyển.

(Sao) Sanh giai bất thoái giả, khủng nghi bỉ quốc cố đa hiền thánh, nhiên thị cửu tu thượng sĩ.

(鈔)生皆不退者，恐疑彼國固多賢聖，然是久修上士。

*(**Sao**: "Vãng sanh đều bất thoái" là sợ nghi rằng: Cõi ấy cố nhiên có nhiều hiền thánh, dĩ nhiên họ là bậc thượng thừa đã tu từ lâu).*

"Thượng sĩ" là nói đến Đẳng Giác Bồ Tát, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hạng người như vậy rất nhiều.

(Sao) Kỳ tân sanh giả, vị tất bất thoái.

(鈔)其新生者，未必不退。

*(**Sao**: Chứ người mới sanh về [cõi Cực Lạc], chưa chắc đã bất thoái).*

Có nỗi hoài nghi này: Ta vừa mới vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ sợ làm chưa được, chỉ sợ sẽ bị thoái chuyển. Hễ lui sụt khỏi Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là lại lùi trở về [luân hồi trong lục đạo]. Quý vị có từng nghe nói có ai bị lui sụt trở lại hay không? Từ xưa đến nay, chưa nghe nói có người từ Tây Phương Cực Lạc thế giới lui sụt trở về. Vì thế, phải hiểu là ở đây [kinh văn] đặc biệt nói rõ sự bất thoái của người mới sanh về Cực Lạc.

(Sao) Cố ngôn bất luận thánh phàm, đản vãng sanh giả, tức bất thoái chuyển, dĩ quyết kỳ chí dã.

(鈔)故言不論聖凡，但往生者，即不退轉，以決其志也。

*(**Sao**: Vì thế nói: Bất luận thánh hay phàm, chỉ cần là người vãng sanh liền bất thoái chuyển, nhằm làm cho ý chí của họ được kiên quyết vậy).*

Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, tín tâm bèn kiên định, nguyện tâm bèn khẩn thiết, nghi hoặc liền đoạn trừ, đoạn nghi, sanh tín.

(Sao) Đại Bổn sở minh giả, như vân.

(鈔)大本所明者，如云。

*(**Sao**: Đại Bổn đã nói rõ, như [trong kinh ấy] có nói).*

Trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Sanh bỉ quốc giả, xử nhân thiên nghĩa, bất vọng động tác, chung vô dâm nộ chi tâm, ngu si chi thái.

(鈔)生彼國者，處仁遷義，不妄動作，終無淫怒之心、愚痴之態。

*(**Sao**: Người sanh về cõi ấy cư xử với nhau bằng nhân nghĩa, chẳng làm chuyện xằng bậy, trọn chẳng có tâm dâm, giận, chẳng có thói ngu si).*

Đoạn này nói lên hoàn cảnh tốt đẹp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngoại duyên thù thắng, chẳng có cảnh giới có thể dẫn khởi phiền não. Đới nghiệp vãng sanh, *"nghiệp"* là phiền não tập khí trọn chẳng đoạn; thế giới Tây Phương chẳng có duyên, sẽ không dẫn khởi phiền não tập khí của quý vị. Đây là nói rõ cõi đó hoàn cảnh tốt đẹp, hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự đều tốt đẹp, quý vị đến cõi đó mọi chuyện vừa lòng, mọi chuyện như ý, những điều chẳng thể cầu được trong các cõi Phật khác đều được viên mãn trong thế giới Tây Phương. Đấy là nói theo mặt Sự.

(Sao) Hựu vân: Sanh bỉ quốc giả, giai tất cụ túc tam thập nhị tướng, chư căn minh lợi, nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú.

(鈔)又云：生彼國者，皆悉具足三十二相，諸根明利，乃至成佛，不受惡趣。

*(**Sao**: Lại nói: Người sanh về cõi ấy thảy đều trọn đủ ba mươi hai tướng, các căn sáng suốt, nhạy bén, cho đến khi thành Phật chẳng đọa trong đường ác).*

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ, tướng hảo, đức

năng, và thần thông của quý vị chẳng khác A Di Đà Phật. *"Chư căn minh lợi"* (Các căn sáng suốt, nhạy bén) tức là trí huệ và thần thông giống như Phật. Từ ngày vãng sanh cho đến khi thành Phật *"bất thọ ác thú"* (chẳng đọa trong đường ác). Không chỉ là chẳng thọ quả trong đường ác, mà cái nhân trong đường ác cũng chẳng thọ. Nhân là tham, sân, si, mạn đều chẳng thọ.

(Sao) Hựu luận tụng vân, thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh.

(鈔)又論頌云，天人不動眾，清淨智海生。

*(**Sao**: Lại nữa, trong phần kệ tụng của Vãng Sanh Luận có nói: "Chúng trời, người bất động, biển trí thanh tịnh sanh").*

Hai câu này trích từ Vãng Sanh Luận. *"Thiên nhân bất động chúng"*: Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có trời, người, nhưng kinh Di Đà nói có trời, người, Thanh Văn. Kinh Vô Lượng Thọ chỉ rõ *"trời, người"* là nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Nói *"trời, người, Thanh Văn"* do có hai ý nghĩa:

1) Thứ nhất là thân phận của quý vị trước khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như chúng ta có thân phận là người, sanh sang đó bèn gọi là người. Trên thực tế, đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thảy đều là Bồ Tát. [Nói *"trời, người, Thanh Văn"* là nói] thân phận của quý vị trước khi vãng sanh. Quý vị từ cõi trời vãng sanh bèn được gọi là chư thiên. Quý vị là Tiểu Thừa hồi Tiểu hướng Đại, cũng niệm Phật vãng sanh bèn gọi là Thanh Văn, chẳng phải [là Thanh Văn] thật sự. Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Bồ Tát, chẳng có Thanh Văn, trời, người. Phải biết điều này.

2) Một cách nói khác là luận theo mức độ đoạn phiền não khi quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới so với trời, người, A La Hán trong các thế giới khác. Chúng ta đới nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy trí huệ, thần thông, đạo lực, tướng trạng đều chẳng khác Phật, nhưng còn có một điểm khác nhau là Phật chẳng có phiền não, chúng ta vẫn còn phiền não, chúng ta là đới nghiệp vãng sanh. Nếu còn mang theo Kiến Tư phiền não, chưa đoạn hết, sẽ bằng với người, trời trong các thế giới phương khác. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng phá Trần Sa và Vô Minh, sẽ bằng với Duyên Giác và Thanh Văn trong các thế giới khác, có ý nghĩa này.

Thật ra, trong cõi kia, xác thực là chẳng có danh hiệu Nhị Thừa, thiên, nhân. Câu *"thiên nhân bất động chúng"* trong Vãng Sanh Luận [có ý nói] trời, người đều khởi tâm động niệm, nhưng [người, trời trong cõi Cực Lạc] bất động, *"thanh tịnh trí hải sanh"* (biển trí thanh tịnh sanh).

(Sao) Bất động tức bất thoái dã, lương diêu niệm Phật chi lực, đắc y Như Lai trí hải hàm nhuận nhi sanh, hữu tấn vô thoái cố.

(鈔)不動即不退也，良繇念佛之力，得依如來智海含潤而生，有進無退故。

*(**Sao**: Bất động chính là bất thoái. Ấy là do sức niệm Phật bèn được cậy vào biển trí của Như Lai thấm nhuần mà sanh, nên [người trong cõi Cực Lạc] có tiến, mà chẳng có thoái vậy).*

Công đức lợi ích ấy do đâu mà có? Vì vậy, nói là *"pháp khó tin"*. Các pháp sư bên Giáo Hạ rất ít người tin tưởng, bậc đại đức bên Thiền Tông cũng không tin tưởng, há có chuyện thuận tiện dường ấy! Người thật sự triệt để đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh sẽ tin tưởng. Do thấy chân tướng sự thật, người ấy tin tưởng. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: Những bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh sẽ tin tưởng, vì sao? Các Ngài triệt để ngộ nhập Thật Tướng của các pháp, hạng người ấy tin tưởng. Đây là do thần lực của A Di Đà Phật gia trì [khiến cho] hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, các thứ điều kiện ưu việt, ngõ hầu quý vị tuy đới nghiệp, nhưng nghiệp lực chẳng khởi tác dụng, chẳng thể dấy lên hiện hành trong cõi ấy, điểm này hết sức trọng yếu!

Chúng ta niệm Phật, nghiệp lực phiền não thường dấy lên hiện hành, đó chẳng phải là một hiện tượng tốt lành, [vì chúng sẽ] chướng ngại quý vị vãng sanh, chướng ngại quý vị chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, chẳng đắc công phu thành phiến trong hiện tiền. Đắc công phu thành phiến, quyết định nắm chắc vãng sanh. Tuy quý vị hiện thời công phu tu hành rất đắc lực, tiêu trừ một chút nghiệp chướng, tôi hỏi quý vị: Có nắm chắc vãng sanh hay không? Chẳng nắm chắc! Vì sao chẳng nắm chắc? Chưa thể chế phục phiền não. Tuy tiêu nghiệp chướng đôi chút, nhưng khẳng định là tiêu chưa đủ. Tiêu đến một mức độ nhất định, tâm quý vị thanh tịnh, công phu thành phiến. Công phu thành phiến, không chỉ là nắm chắc vãng sanh, mà công phu tốt đẹp hơn sẽ có thể tự tại vãng sanh, muốn vãng sanh lúc nào bèn vãng sanh lúc ấy.

Nay quý vị nương theo pháp môn này để học, người nghiệp chướng tiêu một tí, đạt được một tí tốt đẹp và lợi ích rất đông; nhưng người đạt đến mức công phu thành phiến [có thể] nói [rất quả quyết] "muốn đi khi nào bèn đi ngay khi ấy", hiện thời tôi vẫn chưa thấy có ai! Hy vọng mọi người hãy nghiêm túc nỗ lực tinh tấn, tiến thêm bước nữa thì sẽ đạt tới, chớ nên ngưng nghỉ. Đạt đến công phu thành phiến, chúng ta lại tiến thêm bước nữa, đắc Sự nhất tâm bất loạn. Kinh đã nói rất hay: *"Tu hành trong thế giới Sa Bà một ngày bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc"*. Nếu chúng ta tu đạt đến Lý nhất tâm bất loạn trong thế giới này, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy là phương hướng mà chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực đi theo. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây!

Tập 204

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ sáu:

(Sớ) Thừa thượng bất độc kiến tại bỉ quốc, vô phi hiền thánh, đản hữu sanh giả, tất giai bất thoái dã.

(疏) 承上不獨見在彼國，無非賢聖，但有生者，悉皆不退也。

*(**Sớ**: Tiếp nối ý trong phần trên: Kkông chỉ những người đang ở trong nước ấy, không ai chẳng phải là hiền thánh, mà chỉ cần sanh về cõi ấy, thảy đều là bậc Bất Thoái).*

Lần trước đã giảng đến chỗ này, nay chúng ta xem tiếp.

(Sớ) Chúng sanh giả, thống nhiếp nhất thiết.

(疏)眾生者，統攝一切。

*(**Sớ**: Nói "chúng sanh" là gồm chung hết thảy).*

Giải thích câu *"chúng sanh sanh giả"* trong kinh văn. *"Nhất thiết"* (Hết thảy) là trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới tới chúng sanh trong ác đạo đều được bao gồm. Ý nghĩa gốc của chữ Chúng Sanh là *"các duyên hòa hợp mà sanh"*, bèn gọi là Chúng Sanh. Do vậy có thể biết, chúng sanh có phạm vi hết sức rộng lớn. Không riêng gì hết thảy động

vật hữu tình là do các duyên hòa hợp mà sanh. Chúng ta chẳng thể nói tỉ mỉ, bèn nói đại lược thì hữu tình chúng sanh giống như con người là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp sanh ra. Thực vật và khoáng vật cũng do các duyên hòa hợp sanh ra. Có thể nói: Hết thảy các pháp hữu vi đều do các duyên hòa hợp. Vì lẽ đó, hai chữ Chúng Sanh có phạm vi hết sức rộng lớn, nhưng ở đây, [chữ Chúng Sanh] chuyên chỉ hữu tình chúng sanh, tức là chúng sanh có tình thức, cũng là động vật như chúng ta nói trong hiện thời; nhưng "động vật" ở đây bao hàm [ý nghĩa] còn rộng hơn từ ngữ "động vật" thông thường. Vì động vật như chúng ta đã nói chỉ giới hạn trong địa cầu, chúng sanh được nói ở đây bao gồm chư thiên, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát. Trong hàng Bồ Tát, từ sơ phát tâm cho đến Đẳng Giác đều là chúng sanh. Thành Phật bèn chẳng gọi là chúng sanh, chưa thành Phật thì đều gọi là chúng sanh. Dưới thì cho đến súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục đều là chúng sanh. Vì thế, *"chúng sanh sanh giả"* được nói ở đây là chỉ chung hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới.

Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới không chỉ là thế giới Sa Bà, mà là chúng sanh thuộc chín pháp giới trong mười phương ba đời vô lượng vô biên các cõi Phật, một câu này đã bao gồm toàn bộ. Vì thế, câu này có phạm vi rất lớn. Thông thường, khu vực giáo hóa của một đức Phật là một đại thiên thế giới, chỉ riêng khu vực giáo hóa của A Di Đà Phật là hết thảy các cõi Phật tận hư không khắp pháp giới đều thuộc vào phạm vi giáo hóa của đức Di Đà, chẳng thể nghĩ bàn! Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Bệ Bạt Trí, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Trong chín pháp giới, Bồ Tát và A La Hán bất bình đẳng, A La Hán và chư thiên bất bình đẳng, chư thiên và nhân loại cũng chẳng bình đẳng, nhân loại và ba ác đạo cũng chẳng bình đẳng; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều bình đẳng, đều là A Bệ Bạt Trí. Vì vậy, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng. A Bệ Bạt Trí là bất thoái chuyển.

(Sớ) A Bệ Bạt Trí giả, thử vân Bất Thoái Chuyển Địa, như Đại Bổn cập luận sở minh.

(疏)阿鞞跋致者，此云不退轉地，如大本及論所明。

*(**Sớ**: A Bệ Bạt Trí: Cõi này dịch là Bất Thoái Chuyển Địa (địa vị chẳng lui sụt) như kinh Đại Bổn và Vãng Sanh Luận đã nói rõ).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ, vì kinh Di Đà nói đơn giản, kinh Vô Lượng Thọ nói tỉ mỉ. *"Luận"* là Vãng Sanh Luận. Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát cũng nói rất minh bạch.

(Sớ) Phục hữu đa chủng nhân duyên, cố đắc bất thoái.

(疏)復有多種因緣，故得不退。

*(**Sớ**: Lại do có nhiều thứ nhân duyên nên được Bất Thoái).*

Nhiều thứ nhân duyên như đức Phật đã giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, hoặc Thiên Thân Bồ Tát đã giảng trong Vãng Sanh Luận. Dưới đây, nêu đại lược một thứ.

(Sớ) Như Thập Nghi ngũ chủng, Thông Tán thập thắng, Quần Nghi tam thập ích đẳng.

(疏)如十疑五種，通讚十勝，群疑三十益等。

*(**Sớ**: Như năm thứ trong sách Thập Nghi, mười điều thù thắng trong sách Thông Tán, ba mươi lợi ích trong sách Quần Nghi v.v...).*

Đây là nói đại lược, Thập Nghi là Thập Nghi Luận[67]. Thông Tán là [A Di Đà Kinh] Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư. Quần Nghi cũng là một cuốn sách nhỏ có tên là Quần Nghi Luận[68], sau đây đều được giới thiệu đơn giản.

(Sao) Ngũ chủng giả, Thập Nghi Luận vân.

(鈔)五種者，十疑論云。

*(**Sao**: Năm thứ là như Thập Nghi Luận nói).*

---

[67] Sách này có tên gọi đầy đủ là Tịnh Độ Thập Nghi Luận do Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn, bàn về lý của pháp môn Tịnh Độ.

[68] Bộ sách này có tên gọi đầy đủ là Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận, còn gọi là Quyết Nghi Luận, do ngài Hoài Cảm biên soạn vào đời Đường. Sách gồm bảy quyển, chia thành một trăm mười sáu chương, nhằm giải trừ những nghi vấn Tịnh Độ thời Tùy - Đường xuất phát từ các học giả Nhiếp Luận, Tam Giai, và Duy Thức đời Đường, có thể coi như một bộ sách bách khoa về Tịnh Độ thời ấy. Ngài Hoài Cảm biên soạn bộ luận này chưa xong đã nhập diệt, bạn đồng môn là Hoài Huy bèn tiếp tục biên soạn cho đến khi hoàn thành. Ngài Hoài Cảm vốn học Pháp Tướng Duy Thức, sau này, theo ngài Thiện Đạo thực hành pháp Niệm Phật bèn cảm ngộ. Vì thế, bộ luận này rất súc tích, dùng ngay quan điểm của Duy Thức để đả phá những thành kiến chấp trước của các học giả Duy Thức thời ấy.

Thập Nghi Luận được xếp vào Tịnh Độ Thập Yếu, Thập Nghi Luận nói:

(Sao) Hữu ngũ nhân duyên, cố đắc Bất Thoái: Nhất giả Di Đà đại bi nguyện lực nhiếp trì, cố bất thoái.

(鈔)有五因緣，故得不退：一者彌陀大悲願力攝持，故不退。

*(**Sao**: Do năm nhân duyên nên được chẳng thoái chuyển: Một là do đại bi nguyện lực của Phật Di Đà nhiếp trì nên bất thoái).*

Câu này là nguyên văn trong Thập Nghi Luận, dưới đây là lời giải thích.

(Sao) Kim thích, vị như Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, văn ngã danh hiệu, quy y tinh tấn, tức đắc đệ nhất nhẫn, đệ nhị nhẫn, đệ tam nhẫn, ư chư Phật pháp, vĩnh bất thoái chuyển", thí như thiệp hải, đắc thừa cự hàng, bất trầm nịch cố.

(鈔)今釋，謂如大本法藏願云：我作佛時，聞我名號，皈依精進，即得第一忍 、第二忍 、第三忍 ，於諸佛法，永不退轉，譬如涉海，得乘巨航，不沈溺故。

*(**Sao**: Nay giải thích rằng: Như trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi làm Phật, nghe danh hiệu của tôi, quy y, tinh tấn, liền đạt được nhẫn thứ nhất, nhẫn thứ hai, nhẫn thứ ba, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển trong các Phật pháp". Ví như vượt biển, được ngồi chiếc thuyền to, chẳng bị chìm đắm).*

Từ đoạn văn tự này, chúng ta có thể thấu hiểu bốn mươi tám nguyện là lý luận căn bản để y cứ cho sự tu học trong Tịnh Tông. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng ba kinh Tịnh Độ là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, không gì chẳng nhằm nói rõ cặn kẽ bốn mươi tám nguyện, từng chữ từng câu đều chẳng lìa bốn mươi tám nguyện, mà cũng quyết định không mâu thuẫn bốn mươi tám nguyện. Nếu mâu thuẫn bốn mươi tám nguyện thì chẳng phải là do đức Phật đã nói. Do vậy có thể biết, cổ đức khen ngợi kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất trong Tịnh Tông, lời này có đạo lý.

Trong Thập Nghi Luận, nhân duyên bất thoái thứ nhất là như

trong bốn mươi tám nguyện có nói *"văn danh đắc nhẫn nguyện"* (nguyện "nghe danh bèn đắc nhẫn"). Nếu nói tới quả vị, đây là cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát. Nhẫn thứ nhất là Âm Hưởng Nhẫn, [bao gồm các địa vị] Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; nhẫn thứ hai là Nhu Thuận Nhẫn, [bao gồm] Tứ Địa, Ngũ Địa và Lục Địa; nhẫn thứ ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn, [bao gồm] Thất Địa, Bát Địa và Cửu Địa, đương nhiên [các địa vị này] là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là từ Thất Địa trở lên, cũng có nghĩa là [những vị đã chứng đắc] Đệ Tam Nhẫn, nhất định là nhẫn thứ nhất, nhẫn thứ hai, nhẫn thứ ba, các Ngài thảy đều đạt được. Đây là do oai thần của Phật Di Đà gia trì, khiến cho mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thể đạt được.

Thoạt nhìn, đạt được dường như rất dễ dàng! Có khá nhiều người chẳng thể tiếp nhận pháp môn này, nguyên nhân là [do họ chấp trước]: "Các ngươi là hạng phàm phu lè tè sát đất, nghiệp chướng nặng nề ngần ấy, mới niệm Phật vài ngày, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn nghiễm nhiên là Thất Địa Bồ Tát, làm sao có thể tin tưởng cho được?" Thông thường, người bình phàm phải tu đạt đến Thất Địa Bồ Tát, tức là sau khi đã chứng đắc Sơ Trụ trong Biệt Giáo, phải tu hai A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể chứng đắc. Quý vị mới dùng công phu mấy năm bèn chứng đắc, một phẩm Hoặc cũng chẳng đoạn [mà đã bằng với Thất Địa Bồ Tát], chuyện này quả thật khó có thể khiến cho kẻ khác tin tưởng được! Những người ấy do thiện căn ít ỏi, tri thức cạn mỏng, chẳng hiểu [nguyên do vì sao] những chúng sanh tạo tội nghiệp nặng nề nhất vãng sanh thế giới Tây Phương, họ thấy những chúng sanh đó suốt một đời này tạo tội nghiệp, chẳng thấy các đời trước, kiếp trước của những chúng sanh ấy! Trong đời trước, người ta đã gieo thiện căn rất lớn, suốt một đời này hồ đồ điên đảo tạo tội nghiệp, nhưng chẳng thể không đếm xỉa tới thiện căn, phước đức, và nhân duyên trong đời quá khứ. Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nghe pháp môn này mà có thể tin tưởng, tức là trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, quý vị đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Quý vị nghĩ xem: Thiện căn ấy to cỡ nào! Mấy ai biết thiện căn ấy? Chỉ có Phật mới biết nhân duyên trong đời quá khứ của hết thảy chúng sanh. Vì thế, phàm phu mắt thịt chỉ thấy trước mắt, chẳng biết quá khứ của quý vị.

Một người có thể tin pháp môn này, có thể nguyện, có thể hành, là do thiện căn trong quá khứ từ vô lượng kiếp đến hiện thời đã chín muồi. Do đó, hiện tiền trót tạo ác nghiệp cũng không sợ; do thiện căn trong đời

quá khứ đã chín muồi, mười phương Tam Bảo gia trì, nên quý vị nghe kinh này mới có thể sanh tâm hoan hỷ, mới có thể phát nguyện, y giáo phụng hành. Đây là nói lời chân thật cùng chư vị, tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên. Chẳng có thiện căn sâu dầy như vậy, làm sao có thể vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được thần lực của A Di Đà Phật gia trì, bèn đạt từ địa vị Thất Địa trở lên. A Di Đà Phật gia trì cũng là có điều kiện: Trong đời quá khứ, quý vị chẳng có thiện căn này, A Di Đà Phật có muốn gia trì cũng chẳng thể gia trì được! Mười phương chư Phật âm thầm gia hộ quý vị, tâm Phật bình đẳng, lẽ đâu chẳng gia hộ? Còn có rất nhiều người không tin, còn có rất nhiều người tuy đã tin mà vẫn chẳng muốn vãng sanh, tức là thiện căn đã tu trong đời quá khứ ít ỏi! Những lời này chẳng phải là do tôi nói, mà đều là do đức Thế Tôn đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị không tin cứ tra duyệt trong kinh, tôi nói lời chân thật cùng mọi người!

Kế đó là một tỷ dụ *"thí như thiệp hải"* (ví như vượt biển). Đi thuyền trên biển mà chúng ta có một chiếc tàu lớn sẽ chẳng bị chìm đắm. Nguyện hạnh của A Di Đà Phật là một chiếc thuyền lớn, chúng ta nương vào nguyện lực và oai thần của A Di Đà Phật, nên sẽ chẳng bị thoái chuyển (chìm đắm là thoái chuyển). Đây là nguyên nhân thứ nhất khiến cho [người trong cõi Cực Lạc] chẳng bị thoái chuyển.

(Sao) Nhị giả, Phật quang thường chiếu, cố Bồ Đề tâm tăng tấn bất thoái.

(鈔)二者佛光常照，故菩提心增進不退。

*(**Sao**: Hai là do Phật quang thường chiếu, nên tâm Bồ Đề tăng tấn bất thoái).*

Đây là nguyên nhân thứ hai. Nguyên nhân trước gồm hai điều: Một là nguyện lực của Phật Di Đà, hai là thiện căn của chính mình. Hai điều này hợp thành cái nhân của bất thoái chuyển. Thứ hai là nói tới ngoại duyên, từ điều thứ hai trở đi đều nói về ngoại duyên. Do duyên bên ngoài thù thắng, nên quý vị sẽ không bị thoái chuyển: Quý vị thường được tiếp xúc quang minh trí huệ của Phật. Đối với Phật quang, chư vị phải biết: Chúng ta thường hễ thấy *"Phật quang"* bèn nghĩ đến quang minh; [nhưng hãy nghĩ xem] cũng có người thấy Phật quang, thấy xá-lợi tỏa sáng, đã trông thấy, hỏi xem người ấy có bất thoái hay không? Vẫn thoái chuyển! Chẳng phải là Phật quang chiếu tới quý vị đôi chút, quý vị

liền mở mang trí huệ, chẳng bị thoái chuyển đâu nhé! Nếu dễ dàng như vậy, cần gì đức Phật phải vì chúng ta thuyết pháp bốn mươi chín năm, vất vả ngần ấy? Phóng quang chiếu một thoáng, chẳng phải là đã xong rồi hay sao? Không chỉ chiếu, có dùng lửa thiêu quý vị, quý vị vẫn chẳng thể khai ngộ! Có phải là như thế hay không? Chiếu rồi, há có khai ngộ ư? Do vậy, ở chỗ này, phải hiểu Phật quang chẳng phải là quang minh, mà là đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, trí huệ của đức Phật khơi gợi, phát khởi quang minh trong tự tánh của chúng ta, có ý nghĩa này.

Trong thời đại hiện tại, chuyện yêu ma quỷ quái rất nhiều. Thấy phóng quang, thấy [thân hình kẻ đó] rời khỏi mặt đất ba thước, thật sự có! Lần này tôi đến Bắc Kinh, ở chung một chỗ với Hoàng lão cư sĩ, lão cư sĩ bảo tôi: Ở Đài Loan, có một vị cư sĩ chuyên môn nghiên cứu xá-lợi, đến mỗi nơi xem xá-lợi, chụp rất nhiều ảnh xá-lợi hiện tướng Phật cũng như hiện quang. Bản thân ông ta cũng thấy xá-lợi phóng quang, đôi khi chỉ có mình ông ta thấy, đồng bạn chẳng thấy, đôi khi mọi người cùng đi đều thấy. Ông ta thưa chuyện này cùng Hoàng lão cư sĩ, Hoàng lão cư sĩ một mực không nghe. Ông ta phải đưa ảnh chụp cho cụ xem, [cụ bảo]: "Tôi không nhìn tới!" Dẫu là thật, cũng không có chi lạ lùng! Kinh Kim Cang đã nói rất hay, *"phàm những gì có tướng đều là hư vọng"*, chẳng đáng để khoe khoang, chẳng đáng nhắc tới! Vì thế, thật sự là bậc cao nhân thì nghe [những chuyện thần thông] cũng chẳng muốn nghe!

Lão cư sĩ phân biệt tà chánh rất rõ ràng. Cụ bảo tôi: Hiện thời, ở hải ngoại có một vị pháp sư rất nổi tiếng. Vị pháp sư ấy là đồng học của cụ, cùng học Phật với một vị thầy. Cụ nói người này thiên trọng thần thông quá lố, nên cụ chẳng qua lại với thầy ấy: "Những thứ đó khiến cho hết thảy chúng sanh chẳng đạt được lợi ích chân thật!" Ngoài ra còn có một vị Thượng Sư Mật Tông đã vãng sanh, tình cảnh lúc mất chẳng tốt đẹp cho mấy. Vị ấy cũng là đồng học của cụ, học cùng một thầy, đã đi theo tà pháp, chẳng phải là chánh pháp, nên cụ chẳng qua lại!

Không chỉ là chẳng cùng người ấy qua lại, cụ còn bảo tôi: Lão cư sĩ Châu Tuyên Đức ở Lạc Sam Cơ (Los Angeles), Châu lão cư sĩ hết sức kính ngưỡng cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, viết rất nhiều bức thư, mong mỏi cụ Hoàng có thể đến Lạc Sam Cơ hoằng pháp. Ngay cả một bức thư cụ Hoàng cũng chẳng hồi đáp, do nguyên nhân nào? Vì cụ biết cư sĩ Châu Tuyên Đức có nhà xuất bản Huệ Cự, từng in cho người ấy (ông Thượng Sư Mật Tông vừa nói trên) một bộ sách. Cụ Hoàng bảo: "Châu cư sĩ tuổi

cao như thế, ngay cả tà chánh cũng chẳng thể phân biệt, nên tôi chẳng quan tâm đến ông ta". Quý vị biết là một người tu hành thật sự có huệ nhãn, sẽ phân biệt tà chánh rành mạch. Những người ấy đều rất có tiếng tăm, có địa vị trên quốc tế, thế mà Hoàng lão cư sĩ chẳng đoái hoài! Cụ dạy chúng ta thật thà, noi theo thực tiễn để nghiêm túc tu học.

Do đó, quang minh của Phật là thánh giáo, kinh điển chính là quang minh của Phật, chúng ta đọc tụng kinh điển là được Phật quang chiếu gội. Kinh điển để đó, chẳng niệm, tuy có Phật quang, chẳng chiếu tới chúng ta! Y giáo tu hành chính là Phật quang chiếu gội, chư vị phải hiểu ý nghĩa này. Chẳng phải là thấy quang minh, thấy hoa sen, thấy những thứ kỳ quái, [có thấy] những thứ ấy đều vô dụng. Khơi gợi, phát khởi quang minh trong tâm địa của chúng ta, khiến cho chúng ta có thể phân biệt tà chánh, phân biệt đúng sai, phân biệt chân vọng, đó là Phật quang thường chiếu.

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật quang thường chiếu chính là A Di Đà Phật vì chúng ta thuyết pháp chẳng gián đoạn. Đức Phật thuyết pháp, chúng ta nghe pháp, đó là ý nghĩa của *"Phật quang thường chiếu"*. Thường nghe đức Phật thuyết pháp, phá mê, khai ngộ, nên *"Bồ Đề tâm tăng tấn bất thoái"*. Bồ Đề tâm là giác tâm. Tâm của người trong cõi Cực Lạc giác ngộ trong mỗi niệm, chẳng mê, giác tâm tăng thượng, cho nên bất thoái.

(Sao) Kim thích, vị như Đại Bổn ngôn: "Kiến Phật quang minh, nhi sanh từ tâm". Hựu "niệm Phật chi nhân, Phật phóng quang minh, nhiếp thọ thử nhân".

(鈔)今釋，謂如大本言，見佛光明，而生慈心。又念佛之人，佛放光明，攝受此人。

*(**Sao**: Nay giải thích là như kinh Đại Bổn có nói: "Thấy quang minh của Phật bèn sanh từ tâm". Lại nữa, "người niệm Phật, Phật phóng quang minh nhiếp thọ người ấy").*

Đây là nói tới sự gia trì âm thầm hay rõ rệt. Âm thầm là Phật ngấm ngầm gia trì quý vị. Vì thế, niệm kinh, niệm Phật sẽ được oai thần của Phật gia trì. Dưới đây là tỷ dụ.

(Sao) Thí như nhật nguyệt, chiếu chúc ám đồ, bất đọa khanh tiệm cố.

(鈔)譬如日月，照燭闇途，不墮坑塹故。

*(**Sao**: Ví như mặt trời, mặt trăng soi sáng nẻo tối, [khiến cho người đi đường] chẳng sụp hầm sa hố).*

Trong nơi tối tăm, chúng ta có đèn chiếu sáng, sẽ không đi lầm đường, cũng chẳng gặp nguy hiểm, mang ý nghĩa này.

(Sao) Tam giả thủy, điểu, thụ lâm, phong thanh, nhạc hưởng, giai thuyết Khổ, Không, văn giả thường khởi niệm Phật, Pháp, Tăng chi tâm, cố bất thoái.

(鈔)三者水鳥樹林，風聲樂響，皆說苦空，聞者常起念佛法僧之心，故不退。

*(**Sao**: Ba là nước, chim, rừng cây, tiếng gió thổi, tiếng nhạc ngân, đều nói Khổ, Không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, Pháp, Tăng, nên chẳng thoái chuyển).*

Hết thảy những thứ tạo tác trong thế giới Tây Phương đều do A Di Đà Phật biến hóa thành. Nói cách khác, y báo và chánh báo trang nghiêm trong toàn thể Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hóa thân của A Di Đà Phật; ngay cả tiếng gió thổi, tiếng chim hót đều là hóa thân của A Di Đà Phật. Sáu trần đều tuyên nói diệu pháp. Quý vị mong nghe pháp môn gì, chúng liền nói cho quý vị nghe pháp môn đó. Ở đây là nêu ra một thí dụ, nói theo phía trời, người đới nghiệp vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. *"Giai thuyết Khổ, Không"* là nói [các pháp] Khổ, Không, Vô Thường, giúp chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, thường khởi tâm niệm Tam Bảo. Tam Bảo theo như Lục Tổ đại sư đã giải thích: *"Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là niệm giác, niệm chánh, niệm tịnh, là giác, chánh, tịnh"*, phải biết điều này. Giác, chánh, tịnh, là tự tánh Tam Bảo, tự tánh Tam Bảo mới là chỗ quy y thật sự, mới chẳng thoái chuyển. Nếu niệm Tam Bảo bên ngoài thì sẽ vô dụng, chẳng thể đảm bảo quý vị chẳng thoái chuyển. Niệm tự tánh Tam Bảo sẽ quyết định chẳng thoái chuyển.

(Sao) Kim thích, vị như thử kinh, cập nhị bộ trung thuyết.

(鈔)今釋，謂如此經，及二部中說。

*(**Sao**: Nay giải thích: Như trong kinh này và hai bộ kinh kia đã*

nói).

"Thử kinh" (kinh này) là kinh A Di Đà. Tịnh Độ có ba kinh, trừ kinh này ra, còn có hai bộ nữa là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. *"Nhị bộ trung thuyết"* là những điều được nói trong hai bộ kinh ấy.

(Sao) Thí chi vong giả, văn chung khánh thanh, tăng kỳ chánh niệm cố.

(鈔)譬之亡者，聞鐘磬聲，增其正念故。

*(**Sao**: Ví như người đã mất nghe tiếng chuông, khánh, tăng thêm chánh niệm).*

Đây là nói người đang lúc lâm chung, đã tắt hơi. Tình hình thông thường là trong vòng tám tiếng, thần thức của người ấy chưa rời khỏi [xác thân]; khi ấy, quý vị gõ chuông, đánh khánh, tuy người ấy chẳng thể nói, nhưng nghe được. Trợ niệm và thuyết pháp cho người ấy, khuyên người ấy cầu sanh thế giới Cực Lạc, người ấy cũng có thể nghe được. Nếu người ấy nghe được, tiếp nhận, một niệm hồi tâm, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là có thể vãng sanh. Vì thế, trợ niệm có nhiều điều lợi ích. Đây là chuyện tỷ dụ mà còn có thể giúp cho người ấy giữ chánh niệm, huống hồ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sáu trần thuyết pháp, trong mỗi niệm đều chẳng có tà tư (suy nghĩ tà vạy), lẽ đâu sẽ thoái chuyển? Đây là nguyên nhân thứ ba: Do hoàn cảnh vật chất tốt đẹp, chúng ta sẽ không bị thoái chuyển.

(Sao) Tứ giả thuần chư Bồ Tát, dĩ vi thắng hữu, ngoại vô ma tà, nội vô phiền não, cố bất thoái.

(鈔)四者純諸菩薩，以為勝友，外無魔邪，內無煩惱。故不退。

*(**Sao**: Bốn, thuần là các vị Bồ Tát làm bạn thù thắng, ngoài chẳng có tà ma, trong chẳng có phiền não, nên chẳng thoái chuyển).*

Đây là hoàn cảnh nhân sự thù thắng. Hoàn cảnh nhân sự trong thế gian này hết sức phức tạp, nhất là đối với cõi đời hiện thời, người trong hiện thời đặc biệt khổ sở, nguyên nhân ở chỗ nào? Người trong đời hiện thời vứt bỏ sách thánh hiền, chẳng đọc sách thánh hiền, đáng sợ quá!

Điểm tốt đẹp trong sách thánh hiền là ở chỗ nào? Điểm tốt đẹp của sách thánh hiền là giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Không chỉ là sách Phật [có công năng] như vậy, mà sách Khổng, Mạnh, Lão Trang đều giúp chúng ta phá mê khai ngộ, khiến cho chúng ta nhận thức bản thân, nhận thức hoàn cảnh. Trong thế gian này, chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, tự mình biết phải nên làm như thế nào, có được một tiêu chuẩn. Nói theo kinh Phật, tiêu chuẩn ấy thuận tánh, thuận theo Chân Như bản tánh; vì thế, tiêu chuẩn ấy là thiện. Trong một đời này, chúng ta được sung sướng, hạnh phúc; xã hội, quốc gia, cho đến thế giới có thể đạt được an hòa, lợi lạc. Đấy là lợi ích của sách thánh hiền. Nay chúng ta vứt bỏ, chẳng cần đến nữa, tư tưởng của hết thảy mọi người chẳng có tiêu chuẩn, suy nghĩ loạn xạ. Do tư tưởng lẫn kiến giải đều sai lầm, hành vi lẽ nào chẳng sai trái ư? Lỗi lầm ấy dẫn đến kết quả là tai nạn, đau khổ. Nếu quý vị hỏi: "Đến ngày nào thế giới này mới có hòa bình? Ngày nào xã hội an tường, hòa thuận, chúng ta mới có thể sống một cuộc đời tốt đẹp?" Tùy thuộc vào ngày nào sẽ khôi phục lại chuyện đọc sách thánh hiền.

Trong quá khứ, Hồng Y Vu Bân[69] đề xướng cúng giỗ tổ tiên, chúng ta đều cảm thấy rất lạ lùng, vì Thiên Chúa Giáo chẳng nói tới tổ tiên. Ông ta đề xướng cúng giỗ tổ tiên, chúng ta ngơ ngác không hiểu! Lục lão cư sĩ đã giải thích rõ chuyện này, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Cụ nói: Có một năm nọ, Hồng Y Vu Bân tham gia hội nghị quốc tế ở Âu Châu tổ chức tại Nhật Nội Ngõa (Geneva). Khi ấy, đại hội mời một sử gia kiêm triết gia Anh Quốc nổi danh thế giới là học giả Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đến diễn thuyết. Trong bài diễn thuyết, ông Thang Ân Tỷ bảo mọi người, nếu muốn cho thế giới thật sự hòa bình, chỉ có tư tưởng Khổng Mạnh mới có thể cứu vãn thế giới. Hồng Y Vu Bân nghe nói như vậy, trở về nước bèn đề xướng thờ phụng tổ tiên. Người thật sự có học vấn trên thế giới biết văn hóa Trung Hoa đáng quý, biết học thuyết Khổng Mạnh có thể cứu người trong thiên hạ, nhưng chính chúng

[69] Hồng Y Vu Bân (1901-1978) người huyện Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông, là Hồng Y thứ hai của Trung Hoa. Ông từng làm tổng giám mục địa phận Nam Kinh, được phong Hồng Y vào năm 1969. Ông đã đậu học vị tiến sĩ Thần Học tại đại học giáo hoàng Urbaniana ở La Mã, cũng như giành được văn bằng tiến sĩ chính trị tại đại học Hoàng Gia ở Perugia, tinh thông các thứ tiếng La Tinh, Anh, Đức và Pháp. Khi bị chánh quyền Hoa Lục trục xuất khỏi tông tòa Nam Kinh, ông phải sang Đài Loan tỵ nạn, và đã có công sáng lập đại học Phụ Nhân tại Đài Loan. Năm 1976, ông được mời làm viện trưởng viện nghiên cứu tôn giáo thế giới của đại học Phật giáo Pháp Giới (do hòa thượng Tuyên Hóa sáng lập tại Berkeley, California).

ta lại không biết! Xưa kia, Tứ Thư và Ngũ Kinh là sách người Hoa bắt buộc phải đọc. Chỉ cần là người Hoa, chẳng có ai không đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Nay chúng ta vứt bỏ những sách ấy, nên mới gặp khổ nạn to lớn dường ấy, đúng là ngu si, điên đảo!

Thế giới Tây Phương không chỉ chẳng có lục đạo, lại thưa cùng quý vị, cũng chẳng có mười pháp giới, nó là Nhất Chân pháp giới, là *"thuần chư Bồ Tát dĩ vi thắng hữu"* (thuần là các vị Bồ Tát làm bạn thù thắng), *"thắng"* (勝) là thù thắng (殊勝). [Thắng hữu] là bạn bè tốt nhất. Từ Đại Kinh chúng ta đọc thấy, Bồ Tát [trong cõi Cực Lạc], vẫn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, mà đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều tuân tu phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ, thảy đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm bảo: *"Chẳng tu Phổ Hiền hạnh, chẳng thể viên thành Phật đạo"*. Nếu muốn thành Viên Giáo Phật, tức là [chứng đắc] Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhất định phải tu Phổ Hiền hạnh. Tây Phương Cực Lạc thế giới từ sơ phát tâm Bồ Tát cho đến Đẳng Giác Bồ Tát thảy đều tu Phổ Hiền hạnh, điều này chẳng thể nghĩ bàn. *"Ngoại vô ma tà"* là bên ngoài chẳng có thiên ma, chẳng có tà tri, tà kiến. *"Nội vô phiền não"*: Tâm địa của mỗi người vãng sanh đều thanh tịnh. Tâm tịnh ắt cõi nước tịnh!

Vì vậy, niệm Phật thì phải niệm đến mức công phu thành phiến mới có tư cách vãng sanh. Chẳng phải là nói "hễ ta niệm Phật bèn có thể vãng sanh", chưa chắc! Niệm Phật phải đắc lực, phải có công phu thì mới có thể vãng sanh. Công phu thành phiến nói theo kiểu nào? Trong tâm chúng ta trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có bất cứ tạp niệm gì, đó gọi là "[thành] một phiến". Cũng có nghĩa là từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm tưởng A Di Đà Phật; trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng không nghĩ tới, điều gì khác cũng chẳng niệm, đó là điều khẩn yếu! Vừa niệm Phật vừa dấy vọng tưởng, sẽ chẳng thể vãng sanh. Người niệm Phật đông đảo, xác thực là nhân tố quyết định khiến cho xã hội an định, tai nạn tiêu trừ, có lợi ích tốt đẹp. Còn như người niệm Phật có thể vãng sanh hay không, chẳng dám nói. Đối với điều kiện vãng sanh, điều kiện thấp nhất là công phu thành phiến. Nếu cao hơn một bậc sẽ là Sự nhất tâm bất loạn, cao nhất là Lý nhất tâm bất loạn. Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Sự nhất tâm bất loạn bèn sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Công phu thành phiến, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chẳng thể niệm đến mức công phu thành phiến, sẽ chẳng thể vãng sanh.

Trong các đồng tu chúng ta, người niệm Phật mà thường nghĩ tới tiền bạc, nghĩ tới cổ phiếu, [nghĩ tưởng] những thứ ấy thì làm sao có thể vãng sanh cho được? Dẫu quý vị niệm giỏi giang cách mấy, do chẳng buông những thứ ấy xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh, phải triệt để buông xuống! Quý vị nói: Buông xuống thì đời này tôi sẽ sống như thế nào đây? Quý vị cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn phải hỏi sẽ sống ra sao ư? Hễ còn phải nghĩ ta phải sống cuộc đời này thì nói cách khác, về căn bản, quý vị chẳng có ý nghĩ cầu vãng sanh! Thật sự có ý nghĩ cầu vãng sanh, chẳng quan tâm đến ngày mai, ngày mai vãng sanh! Công phu như vậy thì mới có thể thành phiến, quý vị niệm Phật mới có thể thật sự đạt được thọ dụng, tâm địa mới có thể thanh tịnh, mới có thể tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng trí huệ, khai trí huệ. Điều này rất khẩn yếu! Nay chúng ta chẳng đoạn phiền não, vẫn y như cũ tăng trưởng thị phi, nhân ngã, kiêu căng, ngã mạn, tham, sân, si, vẫn làm theo lề lối ấy thì chẳng có cách nào cả! Niệm Phật kiểu đó chỉ có thể gieo thiện căn mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này.

(Sao) Kim thích, vị như thử kinh ngôn: "Chư thượng thiện nhân, đồng hội nhất xứ". Thí chi trí tử Trang Nhạc, bất phục Sở ngữ cố.

(鈔) 今釋，謂如此經言：諸上善人，同會一處。譬之置子莊嶽，不復楚語故。

*(**Sao**: Nay giải thích: Như kinh này có nói: "Các vị thượng thiện nhân cùng hội họp một chỗ". Ví như để con ở phố Trang, xóm Nhạc thì nó chẳng còn nói tiếng nước Sở nữa).*

Đúng như trong cùng một bản kinh này có nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc là *"chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ"* (các vị thượng thiện nhân cùng nhóm lại một chỗ). *"Thượng thiện"* là nói Đẳng Giác Bồ Tát. Trong hàng Bồ Tát, chẳng có ai cao hơn Đẳng Giác. Vì thế, Đẳng Giác là thượng thiện. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bậc Đẳng Giác Bồ Tát quá đông, ở chung một chỗ với những vị ấy, làm sao có thể thoái chuyển cho được? Chẳng thể nào! Mỗi ngày ở chung một chỗ với bậc Đẳng Giác Bồ Tát, ở chung một chỗ với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, làm sao quý vị có thể thoái chuyển? Chẳng thể nào! Kế đó, tổ Liên Trì nêu một tỷ dụ *"thí như trí tử Trang Nhạc"* (để con trong phố Trang, xóm Nhạc), *"trí"* (置) là đặt hoặc đưa trẻ nhỏ đến sống

tại Trang Nhạc. Trang Nhạc là tên một khu phố của nước Tề, là một địa danh tại nước Tề[70], *"bất phục Sở ngữ"* (không còn nói tiếng nước Sở nữa). Hiện thời, Sở là tỉnh Hồ Nam. Mỗi địa phương đều có ngôn ngữ của riêng vùng ấy, quý vị đem trẻ nhỏ [nước Sở] để ở nước Tề, trong tương lai, tự nhiên nó sẽ nói tiếng nước Tề, chẳng biết nói tiếng nước Sở. Điều này nhằm nói rõ hoàn cảnh ảnh hưởng con người. Tây Phương Cực Lạc thế giới có hoàn cảnh tốt đẹp, quý vị và Bồ Tát ở cùng một chỗ, tự nhiên quý vị cũng thành Bồ Tát, bất tri bất giác biến thành Bồ Tát, có ý nghĩa này.

(Sao) Ngũ giả, thọ mạng vĩnh kiếp, dữ Phật tề đẳng, cố bất thoái.

(鈔)五者壽命永劫，與佛齊等，故不退。

*(**Sao**: Năm là thọ mạng bao kiếp dài lâu, bằng với thọ mạng của Phật nên chẳng thoái chuyển).*

Nhân tố thứ năm là thọ mạng dài. Tây Phương thế giới A Di Đà Phật vô lượng thọ. Tuy nói là vô lượng, nhưng là vô lượng trong hữu lượng, mà cũng có thể nói là vô lượng trong vô lượng, vì sao? Tuy có số lượng, nhưng không ai có thể tính toán con số ấy. Chư vị xem kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết. Không chỉ là người thế gian chẳng có cách nào tính toán, mà trong kinh có tỷ dụ: Mười phương thế giới hết thảy chúng sanh đều chứng đắc quả vị Bích Chi Phật, thần thông đều giống Đại Mục

---

[70] Địa danh này được nhắc đến trong sách Mạnh Tử. Theo các nhà chú thích, Trang là khu phố phồn hoa bậc nhất vào thời đó tại kinh đô Lâm Truy của nước Tề thuộc về xóm Nhạc vào thời ấy. Thành ngữ này xuất phát từ một đoạn trong sách Mạnh Tử: *"Mạnh Tử vị Đới Bất Thắng viết: "Tử dục tử chi vương chi thiện dữ? Ngã minh cáo tử. Hữu Sở đại phu ư thử, dục kỳ tử chi Tề ngữ dã, tắc sử Tề nhân phó chư, sử Sở nhân phó chư?" Viết: "Sử Tề nhân phó chi". Viết: "Nhất Tề nhân phó chi, chúng Sở nhân hưu chi, tuy nhật thát nhi cầu kỳ Tề dã, bất khả đắc hỹ. Dẫn chi trí chi Trang Nhạc chi gian sổ niên, tuy nhật thát nhi cầu kỳ Sở, diệc bất khả đắc hỹ!"* (Mạnh Tử bảo Đới Bất Thắng: "Ông mong đạt đến mức độ tốt lành như vua của ông ư? Tôi nói rõ cùng ông, có một vị đại phu nước Sở ở nơi đây, mong con biết nói tiếng nước Tề thì sai người Tề dạy nó nói, hay sai người Sở dạy nó nói?" Đáp: "Sai người Tề dạy". Mạnh Tử bảo: "Một người Tề dạy, mà cả đống người Sở ồn ào quanh nó, dẫu hằng ngày đòn roi ép nó học tiếng Tề cũng không thể được. Đưa nó đến sống tại phố Trang Nhạc mấy năm, tuy hằng ngày roi vọt ép nó nói tiếng Sở cũng không được"). Nước Tề là đất phong cho Khương Thượng (Khương Tử Nha) dưới thời Châu Vũ Vương, địa bàn bao gồm phần lớn tỉnh Sơn Đông, một phần Đông Nam tỉnh Hà Bắc, và một phần Đông Bắc tỉnh Hà Nam hiện thời.

Kiền Liên, cùng nhau tính toán đều tính chẳng ra. Vì vậy, nói theo Sự, khi A Di Đà Phật nhập diệt, Quán Âm Bồ Tát kế thừa ngôi vị Phật. Trong tương lai, Quán Âm Bồ Tát nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát kế thừa ngôi vị Phật, đó là hữu lượng. Tuy là hữu lượng, thời kiếp quá dài, chẳng có cách nào tính toán. [Vô lượng] tuyệt đối chẳng phải là Vô Lượng trong mười con số lớn của Ấn Độ, nên chúng ta cũng có thể nói nó thật sự là vô lượng.

Phàm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng đều bằng với, ngang với Phật. Quý vị nghĩ xem, có ai chẳng thành Phật ư? Thành Phật phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp; nói thật ra, đối với thọ mạng của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thì ba A-tăng-kỳ kiếp quá ngắn. Vì thế, chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định thành Phật trong một đời, chẳng cần chờ đến đời sau. Sau khi đã thành Phật, thọ mạng sẽ là thật sự vô lượng. Đây là một nhân tố khiến cho họ chẳng bị thoái chuyển.

Vì sao nói tới điều này? Điều này rất trọng yếu. Chúng ta cũng là đã phát tâm tu hành vô lượng kiếp trước. Do tu vô lượng kiếp, trong khoảng thời gian ấy, đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nay vẫn là tình trạng [phàm phu đọa lạc] như thế này, nguyên nhân là đâu? Vì thọ mạng ngắn ngủi, sau khi đã chết, bị mê khi cách ấm, vừa đầu thai liền thoái chuyển, phải học lại từ đầu, học chưa được bao nhiêu lại chết ngắc, sanh sanh tử tử, khiến cho chúng ta tu hành vĩnh viễn chẳng thể thành tựu, đó là nhân tố gây thoái chuyển. Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng dài, nên họ chẳng thoái chuyển, có thể một mực tu hành cho đến khi thành Phật. Thọ mạng của họ không chỉ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp; do đó, họ quyết định thành Phật.

Chúng ta thấy: Do điều này, chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ không được, mười phương các cõi Phật chẳng có điều này. Nói cách khác, sanh vào các cõi Phật khác, thọ mạng của quý vị chẳng dài; khi chẳng dài, đến khi mạng chung, sau khi đã chết lại đầu thai, trong quá trình ấy còn bị mê khi cách ấm, còn bị thoái chuyển. Đây là chuyện hết sức đáng sợ. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy vương tử A Xà Thế và năm trăm đại trưởng giả trong quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, vẫn bị mê khi cách ấm, vẫn thoái chuyển. Xem đoạn kinh văn ấy, đúng là hết sức sợ hãi! Xem xong, quý vị liền biết: Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ giống như họ. Nói thật ra, họ giống như chúng ta trong hiện thời, đây là nguyên nhân khiến cho họ

chẳng thể thành tựu.

(Sao) Kim thích, vị như kinh ngôn, Phật cập nhân dân, thọ mạng vô biên, thí chi thiệp vạn lý đồ, giả dĩ thời nhật, chung chí bảo sở cố.

(鈔)今釋，謂如經言，佛及人民，壽命無邊，譬之涉萬理途，假以時日，終至寶所故。

*(**Sao**: Nay giải thích: Như kinh nói "Phật và nhân dân, thọ mạng vô biên". Ví như đi đường vạn dặm, do có thời gian lâu dài, nên rốt cuộc đến được chỗ có của báu).*

Đây là tỷ dụ. Quý vị có thời gian dài, tuy đường xa, chẳng sợ, vì sao? Quyết định có thể đến được. Nếu đường rất dài, thọ mạng ngắn ngủi, chưa đến được nơi ấy đã chết, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu. Thọ mạng dài thì không sợ [chưa thành công đã chết], trong kinh, đức Phật nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc là như kinh Hoa Nghiêm nói "vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới có thể chứng đắc Viên Giáo Phật quả". Đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vô lượng A-tăng-kỳ kiếp cũng không sợ, trong một đời vẫn quyết định có thể chứng đắc. Đó là lợi ích [của vô lượng thọ]. Nói thật ra, trong [khi giảng giải] Đại Kinh, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu, Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng trang nghiêm, trong đó, quan trọng nhất là vô lượng thọ. Chư vị nghĩ xem: Chẳng có thọ mạng, dẫu là hết thảy trang nghiêm cách nào đi nữa, quý vị đều chẳng có phần hưởng thụ. Vì thế, thọ mạng trọng yếu bậc nhất. Ta có thọ mạng, nên ta mới có thể hưởng thụ hết thảy các thứ trang nghiêm. Chẳng có thọ mạng sẽ không được. A Di Đà Phật dịch thành Vô Lượng Thọ, tức là đã phiên dịch ý nghĩa trọng yếu nhất. Trong vô lượng nghĩa, ý nghĩa này quan trọng nhất.

(Sao) Thập thắng, tam thập ích, đại ước đồng thử, khủng phồn bất dẫn.

(鈔)十勝三十益，大約同此，恐繁不引。

*(**Sao**: Mười điều thù thắng, ba mươi điều lợi ích, đại lược giống như những điều này, sợ rườm rà nên không trích dẫn).*

Câu này là nói đại lược. Thông Tán Sớ nói mười điều thù thắng, Quần Nghi Luận nói ba mươi thứ lợi ích, đại khái đều giống như vậy,

nên chẳng cần phải rườm lời! Hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới bất thoái chuyển, xác thực là do có rất nhiều nhân tố.

(Sớ) Hựu Bất Thoái tam nghĩa, Đại Thừa bất thoái, dĩ đắc bất thoái, vị đắc bất thoái, lệ như Di Lặc Vấn kinh thuyết.

(疏)又不退三義，大乘不退，已得不退，未得不退，例如彌勒問經說。

*(**Sớ**: Bất Thoái lại có ba nghĩa, Đại Thừa bất thoái, đã đắc bất thoái, chưa đắc bất thoái, ví như kinh Di Lặc Sở Vấn đã nói).*

Ba điều Bất Thoái này khác với cách nói thông thường. Đại Thừa bất thoái, đã đắc thì bất thoái, mà chưa đắc cũng bất thoái, rất kỳ diệu. Trong lời Sao ở dưới đây sẽ giải thích, chúng ta nhất định phải biết đến những điều này. Thật sự nhận thức, thật sự lý giải, tín tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương mới có thể sanh khởi, mới có thể hoan hỷ tiếp nhận, hớn hở niệm Phật, mới có thể thấu hiểu pháp môn này thù thắng.

(Sao) Đại Thừa bất thoái giả, vãng sanh bỉ quốc, xu nhập Đại Thừa, cánh bất thoái chuyển, phục tác Nhị Thừa cố.

(Diễn) Đại Thừa bất thoái đẳng giả, vị ký vãng sanh, dĩ thân Đại Thừa nhân, văn Đại Thừa pháp, phát đại tâm, tu đại hạnh, thú đại quả, bất đồng thử độ, lục tâm đọa lạc, trần kiếp Thanh Văn cố.

(鈔)大乘不退者，往生彼國，趨入大乘，更不退轉，復作二乘故。

(演)大乘不退等者，謂既往生，已親大乘人，聞大乘法，發大心，修大行，趣大果，不同此土，六心墮落，塵劫聲聞故。

*(**Sao**: "Đại Thừa bất thoái" là vãng sanh cõi kia, tiến nhập Đại Thừa, chẳng còn thoái chuyển trở lại làm Nhị Thừa nữa.*

***Diễn**: "Đại Thừa bất thoái v.v..." ý nói người đã vãng sanh, đã thân cận bậc Đại Thừa, nghe pháp Đại Thừa, bèn phát đại tâm, tu đại hạnh, tiến nhập đại quả, chẳng như trong cõi này do cái tâm ý thức mà đọa lạc, làm Thanh Văn trong số kiếp nhiều như vi trần).*

"Vãng sanh" [như sách Diễn Nghĩa đề cập] là nói về tình hình hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trừ phi chẳng vãng

sanh [thì thôi], hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với các thứ công đức, trang nghiêm, quả báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới như kinh đã nói, quý vị đều có phần. Quý vị thân cận bậc Viên Giáo Đại Thừa Bồ Tát. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hàng Bồ Tát giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí rất nhiều! Chúng ta chỉ biết có mấy vị Đẳng Giác Bồ Tát như thế mà thôi; thật ra, những vị có cùng địa vị với các Ngài chẳng biết là bao nhiêu. Kinh Vô Lượng Thọ nói mười sáu Chánh Sĩ, mười sáu vị ấy đều là Đẳng Giác Bồ Tát, chúng ta biết ít ỏi, chẳng biết nhiều cho lắm! Cùng ở chung với những vị như vậy, những gì quý vị được nghe, sáu căn được tiếp xúc toàn là pháp Đại Thừa, những vị ấy là thầy, mà cũng là bạn bè của chúng ta, nêu gương mẫu điển hình cho chúng ta.

Ở cùng một chỗ với các Ngài, lẽ nào tâm chẳng lớn cho được? Tâm phải lớn, phải "phát đại tâm". Tiêu chuẩn của đại tâm là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Vì sao hằng ngày chúng ta phải niệm bốn mươi tám nguyện? Chúng ta là người chuyên tu Tịnh Tông, công khóa sáng tối khác với các tự viện thông thường. Khóa sáng chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, niệm chương thứ sáu trong kinh Vô Lượng Thọ, khóa tối niệm chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng chú trọng hai phần này trong kinh ấy. Lần này tôi đến Bắc Kinh, cụ đặc biệt nêu ra, cụ lại còn có băng thâu âm đoạn kinh văn từ chương ba mươi ba đến ba mươi bảy, chúng tôi có đem băng thâu âm ấy về đây. Đây là không gì chẳng nhằm biến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành bốn mươi tám nguyện của chính chúng ta, tâm nguyện của chúng ta hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. A Di Đà Phật và chúng ta đồng tâm, đồng nguyện, há lẽ nào chẳng thể vãng sanh? Quyết định vãng sanh. Niệm niệm phải độ hết thảy chúng sanh, Bồ Tát chớ nên vì chính mình. Nếu niệm nào cũng nghĩ đến bản thân, niệm nào cũng nghĩ đến gia đình của chính mình, chắc chắn quý vị chẳng thể vượt thoát luân hồi. Vì sao? Đó là làm chuyện luân hồi, lẽ nào quý vị có thể thoát khỏi luân hồi? Nếu muốn thoát khỏi luân hồi, tâm lượng phải rộng mở, mỗi niệm đều nghĩ tới Phật pháp, mỗi niệm đều nghĩ tới chúng sanh, sẽ tương ứng với tâm nguyện của Phật, Bồ Tát. Đó là phát đại tâm.

"Tu đại hạnh", trong hết thảy các hạnh môn, niệm Phật lớn nhất, người biết điều này chẳng nhiều! Đối với "tin sâu nhân quả" trong ba thứ tịnh nghiệp của Quán Kinh, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Lần này, tôi cùng Hoàng lão cư sĩ gặp mặt hai phen, nói chuyện bảy, tám

tiếng đồng hồ. Cuối cùng kết luận, Hoàng lão cư sĩ nói: "Những lời chúng ta đã nói đây đều là lời lẽ thừa thãi. Lời lẽ chân thật là gì? Một câu A Di Đà Phật là lời chân thật. Trừ A Di Đà Phật ra, thảy đều là lời lẽ thừa thãi". Quý vị tưởng A Di Đà Phật, tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là chánh niệm; tưởng những thứ khác đều là suy nghĩ loạn xạ, đều là tà niệm, đều chẳng phải là chánh niệm. Đó là tiêu chuẩn của người thật sự niệm Phật; trong kinh, đức Phật đã kiến lập tiêu chuẩn này.

Ở đây, tôi trịnh trọng tuyên bố cùng mọi người. Mọi người chớ nên viết thư cho tôi, vì sao? Tôi không xem, thư gởi đến bèn quăng vào sọt đựng giấy tờ, đương nhiên tôi càng chẳng hồi âm, vì sao? Lời lẽ thừa thãi, suy nghĩ loạn xạ! Vì sao không thật thà niệm Phật? Đó là điều trọng yếu. Quý vị đến nêu câu hỏi, nói thật ra, toàn là lời lẽ thừa thãi, toàn là suy nghĩ loạn xạ. Hãy trở về nhà, thật thà niệm Phật, chuyện gì cũng chẳng có, vấn đề gì cũng chẳng có, nhất định phải biết điều này. Thật sự tu thì đời này chúng ta mới có chỗ mong cậy. Nếu chẳng nghiêm túc tu, chẳng thật thà tu, đời này lại luống uổng. Luống uổng thì đời này dẫu tu tốt đẹp cách mấy, đời sau lại được làm người, chẳng biết sẽ làm thân người như thế nào? Vẫn giống như đời này, thậm chí còn chẳng bằng đời này, khổ chết đi được! Vì vậy, nhất định phải giác ngộ. Thật sự giác ngộ là buông xuống hết thảy; hy vọng chư vị đồng tu phải ghi nhớ điều này, phải phát đại tâm, tu đại hạnh. Niệm kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật là đại hạnh.

"Thú đại quả" (Tiến đến đại quả): Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, Văn Thù, Phổ Hiền vẫn phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, hết thảy chư Phật Như Lai đều niệm A Di Đà Phật, còn gì để nói nữa đây? Chư Phật đều niệm A Di Đà Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật, cho nên ngày hôm ấy Ngài tinh thần sung mãn, rạng rỡ khôn sánh. Ngài A Nan trông thấy bèn nói là hy hữu, [thưa hỏi] nguyên nhân là gì? Vốn là Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật. Quý vị mới biết A Di Đà Phật công đức lồng lộng, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là *"thú đại quả"*.

"Bất đồng thử độ, lục tâm đọa lạc" (Chẳng giống như cõi này, do cái tâm ý thức mà bị đọa lạc), *"lục tâm"* (六心) là tâm thức thứ sáu, tức ý thức, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ. *"Trần kiếp Thanh Văn*

cố" (Trải số kiếp nhiều như vi trần làm Thanh Văn), *"trần kiếp"* (塵劫) là số kiếp nhiều như vi trần, [ý nói] thời gian lâu dài, chẳng đạt được kết quả. Đây là nói về sự Bất Thoái nơi Đại Thừa, vì A La Hán vẫn dùng tâm ý thức thứ sáu, trong kinh Lăng Nghiêm, chúng ta đã thấy điều này rất rõ ràng; A La Hán và Bích Chi Phật đều dùng tám thức tâm. Dùng tám thức tâm, chắc chắn chẳng thể chứng đắc Đại Thừa. Chuyển tám thức thành bốn trí, đó là Đại Thừa Bồ Tát. Đây là nói về sự Bất Thoái nơi Đại Thừa, do người ấy *"vãng sanh bỉ quốc, xu nhập Đại Thừa"* (vãng sanh cõi ấy, tiến nhập Đại Thừa), tuyệt đối chẳng còn đọa làm hàng Nhị Thừa nữa!

(Sao) Dĩ đắc bất thoái giả, đản sanh bỉ quốc, phàm sở dĩ đắc, cánh bất thoái chuyển, táng thất bổn hữu cố.

(Diễn) Dĩ đắc bất thoái giả, phàm sở dĩ đắc thần thông, tam muội, trí huệ, biện tài, cánh bất táng thất.

(鈔)已得不退者，但生彼國，凡所已得，更不退轉，喪失本有故。

(演)已得不退者，凡所已得神通、三昧、智慧、辯才，更不喪失。

*(**Sao**: "Đã đắc bất thoái": Chỉ sanh về cõi ấy, phàm những gì đã đạt được sẽ chẳng bị thoái chuyển, chẳng đánh mất những gì vốn có.*

***Diễn**: "Đã đắc bất thoái": Phàm là thần thông, tam-muội, trí huệ, biện tài đã đắc sẽ chẳng bị mất đi).*

Đối với câu này, hãy nên coi hai chữ là một câu, vì thần thông là một chuyện, tam-muội là một chuyện, trí huệ là một chuyện, biện tài lại là một chuyện khác nữa; ở đây, nêu lên bốn thí dụ. Từ Đại Kinh chúng ta thấy: Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt được thần thông, ví như Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thấu tột, Tha Tâm biết trọn khắp, có thể nói là lục thông chẳng sai khác Phật cho mấy! Đó là do oai thần của Phật Di Đà gia trì, hễ sanh về thế giới Tây Phương bèn đạt được, có bị thoái chuyển hay không? Chẳng bị thoái chuyển, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Điều này khó có, quá hiếm có. Tam-muội (Samādhi) là Chánh Thọ, tam-muội là tiếng Phạn, cũng là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác tâm được nói trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ; đấy chính là tam-muội, nói đến Niệm Phật tam-muội. *"Thanh tịnh, bình*

đẳng, giác" thì tuyệt đối sẽ không thoái chuyển.

Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, vô lượng trí huệ. Học Phật chẳng thể không khai trí huệ! Tôi lại thưa cùng chư vị đồng tu: Phàm là người vãng sanh, Tam Học Giới, Định, Huệ trọn đủ. Nếu chẳng trọn đủ, người ấy sẽ không thể vãng sanh. Quý vị thấy người ấy bình thường chẳng tu, niệm một câu A Di Đà Phật này, chẳng sai tí nào, niệm đến khi vãng sanh bèn trọn đủ Tam Học. Trong tâm người ấy chẳng có ác niệm, đó là Giới trọn đủ, Tiểu Thừa Giới trọn đủ. Niệm câu A Di Đà Phật này, A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, chẳng có gì tốt lành hơn, nên Bồ Tát Giới trọn đủ. Bồ Tát Giới là *"vâng làm các điều lành"*, giới tỳ-kheo là *"đừng làm các điều ác"*. Vì thế, một câu Phật hiệu trọn đủ [Giới]. Đối với Định thì người ấy chuyên tâm niệm, ngoại trừ một câu A Di Đà Phật, trong tâm chẳng có niệm thứ hai. Đó là Định trọn đủ. Niệm một câu Phật hiệu rành mạch, từng chữ phân minh, Huệ đã trọn đủ. Do đó, người vãng sanh dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là Tam Học trọn đủ, chớ nên khinh dễ; đó chính là tam-muội trọn đủ, trí huệ trọn đủ. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ, biện tài đã được nói rõ ràng trong bốn mươi tám nguyện. Đạt tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tánh Đức và Tu Đức vô lượng vô biên, thảy đều là bất thoái. Ở đây, bất quá nêu ra bốn chuyện, chứ nói thật ra, trong cõi kia, công đức vô lượng vô biên, thứ gì cũng đều là chẳng thoái chuyển.

(Diễn) Bất đồng thử độ, thần tiên tao khóa hạ, La Hán trụy vân đoan, nhất động dục trần, giai táng thất cố.

(演)不同此土，神仙遭跨下，羅漢墜雲端，一動欲塵，皆喪失故。

*(**Diễn**: Chẳng giống như trong cõi này, thần tiên mắc nạn luồn háng, La Hán té khỏi mây, vừa động dục trần, thảy đều mất đi).*

Chẳng giống như cõi này. Nơi đây hễ vừa động niệm, tâm bèn thoái chuyển. *"Thần tiên"* là nói tới chư thiên, hễ luồn qua háng phàm phu liền đọa lạc, cũng chẳng thể bay lên được. La Hán vừa động một niệm dục vọng, ngay lập tức thoái đọa. *"Nhất động dục trần"*, dục là ngũ dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê. Trần là sáu trần. Đối với ngũ dục, lục trần, khởi một niệm tâm tham, khởi một niệm tâm sân khuể bèn đọa lạc. Do đó, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Phát tâm giảng kinh, thuyết pháp thì giảng kinh, thuyết pháp dễ bị

đọa lạc nhất. Khi tôi theo thầy Lý học Phật, thầy Lý nói: *"Trước bốn mươi tuổi quyết định chẳng thể đi giảng kinh bên ngoài, phải luyện tập giảng trong nhà của chính mình"*. Đài Trung Liên Xã kể cả ngôi chùa Linh Sơn đều là đạo tràng giáo học của thầy Lý. Giảng ở những nơi ấy thì được, quyết định chẳng chấp thuận cho ra ngoài. Nguyên nhân ở chỗ nào? Ngăn ngừa đọa lạc. Quý vị đi ra ngoài giảng kinh, các cư sĩ cúng dường. Tài cúng dường nhiều, sẽ khởi tâm tham tài, liền đọa lạc. Tiếp xúc đồng tu nữ chúng nhiều quá, cũng dễ bị đọa lạc. Quý vị thấy rất nhiều pháp sư trẻ tuổi hoàn tục, họ chẳng độ chúng sanh, kết quả là bị chúng sanh độ! Hết sức đáng sợ! Chẳng thể không ngăn ngừa chuyện này!

Chẳng phải là nói người trẻ tuổi chẳng thể giảng kinh, mà là nói họ chẳng có định lực! Quý vị có Định Huệ, giống như trong kinh Pháp Hoa long nữ tám tuổi thành Phật, người ta có định lực, có Định, có Huệ! Thử hỏi chúng ta thì sao? Đã trót nghe thấy mấy câu khó nghe, trong tâm khó chịu vài ngày, còn có thể thành tựu được ư? Chẳng thể thành tựu! Ca tụng, tán thán quý vị, ngủ không yên mấy bữa, hưng phấn quá mức, há có nên hay chăng? Chẳng được rồi! Tám gió [cảnh giới] bên ngoài vừa khẽ thổi đôi chút liền dao động, nguyên nhân chẳng thể thành tựu là ở chỗ này!

Có nhiều nơi đến đây thỉnh các đồng tu chúng ta đi giảng kinh, thuyết pháp, bất luận là xuất gia hay tại gia, cả một đời thầy Lý chẳng dám tự cho mình là thầy, còn hiện tại thì sao? Hễ ra ngoài [giảng kinh], ta là pháp sư, người xuất gia là pháp sư, kẻ tại gia là lão sư (thầy), chẳng được rồi! Người thật sự tu đạo chắc chắn tránh né, chẳng dám [tự coi mình là thầy]. Tại Đại Lục, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có thân phận, địa vị, tu trì [cao cả] dường ấy, quý vị thấy cụ chẳng dám xưng là thầy, luôn bảo mọi người hãy gọi cụ là Hoàng lão cư sĩ, học trò đều gọi cụ là lão cư sĩ, đừng gọi cụ là thầy, cụ chẳng bằng lòng cho người khác gọi cụ là thầy.

Cụ Hạ Liên Cư thì được, cụ là bậc lỗi lạc, là Phật, Bồ Tát tái lai. Đối với trước tác của cụ, chúng tôi cung kính ghi là "Hạ Liên Cư đại sĩ", Hoàng lão cư sĩ gạch bỏ chữ "đại sĩ", đổi thành "cư sĩ". Đúng lắm, chánh xác! Vì sao? Con người đối đãi với nhau cuồng vọng quá lố! Để chữa trị cuồng vọng thì làm như thế nào? Khiêm hư. Chúng ta phải nêu gương cho người khác thấy, đó là chánh xác. Chúng sanh vô tri, tưởng như vậy là cung kính, chẳng biết cung kính quá lố sẽ có hại, sẽ gây tác dụng phản diện! Chúng ta phải uốn nắn, sửa đổi, đó là lòng từ bi.

Hiện thời, chúng ta thấy trong Phật môn, hiện nay ngay cả ở ngoại quốc cũng giống như thế. Lần này tôi thấy ở Hương Cảng, mà Tân Gia Ba cũng là như thế, Phật môn làm những chuyện gì? Tổ chức các hoạt động Phật giáo, nói theo xu hướng thời thượng sẽ là "show Phật giáo", muốn làm những chuyện như vậy, muốn tạo cảnh tượng quy mô, rầm rộ, muốn biểu diễn đông đến mấy ngàn vạn người, pháp sư lên sân khấu biểu diễn, còn thành ra trò trống chi nữa! Phương pháp đối trị của chúng tôi là lần này sang ngoại quốc, chúng tôi chẳng mặc áo vàng mà mặc áo lam, người khác nhìn chẳng ra. Tôi đi một mình, chẳng dẫn theo ai hết. Quý vị hễ đi bèn dẫn theo cả một đống người, khiến người ta phải dồn mắt nhìn vào, tôi đi một mình. Mặc quần áo cùng màu sắc với người Đại Lục, nhưng người ta đối xử với tôi cũng rất khách sáo, cũng rất cung kính, cũng tiếp đãi rất lễ độ.

Hoàng lão cư sĩ nói rất hay: *"Người học Phật phải chú trọng thực chất, đừng chú trọng hình tướng"*. Hình tướng là diện mạo bên ngoài, sự biểu lộ bên ngoài là hình tướng, chẳng cần phải coi trọng! Hãy nên coi trọng thực tế. Đồng tu thật sự thì trọng tinh ròng, chẳng coi trọng đông đúc. Đông lúc nhúc mà chẳng thể thành tựu, có tác dụng gì hay không? Ít người mà ai nấy đều có thành tựu. Mười người cùng tu với nhau, trong tương lai, mười người đều vãng sanh, tức là mười vị Phật xuất thế, tuyệt vời! Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này.

(Sao) Vị đắc bất thoái giả, đản sanh bỉ quốc, phàm sở vị đắc, cánh bất thoái chuyển, trở kỳ tiền tấn cố.

(鈔)未得不退者，但生彼國，凡所未得，更不退轉，阻其前進故。

*(**Sao**: "Chưa đắc bất thoái" là chỉ sanh về cõi kia, phàm đối với những gì chưa đắc sẽ chẳng thoái chuyển, chẳng ngăn trở người ấy tiến lên).*

Hai loại Bất Thoái trên đây dễ hiểu, loại này là chưa đắc. Chưa đắc thì làm sao có thể bất thoái? Chúng ta xem chú giải.

(Diễn) Vị đắc bất thoái giả, phàm sở vị đắc chi thần thông, tam-muội đẳng.

(演)未得不退者，凡所未得之神通三昧等。

*(**Diễn**: "Chưa đắc bất thoái": Phàm là những thứ chưa đắc như*

thần thông, tam-muội v.v…).

Trong phần trước là đã đắc thần thông, tam-muội, tôi đã thưa cùng chư vị: Hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đắc gần như là Thất Địa Bồ Tát, từ Thất Địa trở lên, đắc thần thông, tam-muội của những vị Bồ Tát thuộc Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. *"Chưa đắc"* là vẫn chưa đạt được thần thông, tam-muội rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai. Nếu đã đạt được, cần gì phải cầu vãng sanh? Chẳng cần cầu vãng sanh! Đẳng Giác Bồ Tát cầu vãng sanh là do còn có điều chưa đắc, chư vị phải hiểu rõ điều này.

(Diễn) Chủng chủng công đức.

(演) 種種功德。

*(**Diễn**: Các thứ công đức).*

Chính là công đức viên mãn rốt ráo nơi quả địa Như Lai tuy chưa đạt được, nhưng ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn chẳng bị thoái chuyển, chúng ta sẽ dần dần chứng đắc. Cũng có thể nói là tu hành trong thế giới Tây Phương chẳng có chướng ngại, quý vị quyết định sẽ đạt được.

(Diễn) Cánh vô trở trệ, nhậm vận năng đắc, bất đồng thử độ, ma chướng hiện tiền, bất năng tiền tấn cố.

(演)更無阻滯，任運能得，不同此土，魔障現前，不能前進故。

*(**Diễn**: Chẳng bị ngăn trở, trì trệ, tùy ý có thể đạt được, chẳng giống như cõi này ma chướng hiện tiền, chẳng thể tiến cao hơn).*

Chẳng giống thế gian này, trong thế gian này, chúng ta chưa đắc, quý vị mong cầu thì sao? Chướng ngại quá nhiều, có ma chướng, có nghiệp chướng, chướng ngại quý vị, quý vị mong mỏi nhưng chẳng đạt được.

Nói thật thà, người tu hành hiện thời, xuất gia chẳng bằng tại gia! Người xuất gia nghe lời này sẽ rất bực bội, dường như tôi nói quá đáng, tâng bốc người tại gia. Trước đây, người xuất gia có hoàn cảnh tốt đẹp hơn người tại gia, nay thì hoàn cảnh của người xuất gia chẳng bằng kẻ tại gia, nguyên nhân là ở chỗ nào? Đạo tràng hiện thời có bản chất khác

với trước kia. Đạo tràng xưa kia chẳng dựa vào tín đồ. Đạo tràng ở Đại Lục tự mình có núi non, ruộng nương, cho nông dân thuê cày cấy để thu tô, dùng hoa lợi ấy để có cái ăn, cái tiêu, nuôi sống đại chúng. Vì thế, cuộc sống của họ kham khổ một chút, nhưng chẳng phải cầu cạnh ai. Không cầu cạnh kẻ khác, sẽ chẳng phải dòm chừng vẻ mặt của tín đồ, tự mình có thể nghiêm túc tu tập.

Đạo tràng hiện thời chẳng có tài sản, phải trông cậy tín đồ. Phải trông cậy tín đồ thì cũng chẳng dám trái ý tín đồ, phải thường bợ đỡ tín đồ, tâm tư khó chịu lắm! Quý vị tại gia tu hành, ứng phó nhiều nhất là người nhà, họ hàng, quyến thuộc của chính mình. Người nhà, thân thích, quyến thuộc năm sáu mươi người là đông lắm rồi! Quý vị ở trong đạo tràng, chùa càng to, tín đồ càng đông, quý vị phải ứng phó mấy trăm người, mấy ngàn người, mấy vạn người, khổ chết luôn! Đó đều là chướng ngại, là nguyên nhân khiến chẳng thể thành tựu.

Có rất nhiều người phát tâm xuất gia, vì sao quý vị muốn xuất gia? Quý vị xuất gia để làm gì? Quý vị ở nhà cảm thấy khổ sở, sau khi xuất gia sẽ cảm thấy khổ hơn, sẽ hối hận. Bản thân chúng ta phải nhận biết rõ ràng hoàn cảnh hiện thời khác với hoàn cảnh xưa kia, thật sự tự mình muốn tìm một chỗ để sống yên ổn thì hiện thời là đời loạn, nói thật thà thì sẽ tìm chẳng ra! Đến đâu để tìm đây? Phải có đại phước báo, hãy xem bản thân chúng ta có giống như người có phước hay chăng? Có phước báo to ngần ấy hay không? Chẳng có phước báo ấy thì có nơi chốn ấy, quý vị ở nơi đó cũng ở không được! Phước địa phước nhân cư, ta chẳng có phước, không thể ở yên nơi đó được! Do vậy có thể biết, để sống yên thân thì phải tu phước tu huệ. Có phước có huệ, nơi nào cũng đều là đạo tràng, nơi nào cũng là nơi tốt đẹp. Nếu nói theo Phong Thủy thì chỗ nào cũng đều có Phong Thủy tốt đẹp, ngày nào cũng là ngày tốt lành, giờ nào cũng là giờ tốt, có phước có huệ mà! Đấy mới là trọng yếu.

Đây là nói rõ về người chưa bất thoái, *"đản sanh bỉ quốc, phàm sở vị đắc, cánh bất thoái chuyển, trở kỳ tiền tấn cố"* (chỉ sanh về cõi ấy, phàm những gì chưa đắc đều chẳng có gì thoái chuyển, ngăn trở người ấy tiến lên). Tiếp theo đây còn có một đoạn nữa, nhưng nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 205

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ tám:

(Sao) Hựu Di Lặc Vấn Kinh vân: "Tự phần kiên cố danh bất thoái, thắng tấn bất hoại danh bất chuyển". Kim dĩ "Đại Thừa, dĩ đắc, vị đắc" tam nghĩa tham chi, tắc tiền nhị đồng hồ tự phần, hậu nhất đồng hồ thắng tấn dã.

(鈔)又彌勒問經云：自分堅固名不退，勝進不壞名不轉。今以大乘已得未得三義參之，則前二同乎自分，後一同乎勝進也。

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Di Lặc Sở Vấn có nói: "Tự phần kiên cố thì gọi là bất thoái, thắng tấn bất hoại gọi là bất chuyển". Nay dùng [đoạn kinh văn trên đây] để xét ba nghĩa "Đại Thừa, đã đắc, chưa đắc" thì hai nghĩa trước giống như tự phần, một nghĩa sau giống như thắng tấn).*

Phối hợp với ý nghĩa bất thoái và bất chuyển trong kinh Di Lặc Sở Vấn[71], Đại Thừa bất thoái và "đã đắc bất thoái" trong phần trước tương đương với kiên cố bất thoái trong kinh Di Lặc Sở Vấn, "chưa đắc bất thoái" tương đương với thắng tấn bất thoái.

(Sớ) Hựu đồng danh bất thoái, nhi hữu thiển thâm, như Khởi Tín, Diệu Tông, cập Từ Chiếu sở thuyết đẳng.

(疏)又同名不退，而有淺深，如起信、妙宗及慈照所說等。

*(**Sớ**: Lại nữa, tuy cùng gọi là bất thoái, nhưng mức độ có cạn hay sâu như các thuyết được nói trong Khởi Tín Luận, Diệu Tông Sao và thuyết của pháp sư Từ Chiếu).*

Tuy nói là bất thoái chuyển, nhưng quả thật là có cạn hay sâu sai khác. Ở đây, nêu ra mấy thí dụ, như [những nghĩa bất thoái] được nói trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao và thuyết của pháp sư Từ Chiếu.

(Sao) Khởi Tín Luận vân: "Sanh bỉ quốc giả, thường kiến Phật cố, chung đắc bất thoái".

---

[71] Kinh này có tên gọi đầy đủ là Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh, còn gọi là Phát Khởi Đại Thừa Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào đời Đường, là một hội trong kinh Đại Bảo Tích.

(鈔)起信論云：生彼國者，常見佛故，終得不退。

*(**Sao**: Khởi Tín Luận nói: "Người sanh trong cõi ấy, do thường thấy Phật nên trọn được bất thoái").*

Ba câu này là nguyên văn trong Khởi Tín Luận. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, do chẳng lìa A Di Đà Phật, A Di Đà Phật thường ở cạnh chúng ta. Có Phật chiếu cố thì đương nhiên chẳng bị thoái chuyển.

(Sao) Sớ minh bất thoái hữu tam vị.

(鈔)疏明不退有三位。

*(**Sao**: Sớ giải [Khởi Tín Luận] nói bất thoái có ba địa vị).*

"Sớ" (疏) là chú giải, trong phần chú giải của Khởi Tín Luận có nói [điều này].

(Sao) Nhất giả tín hạnh vị bị, vị đắc bất thoái, dĩ vô thoái duyên, danh bất thoái.

(鈔)一者信行未備，未得不退，以無退緣，名不退。

*(**Sao**: Một là tín và hạnh chưa đầy đủ, chưa đạt được bất thoái, do chẳng có duyên thoái chuyển, nên gọi là bất thoái).*

Nói tới thứ tự sâu cạn khác nhau. Như bọn lục đạo phàm phu chúng ta cầu vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, xác thực là tín, hạnh chưa đầy đủ. Tín và hạnh chưa đầy đủ, cớ sao có thể vãng sanh? Vãng sanh nhất định phải trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh thì mới có thể vãng sanh. Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, ắt cũng cần phải trọn đủ các điều kiện ấy. Tuy có Tín, Nguyện, Hạnh, nhưng chưa hoàn toàn đạt đến một mức độ kiên cố nhất định, nên gọi là *"vị bị"* (未備: chưa đầy đủ). Vì sao chưa đạt tới? Vì đối với hai công phu đoạn Hoặc và chứng Chân (chứng Chân là kiến tánh), chúng ta đều chưa thể đạt tới tiêu chuẩn. Ví như trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, kẻ có trình độ giống như chúng ta vãng sanh, một phẩm phiền não cũng chẳng đoạn, một phần bản tánh cũng chẳng chứng đắc, nên gọi là *"tín và hạnh chưa đầy đủ"*. Nếu trong thế gian này, hiện thời ba món tư lương Tín, Nguyện, Hạnh đầy đủ, vãng sanh sẽ chẳng thành vấn đề,

nhưng sau hai ba năm liền ngã lòng. Có thể thấy là tín tâm của chúng ta có thật sự thanh tịnh kiên cố hay không, chính mình cũng không dám bảo đảm! Bao nhiêu người niệm Phật đến lúc lâm chung bèn thoái chuyển, chẳng muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng tôi thấy [các trường hợp như vậy] rất ư là nhiều. Vì vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, do công phu chẳng đạt tới một trình độ nhất định, vẫn có thể bị thoái chuyển, nhưng vì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có duyên gây thoái chuyển, nên quý vị chẳng có chỗ nào lui sụt, sẽ chẳng bị ngã lòng. Đấy là sự thù thắng nơi hoàn cảnh bên cõi ấy. *"Duyên"* (緣) là nói tới hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, đều có thể giúp quý vị tu trì tinh tấn, chẳng bị thoái chuyển. Đây là nói theo phương diện nông cạn.

(Sao) Nhị giả, Tín vị mãn, nhập Thập Trụ, đắc thiểu phần Pháp Thân, danh bất thoái.

(鈔)二者信位滿，入十住，得少分法身，名不退。

*(**Sao**: Hai là đã viên mãn địa vị Thập Tín, bước vào Thập Trụ, đắc chút phần Pháp Thân, bèn gọi là bất thoái).*

Thế giới Tây Phương là Đại Thừa, chẳng phải là pháp Tiểu Thừa. Không chỉ là Đại Thừa, mà còn là Viên Giáo Đại Thừa, chẳng phải là Biệt Giáo Đại Thừa. Viên mãn tâm Thập Tín trong Viên Giáo Đại Thừa, chứng tỏ là Tín và Hạnh đã đầy đủ, có thể thấy là đã thuộc vào trình độ "Tín và Hạnh đầy đủ". Không chỉ là đã đoạn Kiến Tư phiền não, mà Trần Sa và Vô Minh cũng phá, lại còn phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Đó là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Viên mãn tâm Thập Tín, chứng nhập Sơ Trụ. Thập Trụ là từ Sơ Trụ đến Thập Trụ, có địa vị như thế. Trong bốn mươi mốt phẩm vô minh, người ấy chỉ phá một phẩm, nên chỉ thấy một phần Pháp Thân, *"đắc thiểu phần Pháp Thân, danh Bất Thoái"* (đắc chút phần Pháp Thân, gọi là Bất Thoái). Xác thực là ba món bất thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Nhưng nếu so sánh với các địa vị Bồ Tát sâu hơn, người thuộc địa vị này vẫn là rất cạn, chứng đắc chẳng đủ sâu. Đây là nói tới các vị Bồ Tát thuộc Tam Hiền, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng, thuộc các địa vị này!

(Sao) Tam giả Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ, chứng biến

mãn Pháp Thân, danh bất thoái.

(鈔)三者賢位滿，入初地以去，證遍滿法身，名不退。

*(**Sao**: Ba là viên mãn địa vị Tam Hiền, đã nhập từ Sơ Địa trở lên, chứng Pháp Thân trọn khắp, gọi là Bất Thoái).*

Cảnh giới này cao lắm, công phu đã sâu, càng ngày càng gần với quả địa Như Lai. Viên mãn các địa vị thuộc Tam Hiền, [tức là đã chứng nhập các địa vị thuộc] Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng. Viên mãn Thập Hồi Hướng bèn dự vào Sơ Địa, được gọi là *"thánh nhân"*. Chúng ta thường niệm Bồ Tát Ma Ha Tát, vị này thuộc hàng Ma Ha Tát. Ma Ha Tát (Mahāsattva) là đại Bồ Tát. Từ Sơ Địa trở lên mới có thể gọi là Ma Ha Tát. *"Chứng biến mãn Pháp Thân"* (Chứng Pháp Thân trọn khắp): Khác hẳn người chứng chút phần Pháp Thân trong phần trên, vị này thật sự bất thoái.

(Sao) Hựu Diệu Tông Sao vân: "Bất thoái hữu tam. Nhược phá Kiến Tư, danh Vị Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất siêu phàm chi vị".

(鈔)又妙宗鈔云：不退有三，若破見思，名位不退，則永不失超凡之位。

*(**Sao**: Sách Diệu Tông Sao lại nói: "Bất thoái có ba loại. Nếu đã phá Kiến Tư thì gọi là Vị Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất địa vị vượt thoát phàm phu").*

Tông Thiên Thai nói phiền não có tất cả là ba loại lớn. Loại thứ nhất là Kiến Tư phiền não. Kiến Hoặc (見惑) là kiến giải sai lầm, nay chúng ta nói đến vũ trụ quan và nhân sinh quan thì *"quan"* (觀) là kiến giải. Vũ trụ quan và nhân sinh quan đều sai lầm, đó chính là Kiến Hoặc. Tư Hoặc (思惑) là sai lầm nơi tư tưởng, quý vị suy nghĩ lẫn khởi tâm động niệm đều sai lầm. Đức Phật quy nạp Kiến Tư phiền não thành mười loại lớn. Sai lầm về kiến giải bao gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến, chia thành năm loại lớn ấy. Năm loại lớn này chẳng vượt ngoài nhân sinh quan và vũ trụ quan như chúng ta vừa mới nhắc tới. Nói nhân sinh quan và vũ trụ quan là nói theo kiểu hiện thời. Tư tưởng sai lầm cũng có năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi, tức là tâm tham lam, nóng giận, ngu si, ngạo mạn, hoài nghi.

"Hoài nghi" là hoài nghi thánh giáo, hoài nghi những điều Phật, Bồ Tát đã giảng, hoài nghi những lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Nói theo cách hiện thời là "nẩy sanh hoài nghi đối với truyền thống".

Truyền thống có thể bị hoài nghi, [bởi lẽ], đạo thống (giềng mối đạo học) của Trung Hoa, truyền thống Đại Thừa Phật pháp và các truyền thống học thuật tôn giáo khác trong thế gian chẳng giống nhau. Nếu coi Đại Thừa Phật pháp và đạo thống của Khổng Mạnh cùng Đạo gia Trung Hoa [cũng bình thường] giống y hệt như các truyền thống học thuật và tư tưởng của quốc gia dân tộc khác, vấn đề này sẽ to lớn. [Nghi ngờ truyền thống] chính là Nghi trong Tư Hoặc. Dùng danh từ Phật pháp để nói thì Nho, Phật, Lão Trang là *"hữu tu, hữu chứng"*, tuyệt đối chẳng phải là cảnh giới của kẻ bình phàm. Chiếu theo những giáo huấn ấy để hành, chẳng hoài nghi, chắc chắn là quý vị có thể đạt được lợi ích, há nên hoài nghi? Chúng ta phải nhận thức rõ ràng điều này. Hiện thời, thế giới động loạn, chúng sanh khổ sở như vậy; nói thật thà, gốc bệnh căn bản là do nghi. Vì hoài nghi nên mới vứt bỏ truyền thống, coi truyền thống là chướng ngại cho sự tiến bộ, [cứ khăng khăng cho rằng phải] vứt bỏ truyền thống thì văn hóa mới có thể tiến lên được! Chúng ta nghe nói kiểu đó, dường như cũng hết sức có lý; thật ra, trong đó có rất nhiều vấn đề. Nho gia nói *"nhật tân hựu tân"* (mỗi ngày một mới hơn), nhà Phật nói *"tinh tấn"*. Thử hỏi *"nhật tân hựu tân"* và tinh tấn có lạc hậu hay chăng? Có thể gây ra chướng ngại hay chăng? Nếu chướng ngại văn hóa tiến cao hơn, sẽ không thể gọi là tiến bộ! Tiến bộ trong Phật pháp không chỉ là phải tiến cao hơn, mà còn phải là tiến bộ tinh thuần. Nho gia nói: *"Cẩu nhật tân, nhật nhật tân"*, [nghĩa là] mỗi ngày lại càng mới mẻ hơn, mỗi ngày đều mong cầu tiến bộ. Khá nhiều kẻ nẩy sanh hiểu lầm đối với truyền thống, chẳng nghiêm túc nghiên cứu. Không chỉ là chẳng nghiên cứu nghiêm túc, thậm chí là về căn bản, có lắm kẻ chẳng hề đọc tụng, người khác bảo sao bèn hùa theo làm vậy, tạo thành dư luận hết sức đáng sợ!

Nếu phá Kiến Tư phiền não, sẽ chứng đắc Vị Bất Thoái. Thật đó! Đấy là địa vị thánh nhân, tuyệt đối chẳng còn đọa lạc thành phàm phu nữa. Đó là giới hạn [của địa vị này]. Trong kinh, đức Phật thường nói "phàm phu thành Phật phải tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp" chính là tính từ Vị Bất Thoái. Nếu chưa chứng đến quả vị ấy, chẳng thể nào tính được! Có thể nói là chúng ta từ vô thỉ kiếp tới nay, đời đời kiếp kiếp cũng đều tu hành, nhưng chưa có lần nào chứng đắc quả vị ấy, quả vị ấy là quả vị

gì? Là Tiểu Thừa Sơ Quả, hoặc là Sơ Tín trong Viên Giáo, giống như lớp Một của bậc Tiểu Học. Cũng có nghĩa là [bọn chúng ta] đời đời kiếp kiếp đều học Mẫu Giáo, trước nay chưa hề học lớp Một của bậc Tiểu Học. Quý vị nói xem có hỏng bét hay không? Vì lẽ đó, thứ gì cũng đều chẳng tính được! Tu hành từ vô lượng kiếp cho tới nay, cũng đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nhưng cho tới nay, vẫn chưa chứng đắc Sơ Quả. Nếu chứng đắc Sơ Quả, chắc chắn quý vị là thánh nhân, sẽ chẳng đọa lạc thành phàm phu. Tuy chưa thoát khỏi tam giới, nhưng trong nhân gian và cõi trời, chắc chắn quý vị chẳng đọa trong ba ác đạo. Nói cách khác, chắc chắn là quý vị sẽ chẳng tạo nghiệp nhân của ba ác đạo, thiện căn sâu dầy. Do có thiện căn, có phước đức, người ấy sẽ chẳng thể tạo tội nghiệp ba ác đạo, cũng chẳng đọa trong ba ác đạo; mức độ thấp nhất là nhân đạo, tối đa là đọa lạc trong nhân đạo, chẳng thể sanh trong ba ác đạo. Địa vị này gọi là Vị Bất Thoái, *"vĩnh bất thất siêu phàm chi vị"* (vĩnh viễn chẳng đánh mất địa vị vượt trỗi phàm phu). Nếu xét theo Tiểu Thừa, sẽ là Sơ Quả, còn trong Viên Giáo thì là địa vị Sơ Tín Bồ Tát; đấy là một loại.

(Sao) Phục đoạn Trần Sa, danh Hạnh Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất Bồ Tát chi hạnh.

(鈔)伏斷塵沙，名行不退，則永不失菩薩之行。

*(**Sao**: Lại đoạn Trần Sa thì gọi là Hạnh Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất Bồ Tát hạnh).*

Địa vị này sâu hơn địa vị trước. Địa vị trước đoạn Kiến Tư, tức là từ Sơ Quả cho đến A La Hán hoặc Bích Chi Phật trong Tiểu Thừa đều thuộc địa vị này, thảy đều là Vị Bất Thoái. Nếu phá Trần Sa Hoặc, sẽ là địa vị Bồ Tát, tuyệt đối chẳng còn thoái đọa thành Tiểu Thừa, đó là Hạnh Bất Thoái.

(Sao) Nhược phá Vô Minh, danh Niệm Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất Trung Đạo chánh niệm.

(鈔)若破無明，名念不退，則永不失中道正念。

*(**Sao**: Nếu phá Vô Minh thì gọi là Niệm Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng mất chánh niệm Trung Đạo).*

"Phá vô minh" tức là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, phá một phẩm

vô minh, thấy một phần bản tánh. Khi ấy, niệm niệm đều hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, niệm niệm hướng đến Phật quả viên mãn, sẽ chẳng bị thoái đọa, đó là Niệm Bất Thoái. Đấy là ba loại Bất Thoái.

Điều này cho thấy, xác thực là Bất Thoái có cạn hay sâu khác biệt. Ví như Vị Bất Thoái, nói theo Tiểu Thừa thì Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, Tứ Quả (A La Hán), hoặc Bích Chi Phật, có lắm địa vị ngần ấy. Địa vị của Bồ Tát càng nhiều hơn. Nói theo Biệt Giáo, Tam Hiền có ba mươi địa vị, Thập Thánh cộng với Đẳng Giác thành mười một địa vị; đó là Niệm Bất Thoái.

(Sao) Hựu Từ Chiếu Tông Chủ Tứ Độ Đồ Thuyết, dĩ vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ, vi Nguyện Bất Thoái.

(鈔)又慈照宗主，四土圖說，以未斷煩惱，生同居土，為願不退。

*(**Sao**: Trong bộ Tứ Độ Đồ Thuyết, Từ Chiếu Tông Chủ lại coi đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyện Bất Thoái).*

Từ Chiếu đại sư[72] là một vị đại đức trong Tịnh Tông. Ngài hoàn toàn căn cứ trên bốn cõi, ba bậc, chín phẩm đã nói trong kinh để luận

---

[72] Ngài Từ Chiếu tên thật là Mao Tử Nguyên (1096-1166), pháp danh Từ Chiếu, hiệu là Vạn Sự Hưu, người Côn Sơn, Ngô Quận (nay thuộc tỉnh Giang Tô), sáng lập Bạch Liên Tông trong niên hiệu Thiệu Hưng đời Nam Tống. Sư mồ côi từ bé, năm mười chín tuổi xuất gia tại chùa Diên Tường, thoạt đầu theo ngài Tịnh Phạm thuộc tông Thiên Thai để tu tập Chỉ Quán. Năm 1131, do hâm mộ di phong của tổ Huệ Viễn, Sư sáng lập Bạch Liên Sám Đường tại hồ Đĩnh Sơn trấn Bình Giang, tự xưng là Bạch Liên Đạo Sư, chuyên tu Tịnh nghiệp. Sư lại phỏng theo giáo nghĩa Thiên Thai, biên soạn bộ Viên Dung Tứ Độ (tức là bộ Tứ Độ Đồ Thuyết) và Thần Triêu Lễ Sám Văn (văn sám hối lúc sáng sớm), lập ra một giáo nghĩa riêng trong Tịnh Độ Tông, nên gọi là Bạch Liên Tông. Các đồ đệ của Ngài phần lớn chỉ ăn chay, không xuất gia, có thể lập gia đình. Do có những kẻ đệ tử mang dạ bất chánh, nhất là Tiểu Mao Xà Lê, xuyên tạc giáo nghĩa để làm bậy, lôi kéo tín đồ, biến Bạch Liên Tông thành tà giáo, Ngài bị gán tội "ăn rau thờ ma, tụ tập ngu phu ngu phụ làm chuyện xằng bậy trong chốn rẫy bái" nên bị triều đình đầy đi Giang Châu cho đến năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) mới được ân xá. Năm Càn Đạo thứ hai (1166), Sư được hoàng đế triệu vào cung hỏi đạo, Sư phu diễn sâu xa pháp môn Tịnh Độ, nên được vua ân tứ danh hiệu Khuyến Tu Tịnh Nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiếu Tông Chủ. Ngài còn để lại các trước tác là Liên Tông Triêu Thần Sám Nghi, Tịnh Độ Thập Môn Cáo Giới, Di Đà Tiết Yếu, Tây Hành Tập, Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ v.v… Sau khi Ngài mất, do tín chúng đông đảo, phổ cập sâu rộng, nhưng quy chế quản trị tông

định Bất Thoái Chuyển. *"Vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ"* (Chưa đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư), chữ *"phiền não"* chỉ Kiến Tư phiền não. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não, giống như cảnh giới của chúng ta trong hiện tại. Chưa đoạn phiền não, làm sao có thể vãng sanh? Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: *"Có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không?"* Chúng ta có tín tâm kiên định, có đại nguyện rất sâu, cầu sanh Tịnh Độ, nhất định có thể vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật của chúng ta sâu hay cạn. Công phu sâu hay cạn chính là đoạn phiền não sâu hay cạn. Quý vị niệm đến mức đoạn sạch Kiến Tư phiền não, bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, phá một phẩm vô minh, sẽ sanh trong cõi Thật Báo. Đó là công phu niệm Phật sâu hay cạn. Vì thế, có thể vãng sanh hay không, được quyết định bởi tín nguyện có hay không!

Tín nguyện ấy, nói thật ra, chẳng phải là tín nguyện bình phàm, mà thường gọi là *"chân tín, thiết nguyện"*. Chân tín: Chỉ tin pháp môn này, những phương pháp tu học của các pháp môn khác thảy đều buông xuống thì quý vị mới được coi là chân tín. Quyết định chẳng thể nói: Ta ngã bệnh bèn vội vàng lễ bái Dược Sư Như Lai, nghĩ A Di Đà Phật chẳng thể quản chuyện này! Hễ có tai nạn, bèn vội vã cầu Quán Âm Bồ Tát. Sợ niệm kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh Di Đà vẫn chưa đủ, vẫn phải niệm phẩm Phổ Môn, niệm kinh Kim Cang, thậm chí còn niệm chú Lăng Nghiêm, còn lạy Đại Bi Sám, Thủy Sám, Lương Hoàng Sám, phải làm những chuyện ấy. Đó gọi là chẳng tin! Nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ; hễ còn cầu phát tài, còn cầu lên chức, còn cầu con cái, tức là nguyện chẳng thiết tha, nguyện ấy giả trất! Nguyện chân thật thì thế gian lẫn

---

môn lại lỏng lẻo, những người kế thừa lại cho phép hàng tại gia tự do thâu nhận tín đồ, truyền giới loạn xạ, khiến cho những kẻ hoạt đầu lợi dụng trà trộn, lôi kéo vây cánh, đồng thời pha tạp những tín điều mê tín xằng bậy hòng dễ thu hút tín đồ. Thậm chí có kẻ mạo nhận là Hoạt Phật Như Lai, hoặc xưng là Phật Mẫu Đại Sĩ để lừa bịp tín đồ, biến Bạch Liên Tông thành tà giáo Bạch Liên Giáo, chuyển từ niềm tin vào Di Đà Tịnh Độ thành thờ phụng Di Lặc Phật, pha tạp rất nhiều giáo nghĩa của Minh Giáo. Vì thế, cuối cùng, Bạch Liên Giáo chọn hình ảnh hoa sen trắng trong lửa đỏ để làm biểu tượng, gần như trở thành một biến tướng của giáo nghĩa Minh Giáo. Bạch Liên Giáo chính là cội nguồn của các tà giáo sau này như Long Hoa Trai Giáo, La Giáo, và gần đây nhất là Nhất Quán Đạo. Do vậy, vào đời Nguyên, ngài Ưu Đàm Phổ Độ phải viết bộ sách Liên Tông Bảo Giám nhằm chấn chỉnh những quan niệm sai lầm và trùng hưng giáo nghĩa chân chánh của Tịnh Độ.

xuất thế gian thứ gì cũng đều buông xuống, chỉ có một nguyện vọng là *"cầu sanh Tịnh Độ, thấy A Di Đà Phật"*, như vậy thì mới có thể thật sự vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật rất nhiều, chúng ta thấy người có Tín, Hạnh, Nguyện rất nhiều, người thật sự vãng sanh chẳng mấy, do nguyên nhân nào? Tín và nguyện của họ chẳng chân thật, lúc có, lúc không! Quý vị nói họ chẳng có, họ có. Quý vị nói họ có, thì trong đó xen tạp chẳng ít thứ, chẳng thuần, chẳng tịnh, chướng ngại họ vãng sanh, chúng ta nhất định phải biết điều này. Sanh vào cõi Đồng Cư, họ có thể bất thoái, nói thật ra là do nguyện lực duy trì, do bổn nguyện của chính mình và đại nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Từ phần bốn mươi tám đại nguyện trong Đại Kinh, chúng ta đã từng đọc thấy chuyện này.

(Sao) Phá Kiến Tư, sanh Phương Tiện Độ, vi Hạnh Bất Thoái.

(鈔)破見思，生方便土，為行不退。

*(**Sao**: Phá Kiến Tư, sanh trong cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái).*

Điều này dễ hiểu, nói giống như Diệu Tông Sao. Trong Tịnh Tông, đoạn Kiến Tư phiền não được gọi là Sự nhất tâm bất loạn. Công phu niệm Phật niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, sanh trong cõi Phương Tiện, quyết định chẳng thoái chuyển xuống địa vị Nhị Thừa. Nói thật ra, Tây Phương Cực Lạc thế giới thuần túy là Viên Giáo Đại Thừa, quyết định chẳng có thoái chuyển.

(Sao) Phá Trần Sa, phần phá Vô Minh, sanh Thật Báo độ, vi Trí Bất Thoái.

(鈔)破塵沙，分破無明，生實報土，為智不退。

*(**Sao**: Phá Trần Sa, phá một phần Vô Minh, sanh vào cõi Thật Báo, thì là Trí Bất Thoái).*

Đây là Lý nhất tâm bất loạn, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đó là Trí, vì sao? Chỉ có trí thì mới có thể phá Trần Sa Hoặc, mới có thể phá vô minh. Không giống như trong phần trên; Sự nhất tâm trong phần trên là Định. Niệm Phật tam-muội có thể đạt tới Sự nhất tâm, không thể đạt tới Lý nhất tâm, Lý nhất tâm nhất định phải khai trí huệ. Chúng ta thường nói *"do Giới sanh Định"*. Đối với người niệm

Phật trong Tịnh Độ Tông, Giới là gì? Tất cả hết thảy đều buông xuống, nương theo một bộ kinh, một danh hiệu, đó là Giới. Do điều này, quý vị mới có thể đắc Định, Định là Sự nhất tâm, Giới là công phu thành phiến, quyết định chuyên nhất. Trong kinh này có nói *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, luôn luôn chuyên niệm, tâm quý vị bèn thanh tịnh, công phu thành phiến. Từ công phu thành phiến đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, đắc Định, thành tựu Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội lại khai trí huệ, trí huệ ấy bèn phá vô minh, chứng Pháp Thân. Do vậy, ở đây, gọi [chuyện này] là Trí Bất Thoái.

(Sao) Phá Tam Hoặc tận, sanh Tịch Quang độ, vi Vị Bất Thoái.

(鈔)破三惑盡，生寂光土，為位不退。

*(**Sao**: Phá sạch Tam Hoặc, sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái).*

Địa vị được nói trong phần trước giống như các địa vị được nói trong Diệu Tông Sao, chính là Sơ Quả trong Tiểu Thừa, hoặc Sơ Tín trong Viên Giáo. Vị Bất Thoái như đang nói ở đây là địa vị Phật, thành Phật thì sẽ tuyệt đối chẳng lui sụt thành Bồ Tát. Do đó, địa vị này hoàn toàn chẳng giống các địa vị trong phần trước.

(Sao) Tắc bất thoái danh đồng, nhi thiển thâm tự biệt, như cửu phẩm nghĩa.

(鈔)則不退名同，而淺深自別，如九品義。

*(**Sao**: Do vậy, tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng cạn hay sâu tự sai khác, giống như ý nghĩa chín phẩm vậy).*

Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là ba loại Bất Thoái, nhưng công phu và trí huệ trong các loại Bất Thoái đều có cạn hay sâu khác biệt.

(Sớ) Hựu tứ giáo bất thoái, phi kim kinh nghĩa.

(疏)又四教不退，非今經義。

*(**Sớ**: Lại nữa, bất thoái hiểu theo tứ giáo chẳng phải là ý nghĩa [của bất thoái] trong kinh này).*

Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên được nói trong tông Thiên

Thai. Thiên Thai đại sư là Trí Giả đại sư. Đối với Tạng, Thông, Biệt, Viên, Ngài đều nói đến bất thoái, nhưng đấy chẳng phải là ý nghĩa trong kinh này. Do đó, trong phần kế tiếp bèn nói đại lược. Điều này thuộc loại Phật học thường thức.

(Sao) Tứ giáo các minh bất thoái, vị Tạng Giáo biệt tướng niệm bất thoái, Thông Giáo tánh địa bất thoái, Biệt Giáo Thất Trụ bất thoái, Viên Giáo Thất Tín bất thoái. Tắc tri tự thử dĩ tiền, tấn thoái vị định. Kim niệm Phật giả, đản sanh bỉ quốc, tuy ác nhân, súc sanh, tức đắc bất thoái, khởi bất thắng diệu trực tiệp, dị hồ chư giáo.

(鈔)四教各明不退，謂藏教別相念不退，通教性地不退，別教七住不退，圓教七信不退。則知自此以前，進退未定。今念佛者，但生彼國，雖惡人畜生，即得不退。豈不勝妙直捷，異乎諸教。

*(**Sao**: Mỗi giáo trong bốn giáo đều nói đến bất thoái, nghĩa là: Trong Tạng Giáo, đắc biệt tướng niệm là bất thoái; trong Thông Giáo, tánh địa (địa vị đã kiến tánh) là bất thoái; trong Biệt Giáo, bậc đã đắc Thất Trụ bèn bất thoái; trong Viên Giáo bậc Thất Tín bèn bất thoái. Do đó biết, trước khi đạt đến những địa vị ấy, sẽ là tấn thoái không nhất định. Nay người niệm Phật, chỉ cần sanh về cõi kia, dẫu là kẻ ác hay súc sanh liền đắc bất thoái. Há chẳng phải là thù thắng, nhiệm mầu, thẳng thừng, nhanh chóng, khác với các giáo ư?)*

Trong Diễn Nghĩa có giải thích về bất thoái trong tứ giáo, nếu chư vị muốn biết nhiều hơn, hãy xem trong Thiên Thai Tứ Giáo Nghi. Nếu đơn giản hơn một chút thì trong Giáo Thừa Pháp Số có đồ biểu, quý vị xem kỹ một lượt sẽ có thể liễu giải. Ở đây, tôi phải đặc biệt nhắc nhở: Vì sao những điều đã nói trong Thiên Thai Tứ Giáo chẳng phải là giáo nghĩa của kinh này? Kinh này hết sức đặc thù, ở đây, Liên Trì đại sư cũng nói sơ lược: *"Đản sanh bỉ quốc, tuy ác nhân, súc sanh"* (Chỉ sanh về cõi ấy, tuy là kẻ ác, hay súc sanh). Trong Vãng Sanh Truyện, nổi tiếng nhất là Trương Thiện Hòa đời Đường, suốt đời giết trâu, ông ta là một người đồ tể, sát nghiệp rất nặng! Khi lâm chung, ông trông thấy khá nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, chúng ta thường nói là *"tướng địa ngục hiện tiền"*. Ông ta thấy hiện tượng ấy liền kêu to cứu mạng, kể ra ông ta may mắn, người thế gian chúng ta nói như vậy, đương nhiên là

ông ta có nhân duyên rất sâu, khéo sao có một người xuất gia đi ngang cửa, nghe trong nhà gào cứu mạng, liền bước vào xem tình hình như thế nào! Trương Thiện Hòa nói: "Tôi thấy nhiều gã đầu trâu đến đòi mạng". Vị xuất gia ấy biết chuyện, bèn ngay lập tức đốt một bó hương đưa cho ông ta: "Ông hãy gấp niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới". Ông ta nghe lời ấy, tiếp nhận bó hương đó, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật. Niệm chưa đến mười câu, bèn nói: "Chẳng thấy người đầu trâu đâu nữa, chẳng còn nữa". Lại niệm mấy tiếng, A Di Đà Phật hiện đến, ông ta theo A Di Đà Phật vãng sanh. Đây là lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền bèn có thể chuyển nghiệp, có thể vãng sanh. Ác nhân vãng sanh đấy nhé!

Kẻ ác trong hàng xuất gia là như pháp sư Oánh Kha đời Tống. Vị xuất gia này phá giới, chẳng tuân thủ Thanh Quy, nhưng Sư là người cũng có đôi chút thiện căn, biết tương lai nhất định đọa địa ngục, xin đồng học giúp đỡ, thỉnh giáo đồng tham đạo hữu có phương pháp nào cứu Sư hay không. Đồng tham đạo hữu cho Sư một quyển Vãng Sanh Truyện. Sư đọc Vãng Sanh Truyện, đọc mỗi thiên sách bèn tự cảm động ứa lệ. Sau khi đọc xong Vãng Sanh Truyện, Sư hạ quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ. Sư đóng chặt cửa liêu phòng để niệm A Di Đà Phật, niệm suốt ba ngày ba đêm, chẳng ăn cơm, mà cũng không uống nước, cũng chẳng ngủ nghê, liều mạng niệm, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo Sư: "Ông hãy còn mười năm thọ mạng, hãy khéo tu hành trong mười năm, đến lúc lâm chung, ta lại đến tiếp dẫn ông". Pháp sư Oánh Kha thưa: "Con căn tánh kém hèn rất nặng, chẳng thể chống lại sự dụ dỗ, mê hoặc, chẳng biết trong mười năm đó sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp. Con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con liền đi theo Ngài". A Di Đà Phật gật đầu, đồng ý: "Được rồi! Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông". Sư đáp: "Vâng ạ!" Hai bên ước định ba ngày sau Sư sẽ vãng sanh. Sư cũng chẳng sanh bệnh, tới ngày thứ ba bèn thỉnh đại chúng trong tự viện đừng tụng niệm khóa sáng theo lối bình thường, mà hãy niệm kinh A Di Đà, niệm Phật hiệu đưa Sư đi vãng sanh. Niệm Phật hiệu còn chưa được mấy câu, Sư bảo mọi người, Sư thấy A Di Đà Phật hiện đến: "Tôi theo Ngài vãng sanh". Đó là kẻ ác trong hàng xuất gia vãng sanh. Vì thế, kinh dạy chẳng sai, Ngũ Nghịch Thập Ác chỉ cần có thể chánh tín thì đều có thể vãng sanh. Nếu Ngũ Nghịch Thập Ác mà còn hủy báng chánh pháp, sẽ chẳng thể vãng sanh. Hủy báng là gì? Quý vị chẳng tin tưởng! Nếu tin tưởng pháp môn này, Ngũ Nghịch Thập Ác đều có thể vãng sanh.

Súc sanh vãng sanh thì trong sách Vật Do Như Thử có chép mấy trăm chuyện động vật niệm Phật vãng sanh. Gần chúng ta nhất, vào thời đầu Dân Quốc, khi pháp sư Đế Nhàn làm Trụ Trì chùa Đầu Đà, trong chùa có một con gà trống niệm Phật vãng sanh. Chúng tôi đã kể câu chuyện này rất nhiều lần, khá nhiều đồng tu đều rất thông thuộc, chuyện này chẳng giả! Súc sanh niệm Phật cũng có thể vãng sanh, tùy thuộc nó có thể gặp thiện tri thức hay không, [vị ấy] thật sự vì nó chỉ dạy, khuyên nó niệm Phật vãng sanh. Kẻ ác và súc sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái, tứ giáo của Thiên Thai chẳng thể sánh bằng! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng viên chứng ba thứ bất thoái. Vì thế nói *"khởi bất thắng diệu trực tiệp, dị hồ chư giáo"* (há chẳng phải là thù thắng, nhiệm mầu, thẳng thừng, nhanh chóng, khác với các giáo). *"Chư giáo"* là Tạng, Thông, Biệt, Viên như tông Thiên Thai đã nói. [Bất thoái trong cõi Tịnh Độ] vượt trỗi Bất Thoái trong tứ giáo quá ư là xa!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh thường trụ, thị bất thoái chuyển nghĩa.

(疏)稱理，則自性常住，是不退轉義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh thường trụ là ý nghĩa bất thoái chuyển).*

Đoạn này hội quy tự tánh, cũng chính là *"tiêu quy tự tánh"* như trong Giáo Hạ thường nói. Cổ đức rát miệng buốt lòng dạy bảo chúng ta, dạy chúng ta phương pháp tu học: Nghe kinh phải tiêu quy tự tánh. Tiêu (消) là tiêu hóa, quy (歸) là trở về. Sau khi nghe phải tiêu hóa, phải viên dung, trở về tự tánh, như vậy thì thật sự nghe đạt tâm đắc, thật sự có thọ dụng. Thông thường, trong Phật môn hay nói "đã khai ngộ", [tiêu quy tự tánh là] sau khi đã nghe bèn khai ngộ. Nhà Thiền nói "khai ngộ", Giáo Hạ nói "đại khai viên giải" đều có nghĩa là "trở về tự tánh", tiêu quy tự tánh. Khởi tác dụng ngay trong cuộc sống hằng ngày thì gọi là "tu hành"; tu hành phải cốt sao chuyển thức thành trí. "Chuyển thức thành trí" được hiểu như thế nào? Thức là cảm tình, Trí là lý trí. Trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật phải chuyển biến cảm tình thành lý trí, đây là điều quan trọng nhất trong tu hành. Sự hành trì của Phật, Bồ Tát là lý tánh, sự hành trì của phàm phu là cảm tình. Do cảm tình nên mới có phiền não, khổ nạn, chứ lý tánh sẽ chẳng có phiền não. Lý tánh hiển lộ

trí huệ, vô lượng trí huệ, là công đức, chẳng phải là phiền não, mà cũng chẳng phải là đau khổ. Liên Trì đại sư chú giải kinh Di Đà, điểm đặc sắc lớn nhất là sau mỗi đoạn kinh văn đều nêu ra báo cáo tâm đắc của chính mình. Xứng Lý chính là tâm đắc của Liên Trì đại sư. Ngài tiêu quy tự tánh đoạn văn này như thế nào, điều ấy đáng để chúng ta học tập, hãy nên đặc biệt chú ý. Ngài chú giải như vậy, khá nhiều bản chú giải xưa nay chẳng có những đoạn như thế. Xứng Lý là xứng tánh, tiêu quy tự tánh.

Trên thực tế, *"bất thoái chuyển"* là *"tự tánh thường trụ"*. Nhìn từ góc độ này, không chỉ là người giác ngộ bất thoái chuyển, mà kẻ mê hoặc, điên đảo cũng chẳng thoái chuyển, bất quá là chính quý vị tự mê mất tự tánh. Chư Phật, Bồ Tát nói phương tiện [sự mê mất ấy] là "thoái chuyển", thật ra thoái ở chỗ nào? Đúng như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm hoặc kinh Viên Giác: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"*, lời ấy là thật. Quý vị vốn là Phật, hiện thời quý vị có phải là Phật hay không? Chư Phật thấy quý vị vẫn là Phật, chỉ là bản thân quý vị chẳng thừa nhận chính mình là Phật, bản thân quý vị cũng chẳng có cách nào thừa nhận chính mình là Phật, vì sao? Một thân đầy phiền não, óc chứa đầy vọng niệm. Danh từ "vọng niệm" tuyệt lắm! Niệm là vọng, vọng là chẳng thật. "Chẳng thật" thì nói thật ra, nó chẳng dính dáng đến chân tánh, [bởi lẽ], trong chân tánh của quý vị chẳng có vọng niệm. Nhưng hiện thời, quý vị đang mê ở chỗ nào? Quý vị chẳng dùng chân tánh, mà dùng vọng niệm, rất đáng tiếc, hỏng là hỏng ở chỗ này! Cũng có nghĩa là quý vị dùng giả, chẳng dùng thật. Lại nói khó nghe hơn là xử sự, đãi người, tiếp vật đều dùng giả tâm, chẳng dùng chân tâm, đó là phàm phu. Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, chẳng dùng giả tâm. Nay chúng ta có chân tâm mà chẳng dùng, lại dùng vọng tâm, cho nên là phàm phu. Tuy dùng vọng tâm, chân tâm của quý vị chẳng tăng, chẳng giảm; chân tâm trọn chẳng mất đi, mà cũng chẳng bị khuyết thiếu chút nào! Do đó, Phật nhìn chúng sanh là nhìn vào chân tâm của quý vị. Chân tâm của quý vị viên mãn, nhìn từ chỗ này, đó là bất thoái chân thật.

(Sao) Thí như hư không, tự cổ cập kim, bất tằng thoái chuyển. Túng dục thoái chuyển, thoái chí hà sở?

(鈔)譬如虛空，自古及今，不曾退轉，縱欲退轉，退至何所。

*(**Sao**: Ví như hư không, từ xưa tới nay chưa từng thoái chuyển.*

Dẫu muốn thoái chuyển thì thoái đến nơi đâu?)

Chân Như bản tánh chẳng tăng, chẳng giảm, quý vị lui về đâu? Chẳng lui được! Hễ mê thì có tiến, có lùi. Đã ngộ bèn chẳng có tiến, mà cũng chẳng có lùi. Xứng tánh là nhìn từ Tánh Đức viên mãn. Đó là Lý, mà cũng là Thể. Hiểu rõ đạo lý này, nhận biết bản thể, mới hiểu bất thoái vốn sẵn trọn đủ. Nếu là vốn sẵn trọn đủ, vốn có, sẽ quyết định có thể chứng đắc, chúng ta mới có thể đoạn nghi sanh tín nơi Phật pháp, tín tâm mới có thể kiến lập.

Nhị, thượng thủ.

(Kinh) Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bổ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

(Sớ) Thừa thượng ngôn "sanh bỉ quốc giả", khởi duy bất thoái? Phục hữu Bổ Xứ Bồ Tát bất khả thắng kỷ, thâm khuyến cầu sanh dã.

二、上首。

(經)其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

(疏)承上言生彼國者，豈惟不退。復有補處菩薩不可勝紀，深勸求生也。

(Hai là [nói về bậc] thượng thủ [trong số các vị A Bệ Bạt Trí Bồ Tát].

***Kinh**: Trong số đó có nhiều vị là Nhất Sanh Bổ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể do tính toán để có thể biết được, chỉ có thể nói là "vô lượng vô biên A-tăng-kỳ".*

***Sớ**: Tiếp nối ý trong phần trên "người sanh về cõi ấy" há chỉ là chẳng thoái chuyển, mà lại còn có hàng Bổ Xứ Bồ Tát không thể kể xiết, nhằm sâu xa khuyên [người nghe] hãy nên cầu vãng sanh).*

Không chỉ là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị quyết định chẳng bị thoái chuyển. Tôi nghĩ các đồng tu đều có thể rất tin tưởng chẳng nghi lời này. Vì sao? Chúng tôi đã giảng bộ Sớ Sao này đến lần thứ ba, Yếu Giải cũng đã giảng rất nhiều lần. Chư vị cũng nghe giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ rất nhiều lần. Tôi tin tưởng quý vị chẳng đến nỗi lại có nghi hoặc đối với những ý nghĩa trong kinh, xác

thực là [người vãng sanh Cực Lạc] chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Càng khó có là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hàng Bổ Xứ Bồ Tát đông đảo, đông đến nỗi quý vị chẳng có cách nào tính toán được!

(Sao) Thâm khuyến cầu sanh giả.
(鈔)深勸求生者。
*(**Sao**: "Sâu xa khuyên hãy nên cầu sanh").*

Khuyên chúng ta hãy cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Sanh giai bất thoái, dĩ siêu dư quốc.
(鈔)生皆不退，已超餘國。
*(**Sao**: Hễ vãng sanh đều bất thoái, [điều này] đã vượt trỗi các cõi nước khác).*

"Dư quốc" là các cõi nước của chư Phật. Thế giới này là cõi nước của Thích Ca Mâu Ni Phật, tức thế giới Sa Bà.

(Sao) Phục đa Bổ Xứ, khả vị siêu việt thù thắng, cực kỳ chí dã.
(鈔)復多補處，可謂超越殊勝，極其至也。
*(**Sao**: "Lại có nhiều vị Bổ Xứ", có thể nói là vượt trỗi thù thắng, đạt tới tột bậc vậy).*

Trong thế gian này, tôi tin tưởng là những người đã dấn thân vào xã hội đều có cảm xúc: Cư xử giữa con người với nhau rất khó, làm việc đã khó khăn, làm người càng khó hơn. Ngôn ngữ, động tác chỉ hơi thiếu cẩn thận liền khiến cho kẻ khác hiểu lầm, tạo thành mối hiềm khích trong tương lai, đem lại nhiều nỗi khổ nạn. Nhỏ thì là va chạm giữa người với người, lớn là sự hiểu lầm giữa các quốc gia. Vì thế, hoàn cảnh nhân sự tốt đẹp thì quý vị ở nơi đâu cũng đều là người tốt, chuyện này chẳng dễ dàng! Hoàn cảnh nhân sự trong thế giới Tây Phương là bậc nhất, trong hết thảy các thế giới của chư Phật đều chẳng có [hoàn cảnh tốt đẹp như vậy], vì sao? Hàng Bổ Xứ Bồ Tát đông hơn những Bồ Tát thuộc các địa vị trước đó. Bổ Xứ Bồ Tát là hạng người nào? Đẳng Giác Bồ Tát, [tức là] những vị Bồ Tát giống như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền rất nhiều. Nói thật ra, các Ngài chẳng khác Phật! Nếu chúng ta đã biết thế giới Tây Phương có hoàn cảnh nhân sự tốt đẹp như vậy, cớ

sao chẳng mong đến đó? Hoàn cảnh vật chất vẫn kém quan trọng hơn, hoàn cảnh nhân sự quan trọng nhất. Nơi ấy là chỗ các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ, *"thượng thiện"* là nói tới các vị Bổ Xứ Bồ Tát.

(Sớ) Bổ Xứ giả, chỉ thử nhất sanh, thứ bổ Phật vị, tức Đẳng Giác Bồ Tát dã.

(疏)補處者，止此一生，次補佛位，即等覺菩薩也。

*(**Sớ**: Bổ Xứ là chỉ một đời này, đời sau sẽ bổ vào địa vị Phật, tức là bậc Đẳng Giác Bồ Tát vậy).*

Bổ Xứ là Hậu Bổ Phật. Các Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chờ "bổ nhiệm vào địa vị Phật". Người đông như thế, đến năm nào mới có thể tới lượt làm Phật? Chư vị phải hiểu, địa vị Hậu Bổ Phật không nhất định là sẽ nối tiếp ngôi vị Phật của Tây Phương A Di Đà Phật. Chẳng phải vậy, mười phương thế giới, nơi nào có Phật nhập Niết Bàn, Bồ Tát thấy nơi ấy có duyên với Ngài bèn đến đó làm Phật. Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng, tức là nói thế giới Sa Bà có bốn mươi ức chúng sanh, các chúng sanh nào vậy? Chính là chúng sanh như chúng ta trong hiện tại, trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng trở thành Hậu Bổ Phật, đạt đến địa vị Bổ Xứ Bồ Tát. Trong tương lai, nơi nào trong mười phương thế giới có duyên với quý vị, bèn đến đó làm Phật, cùng có hiệu là Diệu Âm Như Lai. Trong kinh đã nói rất rõ ràng! Do vậy có thể biết, *"hậu bổ"* có phạm vi hết sức rộng lớn, chính là tận hư không khắp pháp giới hết thảy các cõi Phật. Đoạn kinh văn cuối kinh Vô Lượng Thọ ấy chẳng thể nghĩ bàn! Thông thường, khu vực giáo hóa của một đức Phật là một thế giới. Một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp là vị này nối ngôi vị kia làm Phật. Như Thích Ca Mâu Ni Phật thì người nối ngôi vị Phật của Ngài chính là Di Lặc Bồ Tát, Vi Đà Bồ Tát là vị Phật cuối cùng trong một ngàn vị Phật ấy. Các Ngài từng vị nối tiếp nhau, từ từ bổ xứ trong cùng một thế giới. [Trong khi đó, Hậu Bổ Phật trong] thế giới Tây Phương là đến các thế giới của mười phương chư Phật để làm Phật, ý nghĩa này khác biệt rất lớn. Do điều này, có thể chứng thực: Giáo khu của A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới, chẳng phải là thế giới Cực Lạc đơn độc, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng điều này. Vì thế, nói *"mười phương hết thảy chúng sanh vì*

sao đều mong cầu sanh về Tịnh Độ, hết thảy chư Phật Như Lai đều khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ", trong ấy, nhất định là có đạo lý to lớn. Đạo lý to lớn ấy chính là ở ngay nơi đây, nhằm khuyên lơn chúng ta.

(Sao) Chỉ thử nhất sanh giả, thử độ tu hành, xả thân, thọ thân, thiên sanh vạn sanh, vị hữu cùng dĩ.

(鈔)止此一生者，此土修行，捨身受身，千生萬生，未有窮已。

*(**Sao**: "Chỉ một đời này": Tu hành trong cõi này, xả thân, thọ thân, ngàn đời vạn đời chẳng có cùng tận).*

Nói đến thế giới này, nói tới trạng huống trước mắt, chúng ta xác thực là như vậy. Trong thế giới Sa Bà, chúng ta chẳng có cách nào vượt thoát! Đời đời kiếp kiếp tu hành trong thế giới này, tu một khoảng thời gian, thọ mạng đã hết. Thọ mạng chấm dứt, lại bị luân hồi, chẳng biết luân hồi đến nơi đâu! Nếu lại được làm thân người, lại may mắn gặp gỡ Phật pháp, tu mấy chục năm rồi lại hết chuyện. Từ vô lượng kiếp tới nay đã làm theo kiểu đó, hễ bị mê khi cách ấm bèn lại thoái chuyển, mỗi đời đều khởi sự từ đầu! Đời đời kiếp kiếp đều phải khởi sự từ đầu. Trong đời quá khứ, chẳng biết chúng ta đã tu bao nhiêu A-tăng-kỳ kiếp, tới nay vẫn là tình trạng này, quý vị bèn biết tu hành trong thế giới này khó khăn lắm!

(Sao) Nãi chí chứng Tam Quả giả, do thượng hữu sanh.

(鈔)乃至證三果者，猶尚有生。

*(**Sao**: Cho đến bậc đã chứng Tam Quả, hãy còn có sanh).*

Đây là nói theo Tiểu Thừa. Tiểu Thừa chứng đắc Sơ Quả, bảy lần qua lại trong nhân gian hoặc cõi trời. Chứng đắc Nhị Quả bèn một lần tái sanh [nơi nhân gian]. Tam Quả ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên thuộc Tứ Thiền của Sắc Giới, vẫn chưa ra khỏi tam giới, nên nói là *"do thượng hữu sanh"* (hãy còn có sanh).

(Sao) A La Hán địa, phương đoạn hậu hữu.

(鈔)阿羅漢地，方斷後有。

*(**Sao**: Địa vị A La Hán mới đoạn hết, chẳng còn thân đời sau).*

Nhất định phải chứng đắc Tứ Quả La Hán thì mới vượt thoát tam giới.

(Sao) Tuy đoạn hậu hữu, bất đắc thành Phật.

(鈔)雖斷後有，不得成佛。

*(**Sao**: Tuy đã đoạn thân trong đời sau, chẳng được thành Phật).*

Tuy A La Hán đã vượt thoát tam giới, Ngài có thể thành Phật hay không? Không thể! Vì sao? Chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chứ Trần Sa và Vô Minh hãy còn. Chỉ có Định, [tức là] có Cửu Thứ Đệ Định. Định ấy sâu xa, sâu hơn Thiền Định thế gian. Thế gian là Tứ Thiền Bát Định. Định của [bậc La Hán] còn sâu hơn Định thế gian một tầng, nên chúng ta gọi nó là Đệ Cửu Định, đã vượt thoát. [Tuy có] Định mà chẳng khai huệ! Nhất định phải khai trí huệ thì mới có thể phá Trần Sa và Vô Minh, mới có thể chứng Pháp Thân thành Phật. Vì lẽ đó, A La Hán và Bích Chi Phật đều chưa được thành Phật. Đây là nói tới sự khó khăn do tu hành trong thế giới này.

(Sao) Kim thử duy dư nhất sanh, thứ tức bổ Phật, tiền như Hộ Minh, hậu như Từ Thị, Bồ Tát chi cực vị dã.

(鈔)今此唯餘一生，次即補佛，前如護明，後如慈氏，菩薩之極位也。

*(**Sao**: Nay chỉ còn sót lại một đời này, đời kế tiếp liền bổ xứ làm Phật, trước là như ngài Hộ Minh, sau là như ngài Từ Thị, địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát).*

Nói đến Tây Phương Tịnh Độ, người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc chỉ có một đời này, trong một đời chúng ta bèn thực hiện viên mãn chuyện này. Trong một đời được bổ vào địa vị Phật, có thể chứng đến địa vị Hậu Bổ Phật thì trong đời này chẳng có sanh tử luân hồi, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh, thọ mạng của quý vị giống như A Di Đà Phật. A Di Đà Phật vô lượng thọ, quý vị cũng là vô lượng thọ. Do đó, từ địa vị phàm phu mãi cho đến khi thành Phật, trong một đời bèn làm xong, chẳng cần qua đời khác!

Tiếp đó, Ngài nêu một tỷ dụ: *"Tiền như Hộ Minh"* (Trước là như Hộ Minh). Hộ Minh (Prabhāpāla) là Thích Ca Mâu Ni Phật, [tức là]

trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, Ngài làm Hậu Bổ Phật trong Đâu Suất Thiên, có tên là Hộ Minh Bồ Tát. Hiện thời, trong Đâu Suất Thiên, vị bổ xứ vào địa Phật nối tiếp Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Bồ Tát, Từ Thị là Di Lặc Bồ Tát. Địa vị này là *"Bồ Tát chi cực vị dã"*, tức là địa vị Bồ Tát cao nhất; nếu lên cao hơn nữa, Ngài sẽ thành Phật. Chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai sẽ là địa vị này, ai nấy đều chứng đắc địa vị Bồ Tát viên mãn tức là Bổ Xứ Bồ Tát, hoặc còn gọi là Đẳng Giác Bồ Tát.

(Sao) Hựu Đại Bổn vân.

(鈔)又大本云。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn lại nói).*

Lại nêu ra điều được nói trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Sanh bỉ quốc giả, giai cụ tam thập nhị tướng, cứu cánh thâm nhập diệu pháp yếu nghĩa, giai đương nhất sanh toại bổ Phật xứ.

(鈔)生彼國者，皆具三十二相，究竟深入妙法要義，皆當一生遂補佛處。

*(**Sao**: Người sanh trong cõi ấy đều có đủ ba mươi hai tướng, rốt ráo thâm nhập nghĩa lý trọng yếu của diệu pháp, đều sẽ được bổ làm Phật trong một đời).*

Đối với đoạn kinh văn này, chúng ta có thể nói là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản có kinh nghĩa (nghĩa lý của một bản kinh) viên mãn nhất. Xem một quyển ấy tức là xem trọn năm bản dịch gốc, ý nghĩa hoàn toàn được bao gồm trong ấy. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng hảo, quang minh, trí huệ và đức năng đều như A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có ba mươi hai tướng, mỗi người chúng ta đều có ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo đều là đức Thế Tôn nói phương tiện, vì lũ phàm phu chúng ta trong thế gian mà nói [đại lược]. Vì nói nhiều với quý vị, tuy nhiều nhưng do quý vị chẳng thấy, cũng chẳng tin tưởng! Thật ra, A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, không chỉ là ba mươi hai.

"Sanh bỉ quốc giả" (Người sanh về cõi ấy) trên từ Đẳng Giác cho tới dưới là chúng sanh trong ác đạo, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện Tín,

Nguyện, Hạnh sẽ quyết định vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn tương tự như Phật, tức là *"cứu cánh thâm nhập diệu pháp yếu nghĩa"*. Câu này khó có! *"Diệu pháp"* là nói Đại Thừa Phật pháp. *"Cứu cánh thâm nhập"* (Rốt ráo thâm nhập): Chẳng vãng sanh, sẽ không thể rốt ráo thâm nhập. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát nói mười đại nguyện vương của Ngài đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới viên mãn. Do vậy có thể biết, trước khi Phổ Hiền Bồ Tát vãng sanh, Ngài ở trong thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng, mười đại nguyện vương của Ngài vẫn chưa thể viên mãn, vẫn phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới viên mãn. Có thể thấy thế giới Tây Phương mới thật sự là *"rốt ráo thâm nhập"*. Chúng ta cầu vãng sanh, mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, câu này là bổn phận của quý vị, quý vị rốt ráo thâm nhập nghĩa lý trọng yếu của diệu pháp. Do đó, pháp này được gọi là pháp khó tin. Trong một bài kệ, Hạ lão cư sĩ đã nói pháp này là *"ức vạn nhân trung nhất nhị tri"* (trong ức vạn người, [chỉ có] một hai kẻ biết). Đừng nói là kẻ học Phật bình phàm không biết, nhiều vị đại đức tổ sư các tông phái trong Phật môn đều không biết, có thể thấy là khó khăn, thật sự khó lắm! Đã biết thì nhất định chuyên tu, chuyên hoằng, giống như kẻ thật sự hiểu biết rõ giá trị, đã biết rõ giá trị, đương nhiên sẽ chọn lấy món tốt nhất, lẽ đâu chọn món kém cỏi hơn? Chẳng đem thứ tốt nhất bố thí cho người khác, lại đem thứ kém hơn, hoặc kém tệ hơn nữa cho người ta, lẽ nào chẳng có lỗi với người khác? Đây là đạo lý nhất định. Trừ phi kẻ ấy chẳng biết rõ giá trị thì chẳng có cách nào cả. Kẻ ấy ngỡ thứ kém cỏi hơn hoặc thứ tệ hơn nữa là loại bậc nhất, hiểu lầm mất rồi! Vì thế, câu này nói thật hay!

"Giai đương nhất sanh toại bổ Phật xứ" (Đều sẽ được bổ làm Phật trong một đời này). Thưa cùng chư vị, đây là công đức lợi ích thù thắng nhất do sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng có gì vượt trội thù thắng hơn điều này, thành Phật ngay trong một đời! Vì vậy, pháp môn này là pháp môn thành Phật trong một đời, đúng là khó tin, dễ tu! Dễ tu là so sánh hết thảy các pháp môn, pháp này dễ dàng nhất. Dễ tu, nhưng quý vị ắt phải buông hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian xuống thì mới quyết định thành tựu. Bí quyết niệm Phật là *"chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp"*, chư vị làm được chín chữ ấy, sẽ quyết định vãng sanh, đó là *"vạn người tu, vạn người đến"*. Quý vị hoài nghi pháp này, hoặc công phu gián đoạn, hoặc xen tạp, sẽ chẳng đáng trông cậy! Xen tạp là gì? Vừa niệm kinh, vừa bái sám, lại làm pháp hội,

còn muốn xem Phong Thủy, đoán mạng, xem chuyện cát hung họa phước, như vậy thì chẳng có niềm kỳ vọng to lớn chi cả, quyết định chớ nên xen tạp! Chẳng xen tạp thì gọi là thuần, chẳng gián đoạn là tấn, tức là tinh tấn.

Trong các đồng học chúng ta, tôi biết có mấy vị niệm Phật khá lắm, có thể niệm đến mức trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ Phật hiệu chẳng gián đoạn. Họ có thể không ngủ nghê, niệm đến mức tinh thần rất sung mãn, nghỉ ngơi qua loa một hai tiếng đồng hồ bèn có thể làm việc, đó là công phu đắc lực, xác thực là đã tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Ngủ nghê là nghiệp chướng, mệt mỏi là nghiệp chướng. Họ niệm đến mức không mệt mỏi, không cần ngủ, đó là hiện tượng nghiệp chướng tiêu trừ. Lần này, tôi sang Bắc Kinh, có mấy vị đồng tu niệm Phật, tôi cũng chẳng quen biết họ. Lần đầu tiên họ nghe nói tới tôi, bèn đến tìm tôi. Họ đến từ Thiên Tân Cư Sĩ Lâm, nghe băng thâu âm lời giảng của chúng tôi thuở trước ở Đồ Thư Quán, chỉ có nửa bộ đầu, chẳng có nửa bộ sau. Sau khi nghe xong nửa bộ đầu, họ bèn y giáo phụng hành, nghiễm nhiên cũng có người hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, nghiệp chướng tiêu trừ giống y hệt, chẳng mệt, chẳng chán, rất khó có! Họ nói: "Thưa pháp sư! Chúng con làm theo lời thầy dạy, quả nhiên thầy chẳng lừa dối chúng con. Những lời thầy đã giảng chúng con đều chứng thực, nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ tăng trưởng". Họ rất phát tâm, lần lượt lưu thông băng thâu âm ấy. Thâu nhập của họ hết sức ít ỏi, mỗi tháng chỉ là hơn một trăm Nhân Dân Tệ[73], họ bớt ăn bớt xài để mua băng thâu âm lưu thông, thật sự đáng kính phục! Tôi thấy vậy vô cùng cảm động. Tiếp theo đây là nói theo tỷ dụ.

(Sao) Cứ thử.
(鈔)據此。
*(**Sao**: Dựa theo đó).*

Căn cứ theo những điều Đại Kinh đã nói.

(Sao) Tắc như trữ quân tạm tại Đông Cung, tất thiệu nam diện,

[73] Nhân Dân Tệ (Renminbi, thường viết tắt là RMB) là đơn vị tiền tệ do Trung Cộng phát hành tại Hoa Lục, đồng tiền này được phát hành từ ngày mồng Một tháng Hai năm 1948.

phi dư bách quan triển chuyển thăng tấn, chỉ thị vị cực nhân thần chi tỷ dã.

(鈔)則如儲君暫在東宮，必紹南面，非餘百官展轉陞進，止是位極人臣之比也。

*(**Sao**: Giống như thái tử ở tạm tại Đông Cung, ắt sẽ nối ngôi hoàng đế[74], chẳng như bá quan lần lượt thăng chức, [tối đa là] chỉ đạt tới địa vị tột bậc trong hàng bầy tôi mà hòng sánh bằng).*

Dùng chế độ trong quá khứ để nói. Người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ví như hoàng thái tử. Hoàng thái tử tuy ở Đông Cung, trong tương lai, sau khi hoàng đế đã chết, nhất định sẽ kế thừa vương vị. Trọn chẳng giống bá quan văn võ thông thường dần dần thăng chức, thăng lên tới địa vị cao nhất cũng bất quá là Tể Tướng mà thôi, không thể làm hoàng đế. Chẳng thể sánh bằng! Đây là tỷ dụ điều gì? Quý vị tu các pháp môn khác giống như văn võ bá quan, có thân phận như vậy. Quý vị cầu sanh Tịnh Độ giống như thân phận vương thái tử[75]. Dùng chuyện này để tỷ dụ, chúng ta thấy rất dễ hiểu! Cầu sanh Tịnh Độ và tu học các pháp môn khác không thể cùng xếp ngang hàng để bàn luận được, chẳng thể so sánh!

(Sao) Thử đẳng Bồ Tát, hàm giai vãng sanh, bạc liệt Tây

---

[74] Theo cổ lễ, ngồi ở phía Bắc, ngoảnh mặt về phương Nam là tôn quý nhất. Vì thế, thiên tử, chư hầu, khanh đại phu khi tiếp kiến người khác thường ngồi phía Bắc ngoảnh mặt về phương Nam. Về sau, từ ngữ này chỉ được dùng để nói về ngôi hoàng đế, và do đó có thành ngữ *"Nam diện xưng cô"* (ngoảnh mặt về phương Nam, xưng là Cô (孤). Cô là tiếng khiêm xưng của đế vương ý nói đức hạnh kém cỏi, nên cô độc, trơ trọi vì chẳng có đức hạnh chiêu cảm hiền thần). *"Thiệu nam diện"* (紹南面: Nối tiếp địa vị ngoảnh mặt về phương Nam) tức là nối ngôi vua.

[75] Trữ quân là danh xưng để gọi hoàng thái tử, còn gọi là thái tử, hoàng trữ, vương trữ, đại công trữ, vương thái tử, đông cung. Con trai cả hoặc người nối ngôi vua chư hầu không được phép gọi là thái tử (太子: Thái có nghĩa là to lớn), mà gọi là thế tử (世子). Trong nghĩa gốc, Đông Cung là phía Đông của hoàng cung, nơi hoàng thái tử có một tiểu triều đình nhằm huấn luyện thái tử học cách cai trị, chứ không có quyền hành thật sự. Người đứng đầu các liêu thần trong Đông Cung thường là một vị lão thần giàu kinh nghiệm do hoàng đế bổ nhiệm, thường do Thái Phó (thầy dạy của thái tử) đảm nhiệm. Do phương Đông thuộc Mộc trong Ngũ Hành, mà Mộc có màu xanh, tượng trưng cho mùa Xuân, nên đôi khi Đông Cung còn được gọi là Thanh Cung hoặc Xuân Cung.

Phương, bất sủy thậm hỹ.

(鈔)此等菩薩，咸皆往生，薄劣西方，不揣甚矣。

*(**Sao**: Các vị Bồ Tát ấy thảy đều vãng sanh. Những kẻ khinh thường Tây Phương sao chẳng xét suy quá đỗi!)*

"Thử đẳng Bồ Tát" (Các vị Bồ Tát ấy) là nói tới các vị Đẳng Giác Bồ Tát, giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền còn mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, suy đi nghĩ lại, chỉ thấy có một lý do: Để thành Viên Giáo Phật. Đẳng Giác Bồ Tát nếu tiến lên cao hơn sẽ thành Phật. Nếu chẳng vì thành Phật, Ngài có lý do gì mà vãng sanh thế giới Tây Phương? Chẳng có lý do! Nói như vậy, ngoài thế giới Tây Phương, [nếu ở trong] thế giới Hoa Tạng sẽ chẳng thể thành Viên Giáo Phật ư? Có lẽ cũng thành được, nhưng có thể là thời gian rất lâu, chẳng được nhanh chóng như trong thế giới Tây Phương. Có lẽ là cũng có thể thành, nhưng Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng có thể chẳng nhiều như trong thế giới Tây Phương, thật đấy! Do đó, chẳng có ai không hy vọng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Hàm giai vãng sanh"*, chúng ta thấy hiện tượng như vậy, vẫn chẳng phát nguyện cầu sanh Tây Phương thì thầy Lý nói kẻ như vậy *"chẳng phải là ngu si, thì là cuồng vọng"*, đó là kẻ có vấn đề. Một người thần trí rất bình thường, thấy hiện tượng này, nhất định phát tâm cầu sanh Tây Phương. *"Bạc liệt Tây Phương"*: *"Bạc liệt"* (薄劣) là gì? Coi rẻ thế giới Tây Phương, thấy thế giới Tây Phương thấp kém. Người như vậy, nói theo kiểu hiện thời là *"rất thiếu tự lượng sức"*. *"Bất sủy thậm hỹ"* (Chẳng suy xét quá đỗi), quá sức thiếu tự lượng!

Hiện thời, [thiên hạ đa số] xem thường thế giới Tây Phương, chẳng coi trọng, nhất là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, nhiều người chẳng thèm ngó tới! Thế gian hiện thời là đời loạn, chúng ta cũng chẳng thể miễn cưỡng biện bác cùng kẻ khác. Gắng sức biện bác về giáo pháp cùng kẻ khác chỉ tổn hại, chẳng có lợi ích. Không biện bác vẫn tốt hơn! Lục Tổ đại sư nói rất hay: Nếu chẳng phù hợp căn cơ, hãy chắp tay khiến cho kẻ ấy hoan hỷ, chẳng cần phải tranh luận. Họ tu pháp của họ, chúng ta tu pháp của chúng ta; như thế là tốt đẹp. Chúng ta cung kính tán thán họ. Họ phê bình, chỉ trích, hủy báng chúng ta, chúng ta vẫn cứ thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta không

bàn chuyện quá khứ, thấy những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trước mắt, đó là chứng cứ, chẳng giả! Tại Đại Lục, tại Hương Cảng, ở Tân Gia Ba cũng có, ở Đài Loan nhiều nhất. Bốn mươi năm qua, bao nhiêu người niệm Phật vãng sanh. Đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, không ngã bệnh mà mất. Những chuyện ấy ngàn vạn phần xác đáng, tuyệt đối chẳng phải là giả, rất ư là nhiều! Nói thật ra, những người ấy đã hiện thân thuyết pháp, [thế mà] vẫn chẳng tin thì hết cách! Tam chuyển pháp luân trong Phật pháp là thị chuyển, khuyến chuyển, và tác chứng chuyển. Những người ấy đã chứng minh cho quý vị, nhưng quý vị vẫn chẳng tin, hết cách rồi! Thật sự là phường Nhất Xiển Đề, chẳng có thiện căn. Hôm nay tôi giảng tới chỗ này!

Tập 206

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm mười hai:

(Sớ) Vấn: Bỉ xứ Quán Âm, thứ đương bổ Phật, thứ nãi Thế Chí. Thế Chí chi hậu, bất văn bổ giả. Kim ngôn "Bổ Xứ thậm đa", hà nhật đương bổ? Hựu Bổ Xứ giả, Bồ Tát địa tận, trụ Đẳng Giác vị, như tinh trung nguyệt, hà đắc thậm đa, nhi tại bỉ quốc?

(疏)問：彼處觀音，次當補佛，次乃勢至，勢至之後，不聞補者，今言補處甚多，何日當補；又補處者，菩薩地盡，住等覺位，如星中月，何得甚多，而在彼國。

*(**Sớ**: Hỏi: Trong cõi ấy, ngài Quán Âm sẽ kế tiếp bổ xứ làm Phật, rồi đến ngài Thế Chí. Sau ngài Thế Chí, chẳng nghe nói có vị Bổ Xứ nào! Nay nói "Bổ Xứ thật nhiều", đến khi nào sẽ được bổ nhiệm? Lại nữa, Bổ Xứ là trọn hết địa vị Bồ Tát, trụ trong địa vị Đẳng Giác, như vầng trăng giữa các ngôi sao, cớ sao có thể hiện diện thật nhiều trong nước ấy?)*

Đoạn này nêu ra hai nghi vấn:

- Thứ nhất là hoài nghi thế giới Tây Phương có Bổ Xứ Bồ Tát nhiều ngần ấy, tới năm nào, tháng nào họ mới được bổ làm Phật?

- Vấn đề thứ hai là hoài nghi số lượng. Thông thường, trong kinh điển chúng ta thấy trong một thế giới Phật, Hậu Bổ Phật là một vị, hai vị thì quá lắm rồi! Cớ sao thế giới Tây Phương có Hậu Bổ Phật đông đảo như thế?

"Bỉ xứ" là nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới Quán Thế Âm Bồ Tát là Hậu Bổ Phật trong thế giới Cực Lạc. Trong tương lai, A Di Đà Phật nhập Bát Niết Bàn, Quán Âm Bồ Tát liền thị hiện thành Phật trong thế giới Tây Phương. Sau khi đã thành Phật, Quán Âm Bồ Tát cũng có ngày nhập diệt. Sau khi Ngài nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát liền hậu bổ thành Phật. Sau Đại Thế Chí, [vị Bồ Tát nào sẽ được bổ làm Phật], trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói tới! [Đoạn kinh nói tới] chuyện Quán Âm và Thế Chí hậu bổ thành Phật được chúng tôi đưa vào Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản, chư vị xem sẽ biết. Người ta có nghi vấn ở chỗ này: Sau ngài Đại Thế Chí, chẳng nghe nói thế giới Tây Phương có Hậu Bổ Phật. Nay kinh nói thế giới Tây Phương có Hậu Bổ Phật nhiều ngần ấy, bèn hoài nghi: Vậy thì họ phải đến lúc nào mới tới phiên? A Di Đà Phật thọ mạng vô lượng vô biên, Quán Âm Bồ Tát thành Phật thọ mạng cũng là vô lượng vô biên, tuyệt đối chẳng kém A Di Đà Phật. Thọ mạng dài như vậy mà nói "đến cõi kia bèn chứng đắc Hậu Bổ Phật", cũng chẳng biết tới ngày nào mới được bổ nhiệm?

Vấn đề hoài nghi thứ hai là *"Bồ Tát địa tận"*, đây là địa vị tột đỉnh trong hàng Bồ Tát. Địa vị tột đỉnh là địa vị Hậu Bổ Phật, chúng ta gọi địa vị ấy là Đẳng Giác Bồ Tát, giống như mặt trăng giữa các ngôi sao. Đây là tỷ dụ, ví Phật như thái dương, ví Hậu Bổ Phật như vầng trăng. Địa cầu của chúng ta chỉ có một vầng trăng, chẳng phải là rất nhiều. Đương nhiên cách nói này là nói theo phía chúng sanh trên địa cầu. Đức Phật thuyết pháp ở nơi này, nhất định ứng với căn cơ của chúng sanh nơi đây, không thể nói theo thế giới khác hoặc tinh cầu khác. Chúng ta biết tinh cầu khác có đến mười mấy mặt trăng, chẳng phải là không có, nhưng địa cầu chỉ có một vầng trăng, chỉ có một vệ tinh. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhiều Hậu Bổ Phật ngần ấy? Giống như có nhiều vầng trăng dường ấy! Đó là hai vấn đề, chúng ta xem lời giải đáp như dưới đây.

(Sớ) Đáp: Bổ Xứ bất tất định bổ Di Đà chi xứ. Thập phương thế giới vô tận, chư Phật Niết Bàn vô tận, Bổ Xứ Bồ Tát diệc vô tận, trụ bỉ quốc trung, nhi đãi Bổ Xứ, hề vi bất khả!

(疏)答：補處不必定補彌陀之處，十方世界無盡，諸佛涅槃無盡，補處菩薩亦無盡，住彼國中，而待補處，奚為不可。

*(**Sớ**: Đáp: Bổ Xứ không nhất định phải bổ làm Phật nơi chỗ Phật Di Đà. Mười phương thế giới vô tận, chư Phật nhập Niết Bàn vô tận, Bổ Xứ Bồ Tát cũng vô tận, họ ở trong cõi ấy để đợi Bổ Xứ, có gì là không thể được?)*

Trong hết thảy các cõi Phật, chỉ riêng thế giới Tây Phương là rốt ráo viên mãn. Do vậy có thể biết, từ đoạn kinh văn này, chúng ta có thể suy tưởng: Hậu Bổ Phật trong mười phương thế giới ở chỗ nào? Thảy đều đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới có Hậu Bổ Phật đông đảo! Đông đến mức độ nào? Kinh nói là chẳng có cách nào tính toán, vô lượng vô biên! Những vị Đẳng Giác Bồ Tát ấy vốn còn nhiều hơn số người vãng sanh. Đó gọi là *"chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"* (các vị thượng thiện nhân ở chung một chỗ), chúng ta đã được chứng minh. Câu này có nghĩa là: Hậu Bổ Phật trong mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật đều tụ hội trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc là câu lạc bộ của các vị Hậu Bổ Phật trong mười phương cõi nước, các Ngài đều đến đó. Đương nhiên là thế giới ấy thập phần viên mãn, hiếm có, khó gặp! Do vậy, những vị Bổ Xứ Bồ Tát hoàn toàn chẳng phải là ở nơi đó để chờ được bổ nhiệm vào ngôi vị Phật của A Di Đà Phật, chẳng phải vậy! Mười phương thế giới, nơi nào có Phật nhập Niết Bàn, vị Bổ Xứ Bồ Tát nào có duyên với thế giới ấy, đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn đến đó thị hiện tám tướng thành đạo, thị hiện thành Phật độ chúng sanh. Chuyện là như thế đó. Vì thế, đối với chuyện Phật, Bồ Tát ứng thế, kinh Hoa Nghiêm đã nói rất thấu triệt: *"Do chúng sanh cơ cảm"*, [nghĩa là] chúng sanh có cảm, những vị Bổ Xứ Bồ Tát bèn có ứng. Vì lẽ đó, khi chúng ta tu hành nơi nhân địa, phải kết pháp duyên rộng rãi với chúng sanh. Vì sao? Chẳng có duyên với chúng sanh thì trong tương lai quý vị thành Hậu Bổ Phật, đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, mười phương chúng sanh đều chẳng có cảm, quý vị cũng vĩnh viễn chẳng làm Phật. Vì sao? Chẳng ai cầu quý vị. Có thể thấy là kết pháp duyên rất trọng yếu. Vấn đề thứ nhất đã được giải quyết! Lại xem phần giải đáp cho vấn đề thứ hai.

(Sớ) Hựu chư Phật thượng như vi trần, vô hữu cùng tận, huống phục Bồ Tát, kỳ số thậm đa, vô túc nghi dã, như Đại Bổn trung thuyết.

(疏)又諸佛尚如微塵，無有窮盡，況復菩薩，其數甚多，無足疑也，如大本中說。

*(**Sớ**: Lại nữa, chư Phật còn nhiều như vi trần, chẳng có cùng tận, huống là Bồ Tát, số ấy thật nhiều, há đáng nghi ư, như trong kinh Đại Bổn đã nói).*

Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Mười phương thế giới, thế giới vô lượng vô biên, mỗi thế giới đều có một vị Phật. Do thế giới vô biên, nên chư Phật cũng vô lượng vô biên. Do Phật là vô lượng vô biên, đương nhiên Bồ Tát cũng là vô lượng vô biên. Chuyện này không đáng để hoài nghi, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng. Liên Trì đại sư trích lục chương cuối cùng trong kinh Vô Lượng Thọ:

(Sao) Đại Bổn vân: Phật cáo Di Lặc: - Thử thế giới trung, hữu thất bách nhị thập ức Bồ Tát sanh bỉ, nhất nhất dĩ tằng cúng dường vô ương số Phật.

(鈔)大本云：佛告彌勒，此世界中，有七百二十億菩薩生彼，一一已曾供養無央數佛。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn nói: "Phật bảo Di Lặc: - Trong thế giới này, có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát sanh về cõi ấy, mỗi vị đã từng cúng dường vô ương số Phật").*

Đây là Bồ Tát vãng sanh, Bồ Tát nào vậy? Đẳng Giác Bồ Tát. *"Thử thế giới"* là thế giới Sa Bà. Có bảy trăm hai mươi ức Đẳng Giác Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những vị Bồ Tát ấy thiện căn vô cùng sâu dầy, *"dĩ tằng cúng dường vô ương số Phật"* (đã từng cúng dường vô ương số Phật).

(Sao) Như Di Lặc giả.

(鈔)如彌勒者。

*(**Sao**: Như Di Lặc).*

Có địa vị giống như Di Lặc Bồ Tát. Nói rõ: Đó là hàng Đẳng Giác Bồ Tát.

(Sao) Chư tiểu Bồ Tát, bất khả thắng kỷ.

(鈔)諸小菩薩，不可勝紀。

*(**Sao**: Các vị tiểu Bồ Tát chẳng thể kể xiết).*

Tiểu Bồ Tát, tức là các vị Bồ Tát thấp hơn Đẳng Giác, vãng sanh chẳng thể kể xiết. Số lượng quá nhiều, nói chẳng thể hết được!

(Sao) Tha phương thế giới, đệ nhất Quang Viễn Chiếu Phật sở, hữu bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Đệ nhị Bảo Tạng Phật sở, hữu cửu thập ức. Đệ tam Vô Lượng Âm Phật sở, hữu nhị bách nhị thập ức. Triển chuyển chí thập tứ Phật sát, dĩ cập vô lượng Phật sát, vãng sanh giả bất khả phục kế, đản thuyết Phật danh, cùng kiếp bất tận, huống kỳ Bồ Tát đương vãng sanh giả, ngôn như Di Lặc, tắc thậm đa Bổ Xứ, ích khả vi chứng.

(鈔)他方世界，第一光遠照佛所，有八十億菩薩，皆當往生；第二寶藏佛所，有九十億；第三無量音佛所，有二百二十億；展轉至十四佛剎，以及無量佛剎，往生者不可復計。但說佛名，窮劫不盡，況其菩薩當往生者，言如彌勒，則甚多補處，益可為證。

*(**Sao**: Các thế giới phương khác, thứ nhất là ở nơi Quang Viễn Chiếu Phật, có tám mươi ức Bồ Tát sẽ đều vãng sanh. Thứ hai là ở chỗ Bảo Tạng Phật có chín mươi ức. Thứ ba là ở chỗ Vô Lượng Âm Phật có hai trăm hai mươi ức. Lần lượt cho tới cõi Phật thứ mười bốn cùng với vô lượng cõi Phật, người vãng sanh không thể tính đếm được. Chỉ nói danh hiệu Phật đã là trọn hết kiếp cũng không thể nói hết, huống hồ là [nói tới số lượng] các vị Bồ Tát vãng sanh. Ví như ngài Di Lặc, [trong cõi Cực Lạc] hàng Bổ Xứ Bồ Tát rất đông, [điều này] càng chứng minh [rõ rệt hơn]).*

Chúng ta đọc đoạn kinh văn này trong kinh Vô Lượng Thọ liền liễu giải: Nói thật thà, hàng Đẳng Giác Bồ Tát sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đông nhất, vì sao? Vì Đẳng Giác Bồ Tát liễu giải y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng nhất. Nếu chẳng hiểu, trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, vì sao các Ngài cầu vãng sanh? Vì các Ngài biết hoàn cảnh ấy quá rõ ràng! Nói theo phương diện tu học, mười phương thế giới, hoàn cảnh tu học trong bất cứ cõi Phật nào đều chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên đến nơi đó (cõi Cực Lạc) để tu hành. Tuy ở trong thế giới Tây Phương, nói thật ra, chẳng lìa cõi mình, giống như Di Lặc Bồ Tát trong thế giới này. Di Lặc Bồ Tát đang ngự trên Đâu

Suất Thiên, trong tương lai sẽ hạ sanh. Đấy là vị Phật thứ năm trong Hiền Kiếp tại thế giới Sa Bà, Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư. Hiện thời Ngài ở nơi đâu? Ngài ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là ở trong Đâu Suất Nội Viện. Nói thật ra, các Ngài qua lại trong vòng một niệm. Vì thế, Đâu Suất Nội Viện có Di Lặc Bồ Tát, mà Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có Di Lặc Bồ Tát.

(Sớ) Như thượng y chánh nhị báo, hoặc kinh văn trung hữu, bổn nguyện trung vô. Hoặc bổn nguyện trung hữu, kinh văn trung vô, hỗ kiến vô ngại.

(疏)如上依正二報，或經文中有，本願中無；或本願中有，經文中無，互見無礙。

*(**Sớ**: Đối với y báo và chánh báo như vừa nói trên đây, hoặc là trong phần kinh văn có, nhưng bổn nguyện không có, hoặc trong bổn nguyện có, nhưng kinh văn chẳng có, xem đối chiếu lẫn nhau vô ngại).*

Đối với các thứ y báo và chánh báo của thế giới Tây Phương như vừa nói trên đây (y báo là hoàn cảnh vật chất, chánh báo là hoàn cảnh nhân sự), hoặc là trong kinh nói cặn kẽ, có nhắc tới, nhưng trong bốn mươi tám nguyện chẳng nói, hoặc là trong bốn mươi tám nguyện có nói, nhưng kinh văn chẳng nói đến. [Do đó], ắt phải đối chiếu lẫn nhau.

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư nêu rõ: Thuở tại thế, Phật Thích Ca đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, mà kết tập cũng là kết tập nhiều lần. Bởi lẽ, nguyên bản tiếng Phạn của kinh này có nhiều loại, chẳng phải chỉ là một loại được truyền đến Trung Hoa. Cổ nhân khảo chứng, đã thừa nhận là tối thiểu có ba bản gốc bất đồng. Tại Trung Hoa, có mười hai bản dịch. Nếu là cùng một bản gốc, cần gì phải phiên dịch nhiều lượt như vậy? Do nguyên bản bất đồng, [mỗi bản dịch trần thuật] y báo và chánh báo tường tận hay đại lược. Có điểm bản này có, bản kia chẳng có, hoặc bản kia có, bản này chẳng có. Chính vì như vậy nên mới cần phải hội tập. Hiện thời, có rất nhiều người phê phán bản hội tập, cho rằng đọc kinh Vô Lượng Thọ thì phải nên đọc bản dịch gốc, chứ bản hội tập nói chung là do người đời sau biên tập, thường là chẳng đúng pháp cho lắm. Đọc kinh văn nguyên bản có được hay không? Được chứ! Đọc bản gốc thì nhất định là phải đọc cả năm loại bản gốc thì ý nghĩa mới viên mãn. Quý vị đọc bản này, sẽ sót mất câu kinh văn kia. [Vì lẽ đó], hội tập là cần thiết. Đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư mở màn đầu tiên.

Nếu quý vị bảo bản hội tập sai lầm, là chuyện chẳng nên làm, [thế thì] cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước lúc mất. Đấy là lão nhân gia hiện thân thuyết pháp, nhằm nói rõ chính mình chẳng phạm sai lầm. Nếu ông ta đã phạm sai sót to tát trong Tịnh Độ Tông, làm sao có thể vãng sanh cho được? Do đó, [điều này] chứng tỏ hội tập chẳng sai!

Tuy hội tập là chuyện tất yếu, nhưng trong các bản hội tập của cổ nhân có chỗ đáng tiếc là những chỗ chọn lấy và gạt bỏ chẳng thích đáng, có những phần kinh văn rất quan trọng bị bỏ sót, chưa thể thấy một bản hoàn chỉnh. Một điều đáng tiếc nữa là [người hội tập] thường sửa đổi chữ dùng trong nguyên văn, điều này bị người đời sau phê bình. Nay chúng ta xem bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chư vị đối chiếu với năm bản dịch gốc, [sẽ thấy bản hội tập của cụ Hạ] lấy bỏ hết sức thích đáng. Nói cách khác, [bản ấy] là tổng hợp viên thành của năm bản dịch gốc. Y báo và chánh báo trang nghiêm, nguyện văn và kinh văn đều đạt tới cảnh giới viên mãn, lại chẳng sửa đổi chữ nào, toàn là kinh văn trích từ các bản dịch gốc.

Do đó, người đời sau đọc đến bản này, tán thán là bản kinh Vô Lượng Thọ viên mãn nhất, hoàn thiện nhất. Sau khi bản này ra đời, trong giới Phật giáo, người tán thán hết sức nhiều. Thuở ấy, pháp sư Từ Châu dùng bản này để giảng tại Tế Nam; Sư còn viết Khoa Phán. Bản này do lão cư sĩ Hoàng Lư Sơ đem từ Đại Lục đến (sau này, cụ Hoàng theo pháp sư Từ Hàng xuất gia, tức là pháp sư Luật Hàng), cụ mang đến Đài Loan giao cho lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Lý lão cư sĩ giảng ở Đài Trung một lần, lại còn viết lời mi chú đơn giản. Đọc đoạn kinh văn này liền biết hội tập kinh Vô Lượng Thọ xác thực là chuyện tất yếu. Đến hiện thời mới có một bản hoàn thiện như vậy, bản này khó có, đúng là Tam Bảo gia trì. Tại Đài Loan, từ Nam đến Bắc [bản này] đều được phổ biến tuyên dương, người đọc tụng rất nhiều, người nương theo phương pháp trong kinh điển này để tu hành rất đông. Đây là một chuyện hết sức hiếm có, là nhân duyên thù thắng.

(Sao) Nhược cứ mộ Phật phát nguyện, mãn nguyện thành Phật.

(鈔)若據慕佛發願，滿願成佛。

*(**Sao**: Nếu do ngưỡng mộ Phật mà phát nguyện, nguyện viên mãn sẽ thành Phật).*

"Mộ" (慕) là ngưỡng mộ. Ngưỡng mộ Phật pháp, phát nguyện học

Phật, nguyện viên mãn bèn thành Phật.

(Sao) Tắc bỉ phương chủng chủng sở hữu, giai bỉ Phật nguyện nguyện sở thành, tất ưng khế hợp.

(鈔)則彼方種種所有，皆彼佛願願所成，悉應契合。

*(**Sao**: Vậy thì tất cả các thứ bên cõi ấy đều do mỗi nguyện của đức Phật ấy tạo thành, cho nên ắt phải khế hợp).*

Nguyện của A Di Đà Phật vô lượng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng. Nói thật ra, những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong năm bản ấy để giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng bất quá là một giọt nước trong biển cả đó thôi. Có thể giới thiệu trọn hết hay không? Giới thiệu hoàn toàn thì nói suốt một kiếp vẫn nói không xong, cho nên nói đại lược những điều trọng yếu và khái quát. [Muốn biết] tình hình thật sự chi tiết, ắt là chính mình phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới biết được.

(Sao) Kim minh hỗ vi hữu vô giả, dĩ văn tuy tiểu thù, nhi ý tắc cụ túc dã.

(鈔)今明互為有無者，以文雖小殊，而意則具足也。

*(**Sao**: Nay nói [giữa các bản dịch] lần lượt là có hoặc không[76], chính là nói "văn tự sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa trọn đủ").*

Nói cặn kẽ hay đại lược khác nhau, nhưng ý nghĩa đều viên mãn, đầy đủ.

(Sao) Hựu như Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, sát trung chư thiên, nhân dân, nhất thiết vạn vật, giai nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xưng lượng giả, tuy đắc thiên nhãn, bất năng biện kỳ danh số".

(鈔)又如法藏願云：我作佛時，剎中諸天人民，一切萬物，皆嚴淨光麗，形色殊特，窮微極妙，無能稱量者，雖得天眼，不能辨其名數。

---

[76] Ý nói bản kinh này có chi tiết này, bản kinh kia không có. Hoặc bản kinh kia có, mà bản này không có.

*(**Sao**: Lại như ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi làm Phật, chư thiên, nhân dân trong cõi nước và hết thảy vạn vật đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, đẹp đẽ, hình sắc thù thắng đặc biệt, vi diệu tột cùng, không ai có thể diễn tả, suy lường được. Dẫu đắc Thiên Nhãn, cũng chẳng thể biện định tên gọi và số lượng của chúng").*

Mấy câu này là lời nguyện trích từ phần bốn mươi tám nguyện. Trong lời nguyện có nói Thiên Nhãn của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tối thiểu cũng là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên, chẳng phải là Thiên Nhãn của phàm nhân; [thế mà] họ cũng chẳng thể phân biệt y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những điều khác lại càng chẳng cần phải nói nữa!

(Sao) Quán thử, tắc chánh báo, y báo, nhiếp vô bất tận, bất khả câu văn nhi hạn nghĩa dã.

(鈔)觀此，則正報依報，攝無不盡，不可拘文而限義也。

*(**Sao**: Xét theo đó, chánh báo và y báo bao quát không gì chẳng trọn hết, chớ nên câu nệ văn tự để rồi hạn cuộc ý nghĩa vậy).*

Quyết định đừng nên chấp chết cứng kinh văn, phải biết trong ấy bao hàm cảnh giới rộng lớn vô biên. Y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng có cùng tận.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh quyết định thành Phật, thị Nhất Sanh Bổ Xứ nghĩa.

(疏)稱理，則自性決定成佛，是一生補處義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh quyết định thành Phật chính là ý nghĩa Nhất Sanh Bổ Xứ).*

Chúng ta thấy đại sư trích dẫn một đoạn trong Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao của vị tổ thứ năm trong tông Hoa Nghiêm là Khuê Phong đại sư. Lời Sao do Khuê Phong đại sư soạn.

(Sao) Khuê Phong vân: "Kim tri tâm thị Phật tâm, định đương tác Phật, nhiên nhi bổn lai thành Phật, phi tác đắc cố".

(鈔)圭峰云：今知心是佛心，定當作佛，然而本來成佛，非作得故。

*(**Sao**: Ngài Khuê Phong nói: "Nay biết tâm là tâm Phật, nhất định sẽ làm Phật, nhưng là vốn sẵn thành Phật, chẳng phải là do sẽ chứng đắc mà làm Phật).*

Người biết sự thật này chẳng nhiều. Chúng ta tuy nghe nói, có phải là thật sự biết hay không? Chưa chắc! Vì sao? Nếu thật sự biết, quý vị sẽ có cái nhìn khác hẳn đối với người, sự, vật. Nếu nói nông cạn, rõ ràng hơn một chút, sẽ là chắc chắn quý vị chẳng xử sự bằng cảm tình. Nếu quý vị xử sự, đãi người, tiếp vật vẫn luôn bị tình cảm chi phối, thì nói cách khác, quý vị chẳng hiểu rõ chuyện này. Vì chuyện này là tri kiến của Phật; nhập Phật tri kiến là Phần Chứng Phật. Lẽ đâu Phần Chứng Phật còn xử sự theo tình cảm? *"Tâm thị Phật tâm"* (Tâm là tâm Phật). Tâm chúng sanh và tâm Phật là một, chẳng hai. Nhà Thiền thường nói: *"Nếu người hiểu biết tâm, đại địa không tấc đất"*. Quý vị có thật sự nhận biết cái tâm hay không? Nhận biết cái tâm là minh tâm, minh tâm là kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, nhà Thiền có nói *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*. Vì vậy, tâm xác thực là có, nhưng bản thân chúng ta không biết. Nếu biết, chắc chắn quý vị sẽ đối đãi vạn sự vạn vật bằng cái tâm bình đẳng vì tâm là bình đẳng. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là vật do tự tánh biến hiện, lẽ nào bất bình đẳng? Đương nhiên là bình đẳng.

Nay cái tâm chúng ta bất bình đẳng đối với hết thảy vạn vật, bất bình đẳng là gì? Chính là vọng tâm, là tâm phân biệt, tâm chấp trước, là tâm ý thức, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là Phật tâm, tâm chúng ta là vọng tâm. Vọng tâm là giả tâm, chính là phàm phu tâm. Vọng tâm do đâu mà có? Vọng tâm do chân tâm bị mê mất mà biến hiện. Chẳng mê thì là chân tâm; đã mê thì chân tâm bèn là vọng tâm. Đã mê bèn xử sự theo tình cảm, chẳng liễu giải chân tướng của hết thảy sự thật. Đã giác ngộ, sẽ là xử sự thuần túy bằng trí huệ, sẽ là Bát Nhã, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Bồ Đề là giác tâm, không mê. Nói theo kiểu này, chư vị vẫn thấy rất khó lãnh hội, chúng tôi lại giảng rõ ràng, giảng rành rẽ hơn một chút. Mê là gì? Giác là gì? Phàm là niệm nào cũng suy nghĩ vì chính mình thì là mê. Niệm nào cũng vì ta, vì nhà của ta, vì đạo tràng của ta, đều là mê! Niệm nào cũng vì hết thảy chúng sanh, đó là giác ngộ. Quý vị hãy tự kiểm điểm một phen, quý vị là giác hay mê? Sẽ biết ngay! Cách

kiểm nghiệm này khá dễ dàng, cũng rất đáng tin cậy! Quý vị khởi tâm động niệm là nghĩ vì mình hay là nghĩ tới người khác? Mê hay ngộ phân định ở ngay chỗ này!

Giác tâm trọn khắp hết thảy mọi nơi. Đó là chân tâm. Tâm mê rất nhỏ, có phân biệt, có chấp trước, đã mê rồi! Kinh Lăng Nghiêm nói tâm giác ngộ giống như biển cả, tâm mê như một cái bọt nước trồi lên trong biển. Kẻ ấy chấp trước bọt nước là chính mình, quên bẵng biển cả. Khi nào bọt nước vỡ tan, mới biết tâm lớn dường ấy. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật"* là nói theo góc độ này, nói từ chỗ này. *"Thành Phật phi tác đắc cố"* (Thành Phật chẳng phải là do chứng đắc mà làm Phật): Thành Phật thì quý vị có thật sự làm Phật hay không? Có đạt được Phật quả hay không? Chẳng có! Vì sao? Quý vị vốn là Phật. Vốn là Phật, [nếu] lại đạt được Phật quả, đó gọi là *"trên đầu chồng thêm cái đầu nữa"*, lại mê hoặc, điên đảo mất rồi!

(Sao) Tắc đản kiến Thỉ Giác tân lai, bất tri Bổn Giác cố hữu, khả vị bổ tắc quyết định bổ, thành tắc thật bất thành!

(鈔)則但見始覺新來，不知本覺固有，可謂補則決定補，成則實不成。

*(**Sao**: Chính là chỉ thấy Thỉ Giác mới đạt được, chẳng biết Bổn Giác vốn sẵn có, có thể nói là "bổ xứ bèn quyết định là bổ xứ, nhưng thành Phật thì thật sự chẳng thành").*

Phải chú tâm lãnh hội lời này. Thỉ Giác là bắt đầu giác ngộ. Xét từ phía phàm phu chúng ta trong hiện thời, hiện tiền chúng ta có giác hay không? Đương nhiên là có giác. Nếu quý vị chẳng có Thỉ Giác, mà là bất giác, làm sao quý vị có thể đến đây nghe kinh? Tối nay quý vị từ nhà đến đây nghe kinh, chứng minh quý vị đã giác ngộ; đó là Thỉ Giác. Quý vị hằng ngày đều giác ngộ; vì thế, mỗi ngày đều là Thỉ Giác. Từ phàm phu mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn là Thỉ Giác. Đẳng Giác Bồ Tát thành Phật, Thỉ Giác hợp với Bổn Giác. Đạt đến thành Phật viên mãn thì hai chữ Thỉ Giác chẳng còn nữa, chẳng nói được. Chưa thành Phật viên mãn, mỗi ngày đều đang giác ngộ. Vì lẽ đó, Thỉ Giác chẳng phải là nói "bắt đầu vào một ngày nào đó", mà là "mỗi ngày đều là bắt đầu". Đấy là ý nghĩa của Thỉ Giác.

"Đản kiến Thỉ Giác tân lai" (Chỉ thấy Thỉ Giác vừa mới đạt được): Trong quá trình tu học, chúng ta mỗi ngày giác ngộ, mỗi ngày có

cảnh giới mới, mỗi ngày có sự khải thị mới mẻ. Điều này hết sức rõ rệt, quý vị mỗi ngày đều đang tiến bộ. Hiện tượng tiến bộ nhất định là phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng ngày càng ít hơn, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ ngày càng tăng thêm; đó là cảnh giới tốt đẹp. Nếu chẳng có cảnh giới này thì chẳng được rồi! Nói cách khác, quý vị học Phật chẳng phải là ngưng tại đó, mà là đang thụt lùi. Có cảnh giới ấy, mỗi ngày đều tiến bộ, cảnh giới ấy là cảnh giới tốt đẹp.

Vì Bổn Giác là cố hữu, vốn sẵn có, nên ở đây, cổ đại đức bảo chúng ta *"bổ tắc quyết định bổ"*, *"bổ"* (補) là gì? Thị hiện. Đến khi quý vị thành Phật, vì chính quý vị có bổn nguyện độ chúng sanh, nên sau khi thành tựu, chắc chắn sẽ dùng hạnh để thực hiện nguyện ấy. Quý vị sẽ thực hiện đại nguyện của chính mình. Nơi nào có chúng sanh mong mỏi quý vị tới giúp họ, quý vị nhất định đến đó. Vì thế, *"bổ tắc quyết định bổ"*. *"Thành tắc thật bất thành"*: Thành và bất thành đều chẳng có. Vì sao? Thành Phật và chẳng thành Phật là hai pháp; Lục Tổ đại sư nói: *"Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị"*. Quý vị có Thành thì sẽ có cái tương phản của nó là "chẳng thành", đúng như nhà Phật đã nói: *"Động niệm liền trật"*, không cho phép quý vị khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm còn chẳng thể, thì ngôn ngữ đương nhiên càng không thể đạt đến được. Đó gọi là *"mở miệng bèn trật, động niệm liền sai"*. Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật này. Vì lẽ đó, hết thảy ngôn thuyết đều là phương tiện thuyết, có nói đến chỗ chân thật hay không? Chẳng có! Chẳng nói một chữ nào! Những ngôn ngữ nói ra đều là hòn ngói để gõ cửa, là cột mốc chỉ đường, quý vị phải thấu hiểu nghĩa chân thật từ những điều ấy. Nghĩa chân thật không ở trong ngôn ngữ, cũng giống như vậy, nó chẳng ở trong văn tự! Nghĩa chân thật nhất định là lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự (lìa văn tự), lìa tướng tâm duyên. Trong tâm chẳng thể tưởng, hễ tưởng bèn lại chấp tướng. Phải là "hết thảy đều chẳng chấp trước" thì mới có thể ngộ nhập. Vì thế, thật sự khế nhập cảnh giới. Khế nhập cảnh giới là nhập pháp môn Bất Nhị, nhập pháp môn Bất Nhị là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *"Nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới"*. Cảnh giới bất tư nghị giải thoát còn gọi là Nhất Chân pháp giới. Trong Tịnh Độ Tông, đắc nhất tâm bất loạn liền *"nhập nhất"*, [nghĩa là] từ đấy trở đi, chẳng còn có hai! Hai là gì? Khởi tâm động niệm là hai. Nói cách khác, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Chẳng khởi tâm,

không động niệm thì vạn pháp như nhau, pháp nào cũng đều đúng, pháp nào cũng đều như, đó là thật sự bình đẳng. Do đó nói: *"Thành tắc thật bất thành"*. Nếu chư vị lãnh hội một chút ý nghĩa này thì quý vị mới có thể hiểu rõ lời này. Câu này có ý nghĩa rất sâu!

Chánh thị nguyện hạnh linh tri tu chứng.

正示願行令知修證。

(Chỉ thẳng vào nguyện hạnh khiến cho [người nghe] biết tu chứng).

Khai thị đại nguyện và đại hạnh của Phật Di Đà, nêu gương cho chúng ta, hòng khiến cho chúng ta hiểu rõ tu như thế nào, chứng như thế nào. Kinh văn chia thành bốn đoạn:

Sơ phát nguyện, nhị khởi hạnh, tam cảm quả, tứ kết khuyến.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

初發願，二起行，三感果，四結勸。

(經)舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。

(Một là phát nguyện, hai là khởi hạnh, ba là cảm quả, bốn là tiểu kết nhằm khuyên lơn.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy).*

Trong đoạn này, đức Phật rát miệng buốt lòng khuyên dạy chúng ta. Trong phần trên đã nói lắm lời lẽ như vậy, mục đích là để khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

(Sớ) Thượng trần y chánh nhị báo.

(疏)上陳依正二報。

*(**Sớ**: Trong phần trên đã trần thuật y báo và chánh báo).*

"Trần" (陳) là trần thuyết (陳說), nói rõ sự tốt đẹp nơi hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Y báo là hoàn cảnh vật chất, chánh báo là hoàn cảnh nhân sự. [Y báo và chánh báo] tốt đẹp đến tột cùng, chẳng có tơ hào khiếm khuyết. Vì thế gọi là thế giới Cực Lạc.

(Sớ) Kim ngôn chúng sanh đắc văn thử giả.

(疏)今言眾生得聞此者。

*(**Sớ**: Nay nói chúng sanh được nghe điều này).*

Chúng ta chẳng nghe nói sẽ không biết, vậy thì đành chịu; nhưng đã nghe, đã hiểu rõ, cớ sao chẳng hâm mộ? Lẽ đâu chẳng nên cầu sanh?

(Sớ) Ưng đương phát khởi đại nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

(疏)應當發起大願，願生彼國。

*(**Sớ**: Hãy nên phát khởi nguyện lớn, nguyện sanh về cõi ấy).*

Đại nguyện là gì? Nguyện sanh về cõi ấy là đại nguyện.

(Sớ) Thị vi đệ nhất trùng khuyến, hậu nãi phản phúc thân minh.

(疏)是為第一重勸，後乃反覆申明。

*(**Sớ**: Đây là khuyên lần thứ nhất, sau đó, lại lặp đi lặp lại vấn đề hòng giảng rõ).*

Trong kinh này, đức Phật trước sau ba lượt khuyến khích chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, đây là lần đầu tiên. Một rồi hai, hai rồi ba, rát miệng buốt lòng khuyên bảo. Lời Sao dưới đây giảng rõ về ba lượt khuyến cáo.

(Sao) Đệ nhất trùng khuyến giả, kinh trung phản phúc khuyến văn, khuyến tín, khuyến nguyện, ước hữu tứ trùng.

(鈔)第一重勸者，經中反復勸聞、勸信、勸願，約有四重。

*(**Sao**: "Khuyên lần thứ nhất": Trong kinh nhiều lượt nhắc đi nhắc lại khuyên hãy nghe, khuyên hãy tin, khuyên hãy nguyện, có khoảng bốn lần [như vậy]).*

Tôi vừa mới nói là ba lượt, trên thực tế là bốn lần. Bốn lần khuyên lơn, khích lệ chúng ta cầu sanh Tây Phương.

(Sao) Kim đương tối sơ.

(鈔)今當最初。

*(**Sao**: Nay là lần đầu tiên).*

Đoạn kinh văn này là khuyên lần đầu tiên.

(Sao) Thị văn y chánh trang nghiêm thắng diệu công đức chi thuyết nhi phát nguyện dã.

(鈔)是聞依正莊嚴勝妙功德之說而發願也。

*(**Sao**: Tức là do nghe nói công đức thù thắng nhiệm mầu nơi y báo và chánh báo trang nghiêm mà phát nguyện).*

Nghe đức Phật nói đoạn kinh văn trên đây bèn có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đó là hạng người bậc nhất. Hạng người bậc nhất là ai? Các vị Đẳng Giác Bồ Tát trong mười phương thế giới. Các Ngài vừa nghe liền lập tức phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Vì lẽ đó, trong thế giới Tây Phương mới có nhiều vị Đẳng Giác Bồ Tát như vậy! Có thể nói là các vị Đẳng Giác Bồ Tát trong mười phương thế giới vô lượng vô biên các cõi Phật đều tụ hội trong thế giới Tây Phương. Các Ngài vừa nghe liền tin tưởng, hiểu rõ, phát nguyện cầu vãng sanh.

(Sao) Nhị ngôn văn thị thuyết giả, thị văn nhất tâm trì danh quyết định vãng sanh chi thuyết nhi phát nguyện dã.

(鈔)二言聞是說者，是聞一心持名決定往生之說而發願也。

*(**Sao**: Hai là [chánh kinh] nói "người nghe nói như thế" chính là [nói tới những người] nghe nói "nhất tâm trì danh quyết định vãng sanh" bèn phát nguyện).*

Trong bốn lần khuyên, ở đây là tổng thuyết (nói tổng quát), khi đến các phần kinh văn trong phần sau, chúng ta sẽ đọc từng đoạn. Lần khuyên thứ hai ở trong chương này, đức Phật bảo chúng ta: *"Nhất tâm trì danh, sẽ quyết định vãng sanh"*, nghe điều tốt đẹp này, người ấy bèn phát nguyện cầu sanh. Đó là hạng thiện căn sâu dầy, chúng ta thường nói là bậc *"thượng căn lợi trí"*. Vì sao? Từ địa vị phàm phu tu thành Phật quả phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, kinh thường nói như vậy. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ chẳng phải là ba A-tăng-kỳ kiếp, mà là vô lượng kiếp. Vì sao trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói chẳng giống với những kinh khác? Chư vị phải hiểu, thành Phật thì Phật có bốn loại là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Phật nói "ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật" là nói tới Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật và Biệt Giáo Phật, Hoa

Nghiêm nói "vô lượng kiếp thành Phật" tức là Viên Giáo Phật. Phật có rất nhiều chủng loại, rốt cuộc quý vị thành loại Phật nào? Cần thời gian dài ngần ấy, vừa nghe kinh này nói *"nhất tâm trì danh quyết định vãng sanh"*, đó là thành tựu ngay trong một đời, quý vị ngẫm xem, người thông minh lẽ nào chẳng tuyển chọn pháp môn này? Trước kia, tu hết thảy các pháp môn, [nay] nghe pháp môn này, lập tức buông xuống, bỏ sạch, chuyên tu pháp môn này, vì sao? Pháp môn này dễ dàng, thành tựu rất nhanh chóng, lại còn thành tựu ổn thỏa, thích đáng, quyết định thành tựu. Người thông minh lợi căn bèn chọn lựa pháp môn này.

(Sao) Tam ngôn văn thị kinh giả, thị văn trì danh Phật hộ bất thoái Bồ Đề chi thuyết nhi tín thọ dã, bất ngôn nguyện giả, tín thọ tức nguyện cố.

(鈔)三言聞是經者，是聞持名佛護不退菩提之說而信受也。不言願者，信受即願故。

*(**Sao**: Ba là nói "kẻ nghe kinh này", tức là [nói tới những kẻ] nghe nói "trì danh thì đức Phật sẽ hộ trì khiến cho Bồ Đề chẳng thoái thất" bèn tin nhận. Chẳng nói tới "nguyện", vì hễ đã tin nhận bèn nguyện).*

Khuyên lần thứ ba, nghe nói *"niệm Phật, mười phương chư Phật, Bồ Tát gia hộ quý vị"*, nghe có công đức và lợi ích thù thắng như vậy mới phát tâm. Người Hoa nói *"hộ"* (護: bảo vệ, gìn giữ) là *"bảo hựu"* (保佑). Niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều gia hộ quý vị, vì sao? Vì A Di Đà Phật được hết thảy chư Phật tôn kính nhất. Hết thảy chư Phật thành Phật đều do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Vì lẽ đó, quý vị niệm A Di Đà Phật, đương nhiên chư Phật hoan hỷ, đương nhiên là hộ niệm quý vị. Nói thật thà, quý vị niệm Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chưa chắc chư Phật đã gia hộ quý vị. Quý vị niệm kinh A Di Đà, niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, chư Phật nhất định gia hộ quý vị, thật vậy! Quý vị niệm chú Đại Bi, niệm chú Lăng Nghiêm, cũng chẳng thể nào được hết thảy chư Phật đều gia hộ quý vị. Công đức và lợi ích thù thắng như vậy đến đâu để tìm cho ra? Kẻ bình phàm chẳng hiểu chuyện này!

Do vậy, pháp môn này là pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo. Trong một bài kệ, cụ Hạ Liên Cư có viết:

"Ức vạn nhân trung, nhất nhị tri" (Trong ức vạn người, [chỉ có] một, hai kẻ biết), nói lời này chẳng sai chút nào! Nay quý vị tu pháp môn này, gặp một số pháp sư đại đức khuyên quý vị đừng nên tu pháp môn này, khuyên quý vị chớ nên niệm kinh này, lời lẽ ấy có kỳ quái hay không? Chẳng kỳ quái! Vì sao? Trong ức vạn người, [chỉ] có một hai kẻ biết. Vì sao họ biết? Huống hồ trong kinh luận hoặc trong chú sớ, tổ sư đại đức đã bảo ban chúng ta, như Thiện Đạo đại sư đã nói: *"Ba bậc chín phẩm là hiện tượng nẩy sanh do chúng ta gặp duyên bất đồng"*. Quý vị gặp duyên thù thắng, quý vị có thể là thượng phẩm thượng sanh trong một đời này. Gặp duyên chẳng thù thắng, sẽ là hạ phẩm vãng sanh. Thù thắng là gì? Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm cùng hết thảy sự lý đều có thể hiểu rõ Lý, tin sâu, chẳng nghi, đó là thù thắng. Có thể gặp một vị thiện tri thức giảng giải rành mạch, chúng ta nghe xong bèn hiểu rõ, chẳng có mảy may nghi vấn nào, hoàn toàn tiếp nhận, đấy là quý vị gặp duyên thù thắng. Nói thật ra, các đồng tu đời này có duyên thù thắng hơn cổ nhân trong quá khứ quá nhiều! Thù thắng ở chỗ nào? Chúng ta gặp kinh này, đó là duyên trọng yếu bậc nhất. Các vị đại đức từ xưa có mấy vị xem trọn các bản dịch và bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ? Nếu không thể đọc trọn khắp, duyên ấy còn khiếm khuyết, chẳng thù thắng. Lão hòa thượng Đạo Nguyên suốt một đời hoằng dương Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ có chín bản, Sư chỉ được xem bốn bản, còn năm bản kia chưa xem qua. Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam suốt một đời hoằng dương Tịnh Độ, cụ chỉ xem năm bản, còn bốn bản chưa được đọc, quý vị nghĩ xem: Gặp duyên khó lắm! Nay chúng tôi thâu thập cả chín bản, in vào trong Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản, mọi người đều được xem, duyên của quý vị vượt trội pháp sư Đạo Nguyên và cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Đặc biệt là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thế gian còn chưa đầy năm mươi năm. Người năm mươi năm trước chẳng biết có bản này, người năm mươi năm sau biết đến bản này cũng chẳng có mấy. Trong vòng hai ba năm nay, chúng ta cực lực tuyên dương, nên bản này được đồng tu Đài Loan phổ biến biết đến.

(Sao) Tứ ngôn "nhược hữu tín giả" thị tổng kết văn dĩ thâm tín, tín hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh chi thuyết nhi phát nguyện dã.

(鈔)四言若有信者，是總結聞已深信，信有願者無一不生之說而發願也。

*(**Sao**: Bốn là nói "nếu có kẻ tin tưởng" nhằm tổng kết chuyện*

nghe nói "đã nghe rồi tin sâu, do đã tin bèn có nguyện, không một ai chẳng vãng sanh" bèn phát nguyện).

Hạng này xem như thiện căn kém cỏi nhất, nhưng còn có tư cách vãng sanh. Nếu chúng ta dựa theo cấp bậc Giáp, Ất, Bính, Đinh thì những người này thuộc loại Đinh. Hạng Đinh còn có thể vãng sanh. Thấp hơn hạng Đinh sẽ chẳng thể vãng sanh. Họ tin tưởng "người có nguyện thì không một ai chẳng vãng sanh". Ta phát nguyện, phát nguyện thì sẽ vãng sanh, đúng như vậy đó!

Hôm nay, có đồng học đến nói với tôi, tại Đạm Thủy[77] có một người niệm Phật vãng sanh, suốt đời chưa hề tiếp xúc Phật pháp. Đã thế, [người ấy] phẩm tánh chẳng tốt, ác khẩu, suốt đời tạo tội nghiệp rất nhiều. Khi lâm chung, đầu óc ông ta rất tỉnh táo, có hai vị xuất gia khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Người ấy tiếp nhận, nghiễm nhiên cũng biết trước lúc mất, nói với pháp sư: "Lúc bốn giờ, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn tôi". Họ bèn niệm đến bốn giờ. Tới bốn giờ, Phật chẳng đến tiếp dẫn, liền hỏi người ấy: "Sao ông lại lừa người xuất gia?" Ông ta nói: "Bốn giờ sáng". Họ nghĩ là bốn giờ chiều. Đến ngày hôm sau ư? Được rồi, lại tiếp tục niệm. Quả nhiên chẳng sai, đến bốn giờ sáng ngày hôm sau, ông ta vãng sanh. *"Do có lòng tin mà phát nguyện, không một ai chẳng vãng sanh"*, người ấy thuộc về loại này. Thụy tướng vãng sanh là các đồng tu trợ niệm đều ngửi thấy mùi hương lạ. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy, người khác chẳng trông thấy, nhưng chính người ấy trông thấy. Đã thế, A Di Đà Phật còn bảo bốn giờ sẽ đến tiếp dẫn ông ta, tức là cách lúc được tiếp dẫn mười mấy tiếng đồng hồ, cũng coi như là ông ta biết trước lúc mất. Đây là khi bệnh nặng, gặp thiện hữu chỉ dạy, ông ta mới biết.

(Sao) Văn văn chuyển thâm, nguyện nguyện bội thiết, ngữ tuy phản phúc, nghĩa bất lôi trùng, mẫn vật tình thâm, hối nhân bất quyện.

(鈔)聞聞轉深，願願倍切，語雖反覆，義不雷重，憫物情深，誨人不倦。

*(**Sao**: Mỗi lần nghe lại càng sâu hơn, mỗi lần nguyện càng thiết tha gấp bội. Lời lẽ tuy lặp đi lặp lại, nghĩa chẳng trùng lặp, lòng thương*

[77] Đạm Thủy là một khu hành chánh của thành phố Tân Bắc (một thành phố phụ cận mở rộng của Đài Bắc). Khu này được đặt tên theo sông Đạm Thủy.

xót chúng sanh sâu xa, dạy bảo người khác chẳng mệt mỏi).

Mấy câu này là lời tán thán vô thượng đối với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật rát miệng buốt lòng khuyên bảo chúng sanh, nói một lần rồi nhắc lại lần thứ hai, nói lần thứ hai lại nói lần thứ ba, nói lần thứ ba rồi nhắc nhở lần thứ tư hòng khuyên lơn, khích lệ chúng ta, hy vọng chúng ta sẽ giác ngộ. Giác ngộ là gì? Thật sự phát nguyện, nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thưa cùng chư vị, đó chính là đại triệt đại ngộ, là triệt để giác ngộ. Thật sự phát nguyện vãng sanh, ắt phải lạnh nhạt đối với thế gian này, chẳng lưu luyến thế gian này. Trước khi vãng sanh, chúng ta tận tâm tận lực hoằng dương pháp môn này, giúp người khác nhận biết pháp môn này, giúp người khác phát nguyện vãng sanh. Đó chính là *"thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"* (trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường). Chúng ta hoằng dương pháp môn này chính là "trên đền bốn ân", hy vọng hết thảy chúng sanh có được pháp môn này, mọi người đều niệm Phật vãng sanh, đó là "dưới cứu khổ ba đường". Chúng ta phải làm như vậy thì mới được! Trừ chuyện này ra, thế gian này chẳng có chuyện gì là có ý nghĩa. Chỉ có báo Phật ân, chỉ có giúp chúng sanh triệt để giác ngộ cầu sanh Tây Phương, đó là chuyện có ý nghĩa, là chuyện chúng ta phải nên làm. Nói cách khác, trừ chuyện này ra, những thứ khác đều chẳng nên làm, chẳng có ý nghĩa gì!

(Sớ) Hựu văn nhiếp tín nghĩa, nguyện nhiếp hạnh nghĩa, tam sự tư lương, tất bị ư thử.

(疏)又聞攝信義，願攝行義，三事資糧，悉備於此。

*(**Sớ**: Lại có nghĩa là "nghe bao gồm tín; nguyện bao gồm hạnh". Ba sự tư lương thảy đều đầy đủ trong ấy).*

Ba điều kiện trọng yếu nhất của Tây Phương Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hạnh. Trong Văn (nghe) bao gồm Tín. Nếu nói nghe xong mà chẳng tin, như vậy thì chẳng gọi là Nghe. Cớ sao nghe xong chẳng tin? Chẳng nghe rõ ràng, nghe chẳng hiểu rõ, đó chẳng gọi là Nghe. Nhất định phải làm cho đối phương thật sự triệt để nhận thức, hiểu rõ, sanh khởi tín tâm, đấy mới là nghe pháp, thật sự nghe. Trong Nguyện bao gồm Hạnh: Nếu người ấy đã nguyện vãng sanh, lẽ đâu chẳng niệm Phật? Nguyện vãng sanh mà không niệm Phật, nguyện ấy chẳng phải là nguyện thật sự. Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu quyết chẳng gián

đoạn thì mới là nguyện thật sự. Tín, Nguyện, Hạnh *"tam sự tư lương, tất bị ư thử"* (ba sự tư lương đều trọn đủ trong ấy). *"Ư thử"* là chỉ câu kinh văn trong phần trên: *"Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc"* (Chúng sanh nghe rồi hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Trong một câu này, ba điều kiện thảy đều đầy đủ.

(Sao) Văn nhiên hậu tín, phỉ văn tắc tín tự hà sanh?
(鈔)聞然後信，匪聞則信自何生。
*(**Sao**: Nghe xong mới tín. Nếu không nghe, tín từ đâu sanh ra?)*

Do vậy có thể biết, nếu chúng ta muốn hết thảy chúng sanh thật sự tin tưởng pháp môn này, chỉ có một phương pháp: Phải giảng cặn kẽ kinh điển này cho người khác nghe, vì sao? Họ mới có thể tin tưởng. Nếu quý vị chẳng giảng cặn kẽ cho họ nghe, họ chẳng tin! Phát nguyện hoằng kinh là pháp bậc nhất, thù thắng nhất để báo ân Phật. Có lẽ sẽ có đồng học nói: "Tôi rất ngu, chẳng đủ trình độ, làm sao có thể hoằng kinh? Làm sao có thể giảng kinh được?" Người ở Nam Phổ Đà Phật Học Viện kể với tôi: "Phật học viện ấy có mười mấy vị đồng học đã tốt nghiệp Đại Học, những người khác đã tốt nghiệp Cao Trung (cấp ba, Trung Học Đệ Nhị Cấp), hoặc có bằng chuyên khoa trở lên, trình độ cao, hay quá! Họ giảng cho tôi, tôi không màng, vì sao? Vì tôi chẳng có trình độ cao như vậy!" Thuở ấy, thầy Lý mở lớp dạy chúng tôi học giảng kinh, trong nhóm ấy, người đã học Đại Học (vẫn chẳng biết là có tốt nghiệp hay chưa) chỉ có một người, Cao Trung được hai ba người, ngoài ra phần lớn là vừa xong Tiểu Học hoặc tốt nghiệp Sơ Trung, có trình độ như vậy. Tuổi tác thì sao? Từ ba mươi trở lên là trẻ nhất. Tuổi cao thì như bà Lâm Khán Trị đã sáu mươi tuổi, học hết Tiểu Học, tham dự lớp ấy với chúng tôi. Khi bà Lâm Khán Trị học giảng kinh ở đó, cháu nội gái của bà là cô giáo trường tiểu học quốc lập; bà Lâm đã thuộc hàng bà nội mà còn bắt đầu học giảng kinh với chúng tôi tại đó. Hai mươi mấy người chúng tôi, trong hai năm được thầy Lý huấn luyện, ai nấy đều lên bục giảng, giảng vẫn khá lắm! Có thể thấy là chuyện này chẳng cần trình độ rất cao, tuổi cao trọn chẳng trở ngại!

Khi đó, thầy Lý bảo chúng tôi, khuyến khích chúng tôi như sau: "Học những thứ thuộc về thế gian thì đóng tuồng Bình Kịch khó nhất". Cụ bảo: "Hát Bình Kịch khó nhất, khó hơn giảng kinh rất nhiều". Vì sao? Hát Bình Kịch, nói chung, quý vị chẳng thể cầm kịch bản lên sân khấu

đọc được, quyết chẳng thể được! Khi giảng kinh, có thể bày kinh bổn và chú giải trên giảng đài, dễ dàng hơn! Còn một điều nữa, khi diễn tuồng, mỗi chữ, mỗi câu chẳng thể hát sai, lại còn phải thuộc động tác, phải phối hợp nhịp nhàng theo tiết tấu của thanh la và trống. Khó quá! Không chỉ là khó gấp mười lần so với giảng kinh. Cụ nói: "Chuyện đó mà còn có người có thể học được, há còn có chuyện gì khó khăn nữa ư?" Có thể học được hát tuồng như thế nào? Cụ bảo: Xưa kia, tại Đại Lục, gia cảnh rất nghèo hèn, con thơ nuôi không nổi, bèn bán cho gánh hát để theo học tuồng. Bán cho gánh hát, trong khế ước có một điều: "Đánh chết chẳng đền mạng". Lão nhân gia nói: *"Thiên hạ chẳng có gì không học được"*. Vì sao? Đòn vọt, khi bị đánh quý vị liền ghi nhớ. Chỗ này quý vị nhớ không được, bị đánh bèn đặc biệt ghi nhớ. Trong lớp học giảng kinh của chúng tôi, thầy Lý không chỉ chửi bới, mà còn đánh nữa. Tuổi tác chúng tôi rất lớn, người ngoài nhìn vào thấy khó coi. Vì vậy, chúng tôi lên lớp đều đóng chặt cửa, không cho người khác xem. Không chỉ là chẳng thể cho người khác xem, mà bên ngoài có sai người dò la, chẳng cho họ tiếp cận, [bởi lẽ], trong lớp học có đánh, có chửi! Chỉ cần quý vị phát tâm, chẳng có ai không học được! Không cần trình độ rất cao!

Thuở trước, tại Hương Cảng, pháp sư Diễn Bồi muốn thâu nhận mấy đồ đệ, điều kiện của Ngài là: *"Chỉ cần thật thà, nghe lời, tốt nghiệp Sơ Trung là được rồi"*. Người ta hỏi Sư: "Người khác nhận học trò đều phải là tốt nghiệp Đại Học, hoặc là Tiến Sĩ xuất gia. Sao lão nhân gia ra điều kiện thấp như vậy?" Cụ Diễn Bồi nói: "Trình độ của tôi rất thấp". Nói lời ấy có lý lắm. Trình độ cao, mắt trợn ngược lên đỉnh đầu, không nghe lời, thứ gì cũng chẳng thể học được! Thật sự phát tâm, Tam Bảo gia trì. Vì vậy, chỉ cần có nguyện, chẳng có ai không thành tựu!

Phải phát tâm hoằng kinh, giảng rõ ràng, minh bạch kinh điển thì mới có thể làm cho người nghe dấy lòng tin. Nếu quý vị giảng bộ kinh này, thính chúng chẳng có một ai tin tưởng, quý vị đã hoàn toàn thất bại. Nếu trong thính chúng có người tin tưởng, quý vị đã thành công, chẳng uổng công giảng kinh này, đó là bước đầu tiên, là thành công nho nhỏ. Thành công bậc trung là trong số đó có người phát nguyện. Thành công bậc thượng là trong thính chúng có người vãng sanh. Có người quyết định vãng sanh thì giảng kinh như vậy có công đức thượng thừa, đúng là tiếp dẫn vãng sanh.

Điều này nhằm nói rõ tầm trọng yếu của việc phát nguyện hoằng kinh.

(Sao) Nguyện nhiên hậu hành, vô nguyện tắc hạnh hà diêu khởi? Hạ văn tín hạnh, thử vi bổn nguyên.

(鈔)願然後行，無願則行何繇起。下文信行，此為本原。

*(**Sao**: Nguyện rồi sau đó bèn hành. Không có nguyện thì hạnh do đâu mà khởi được? Tín và hạnh trong phần kinh văn phía sau có cội nguồn từ chỗ này).*

Nghe pháp là cội nguồn.

(Sao) Tín hạnh nguyện tam, Tịnh Độ tư lương, sung túc vô khiếm.

(鈔)信行願三，淨土資糧，充足無欠。

*(**Sao**: Ba điều Tín, Hạnh, Nguyện là tư lương Tịnh Độ được trọn đủ chẳng thiếu hụt).*

Ba điều kiện đầy đủ. Có các đồng học phát tâm giảng kinh thường đến hỏi tôi: Làm như thế nào thì mới giảng kinh này cho hay được? Chẳng có cách nào học được điều này! Tôi thật thà bảo cùng mọi người: Tôi học kinh với thầy Lý ở Đài Trung, trước khi xuất gia, tôi theo thầy một năm ba tháng, đường lối kỹ thuật và phương pháp biểu diễn của thầy trên bục giảng tôi đều biết hết. Điều này giống như học binh pháp, tôi đã học binh pháp nhuyễn nhừ, nhưng như thế nào? Chẳng thể đánh giặc! Trên giảng đài, tôi không thể dùng được! Tôi ở dưới phê bình, điều gì tôi cũng đều có thể phê bình, vì sao? Tôi biết. Nhưng khi tôi lên giảng đài, chẳng thể sử dụng, vì sử dụng chẳng thích hợp. Sau khi xuất gia, tôi lại đến Đài Trung, theo học với thầy bảy, tám năm. Trong bảy, tám năm ấy, học những gì? Hoàn toàn quan sát, phỏng theo thầy. Thầy giảng như thế nào thì kinh này tôi cũng có thể giảng. Ở trên bục giảng, tôi giảng theo cách nào? Nghe theo thầy, thầy giảng theo cách nào? Tôi nghe là nghe những thứ ấy, trọn chẳng phải là nghe thầy giảng kinh văn. Phương pháp nghe kinh ấy, trong các học trò của lão nhân gia chẳng có người thứ hai. Đối với nội dung của kinh điển, cụ cũng tham khảo chú giải. Các bản chú giải tôi đều có, thậm chí tôi thâu thập các bản chú giải còn nhiều hơn cụ. Cụ lên bục giảng, diễn giải những tài liệu ấy ra sao, tôi quan sát điều ấy. Chư vị ngẫm xem, học lấy đường lối, học phương pháp, trong hai giờ tôi học hiểu; nhưng phải học sao cho trên giảng đài, chính

mình có thể vận dụng linh hoạt, sử dụng thuận theo lòng muốn. Tôi quan sát thầy Lý suốt bảy, tám năm, chính mình luyện tập trên giảng đài mười năm mới sử dụng theo đúng lòng muốn, mọi việc đều thuận lợi. Đây chẳng phải là chuyện đơn giản, chẳng phải là ai cũng có thể học được!

Tôi quy kết một trọng điểm, trọng điểm chính là thái độ học tập, đó là nhân tố quyết định. Phương pháp và sự khéo léo kém quan trọng hơn, chúng đương nhiên là trọng yếu, nhưng chẳng phải là quan trọng nhất. Quan trọng nhất là thái độ tu học. Trong [giảng] kinh, chúng tôi thường khuyên các đồng tu hãy buông bỏ chính mình, tuyệt đối chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình, hết thảy nhằm báo ân Phật ân, nhằm báo ân chúng sanh. Quý vị sử dụng tâm thái như vậy thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, trên giảng đài mới được chư Phật, Bồ Tát gia trì, mới có thể giảng hay, giảng đến nỗi có thể chạm đúng tiếng tơ lòng của người nghe.

Nói thật ra, chạm đúng tiếng tơ lòng của người nghe có phải là năng lực của chính mình hay không? Chẳng phải, đó là do Phật, Bồ Tát gia trì! Không chỉ là người giảng được Phật, Bồ Tát gia trì, mà người nghe cũng được Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu Phật, Bồ Tát chẳng gia trì, làm sao quý vị nghe hiểu cho được? Quý vị có thể nghe thông hiểu, nghe hoan hỷ là do Phật, Bồ Tát gia trì. Điều này chứng tỏ thiện căn từ vô lượng kiếp trong đời quá khứ đã phát hiện. Quý vị chẳng có thiện căn, Phật, Bồ Tát có muốn gia trì cũng chẳng thể gia trì! Chính mình thật sự có thiện căn, hiện thời được Tam Bảo gia trì, người nói và kẻ nghe mới có thể đạt được lợi ích thù thắng. Lợi ích thù thắng là sanh khởi chân tín, nguyện thiết, y giáo phụng hành, trong đời này quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc. Điều hết sức quan trọng là phải bỏ sạch hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng!

Tu Tịnh Độ, tuy Tịnh Độ có năm kinh một luận, nhưng nếu chư vị thật sự mong quyết định sanh về Tịnh Độ trong một đời này thì đối với năm kinh một luận, chỉ có thể chọn lấy một thứ. Năm kinh một luận là sáu thứ, chọn bất cứ một thứ nào cũng đều được, đều có thể quyết định thành tựu, thâm nhập một môn. Sau khi đã thâm nhập một môn, năm thứ khác chắc chắn sẽ thông suốt. Không chỉ là thông suốt năm thứ khác, mà tất cả hết thảy Đại Thừa Phật pháp cũng nhất định sẽ thông đạt. Không chỉ là thông đạt Đại Thừa Phật pháp, mà lại thưa cùng quý vị, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có gì không thông đạt. Vì sao? Vì hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều là *"duy tâm sở hiện,*

duy thức sở biến", quý vị thật sự chứng được thanh tịnh, bình đẳng, há lẽ nào chẳng thông đạt? Chứng đắc thanh tịnh, bình đẳng là chứng đắc nhất tâm bất loạn, là minh tâm kiến tánh, là đại khai viên giải. Sau khi đã thông đạt hết thảy, khi đó, quý vị vẫn đại từ đại bi hoằng dương một môn, vì sao? Nêu gương cho kẻ chưa ngộ, khiến cho họ có một con đường chánh đáng để noi theo. Đó là từ bi. Chúng ta thấy bao nhiêu vị tổ sư đại đức từ xưa, suốt đời chuyên hoằng truyền một bộ kinh, hoặc một bộ luận, tối đa là chẳng vượt quá mười bộ. [Những vị hoằng truyền] mười bộ hết sức hiếm có, quá nửa là chuyên hoằng truyền một bộ hoặc hai bộ. Các Ngài có thành tựu thù thắng ngần ấy, đều nêu gương cho chúng ta, đấy cũng là các vị tổ sư đại đức đại từ đại bi; chẳng phải là các Ngài không biết, thứ gì các Ngài cũng đều thông hiểu!

Nói tới chỗ này, ba điều kiện đầy đủ. Hễ ba điều kiện đầy đủ, chắc chắn sẽ vãng sanh. Phẩm vị vãng sanh cao hay thấp, tùy thuộc quý vị có công phu cạn hay sâu! Công phu là gì? Công phu chẳng phải là niệm Phật hiệu bao nhiêu, không do điều này, mà là độ thuần nơi cái tâm thanh tịnh trong niệm Phật. Tâm càng thanh tịnh, càng bình đẳng, công phu càng sâu. Công phu cạn hay sâu phụ thuộc mức độ thanh tịnh của cái tâm; nói theo kinh Vô Lượng Thọ sẽ là "thanh tịnh, bình đẳng, giác", ba chuyện này có mức độ cao thấp, sâu cạn sai khác. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 207

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm mười lăm:

(Sớ) Hựu nguyện chi vi lực, bất khả tư nghị, bỉ Phật Tịnh Độ diệc diêu nguyện cố. Lâm chung vãng sanh, duy trượng nguyện cố. Tam giới nhân quả, tất tùy nguyện cố. Chư đại Bồ Tát giai nguyện sanh cố.

(疏)又願之為力，不可思議，彼佛淨土，亦繇願故；臨終往生，惟仗願故；三界因果，悉隨願故；諸大菩薩，皆願生故。

*(**Sớ**: Nguyện lại có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Cõi Tịnh Độ của đức Phật ấy cũng do nguyện mà có. Lâm chung vãng sanh chỉ cậy*

vào nguyện. Nhân quả trong ba cõi đều tùy thuộc nguyện. Các đại Bồ Tát đều do nguyện mà vãng sanh).

Đoạn Sớ này nêu rõ nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Nguyện lực là niệm lực, tức là ý niệm trong cái tâm của chúng ta. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Nói cách khác, tận hư không khắp pháp giới do đâu mà có? Đều sanh từ trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Chúng ta biết nguyên lý này, khẳng định nguyên lý ấy, sẽ biết: Đối với chuyện trong thế gian này, có lắm chuyện kỳ quái; nếu chúng ta hỏi: "Có chuyện ấy hay không?" Đương nhiên là có! Vì sao? Tâm có thể biến, có thể sanh, hết thảy vạn vật là cái được biến, cái được sanh. Sức mạnh của cái tâm có thể biến ấy (năng biến tâm) chẳng có cùng tận; do vậy, biến ra vô lượng vô biên các hiện tượng. Tịnh Độ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng chẳng rời lìa tâm tưởng. Chúng ta xem đoạn giải thích dưới đây:

(Sao) Bỉ Phật Tịnh Độ giả.

(鈔)彼佛淨土者。

*(**Sao**: Cõi Tịnh Độ của đức Phật ấy).*

Nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới Tịnh Độ.

(Sao) Pháp Tạng dĩ nhân trung tứ thập bát nguyện, kim thành Phật đạo, quảng độ chúng sanh, tắc Như Lai vô tận công đức, giai tùng nguyện sanh, cố vân bất khả tư nghị.

(鈔)法藏以因中四十八願，今成佛道，廣度眾生，則如來無盡功德，皆從願生，故云不可思議。

*(**Sao**: Do ngài Pháp Tạng đã phát ra bốn mươi tám nguyện trong lúc tu nhân, nay thành Phật đạo độ chúng sanh rộng khắp, vô tận công đức của Như Lai đều sanh từ nguyện, nên nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

Điều này xuất phát từ Đại Kinh, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Nói thật ra, tinh vi, đẹp đẽ nhất, tinh hoa nhất, thù thắng nhất trong toàn thể Phật pháp, không gì hơn bốn mươi tám nguyện. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm tưởng nơi bốn mươi tám nguyện ấy, niệm nào cũng đều là *"chỉ ư chí thiện"* (止於至善), nghĩa là đức Phật đã nghĩ tới chỗ tốt đẹp tột bậc, tốt lành đến tận cùng, niệm niệm trụ nơi chí thiện! Vì thế nói

"bốn mươi tám nguyện thù thắng, tinh vi đẹp đẽ nhất, và cũng là tinh hoa nhất". Chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện, phải biến bốn mươi tám nguyện trở thành tư tưởng của chính mình, biến chúng thành tâm tưởng của chính mình. Phật Di Đà có thể tạo ra thế giới Cực Lạc, lẽ đâu chúng ta chẳng thể tạo thành thế giới Cực Lạc? Thế giới Cực Lạc do chúng ta tạo và thế giới Cực Lạc do A Di Đà Phật đã tạo chẳng hai, chẳng khác, hoàn toàn tương ứng, do điều này bèn quyết định vãng sanh! Không chỉ là vãng sanh, mà thật sự là vãng sanh trong bậc thượng, quyết định là vãng sanh trong ba phẩm thượng. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, nguyện nào cũng phổ độ chúng sanh, làm sao chúng ta có thể đối lập với chúng sanh? Làm sao có thể đối địch với chúng sanh? Không chỉ là đừng nên đối địch nơi hành vi, mà trong tâm hơi có đôi chút ngăn cách thì đã sai mất rồi. Sai không ở nơi cảnh giới, mà là do tư tưởng và kiến giải của chính chúng ta đã sai. Vì sao? Chẳng phải là chí thiện. Dẫu là thiện, nhưng thiện chưa đạt tới viên mãn, chẳng thể coi là chí thiện. Vì lẽ đó, kinh Vô Lượng Thọ xác thực là *"chỉ ư chí thiện"*, hãy dùng bản kinh này để uốn nắn tư tưởng, kiến giải và hành vi của chúng ta sao cho đích xác là viên mãn bậc nhất. Đấy là lý do vì sao chúng tôi phải đặc biệt đề xướng bộ kinh này. Trong kinh Pháp Diệt Tận[78], Thích Ca Mâu Ni Phật có dạy: Trong tương lai, toàn thể Phật pháp đều tiêu diệt hết, kinh này còn lưu lại trong thế gian một trăm năm. Trong kinh Vô Lượng Thọ cũng có đoạn kinh văn ấy. Đức Phật bảo: Trong tương lai, Phật pháp sẽ diệt mất, bộ kinh bị tiêu diệt đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm, kinh bị diệt cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy, điều khẩn yếu là phải biến nguyện của A Di Đà Phật thành bổn nguyện của chính chúng ta. Trong mỗi niệm, chúng ta đều phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh, tin tưởng và yêu thích pháp môn này, phát nguyện cầu sanh. Nếu chẳng thể giúp họ phát nguyện cầu sanh, tối thiểu cũng là làm cho họ biết có pháp môn này.

---

[78] Pháp Diệt Tận Kinh có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Pháp Diệt Tận Kinh, đã mất tên người dịch. Kinh này được giảng tại nước Câu Di Na Kiệt (Kushinagar), trước khi Ngài nhập Niết Bàn ba tháng, giảng về tình hình khi Phật pháp diệt vong, đặc biệt nêu rõ vào thời diệt pháp, ma vương, ngoại đạo sẽ giả làm đệ tử Phật phá hoại Phật pháp. Dẫu các vị Bồ Tát và La Hán tận lực hộ pháp vẫn không thể duy trì Phật pháp vì ác nhân đông đảo, con người lại thiếu thiện tâm, cũng như tai họa liên tục xảy ra. Trong kinh này, đức Phật cũng huyền ký hai kinh Thủ Lăng Nghiêm và Ban Châu Tam Muội sẽ bị diệt đầu tiên, y ca-sa của sa-môn trở thành hoa lệ, phù phiếm giống như y phục của thế tục.

Biết có pháp môn này thì gọi là *"gieo chủng tử thù thắng bậc nhất trong A Lại Da Thức"*. Nhiều đời nhiều kiếp sau trong tương lai, khi chủng tử ấy gặp duyên bèn dấy lên hiện hành, người ấy có thể thành tựu. Ý nghĩa này hết sức sâu rộng, hy vọng chúng ta có thể lãnh hội cặn kẽ!

(Sao) Lâm chung vãng sanh giả. Hạnh Nguyện phẩm ngôn: "Thị nhân lâm mạng chung thời, nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại, dĩ chí thân thuộc, oai thế, tượng mã, trân bảo đẳng, tất giai tán diệt. Duy hữu nguyện vương bất tương xả ly, nhất thiết thời trung dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới". Cố vân bất khả tư nghị.

(鈔)臨終往生者，行願品言：是人臨命終時，一切諸根，悉皆敗壞，以至親屬威勢，象馬珍寶等，悉皆散滅；惟有願王不相捨離，一切時中引導其前，一剎那間，即得往生極樂世界。故云不可思議。

*(**Sao**: "Lâm chung vãng sanh": Phẩm Hạnh Nguyện có nói: "Người ấy khi mạng chung, hết thảy các căn đều hư hoại, cho đến thân thuộc, oai thế, voi, ngựa, đồ quý báu v.v... đều tan diệt. Chỉ có nguyện vương chẳng hề lìa bỏ, trong hết thảy các thời, nó luôn dẫn đường đằng trước, trong khoảng sát-na liền được sanh về thế giới Cực Lạc. Vì thế nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

Trong phần trên đã nói thế giới Cực Lạc được thành tựu bởi nguyện lực của A Di Đà Phật, mà cũng là được thành tựu bởi nguyện lực của mỗi người vãng sanh. Phật và chúng sanh có cùng một tâm, cùng một nguyện, cùng một kiến giải, cùng một tư tưởng mà thành tựu. Nay chúng ta nói tới Lục Hòa Kính thì Lục Hòa Kính trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt được một trăm phần trăm, là Lục Hòa Kính viên mãn, chẳng bị khiếm khuyết mảy may! Đối với thế gian này, nói theo thời Mạt Pháp, Lục Hòa Kính hữu danh vô thực! Hai người ở chung với nhau bèn bất hòa, hàng tại gia thì vợ chồng bất hòa, cha con bất hòa, người xuất gia thì thầy trò bất hòa, sư huynh sư đệ bất hòa. Đó là hiện tượng bình thường, tức là hiện tượng [cho thấy] Phật pháp và pháp thế gian đều suy đồi đến cùng cực. Nếu chính mình thật sự mong vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, hãy nên làm theo cách như thế nào, chính mình phải hiểu rõ chuyện này!

Khi vãng sanh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: *"Thị nhân lâm mạng chung thời"* (Người ấy lúc lâm chung), tức là nói về người niệm Phật, *"nhất thiết chư căn tất giai bại hoại"* (hết thảy các căn đều hư hoại), *"chư căn"* là lục căn, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đó là vật chất. Sau khi con người tắt hơi hai ba ngày liền hôi thối, bảy tám ngày liền rữa nát. Chưa đầy nửa năm, thịt chẳng còn nữa, biến thành một đống xương trắng. *"Nhất thiết chư căn tất giai bại hoại"* (Hết thảy các căn thảy đều hư hoại) là nói thân thể chẳng thể giữ vững được! *"Thân thuộc"* (親屬) tức là người nhà, quyến thuộc của quý vị. *"Oai thế"* (威勢): Khi còn sống, địa vị, thế lực của quý vị dẫu cao tới mấy đi nữa, đến lúc này đều chẳng còn. Khi sống làm hoàng đế, làm Tổng Thống, lúc chết sẽ đều giống như tiểu quỷ. Chẳng thể còn có người tôn trọng quý vị, mà quỷ cũng không tôn trọng. Tài vật của quý vị, *"tượng mã trân bảo"*, voi ngựa là công cụ giao thông vào thời cổ, hiện thời trong nhà của chính mình có xe cộ. Người có tiền thì có máy bay riêng, trân bảo (珍寶) [là những vật quý báu], những tài sản ấy quý vị chẳng thể đem theo món nào được, *"tất giai tán diệt"* (thảy đều tan diệt). Nói cách khác, thân thể và hết thảy các vật mà quý vị sở hữu, chẳng có thứ gì mang theo được cả! Tục ngữ Trung Hoa có câu: *"Sanh không mang gì đến, chết chẳng đem gì đi!"*

Có những kẻ làm con, cảm thấy người già chết rồi sẽ làm quỷ, bèn đốt nhiều tiền vàng mã, đốt nhiều nhà giấy để họ có thể hưởng thụ trong cõi âm! Chư vị ngẫm xem, họ có thể hưởng thụ hay không? Dương thế và âm gian chẳng sai khác cho mấy, cõi trời cũng tương tự. Nói chung, chư vị phải hiểu rõ một đạo lý: Quý vị có phước, sẽ luôn được hưởng thụ. Quý vị thiếu phước, người ta tặng cho, quý vị vẫn chẳng thể hưởng thụ được! Quý vị đốt nhiều cách mấy, nếu người ấy chẳng có phước báo, chỉ sợ thiêu cho nhiều, vẫn bị kẻ khác cướp đi, đoạt mất; thậm chí đã thành quỷ vẫn bị kẻ khác mưu sát. Vì sao? Trong loài quỷ cũng có mưu mô chiếm đoạt tài sản mà hại tánh mạng, cũng có cường đạo, thổ phỉ! Quý vị chẳng có gì, họ chẳng tìm đến quý vị. Khi quý vị có gì đó, họ chuyên môn tìm đến. Không chỉ là chẳng có lợi lộc, mà ngược lại còn gây hại cho người [đã khuất] ấy. Quý vị hiểu đạo lý này: Tu phước là quan trọng nhất. Con người nhất định phải có phước báo! Không tu phước thì làm sao được? Tục ngữ có câu: *"Nhân toán bất như thiên định"* (Người tính chẳng bằng trời định). Trời định [có nghĩa là] trong mạng quý vị có hay không, chẳng phải do chính mình có thể tính toán được! Nhất định phải

biết tu phước.

Vì vậy, học Phật thì bắt đầu học từ đâu? Học từ Liễu Phàm Tứ Huấn. Chúng tôi học Phật lâu ngần ấy, càng học càng cảm thấy Ấn Quang đại sư rất lỗi lạc. Thuở sinh tiền, lão nhân gia cực lực đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn. Đối với Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư, và Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, thuở tại thế, lão pháp sư đã in ba bộ sách ấy đến hơn ba trăm vạn cuốn, nhằm bảo chúng ta: "Học Phật thì phải học từ chỗ này". Học Phật phải khởi đầu bằng học làm người, phải học từ tu phước, học từ đoạn ác tu thiện. Chư vị phải biết: Phật là đấng Nhị Túc Tôn, phước trọn đủ, huệ cũng viên mãn. Do hai môn phước và huệ đều viên mãn, nên gọi là Nhị Túc Tôn. Trong thế gian lẫn xuất thế gian, Phật có phước báo lớn bậc nhất! Nếu chúng ta chẳng tu phước, làm sao có thể thành Phật cho được? Cố nhiên, tu huệ là trọng yếu, nhưng chẳng tu phước thì huệ cũng chẳng tu thành. Vì sao? Quý vị chẳng tu phước, quý vị chẳng có cái ăn, chẳng có cái mặc, chẳng có nơi để ở, làm sao có thể tu huệ cho được? Phật môn Trung Hoa có một câu tục ngữ: *"Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên"* (Chưa chuyển pháp luân, phải lo cái ăn trước). Ăn uống là chuyện khẩn yếu bậc nhất! Chẳng ăn no, làm sao có thể tu Phật pháp cho được? Điều này nói rõ tu phước trọng yếu ngần ấy! Tu phước, nhất định phải nghiêm túc chiếu theo Liễu Phàm Tứ Huấn để tu học.

Khuyên dạy đại chúng trong xã hội, nói thật ra, Liễu Phàm Tứ Huấn có hiệu quả quyết định thù thắng hơn hết thảy các kinh. Chẳng phải là hết thảy các kinh chẳng bằng Liễu Phàm Tứ Huấn, [nói "quyết định thù thắng"] là nói tới chuyện khế cơ. Trong quá khứ, mọi người đọc sách của Khổng Tử, tốt hơn nhiều, đối với luân lý và đạo đức đều có khái niệm. Hiện thời, chẳng đọc sách Khổng Tử, lòng người chẳng có chỗ nương về, chân, giả, tà, chánh, đúng, sai, lợi, hại đều chẳng thể phân biệt, làm thế nào được nữa! Vì thế, cái để nhanh chóng cứu vãn tình thế trước mắt chính là nhân quả. Sách Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều gì? Giảng về nhân quả báo ứng. Thật sự tin tưởng nhân quả báo ứng, chúng ta đối với khởi tâm động niệm sẽ tự mình kiềm chế đôi chút. Vì sao? Nghĩ ta làm như thế này, trong tương lai sẽ mắc quả báo như thế nào! Vì sợ ác báo trong tương lai, nên đối với khởi tâm động niệm và hết thảy tạo tác của chính mình, chẳng thể không cẩn thận. Đó là cứu tế chuyện cấp bách! Dựa trên cơ sở này để tu học Phật pháp, nhất định sẽ có thể đạt được lợi ích thù thắng nơi Phật pháp. Vì lẽ đó, vào đầu thời Dân Quốc,

lão pháp sư [Ấn Quang] đặc biệt đề xướng ba bộ sách ấy nhằm tạo căn cơ học Phật cho chúng ta. Đó là đại trí huệ, chúng ta quyết định chớ nên xem nhẹ ba tác phẩm ấy.

Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm là pháp tu của Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, chẳng phải là pháp tu của kẻ bình phàm. Pháp Thân đại sĩ cũng chẳng phải là ngoại lệ, vẫn phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Do đó, từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đạt đến một kết luận, trong kinh luận đức Phật thường nói tới chuyện này. Tu Tiểu Thừa, Tiểu Thừa gần với A La Hán, đức Phật đã dạy: A La Hán sẽ chẳng vĩnh viễn làm A La Hán. Trong toàn thể Phật pháp, A La Hán được gọi là *"tiêu nha bại chủng"* (焦芽敗種: mầm cháy, hạt giống lép), đây là một kiểu quở trách của đức Phật. Thật ra, từ kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy rất minh bạch: A La Hán phải sau hai vạn kiếp mới có thể hồi Tiểu hướng Đại, tu Bồ Tát đạo. Bích Chi Phật phải sau một vạn kiếp mới có thể quay đầu. Nói cách khác, A La Hán trong hai vạn kiếp chẳng thể tiến lên, dừng nghỉ ở chỗ này. Bích Chi Phật dừng nghỉ ở chỗ này một vạn kiếp, công phu chẳng thể tiến bộ, có tình hình giống như Trường Thọ Thiên[79]. Đó gọi là *"đọa Niết Bàn khanh"* (đọa trong hầm Niết Bàn), có ý nghĩa này. Nhưng sau hai vạn kiếp, các Ngài vẫn hồi Tiểu hướng Đại, tu học Đại Thừa. Đại Thừa bất luận là pháp môn hay tông phái nào, kết quả cuối cùng đều ở trong thế giới Hoa Tạng. Nói cách khác, đến thế giới Hoa Tạng, nhất định sẽ gặp gỡ Văn Thù và Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát nhất định khuyên họ cầu sanh Tịnh Độ. Chư vị hãy ngẫm xem: Vòng qua đảo lại, đến cuối cùng vẫn vòng đến pháp môn Tịnh Độ. Chúng ta mới thật sự biết: Cực Lạc Tịnh Độ là chỗ quy túc rốt ráo trong sự tu học của tất cả Bồ Tát. Trạm cuối cùng là ở nơi đây, những nơi khác đều là các trạm giữa đường.

Ở đây, kinh văn nói *"duy hữu nguyện vương bất tương xả ly"* (chỉ có nguyện vương chẳng hề rời lìa), *"nguyện"* ở đây chính là mười đại nguyện vương. Nói thật thà, mười đại nguyện vương rất khó diễn giải, mà cũng chẳng dễ hiểu, lại càng chẳng dễ thực hiện, xác thực là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Các Ngài tu học chẳng khó, chúng ta tu học rất khó, khó ở chỗ nào? Tâm lượng của chúng ta quá nhỏ. Tâm lượng trong nguyện nào của mười đại nguyện vương cũng đều to như hư không

---

[79] Trường Thọ Thiên chỉ các vị trời có thọ mạng rất dài. Vô Tưởng Thiên trong Đệ Tứ Thiền Thiên của Sắc Giới có thọ mạng là năm trăm đại kiếp, chư thiên trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thuộc Vô Sắc Giới có thọ mạng là tám vạn kiếp.

pháp giới. Vì thế, các Ngài có thể thực hiện, chúng ta chẳng thể làm được, học kiểu nào cũng chẳng giống! Đạo lý ở chỗ này. Nguyện ấy, niệm ấy chẳng hề rời lìa. Nguyện ấy, niệm ấy hướng dẫn họ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. *"Nhất thiết thời trung dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới"* (Trong hết thảy các thời, nó dẫn dắt đằng trước, trong khoảng sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). Ở đây, đại sư trích dẫn một đoạn kinh văn trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm để thuyết minh vãng sanh là do nguyện lực, chỉ nhằm nói rõ chuyện này.

Do vậy cũng có thể biết: Chúng ta chớ nên đánh mất nguyện tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ một giờ một khắc nào, vì sao? Chẳng có nguyện tâm ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu thời thời khắc khắc nguyện sanh Tịnh Độ, đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật trong thế gian này, quý vị có còn riết róng so đo hay chăng? Quý vị riết róng so đo thì nói cách khác, quý vị chẳng có nguyện cầu sanh Tây Phương! Niệm nào cũng đều muốn sanh về Tây Phương, thế giới này còn có điều gì đáng để so đo? Chẳng so đo! Tâm đã thật sự thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Phật tâm. Nguyện từ nơi cái tâm thanh tịnh là chân nguyện, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ. Tâm không thanh tịnh, dẫu có phát nguyện thì cũng đều là suy nghĩ loạn xạ, chẳng chân thật, biến hóa trong từng sát-na: Một hồi nghĩ như thế này, một hồi nghĩ như thế khác, đều chẳng chân thật! Do đó, phải hiểu đạo lý này.

(Sao) Tam giới nhân quả giả.

(鈔)三界因果者。

*(**Sao**: Nhân quả trong ba cõi).*

"Tam giới" là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nói tới lục đạo trong thế giới Sa Bà.

(Sao) Nguyện thọ thiên lạc, tắc bần mẫu thượng sanh.

(鈔)願受天樂，則貧母上生。

*(**Sao**: Do nguyện hưởng sự vui trong cõi trời, nên người đàn bà nghèo được sanh lên trời).*

"Nguyện thọ thiên lạc" là [mong muốn] hưởng thụ sự sung sướng trên cõi trời. *"Tắc bần mẫu thượng sanh"*: Đây là một câu chuyện được

sách Diễn Nghĩa ghi lại. [Chuyện này trích từ] kinh Ca Diếp Độ Bần Mẫu[80], trong Đại Tạng Kinh có một bộ kinh như vậy. Bộ kinh này phân lượng không nhiều lắm, có ghi chép câu chuyện này.

(Diễn) Tích hữu bần nữ, xử ư phẩn tụ, dĩ nhân dân sở khí tàn trấp vi thực. Ca Diếp tùng khất, dĩ trấp cúng dường. Tôn giả vấn kỳ sở nguyện, vân dục sanh thiên. Sổ nhật mạng chung, sanh Đao Lợi, phước thắng dư thiên.

(演)昔有貧女處於糞聚，以人民所棄殘汁為食，迦葉從乞，以汁供養。尊者問其所願，云欲生天，數日命終生忉利，福勝餘天。

*(**Diễn**: Xưa kia có một người đàn bà nghèo sống nơi chỗ chứa phân, dùng những thứ cơm thừa canh cặn của người khác vứt bỏ để làm thức ăn. Ngài Ca Diếp đến đó khất thực, bà ta bèn cúng dường cơm thừa canh cặn ấy. Tôn giả hỏi bà ta nguyện gì, đáp "muốn sanh lên trời". Mấy hôm sau bèn mạng chung, sanh lên trời Đao Lợi, phước vượt trỗi các vị trời khác).*

Trích lục khéo lắm! Một bộ kinh dài ngần ấy, dùng mấy câu đã nêu bày rõ rệt toàn bộ ý nghĩa của bộ kinh ấy. Người đàn bà nghèo ấy là ăn mày, tuổi tác cũng rất cao, hết sức khổ sở. Sống ở chỗ nào? *"Phẩn tụ"* (糞聚) là ở bên cạnh hầm phân, kết một cái chòi tranh sống ở đó. Người ta thấy bà ta đáng thương, nên họ đem cho bà những thứ cơm thừa canh cặn, gần như là những thứ người ta dùng để nuôi lợn, bà ăn những thứ đó. Khi tôn giả Ca Diếp khất thực, có đi qua chỗ bà ta. Trên thân bà ta cũng chẳng có quần áo mặc, nên cũng không dám bước ra, liền cầu xin tôn giả Ca Diếp. Tôn giả Ca Diếp thương xót, tiếp nhận sự cúng dường của bà. Bà ta đem những thứ chính mình ăn còn thừa cúng dường tôn giả Ca Diếp. Sau khi tiếp nhận, tôn giả liền hỏi: "Bà mong cầu điều gì?" Bà đáp: "Nhân gian quá khổ, nghe nói trên trời rất sung sướng, con mong được sanh lên trời". Tôn giả Ca Diếp chúc nguyện cho bà. Bảy ngày sau, người đàn bà nghèo ấy chết, sanh lên cõi trời, sanh trong trời Đao Lợi. Đây là một chút phước cúng dường, là phước báo do cúng dường một vị A La Hán. Bảy ngày sau, bà ta sanh thiên.

---

[80] Kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Ma Ha Ca Diếp Độ Bần Mẫu Kinh do tôn giả Cầu Na Bạt Đà La dịch vào đời Tống.

(Sao) Nguyện tác minh vương, tắc ngục thần trị quỷ.

(鈔)願作冥王，則獄神治鬼。

*(**Sao**: Nguyện làm vua trong cõi âm, bèn làm thần cai trị quỷ trong địa ngục).*

Đây cũng là một công án.

(Diễn) Nguyện tác minh vương giả, Tỳ Sa quốc vương, dữ Duy Đà Như Sanh Vương cộng chiến bất thắng, nhân lập thệ nguyện: "Nguyện ngã lai thế vi địa ngục chủ, trị thử tội nhân". Thập bát đại thần nguyện diệc như thị. Kim địa ngục chủ, Tỳ Sa Vương thị, thập bát ngục chủ, thập bát đại thần thị.

(演)願作冥王者，毘沙國王，與維陀如生王共戰不勝，因立誓願，願我來世為地獄主，治此罪人，十八大臣願亦如是。今地獄主毘沙王是，十八獄主十八大臣是。

*(**Diễn**: "Nguyện làm vua trong cõi âm": Quốc vương Tỳ Sa đánh nhau với vua Duy Đà Như Sanh chẳng thắng. Do vậy, lập thệ nguyện: "Nguyện trong đời sau, tôi sẽ làm chủ địa ngục để trừng trị những tội nhân này". Mười tám vị đại thần cũng phát nguyện như thế. Nay chủ cõi địa ngục là vua Tỳ Sa, chủ của mười tám ngục là mười tám vị đại thần [thuở ấy]).*

Đây là một trường hợp. Người Hoa gọi *"minh vương"* (冥王: vua cõi âm) là Ngũ Điện Diêm Vương (五殿閻王), tức Diêm La Vương cai quản địa ngục. Hiện thời, những quỷ vương trong địa ngục trên thế gian do đâu mà có? Cũng là do trước kia đã phát nguyện, nguyện ấy cũng thật sự được thực hiện. Quốc vương Tỳ Sa đánh nhau với vua Duy Đà Như Sanh, bị thua trận. Sau khi thất bại, bèn phát ra lời nguyện hung tợn ấy. Do niệm lực kiên cố, niệm niệm chẳng quên, hễ có cơ hội bèn báo thù.

Chư vị đọc lịch sử nhà Thanh, nhà Thanh mất nước bởi tay Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu thuộc thị tộc Diệp Hách Na Lạp (Yehenara)[81].

---

[81] Yehenara là một chi tộc trong một đại thị tộc của người Mãn Châu, tức là thị tộc Nara (sử Trung Hoa thường phiên âm là Nạp Lạt Thị, Nạp Lan Thị hoặc Na Lạp Thị). Riêng về các phân chi thị tộc hợp thành liên minh Hốt Luân (Hulun) tại vùng Cát Lâm, có bốn thị tộc chính là Ô Lạp Na Lạp (Ulanara), Huy Phát Na Lạp (Hoifanara), Cáp Đạt Na Lạp (Hadanara) và Diệp Hách Na Lạp. Đứng đầu mỗi thị tộc là một thân

Khi nhà Thanh dựng nước đã tiêu diệt bộ tộc này. Tù trưởng của bộ tộc ấy bèn phát thệ: "Nếu bộ tộc ta còn sót lại một đứa con gái thì trong tương lai cũng phải tiêu diệt đất nước của nhà Đại Thanh". Hoàng thất nhà Thanh khi đó đều biết chuyện này, nên nhà Thanh có một điều luật lệnh: Không được phép thông hôn với Na Lạp Thị (người thuộc thị tộc Diệp Hách Na Lạp). Cuối cùng, đến đời vua Hàm Phong nạp phi tử thuộc thị tộc Na Lạp, khiến nhà Thanh bị tiêu diệt! Nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn! Nhìn theo nhân quả trong Phật pháp, đây là một thí dụ rất rõ rệt, có lịch sử để làm căn cứ, xác thực là đúng với lời phát nguyện của kẻ ấy trong thuở đó.

Chư vị lại xem Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, đầu gối Ngộ Đạt quốc sư nổi mụn ghẻ mặt người. Tôn giả Ca Nặc Ca (Kanaka-vatsa) khi trị ghẻ mới giảng rõ tiền nhân hậu quả. Đó là oan gia trái chủ của Sư truy lùng Sư đến mười đời, mỗi đời đầu thai đều toan báo cừu. Đời trước, hai người bọn họ kết cừu oán lúc nào? Vào thời Cảnh Đế (188-141 trước Công Nguyên) nhà Hán, [khi các nước chư hầu] Ngô và Sở làm phản. Hán đế theo mưu kế của Viên Áng (袁盎) giết chết Triều (Tiều) Thố (晁錯)[82]. Triều Thố bị chết vì hãm hại, ôm hận trong tâm, niệm niệm mong

---

vương có tước hiệu là Bối Lặc (Beile). Thị tộc Diệp Hách Na Lạp thường sống tại Cát Lâm, Hắc Long Giang, Liêu Ninh và Nội Mông. Họ là hỗn huyết giữa người Mông Cổ thị tộc Tümed và người Mãn Châu. Vì họ sống đông nhất ở vùng sông Yehe nên thị tộc này lấy danh xưng là Yehenara. Do thị tộc Diệp Hách Na Lạp thần phục nhà Minh từ lâu và có nhiều đặc quyền, nên họ không muốn thần phục Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi, sáng tổ của nhà Thanh). Vì vậy, với tham vọng thống nhất các bộ lạc Mãn Châu, Nỗ Nhĩ Cáp Xích quyết tâm tiêu diệt thị tộc Diệp Hách Na Lạp. Lời nguyền được hòa thượng Tịnh Không nhắc đến trên đây do bối lặc Kim Đài Cát (Jintaiji) phát ra khi thua trận Tát Nhĩ Hứa (Sarhū), khiến cho các chiến binh giỏi nhất trong thị tộc tử vong gần hết, thị tộc Diệp Hách Na La phải thần phục nhà Thanh, các lãnh tụ mất hết thực quyền lẫn lãnh địa. Hiện thời, do ảnh hưởng Hán hóa, những người thuộc thị tộc này đã đổi họ thành Na, Nạp, Nam, Lưu, Tô, Triệu, Diệp và Hà.

[82] Khi Lưu Bang (Hán Cao Tổ) mất, Lã Hậu đã thừa cơ lũng đoạn triều chánh, đưa con cháu họ Lã nắm quyền, khiến nhà Hán gần mất nước. Dưới sự lèo lái của Trần Bình và Châu Bột, phe cánh họ Lã đã bị tiêu diệt, Lưu Hằng được tôn lên làm vua là Hán Văn Đế. Để đền đáp sự ủng hộ của các hoàng thân, quốc thích trong cuộc binh biến, Hán Văn Đế đã phong cho họ tước vương, và cắt đất phong cho họ thành các nước chư hầu Tề, Triệu, Sở, cộng thêm với các nước chư hầu sẵn có từ thời Hán Cao Tổ. Dần dần, thế lực của chư hầu hùng mạnh, lấn áp chính quyền trung ương. Theo lời tâu của Giả Nghị, khi Tề Vương qua đời, Hán Văn Đế đã chia nước Tề làm sáu nước, và chia Hoài Nam thành ba nước nhỏ. Khi đó, Triều Thố là Ngự Sử Đại Phu

báo thù. Nào ngờ về sau, Viên Áng xuất gia làm cao tăng, có thần hộ pháp bảo vệ, đời đời kiếp kiếp đều có đạo đức, đều nghiêm túc tu hành. Đến đời thứ mười, Ngài làm quốc sư, tức là Ngộ Đạt quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế cúng dường Sư một tòa báu bằng trầm hương, chúng ta biết hiện thời một cân trầm hương đến mấy chục vạn đồng! Sư tiếp nhận tòa báu trầm hương, sanh một tâm niệm ngạo mạn, cảm thấy chính mình ghê gớm lắm. Do một tí tâm ngạo mạn ấy nẩy sanh mà công đức tu hành trong mười đời đều mất sạch. Một niệm nẩy sanh tâm ngạo mạn, tự cho mình là đúng, thần hộ pháp bỏ đi, oán quỷ quấn thân, gần như mất mạng!

Quý vị hiểu sự thật này, giữa con người với nhau, chớ nên kết oán! Kết oán thì đời đời kiếp kiếp đều phiền phức, mấy đời tu hành, chướng ngại trên đường Bồ Đề gọi là ma chướng! Quý vị phải chịu rất nhiều vùi dập. Vì lẽ đó, đức Phật dạy chúng ta nhẫn nhục, dạy chúng ta tu Định, dạy chúng ta tâm địa phải thanh tịnh, bình đẳng, phải từ bi, nhường nhịn. Như vậy thì chính mình tu hành mới tương đối thuận lợi đôi chút. Do oai thần của Tam Bảo gia trì, nên cũng có thể nẩy sanh hiệu lực. Nếu không, nghiệp chướng của quý vị nặng nề, Phật, Bồ Tát cũng chẳng có cách nào gia hộ quý vị! Oán thân trái chủ của quý vị quá đông, Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể không đếm xỉa lý lẽ, quý vị đáng phải chịu báo mà! Do đó, chính mình phải nghiêm túc tu hành, phải nhẫn nhục, phải nhường nhịn người khác, chớ nên nổi nóng. Chuyện này hết sức trọng yếu.

(Sao) Chủng chủng tùy nguyện, mạc vi nhi vi. Cố vân bất khả tư nghị.

đã khuyên Văn Đế hãy mạnh tay giảm thế lực của Ngô Vương Lưu Tỵ (anh họ của Hán Văn Đế), nhưng nước Ngô quá mạnh nên không thể làm gì được. Mối bất hòa giữa chư hầu và Hán đế càng thêm căng thẳng. Đồng thời, khi còn làm thái tử, Lưu Khải (về sau trở thành Hán Cảnh Đế) đánh cờ với con Ngô Vương Lưu Tỵ là Lưu Hiền, do Lưu Hiền ngạo mạn, Lưu Khải bực tức, lỡ tay đánh chết Lưu Hiền, nên hiềm khích giữa đôi bên càng sâu! Khi Hán Cảnh Đế lên ngôi, Triều Thố khuyên vua tiếp tục giảm bớt thế lực của các chư hầu. Bảy nước chư hầu (Ngô, Sở, Triệu, Giao Đông, Giao Tây, Tế Nam, Truy Xuyên) bèn khởi loạn, viện cớ "giết Triều Thố để làm sạch triều chánh". Do bất hòa với Triều Thố từ trước, Viên Áng xúi vua giết Triều Thố để xoa dịu chư hầu. Dưới sự bức bách của phe phái Viên Áng, vua đành hạ lệnh đem Triều Thố ra chợ chém ngang lưng, nhưng chư hầu vẫn tiếp tục làm loạn. Đến cuối cùng, phải nhờ đại tướng quân Đậu Anh thống suất quân đội giao chiến với chư hầu suốt ba tháng mới dẹp tan được cuộc nội loạn.

(鈔)種種隨願，莫為而為。故云不可思議。

*(**Sao**: Các thứ thuận theo nguyện, không làm mà làm. Vì thế, nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

Nhìn từ đoạn văn này, chúng ta có thể hiểu rõ, thế gian và xuất thế gian, trên là từ thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, dưới là cho tới ba ác đạo, đều chẳng lìa khỏi nhân quả. Pháp sư Ấn Quang đề xướng nhân quả là có lý, có căn cứ. Đề xướng nhân quả, Ngài không nói gì khác, chỉ nói tới Liễu Phàm Tứ Huấn. Đấy là vì từ cuối đời Minh cho đến đầu đời Thanh, trong hơn ba trăm năm, ai cũng biết đến tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn. Xưa kia, hễ là người đọc sách thì gần như chẳng có ai không đọc sách này, cho nên đề xướng [hành theo sách ấy] sẽ hết sức thuận tiện. Sách ấy lại còn nói thấu triệt. Cư sĩ Liễu Phàm hiện thân thuyết pháp, sửa đổi vận mạng của chính mình như thế nào? *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng"*. Ông ta có thể làm được, mà cũng có thể cầu được. Những điều ông ta mong cầu, trong mạng chẳng có, nhưng ông có thể cầu được thì mới gọi là "cầu". Trong mạng đã có thì chẳng gọi là cầu. Trong mạng chẳng có mà ông ta có thể cầu được, cầu bằng cách nào? Tin nhân quả sửa đổi vận mạng của chính mình, đặc biệt lấy chuyện này để giáo hóa kẻ sơ học, sửa đổi xã hội, xác thực là đã sanh ra hiệu quả rất lớn. Xã hội hiện thời cũng là [một xã hội] rối loạn đến tột cùng. Làm thế nào để cứu vãn xã hội? Mọi người đều có thể đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn, đều có thể thực hành Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi tin tưởng là trong hai ba năm, xã hội sẽ an tường, hòa thuận. Sự an hòa lợi lạc như chánh phủ đang đề xướng có thể thực hiện, chuyện này phải cậy vào sự nỗ lực của mọi người.

(Sao) Bồ Tát nguyện sanh giả, Phổ Hiền tụng vân: "Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát".

(鈔)菩薩願生者，普賢頌云：願我臨欲命終時，盡除一切諸障礙，面見彼佛阿彌陀，即得往生安樂剎。

*(**Sao**: "Bồ Tát nguyện sanh": Bài kệ của ngài Phổ Hiền có đoạn: "Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung, tận trừ hết thảy các chướng ngại, gặp gỡ đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc").*

"Ngã" là Phổ Hiền Bồ Tát tự xưng. *"An Lạc Sát"* là thế giới Cực

Lạc. Đây là Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện, lời nguyện này ở trong kinh Hoa Nghiêm. Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Hoa Tạng. Trong toàn thể Phật pháp, các Ngài có địa vị tối cao vô thượng, [thế mà] vẫn phải cầu sanh Tịnh Độ. Đã thế, trong lời kệ phát nguyện còn nói: *"Tận trừ hết thảy các chướng ngại"*. Chúng ta đọc câu này, trong tâm có cảm tưởng gì? Đẳng Giác Bồ Tát còn có chướng ngại gì? Ngài còn phải trừ chướng ngại, chúng ta làm thế nào? Chúng ta có quá nhiều chướng ngại, có trừ cũng trừ không hết. Nhưng chư vị đừng sợ, nếu chúng ta hiểu rõ sự thật, sẽ có thể yên tâm. Chướng ngại gì vậy? Chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu niệm A Di Đà Phật, đó là chướng ngại! Chúng ta có những chướng ngại ấy hay không? Có! Chúng ta cũng chẳng tin pháp môn này, mà cũng chẳng phát nguyện, cũng không chịu niệm Phật. Nếu quý vị chẳng có chướng ngại, sẽ là một câu A Di Đà Phật suốt ngày từ sáng đến tối hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn. Quý vị còn niệm Phật gián đoạn, còn quên bẵng niệm Phật, chứng tỏ quý vị có chướng ngại, ba phương diện Tín, Nguyện, Hạnh đều có chướng ngại. Từ chỗ này, có thể kiểm điểm chính mình. Đừng tự cho là "ta đã không còn chướng ngại, ta đã tin tưởng rất kiền thành". Thật ra, tín căn của quý vị có vấn đề to lớn! Hễ có chuyện gì xảy đến, [bèn nghĩ] "chuyện này quan trọng hơn niệm Phật", đó là chướng ngại!

Có chuyện nào trọng yếu hơn niệm Phật? Chẳng có! Dẫu là chuyện bất đắc dĩ, tạm thời buông Phật hiệu xuống để làm việc. Hễ làm xong chuyện, liền tiếp tục niệm Phật hiệu ngay, đó là đúng. Tận hết sức giảm thiểu những chuyện không cần thiết. Có những kẻ bảo người niệm Phật là Tiểu Thừa, có những người nói người niệm Phật là phường chỉ lo tự giải thoát cho riêng mình, người niệm Phật rất tiêu cực, vì sao? Người niệm Phật lục thân[83] chẳng nhận, thù tạc với thân thích bằng hữu đều chẳng có. Vì thế, người ta chê quý vị là tiêu cực. Sợ người ta chê là tiêu cực, hừm! Lại thù tạc, Phật hiệu cũng tạm thời vứt qua một bên, vứt riết rồi quên bẵng. Những thứ vây quanh quý vị toàn là ma chướng, chướng ngại quý vị niệm Phật, quý vị phải hiểu nhé!

---

[83] Hiểu thông thường, lục thân là những người có quan hệ họ hàng với chính mình do huyết thống hoặc hôn nhân. Trong cách hiểu phổ biến nhất, lục thân là cha, con, anh, em, vợ, chồng. Một cách hiểu khác cũng khá phổ biến, theo đó, lục thân là cha con, anh em, anh em họ bên nội, các anh em của ông nội, các anh em của ông cố, các anh em cùng họ.

Nói thật thà, chúng ta niệm A Di Đà Phật, kẻ khác nói ta là Tiểu Thừa, Tiểu Thừa có sao đâu! Kẻ khác nói ta tiêu cực, tiêu cực cũng được! Kẻ khác chê ta vô tình vô nghĩa, kệ họ nói sao thì nói, ta cứ niệm một câu A Di Đà Phật tới cùng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thả chiếc bè Từ trở lại, thành Bồ Tát, thành Phật đến độ hết thảy chúng sanh, có phải là tiêu cực hay không? Có phải là Tiểu Thừa hay không? Người thế gian chẳng thấy chuyện này! Nay chúng ta nghe những lời lẽ đó, tâm chính mình bị dao động thì nói cách khác: Ba món Tín, Nguyện, Hạnh của quý vị đều chưa thể trông cậy được! Đó là chướng ngại. Nay chúng ta chỉ cần quét sạch những chướng ngại ấy, nhất tâm nhất ý niệm A Di Đà Phật. Đừng nói là pháp thế gian chẳng thể chướng ngại được, hết thảy xuất thế gian Phật pháp cũng chẳng thể chướng ngại được. Quý vị nói Thiền hay, chúng tôi rất cung kính, Thiền hay lắm! [Quý vị nói] Giáo hay, [tôi cũng tán thán] Giáo cũng khá lắm. Mật cũng hay, thứ gì cũng đều hay. "Quý vị học pháp của quý vị, tôi học pháp của tôi, tôi tuyệt đối chẳng bị lay động!" Đó là diệt trừ chướng ngại, tâm quý vị thật sự định, như vậy thì mới chắc chắn thành tựu. Do đó, bí quyết niệm Phật là *"quyết định chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, không xen tạp"*, há lẽ nào chẳng thành công? Phổ Hiền và Văn Thù phải trừ khử hết thảy chướng ngại, cũng là trừ những chướng ngại ấy!

(Sao) Nãi chí nguyện mông thọ ký, quảng lợi chúng sanh đẳng, chí như Văn Thù phát nguyện vãng sanh sở thuyết chi kệ, diệc vân: "Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diện kiến Di Đà Phật, vãng sanh An Lạc sát", dữ Phổ Hiền nhược hợp phù tiết.

(鈔)乃至願蒙授記，廣利眾生等，至如文殊發願往生所說之偈，亦云：願我命終時，滅除諸障礙，面見彌陀佛，往生安樂剎。與普賢若合符節。

*(**Sao**: Cho đến "nguyện được thọ ký, lợi ích chúng sanh rộng rãi" v.v... Như ngài Văn Thù nói bài kệ phát nguyện vãng sanh, cũng nói: "Nguyện tôi lúc lâm chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp gỡ Phật Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc", phù hợp khít khao với ngài Phổ Hiền).*

"Phù tiết" (符節)[84] là một loại ấn tín. Văn Thù Bồ Tát phát nguyện chẳng khác Phổ Hiền Bồ Tát, hoàn toàn giống nhau.

---

[84] *"Phù tiết"* là những tín vật nhằm thể hiện sự trao quyền của vua cho các quan vâng

(Sao) Tha như Thiên Thân, Long Thọ đẳng, đa nan tất trần, cố vân "bất khả tư nghị".

(鈔)他如天親龍樹等，多難悉陳，故云不可思議。

*(**Sao**: Những vị khác như Thiên Thân, Long Thọ v.v… nhiều đến nỗi khó thể kể xiết. Do đó nói là "chẳng thể nghĩ bàn").*

Nói tới những vị khác như Thiên Thân Bồ Tát, Long Thọ Bồ Tát, các vị này là người ngoại quốc[85]. Thiên Thân và Vô Trước là anh em, Vô Trước là anh. Thiên Thân Bồ Tát cũng thông minh tột bậc. Thuở đầu, Ngài học Tiểu Thừa, có thành tựu rất lớn trong Tiểu Thừa. Về sau, Ngài hồi Tiểu hướng Đại. Ngài soạn năm trăm bộ luận Tiểu Thừa, đối với Đại Thừa cũng soạn năm trăm bộ luận. Đấy là hai vị đại Bồ Tát lỗi lạc tái hưng Phật pháp sau thời Thích Ca Mâu Ni Phật. Sau ngài Thiên Thân là Long Thọ, Long Thọ là tổ chung của tám tông phái Đại Thừa, tám tông phái Đại Thừa ở Trung Hoa đều do Long Thọ Bồ Tát truyền. Vị này cũng là người thông minh tuyệt đỉnh! Các Ngài đến cuối cùng đều niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có truyện ký của các Ngài. Các vị tổ sư đại đức như vậy cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ quá nhiều, từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ta đều có thể xem thấy.

"Cố vân bất khả tư nghị" (Nên nói là chẳng thể nghĩ bàn), ý nói nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị có nguyện vọng kiên cố, chẳng có gì không đạt được, đúng là *"có nguyện ắt thành"*. Có nguyện ắt thành thì nguyện phải có hạnh. Nguyện mà thiếu hạnh sẽ là nguyện rỗng tuếch,

---

chiếu tuần thú, hoặc trao quyền cho các tướng lãnh điều binh khiển tướng. Phù thường là ấn tín hoặc lệnh bài, các thẻ khắc cầu kỳ, hoặc tín vật có khắc huy hiệu riêng. Thoạt đầu, Phù thường là một mảnh kim khí hay mảnh trúc có khắc tín hiệu theo quy định, được bẻ làm hai. Khi gặp nhau, nếu ghép vào nhau khít khao thì sẽ chấp nhận người cầm tín phù ấy đúng là người được bề trên cử tới. Về sau, Phù chỉ là tín vật có chạm khắc những biểu tượng riêng, nhìn vào biết ngay là huy hiệu thể hiện chức quyền của một người nào đó. Tiết là cờ lệnh. Chẳng hạn như thời Hán quy định Tiết có cán làm bằng trúc, sơn màu vàng hoặc đỏ, dài tám thước (một thước thời Hán là 32cm), trên cán buộc đuôi trâu thành chùm. Càng về sau, Tiết càng hoa lệ, cầu kỳ. Đến đời Minh, Tiết có cán sơn son thếp vàng, trên đỉnh bịt đồng mạ vàng có hình đầu rồng, thắt nhiều quả cầu kết bằng tơ hồng treo bằng dây tơ bện thắt cầu kỳ. Đời Thanh, giảm số quả cầu xuống còn năm cái, nhưng thêm chuông mạ vàng v.v… Hễ có Phù thì có cờ hiệu (Tiết) tương ứng; *"nhược hợp phù tiết"* nghĩa đen là giống như phù và tiết phù hợp nhau.

[85] Do các vị này giáng sanh tại Ấn Độ, nên người Hoa nói họ là *"người ngoại quốc"*.

nguyện ấy chẳng thể thành tựu. Sau nguyện phải có hành động, dùng hạnh để thực hiện nguyện. Có nguyện ắt thành, chúng ta phải làm! Ta có nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, ta nhất định phải niệm Phật. Nếu ta niệm Phật chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, nguyện ấy quyết định thành tựu. Nếu quý vị chẳng làm được, tức là nguyện suông, suốt một đời này vẫn chẳng thể vãng sanh được!

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh hoàn quy bản thể, thị nguyện sanh bỉ quốc nghĩa.

(疏)稱理，則自性還歸本體，是願生彼國義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh trở về bản thể chính là ý nghĩa "nguyện sanh về cõi ấy").*

Ý nghĩa này sâu xa, đây là nói xứng tánh. Trong phần trước là nói theo sự tướng, còn đoạn này nói theo tâm tánh. Nếu từ sự tướng mà lại có thể quy vào tâm tánh, vãng sanh Tịnh Độ sẽ là thượng phẩm thượng sanh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị cao cả. *"Tự tánh hoàn quy bản thể"* là gì?

(Diễn) Tự tánh hoàn quy bản thể giả, nhược bất minh bản thể, duy yếm thử Sa Bà hân Cực Lạc, tắc tùy cảnh thiên di, trục vật lưu chuyển, phi chân sanh bỉ quốc cố vân dã.

(演)自性還歸本體者，若不明本體，唯厭此娑婆忻極樂，則隨境遷移，逐物流轉，非真生彼國故云也。

*(**Diễn**: "Tự tánh trở về bản thể": Nếu không hiểu rõ bản thể, chỉ chán nhàm thế giới Sa Bà này, yêu thích Cực Lạc, sẽ bị chuyển dời theo cảnh, lưu chuyển theo vật, chẳng phải là thật sự sanh về cõi kia, cho nên nói như vậy).*

Chúng ta xem mấy câu này, vừa xem xong bèn sanh hoài nghi. Vì sao? Nhà Thiền nói *"minh bản thể"* là minh tâm kiến tánh. Nếu chẳng thể kiến tánh, tuy chán lìa Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc, vẫn chẳng thật sự sanh về cõi ấy, đấy chẳng phải là một nỗi phiền phức to lớn ư? Nhìn vào chuyện này, chúng ta đều chẳng có hy vọng gì! Trong tương lai, chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới rốt cuộc là sanh vào chỗ nào? Chẳng phải là thế giới Cực Lạc thật, chẳng lẽ còn có một thế giới Cực Lạc giả ư? Do đó, ở chỗ này có một vấn đề, lại còn là một vấn đề rất lớn.

Chẳng thể giải quyết vấn đề này, chúng tôi vừa mới nói niệm Phật có ba điều kiện, [trong đó, đối với điều kiện] không hoài nghi, quý vị đã hoài nghi. Tuy hoài nghi, nhưng quý vị thật sự còn có thể [niệm Phật] chẳng gián đoạn, không xen tạp, thì vẫn có thể vãng sanh, sanh vào biên địa, kinh Vô Lượng Thọ có nói chuyện này. Biên địa cũng khá lắm, bất quá ở nơi đó tới năm trăm năm, vẫn dự vào phẩm vị vãng sanh y hệt, vẫn là rất may mắn, vẫn là rất hạnh phúc. Sanh vào biên địa cũng tuyệt diệu, thù thắng khôn sánh, chỉ là lâu hơn người ta năm trăm năm, như thế mà thôi! Do đó, chúng ta chớ nên coi thường biên địa. Ở đây, xác thực là phải hiểu rõ sự thật này. Thông thường, người niệm Phật hễ niệm đến mức biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ mà vãng sanh, thưa cùng chư vị, đại khái đều là đã kiến tánh. Họ cũng chẳng nói là họ đã minh tâm kiến tánh, chúng ta cũng chẳng nhìn ra họ đã minh tâm kiến tánh, nhưng họ thật sự minh tâm kiến tánh. Vì sao? Chỉ có một câu A Di Đà Phật, niệm đến mức phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, ưu lự, vướng mắc thảy đều hết sạch. Quý vị ngẫm xem, người ấy đã đắc Niệm Phật tam-muội, đã đắc Định, nói theo Tịnh Độ Tông sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Trong sát-na vãng sanh, khi Phật đến tiếp nghênh, Phật quang vừa chiếu rọi, công phu của người ấy liền được nâng cao gấp bội.

Trong nguyên bản tiếng Phạn, kinh Di Đà chẳng có chữ *"nhất tâm bất loạn"*, Huyền Trang đại sư dịch là *"nhất tâm hệ niệm"*. Cưu Ma La Thập đại sư dịch là *"nhất tâm bất loạn"*, chẳng phải là ý nghĩa trong kinh văn nguyên thủy. La Thập đại sư dịch ý, Huyền Trang đại sư chẳng nói ngài La Thập dịch sai. Điều này chứng tỏ, phàm là người vãng sanh đều là nhất tâm bất loạn. Chúng ta thường nói mức độ niệm Phật thấp nhất là phải niệm đạt tới công phu thành phiến. Công phu thành phiến thì khi vãng sanh, Phật đến tiếp dẫn, do Phật quang chiếu gội, công phu của quý vị được nâng cao thành Sự nhất tâm bất loạn. Do nhìn từ chỗ này, Cưu Ma La Thập đại sư dịch thành *"nhất tâm bất loạn"* chẳng sai! Nhất tâm bất loạn là do được Phật lực gia trì, chúng ta mới đạt tới. Công phu của chúng ta đạt mấp mé nhất tâm bất loạn, Phật vừa gia trì, bèn nâng cao, đạt tới nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn bèn khai huệ, khai huệ bèn minh tâm kiến tánh.

Dẫu là một bà cụ chẳng biết chữ, điều gì cũng không biết, nhưng bà thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, niệm mấy năm, đứng mất, ngồi mất, quyết định là kiến tánh. Nếu chẳng kiến tánh, chẳng thể nào có công phu như vậy. Vị đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhàn niệm A Di Đà

Phật ba năm bèn đứng mất. Sau khi vãng sanh, thân thể còn đứng sững suốt ba ngày, chờ thầy mình đến lo liệu hậu sự. Nếu chẳng kiến tánh, sao có thể làm được? Do vậy, cụ Đế Nhàn tán thán ông ta, tán thán người ấy chẳng uổng công xuất gia, tán thán người ấy thành tựu vượt trỗi các pháp sư giảng kinh thuyết pháp cả nước, vượt trỗi những vị trụ trì các nơi danh sơn bảo sát (các chùa nổi tiếng) quá nhiều, những người ấy đều chẳng thể sánh bằng ông ta! Đấy là lời thật, chẳng phải hư giả. Trong kinh Lăng Nghiêm, chúng ta cũng có một câu kinh văn để chứng minh, *"tịnh cực quang thông đạt"*. Một câu A Di Đà Phật là tịnh, vị ấy niệm gì cũng đều chẳng có, trừ một câu A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Tịnh đến mức tột cùng bèn hoát nhiên khai ngộ, minh tâm kiến tánh. *"Quang thông đạt"* là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do đó, chúng ta hiểu: Người niệm Phật khi vãng sanh, đại đa số đều là khai ngộ, nhất là những người biết trước lúc mất, chúng ta có thể đoán định họ chẳng phải là phường tầm thường!

Do vậy, bình thường niệm Phật, há nên xen tạp vọng tưởng? Xen tạp vọng tưởng gây tổn hại rất lớn. Vì sao người ta niệm Phật đôi ba năm bèn thành công, chúng ta niệm mấy chục năm vẫn chẳng thể thành công? Do chúng ta xen tạp vọng tưởng quá nhiều! Dẫu chẳng gián đoạn, nhưng trong ấy hãy còn xen tạp. Vì thế, công phu chẳng thể thành tựu. Người thật sự niệm Phật, trong Phật hiệu chẳng có xen tạp, thuần túy là một câu Phật hiệu, là một niệm ấy. Vì vậy, họ thành tựu thù thắng. Nếu chẳng có công phu như vậy, sẽ thật sự giống như hai câu nói ở đây: *"Tùy cảnh thiên di, trục vật lưu chuyển"* (Đổi dời theo cảnh, lưu chuyển theo vật). *"Cảnh"* là hoàn cảnh vật chất, quý vị thời thời khắc khắc bị hoàn cảnh bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc. *"Trục vật lưu chuyển"* là trong tâm quý vị chẳng thể tự chủ. Đấy chính là phiền não dấy lên hiện hành, đồng tu tại gia thuộc trong tình cảnh này, mà người xuất gia cũng thuộc tình cảnh này! Người khác tán thán quý vị một câu, bèn đắc ý vênh váo, đáng sợ quá! Tự cho mình là đúng, [người khác] mắng quý vị mấy câu, tức tối mấy hôm chẳng thể nguôi nổi! Khen ngợi hay hủy báng là cảnh giới bên ngoài, quý vị đã bị ngoại cảnh ảnh hưởng. Trong tâm quý vị động, hoan hỷ hay nóng giận là trong tâm quý vị chấn động, mất mấy ngày chẳng thể khôi phục bình thường! Lưu chuyển theo vật như vậy, làm sao có thể nói tới công phu cho được? Làm sao quý vị có thể niệm Phật hiệu tốt đẹp cho được? Chẳng thể nào!

Nếu hỏi niệm Phật theo cách nào ư? Cảnh giới bên ngoài vừa

động bèn "A Di Đà Phật". Ngoại cảnh lẫn nội tâm đều quy hết vào A Di Đà Phật, hóa giải nơi A Di Đà Phật, đều chẳng còn nữa. Đó gọi là niệm Phật, là biết niệm, là công phu, chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển, thật sự có thể niệm mất sạch phiền não và tập khí. Đã đắc Định rồi thì mới có thể khai trí huệ, có trí huệ thì mới có thể phá vô minh, thấy bản thể, bản thể là tự tánh.

(Diễn) Hựu hoàn quy giả, vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(演)又還歸者，無不從此法界流，無不還歸此法界也。

*(**Diễn**: Lại nữa, "hoàn quy" là không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này).*

"Pháp giới" là gì? Là nhất tâm, là chân tâm của chính mình. Ai nấy đều có chân tâm, chân tâm là một, chân tâm như nhau. Vọng tâm khác hẳn, vọng của mỗi cá nhân đều khác biệt. Chân tâm giống như nước khi nó tĩnh lặng, chẳng cuộn sóng, hoàn toàn tương đồng. Toàn thể biển cả đều giống hệt như nhau. Vọng tâm là sóng cuộn, mỗi con sóng đều khác nhau. Hết thảy chúng sanh dùng vọng tâm, Phật dùng chân tâm. Chúng ta học Phật thì phải bỏ vọng tâm, dùng chân tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo"* (Nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Đó chính là ý nghĩa của hai câu này.

Y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới đều thuộc trong tự tánh, do chân tâm biến hiện ra, duy tâm sở hiện. Pháp giới do chân tâm biến hiện có lìa khỏi chân tâm hay không? Chẳng hề lìa khỏi; vì vậy, *"hoàn quy thử pháp giới"* (trở về pháp giới này). Giống như ban đêm ngủ rồi nằm mộng, mộng cảnh giống như mười pháp giới, cái tâm có thể nằm mộng ví như chân tâm. Trong lúc quý vị đang nằm mộng, nếu chúng ta hỏi tâm quý vị giống như thế nào ư? Cảnh giới được hiện [trong giấc mộng] chính là hình dạng của cái tâm. Tâm quý vị đã biến thành một cảnh giới, dáng vẻ [của cảnh giới ấy] chính là hình dạng của cái tâm quý vị. Tâm là cảnh, cảnh là tâm, chẳng hai, chẳng khác. Hễ tỉnh giấc, cảnh ấy chẳng có, trở về nhất tâm. Trong Phật pháp thường nói *"toàn vọng chính là chân, toàn chân chính là vọng"*. Chân là năng biến (cái có thể biến), vọng là sở biến (cái được biến). Năng biến và sở biến

là một, không hai. Năng tức là Sở, Sở tức là Năng; mộng là tâm, tâm là mộng, điều này khá dễ hiểu!

Cùng một đạo lý như vậy, cảnh giới mà nay chúng ta đang trông thấy chính là do Chân Như bản tánh của chúng ta biến hiện. Nếu hỏi quý vị, chân tâm của quý vị có hình dạng ra sao? Vũ trụ như quý vị đang thấy chính là chân tâm của quý vị, vì vũ trụ do chân tâm biến hiện. Quý vị nói xã hội chẳng tốt, tức là tâm quý vị chẳng tốt. Nếu tâm quý vị tốt, lẽ nào biến thành cảnh giới ấy? Do lẽ đó, há có nên chê trách cảnh giới không tốt? Đức Phật nói có lý lắm, hãy quay lại sửa đổi cái tâm. Tâm thanh tịnh, cảnh giới liền thanh tịnh. Vì vậy, trong mắt Phật, Ngài thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh thấy Phật, Bồ Tát cũng là chúng sanh, là do đạo lý này. Trong cái nhìn của quỷ, hết thảy đều là quỷ. Bậc thiện nhân chân chánh sẽ thấy hết thảy mọi người đều là thiện nhân, kẻ ác thấy hết thảy mọi người chẳng có ai không ác! Đây cũng là đạo lý được nói trong kinh Hoa Nghiêm: *"Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một"*.

(Diễn) Tùng nhất tâm trung lưu xuất tứ thánh lục phàm, tắc tứ thánh lục phàm nhưng cựu hoàn quy nhất tâm. Hựu tự tánh tức thị bản thể, nhi vân hoàn quy giả, dĩ tự tánh nhất hướng bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, cố kim ưng đương hoàn quy dã.

(演)從一心中流出四聖六凡，則四聖六凡仍舊還歸一心。又自性即是本體，而云還歸者，以自性一向不守自性，五道隨緣，故今應當還歸也。

*(**Diễn**: Từ trong nhất tâm lưu xuất tứ thánh lục phàm, nên tứ thánh lục phầm vẫn trở về nhất tâm y như cũ. Tự tánh lại chính là bản thể, nhưng nói "trở về" là do tự tánh một mực chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường, cho nên [nói] "nay hãy nên trở về" vậy).*

Nói thật ra, những lời này là do đức Phật đã rát miệng buốt lòng, bất đắc dĩ nói phương tiện cùng chúng ta. Nếu nói lời thật, chúng ta sẽ chẳng hiểu, chẳng có cách nào thấu hiểu. Nói thật ra, thưa cùng chư vị, chẳng có lưu xuất, mà cũng chẳng có quy hoàn, cũng chẳng có năng biến, mà cũng chẳng có sở biến. Nhưng chúng ta chẳng hiểu điều này, do nó vượt khỏi thường thức của chúng ta quá nhiều! Do lẽ đó, đức Phật chẳng thể không thuyết pháp thuận theo thường thức của bọn chúng sanh chúng ta. Nếu chúng sanh muốn thật sự lãnh hội ý nghĩa chân thật của

Phật, nhất định phải tuân theo lời dạy của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận: *"Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên"*, quý vị mới có thể thật sự thấu hiểu nghĩa chân thật do đức Như Lai đã nói. Trong ba điều trên, chỉ cần chấp trước một điều, sẽ chẳng thể hiểu nghĩa chân thật do Như Lai đã nói, quý vị chỉ có thể nghe hiểu một chút bề ngoài mà thôi! Nếu quý vị cứ chiếu theo [cách hiểu hời hợt như vậy] để nói, nói y chang như thế thì sai bét mất rồi, quý vị vẫn phải chịu trách nhiệm nhân quả.

Người hiện thời thích giảng kinh, thuyết pháp, thích biểu hiện, đây là căn bệnh chung của người hiện thời. Cổ nhân dẫu có thể giảng kinh, thuyết pháp, nhưng quý vị thỉnh họ, họ chẳng dám giảng, vì sao? Cổ nhân sợ nhân quả. Còn hiện thời thì là *"nhân quả sợ"*, [tức là] nhân quả sợ quý vị! Cổ nhân hiểu *"nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời"*. Họ làm sao dám tùy tiện giảng? Họ chẳng dám giảng. Người hiện thời chẳng tin nhân quả báo ứng; chẳng tin nhân quả báo ứng thì vẫn trốn không thoát nhân quả báo ứng. Nói cách khác, họ đáng phải chịu quả báo ra sao thì vẫn phải chịu đúng như thế đó. Chẳng thể nói "không tin thì sẽ không chịu quả báo", chẳng có lẽ ấy! Vẫn phải chịu quả báo, điều này vô cùng đáng sợ. Muốn nói Phật pháp mà chẳng phạm phải sai lầm thì chính mình phải hữu chứng! Quý vị chẳng nhập cảnh giới này mà mong nói pháp chẳng phạm sai lầm, quá khó! Thầy Lý dạy bọn sơ học chúng ta hãy nương theo chú giải của cổ nhân, một câu cũng chẳng thể trái nghịch. Nói cách khác, dịch lời chú giải của cổ nhân thành văn nói, dịch sang văn Bạch Thoại. Từng câu, từng chữ đều có căn cứ, như vậy thì nếu quý vị nói sai, đó là chú giải sai, cổ nhân phải chịu trách nhiệm, quý vị chẳng gánh trách nhiệm. Nếu không căn cứ như vậy, chính mình nói trật, chẳng thể nào không gánh trách nhiệm. Do đó, chính mình nhất định phải thật sự hữu tu hữu chứng, nêu ra tâm đắc do sự tu chứng của chính mình thì mới thật sự được mấy phần tương ứng, mới có thể miễn trừ khuyết điểm. Nếu không, đúng là chẳng dễ dàng! Kẻ trẻ tuổi hiện thời đến đâu cũng dám nói [cho sướng miệng], chứ người thuộc thế hệ già hơn chẳng dám làm theo kiểu đó.

"Bất thủ tự tánh" là gì? Kinh Lăng Nghiêm nói điều này rất nhiều. Giáo Hạ thường nói *"Chân Như bất thủ tự tánh"* là *"nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh"* (do một niệm bất giác, bèn có vô minh). Chẳng giữ lấy tự tánh chính là một niệm bất giác, là một niệm mê. Mê là không giữ lấy tự tánh, giác là tự tánh hiện tiền, tức là mê và giác! Giác tâm thanh tịnh,

giác tâm bình đẳng. Tâm chúng ta bất bình đẳng trong hết thảy các pháp thì là mê, tâm bất tịnh trong hết thảy các pháp là mê. Tâm bất tịnh là gì? Tâm chuyển động, hễ động thì là mê. Giác tâm bất động, cho nên giác tâm là thanh tịnh tịch diệt. Đây là nói vì sao Phật pháp phải tu Định, Định là giác tâm. Huệ là gì? Huệ là Định khởi tác dụng, Định khởi tác dụng là Huệ. Giống như nước, chúng ta đối trước Phật, Bồ Tát dâng cúng nước nhằm biểu thị ý nghĩa này. Nước phải thanh tịnh, nước phải bình lặng. Nói thật ra, đó chính là "thanh tịnh, bình đẳng, giác" trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, nước biểu thị ý nghĩa ấy. Tâm của ta thanh tịnh, bất nhiễm, tâm của ta bình đẳng, bất động, cái tâm ấy đối ứng cảnh giới bên ngoài, sẽ được gọi là *"chiếu kiến"*. Đó là *"chiếu kiến"* như Tâm Kinh đã nói. Nếu chẳng giữ lấy tự tánh, bèn gọi là "tình kiến". Tình là động, tình là mê. Cái Thấy ấy sẽ chẳng phải là chân tướng, mà là hư vọng tướng. Chiếu kiến là chân tướng, là Thật Tướng của các pháp, khác hẳn! Đó mới gọi là *"hoàn quy"*. Nay chúng ta từ "chẳng thanh tịnh" khôi phục thanh tịnh, từ bất bình đẳng khôi phục bình đẳng, đó là khôi phục tự tánh. Khôi phục tự tánh, quý vị nhìn lại y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sẽ hoàn toàn hiểu rõ chân tướng sự thật. Khi ấy, nếu vì hết thảy chúng sanh thuyết pháp, quyết định chẳng phạm sai lầm. Vì sao? Quý vị đích thân chứng nhập cảnh giới, tri kiến hoàn toàn giống như tri kiến của Phật, há có thể sai được ư?

Thời gian trôi qua quá nhanh, phía sau hãy còn một nửa. Nửa ấy cũng chẳng thể giảng bằng mấy câu là xong được! Nhưng tuy vậy, đoạn này có ý nghĩa vô cùng sâu rộng, vẫn phải nói nhiều, có thể lãnh hội một phần thì xác thực là sẽ giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Nói thật ra, nay chúng ta công phu chẳng đắc lực. Không gián đoạn, không xen tạp, đó là Sự. Vì sao Sự mà chẳng làm được? Chẳng hiểu rõ Lý! Nếu thấu triệt Lý, Sự sẽ chẳng khó! Biết khó, hành dễ. Chẳng gián đoạn, không xen tạp là "hành". Chẳng hoài nghi là biết, biết khó, hành dễ. Thật sự lý giải thấu triệt, thì chẳng xen tạp, không gián đoạn sẽ làm được, chẳng khó! Có một hạng người, tuy không biết, nhưng vẫn có thể làm được, đó là người thiện căn đặc biệt sâu dầy. Thầy dạy họ ra sao, họ tin tưởng thầy, chẳng có một tí hoài nghi nào. Tìm đâu ra người như vậy? Nếu là người phục tùng thầy một trăm phần trăm, chẳng giảm bớt tí nào, tìm chẳng ra! Pháp sư Đế Nhàn suốt một đời cũng chỉ gặp được một học trò như vậy. Nghe lời chính là thiện căn đặc biệt sâu dầy. Người bình phàm đối với thầy nói chung ít nhiều đều đánh một loạt dấu hỏi, chẳng thể hoàn toàn tiếp nhận,

chẳng thể hoàn toàn tin tưởng. Do vậy, nhất định là phải đoạn nghi sanh tín. Giảng kinh, nghiên cứu giáo nhằm mục đích đoạn nghi, kiến lập tín tâm, từ tín tâm kiến lập nguyện tâm, từ nguyện tâm kiến lập diệu tâm trì danh niệm Phật. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 208

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm mười sáu.

(Sao) Nhược tri bản thể bất ly đương xứ, tắc phi sanh bỉ quốc, nãi sanh thử quốc nhĩ.

(鈔)若知本體不離當處，則非生彼國，乃生此國耳。

*(**Sao**: Nếu biết bản thể chẳng lìa đương xứ thì chẳng phải là sanh về cõi kia mà là sanh trong cõi này).*

Trong đoạn kinh văn này, điều cần chú ý nhất là quyết định đừng nên hiểu lầm ý nghĩa. Hiểu lầm ý nghĩa, sẽ phạm lỗi quá lớn. Hiểu lầm ý nghĩa bèn đả phá Tịnh Độ, vậy là không được rồi! *"Bản thể"* là nói tự tánh; tận hư không khắp pháp giới là vật do tự tánh biến hiện. Các cõi Phật trong mười phương, kể cả thế giới Cực Lạc, chẳng có gì là ngoại lệ, đều ở trong tự tánh. Vì lẽ đó, ở đây, đại sư nói *"nhược tri"* (nếu biết), [hàm ý] giả sử quý vị thật sự hiểu rõ: Bản thể là tự tánh, *"bất ly đương xứ"* (chẳng lìa đương xứ), ở ngay nơi đây trong hiện tiền là do tự tánh biến ra, mà mười phương pháp giới cũng do tự tánh biến ra. Tây Phương Tịnh Độ vẫn do tự tánh biến ra. Đó gọi là *"tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*. Tâm tánh là một, không hai, đều là vật được biến hiện bởi tâm tánh. Nói theo tự tánh, có vãng sanh hay không? Chúng tôi nêu một thí dụ. Chúng ta ví giảng đường này như phạm vi của tự tánh; nay quý vị đi từ cái bàn này sang cái bàn khác, tôi hỏi quý vị nhé: Quý vị có vãng sanh hay không? Chẳng rời khỏi tự tánh! Đấy là ý nghĩa [của đoạn kinh văn] này. Do đó, phải hiểu: Vạn pháp duy tâm, vạn pháp duy thức. Kinh Đại Thừa thường nói: *"Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, đó là dạy chúng ta chân tướng sự thật.

Do vậy, người thật sự kiến tánh, người thật sự giác ngộ, sẽ chẳng có quan niệm tương đối. Tương đối là gì? Đây kia là tương đối. Thế giới Sa Bà là cõi này, cõi kia là thế giới Cực Lạc. Đây kia là hai pháp, hai

pháp chẳng phải là Phật pháp. Vì sao chẳng phải là Phật pháp? Phật pháp là pháp triệt để giác ngộ, hiểu rõ; "chẳng phải là Phật pháp" tức là quý vị còn chưa hiểu rõ, còn chưa giác ngộ, vẫn là pháp mê hoặc, điên đảo. Chỉ trong mê hoặc, điên đảo mới có hai, ba. Thật sự giác ngộ, quyết định chẳng rớt vào hai, ba. Pháp giới là Nhất Chân, tâm tánh như một, đó là chân tướng sự thật. Sau khi đã minh tâm kiến tánh, há còn có đây kia? Chẳng có quan niệm đây kia, chẳng phân biệt, chấp trước có thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc.

Chúng ta hỏi: Những vị minh tâm kiến tánh có còn vãng sanh hay không? Vẫn vãng sanh! Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện vãng sanh; vì thế mới nói: *"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi"*. Giống như quý vị ở trong giảng đường này, từ cái bàn này sang cái bàn kia, quý vị đến nơi đó, diệt từ nơi đây, sanh từ nơi đó. Sanh thì quyết định sanh; đi thì thật sự chẳng đi. [Bởi lẽ], quý vị chẳng rời khỏi căn phòng này, vẫn ở nơi đây! Đừng nói là thế giới Cực Lạc và mười vạn ức cõi Phật chẳng rời khỏi tâm tánh, tận hư không khắp pháp giới cũng chẳng rời khỏi tự tánh! Vì lẽ này, Thiền Tông mới nói *"nếu ai hiểu cái tâm, đại địa không tấc đất"*. *"Tấc đất"* là gì? Là phân biệt, chấp trước của quý vị. *"Không có tấc đất"* là chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước, nói lên ý nghĩa này, chẳng phải là nói một tấc đất trọn chẳng có!

Chớ nên hiểu lầm chỗ này, chớ nên nhìn bề ngoài của văn tự. *"Tắc phi sanh bỉ quốc, nãi sanh thử quốc"* (Tức là chẳng sanh về cõi kia, mà là sanh trong cõi này). Tu tập cả buổi, chúng ta vẫn chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn ở trong thế giới Sa Bà; [hiểu kiểu] này sẽ sanh ra hiểu lầm rất lớn, khiến cho tín tâm đối với chuyện vãng sanh bị dao động, trở thành lỗi lầm to tát. Câu này được chú giải dưới đây [như sau]:

(Diễn) "Bất ly đương xứ" giả, cổ vân: "Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến".

(演)不離當處者，古云：不離當處常湛然，覓即知君不可見。

*(**Diễn**: "Chẳng lìa đương xứ": Cổ nhân nói: 'Chẳng lìa đương xứ thường tĩnh lặng, tìm tòi liền biết chẳng thể thấy').*

Câu này rất khó hiểu. Vì sao khó hiểu? Điều này thật sự là Phật tri Phật kiến. Kinh Bát Nhã nói *"Thật Tướng của các pháp"*, tức là chân

tướng của hết thảy các pháp. Chân tướng là gì? Những câu kinh hình dung chân tướng rất nhiều. Chẳng hạn như Tâm Kinh nói: *"Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc"*, hình dung chân tướng. Đó chính là *"bất ly đương xứ thường trạm nhiên"*, cách nói khác nhau, nhưng ý nghĩa y hệt, cảnh giới như nhau. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"* (Sanh ra ở chỗ nào, diệt tận ngay chỗ đó) cũng là ý nghĩa này. Lại nói *"đương thể tức không"* (ngay nơi bản thể chính là Không), vẫn là ý nghĩa này. Kinh Kim Cang nói: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, *"hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, cũng là ý nghĩa này. Quý vị tham cứu thấu suốt, [sẽ thấy] xác thực là đương xứ thường tĩnh lặng. Phật ở chỗ nào? Ở chính ngay nơi đây. Thế giới Cực Lạc ở chỗ nào? Cũng chính là ngay nơi đây. Thế giới Hoa Tạng ở đâu? Cũng chính là ở ngay nơi đây. Tiếp đó nói: *"Mịch tức tri quân bất khả kiến"*, [nghĩa là] nếu quý vị muốn tìm kiếm, chắc chắn sẽ tìm chẳng thấy, vì sao? Tìm kiếm tức là quý vị khởi tâm động niệm! Đó gọi là *"mở miệng liền trật, động niệm liền sai"*. Quý vị khởi tâm động niệm, đến nơi đâu để tìm? Khởi tâm động niệm tức là quý vị đã biến chân tâm thành vọng tâm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là chân tâm. Do chân tâm bèn thấy cảnh giới chân thật, vọng tâm bèn thấy vọng cảnh, chẳng phải là cảnh giới chân thật. Vì lẽ đó, nói thật thà, Phật pháp chẳng thể xen tạp mảy may vọng!

Người bình phàm tu hành thật sự dụng công, đến một giai đoạn nào đó, sẽ xuất hiện vấn đề, nẩy sanh phiền phức, vấn đề mắc mứu ở chỗ nào? Nói thật thà, vẫn là do vọng tâm, chấp trước. Trước kia, khi chưa học Phật, chấp trước hết thảy các pháp là thật sự có; nay đã học Phật, vạn pháp đều không, thảy đều buông bỏ, dường như chính mình rất tự tại! Tự tại một hồi, bỗng nhiên cảm thấy lại chẳng tự tại nữa, vấn đề lại xuất hiện! Thật ra, người ấy thật sự chẳng tự tại. Vì sao? Người ấy lại chấp trước Không, lại chấp trước có tự tại, luôn luôn là phân biệt, chấp trước! Đối với tự tại, cũng chớ nên chấp trước. Hễ động một niệm, có một chấp trước, đấy là cái gốc bệnh, trọn chẳng trừ khử gốc bệnh! Chúng ta phải hiểu: Đó là cội nguồn của sai lầm. Vì vậy, học Phật thì phải dùng cái tâm bình thường để học, phải gìn giữ sự bình thường. Nói thật ra, tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra rất hay: *"Thanh tịnh, bình đẳng"*. Trong tâm khởi niệm là cuộn sóng, là chẳng thanh tịnh, là bất bình đẳng. Kẻ ấy có vọng niệm, một niệm là một nhiễm ô, là chẳng thanh tịnh, là bất bình

đẳng. Đạt đến "thanh tịnh, bình đẳng" là một niệm chẳng sanh. Nói thật thà, một niệm chẳng sanh cũng là nhiễm ô, cũng là bất bình đẳng, vì sao? Người ấy có *"một niệm chẳng sanh"*, cũng là phiền phức! Tôi chỉ nói tới đây, quý vị hãy thấu hiểu cặn kẽ: Hễ có "một niệm chẳng sanh" thì cũng không được. [Nếu cảm thấy] "nay ta rất thanh tịnh", thôi rồi, quý vị chấp trước thanh tịnh, vướng mắc nơi thanh tịnh, sự thanh tịnh ấy chính là chẳng thanh tịnh, cũng không được!

Trong pháp Đại Thừa thường nêu tỏ đạo lý này. Các vị xem Lục Tổ Đàn Kinh, sẽ thấy thiền sư Ngọa Luân rơi vào đó, ngay lập tức Lục Tổ cứu Sư ra. Thiền sư Ngọa Luân nói: *"Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng, năng đoạn bách tư tưởng"* (Ngọa Luân có tài khéo, đoạn được trăm tư tưởng). Có thể đoạn là gì? Sư chấp trước, hãy còn có cái để có thể đoạn, còn có cái bị đoạn. Đấy là đã không thanh tịnh, bất bình đẳng. Huệ Năng đại sư nói ngược lại: *"Huệ Năng một kỹ lưỡng, bất đoạn bách tư tưởng"* (Huệ Năng không tài khéo, chẳng đoạn trăm tư tưởng). Bài kệ này cứu thiền sư Ngọa Luân. Sư mắc bệnh ấy, Tổ dùng bài kệ này để cứu Sư, [sư Ngọa Luân đã phạm] sai lầm. Nếu chẳng nói tới Ngọa Luân, chỉ nói tới ngài Huệ Năng thì Huệ Năng lại sai mất rồi. Đúng là *"mở miệng liền trật, động niệm liền sai"*. Đó gọi là *"mịch tức tri quân bất khả kiến"* (tìm tòi liền biết chẳng thể thấy được). Vì vậy, chớ nên khởi tâm động niệm. Trong hết thảy vạn pháp, chẳng khởi tâm, không động niệm, mắt thấy rành mạch, tai nghe rành mạch. Trong ấy, chẳng có phân biệt, chấp trước; đó là cảnh giới Hiện Lượng. Tánh Thấy bèn thấy sắc tánh, tánh Nghe bèn nghe thanh tánh, đó chính là minh tâm kiến tánh. Vừa động niệm bèn khiến tâm trở thành thức, biến cảnh giới thành sáu trần, sự chuyển biến ấy quá nhanh chóng, chẳng biết mau hơn tốc độ của ánh chớp bao nhiêu lần! Quý vị biến chân cảnh thành vọng cảnh, biến nhất tâm thành vọng thức, đó là tạo nghiệp.

(Diễn) Hựu vân: "Âu sanh âu diệt vô phi thủy, vân lai vân khứ bất ly không".

(演)又云：漚生漚滅無非水，雲來雲去不離空。

*(**Diễn**: Lại nói: "Bọt nước sanh diệt vẫn là nước, mây trôi qua lại chẳng lìa trời").*

Hai câu này đều là tỷ dụ. Âu (漚) là bọt nước. Trong một ao nước, bọt nước sanh khởi hoặc diệt mất. Bọt nước sanh ra thì nó vẫn là nước.

Diệt mất, cũng vẫn là nước, chẳng hề rời khỏi [nước]! Sanh và diệt là một, không hai. *"Vân lai, vân khứ"* (Mây trôi qua lại), chẳng rời khỏi hư không. Cõi này và Tây Phương chẳng lìa khỏi bản thể, chẳng lìa rời tâm tánh.

(Diễn) Nhược năng liễu thử, tắc sanh bỉ quốc giả, phi sanh bỉ quốc, sanh thử tự tánh An Lạc quốc dã.

(演)若能了此，則生彼國者，非生彼國，生此自性安樂國也。

*(**Diễn**: Nếu có thể hiểu điều này thì sanh về cõi kia chẳng phải là sanh trong cõi nước ấy, mà là sanh trong cõi An Lạc nơi tự tánh).*

Câu nói này là lời thật, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh biến hiện, chẳng phải là sanh về Tây Phương Tịnh Độ của ai khác, mà là sanh vào Tịnh Độ trong tự tánh. Nghe nói tới Tịnh Độ trong tự tánh, cũng có lẽ lại hoài nghi, rốt cuộc là Tây Phương có Tịnh Độ hay không? Tự tánh Di Đà, vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có Phật Di Đà hay không? Chúng ta có còn nên lễ Tây Phương A Di Đà Phật hay không? Có vẫn nên cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Xưa kia, lão pháp sư Đàm Hư có một người học trò nghe Đàm lão pháp sư giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*. Ông ta nghe xong, ngủ chẳng được, suy nghĩ mấy ngày rồi đến hỏi lão hòa thượng: "Đã đều là tự tánh, chúng ta có cần phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ nữa hay không?" Lão hòa thượng trả lời rất tuyệt, hỏi ngược lại ông ta: "Biên giới giữa tự tánh Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ là ở chỗ nào?" Ông ta nghe xong, nghĩ ngợi cả buổi, thưa: "Chẳng tìm thấy biên giới". Tìm chẳng thấy biên giới, không phải là như một ư? Những chỗ giống như vậy dễ nẩy sanh hiểu lầm nhất. Vì thế, đoạn này chẳng dễ nói. Nếu nói ra, sẽ khiến cho quý vị nẩy sanh hiểu lầm, ngay cả Tịnh Độ cũng không tin tưởng.

(Sao) Tuy vân thập vạn ức trình.

(鈔)雖云十萬億程。

*(**Sao**: Tuy nói là đường xa mười vạn ức [cõi nước]).*

Nói đến khoảng cách giữa thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc là mười vạn ức cõi Phật, nên bảo là *"thập vạn ức trình"*.

(Sao) Hà tằng chỉ xích động bộ, cố vị bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương dã.

(鈔)何曾咫尺動步，故謂不勞彈指到西方也。

*(**Sao**: Chưa từng cất bước trong gang tấc, nên nói là "chưa nhọc sức trong một cái khảy ngón tay đã đến Tây Phương").*

Có những kẻ chẳng mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại còn khuyên kẻ khác chớ nên cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao? Thế giới Tây Phương rất xa, mười vạn ức cõi Phật, khi nào mới có thể đến được? Họ khuyên quý vị cầu sanh Tịnh Độ của ngài Di Lặc. Tịnh Độ của ngài Di Lặc gần gũi, ở ngay trong tầng trời thứ tư của Dục Giới, lại còn chê bai quý vị "bỏ gần cầu xa, ngu si quá!" Họ nói chẳng sai! Vì sao chẳng sai? Có xa gần, xa gần là hai pháp, họ rớt vào hai pháp. Chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chẳng có xa hay gần. Chẳng có xa hay gần thì là pháp bất nhị, cõi này và phương khác là một, chẳng hai! Vì vậy, *"hà tằng chỉ xích động bộ"* (chưa từng cất bước trong gang tấc). *"Chỉ"* (咫)[86] là gần, nói cách khác, quý vị còn chưa giở một bước chân, trong khoảng một cái khảy ngón tay đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao? Chuyển biến cảnh giới, lập tức đến đó. Nếu chẳng phải là tự tánh diệu dụng không ngằn mé, làm sao có thể đến đó trong một niệm cho được?

Không chỉ là trong một niệm có thể đến Tây Phương, mà là một niệm trọn khắp pháp giới! Người biết sự thật này rất ít. Nếu một niệm chẳng thể trọn khắp pháp giới, Phật, Bồ Tát trong khắp pháp giới làm sao có thể biết khởi tâm động niệm của chúng ta? Có thể thấy là một niệm của chúng ta giống như làn sóng điện, ngay lập tức truyền khắp pháp giới. Vì vậy, Phật, Bồ Tát ở bất cứ góc nào trong pháp giới đều tiếp nhận làn sóng điện ấy, đều biết. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Kinh Vô Lượng Thọ cho biết người trong cõi ấy (cõi Cực Lạc), tất cả mọi người, chẳng có một ai là ngoại lệ, hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới khởi tâm động niệm, họ đều biết. Quý vị hỏi vì sao họ biết ư? Do mỗi tâm niệm của chúng ta đều trọn khắp pháp giới, giống như làn sóng điện trọn khắp pháp giới. Họ khởi tâm động niệm cũng trọn khắp pháp giới, nay chúng ta chẳng biết,

---

[86] Chỉ (咫) là một thước đời Châu, dài tám tấc, trong khi Xích (尺) cũng là một thước (gồm mười tấc, chừng bằng 33cm hiện thời); do đó, *"chỉ xích"* có nghĩa là khoảng cách rất nhỏ, rất gần.

là vì bộ máy tiếp nhận của chúng ta bị trục trặc, chẳng nhanh nhạy. Trục trặc là gì? Trục trặc là ô nhiễm, đức Phật gọi [sự ô nhiễm ấy] là vọng tưởng, chấp trước. Do chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, nên lục căn mới nẩy sanh trục trặc. Chỗ hơi xa một chút bèn chẳng biết, chẳng thâu nhận được. Chỗ gần cũng chẳng thâu nhận được! Quý vị ngồi ngay trước mặt tôi, trong tâm quý vị nghĩ điều gì, tôi đều không biết, bị trục trặc quá nghiêm trọng! Trừ khử vọng tưởng, chấp trước, sẽ chẳng còn trục trặc nữa, năng lực liền khôi phục, bất cứ chuyện nhỏ nhặt nào trong mười phương thế giới chúng ta đều biết rành mạch, rõ ràng.

(Sao) Như kỳ Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, tắc thị cùng tử lữ bạc tha hương, ưng quy cố lý.

(鈔)如其真如不守自性，五道隨緣，則是窮子旅泊他鄉，應歸故里。

*(**Sao**: Nếu Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường, sẽ là đứa con nghèo túng phiêu bạt quê người, hãy nên quay về quê cũ).*

Chẳng thể không có mấy câu này. Nếu chẳng có những câu này, đoạn khai thị này của Liên Trì đại sư sẽ có khuyết điểm. Hai câu trước nói về chân tướng sự thật, là cảnh giới của bậc giác ngộ. Tuy nói với chúng ta, chúng ta chưa ngộ, người chưa ngộ thì như thế nào? Người chưa ngộ thì phải thật thà niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương. Nay chúng ta tuy hiểu một tí đạo lý, nhưng phải hiểu bất quá chỉ là một chút tri giải mà thôi, chứ công phu lẫn địa vị đều chưa đạt tới, đúng như thế đó! Vì vậy, quyết định chớ nên có tâm ngạo mạn chút nào! *"Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh"* chính là mê hoặc, điên đảo, cũng là *"một niệm bất giác"* như Khởi Tín Luận đã nói. Một niệm bất giác là Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh.

(Diễn) Như kỳ hạ kết khuyến.

(演)如其下結勸。

*(**Diễn**: Từ chữ "như kỳ" trở đi là phần tổng kết lời khuyên).*

Đoạn văn từ câu *"như kỳ Chân Như bất thủ tự tánh"* trở đi là phần kết khuyến.

(Diễn) Nhược quả năng liễu tri bản thể bất ly đương xứ, tắc cao sơn bình địa tổng Tây Phương, hà tu nguyện sanh bỉ quốc? Như cổ vân: "Chánh niệm A Di Đà Phật thời, bảo trì, thụ ảnh nhật trì trì. Cánh trì tâm niệm sanh Tây độ, hựu thị trùng tài nhãn thượng my", thị dã.

(演)若果能了知本體不離當處，則高山平地總西方，何須願生彼國。如古云：正念阿彌陀佛時，寶池樹影日遲遲，更馳心念生西土，又是重栽眼上眉，是也。

*(**Diễn**: Nếu thật sự có thể biết bản thể chẳng lìa đương xứ, ắt núi cao hay đất bằng đều là Tây Phương, cần gì phải nguyện sanh về cõi ấy? Như cổ nhân nói: "Ngay trong khi niệm A Di Đà Phật, ao báu, bóng cây ngày ngày cảm nhận. Tâm niệm cứ khăng khăng sanh về cõi trời Tây, chính là trên mắt gắn thêm đôi mày", chính là ý này vậy).*

Những câu này nói về bậc thật sự minh tâm kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh mà cũng làm theo cách giống như bọn sơ học chúng ta thì gọi là *"trên đầu chồng thêm cái đầu"*. Đoạn này có ý nghĩa như vậy. Nhưng người minh tâm kiến tánh, những vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm vẫn phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng phải là *"trên mắt gắn thêm đôi mày"* ư? Có phải là trên đầu chồng thêm một cái đầu nữa, vẽ rắn thêm chân ư? Đó là đa sự! Có phải là đa sự hay không? Chẳng phải! Các Ngài đại từ đại bi, nêu gương cho kẻ chưa giác ngộ. Người thật sự giác ngộ cần gì lại đến thị hiện trong thế gian? Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, có ý nghĩa gì? Huống hồ lại chẳng ngừng thị hiện? Trong kinh Phạm Võng, lão nhân gia nói Ngài thị hiện thành Phật trong thế giới Sa Bà lần này là lần thứ tám ngàn, đến thị hiện trùng lặp như vậy nhằm ý nghĩa gì? Có phải là quá thừa thãi hay chăng? Chẳng phải, [Ngài đến thị hiện] nhằm tiếp dẫn chúng sanh, khơi gợi, phát khởi chúng sanh. Chính Ngài có làm hay không? Bản thân Ngài thật sự chẳng làm! Chúng ta phải hiểu điều này; đấy mới là chân tướng thật sự. Phật, Bồ Tát không làm mà làm, làm mà không làm, các Ngài đến biểu diễn cho chúng ta thấy. Tây Phương thế giới là do Phật, Bồ Tát biểu diễn, lẽ nào thế giới Hoa Tạng lại chẳng phải là biểu diễn? Thảy đều là biểu diễn. Do đó, sau khi đã ngộ, trong tâm chẳng còn có phân biệt, chấp trước nữa. Lìa phân biệt, chấp trước, há còn có cõi này và phương khác ư? Cõi này và phương khác là do phân biệt, chấp trước nên mới có. Ở đây nói *"cao sơn bình địa tổng thị*

Tây Phương" (núi cao hay đất bằng đều là Tây Phương) chính là đạo lý này. Thật sự chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, cảnh giới là thanh tịnh, bình đẳng như một, nói lên ý nghĩa này, tức là Tịnh Độ trong tự tánh hiện tiền. Tự tánh Tịnh Độ đã hiện tiền, vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đó là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh.

(Diễn) Như kỳ Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên.

(演)如其真如不守自性，五道隨緣。

*(**Diễn**: Nếu Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường).*

Nói đơn giản, *"bất thủ tự tánh"* là chẳng khai ngộ, chẳng kiến tánh. Thưa cùng chư vị, giải ngộ chẳng sử dụng được! Giải ngộ là ta liễu giải những điều này rất rõ ràng, rành rẽ, và cũng có thể nói đến nỗi hoa trời rơi tán loạn, pháp nào cũng là đạo. Tuy hiểu rõ đạo lý, nhưng phiền não chẳng đoạn, tình chấp chẳng quên, chẳng phải là thật sự đoạn. Đối với tín giải hành chứng, ta chỉ làm được giải, chẳng có hành, hành là gì? Hành là thật sự đoạn phiền não; hành là thật sự tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Ta chẳng vận dụng công phu này, sẽ chẳng thể đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, do thiếu hành! Chẳng có hành, lấy đâu ra chứng? Nói cách khác, dẫu quý vị hiểu nhiều đến mấy, vẫn là lục đạo phàm phu, quyết định chẳng thoát khỏi tam giới, chính mình phải hiểu rõ điều này. Ngàn vạn phần đừng nghĩ chính mình hiểu kinh giáo đôi chút, biết nói này nọ, [bèn vênh váo]: "Ta là Bồ Tát tái lai", "ta là vị La Hán nào đó tái lai", đáng kinh sợ quá! Sẽ tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Không chỉ là chúng ta chẳng thể tự nói về bản thân [như vậy], mà đối với các vị tổ sư đại đức cũng chớ nên ca tụng quá lố! Ca tụng quá lố, sẽ như pháp sư Ấn Quang đã nói: *"Không phải là tô son trát phấn cho người ta, mà là đặt một đống phân lớn lên đầu họ!"* Nhất là trong thời đại hiện tại, dẫu là Bồ Tát tái lai, quý vị cũng chẳng cần phải nói các Ngài là Bồ Tát tái lai. Vì sao? Vì kẻ giả mạo Phật, Bồ Tát trong thế gian này đông quá. Bồ Tát thật sự tái lai, quý vị nói ra, [kẻ khác sẽ dè bỉu]: "Gã ấy vẫn là mạo nhận y chang", chẳng có ai tin tưởng! Sao lại khiến cho kẻ khác tạo nghiệp? Phàm phu là phàm phu, giống như diễn tuồng, ở trên sân khấu [được giao] diễn vai gì bèn diễn vai đó, chẳng cần quan tâm phía sau sân khấu [thân phận thật sự của] họ là như thế nào! Đó là dùng Sự để luận

Sự, đấy là đúng. Như vậy thì sẽ giảm thiểu khuyết điểm đến mức thấp nhất.

Mê hoặc, điên đảo, bèn *"ngũ đạo tùy duyên"*. Ngũ đạo là lục đạo. Nói *"ngũ đạo"* tức là chẳng nói tới A Tu La, A Tu La ở trong đường nào bèn tính gộp vào đường ấy. Nói thông thường thì là *"lục đạo"*, tức là cũng coi các vị A Tu La trong cõi trời là một đạo. Nói *"ngũ đạo"* là đem A Tu La trong cõi trời gộp vào trong chư thiên. Thiên, nhân, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là ngũ đạo, cũng là lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi rất đáng thương!

(Diễn) Tắc thị cùng tử xả phụ đào thệ, lưu lạc tha hương.

(演)則是窮子捨父逃逝，流落他鄉。

*(**Diễn**: Tức là đứa con nghèo túng bỏ cha trốn đi, lưu lạc chốn quê người).*

Hai câu tỷ dụ này xuất phát từ kinh Pháp Hoa. *"Phụ"* (cha) là sánh ví Chân Như tự tánh. Nay quý vị mê mất tự tánh, giống như đứa bé mê mất gia đình, chạy ra ngoài. Nếu mong được an ổn, bình an, vẫn là ngay lập tức ngoan ngoãn trở về nhà, phải tìm đường trở về nhà! Do đã mê mất tự tánh, nên lưu chuyển trong lục đạo. Chỉ có một phương pháp thì quý vị mới có thể trở về tự tánh, phương pháp gì vậy? Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) Tắc ưng yếm thử ngũ trược, hân bỉ Tây Phương, phát nguyện vãng sanh bất khả hoãn dã.

(演)則應厭此五濁，欣彼西方，發願往生不可緩也。

*(**Diễn**: Tức là hãy nên chán cõi năm trược này, yêu thích cõi Tây Phương kia, phát nguyện vãng sanh, chớ nên trì hoãn!)*

Lại chẳng thể trì hoãn. Trì hoãn lần này, lần sau lại gặp gỡ cơ duyên này, chẳng biết là đời nào, kiếp nào? Chuyện này rất đáng sợ! Lời khuyên cuối cùng của đại sư hay lắm, những câu kết lại lời khuyên đều là nói về trạng huống của chúng ta trong hiện thời, chúng ta hãy nên thấu hiểu thâm ý chỉ dạy của Liên Trì đại sư. *"Ưng quy cố lý"* (Hãy nên về quê cũ), "quê cũ" là nói tới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nhị, xuất kỳ sở dĩ.

二出其所以。

(Hai, là nêu nguyên do).

Nêu rõ vì sao chúng ta phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy chúng ta mê hoặc, điên đảo, nhưng các thế giới của chư Phật trong mười phương rất nhiều, vì sao không cầu sanh về các Tịnh Độ khác của chư Phật, cứ khăng khăng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, do lý do nào? Có thể thấy tầm trọng yếu của đoạn văn này. Đoạn văn này nhằm trả lời nghi vấn ấy!

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

(經)所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

*(**Kinh**: Vì cớ sao vậy? Được cùng với những vị thượng thiện nhân như vậy ở cùng một chỗ).*

Đạo lý ở chỗ này. Ngay cả Văn Thù, Phổ Hiền, quý vị hỏi các Ngài vì sao muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là do lý do này. Các cõi Phật ở phương khác tốt đẹp, nhưng chẳng có bậc thượng thiện nhân đông đảo ngần ấy! *"Thượng thiện"* là gì? Đẳng Giác Bồ Tát. Trong các cõi Phật ở những thế giới phương khác, Đẳng Giác Bồ Tát quá ít, hiếm hoi! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đẳng Giác Bồ Tát quá đông, khắp mọi nơi đều có. Ở chung với những vị ấy, chúng ta mới có thể chẳng bị thoái chuyển, mới có thể tiến bộ. Đó là hoàn cảnh tu học tốt nhất, đạo lý là như thế đó.

(Sớ) Thử nhiếp tiền trưng khởi, hà cố giáo nhân phát nguyện sanh bỉ, dĩ bỉ quốc thị chư thượng thiện nhân đồng hội chi xứ, đắc sanh bỉ quốc, tắc nhập như thị thắng hội. Cố đương cầu sanh.

(疏)此躡前徵起，何故教人發願生彼，以彼國是諸上善人同會之處，得生彼國，則入如是勝會，故當求生。

*(**Sớ**: Đoạn này thâu nhiếp ý trong phần trước để gạn hỏi: Vì sao dạy người khác phát nguyện sanh về cõi ấy? Ấy là vì cõi ấy là nơi các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội. Được sanh về cõi ấy, sẽ dự vào hội thù thắng như vậy. Vì thế, hãy nên cầu sanh).*

Nêu bày trọn hết đạo lý này cho chúng ta. Trong sách Diễn Nghĩa

có chú giải. Trong lời chú giải có một câu quan trọng nhất, tức là chúng ta sẽ dự vào hội của các vị thượng thiện nhân. Chúng ta sẽ gia nhập làm hội viên của hội ấy, cùng tu một chỗ với các Ngài. Vì thế, câu cuối cùng này là câu quan trọng nhất.

(Diễn) Thượng nãi tường trần y chánh chủng chủng trang nghiêm.

(演)上乃詳陳依正種種莊嚴。

*(**Diễn**: Trên đây đã trình bày cặn kẽ các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo).*

Tiếp nối những ý về sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã nói trong các phần kinh văn trên đây.

(Diễn) Cố khuyến phát nguyện cầu sanh.

(演)故勸發願求生。

*(**Diễn**: Là để khuyên phát nguyện cầu vãng sanh).*

Khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) Kim xuất kỳ sở dĩ trung.

(演)今出其所以中。

*(**Diễn**: Nay nêu ra lý do).*

Trong phần trên khuyên chúng ta hãy vãng sanh; ở đây, nêu rõ nguyên nhân và đạo lý vãng sanh. Nếu quý vị hiểu rõ, [sẽ thấy] không thể chẳng vãng sanh! Tuy y báo và chánh báo trang nghiêm tốt đẹp, ta sống trong một cái chòi tranh nhỏ cũng yên tâm thoải mái, ta chẳng mong vãng sanh! Hạng người như vậy cũng rất nhiều! Quý vị có nhà cao cửa rộng sang trọng, đẹp đẽ, nguy nga, tráng lệ, nhường cho họ ở, họ chẳng muốn ở. "Quý vị cho tôi một căn nhà to, tôi không muốn ở. Vì sao? Quét dọn phiền toái quá, tôi chẳng muốn ở!" Vì thế, họ chẳng thể động tâm. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, y báo và chánh báo trang nghiêm, cung điện bảy báu, có rất nhiều người thấy vậy mà chẳng động tâm, vẫn chẳng muốn đến đó. Nay thấy điều này: Các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội một chỗ, không thể nào chẳng đi!

(Diễn) Đản vân đắc dữ chư thượng thiện nhân, đồng hội nhất xứ, bất ngôn đắc thọ chủng chủng diệu lạc, duy cử chánh nhi bất cập y giả, dĩ lạc sự phi trân, thiện hữu vi trân.

(演)但云得與諸上善人，同會一處，不言得受種種妙樂，唯舉正而不及依者，以樂事非珍，善友為珍。

*(**Diễn**: Chỉ nói "được ở cùng một chỗ với các vị chư thượng thiện nhân", chẳng nói "được hưởng các thứ vui sướng nhiệm mầu", chỉ nêu chánh báo mà chẳng nhắc tới y báo, vì chuyện vui chẳng quý báu, bạn lành mới là quý báu).*

Tôi vừa mới nói, tuy sung sướng, nhưng có rất nhiều người vẫn không mong muốn: "Nói tới chuyện hưởng thụ, tôi thấy chẳng có gì là hay ho, hoàn toàn chẳng thích thú!" Trân bảo, chuyện vui thú hoàn toàn chẳng phải là ai cũng đều coi trọng. *"Trân"* (珍) là coi rất trọng! Có rất nhiều người chẳng để vào mắt, *"thiện hữu vi trân"* (bạn lành là quý báu), thật vậy! Một người sống trong thế gian, nói thật thà, trong một đời có thể gặp một tri kỷ, tri tâm, chẳng sống uổng phí một đời này! Suốt một đời chẳng có kẻ tri giao, đã sống uổng đời này, đúng như vậy đó! Có thể thấy bạn lành trân quý, chẳng giả tí nào, chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu. Tiếp đó, dẫn một câu chuyện từ cổ thư:

(Diễn) Đại Học vân: "Sở quốc vô dĩ vi bảo, thế nhân thượng bất bảo châu ngọc, nhi bảo thiện nhân". Hà huống xuất thế chi giáo, cố cử chánh nhi bất cập y dã.

(演)大學云：楚國無以為寶，世人尚不寶珠玉，而寶善人，何況出世之教，故舉正而不及依也。

*(**Diễn**: Sách Đại Học chép: "Nước Sở chẳng coi thứ gì là quý báu, người đời chẳng quý trọng châu ngọc, mà quý trọng người lành". Huống hồ giáo pháp xuất thế gian? Vì thế, chỉ nói tới chánh báo, chẳng nhắc tới y báo).*

Người thật sự có đạo đức, có học vấn trong thế gian rất hờ hững đối với những thứ trân bảo trong cõi đời, trọn chẳng có tâm tham luyến, trông thấy mà chẳng động lòng. Quý vị kể với họ Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy, [họ sẽ bảo] "tôi chẳng mong hưởng thụ", chẳng để những thứ ấy vào mắt! Nhưng nói đến thiện nhân, họ liền hoan

hỷ, do coi trọng bậc thiện nhân. Pháp thế gian còn như thế, huống hồ pháp xuất thế! Vì lẽ đó, khuyên lơn ở chỗ này, dùng chuyện "thiện nhân đông đảo" để khuyến khích chúng ta, chẳng nói tới những điều khác. Y báo và chánh báo trang nghiêm như đã nói trong phần trước khiến kẻ tham cầu hưởng thụ động lòng: "Tốt đẹp dường ấy, chúng ta đi ngay lập tức!" Người đức hạnh cao, tâm địa thanh tịnh, chẳng tham cầu trân bảo, nói những chuyện trên đây, họ chẳng động tâm. Nói *"chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"*, họ động tâm, cũng muốn cầu sanh thế giới Tây Phương. Đấy là mới thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn thâu nhiếp hoàn toàn, thảy đều khuyên bảo.

(Sao) Trưng hữu nhị nghĩa.

(鈔)徵有二義。

*(**Sao**: Gạn hỏi là vì có hai ý nghĩa).*

"Trưng" (徵) là gạn hỏi. *"Sở dĩ giả hà"* là câu hỏi, [ý nói] vì sao phải khuyên quý vị vãng sanh. Trong lời nghi vấn ấy có hai ý nghĩa:

(Sao) Nhất giả, Sa Bà diệc thị Phật bang, hà tất viễn ly cố quốc?

(鈔)一者娑婆亦是佛邦，何必遠離故國。

*(**Sao**: Một là Sa Bà cũng là cõi Phật, cớ gì cứ phải xa lìa nước cũ?)*

Thế giới Sa Bà là Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, nội viện của Di Lặc Bồ Tát cách chúng ta không xa. Vì sao chẳng cầu sanh trong nước mình mà qua thế giới Cực Lạc? Đây là một nghi vấn.

(Sao) Nhị giả, thập phương vô tận Phật sát, nhược vị thiên hướng Tây Phương? Cố trưng kỳ diêu.

(鈔)二者十方無盡佛剎，若為偏向西方？故徵其繇。

*(**Sao**: Hai là mười phương cõi Phật vô tận. Vì sao thiên trọng Tây Phương? Vì thế, gạn hỏi nguyên do).*

Các Tịnh Độ khác trong mười phương thế giới vô lượng vô biên, vì sao không cầu sanh trong thế giới của Đông Phương Dược Sư Phật? Vì sao cứ phải nhất định cầu sanh về Tây Phương? Dưới đây, đại sư giải đáp hai nghi vấn ấy.

(Sao) Kim dung nhi đáp chi, phục hữu tam nghĩa.

(鈔)今融而答之，復有三義。

*(**Sao**: Nay dung hội để đáp thì lại có ba nghĩa).*

Dung hợp hai vấn đề ấy để giải thích. Trong lời giải thích, có ba ý nghĩa.

(Sao) Nhất giả, hoặc hữu quốc độ, nhân, súc, quỷ, ngục chi sở cộng cư, vị tất giai nhân cố.

(鈔)一者，或有國土，人畜鬼獄之所共居，未必皆人故。

*(**Sao**: Một là hoặc có những cõi nước là nơi người, súc sanh, quỷ, địa ngục cùng ở, chưa chắc đã đều là người).*

Giống như thế giới Sa Bà, lục đạo chúng sanh sống xen tạp trong ấy, luân chuyển trong lục đạo khổ khôn kể xiết, quý vị ưa thích thế giới này hay chăng? Đấy là sự thật.

(Sao) Nhị giả, hoặc hữu quốc độ, tuy thuần nhân sở cư, vị tất giai thiện cố.

(鈔)二者，或有國土，雖純人所居，未必皆善故。

*(**Sao**: Hai là cũng có quốc độ, tuy thuần là người cư trụ, nhưng chưa chắc đã đều là thiện nhân).*

Xác thực là có những cõi Phật toàn là loài người, chẳng có ba ác đạo, mà cũng chẳng có chư thiên, nhưng những người ấy chưa chắc đều là thiện nhân. Hiện nay, chúng ta sống trong xã hội này, chỗ nào cũng đều cảm thấy chẳng an toàn, nguyên nhân ở chỗ nào? Chưa chắc đều là người lành! Đến đâu cũng đều có cướp bóc, trộm cắp, có nguy cơ đối với sanh mạng và tài sản. Xã hội Trung Hoa có kẻ ác, mà xã hội ngoại quốc cũng có người ác. Hiện thời, đi xa, có đề phòng cũng chẳng đề phòng nổi! Mỗi lần chúng ta mất hành lý, mất giấy tờ, mất tiền bạc tại phi trường, ngày nào chẳng có? Hằng ngày đều có, mỗi ngày chẳng biết đã trông thấy bao nhiêu lần! Chưa chắc đều là tốt lành, đó là một nguyên nhân.

(Sao) Tam giả, hoặc hữu quốc độ, tuy thuần thiện nhân sở cư, vị tất giai thượng thiện cố.

(鈔)三者，或有國土，雖純善人所居，未必皆上善故。

*(**Sao**: Ba là hoặc có quốc độ, tuy thuần là người lành cư trụ, nhưng chưa chắc đã đều là bậc thượng thiện).*

"Thượng thiện" là chẳng có ai cao hơn được. Thượng thiện là nói bậc Đẳng Giác Bồ Tát, không phải là nói kẻ tầm thường. Đến nơi nào để tìm thấy một thế giới toàn là bậc Đẳng Giác Bồ Tát nhóm họp? Chẳng tìm thấy! Chỉ riêng có Tây Phương Cực Lạc thế giới là câu lạc bộ của các vị Hậu Bổ Phật trong hết thảy các cõi Phật, các Ngài đều đến bên ấy. Nếu quý vị đến nơi ấy, Đẳng Giác Bồ Tát trong mười phương hết thảy các cõi Phật thảy đều gặp mặt. Di Lặc Bồ Tát trong thế giới này cũng chẳng phải là ngoại lệ, Ngài cũng ở bên đó.

(Sao) Kim viết chư thượng thiện nhân, tắc bất độc vi nhân trung chi thiện, diệc phục thiện trung chi thiện dã.

(鈔)今曰諸上善人，則不獨為人中之善，亦復善中之善也。

*(**Sao**: Nay nói "chư thượng thiện nhân" tức là không chỉ là người lành, mà còn là người lành nhất trong các người lành).*

Giảng rõ *"thượng thiện"* là gì? Thượng thiện là thiện nhất trong các thiện nhân.

(Sao) Như thượng sở liệt Thanh Văn, Bồ Tát, nãi chí Bổ Xứ.

(鈔)如上所列聲聞菩薩，乃至補處。

*(**Sao**: Những vị Thanh Văn, Bồ Tát, cho đến hàng Bổ Xứ như vừa liệt kê trên đây).*

Họ đều là bậc tu hành chứng quả, nên gọi là *"thượng thiện"*.

(Sao) Thử đẳng chư thượng thiện nhân, kim đắc vãng sanh, tức dữ câu hội nhất xứ.

(鈔)此等諸上善人，今得往生，即與俱會一處。

*(**Sao**: Đối với các bậc thượng thiện nhân như vậy, nay đã được vãng sanh bèn liền cùng tụ hội một chỗ với họ).*

Nay quý vị cũng là hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn ở chung với họ. Những lời tiếp theo đây là sự thật, chẳng phải là ca ngợi.

(Sao) Sở vị Quán Âm, Thế Chí, bả thủ cộng hành, Văn Thù, Phổ Hiền, thân vi thắng hữu.

(鈔)所謂觀音勢至，把手共行；文殊普賢，親為勝友。

*(**Sao**: Đó gọi là Quán Âm, Thế Chí nắm tay nhau cùng đi, Văn Thù, Phổ Hiền đích thân làm bạn thù thắng).*

Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay chúng ta thấy tượng đức Quán Âm bèn đảnh lễ Ngài, sang cõi kia, sẽ cùng Quán Âm Bồ Tát nắm tay cùng đi dạo. Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, chúng ta sang bên ấy, hạ hạ phẩm vãng sanh vẫn là người hay trời, người hay trời mà có thể cùng với Bồ Tát tay cầm tay cùng nhau đi dạo. Trong các thế giới khác, chẳng thể nào có được; chỉ riêng thế giới Tây Phương là có. Có muốn sanh về đó hay chăng? Chẳng thể nào không vãng sanh! Những vị Bồ Tát ấy có khá nhiều vị là cổ Phật tái lai, đều đã thành Phật từ lâu. Hằng ngày chúng ta có thể ở chung với các vị Bồ Tát tại một chỗ, hằng ngày cùng với những vị ấy như hình với bóng chẳng rời. Quý vị ngẫm xem: Lẽ nào quý vị có thể thoái chuyển cho được? Lẽ đâu quý vị chẳng thành Phật trong một đời? Dưới đây là nêu một tỷ dụ.

(Sao) Dụ như đăng Long, dự Doanh, thế sở hy cố.

(鈔)喻如登龍與瀛，世所希故。

*(**Sao**: Ví như lên Long Môn, dự vào Doanh Châu, hiếm có trong đời).*

Đây là hai câu chuyện.

(Diễn) Đăng Long giả, Đông Hán Lý Ưng.

(演)登龍者，東漢李膺。

*(**Diễn**: "Lên Long Môn" là nói tới Lý Ưng[87] thời Đông Hán).*

---

[87] Lý Ưng (không rõ năm sanh, mất năm 169), là người huyện Tương Thành, Dĩnh Xuyên, thuộc dòng dõi khoa bảng, cha từng làm đến chức Tướng Quốc nước Triệu. Sau khi thi đỗ Hiếu Liêm, Lý Ưng từng làm Thái Thú Thanh Châu, Ngư Dương,

Người này sống vào thời Đông Hán[88], là một vị ẩn sĩ, là người đọc sách.

(Diễn) Thượng khí tiết cô cao tuấn bạch, thiểu sở giao du.
(演)尚氣節孤高峻白，少所交游。
*(**Diễn**: Khí tiết cao thượng, không xu nịnh, thanh khiết, ít giao du).*

Có học vấn, có đạo đức, chẳng dễ dãi tiếp nhận kẻ khác, rất ít kết bạn với kẻ khác. Người có thể kết bạn với ông ta đều được người đời bội phục.

(Diễn) Nhân bị kỳ dung tiếp giả, dĩ vi đăng Long Môn vân.
(演)人被其容接者，以為登龍門云。
*(**Diễn**: Người được ông ta chấp nhận, coi như được lên Long Môn[89]).*

Thục Quận. Tính tình cương trực, khi làm phủ doãn Hà Nam, do phạt tội một tay có máu mặt ở Uyển Lăng là Dương Nguyên Quần, bị tố ngược, ông Lý bị phạt giáng chức, bị triều đình xử phạt nặng nề. May nhờ Tư Lệ Hiệu Úy Ưng Phụng biết chuyện, dâng sớ tấu trình nên Lý Ưng mới thoát tội. Khi em trai hoạn quan Trương Nhượng là Trương Sóc đang làm huyện lệnh Dã Vương cậy thế, tàn hại dân chúng, Lý Ưng bèn xử phạt thẳng tay, nên bị Trương Nhượng sàm tấu với Hán Hoàn Đế, bị bắt về kinh đô. Trước mặt vua, Lý Ưng biện luận hùng hồn, khiến cho Hán Hoàn Đế không cách nào kết tội được, phải bỏ qua. Năm Diên Thọ thứ chín (166), ông lại bị bè lũ hoạn quan vu cáo "báng bổ triều đình, kết bè đảng làm loạn", nên bị bắt giam vào ngục, liên lụy đến hơn hai trăm người. Về sau, nhờ Giả Bưu thuyết phục ngoại thích (họ hàng bên vợ của vua) là Đậu Vũ can gián, vua mới tha tội, nhưng Lý Ưng bị cách tuột hết các chức quan. Năm Kiến Ninh thứ hai (169), do Đậu Vũ và Trần Phiên mưu sự trừ diệt bè lũ hoạn quan lộng quyền. Bọn hoạn quan xúi vua Linh Đế bắt Đậu Vũ. Đậu Vũ giao chiến cùng quân hoàng gia, thất bại, tự tử, những người thân tín của Đậu Vũ như Lý Ưng, Đỗ Mật v.v… đều bị bắt giam, phán tội chết, liên lụy hơn sáu trăm người bị giam cầm.

[88] Đông Hán (25-220) là nhà Hán phục hưng sau khi nhà Tây Hán bị Vương Mãng cướp ngôi (lập ra nhà Tân). Do nhà Tây Hán đóng đô ở Trường An, còn Đông Hán đóng đô ở Lạc Dương, nên mới gọi như vậy. Nhà Đông Hán do hậu duệ của Hán Cảnh Đế là Lưu Tú nổi dậy lật đổ nhà Tân, tái lập nhà Hán, Sử gọi Lưu Tú là Hán Quang Vũ Đế. Vua cuối cùng của nhà Đông Hán là Hán Hiến Đế (Lưu Hiệp) được Đổng Trác đưa lên ngôi lúc mới tám tuổi. Trong suốt ba mươi hai năm làm vua, Hán Hiến Đế không có thực quyền, hoàn toàn bị quyền thần khống chế. Cuối cùng, Hán Hiến Đế bị Tào Phi (con trai Tào Tháo) cướp ngôi, lập ra nhà Ngụy.

Khó khăn ngần ấy, ông ta có thể coi trọng quý vị là chuyện chẳng dễ dàng. Nêu lên một thí dụ như thế đó.

(Diễn) Dự Doanh giả, Đường Thái Tông khai Hoằng Văn Quán.

(演)與瀛者，唐太宗開宏文館。

*(**Diễn**: "Dự vào Doanh Châu": Đường Thái Tông mở Hoằng Văn Quán).*

Đường Thái Tông mở Hoằng Văn Quán; đây là một sự nghiệp thuần túy văn học của Đường Thái Tông, giống như viện nghiên cứu trung ương trong hiện tại, hoặc giống như Hàn Lâm Viện trong đời sau, mời mọc văn nhân trong thiên hạ họp mặt.

(Diễn) Dĩ Đỗ Như Hối đẳng, thập bát nhân vi học sĩ.

(演)以杜如晦等，十八人為學士。

*(**Diễn**: Chọn mười tám người như ông Đỗ Như Hối[90] v.v… làm học sĩ).*

---

[89] Vào thời cổ, nơi Hoàng Hà có giống cá chép to, vảy vàng óng ánh, cứ mỗi độ Xuân về, chúng lũ lượt kéo nhau bơi ngược dòng, hợp nhau nhảy vượt qua ghềnh Long Môn, nhưng do nước chảy quá xiết, ít có con nào vượt nổi thác. Vì thế, cổ nhân đồn rằng con cá chép nào nhảy qua khỏi ghềnh Long Môn sẽ biến thành rồng. Tuy Trung Hoa có nhiều nơi mang tên Long Môn, nhưng các nhà khảo cứu cho rằng, Long Môn trong truyền thuyết này chính là Vũ Môn Khẩu, tức là ghềnh đá tương truyền do vua Đại Vũ trị thủy đã đục thủng bỏ lại. Ghềnh đá này nằm giữa huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây và huyện Hà Tân của tỉnh Sơn Tây.

[90] Đỗ Như Hối (585-630) là một mưu thần bậc nhất của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), được vua hết sức tin tưởng, trọng dụng. Ông Đỗ và Phòng Huyền Linh lắm mưu hay, kế lạ, nên người đương thời hay nói *"Phòng mưu Đỗ đoán"* (ông Phòng mưu tính, ông Đỗ tính toán). Khi các anh em Lý Thế Dân tranh chấp quyền hành, Thái Tử Lý Kiến Thành đã nói với Tề Vương Lý Nguyên Cát: "Trong phủ của Tần Vương Lý Thế Dân, đáng sợ nhất là Đỗ Như Hối và Phòng Huyền Linh". Ông Đỗ làm tham mưu đã vạch ra nhiều kế sách giúp Lý Thế Dân đánh bại các tướng lãnh quân phiệt thời đó như Lưu Vũ Châu, Vương Thế Sung, Đậu Kiến Đức v.v… Do có tài văn chương, ông được chọn đứng đầu trong số mười tám vị học sĩ của Hoằng Văn Quán, tức là Đỗ Như Hối, Phòng Huyền Linh, Vu Chí Ninh, Tô Thế Trường, Diêu Tư Liêm, Tiết Thâu, Chử Lượng, Lục Đức Minh, Khổng Dĩnh Đạt, Lý Huyền Đạo, Lý Thủ Tố, Ngu Thế Nam, Thái Doãn Cung, Nhan Tương Thời, Hứa Kính Tông, Tiết Nguyên Kính, Cái Văn Đạt, Tô Húc Trợ. Mười tám vị này không chỉ giỏi văn

Học sĩ của Hoằng Văn Quán.

(Diễn) Nhân tiện kỳ vinh, dĩ vi Doanh Châu chi tuyển.
(演)人羡其榮，以為瀛州之選。
*(**Diễn**: Người ta hâm mộ vinh dự ấy, coi như họ được tuyển vào Doanh Châu[91]).*

Đều khá khó khăn. Nay chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như thế tục nói là *"đăng Long Môn" "Doanh Châu chi tuyển"*! Được trúng tuyển, vinh dự ngần ấy, đó là *"thế sở hy cố"* (hiếm có trong cõi đời). Trong toàn thể hư không khắp pháp giới, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện hiếm có, thật vậy, chẳng giả! Người học Phật tuy nhiều, có mấy ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rất ít ỏi! Chẳng phải là A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân cõi Tây Phương nhất định muốn nâng cao thân phận của chính mình, chẳng phải vậy; bởi lẽ, các Ngài chẳng phải là hạng người như Lý Ưng hay Đường Thái Tông. A Di Đà Phật giang rộng hai tay hoan nghênh quý vị đến đó, nhưng chính quý vị chẳng đến thì còn có cách nào nữa đây? Chọn lựa là do chính chúng ta, chẳng do A Di Đà Phật. Quyền tuyển chọn dự vào Long Môn hay Doanh Châu chẳng do chúng ta, mà do người khác [quyết định], còn thế giới Tây Phương do bản thân chúng ta, chẳng do Phật, Bồ Tát, tùy thuộc bản thân chúng ta có muốn đến đó hay không!

(Sao) Thị dĩ đại sĩ cầu đăng liên lục, huống phục phàm phu.
(鈔)是以大士求登蓮錄，況復凡夫。

---

chương mà ai cũng là người có tài thao lược, có thể nói là những chiến lược gia và cố vấn đáng tin cậy nhất của Đường Thái Tông.

[91] Theo truyền thuyết, Doanh Châu là một ngọn núi nơi chư tiên ở. Thiên Thang Vấn sách Liệt Tử viết: *"Phía Đông Bột Hải, chẳng biết xa mấy vạn dặm, có năm quả núi, một là Đại Dự, hai là Viên Kiểu, ba là Phương Hồ, bốn là Doanh Châu, năm là Bồng Lai, người sống ở đó đều là tiên thánh"*. Chương Tần Thủy Hoàng Bổn Kỷ sách Sử Ký cũng ghi: *"Người họ Từ của nước Tề dâng sớ nói ở trong biển có ba ngọn núi thần tên là Bồng Lai, Doanh Châu và Phương Trượng là nơi tiên nhân ở. Tần Thủy Hoàng tin lời, sai người ra biển kiếm núi tiên hòng cầu thuốc trường sanh bất tử"*. Do những người được dự vào Hoằng Văn Quán đều được vẽ chân dung, được hoàng đế đích thân đề thơ, tán vịnh, nên người có chân trong Hoằng Văn Quán vinh dự chẳng khác nào được lên cõi tiên!

*(**Sao**: Do vậy, bậc đại sĩ còn xin ghi tên vào sổ sen, huống hồ phàm phu).*

Đây cũng là một công án.

(Diễn) Trường Lô Trách thiền sư kiến liên xã.
(演)長蘆賾禪師建蓮社。
*(**Diễn**: Thiền sư Trường Lô Trách lập liên xã).*

Trong Thiền Tông có vị sau khi đại triệt đại ngộ, bèn quay về phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong Thiền Tông có khá nhiều vị đại đức tới cuối cùng trở về Tịnh Độ rất đông. Như ngài Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ sư đời thứ sáu trong Tịnh Độ Tông, là bậc sau khi đã đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông bèn quay về Tịnh Độ. Ở đây, [ngài Trường Lô Trách] lập liên xã, mời mọc những người cùng chí hướng tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

(Diễn) Nhất tịch mộng nhất nhân ô cân bạch y.
(演)一夕夢一人烏巾白衣。
*(**Diễn**: Một đêm mộng thấy một người mũ đen, áo trắng).*

"Cân" (巾) là mũ[92], ['ô cân"] là đội mũ màu đen, mặc áo trắng. Buổi tối, Ngài mộng thấy như vậy.

(Diễn) Phong mạo thanh mỹ.
(演)風貌清美。
*(**Diễn**: Phong thái, dung mạo thanh tú, đẹp đẽ).*

"Phong" (風) là phong độ, dung mạo hết sức thanh tú. [Ngài Trường Lô Trách] mộng thấy một người như vậy.

---

[92] Ô cân (烏巾) còn gọi là ô giác cân (烏角巾), là một loại mũ tròn, vát cạnh, không có tai (mũ cánh chuồn thì có hai tai), thường may bằng vải mỏng màu đen, hai bên có dây buộc, khi đội thường thắt hai sợi dây đó quanh trán cho khỏi tuột. Do thời cổ, Trương Hoằng không thích làm quan, thích đội ô cân, nên về sau, những người có học, có tài, nhưng không ra làm quan, thường đội Ô Cân để biểu lộ chí hướng thanh cao.

(Diễn) Ấp nhi viết.
(演)揖而曰。
*(**Diễn**: Vái chào, thưa).*

Chắp tay hành lễ, thưa với Sư:

(Diễn) Nguyện nhập liên xã khất thư nhất danh.
(演)願入蓮社乞書一名。
*(**Diễn**: Muốn vào liên xã, xin cho ghi danh một chỗ).*

Ông ta muốn ghi danh vào liên xã, mong tham gia liên xã để niệm Phật.

(Diễn) Trách vấn hà danh? Viết Phổ Huệ.
(演)賾問何名？曰普慧。
*(**Diễn**: Ngài Lô Trách hỏi tên là gì? Thưa là Phổ Huệ).*

Thiền sư liền hỏi: "Ông tên gì?" Ông ta đáp là Phổ Huệ.

(Diễn) Hựu vân gia huynh Phổ Hiền, diệc khất thư danh.
(演)又云家兄普賢，亦乞書名。
*(**Diễn**: Lại nói: "Gia huynh là Phổ Hiền cũng xin ghi tên").*

Ông ta đã đến, lại còn ghi danh thay cho anh mình. Ông ta nói: Anh tôi tên Phổ Hiền, tôi tên Phổ Huệ.

(Diễn) Giác nhi tư Hoa Nghiêm hữu nhị Bồ Tát danh.
(演)覺而思華嚴有二菩薩名。
*(**Diễn**: Tỉnh giấc, nghĩ tới kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy).*

Sư tỉnh giấc, suy nghĩ: Trong kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy. Hai vị Bồ Tát ấy đều đến ghi danh.

(Diễn) Toại dĩ vi liên lục chi thủ.
(演)遂以為蓮錄之首。

*(**Diễn**: Liền ghi tên hai Ngài đứng đầu sổ liên hữu).*

Danh sách trong liên xã ấy, mở đầu bằng Phổ Hiền Bồ Tát và Phổ Huệ Bồ Tát. Bồ Tát đến ghi danh, có thể thấy trong tương lai, nhất định là liên hữu trong liên xã ấy vãng sanh đông đảo. Đó là đạo tràng thật sự. Nếu trong đạo tràng kèn cựa, đấu đá, chỉ treo chiêu bài Phật giáo, muốn gây tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, kẻ đến ghi danh sẽ là yêu ma quỷ quái, sẽ khiến cho quý vị một mực hồ đồ! Người ta chỉ dùng cái tâm chí thành, thật sự mong cầu sanh về Tịnh Độ. Chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này.

(Sao) Bốc cư do trạch lý nhân, thẩn vân học đạo, như tư thắng hội, khả vật nguyện dư?

(鈔)卜居猶擇里仁，矧云學道，如斯勝會，可勿願歟。

*(**Sao**: Chọn chỗ ở còn lựa láng giềng nhân từ, huống hồ học đạo! Hội thù thắng như thế, há có thể chẳng nguyện [sanh về đó] ư?)*

"Bốc" (卜) tuyệt đối chẳng phải là xủ quẻ, xem bói, xem Phong Thủy. *"Bốc cư"* (卜居) là chọn lựa chỗ ở, hãy nên hiểu *"bốc cư"* là *"tuyển trạch"* (chọn lựa). Chọn lựa chỗ để ở, phải chọn xem xóm giềng có thiện nhân hay không, chúng ta phải ở với thiện nhân cùng một chỗ. Hễ có thiện nhân cư trụ bèn là chỗ Phong Thủy tốt đẹp; nơi chẳng có thiện nhân tồn tại, còn nói đến Phong Thủy chi nữa? *"Bốc cư do trạch lý nhân"*, *"lý"* là *"lân lý"* (鄰里: xóm giềng, hàng xóm), trong chốn lân lý có bậc quân tử nhân từ hay không? Có người như vậy hay không? Chúng ta phải làm hàng xóm với bậc quân tử nhân từ. Cổ nhân tuyển chọn chỗ ở, lấy điều này làm mục tiêu. Nay thì phải dùng la bàn xem Phong Thủy, lẩn quẩn làm những chuyện ấy, nói thật thà, chưa chắc đã gặp người đạo đức, nhân từ, mà [sẽ gặp] rất nhiều yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái tin tưởng những thứ ấy! Người ta muốn tránh dữ, hướng lành, mong tiêu tai miễn nạn, chẳng cầu từ nơi hành vi đức hạnh trong thường ngày, lại cầu quỷ thần giúp đỡ, há có lẽ ấy! Từ xưa tới nay đã có bói toán nhằm để cho chúng ta tham khảo. Nếu bói được quẻ xấu thì phải làm sao? Chính mình hãy phản tỉnh rất sâu, ta phạm những lầm lỗi nào? Sửa lỗi đổi mới là né dữ, hướng lành. Vì thế, chẳng phải là sửa ở bên ngoài, mà là sửa trong nội tâm. Sách Liễu Phàm Tứ Huấn giảng sự lý này rất rõ ràng.

Người hiện thời chẳng hiểu đạo lý này, hoàn toàn sửa đổi nơi hình thức bên ngoài. Đã sửa rồi vẫn không được, vẫn là vô dụng, đáng thất bại vẫn là thất bại, đáng mất mát vẫn bị mất mát. Chúng ta thấy những chuyện như vậy rất nhiều, hãy nên biết phản tỉnh. Lại xem đoạn kế tiếp, đại sư giả lập một đoạn vấn đáp, cũng nhằm đoạn trừ nghi vấn cho chúng ta.

(Sớ) Vấn: Sanh Cực Lạc giả, kỳ loại bất nhất, hà đắc khái xưng thượng thiện?

(疏)問：生極樂者，其類不一，何得概稱上善。

*(**Sớ**: Hỏi: Người sanh về Cực Lạc thuộc nhiều loại khác nhau, há nên nhất loạt gọi là thượng thiện?)*

Điều này đích xác cũng là một nghi vấn. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rất nhiều, thiện ác cũng chẳng nhất định. Có bậc thiện nhân vãng sanh, mà cũng có kẻ ác lâm chung mười niệm vãng sanh. Nếu người vãng sanh thiện lẫn ác đều có, nhất là [pháp môn Tịnh Độ] thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn, trên là A La Hán, Bồ Tát vãng sanh, dưới là ngạ quỷ, địa ngục cũng vãng sanh, có thể nào đều gọi họ là thượng thiện được chăng? Nêu ra câu hỏi này, chúng ta nghe thấy cũng rất có lý. Liên Trì đại sư đáp rất khéo.

(Sớ) Đáp: Dĩ giai đắc bất thoái chuyển cố.

(疏)答：以皆得不退轉故。

*(**Sớ**: Đáp: Do đều đắc bất thoái chuyển).*

"Bất thoái chuyển" là thiện hạnh của những người ấy chẳng thoái chuyển, đương nhiên có thể gọi họ là bậc thượng thiện.

(Sao) Loại bất nhất giả.

(鈔)類不一者。

*(**Sao**: Chủng loại chẳng phải chỉ có một).*

Trước hết, giải thích về chủng loại bất nhất.

(Sao) Vị hữu thánh, hữu phàm, hữu đại, hữu tiểu.

(鈔)謂有聖有凡，有大有小。

*(**Sao**: Có nghĩa là có thánh, có phàm, có đại căn, có tiểu căn).*

Có Đại Thừa, có Tiểu Thừa.

(Sao) Thượng trung hạ phẩm, phân vị trật nhiên.

(鈔)上中下品，分位秩然。

*(**Sao**: Thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm, phân chia địa vị theo trật tự rành rành).*

Phân chia địa vị theo một thứ tự rành mạch, rõ ràng. Hãy nên hiểu *"nhiên"* (然) là rõ ràng hoặc hiểu rõ.

(Sao) Nãi lược kỳ trung hạ, khái viết thượng thiện, cố vị thử nạn.

(鈔)乃略其中下，概曰上善，故為此難。

*(**Sao**: Do bỏ qua trung căn và hạ căn, cứ nhất loạt nói là thượng thiện, nên mới cật vấn chuyện này).*

Bắt bẻ "trung hạ căn quý vị đều chẳng nhắc tới, luôn nói là thượng thiện, chẳng lẽ ai nấy đều là thượng thiện ư?"

(Sao) Kim minh chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí.

(鈔)今明眾生生者，皆是阿鞞跋致。

*(**Sao**: Nay nói rõ chúng sanh vãng sanh đều là A Bệ Bạt Trí).*

Không riêng gì kinh Tiểu Bổn Di Đà có câu này, mà kinh Đại Bổn Vô Lượng Thọ cũng có, trong nhiều bản đều có. Chắc chắn chẳng phải là phiên dịch sai lầm, trong nhiều bản dịch khác nhau đều thấy điều này, có thể thấy lời này là thật, tuyệt đối không phải là sai lầm. Đã là A Bệ Bạt Trí thì đương nhiên là bậc thượng thiện. A Bệ Bạt Trí là tiếng Phạn, chúng ta thường dịch là từ Thất Địa trở lên. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới xác thực là có bốn cõi, xác thực là có chín phẩm, phẩm vị xác thực là có cao hay thấp, nhưng trí huệ, thần thông, đạo lực bằng bậc Bồ Tát từ Thất Địa trở lên, hy hữu thay! Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Rõ ràng phàm phu, cớ sao có năng lực giống như bậc Thất Địa trở lên? Nếu chẳng phải là từ Thất Địa trở lên, há Thiên Nhãn có thể thấy thấu suốt? Há Thiên Nhĩ có thể nghe thông suốt? Túc Mạng Thông của A La Hán chỉ biết tới năm trăm đời. Năm trăm đời là giới hạn; trước năm trăm đời, Ngài sẽ chẳng biết. Năng lực của nhân, thiên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng bị hạn chế, vượt trỗi A La Hán quá nhiều. Đó là

những cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là sự thật chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Tắc cứu cánh giai thành Vô Thượng Chánh Giác, thị Phật cảnh giới, cố vô biệt dã.

(鈔)則究竟皆成無上正覺，是佛境界，故無別也。

*(**Sao**: Cho nên rốt ráo đều thành Vô Thượng Chánh Giác, là cảnh giới của Phật. Vì lẽ đó, chẳng khác biệt gì).*

Kết luận này càng hay hơn nữa. Phàm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có ai không thành Phật viên mãn trong một đời. Đã là thành Phật viên mãn trong một đời, đương nhiên có thể gọi là *"thượng thiện"*. Nho gia nói *"chỉ ư chí thiện"* (an trụ trong sự tốt lành cùng tột). Nói thật ra, đối với *"chỉ ư chí thiện"* như Nho gia đã nói, chỉ có trong pháp môn Tịnh Độ mới là *"chỉ ư chí thiện"* danh phù hợp thực. Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, *"chỉ ư chí thiện"* là hữu danh hoàn toàn chẳng có thực chất, chẳng làm được. Đó là lý tưởng của Nho gia, chẳng phải là sự thật; nhưng trong Tịnh Độ Tông, nó đã được biến thành sự thật, xác thực là *"chỉ ư chí thiện"* chân thật. Trong hết thảy các kinh, kinh nào cũng đều là tối thiện, nhưng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà là *"chỉ ư chí thiện"*, đã đạt đến rồi an trụ trong đó, chẳng có gì cao hơn được! Trong tất cả các pháp môn, một câu A Di Đà Phật là chỉ ư chí thiện. Trong tất cả hết thảy các thành tựu, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành tựu điều lành *"chỉ ư chí thiện"*. Người niệm Phật rất đông, nhưng người hiểu rõ ràng, rành rẽ chuyện này trọn chẳng có mấy ai! Vì lẽ đó, niệm Phật mới bị ngã lòng, mới bị chuyển biến. Thường nói thông tục là đúng, sai, chân, vọng, tà, chánh, tốt, xấu đều chẳng phân biệt rõ rệt, há có cách nào ư? Người đời tầm mắt ngắn ngủi, nông cạn, chỉ nhìn bề ngoài, chẳng biết tới bên trong!

Tối hôm qua, cư sĩ Giản Phong Văn và tôi nói chuyện; hiện thời, ông ta tu hành lại tăng tấn cao hơn, mỗi lần tăng tấn luôn gặp những nỗi khó khăn, nên đến tìm tôi mong được giải đáp. Trong câu chuyện, ông ta nói có nhiều người muốn theo học với tôi, nhưng không dám đến, do hai nguyên nhân: Một là tôi không thường ở trong nước. Hai là có những người chẳng muốn đến Đồ Thư Quán. Tôi bảo ông ta: Những người ấy có muốn đến, tôi cũng chẳng mong gặp họ. Vì sao chẳng cần họ? Tu hành thì phải chịu thử thách để trừ diệt sạch trơn phiền não và tập khí,

quý vị sẽ thành công. Quý vị chẳng muốn bị thử thách, còn nói đến chuyện tu hành chi nữa? Quý vị hãy tìm nơi thoải mái, ở đây, tôi chẳng cần quý vị! Tôi cũng chẳng có nhiều thời gian ngần ấy để lãng phí cùng quý vị!

Cổ nhân giáo học, quý vị đọc Thiền Lâm Bảo Huấn sẽ biết. Cổ nhân nếu coi trọng học trò, sẽ nghĩ đủ mọi cách trù dập, đả kích nó, xem nó có thể chịu đựng nổi hay không! Chịu không nổi, bỏ đi, khi trò bỏ đi, vị thầy ấy sẽ tuyệt đối chẳng đau lòng. Vì sao? Chẳng thành pháp khí được! Nhất định là người trăm lần thất bại chẳng ngã lòng thì mới thành tựu! Do đó, người hiện thời ngu si, thiếu tầm nhìn xa, thiếu trí huệ! Họ có thể học được đạo gì? Có thể thành tựu gì? Nghe băng thâu âm [những lời giảng], cứ ngỡ học như vậy bèn thành công. Pháp sư Diễn Bồi gọi [những người như vậy] là thuộc phe phái gì? Phe phái băng thâu âm! Thuộc vào phe phái băng thâu âm thì có thể học hiểu hay chăng? Chẳng thể nào! Chẳng có sư thừa, quyết định là sẽ học chẳng hiểu! Thậm chí còn có rất nhiều kẻ lấy trộm băng thâu âm, biến thành trộm pháp. Không chỉ thuộc về phe phái băng thâu âm mà còn thuộc vào phường trộm băng thâu âm, chẳng thể thành tựu! Giản cư sĩ liễu giải, hiểu biết. Hiện thời, Đồ Thư Quán của chúng ta xác thực là một đạo tràng tốt đẹp, một đạo tràng rất lý tưởng. Nếu có thể chịu nổi sự khảo nghiệm ở nơi đây sẽ rất có thành tựu. Chẳng chịu nổi khảo nghiệm, quyết định chẳng thể thành tựu. Nếu chúng tôi đối với các vị đồng tu, quý vị đến, tôi liền hoan hỷ, quý vị bỏ đi, tôi bực bội, tôi liền đọa lạc, lại biến thành phàm phu. Quý vị đến cũng thế mà đi cũng vậy, tôi quyết chẳng động tâm. Quý vị đến, tôi chiếu cố quý vị, đấy là trách nhiệm của tôi. Quý vị có thể thành tựu hay không, nói thật thà, là do Tam Bảo gia trì!

Hiện thời, sống trong xã hội như vậy, trong một xã hội phức tạp dường ấy, sức dụ dỗ, mê hoặc to mạnh ngần ấy, nếu ai có thể chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc, chịu đựng khảo nghiệm, nói thật thà, sẽ là bậc tái lai, chẳng phải là người thường! Chẳng phải là bậc tái lai, muốn thành tựu trong xã hội này sẽ khó hơn lên trời. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, có thể động tâm hay chăng? Hơi bị lôi kéo, dẫn dụ liền lay động, thứ gì cũng đều chẳng cần phải nói nữa! Có gì đáng bàn nữa đây? Trong cái nhìn của kẻ bình phàm, phải lập đại đạo tràng, xây chùa to lớn, hôm qua tôi đã cùng Giản cư sĩ phân tích. Tôi nói điều đó không quan trọng, chuyện quan trọng là bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Có thể bồi dưỡng mấy người? Dăm ba người, tuyệt diệu lắm rồi! Quý vị còn mong ngóng

bồi dưỡng rất nhiều, chính là dấy vọng tưởng. Thầy Lý ở Đài Trung bốn mươi năm, bồi dưỡng được ba học trò! Có thể gặp, chẳng thể cầu! Chẳng dễ dàng! Chúng ta hy vọng đạo tràng này có thể thành tựu ba người thì sẽ chẳng khiến cho Phật, Bồ Tát thất vọng, chẳng khiến lịch đại tổ sư thất vọng.

Hoàng lão cư sĩ cứ khuyên tôi mãi. Cụ bảo tôi hãy bớt giảng kinh, phải nghĩ cách dạy học, bồi dưỡng nhân tài kế tục. Mục tiêu là *"tông thuyết câu thông"*. Người có thể nói thông suốt rất nhiều, kẻ biết nói rất đông, chẳng có người thật sự tu hành! Chẳng có người tu hành chứng quả! Tu hành chứng quả là *"Tông thông"*. Thử hỏi, nay quý vị có nắm chắc vãng sanh hay chăng? Chẳng nắm chắc, vậy là chẳng được rồi! Nay quý vị biết giảng, đã làm được mấy phần những điều quý vị đã nói? Chẳng làm được, uổng công! Câu giáo huấn nào trong kinh điển cũng đều làm được, đó là *"Tông thông"*. Nay chúng ta cầu điều này, tuyệt đối chẳng cầu hình thức, tuyệt đối không cầu bề ngoài. Kẻ chẳng chịu nổi dụ dỗ, mê hoặc thì là phàm phu, không có chi là lạ, đó là một hiện tượng rất bình thường. Có thể ở trong dụ dỗ, mê hoặc mà chẳng lay động, ta biết người ấy thật sự đáng quý, trong vạn người khó có được một, hai kẻ, chúng ta phải quý trọng, phải hộ trì. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 209

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm mười chín:

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vạn thiện đồng quy, thị đồng hội nhất xứ nghĩa.

(疏)稱理，則自性萬善同歸，是同會一處義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh vạn thiện đồng quy là ý nghĩa "ở cùng một chỗ").*

"Tự tánh vạn thiện đồng quy" là gì, sách Diễn Nghĩa có chú giải:

(Diễn) Vạn thiện đồng quy giả, hằng sa Tánh Đức bất ly Chân Như, thị tánh thiện đồng quy dã.

(演)萬善同歸者，恆沙性德不離真如，是性善同歸也。

***(Diễn**: Vạn thiện đồng quy: Hằng sa tánh đức chẳng lìa Chân Như chính là cùng quy vào các điều thiện nơi tánh).*

Câu này giải thích đơn giản, rõ ràng, xác đáng, giải thích hết sức hay! Tánh là nói tới Chân Như bản tánh của chính mình. Trong Phật pháp thường nói *"tự tánh"*, tự tánh là tự thể, *"Tánh"* cũng có thể hiểu là Thể. Nhà Thiền nói *"diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra"* chính là nói đến tự tánh. Tìm cho ra cái mà ta sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra chính là gì vậy? Tánh là con người thật sự, là Chân Ngã của chúng ta. Phật pháp nói *"vô ngã"*, vô ngã chính là nói "thân này chẳng phải là Ta", tánh mới là Chân Ngã. Tánh là cái Ngã (cái Ta) thật sự, "bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh", đó là Chân Ngã. Tự tánh vốn có vô lượng trí huệ, vô lượng năng lực, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ. Vì vậy, dùng hai chữ *"hằng sa"* (恆沙) để tỷ dụ. *"Hằng sa"* là nói [gọn của] *"Hằng hà sa số"* (恆河沙數: số cát trong sông Hằng). Thuở đức Phật tại thế, Ngài thường giảng kinh, hoằng pháp trong lưu vực (drainage basin) sông Hằng. Sông Hằng là một con sông rất lớn tại Ấn Độ, giống như Trường Giang và Hoàng Hà của Trung Hoa, sông dài đến mấy ngàn dặm, lại còn có bề rộng rất lớn. Cát trong sông Hằng hết sức mịn, gần giống như bột mì, mịn hơn các loại cát chúng ta thường thấy rất nhiều. Quý vị nói xem một giải sông Hằng có bao nhiêu cát! Vì vậy, hễ nói đến số lượng nhiều, đức Phật thường dùng *"Hằng hà sa"* (cát sông Hằng) để tỷ dụ. Đức năng sẵn có trong bản tánh của chúng ta nhiều như cát sông Hằng; trí huệ, năng lực, tài nghệ nhiều như vậy chẳng hề rời lìa bản tánh. Chân Như là bản tánh, [những thứ như trí huệ, năng lực, tài nghệ v.v…] chẳng rời khỏi bản tánh. Do vậy, bản tánh khởi tác dụng, [các tác dụng ấy] trở về bản tánh, trở về chính là ý nghĩa *"đồng quy", "vạn thiện đồng quy"*.

(Diễn) Tùng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tắc tu thiện diệc đồng quy hỹ.

(演)從性起修，全修即性，則修善亦同歸矣。

***(Diễn**: Từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh, nên tu thiện cũng đồng quy vậy).*

Hai câu này thoạt nhìn thì thấy dễ dàng, thực hiện chẳng dễ dàng. Vì sao chẳng dễ dàng? Do quý vị chẳng kiến tánh. Chẳng kiến tánh tức

là tâm quý vị chẳng *"minh"*, Thiền gia nói *"minh tâm kiến tánh",* tâm chúng ta chẳng minh. Vì sao tâm chẳng minh? Tâm có ô nhiễm; hễ có ô nhiễm sẽ chẳng minh. Giống như một tấm gương, gương bị nhuốm bẩn, soi vào sẽ không thấy. Ô nhiễm gì vậy? Có Vô Minh ô nhiễm, có Trần Sa ô nhiễm, có Kiến Tư ô nhiễm. Hơn nữa, có thể nói là những thứ ô nhiễm ấy hết sức nghiêm trọng. Chúng ta có thể *"từ tánh khởi tu"* hay không? Đây là một vấn đề rất lớn! Trong Phật pháp, không chỉ riêng Thiền Tông yêu cầu minh tâm kiến tánh, mà bất cứ tông phái nào cũng đều nhắm đến mục đích *"minh tâm kiến tánh"*. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng phải là Phật pháp, sẽ không gọi là Phật giáo. Chỉ là phương cách để đạt tới minh tâm kiến tánh [trong mỗi tông phái] khác nhau, chứ mục tiêu quyết định là nhất trí. *"Minh tâm kiến tánh"* trong nhà Thiền nói theo Giáo Hạ sẽ là *"đại khai viên giải"*. Nói bằng những danh từ khác nhau, thật ra vẫn là cùng một chuyện. Chư vị hãy ngẫm xem, nếu không minh tâm kiến tánh, làm sao có thể đại khai viên giải cho được? *"Hằng sa Tánh Đức bất ly Chân Như"*, đó mới là đại khai viên giải, nói theo Tịnh Độ Tông sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Cách nói khác nhau, danh xưng khác nhau, phương pháp tu hành khác nhau, thật ra là cùng một chuyện.

Do vậy có thể biết kiến tánh rất trọng yếu. Không chỉ là học Phật là phải nhấn mạnh kiến tánh, xưa kia, học sách Khổng Tử cũng nhấn mạnh kiến tánh. Trẻ nhỏ đi học, học Tam Tự Kinh: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện; tánh tương cận, tập tương viễn"* (Con người thoạt đầu tánh vốn lành, tánh thì gần giống nhau, do được dạy dỗ mà trở thành khác xa nhau). *"Tánh"* là nói đến chân tánh, chân tánh tương cận, [nghĩa là] chân tánh tương đồng. Tập tánh tương viễn (khác xa nhau), tập tánh là ô nhiễm. Do mức độ ô nhiễm của quý vị dầy hay mỏng khác nhau, nên tập tánh sẽ chẳng giống nhau. Chư vị phải biết: *"Tập"* (習) là ô nhiễm, nên nó mới càng ngày càng xa. Làm như thế nào để bỏ sạch tập tánh, khôi phục bản tánh? Nho gia cũng nói đạo lý này. Dùng phương pháp gì? Nói thật thà, phương pháp được Nho gia sử dụng và phương pháp được sử dụng trong Tịnh Độ Tông của Phật môn đại đồng tiểu dị (xét theo đại cương là giống nhau, khác nhau ở những điểm nhỏ nhặt): Trước hết là tu tâm thanh tịnh, chớ nên có vọng tưởng. Vọng tưởng là tập tánh. Do tập tánh đã quá lâu, nên trở thành thân thuộc. Học Phật chẳng có gì khác, [chỉ là] đổi chỗ sống sít thành chỗ chín rục, lại đổi chỗ chín rục thành chỗ sống sít, sẽ thành công. Hằng ngày dấy vọng tưởng, đó là chín rục;

niệm Phật thì niệm niệm bèn đứt đoạn, quên khuấy. Vì sao? Quá xa lạ! Làm thế nào để có thể biến cái xa lạ thành cái thân thuộc, biến cái thân thuộc thành điều xa lạ, quý vị sẽ thành công.

Vì lẽ đó, Nho gia dạy học trò, học trò nhỏ đi học, trước hết dùng phương pháp gì? Trước hết, dạy quý vị học thuộc lòng sách. Đã thuộc rồi vẫn chưa coi là xong, đã thuộc rồi thì còn phải thuộc nhuần nhuyễn hơn, vẫn phải đọc. Nói thật ra, trẻ nhỏ học thuộc sách chẳng khó khăn cho mấy. Thầy dạy cho trò một bài trong sách, trò đọc dăm ba lần bèn thuộc. Vì thế, đã thuộc lòng thì hiện thời ứng phó trong thi cử sẽ rất đơn giản. Thầy đốc thúc, sau khi đã thuộc, trò vẫn phải đọc một trăm lần hoặc hai trăm lần. Lại còn phải niệm ra tiếng; chẳng niệm ra tiếng, nó sẽ dấy vọng tưởng. Niệm ra tiếng, thầy nghe thấy, [biết] trò đang đọc sách tại đó, chẳng dấy vọng tưởng. Vì vậy, thầy buộc trò mỗi ngày đọc mấy giờ, tức là trong mấy giờ, trò chẳng dấy vọng tưởng, huấn luyện điều này. Huấn luyện như vậy năm, sáu năm, thật vậy, trò bớt vọng tưởng, tâm dần dần thanh tịnh. Nhà trường xưa kia là Tiểu Học, trên Tiểu Học là Đại Học, chẳng có Trung Học. Học xong Tiểu Học bèn có thể học Đại Học. Tiểu Học học gì vậy? Tiểu Học tu tâm thanh tịnh, chẳng học điều gì khác, khóa trình của chúng nó là tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh sẽ có thể tiếp nhận đại pháp. Vì vậy, khi vào trường Thái Học (tức Đại Học hiện thời)[93], thầy giảng giải cho trò, những điều được giảng chính là

---

[93] Thái Học (太學) là cơ cấu giáo dục cao nhất thời cổ. Từ thời cổ đã lập ra Thái Học (nhưng danh xưng chưa thống nhất, có khi gọi là Tịch Ung (辟雍), thời Ngu Thuấn gọi là Thượng Tường (上庠), thời Ngũ Đế gọi là Thành Quân, 成均), mãi đến đời Hán, Thái Học mới trở thành danh xưng chính thức của các trường đại học do chánh quyền lập ra tại kinh đô, và chính thức lấy tư tưởng Nho gia làm giáo dục chủ đạo trong nhà trường. Đến đời Tấn, lại lập riêng một trường Thái Học để dạy con em công khanh, gọi là Quốc Tử Học (國子學, tức Quốc Tử Giám (國子監) sau này), nhưng các trường Thái Học và Quốc Tử Học vẫn do cùng một quan Quốc Tử Tế Tửu (國子祭酒, tương đương với hiệu trưởng) trông coi. Danh xưng Tế Tửu chỉ có từ đời Tấn Vũ Đế, chức Tế Tửu thường do Tể Tướng kiêm nhiệm, hai vị quan phụ tá chức Tế Tửu được gọi là Tư Nghiệp (司業). Sở dĩ gọi hiệu trưởng Quốc Tử Giám là Tế Tửu vì trong cổ lễ, khi cúng tế hoặc yến tiệc, bậc niên trưởng hoặc đức cao trọng vọng sẽ đại diện cho mọi người dâng rượu lên thần minh. Vì vậy, danh xưng Tế Tửu đồng nghĩa với người được đại chúng coi trọng. Từ giữa đời Tống trở đi, chức Tế Tửu có trách nhiệm gần như thứ trưởng giáo dục hiện thời, vì chưởng quản tất cả các trường Thái Học, Quốc Tử Giám, Vũ Học, Luật Học, Tiểu Học, ban định chính sách, sắc lệnh, tổ chức khảo thí viên chức, thăng thưởng, xử phạt các học quan (viên chức

những thứ trò đã học từ Tiểu Học. Tiểu Học học Tứ Thư, Ngũ Kinh, [các tác phẩm của] chư tử bách gia, chỉ học chứ không nghe giảng. Đến khi vào Đại Học, tâm trò thanh tịnh, [thầy] vừa nói trò bèn hiểu ngay, có thể lãnh hội, có thể khai ngộ. Nay [sinh viên] trường đại học hoặc nghiên cứu sinh đọc cổ văn vẫn chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Tâm họ trước nay chưa hề thanh tịnh một ngày nào! Tuyệt đối chẳng phải là người hiện thời chẳng thông minh như cổ nhân, [hoặc là do] người hiện thời chẳng có phước báo to như cổ nhân, tôi tuyệt đối chẳng thừa nhận [những lập luận như vậy]! Sở dĩ người hiện thời chẳng bằng cổ nhân là do [sử dụng] phương pháp sai lầm.

Từ chỗ này, chư vị bèn hiểu: Nếu quý vị muốn thật sự có một chút ngộ xứ trong Phật pháp, chẳng tu tâm thanh tịnh sẽ vô dụng. Nghe giảng chẳng thể khai ngộ, quý vị chỉ có thể nghe được một chút Phật học thường thức mà thôi. Nếu quý vị thật sự niệm Phật ba năm, niệm sao cho cái tâm định lại, đừng nói là tôi phải giảng cho quý vị nghe hết một bộ kinh, có thể là giảng cho quý vị một hai tiếng đồng hồ, quý vị liền hoảng nhiên đại ngộ, bèn khai ngộ. Vì sao? Tương ứng với cái tâm của quý vị. Nếu không, giảng nhiều năm như thế, tôi giảng suốt ba mươi năm, chẳng thấy một ai khai ngộ. Hãy xem thời cổ, các bậc cao tăng đại đức giảng kinh thuyết pháp chưa đầy mấy năm, học trò dưới tòa khai ngộ cả đống, chẳng ít người! Do vậy có thể biết, quyết định là chẳng thể thực hiện trình tự giáo học sai sót. Nay chúng ta đã đảo lộn thứ tự thuận chiều, hiện thời, nói thật thì là mọi người chẳng tin tưởng, không chịu tiếp nhận. Lừa gạt quý vị, quý vị rất vui thích, rất hoan hỷ. Người hiện thời nhận giả, chẳng nhận thật, nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Người hiện thời đáng thương, chẳng có phước báo! Có những vùng, người ta thật sự mong học, nhưng chẳng đủ điều kiện, cơ duyên chưa chín muồi! Mong học mà thiếu hoàn cảnh, chẳng có một vị thầy tốt đẹp chỉ dạy. Chúng ta ở đây đầy đủ điều kiện, có cơ duyên, nhưng chính mình chẳng tin tưởng, tức là chính mình chẳng có thiện căn và phước đức. Tuy có nhân duyên, cũng chẳng thể thành tựu. Ắt phải có đầy đủ ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên thì mới có thể thành tựu.

Sau khi đã kiến tánh, chúng tôi hạ thấp tiêu chuẩn kiến tánh một chút, [tức là] sau khi cái tâm thanh tịnh, sẽ tu hành khác hẳn, hoàn toàn

---

giáo dục) và hiệp trợ Thượng Thư bộ Lễ lo tổ chức thi cử. Từ thời Minh, Thanh trở đi, Tế Tửu bị giáng xuống bậc Tùng Tứ Phẩm và quyền hạn bị thâu hẹp rất nhiều, chỉ lo quản trị Quốc Tử Giám.

chẳng tương đồng. Tuy chẳng phải thật sự là *"từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh"*, ít nhiều thì cũng có chút phần tương ứng, chẳng phải là thật sự [kiến tánh] thì cũng là tương tự. Đối với Phần Chứng [Tức] Phật và Tương Tự Tức Phật trong Lục Tức Phật như tông Thiên Thai đã nói, người ấy cũng có thể đạt đến Tương Tự Tức [Phật], cách chân thật chẳng xa! Có thể thấy tâm thanh tịnh trọng yếu lắm. Chư vị phải biết: Tu hành là tu tâm thanh tịnh; ngoài cái tâm thanh tịnh ra, toàn là giả. Vì sao? Vọng tâm biến ra lục đạo luân hồi, quý vị đang tạo sự luân hồi lục đạo trong ấy, biến ra lục đạo luân hồi, tự làm, tự chịu. Tâm thanh tịnh tương ứng với tịnh nghiệp, tương ứng với Tịnh Độ. Một người thật sự tu hành, há có thời gian để quản chuyện vớ vẩn của kẻ khác được ư? Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác"*. Người tu đạo chân thật há còn công sức đâu để dấy vọng tưởng, suốt ngày tưởng Đông nghĩ Tây, tưởng trước nghĩ sau! [Những kẻ vọng tưởng, lo chuyện bao đồng] đều là phường chẳng thật thà!

Người chẳng thật thà không thể ở trong một Tăng đoàn thật sự hòa hợp. Các thành viên trong một Tăng đoàn thật sự hòa hợp chắc chắn là chẳng có vọng tưởng. Trong một đạo tràng niệm Phật, trong mười hai thời, trong tâm chỉ có mỗi A Di Đà Phật. Hễ còn có những thứ khác xen tạp vào đó, sẽ chẳng hòa hợp. Đạo tràng Thiền Tông hằng ngày nếu chẳng tham thoại đầu thì sẽ quán tâm, đó là biết dụng công, công phu đắc lực. Trong thế gian hiện thời, tôi học Phật gần bốn mươi năm, đã tới nhiều nơi trong và ngoài nước, chẳng thấy một đạo tràng nào [thật sự hòa hợp]. Thật sự là một chuyện rất đáng tiếc. Tràng thì có, đạo chẳng có! Dẫu có thì tâm chẳng đặt nơi đạo, đạo là tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng có đạo! Vì vậy, *"tu thiện cũng đồng quy"*, thảy đều quy vào Chân Như bản tánh.

(Diễn) Bất đạt thử lý, xả thử ác tụ, xu bỉ thiện tụ, khả vị khí chân trục vọng, Đông Tây trì tẩu dã.

(演)不達此理，捨此惡聚，趨彼善聚，可謂棄真逐妄，東西馳走也。

*(**Diễn**: Chẳng thông đạt lý này, bèn bỏ ác tụ này, hướng đến thiện tụ kia, có thể nói "vứt chân, đuổi theo vọng", rảo chạy Đông Tây!)*

Câu này hay lắm! Nếu quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, Lý là chân tướng sự thật, quý vị nói Sa Bà không tốt, chúng ta bỏ Sa Bà,

Cực Lạc tốt đẹp, chúng ta lại sang Cực Lạc. Cực Lạc là thiện tụ (nơi điều lành nhóm họp), Sa Bà là ác tụ, người ác đông đảo; chúng ta ngay lập tức rời khỏi nơi đây sang bên đó, bên đó là chỗ các vị thượng thiện nhân cùng tụ họp. Quý vị bỏ nơi đây sang bên đó, chính là *"khí chân, trục vọng"* (bỏ chân, đuổi theo vọng). Quý vị chẳng biết cõi này và cõi kia đều do tự tánh biến hiện, há có này kia! Giới hạn giữa cõi này và cõi kia rốt cuộc ở chỗ nào? Xác thực là chẳng có giới hạn! Nhưng tổ sư đại đức dạy chúng ta bỏ cõi này, tiến sang cõi kia, có thể vãng sanh hay không? Có thể! [Tuy vẫn có thể vãng sanh, nhưng] phẩm vị thấp, vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, có còn phải cầu vãng sanh hay không? Vẫn cầu vãng sanh! Vì sao? Lý chẳng phế Sự, Sự chẳng ngại Lý. Do đó, người không hiểu đạo lý này có thể vãng sanh, chấp trước sự tướng mà niệm Phật vẫn có thể vãng sanh. Kẻ hiểu đạo lý này, chẳng niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh, [chính là] lầm lẫn đặc biệt to tát, vẫn là chẳng thông đạt lý này, chấp trước bên này, nghĩ bên kia chẳng có, chẳng biết Lý Sự viên dung. Chẳng lẽ Đẳng Giác Bồ Tát không hiểu rõ đạo lý này ư? Liên Trì đại sư hiểu được, lẽ nào Đẳng Giác Bồ Tát không hiểu ư? Đẳng Giác Bồ Tát vẫn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Liên Trì đại sư đã hiểu, Ngài cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng phải là không niệm Phật. Liên Trì đại sư cũng là mỗi ngày niệm Phật hiệu mười vạn câu. Tôi nói cho chư vị biết: Lão nhân gia không niệm kinh mà cũng chẳng niệm chú, Ngài trì Phật hiệu, lại còn chỉ niệm bốn chữ. Suốt ngày từ sáng đến tối là một câu Phật hiệu. Đó là phương pháp tu hành của Liên Trì đại sư.

Quý vị xem truyện ký của Ngài. Đạo tràng của Ngài là chùa Vân Thê ở Hàng Châu. Suốt cả một đời, từ trước đến nay, Ngài chưa hề dựng một ngôi chùa. Vân Thê là một quả núi. Ngài đến nơi đó, thấy phong cảnh núi ấy rất đẹp, hoàn cảnh rất thanh tịnh, u nhã, bèn tự dựng một cái chòi tranh để tấn tu. Về sau, Ngài bị người khác nhận biết, [tìm đến hỏi chuyện] xem thử vị pháp sư này ăn nói ra sao? Khi họ hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài nói rất hữu lý. Thanh danh của pháp sư dần dần lan xa như thế đó, có rất nhiều kẻ mong đến thân cận Ngài; dù sao đất rất nhiều, Ngài đã cất chòi tranh ở đấy, họ cũng cất chòi tranh nơi đó. Ngài là từ chòi tranh mà hình thành [đạo tràng], chẳng có ý nghĩ muốn dựng chùa. Về sau, do đông người, bèn có thí chủ, [tức là] hàng tại gia cư sĩ có tiền, có thế lực, hết sức kính ngưỡng đại sư, mong dựng một ngôi chùa cho

Ngài. Do vậy, suốt một đời, pháp sư Vân Thê chưa từng hóa duyên, chẳng xòe tay xin người khác một đồng nào! Người ta muốn xây dựng, lão nhân gia gật đầu, được! Ở chỗ này, ông dựng đại điện tại đây, chỗ kia là điện gì, nói chung là có người muốn đến dựng, các vị xây dựng là được rồi. Ngôi chùa của Ngài được thành công như thế đó. Vì vậy, đừng sợ chẳng có chùa, chỉ sợ chẳng có đạo! Quý vị thật sự có đạo, thường nói là *"long thiên hộ trì"*. Chính mình chẳng bận tâm chút nào về đạo tràng; hễ bận lòng, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Dựng đạo tràng là do các cư sĩ xây dựng, liên quan gì tới ta? Quý vị dựng xong xuôi, tôi đến đây giảng kinh, thuyết pháp, tôi đến đây cộng tu niệm Phật cùng mọi người. Dựng theo kiểu nào ư? Quý vị thích dựng kiểu nào thì dựng theo kiểu đó. Nếu tôi yêu cầu phải dựng theo kiểu này, hoặc phải dựng theo kiểu nọ, cái tâm lại chẳng thanh tịnh. "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật" mà còn xen tạp dựng kiểu này, cất kiểu nọ, chẳng phải là đã hỏng bét rồi ư? Người chân thật niệm Phật, [danh hiệu] A Di Đà Phật [của người ấy niệm] chẳng thể xen tạp chút gì trong ấy, đó là như pháp. Đấy là người thật sự tu đạo, là điển hình, là gương mẫu cho chúng ta. Chúng ta học Phật, hãy lấy [những tấm gương ấy làm] tiêu chuẩn, hãy nên tu học như vậy thì mới có thể đạt được thành tựu.

Do vậy, nhất tâm nhất ý chỉ duyên theo Tây Phương, [sẽ thấy] đối với hoàn cảnh, có hoàn cảnh nào chẳng tốt đẹp? Hoàn cảnh nào cũng đều tốt! Vì thế, chẳng cần phải rảo Đông chạy Tây. Quý vị nói hoàn cảnh không tốt đẹp. Nói thật thà, chính là do bản thân có quá nhiều vọng tưởng, thấy cái này chẳng tốt, thấy cái kia không tốt. Tâm thanh tịnh, nơi chốn nào cũng đều là đạo tràng. Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này. Người chẳng có phước báo, chọn lựa hoàn cảnh như thế nào đi nữa, chọn tới chọn lui, đến cuối cùng vẫn phải chịu tội, vẫn chẳng đạt được điều gì! Cớ gì cứ phải lãng phí tinh thần và thời gian như vậy? Đạo tràng ở chỗ nào? Đạo tràng ở trong tâm địa, chẳng ở bên ngoài. Cư sĩ Duy Ma nói *"trực tâm là đạo tràng, tâm thanh tịnh là đạo tràng, tâm từ bi là đạo tràng"*. Đạo tràng ở trong tâm địa, há ở bên ngoài!

(Sao) Bách xuyên hội ư nhất hải, chúng cảnh hội ư nhất không, chư thượng thiện nhân, bất hội thử chi nhất xứ, nhi tương hề hội.

(鈔)百川會於一海，眾景會於一空，諸上善人，不會此之一處，而將奚會。

(***Sao***: *Trăm sông hội tụ trong một biển, các cảnh hội quy một hư*

không, các vị thượng thiện nhân chẳng tụ hội trong một chỗ này, sẽ nhóm về chỗ nào đây?)

Hoàn toàn nói xứng tánh; hai câu này chính là *"từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh". "Bách xuyên"* (Trăm sông) là nói các dòng nước. Trung Hoa ở phía Tây Thái Bình Dương, tất cả sông ngòi đều xuôi về Đông đổ vào biển Đông, sông lớn dòng nhỏ thảy đều chảy vào biển cả. Sánh ví biển cả như Chân Như bản tánh, tỷ dụ trăm sông như các vị thượng thiện nhân, thảy đều hội quy biển cả. Điều này nhằm nói rõ hết thảy các vị thượng thiện đều do tự tánh của quý vị lưu xuất. Trở về tự tánh có ý nghĩa này. *"Chúng cảnh"* (Các cảnh): Cảnh là cảnh vật, chẳng rời khỏi hư không. Ví hư không như chân tánh, sánh ví các cảnh như chư thượng thiện nhân, chẳng lìa khỏi hư không. *"Chư thượng thiện nhân, bất hội thử chi nhất xứ, nhi tương hề hội"* (Các vị thượng thiện nhân không nhóm họp ở một chỗ này, sẽ hội về chỗ nào?), đến chỗ nào để nhóm họp? Chư thượng thiện nhân nhóm họp ở nơi đâu? Nhóm họp trong một chân tâm. Vì thế, chỉ cần cái tâm quý vị đã chân, tự nhiên các điều thiện cùng nhóm họp. Tâm quý vị chẳng chân, tà ác cùng nhóm họp! Cầu chân tâm thì trước hết là cầu tâm thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh, tiến thêm một bước nữa là tu tâm bình đẳng. Nếu lại tiến thêm bước nữa, sẽ là đại giác rạng ngời, đó chính là *"chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ"*.

Nhị, khởi hạnh.

二起行。

(Hai là khởi hạnh).

Một đoạn lớn trên đây nhằm khuyên chúng ta phát nguyện, nói rõ ưu điểm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ưu điểm thù thắng nhất là các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, chúng ta chẳng thể không đến đó. Nếu nay hỏi: Ta mong đến đó, nhưng đến đó bằng cách nào? Phải bảo cho chúng ta biết phương pháp. Vì vậy, đoạn tiếp theo đây là một đoạn trọng yếu nhất trong bộ kinh này.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

(經)舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。

*(**Kinh**: Này Xá Lợi Phật! Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy).*

Đức Thế Tôn nói ra điều kiện vãng sanh, gồm ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên. Thiếu một thứ nào trong ba thứ ấy đều chẳng thể vãng sanh. Các đồng tu chúng ta có muốn vãng sanh thế giới Tây Phương hay không? Nếu thật sự muốn vãng sanh thế giới Tây Phương, hãy đặc biệt lưu ý đoạn này. Có thể vãng sanh hay không? Có nắm chắc vãng sanh hay không? [Những điều ấy] đều [được nói] trong đoạn kinh văn này. Liên Trì đại sư giải thích rất cặn kẽ!

(Sớ) Thừa thượng ngôn "phàm quần dị tựu, thiện tụ nan thân", hà huống tối thượng thiện nhân chi hội.

(疏)承上言凡群易就，善聚難親，何況最上善人之會。

*(**Sớ**: Nối tiếp ý đã nói trong phần trên: Lũ phàm dễ nhóm, người lành tụ hội khó thân cận, huống hồ là bậc thiện nhân tối thượng tụ họp).*

Nêu rõ phàm phu tụ hội dễ dàng, người lành tụ tập khó khăn. Nay chúng ta đọc kinh A Di Đà ở đây, nghiên cứu chú giải của Liên Trì đại sư, quý vị xem có bao nhiêu người tham gia? Rạp xi-nê, sàn khiêu vũ, quý vị thấy bao nhiêu người? *"Phàm quần dị tựu, thiện tụ nan thân"* (Lũ phàm dễ nhóm, người lành tụ hội khó thể thân cận). Kẻ làm những chuyện giả trất, đông lắm! Nói những điều chân thật, chẳng ai nghe! Kể ra Đài Loan còn khá lắm, mỗi lần giảng kinh còn có nhiều người đến nghe như vậy. Sang ngoại quốc giảng kinh, tuyệt đại đa số các đạo tràng, mười phần hết tám phần là có hai mươi người đến nghe kinh thì đã khá lắm rồi, đã khá nhiều. Năm mươi người quá hiếm có, là tình cảnh long trọng chưa hề có. Ba bốn người đến nghe là chuyện rất bình thường. *"Hà huống tối thượng thiện nhân chi hội"* (Huống hồ là bậc thiện nhân tối thượng tụ hội) đến đâu để tìm cho ra? Chẳng dễ dàng!

Tôi thưa cùng chư vị đồng tu, trong quá khứ, tôi cầu học ở Đài Trung. Tại Đài Trung, pháp duyên của thầy Lý vô cùng thù thắng. Trong danh sách liên hữu của liên xã có ghi tên họ, địa chỉ, số điện thoại, gần như là đến hai mươi lăm vạn người. Thầy Lý mở lớp dạy học tại đó, bồi dưỡng đồng tu giảng kinh, hy vọng mọi người sẽ hăng hái đến ghi danh, chỉ có hai mươi mấy người gom hết dũng khí đến dự, những người khác

chẳng dám đến. Tôi ở Đài Trung mười năm, bản thân chúng tôi còn có một lớp nhỏ, lớp ấy đem những gì thầy Lý đã giảng cùng nhau nghiên cứu, thảo luận, lật đi lật lại vấn đề, hòng thâm nhập, lãnh hội. Lớp học ấy có bao nhiêu người? Bảy người! Chúng tôi mười năm giống như một ngày, bảy người cùng tu với nhau suốt mười năm, ông Từ Tỉnh Dân và Châu Gia Lân ở Đài Trung hiện thời là thành viên của lớp học nhỏ gồm bảy người ấy. Thật sự là khó! Tôi hy vọng trong tương lai chúng ta cũng có một đoàn thể nhỏ, có mười người thật sự phát tâm hoằng pháp lợi sanh, suốt đời chẳng làm Trụ Trì hoặc Đương Gia, chẳng quan tâm đến những chuyện rỗi hơi trong thế gian hay xuất thế gian, mà sẽ đọc kinh, nghiên cứu kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp, hy vọng có mười người chúng ta có thể thường ở cùng một chỗ. Nơi nào mời giảng kinh, chúng ta sẽ đến giảng, giảng xong sẽ quay về. Có một căn nhà nhỏ để có thể che mưa đụt gió, ăn no, mặc ấm là đủ rồi, đó là chuyện vui sướng nhất trong đời người. Vì thế, *"tối thượng thiện nhân chi hội"* đích xác là khó gặp gỡ!

(Sớ) Khởi khả dĩ thiểu thiện, thiểu phước nhi đắc sanh dã.

(疏)豈可以少善少福而得生也。

*(**Sớ**: Há có thể nào do chút thiện, chút phước mà được vãng sanh ư?)*

Thiện căn và phước đức ít ỏi sẽ không được.

(Sớ) Ư trung.

(疏)於中。

*(**Sớ**: Trong ấy).*

Nay phải giải thích cho chúng ta biết thiện căn là gì, phước đức là gì?

(Sớ) Linh Chi dĩ thiện căn vi chánh hạnh, thuộc chi trì danh, dĩ phước đức vi trợ hạnh, thuộc chi Tịnh nghiệp tam phước.

(疏)靈芝以善根為正行，屬之持名，以福德為助行，屬之淨業三福。

*(**Sớ**: Ngài Linh Chi coi thiện căn là chánh hạnh thuộc về trì danh,*

coi phước đức là trợ hạnh, thuộc về ba phước trong Tịnh nghiệp).

Nhắc tới lời giải thích của các bậc cổ đại đức. Ngài Linh Chi[94] sống vào đời Tống, nghiên cứu giới luật rất kỹ, nên có người gọi Ngài là Linh Chi Luật Sư. Ngài coi thiện căn là chánh hạnh, thiện căn là gì? Trì danh là thiện căn. Phước đức là trợ hạnh, phước đức là gì? Tịnh nghiệp tam phước. Lão nhân gia coi Tịnh nghiệp tam phước được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là trợ hạnh.

(Sớ) Hải Đông, tắc tổng dĩ đa thiện đa phước vi chánh hạnh, vân thị phát Bồ Đề tâm, dĩ thiểu thiện thiểu phước vi trợ hạnh, vân thị chấp trì danh hiệu.

(疏)海東，則總以多善多福為正行，云是發菩提心；以少善少福為助行，云是執持名號。

*(**Sớ**: Ngài Hải Đông gộp chung nhiều thiện nhiều phước thành chánh hạnh, bảo đó là phát Bồ Đề tâm; coi ít thiện ít phước là trợ hạnh, bảo là chấp trì danh hiệu).*

Hai vị này kiến giải hoàn toàn khác nhau. Pháp sư Hải Đông (Nguyên Hiểu) coi "nhiều thiện căn, nhiều phước đức" là phát Bồ Đề

---

[94] Ngài Nguyên Chiếu, hiệu là Trạm Nhiên, người xứ Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang, chuyên hoằng dương Luật Tông và Tịnh Tông vào thời Bắc Tống. Thuở nhỏ, Sư theo hầu luật sư Huệ Giám chùa Tường Phù huyện Tiền Đường, được thọ giới vào năm Trị Bình thứ hai (1065). Năm Hy Ninh nguyên niên (1068), Ngài cùng bạn học là Trạch Anh theo ngài Thần Ngộ Xử Khiêm học Thiên Thai Giáo Quán, nghiên cứu rộng rãi giáo nghĩa các tông, nhưng lấy Luật Tông làm chủ. Về sau, do đọc bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận của Thiên Thai đại sư, bèn dốc lòng nơi Tịnh Độ. Lại nương theo lời dạy nhất ý chuyên trì của tổ Thiện Đạo, phát nguyện lãnh chúng đồng tu niệm Phật, nên biên soạn bộ Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi (đã thất truyền). Sư lại vâng lời dạy của ngài Xử Khiêm, đi khắp nơi tham học Tứ Phần Luật và tông chỉ Pháp Hoa. Sau khi thọ giới Bồ Tát với ngài Quảng Từ Huệ Tài, Sư chuyên tâm nghiên cứu Nam Sơn Luật Học, sưu tập các trước tác của tổ Đạo Tuyên, soạn thành bộ Nam Sơn Luật Sư Soạn Tập Lục. Sư thường mặc áo vải, khất thực. Về sau, an trụ tại chùa Linh Chi Tông Phước, nên thường được gọi là Linh Chi Luật Sư. Do thấy tăng sĩ tu Thiền thời ấy viện cớ chẳng chấp trước mà phóng túng giới luật, coi rẻ niệm Phật, Sư cho khắc lại bộ Từ Mẫn Tam Tạng Văn Tập (tức bộ Vãng Sanh Tịnh Độ Tập do pháp sư Huệ Nhật biên soạn), liền bị những kẻ cuồng Thiền nhao nhao công kích, vu cáo Sư ngụy tạo tác phẩm ấy. Ngài phải viết sách trần thuật nguyên cớ, cũng như đưa ra cổ bản để làm chứng, chuyện ấy mới yên.

tâm, coi "ít thiện căn, ít phước đức" là chấp trì danh hiệu. [Theo quan điểm này], chấp trì danh hiệu đâm ra biến thành ít thiện căn, ít phước đức. Hai vị này đều là bậc đại đức trong Tịnh Độ Tông, kiến giải khác nhau. Dưới đây là ý kiến của Liên Trì đại sư:

(Sớ) Nhị nghĩa tương vi.
(疏)二義相違。
*(**Sớ**: Hai nghĩa trái nghịch).*

Cách nói của hai Ngài hoàn toàn tương phản, Liên Trì đại sư cũng rất viên dung. Ngài cũng chẳng nói vị nào đúng, vị nào sai, Ngài dung hợp hai ý thuyết ấy.

(Sớ) Kim song vi hòa hội.
(疏)今雙為和會。
*(**Sớ**: Nay hòa hợp, dung hội hai thuyết ấy).*

Ngài hòa hợp, dung hội chúng.

(Sớ) Vị dục sanh bỉ quốc, tu đa thiện, đa phước. Kim trì danh, nãi thiện trung chi thiện, phước trung chi phước, chánh sở thị vị phát Bồ Đề tâm, nhi vi sanh bỉ quốc chi đại nhân duyên dã.

(疏)謂欲生彼國，須多善多福。今持名，乃善中之善，福中之福，正所是謂發菩提心，而為生彼國之大因緣也。

*(**Sớ**: Nghĩa là muốn sanh về cõi ấy, cần phải có nhiều thiện, nhiều phước. Nay trì danh chính là điều thiện nhất trong các điều thiện, là điều phước nhất trong các điều phước, chính là "phát Bồ Đề tâm" như [ngài Hải Đông] đã nói, là đại nhân duyên để sanh về cõi ấy).*

Ngài hòa hợp, dung hội hai ý kiến, coi phát Bồ Đề tâm là chánh hạnh, trì danh cũng là chánh hạnh, phát Bồ Đề tâm là trợ hạnh, trì danh cũng là trợ hạnh. Chánh và trợ như nhau, thảy đều là *"phát Bồ Đề tâm, chấp trì danh hiệu"*. Liên Trì đại sư hòa hợp, dung hội như vậy, chúng ta chẳng còn nghi ngờ, lo âu nữa. Tiếp theo đấy, trong lời Sao, Ngài lại giảng cặn kẽ chuyện này.

(Sao) Tương vi giả.

(鈔)相違者。

*(**Sao**: Trái nghịch là).*

Giải thích [vì sao] hai ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

(Sao) Nhất dĩ trì danh thuộc chánh.

(鈔)一以持名屬正。

*(**Sao**: Một thuyết coi trì danh là chánh hạnh).*

Ngài Linh Chi chủ trương thuyết này.

(Sao) Nhất dĩ trì danh thuộc trợ.

(鈔)一以持名屬助。

*(**Sao**: Thuyết kia coi trì danh là trợ hạnh).*

Ngài Hải Đông chủ trương thuyết này.

(Sao) Nhị thuyết mâu thuẫn, nhi thử kinh đại chỉ, chánh trọng trì danh.

(鈔)二說矛盾。而此經大旨，正重持名。

*(**Sao**: Hai thuyết mâu thuẫn, nhưng ý chỉ chánh yếu của kinh này là chuyên chú trọng trì danh).*

Chúng ta quan sát từ kinh này, kinh Di Đà khuyên chúng ta chấp trì danh hiệu, kinh Vô Lượng Thọ cũng khuyên chúng ta chấp trì danh hiệu, có thể thấy chánh hạnh của Tịnh Tông xác thực là chấp trì danh hiệu.

(Sao) Nhược trì danh vi trợ hạnh, tắc hạ văn "văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu", nghĩa vân hà thông?

(鈔)若持名為助行，則下文聞說阿彌陀佛，執持名號，義云何通。

*(**Sao**: Nếu trì danh là trợ hạnh thì phần kinh văn kế đó nói "nghe nói tới A Di Đà Phật bèn chấp trì danh hiệu", giải thích ý nghĩa thế nào cho suông sẻ được?)*

Quý vị coi chấp trì danh hiệu là trợ hạnh, sẽ chẳng thể nói thông suốt được!

(Sao) Trợ hạnh trì danh, đoán vô thử lý.

(鈔)助行持名，斷無此理。

*(**Sao**: Coi trì danh là trợ hạnh, quyết chẳng có lẽ này).*

Quyết định là nói chẳng thông suốt, chẳng có đạo lý này.

(Sao) Hựu Linh Chi dĩ Quán Kinh tam phước phối thử phước đức, tắc đệ tam phước phát Bồ Đề tâm nãi thành trợ hạnh, dữ Hải Đông Bồ Đề tâm vi chánh hạnh, nhị diệc mâu thuẫn.

(鈔)又靈芝以觀經三福配此福德，則第三福發菩提心乃成助行，與海東菩提心為正行，二亦矛盾。

*(**Sao**: Ngài Linh Chi lại coi ba phước trong Quán Kinh là "phước đức" được nói trong kinh [A Di Đà] này, vậy thì "phát Bồ Đề tâm" trong phước thứ ba trở thành trợ hạnh, cũng mâu thuẫn với chuyện ngài Hải Đông coi Bồ Đề tâm là chánh hạnh).*

Hai vị giảng về chánh hạnh và trợ hạnh đều chẳng giống nhau.

(Sao) Nhi Quán Kinh dĩ tam phước vi Tịnh nghiệp chánh nhân, tắc trợ hạnh Bồ Đề, diệc vô thử lý.

(鈔)而觀經以三福為淨業正因，則助行菩提，亦無此理。

*(**Sao**: Nhưng Quán Kinh coi tam phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp, vậy thì coi Bồ Đề là trợ hạnh cũng là vô lý).*

Nếu nói *"phát Bồ Đề tâm"* trong ba phước là trợ hạnh thì cũng nói không suông! Trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, khi giảng về tông chỉ, tông chỉ là cương lãnh tu hành, lão nhân gia đã dùng hai câu *"phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm"* [làm Tông của kinh Vô Lượng Thọ], hoàn toàn phù hợp khít khao với ý nghĩa này của Liên Trì đại sư. *"Phát Bồ Đề tâm"* là chánh hạnh, *"nhất hướng chuyên niệm"* là chánh hạnh. Ngài hòa hợp, dung hội khéo quá!

(Sao) Kim song vị hòa hội giả, hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm, tắc song thủ lưỡng gia, nhi hòa hội kỳ nghĩa dã.

(鈔)今雙為和會者，還以持名為正行，復以持名為發菩提心，則雙取兩家，而和會其義也。

*(**Sao**: Nay nhằm hòa hợp, dung hội cả hai thuyết, vẫn coi trì danh là chánh hạnh, lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm, tức là sử dụng ý kiến của cả hai vị, dung hợp, hòa hội các nghĩa ấy).*

Sau khi đã hiểu rõ ý nghĩa chánh yếu này, [quý vị xem] đoạn văn sau đây trong sách Diễn Nghĩa [sẽ thấy pháp sư Cổ Đức] lại giảng giải cặn kẽ hơn nữa.

(Diễn) Quán Kinh tam phước, vi Tịnh nghiệp chánh nhân giả, văn vân: "Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước: Nhất giả hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp".

(演)觀經三福，為淨業正因者，文云：欲生彼國者，當修三福：一者孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。

*(**Diễn**: "Quán Kinh tam phước là chánh nhân Tịnh nghiệp": Kinh văn ghi: "Người muốn sanh về cõi ấy thì hãy nên tu ba phước: Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp").*

Ba điều này gồm tất cả mười một câu, ví như tòa cao ốc mười một tầng, tầng sau bao gồm tầng trước, tầng trước chẳng thể bao gồm tầng sau. Giống như tầng cao ốc thứ hai nhất định bao gồm tầng thứ nhất, tầng thứ nhất chưa chắc đã bao gồm tầng thứ hai, vì không xây tầng thứ hai cũng được! Quý vị bèn hiểu tầng thứ nhất là căn bản của căn bản, chẳng làm được điều này, những tầng sau đều chẳng có. Phát Bồ Đề tâm thuộc tầng thứ tám, nếu bảy tầng trước đều chẳng có, lấy đâu ra Bồ Đề tâm? Chẳng có Bồ Đề tâm, dẫu niệm A Di Đà Phật, cũng chưa chắc có thể vãng sanh, vì sao? Chánh nhân để vãng sanh là *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*, cái hạnh chánh tu của quý vị chỉ có một nửa, thiếu mất một nửa, chẳng đảm bảo vãng sanh! Nghĩ tới chỗ này, đích xác

là chúng ta không lạnh mà run, mới thật sự hiểu rõ vì sao người niệm Phật đông như vậy, người vãng sanh lại ít ngần ấy! Trước kia, thầy Lý đã từng nói: Một vạn người niệm Phật, hằng ngày cầm chuỗi niệm "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật", thật sự vãng sanh cũng chẳng hơn đôi ba người, tỷ lệ không tương xứng! Nguyên nhân ở chỗ nào? Người ấy suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, chỉ niệm một nửa, chẳng có Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là gì? Bồ Đề tâm là cái tâm hiểu rõ, cái tâm giác ngộ. Tâm kẻ ấy vẫn hồ đồ, mông lung, vẫn điên đảo, vọng tưởng; niệm Phật kiểu đó làm sao vãng sanh cho được? Bồ Đề có nghĩa là giác, Bồ Đề tâm là giác tâm, giác chứ không mê. Tuy người ấy niệm Phật, vẫn mê chứ không giác; vì thế, chẳng thể vãng sanh. Như thế nào thì mới giác? Chẳng tu bảy tầng dưới sẽ là bất giác. Do đã giác, bảy tầng dưới đã viên mãn, tầng thứ tám đã dựng xong [tức là] bảy tầng dưới đương nhiên đã được dựng, đó là đạo lý nhất định. Chẳng biết Bồ Đề tâm là gì, chẳng biết giác tâm là gì, quý vị hãy từ chỗ này mà lãnh hội sẽ hiểu rõ.

Điều thứ nhất là *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*, chúng ta có làm được hay không? Câu này hết sức không đơn giản. Trên phương diện cuộc sống vật chất của cha mẹ, đối với chuyện phụng dưỡng cha mẹ hết thảy [mọi thứ cần dùng], chúng ta có thể làm được thì có coi là hiếu dưỡng hay chăng? Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử đã nói: Nếu coi đó là hiếu dưỡng thì súc sanh cũng có thể làm được! Do đó, một người hiểu lý, một người đọc sách phải nuôi dưỡng chí nguyện của cha mẹ, tức là đối với những điều cha mẹ trông mong nơi quý vị, quý vị có thể chẳng phụ lòng trông mong ấy, bèn gọi là *"hiếu thuận"*. Nhưng nay chúng ta nói ngược lại, cha mẹ hiện thời kỳ vọng con cái những gì? Đúng là có vấn đề. Trong cổ lễ, đặt tên cho con thơ, tên gọi là niềm kỳ vọng của cha mẹ đặt nơi con, hy vọng trong tương lai, khi quý vị khôn lớn, danh sẽ phù hợp thực. Do vậy, cổ nhân đặt tên cho con cái, chẳng phải là đặt tùy tiện. Nay chúng ta thấy rất nhiều người đặt tên cho con bằng tên ngoại quốc. Chúng tôi thấy vậy, cảm thấy lạ lùng, cha mẹ hy vọng con cái đều trở thành người ngoại quốc! Đúng là do chẳng mảy may biết đến văn hóa truyền thống cố hữu của Trung Hoa nên mới phạm khuyết điểm này!

Xét chữ Hiếu theo nhà Phật, nếu cha mẹ đời sau vẫn phải luân hồi trong lục đạo thì con là đại bất hiếu. Hiếu tử thật sự lẽ đâu nhẫn tâm để cha mẹ đời sau vẫn phải đọa trong lục đạo. Do vậy có thể biết, Phật tử đại hiếu là phải độ cha mẹ lìa khỏi tam giới. Hiếu hạnh bậc nhất là phải

khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là chân hiếu. Cha mẹ không chịu niệm, cha mẹ chẳng thể tiếp nhận, quý vị phải tìm ra nguyên nhân. Tiêu trừ nguyên nhân ấy, cha mẹ liền vui vẻ tiếp nhận, mới biết chỗ tốt đẹp [của pháp môn] này. Cha mẹ yêu thương con tha thiết, nhất là đã già cả rồi, lẽ đâu con dối gạt cha mẹ? Bất quá trong hiện thời, con cái gạt gẫm cha mẹ quá nhiều, khiến cho cha mẹ cũng không tin tưởng. Trước kia, lừa gạt người khác thì có, chứ lừa cha mẹ chính là đại nghịch bất đạo, tội lỗi ngập trời! Do vậy, rất ít kẻ lừa gạt cha mẹ. Khuyên cha mẹ niệm Phật chính là đại hiếu, chẳng có gì rốt ráo hơn được!

Từ chỗ này chúng ta biết phải nên hiếu thuận cha mẹ ra sao. Hiếu nhất định phải nói tới "thuận", thuận lòng cha mẹ. Anh em bất hòa, cha mẹ rất đau lòng, đó là bất hiếu. Chị em bạn dâu bất hòa, cũng là bất hiếu. Thường nói là *"gia hòa vạn sự hưng"*, gia đình hòa thuận, lòng cha mẹ khoan khoái. Con cái đứa nào cũng đều có thể tu dưỡng phẩm đức, theo đuổi những nghề nghiệp chánh đáng, chẳng phạm pháp, chẳng trái nghịch quy củ, đó là hiếu thuận cha mẹ. Xóm giềng làng nước tôn trọng quý vị, càng tôn trọng cha mẹ của quý vị hơn nữa, đó là *"hiếu thân"* (hiếu thảo với cha mẹ). Vì vậy, hai chữ *"hiếu thuận"* đích xác là chẳng dễ thực hiện! Nhưng chư vị phải biết: Nếu quý vị chẳng thực hiện căn bản to lớn của việc học Phật thì nói cách khác, quý vị chẳng mong thoát khỏi tam giới, vẫn mong đời sau luân hồi trong lục đạo! Thật sự mong thoát khỏi tam giới, thật sự chẳng phải luân hồi nữa, quý vị phải thực hiện từ chỗ này. Người nhà, anh em trai, chị em bạn dâu chẳng hiểu, ta làm như thế nào? Nhường nhịn. Vì vậy, người Hoa hễ nói đến hiếu, nhất định sẽ nói tới vua Thuấn, lấy vua Thuấn làm gương. Quý vị đọc truyện ký của vua Thuấn, [thấy] người nhà đối xử với ông ta bằng thái độ man rợ, ngang ngược, tệ ác như thế, ông ta chỉ một mực chân thành cung kính đối với bất cứ ai trong nhà. Lâu ngày chầy tháng, sau mười mấy năm, cả nhà đều bị ông ta cảm động, khiến cho cả nhà hòa thuận. Đó mới gọi là *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*. Đối với chuyện hiếu dưỡng phụ mẫu, Đại Thuấn làm được, chúng ta chẳng biết làm như thế nào! Do vậy, niệm Phật suốt mấy chục năm, ngay cả tin tức vãng sanh cũng chẳng có, quý vị nói còn làm sao được nữa, đáng sợ quá! Chúng ta sai lầm, mà chẳng tìm thấy sai lầm ở chỗ nào, đáng thương quá! Nói thật ra, do phạm lỗi chẳng đọc kinh, kinh đã nói rành mạch, rõ ràng, quý vị cũng niệm, nhưng niệm theo kiểu miệng liến láu đọc ào ào cho qua, chẳng hiểu ý nghĩa thật sự, chẳng biết tầm quan trọng như thế nào, cách thực hiện ra

sao lại càng chẳng cần phải nói nữa, đáng ngán quá!

Câu thứ hai là *"phụng sự sư trưởng"*, câu này khó lắm! Chẳng thể hiếu thảo cha mẹ, sẽ không thể kính trọng thầy. Vì vậy, đây là tầng lầu thứ hai. Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Tôn sư trọng đạo, vì sao? Vì chẳng tôn sư là bất hiếu với cha mẹ. Hiện thời, thầy ở nơi đâu? Hiện tại chẳng có thầy! Lứa tuổi tôi còn thấy mấp mé. Thuở bé, tôi đi học tại quê nhà, học trường tư bốn tháng, một thầy dạy hai mươi mấy học trò. Cha dẫn tôi đến đó bái sư, cầm theo lễ vật, ăn mặc tươm tất, trường bào, mã quải[95]. Trước tiên, đối trước bài vị của Khổng lão phu tử ba lần quỳ, chín lần khấu đầu, sau đó thỉnh thầy ngồi chính giữa, lạy thầy ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Gia trưởng lạy thầy, tức là phó thác con thơ cho thầy, cầu thầy hãy nghiêm túc dạy bảo. Thầy nhận lễ vật và lễ tiết long trọng như vậy từ gia trưởng, nếu chẳng nghiêm túc giáo huấn đứa trẻ ấy, lẽ nào chẳng có lỗi với gia trưởng, đã phạm lỗi mất rồi! Vì vậy, hiện thời chẳng thấy sư đạo!

Khi chúng tôi học Phật, đến Đài Trung bái sư vẫn dùng cổ lễ để bái. Ở Đài Trung, có một năm nọ, thầy Lý mở lớp nghiên cứu nội điển, mời sáu vị giáo sư, tôi cũng là một người trong số đó. Thầy Lý mời chúng tôi làm thầy, thay mặt cho gia trưởng của học trò, mời sáu người chúng tôi ngồi ghế trên, thầy cung kính ở dưới lễ ba lạy, chúng tôi cũng đành phải nhận lễ, nhận lễ mà cảm thấy rất ngại ngùng. Lễ chẳng thể thiếu, khiến cho những học trò theo sau thầy [phải cung kính theo]. Quý

---

[95] Mã quải (馬褂, tiếng Mãn Châu là Olbo) là một loại áo ngắn mặc ra ngoài áo dài. Cần lưu ý, đối với loại áo ngắn khoác ra ngoài áo dài (trường bào, kỳ bào), có hai loại: Nếu là áo không có tay, sẽ gọi là "mã giáp" (馬甲), trong khi đó, mã quải luôn có tay. Đây là loại phục sức của người Mãn Thanh ép người Hoa phải sử dụng khi quân Thanh vào Trung Nguyên. Mã quải vốn là loại áo chống lạnh khoác ra ngoài áo dài, về sau được sử dụng như một loại trang phục mang tính chất khoa trương sự quyền quý. Loại mã quải màu vàng (được gọi là hoàng mã quải) do hoàng gia ban tặng cho những người có công huân với triều đình. Không được hoàng gia ban tặng hoàng mã quải, sẽ không được phép mặc, trừ các lạt-ma cao cấp như Chương Gia, Đạt Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma… mới được phép mặc. Thông thường mã quải được may bằng vải tốt, thường là gấm, vóc, hoặc lụa trơn, cài khuy đằng trước, nhưng thường có màu khác với kỳ bào, nhằm tôn lên chất liệu vải của mã quải. Những kẻ diêm dúa thường viền cổ, thêu thùa hoa văn rực rỡ nơi vạt áo. Mã quải chia thành nhiều loại như đại khâm, đối khâm, tỳ bà khâm… Đặc điểm chung là cổ cao, độn cứng như cổ áo dài, bốn vạt, tức là thân sau do hai khổ vải ghép lại, xẻ vạt đằng trước, dài đến ngang eo, ống tay hẹp, ống tay áo dài hơn bàn tay ba, bốn tấc, nên khi mặc phải vấn ống tay áo lên.

vị ngẫm xem, chúng tôi có thể nào không nghiêm túc dạy học hay chăng? Đối với trường học hiện thời thì không được, thầy nghiêm khắc với học trò đôi chút, sẽ bị thưa kiện liền, thầy còn phải bị xử phạt, phiền phức lắm! Do đó, thầy chẳng muốn dạy. Chẳng có sư đạo, chẳng dễ gì thực hiện phụng sự sư trưởng.

Trong *"phụng sự sư trưởng"*, điều quan trọng nhất là y giáo phụng hành, đến đâu để tìm được một đứa học trò y giáo phụng hành? Tìm chẳng ra! Trong quá khứ, một mình tôi giảng kinh bên ngoài rất cô đơn, cũng rất vất vả. Mỗi lần về Đài Trung thăm thầy Lý, tôi đều khuyên lão nhân gia dạy nhiều học trò hơn để chia bớt gánh nặng của chúng tôi. Tôi nói lời này hơn mười mấy lần, nói lúc đầu, thầy Lý gật đầu, đúng thế! Đến lần cuối cùng, chắc là thầy nghe đã chán ngấy, liền bảo tôi: "Anh tìm học trò cho tôi đi". Từ đấy về sau tôi không nói nữa, vì sao? Tìm chẳng ra! Đến đâu để tìm được một học trò phục tùng thầy một trăm phần trăm? Chẳng có, tìm không ra. Thầy Lý nói: Sư tư đạo hợp (thầy trò hợp đạo) chẳng dễ dàng, học trò mong cầu thầy, chỉ có thể gặp, chứ chẳng thể cầu, chẳng dễ gì cầu được! Chẳng dễ gì cầu được một vị thiện tri thức thật sự. Một vị thầy thật sự tốt đẹp muốn tìm được học trò, cụ Lý bảo tôi, còn khó hơn trò cầu thầy. Tôi thấu hiểu sâu xa chuyện này. Tìm đâu ra một học trò thật thà như vậy?

Hiện thời, học trò có trình độ càng cao càng không nghe lời. Vì sao? Kẻ ấy có vọng tưởng càng nhiều, thành kiến càng sâu, càng khó dạy dỗ. Do đó, pháp sư Diễn Bồi tuyển học trò, Ngài chỉ cần tuyển kẻ thật thà, ngờ nghệch, chẳng cần phải rất thông minh, tốt nghiệp Sơ Trung (cấp Hai, Trung Học Đệ Nhất Cấp) là được rồi. Tại Hương Cảng, Ngài đưa ra điều kiện này, rất nhiều người đều lấy làm lạ, người khác đòi hỏi đồ đệ phải tốt nghiệp đại học, có học vị tiến sĩ. Ngài nói: "Tôi thuộc trình độ [thấp kém] ấy". Mấy ai hiểu ý Ngài? Trình độ càng cao, càng không nghe lời, bề ngoài tuân phụng, bên trong chống trái. Bên ngoài thì gật đầu [vâng dạ] với quý vị, quay lưng đi bèn làm theo ý riêng của hắn, chẳng thể thành tựu! Kẻ có trình độ càng thấp, sẽ càng khiêm hư, vì sao? Người ấy có mặc cảm tự ty, luôn cảm thấy chính mình chỗ nào cũng thua kém người khác, nên có thể phát phẫn tiến lên, có thể tiếp nhận sự chỉ đạo của thầy. Càng đọc sách nhiều, kiến thức càng rộng, kiêu căng, ngã mạn, kẻ ấy chẳng thể thành tựu. Quý vị hãy nghĩ xem, hiện thời, thầy chẳng tìm được học trò, trò cũng chẳng tìm thấy thầy, hy vọng vãng sanh rất mờ mịt. Hai câu này là căn bản của căn bản, đúng là chẳng dễ

dàng!

Thân cận một vị thiện tri thức, thật sự gặp được thầy, nếu giữa các đồng học có va chạm, có ý kiến [khác biệt], đó chẳng phải là phụng sự sư trưởng. Vì sao? Khiến cho sư trưởng phải bận tâm, giống như chẳng hiếu thuận với sư trưởng vậy, có cùng một ý nghĩa. Anh em trong nhà tụ hội, số người vẫn chẳng nhiều lắm. Các đồng học tụ tập thường là vượt hơn số lượng anh em, làm thế nào để có thể cư xử hòa thuận? Đối với Lục Hòa Kính trong Tăng đoàn Phật pháp, nếu chẳng thực hiện Lục Hòa Kính, sẽ chẳng thể gọi là phụng sự sư trưởng. Chúng ta hãy suy nghĩ, người nào trong số chúng ta làm được Lục Hòa Kính? Từ chỗ này, hãy nghiêm túc suy nghĩ cặn kẽ, mới biết vãng sanh chẳng dễ dàng. Nhưng quý vị thật sự muốn vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, viên thành Phật đạo trong một đời này, mà chẳng đi theo con đường này, sẽ chẳng có con đường thứ hai nào để dễ đi cả!

Lại thưa rõ cùng chư vị, mười một câu này là *"chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật"*. Nói cách khác, bất luận quý vị học tông nào, bất luận quý vị học pháp môn nào, mười một điều này là căn bản to tát. Đến khi nào mới phân chia [tông phái]? Kể từ sau *"phát Bồ Đề tâm"* trở đi mới phân tông, chia phái. Trước [khi nói tới] *"phát Bồ Đề tâm"*, tám câu ấy chẳng thể phân biệt, chúng là khoa mục tu học chung cho bất cứ tông nào hay bất cứ pháp môn nào!

Đương nhiên, hiện thời nói đến các vấn đề, bất luận là tại gia hay xuất gia, ở trong gia đình thì đối với gia đình bèn bất mãn, bụng đầy ắp nỗi cay đắng, chẳng có chỗ nào giãi bày. Trong đạo tràng cũng là đầy dạ khổ sở, buồn bực, ủy khuất. Tôi hiểu chuyện này rất rõ ràng, rành rẽ, ai cũng chẳng che mắt tôi được! Quý vị hãy đi tìm, hãy chọn lựa, đương nhiên, trong gia đình thì chẳng có cách nào, vì khi đầu thai, quý vị đã chọn lầm, không dễ gì thay đổi. Nhưng đạo tràng nơi quý vị xuất gia chẳng hạn chế nghiêm ngặt như vậy. Đạo tràng này chẳng vừa ý, quý vị tìm đến đạo tràng khác, hãy chọn lựa, tìm tòi! Khó lắm, thật sự là khó!

Vì sao chúng ta có những sự gặp gỡ như vậy? Nói chung, do đời trước, tu phước đức và nhân duyên ít ỏi, đã tạo nhiều ác niệm và ác hạnh, nên đời này, dù tại gia hay xuất gia, điều gì cũng đều chẳng như ý. Hãy nên quay đầu, thành tâm sám hối, nơi nào cũng đều có thể quay lại chê trách chính mình, đừng đòi hỏi người khác. Đó là thật sự tu hành, như vậy thì mới có thể thật sự tu hành, mới có thể bù đắp lầm lỗi. Nếu còn khởi tâm động niệm dòm ngó lỗi lầm của kẻ khác, kẻ như vậy đã hết

cách cứu!

Vì lẽ đó, trong Đại Thừa Phật pháp, chẳng tu mười nguyện Phổ Hiền sẽ không thể viên thành Phật đạo. Tịnh Độ Tông đặc biệt coi trọng mười nguyện Phổ Hiền, tuy là ở nơi đây, trong giai đoạn hiện tiền, chúng ta chưa thể tu được. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều tu mười nguyện Phổ Hiền. Mười nguyện Phổ Hiền được kiến lập trên cơ sở pháp bình đẳng, trên cơ sở cái tâm bình đẳng. Tâm địa thật sự thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê thì mới có thể tu. Chư vị nghĩ xem, nghĩ coi hai câu này khó khăn chừng nào. Khó khăn, nhưng như thế nào? Nhất định phải làm. Chẳng thể kêu khó rồi ta làm qua quít đôi chút; nếu [qua loa, tắc trách] như vậy, những điều sau thảy đều chẳng có.

Hiện thời có nhiều gia đình phản đối con cái học Phật. Vì sao? Sau khi đã học Phật bèn chẳng hiếu thuận. Tôi đã từng thấy, họ còn đến kể với tôi, tự mình còn cảm thấy rất đắc ý, [cứ tưởng] chính mình đã làm rất đúng! "Trong nhà, cha mẹ hôm nay lại mổ cá, ngày mai lại giết gà. Cha mẹ đã tạo sát nghiệp, trong tương lai đều phải chịu ác báo". Cha mẹ bèn nói: "Đứa nhỏ này còn giáo huấn ta, còn trù ẻo ta, nói ta sẽ chịu ác báo, đều là do bị nhà chùa dạy hư". Vì thế, cha mẹ nẩy sanh tâm lý phản kháng, chỉ e sợ con cái của chính mình hễ đến chùa, sẽ học lấy những điều xấu, về nhà chuyện gì cũng phê bình. Những lời ấy cũng chẳng nghe lọt tai, thấy người nhà hệt như cừu nhân, nhìn kiểu nào cũng thấy không thuận mắt. Thấy đồng tu còn thân thiết hơn mẹ ruột, người nhà thấy vậy ghen tỵ quá: "Tao nuôi mày lớn ngần ấy, mày xem mày đối xử với tao kiểu đó. Người kia có quan hệ gì với mày, sao lại có thể thân thiết dường ấy?" Tôi thấy rất nhiều [trường hợp như vậy], cho nên tôi thường dạy người khác: Quý vị hãy đem một phần thân tình với đồng tu đạo hữu về nhà đối đãi với cha mẹ, cha mẹ sẽ vui thích. Trong chốn chùa chiền, quý vị thấy pháp sư bèn đảnh lễ, cớ sao chẳng thể đảnh lễ cha mẹ? Chư vị hãy khéo phản tỉnh, kiểm thảo từ những chỗ này, sẽ hiểu vì sao người nhà không chủ trương cho quý vị học Phật, có nguyên nhân cả đấy! Nói thật thà, chúng ta thật sự chẳng làm được hai điều này. Thật sự làm được, cha mẹ nào chẳng thích con cái hiếu thuận, [sẽ nghĩ con cái do] tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật bèn có đức hạnh tốt đẹp ngần ấy, ước gì tất cả thân thích bằng hữu đều học Phật. Bản thân chúng ta làm sai, khiến cho xã hội hiểu lầm, khiến cho chánh phủ cũng hiểu lầm Phật giáo. Đó là đại bất hiếu! Đúng là đã khiến cho Phật, Tổ mất sạch mặt mũi, mà bản thân chúng ta vẫn tự lấy làm đắc ý, tự cho là Phật tử, đã làm bao

nhiêu công đức trong Phật giáo, làm bao nhiêu chuyện tốt, [nào dè] khiến cho mặt mũi [Phật giáo] bị mất sạch mà chính mình vẫn không biết!

Thường niệm kinh văn, trong ấy bao hàm ý nghĩa sâu rộng. Có thể hiếu thảo với cha mẹ, có thể tôn trọng thầy, đương nhiên mới có thể chẳng giết, sanh khởi tâm từ bi, tâm nhân từ đối với hết thảy chúng sanh, chẳng giết hết thảy chúng sanh. *"Tu thập thiện nghiệp"*, thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn cho hành vi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta phải làm người như thế nào, xử sự thế nào, đều tuân theo mười điều mục ấy. Tư tưởng, kiến giải, lời nói và hành vi tạo tác của chúng ta đều có thể phù hợp tiêu chuẩn ấy thì gọi là "tu hành". Tu hành là sửa đổi hành vi, thân chẳng sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; miệng chẳng nói dối, không nói đôi chiều. Nói đôi chiều là thêu dệt thị phi; chẳng ác khẩu, ác khẩu là ăn nói thô lỗ, lời nói rất khó nghe. Không ỷ ngữ, ỷ ngữ là hoa ngôn xảo ngữ, lừa gạt người khác. Ý không tham, không sân, không si. Bản thân chúng ta có năng lực phân biệt tà, chánh, phân biệt chân, giả, phân biệt đúng, sai, phân biệt lợi, hại, đó là không si. Chẳng có năng lực phân biệt thì là ngu si. Nếu muốn chẳng si, phải đọc sách, phải hiểu lý, quý vị mới chẳng bị ngu si.

Quý vị chẳng đọc sách thánh hiền, chẳng hiểu lý, sẽ thường điên đảo thị phi. Đặc biệt là trong thời đại này, sai lầm do tích tụ [đã lâu] bèn trở thành đúng, mọi người đều sai, chúng ta ngỡ là rất đúng, rất khó phân biệt, thật sự chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự [muốn] có năng lực phân biệt thì phải đọc sách thánh hiền, đơn giản là Tứ Thư, Ngũ Kinh, phức tạp hơn một chút là Thập Tam Kinh của Nho gia, Nhị Thập Ngũ Sử, chư tử bách gia, phải đọc vài chục năm mới có thể hiểu rõ, mới có năng lực này, chẳng kịp thời gian! Chẳng kịp thì cũng có phương pháp bổ cứu, "bổ cứu" là cứu giúp trong lúc cấp bách, cứu giúp nhất thời. Thuở sinh tiền, Ấn Quang đại sư lão nhân gia đã trao cho chúng ta ba thứ để cứu giúp trong khi cấp bách, là thuốc có công dụng đặc biệt để trị căn bệnh ngu si của chúng ta. Ba thứ ấy, thứ nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, thứ hai là Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, thứ ba là An Sĩ Toàn Thư, ba bộ sách ấy là thuốc có công dụng đặc biệt, có thể cứu chữa trong cơn cấp bách, rất hữu dụng! Sau đấy mới dùng Nho và Phật để dần dần bồi đắp thì thân thể mới có thể khôi phục. Ba loại ấy cứu mạng, khiến cho quý vị bất tử, đã bất tử lại còn rất vui. Phải dùng Phật pháp Đại Thừa và những kinh luận của Nho gia để thong thả học thêm.

Chẳng đọc sách thánh hiền, hậu quả chẳng kham tưởng tượng nổi. Đó là nền giáo dục chân chánh. Hiện thời, Trung Hoa chẳng có giáo dục. Gia đình chẳng có giáo dục, con cái trong gia đình của quý vị chẳng có tiền đồ. Quốc gia chẳng có giáo dục, quốc gia ấy quyết định sẽ bị mất nước. Giáo dục là gì? Giáo dục là không ngu si, là có năng lực phân biệt đúng, sai, chân, vọng, tà, chánh, đó là giáo dục. Nói cách khác, bồi dưỡng cho quý vị có tư tưởng chánh xác, kiến giải chánh xác, hành vi chánh xác. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Tương ứng với Chân Như bản tánh của quý vị, Phật chính là tiêu chuẩn ấy. Nho gia cũng theo tiêu chuẩn ấy, đó là giáo dục. Vì lẽ đó, Phật pháp là giáo dục, là nền giáo dục của đức Phật. Người hiện thời biến Phật giáo thành tôn giáo, đây là nỗi sỉ nhục lớn lao không gì bằng cho hàng đệ tử Phật, cớ sao lại biến [Phật giáo] thành tôn giáo? Đệ tử Phật chẳng trọn hết trách nhiệm tuyên dương, [khiến cho] xã hội và chánh phủ hiểu lầm, tưởng [Phật giáo] là tôn giáo. Chúng ta hãy xem Phật giáo hiện thời có phải là tôn giáo hay không? Đúng là tôn giáo. Nó vốn là giáo dục, nay bị biến thành tôn giáo, tôn giáo là gì? Tôn giáo là đối với trời, đối với quỷ thần, hằng ngày giao tiếp cùng quỷ thần.

Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, cho đến một ngàn năm sau, lúc Phật giáo truyền đến Trung Hoa, Phật giáo chẳng hề giao tiếp với người chết, chẳng niệm kinh cho người chết, trong đạo tràng cũng chẳng thờ bài vị, chẳng hề có. [Phật giáo] là cơ quan giáo dục, giáo học! Trong đại điện thờ phụng tượng Phật, tượng Bồ Tát, có cùng ý nghĩa như trong lễ đường của các trường học hiện thời treo di ảnh của Quốc Phụ, hoặc hình Tổng Thống, mang ý nghĩa kỷ niệm, chẳng phải là đối đãi Phật, Bồ Tát như thần thánh. Người hiện thời mấy ai hiểu? Do vậy, nói thật ra là đã biến Phật giáo thành tôn giáo, chúng ta đều có tội lỗi, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với tổ sư đại đức, chúng ta còn mong trong tương lai có thành tựu, quá khó!

Hôm nay tôi giảng cùng chư vị một điều trong tam phước, vì đây là căn bản của căn bản trong sự tu học, chẳng thể không nói cặn kẽ. Do [Tịnh nghiệp tam phước là chánh nhân tịnh nghiệp của] tam thế chư Phật, trong tương lai chúng ta sẽ thành Phật, tức vị lai Phật, đều do chánh nhân này. Chẳng tu những nhân này, quyết định chẳng thể thành tựu; vì vậy, phải nói cặn kẽ ba điều này cùng chư vị.

Hôm nay, tôi giảng tới đây!

Tập 210

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi mốt:

(Diễn) Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.

(演)二者受持三皈，具足眾戒，不犯威儀。

*(**Diễn**: Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi).*

Trong phần trước, đại sư đã dạy chúng ta phương pháp tu hành trong Tịnh Tông, khai thị minh bạch: *"Thiện căn, phước đức, nhân duyên"* ắt phải trọn đủ. Chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Đại sư dựa theo Quán Kinh để chỉ ra: Tam phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp. Ở đây, chúng tôi đã từng thưa trình cùng chư vị, ba điều này không chỉ là cơ sở để tu Tịnh Độ, mà nói thật ra, tất cả các tông phái và vô lượng pháp môn trong Đại Thừa Phật pháp đều chẳng lìa khỏi cơ sở này. Do vậy có thể biết, ba điều gồm mười một câu này vô cùng trọng yếu. Nếu sơ sót đoạn văn này, dẫu siêng khổ tinh tấn tu học, vẫn chẳng có cách nào thành tựu. Vì sao? Nhân và quả không tương ứng, chúng ta phải đặc biệt chú ý chuyện này.

Thật ra, Phật pháp được kiến lập trên cở sở hiếu đạo, do hiếu đạo mà sau đó mới có sư đạo. Mong kẻ bất hiếu với cha mẹ sẽ tôn kính sư trưởng là chuyện không thể được! Lẽ đâu kẻ chẳng tôn kính người thân yêu nhất của chính mình mà lại tôn kính người ngoài ư? Nếu có chuyện ấy, kẻ đó nhất định là có mưu đồ. Chẳng có mưu đồ thì nói theo tình lẫn lý đều chẳng thông! Điều này cho thấy "hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy" chính là căn cội to lớn trong tu hành. Nếu muốn đạt thành tựu nơi pháp thế gian và xuất thế gian, phải cậy vào sư đạo. Trong kinh, đức Phật thường nói, cha mẹ có ân sanh ra nhục thân chúng ta. Thân thể này là do cha mẹ mà có. Thầy có ân đức sanh trưởng Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. Pháp Thân huệ mạng do thầy mà có. Tại Trung Hoa, vào thời cổ, thầy và cha mẹ được coi trọng như nhau. Chư vị đọc Lễ Ký, đọc cổ lễ, sẽ biết: Cha mẹ qua đời, con thủ hiếu (để tang) ba năm. Thầy qua đời, trò giữ tâm tang ba năm, chẳng có hình thức, chẳng cần mặc hiếu phục (tang phục). Đó chính là học trò coi thầy chẳng khác cha mẹ. Còn

một điều rõ rệt nữa là gọi tên. Vào thời cổ, chỉ có đối với trẻ thơ hoặc người chưa trưởng thành là có thể gọi thẳng tên, có thể gọi kẻ đó bằng tên. Sau khi đã trưởng thành, nếu vẫn gọi thẳng tên tức là rất thiếu cung kính, rất thiếu lễ phép đối với người ấy, nhất là gọi đủ cả tên lẫn họ, càng chẳng có đạo lý ấy. Đó là nhục mạ đến tột cùng!

Nam tử hai mươi tuổi trưởng thành bèn hành lễ gia quan (hoặc nhược quan)[96], [tức là] đội mũ. Đội mũ nhằm biểu thị "đã là người lớn, chẳng còn là trẻ nhỏ". Quý vị thấy người ấy bèn tôn trọng, chẳng thể gọi kẻ ấy bằng tên. Nữ nhân mười sáu tuổi bèn làm lễ cài trâm[97], tức là bới

---

[96] Theo Châu Lễ, điển lễ này đã được thực hành từ đời Châu, thông thường là khi nam thanh niên đã tròn hai mươi tuổi, nhưng nếu là con hoàng đế hoặc chư hầu, do nhu cầu chấp chánh, có thể được gia quan sớm hơn. Chẳng hạn, Châu Văn Vương tiếp nhận lễ gia quan năm mười hai tuổi, Châu Thành Vương được gia quan năm mười lăm tuổi. Lễ được tiến hành thường vào tháng Hai, sau khi xin quẻ bói để chọn ngày tốt liền báo trước cho thân hữu mười ngày. Đồng thời dùng quẻ bói và bát tự để chọn một vị chủ trì điển lễ (thường gọi là Đại Tân) và một vị Tán Quan để giúp vị chủ lễ. Khi hành lễ, chủ nhân (thường là cha người được nhận lễ gia quan), Đại Tân, Tán Quan và người nhận lễ gia quan đều mặc đại lễ phục. Người chủ lễ và người nhận lễ quỳ đối diện nhau trước bàn thờ tổ tiên, vị tán quan cầm mũ. Vị chủ lễ nhận mũ từ tay vị tán quan đội lên đầu người nhận lễ và nói những lời chúc tụng tốt lành, dặn dò người nhận lễ vâng giữ đạo đức v.v… Đầu tiên là trao mũ bằng vải đen, rồi trao mũ bằng da, cuối cùng trao tước biện. Tước Biện (爵弁) là một loại mão rộng tám tấc, cao một thước sáu tấc, trước nhỏ sau to, thường dùng lụa chế thành có màu như lông chim sẻ. Do chữ Tước (雀: chim sẻ) đồng âm với Tước (爵: chức tước), nên loại mão này còn có ý nghĩa chúc tụng người thanh niên ấy sẽ công danh thành đạt. Tước Biện trông gần giống như miện (冕) của hoàng đế, tức là có hình ống tròn, phía trên có một tấm đậy, nhưng không đặt ngang như miện mà đặt xéo, phía trước cao hơn. Phía trên mão có chỗ để cắm trâm xuyên qua và buộc dây dưới cằm cho khỏi tuột. Điểm khác biệt là Tước Biện không có tua kết ngọc treo rủ xuống trước mặt như Miện. Chỉ có loại Tước Biện đội trong đám cưới là có hai tua đỏ treo hai bên đầu trâm. Sau khi đã trao ba lần mũ xong, vị Đại Tân lại đặt tên Tự cho người nhận lễ. Người chủ lễ bèn đưa tiễn Đại Tân ra khỏi cửa, biếu tặng lễ vật. Người chịu lễ bèn đến chào hỏi chú bác, trưởng bối trong họ để nhận lời khuyên dạy rồi mới cùng nhau ăn uống. Về sau, nghi thức gia quan được giản lược bớt, không mời khách khứa, vị Đại Tân thường do cha người nhận lễ hay vị trưởng họ chủ trì.

[97] Lễ cài trâm (kê lễ, 簪禮), Kê ở đây là cách gọi khác của cái trâm. Người con gái khi mười lăm tuổi trở lên (đôi khi tiến hành sớm hơn nếu sắp được gả đi, có trường hợp cá biệt, đến hai mươi tuổi mới làm lễ cài trâm), bèn búi tóc thành búi lên đỉnh đầu, cài trâm để giữ chặt lại. Sau khi đã nhận lễ cài trâm, người nữ không bao giờ ra ngoài mà không búi tóc, cài trâm. Tùy theo giàu nghèo khác biệt mà trâm có thể chỉ là một thanh gỗ nhỏ, tròn, một đầu to và tù, đầu kia nhỏ và nhọn, có thể cắm xuyên

tóc lên, cô ta đã trưởng thành rồi. Ngày hôm ấy, bậc trưởng thượng, người ngang vai vế, anh chị em của người ấy phải tặng cho người ấy tên tự[98], [thường gọi là] tên chữ. Từ ngày ấy trở đi, mọi người gọi kẻ ấy bằng tên tự, chẳng còn gọi tên. Sau đấy, ai sẽ gọi tên? Chỉ có cha mẹ, cha mẹ suốt đời gọi người ấy bằng tên. Người thứ hai là thầy, thầy suốt

---

qua búi tóc, hay bằng vàng, bạc, ngọc, chạm trổ cầu kỳ, có tua, có hoa văn v.v… (Nói cho đúng, loại trâm như vừa tả được gọi là Kê, loại được trang trí cầu kỳ hơn thì gọi là Trâm, nếu đã cách điệu thành hoa lá, có tua treo, gồm nhiều nhánh, sẽ gọi là Thoa). Có nhiều khi do chạy theo mode thời trang hoặc do khoe của, các cô có thể cắm khá nhiều trâm trên đầu. Điểm khác biệt giữa người đã thành hôn và người chưa thành hôn là sau khi bới tóc, phần đuôi tóc của người chưa thành hôn được bỏ xõa xuống vai, trong khi người đã thành hôn, đuôi tóc phải cuộn lại thành búi sau gáy. Kê Lễ thường được cử hành vào tháng Ba, giống như trong Quan Lễ, chủ nhân là cha mẹ cô gái, vị chủ trì cuộc lễ gọi là Chánh Tân, người trợ giúp gọi là Tán Giả. Người giữ vai trò Chánh Tân là một phụ nữ hiền thục, đảm đang, được mọi người tôn trọng. Người phụ lễ sắp sẵn ba mâm gồm trâm loại thường để giữ búi tóc, trâm cài tóc trang trí tinh xảo, và mũ phụng, ngoài ra còn gương, lược và các vật trang sức khác như hoa tai, nhẫn, dây chuyền, dây buộc tóc v.v… Nghi thức cũng gần giống như lễ gia quan, nhưng sách không ghi cụ thể, nên nghi lễ cài trâm đôi khi rất rườm rà và biến đổi theo từng vùng. Nghi thức cài trâm đời Tống rườm rà nhất. Về sau, để đơn giản, người chủ lễ chỉ bới tóc cô gái lên và cài một cây trâm ngang búi tóc, dùng một dải lụa thêu buộc quanh búi tóc là xong.

[98] Tên Tự gọi đủ là biểu tự (表字), thường để biểu lộ ý chí và ước vọng. Nhan Chi Suy thời Bắc Tề cho rằng tên để phân biệt giữa người này với người kia, còn Tự nhằm biểu lộ đức hạnh. Thông thường, tên Tự có ý nghĩa liên quan với tên thật, chẳng hạn Nhạc Phi có tên tự là Bằng Cử (chim đại bàng cất cánh), Quan Vũ có tên tự là Vân Trường (vì Vũ là lông chim). Thói quen đặt tên Tự đã có từ đời Châu và hầu như không dùng nữa sau phong trào vận động Ngũ Tứ, nhưng giới văn nhân trí thức vẫn sính dùng tên tự, như Hồ Thích có tên tự là Thích Chi, Tôn Văn có tên tự là Tải Chi. Ngay cả Mao Trạch Đông cũng lấy tên tự là Nhuận Chi. Tên tự có khi chỉ là một chữ, như Khuất Nguyên chính là tên tự vì ông tên thật là Bình, Nhan Hồi có tên tự là Uyên, có khi đến ba chữ như Lý Kiến Thành có tên tự là Tỳ Sa Môn, phổ biến nhất là hai chữ. Theo thời gian, có những cách đặt tên tự như sau:

- Dùng chữ Tử như Công Tôn Kiều có tên tự là Tử Sản, Tăng Sâm tên tự là Tử Dư, Bốc Thương có tên tự là Tử Hạ…
- Chữ đầu trong tên tự chỉ thứ tự (Bá, Trọng, Thúc, Quý), chẳng hạn Tôn Sách là con cả nên có tên tự là Bá Phù, Khổng Tử là con thứ hai của Thúc Lương Ngột nên có tên tự là Trọng Ni...
- Biểu thị chí hướng, ước vọng, như La Bổn có tên tự là Quán Trung (ông này là tác giả bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa), Phòng Kiều (danh thần và mưu sĩ của Đường Thái Tông) thường được biết đến với tên tự là Phòng Huyền Linh…

đời gọi quý vị bằng tên thật. Trừ hai hạng người ấy ra, ông bà nội, bác, chú, người nhà, quyến thuộc đều gọi quý vị bằng tên tự. Ông bà nội do cách quý vị một đời, nên tôn kính quý vị. *"Trưởng ấu hữu tự"* (Lớn nhỏ có tôn ty trật tự). Quý vị làm quan trong triều đình, hoàng đế cũng gọi quý vị bằng tên tự. Nếu hoàng đế gọi thẳng tên tức là quý vị có tội, phải chịu hình phạt, chẳng giữ được chức quan. Nếu hoàng đế gọi cả họ lẫn tên, chỉ sợ bị chặt đầu, khó giữ được cái đầu! Vì thế, trong xưng hô, thầy và cha mẹ giống nhau. Từ cổ lễ, có thể thấy rất rõ điều này: Hiếu đạo và sư đạo chẳng thể tách rời. Nay chúng ta chẳng nói tới hiếu đạo, nên sư đạo cũng chẳng có. Chẳng có sư đạo, làm sao có thể thành tựu cho được? Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng. Hiện thời, nói thật thà, mấy ai hiểu hiếu đạo? Mấy ai hiểu sư đạo? Trong pháp thế gian đã hoàn toàn vứt bỏ [sư đạo], mà trong Phật pháp hiện thời cũng chẳng tồn tại, cũng chẳng có. Nhìn bề ngoài, dường như tốt đẹp hơn pháp thế gian đôi chút, nhưng chỉ có hình thức, thiếu hẳn nội dung!

Sư đạo nói từ chỗ nào? Hôm nay, câu thứ hai nói cụ thể nội dung của sư đạo. Tôn sư là như thế nào? Trọng đạo là như thế nào? Trước hết là *"thọ trì Tam Quy"*, *"thọ"* (受) là thầy truyền trao cho ta, [ta tiếp nhận]. Sau khi ta tiếp nhận, phải có thể phụng hành, phải có thể gìn giữ suốt đời, chẳng thể lìa bỏ. Tam Quy là giới điều cơ bản. Chúng ta thường nói Giới thì Ngũ Giới là Căn Bản Giới, Ngũ Giới lấy Tam Quy làm cơ sở. Chẳng có Tam Quy, lấy đâu ra Ngũ Giới? Trong Phật môn, quý vị thường thọ Tam Quy. Khi quý vị cầu giới, vẫn phải thọ Tam Quy, rồi mới thọ Ngũ Giới. Nếu thọ tỳ-kheo giới, hoặc thọ Bồ Tát giới, vẫn thọ từ Tam Quy. Vì sao? Tam Quy là cơ sở; chẳng có Tam Quy, những điều kế tiếp đó đều chẳng có. Hiện thời, chúng ta có Tam Quy hay không? Nói thật thà, thảy đều chẳng có. Tu hành thì tu khởi đầu từ đâu? Tam Quy. Mọi người chỉ biết theo kiểu hình thức, nội dung chẳng biết một điều gì, đáng sợ quá! Nói đến Tam Quy, các vị đều biết *"quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng"*. Ngoài việc biết niệm chín chữ ấy ra, xác thực là chẳng biết gì về nội dung trong ấy! Hễ nói *"quy y Phật"* bèn nghĩ tới tượng Phật; nói *"quy y Pháp"* bèn nghĩ tới kinh điển; nói *"quy y Tăng"* bèn nghĩ tới người xuất gia, hoàn toàn sai bét mất rồi! Một ngàn ba trăm năm trước, vào thời Đường, Thiền Tông Lục Tổ đại sư giảng Tam Quy chỉ sợ người ta hiểu lầm, nên Ngài truyền trao Tam Quy, chẳng nói *"quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng"*, mà nói *"quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh"*. *"Giác, chánh, tịnh"* là nói theo ý nghĩa; Phật, Pháp, Tăng là nói theo

hình tướng. Thật ra, chỗ quy y chân thật là Tam Bảo trong tự tánh.

Phật có nghĩa là giác. Phật là giác tánh, là Phật tánh sẵn có của chính mình, đó gọi là *"quy y Phật"*. Có mấy ai biết quy? Chẳng có ai! Đúng là chẳng dễ dàng! Thật sự thực hiện được chuyện quy y Phật thì phải như Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, *"bỏ Thức dùng Căn"* sẽ là quy y Phật. Quy (皈) là quay lại, từ đâu mà quay lại? Từ thức quay trở lại. Từ tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở mà quay lại. Y (依) là gì? Nương vào giác tánh của chính mình. Giác tánh là gì? Là căn tánh của lục căn, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe. Trước khi chúng ta quy y, chúng ta dùng Nhãn Thức để nhìn sáu trần bên ngoài. Hễ quy y bèn quay lại, từ nay chúng ta chẳng dùng Nhãn Thức, mà dùng tánh Thấy để thấy sắc tánh, chẳng thấy sắc trần, đó mới là quy y Phật. Mấy ai có thể làm được? Quy y như vậy, chính mình thuộc địa vị gì? Thưa cùng chư vị, ngay lập tức lắc thân biến hóa, [sẽ là] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, đó mới là quy y Phật. Quy là trở về, quay đầu, mấy ai chịu quay đầu? Chết đến nơi vẫn chẳng chịu quay đầu, quý vị còn có cách nào nữa đây!

Tam Quy đều nói theo hình thức, chứ nội dung và nghĩa thú chân thật của Tam Quy đều không hiểu, làm thế nào đây? Sử dụng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở chính là mê hoặc, điên đảo, chúng ta thường nói là "xử sự theo cảm tình". *"Thức"* là tình thức, xử sự theo cảm tình, còn đối với Chân Như bản tánh, tánh là lý tánh. Xử sự, đãi người, tiếp vật thảy đều dùng cảm tình, đó là tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, làm thế nào được nữa! Vì thế, mấy ai biết quy y chân thật? Chúng tôi thường nói, chỉ bảo mọi người hãy từ mê hoặc, điên đảo mà quay lại, [đó là] chúng ta quy y tự tánh giác. Tôi nói không sai, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu! Mê hoặc, điên đảo là gì? Tự tánh giác là gì? Nay tôi trích dẫn cách nói theo Lăng Nghiêm, chư vị có thể cảm thấy rõ ràng hơn một chút, nhưng vẫn chưa dễ hiểu. Lại nói nông cạn hơn một chút, [mê hoặc, điên đảo] sẽ là xử sự theo cảm tình. Hãy quay lại, sử dụng lý trí. Nói theo cách hiện thời như vậy, mọi người nghe chắc là sẽ có thể hiểu dễ hơn, nhưng ý nghĩa trong ấy vẫn rất mơ hồ, mông lung. Lý trí là gì? "Không phải lý trí" là gì? Ắt phải hiểu rõ ràng tánh chất của tám thức thì mới thấy dễ hiểu hơn! Thức thứ sáu là ý thức, năm thức trước là tiếp xúc, chẳng khẩn yếu. Mắt tiếp xúc sắc trần bên ngoài, tai tiếp xúc âm thanh bèn khởi tác dụng. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức

thứ tám giữ lại ấn tượng. Bản tánh chính là căn tánh của lục căn, thưa cùng chư vị, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng không giữ lại ấn tượng. Nay khiến cho lục căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mà chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, đó là đã quay lại, đó là quy y giác, là quy y Phật.

Nói cách này rõ ràng hơn nhiều, chúng ta có thể làm được hay không? Hễ làm được, tâm bèn thanh tịnh. Vì sao? Tất cả hết thảy phiền não đều chẳng có, phiền não do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước mà có. Bỏ sạch hết thảy phân biệt, chấp trước, lẽ nào có thể nẩy sanh phiền não? Không chỉ chẳng có phiền não, mà sanh tử cũng chẳng có. Sanh tử cũng từ phân biệt, chấp trước mà có. Chẳng có phân biệt, chấp trước, sanh tử sẽ chẳng có, luân hồi cũng chẳng có, lục đạo cũng chẳng có. Hễ quay đầu bèn chẳng có, không quay đầu thì thứ gì cũng đều có; bèn có cái để phải hứng chịu. Tổ sư đại đức thường nói: *"Quay đầu là bờ"*. Phải biết quay đầu. Quy y là quay đầu, như vậy mới là quy y Phật. Quy y Phật khó lắm. Tụng niệm công khóa sáng phải niệm Tam Quy, tụng niệm công khóa tối lại niệm Tam Quy, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình: "Nhất định phải quay đầu". Không quay đầu sẽ chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng quay đầu sẽ chẳng phải là kính trọng thầy. Không quay đầu sẽ là bất hiếu với cha mẹ. Vì lẽ này, điều thứ hai [trong Tam Phước] lấy điều thứ nhất làm cơ sở. Đã coi Phật là thầy, Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta liền tiếp nhận như thế ấy, phụng hành đúng như thế đó. Đấy chính là tôn sư, tức là tôn kính thầy, là hiếu thảo đối với cha mẹ. Cha mẹ hy vọng chúng ta sẽ học theo một vị thầy tốt đẹp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt đẹp nhất trong thế gian và xuất thế gian. Tuy Phật chẳng tại thế, chẳng tại thế cũng không sao cả, kinh điển vẫn còn trên thế gian. Nương theo kinh điển để tu học chính là nương theo Phật để học đạo.

Điều thứ hai [trong Tam Quy] là quy y Pháp, Lục Tổ đại sư nói là *"quy y chánh"*. Chánh là gì? Chánh tri chánh kiến. Chánh tri chánh kiến, chúng ta cũng rất khó hiểu. Tri kiến như thế nào thì gọi là bất chánh? Tiêu chuẩn của tà và chánh là gì? Nói nông cạn, tiêu chuẩn của tà và chánh là Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Kinh và luận là tiêu chuẩn cho tư tưởng và kiến giải, giới luật là tiêu chuẩn của ngôn ngữ và tạo tác. Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta đều tương ứng với kinh, luật, luận thì tri kiến ấy chính là chánh tri chánh kiến. Nếu cách nghĩ,

cách nhìn, cách nói, và cách làm của chúng ta trái nghịch kinh điển, sẽ là tri kiến bất chánh. Nói như vậy, chúng ta có phải đọc trọn hết Đại Tạng Kinh hay không? Không phải vậy! Thuở đức Phật tại thế dạy bảo các đệ tử, nói thật thà là [đệ tử được] khai thị một lần bèn suốt đời phụng hành. Cổ nhân cũng nói: *"Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ"* (Một ngày là thầy, suốt đời là cha). Thầy dạy quý vị một ngày là được rồi, quý vị phải tuân thủ suốt cả một đời. Chẳng tuân thủ tức là chẳng tôn kính thầy, chẳng hiếu thảo với cha mẹ. Hết cả một đời phụng hành, trong kinh luận chúng ta thường thấy chuyện này.

Xét đến nguồn cội của kinh điển, tám chín phần trong mười phần là do có người khải thỉnh. *"Khải thỉnh"* (啟請) là như ta nay gặp phải khó khăn, bèn thưa bày cùng Thích Ca Mâu Ni Phật, xin lão nhân gia chỉ giáo. Đức Phật liền giảng giải, giải quyết vấn đề. Về sau, ghi chép lại thành một bộ kinh. Thuật ngữ *"đương cơ"* (當機) trong kinh Phật chỉ người đến thỉnh giáo, đức Phật [nói một kinh] là nói với người ấy [nhằm giải quyết nghi vấn của người đó]. Người ấy suốt đời hành theo giáo huấn của đức Phật, sẽ đạt được kết quả thù thắng. Không có ai khải thỉnh, mà đức Phật tự mình chủ động nói kinh thì không nhiều lắm. Kinh A Di Đà là *"vô vấn tự thuyết"* (không ai hỏi mà tự nói), rất đặc biệt. Kinh Vô Lượng Thọ, nửa bộ đầu do tôn giả A Nan khải thỉnh, nửa bộ sau do A Dật Đa Bồ Tát (tức là Di Lặc Bồ Tát) khải thỉnh. Hai vị này là đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ, tức là có đối tượng [thỉnh vấn]. Bộ kinh này do đức Phật vô vấn tự thuyết, tình hình như vậy rất ít. Đức Phật quan sát thấy cơ duyên đã chín muồi, tuy chẳng có ai hỏi, lão nhân gia chủ động nói ra. Do vậy có thể biết, mỗi bộ kinh đều trọn đủ Tam Tạng kinh luật luận. Bất cứ một bộ kinh nào hễ mở rộng ra đều là Tam Tạng to lớn. Thu nhỏ Tam Tạng sẽ thành một bộ kinh. Quý vị hiểu ý nghĩa này, trong các buổi giảng tôi thường nói, kinh Vô Lượng Thọ nếu nói rõ ràng chi tiết sẽ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Chú giải tỉ mỉ của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là Đại Tạng Kinh, quý vị bèn hiểu rõ. Do vậy, *"một chính là nhiều, nhiều chính là một"*. Vì thế, chúng ta chọn lựa một bộ kinh luận, suốt đời nương theo bộ kinh luận ấy để tu sửa tư tưởng, kiến giải, và hành trì của chúng ta thì là đúng. Đó mới là quy y Pháp.

Khóa sớm niệm kinh luận một lần hòng nhắc nhở chính mình: "Ngày hôm nay đừng quên lời Phật giáo huấn, phải y giáo phụng hành". Khóa tối là phản tỉnh, là kiểm thảo: "Ngày hôm nay ta xử sự, đãi người,

tiếp vật, cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của ta có trái nghịch với giáo huấn của thầy hay không?" Hễ có vi phạm, phải chân tâm sám hối, sửa lỗi, đổi mới, đó là tu hành. Nếu không, hai buổi khóa tụng sáng tối có ích chi đâu? Hai thời công khóa sáng tối chẳng thiếu, niệm kinh ấy một lượt cho Phật, Bồ Tát nghe: "Con là cục cưng ngoan ngoãn của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát rất yêu thích con". Nực cười! Sai lầm to đùng! Không chỉ là bản thân quý vị đã nghĩ sai be bét, mà thật sự còn là tạo tội nghiệp. Phật, Bồ Tát lại chẳng ở đó, [tượng thờ ở đó là] tượng bằng đất nặn hay gỗ khắc, buổi sáng niệm kinh lừa tượng một lần, buổi tối lại niệm một lần lừa gạt chúng. Ngay cả tượng bằng đất nặn, gỗ khắc mà còn nhẫn tâm dối gạt, lẽ nào kẻ ấy chẳng lừa phỉnh người khác? Vì thế, kẻ ấy hằng ngày lừa người, chẳng có gì là lạ. Vì sao? Tượng Phật, Bồ Tát mà kẻ ấy còn lừa, lại còn lừa hai lần mỗi ngày! Chẳng hiểu quy y Pháp là gì, quý vị còn làm sao được nữa!

Điều thứ ba [trong Tam Quy Y] là *"quy y Tăng"*. Tăng có nghĩa là *"thanh tịnh, hòa hợp"*. Trong hai ý nghĩa ấy, thanh tịnh là chủ yếu, tâm thanh tịnh bèn hòa hợp. Tâm mỗi người đều thanh tịnh, làm sao bất hòa cho được? Đương nhiên là hòa, tự nhiên là hòa. Giới điều cơ bản của Tăng đoàn là Lục Hòa Kính. Mục đích của Lục Hòa Kính là tâm thanh tịnh, [Tăng đoàn] được gọi là Hòa Hợp Chúng, [ngụ ý] tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh. Nay chúng ta thấy cảnh giới chẳng thanh tịnh, vì sao chẳng thanh tịnh? Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thật sự thanh tịnh như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai"* (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai), tâm thanh tịnh sẽ chuyển biến cảnh. Tâm chẳng thanh tịnh bèn bị cảnh chuyển. Tâm chẳng thanh tịnh sẽ bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Tâm thanh tịnh chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Chẳng bị cảnh giới ảnh hưởng, quý vị sẽ có thể ảnh hưởng cảnh giới. Quý vị có thể ảnh hưởng ngoại cảnh thì gọi là *"chuyển cảnh"*. Nếu chư vị tham cứu thấu triệt đạo lý này, sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Thế giới ngày nay, gần như mọi người trên toàn thế giới hiện thời đều ý thức địa cầu đã bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Làm thế nào để có thể tiêu trừ sự ô nhiễm ấy? Thưa cùng chư vị, nếu tâm địa chúng ta ô nhiễm mà chẳng thể khôi phục thanh tịnh, hoàn cảnh bên ngoài sẽ chẳng thanh tịnh. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm thanh tịnh sẽ không tạo tác sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh; tâm chẳng thanh tịnh thì mới có thể tạo tác sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh.

Việc bảo vệ môi trường trên cả thế giới hiện thời toàn là làm những chuyện thuộc về cành lá, chẳng tìm được cội rễ. Cội rễ ở trong tâm địa. Làm thế nào bảo vệ sự thanh tịnh trong cái tâm, bảo vệ cho tinh thần chẳng bị ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài sẽ có thể tự nhiên khôi phục. Nhiều kẻ trong thế gian chẳng đọc kinh, chẳng biết chân tướng sự lý này. Tuy chúng ta hiểu, nhưng người hiểu quá ít, do người ít nên lời nói không có sức thuyết phục mạnh mẽ, thấy người thế gian tạo nghiệp chịu báo, chẳng có cách nào cứu vãn! Chẳng cứu người khác được, nhất định là phải cứu chính mình, đó là chánh xác. Chính mình đã được cứu giúp, trong tương lai, nhân duyên của chúng sanh chín muồi, chúng ta thả chiếc bè Từ trở lại giúp đỡ họ. Khi nào thì nhân duyên chín muồi? Họ có thể tiếp nhận Phật pháp, có thể nghe lọt tai, nghe rồi hoan hỷ, có thể tin nhận phụng hành, đó là nhân duyên đã chín muồi. Nay họ nghe chẳng lọt tai, chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể phụng hành, tức là duyên chưa chín. Khi chưa chín muồi thì phải tự độ, khi duyên đã chín muồi, sẽ lại độ kẻ khác. Đó gọi là quy y Tăng. Quy y Tăng chẳng phải là quy y một vị xuất gia, nhất định phải hiểu rõ điều này.

Kinh điển thì bộ kinh nào cũng đều bao hàm vô lượng nghĩa. Chúng ta đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư liền biết, tác phẩm này nhằm giải thích kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà rất ngắn, ba phút đã niệm xong, kinh A Di Đà giảng những gì? Lại xem bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đúng là đáng nể, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi, giảng hết một năm vẫn chưa xong. Từ chỗ này, chúng ta mới biết: Trong kinh xác thực là bao hàm vô lượng nghĩa. Kinh A Di Đà bao hàm vô lượng nghĩa, có bộ kinh nào không bao hàm vô lượng nghĩa? Bộ kinh nào cũng đều chẳng phải là ngoại lệ. Đừng nói là giảng một năm chưa xong; nếu nói tỉ mỉ, cả một trăm năm vẫn giảng chẳng xong, thật đấy!

"Thọ trì Tam Quy, trọn đủ chúng giới, chẳng phạm oai nghi" là tín điều tôn sư trọng đạo của đệ tử Phật. Tức là tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ chính là hành pháp cụ thể, tức phương pháp để tu hành. Nếu chẳng thật sự liễu giải ý nghĩa Tam Quy, chúng ta sẽ quy từ đâu? Chúng ta "*y*" (nương tựa) gì? Cũng có lẽ các đồng tu lại hỏi: Có rất nhiều bà cụ suốt đời cũng chẳng biết chữ, cũng chẳng hề nghe kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, khi lâm chung đứng mất, hoặc ngồi mất, biết trước lúc mất, đó là chuyện như thế nào? Tôi thưa cùng quý vị, tuy bà cụ chưa hề nghe kinh, không biết chữ, cũng chưa từng niệm kinh, nhưng mười một câu của tam phước, cụ đã hoàn toàn làm được. Quý vị

hãy quan sát tỉ mỉ, kiểm điểm cặn kẽ, sẽ thấy cụ chẳng khuyết thiếu một điều nào! Người ta suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật, điều gì cũng chẳng nghĩ tưởng, tâm địa thanh tịnh, tức là có *"quy y Tăng"* trong Tam Quy. Tư tưởng và kiến giải của cụ là A Di Đà Phật, cụ tin sâu Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng nghi, niệm nào cũng đều cầu sanh Tịnh Độ, hy vọng A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chính mình. Tri kiến ấy chính là chánh tri chánh kiến. Một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, không xen tạp là giác chứ không mê. Cổ đức dạy: *"Cái tâm năng niệm là Thỉ Giác, Phật hiệu được niệm là Bổn Giác"*. Niệm Phật là quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh. Nguyên lai, một câu Phật hiệu của cụ trọn đủ Tam Quy. Không chỉ là Tam Quy trọn đủ, các giới cũng trọn đủ, Bồ Đề tâm cũng trọn đủ. Quy nạp toàn thể Đại Thừa Phật pháp đến cuối cùng sẽ là bốn chữ A Di Đà Phật, [do vậy] *"đọc tụng Đại Thừa"* cụ cũng trọn đủ. Cụ vãng sanh như vậy, nêu gương khiến cho người khác trông thấy sẽ cảm động, tức là khuyến hóa kẻ khác cụ cũng trọn đủ. Tự hành, hóa độ người khác, dùng thân để giáo hóa, [đó chính là] *"khuyến tấn hành giả"*. Quý vị nói xem: Có điều nào cụ không trọn đủ? Điều nào cũng đều trọn đủ. Chúng ta có thể sánh bằng cụ hay không? Chẳng sánh bằng! Chớ nên xem nhẹ người khác!

Nói thật ra, đối với thế gian và xuất thế gian trong hiện thời, sau khi đã vứt bỏ quan niệm đạo đức cơ bản, nói thông thường sẽ là kẻ được hưởng giáo dục càng cao càng phiền phức, đều luôn cho mình là đúng, cuồng vọng, khi dễ người khác. Báo hôm nay đăng tin, tân Thủ Tướng của nước Anh chỉ có trình độ Trung Học, rất đáng khiến cho người khác phản tỉnh sâu xa. Người Hoa thường nói: *"Anh hùng bất phạ xuất thân đê"* (Anh hùng chẳng sợ xuất thân thấp hèn). Thông thường, người xuất thân thấp hèn bèn khiêm hư, cung kính, luôn nghĩ ta chẳng bằng kẻ khác, nên mới có thể thành tựu; [nếu kẻ nào luôn nghĩ] người khác chẳng bằng ta, thôi rồi, ta còn có thể thành tựu hay không? Còn có thể tiến bộ hay không? Chẳng có! Chư vị xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm. Mỗi vị thiện tri thức đều là đại Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, sau khi dạy xong, các Ngài bảo: "Vô lượng vô biên pháp môn rất sâu, ta chỉ biết chút này, ta chẳng bằng các vị thiện tri thức, ngươi hãy đi tìm [những vị ấy]". Chẳng có vị nào không tự khiêm hư, tôn kính người khác, đề cao người khác. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chẳng tìm thấy vị nào ngạo mạn! Ngay cả Khổng lão tử phu tử cũng nói: Giả sử có người tài hoa giống như Châu Công, *"như*

Châu Công chi tài chi mỹ" (nếu người nào có tài năng hay khéo như Châu Công), Châu Công là vị thánh nhân được Khổng lão phu tử bội phục nhất. *"Sử kiêu thả lận"*, [nghĩa là giả sử kẻ ấy] ngạo mạn, keo kiệt, nếu kẻ ấy có hai điều đó, *"kỳ dư tắc bất túc quán hỹ"* (những điều khác chẳng đáng để xét tới nữa), kẻ như vậy chẳng cần phải xét tới nữa! Vì sao? [Những ưu điểm, tài năng của kẻ ấy] toàn là giả, chẳng thật!

Vừa mở đầu sách Lễ Ký, thánh nhân đã dạy: *"Ngạo bất khả trưởng"* (Chớ nên trưởng dưỡng thói kiêu ngạo). Nho gia nói theo pháp thế gian, chẳng nhấn mạnh đoạn phiền não, nhưng người ta chế phục phiền não, chẳng để cho nó tăng trưởng. Đối với nhà Phật thì phải thoát tam giới, quyết định phải đoạn phiền não. Đoạn phiền não thì khởi sự đoạn từ nơi đâu? Đoạn tập khí ngạo mạn trước! Vì lẽ đó, tu học Phật pháp trước tiên là thử thách quý vị, chiết phục hết sạch tập khí kiêu mạn rồi mới có tư cách học đạo. Tâm đã thanh tịnh thì mới có tâm cung kính người khác, mới thật sự nhún mình, đề cao người khác, mới có thể tiếp nhận, mới trở thành pháp khí, mới có thể tiếp nhận pháp rất sâu. Pháp rất sâu là Như Lai bình đẳng tánh pháp. Hễ có mảy may kiêu mạn, chẳng phải là Phật thiếu từ bi, chẳng phải là Ngài không chịu truyền dạy quý vị, mà vì truyền dạy quý vị cũng vô dụng! Truyền chỗ này, rò rỉ chỗ kia, nên gọi là *"hữu lậu"*. Lậu (漏) là gì? Là phiền não của quý vị. Vì thế, trước hết, nhất định phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não. Sau khi đã đoạn Kiến Tư phiền não thì mới là pháp khí.

Đối với Kiến Tư phiền não, tham lam, sân khuể, ngu si, ngạo mạn, hoài nghi trong Tư Hoặc, hễ có một điều nào trong tham, sân, si, mạn, nghi, sẽ chẳng thể thành tựu. Không chỉ là quý vị chẳng thể thành tựu Phật pháp thông thường, mà niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, đúng vậy đó! Quý vị niệm Phật mà còn tham tài, tham danh, tham lợi trong thế gian, có thể vãng sanh nổi hay chăng? A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ta, [nhưng ta thấy] cổ phiếu chỗ nọ đang lên giá, không thể đi được, phải kiếm tiền đã! Vậy thì làm sao có thể ra đi thành công cho được? Còn có con cháu rất đông, ta còn chưa gặp mặt chúng, còn chưa dặn dò rõ ràng. A Di Đà Phật chẳng thể chờ đợi quý vị. Quý vị có tham, có sân khuể, người này trong quá khứ có lỗi với ta, ta còn chưa trả đũa hắn, vậy thì cũng chẳng đi được! Tham, sân, si, mạn, nghi đều là đại chướng ngại cho việc vãng sanh. Nếu quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy đều chớ nên có. Chúng là tập khí, là phiền não, là chướng ngại, là nghiệp chướng!

Mỗi người chúng ta đều biết: "Ta nghiệp chướng rất nặng". Đúng vậy! Nghiệp chướng rất nặng, người nghiệp chướng nặng nề chẳng thể vãng sanh. Hy vọng một câu Phật hiệu này sẽ tiêu sạch tất cả nghiệp chướng của quý vị. Ý niệm tham, sân, si, mạn, nghi vừa dấy lên, ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật, khiến cho ý niệm ấy bị quên bẵng. Ắt cần phải niệm câu Phật hiệu A Di Đà Phật nhuyễn nhừ, trong mỗi niệm, Phật hiệu đều dấy lên hiện hành, trong mỗi niệm, tham, sân, si, mạn đều giảm bớt, công phu sẽ đắc lực, đó là cảnh giới tốt đẹp. Mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu mà vẫn khởi tham, sân, si, mạn, vô dụng! Cổ nhân trào phúng: *"Hét toạc cổ họng vẫn uổng công"*. Chẳng thể vãng sanh, niệm Phật chỉ là tốt lành ngoài miệng, ý chẳng tốt lành! Vì thế, chư vị nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa *"thọ trì Tam Quy"*, phải tu tập từ chỗ này.

"Cụ túc chúng giới" (Trọn đủ các giới), chữ *"chúng"* (眾) có phạm vi rất rộng, rất nhiều, chẳng phải chỉ là Tam Tụ Tịnh Giới. Đối với Tam Tụ Tịnh Giới, trọn đủ cả ba tụ là đã rất tốt, cần gì phải là các giới? Giới luật là khuôn phép trong cuộc sống, tinh thần của giới luật là *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"*. Đừng làm các điều ác là giới Tiểu Thừa, là tự kiềm chế chính mình, đó cũng là *"độc thiện kỳ thân"* (riêng tốt cho cái thân mình) như Nho gia đã nói. *"Độc thiện kỳ thân"* là đừng làm các điều ác, *"vâng làm các điều lành"* là giới Đại Thừa, là giới Bồ Tát, là *"xử chúng"* (處眾), [tức là] cùng ở chung một chỗ với đại chúng. Nho gia gọi "vâng làm các điều lành" là *"kiêm thiện thiên hạ"*. Người ấy riêng thân mình tốt lành, ở trong đại chúng bèn khiến cho thiên hạ cũng đều tốt lành. Nói thật ra, nguyên tắc đã nói trong Nho gia chẳng khác gì Phật pháp. Vì thế, tinh thần ấy được biểu hiện nơi sự tướng hết sức rộng rãi. Chúng ta phải tuân thủ những giới điều do đức Phật đã dạy, mà đối với hiến pháp quốc gia, quy chế pháp luật, chúng ta cũng phải tuân thủ, chúng đều thuộc phạm vi của *"chúng giới"*. Trừ những điều đã có văn bản quy định ra, giới luật thuộc loại bất thành văn là gì? Quan niệm đạo đức, phong tục tập quán trong xã hội toàn bộ đều bao gồm trong một câu này. Ở Trung Hoa, phải tuân thủ phong tục và quan niệm đạo đức của người Hoa. Sang ngoại quốc phải tuân thủ pháp luật ngoại quốc, phong tục, đạo đức, và tập quán ngoại quốc thì mới có thể cư xử hòa hợp, hòa thuận với họ. Do vậy, đối với *"giới luật"*, quý vị thấy *"chúng giới"* bèn chấp chết cứng là mấy giới điều như mười giới, hai trăm năm mươi giới, chết cứng trong đó, hoàn toàn sai mất rồi! Học Phật

kiểu đó, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy phải ứa lệ, cớ sao đầu óc đông cứng như vậy? Xưa kia, thầy Lý bảo chúng tôi, đầu óc của người học Phật có hình dạng ra sao? Một quả cầu thủy tinh tròn xoe, phía nào cũng sáng long lanh! Đầu óc cứng còng, vuông chằn chặn, sẽ chẳng thể học Phật, có chuyển cũng không thể động đậy được! Còn làm gì được nữa? Chư vị nhất định phải hiểu rõ [chuyện này].

Giới luật trong giới kinh là những quy ước, chế định đối với hoàn cảnh trong cuộc sống từ ba ngàn năm trước, có thể sử dụng trong hiện thời hay không? Chẳng thể sử dụng. Pháp luật thế gian cứ mỗi hai mươi, ba mươi năm lại phải tu chỉnh một lần; hiện thời do xã hội biến hóa quá lớn, chẳng đợi tới hai, ba mươi năm, cứ dăm ba năm là phải tu chỉnh các văn bản pháp luật một lần. Không tu chỉnh sẽ chẳng phù hợp, xã hội không ngừng tiến bộ, tiến bộ trên quy mô rộng lớn, những quy định trước kia nay chẳng còn phù hợp. Lập Pháp Viện (Quốc Hội) tu chỉnh điều luật mỗi ngày, phải thích ứng nhu cầu của xã hội và đại chúng.

Giới luật nhà Phật truyền đến Trung Hoa, các tổ sư Trung Hoa chế định Thanh Quy. Thanh Quy (清規) là gì? Là giới luật được Hán hóa, là giới luật được hiện đại hóa. Chiếu theo tinh thần của giới luật trong Phật pháp để thích ứng với nhu cầu trong cuộc sống hiện tại, Thanh Quy được ước định như vậy. Khi thể lệ Thanh Quy đã khơi mào, đối với Thanh Quy tại mỗi nơi, mỗi huyện, mỗi tỉnh, mỗi chùa miếu tại Đại Lục, quý vị hãy xem kỹ, luôn luôn có mấy điều khác nhau. Vì sao? Nhất định phải thích hợp với hoàn cảnh hiện tiền của chúng ta. Ở nơi này có thể áp dụng, nhưng tại huyện khác, không nhất định là có thể áp dụng trôi chảy được! Nhất là Trung Hoa lại có lãnh thổ rất lớn, các dân tộc rất đông, phong tục và tập tánh của mỗi dân tộc cũng không hoàn toàn giống nhau. Ngay như tại Đài Loan, Đài Loan còn có dân tộc [thiểu số] Cao Sơn. Dân tộc Cao Sơn[99] lại chia ra rất nhiều bộ tộc, phong tục tập quán của họ cũng đều chẳng giống hệt như nhau.

---

[99] Cao Sơn tộc (高山族, còn gọi là Cao Sa tộc, 高砂族) là tiếng gọi chung toàn bộ các sắc dân thiểu số bản địa tại Đài Loan và các đảo phụ cận của Đài Loan trước khi người Hán đến chiếm lãnh Đài Loan. Các sắc dân này hiện còn hơn bốn mươi vạn. Theo thống kê, tối thiểu có đến mười sáu nhóm Cao Sơn khác nhau, bao gồm các sắc tộc chủ yếu là Thái Nhã (Atayal), Tái Hạ (Saisiyat), Bố Nông (Bunun), Trâu (Cou), Lỗ Khải (Drekay, Rukai), Bài Loan (Paiyuan), Ty Nam (Pinuyumayan), A Mỹ (Pangcah Amis), Đạt Ngộ (Tau), Thái Lỗ Các (Truku, Taroko), Tán Cơ Lai Nhã (Sakizaya), Tái Đức Khắc (Seediq) v.v…

Từ chỗ này, quý vị mới có thể thật sự thấu hiểu thâm ý [của câu] *"đầy đủ các giới"*. Sau đấy mới biết Phật giáo đích xác là siêu thời gian, siêu không gian. Bất luận trong thời đại nào hay quốc gia, dân tộc nào, cũng đều có thể áp dụng thông suốt, vì sao? Nó sống động, chẳng chết ngắc; hễ chấp chết cứng vào một phương pháp nào đó, chắc chắn chẳng thể sử dụng thông suốt được. Vì lẽ này, hiện thời, pháp sư người Hoa hoằng pháp bên ngoại quốc, tôi thấy cũng rất buồn lòng. Vì sao? Đương nhiên hiện thời toàn là dạy người Hoa, vẫn chưa dạy người ngoại quốc. Vì sao chẳng dạy người ngoại quốc? Người ngoại quốc chẳng đến! Vì sao người ngoại quốc chẳng đến? Đến nghe chúng ta giảng kinh thì phải làm người Hoa, lại còn phải làm người Hoa thời cổ! Quý vị nói xem làm sao chấp nhận được? Đơn giản là đã lái xe giật lùi, làm sao người ngoại quốc có thể tham dự cho được? Chúng ta nương theo chú giải của cổ nhân, những điều nói ra đều để cổ nhân hành theo, vậy là chẳng thể được! Nói cách khác, những điều họ giảng miễn cưỡng coi như khế lý, nhưng chẳng khế cơ! Vì lẽ này, Phật pháp chẳng thể phổ cập, chẳng được hoan nghênh, đạo lý là ở chỗ này. Quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ thì há có nơi nào, dân tộc nào, quốc gia nào bài xích Phật pháp? Họ hoan nghênh [Phật pháp] truyền đến [xứ sở của họ] còn chẳng kịp! Vì sao? Nhất định là có lợi cho quốc gia và dân tộc của họ, có lợi ích chân thật, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: *"Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi"* (Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật), ai chẳng cần? Vì vậy, kinh điển và chú sớ của các vị cổ đại đức hoàn toàn là sống động, hoạt bát. Nếu những bản chú sớ ấy chẳng sống động, mà là văn tự chết cứng, chắc chắn chúng chẳng thể được lưu truyền, nhưng thế hệ chúng ta đã giảng chúng thành chết cứng. Chúng chẳng phải là chết cứng, mà là bị chúng ta xem thành chết ngắc, giảng giải theo kiểu chết cứng. Đó là sai lầm, sai lầm ở chỗ này.

Nay chúng ta nói *"oai nghi"* tức là *"nghi biểu"* (儀表) hoặc phong độ, [oai nghi] cũng phải theo kịp thời đại. Trong thế gian hiện thời, chúng ta thường thấy TV mỗi năm đều có [các show] biểu diễn các trang phục đang được lưu hành, oai nghi thuộc về những thứ đó. Có thể thấy là đức Phật trọn chẳng dạy chúng ta lái xe lùi lại. Đức Phật không chỉ dạy chúng ta đuổi kịp thời đại, mà còn dạy chúng ta lãnh đạo thời đại, vĩnh viễn đi trước thời đại, chẳng bị lạc hậu. Nay người ta thấy [nói tới] *"oai nghi"* đều hướng theo oai nghi đời Đường hoặc đời Tống. Nói cách khác, thảy đều hành theo cổ nhân, bày vẽ oai nghi theo kiểu đó. Vì vậy, dọa

người ta đến nỗi chẳng có ai dám học Phật. Sai mất rồi! Đã học Phật theo kiểu chết cứng! Nếu thảy đều là như vậy thì Phật giáo truyền đến Trung Hoa, chúng ta hãy nên hoàn toàn dùng oai nghi của Ấn Độ thì mới đúng! Vì sao truyền đến Trung Hoa bèn mặc loại quần áo như thế này? Đó là y phục thời Hán, gọi là *"hải thanh"*[100], nó chẳng phải là [y phục] của Phật giáo. Người đọc sách đời Hán thuộc giai cấp sĩ đại phu, nay ta gọi là "thành phần trí thức", mặc y phục là áo dài rộng tay, họ chẳng làm những việc nặng nề!

Hiện thời, có kẻ đề xướng, y phục của người xuất gia có thể thuận theo thế tục, vốn là tùy tục. Như người xuất gia tại Nhật Bản, ăn mặc theo lối Âu Tây, đi giày da. Áo ca-sa hiện thời đã biến thành [chỉ còn] mang tánh chất kỷ niệm. Chúng ta còn đắp cả tấm y, y của người Nhật là một miếng nhỏ xíu, bình thường bỏ trong túi áo của bộ âu phục. Nếu có Phật sự, họ móc túi lấy ra, giống như chúng ta đeo xâu chuỗi trên cổ, họ

---

[100] Theo pháp sư Tinh Vân, sở dĩ gọi là Hải Thanh vì tay áo rộng, phấp phới trông như cánh một loài chim có tên gọi là Hải Đông Thanh tại vùng Quảng Đông. Sư dẫn thơ Lý Bạch có câu *"phiên phiên vũ quảng tụ, tự điểu hải đông lai"* (áo rộng tay múa bay phất phới, như chim từ Đông Hải bay vào) để chứng minh cho thuyết này, nhưng trong Phật môn Trung Hoa thường giải thích như sau: Giống như biển cả sâu thẳm, nhìn xa, sắc biển như xanh đen, thật ra là xanh, nên gọi là Hải Thanh, nhằm ca ngợi Phật pháp sâu thẳm khôn dò. Lại nữa, Hải biểu thị sâu rộng, mênh mông, có thể dung chứa vạn vật vô ngại, tự tại. Thanh là màu xanh xuất phát từ màu chàm (*"thanh xuất ư lam"*), nhưng lại trỗi vượt màu chàm. Gọi áo tràng là Hải Thanh nhằm nhắc nhở tăng nhân phải có tâm lượng bao dung, luôn nhớ đến chân tâm trọn khắp pháp giới, và đệ tử Phật phải tu hành tinh tấn, mỗi đời càng tiến bộ hơn, giống như màu xanh sanh từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm. Cũng có một truyền thuyết giải thích tại sao Hải Thanh vốn là lễ phục từ đời Hán, nhưng tay áo Hải Thanh tuy rộng lại may kín, chỉ chừa một khoảng nhỏ để thò tay ra, không để trống từ trên xuống dưới như áo của thế gian: Tương truyền, phi tử của Lương Vũ Đế là Hy Thị tánh tình tàn ác, ngang ngược, thấy Lương Vũ Đế sùng mộ Phật pháp, nên tức tối, luôn tìm cách hãm hại tăng ni. Có lần, bà ta cúng trai tăng, làm rất nhiều bánh bao nhân thịt để đãi tăng chúng hòng rêu rao "thầy chùa ngã mặn" rồi viện cớ ấy xin vua trục xuất tăng chúng. Đương thời, ngài Bảo Chí (Chí Công) là cao tăng đắc đạo, biết rõ chuyện này, bèn dặn các tăng sĩ theo Ngài thọ trai hãy may hẹp miệng tay áo Hải Thanh lại để chứa sẵn bánh bao mạn đầu (bánh bao không nhân) trong tay áo. Khi vào cung, bèn lấy mạn đầu ra ăn, bỏ bánh bao mặn vào trong tay áo. Khi Hy Thị lu loa chư tăng ngã mặn, các vị bèn lấy bánh bao mặn đã cất trong tay áo ra để đối chứng khiến cho Hy Thị cứng họng, không thể nào vu cáo được. Từ đó, tăng sĩ may miệng tay áo Hải Thanh như hiện thời để nhắc nhở người tu hành phải luôn thận trọng trong mọi oai nghi.

đắp y kiểu đó. Ba y của họ đều làm thành một miếng nhỏ như thế, thường bỏ trong túi áo của bộ Âu phục. Họ có phạm sai lầm hay không? Chẳng sai lầm, *"chẳng phạm oai nghi"*, họ thuộc về thế hệ hiện thời, chẳng phải là người sống trong xã hội thuở trước. Vì thế, họ chẳng phạm oai nghi.

Vì sao hiện thời người xuất gia chúng ta không thay đổi cách ăn mặc mà vẫn mặc như thế này? Nói thật ra, mặc trang phục này thoải mái. Nay chúng ta thấy người Âu Tây mặc y phục bó sát thân thể, khó chịu lắm! Áo rộng tay to, xác thực là thoải mái. Bởi lẽ, người Hoa rất biết hưởng thụ. Nói thật thà, đối với chuyện ăn, mặc, ở, đi lại, người Hoa luôn nhấn mạnh sự hưởng thụ. Vì thế, loại y phục này khi đã thiết kế, được thiết kế rất hoàn hảo, người ngoại quốc sau khi đã mặc vào cũng muốn mặc. Họ không biết may cắt, chẳng mua được. Thật đấy! Khi chúng tôi ở ngoại quốc, họ thấy [y phục của người xuất gia] rất hâm mộ. Y phục này mặc được quá, thoải mái, đặc biệt là áo rộng tay. Quả thật là Hải Thanh đặc biệt thoải mái.

Do vậy, câu nào trong những câu này cũng đều là sống động. Do xã hội hiện thời rất loạn, phong khí chẳng tốt, nên Tăng đoàn vẫn bảo trì [cách ăn mặc này]. Y phục chúng ta mặc hiện thời là trang phục đời Minh, chẳng muốn thay đổi lại có ích. Nói theo thân phận người xuất gia, nó có sự ước thúc. Ví như rạp chiếu bóng hoặc nhà hàng, chúng ta mặc loại quần áo này nói chung chẳng tiện bước vào, luôn cảm thấy ngại ngùng. Nếu thay đổi cách ăn mặc như người xuất gia Nhật Bản, vào những chỗ đó ai biết? Chẳng ai biết cả! Lạt-ma Trung Hoa, như Cam Châu Hoạt Phật[101], tôi và Sư thường ở chung một chỗ. Sư mặc áo dài

---

[101] Cam Châu Hoạt Phật (1914-1978) là đệ tử của Chương Gia đại sư. Vị này được coi là lạt-ma hóa thân đời thứ mười bảy của dòng Cam Châu. Danh hiệu đầy đủ của Sư là Cam Châu Nhĩ Ngõa Mặc Nhĩ Căn Nặc Môn Hãn (Hưng Giáo Thiện Tri Thức Thông Minh Linh Cảm Pháp Vương). Cam Châu là phiên âm của chữ Kangyur hoặc Gangyur trong tiếng Tây Tạng (kinh điển Phật giáo Tây Tạng được chia thành hai phần lớn: Kangyur tương ứng với Kinh Tạng (chủ yếu là Mật giáo) gồm 108 tập, và Tengyur (đôi khi còn viết là Tanjur, tương ứng với các tác phẩm luận giải hay chú sớ, gồm 224 tập). Theo truyền thống Phật giáo Mông Cổ, Cam Châu được coi là hóa thân của A La Hán Trát Kinh Can Ba thời đức Phật tại thế. Sư vốn thuộc sắc dân Mông Cổ, nhưng sống tại Thanh Hải. Năm lên ba tuổi, Sư được các đệ tử của Cam Châu đời thứ mười sáu đón về chùa Quảng Huệ, tấn phong lên ngôi Cam Châu thứ mười bảy, phong tặng pháp danh Ngang Ông La Tang Đan Bỉ Ni Mã. Năm mười một tuổi, Sư lên Bắc Kinh, yết kiến Ban Thiền Lạt Ma và học kinh giáo tại đó. Năm 1924, khi Chương Gia đại sư đến Bắc Kinh, trụ tích tại chùa Sùng Thọ, Cam Châu

(mã quải là lễ phục, bình thường Sư không mặc mã quải mà mặc trường bào). Khi đó, tôi vừa mới học Phật, thường ở cùng một chỗ với Sư, có lúc chúng tôi đi coi phim, có khi vào quán ăn, chẳng có ai nhận ra Sư. Nếu mặc quần áo như vậy để đi xem phim thì không tiện lắm. Đi ăn tiệm, vì Sư là lạt-ma nên không ăn chay. Khi đó, chúng tôi vừa mới học Phật cũng còn chưa ăn chay, thường ăn bíp-tết với Sư. Tôi và Cam Châu rất thân thuộc, nên về sau, đồ đệ của Cam Châu không muốn tôi lai vãng. Họ nói: "Không được! Chúng tôi giao tiếp với ông sẽ bị thua kém một bậc, vì ông ngang vai với thầy tôi! Tôi thuộc hàng vãn bối của ông". Vì vậy, mặc loại trang phục này, đích xác là người xuất gia chịu rất nhiều sự bó buộc. Nhất là trong hiện thời, nói thật thà, giới luật trong Tăng đoàn cũng chẳng được nhấn mạnh. Ăn mặc theo kiểu này ra ngoài thì ít nhiều sẽ bị bó buộc rất lớn, có lợi, chẳng có hại. Từng có người đề xướng phải cải cách, có những vị lão hòa thượng không đồng ý, [các Ngài] không đồng ý là có lý, tốt lắm. Tốt đẹp thì chúng ta hãy nên giữ lại. Do vậy, ba câu này có ý nghĩa hết sức sâu rộng. Đừng thấy *"chúng giới"* bèn nghĩ đến mỗi điều trong giới bổn, thấy *"oai nghi"* bèn nghĩ tới đời Đường, đời Tống. [Nếu hiểu như vậy thì] sai bét mất rồi!

Lại thưa cùng chư vị đồng tu, trong tương lai, nếu như trong Phật giáo xuất hiện tùng lâm thì cũng là tùng lâm được hiện đại hóa theo kiểu mới, tuyệt đối chẳng phải là như trong quá khứ. Khuôn khổ quy củ, oai nghi trong tùng lâm quá khứ chẳng có ai muốn tuân thủ. Nếu hiện thời quý vị lấy khuôn khổ quy củ, oai nghi đó ra, nói "tôi lập tùng lâm ở nơi đây, hoan nghênh mọi người đến gia nhập", bảo đảm chẳng có một người nào đến, dẫu một người cũng chẳng đến! Vì sao? Vì mọi người sẽ không quay lại làm người đời Đường hoặc đời Tống, chẳng thể quay lại! Nhất định là phải hiện đại hóa, nhất định là phải bản địa hóa. Hiện thời, nói thật thà, vì giao thông nhanh chóng, tiện lợi, thông tin phát triển, cả thế giới biến thành một khu vực. Trước kia, ta chỉ biết chuyện nơi vùng ta ở là đủ rồi, nay thì không được. Hiện tại, chuyện trên cả thế giới, văn

---

tìm đến bái yết, xin y chỉ. Tuy không thường thân cận Chương Gia đại sư, nhưng hễ có dịp, Sư đều đến bái yết Chương Gia đại sư để cầu học. Khi chính quyền Dân Quốc chạy ra Đài Loan, Cam Châu cũng theo sang Đài Loan và luôn thân cận Chương Gia đại sư cho đến khi Ngài viên tịch. Năm 1952, do sự thỉnh cầu của Trần Thành, chủ tịch chính phủ tỉnh Đài Loan lúc ấy, Sư cùng hai vị pháp sư Luật Hàng và Từ Hàng tổ chức phái đoàn hoằng pháp diễn giảng khắp Đài Loan, đồng thời giải thích chính sách tôn giáo của chính phủ Dân Quốc, nhằm đoàn kết nhân sĩ các giới trong Phật giáo đồ.

hóa lịch sử, hình thái ý thức và phương thức sống, cho đến các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, quý vị đều phải biết. Vì hễ khi nào quý vị có dịp đi xa, chẳng hiểu [phong tục, tập quán nơi mình sẽ đến] thì ra ngoài sẽ bị thua thiệt, bị chê cười! Đệ tử Phật nếu muốn đến hoằng pháp mỗi nơi trên thế giới, nếu quý vị không biết rõ, làm sao hoằng dương Phật pháp cho được? Làm sao có thể khiến cho người ta tiếp nhận? Phải biết chuyện này!

Vì lẽ đó, Phật pháp chẳng chết cứng. Chết cứng thì vô giá trị. Phật pháp thù thắng nhất, lỗi lạc nhất, sống động! Giống như nước, đổ vào [đồ đựng có] hình tròn, nó là vật có hình tròn. Đổ vào đồ đựng hình vuông, nó có hình vuông, thiên biến vạn hóa tùy theo cảnh giới bên ngoài. Nguyên tắc và nguyên lý của nó chẳng thay đổi, nhưng hình thức thì biến đổi từng thời, từng khắc, tuyệt diệu thay! Do vậy, học Phật chẳng thể học chết cứng! Hiện thời, các đồng tu chúng ta học Phật gặp nhiều chướng ngại, những chướng ngại ấy từ đâu sanh ra? Nói thật ra, chúng nẩy sanh do quý vị đã vi phạm các giáo huấn của đức Phật, học Phật pháp theo kiểu chết cứng. Vì thế, ở trong gia đình, chẳng được hoan nghênh. Người trong nhà vừa thấy quý vị học Phật đều chê bai: "Kẻ học Phật là bất bình thường". Còn làm thế nào được nữa? Sai mất rồi! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đức Phật và các đệ tử Phật bất luận đi đến nơi nào đều được đại chúng hoan nghênh, còn chúng ta đến nơi đâu, về nhà thì bị người nhà chán ghét, ra xã hội thì bị người trong xã hội chán ghét, gặp phải tình cảnh như vậy, há Thích Ca Mâu Ni Phật còn có thể hoằng pháp lợi sanh ư? Sai lầm mất rồi! Chẳng phải là Phật pháp sai lầm, mà là do bản thân chúng ta đã hiểu sai ý Phật, hiểu trật vuột, xuyên tạc ý nghĩa của Phật, vẫn cứ ngỡ mình là đúng, quý vị nói xem có hỏng bét hay là không?

Nay chúng ta nói tới Phật học thì phải nói tới Phật học hiện đại, thâm nhập kinh tạng, liễu giải đối với mỗi triều đại, mỗi địa phương trong quá khứ, các vị tổ sư đại đức thuở ấy đã hiện đại hóa, bản địa hóa những điều ấy như thế nào trong thời các Ngài thì mới có thể hoằng dương, mới có thể gây nên ảnh hưởng sâu xa. Chúng ta tham khảo những điều đó, chọn lọc cái mới, hiện tại có cách nói của hiện tại, nói theo kiểu thời này và chỗ này thì mọi người mới có thể đạt được sự thọ dụng chân thật, cảm thấy tu hành Phật pháp chẳng có chút khó khăn nào, hoàn toàn chẳng mâu thuẫn với cuộc sống của chúng ta, chỉ đem lại cho chúng ta một cuộc sống phong phú, viên mãn, hạnh phúc hơn, chẳng có

mảy may chướng ngại nào, có kẻ nào chẳng mong tiếp nhận? Hiện thời, mọi người cảm thấy [tu hành Phật pháp] quá đỗi phiền phức, quá nhiều chướng ngại, như thế này cũng không được, như thế kia cũng chẳng được! Thôi đi! Chẳng muốn học nữa! Sai lầm ở chỗ này!

Chẳng phải là kinh Phật sai lầm. Kinh Phật chẳng sai lầm, mỗi chữ đều chẳng sai lầm, mà là do chúng ta nhận thức sai lầm, hiểu sai be bét! Người ta bảo quý vị *"chẳng phạm oai nghi"*, đâu có tròng thêm câu "chẳng phạm oai nghi thời Thích Ca Mâu Ni Phật"! Nếu thêm câu ấy vào, sẽ chẳng có cách nào hết, nhất định là phải vâng giữ theo thời ấy. Bốn chữ *"chẳng phạm oai nghi"* sống động. Mỗi thời đại có oai nghi của thời đại ấy, mỗi khu vực có oai nghi của khu vực ấy. Oai nghi cũng là lễ tục (lễ nghi, tập tục), khác nhau! *"Cụ túc chúng giới"*: Đối với giới vừa nói ấy, cũng chẳng nói là giới trong bộ giới kinh nào, chẳng nói như thế. Chúng ta mới hiểu giới ấy là khuôn phép trong cuộc sống, nói như hiện thời là "lễ nghi của quốc dân". Lễ nghi của quốc dân là oai nghi, khuôn phép trong cuộc sống chính là *"chúng giới"*. Chư vị liễu giải ý nghĩa này, tuyên truyền với người khác như vậy, có ai không hoan hỷ? Ai có thể nói Phật pháp là mê tín? Nếu chúng ta nhất định phải nói tới một triều đại nào đó trong quá khứ, [chẳng hạn như] thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, loại Phật giáo ấy đương nhiên là mê tín, đương nhiên chẳng thể vận dụng trôi chảy được. [Hiểu theo kiểu đó] thì chúng ta không chỉ chẳng thể làm người Hoa, mà còn phải làm người Ấn Độ. Lại còn làm người cổ Ấn Độ từ ba ngàn năm trước, ai bằng lòng làm? Đương nhiên là chẳng muốn!

(Diễn) Tam giả phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

(演)三者發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

*(**Diễn**: Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả).*

Điều thứ ba là điều thiện của hàng Bồ Tát. Trong ba tầng cấp này, tầng thứ nhất là tiêu chuẩn của nhân, thiên, tầng thứ hai là tiêu chuẩn học Phật, tức là tiêu chuẩn của đệ tử Phật. Mức độ thấp nhất của đệ tử Phật là phải trọn đủ ba điều này. Chẳng có ba điều ấy, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật. Từ tiêu chuẩn ấy, lại nâng cao hơn, bèn thành Bồ Tát. Bồ Tát là gì?

Là đệ tử nhập thất của Phật. Tầng cấp trước là những đệ tử Phật chưa đăng đường nhập thất, còn đây là các đệ tử đã đăng đường nhập thất của đức Phật. Tầng cấp trước là các đệ tử thông thường, tầng sau là đệ tử truyền pháp của đức Phật, tiêu chuẩn lại chẳng giống nhau!

Thứ nhất là phải *"phát Bồ Đề tâm"*, Bồ Đề tâm là tâm gì? Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nói cụ thể sẽ là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là Bồ Đề tâm, phải thật sự phát tâm độ chúng sanh. *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, độ là gì? *"Độ"* là giúp đỡ, hiệp trợ họ. Quan trọng nhất là giúp họ phá mê khai ngộ, đoạn phiền não, giúp họ khôi phục cái tâm thanh tịnh. Điều này quan trọng nhất. Nếu hạ thấp tiêu chuẩn để giúp đỡ họ, bèn dạy họ hiếu thảo với cha mẹ, dạy họ tôn sư trọng đạo, dạy họ từ tâm chẳng giết, dạy họ tu Thập Thiện Nghiệp. Đấy là đặt tiêu chuẩn ở mức thấp nhất nhằm tiếp dẫn các chúng sanh bình phàm. Đối với kẻ chẳng học Phật, phải dùng phương pháp này để dạy họ, đó là pháp nhân, thiên. Đối với người đã học Phật, phải dạy họ thật sự quay đầu. Tam Quy là quay đầu, dạy họ giữ pháp, vâng giữ quy củ, đó là *"trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*. Đối với người tu lâu, phải khuyên họ *"phát Bồ Đề tâm"*, nhất định phải tự hành, dạy người.

Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, thệ nguyện thứ nhất là Bồ Tát nguyện, nguyện thứ hai và thứ ba là Bồ Tát hạnh, nguyện thứ tư là quả vị Bồ Tát. Đã phát nguyện rồi, thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não, chính mình chẳng thể thành tựu, mà cũng chẳng thể hóa độ chúng sanh. Đã đoạn phiền não rồi mới học pháp môn. Vì thế, người học Phật hiện thời, học mấy chục năm, học suốt một đời, chẳng có thành tựu gì nơi Phật pháp, nguyên nhân ở chỗ nào? Điên đảo thứ tự, vừa bắt đầu bèn *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, chẳng cần tới *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, nên người ấy vĩnh viễn chẳng thể học được! Vì sao? Căn khí của kẻ ấy là hữu lậu, giống như cái chén trà này đáy lủng một lỗ, đổ nước vào cách nào cũng chẳng đổ đầy được! Do bị rò rỉ, nên chẳng thể đổ đầy được. Kẻ ấy có Lậu, Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Vì thế, trình tự học Phật là trước hết đoạn phiền não, trước hết là tu tâm thanh tịnh, nhất định phải làm đúng theo trình tự của Phật. Trình tự là Giới, Định, Huệ. *"Thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"* là Giới Học trong Tam Học. *"Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả"* là Định Học. *"Đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"* là Huệ Học. Nó có thứ tự, chẳng thể vượt cấp. Những điều

sau nhất định bao gồm những điều trước, những điều trước chẳng bao gồm các điều sau, nhưng điều sau bao hàm điều trước. Nay chúng ta chẳng hiểu, bèn vượt cấp. Giống như xây một tòa cao ốc, chẳng cần ba tầng dưới, ta xây tầng thứ tư, thứ năm, xây bằng cách nào? Chẳng có cách nào xây cả! Vĩnh viễn cũng chẳng thể xây thành công! Đây là sai lầm to nhất mà người học Phật trong đời này phạm phải!

Nếu chư vị muốn thật sự thành tựu, trước hết hãy đoạn phiền não rồi sẽ học pháp môn. Nay tôi khuyên mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh có ý nghĩa gì vậy? Nhằm đoạn phiền não. Vì sao? Chẳng niệm kinh bèn suy nghĩ loạn xạ, suy nghĩ loạn xạ là phiền não. Niệm kinh, ta niệm mỗi lần một giờ, tối thiểu là trong một giờ ấy, ta chẳng suy nghĩ loạn xạ, tu Định trong một giờ ấy. Niệm hai giờ sẽ là hai giờ chẳng suy nghĩ loạn xạ. Vì thế, hằng ngày quý vị niệm càng nhiều càng tốt. Quý vị có thể niệm tám giờ mỗi ngày, trong tám giờ không suy nghĩ loạn xạ. Quý vị niệm suốt một năm, hai năm, hoặc ba năm, tâm quý vị thanh tịnh, vọng tưởng dần dần bớt đi. Vọng tưởng giảm thiểu thì mới có thể học pháp môn. Khi ấy, quý vị nghe kinh, tôi vừa giảng, quý vị bèn hoát nhiên khai ngộ, đã khai ngộ. Nay quý vị nghe tôi giảng kinh, nghe suốt ba mươi năm vẫn chẳng khai ngộ, do nguyên nhân gì? Vì quý vị có phiền não tồn tại. Trong khi nghe kinh, quý vị đã xen tạp phiền não. Phiền não chướng ngại ngộ môn, nên quý vị chẳng khai ngộ. Nếu quý vị chẳng có phiền não, nói thật thà, nghe kinh vài lần, nhất định khai ngộ. Sau khi đã ngộ bèn chứng quả.

Cổ nhân giáo học, người xuất gia nói *"năm năm học giới"*. Năm năm học giới chẳng phải là học giới luật, chẳng phải là học Luật Tạng trong Kinh Luật Luận Tam Tạng. Chẳng phải vậy, mà là tuân thủ răn dạy của thầy. Thầy dạy quý vị điều gì? Nói theo Giáo Hạ là dạy quý vị đọc kinh, bảo quý vị làm lụng, điều gì khác cũng đều không dạy. Thường trụ phân công quý vị làm chuyện gì, quý vị hãy chăm chỉ làm, làm lụng là tu phước. Dạy quý vị đọc kinh, mỗi ngày dạy quý vị niệm bao nhiêu lần, đó là tu Giới, Định, Huệ. Tam Học Giới, Định, Huệ được hoàn thành cùng một lượt. Vì lẽ đó, đọc kinh là tu hoàn tất Tam Học Giới, Định, Huệ cùng một lượt. Do vậy, đọc kinh chớ nên suy nghĩ ý nghĩa trong ấy, chớ nên vừa niệm vừa suy nghĩ, suy nghĩ chính là nghĩ tưởng loạn xạ. Vì sao? Vì kinh chẳng có ý nghĩa. Nếu kinh có ý nghĩa, làm sao có thể có hai cách giảng, hoặc rất nhiều cách giảng cho được? Ví như nói *"trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*, ở Đài Loan, chúng

tôi có cách giảng theo kiểu Đài Loan, quý vị đến Nhật Bản, sẽ có cách giảng theo kiểu Nhật Bản. Quý vị đến Mỹ, sẽ có cách giảng theo Mỹ. Vì sao? Quan niệm xã hội, đạo đức, pháp luật của họ đều chẳng giống chúng ta. Có thể thấy những điều này là nguyên lý, nguyên tắc, chẳng có ý nghĩa. Chẳng có ý nghĩa mà cứ ương ngạnh gán một ý nghĩa cho nó, đó là dấy vọng tưởng, sai bét mất rồi!

Do vậy, kinh điển này vào lúc nào bèn có cách giảng lúc ấy, ở nơi đâu bèn có cách giảng ở nơi đó, chẳng có cách giảng nhất định, chẳng có ý nghĩa nhất định, quý vị học như thế nào? Thật sự biết học là học tâm thanh tịnh, chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, chỉ là niệm miết, chuyện gì cũng đừng dấy vọng tưởng, đến khi người ta mời quý vị giảng kinh, quý vị thấy người bèn nói tiếng người, thấy quỷ liền nói tiếng quỷ, há còn có thể chuẩn bị những thứ ấy ư? Có nhiều người giảng mà viết thật nhiều bút ký, giống như có bệnh nhân đến, thầy thuốc khám bệnh, nhưng toa thuốc đã viết sẵn từ lâu. Quý vị phải sanh bệnh đúng theo toa thuốc của ta thì mới được. Chẳng phải là toa thuốc của ta sai, mà là quý vị sanh bệnh sai bét rồi! Giảng kinh hiện thời là theo kiểu này, họ đã chuẩn bị sẵn sàng, kê sẵn toa thuốc để cho quý vị chữa bệnh. Quý vị ngẫm xem, có thầy thuốc nào kê sẵn toa chờ quý vị đến khám bệnh? Quý vị bèn thật sự hiểu rõ *"nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"* trong bài kệ Khai Kinh chẳng đơn giản. Tôi nói lời thật cùng các đồng học, quý vị thật thà tu Giới, Định, Huệ, tu tâm thanh tịnh, tu giác, chánh, tịnh rồi mới mở kinh bổn ra, tự nhiên liền hiểu, tự nhiên nói khế lý, khế cơ, ta và người đều có thọ dụng, đạt được lợi ích chân thật. Câu *"phát Bồ Đề tâm"* còn chưa giảng xong, lần sau sẽ lại giảng từ câu này.

Tập 211

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi mốt:

(Diễn) Tam giả phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

(演)三者發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

*(**Diễn**: Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả).*

Đây là điều thứ ba trong tam phước được nói trong Quán Kinh. Phước thứ ba có tất cả bốn câu, câu đầu tiên là *"phát Bồ Đề tâm"*. Điều thứ nhất [trong tam phước] là phước nhân thiên, điều thứ hai là phước của Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát, điều thứ ba là phước của Đại Thừa Bồ Tát. Phước của Đại Thừa Bồ Tát khá khó khăn. Không chỉ là [phước của] Đại Thừa Bồ Tát, [mà phước của] nhân thiên và Nhị Thừa đều chẳng dễ dàng, tức là nói đến *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng"* thì hiện thời có mấy ai làm được? Đây là lý do vì sao người học Phật đông đảo, kẻ thành tựu ít ỏi! Nói gọn một câu là "thiếu phước!" Chư vị ngẫm xem, có vị Phật nào chẳng có phước hay không? Chẳng có! Phật là Nhị Túc Tôn, điều thứ nhất trong Nhị Túc Tôn là phước đức. [Nhị Túc Tôn là] phước đức viên mãn và trí huệ viên mãn. Không chỉ riêng Phật là phước đức viên mãn, mà phước báo của Tiểu Thừa A La Hán cũng rất tuyệt diệu. Điều này nêu rõ căn cơ của phước đức là *"hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng"*.

"Phát Bồ Đề tâm": Chúng ta đã phát tâm Bồ Đề hay chưa? Nếu chư vị đọc kinh Kim Cang hoặc Đại Thừa Khởi Tín Luận, sẽ biết: Hễ phát Bồ Đề tâm, bèn là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Vì thế, xếp nó (phát Bồ Đề tâm) vào điều [phước] thứ ba là có lý. A La Hán và Bích Chi Phật chưa minh tâm kiến tánh; nói cách khác, tâm các Ngài chẳng phải là Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là chân tâm. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác. Chân tâm mới giác, vọng tâm bất giác. Chư vị bèn hiểu, trong kinh luận, đức Phật thường dạy: A La Hán, Bích Chi Phật, và Quyền Giáo Bồ Tát vẫn là bất giác. Vì sao? Các Ngài dùng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở. Hễ dùng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở thì đều là bất giác, tiêu chuẩn [giác và bất giác] được kiến lập từ chỗ này. Ắt cần phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới là thật sự giác ngộ, giác chứ không mê. Đối với ba môn bất thoái, Tịnh Độ Tông chẳng nói theo kiểu này, nói theo các pháp môn thông thường thì người ấy vừa mới chứng đắc ba môn bất thoái, đấy là phát Bồ Đề tâm. Có thể thấy là phát Bồ Đề tâm chẳng dễ dàng; nhưng muốn thành Phật mà chẳng có Bồ Đề tâm, chắc chắn là chẳng thể thành Phật được. Chư vị nhất định phải biết điều này.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát giảng Bồ Đề tâm là trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật dạy [Bồ Đề tâm] là chí thành tâm, thâm tâm, và phát nguyện hồi hướng tâm. Hợp chung kinh và luận để xem, [sẽ thấy] ý

nghĩa của Bồ Đề tâm vô cùng rõ rệt, hết sức rành rẽ. Nói theo kiểu người Hoa, sẽ là "chân thành đến tột bậc", đó là chân tâm, chẳng có mảy may hư vọng nào! Có lúc chúng ta cảm thấy cái tâm của chính mình rất kiền thành, rất chân thật, tâm ta luôn chân thành! Chỉ cần quý vị có một niệm "tâm ta rất chân thành", sẽ là vọng tâm, vì sao? Chân tâm ly niệm! Chân tâm ly niệm tức là chẳng có ý niệm. Hễ có ý niệm thì đều là vọng niệm, lấy đâu ra chân tâm? Có thể thấy chân thành thật sự chẳng dễ dàng. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư nói *"vốn chẳng có một vật"*. Vốn chẳng có một vật thì ngay cả câu nói ấy cũng chẳng có, [tức là] ngay cả câu *"vốn chẳng có một vật"* cũng chẳng có. Nói thật ra, Lục Tổ ở Hoàng Mai chính vì Ngài đã phát Bồ Đề tâm, tâm chân thành hiển lộ, cho nên Ngũ Tổ truyền pháp cho Ngài, chẳng truyền cho Thần Tú. Vì sao? Thần Tú dùng tám thức và năm mươi mốt Tâm Sở, vẫn là *"thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài"* (thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng), vẫn rớt vào thức thứ sáu, tức là trong Ý Thức, nên sư Thần Tú chẳng đủ tư cách được [Ngũ Tổ] truyền pháp. Nói theo Nho gia, Bồ Đề tâm là *"thành ý, chánh tâm"*. Nói theo Phật môn thì là thâm tâm và đại bi tâm, tức là đã tách chánh tâm của Nho gia [thành hai tâm] để nói, chánh chứ chẳng tà. Phật pháp tách ra để nói, đối với chính mình thì là thâm tâm, đó là Chánh như Nho gia đã nói. Đối với người khác sẽ là đại từ đại bi, Nho gia cũng gọi điều này là Chánh. Nho gia hợp hai điều này lại để nói, nói gộp lại thành *"chánh tâm"*. Phật pháp tách chánh tâm của Nho gia thành hai tâm, một là đối với chính mình, hai là đối với người khác.

Vì sao chúng ta chẳng thể phát Bồ Đề tâm? Có đồng tu nào chẳng mong phát Bồ Đề tâm, nhưng phát không nổi! Phát chẳng nổi là vì có chướng ngại. Quý vị chẳng chịu trừ bỏ các chướng ngại ấy, cho nên chẳng thể phát Bồ Đề tâm được! Chướng ngại gì vậy? Trong kinh luận, đức Phật thường nói tới hai thứ chướng: Một là Phiền Não Chướng, hai là Sở Tri Chướng. Chỉ cần quý vị có hai thứ chướng ngại ấy, Bồ Đề tâm vĩnh viễn chẳng thể phát khởi! A La Hán phá một món trong hai thứ chướng, tức là Ngài đã phá Phiền Não Chướng, chưa phá Sở Tri Chướng. Vì thế, chẳng thể phát khởi Bồ Đề tâm! Quyền Giáo Bồ Tát có thể phá Sở Tri Chướng, nhưng chẳng phá Phiền Não Chướng, nên cũng chẳng thấy tâm tánh. Chư vị hãy nghĩ xem: Phá những thứ này khó lắm! Trong Viên Giáo, trước khi đạt đến các địa vị thuộc về Thập Tín Bồ Tát thì đã phá Phiền Não Chướng, chưa phá Sở Tri Chướng, phải đạt đến Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo thì mới phá hết cả hai

chướng này, chân tâm hiển lộ, khi ấy mới gọi là *"phát Bồ Đề tâm"*. Đối với Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát, Đại Thừa Khởi Tín là vừa mới bắt đầu, vừa mới khởi đầu, chẳng phải là rất sâu, tức là Đại Thừa vừa mới nhập môn, kinh Kim Cang cũng giống như vậy. Kinh Kim Cang là Đại Thừa nhập môn, thích hợp căn tánh như thế nào? Người phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Tiêu chuẩn của Khởi Tín rất cao, vì là Đại Thừa. Phước thứ ba nói về Đại Thừa.

Phiền não là nói tới Kiến Tư, [tức là] Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chẳng thể không đoạn chúng. Nếu chẳng đoạn những thứ ấy, nói thật thà, vãng sanh chẳng có phần trông cậy! Tu các pháp môn khác [mà chẳng đoạn Kiến Tư], chắc chắn chẳng thể thành tựu. Niệm Phật đến khi lâm chung, [nếu] một niệm tình chấp dấy lên, quý vị sẽ chẳng thể vãng sanh được! Có người nói: "Hiện thời tôi hãy còn trẻ, từ bây giờ cho đến lúc vãng sanh hãy còn sớm quá, nay tôi dấy đôi chút vọng tưởng, có đôi chút tình chấp cũng chẳng sao". Quan niệm ấy sai lầm quá đỗi, buông xuống khi nào? Phải buông xuống ngay trong hiện tại! Hiện thời chẳng thể buông xuống, khi lâm chung, chính mình sẽ chẳng thể làm chủ được! Chúng tôi đã thấy nhiều người suốt đời niệm Phật, đến lúc lâm chung, do chẳng buông xuống được, lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, đáng sợ quá! Vì lẽ này, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh đúng là rất ít. Nguyên nhân tuyệt đối chẳng phải là do kinh điển có sai lầm, mà là do bản thân chúng ta hiểu sai ý nghĩa của kinh, chính mình tu hành chẳng đúng pháp, tạo thành lỗi lầm trọng đại!

Lần này, chúng tôi giảng Tam Phước rất tỉ mỉ, vì chúng rất quan trọng, giống như nền tảng khi dựng một căn nhà vậy. Phải tu như thế nào? Xác thực là nói theo pháp môn Tịnh Tông, pháp này được gọi là *"đạo dễ hành"*, vì so với bất cứ pháp môn nào, pháp này đều dễ dàng hơn. Nhưng cũng chẳng phải là dễ như quý vị tưởng tượng, nó dễ hơn so với các pháp môn khác, vì trong các pháp môn khác, phải đoạn Kiến Tư phiền não, phá Trần Sa phiền não, tối thiểu là phải phá một phẩm vô minh, khó quá! Pháp môn Tịnh Tông chẳng cần phải phá vô minh, mà cũng chẳng bắt buộc đoạn Trần Sa, cũng không ắt phải đoạn Kiến Tư, cho nên quá dễ dàng, nhưng niệm niệm phải tương ứng với A Di Đà Phật. Chẳng đoạn phiền não cũng không sao cả, vẫn có thể vãng sanh. Trong mười hai thời, khởi tâm động niệm đều là A Di Đà Phật, mấy ai có thể làm được? Chúng ta từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, quá nhiều vọng niệm, chúng tôi gọi chuyện này là *"niệm Phật bị gián đoạn,*

xen tạp". Nói thật ra, vì sao quý vị bị gián đoạn? Vì sao bị xen tạp? Quý vị còn chưa hiểu rõ pháp môn này, vẫn chưa thật sự coi trọng nó, đó là hoài nghi. Gián đoạn, xen tạp, hoài nghi quý vị thảy đều có, cho nên công phu niệm Phật chẳng đắc lực!

Người có công phu thật sự đắc lực, nói thật thà, xác thực là người ấy hết thảy đều buông xuống, há có chuyện gì chẳng thể buông xuống? Từ vô lượng kiếp đến nay, đã vô số lần tu học pháp môn này, chẳng có một lần nào có thể thành công, nguyên nhân ở ngay tại chỗ này: Chẳng buông tình chấp xuống được! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói: *"Nhân địa bất chân, quả tao vu khúc"* (Tu nhân chẳng chân thật, quả sẽ trở thành tà vạy). Chúng ta tu học, tu nhân chẳng chân thật, khuyết điểm ở chỗ này. Vì thế, người học Phật dùng tâm chân thành để niệm câu Phật hiệu này, bèn có cảm ứng với A Di Đà Phật. [Có những kẻ cứ tưởng rằng]: Chúng ta dùng tâm chân thành niệm Phật, còn xử sự, đãi người, tiếp vật thì tâm có giả dối một chút cũng không sao! Suốt ngày từ sáng đến tối, quý vị dùng hai loại tâm, dùng một loại tâm đối với Phật, còn đối với hết thảy chúng sanh lại dùng một loại tâm khác nữa, tức là đối với Phật, tâm quý vị cũng chẳng chân thành. Có lẽ sẽ có kẻ nói: "Nếu ta đối với người khác bằng chân tâm, họ đều lừa gạt ta, chẳng phải là ta bị thua thiệt, mắc lừa ư?" Quý vị đã học Phật, mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mà còn sợ bị thua thiệt, bị gạt gẫm ư? Sẽ chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Chúng ta thường mong dùng chân tâm mà chẳng dám dùng, mong dùng chân tâm mà sợ dùng! Nguyên nhân ở chỗ này. Bị thua thiệt mấy lần cũng có sao đâu? Bị lừa gạt mấy lượt cũng chẳng đáng kể chi cả! Sau mấy năm, ta sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mất rồi, thế giới này liên can gì đến ta, còn có gì mà chẳng buông xuống được? Điều này có quan hệ quá lớn.

Đối với Bồ Đề tâm, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng gần gũi rõ rệt nhất, dễ hiểu nhất, dễ lãnh hội nhất. Lão nhân gia bảo: *"Chỉ cần chân thành cầu sanh Tịnh Độ, cái tâm ấy là Vô Thượng Bồ Đề tâm"*. Chúng ta đối chiếu lời Ngài với những ý nghĩa được nói trong Quán Kinh và Khởi Tín Luận, xem thử Ngài có sai lầm hay chăng? Sau khi so sánh, sẽ cảm thấy Ngẫu Ích đại sư nói chẳng sai tí nào! Thâm tâm là ưa thiện, chuộng đức, một câu A Di Đà Phật là điều lành nhất trong các điều lành, chẳng có gì tốt lành hơn được. Một niệm tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là *"chỉ ư chí thiện"* (an trụ nơi điều thiện tột cùng), cho nên thâm tâm trọn đủ. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là

đại từ đại bi. Cớ sao là từ bi đến tột cùng? Độ chúng sanh được thành Phật đạo ngay trong một đời này! Chúng ta là chúng sanh, cái thân xác thịt của chúng ta do Tứ Đại hòa hợp sanh ra, [nên chúng ta] là chúng sanh. Tình thức của chúng ta do bốn uẩn là Thọ, Tưởng, Hành, Thức hòa hợp. Thân lẫn tâm của chúng ta đều là chúng sanh, chỉ có đại từ đại bi mới độ được chúng sanh là bản thân ta! Nói cách khác, chẳng chân thành cầu sanh Tây Phương, chẳng cần nói là "đối với người khác", mà là đối với chính mình cũng chẳng có tí xíu từ bi nào, chẳng thể độ chính mình! Hy vọng chư vị hãy tư duy sâu xa ý nghĩa này, hãy chú tâm lãnh hội. Pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tuyệt đối chẳng phải là [pháp môn tu tập của] kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình, tuyệt đối chẳng phải là Tiểu Thừa. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giảng rành mạch, [người tu tập Tịnh Độ] xác thực là đệ tử bậc nhất của Như Lai. Đây là nói tới tầm trọng yếu của việc phát tâm.

Câu thứ hai, *"thâm tín nhân quả"* (tin sâu nhân quả). *"Tin sâu nhân quả"* ở đây càng có ý nghĩa thù thắng hơn nữa. Nói thật ra, [điều này] cũng rất khó hiểu. Vì điều này [áp dụng cho người] đã là Bồ Tát. Không chỉ là Bồ Tát, mà còn là Pháp Thân đại sĩ, thật sự đã phát Bồ Đề tâm, ba tâm đều đã phát trọn vẹn. Đối với ba tâm, quý vị có thể nói là ba tâm theo Khởi Tín Luận cũng được, tức là trực tâm, thâm tâm, chí thành tâm, hay nói ba tâm theo Quán Kinh cũng được, tức là chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm. *"Viên"* (圓) là viên mãn, thảy đều phát. Người như vậy mà vẫn chưa tin nhân quả ư? Nói thật thà, có ai chẳng tin nhân quả? Phàm phu chẳng tin nhân quả, những kẻ như chúng ta hằng ngày niệm Phật nhưng vẫn chẳng tin nhân quả. Có lẽ quý vị nghe nói như vậy, sẽ cảm thấy rất lạ lùng! Nếu quý vị thật sự tin sâu nhân quả, trong tâm há còn có thị phi ư? Quý vị có còn thấy ưu điểm của họ Trương, khuyết điểm của họ Lý hay không? Chẳng thể nào! Vẫn thích nói những chuyện ấy thì là chẳng tin nhân quả, có thể thấy chuyện này chẳng dễ dàng. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã bảo: *"Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian"*. Còn thấy lỗi lầm của kẻ khác, sẽ chẳng phải là người tu đạo thật sự. Lão nhân gia nói hay lắm! *"Nhược kiến tha nhân phi, tự phi khước thị tả"* (Nếu thấy người khác sai, chính mình sai càng nặng). Tục ngữ có câu: *"Lai thuyết thị phi giả, tiện thị thị phi nhân"* (Kẻ rao chuyện thị phi, chính là gã thị phi). Ai là kẻ gây nên thị phi? Kẻ rêu rao chuyện thị phi chính là phường thị phi! Từ chỗ này, quý vị hãy suy nghĩ, chúng ta đã tin nhân quả hay chưa? Nhân lành, quả lành;

nhân ác, quả báo ác. Không chỉ là thân và miệng tạo tác, mà khởi tâm động niệm đều là nghiệp. Kinh Địa Tạng dạy chẳng sai: *"Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô bất thị nghiệp"* (Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp), tội nghiệp đấy nhé! Mấy ai kinh sợ? Đã sợ sệt thì đã chẳng dám làm, [nhưng ta thấy họ] hằng ngày vẫn tạo tác, có thể thấy là họ có sợ chi đâu! Đây là nói về nhân quả báo ứng trong thế gian.

Câu này (tức câu *"tin sâu nhân quả"*) tuyệt đối chẳng phải là nói theo thế gian, há có Phật, Bồ Tát nào chẳng biết đạo lý nhân quả thế gian? Không chỉ là chư Phật, Bồ Tát, [ngay cả] Thanh Văn, Duyên Giác cũng đều hết sức thông đạt nhân quả thế gian. A La Hán có năng lực biết năm trăm đời quá khứ và năm trăm đời trong tương lai. Đối với nhân quả báo ứng, các Ngài thật sự thấy quá rõ ràng, há lẽ nào chẳng biết? Do đó, nhân quả ở đây chẳng phải là nhân quả bình phàm, mà là *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. Nhân quả như vậy, xác thực là ngay cả rất nhiều vị Pháp Thân đại sĩ cũng chẳng biết. Nếu Pháp Thân đại sĩ đều biết, trong hội Hoa Nghiêm, cần gì Phổ Hiền Bồ Tát phải nhọc công tốn sức dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc? Do vậy có thể biết: Dùng giáo nghĩa của Hoa Nghiêm để xét, địa vị có mức độ thấp nhất trong Viên Giáo là địa vị Tam Hiền vẫn chưa có tín tâm vẹn mười! Bởi lẽ, kinh Hoa Nghiêm có dạy: *"Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật"*. Bậc đã đăng địa (chứng từ Sơ Địa trở lên) sẽ biết *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. Trước khi đăng địa, [các vị Bồ Tát thuộc] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng còn phải được Phổ Hiền và Văn Thù khuyên dạy, bậc Địa Thượng Bồ Tát mới nghiêm túc niệm Phật. Điều này đã nêu rõ: Nói thật ra, nhân quả quá ư là sâu!

Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền đều chẳng biết, Đệ Thập Hồi Hướng Bồ Tát đã đoạn ba mươi phẩm trong bốn mươi mốt phẩm vô minh, chỉ còn lại mười một phẩm vô minh, thế mà bậc Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa như vậy vẫn chẳng biết *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. Chúng ta gọi pháp môn Niệm Phật là pháp khó tin, thật sự chẳng quá lố! Người bình phàm chẳng tin tưởng pháp môn này, chẳng thể tiếp nhận, [đó là chuyện] hết sức bình thường! Ngay cả bậc Thập Hồi Hướng Bồ Tát trong Viên Giáo mà đều chẳng tin tưởng, làm sao họ có thể tin tưởng cho nổi? Nếu họ tin tưởng, chẳng phải là chuyện kỳ quái ư? Do vậy, chẳng tin tưởng là chuyện hết sức bình thường, chẳng có mảy may kỳ quái nào! Có thể thật sự tin tưởng thì phải như kinh Vô Lượng Thọ đã

nói, người ấy thiện căn và phước đức trong đời quá khứ quá dầy! Đức Phật đã nói rõ ràng: Trong đời quá khứ, đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, chẳng kể nổi số! Nhóm vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ đã cúng dường bốn trăm ức Phật, bốn trăm ức là một con số đáng kể, nhưng họ vẫn bị mê khi cách ấm, vẫn bị thoái chuyển, tuy phát nguyện *"trong tương lai ta thành Phật, cũng phải giống như A Di Đà Phật"*. Lời nguyện ấy chẳng có tác dụng to tát gì! Nếu họ chẳng nghiêm túc niệm Phật, tuy phát nguyện ấy, vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, thật sự phát khởi tín nguyện kiên cố, nhất tâm trì danh, buông xuống vạn duyên thì phải là như trong kinh đã nói: Trong đời quá khứ, đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, vượt trỗi vương tử A Xà Thế quá nhiều! Thiện căn sâu dầy như vậy, lại được Tam Bảo gia trì, cho nên đối với pháp môn này, người ấy có thể tin, có thể hiểu, có thể nguyện, có thể hành, bèn thành công. Có thể có được mấy người? Có mấy ai có phước báo to tát ngần ấy? Câu *"tin sâu nhân quả"* này quả thật chẳng dễ dàng. Chúng ta hãy chú tâm xem xét các đồng tu chung quanh, hãy nghĩ kỹ về bản thân, [sẽ thấy là] đối với mười một câu này, chẳng làm được một câu nào! Một tí phước cũng chẳng có! Làm sao có thể thành công cho được? Trước kia, tôi thường ca ngợi mọi người có phước báo là để cổ vũ, khích lệ, khuyến khích quý vị. Hôm nay tôi nói lời thật, chúng ta phải phản tỉnh sâu sắc, phải nghiêm túc tu phước hòng xây đắp căn cơ! Nói lời thật, những kẻ mới học đều hoảng hồn, chạy tuốt, chẳng dám đến nghe nữa! Vì thế, người thật sự tin tưởng nhân quả, nhất định sẽ khăng khăng một mực, sẽ nhất định là hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập.

Câu thứ ba là *"độc tụng Đại Thừa"* (đọc tụng Đại Thừa). Đọc tụng Đại Thừa là phương pháp tu hành trọng yếu của Bồ Tát. Hạnh môn của Bồ Tát vô lượng vô biên, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật cũng nêu lên rất nhiều cương lãnh. Vì sao chỉ nói đơn độc về đọc tụng? Như kinh Vô Lượng Thọ đã nói, [các hạnh môn] có thọ trì, biên chép, cúng dường, cũng nói rất nhiều, vì sao [trong Quán Kinh] chỉ nói đến đọc tụng? Cớ sao chẳng nói tới thọ trì? Vì sao chẳng nói đến biên chép? Vì sao không nói tới cúng dường? Chúng ta liền hiểu: Trong các thứ cương lãnh do đức Phật đã nói, đọc tụng là quan trọng nhất. Mười một câu này, chúng ta chẳng làm được câu nào, nguyên nhân là vì chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Do đọc tụng, bèn có thể hiểu rõ. Do đọc tụng, sẽ nghiêm túc niệm. Nói thật thà, Bồ Tát từ sơ phát tâm mãi cho đến địa vị Đẳng

Giác, trước khi thành Phật, Ngài đọc tụng kinh điển, hằng ngày đều chẳng phế trừ, mỗi ngày đều phải niệm. Đọc tụng là vạn hạnh đều tu, không chỉ là Tam Học Giới, Định, Huệ, hoàn thành Tam Huệ cùng một lúc, mà là vô lượng vô biên pháp môn đều tu viên mãn trong một lúc. Đó gọi là *"viên tu"*.

Tôi khuyên mọi người đọc tụng, còn có rất nhiều kẻ có ý kiến này nọ, [đó là vì họ] chẳng biết sự xảo diệu của pháp môn này. Kinh điển Đại Thừa quá nhiều. Tại Trung Hoa, Đại Thừa chia thành tám tông phái. Kinh điển để y cứ của tám tông phái toàn là kinh Đại Thừa. Chúng ta niệm kinh nào? Quý vị tu học tông nào, bèn đọc tụng kinh điển của tông đó. Vì sao? Làm như vậy thì giải và hạnh mới có thể tương ứng, thành tựu nhanh chóng. Trong quá khứ, người học Thiên Thai bèn niệm kinh Pháp Hoa. Kẻ học Hiền Thủ bèn đọc kinh Hoa Nghiêm. Thiền Tông niệm kinh Kim Cang. Tịnh Độ Tông niệm kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị học tông nào, bèn chọn lựa kinh điển chủ tu trong tông ấy để đọc tụng. Trong hết thảy các kinh, trong các buổi giảng, chúng tôi thường giới thiệu với mọi người: "Trong hết thảy các kinh, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất". Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà thuộc loại đồng bộ, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất, kinh A Di Đà cũng là bậc nhất, cùng một bộ mà! Vì thế, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ hoặc niệm kinh A Di Đà đều được. Số lượt niệm kinh A Di Đà phải càng nhiều hơn, hoặc là niệm sách Yếu Giải. Ấn Quang đại sư tán thán sách Yếu Giải là bản chú giải hay nhất trong các bản chú sớ kinh A Di Đà xưa nay, là bản chú giải bậc nhất. Tổ Ấn Quang nói: *"Dẫu cổ Phật tái lai để soạn chú giải cho kinh A Di Đà, cũng chẳng thể vượt trỗi tác phẩm này được!"* Đấy là tán thán bản chú giải ấy đến tột bậc. Do vậy, niệm kinh Di Đà, chúng tôi hy vọng sẽ niệm cùng với Yếu Giải, phân lượng cũng kha khá. Nếu không, kinh văn quá ngắn, thời gian tu học của chúng ta sẽ ngắn ngủi. Tôi vừa mới nói, niệm kinh là Tam Học và Tam Huệ cùng được hoàn thành, thời gian tu hành càng dài càng tốt.

Đọc tụng là tu hành, khi đọc tụng, đừng nên cầu hiểu nghĩa. Hễ cầu hiểu nghĩa, mục đích đọc tụng hoàn toàn bị phá hoại, vì sao? Hễ quý vị dấy lên phân biệt, sẽ rớt vào trong ý thức, sai mất rồi! Nói thật thà, đọc tụng kinh điển là như Thiền gia đã nói *"lìa tâm ý thức để tham cứu"*. Chúng ta dùng phương cách khác nhà Thiền, nhưng mục tiêu giống hệt, đều là tham Thiền! Chúng ta dùng phương pháp đọc tụng để tham Thiền, đúng là tuyệt diệu đến tột bậc! Tham Thiền là gì? Lìa tâm ý thức bèn gọi

là tham (參: tham cứu). Chúng ta đọc tụng, lìa tâm ý thức! Khi đọc tụng, chẳng phân biệt, chẳng dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức; không chấp trước là chẳng dùng thức thứ bảy. Một mực niệm miết, chẳng tư duy, suy nghĩ, cũng chẳng giữ lại ấn tượng, tức là chẳng dùng thức thứ tám. Há chẳng phải là lìa tâm ý thức ư? Mắt thấy rõ ràng, niệm câu kinh văn, tai nghe [tiếng niệm] cũng rõ ràng, cũng chẳng sai sót một chữ nào, chẳng niệm đảo lộn câu nào, thưa cùng chư vị, đấy là *"bỏ Thức dùng Căn"* như Giao Quang đại sư đã nói. Khi ấy, ta dùng căn tánh của sáu căn, dùng tánh Thấy để thấy sắc tánh. Dùng tánh Thấy để thấy, dùng tánh Nghe để nghe, tu hành ở cấp bậc cao đấy nhé! Mấy ai biết? Bỏ thức dùng căn. Ngồi xếp bằng nhìn vào vách bèn có thể bỏ Thức dùng Căn, đọc tụng Đại Thừa cũng có thể bỏ Thức dùng Căn. Đã sử dụng nhuần nhuyễn, bèn có thể vận dụng vào cuộc sống, mặc áo, ăn cơm, đãi người, tiếp vật, thảy đều bỏ Thức dùng Căn, sẽ là một vị Bồ Tát danh phù hợp thực. Quý vị mới hiểu: Đọc tụng Đại Thừa là một phương pháp tu hành trọng yếu của Bồ Tát. Trong mười tông phái, Thiền Tông chỉ là một tông phái, chín tông kia đều thuộc loại Giáo Hạ, đều chẳng rời khỏi kinh điển. Ở chỗ này, đại sư không viết là quán tâm, hoặc tham Thiền, hay tham thoại đầu, mà viết là *"độc tụng Đại Thừa"*, tức là nói hàng Đại Thừa Bồ Tát y chiếu kinh luận để tu hành chiếm tuyệt đại đa số. Chỉ là phương pháp khác nhau, nhưng tinh thần, phương hướng, mục tiêu toàn bộ đều là tương đồng, đều là bỏ Thức dùng Căn, đều là lìa tâm ý thức, đó là tu hành thật sự. Đọc kinh là tu hành thật sự, bỏ sạch tâm ý thức, đương nhiên là các Tâm Sở tương ứng với tâm ý thức đều chẳng thể khởi tác dụng được!

Do vậy, đọc kinh bèn có thể nhập Định! Nếu quý vị chẳng tin tưởng, có lẽ đã từng nghe kể Trí Giả đại sư niệm kinh Pháp Hoa bèn nhập Định. Nếu Ngài dùng tâm ý thức để đọc, làm sao có thể nhập Định cho được? Ngài đọc kinh Pháp Hoa có thể nhập Định, vì sao chúng ta niệm kinh chẳng thể nhập Định? Chúng ta dùng cái tâm ý thức để niệm, nên chẳng thể nhập Định, còn người ta lìa tâm ý thức để niệm. Đó là Ngài niệm bằng phương pháp và nguyên tắc mà tôi vừa mới nói, Ngài niệm đến phẩm Dược Vương Bổn Sự bèn nhập Định. Trong Định, Ngài có cảm ứng. Ngài tham dự pháp hội giảng kinh Pháp Hoa của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài còn nghe hết một thời, xuất Định bảo với người khác: *"Thích Ca Mâu Ni Phật trụ tại núi Linh Thứu, một hội Linh Sơn vẫn chưa tan!"* Ngài đích thân tham gia. Nói thật ra, mỗi lần pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật đều chẳng giải tán, vấn đề là quý vị có năng lực

tham dự hay không? Pháp hội Di Đà của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không tan, pháp hội kinh Vô Lượng Thọ cũng không tan, tùy thuộc quý vị có năng lực đích thân gặp gỡ pháp hội của đức Thế Tôn hay không? Do không hiểu rõ [ý nghĩa của việc] đọc tụng Đại Thừa, nên họ chẳng muốn niệm, thật sự là do trí huệ nông cạn, ít ỏi, chẳng biết chân tướng sự thật. Niệm đến mức tâm thanh tịnh, niệm đến mức Định Huệ thành tựu, niệm đến mức phá vô minh thấy Pháp Thân, người ấy vẫn niệm, dẫu chứng đến quả vị Đẳng Giác Bồ Tát, người ấy vẫn niệm hằng ngày, từ đầu đến cuối chẳng hề rời lìa. Phương pháp tu hành là như vậy đó.

Trong Tịnh Tông, có lẽ có rất nhiều đồng học đã từng nghe nói có người chẳng hề niệm kinh, chỉ niệm đơn độc một câu Phật hiệu mà thành tựu, chẳng sai! Chỉ niệm một câu Phật hiệu là ai? Người đề xướng đầu tiên là Đại Thế Chí Bồ Tát. Đối với Ngài, một câu A Di Đà Phật, hoặc câu *"nam-mô A Di Đà Phật"* cũng đều là lìa tâm ý thức. Nếu không lìa tâm ý thức, có gì để gọi là tu hành? Chẳng lìa tâm ý thức, có thể nào *"chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai"* cho được? Chẳng có đạo lý này! Chư vị phải biết: Niệm một câu Phật hiệu cũng là lìa tâm ý thức mà niệm!

Niệm kinh, niệm Phật là như thế, mà nghe kinh vẫn giống hệt như thế. Mọi người nghe kinh chẳng khai ngộ, vì sao chẳng khai ngộ? Dùng cái tâm ý thức để nghe, đừng nói là suốt một đời này chẳng khai ngộ, mà là đời đời kiếp kiếp, nghe đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp vẫn chẳng khai ngộ! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất rõ ràng, người nghe kinh phải nghe như thế nào? Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. Lìa tướng ngôn thuyết là lìa khỏi thức thứ sáu, tức Ý Thức. Lìa tướng danh tự là lìa thức thứ bảy. Lìa tướng tâm duyên là lìa thức thứ tám, vẫn chẳng phải là bỏ thức dùng căn ư? Đây là đã chỉ dạy rõ rệt cho chúng ta biết: Nghe kinh cũng phải lìa tâm ý thức. Tâm là thức thứ tám, ý là thức thứ bảy, tức Mạt Na thức, *"thức"* là thức thứ sáu. Nghe kinh cũng phải lìa tâm ý thức để nghe.

Nói thật thà, lìa tâm ý thức là tu hành. Nghe kinh là tu hành. Đọc kinh là tu hành. Niệm Phật là tu hành. Tu cái hạnh gì vậy? Bỏ sạch tâm và Tâm Sở, nhà Thiền gọi chuyện này là *"tu từ căn bản"*. Chúng ta biết tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và tạo tác của chính mình đều phạm lầm lỗi, cội nguồn của lầm lỗi ở chỗ nào? Cội nguồn là tâm và Tâm Sở. Do đó, phương pháp tu hành này là nhổ tận rễ, ngay cả rễ cũng nhổ sạch. Do vậy có thể biết, tuyệt đối chẳng phải chỉ có Thiền gia tu từ căn bản!

Thiền Tông thường khinh rẻ Giáo Hạ, khi dễ Tịnh Độ, họ chẳng hiểu *"pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Quý vị dùng phương pháp tham cứu, quán tâm để tu từ căn cội, Giáo Hạ dùng đọc tụng, Niệm Phật dùng chấp trì danh hiệu, cũng là tu từ căn bản, chẳng kém quán tâm, không thua tham thoại đầu. Hễ xem thường người khác, người ấy có thể thành tựu hay chăng? Chắc chắn là kẻ ấy sẽ chẳng thể thành tựu. Vì sao? Vì trong chân tâm chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thì lấy đâu ra thói khinh dễ người khác? Có phân biệt, có chấp trước, nên mới khinh dễ! Do vậy có thể biết, dẫu kẻ ấy tham Thiền giỏi cỡ nào đi nữa, do chưa lìa khỏi tâm ý thức, bất luận kẻ ấy tham Thiền kiểu nào đi nữa, vẫn chẳng thể khai ngộ. Đắc Thiền Định thì có thể, vì sao? Dùng tâm ý thức có thể đắc Thiền Định. Tứ Thiền, Bát Định, hoặc Cửu Thứ Đệ Định của A La Hán đều dùng tâm ý thức để tu, đều chẳng lìa tâm ý thức. Lìa tâm ý thức là thượng thượng Thiền; A La Hán và Bích Chi Phật chẳng thể chứng đắc [loại Thiền này].

Nếu quý vị thật sự hiểu, kẻ tham Thiền cười chê quý vị, quý vị vẫn chắp tay "A Di Đà Phật", chẳng so đo cùng kẻ ấy. Vì sao? Trong tâm chúng ta hiểu rành rẽ, rõ ràng. Gặp phải kẻ bên ngoài chê bai chúng ta là kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình, quở chúng ta là Tiểu Thừa, chúng ta cũng hoan hỷ "A Di Đà Phật" để tiếp nhận, chẳng cần phải so đo, chẳng cần phải biện bác cùng kẻ ấy. Đúng như Lục Tổ đã nói: *"Thấy căn tánh thích hợp, có thể nói với kẻ đó, thì mới có thể nói với họ"*. Thấy kẻ ấy căn tánh kém cỏi, chẳng thể nói được, bèn chắp tay khiến cho kẻ đó hoan hỷ là được rồi, chẳng cần phải tranh luận với bất cứ ai! Tranh luận chắc chắn là trái nghịch Phật pháp! Phật pháp là pháp giác ngộ, tranh luận chắc chắn là mê hoặc, điên đảo. Chỉ có kẻ mê mới tranh chấp, người ngộ sẽ chẳng tranh! Trong tâm của kẻ mê mới có ý kiến, trong tâm người ngộ bèn chẳng có ý kiến. Tâm người đã ngộ sạch làu làu, thứ gì cũng chẳng có, vốn chẳng có một vật. Hễ trong tâm còn có cả đống thứ thì là chưa ngộ!

Câu này nói rõ một phương pháp trọng yếu trong nhiều phương pháp tu hành của Bồ Tát, nay đã bảo rõ cùng quý vị. Nếu thật sự niệm kinh điển mà lìa tâm ý thức để niệm, quý vị có thể đắc Định, có thể khai ngộ. Nếu niệm chẳng ít năm, niệm chẳng ít lần: "Cớ sao ta vẫn chưa đắc Định? Cớ sao vẫn chưa khai ngộ?" Tôi biết suốt một đời này, quý vị sẽ chẳng thể đắc Định, chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Vì quý vị chẳng lìa tâm ý thức! Vẫn dùng tâm ý thức để niệm. Lìa tâm ý thức là một mực niệm

mãi, niệm lần này sang lần khác, trọn chẳng dấy lên một vọng niệm nào, công phu thành thục, nước chảy thành giòng, tự nhiên đắc Định, tự nhiên khai ngộ, đến lúc đó sẽ hoát nhiên thông đạt. Trong tâm thường suy tưởng: "Khi nào ta sẽ khai ngộ? Khi nào đắc Định?" Toàn là dấy vọng tưởng, trong đọc tụng bèn chêm vào vọng tưởng, vọng tưởng ấy chính là chướng ngại. Có người niệm Phật, phát tâm cầu nhất tâm bất loạn, người ấy chắc chắn chẳng thể đắc nhất tâm bất loạn trong một đời này. Vì sao? Trong [khi niệm] A Di Đà Phật, đã xen tạp nhất tâm bất loạn, hỏng bét! Bảo quý vị đừng xen tạp, mà [quý vị vẫn] còn xen lẫn nhất tâm bất loạn. Hết thảy sai lầm, hết thảy những nhân tố khiến chẳng thành tựu, từng điều từng điều một đều phải tìm cho ra. Sau khi đã tìm ra, thảy đều tiêu trừ, chướng ngại của chúng ta sẽ chẳng còn nữa, có nghĩa là nghiệp chướng đã tiêu trừ.

Nói thật thà, [để tiêu trừ] nghiệp chướng, chẳng phải là nói quý vị hãy lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, lạy Đại Bi Sám, nghiệp chướng sẽ tiêu sạch. Chẳng tiêu được đâu nhé! Người thuở trước bái sám bèn có thể tiêu trừ, người hiện thời chẳng tiêu được! Người thuở trước niệm kinh có thể tiêu nghiệp chướng, người hiện thời niệm kinh chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Người thuở trước niệm A Di Đà Phật bèn tiêu nghiệp chướng, người hiện thời niệm A Di Đà Phật cũng chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Quý vị có biết nguyên nhân hay không? Dùng tâm ý thức sẽ chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Lìa tâm ý thức, nghiệp chướng bèn tiêu trừ, nguyên nhân ở chỗ này. Quý vị phải hiểu nghiệp chướng là gì? Nghiệp chướng là phân biệt, chấp trước. Dùng phân biệt, chấp trước thì làm sao có thể lìa khỏi phân biệt, chấp trước cho được? Vẫn là chớ nên nghe sai lời này. Hễ nghe sai, sẽ phạm lầm lỗi càng to hơn nữa! Kẻ ấy [nghe nói] "chẳng phân biệt, không chấp trước", được rồi! [Vậy thì] cha con cũng chẳng phân biệt, nam nữ cũng chẳng phân biệt. Há có được chăng? Quý vị đánh giặc, mà ngay cả kẻ địch và người nhà của chính mình còn chẳng phân biệt được, hỏng bét, đã phạm sai lầm to đùng! Trong tâm của chính mình quả thật là chẳng có phân biệt, nhưng trong cuộc sống hằng ngày, thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước, chính mình có [phân biệt, chấp trước] hay chăng? Chính mình quyết định chẳng có. Đó là đúng. *"Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian"*, pháp thế gian là phân biệt, chấp trước, trọn chẳng phá hoại sự phân biệt và chấp trước của chúng sanh. Chúng sanh có phân biệt, chấp trước thì họ

mới có thể kiến lập trật tự xã hội, thế gian mới không đến nỗi loạn tùng phèo! Nếu chúng ta thật sự phân biệt, chấp trước, sai mất rồi, sẽ vĩnh viễn chẳng thể vượt thoát thế gian. Lìa khỏi hết thảy phân biệt, chấp trước, bèn vượt thoát thế gian. Do đó, nhất định phải hiểu rõ chỗ này, chớ nên hiểu lầm.

Trọng điểm của câu này vẫn là khuyến khích, cổ vũ chúng ta phải nghiêm túc đọc tụng, phải biết đọc tụng như thế nào thì mới có thể thu được lợi ích chân thật. Trong mười một câu [Quán Kinh giảng về tam phước] đến chỗ này, mười câu đầu đều là tự lợi, đều thuộc loại tự hành; chỉ có câu cuối cùng là lợi tha, tức là hóa độ người khác. Tự hành hóa tha thì mới là Bồ Tát. Chuyện hóa độ người khác chẳng đơn giản, công đức tự hành đã viên mãn thì mới hóa độ người khác. Hiện thời, có những kẻ trẻ tuổi, công đức tự hành còn chưa có, mà đã nóng lòng đi hóa độ kẻ khác, tâm thật sự là tốt lành, thật sự giống như Địa Tạng Bồ Tát xả thân vì kẻ khác: *"Ta chẳng vào địa ngục, ai xuống địa ngục?"* Họ thật sự vào địa ngục. Người ấy xuống địa ngục chẳng có lợi gì cho ai cả, Địa Tạng Bồ Tát xuống địa ngục có lợi cho chúng sanh, còn kẻ ấy xuống địa ngục rất oan uổng, chẳng độ được một chúng sanh nào hết!

Chư vị hãy niệm cẩn thận mười một câu này, sẽ thật sự hiểu rõ: Hóa độ chúng sanh chẳng phải là chuyện dễ dàng! Đó là làm người chỉ đường. Nếu quý vị chỉ sai phương hướng và đường nẻo, sẽ làm sao đây? Người biết khuyên người khác, [nếu] chính mình chưa có thành tựu, hãy khuyên người khác niệm A Di Đà Phật, khuyên người ta niệm kinh A Di Đà hoặc niệm kinh Vô Lượng Thọ, chắc chắn sẽ chẳng sai lầm. Vì sao? Đức Phật khuyên người ta như vậy! Chúng ta cũng học theo, vậy thì sẽ chẳng sai lầm, tuyệt đối sẽ chẳng gây sai lầm cho người khác. Dẫu chẳng nói rõ ràng, cũng chẳng có hại gì cho người ấy. Dẫu người ấy niệm Phật chẳng thể vãng sanh, nhưng sẽ chẳng đọa trong ác đạo. Nếu người ấy đọa vào ác đạo, nhất định là do các nhân tố khác mà đọa ác đạo, tuyệt đối chẳng thể nói "do niệm Phật mà đọa ác đạo", chẳng có lẽ ấy! Vì vậy, khuyên kẻ khác niệm Phật, khuyên người khác niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà, sẽ không sai lầm! Khuyên người khác niệm kinh luận khác, sẽ có đôi chút vấn đề. Vấn đề gì vậy? Sợ là pháp môn ấy chẳng khế cơ. Giống như người bị bệnh, quý vị giới thiệu thuốc cho họ uống, phải chịu trách nhiệm. Quý vị chẳng biết rõ bệnh tình của người ta, cũng chẳng hiểu rõ dược tánh, chỉ thấy người khác mắc bệnh, do uống thuốc ấy bèn lành. Quý vị thấy vậy, người này ngã bệnh, ngay lập tức

đem thuốc ấy cho người ta uống. Người ta mắc bệnh khác hẳn, vừa uống vào bèn chết tươi! Quý vị có phải lãnh trách nhiệm hay không? Chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Vì lẽ này, ở đây, tôi khuyến cáo các đồng tu, hễ thấy có người bị bệnh, tốt nhất là khuyên người ta đi khám bác sĩ, chớ nên dễ dãi coi thường giới thiệu, đem thuốc đã chế sẵn cho người ấy uống. Thật đấy! Rất nhiều vị pháp sư đã bị tín đồ hại chết. Đích thân tôi trông thấy pháp sư Đạo An đã bị tín đồ thuốc chết, trúng độc mà chết. Tín đồ quá yêu mến thầy, tặng thuốc này, biếu thuốc kia, đều là thuốc tốt, kết quả là thầy uống vào chết đứ đừ! Tôi tương đối thông minh, bất cứ thuốc nào của người khác tặng cho tôi, tôi đều nhận lấy, hôm sau vứt vào giỏ đựng giấy vụn. Tôi cũng chẳng thể tặng cho người khác, tặng cho người khác sẽ hại chết họ, làm thế nào đây? Vì thế, đều coi như rác rưởi. Tôi thưa cùng quý vị, lần sau đừng tặng thuốc nữa, mua những thuốc tốt lành thật sự rất nổi tiếng, đắt tiền, tôi đều coi chúng như rác rưởi. Vì sao? Vạn nhất uống vào bị bệnh thì làm thế nào đây? Ai chịu trách nhiệm? Bởi lẽ, chẳng thể tùy tiện uống thuốc được!

Các pháp môn trong Phật pháp chẳng thể tùy tiện giới thiệu loạn xạ cho người khác được, nhưng A Di Đà Phật thì có thể giới thiệu, pháp này có năng lực thích ứng rất rộng rãi, bệnh gì cũng đều có thể dùng, chỉ có lợi, chẳng có hại, giống như vạn kim du[102], hoặc bát quái đan[103], [giới thiệu pháp này cho bất cứ ai] đều có thể được! Dẫu chẳng thể chữa lành, cũng chẳng khiến cho bệnh tình nặng thêm. Do đó, pháp này là vạn ứng đan (thuốc viên thích hợp cho mọi loại bệnh), giới thiệu pháp này chẳng hại người. Giới thiệu những pháp khác, nếu chẳng khế cơ, sẽ làm hại người ta!

"Khuyến tấn hành giả": Hành giả là người tu hành. [Khuyến tấn hành giả] là khuyên người ta học Phật, khuyên họ tu hành, giúp họ tiến

---

[102] *"Vạn kim du"* (萬金油) là tên gọi chung các loại dầu cù là, nổi tiếng nhất là loại dầu con hổ (thường được biết với danh xưng Tiger Balm) do Hổ Báo Xí Nghiệp Hữu Hạn Công Ty (Haw Par Corporation Limited) của Tân Gia Ba sản xuất. Tên gọi Vạn Kim Du do họ đặt ra đầu tiên. Sở dĩ gọi là công ty Hổ Báo vì công ty này do hai anh em Hồ Văn Hổ và Hồ Văn Báo sáng lập. Thành phần chế tạo của loại dầu này bao gồm bạc hà, long não (camphor), dầu bạc hà tinh chế, dầu tràm (melaleuca), dầu đinh hương (clove), quế, và ammonium hydroxide trộn với sáp (hoặc chất vaseline).

[103] Bát quái đan (八卦丹) là một loại thuốc viên đã có từ xưa tại Trung Hoa, do thường bán trong gói giấy nhỏ có in hình Bát Quái, nên dân chúng quen gọi là Bát Quái Đan. Theo nhà sản xuất, thuốc này có tác dụng thanh nhiệt, trấn tĩnh v.v…

bộ, giúp họ tinh tấn, chuyện này đòi hỏi phải có trí huệ. Chúng ta thấy bên ngoài có rất nhiều kẻ khuyên người khác tham Thiền, khuyên người ta học Mật, khuyên kẻ khác niệm chú, gặp ai cũng đều khuyên như vậy, rất nguy hiểm! Tâm người ấy cũng rất tốt đẹp, chẳng thể nói là người ấy có tâm hại người, chẳng phải vậy! Người ấy đúng là có lòng tốt, nhưng đích thực là chẳng biết chân tướng sự thật, chẳng liễu giải pháp môn, chẳng liễu giải căn tánh của chúng sanh, cứ mù quáng khuyên bảo người khác, vô cùng nguy hiểm! Dẫu chẳng phải là cố tình tạo tội, nhưng lỗi lầm cũng rất nặng, quyết định là có lỗi lầm. Khuyên người ta học Phật còn khó khăn như vậy, khuyên người khác xuất gia càng chẳng dễ dàng, chịu trách nhiệm càng lớn hơn nữa. Người ấy xuất gia trong tương lai là một vị pháp sư tốt lành, tu hành chứng quả, hoằng pháp lợi sanh, như vậy thì công đức của quý vị quá lớn, vô lượng vô biên! Nếu kẻ ấy trong tương lai sau khi đã xuất gia, sẽ khiến cho Phật môn bị nhục nhã, tạo tác trọng tội, tạo tội nặng gấp bội người thế gian tạo tội nghiệp, thử hỏi quý vị có phải chịu trách nhiệm hay không? Quý vị phải chịu trách nhiệm! Há có nên dễ dãi khuyên người khác xuất gia ư?

Suốt cả một đời, thầy Lý giảng kinh ở Đài Trung hơn bốn mươi năm, chưa bao giờ thầy Lý khuyên người khác xuất gia. Thầy có ba điều không khuyên: Thứ nhất, không khuyên người khác ăn chay. Thứ hai, chẳng khuyên người khác thọ giới. Thứ ba, không khuyên người ta xuất gia. Đó là chuyện của chính quý vị, chính quý vị phát tâm, đối với chuyện này, thầy quyết định chẳng khuyên. Quý vị khuyên người khác ăn chay, có người muốn học Phật, nhưng do chẳng thể ăn chay, người ấy sẽ chẳng đến học. Quý vị cứ nhất định khuyên người ta ăn chay, lần sau họ sẽ không dám đến nữa. Vì thế, thầy chẳng khuyên người khác ăn chay. Thọ giới thì thọ giới dễ dàng, trì giới khó khăn. Vì thế, suốt một đời, thầy chẳng khuyên người khác thọ giới. Chẳng khuyên người khác xuất gia là tuyệt đối chánh xác. Thật sự có huệ nhãn, thật sự hiểu rõ người ấy, cảm thấy người ấy sau khi xuất gia sẽ xác thực là một nhân tài, trong tương lai nhất định có thể hoằng pháp lợi sanh, hoằng dương Phật pháp; thấy chuẩn xác thì mới có thể khuyên kẻ ấy. Sau khi đã xuất gia, cơ duyên cũng khá khó khăn, có gặp được một đạo tràng thật sự tu học hay không? Có gặp một vị thiện tri thức thật sự hay không? Có đồng tham đạo hữu tốt đẹp hay không? Đó là những nhân tố quyết định sự thành bại của người đó. Rất khó! Nếu quý vị đều thấy những vấn đề này, chắc chắn là chẳng dám khuyên người khác xuất gia.

Đến đây là đã giới thiệu xong Tam Phước. Lần này, tôi giảng khá tỉ mỉ cùng mọi người, có trọn hết ý hay không? Còn kém rất xa! Mười một câu này sâu rộng như biển cả, những gì tôi có thể giảng là một giọt nước trong biển cả. Chư vị hãy đọc tụng kỹ càng, suy nghĩ cặn kẽ hòng thấu hiểu: Những điều này xác thực là cơ sở để học Phật, bất luận quý vị học tông nào hay pháp môn nào, trọn chẳng phải là hoàn toàn [chỉ để] nói với người tu Tịnh Độ! Vì sau đó, đức Phật đã nói rất rõ ràng:

(Diễn) Thử tam chủng nghiệp, thị tam thế chư Phật, Tịnh nghiệp chánh nhân.

(演)此三種業，是三世諸佛，淨業正因。

*(**Diễn**: Ba nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật).*

Do câu này, chúng ta hiểu phạm vi của Tam Phước vô cùng rộng: Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, đều chẳng lìa nguyên tắc này. Tam Phước là chánh nhân Tịnh nghiệp của hết thảy chư Phật. Nói cách khác, đây là khoa mục cơ bản ắt phải tu của hết thảy chư Phật, làm sao chúng ta có thể coi thường cho được? Đoạn này nhằm giải thích câu *"Tịnh nghiệp tam phước"* được nhắc tới trong Sớ Sao. Một dòng tiếp theo nhằm giải thích sự hòa hợp dung hội của Liên Trì đại sư đối với hai cách nói khác nhau của ngài Linh Chi và Hải Đông, đại sư nói [như sau]…

(Sao) Hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm.

(鈔)還以持名為正行，復以持名為發菩提心。

*(**Sao**: Đã coi trì danh là chánh hạnh, lại còn coi trì danh là phát Bồ Đề tâm).*

Cách nói này, có sự hay khéo "tuy diễn tả khác biệt, nhưng có cùng một công dụng" như cách nói của Ngẫu Ích đại sư, thật sự là hay khéo.

(Diễn) Hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, thị thủ Linh Chi nhất bán. Phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm, thị thủ Hải Đông nhất bán, đồng quy chấp trì danh hiệu, tắc hòa hội kỳ nghĩa dã.

(演) 還以持名為正行 ，是取靈芝一半 ；復以持名為發

菩提心，是取海東一半。同歸執持名號，則和會其義也。

*(**Diễn**: "Đã coi trì danh là chánh hạnh" tức là lấy một nửa thuyết của ngài Linh Chi, "lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm", tức là lấy một nửa thuyết của ngài Hải Đông. Cùng quy vào chấp trì danh hiệu, là hòa hợp, dung hội các ý nghĩa ấy).*

Cách nói này hay khéo, vì sao? Nói thật ra, phát Bồ Đề tâm và trì danh có mối quan hệ mật thiết. Nói thật thà, Bồ Đề tâm là đại triệt đại ngộ. Chẳng phải là đại triệt đại ngộ, lẽ nào chịu trì danh? Đã nghiêm túc trì danh thì sự trì danh ấy ắt cần phải chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Thật sự đạt được cảnh giới này, nhất định sẽ là triệt để giác ngộ. Do đó, cách hòa hợp dung hội này hết sức thích đáng! Nay chúng ta niệm câu Phật hiệu này chẳng tốt đẹp là do thiếu khuyết Bồ Đề tâm. Nếu lý giải bộ kinh luận này ở một mức độ kha khá, quý vị sẽ khăng khăng một mực niệm Phật, niệm đến một giai đoạn [nào đó], Bồ Đề tâm sẽ hiện tiền. Niệm đến giai đoạn nào? Niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn thì quý vị có thiện căn và phước đức vượt trỗi A La Hán. Lý nhất tâm bất loạn bèn chứng đắc Pháp Thân đại sĩ. Vì lẽ này, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất hay: *"Chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai"*. Tâm khai là cảnh giới đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cũng là Pháp Thân đại sĩ. *"Chẳng nhờ vào phương tiện"* là không cần cậy vào phương pháp nào khác, mà là một câu Phật hiệu niệm tới cùng.

Niệm kinh cũng giống hệt như vậy. Người thích niệm kinh bèn niệm kinh, người chuộng niệm Phật bèn niệm Phật. Người niệm Phật cũng chớ nên nói kẻ niệm kinh là sai lầm, người niệm kinh cũng đừng nói kẻ niệm Phật sai be bét! Đều là đúng, ai sai? Nói người khác là sai lầm, tức là quý vị vẫn đang có phân biệt, chấp trước, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, đúng là sai lầm! Bất luận là niệm kinh hay niệm Phật, nói chung đều phải niệm đến mức không xen tạp, không gián đoạn, không hoài nghi. Niệm Phật hiệu là như thế, mà niệm kinh cũng là như thế. Vừa niệm kinh, vừa suy tưởng loạn xạ, không được rồi!

Do vậy, tôi khuyên các đồng tu mới học hãy nên thực hiện bằng niệm kinh, vì niệm kinh sẽ cảm nhận vọng niệm của chính mình dễ dàng. Niệm Phật mà một câu Phật hiệu miệng cứ liến láu niệm qua, có dấy lên một hai vọng tưởng, xen tạp vọng tưởng vẫn chẳng biết. Niệm kinh thì xen tạp vọng tưởng sẽ phát giác dễ dàng, vì một vọng niệm nẩy lên, sẽ

niệm kinh trật lất! Trong nửa năm đầu mới tu, chỉ cần quý vị niệm kinh nhuần nhuyễn, trong khi niệm bị xen tạp vọng tưởng chẳng sao cả! Nửa năm sau, hy vọng mọi người niệm kinh phải theo đúng đường lối tu hành, đường lối tu hành ở chỗ nào? Là quý vị niệm kinh, hễ niệm sai một câu, lần niệm ấy chẳng tính, niệm lại từ đầu. Niệm xong bộ kinh này từ đầu đến cuối chẳng có một vọng niệm nào, đó là công phu. Nếu trong thời gian đầu thì nhất định là cả ngày quý vị chẳng niệm xong một bộ kinh, vì sao? Niệm niệm đều dấy lên vọng niệm, chắc chắn là một bộ kinh quý vị niệm chẳng xong! Do đó, trong nửa năm đầu, hy vọng quý vị niệm thuần thục, có dấy vọng tưởng cũng chẳng sao. Sau khi đã thuần thục, quyết định là chớ nên có vọng tưởng, đó gọi là công phu! Công phu ấy sẽ kiên cố hơn công phu niệm Phật, mà cũng khó nhiếp tâm hơn so với khi niệm Phật. Dẫu sao [thời gian] niệm [một câu] Phật hiệu rất ngắn, nhất là một câu Phật hiệu bốn chữ A Di Đà Phật quá dễ dàng, có dấy vọng tưởng thì câu kế tiếp vẫn là A Di Đà Phật, quý vị nói xem có xen tạp hay không? Khi quý vị đọc kinh, hễ có một vọng niệm bèn chẳng tính lần niệm ấy, lại bắt đầu từ đầu, quý vị liền biết là phải khó hơn niệm Phật hiệu nhiều lắm, nhưng nói theo phía người tu hành, công đức và lợi ích ấy xác thực là vượt trỗi [công đức và lợi ích do trì niệm] Phật hiệu. Thoạt đầu, hy vọng là dùng công phu này để thật sự đạt được tâm địa thanh tịnh. Dùng công phu này để huấn luyện trong một khoảng thời gian, [sao cho] vọng niệm chẳng sanh, sau đó, quý vị chẳng đọc kinh nữa, chỉ niệm A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật cũng chẳng xen tạp vọng niệm, công phu thành tựu, quyết định vãng sanh. Lúc lâm chung chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, muốn ngồi mất hay đứng mất đều tự tại! Thích ra đi như thế nào bèn đi như thế ấy. Bảo với quý vị chân tướng sự thật này, hy vọng mọi người sẽ nghiêm túc nỗ lực. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 212

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi mốt:

(Sao) Thiện căn giả, Quán Kinh, tắc như thượng đệ tam phước phát Bồ Đề tâm, Đại Bổn, tắc tam bối vãng sanh, giai ngôn phát Bồ Đề tâm. Cứ thử, tắc phát phàm phu tâm, thị vị vô thiện căn. Phát Thanh Văn tâm, bất phát Bồ Đề tâm giả, thị vị thiểu thiện căn dã.

(鈔)善根者，觀經，則如上第三福發菩提心；大本，則三輩往生，皆言發菩提心。據此，則發凡夫心，是謂無善根；發聲聞心，不發菩提心者，是謂少善根也。

*(**Sao**: Thiện căn: Theo Quán Kinh thì là "phát Bồ Đề tâm" trong phước thứ ba. Theo Đại Bổn thì đối với ba bậc vãng sanh đều nói là "phát Bồ Đề tâm". Dựa theo đó, hễ phát khởi cái tâm phàm phu sẽ gọi là "chẳng có thiện căn". Phát tâm Thanh Văn, chẳng phát tâm Bồ Đề, sẽ được gọi là "ít thiện căn").*

Trong phần giải thích, trước hết là để giải thích *"thiện căn"*, sách Diễn Nghĩa bèn trích dẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh Vô Lượng Thọ. Đại Bổn là kinh Vô Lượng Thọ. Nói theo hai bộ kinh ấy. Đối với ba phước trong Quán Kinh, câu đầu tiên trong phước thứ ba là *"phát Bồ Đề tâm"*. Theo kinh Vô Lượng Thọ, ba bậc vãng sanh đều là *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*. Căn cứ trên những điều đã nói trong hai bộ kinh, phát Bồ Đề tâm là thiện căn thật sự. *"Phát phàm phu tâm"* là chẳng có thiện căn. Phát phàm phu tâm là gì vậy?

(Diễn) Phát phàm phu tâm giả, tu Ngũ Giới, Thập Thiện, cầu sanh nhân đạo thiên trung đẳng, thị vị "vô thiện căn" giả.

(演)發凡夫心者，修五戒十善求生人道天中等，是謂無善根者。

*(**Diễn**: Phát phàm phu tâm là tu Ngũ Giới, Thập Thiện, cầu sanh trong nhân gian hoặc cõi trời, sẽ được gọi là "chẳng có thiện căn").*

Cầu mong sẽ được sanh vào nhân gian hay cõi trời, bèn gọi là "chẳng có thiện căn".

(Diễn) Dĩ Thập Thiện đẳng, thị tam giới hữu lậu nhân quả, bất xuất luân hồi cố.

(演)以十善等，是三界有漏因果，不出輪迴故。

*(**Diễn**: Do Thập Thiện v.v... là nhân quả hữu lậu trong tam giới, chẳng thoát khỏi luân hồi).*

Ngàn vạn phần chúng ta đừng xem thường điều này. Vì sao? Hãy rất lắng lòng, rất chú tâm phản tỉnh đôi chút, [xét thử xem] nay chúng ta

đang phát cái tâm gì vậy? Vì sao người niệm Phật đông đảo, kẻ vãng sanh ít ỏi? Nói thật ra, rất nhiều kẻ niệm Phật đã phát khởi cái tâm phàm phu, chẳng hề phát Bồ Đề tâm. Tuy mỗi ngày đều niệm kệ hồi hướng: *"Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung"* (Nguyện sanh về cõi Tịnh Độ nơi phương Tây). Đó là phát tâm ngoài môi mép, trong lòng chẳng thật sự mong vãng sanh. Bởi lẽ, Bồ Đề tâm ngoài cửa miệng vô dụng! Phải thật sự phát tâm nguyện sanh về Tây Phương, đó mới là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Không chỉ là Bồ Đề tâm, mà còn là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Tâm ấy rất khó phát, vì sao? Người thật sự phát Bồ Đề tâm, đầu óc tuyệt đối chẳng có thị phi, nhân ngã, thảy đều đoạn sạch, nhất tâm nhất ý nghĩ tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm đều nghĩ tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, đều nghĩ tới các thứ công đức tu hành của A Di Đà Phật từ thuở tu nhân mãi cho đến khi Ngài đã thành Phật, độ chúng sanh. Người ấy nghĩ những chuyện này. Làm sao người ấy có thể suy nghĩ chuyện thị phi, nhân ngã trong thế gian này cho được? Làm sao có thể nghĩ đến chuyện lợi hại, được mất cho được? Chẳng thể nào có những ý niệm ấy! Nếu còn có những ý niệm ấy, chư vị phải biết: [Đó chính là] chẳng có Bồ Đề tâm, đã phát lên cái tâm phàm phu. Dẫu suốt một đời này niệm Phật rất siêng năng, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cũng chẳng thể vãng sanh! [Chỉ là] kết mối thiện duyên cùng A Di Đà Phật, đợi đến đời nào đó, kiếp nào đó lại gặp gỡ, quý vị thật sự phát Bồ Đề tâm bèn có thể vãng sanh. Chẳng phải là thật sự phát Bồ Đề tâm, chắc chắn chẳng thể vãng sanh. Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ: Pháp môn chẳng sai lầm, kinh giáo cũng chẳng có sai lầm. Sai lầm ở ngay nơi bản thân chúng ta, chúng ta chẳng làm theo!

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, không chỉ là nhân quả hữu lậu trong tam giới, mà nói thật thà, chúng ta động niệm, ác niệm nhiều, thiện niệm ít, luôn cảm thấy kẻ khác có lỗi với ta, luôn cảm thấy xã hội có lỗi với ta, quan niệm ấy chính là cái nhân của tam đồ. Hằng ngày tạo tác cái nhân tam đồ, há có thể nào chẳng hứng chịu quả báo trong tam ác đạo ư? Ngũ Giới, Thập Thiện, nói theo kiểu người Hoa sẽ là *"luân thường, đạo đức"*. Niệm niệm đều là luân thường, đạo đức, đó là cái nhân của cõi trời, người. Niệm nào cũng là tham, sân, si, mạn, đúng, sai, ta, người; đó là cái nhân của ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Hằng ngày chúng ta tạo những nhân ấy, nhất tâm niệm Phật mong sanh về Tịnh Độ, sẽ là chuyện chẳng thể nào xảy ra được!

"Phát Thanh Văn tâm, bất phát Bồ Đề tâm" (Phát tâm Thanh Văn, chẳng phát tâm Bồ Đề), đó là *"ít thiện căn"*. Kinh đã dạy rõ ràng: *"Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc"* (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, và nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Tâm Thanh Văn là tâm chán lìa, cũng là *"yếm ly tâm"* (厭離心) được nói trong Tịnh Tông: *"Yếm ly Sa Bà, hân cầu Cực Lạc"* (Chán nhàm Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc), đó là đúng. Tâm Thanh Văn chán lìa Sa Bà, chẳng nghĩ tới vãng sanh Cực Lạc, mà mong cầu chứng Niết Bàn. Có thể chứng đắc Niết Bàn hay không? Cũng được! Nhưng thật sự là chẳng dễ dàng! Hàng Tiểu Thừa tu Định, Tiểu Thừa bao gồm Thanh Văn và Duyên Giác, phải tu đến Đệ Cửu Định mới có thể vượt thoát tam giới, chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Tam-muội thành tựu, trí huệ chưa khai, chẳng kiến tánh, chẳng phá vô minh, công năng định lực có thể chế phục Kiến Tư phiền não, chẳng thể phá Trần Sa và Vô Minh. Để phá Trần Sa và Vô Minh, nhất định phải dùng trí huệ Bát Nhã. Do vậy, công phu định lực của hàng Tiểu Thừa, quả thật là như chúng ta thường nói: *"Đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn"*. Do đó, họ chẳng thể kiến tánh, thiện căn ít ỏi! Tuy Quyền Giáo Bồ Tát tu Định, tu Huệ, tự hành, hóa độ người khác, nhưng chẳng chịu phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, thưa cùng chư vị, cũng là ít thiện căn! Ở đây, [tuy Sớ Sao] chẳng nói, tôi nói bổ sung, đó vẫn là ít thiện căn. Thiện căn chẳng dễ dàng! Tôi vừa mới nói một tiêu chuẩn thấp nhất: Niệm nào cũng vì Phật giáo, niệm nào cũng đều nhằm lợi ích chúng sanh. Trong "vì Phật giáo" thì niệm nào cũng vì Tịnh Độ, vì sao? Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thù thắng bậc nhất trong Phật pháp, đấy mới là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Kẻ nhận biết pháp môn này rất ít, đúng là chẳng có mấy người! Vì sao ít? Kẻ ít thiện căn, hoặc chẳng có thiện căn, làm sao có thể nhận biết pháp môn này cho được?

Chư vị đồng tu đang hiện diện tại đây gặp gỡ pháp môn này, đúng như đức Phật đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ: Quý vị đã nhiều đời, nhiều kiếp gieo trồng thiện căn, đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nên mới có cơ hội nghe thấy, đọc thấy. Đã đọc rồi có thể tin, chứng tỏ thiện căn của quý vị đã chín muồi. Nếu đã đọc mà vẫn chẳng tin, chẳng thể nói là quý vị chẳng có thiện căn, mà là thiện căn chưa chín muồi! Chưa chín muồi thì sẽ giống như ai? Giống như nhóm năm trăm vị đại trưởng giả theo vương tử A Xà Thế trong kinh Vô Lượng Thọ, [thiện căn của] họ chưa chín muồi. Nói cách khác, họ chỉ

cúng dường bốn trăm ức Phật, thiện căn vẫn chưa đủ. Nếu thật sự vừa nghe liền tiếp nhận, đó là người đã cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Chúng ta đọc kinh, thấy nói: Nhóm người vương tử A Xà Thế nghe đức Phật giới thiệu pháp môn Tịnh Độ, chỉ nói là "hy vọng trong tương lai khi ta thành Phật, cũng giống như A Di Đà Phật". Chỉ phát nguyện ấy, chẳng phát khởi tín nguyện kiên định: *"Ta quyết định phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật trong một đời này"*. Họ chẳng phát nguyện ấy, chỉ nói *"trong tương lai, ta thành Phật sẽ giống như A Di Đà Phật"*, vẫn chẳng biết là đến đời nào, kiếp nào [sẽ thành Phật]! Do vậy, không thể coi họ là thiện căn chín muồi. Thiện căn chín muồi, tức là trong đời quá khứ, đã cúng dường chư Phật Như Lai chắc chắn vượt ngoài bốn trăm ức, đúng là chẳng đơn giản! Quý vị phải đọc cẩn thận những câu kinh văn này, nhất định đừng nên hàm hồ, lơ mơ đọc lướt qua! Nói thật thà, đức Phật đã hoàn toàn bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật, [thế mà] có rất nhiều kẻ chẳng thể tin tưởng! Chúng ta vừa nghe liền liễu giải vì sao kẻ ấy chẳng tin? Có lẽ kẻ ấy cũng giống như vương tử A Xà Thế, chỉ cúng dường bốn trăm ức Phật, còn ít quá, còn chưa đủ! Người nào vừa nghe liền tin tưởng, vừa nghe bèn hoan hỷ, bèn y giáo phụng hành, chúng ta biết thiện căn của người ấy đã chín muồi, trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai.

(Sao) Phước đức giả, Quán Kinh, tắc hiếu dưỡng phụ mẫu đẳng. Đại Bổn, tắc tu chư công đức đẳng. Cứ thử, tắc thí, giới đẳng, nãi chí lập tự, tạo tượng, thiền tụng, khổ hạnh, nhất thiết phước nghiệp, xả trí bất tác, thị vị vô phước đức. Đản tác thử phước, chủng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân, thị vị thiểu phước đức dã.

(鈔)福德者，觀經，則孝養父母等；大本，則修諸功德等。據此，則施戒等，乃至立寺造像禪誦苦行一切福業，捨置不作，是謂無福德。但作此福，種人天小果有漏之因，是謂少福德也。

(**Sao**: *Phước đức: Xét theo Quán Kinh bèn là hiếu dưỡng cha mẹ v.v... Xét theo Đại Bổn, sẽ là tu các công đức v.v... Xét theo đó, thí, giới v.v... cho đến lập chùa, tạc tượng, thiền tập, tụng niệm, khổ hạnh, hết thảy phước nghiệp buông bỏ chẳng làm, sẽ gọi là "không có phước đức". Chỉ làm những phước ấy, sẽ là gieo cái nhân hữu lậu tiểu quả trong cõi*

trời người, nên gọi là "ít phước đức").

Phải nghe cho rõ những lời này, phải lưu ý! Tam phước theo Quán Kinh, điều thứ nhất là phước đức thế gian; điều thứ hai là phước đức Nhị Thừa, điều thứ ba là phước đức Đại Thừa. Dựa theo những điều đã được nói ở đây, điều thứ nhất là chẳng có phước đức. *"Hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp"*, chính là phước đức hữu lậu trong thế gian, chẳng phải là phước đức để thành Phật, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chưa phải là tiêu chuẩn phước đức của Tịnh Tông. Phước đức Tiểu Thừa là *"thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi"*, chính là ít phước đức, chẳng phải là nhiều phước đức. Điều thứ ba *"phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"*, đấy mới là nhiều phước đức. Liên Trì đại sư trích dẫn Quán Kinh là do ý nghĩa này. Chúng ta thường nói bố thí, trì giới là tu lục độ vạn hạnh. *"Nãi chí lập tự"* (Cho đến lập chùa) là xây cất chùa chiền, đạo tràng. *"Tạo Phật tượng, tham thiền, tụng kinh, khổ hạnh"*, hết thảy những điều này đều nhằm tu phước. Chẳng làm những phước ấy tức là "chẳng có phước"!

Nhưng ở đây phải hiểu, hiện thời, người Đài Loan có tiền nhất, hễ có tiền bèn đến khắp nơi tạo dựng chùa chiền. Hiện thời, chùa chiền quá nhiều, rốt cuộc là có phước hay không? Trước đây, thầy Lý đã nói: *"Có chùa mà thiếu đạo, sẽ chẳng thể hưng khởi Phật giáo"*. Trước kia, người ta dựng chùa để thật sự cúng dường tứ chúng tu hành. Hiện thời cất chùa, chúng ta thật sự muốn tu hành, muốn dụng công, họ chẳng cho chúng ta ở, vậy thì phước ở chỗ nào? Những điều này đều đáng cho chúng ta phản tỉnh! Tạo tượng Phật, tượng Bồ Tát rất nhiều, người ngoài chê chúng ta mê tín, khiến cho những kẻ ngoại đạo tạo khẩu nghiệp nặng hơn, chê bai Phật giáo là tôn giáo bậc thấp. Vì sao là tôn giáo bậc thấp? Đa thần giáo! Tôn giáo cấp cao chỉ có một vị thần, một vị chân thần. Do đó, họ ngỡ Phật giáo là tôn giáo cấp thấp, là phiếm thần giáo, là đa thần giáo, trong các tôn giáo, Phật giáo bị kẻ khác khinh thường! Không như xưa kia, thuở trước tạo hình tượng Phật, Bồ Tát sẽ khiến cho ai nấy cung kính. Trong xã hội Trung Hoa, trên là từ đế vương, dưới là cho tới thứ dân, chẳng có kẻ nào bất kính Tam Bảo. Vì sao xưa kia biết cung kính, mà nay chẳng biết tôn kính? Người xuất gia xưa kia có thể giảng cho mọi người hiểu Tam Bảo rõ ràng, còn người xuất gia hiện thời, ngay cả chính họ cũng không biết, làm sao có thể giới thiệu công đức cúng dường hình

tượng Phật, Bồ Tát cho đại chúng trong xã hội? Điều này rất trọng yếu.

Những người phụ trách hội Phật giáo tại [Trung Hoa] Đại Lục từng hỏi tôi: "Thưa pháp sư! Thầy xem những chùa miếu của chúng tôi có chỗ nào cần sửa đổi cho tốt đẹp hơn hay không?" Tôi bảo họ: "Chùa miếu của quý vị bình quân mỗi ngày có hơn ba ngàn khách vãn cảnh, thật sự là một cơ hội giáo dục tốt nhất. Chuyện đáng nên làm là giới thiệu Phật pháp cho những khách vãn cảnh. Họ đến đây ngắm tượng Phật, chúng ta có thể giới thiệu tượng Phật này biểu thị ý nghĩa gì, vì sao chúng ta phải thờ phụng tượng Phật này?" Đó là lên lớp cho họ. Bước vào điện Thiên Vương, [khi ấy], tôi ở chùa Ngọc Phật tại Thượng Hải, tôi đến viếng thăm lần này, giải thích cùng mọi người, mục đích là giải thích cho những khách vãn cảnh quanh đó nghe, bảo họ vì sao thờ phụng Di Lặc Bồ Tát? Vì sao thờ phụng Tứ Đại Thiên Vương? Di Lặc Bồ Tát và Tứ Đại Thiên Vương biểu thị ý nghĩa gì? Đó là lên lớp, là cơ hội giáo dục. Vị sư tri khách chùa Ngọc Phật nghe xong, rất hoan hỷ, thưa: "Thưa pháp sư! Thầy nói rất có lý". Cơ hội giáo dục đấy! Hãy nên tập hợp các hướng dẫn viên du lịch lại, giảng giải những điều này cho họ nghe, khiến cho họ dẫn khách đến thăm tự viện sẽ dạy cho các vị khách ấy một buổi học về Phật pháp, công đức nhiều lắm! Hàng đệ tử Phật xuất gia chúng ta chẳng trọn hết trách nhiệm hoằng dương Phật pháp! Nói thật ra, hoằng pháp lợi sanh chẳng cần phải cố ý thực hiện, [thế mà do] cơ hội giáo dục ấy, sẽ có ảnh hưởng hết sức to lớn. Đó là lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội. Vì lẽ này, tạo tượng thì phải biết ý nghĩa thật sự và công đức chân thật của việc tạo tượng, sẽ chẳng đến nỗi khiến cho kẻ khác hiểu lầm chúng ta là đa thần giáo hoặc phiếm thần giáo.

(Diễn) Phước đức giả hạ, thị thứ thích phước đức, dẫn nhị kinh. Hiếu dưỡng phụ mẫu, tu chư công đức, chứng phước đức dã.

(演)福德者下，是次釋福德，引二經。孝養父母，修諸功德，證福德也。

*(**Diễn**: Từ chữ "phước đức" trở đi là tiếp theo đó, để giải thích phước đức bèn trích dẫn hai kinh. Dùng "hiếu dưỡng phụ mẫu, tu các công đức" để chứng phước đức).*

"Chứng" là làm. Biến lý luận và phương pháp tu học của Phật thành tư tưởng, kiến giải và hành vi trong cuộc sống của chính mình. Đó gọi là *"chứng nhập"*, đó là phước đức chân thật.

(Diễn) Nhất thiết bất tác, thị vị vô phước đức giả, sở vị sanh bất tu phước, tử quy khổ thú dã. Đản tác thử phước, chủng hữu lậu nhân, thị vị thiểu phước đức giả. Sở vị "tu phước, bất tu huệ, phước tận, hoàn trầm luân", thị dã.

(演)一切不作，是謂無福德者，所謂生不修福，死歸苦趣也。但作此福種有漏因，是謂少福德者，所謂修福不修慧，福盡還沉淪，是也。

*(**Diễn**: "Hết thảy chẳng làm bèn gọi là không có phước đức": Ý nói sống chẳng tu phước, chết sẽ trở về đường khổ. Nhưng "chỉ làm các phước ấy, tức là gieo cái nhân hữu lậu, bèn nói là ít phước đức". Nói "tu phước, chẳng tu huệ; phước hết, vẫn trầm luân" chính là chỉ điều này).*

Trong Phật môn, tự viện là cơ cấu giáo dục của Phật giáo, giống như trường học trong hiện thời, học trò vào học bèn phước huệ song tu, tu phước như thế nào? *"Tác vụ"* cho đại chúng thường trụ. *"Tác vụ"* (作務) là làm lụng, tất cả những công việc trong tự viện quý vị phải nghiêm túc làm. Làm lụng chính là tu phước. Trong khi làm lụng, tâm địa thanh tịnh, trong chẳng động tâm, ngoài chẳng chấp tướng, đó là tu huệ. Phước huệ song tu! Lục Tổ đại sư ở Hoàng Mai tám tháng là một thí dụ hay nhất. Nay thì kẻ bình phàm chúng ta tu một chút phước trong tự viện, chẳng tu huệ được. Vì sao chẳng tu được? Tâm họ rất loạn, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, tu phước thì có, chẳng có huệ. Lục Tổ đại sư ở Hoàng Mai được giao công việc bửa củi, giã gạo trong xưởng xay xát. Đạo tràng ấy hằng ngày có đến hai ba ngàn người ăn cơm, phải giã rất nhiều gạo, bửa rất nhiều củi, công việc rất vất vả! Thật sự là tu phước. Nhưng người ta thông minh, phước huệ song tu, Ngài tu phước bằng cách nào? Tu huệ như thế nào? Từ hai câu Tổ dạy cho Huệ Minh, chúng ta biết là Ngài hiểu cách tu! Ngài dạy Huệ Minh: *"Bất tư thiện, bất tư ác"* (Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác), đó là tu huệ. Trong tâm không chỉ là chẳng có ác niệm, mà thiện niệm cũng không có, tâm sẽ thanh tịnh lắm! Kinh Kim Cang có dạy: *"Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng"* (Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh ra Thật Tướng), phước huệ song tu!

Siêng năng làm lụng khổ nhọc, trong lúc làm việc, thiện lẫn ác đều chẳng nghĩ tới, Ngài sử dụng công phu của Thiền Tông. Công phu

của Tịnh Tông là quý vị hãy nghiêm túc nỗ lực làm việc, khi làm việc, trong tâm Phật hiệu chẳng dứt, đấy là phước huệ song tu. Trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, nhớ Phật, niệm Phật, đó là đúng. Đừng nên suy nghĩ loạn xạ, chớ nên nói chuyện thị phi, nhân ngã. Suy nghĩ loạn xạ, miệng nói tào lao, không chỉ là huệ chẳng có, một tí xíu phước tu được vẫn chẳng thể chống lại nghiệp đã tạo. Do phước báo trời, người trong đời sau cũng chẳng có, sẽ đi vào ba ác đạo. Đối với một nơi chốn tốt đẹp ngần ấy, đối với nhân duyên tốt đẹp dường ấy, quý vị chẳng lợi dụng chỗ ấy để tu phước huệ, mà tạo nghiệp ở nơi ấy, ngu si đến tột cùng! Liên Trì đại sư nói [người như vậy] một tí thiện căn lẫn phước đức đều chẳng có! Các đồng tu chúng ta phải hiểu rõ, phải thật sự giác ngộ!

Tu hành trong Phật pháp quyết định phải cậy vào cá nhân. Người thật sự biết tu, trong bất luận hoàn cảnh nào cũng đều là hoàn cảnh tốt đẹp. Thuận cảnh là hoàn cảnh tốt đẹp, mà nghịch cảnh cũng là hoàn cảnh tốt đẹp. Kẻ chẳng biết tu hành, thuận hay nghịch đều là ác cảnh, đều là ác duyên. Vì sao? Trong thuận cảnh, khởi tâm tham; trong nghịch cảnh, khởi tâm sân khuể, khởi tham, sân, si! Người biết tu hành, trong thuận cảnh chẳng khởi tâm tham, chẳng có tham ái; trong nghịch cảnh, chẳng có sân khuể, người ta thật sự tu Giới, Định, Huệ, đó là biết tu. Vì vậy, chẳng liên can gì đến cảnh giới [bên ngoài]! Chướng duyên là gì? Kẻ khác trở ngại quý vị tu hành, kẻ khác ganh tỵ quý vị tu hành, quý vị muốn dụng công, hắn cứ khăng khăng thấy chẳng vừa mắt. Đó là chướng duyên, hắn tìm cớ gây rối quý vị. Đạo tràng này không có ai chướng ngại quý vị thì là đạo tràng tốt đẹp. Bản thân quý vị thật sự nghiêm túc tu hành, người khác thấy vậy, trong tâm hoan hỷ, đạo tràng ấy càng khó có! Chúng ta nhất định phải hiểu rõ rệt điều này, tuyệt đối chớ nên oán trời hờn người. Mọi chuyện đều quy về chính mình để phản tỉnh, tìm cho ra nhân tố gây chướng ngại. Tiêu trừ nhân tố gây chướng ngại ấy, sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề. Chịu quay đầu, chịu phản tỉnh, người ấy là một người giác ngộ, có trí huệ. Chẳng chịu phản tỉnh, không chịu quay đầu, luôn cảm thấy kẻ khác lầm lỗi, luôn cảm thấy hoàn cảnh chẳng thuận ý mình, kẻ như vậy hết cách cứu! Chư Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng thể cứu kẻ ấy! Lỗi lầm tuyệt đối không ở nơi cảnh giới, mà là do chính mình.

Ngẫu Ích đại sư nói: *"Cảnh duyên chẳng tốt xấu, tốt xấu khởi từ tâm". "Cảnh"* là hoàn cảnh vật chất, *"duyên"* là hoàn cảnh nhân sự. Hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất đều chẳng có tốt hay xấu! Tốt

hay xấu là do tâm của chính chúng ta đối với cảnh giới bèn khởi tâm động niệm, hỏng ở chỗ này! Nếu chúng ta chẳng động tâm nơi cảnh, giống như trong kinh Kim Cang đức Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề một phương pháp: *"Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động"*. Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, bèn thành công. Đó là người tu hành thật sự. Vì thế, phải biết tu phước và tu huệ như thế nào!

(Sao) Thiện trung thiện giả.

(鈔)善中善者。

*(**Sao**: Điều lành nhất trong các điều lành).*

Điều lành trong các điều lành chính là thuần thiện, chân thiện, đại thiện. Đại ở đây chẳng phải đại trong lớn hay nhỏ.

(Sao) Tự hữu ngũ nghĩa, dĩ cụ Trí Luận ngũ Bồ Đề tâm cố.

(鈔)自有五義，以具智論五菩提心故。

*(**Sao**: Tự có năm nghĩa, do đầy đủ năm thứ tâm Bồ Đề như Trí Độ Luận đã nói).*

"Trí Luận" là Đại Trí Độ Luận, *"Cụ"* (具) là đầy đủ. Nói rõ ràng cụ thể cùng chúng ta. Năm loại Bồ Đề tâm được giảng trong Đại Trí Độ Luận là điều lành nhất trong các điều lành, hãy xét xem chúng ta có hay không?

(Sao) Nhất, phát tâm Bồ Đề, vị ư vô lượng sanh tử trung, phát đại Bồ Đề tâm dã, nhi trì danh, chánh ư phàm phu sanh tử tâm trung, khởi Đại Giác cố.

(鈔)一、發心菩提，謂於無量生死中，發大菩提心也。而持名，正於凡夫生死心中，起大覺故。

*(**Sao**: Một là phát tâm Bồ Đề, nghĩa là trong vô lượng sanh tử, phát đại Bồ Đề tâm, mà trì danh chính là từ trong tâm sanh tử phàm phu dấy lên Đại Giác).*

"Vô lượng sanh tử" là nói chúng ta. Bản thân chúng ta từ vô lượng kiếp trong quá khứ, chết chết sống sống, sống sống chết chết, luân hồi trong lục đạo, chẳng biết đã bao nhiêu lượt? Thành Phật phải mất ba

đại A-tăng-kỳ kiếp. Trong quá khứ, chúng ta đã sanh tử vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Bản thân chúng ta mê hoặc, điên đảo, chẳng biết chân tướng sự thật trong quá khứ. A La Hán chứng đắc thánh quả, công phu định lực khá sâu, do thần thông, Ngài có thể biết tới năm trăm đời trong quá khứ. Trong quá khứ, Ngài chưa chứng A La Hán! Đối với sanh tử luân hồi trong năm trăm đời quá khứ, đã có không hề ít lần đọa trong địa ngục, nghĩ đến tình hình trong địa ngục trước kia, thân toát mồ hôi lẫn máu, tâm hồ thẹn có thừa! Chúng ta bị mê khi cách ấm, chẳng biết là trong quá khứ đã từng hứng chịu những nỗi đau khổ ấy! Nếu chẳng vô cùng sợ hãi, làm sao có thể kinh hoảng đến nỗi toát mồ hôi lẫn máu? Thông thường người kinh hoảng đến nỗi toát mồ hôi là đã bị sợ hãi quá mức. Địa ngục khổ lắm! Người thật sự giác ngộ, nếu muốn trong một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi thì gọi là *"phát Bồ Đề tâm"*. Vì sao? Người ấy đã giác ngộ, chẳng còn muốn luân hồi trong lục đạo nữa, đấy mới được coi là một người thật sự giác ngộ. Nếu vẫn chẳng mong lìa khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, người đó hết cách cứu. Trong vô lượng vô biên pháp môn, chỉ có pháp môn Tịnh Độ nắm chắc thoát ly lục đạo luân hồi. Đối với những pháp môn khác, quý vị muốn thoát lìa, có đủ sức hay không? Bất luận tu pháp môn nào, cũng đều ắt phải đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ là A La Hán hoặc Bích Chi Phật trong Tiểu Thừa, hoặc là Quyền Giáo Bồ Tát trong Đại Thừa. Nếu quý vị chẳng có năng lực này, mong thoát ra, chẳng thoát được!

Người phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự là đại giác, triệt để giác ngộ! Khi nào muốn ra đi? Niệm nào cũng đều muốn ra đi, đó là thật sự giác ngộ. Vẫn chẳng muốn đi, vẫn muốn ở trong nhân gian thêm mấy năm nữa, lý do khiến cho kẻ ấy hồ đồ đến mức ấy là do mê hoặc, điên đảo! Vì sao? Có một niệm tâm ấy, sẽ là chướng ngại lớn nhất cho sự vãng sanh trong tương lai. Người thật sự tu Tịnh Độ, có bệnh chẳng kiếm bác sĩ, chẳng uống thuốc. Vì sao? Niệm Phật cầu vãng sanh, đó là người thật sự giác ngộ. Mắc bệnh mà vẫn tìm bác sĩ, vẫn phải uống thuốc, nói cách khác là vẫn chưa mong vãng sanh, còn rất lưu luyến thế giới này, vẫn mong luân hồi trong lục đạo. Đó là chẳng có thiện căn, chẳng thể vãng sanh! Chúng ta thấy bao nhiêu vị vãng sanh, chẳng ngã bệnh, đứng mất, hoặc ngồi mất, tự mình biết khi nào sẽ ra đi rõ ràng, rành rẽ. Sau khi đã mất, vẻ mặt như còn sống, tướng lành tốt đẹp như vậy đó! Người ta chẳng có gì khác, chỉ là nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh

Độ, chẳng có mảy may lưu luyến, thân, tâm, thế giới, hết thảy đều buông xuống. Chúng ta niệm Phật hiệu là vì điều này, đó mới là *"phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"*.

Hằng ngày chúng ta niệm kinh văn này, niệm một biến kinh Vô Lượng Thọ. *"Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm"* thì phải niệm ba, bốn lượt. Niệm ba, bốn lượt mà tâm ấy vẫn chẳng phát ra được, nguyên nhân là ở chỗ nào? Lưu luyến thế gian này, có tình chấp, mê quá sâu. Người thật sự niệm Phật, đầu giường treo một bức hình A Di Đà Phật, hoặc dán danh hiệu A Di Đà Phật, hễ nằm trên giường để ngủ, bèn nghĩ ta sắp chết, A Di Đà Phật sẽ ngay lập tức đến tiếp dẫn ta. Thường quán tưởng như thế, trong tương lai, khi chết sẽ chẳng sợ hãi, chẳng bị điên đảo, vì sao? Hằng ngày ta đều mong mỏi Phật đến tiếp dẫn, rốt cuộc khiến cho ta thỏa lòng mong mỏi. Phật thật sự đến, bèn sanh tâm hoan hỷ theo Phật ra đi. Niệm niệm đều hy vọng Phật tới tiếp dẫn, đấy là quý vị đã giác ngộ. Chúng ta hãy xem sách Diễn Nghĩa giải thích đoạn này, sách dùng giáo nghĩa Thiên Thai để giảng:

(Diễn) Phát tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Ngũ Phẩm vị. Thử sở phát chi tâm, tức thị tùy hỷ tâm. Diệu tâm thể cụ như Như Ý Châu. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt. Thử tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Sơ tâm tri thử khánh kỷ, khánh nhân, sở vị "ư sanh tử trung phát Đại Bồ Đề tâm" dã.

(演)發心菩提，即是圓教五品位。此所發之心，即是隨喜心。妙心體具如如意珠，心佛及眾生，是三無差別。此心即空即假即中。初心知此慶己慶人，所謂於生死中發大菩提心也。

*(**Diễn**: Phát tâm Bồ Đề chính là địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Cái tâm đã phát này chính là tâm tùy hỷ. Thể của diệu tâm trọn đủ giống như Như Ý Châu. Tâm, Phật, chúng sanh là ba thứ chẳng sai biệt. Tâm ấy chính là Không, chính là Giả, chính là Trung. Hàng sơ tâm biết điều này bèn mừng cho mình, mừng cho người, đó gọi là "ở trong sanh tử mà phát đại Bồ Đề tâm").*

Khi Thiên Thai Trí Giả đại sư vãng sanh Tây Phương, các học trò từng hỏi Ngài: "Thưa thầy, thầy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc phẩm vị thứ mấy?" Đại sư vô cùng khiêm hư, đáp: *"Do ta*

phải lãnh chúng, làm Trụ Trì, công chuyện rất bận bịu, chẳng thể chuyên tu. Vì vậy, phẩm vị chẳng cao, chỉ chứng đắc vãng sanh nơi địa vị Ngũ Phẩm". Thật ra, Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân tái lai, đây là Ngài thị hiện. Ngài dạy chúng ta: Thật sự tu hành, muốn tăng cao phẩm vị, nói thật ra, quyết định chẳng thể quản sự. Hễ quản sự, nhất định bị phân tâm, sẽ trở ngại sự tấn tu của chính mình. Người giống như Trí Giả đại sư, mức độ thấp nhất là vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm đã nắm chắc, ta hy sinh phẩm vị của chính mình để phục vụ đại chúng; đó là đúng, thật sự là đại từ đại bi. Nếu địa vị Ngũ Phẩm còn chẳng đạt được thì đã lầm lẫn đặc biệt to lớn rồi!

Tại Trung Hoa, trong quá khứ, những vị Trụ Trì, Đương Gia, chấp sự đều là Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân! Các Ngài đến chiếu cố những học nhân mới học, khiến cho họ chẳng phải lo toan, [chỉ dốc sức] thật sự dụng công. Vừa mới phát tâm, thấy các vị Trụ Trì, Đương Gia được người ta cung kính lễ bái nhiều ngần ấy, mỗi ngày thu nhận phong bao cúng dường nhiều dường ấy, khá quá chớ! Mới có một chút thành tựu bé tẹo, bèn vội vã lôi kéo mấy tín đồ: "Các ngươi hãy lập một đạo tràng cho ta, ta cũng làm Trụ Trì". Hễ Trụ Trì [theo kiểu ấy], chắc chắn sẽ tiến vào địa ngục A Tỳ. Khi nào bản thân quý vị đã nắm chắc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể biết trước lúc mất, có thể hướng về A Di Đà Phật từ tạ, "vài năm sau con mới lại ra đi", như vậy thì sẽ có tư cách làm Trụ Trì. Ngay cả đối với chuyện sanh tử mà một tí tin tức cũng chẳng có, sao quý vị dám làm chuyện này? Chẳng dám! Các đồng tu mới phát tâm xuất gia phải đặc biệt ghi nhớ: Đạo tràng là cơ quan giáo dục của Phật giáo, Trụ Trì là người phụ trách cơ cấu ấy. Quý vị chẳng thể hoằng dương Phật pháp tại đó, giáo hóa một vùng, tức là quý vị chẳng giữ vẹn chức trách, chưa tận hết trách nhiệm của chính mình. Vậy thì quý vị phải bị đọa lạc, mắc tội lỗi rất lớn! Đừng nói là "ta chẳng làm chuyện gì xấu!" Quý vị là người tốt, chẳng làm chuyện xấu thì cũng là vô dụng. Giống như phái quý vị đến làm hiệu trưởng một ngôi trường, tuy chẳng làm chuyện xấu xa nào, nhưng nhà trường chẳng dạy học, chẳng mời giáo viên, mà cũng chẳng chiêu sinh, thì bộ Giáo Dục vẫn phải cách chức, điều tra! Chẳng thể nói: "Ta chẳng cướp đoạt ai, mà cũng chẳng trộm cắp của ai, cũng chẳng lừa gạt ai". [Quý vị đã mắc tội] chẳng trọn hết bổn phận và chức trách! Hiện thời, những người biết đến chân tướng sự thật này chẳng nhiều lắm. Vì vậy, Trí Giả đại sư rất tuyệt vời, Phật, Bồ Tát tái lai, thị hiện như vậy. Thị hiện là thân giáo.

Trong năm loại Bồ Đề tâm, loại được coi là Bồ Đề tâm ở mức tối thiểu chính là thật sự giác ngộ, giác ngộ tự tánh của chúng ta và tự tánh của Như Lai không hai, không khác. *"Diệu tâm"* là chân tâm, chân tâm vốn trọn đủ vô lượng trí huệ và đức năng. Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] đã sánh ví chân tâm với Như Ý Châu. Tâm, Phật, chúng sanh là ba thứ chẳng sai biệt, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Tâm ấy là Không, là Giả, là Trung. Tông Thiên Thai nói Tam Chỉ, Tam Quán, ở đây nói tới Không, Giả, Trung Tam Quán. Cớ sao gọi là Không? Thể là Không, có mấy ai trong chúng ta biết được? Đối với Không, thưa cùng chư vị, xác thực là không vô sở hữu. Không chỉ là đối với hết thảy các thứ thọ dụng nơi hoàn cảnh quý vị chẳng đạt được, mà ngay cả thân thể này cũng chẳng đạt được. Từ lúc quý vị bước vào Phật đường, đã một tiếng đồng hồ trôi qua, các tế bào trong thân thể đã thay cũ đổi mới chẳng biết là bao nhiêu! Nếu [thân thể] là của ta, sẽ chẳng nên có hiện tượng ấy. Thay cũ đổi mới tức là sanh diệt vô thường, sanh diệt trong từng sát-na. Thân còn chẳng phải là của chính mình, còn có thứ gì là của chính mình nữa? Cái này của ta, cái kia của ta, đó là vọng tưởng, chấp trước. Chỉ có vọng tưởng, chấp trước! Trừ vọng tưởng, chấp trước ra, những thứ khác đều vô sở hữu! Chư Phật, Bồ Tát biết chân tướng sự thật, ngay nơi cái Thể chính là Không, trọn chẳng thể được. Nếu biết chân tướng này, tâm quý vị sẽ buông xuống. Trong hết thảy các pháp, chẳng có được mất, tâm bèn thanh tịnh, bèn bình đẳng, giác chứ không mê.

Hết thảy các thứ thọ dụng của chúng ta trong hiện thời, hiện tượng là giả tướng, cái được gọi là *"giả tướng"* chính là huyễn hữu, là tạm hữu, [tức là] tạm thời có, giống như nằm mộng, trong mộng là có hay không? Có! Sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng đều chẳng có. Nay chúng ta đang nằm mộng, *"trong mộng rõ ràng có sáu nẻo, giác rồi ba cõi trống toang hoang"*. Nay quý vị đã giác, hiện thời đã biết hết thảy đều là giả, chẳng có gì là thật, quý vị sẽ chẳng so đo được mất trong ấy, đã thấy được chân tướng sự thật. Biết Thể là Không, tướng là giả, tác dụng bèn phù hợp Trung Đạo, chẳng thiên lệch. Phật pháp dùng Trung, Nho gia cũng có sự giác ngộ khá cao, cũng dùng Trung, họ nói đến trung dung, trung hòa. Vì thế, tâm này chính là Không, là Giả, là Trung. Tâm là như thế, tướng do tâm biến hiện, nên tướng cũng chính là Không, là Giả, là Trung. Tất cả hết thảy tác dụng cũng chính là Không, là Giả, là Trung.

"Sơ tâm tri thử" (Sơ tâm biết điều này): Người sơ phát tâm hiểu rõ, liễu giải chân tướng sự thật này, tự mình cảm thấy rất may mắn vì đã

biết phần nào chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đối với những người đã biết điều này, cũng mừng giùm cho họ. Tuy đã biết, nhưng chưa thể chứng đắc, cái biết ấy là giải ngộ. Ta biết chân tướng sự thật, nhưng ta vẫn chưa thể vượt thoát. Nói cách khác, ta vẫn chưa thể dùng Trung. Ta biết Thể là Không, tướng là Giả, nhưng ta chẳng thể dùng Trung, đó là có giải ngộ, nhưng chẳng có chứng ngộ. Khi nào chính mình có thể dùng Trung thì sẽ là Bồ Tát, là Phật! Quyền Giáo và Tiểu Thừa trở xuống đều chẳng biết dùng Trung, đều lệch sang một bên. Thanh Văn A La Hán lệch về Không, họ dùng Không để nhập Thiên Chân Niết Bàn. Phàm phu và Quyền Giáo thiên về Giả, coi Giả là Chân, chuyện này rất phiền phức. Phàm phu chúng ta có thứ gì chẳng coi là thật? Đều tưởng là thật. "Thân này thật sự là ta", "nơi này thật sự có giảng đường". Thứ gì cũng đều ngỡ là thật; đó là vọng tưởng, chấp trước. Không hiểu rõ chân tướng thì sự quan sát và suy tưởng của quý vị đều là vọng tưởng. Tất cả hết thảy tạo tác của quý vị đều là chấp trước kiên cố, do vọng tưởng và chấp trước ấy mà biến hiện lục đạo luân hồi. Lìa khỏi vọng tưởng, chấp trước, sẽ là giác ngộ. Người thật sự giác ngộ biết chân tướng, từ nay trở đi cũng chẳng dấy vọng tưởng, chẳng còn chấp trước nữa, vì sao? Đã hiểu chân tướng rồi!

Nói thật thà, sự giác ngộ ấy cao hơn Viên Liễu Phàm quá nhiều! Viên Liễu Phàm thấm vào đâu! Điều Viên Liễu Phàm biết là nhân quả báo ứng, ông ta đã hiểu rõ sự thật này: *"Một miếng ăn, một hớp uống đã được định trước"*, nên cũng chẳng nghĩ tới nữa. Ông ta thật sự biết đôi chút sự thật như vậy, nên chẳng dấy vọng tưởng. Vì sao? Một miếng ăn, một hớp uống đều đã định sẵn trong mạng, còn vọng tưởng để làm gì nữa? Ông ta cùng thiền sư Vân Cốc ngồi đối diện nhau suốt ba ngày ba đêm, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là thật sự đã biết, thật sự minh bạch. Còn khởi tâm động niệm, dấy vọng tưởng, nói thật thà, quý vị còn chưa hiểu rõ, còn chưa biết! Viên Liễu Phàm đã liễu giải chân tướng sự thật của phú quý, cùng quẫn, hay hanh thông, thọ mạng dài hay ngắn trong pháp thế gian, chẳng khởi tâm, không động niệm, lỗi lạc thay! Người triệt để hiểu rõ chân tướng của toàn thể vũ trụ và nhân sinh thì làm sao có thể khởi tâm động niệm cho được? Công phu ấy vượt xa Viên Liễu Phàm quá nhiều!

Tôi nói những lời này cho mọi người nghe, mọi người hãy suy nghĩ cặn kẽ, bản thân chúng ta thuộc về trình độ nào? Ngàn muôn phần đừng nghĩ là ta đã biết Phật pháp, quý vị thấy ngay cả [đạt tới trình độ

như] Viên Liễu Phàm mà vẫn chưa đủ, quý vị biết gì đây? Quý vị xem kinh đã hiểu rõ, tôi nói quý vị nghe cũng hiểu rõ. Trên thực tế là nghe từng chữ rõ ràng, nhưng vẫn chẳng hiểu rõ ý nghĩa, hàm hồ, lơ mơ! Nếu quý vị thật sự nghe hiểu rõ ràng, tôi dám đoan chắc là từ nay trở đi, chắc chắn là quý vị không khởi tâm động niệm.

Mức độ thấp nhất trong Đại Thừa Phật pháp là Ngũ Phẩm của Viên Giáo, mức độ này khá cao, chẳng phải là rất thấp như chúng ta nghĩ. Đó là địa vị Ngũ Phẩm. Thưa cùng chư vị, địa vị Ngũ Phẩm là phục đoạn phiền não, [nghĩa là] chẳng đoạn phiền não, chúng ta cũng thường gọi "chế phục phiền não" là công phu thành phiến, đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chư vị bèn liễu giải, mức độ vãng sanh thấp nhất là trong mười hai thời, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ tưởng A Di Đà Phật, chỉ niệm A Di Đà Phật, trừ điều này ra, chẳng có bất kỳ vọng tưởng nào.

Nếu lại phát tâm, [suy nghĩ nên] làm như thế nào để đem lợi ích do chính mình đã đạt được giới thiệu với người khác; đó là câu cuối cùng, tức là *"khuyến tấn hành giả"* trong Tam Phước. Điều này cũng thường được nói thông tục là *"hoằng pháp lợi sanh"*. Giới thiệu pháp môn Tịnh Độ với người khác, chỉ có một niệm này. Trừ một niệm này ra, chẳng có ý niệm gì thì mới gọi là *"phát tâm Bồ Đề"*, ở trong sanh tử lục đạo luân hồi mà thật sự giác ngộ.

(Sao) Nhị, phục tâm Bồ Đề.

(鈔)二、伏心菩提。

*(**Sao**: Hai là phục tâm Bồ Đề).*

Bồ Đề là giác tâm, tức là cái tâm giác ngộ. Sự giác ngộ này sâu hơn điều trước, [Bồ Đề tâm như đã nói] trong phần trước là nông cạn nhất, tức là nói đến việc thật sự giác ngộ. Chư vị phải hiểu, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, thị phi, nhân ngã trong thế gian này, hễ có mảy may nào chẳng thể buông xuống, sẽ là bất giác. Trong tâm quý vị còn có những thứ ấy, sẽ là bất giác; những thứ ấy đều chẳng có thì mới là giác. Bất giác sẽ chẳng thể vãng sanh, thật sự giác ngộ thì mới có thể vãng sanh. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng phải phát Bồ Đề tâm. Quý vị hãy xem kinh Vô Lượng Thọ, kinh chẳng nói "hạ hạ phẩm vãng sanh không phát Bồ Đề tâm". Như vậy thì mới biết tầm trọng yếu của việc phát tâm.

(Sao) Phục tâm Bồ Đề vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm dã. Nhi trì danh, tắc chánh niệm tài chương, phiền não tự diệt cố.

(鈔)伏心菩提，謂斷諸煩惱，降伏其心也。而持名，則正念纔彰，煩惱自滅故。

*(**Sao**: Phục tâm Bồ Đề nghĩa là đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm, nhưng trì danh thì chánh niệm mới vừa tỏ lộ, phiền não tự diệt).*

Đối với *"phục tâm"* thì cái *"tâm"* ấy chính là vọng tâm, cũng là Kiến Tư phiền não. *"Vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm"* (Nghĩa là đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm). Nói theo ý nghĩa của đoạn kinh này, chúng ta biết kinh Kim Cang có nói *"vân hà hàng phục kỳ tâm"* (hàng phục cái tâm ấy như thế nào), *"hàng phục kỳ tâm"* chính là cảnh giới đoạn Kiến Tư phiền não. Kinh Kim Cang là pháp Đại Thừa, mức độ thấp nhất là cảnh giới của bậc từ Sơ Trụ trở lên trong Đại Thừa Viên Giáo, giống như cảnh giới trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, thật sự chẳng dễ dàng.

(Diễn) Phục tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Sơ Tín chí Thất Tín vị.

(演)伏心菩提，即是圓教初信至七信位。

*(**Diễn**: Phục tâm Bồ Đề là địa vị từ Sơ Tín tới Thất Tín trong Viên Giáo).*

Sơ Tín trong Viên Giáo chính là Sơ Quả trong Tiểu Thừa, tức quả Tu Đà Hoàn. Thất Tín trong Viên Giáo là Tứ Quả A La Hán trong Tiểu Thừa. Đây là nói tới sự đoạn chứng, [xét theo phương diện] đoạn phiền não thì giống như Sơ Quả và Tứ Quả của Tiểu Thừa. Nếu nói theo thiện căn, phước đức, nhân duyên, hàng Tiểu Thừa tuyệt đối chẳng thể sánh bằng! Hàng Tiểu Thừa kém các vị ấy rất xa, chỉ là [xét theo phương diện] đoạn Hoặc thì mọi người ngang nhau.

(Diễn) Dĩ Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc.

(演)以初信斷見惑。

*(**Diễn**: Do Sơ Tín đã đoạn Kiến Hoặc).*

Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn đoạn Kiến Hoặc.

(Diễn) Tùng Nhị Tín chí Thất Tín đoạn Tư Hoặc tận, sở vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm dã.

(演)從二信至七信斷思惑盡。所謂斷諸煩惱降伏其心也。

*(**Diễn**: Từ Nhị Tín cho đến Thất Tín đoạn hết Tư Hoặc nên nói là "đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm").*

Đây là Sự nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ Tông, công phu đạt đến cảnh giới này, vãng sanh Tây Phương sẽ là sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư.

Lời Sao giảng: *"Nhi trì danh, tắc chánh niệm tài chương, phiền não tự diệt cố"* (Nhưng trì danh thì chánh niệm mới tỏ lộ, phiền não tự diệt). Đó gọi là niệm Phật công phu đắc lực. Chúng ta vừa niệm Phật, lại còn vừa dấy vọng tưởng, khởi phiền não, công phu chẳng đắc lực! Người có công phu thật sự đắc lực, hễ Phật hiệu khởi lên, phiền não bèn chẳng có, vọng niệm bèn chẳng có. Hết thảy phân biệt, chấp trước cũng chẳng có. Đương nhiên đây chẳng phải là [cảnh giới] của hàng sơ học, mà là của những người đã có công phu kha khá. Nói thật ra, bản thân chúng ta nghiệp chướng, phiền não, tập khí quá nặng, chẳng đọc kinh sẽ không hiểu [những nghiệp chướng, phiền não, tập khí ấy] nặng nề đến mức độ nào. Đọc kinh này, mới biết nghiệp chướng, tập khí của chính mình quá nặng. Vì sao người ta dùng pháp môn này, công phu bèn đắc lực, chúng ta chẳng đắc lực? Nếu chẳng giác ngộ từ chỗ này, không quay đầu từ chỗ này, vẫn một mực thuận theo tập khí, suốt một đời này chẳng có hy vọng gì!

Người thật sự giác ngộ, sẽ vội vã quay lại, triệt để sửa trừ tất cả những lầm lỗi, khuyết điểm, tập khí của chính mình. Sửa lỗi là sám hối. Như ông Viên Liễu Phàm sau khi đã được thiền sư Vân Cốc soi sáng, chỉ dạy, đã nghiêm túc sửa lỗi đổi mới, hằng ngày đều suy nghĩ ngày hôm nay chính mình đã phạm lỗi lầm gì. Lỗi lầm nơi tư tưởng, lỗi lầm nơi kiến giải, lỗi lầm nơi ăn nói, lỗi lầm nơi tạo tác, mỗi ngày đều xét mình. Tìm thấy lỗi lầm của chính mình, thưa cùng chư vị, người ấy được gọi là khai ngộ, là giác. Kẻ bất giác, chính mình một thân đầy ắp lỗi lầm, cứ tưởng chính mình chẳng có lầm lỗi gì, đó là mê hoặc, điên đảo. Nói thật thà, Đẳng Giác Bồ Tát hằng ngày vẫn phải xét lỗi mình. Vì sao? Ngài còn chưa thành Phật! Người nào chẳng có lỗi lầm? Thành Phật bèn chẳng có lỗi lầm, chứ Đẳng Giác Bồ Tát hãy còn có lỗi lầm. Không biết

lỗi lầm và khuyết điểm của chính mình, sẽ là bất giác, là mê hoặc.

Khai ngộ là gì? Ngộ là biết lỗi lầm của chính mình. Tu hành là gì? Sửa đổi tật xấu của chính mình thì gọi là tu hành. Tu hành, quyết định chẳng phải là niệm kinh, lạy Phật mà gọi là tu hành. [Chỉ làm suông những chuyện đó, chẳng sửa đổi cái tâm] thì gọi là làm bộ, làm tịch. Xưa kia, tại chùa Quốc Thanh, nhằm lúc tụng giới vào mồng Một, ngày Rằm, Hàn Sơn và Thập Đắc ở ngoài cửa cười cợt, cười nhạo những kẻ xuất gia đang vờ vịt tụng giới, miệng có, tâm không! Thuở ấy mà còn như thế, hiện thời lại càng chẳng cần phải nói đến nữa. Hiện thời, hết thảy đều mong sao cho đủ hình thức, hình thức vô dụng! Chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát luân hồi. Không chỉ chẳng phải là huệ, mà nói thật thà, phước cũng không có luôn! Do vậy, tu hành nhất định phải bắt đầu từ tâm địa.

Thời cổ, tông Thiên Thai có nói: *"Năng thuyết, bất năng hành"* (Nói được, chẳng làm được), tức là có giải ngộ, đã liễu giải chân tướng sự thật, nhưng chẳng làm được thì gọi là *"quốc sư"*. Vì sao? Người ấy có thể dạy chúng ta, bảo cho chúng ta biết một con đường chánh đáng. Người ấy có thể làm thầy chúng ta, là thầy của cả một nước. *"Năng tri, hựu năng hành"* (Nói được, lại làm được). Đã có giải ngộ, lại có chứng ngộ, đó là *"quốc bảo"*. *"Năng hành, bất năng giải"* (Làm được, chẳng hiểu được), chẳng hiểu rõ chân tướng sự lý, nhưng người ấy có thể y giáo phụng hành, bảo người ấy làm sao, liền làm đúng như thế ấy. *"Quốc chi dụng dã"*, nghĩa là người ấy hữu dụng cho đất nước. Chẳng thể hành, lại chẳng thể biết, đó là gì? Cổ nhân chẳng nói, chúng ta hãy tự mình suy nghĩ. Tông Thiên Thai nói ra ba hạng người: Thứ nhất là người biết được, chẳng làm được, đó là tu đại phước báo. Loại thứ hai là làm được, chẳng biết được, vẫn có thể vãng sanh! Có rất nhiều bà cụ chẳng hiểu ý nghĩa của kinh mà niệm Phật, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, cũng có thể biết trước lúc mất, họ chính là *"quốc chi dụng dã"*. Loại thứ ba là biết được và làm được, giống như Liên Trì đại sư, hoặc Ngẫu Ích đại sư, là bậc tổ sư đại đức trong Phật giáo, chính là quốc bảo.

Do vậy, nói đến hàng phục cái tâm, trong Tịnh Tông sẽ là một câu Phật hiệu. Chúng ta là phàm phu, chính mình nhất định phải biết nghiệp chướng tập khí quá nặng, tội nghiệp quá sâu, dùng phương pháp gì để tiêu nghiệp chướng, tiêu tội nghiệp? Phật hiệu. Cách tiêu trừ ra sao? Ý niệm vừa mới dấy lên, ngay lập tức dùng Phật hiệu đè nén, nghiệp chướng liền tiêu mất. Vừa mới khởi tâm động niệm, [nghĩ] người nào đó

như thế này, như thế nọ, bèn "A Di Đà Phật" để giằn nó xuống. Đó chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tiếp nối A Di Đà Phật, [điều gì cũng] đều chẳng nghĩ tới, nghiệp chướng liền tiêu trừ. Quý vị chẳng có một câu A Di Đà Phật, càng tưởng càng nhiều, càng tưởng càng sai, càng tưởng, tội càng sâu. Tu gì vậy? Đó chẳng phải là tu Tây Phương Tịnh Độ, mà là tu tam ác đạo, tu tham, sân, si, mạn, thị phi, nhân ngã, còn làm sao được nữa? Do vậy, quý vị niệm câu Phật hiệu chẳng có sức mạnh. Tất cả hết thảy các pháp môn đều chẳng tiêu nghiệp chướng, pháp môn Niệm Phật có thể tiêu trừ, quý vị mới biết sự thù thắng của pháp môn này.

Trong Tịnh Tông, Quán Kinh giảng mười sáu phương pháp, mười hai loại đầu nhằm độ bậc thượng căn, phiền não nhẹ nhàng, nghiệp chướng ít ỏi. Phép Quán thứ mười ba độ hàng trung căn, phép niệm Phật độ bậc hạ, phiền não nặng nhất. Phiền não nặng nhất thì quán tưởng hay quán tượng đều vô dụng, đều chẳng thể độ họ. Do pháp môn này còn có thể độ, quý vị mới biết pháp môn này thật sự là pháp môn bậc nhất. Tất cả pháp môn đều chẳng cứu được quý vị, hãy còn có pháp môn này. Pháp môn này mà cứu không được nữa thì hết cách, chết chắc, chúng ta phải thật sự giác ngộ điều này.

Sớ Sao của Liên Trì đại sư và Diễn Nghĩa của pháp sư Cổ Đức đúng là hết sức hay. Kinh văn của kinh Di Đà quá ít, ý nghĩa quá sâu, chúng ta xem không hiểu. Xem lời giải thích của Liên Trì đại sư, đúng là như Ngẫu Ích đại sư đã nói *"bác đại tinh thâm"*. Bất luận Sự hay Lý được giảng trong ấy so với kinh Vô Lượng Thọ đều giảng thấu triệt hơn, lại còn minh bạch hơn! Vì sao chúng tôi không đề xướng Sớ Sao? Sớ Sao quá nhiều! Tôi bảo quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ, quý vị đã kêu khổ quá! Nếu tôi bảo quý vị niệm Sớ Sao, sẽ càng kêu khổ hơn nữa! Đạo lý ở chỗ này. Vì vậy, phát tâm học kinh A Di Đà mà chẳng thể niệm Sớ Sao, tốt nhất là niệm Yếu Giải. Sách Yếu Giải có phân lượng ít hơn một chút, còn có thể niệm được. Sớ Sao đúng là quá lớn, dù có bỏ Diễn Nghĩa, chỉ giảng Sớ Sao, bản in trước kia là một quyển, đóng bìa cứng cũng thành một tập dầy như vậy, phân lượng cũng hết sức đáng kể, nhưng [nội dung] thật là hay. Đọc Sớ Sao, nói thật ra giống như niệm tinh hoa của một bộ Đại Tạng Kinh! Tổ Liên Trì đã đem giáo nghĩa của toàn bộ Phật pháp được cô đọng trong một bộ kinh Di Đà nêu tỏ, giảng giải thấu triệt, minh bạch như vậy. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 213

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi hai:

(Sao) Thiện trung thiện giả. Tự hữu ngũ nghĩa, dĩ cụ Trí Luận ngũ Bồ Đề tâm cố.

(鈔)善中善者，自有五義，以具智論五菩提心故。

*(**Sao**: Điều lành nhất trong các điều lành, tự có năm nghĩa, do đầy đủ năm thứ tâm Bồ Đề như Đại Trí Độ Luận đã nói).*

Nói rõ điều lành nhất trong các điều lành có năm ý nghĩa, năm ý nghĩa ấy do đâu mà có? Đó là năm thứ Bồ Đề tâm được nói trong Đại Trí Độ Luận, đó là điều lành nhất trong các điều lành. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ. Nói cách khác, đối với hết thảy sự lý thuộc về vũ trụ, nhân sinh, hiện tại, vị lai, đều có thể thấy rất rõ ràng, rất minh bạch, chẳng mê hoặc thì gọi là Bồ Đề tâm. Vì sao có năm loại? Đó là nói theo thứ tự sâu hay cạn khác biệt. Có những người có tầm nhìn rất xa, đương nhiên sẽ xử lý sự vụ khá thích đáng, chẳng phạm sai lầm. Dưới đây là [những ý] trích từ Trí Độ Luận giảng về năm loại Bồ Đề tâm.

(Sao) Nhất, phát tâm Bồ Đề, vị ư vô lượng sanh tử trung, phát đại Bồ Đề tâm dã, nhi trì danh, chánh ư phàm phu sanh tử tâm trung, khởi Đại Giác cố. Nhị, phục tâm Bồ Đề, vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm dã, nhi trì danh, tắc chánh niệm tài chương, phiền não tự diệt cố.

(鈔)一、發心菩提，謂於無量生死中，發大菩提心也。而持名，正於凡夫生死心中，起大覺故。二、伏心菩提。謂斷諸煩惱，降伏其心也。而持名，則正念纔彰，煩惱自滅故。

*(**Sao**: Một là phát tâm Bồ Đề, nghĩa là trong vô lượng sanh tử, phát đại Bồ Đề tâm, mà trì danh chính là từ trong cái tâm sanh tử phàm phu, dấy lên Đại Giác. Hai là phục tâm Bồ Đề, nghĩa là đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm này, nhưng trì danh thì chánh niệm mới vừa tỏ lộ, phiền não tự diệt).*

Trong phần trước, đã giới thiệu hai đoạn này. Chúng ta xem đoạn thứ ba.

(Sao) Tam, minh tâm Bồ Đề, vị liễu đạt chư pháp Thật Tướng dã.

(鈔)三、明心菩提，謂了達諸法實相也。

*(**Sao**: Ba là minh tâm Bồ Đề, ý nói "liễu đạt Thật Tướng của các pháp").*

"Liễu" (了) là hiểu rõ, *"đạt"* (達) là thông đạt, *"chư pháp"* là nói hết thảy các pháp thế gian cho đến hết thảy các pháp xuất thế gian. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hiểu rõ, đều thông đạt, biết chân tướng của hết thảy các pháp. Nếu nhân vật lãnh đạo của mỗi quốc gia trong thế gian này đều có thể hiểu rõ tâm Bồ Đề, thế giới này sẽ chẳng loạn như thế. Nay chúng ta thấy chiến tranh tại Y Lạp Khắc (Iraq), hãy lắng lòng quan sát, rất có thể sẽ là mở màn cho cuộc đại chiến thế giới lần thứ ba. Đây đều là do mê hoặc, điên đảo, do có cách nghĩ, cách nhìn chắc chắn là sai lầm đối với chân tướng của hết thảy các pháp, nên mới có thể dẫn khởi đại tai nạn ấy. Đương nhiên là chẳng có ai mong phát động tai nạn này, mà cũng chẳng có ai muốn nhận lãnh tai nạn ấy. Đó là cộng nghiệp của chúng sanh, biết làm sao được!

(Sao) Nhi trì danh, chánh tức thử nhất tâm, minh liễu nhất thiết chư pháp Thật Tướng cố.

(鈔)而持名，正即此一心，明了一切諸法實相故。

*(**Sao**: Nhưng trì danh chính là cái tâm này, do hiểu rõ Thật Tướng của hết thảy các pháp).*

Nay chúng ta chỉ có một con đường để có thể đi theo: Nhất tâm nhất ý thật thà niệm Phật, chắc chắn sẽ có lợi cho bản thân chúng ta.

(Sao) Tứ, xuất đáo Bồ Đề.

(鈔)四、出到菩提。

*(**Sao**: Bốn là xuất đáo Bồ Đề).*

Cảnh giới này càng cao hơn.

(Sao) Vị đắc Vô Sanh Nhẫn, xuất tam giới, đáo Tát Bà Nhã dã.

(鈔) 謂得無生忍，出三界，到薩婆若也。

*(**Sao**: Nghĩa là đắc Vô Sanh Nhẫn, thoát khỏi thế giới, đạt đến Tát Bà Nhã).*

"Xuất" (出) là vĩnh viễn vượt khỏi tam giới, lục đạo luân hồi. *"Tát Bà Nhã"* (Sarvajñaḥ) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhất Thiết Chủng Trí, là trí huệ nơi quả địa Như Lai. *"Đáo Tát Bà Nhã"* là chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là *"đáo đạt"* (到達: đạt đến).

(Sao) Nhi trì danh, tức đắc nhất, nhị, tam nhẫn.

(鈔)而持名，即得一二三忍。

*(**Sao**: Nhưng do trì danh bèn đắc một thứ nhẫn, hai thứ nhẫn, hoặc ba thứ nhẫn).*

Câu *"nhất, nhị, tam nhẫn"* phát xuất từ kinh Vô Lượng Thọ, đó là chứng đắc của bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên.

(Sao) Tiệp siêu sanh tử, xu Nhất Thiết Trí cố.

(鈔)捷超生死，趨一切智故。

*(**Sao**: Do nhanh chóng vượt thoát sanh tử, hướng đến Nhất Thiết Trí).*

"Tiệp" (捷) là nhanh chóng. Có thể nhanh chóng *"siêu sanh tử"*, có thể tiến hướng trí huệ nơi quả địa Như Lai. Đó là cảnh giới của hàng Thập Thánh Bồ Tát, [tức là Thập Thánh trong] Tam Hiền Thập Thánh. Trong phần trên, từ phát tâm cho đến minh tâm thuộc về địa vị Tam Hiền, tức là Thập Tín, Thập Trụ, và Thập Hồi Hướng, *"xuất đáo"* là địa vị Thập Địa. [Bồ Tát tâm loại] thứ năm là các địa vị Đẳng Giác và Diệu Giác.

(Sao) Ngũ, Vô Thượng Bồ Đề, vị tọa đạo tràng, thành tối Chánh Giác dã.

(鈔)五、無上菩提，謂坐道場，成最正覺也。

*(**Sao**: Năm là Vô Thượng Bồ Đề, nghĩa là ngồi nơi đạo tràng,*

thành Chánh Giác cao tột).

Giống như trong phẩm Phổ Môn và kinh Lăng Nghiêm đã nói: Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp. Đó là hiện thân Phật để *"thành tối Chánh Giác"*.

(Sao) Nhi trì danh, tắc đắc bất thoái chuyển địa, trực chí thành Phật cố.

(鈔)而持名，則得不退轉地，直至成佛故。

*(**Sao**: Nhưng trì danh bèn đắc địa vị bất thoái chuyển, tiến thẳng đến thành Phật).*

Liên Trì đại sư đã kết quy cả năm loại Bồ Đề tâm trong Đại Trí Độ Luận vào trì danh niệm Phật. Do vậy có thể biết, công đức và lợi ích của trì danh xác thực là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị chẳng biết năm loại Bồ Đề tâm này, chẳng sao cả! Chỉ cần quý vị thật thà niệm câu Phật hiệu này, năm loại Bồ Đề tâm đều ở trong một câu hồng danh sáu chữ. Không hiểu mà niệm đến mức thuần thục, thấu suốt, vẫn có thể chứng đắc, đó là sự hay khéo của Tịnh Tông, các pháp môn khác chẳng thể sánh bằng! Sách Diễn Nghĩa đã giảng cặn kẽ năm điều này:

(Diễn) Thiện trung thiện hạ.

(演)善中善下。

*(**Diễn**: Từ "điều lành nhất trong các điều lành" trở đi).*

Giải thích đoạn văn [trong lời Sớ] từ chữ *"thiện trung thiện"* trở đi.

(Diễn) Thị thích trì danh, nãi thiện trung thiện.

(演)是釋持名，乃善中善。

*(**Diễn**: Nhằm giải thích trì danh chính là điều lành nhất trong các điều lành).*

Giải thích trì danh niệm Phật chính là điều lành nhất trong các điều lành, là điều lành bậc nhất trong tất cả hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có gì tốt lành hơn được! Chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng điều này. Do đó, người trì danh là người lành nhất

trong những người lành. Vì thế, được chư Phật hộ niệm, trời, rồng tôn trọng, vì sao? Quý vị là thiện nhân bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, quý vị tu thiện pháp bậc nhất, mấy ai hay biết? Lời này tuyệt đối chẳng phải do kẻ niệm Phật tự bốc thơm chính mình, chẳng phải vậy! Năm loại Bồ Đề dưới đây đã chứng minh cách nói này quyết định là chánh xác. Chúng ta hãy xem phần giải thích dưới đây:

(Diễn) Phát tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Ngũ Phẩm vị. Thử sở phát chi tâm, tức thị tùy hỷ tâm. Diệu tâm thể cụ như Như Ý Châu. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt. Thử tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Sơ tâm tri thử khánh kỷ, khánh nhân, sở vị "ư sanh tử trung phát Đại Bồ Đề tâm" dã.

(演)發心菩提，即是圓教五品位。此所發之心，即是隨喜心。妙心體具如如意珠，心佛及眾生，是三無差別。此心即空即假即中。初心知此慶己慶人，所謂於生死中發大菩提心也。

*(**Diễn**: Phát tâm Bồ Đề chính là địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Cái tâm đã phát này chính là tâm tùy hỷ. Thể của diệu tâm trọn đủ giống như Như Ý Châu. Tâm, Phật, chúng sanh là ba thứ chẳng sai biệt. Tâm ấy chính là Không, chính là Giả, chính là Trung. Hàng sơ tâm biết điều này bèn mừng cho mình, mừng cho người, đó gọi là "ở trong sanh tử mà phát đại Bồ Đề tâm").*

"Viên Giáo Ngũ Phẩm vị" (Địa vị Ngũ Phẩm[104] trong Viên Giáo) thuộc về Viên Giáo, chẳng phải là Tạng Giáo, Thông Giáo, hay Biệt Giáo. Vào đời Tùy, trước khi Trí Giả đại sư vãng sanh, các học trò hỏi Ngài: "Lão nhân gia sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới có phẩm vị như thế nào?" Trí Giả đại sư bảo mọi người: "Do ta lãnh chúng, làm Trụ Trì, phụ trách sự vụ hành chánh trong tự viện, lỡ làng sự tu học của

[104] Ngũ Phẩm Vị chính là Quán Hạnh Tức Phật trong Lục Tức Phật của tông Thiên Thai. Địa vị này đã biết danh tự, khởi quán hạnh, tâm quán đã thông hiểu, Lý Huệ tương ứng, nên có thể lập thành năm phẩm công đức là Tùy Hỷ Phẩm, Độc Tụng Phẩm, Thuyết Pháp Phẩm, Kiêm Hành Lục Độ Phẩm và Chánh Hành Lục Độ Phẩm. Tông Thiên Thai lại còn lập ra tám hành vị, địa vị Ngũ Phẩm Đệ Tử trong tám hạnh vị ấy chính là Ngũ Phẩm Vị được nói ở đây. Do xét theo sự chứng quả, vẫn thuộc về ngoại phàm, nên gọi là Ngũ Phẩm Đệ Tử Vị. Như vậy là địa vị Ngũ Phẩm rất thấp (vì còn thuộc Quán Hạnh rất thấp, chưa đạt đến Tương Tự Tức Phật).

chính mình, chỉ chứng đắc địa vị Ngũ Phẩm". Đây là đại sư nói khiêm hư, cũng là nhằm hiện thân thuyết pháp để dạy chúng ta. Nói cách khác, nếu Ngài không làm Trụ Trì, chẳng lãnh chúng, sẽ là thượng phẩm thượng sanh, quyết định chẳng thuộc vào địa vị Ngũ Phẩm. Cho thấy những người làm Trụ Trì, làm Đương Gia, làm chấp sự trong tự viện đã xả mình vì người, hy sinh chính mình để thành toàn kẻ khác. Nhưng sự hy sinh ấy cũng có hạn độ; nếu hy sinh đến cuối cùng [chính mình] chẳng thể vãng sanh, thậm chí đọa lạc trong tam đồ, sai lầm mất rồi! Người ta hy sinh, mức độ thấp nhất là còn có thể vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm, đây là chỗ chúng ta phải học tập. Nếu như chính mình chắc chắn đã nắm vững vãng sanh, phẩm vị thấp đôi chút cũng chẳng sao, đáng giá lắm, giúp đỡ hết thảy mọi người tu tập Tịnh Độ. Địa vị Ngũ Phẩm là hạn mực thấp nhất, sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

"Phát tâm Bồ Đề", *"phát"* là khải phát (啟發: khơi gợi, phát khởi), *"phát"* (發) cũng là phát hiện, cũng là Thỉ Giác, bắt đầu giác ngộ. *"Thử sở phát chi tâm, tức thị tùy hỷ tâm"* (Cái tâm được phát ấy chính là tâm tùy hỷ). Trong Ngũ Phẩm có [một phẩm công đức là] Tùy Hỷ, chính là "tùy hỷ công đức" trong mười đại nguyện vương, tùy thuận ai? Tùy thuận chư Phật, Bồ Tát. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều dùng trì danh niệm Phật để phổ độ hết thảy chúng sanh hòng viên mãn Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, [trở thành] người thật sự giác ngộ, chúng ta tùy hỷ điều này. Đó là trên tùy thuận chư Phật, dưới là [tùy thuận] hết thảy chúng sanh có cơ duyên thành Phật đã chín muồi. Chín muồi là như thế nào? Người ấy vừa được nghe pháp môn Trì Danh Niệm Phật này liền hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận, thật thà niệm Phật. Đó là chúng sanh đã có căn cơ chín muồi. Người căn cơ chín muồi đáng cho chúng ta tùy hỷ. Trên là tùy hỷ chư Phật, dưới tùy hỷ chúng sanh có căn cơ chín muồi. Điều này rất khó có, rất khó khăn! Chúng ta hãy ngẫm xem: Có mấy ai thật sự phát tâm làm Phật? Hiện thời, tôi nghe rất nhiều đồng học tới kể lể: Cuộc sống rất khổ sở, làm việc rất vất vả, làm nghề gì cũng trắc trở! Do vậy, tôi khuyên họ: Nghề làm Phật tốt đẹp hơn bất cứ nghề nào khác. Nếu có thể, hãy đổi sang nghề làm Phật! Làm Phật mà nếu thật sự thành Phật trong một đời này, đúng là đừng nói đến nghề nghiệp thế gian, ngay cả nghề nghiệp xuất thế gian cũng chẳng sánh bằng! Quý vị đã luôn luôn chọn lựa đúng đắn, cái tâm ấy đã thật sự phát ra.

"Diệu tâm" là chân tâm, là bản tánh. Cái tâm chúng ta niệm Phật

là diệu tâm. Trong cái tâm niệm Phật, chỉ có một câu Phật hiệu. Trừ câu Phật hiệu ra, chẳng có vọng niệm thứ hai, thì cái tâm ấy là diệu tâm. Lục Tổ đại sư đã giảng về cái Thể của diệu tâm [như sau]: *"Nào ngờ tự tánh vốn sẵn trọn đủ"*, Chân Như bản tánh của chính mình vốn sẵn trọn đủ, trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, giống như Như Ý Châu, thuận theo lòng mong muốn, biến hóa vô cùng. *"Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt"* (Tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt): Tâm là Thể, Phật và chúng sanh đều là tướng được hiện trong bản thể. Đã giác ngộ thì cái tâm ấy bèn hiện ra Phật, [hiện ra] cảnh giới Phật. Mê mất tự tánh thì cái được hiện ra sẽ là chúng sanh, là cảnh giới của chúng sanh. Do vậy, chúng sanh và Phật đều do tự tánh biến hiện, vấn đề là quý vị giác hay mê? Người thế gian mê nhiều, giác ít. Đừng nói người bình phàm mê chứ không giác, ngay cả kẻ niệm Phật hoặc người học Phật, có mấy ai thật sự giác ngộ? Chúng ta cứ suy xét chính mình, [sẽ thấy bản thân] chẳng hề giác ngộ.

Giác ngộ có tiêu chuẩn hay không? Có tiêu chuẩn. Ở đây, kể ra năm tiêu chuẩn, là tiêu chuẩn thấp nhất. Ở chỗ này, tôi mới thưa cùng các vị đồng tu, người giác ngộ chẳng có vọng niệm. Kẻ có vọng niệm tức là chẳng giác ngộ. Ta còn nghĩ tới chính mình, còn nghĩ tới nhà của ta, còn suy nghĩ trước sau; đó là mê hoặc, điên đảo, chẳng phải là giác ngộ. Tâm địa người giác ngộ vĩnh viễn thanh tịnh, ý niệm gì cũng chẳng có, hiện tại, quá khứ, vị lai, người ấy đều biết rành rẽ, rõ ràng. Vì sao? Tâm thanh tịnh soi chiếu cảnh giới bên ngoài, thấy Thật Tướng của các pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm, suy nghĩ loạn xạ, hoàn toàn chẳng thấy chân tướng bên ngoài. Hãy từ tiêu chuẩn này mà cảm nhận, phản tỉnh, sẽ biết rốt cuộc chính mình là giác hay mê! Tôi lại nói minh bạch hơn một chút, người thật sự giác ngộ nhất định sẽ chọn nghề nghiệp làm Phật. Thế nhưng người phát tâm xuất gia hiện thời chưa chắc đã thật sự giác ngộ. Người thật sự giác ngộ nhất định xuất gia, nhưng người xuất gia chưa chắc đã thật sự giác ngộ. Chư vị hãy khéo nghiền ngẫm ý vị của hai câu này nhé!

(Diễn) Thử tâm tức Không, tức Giả, tức Trung.
(演)此心即空即假即中。
*(**Diễn**: Tâm này chính là Không, chính là Giả, chính là Trung).*

Đại Thừa Phật pháp thường gọi Không, Giả, Trung là Thể, Tướng,

Dụng; tông Thiên Thai thay đổi danh từ, gọi chúng là Không, Giả, Trung.

"Không" là nói về bản thể. Bản thể xác thực là Không, vì sao? Quý vị quyết định chẳng đạt được, nhưng nó là có! Tuy có, quý vị chẳng đạt được, chư vị đồng tu phải giác ngộ điểm này. Trong thế gian, quý vị có thể đạt được thứ gì? Thứ gì cũng đều chẳng đạt được! Nếu quý vị nói "có thể đạt được" thì là ngu si, là lừa mình, dối người. Không chỉ là vật ngoài thân quý vị chẳng đạt được thứ gì, mà thân thể cũng chẳng đạt được. Chúng ta ngồi ở nơi đây, các tế bào trong thân thể thay cũ đổi mới trong từng sát-na. Vì thế, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có một thứ gì để đạt được! Nếu quý vị thật sự hiểu chân tướng sự thật này, sẽ là giác ngộ, chẳng còn truy cầu nơi sự tướng, chẳng còn nữa! Tất cả hết thảy các pháp trong thế gian, dẫu là trong hiện thời hình như đạt được, nói thật thà, cái mà quý vị tạm thời đạt được là quý vị có quyền lực chi phối nó, chẳng phải là quyền sở hữu. Xác thực là quý vị chẳng có quyền sở hữu! Ví như nay quý vị có được một món tiền thì có thật sự đạt được món tiền ấy hay chăng? Hễ chết đi, thứ gì cũng chẳng mang theo được. Bất quá là để cho quý vị xem chơi chốc lát trong hiện tiền; trong lúc này, quý vị có quyền lực chi phối. Quí vị chi phối thích đáng bằng cách dùng nó để tu phước tích đức cho chính mình, còn chi phối chẳng thích đáng là dùng nó để tạo nghiệp, sẽ còn có ác báo trong tương lai. Do vậy, phải ghi nhớ, chính mình quyết định chẳng có [thứ gì]! Có cơ hội để chi phối như vậy, sao không dùng nó vào chỗ tốt lành? Thiện là gì? Lợi ích hết thảy chúng sanh; nhất là để tuyên dương Chánh Pháp trong thời đại này. Đó chính là quý vị sử dụng thỏa đáng nhất, chẳng bỏ lỡ. Nếu cầu cho chính mình hưởng thụ, nói thật thà, nhất định là sẽ chẳng thể hưởng thụ, gây tạo một thân tội nghiệp, tùy thuộc là giác hay bất giác? Do vậy, hiểu bản thể của hết thảy vạn pháp là Không.

"Giả" là nói tới tướng trạng. Chúng ta có được cái thân này, thân là nói tới tướng trạng. Hoàn cảnh để chúng ta nương tựa hòng sanh tồn chính là tướng trạng. Trong những tướng của hết thảy các vật, các tướng là giả tướng. Vì sao là giả tướng? Sanh diệt trong từng sát-na, biến hóa trong từng sát-na. Động vật có sanh, lão, bệnh, tử. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt. Khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Do đó, tướng là giả, chẳng thật.

"Trung" là Dụng. Quý vị sử dụng hết sức thích đáng. Đó là Trung. Đã chẳng lệch về Không, mà cũng chẳng nghiêng sang Có. Vì thế, đối với Dụng thì phải dùng Trung. Nhà Phật nói *"dùng Trung"*, Trung Đạo

Đệ Nhất Nghĩa Đế là dùng Trung. Nho gia cũng nói dùng Trung. Sách Trung Dung dạy chúng ta phải dùng Trung. Khi Phật giáo còn chưa truyền đến Trung Hoa, thánh nhân Trung Hoa cũng hiểu đạo lý này, chỉ dạy chúng ta phải dùng Trung. Chúng ta dùng Trung, chính là tác dụng chánh đáng của cái tâm. Biết Thể là Không, tướng là Giả, Dụng thì phải Trung.

"Sơ tâm tri thử", [nghĩa là] kẻ sơ phát tâm đã hiểu, đã biết chân tướng này, rất đáng mừng, mừng vui vì lẽ gì? Một đời này, chắc chắn chẳng tạo nghiệp, một đời này sẽ chắc chắn chẳng phạm lỗi lầm, đời này quyết định chẳng mê mất. Nói cách khác, tâm hạnh thuần thiện. Dẫu chẳng thể vãng sanh thế giới Tây Phương, đời sau cũng là đại phước báo trong cõi nhân thiên, lẽ nào người ấy chẳng tự mình vui mừng? Đem những gì chính mình đã nhận biết, đã giác ngộ, truyền trao người khác, thấy người khác cũng hiểu rõ, bèn mừng giùm cho họ. [Đó chính là ý nghĩa của câu] *"khánh kỷ, khánh nhân"* (mừng cho mình, mừng cho người); nhưng chư vị phải hiểu, đổi hết thảy thiện nghiệp thành phước báo nhân thiên trong đời sau thì vẫn là ngu si cùng cực! Vì sao? Không thoát khỏi luân hồi, sẽ là sự phiền phức to tát! Không thoát khỏi luân hồi, ắt đọa ác đạo. [Dẫu cho] đời sau quý vị chẳng đọa ác đạo, đời sau nữa sẽ đọa ác đạo, chẳng thể bảo đảm quý vị đời đời kiếp kiếp giác chứ không mê. Hễ đầu thai bèn bị mê khi cách ấm, quên sạch sành sanh những điều đã giác ngộ trong đời trước. Bồ Tát còn bị thoái chuyển. Do vậy, chẳng thoát khỏi tam giới thì chẳng phải là thật sự giác ngộ. Thật sự giác ngộ thì nhất định là phải vượt thoát sanh tử luân hồi ngay trong một đời này. Đó mới là thật sự giác ngộ. Vượt thoát sanh tử luân hồi, xác thực là điều mong cầu của những chúng sanh giác ngộ. Mong cầu là một chuyện, có thể làm được hay không lại là một chuyện khác! Vì sao chẳng làm được? Chư vị phải hiểu: Đức Phật giảng vô lượng pháp môn, mỗi pháp môn đều là liễu sanh tử, thoát tam giới, chắc chắn chẳng sai! Nhưng nếu căn tánh của chúng ta chẳng phù hợp các pháp môn ấy, quý vị sẽ tu rất nhọc nhằn, tu rất mệt mỏi, mà chẳng đạt được hiệu quả, quý vị lại lầm lỡ một đời này. Đời này bị lầm lỡ, chưa chắc đời sau ắt sẽ có thể được làm thân người. Dẫu được làm thân người, chưa chắc là đã có thể nghe Phật pháp! Do vậy, phải tới đời nào, kiếp nào sẽ lại có thể gặp gỡ? Đó là một ẩn số, khổ không thể nói nổi! Vì vậy, người thật sự giác ngộ sẽ nắm chắc cơ duyên hiện tiền, quyết định chớ nên dễ duôi, ta đừng chờ đến đời sau, mà phải thành tựu ngay trong một đời này!

Muốn thật sự thành tựu trong một đời này, nói thật thà, chỉ có một pháp môn là Trì Danh Niệm Phật. Quyết định chẳng còn hoài nghi những điều đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, khăng khăng một mực tu học. Như vậy thì quý vị thật sự đáng mừng lắm, quyết định thành tựu trong một đời này. Thật sự tu học, ắt phải buông xuống vạn duyên. Thứ gì buông xuống chẳng được, thứ đó sẽ là một món chướng ngại. Hễ trong tâm có một điều gì vướng mắc, sẽ giống như trong lục đạo luân hồi có một sợi dây thừng đang trói chặt quý vị. Quý vị chẳng thể cắt đứt nó, trong tương lai, nó sẽ biến thành chướng ngại khi vãng sanh. Ắt cần phải chặt đứt hết sạch những thứ dây leo, dây trói ấy, khiến cho chúng ta thật sự nhận thức rõ ràng thế giới này, xác thực là chẳng có mảy may tham luyến nào. Có như vậy thì trong tương lai, chúng ta mới tự tại ra đi. Đó là *"ư sanh tử trung, phát đại Bồ Đề tâm"* (trong sanh tử, phát đại Bồ Đề tâm). Nhất là thời đại hiện tại là [thời đại của] thiên tai nhân họa! Trước khi vãng sanh, thầy Lý đã nói: *"Kiếp nạn này, chư Phật, Bồ Tát thần tiên đều cứu không được"*, do nghiệp lực của chúng sanh cảm vời. Chúng ta và chúng sanh có cộng nghiệp, nhưng trong cộng nghiệp có biệt nghiệp. Biệt nghiệp là sự tu hành khác biệt của mỗi cá nhân. Cá nhân nghiêm túc tu hành; đó là biệt nghiệp, có thể miễn trừ tai nạn. Đấy là thật sự giác ngộ, thật sự phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều này được gọi là *"phát tâm Bồ Đề"*.

(Diễn) Phục tâm Bồ Đề.
(演)伏心菩提。
*(**Diễn**: Phục tâm Bồ Đề).*

Sau khi đã phát tâm, phải phục tâm. *"Phục"* (伏) là gì vậy? [Chế phục] phiền não, tập khí. Đã phát tâm mà quý vị chẳng chế phục vọng tưởng, tập khí, sẽ chẳng thể vãng sanh. Phục tâm là tu hành, phát tâm là giác ngộ, tức là hiểu rõ ràng chân tướng sự thật, đã giác ngộ. Đã giác ngộ thì phải bắt đầu tu, *"phục tâm"* (伏心) là tu. Trước hết là phải chế phục phiền não. Từ vô thỉ kiếp tới nay, chúng ta tham, sân, si, mạn, các phiền não tập khí ấy rất nặng, làm cách nào để có thể chế phục chúng? Hễ quý vị có thể chế phục phiền não, bèn có thể vãng sanh. Chẳng thể chế phục phiền não, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh, đúng như cổ nhân đã bảo: *"Hét toạc cổ họng cũng uổng công"*. Vì sao uổng công? Quý vị chẳng chế phục phiền não tập khí, vẫn

lại tạo nghiệp. Thân chẳng tạo nghiệp, miệng chẳng tạo nghiệp, ý đang tạo nghiệp, còn làm thế nào được nữa? Ác tập khí nơi ba nghiệp thân ngữ ý ắt đều phải chế phục; dùng phương pháp gì để chế phục? Dùng một câu A Di Đà Phật để chế phục chúng. Có thể thật sự chế phục, Tịnh Tông bèn nói là "công phu thành phiến", mãi cho đến Sự nhất tâm bất loạn đều là chế phục.

(Diễn) Tức thị Viên Giáo Sơ Tín chí Thất Tín vị. Dĩ Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, tùng Nhị Tín chí Thất Tín đoạn Tư Hoặc tận, sở vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm dã.

(演)即是圓教初信至七信位。以初信斷見惑，從二信至七信斷思惑盡，所謂斷諸煩惱降伏其心也。

*(**Diễn**: Chính là địa vị từ Sơ Tín cho tới Thất Tín trong Viên Giáo. Do Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, từ Nhị Tín cho đến Thất Tín đoạn sạch Tư Hoặc, nên nói là "đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm").*

Kinh Kim Cang nói: *"Vân hà hàng phục kỳ tâm"* (Làm thế nào để hàng phục cái tâm), ["cái tâm" trong câu kinh ấy] chỉ phiền não, tập khí. Nhất định phải sửa lỗi, đổi mới, chớ nên làm chuyện náo nhiệt nữa! Suốt một đời lão hòa thượng Hư Vân, chúng ta xem Niên Phổ của Ngài, [thấy Ngài] tạo dựng nhiều đạo tràng ngần ấy, trùng tu khá nhiều đạo tràng từ thời nảo, thời nao, đến nay đã tuyệt tích chẳng còn. Nhọc nhằn cả một đời, lưu lại gì? Một đạo tràng cũng chẳng còn sót lại, nhưng Ngài để lại tinh thần. Tinh thần ấy chính là kiến lập Phật pháp, khiến cho Chánh Pháp tồn tại lâu dài. Chúng ta hãy quan sát thời tiết nhân duyên trong hiện thời để xem có thích hợp xây dựng đại đạo tràng hay không? Chẳng thích hợp! Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở chư vị đồng học, hiện thời là thời đại nào? Lập đại đạo tràng là trong xã hội nông nghiệp xưa kia. Xã hội nông nghiệp có thời gian nhàn rỗi nhiều. Sau khi thu hoạch vụ Thu, trước khi canh tác vụ Xuân, tối thiểu là có thời gian hai ba tháng chơi không, nên có thể đến tu hành trong đạo tràng. Người hiện thời suốt ngày từ sáng đến tối bận túi bụi như vậy, mỗi tuần khó có được thời gian nghỉ ngơi một ngày, lấy đâu ra thời gian để đến đạo tràng tu hành? Vì vậy, dựng đại đạo tràng, dựng to cho cố vào, sẽ biến thành chỗ để du lịch, vãn cảnh. Chúng ta bỏ tiền, bỏ sức để dựng đạo tràng nhằm du lịch, vãn cảnh, chẳng có ý nghĩa chi hết! Tuy có danh xưng đẹp đẽ, cũng là tuyên truyền Phật pháp, khiến cho kẻ khác ngắm nhìn hình

tượng Phật, Bồ Tát, sẽ gieo một chủng tử vào A Lại Da Thức, có tí xíu ảnh hưởng như vậy, nhưng yếu ớt quá! Trong thời đại hiện tại, đạo tràng thật sự là đài phát thanh vô tuyến và đài truyền hình, chúng ta có thể lợi dụng đạo tràng như vậy để hoằng dương Chánh Pháp, khiến cho mọi người đối với Phật pháp thật sự có thể hiểu rõ, thật sự nhận thức, chẳng đến nỗi nẩy sanh hiểu lầm. Tiến thêm một bước nữa là họ phát tâm tu học. Lợi ích ấy vô lượng vô biên.

Hiện nay, Đài Loan có nhiều chùa chiền, tài lực hùng hậu; có thể tập hợp tài lực lại, tôi tin là có thể lập ra dăm ba công ty truyền hình, chẳng thành vấn đề! Đó là đạo tràng Phật giáo của chúng ta. Tiếp nữa, trong quá khứ, chúng tôi thường nghĩ tới Di Đà Thôn, [đó là nơi] các đồng tu đã nghỉ hưu có thể ở chung với nhau cộng tu niệm Phật. Đạo tràng ấy có giá trị, tuyệt đối chẳng phải là nơi để vãn cảnh, mà là nơi chuyên dành cho người cao tuổi và người về hưu niệm Phật tấn tu tại đó. Chẳng cần [xây dựng theo] hình thức chùa miếu, lãng phí quá nhiều tiền bạc; cứ dựng theo lối nhà ở thông thường, trong đó, lập một Niệm Phật Đường lớn, tạo thành một trung tâm hoạt động theo quy mô lớn là đủ rồi, thứ gì khác cũng đều chẳng cần! Thật thà niệm Phật, hàng phục cái tâm là khẩn yếu, nhằm vào mục đích đoạn Kiến Tư phiền não.

Nếu chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng đoạn Kiến Tư phiền não mà có thể thành tựu, chẳng thể có chuyện ấy! Chư vị phải giác ngộ điều này. Thật sự mong cầu vãng sanh thì phải đoạn Kiến Tư phiền não; đoạn không được thì cũng phải chế phục. Chế phục chẳng được thì [niệm Phật] chỉ là gieo thiện căn trong A Lại Da mà thôi, chắc chắn là chẳng thể vãng sanh. Điều kiện tối thiểu để vãng sanh là phải chế phục [phiền não]. Tuyệt đối chẳng thể nói "chẳng chế phục phiền não, vẫn có thể vãng sanh", chẳng có chuyện ấy! Tra tìm trong kinh, chẳng hề thấy [dạy như vậy]. Từ xưa đến nay, cũng chẳng có trường hợp ấy, chẳng có tiền lệ để viện dẫn được! Nay quý vị hãy suy ngẫm cặn kẽ, quý vị sẽ vãng sanh, hay là vẫn phải luân hồi trong lục đạo? Nếu chẳng thể đoạn tham, sân, si, mạn, thất tình, ngũ dục, [dẫu] hằng ngày niệm A Di Đà Phật, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Thật đấy, chẳng giả đâu! Do đó, quyết định là phải đoạn! [Đoạn hay chế phục Kiến Tư phiền não] nói theo pháp môn Tịnh Tông sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Công phu thành phiến là Sự nhất tâm ở mức nông cạn nhất. Kiến Hoặc đã đoạn thì là trung phẩm Sự nhất tâm. Tư Hoặc cũng đoạn, bèn là thượng phẩm Sự nhất tâm.

(Diễn) Minh tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Thập Tín mãn tâm nhập Sơ Trụ vị. Thử vị chứng nhất tâm tam trí, dĩ song vong chi lực tri tịch diệt tướng, dĩ song chiếu chi lực tri chủng chủng tướng mạo, sở vị "liễu đạt chư pháp Thật Tướng" dã.

(演)明心菩提，即是圓教十信滿心入初住位。此位證一心三智，以雙亡之力知寂滅相，以雙照之力知種種相貌，所謂了達諸法實相也。

*(**Diễn**: Minh tâm Bồ Đề chính là viên mãn tâm Thập Tín trong Viên Giáo, dự vào địa vị Sơ Trụ. Địa vị này chứng nhất tâm, tam trí, dùng sức song vong để biết tướng tịch diệt, dùng sức song chiếu để biết các thứ tướng mạo. Đó gọi là "liễu đạt Thật Tướng của các pháp").*

Địa vị này đã cao, chính là Lý nhất tâm bất loạn, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, vượt trỗi A La Hán rất nhiều. Công phu niệm Phật sâu đậm, niệm đến mức Kiến Tư và Trần Sa phiền não đều đoạn sạch, lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bèn thuộc về địa vị này. Địa vị này đã đạt được *"nhất tâm tam trí"*. Tam trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí. Ba loại chủng trí này, người ấy đều đạt được. Kinh Hoa Nghiêm gọi địa vị này là Pháp Thân đại sĩ, tông Duy Thức gọi họ là Đồng Sanh Tánh. Phát tâm và phục tâm trong phần trước vẫn là Dị Sanh Tánh. Dị Sanh Tánh (異生性) nghĩa là quý vị và Phật chẳng dùng cùng một cái tâm, nên gọi là Dị Sanh, tức là do hai tâm nên gọi là Dị Sanh. Vì sao? Quý vị dùng cái tâm tám thức. Đạt đến minh tâm Bồ Đề, sẽ chẳng dùng tám thức, chuyển tám thức thành bốn trí, người ấy dùng cùng một cái tâm như chư Phật Như Lai, nên gọi là Đồng Sanh Tánh (同生性): Dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Trong phần trước, chỉ dùng vọng tâm, chẳng dùng chân tâm, đến chỗ này bèn dùng chân tâm. Chân tâm quyết định chẳng có phân biệt, chẳng có vọng niệm. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nói chân tâm là *"thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, giác tâm"*. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, đó là vọng tâm. Đến chỗ này, mới dùng chân tâm. Trong chân tâm, trọn đủ ba loại trí:

- Nhất Thiết Trí biết bản thể của các pháp, tức là biết Không.
- Đạo Chủng Trí biết Giả, tất cả hết thảy muôn tướng đều là giả, tức là giả tướng.
- Nhất Thiết Chủng Trí là nói về tác dụng, dùng Trung, [thường

gọi là] Trung Đế.

Đối với *"tức Không, tức Giả, tức Trung"* như tông Thiên Thai đã nói, đến chỗ này mới có thể ứng dụng trong cuộc sống.

"Song vong" (雙亡) là hai bên đều chẳng chấp trước, hai bên đều vứt bỏ, nên biết *"tướng tịch diệt"*. Tướng tịch diệt được chứng đắc nơi quả địa Như Lai, là chân tướng của hết thảy các pháp. Người ấy còn chưa chứng đắc tướng thanh tịnh tịch diệt, nhưng đã biết. Nay chúng ta nghe nói, vẫn chưa biết, đừng tưởng là chính mình đã biết, đâu hề biết! Chỉ nghe nói danh từ tướng tịch diệt này, chứ tướng tịch diệt là như thế nào, chẳng có cách nào lý giải! Đối với người ấy (người đã đắc minh tâm Bồ Đề), tuy có thể lý giải, nhưng chưa chứng đắc.

"Dĩ song chiếu chi lực" (Dùng sức song chiếu), song chiếu (雙照) là Huệ, song vong (雙亡) là Định. Định là trong tâm chẳng sanh một niệm; Song Chiếu là nhận biết, chẳng có gì không hiểu, thứ gì cũng đều biết. Tuy thứ gì cũng đều biết, tâm người ấy thanh tịnh. Tịch và Chiếu đồng thời, rành rành là như như bất động. Bồ Tát đã đạt đến địa vị này thì đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có gì không thông đạt. Tuy thông đạt hết thảy, nhưng như như bất động, trong hết thảy các pháp, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đạt đến cảnh giới như vậy.

"Sở vị liễu đạt chư pháp Thật Tướng" (Đó gọi là hiểu rõ, thông đạt Thật Tướng của các pháp), đây là Lý nhất tâm bất loạn, lên cao hơn sẽ đều là Lý nhất tâm bất loạn. Minh tâm Bồ Đề thuộc về địa vị Tam Hiền, tức là Thập Trụ, Thập Tín, và Thập Hồi Hướng, gồm tất cả ba mươi địa vị.

(Diễn) Xuất đáo Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Sơ Địa chí Bát Địa vị.

(演)出到菩提，即是圓教初地至八地位。

*(**Diễn**: Xuất đáo Bồ Đề chính là địa vị từ Sơ Địa cho tới Bát Địa trong Viên Giáo).*

Hàng Địa Thượng Bồ Tát trong Viên Giáo từ Sơ Địa đến Bát Địa có tám địa vị.

(Diễn) Dĩ Sơ Địa thỉ đắc Pháp Nhẫn quang minh, chí Bát Địa phương danh "chân đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn", vi thâm hạnh Bồ Tát.

(演)以初地始得法忍光明，至八地方名真得無生法忍，

為深行菩薩。

***(Diễn:** Do Sơ Địa mới đắc Pháp Nhẫn quang minh, đạt đến Bát Địa mới gọi là "thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn", là bậc Bồ Tát hạnh sâu).*

Nói theo kinh Nhân Vương, Thất Địa đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, nhưng Thất Địa là hạ phẩm, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa là thượng phẩm, khác với cách nói ở chỗ này (cách nói trong Sớ Sao và sách Diễn Nghĩa). Ở đây, nói Sơ Địa đã chứng đắc. Nói thật ra, Vô Sanh Pháp Nhẫn do Sơ Địa chứng đắc là Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, chẳng phải là thật sự. Vô Sanh Pháp Nhẫn thật sự thì phải từ Thất Địa Bồ Tát [trở lên] mới chứng đắc. Ở đây nói Bát Địa mới là thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bát Địa là trung phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, thật sự chứng đắc; Thất Địa là hạ phẩm. Trước khi đạt đến Thất Địa, đương nhiên càng không cần phải nói nữa!

Vô Sanh Pháp Nhẫn nghĩa là gì? *"Pháp"* (法) là nói hết thảy vạn pháp, tức hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vô Sanh (無生) là nói hết thảy các pháp bất sanh. Hết thảy các pháp bất sanh, lấy đâu ra diệt? Có sanh thì mới có diệt, bất sanh đương nhiên là bất diệt! Nay chúng ta thấy hết thảy các pháp có sanh, có diệt; hàng Bồ Tát từ Thất Địa trở lên, thấy hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, hoàn toàn khác hẳn chúng ta. Chúng ta ngơ ngác chẳng hiểu điều này, vĩnh viễn chẳng có cách nào lý giải. Chúng ta thấy hết thảy các pháp rành rành là có sanh, có diệt, há có gì là bất sanh, bất diệt! Chỉ có [khi nào] chính mình đã chứng đắc Bát Địa Bồ Tát thì mới biết được chuyện này. Chưa chứng đắc Bát Địa Bồ Tát, nói kiểu nào cũng không hiểu! [Chuyện này] chẳng do tư duy, tưởng tượng mà hòng thấu hiểu được, mà cũng chẳng thể biểu đạt bằng ngôn ngữ! Đấy là công phu chân thật, cảnh giới chân thật.

"Nhẫn" (忍) nghĩa là *"nhẫn khả"* (忍可), tức là tán thành, đồng ý. Đức Phật nói hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt, ta đồng ý, ta thừa nhận. Vì sao đồng ý, thừa nhận? Vì ta cũng chính mắt thấy lời Phật đã nói hoàn toàn chánh xác, chẳng sai lầm tí nào! Vì thế, Nhẫn có nghĩa là đồng ý, tán thành. Kinh Đại Thừa thường nói tới cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn, quý vị mới hiểu đấy là hàng Bồ Tát có địa vị rất sâu, có địa vị rất cao!

(Diễn) Nan khả tri, vô sai biệt, ly nhất thiết tướng, nhất thiết

tưởng, nhất thiết chấp trước.

(演) 難可知，無差別，離一切相一切想一切執著。

*(**Diễn**: Khó thể biết, chẳng có sai biệt, lìa hết thảy tướng, hết thảy tưởng, hết thảy chấp trước).*

Lời này là thật. Ở đây, đức Phật nói lời chân thật với chúng ta. Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên biết cảnh giới chân thật này, biết tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới chẳng sai biệt, chúng sanh và Phật chẳng có sai biệt, hoàn toàn là bất sanh, bất diệt. Chỉ là Phật và đại Bồ Tát giác chứ không mê; các Ngài biết rõ ràng. Phàm phu chẳng biết chân tướng sự thật; trong cảnh giới bất sanh, bất diệt, ngỡ là có sanh, có diệt, đâu có biết chân tướng là bất sanh, bất diệt. Vì thế, có sanh, có diệt là do bản thân chúng ta mê hoặc, điên đảo, thấy sai lạc hết thảy chân tướng sự thật, chẳng biết hết thảy các pháp là bất sanh, bất diệt. Bồ Tát đạt đến cảnh giới này mới thật sự *"ly nhất thiết tướng"*. *"Ly"* là không chấp trước; [*"ly nhất thiết tướng"*] là quyết định chẳng nhiễm hết thảy các tướng.

"Nhất thiết tưởng": Hết thảy vọng tưởng chẳng có. Chẳng nghĩ đến chính mình, mà cũng chẳng nghĩ tới người khác. Tất cả hết thảy tưởng đều đoạn sạch, chẳng phải là sẽ biến thành vô tưởng ư? Vô tưởng cũng đoạn luôn! Không chỉ là chẳng có "hữu tưởng", mà "vô tưởng" cũng chẳng có, mới là thật sự lìa hết thảy tưởng. Nếu chỉ đơn độc lìa hết thảy "hữu tưởng", hãy còn có "vô tưởng", thôi rồi! Người ấy liền sanh vào Vô Tưởng Thiên. Vì thế, vô tưởng cũng phải đoạn trừ. Chuyện này rất phiền toái. Đoạn "hữu tưởng" thì người ấy bèn vô tưởng, đoạn trừ vô tưởng thì chẳng phải là hữu tưởng ư? Chuyện này phiền toái quá, chẳng dễ hiểu! Chẳng thể rớt vào hai bên Có và Không, tâm quý vị mới thật sự là thanh tịnh, linh minh giác tri. Nếu đọa trong Vô Tưởng, [cái tâm ấy] sẽ tối tăm, trơ trơ, chẳng linh thông. Con người nếu đọa trong Vô Tưởng thì có khác gì đồ đạc? Người ấy vô tưởng, hòn gạch, tảng đá đều là vô tưởng! Mọi người phải chú tâm lãnh hội chỗ này.

"Nhất thiết chấp trước": Hết thảy chấp trước đều chẳng có, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. Đấy là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện, tựa đề gốc của phẩm ấy là Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm. Bất Tư Nghị

Giải Thoát Cảnh Giới là sở nhập (cái được chứng nhập), Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện là năng nhập (cái có thể chứng nhập). Nhập cảnh giới Bất Tư Nghị Giải Thoát thì Năng và Sở chẳng hai. Vì thế, lìa hết thảy tướng, hết thảy tưởng, hết thảy chấp trước.

(Diễn) Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng cập.

(演)一切聲聞辟支佛所不能及。

*(**Diễn**: Hết thảy Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh bằng).*

Đương nhiên là chẳng sánh bằng! Thanh Văn là A La Hán. Bích Chi Phật là Duyên Giác, còn gọi là Độc Giác, thông minh và trí huệ cao hơn A La Hán. Các vị ấy chẳng sánh bằng những vị Bồ Tát này.

(Diễn) Ly chư huyên tránh, tịch diệt hiện tiền, sở vị xuất tam giới đáo Tát Bà Nhã dã.

(演)離諸喧諍，寂滅現前，所謂出三界到薩婆若也。

*(**Diễn**: Lìa các thứ ồn ào, tranh luận, tịch diệt hiện tiền, đó gọi là "thoát khỏi tam giới, đạt đến Nhất Thiết Chủng Trí").*

"*Huyên*" (喧) là ồn ào, "*tránh*" (諍) là tranh luận. Câu này nói về pháp thế gian. Lìa pháp thế gian thì lìa bằng cách nào? Có phải là thật sự lìa khỏi lục đạo luân hồi hay không? Chẳng phải vậy! Thật sự lìa khỏi lục đạo luân hồi là Thanh Văn và Bích Chi Phật, các vị ấy thật sự lìa khỏi, Bồ Tát không lìa khỏi. [Bồ Tát] sống trong thế gian mà chẳng bị thế gian nhuốm bẩn, xuất thế gian từ ngay trong thế gian. Vì thế, Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sánh bằng! Bồ Tát ở trong nhiễm mà chẳng nhiễm, ở trong chỗ náo nhiệt mà thanh tịnh, điều này hàng Nhị Thừa chẳng thể sánh bằng! Đó là cảnh giới của Phật và đại Bồ Tát.

"Tịch diệt hiện tiền, sở vị xuất tam giới đáo Tát Bà Nhã dã" (Tịch diệt hiện tiền, đó gọi là "thoát khỏi tam giới, đạt đến Nhất Thiết Chủng Trí"), rốt cuộc là có xuất hay không? Có nhập hay không? Chẳng có! Chuyển biến tam giới thành biển Tát Bà Nhã (Sarvajñaḥ), cao lắm! Có xuất, có nhập thì sẽ chẳng cao. A La Hán có xuất, có nhập. Bích Chi Phật có xuất, có nhập. Quyền Giáo Bồ Tát có xuất, có nhập. Pháp Thân đại sĩ chẳng có xuất nhập. Có xuất có nhập là hai pháp. Có xuất có nhập là hai tâm, hai tâm chẳng phải là chân tâm. Trong chân tâm chẳng sanh

một niệm, hễ có xuất nhập thì có niệm. Một niệm chẳng sanh, lấy đâu ra xuất nhập? Lấy đâu ra tam giới hoặc Tát Bà Nhã? Tam giới và Tát Bà Nhã là hai pháp, hai pháp sẽ không phải là Phật pháp. Chư vị hãy từ chỗ này mà thấu hiểu cặn kẽ.

Vì thế, đối với các Ngài, xuất và nhập là cùng một chuyện; các Ngài nói tam giới và Tát Bà Nhã cũng là cùng một chuyện. Đối với các Ngài thì là biển Tát Bà Nhã; đối với chúng ta là tam giới lục đạo luân hồi. Chúng ta ở cùng một chỗ, nhưng đôi bên cảm nhận khác nhau. Chúng ta thấy hết thảy các pháp có sanh, có diệt, các Ngài thấy hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt. Các Ngài thấy chân tướng sự thật, những gì chúng ta thấy là vọng tướng (tướng hư vọng) của sự thật, [nguyên nhân là do] dùng cái tâm khác nhau!

(Diễn) Vô Thượng Bồ Đề, thị Viên Giáo Diệu Giác vị.

(演)無上菩提，是圓教妙覺位。

*(**Diễn**: Vô Thượng Bồ Đề là địa vị Diệu Giác trong Viên Giáo).*

Diệu Giác là đã thành Phật. Do vậy có thể biết, ở đây nói *"xuất đáo"* là từ Sơ Địa cho tới Bát Địa, trên thực tế là [từ Sơ Địa] cho đến địa vị Đẳng Giác, vì sau đó là Vô Thượng Bồ Đề. Trong Vô Thượng Bồ Đề chẳng bao gồm Cửu Địa. Nếu Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác thảy đều là Vô Thượng Bồ Đề thì Xuất Đáo Bồ Đề đạt đến địa vị Bát Địa [là hết]. Vô Thượng Bồ Đề chỉ có một địa vị, do vậy có thể biết, từ Đẳng Giác trở xuống đều thuộc về Xuất Đáo Bồ Đề. Xuất Đáo Bồ Đề có mười một địa vị, tức là Thập Địa cộng thêm Đẳng Giác.

(Diễn) Vĩnh biệt vô minh phụ mẫu, cứu cánh đăng Niết Bàn sơn đảnh.

(演)永別無明父母，究竟登涅槃山頂。

*(**Diễn**: Vĩnh biệt cha mẹ vô minh, rốt ráo lên đỉnh núi Niết Bàn).*

"Vô minh" có thể sanh ra vạn pháp, nên được sánh ví như cha mẹ. *"Cha mẹ"* mang ý nghĩa "có thể sanh ra". Kinh luận Duy Thức đã nói rất rõ ràng: *"Do một niệm bất giác mà có vô minh"*. Một niệm bất giác thì gọi là vô minh, vô minh sanh ra ba tế tướng, ba tế tướng bèn sanh ra sáu thô tướng. Luân phiên sanh ra như vậy, sẽ biến thành thế giới, biến thành vũ trụ, hết thảy vạn pháp. Trình tự của Sanh trong Phật pháp rất

giống với cách nói trong kinh Dịch: *"Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái sanh vạn vật"*, [cách nói ấy] hết sức gần với cách nói của Phật pháp. Nhưng chư vị phải hiểu, sự Sanh ấy chẳng có trình tự trước sau, có thể nói là đồng thời. Nó xác thực là có thứ tự, nhưng quý vị chẳng có cách nào thấy được thứ tự rõ ràng. Từ một niệm bất giác cho đến biến hiện hết thảy vạn tượng là trong một niệm, giống hệt như chúng ta nằm mộng, mọi người đều có kinh nghiệm nằm mộng. Trong khi quý vị nằm mộng, nói theo lý luận, đương nhiên là nhất định phải có quá trình. Khi quý vị nằm mơ, có phát hiện quá trình nào hay không? Trước hết phải biến ra điều gì rồi mới biến ra điều gì kế đó, lại biến ra điều gì nữa? Biến thành mộng cảnh, có phát hiện hay không? Nói theo lý luận, nó nhất định có quá trình; nhưng khi nằm mơ, do quá nhanh, nên vạn hữu trong vũ trụ hễ biến hiện thì *"một điều đã biến, hết thảy đều biến"*, tuyệt đối chẳng có thứ tự trước hay sau.

Hiện thời, nhà khảo cổ hay nhân loại học nào cũng đều nói loài người do loài khỉ vượn dần dần tiến hóa, trong Phật pháp chẳng thừa nhận chuyện ấy, Phật pháp chẳng nói tới chuyện ấy. [Quan điểm của] Phật pháp là như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *"Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận"* (Sanh ra ở nơi đâu, bèn diệt ở nơi đó), *"tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"* (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), đây là nói vạn hữu trong vũ trụ xuất hiện như thế nào, hiện hữu như thế nào. Hội Lăng Nghiêm đúng là đã chém đinh chặt sắt nói ra chân tướng sự thật chẳng có mảy may hoài nghi này! Tuyệt đối chẳng phải là tiến hóa, [thuyết tiến hóa] là do con người đang dấy vọng tưởng, đoán mò nơi hiện tượng, chẳng phải là chân tướng sự thật!

Vô minh là cội nguồn chung hết thảy vạn sự muôn tướng, nên được gọi là *"cha mẹ"*. Địa vị Diệu Giác đoạn sạch một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, nên *"vĩnh biệt vô minh phụ mẫu"* (vĩnh biệt cha mẹ vô minh). Sanh tướng vô minh: Tất cả vạn tướng trong vũ trụ từ đâu mà có? Do vô minh biến hiện ra, nên gọi là sanh tướng vô minh. Đoạn hết vô minh, hết thảy các pháp bèn chẳng có. Vĩnh Gia đại sư nói: *"Giác hậu không không vô đại thiên"* (Giác rồi ba cõi trống toang hoang), mới thật sự triệt để hiểu rõ hết thảy các pháp bất sanh, bất diệt. *"Cứu cánh đăng Niết Bàn sơn đảnh"* (Rốt ráo lên đỉnh núi Niết Bàn), Niết Bàn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là *"bất sanh, bất diệt"*. *"Sơn đảnh"* (山頂) là ngọn cao nhất, cảnh giới bất diệt đã đạt tới tột cùng viên

mãn.

(Diễn) Dĩ hư không vi tòa, thành thanh tịnh Pháp Thân, cư Thường Tịch Quang độ, vi Viên Giáo Phật tướng.

(演)以虛空為座，成清淨法身，居常寂光土，為圓教佛相。

*(**Diễn**: Lấy hư không làm tòa, thành thanh tịnh Pháp Thân, ngự trong cõi Thường Tịch Quang, đó chính là Phật tướng trong Viên Giáo vậy).*

Rốt cuộc có thứ này hay không? Nói có cũng được, mà nói không vẫn được. Xác thực là nói về Pháp Thân, Pháp Thân có tướng hay không? Chẳng có tướng. *"Tòa"* (座) là nói chỗ ở yên, chỗ an lập, an tọa. Tướng đã chẳng có, lấy đâu ra tòa? Vì vậy, chỗ nó an lập giống như hư không. *"Thanh tịnh Pháp Thân"*: Pháp Thân Như Lai, tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na (Vairocanaḥ), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處: trọn khắp hết thảy các chỗ), là bản thể của hết thảy các pháp. Tông Thiên Thai nói *"tức Không, tức Giả, tức Trung"*, Pháp Thân chính là *"tức Không"*. Tuy nó là Không, nó có thể hiện tướng, có thể biến ra tướng. Tướng được biến là giả tướng, huyễn tướng, kinh Bát Nhã nói là *"diệu Hữu"*, Chân Không Diệu Hữu. Tâm Kinh nói *"Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc"*, chính là nói đến Giả Sắc, còn Diệu Sắc và Chân Không là một, không hai. Tuy tướng ấy hiện hữu, nhưng nó trọn chẳng thể được, đó gọi là *"thanh tịnh Pháp Thân"*. Thân là cõi nước, cõi nước là thân, nên chúng ta gọi nó là *"Thường Tịch Quang Độ"*. Cõi Thường Tịch Quang là thanh tịnh Pháp Thân, thanh tịnh Pháp Thân là cõi Thường Tịch Quang, đấy mới là *"diện mạo vốn có của chính mình"*. Nếu quý vị nhận biết [chuyện này] thì tận hư không khắp pháp giới vốn là chính mình!

Chúng ta mê quá nhiều, rất đáng thương, ngỡ cái thân này là chính mình, đối với những thứ ngoài thân thảy đều không hiểu, đâu có biết những thứ ngoài thân đều là chính mình. Giống hệt như nằm mộng, mộng do đâu mà có? Mộng do cái tâm của chính mình biến hiện. Trong mộng, tất cả hết thảy cảnh giới, hết thảy nhân vật, núi, sông, đại địa, [ngay cả] hư không trong mộng, có thứ gì chẳng do tự tâm biến hiện? Có thứ nào chẳng phải là chính mình? Có mấy ai sau khi nằm mộng, tỉnh giấc bèn giác ngộ đôi chút: "Những gì ta vừa mơ thấy toàn là chính mình,

chính mình đánh lộn với chính mình, chính mình cáu giận chính mình". Các hiện tượng trước mắt chúng ta, hư không, pháp giới, tận hư không khắp pháp giới là một với chính mình. Trừ chính mình ra, chẳng tìm thấy người thứ hai. *"Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm"*. Tâm là năng biến (cái có thể biến), pháp là sở biến (cái được biến ra). Năng biến và sở biến là một, không hai. Đó gọi là Phật tướng theo Viên Giáo.

(Diễn) Sở vị tọa đạo tràng, thành tối Chánh Giác dã.
(演)所謂坐道場成最正覺也。
*(**Diễn**: Đó gọi là ngồi đạo tràng, thành Chánh Giác cao tột).*

Ý nghĩa thật sự ở chỗ này, quyết chẳng phải là nói theo ý nghĩa thị hiện! [Nói theo] ý nghĩa thị hiện là nói quá nông cạn, nói quá thô, quá thông tục. Nói lời thật cùng quý vị, nói theo mức độ sâu hơn, nói đến chỗ rốt ráo thì là ý nghĩa này, đó mới gọi là *"tọa đạo tràng"*, mới gọi là *"thành tối Chánh Giác"*.

Từ phát tâm cho đến thành Phật gồm năm giai đoạn, tâm cảnh có năm tầng lớp biến hóa nên gọi là *"ngũ Bồ Đề tâm"*. Trong Tịnh Tông, mầu nhiệm nhất là niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, từ sơ phát tâm cho đến Chánh Giác cao tột, [sử dụng] một phương pháp bèn hoàn thành. Đúng là *"chẳng cậy vào các phương tiện, tâm được tự khai"*. Đấy là chỗ thù thắng và không thể nghĩ bàn của Tịnh Tông. Các tông phái khác, các pháp môn khác chẳng dễ dàng đạt tới, nhất là trong một đời sẽ chẳng thể đạt được. Chỉ riêng Tịnh Tông là có thể hoàn thành trong một đời; nếu chúng ta bỏ qua pháp môn này sẽ quá đáng tiếc! Đúng là cô phụ chính mình, bỏ uổng một đời này. Nếu thật sự nhận biết và triệt để hiểu rõ pháp môn này, ngay lập tức nắm lấy, quý vị bèn thành Phật trong một đời này.

Do vậy, phải nghe kinh, phải nghe cẩn thận, phải thật sự nghe hiểu, lợi ích ở chỗ nào? Phá mê, phát khởi lòng tin. Nay chúng ta chẳng tin pháp môn này! Tôi nói "không tin", quý vị chẳng thừa nhận. Hiện thời có người nói: "Tối nay, ông có cơ hội để có thể ngay lập tức kiếm được một trăm vạn", quý vị [nghe nói như vậy] bèn quyết định không đến [nghe kinh nữa], đi tới [chỗ đó kiếm tiền], tức là quý vị chẳng tin tưởng. [Còn như do] tối hôm nay chẳng có chuyện gì làm, chẳng kiếm tiền được, bèn đến nghe kinh, vậy thì niềm tin của quý vị là giả trất, chẳng thật! Tối

hôm nay có thể kiếm món tiền trăm ức vạn, ta cũng chẳng cần, ta đến nghe kinh, đó mới là chân tín. Trong tình hình đó, có được mấy người [sẽ làm như vậy]? Tôi giảng kinh ở đây, có thể là chẳng có một ai cả! Vì thế, lòng tin quá ư là khó. Con người mê hoặc, điên đảo, từ vô thỉ kiếp tới nay đã bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc; hễ bị dụ dỗ, mê hoặc bèn bỏ đi ngay. Đã thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, mới biết những thứ ấy đều là giả, thứ này mới là thật. Người thế gian nhận giả, chẳng nhận thật; giảng giải, giới thiệu cùng quý vị, không gì chẳng nhằm làm cho từ nay về sau, quý vị nhận thật, chẳng nhận giả, có vậy thì quý vị mới thật sự được cứu, được cứu thoát khỏi lời lẽ [lừa lọc] của bọn ngoại đạo. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 214

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi ba:

(Sao) Hựu Hải Đông Sớ dẫn Bồ Tát Tâm Địa Phẩm vân: "Chư Bồ Tát sơ phát tâm, năng nhiếp nhất thiết Bồ Đề phần pháp, thù thắng thiện căn".

(鈔)又海東疏引菩薩心地品云：諸菩薩初發心，能攝一切菩提分法，殊勝善根。

*(**Sao**: Hải Đông Sớ lại dẫn phẩm Bồ Tát Tâm Địa[105] như sau: "Các vị Bồ Tát sơ phát tâm, có thể nhiếp hết thảy các pháp thuộc về Bồ Đề, thiện căn thù thắng").*

Trong đoạn này, Ngài dẫn ba tác phẩm, chúng ta xem trước phần này. Hải Đông là một vị pháp sư Đại Hàn sống vào đời Đường, tức là pháp sư Nguyên Hiểu (Wonhyo). Ngài sang Trung Hoa du học, từng thân cận Thiện Đạo đại sư và Thiên Thai Trí Giả đại sư. Sau khi quay về

[105] Phẩm Bồ Tát Tâm Địa ở đây chính là một phẩm trong kinh Phạm Võng. Phẩm này có tên gọi đầy đủ là Tỳ Lô Giá Na Phật Thuyết Bồ Tát Tâm Địa Phẩm gồm hai quyển thượng và hạ. Đây là phẩm thứ mười trong kinh Phạm Võng, do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Phẩm này giảng về địa vị tu đạo của Bồ Tát (quyển thượng) và giới tướng của mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh trong Bồ Tát giới (quyển hạ). Quyển hạ thường được dùng để truyền thọ Bồ Tát giới và làm giới bổn trong dịp tụng giới mỗi nửa tháng của người thọ Bồ Tát giới.

nước, hoằng dương Phật pháp, nhất là Tịnh Độ Tông, Ngài có chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Sớ (疏) là chú giải, trong chú giải đã trích dẫn một đoạn kinh văn từ Bồ Tát Tâm Địa Phẩm. Đoạn kinh văn này chứng minh Bồ Đề là thiện căn.

"Chư Bồ Tát sơ phát tâm, năng nhiếp nhất thiết Bồ Đề phần pháp" (Các vị Bồ Tát sơ phát tâm có thể nhiếp hết thảy các pháp thuộc về Bồ Đề), trong phần trước đã nói tới năm loại Bồ Đề. Cổ đức thường nói: *"Sơ phát tâm thành Phật có thừa"*. Vì cái tâm thuở sơ phát tâm là chân tâm, lâu ngày chầy tháng về sau, tâm từ từ bị biến chất, tâm chẳng còn chân thật nữa! Sơ phát tâm là chân tâm, hết sức đáng quý. Đó chính là *"thù thắng thiện căn"*. Do vậy có thể biết, chúng ta có thể giữ gìn vĩnh cửu sơ tâm thì thành Phật chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. "Có thể gìn giữ" có nghĩa là chẳng thoái chuyển! Do chẳng thể gìn giữ, nên mới bị thoái chuyển. Hễ thoái chuyển, thời gian [để tu thành Phật] sẽ dài lâu. Vì sao bị thoái chuyển? Phát tâm chẳng khó, hào hứng một chốc, quý vị liền phát tâm. Sau khi đã phát, do thời gian tu hành rất dài, những hoàn cảnh gặp gỡ cũng khác nhau. Thuận cảnh, nghịch cảnh trồi sụt chẳng nhất định, nên thường bị ngã lòng! Chắc chắn là bị ngã lòng, chẳng có gì kỳ lạ cả! Từ xưa tới nay, một vạn người phát tâm có đến cả vạn ngã lòng! Chẳng ngã lòng thì họ đã thành Phật rồi! Do đó, chắc chắn là bị ngã lòng, hy vọng quý vị ngã lòng ít một chút thì khá lắm rồi! Đừng nên thoái chuyển trên một mức độ lớn, có thể thoái thất với một mức độ ít hơn, đã là hết sức khó, đáng quý lắm.

Làm thế nào để giữ vững, chẳng bị thoái chuyển? Nhất định là phải tu học đúng lý, đúng theo lời dạy, sẽ chẳng bị thoái chuyển. Học Phật, nói thật ra, khó có nhất là phải có pháp hỷ. Nếu trong quá trình tu học, người nào đạt được pháp hỷ, sẽ cảm thấy rất vui sướng, chẳng bị thoái chuyển quá dễ dàng. Nếu học thứ gì [mà cảm thấy] học khô khan, vô vị, càng học càng khó khăn, tự nhiên là sẽ bị thoái chuyển. Phải học sao cho có pháp hỷ. Nói thật ra, đây cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Có pháp hỷ, sẽ nhất định có tiến bộ, thật sự có niềm vui, có tiến bộ trong ấy. Nếu gìn giữ sự tinh tấn lâu dài, thường sanh pháp hỷ, nói thật ra, công phu tu học đi vào nề nếp. Nếu chúng ta chẳng có tiến bộ, chẳng đạt được pháp hỷ, tự mình phải nghiêm túc kiểm điểm, trong ấy nhất định là có duyên cớ, nhất định phải tìm ra nguyên nhân, sau đấy tiêu trừ nó thì mới được!

Nói thật ra, pháp thế gian cũng rất coi trọng chuyện này. Trong

chương đầu tiên của Luận Ngữ, Khổng lão phu tử đã nói rõ ràng chuyện này: *"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ!"* (Học rồi tu tập, há cũng chẳng vui sao). *"Duyệt"* (悅) là pháp hỷ. Cổ nhân đọc sách là hưởng thụ, đọc sách vui sướng thay! Người hiện thời đọc sách khổ sở ngần ấy, [cảm thấy] là chuyện khổ sai! Trước kia, đọc sách là chuyện vui sướng, vì sao? Đọc sách sẽ hiểu lý. Đối với vũ trụ, nhân sinh, quá khứ, vị lai, [do đọc sách] họ đều hiểu. Không chỉ là hiểu rõ, mà còn biến những điều đã đọc thành tư tưởng, kiến giải và hành vi trong cuộc sống của chính mình, đương nhiên là họ vui sướng. Phật pháp cũng giống như vậy, những kinh luận chúng ta đã tu học thảy đều biến thành hành vi trong cuộc sống thực tế của chính mình. Điều này cũng rất vui sướng, nên mới có pháp hỷ. [Nếu tu hành mà] kinh điển là kinh điển, cuộc sống là cuộc sống, về căn bản chẳng ăn nhập gì với nhau, làm sao có thể sanh ra pháp hỷ cho được? Chẳng thể nào! Vì thế, học Phật pháp thì nhất định tiêu hóa nó. Nói *"tiêu hóa"* nghĩa là biến nó thành quan niệm, kiến giải, và hành vi trong cuộc sống của chính mình. *"Hóa"* là biến hóa, điều này rất trọng yếu.

Câu thứ hai cũng rất trọng yếu: *"Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ"* (Có bạn từ nơi xa đến, cũng chẳng vui ư). *"Bằng"* (朋) là chí đồng đạo hợp. Thường luôn có bạn học ở cùng một chỗ, rèn giũa, dùi mài lẫn nhau, chẳng dễ bị thoái chuyển! Rất khó thể ở cùng một chỗ với thầy, nhưng bạn học có thể thường ở chung. Chẳng tiện tranh luận với thầy, dẫu nghe [thầy nói] chẳng phục, không phục cũng chẳng dám hỏi. Đối với bạn học thì có thể tranh cãi, chẳng sao cả! Do đó, nếu muốn đạo nghiệp thành tựu, không gì trọng yếu bằng bạn học, còn quan trọng hơn cả thầy! Vì thầy chỉ là người chỉ đường, thường nói *"một ngày là thầy"*. Thầy chỉ cho quý vị một con đường để đi. Đường đi rất dài, chính mình phải tự đi lấy. Nếu một mình ra đi, rất cô đơn, có mấy người chí đồng đạo hợp bèn có thể kết bạn cùng đi.

Đường Bồ Đề cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhất định là phải có đồng tham đạo hữu. Tối thiểu là mỗi tuần một lần, ở đạo tràng cũng được, nếu đạo tràng có nơi chốn cho chúng ta có thể mượn sử dụng. Không nhờ được đạo tràng thì ở ngay trong nhà mình cũng được. Mỗi tuần một lần, tụ hội nghiên cứu, thảo luận tại nhà. Tuần này ở nhà Trương Tam, tuần sau tại nhà Lý Tứ. Nghiên cứu, thảo luận cùng nhau trong nhà lại còn có lợi điểm là vì có khi người nhà chẳng tin tưởng, thấy bạn bè của quý vị đến, bình thường họ chán ghét việc học Phật, nhưng do có bằng hữu tới, đương nhiên là chẳng tiện mích lòng bạn bè cho lắm!

Quý vị bàn luận Phật pháp cao xa, họ ở đó nghe tiếng, cũng [cảm thấy] có lý đôi chút, [như vậy tức là đã] độ được người nhà! Chính mình chẳng độ người nhà được, hãy tìm một ít bạn học của ta đến độ người nhà. Người nhà được độ, dần dần xóm giềng cũng sẽ đắc độ; đấy là tự lợi, lợi tha. Do vậy, chớ nên một mình cô đơn học hành, đóng cửa chế xe, sẽ rất đau khổ, chẳng thể sanh khởi pháp hỷ được. Vì thế, Luận Ngữ đặt hai câu này lên đầu tiên, dụng ý hết sức sâu xa! Đây là nói về kẻ sơ phát tâm phải gìn giữ pháp hỷ và giữ vững tinh tấn không ngừng như thế nào.

(Sao) Du Già đệ tam thập thất vân.

(鈔)瑜伽第三十七云。

*(**Sao**: Luận Du Già quyển ba mươi bảy chép).*

"Du Già" là Du Già Sư Địa Luận, bộ sách này gồm một trăm cuốn. Đây là quyển thứ ba mươi bảy.

(Sao) Bồ Tát sở tập thiện căn, dĩ thuần nhất tịnh diệu tín tâm, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

(鈔)菩薩所集善根，以純一淨妙信心，回向無上菩提。

*(**Sao**: Thiện căn được tu tập của hàng Bồ Tát là dùng tín tâm thuần nhất, tịnh diệu để hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề).*

Trong Bồ Tát Tâm Địa Phẩm đã dẫn trên đây, đã nêu rõ ý nghĩa *"Bồ Đề là thiện căn"*. Trong Du Già Sư Địa Luận, cũng tìm được chứng cứ giống như vậy, chứng tỏ Bồ Đề tâm được nói trong kinh điển chính là nói tới thiện căn. Du Già Sư Địa Luận nói rất rõ ràng: *"Bồ Tát sở tập thiện căn, dĩ thuần nhất tịnh diệu tín tâm, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề"* (Thiện căn được tu tập của hàng Bồ Tát là dùng tín tâm thuần nhất, tịnh diệu để hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề). Tín tâm tịnh diệu là Bồ Đề tâm. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác, hoặc giác ngộ. Bồ Đề tâm là cái tâm giác ngộ. Thanh tịnh diệu tâm là giác tâm. Dùng cái giác tâm này để cầu Đại Giác viên mãn, tức là hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Nói cách khác, chúng ta muốn cầu vô thượng viên mãn Đại Giác, mà nếu dùng cái tâm mê hoặc, điên đảo [để cầu], chắc chắn là sẽ không thể làm được! Phải giác, phải đừng mê. Điều thứ ba, Ngài lại nói:

(Sao) Lương Nhiếp đệ thập vân.

(鈔)梁攝第十云。

*(**Sao**: Nhiếp Đại Thừa Luận, bản dịch đời Lương, quyển mười có nói).*

Đây là Nhiếp Luận (Nhiếp Đại Thừa Luận), bản dịch đời Lương[106], trong quyển mười [của bộ luận ấy] cũng có một đoạn nói:

(Sao) Sở tác thiện căn, tất dĩ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

(鈔)所作善根，悉以回向無上菩提。

*(**Sao**: Đối với các thiện căn đã làm, đều đem hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề).*

Có ý nghĩa hết sức giống với luận Du Già.

(Sao) Tắc giai dĩ Bồ Đề vi thiện căn, nhi kim kinh trì danh, chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề chi thiện căn dã.

(鈔)則皆以菩提為善根，而今經持名，正回向無上菩提之善根也。

*(**Sao**: Đều coi Bồ Đề là thiện căn, nhưng pháp trì danh trong kinh này chính là thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề vậy).*

---

[106] Nhiếp Luận gọi đầy đủ là Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahāyāna-saṃgraha) do ngài Vô Trước soạn nhằm chú thích phẩm Nhiếp Đại Thừa trong bộ kinh A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa Kinh. Đây là một tác phẩm trọng yếu bắt buộc phải nghiên cứu cho các học nhân Duy Thức. Luận này được có ba bản dịch tiếng Hán, tức là bản dịch vào đời Bắc Ngụy của ngài Phật Đà Phiến Ca, bản dịch vào đời Lương của ngài Chân Đế, và bản dịch mang tên Nhiếp Đại Thừa Luận Bổn của ngài Huyền Trang vào đời Đường. Bản dịch của ngài Huyền Trang được nghiên cứu và chú giải rộng rãi nhất. Tại Ấn Độ, ngài Thế Thân viết chú giải cho bộ luận này với tên gọi Nhiếp Đại Thừa Luận Thích. Tác phẩm Nhiếp Đại Thừa Luận Thích cũng được dịch sang tiếng Hán ba lần bởi Chân Đế vào đời Lương, ngài Cấp Đa dịch vào đời Tùy và ngài Huyền Trang dịch lần nữa vào đời Đường. Ngoài ra, ngài Huyền Trang còn dịch thêm một bản chú giải nữa là Nhiếp Đại Thừa Luận Vô Tánh Thích do ngài Vô Tánh soạn. Bộ luận này rất khó lãnh hội, nội dung xoay quanh chủ đề A Lại Da Thức và những khái niệm tương quan như Sở Tri Tướng Phần, ba tự tánh như Y Tha Khởi, Biến Kế Chấp v.v…

Đại sư nêu ra đoạn này để làm chứng cứ. Ngài nêu ra ba đoạn kinh luận được trích dẫn trong Hải Đông Sớ, đều nhằm chứng minh Bồ Đề là thiện căn. Trong bộ kinh này, chúng ta chấp trì danh hiệu nhằm mục đích nào? Hằng ngày chúng ta niệm câu A Di Đà Phật, nhằm mục đích cầu Vô Thượng Bồ Đề. Đấy chính là nói "trì danh niệm Phật chính là thiện căn bậc nhất trong các loại thiện căn". Do vậy, kinh đã dạy rất rõ ràng: *"Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi kia"*. Bản thân chúng ta thường cảm thấy chính mình chẳng có thiện căn gì! Chẳng có thiện căn chớ sợ! Chúng ta niệm Phật để vun bồi thiện căn của chính mình. Niệm càng nhiều, thiện căn càng sâu dầy. Ở đây, điều này đã được chứng minh. Kết luận dưới đây nói hết sức khéo.

(Sao) Dĩ A Di Đà Phật, tức Vô Thượng Bồ Đề cố, thị tắc thiện trung chi thiện, danh đa thiện dã.

(鈔)以阿彌陀佛，即無上菩提故，是則善中之善，名多善也。

*(**Sao**: Do A Di Đà Phật chính là Vô Thượng Bồ Đề, là điều thiện tột cùng trong các điều thiện, nên gọi là "nhiều thiện căn").*

Kết luận này rất cặn kẽ, rất viên mãn, khiến cho chúng ta chẳng có mảy may hoài nghi nào! Vì sao nói một câu A Di Đà Phật chính là Vô Thượng Bồ Đề? Thông thường, chúng ta thấy danh hiệu này, lập tức nghĩ tới vị Phật trong thế giới Tây Phương. Chẳng sai! Nhưng trong ấy còn có ý nghĩa rất sâu mà chúng ta chẳng hiểu rõ ràng. Ý nghĩa gì vậy? A Di Đà Phật là Chân Như bản tánh sẵn có của chính mình. Vì một câu Phật hiệu này là tiếng Phạn, nếu hoàn toàn dịch ra [tiếng Hán] thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Đối với vũ trụ, nhân sinh và hết thảy vạn pháp thế gian lẫn xuất thế gian, chẳng có một pháp nào là bất giác, nên gọi là Vô Lượng Giác. Vị Phật ở Tây Phương có danh hiệu là Vô Lượng Giác, bản tánh của chính chúng ta là Vô Lượng Giác. Do vậy, nghĩ đến đức Phật ấy, đừng nghĩ sai! Nếu chẳng nghĩ đến Vô Lượng Giác trong bản tánh của chính mình thì sẽ là sai lầm rất lớn, lỗi lầm quá lớn! Vì lẽ đó, chúng ta nhất định phải hiểu: Niệm A Di Đà Phật là cậy vào danh hiệu của vị Phật ở thế giới Tây Phương để niệm cho ra Vô Lượng Giác của chính mình, đó là đúng. Vì thế, câu Phật hiệu này là *"thiện trung chi thiện"* (điều lành nhất trong các điều lành), người niệm

Phật là người nhiều thiện căn. Không niệm Phật thì là ít thiện căn. Nhất định phải niệm Phật hiệu cho nhiều. Lại xem lời Sao, [sẽ thấy] niệm Phật hiệu không chỉ là điều lành nhất trong các điều lành, mà còn là phước cao nhất trong các phước.

(Sao) Phước trung phước giả, diệc hữu nhị nghĩa. Nhất giả, Di Đà nãi vạn đức danh hiệu, nhất danh tài cử, vạn đức tề viên, bất kỳ ư phước, phước dĩ bị cố.

(鈔)福中福者，亦有二義。一者彌陀乃萬德名號，一名纔舉，萬德齊圓，不期於福，福已備故。

*(**Sao**: "Phước cao nhất trong các phước" cũng có hai nghĩa: Một, Di Đà chính là danh hiệu vạn đức. Vừa xưng danh một tiếng, vạn đức đều viên mãn. Chẳng cầu phước mà phước đã trọn đủ).*

"Bị" (備) là viên mãn, trọn đủ, chẳng có tí xíu khiếm khuyết nào!

(Sao) Nhị giả, dĩ trì niệm lực, tự nhiên chư ác bất tác, chúng thiện phụng hành, dĩ chi tu phước, phước dị tập cố. Thị tắc phước trung chi phước, danh đa phước dã.

(Diễn) Thích trì danh nãi phước trung phước.

(鈔)二者以持念力，自然諸惡不作，眾善奉行，以之修福，福易集故，是則福中之福，名多福也。

(演) 釋持名乃福中福。

*(**Sao**: Hai là do sức trì niệm, tự nhiên chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, coi đó là tu phước. Do phước dễ gom nhóm, nên là phước cao nhất trong các điều phước. Vì vậy, gọi là "nhiều phước".*

***Diễn**: Giải thích trì danh chính là phước cao nhất trong các phước).*

Sách Diễn Nghĩa giải thích rất rõ ràng: Chúng ta chẳng có thiện căn, thiếu phước đức; điều kiện để vãng sanh Tây Phương là phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Không niệm Phật làm sao có thể vãng sanh? Niệm Phật là nhiều thiện căn, mà niệm Phật cũng là nhiều phước đức; nhưng ở đây, chư vị nhất định phải biết: *"Một mực chuyên niệm"* mới là điều lành nhất trong các điều lành, là điều phước cao nhất trong các phước. Phải một mực chuyên niệm, đó cũng là *"nhất tâm xưng*

niệm" như cổ đức đã dạy, quan trọng nhất là nhất tâm. Nay chúng ta chấp trì danh hiệu, người chấp trì danh hiệu rất đông, hiện thời, người đọc tụng kinh luận Đại Thừa cũng rất đông, có người mỗi ngày niệm rất nhiều lần, nay tôi phải hỏi: "Quý vị có phải là nhất tâm niệm hay chăng?" Trong các buổi giảng, tôi đã nói, nay vừa mới bắt đầu thì không cần phải là nhất tâm niệm. Vì sao? Chẳng làm được! Vừa mở đầu thì trước hết là niệm sao cho thuần thục, chỉ cầu thuần thục. Bất luận quý vị là nhất tâm, nhị tâm, tam tâm, không cần biết! Đợi cho đến sau khi đã niệm thuần thục thì phải dụng công, sẽ nói tới công phu. Nay vừa mới mở đầu bèn nói tới công phu, chắc chắn là chẳng đắc lực. Vì sao? Quý vị chẳng có cơ sở dự bị. Niệm thuần thục chính là công phu dự bị. Sau khi đã dự bị xong xuôi, bèn sẽ thật sự dụng công tu hành. Dụng công tu hành là nhất tâm xưng niệm.

Ta niệm bộ kinh này, đặc biệt nhấn mạnh là niệm bộ kinh này từ đầu đến cuối chẳng có một vọng tưởng nào, cầu điều này. Chẳng phải là ta hằng ngày niệm bao nhiêu lượt, niệm cho Phật, Bồ Tát nghe, [làm kiểu đó] vô ích! Vừa niệm mà còn vừa dấy vọng tưởng, mỗi ngày niệm cả trăm lần cũng vô dụng, đúng như cổ nhân đã bảo: *"Hét toạc cổ họng cũng uổng công"*. Có người mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, nhưng vừa niệm Phật hiệu, vừa dấy vọng tưởng thì mười vạn câu Phật hiệu đều vô dụng! Điều quan trọng nhất là phải niệm sao cho hết sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng còn nữa. Nếu thật sự niệm hết sạch, quý vị sẽ là nhất tâm bất loạn.

Trong công phu nhất tâm bất loạn, có sự sai biệt cạn hay sâu rất lớn. Chúng ta thường nói "công phu thành phiến", đó là nhất tâm bất loạn ở mức độ nông cạn. Niệm đến mức đoạn trừ Kiến Hoặc, sẽ là trung phẩm nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức Tư Hoặc cũng đoạn hết, chính là thượng phẩm nhất tâm bất loạn, là Sự nhất tâm. Từ Sự nhất tâm, lại tiến cao hơn thành Lý nhất tâm, Lý nhất tâm là đã xứng tánh. [Chỉ] do một câu Phật hiệu đấy nhé! Vì sao người ta có thể thành tựu, chúng ta chẳng thể thành tựu? Người ta nhất tâm xưng niệm, chúng ta là tạp tâm xưng niệm, hoặc loạn tâm xưng niệm. Do vậy bèn chẳng thể thành công, đạo lý ở ngay chỗ này.

Do đó, người niệm Phật xác thực là phải thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, thế gian này chẳng có gì đáng để vướng mắc! Nếu trong nhà quý vị có chuyện gì không thể buông xuống được, hoặc là chuyện không thể nào chẳng quan tâm được, một mai vô thường xảy tới,

có thể nào nói với Diêm Vương "tôi còn chưa buông xuống điều này, còn chưa xếp đặt thỏa đáng điều kia" hay không? Chẳng được! Phải giác ngộ điều này, đừng nên tự lừa gạt chính mình. Đương nhiên là chính mình có gia nghiệp, có con cái, phải có trách nhiệm nuôi nấng, giáo dục con cái. Con cái đã trưởng thành, có thể tự sống độc lập, đừng bận lòng nữa, phải lo cho sanh tử đại sự của chính mình! Đó là chuyện khẩn yếu! Nếu chẳng có những nỗi vướng mắc ấy, quý vị còn có gì đáng để vướng mắc? Nói chẳng suông được! Căn bản sanh tử từ vô lượng kiếp tới nay, có thể giải quyết trong một đời này; đấy chính là vận may to tát, mà cũng là chuyện lớn bậc nhất!

Chiều nay, tôi đến tổng y viện Vinh Dân để tham dự hội Học Phật của họ. Tổng y viện Vinh Dân là bệnh viện công, chánh thức thành lập Học Phật Xã, là tổ chức đầu tiên ở Đài Loan, rất khó có. Ngày hôm nay tôi tham dự điển lễ thành lập của họ, bằng hữu của tôi đến tiếp đón, [người ấy] là bạn học cũ của tôi, nay đã về hưu. Tôi khuyên ông ta niệm Phật, lúc tuổi già hãy khéo hưởng phước, nghiêm túc đọc sách, niệm Phật, đó là sự hưởng thụ lớn nhất. Tôi nói: Giáo dục tại Trung Hoa vào thời cổ, khiến cho trẻ nhỏ chịu nhiều đau khổ nhằm vun bồi phước; [lớn lên], dấn thân vào xã hội, vì xã hội phục vụ là tạo phước; sau khi về hưu là hưởng phước. Nay thì bọn họ sau khi đã về hưu, chẳng có chuyện gì làm, [cảm thấy] nhàm chán, sai mất rồi! Chẳng biết niệm Phật là chuyện trọng yếu, niệm Phật là chuyện to tát, là đại sự! Lúc tuổi già, đã về hưu, thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, chuyên môn niệm Phật, xem chuyện nghe kinh, niệm Phật là chuyện bậc nhất trong lúc tuổi già!

Tôi nói: "Hiện thời, người Đài Loan sang Mỹ, dễ sống lắm!" Ông ta nói: "Tôi đến Mỹ mà chẳng có sở trường gì hết, dựa vào đâu để sống sót?" Tôi nói: "Hiện thời, ông có một căn nhà tại Đài Loan, bán đi thì sang Mỹ sẽ sống được!" Ông ta nói: "Sao lại vậy?" Giá nhà ở Đài Loan đắt quá. Ông bán một căn nhà, sang Mỹ có thể mua ba căn, một căn để chính mình ở, hai căn cho người khác thuê. Ông thấy đó, vui sướng lắm, chuyện gì cũng chẳng phải làm! Năm trước, tôi đã từng dạy một đồng tu. Ông ta mua một căn nhà rất lớn bên đó, mở tiệm trong một khu thương nghiệp. Căn nhà đó to cỡ nào? Gần như là to bằng công ty ở tầng dưới chúng ta, một cái tiệm to như thế, diện tích cuộc đất là bốn mẫu, ước chừng từ hơn một giáp[107] cho đến gần hai giáp đất. Sau khi ông ta mua

[107] Giáp (甲) là đơn vị đo ruộng đất tại Đài Loan, đúng ra phải gọi là A Giáp (阿甲, biến âm từ chữ Akker của tiếng Hòa Lan trong thời Hòa Lan chiếm đóng Đài Loan).

xong, chỉ [phải trả] sáu mươi vạn, [tức là giá đất] chỉ có sáu mươi vạn Mỹ kim, có người thuê khu nhà ấy, tiền thuê một tháng là tám ngàn đồng. Tiền thuê quý vị hưởng trọn, tất cả hết thảy thuế má do người đứng thuê ấy phải trả, người chủ đất chẳng cần trả, một tháng thu trọn tám ngàn đồng, tiêu dao tự tại như vậy đó! Kết quả là ông ta nghe tôi nói xong, bảo: "Tốt thì tốt đấy, nhưng chẳng có chuyện gì để làm, chán chết!" Vì vậy, trong Phật pháp thường nói: *"Phật môn hưởng thanh phước"*, tức là phước báo thanh tịnh. Người thế gian nói tới *"hồng phước"* (洪福), suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu, bận đến nỗi quay mòng mòng, [lại ngược ngạo cảm thấy] cuộc sống [bận tít mù] như vậy rất dễ sống, hôm nào chẳng có chuyện gì liền cảm thấy khó chịu, quá sức trống trải. Cớ sao không đọc sách? Cớ sao chẳng niệm Phật? Mỗi tháng có thâu nhập nhiều ngần ấy, có thể đi chơi đây đó ngắm cảnh cũng rất tự tại! Do đó, nói thật ra, đồng bào Đài Loan đến Mỹ, khi đã thật sự nghĩ thông suốt, chẳng cần phải làm việc, cuộc sống thoải mái lắm! Đó là nói về phước bậc nhất trong các thứ phước.

"Di Đà nãi vạn đức danh hiệu" (Di Đà chính là danh hiệu vạn đức), chúng ta thường nói là *"vạn đức hồng danh"* (萬德洪名), *"hồng"* (洪) có nghĩa là to lớn. *"Nhất danh tài cử, vạn đức tề viên"* (Vừa xưng danh một tiếng, muôn đức đều viên mãn) là nói về chuyện tu phước.

(Diễn) Nhất danh tài cử, vạn đức tề viên giả, như tiền vân: "Trì danh tức trì thử nhất tâm". Nhất tâm chi trung, thường, lạc, ngã, tịnh nghĩa, thanh lương bất biến nghĩa đẳng, hà đức bất cụ da?

(演)一名纔舉萬德齊圓者，如前云：持名即持此一心，一心之中，常樂我淨義、清涼不變義等，何德不具耶。

***(Diễn**: "Vừa xưng danh một tiếng, muôn đức đều viên mãn": Như trên đã nói, "trì danh là trì nhất tâm này", trong nhất tâm có các nghĩa thường, lạc, ngã, tịnh, nghĩa thanh lương bất biến v.v... lẽ nào chẳng*

Tuy hiện thời chính quyền Dân Quốc bắt buộc mọi khế ước điền địa, thổ trạch phải dùng mét vuông làm đơn vị đo lường, dân chúng vẫn quen dùng Giáp và Bình (đơn vị đo phát xuất từ Nhật). Một Giáp là 2.934 Bình (坪, tsubo), tức là khoảng 0.969 hectare. Đơn vị đo lường diện tích nhỏ nhất của Đài Loan là Bình tức là 3.4 mét vuông, 30 Bình là một Mẫu (畝). Một Giáp khoảng 97 Mẫu. Cuối cùng là một Lê (犁) gồm năm Giáp.

trọn đủ ư?)

Xác thực là trọn đủ, chẳng sai! Tuy trọn đủ, chúng ta chẳng niệm cho ra [các đức ấy]. Trong một câu danh hiệu ấy, có thường, lạc, ngã, tịnh, có Tam Học Giới, Định, Huệ, Lục Độ, thảy đều có, mười đại nguyện vương cũng có, thế nhưng niệm chẳng ra! Vì sao niệm chẳng ra? Vì chúng ta sơ sót nhất tâm, chẳng phải là nhất tâm! Hễ nhất tâm niệm, liền niệm ra được! Nhất tâm là thường, nhị tâm là có sanh diệt. Nhất tâm chẳng có sanh diệt, chẳng có sanh diệt thì là thường. Nhất tâm là thanh tịnh, nhất tâm chẳng bị nhuốm bẩn. Do đó, nhất tâm là tịnh, nhất tâm là chân lạc, là pháp hỷ từ nội tâm ồ ạt tuôn trào hiện ra, đó là pháp hỷ thật sự. Do vậy, bốn thứ tịnh đức *"thường, lạc, ngã, tịnh"*, đức năng thanh tịnh đều ở trong nhất tâm.

"Thanh lương bất biến" là pháp môn cam lộ chân thật, chỉ riêng người nhất tâm xưng niệm là có thể đạt được. Vì thế, một câu Phật hiệu có thể bồi bổ Pháp Thân, nay chúng ta gọi sự bồi bổ ấy là dinh dưỡng, nuôi nấng Pháp Thân của chúng ta. Nếu có thể nuôi nấng Pháp Thân, lẽ nào chẳng thể nuôi nấng sắc thân? Sắc thân chẳng lìa Pháp Thân! Bồi bổ Pháp Thân là bồi bổ sắc thân. Niệm Phật hiệu hay lắm, đúng là chẳng sanh bệnh. Ngày hôm nay, tôi nói với các đồng tu ở bệnh viện Vinh Dân, ở đó toàn là bác sĩ, hôm nay, viện trưởng của họ chủ tọa cuộc lễ, họ mong chữa bệnh. [Tu tập đúng pháp sẽ] chẳng sanh bệnh! Không chỉ là chẳng sanh bệnh, [mà còn là] bất tử! Do vậy, tâm thanh tịnh vô cùng trọng yếu, ngàn muôn phần đừng dấy vọng tưởng. Dấy vọng tưởng tổn hại chúng ta quá đỗi! Từ vô thỉ kiếp tới nay phải sanh tử luân hồi là do vọng tưởng tạo thành. Vì thế, mấu chốt ở ngay nơi nhất tâm, nhất định là phải nhất tâm xưng niệm, vạn đức sẽ trọn đủ.

"Bất kỳ ư phước, phước dĩ bị cố" (Chẳng cầu phước mà phước đã trọn đủ). *"Kỳ"* (期) là kỳ vọng (期望: mong mỏi). Ta niệm Phật chẳng cầu phước, mà phước đưa tới. Hễ nhất tâm xưng niệm, phước liền đưa tới, chẳng cầu mà có. Nói thật ra, chẳng cần phải cầu! Hễ cầu thì còn có cái tâm ngạo mạn, tâm đã loạn rồi. Điều gì cũng chẳng cầu, tự nhiên ở trong ấy, thiện ở trong ấy, mà phước cũng ở trong ấy, thọ cũng ở trong ấy, lộc cũng ở trong ấy. Do đó, gọi là *"vạn đức hồng danh"*.

"Nhị giả dĩ trì niệm lực, tự nhiên chư ác bất tác, chúng thiện phụng hành, dĩ chi tu phước, phước dị tập cố" (Hai là do sức trì niệm, tự nhiên chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dùng đó để tu

phước, phước gom nhóm dễ dàng). Mỗi niệm đều đặt nơi Phật hiệu, tự tánh thanh tịnh trong mỗi niệm, hết thảy ác niệm tự nhiên chẳng thể dấy lên. Hết thảy thiện niệm đều sanh khởi từ cái tâm thanh tịnh. Vì vậy, tâm thanh tịnh là thiện căn. Tu phước như vậy mới là thật sự tu phước, *"phước dị tập cố"* (do phước gom nhóm dễ dàng). [Sách Diễn Nghĩa] đã chú giải như sau:

(Diễn) Nhất tâm trì danh, tắc vạn thiện phổ hội, chúng ác tận tiêu.

(演) 一心持名，則萬善普會眾惡盡消。

*(**Diễn**: Nhất tâm trì danh thì muôn điều thiện cùng nhóm họp trọn khắp, các điều ác tiêu sạch).*

Pháp sư Quán Đảnh (tức là pháp sư Từ Vân Quán Đảnh), sống vào thời Càn Long, lúc về già chuyên tu Tịnh nghiệp. Ngài có viết một bản chú giải là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Trực Chỉ, trong ấy có nói: *"Chấp trì danh hiệu là công đức tiêu tai diệt tội bậc nhất"*, có ý nghĩa giống như điều đang nói ở đây. Đối với tai nạn hay tội nghiệp mà pháp gì cũng chẳng thể tiêu thì câu Phật hiệu này có thể tiêu. Người biết sự thật này chẳng nhiều! Hiện tại có bao nhiêu người biết chính mình nghiệp chướng rất nặng, hằng ngày lạy Phật, bái sám, làm những chuyện ấy, có thể tiêu trừ hay không? Quyết định là chẳng tiêu được! Họ chẳng biết niệm Phật có thể tiêu tội nghiệp. Vì sao niệm Phật có thể tiêu tội nghiệp? Trước hết, quý vị phải hiểu tội nghiệp là gì. Cái nhân của tội nghiệp là chủng tử của tội nghiệp, tức là những ác nghiệp do quý vị đã tạo trong quá khứ. Nếu có chủng tử mà chẳng có duyên, sẽ chẳng có quả báo. Duyên là gì? Duyên là hiện tại suy nghĩ loạn xạ. Trước kia đã có chủng tử của tội nghiệp và tập khí, nay hằng ngày lại dấy vọng tưởng, lẽ nào chẳng hứng chịu quả báo? Quả báo bèn hiện tiền. Quả báo đưa đến, chịu không nổi! Nếu muốn tiêu nghiệp, nếu như hiện thời hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều đoạn sạch, dẫu trong quá khứ có chủng tử nghiệp chướng, tập khí, hiện thời chúng chẳng dấy lên hiện hành, sẽ tiêu mất. Quý vị bèn hiểu, thứ gì có thể tiêu trừ tội nghiệp của chính mình? Chẳng phải là lạy bao nhiêu bộ Lương Hoàng Sám, vô dụng! Niệm bao nhiêu bộ kinh Hoa Nghiêm cũng vô dụng! Niệm mấy trăm vạn thần chú vẫn là vô dụng, tâm thanh tịnh bị tiêu mất. Vì thế, câu Phật hiệu này là diệu pháp thù thắng nhất để đạt được cái tâm thanh tịnh. Dùng

phương pháp này khiến cho cái tâm niệm được thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh, hết thảy ác duyên đều đoạn hết. Đó chính là thật sự tiêu tai, diệt tội.

"Nhất tâm trì danh, vạn thiện phổ hội" (Nhất tâm trì danh, muôn điều thiện đều nhóm đến trọn khắp), *"hội"* là hội tập (會集: nhóm họp, tập hợp), hết thảy thiện pháp đều tu tập nơi đây. *"Chúng ác tận tiêu"* (Các ác tiêu sạch), hết thảy thiện pháp sanh từ nhất tâm, trong nhất tâm chắc chắn chẳng có tội nghiệp.

(Diễn) Dĩ thử vô ác cụ thiện chi tâm tu phước.

(演)以此無惡具善之心修福。

*(**Diễn**: Dùng cái tâm "chẳng có ác, trọn đủ điều thiện" ấy để tu phước).*

Dùng cái tâm tùy duyên tùy phận tu phước, phước ấy tuyệt diệu lắm, phước ấy to lớn lắm!

(Diễn) Tắc chúng phước giai xu, bất lao công dụng cố.

(演)則眾福皆趨，不勞功用故。

*(**Diễn**: Ắt các điều phước đều nhóm đến, chẳng phải nhọc sức dụng công).*

Thực hiện ít ỏi, mà được quả báo to tát. Vì sao? Tâm quý vị thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chẳng có giới hạn, cho nên công đức của [việc bố thí] một đồng đều là tận hư không khắp pháp giới. Lũ phàm phu chúng ta bố thí dẫu nhiều cách mấy, được phước rất nhỏ, nguyên nhân ở chỗ nào? Có phân biệt, chấp trước. Thậm chí chúng ta cầm một chút tiền, giống như ngày hôm qua, khi mở cuộc họp với đồng sự, pháp sư Tường Vân có nói với tôi: "Có nhiều người bỏ tiền in kinh, kinh in xong, vẫn phải dò danh sách ghi tên người làm công đức để xem có tên của họ hay không". Làm cho nhiều, phước ít xịt, vì sao? Họ có phân biệt, chấp trước. Tới khi hoàn toàn chẳng có phân biệt, chấp trước, phước ấy sẽ là tận hư không. Phước báo tỷ lệ thuận với tâm lượng của quý vị. Tâm quý vị chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm ấy to như hư không pháp giới. Hễ dấy lên phân biệt, chấp trước, chính là vạch ra cả đống giới hạn, những điều quý vị tu tập chẳng vượt khỏi giới hạn ấy. Vì sao chẳng phá vỡ giới hạn ấy? Bố thí cho người khác thì cứ tận hết sức để thí, còn người thực hiện tạo tác tội hay phước thì người ấy

phải gánh chịu, liên can gì đến ta? Ngày hôm qua, pháp sư Tường Vân cũng nói: Cơ Kim Hội và Đồ Thư Quán in kinh sách, đằng sau sách ghi là ba ngàn cuốn, xác thực là in ba ngàn cuốn. Có rất nhiều nơi chẳng phải là như vậy, trên thực tế họ chỉ in năm trăm cuốn, cuối sách ghi là một ngàn cuốn. Chúng ta là người bỏ tiền chẳng cần phải truy cứu, đó là chuyện của kẻ đó. Phước do ta tu đã viên mãn, kẻ ấy tạo tội nghiệp chẳng liên quan gì đến ta, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này.

Chúng ta chỉ cần dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh để tu phước, chẳng cần quản chuyện của người khác. Quản chuyện người khác, tâm chúng ta sẽ chẳng thanh tịnh, vì sao? Lại dấy lên phân biệt, chấp trước, sai mất rồi! Vì thế, phước nhất trong các điều phước do như vậy mà có. Tu thiện như thế nào? Tu phước ra sao? Nhất định là phải dùng cái tâm thanh tịnh, tâm chân thành để tu, tùy phần, tùy lực, quyết định là chớ nên miễn cưỡng, miễn cưỡng là sai lầm. Có rất nhiều người chuộng thể diện, hôm nay đạo tràng làm chuyện gì đó, phải bỏ ra một chút tiền, do chính mình chẳng có tiền, bèn vay lãi nặng để có tiền đóng góp, sai mất rồi! Mượn tiền để làm công đức, sai bét rồi! Chẳng bắt buộc phải làm như vậy. Tận tâm tận lực là công đức viên mãn. Quý vị miễn cưỡng đóng góp thì công đức ấy chẳng viên mãn. Viên mãn là tùy phần, tùy sức!

(Sớ) Nhân duyên giả, Thanh Lương dĩ thân năng phát khởi vi nhân, giả chi trợ phát vi duyên. Kim thử phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả thiện căn vi nhân, phước đức vi duyên. Nhị giả thiện phước các hữu nhân duyên.

(疏)因緣者，清涼以親能發起為因，假之助發為緣。今此復有二義，一者善根為因，福德為緣，二者善福各有因緣。

*(**Sớ**: Đối với "nhân duyên", ngài Thanh Lương coi cái có thể đích thân phát khởi là nhân, cái cậy vào để giúp [cho nhân] phát khởi là duyên. Nay điều này lại có hai nghĩa: Một, thiện căn là nhân, phước đức là duyên. Hai, mỗi điều thiện căn và phước đức đều có nhân duyên riêng).*

Thanh Lương chính là Trừng Quán đại sư đời Đường, là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm. Bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao do Ngài viết. Thanh Lương đại sư cũng nêu khuôn phép hết sức tốt đẹp cho chúng ta. Suốt đời, lão nhân gia chuyên hoằng trì một bộ kinh là Đại Phương

Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Suốt một đời, Ngài đã giảng bộ kinh này tới năm mươi lần, trong lịch sử Trung Hoa chẳng tìm thấy một người thứ hai. Trước ngài Thanh Lương chẳng có ai như vậy, mà sau Thanh Lương đại sư cũng chẳng có người thứ hai. Chúng ta biết kinh Hoa Nghiêm có phân lượng to lớn. Tôi bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 60 (1977), mãi cho đến nay vẫn chưa gián đoạn, giảng đến hiện thời là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm thuộc về kinh Hoa Nghiêm. Giảng đã mười tám, mười chín năm, tính số giờ thì đã gần đến ba ngàn giờ, kinh vẫn chưa giảng xong. Giảng một bộ kinh từ đầu đến cuối một lượt, tối thiểu là ba ngàn giờ, mỗi ngày giảng tám giờ, mỗi năm giảng một bộ. Do giảng bộ kinh này, Thanh Lương đại sư có công đức rất lớn, lão nhân gia sống hơn một trăm tuổi, nên một đời giảng năm mươi lần. Duyên thuở ấy thù thắng, trong tự viện, người xuất gia đều là mấy ngàn người. Chùa miếu to, tự viện giống như trường học, mỗi ngày giảng tám giờ, từ đầu năm đến cuối năm chẳng gián đoạn! Ngài giảng năm mươi lần, trong các học trò cũng có chẳng ít người nghe mấy chục lần, quý vị nói xem, làm sao mà chẳng thành tựu cho được? Hiện thời chẳng có cơ duyên này!

Ở đây nói về nhân duyên, pháp thế gian và xuất thế gian đều nói đến nhân duyên. Cái có thể đích thân phát sanh [ra kết quả] thì gọi là nhân. Ví như chủng tử (hạt giống), chủng tử là nhân. Chúng ta nói thực vật, hạt giống là nhân, nước, đất, phân bón, ánh sáng mặt trời, sức người đều thuộc về duyên. Nhân duyên trọn đủ, nó mới có thể sanh trưởng, đơm hoa, kết quả. Khi Thanh Lương đại sư giảng kinh, thường dùng ý nghĩa này để giải thích.

"Kim thử phục hữu nhị nghĩa" (Nay điều này cũng có hai nghĩa), *"kim"* (今: nay) là ứng dụng vào bản kinh này, nhân duyên có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất, *"thiện căn vi nhân, phước đức vi duyên"* (thiện căn là nhân, phước đức là duyên). Một câu A Di Đà Phật trọn đủ hết thảy thiện căn, mà cũng trọn đủ vô lượng phước đức. Liên Trì đại sư lão nhân gia nói thiện căn và phước đức thảy đều là một câu Phật hiệu; nó là nhân, mà cũng là duyên.

- Thứ hai, *"thiện phước các hữu nhân duyên"* (mỗi điều thiện căn và phước đức có nhân duyên riêng). Thiện căn có nhân và duyên của nó. Phước đức cũng có nhân và duyên của nó.

Có thể nói: Ý nghĩa trước là nói xứng tánh, tức Tánh Đức. Ý nghĩa sau là Tu Đức. Thiện phước (thiện căn và phước đức) trong Tu

Đức xác thực là mỗi điều đều có nhân duyên riêng, chúng ta phải hiểu rõ, minh bạch điều này.

(Sao) Thiện nhân phước duyên giả, Bồ Đề thiện căn, nhập đạo chánh nhân, như chư kinh ngôn: "Bất phát Chánh Giác Bồ Đề chi tâm, tuy hành lục độ, vạn hạnh, kinh hằng sa kiếp, chung bất thành Phật". Cố tri vạn thiện chi sở căn bản, thị chi vị nhân.

(鈔)善因福緣者，菩提善根，入道正因，如諸經言，不發正覺菩提之心，雖行六度萬行，經恆沙劫，終不成佛。故知萬善之所根本，是之謂因。

*(**Sao**: "Thiện nhân phước duyên": Bồ Đề thiện căn là cái nhân chánh yếu để nhập đạo, như các kinh đã nói: "Chẳng phát tâm Bồ Đề Chánh Giác, tuy hành lục độ vạn hạnh trải kiếp số nhiều như cát sông Hằng, trọn chẳng thành Phật". Vì thế biết căn bản của muôn điều thiện được gọi là nhân).*

Nói về thân nhân chủng tử (chủng tử của cái nhân chánh yếu). Thân nhân chủng tử là gì? Là Bồ Đề tâm, cũng là thiện căn. Bồ Đề tâm là giác tâm, chẳng giác ngộ sẽ chẳng có cách nào nhập đạo. Điều thứ nhất là phải giác ngộ: *"Sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng"*. Nếu nhận biết rõ ràng hai câu này, người ấy thật sự giác ngộ, tu học rất nghiêm túc, đương nhiên là công phu đắc lực. Hiện thời, vì sao công phu của chúng ta chẳng đắc lực? Đã sơ sót vấn đề này. Hiện thời, chuyện gì khẩn yếu nhất? Không biết, quý vị sẽ chẳng nghĩ đến sanh tử, chẳng nghĩ vô thường nhanh chóng. Vô thường nhanh chóng là gì? Thời gian trôi qua quá nhanh, quý vị hãy khéo nắm chắc. *"Vô thường nhanh chóng"* là nói thời gian [trôi qua] quá nhanh, nếu quý vị chẳng nắm vững, làm sao đạo nghiệp của quý vị có thể thành tựu cho được? Người biết vô thường nhanh chóng mới thật sự tinh tấn chẳng giải đãi, một phút, một giây cũng chẳng để luống qua! Vì sao? Thời gian quá đáng quý, đời người khổ sở, ngắn ngủi. Trong quá khứ, chúng ta đã lãng phí thời gian, chẳng biết trân quý, ngày sau có còn được mấy? Ngày sau chẳng nhiều! Không khéo nắm vững, để luống qua, xác thực là đã lỡ làng một đời này. Biết sanh tử là chuyện lớn, tâm cảnh giác sẽ dấy lên. Biết vô thường nhanh chóng, sẽ trân quý thời gian. Đối với người tu hành, quý báu nhất là thời gian. Những thứ khác họ đều có thể không cần tới, đều chẳng quan trọng. Tiếng tăm, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đối với

người ấy chẳng khẩn yếu; những thứ ấy đều có thể buông xuống, phải nắm thật vững thời gian; đó là giác ngộ thật sự.

Chẳng thể tinh tấn thì sẽ thoái chuyển, sẽ đọa lạc. Tinh tấn là gì? Tinh tấn còn phải là nhất tâm tinh tấn, như vậy thì mới đáng quý. Trong pháp môn này, sẽ là nhất tâm trì danh, một câu A Di Đà Phật, quyết định chẳng có vọng niệm thứ hai, đó gọi là nhất tâm tinh tấn. Một câu Phật hiệu này tiếp nối câu Phật hiệu kia, trong ấy chẳng xen tạp vọng tưởng, thật sự chẳng gián đoạn, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, thì mới có thể thành tựu. Hễ Phật hiệu bị gián đoạn, sẽ là vọng tưởng. Chẳng có vọng tưởng, bèn là vô minh. Chẳng đọa vào vọng tưởng, bèn đọa vào vô minh, vậy thì làm sao có thể thành tựu? Vọng tưởng và vô minh là căn bản của lục đạo luân hồi. Nếu nay chúng ta muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, nếu muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên chứng ba thứ bất thoái trong một đời này, quý vị chẳng nắm vững thời gian ngắn ngủi này, làm sao có thể thực hiện được? Đại sự thế gian và xuất thế gian có gì lớn hơn chuyện này được? Đó là thật sự giác ngộ. Ấn Quang đại sư viết hai bức đại tự nói về đại sự sanh tử, hết sức đáng cho chúng ta cảnh giác, răn dè. Ngài viết một chữ Tử to, khiến quý vị mỗi ngày trông thấy, [sẽ biết] ta sắp phải chết, tâm cảnh giác bèn dấy lên. Một chữ khác là Sanh, Sanh ở đây là phải sanh về Tịnh Độ.

Hy vọng các đồng tu thật sự phát tâm Chánh Giác, thật sự giác ngộ. Chẳng có cái tâm ấy, tuy hành lục độ vạn hạnh trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, trọn chẳng thành Phật. Chúng ta đã đọc thấy chuyện này trong kinh Vô Lượng Thọ, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả tử chính là chuyện này. Quả thật họ đã trụ trong Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật, cũng chẳng sai khác cho mấy với *"hằng sa kiếp"* đang nói ở đây, cúng dường bốn trăm ức Phật! [Cho tới khi] Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, nhóm người ấy đã bị thoái chuyển, trở thành vương tử, hoặc thành trưởng giả. Từ Bồ Tát thụt lùi xuống địa vị phàm phu, chuyện gì trong đời trước cũng không biết, đã thoái chuyển, bị mê khi cách ấm, quý vị thấy đáng sợ ngần ấy! Nói không chừng, các đồng tu chúng ta đang hiện diện trong quá khứ cũng từng hành Bồ Tát đạo cúng dường mấy trăm ức Phật, nay biến thành nông nỗi này. Chuyện này cũng là hết sức có thể. Nếu không, nay quý vị đọc kinh này, vì sao có thể sanh tâm hoan hỷ? Có thể ngồi ở đây nghe giảng hai tiếng đồng hồ, cảm thấy rất có ý vị? Chứng tỏ quý vị đã có thiện căn sâu dầy trong đời quá khứ. Nếu không, sẽ chẳng thể sanh khởi

tâm hoan hỷ đối với pháp môn này. Vì thế, nay chúng ta đọc kinh điển này, lại đọc bản chú giải của Liên Trì đại sư, phải đặc biệt đề cao cảnh giác.

(Diễn) Bất phát Chánh Giác Bồ Đề, nãi chí bất đắc thành Phật giả. Như kinh vân: "Dĩ sanh diệt tâm vi bổn tu nhân, dục khế Như Lai bất sanh diệt quả, vô hữu thị xứ".

(演)不發正覺菩提，乃至不得成佛者。如經云：以生滅心為本修因，欲契如來不生滅果，無有是處。

*(**Diễn**: Chẳng phát tâm Chánh Giác Bồ Đề, cho đến chẳng thành Phật: Như kinh dạy: "Dùng cái tâm sanh diệt làm gốc để tu nhân, mà muốn khế nhập quả chẳng sanh diệt của Như Lai, chẳng có lẽ ấy").*

Kinh văn này rất giống lời kinh Lăng Nghiêm, trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan như vậy. Nhưng chúng ta phải biết: Tu hết thảy các pháp môn, mà chẳng lấy Bồ Đề tâm làm cơ sở, sẽ chẳng thể thành tựu! Nhưng tu pháp môn Tịnh Độ, dùng cái tâm sanh diệt để làm cái gốc tu nhân hòng về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì được! Có thể đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hoặc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng có lẽ ấy, không được rồi! Do vậy có thể biết, pháp môn Tịnh Độ thù thắng là thù thắng ở chỗ này. Pháp môn Tịnh Độ lợi khắp ba căn, gồm thâu hoàn toàn lợi căn lẫn độn căn, ai nấy đều có cơ hội thành tựu, nguyên nhân ở ngay chỗ này!

(Diễn) Hựu kinh vân: "Bất phát Bồ Đề tâm, cần tu chư thiện căn, ma sở nhiếp trì. Thị hữu tác nhi tu, đa kiếp chung thành bại hoại".

(演)又經云：不發菩提心，勤修諸善根，魔所攝持，是有作之修，多劫終成敗壞。

*(**Diễn**: Kinh lại nói: "Chẳng phát Bồ Đề tâm, siêng tu các thiện căn, sẽ bị ma nhiếp trì. Đó là tu hữu tác, tu nhiều kiếp rồi rốt cuộc trở thành bại hoại").*

Đại sư chẳng nêu rõ tên kinh, nhưng xem đoạn kinh văn này thì là ý nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm. Chẳng phát Bồ Đề tâm, tất cả hết thảy

những điều thiện đã tu đều bị ma nhiếp trì. Vì sao nói là *"ma nhiếp"*? Ma là thử thách, đem lại cho quý vị rất nhiều phiền não, đau khổ. Trong đời quá khứ, quý vị tu thiện căn rất lớn, nay quý vị có phước báo nhân thiên, làm Tổng Thống. Tổng Thống có khổ hay không? Rất khổ! Quý vị phát tài lớn, như ông Vương Vĩnh Khánh[108], có được tự tại hay không? Chẳng được tự tại, khổ chẳng thể nói nổi! Sự thử thách ấy gọi là *"ma nhiếp"*, tức là quý vị vẫn có phiền não, vẫn có khổ nạn, chẳng có cách nào rời khỏi. Kẻ nghèo có nỗi khổ của kẻ nghèo, kẻ giàu có nỗi khổ của người giàu. Kẻ ăn mày có nỗi khổ của kẻ ăn mày. Kẻ làm hoàng đế có nỗi khổ của hoàng đế, chẳng có ai không khổ! Thậm chí làm thiên vương trên trời cũng khổ, cũng chẳng tự tại. Do vậy, người thật sự giác ngộ quyết định chẳng làm chuyện ngu ngốc này! Đối với các đồng tu khá thân cận, tôi đều khuyên họ: Hằng ngày, quý vị làm việc rất khổ, ngẫm lại [sẽ thấy] làm mà chẳng có ý nghĩa gì, suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu vì ai? Suy nghĩ đích xác, quý vị phản tỉnh, dần dần giác ngộ. Tôi khuyên họ: Vì sao quý vị chẳng thay đổi nghề? Đổi thành nghề nào? Tôi nói: Quý vị hãy làm Phật, "nghề" làm Phật hay lắm! Nghề khác chẳng cần làm! Nghề làm Phật rất sung sướng, rất tự tại, cớ sao chẳng đổi nghề?

Vì người ấy tu phước, thiện căn và phước đức là Tu Đức, chẳng phải là Tánh Đức. Nếu chẳng tiếp tục tu, *"đa kiếp chung thành bại hoại"* (tu đã nhiều kiếp, rốt cuộc trở thành bại hoại), đó là đạo lý nhất định. Thế nhưng, đời đời kiếp kiếp phải tiếp tục tu, đây cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Thứ nhất là quý vị bị mê khi cách ấm, quên sạch những thứ đã tu hành trong kiếp trước. Kế đó, trong một đời này, chưa chắc sẽ có thể gặp thiện duyên. Chẳng gặp duyên, sẽ chẳng có cách nào tu được. Giống như ở ngoại quốc hiện thời, ta thấy trong chung cư của người già, gần như là do Thiên Chúa giáo hoặc Cơ Đốc giáo lập ra, Phật giáo vẫn chưa có. Người Hoa đến ở trong chung cư người già ấy, tuy là niệm Phật, nhưng hằng ngày họ lễ bái, cầu nguyện ở đó, thời gian lâu ngày cũng bị họ lung lạc, cũng quên tuốt Phật! Đó là do hoàn cảnh, chẳng có cách nào. Quý vị ở trong cùng một hoàn cảnh với người khác, đây là vấn đề duyên. Chẳng gặp duyên thù thắng, sẽ thường bị thoái chuyển.

---

[108] Vương Vĩnh Khánh (1917-2008) là một nhà doanh nghiệp lớn nhất tại Đài Loan. Ông Vương sáng lập Đài Sóc Quan Hệ Xí Nghiệp (Xí nghiệp Nhựa Đài Loan), kinh doanh thành công đến nỗi được gọi là "thần kinh doanh". Theo tạp chí Forbes, ông được xếp vào người giàu thứ 178 trên thế giới, giàu thứ nhì của Đài Loan.

(Diễn) Vong tâm thể cực, nhất niệm đốn khế Phật gia. Cố tri Bồ Đề nãi vạn thiện chi căn bản dã.

(演)忘心體極，一念頓契佛家，故知菩提乃萬善之根本也。

*(**Diễn**: Quên tâm, thấu hiểu đến tột cùng, trong một niệm bèn nhanh chóng khế nhập nhà Phật. Vì thế biết Bồ Đề là căn bản của mọi điều thiện vậy).*

"Vong tâm", "tâm" ấy là vọng tâm, là tâm phân biệt, tâm vọng tưởng, phải gạt bỏ, hãy quên nó đi. *"Thể"* (體) là thấu hiểu, thấu hiểu Chân Như bản tánh, hiểu Thật Tướng của các pháp, thấu hiểu đến cùng tột. Sau đó, *"nhất niệm đốn khế Phật gia"* (một niệm nhanh chóng khế nhập nhà Phật), nhà Thiền nói *"một niệm đốn khế"* là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Những chuyện này đều phải dùng giác tâm thì mới có thể làm được. Đấy là căn bản của muôn điều thiện, là cái nhân. Sau đó, lại xem đến duyên.

(Sao) Nhiên tu nhất thiết phước đức, trợ thành Bồ Đề, dĩ phước tế huệ, dĩ Sự thật Lý, phụ dực nhập đạo, thị chi vị duyên.

(鈔)然須一切福德，助成菩提，以福濟慧，以事實理，輔翼入道，是之謂緣。

*(**Sao**: Nhưng cần phải tu hết thảy phước đức để giúp Bồ Đề thành tựu. Dùng phước giúp cho huệ, dùng Sự để thực hiện Lý, giúp đỡ nhập đạo, những điều này gọi là duyên).*

Chẳng phải là không giác ngộ, [mà là] hoàn cảnh chẳng cho phép, hoàn cảnh là duyên. Trong Phật môn, có vị đồng tu nào, vị pháp sư nào, nhất là các vị lão pháp sư nào mà chẳng biết đào tạo nhân tài là trọng yếu? Đều biết! Lão hòa thượng hễ gặp mặt đều nhắc tới nhắc lui, cớ sao chẳng thấy có ai nghiêm túc bồi dưỡng nhân tài? Chẳng đủ duyên, đây là một chuyện khổ sở! Kể từ khi tôi quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tới nay, gần như mỗi lần gởi thư, cụ đều nhắc đến chuyện này, mỗi lần gặp gỡ đều đặc biệt nhắc nhở một phen! Tôi cũng thưa với cụ: "Tôi đã sớm có tâm, nhưng chẳng đủ duyên!" Chẳng phải là không làm, nhưng hoàn cảnh không cho phép. Mãi cho đến nay, duyên ấy dần dần chín muồi, chúng tôi lập một đạo tràng nhỏ tại Mỹ, mục đích là thành tựu thiện tri

thức hoằng pháp, lợi sanh trong tương lai, chúng tôi toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ. Nay chúng ta có một chỗ nhỏ như thế, chỉ cần quý vị thật sự phát tâm tu học, ăn, mặc, ở, đi lại, hết thảy những gì cần dùng cho cuộc sống chúng tôi đều phát tâm cúng dường, hy vọng quý vị sẽ định cái tâm, an tâm học hành ở đó suốt mười năm.

Trong vòng mười năm, năm năm đầu đặt vững căn bản, tức căn bản giáo dục, quý vị thật sự phát tâm hoằng pháp. Chúng tôi tuyển chọn bảy loại khóa trình từ các kinh luận: Kinh Vô Lượng Thọ, Di Đà Kinh Yếu Giải, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, Cảm Ứng Thiên, Liễu Phàm Tứ Huấn, Tứ Thư. Bảy thứ ấy, trong năm năm phải học rất thuộc. Niệm mỗi ngày, mỗi ngày tối thiểu niệm mười lần. Mỗi ngày niệm mười lần để khỏi dấy vọng tưởng, chẳng có thời gian dấy vọng tưởng. Niệm suốt năm năm, tâm đã định, tâm thanh tịnh, Căn Bản Trí hiện tiền. Năm năm đầu dùng phương pháp đọc kinh, mục tiêu là *"phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, đoạn phiền não. Phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của quý vị thảy đều bị đoạn sạch, dùng phương pháp đọc kinh để đoạn trừ. Năm năm sau là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, bảo quý vị hãy đọc Đại Tạng, hãy đọc Tứ Khố Toàn Thư, còn phải đọc [những tài liệu thuộc về] kiến thức khoa học hiện đại. Trong năm năm, phải đọc rất nhiều thứ, chỉ cần quý vị có Định, có Huệ, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ, tốc độ [lãnh hội] sẽ hết sức nhanh chóng. Đó là cung cấp một nơi chốn hoàn thiện, sách vở hoàn thiện nhằm cúng dường các vị rốt cuộc sẽ là tổ sư đại đức trong một thế hệ, thật sự phát tâm hoằng pháp lợi sanh, nối tiếp huệ mạng của Phật!

Tông chỉ của chúng ta là bồi dưỡng nhân tài, chúng ta chẳng làm pháp hội, không làm bất cứ hoạt động nào! Đạo tràng thành lập, chúng ta không làm lễ khai quang, khánh thành. Tất cả các hình thức đều chẳng cần đến, cứ khiêng sách vở vào, thỉnh tượng Phật vào, bắt đầu niệm Phật dụng công tại đó. Phương thức của chúng tôi là phương pháp xưa kia thầy Lý đã dạy, hoàn toàn lôi ra áp dụng. Vì thế, dùng phương pháp xưa cũ để giáo học, hoàn toàn chẳng giống như trong các Phật Học Viện hiện thời.

Phải có phước để giúp đỡ huệ, dùng Sự để viên mãn lý luận, cũng có thể nói: Lý tưởng phải có sự thật thì mới có thể viên mãn lý tưởng. Có nhân, có duyên, như vậy thì mới có thể thành tựu viên mãn. Đây là giải thích câu *"thiện căn vi nhân, phước đức vi duyên"* (thiện căn làm nhân, phước đức làm duyên). Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi

giảng tới chỗ này.

Tập 215

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi lăm:

(Sao) Các hữu nhân duyên giả, thiện căn, phước đức, kỳ sở diêu lai, tùng hà phát tâm, quân danh viết nhân. Nhi thiện căn phát khởi, tất hữu chủng chủng thiện duyên vi trợ; phước đức phát khởi, tất hữu chủng chủng phước duyên vi trợ, thị các hữu kỳ duyên dã.

(鈔)各有因緣者，善根福德，其所繇來，從何發心，均名曰因。而善根發起，必有種種善緣為助；福德發起，必有種種福緣為助，是各有其緣也。

(***Sao***: *"Mỗi điều đều có nhân duyên": Nguồn cội của thiện căn và phước đức là do phát những tâm nào, [những tâm ấy] đều gọi là "nhân". Nhưng để thiện căn phát khởi, ắt phải có các thứ thiện duyên giúp đỡ; để phước đức phát khởi, ắt phải có các thứ phước duyên giúp đỡ. Vì thế, mỗi điều [thiện căn hay phước đức] đều có duyên riêng của nó).*

Ở đây, giải thích câu *"các hữu nhân duyên"* [trong lời Sớ]. Trong đoạn trước đã giảng rõ nhân duyên của thiện căn và phước đức tương đồng, đặc biệt là trong tông này, lấy trì danh làm thiện căn, và còn coi trì danh là phước đức. Đấy chính là thiện căn, phước đức, nhân duyên tương thông. Nhưng nếu nói tách rời thì cũng có lý, thiện căn có cái nhân của thiện căn, có cái duyên của thiện căn, phước đức cũng có nhân và duyên của phước đức, ở đây đã nói rất rõ ràng. Thiện căn là do phát tâm, chúng ta phát cái tâm như thế nào? Sau khi tâm đã phát khởi, nhất định là có các thứ duyên đến giúp đỡ quý vị thì mới có thể kết thành quả. Nếu chỉ phát tâm mà chẳng có duyên đến giúp đỡ, tâm ấy sẽ như không, chẳng có kết quả gì! Phước đức cũng giống như thế. Do vậy, phát khởi phước đức cũng cần phải có các thứ trợ duyên. Đó là nói *"các hữu nhân duyên"*.

Ví như quý vị phát tâm học Phật, phát tâm tu học Định Huệ, điều này thuộc về thiện căn. Tuy đã phát tâm, nếu chẳng gặp thiện tri thức, chẳng gặp đồng tham đạo hữu, rất khó đạt đến mục tiêu. Thiện hữu, đồng học, cũng như hoàn cảnh, đều là trợ duyên. Đối với chuyện tu

phước lại càng rõ ràng: Ai nấy đều mong mỏi chính mình có phước báo, đối với phước cũng phải phát tâm. Trong hết thảy các kinh luận, đức Phật đã dạy: Bố thí là nhân duyên của hết thảy các phước. Chúng ta có của cải, có trí huệ, có sức khỏe, sống lâu. Đó là quả báo. Quả báo chẳng phải là bỗng dưng mà có, phải do sự tu tập, tích lũy trong đời quá khứ. Tu tập và tích lũy đương nhiên là có nhân và duyên. *"Nhân"* là quý vị phát tâm chịu tu; đó là nhân. Quý vị biết quả báo ấy là chân thật, quý vị chịu tu học. Nhân có thù thắng và kém cỏi, quý vị phát tâm có dũng mãnh hay tán loạn. Duyên cũng có thù thắng và kém cỏi. Quý vị gặp duyên thù thắng, quả báo sẽ đặc biệt tốt đẹp. Gặp duyên chẳng thù thắng, quả báo sẽ thua kém hơn. Do vậy, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng lìa nhân quả. Đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa đều chẳng lìa nhân quả, chúng ta nhất định phải biết điều này. Tục ngữ Trung Hoa thường nói: *"Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định"* (Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là đã định sẵn). *"Tiền định"* thì là ai định? Do chính mình định, chẳng phải do ai khác định đoạt! Trong quá khứ, chính mình đã tu cái nhân gì, đời này đạt được quả báo gì; đời này tu nhân gì, đời sau sẽ đạt quả báo gì, chẳng thể sai sót chút nào! Dẫu là trong chiến tranh, cũng chẳng có một ai bị chết oan uổng. Vì thế, người thật sự hiểu rõ đạo lý này, xác thực là trong thế gian, bất luận là cá nhân, gia đình, quốc gia, cho đến toàn thể thế giới, đều có vận số nhất định. Vận số nhất định thì có thể chuyển hay không? Có thể chuyển. Dựa vào đâu để có thể chuyển? Nói thật thà, chẳng phải là chuyển nơi nhân, nhân chẳng thể chuyển! Then chốt để chuyển là duyên, [tức là duyên] trong nhân, duyên, quả. Phật pháp thường nói "duyên sanh luận", chỉ cần quý vị có thể nắm vững duyên là có thể chuyển.

Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, [sẽ thấy] tiên sinh Viên Liễu Phàm tự mình xoay chuyển vận mạng cả một đời. Chuyển từ nơi đâu? Chuyển từ duyên, chẳng phải là chuyển nơi nhân. Nếu chúng ta có thể nắm vững duyên này, nói cách khác, hết thảy quả báo đích xác là do chính tay ta thao túng. Mỗi chúng sanh từ vô thỉ kiếp đến nay, chủng tử trong A Lại Da Thức là nhân, chủng tử của mười pháp giới thảy đều trọn đủ. Nói cách khác, trong A Lại Da Thức của quý vị, có cái nhân thành Phật, có cái nhân làm Bồ Tát, có cái nhân làm Thanh Văn, Duyên Giác, có cái nhân sanh thiên, có cái nhân đọa A Tỳ địa ngục, chủng tử của mười pháp giới thảy đều có. Nay tôi phải hỏi quý vị, trong một đời này,

chúng ta mong đạt kết quả như thế nào, đó là điều chúng ta hy vọng, hãy nương theo hy vọng ấy để tranh thủ cái duyên [của kết quả] ấy. Ví như ta mong thành Phật, nếu mong tưởng thành Phật thì do nhân duyên của mười pháp giới thảy đều có, ta có cái nhân thành Phật, đương nhiên là ta có thể thành Phật, cái có thể nắm chắc là duyên. Ta chuyên tu cái duyên thành Phật, duyên của chín pháp giới kia ta đều chẳng tu, ta chuyên tu một điều này, trong một đời này, nhất định sẽ thành công. Ngay cả thành Phật là chuyện khó nhất mà còn có thể làm được trong một đời này, huống gì những điều khác! Đúng như cổ nhân thường nói: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng"*. Chẳng có gì không cầu được, then chốt là quý vị có hiểu rất rõ nhân, duyên và quả hay không? Đạo lý rất rõ ràng, quý vị có thể thật sự nắm vững sự thật, chắc chắn là sẽ có thể thành tựu, cầu điều gì bèn đạt được điều đó.

(Sớ) Vấn: Hà cố Quán Kinh phát Bồ Đề tâm tại đệ tam phước?

(疏)問：何故觀經發菩提心在第三福。

*(**Sớ**: Hỏi: Vì sao Quán Kinh xếp phát Bồ Đề tâm vào phước thứ ba?)*

Khi chúng tôi giảng Quán Kinh, cũng đã nói cặn kẽ chuyện này. Ở đây, Liên Trì đại sư đã khai thị hết sức hay. Nói theo Lý, phát Bồ Đề tâm là thiện căn, nhưng trong Tam Phước, nó được xếp vào điều thứ ba.

(Sớ) Đáp: Dĩ phước hữu Sự, Lý, bất chuyên Sự cố.

(疏)答：以福有事理，不專事故。

*(**Sớ**: Đáp: Do phước có Sự và Lý, do chẳng chuyên nơi Sự).*

Phát Bồ Đề tâm là Lý, hai điều trước [trong Tam Phước] là nói theo Sự. Ở đây, Tam Phước của Quán Kinh đều được nêu ra.

(Sao) Quán Kinh Tam Phước: Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp. Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

(鈔)觀經三福：一者孝養父母，奉事師長，慈心不殺，

修十善業；二者受持三歸，具足眾戒，不犯威儀；三者發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

*(**Sao**: Tam Phước theo Quán Kinh: Một là hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp; hai là thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi; ba là phát Bồ Đề tâm, rất tin nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả).*

Sách Diễn Nghĩa có giải thích, nêu ra những điểm trọng yếu.

(Diễn) Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, kính thượng dã. Từ tâm bất sát, tiếp hạ dã.

(演)孝養父母，奉事師長，敬上也；慈心不殺，接下也。

*(**Diễn**: "Hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự sư trưởng" là tôn kính bề trên. "Từ tâm chẳng giết" là tiếp độ kẻ dưới).*

Đây chính là *"thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"* trong bài văn Hồi Hướng. Chúng ta niệm Hồi Hướng Văn hằng ngày, thực hiện từ chỗ nào? Phải thực hiện ra sao? *"Thượng báo tứ trọng ân"* phải khởi sự từ hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy. *"Hạ tế tam đồ khổ"* khởi đầu bằng từ tâm chẳng giết. Đây là dạy cho chúng ta cách thực hiện cụ thể nhằm bổ sung những ý nghĩa chưa được nêu trọn trong phần trước.

(Diễn) Tu Thập Thiện Nghiệp, thân xả tam tà, khẩu ly tứ quá, ý đoạn tam ác dã. Thử cộng phàm phu hành.

(演)修十善業，身捨三邪、口離四過、意斷三惡也。此共凡夫行。

*(**Diễn**: Tu Thập Thiện Nghiệp là thân bỏ ba điều tà, miệng lìa bốn điều lỗi, ý đoạn ba sự ác. Những điều này hành chung với phàm phu).*

Phước thứ nhất trong Tam Phước là phàm phu phước. Đó là căn cơ của Bồ Tát. Bồ Tát chẳng tu học từ chỗ này, chắc chắn chẳng thể tu hành chứng quả. Do vậy, điều này rất trọng yếu. *"Thân trừ tam tà"*, tam tà là giết, trộm, dâm, nhất định phải rời lìa. *"Khẩu ly tứ quá"*, tức là vọng ngữ, ác khẩu, ỷ ngữ; ỷ ngữ là hoa ngôn xảo ngữ, nghe thì êm tai lắm, thật ra là có hại, chẳng có lợi gì, bao gồm cả những thứ giống như

ca múa trong hiện tại, lưỡng thiệt là khơi gợi thị phi. Phải xa lìa bốn thứ lầm lỗi ấy. Trong ý, tam độc phiền não là tham, sân, si, chúng có phạm vi hết sức rộng lớn. Không chỉ là phải lìa tham, sân, si đối với pháp thế gian, mà đối với pháp xuất thế gian, cũng chớ nên có tâm tham. Do vậy, nhất định là phải đoạn tham, sân, si. Lìa khỏi tham, sân, si thì là ba thiện căn, ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si, tất cả hết thảy thiện pháp thế gian sanh từ đây. Do vậy có thể biết, tất cả hết thảy ác pháp trong thế gian sanh từ tham, sân, si, nên chúng được gọi là Tam Ác hoặc Tam Độc.

(Diễn) Tam Quy giả, Phật, Pháp, Tăng dã.
(演)三皈者，佛法僧也。
*(**Diễn**: Tam Quy là Phật, Pháp, Tăng).*

Chúng tôi sợ các đồng tu sơ học thấy *"Phật, Pháp, Tăng*", sẽ hiểu sai ý nghĩa, nên thường dùng cách nói của Lục Tổ đại sư trong Đàn Kinh là *"giác, chánh, tịnh"*. Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh; đó cũng là tự tánh Tam Bảo, là chỗ quy y thật sự của chúng ta.

(Diễn) Cụ túc chúng giới giả, đạo tục bị thọ vi tế.
(演)具足眾戒者，道俗備受微細。
*(**Diễn**: "Đầy đủ các giới" là đạo hay tục đều thọ đủ mọi lẽ vi tế).*

"Đạo" (道) là người tu đạo, *"tục"* (俗) là kẻ thế tục. Bất luận là tu đạo hay thế tục, đều phải tuân thủ khuôn phép, đều phải giữ quy củ. Giới luật là pháp luật, là mẫu mực cho cuộc sống. Ngoài những điều luật do đức Phật đã chế định ra, pháp luật, quy định, phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức của thế gian đều bao gồm trong ấy (trong hai chữ "*chúng giới"*), dù là người thế gian hay xuất thế gian đều phải nên tuân thủ, xã hội mới có trật tự, mới an tường, hòa thuận, chúng sanh mới có thể sống an hòa, lợi lạc.

(Diễn) Bất phạm oai nghi giả, tam thiên tất giai bất khuyết dã.
(演)不犯威儀者，三千悉皆不缺也。
*(**Diễn**: "Chẳng phạm oai nghi" là ba ngàn oai nghi đều chẳng thiếu khuyết).*

"*Oai nghi*" (威儀) là nói tới nghi biểu (儀表: sự biểu lộ, tác phong

cư xử của một cá nhân), nay chúng ta nói là "phong độ". Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh[109], có thể thấy xuất gia chẳng phải là chuyện dễ dàng! Vì sao trong cuộc sống phải cẩn thận dường ấy? Vì người ấy (người xuất gia) là nhân thiên sư biểu (人天師表: bậc thầy gương mẫu cho cả trời lẫn người), là tấm gương cho đại chúng, là khuôn mẫu để đại chúng [noi theo]. Do đó, nhất cử nhất động đều phải nêu gương tốt nhất cho người khác học tập theo. Hiện thời, trong xã hội, người xuất gia chẳng được đại chúng trong xã hội tôn kính, nguyên nhân ở chỗ nào? Giới hạnh lẫn oai nghi đều chẳng có, không nói tới những thứ ấy! Đại chúng bình phàm cũng quen thói buông lung, quen nết tùy tiện, chẳng thể chịu nổi bó buộc. Hễ hơi có chút nào ràng buộc, họ sẽ chịu không nổi; tu hành kiểu đó rất khó thành tựu! Nhất cử nhất động của chư Phật, Bồ Tát chẳng có ai bó buộc, mà các Ngài tự nhiên phù hợp oai nghi. Đó là gì? Bình thường đã dưỡng thành thói quen ấy. Trong pháp thế gian, chúng ta đọc Luận Ngữ thấy Khổng lão phu tử bảy mươi tuổi *"tùy tâm sở dục, bất du củ"* (thuận theo lòng muốn, chẳng vượt quy củ). Nói theo Phật pháp, Ngài đã đạt đến giải thoát, đạt được tự tại! Thuận theo lòng muốn mà cũng chẳng phạm giới, cũng chẳng phạm oai nghi. Đó là công phu tu dưỡng thuần thục được Nho gia coi trọng, nhà Phật càng coi trọng hơn. Chúng ta phải ghi nhớ điều này.

(Diễn) Thử cộng Nhị Thừa hành.
(演)此共二乘行。
*(**Diễn**: Điều này hành chung với Nhị Thừa).*

Điều thứ hai [trong Tam Phước] là hạnh tu tập của Thanh Văn và Duyên Giác, đương nhiên Bồ Tát chẳng thể không tu. Điều sau nhất định bao gồm điều trước, điều trước chẳng bao gồm điều sau.

(Diễn) Phát Bồ Đề tâm giả, y vô tác cảnh, khởi vô duyên thệ, danh phát Bồ Đề tâm.

---

[109] Đi, đứng, nằm, ngồi là bốn oai nghi, mỗi oai nghi có đủ 250 giới, nên 4x250 thành 1.000. Lại phối hợp với Tam Tụ Luật Nghi nên 3x1.000=3.000. Lại phối hợp với bảy chi (giết, trộm, dâm, nói đôi chiều, ác khẩu, vọng ngữ, ỷ ngữ) nên 7x3.000=21.000, lại phối hợp với bốn phiền não là tham, sân, si, đẳng phần, thành 4x21.000=84.000. Do đó gọi là tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Nay thường nói *"tám vạn tế hạnh"* là chỉ nói con số tròn, lược bớt số lẻ.

(演) 發菩提心者，依無作境起無緣誓，名發菩提心。

*(**Diễn**: Phát Bồ Đề tâm là nương vào cảnh vô tác để khởi lên thệ nguyện vô duyên, gọi là phát Bồ Đề tâm).*

Ý nghĩa này rất sâu. *"Vô tác"*: Tác (作) là tạo tác. Cảnh giới vô tác là nói đến cái tâm thanh tịnh. Trong tâm địa, chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là *"vô tác"*. Khởi tâm động niệm thì sai mất rồi. *"Khởi vô duyên thệ"*: *"Thệ"* (誓) là nói tới Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tức là *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Nguyện ấy là tự nhiên, phát xuất từ Chân Như bản tánh, chẳng phải là miễn cưỡng, nên gọi là *"vô duyên thệ"*. Nói theo cách hiện thời, *"duyên"* (緣) là điều kiện. [Vô duyên] là chẳng có điều kiện, ta phát ra thệ nguyện chẳng có điều kiện gì, đó là những chuyện đáng phải nên làm thuộc về bổn phận của một người thật sự giác ngộ, chẳng có bất cứ điều kiện gì để bàn luận nữa! Do vậy, hễ phát ra cái tâm ấy, sẽ là một vị Bồ Tát chân thật, chẳng phải là Quyền Giáo Bồ Tát, mà là Bồ Tát thật sự. Bồ Tát thật sự, nói theo Viên Giáo, sẽ từ địa vị Sơ Trụ trở lên, vượt xa Thanh Văn, Duyên Giác, vượt xa quá nhiều!

Nay chúng ta mỗi ngày đều nói *"phát Bồ Đề tâm"*, đó là phát tâm ngoài cửa miệng, xác thực là chẳng phát chi cả! *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, thấy kẻ này cũng đáng ghét, thấy kẻ kia cũng ngứa mắt, ta chẳng thèm độ kẻ đó! Vậy là độ chúng sanh ở chỗ nào? *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, hằng ngày dấy vọng tưởng, hằng ngày tạo tác tham, sân, si. Không chỉ là chẳng đoạn, mà còn tăng trưởng mỗi ngày! Do vậy có thể biết, hằng ngày niệm Tứ Hoằng Thệ Nguyện, buổi sáng niệm một lần, buổi tối niệm một lần, đều giả trất, chẳng có một câu nào là thật! Nếu phát bốn nguyện ấy bằng chân tâm, [phát nguyện] chân thật, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Kinh Hoa Nghiêm gọi Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là Pháp Thân đại sĩ, [tâm của] quý vị là chân tâm, chẳng phải là kẻ bình phàm.

Vì thế, xếp *"phát Bồ Đề tâm"* vào điều phước thứ ba là hợp lý. Vì sao? Hàng Nhị Thừa chẳng có Bồ Đề tâm. A La Hán và Bích Chi Phật chẳng phát tâm phổ độ chúng sanh. Chẳng phải là các Ngài không độ chúng sanh, chúng sanh đến tìm các Ngài, còn tùy thuộc các Ngài có hứng thú hay không! Quý vị hướng về các Ngài thỉnh giáo, các Ngài thấy quý vị cũng khá, hữu duyên, bèn dạy bảo. Chẳng hữu duyên, các

Ngài chẳng thèm ngó ngàng tới quý vị! Nói cách khác, A La Hán và Bích Chi Phật độ chúng sanh có điều kiện, Bồ Tát độ chúng sanh vô điều kiện, khác hẳn! Bởi lẽ, Bồ Tát có Bồ Đề tâm, Nhị Thừa chẳng có Bồ Đề tâm. Câu dưới đây nhằm giải thích [từ ngữ] *"thâm tín nhân quả"*.

(Diễn) Thật Tướng bất nhị nhi nhị, lập nhân quả thù, nhị nhi bất nhị, thỉ chung lý nhất, tín thử nhân quả phương danh vi thâm.

(演)實相不二而二，立因果殊，二而不二，始終理一，信此因果方名為深。

*(**Diễn**: Thật Tướng chẳng hai mà hai, lập thành nhân và quả khác nhau, tuy hai mà một, từ đầu tới cuối lý là một. Tin tưởng nhân quả này thì mới gọi là sâu).*

Giải thích chữ *"thâm"* (深). Tin nhân quả thì chúng ta đều tin, có kẻ học Phật nào trong lũ chúng ta chẳng tin nhân quả? Đều tin! Tuy tin, nhưng chẳng đủ độ sâu! Vì sao? Vì chính mình vẫn chưa thể nghiêm túc đoạn ác tu thiện, tức là tin chẳng đủ độ sâu! Chẳng hạn như đức Phật dạy chúng ta "tài bố thí sẽ chẳng thiếu hụt tiền của"; nay chúng ta có tiền tài, có chịu bố thí hay không? Vẫn không chịu, [vậy thì] có tin tưởng lời Phật hay chăng? Tin tưởng ư? Đã tin tưởng, cớ sao chẳng làm? Không đủ sâu! Lời Phật dạy là thật, đáng tiếc là chúng ta chẳng thật sự tin tưởng! Thật sự tin tưởng, suốt một đời này sẽ sống hết sức hạnh phúc, xác thực là đạt được tự tại. Pháp bố thí bèn được thông minh, trí huệ; vô úy bố thí bèn được khỏe mạnh, trường thọ. Đối với ba thứ bố thí này, nay chúng ta đều có năng lực tu tập.

Đối với phước báo, chư vị phải ghi nhớ, giữ lại để hưởng trong lúc tuổi già, đó là người có trí huệ nhất. Tuổi trẻ đừng nên hưởng sạch phước báo, [để rồi] đến khi tuổi già chịu khổ, sẽ là thật khổ! Tuổi trẻ chịu khổ đôi chút, chẳng sao cả; có tinh thần và thể lực để chống đỡ được. Tuổi già suy lụn, chẳng có ai chăm sóc, đích xác là rất đáng thương. Chúng ta muốn tuổi già hạnh phúc, hiện thời thì trước hết là phải tu bố thí, phải học kính lão tôn hiền (kính trọng người già, tôn trọng hiền nhân). Đó là tu cái nhân, mai sau chúng ta già cả, bọn trẻ tuổi sẽ tôn kính ta! Nay ta thấy người già liền chán ghét, đợi đến khi ta già cỗi, người khác trông thấy sẽ chán ghét ta! Nhân như thế nào, sẽ có quả báo như thế ấy, chẳng sai sót mảy may. Do vậy, thấy người già, hãy nên nghĩ trong tương lai ta sẽ già, thấy người già rất đáng thương, trong tương lai

ta sẽ giống như họ, thậm chí còn đáng thương hơn họ! Do đó, nhất định phải chiếu cố và giúp đỡ người già. Đây là quý vị tu nhân trong hiện tại, trong tương lai sẽ đạt được quả báo. Do vậy, phải tin sâu nhân quả.

Chỗ này đích xác là có chiều sâu, Bồ Tát mới có thể khế nhập chiều sâu này, lũ bình phàm chúng ta vẫn chẳng làm được. *"Thật Tướng bất nhị nhi nhị"* (Thật Tướng chẳng hai mà hai): Trong bất nhị, kiến lập hai pháp, nhân và quả là hai pháp. *"Lập nhân quả thù"*, *"lập"* (立) là kiến lập, *"thù"* (殊) là khác nhau, có nhân và quả. *"Nhị nhi bất nhị"* (Tuy hai mà một): Tuy nói nhân và quả, nói thật thà, nhân và quả là một chuyện. Trong nhân có quả, trong quả có nhân. Quả lại là cái nhân kế tiếp, xoay vần [quả làm nhân, nhân đó lại sanh ra cái quả kế tiếp] chẳng cùng tận. *"Thỉ chung lý nhất"* (Từ đầu đến cuối lý là một), cùng một đạo lý. *"Tín thử nhân quả, phương danh vi thâm"* (Tin nhân quả này mới gọi là sâu), ắt phải thật sự thâm nhập Đại Thừa thì mới có thể triệt để giác ngộ, thấu hiểu chân tướng của nhân quả trong vũ trụ và nhân sinh thuộc về thế gian lẫn xuất thế gian, mới có thể thật sự đoạn nghi sanh tín trong tu học.

(Diễn) Độc tụng Đại Thừa, tu tam trí giải, vận viên thừa hạnh.

(演)讀誦大乘，修三智解，運圓乘行。

*(**Diễn**: Đọc tụng Đại Thừa, tu ba trí giải, vận dụng hạnh thuộc về Viên Giáo).*

"Tam trí" là Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, Nhất Thiết Chủng Trí. Dùng phương pháp gì để cầu tam trí? Dùng đọc tụng. Chư vị phải biết, đọc tụng nhằm mục đích tu Tam Học Giới, Định, Huệ. Tam Học được hoàn thành đồng thời. Thật sự dùng phương pháp này để đắc Định, tự nhiên sẽ khai Huệ, Huệ ấy chính là Căn Bản Trí. Đọc tụng nhằm mục đích tu tâm thanh tịnh, quyết định chẳng để cho vọng niệm nào tồn tại. Nếu quý vị đọc kinh mà dễ dấy lên vọng tưởng, hãy trì chú. Chú chẳng có ý nghĩa[110], quý vị chẳng có cách nào dấy vọng tưởng. Đọc kinh mà

[110] Nói *"chú chẳng có ý nghĩa"* thì cũng giống như Hòa Thượng Tịnh Không thường nói *"kinh Phật chẳng có ý nghĩa"*. Do kinh chú có vô lượng nghĩa, chẳng thể nào nói trọn, hễ nói lên một nghĩa nào đều là nói phương tiện nhằm thích ứng với một hạng căn cơ nào đó. Thật ra, có thể nói: Chú là kết tinh của tất cả chân lý ẩn tàng trong kinh Phật. Cũng vì vậy, chư tổ sư thường nói chú có ý nghĩa bí mật, nên chẳng phiên dịch. Gọi là "bí mật" vì chẳng phải là cảnh giới phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo

nếu chẳng có vọng tưởng để đọc, chẳng khởi tâm, không động niệm, người ấy đã tu Định. Ta niệm một tiếng đồng hồ thì trong một tiếng đồng hồ, ta chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm đã định trong một tiếng đồng hồ. Niệm hai tiếng đồng hồ, tâm định trong hai tiếng đồng hồ. Tu Định, tu tâm thanh tịnh, mục đích của việc đọc kinh là ở chỗ này! Tu tâm thanh tịnh sẽ là công đức. Vừa đọc kinh, vừa suy nghĩ ý nghĩa trong ấy, chẳng có công đức chi hết! Dẫu niệm nhuần nhuyễn cách mấy, niệm đến mức thuộc nằm lòng, cũng đều vô dụng, vẫn thuộc về pháp thế gian, chẳng phải là Phật pháp. Quý vị đạt được lợi ích là ký tụng (記誦: tụng đọc thuộc làu làu), chẳng dính dáng gì với Tánh Đức! Nếu dùng phương pháp này của Phật pháp để đọc tụng, sẽ là Tu Đức thật sự, tương ứng với Tánh Đức. Đấy là công đức chân thật, chúng ta phải biết điều này.

Nghiên cứu, thảo luận thuộc về Hậu Đắc Trí. Do vậy, lúc mới học, lấy đọc tụng làm chánh yếu, nghiên cứu và thảo luận là phụ trợ. Nếu chẳng nghiên cứu, thảo luận, ví như quý vị khai trí huệ phải tốn mười năm, tức là do mười năm công phu, quý vị mới có thể từ Định mà khai Huệ. Nếu lại thêm vào nghiên cứu, thảo luận, quý vị có thể tiến nhanh hơn, năm năm bèn khai trí huệ, có sự thuận lợi này, có lợi ích như vậy. Nay chúng ta đang trong quá trình học tập, vận dụng hai phương pháp để tiến đồng thời. Cùng tiến đồng thời, chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ: Tu tâm thanh tịnh là chủ yếu, nghiên cứu và thảo luận nhằm phụ trợ, như vậy thì chúng ta mới có thể đạt được công đức và lợi ích chân thật.

(Diễn) Dĩ thử giải hạnh giáo kỳ hành giả, danh vi khuyến tấn.

(演)以此解行教其行者，名為勸進。

*(**Diễn**: Dùng sự giải hạnh ấy để dạy hành giả thì gọi là "khuyến tấn").*

Đem phương pháp tu hành của chính mình, đem tâm đắc trong sự tu hành của chính mình dạy cho người khác, khuyên lơn, khích lệ người

---

Bồ Tát chẳng thể thấu hiểu được, nên gọi là "bí mật". Vì lẽ này, Hòa Thượng Tịnh Không thường nói: *"Mật Giáo chẳng phải là pháp tu tập của hàng sơ cơ, tiểu căn, Nhị Thừa"*. Do vậy, để giải thích một chữ Hồng (Hūṃ), pháp sư Không Hải đã viết một tác phẩm dầy, nhưng cũng chỉ là "giới thiệu một giọt nước trong biển cả". Hoặc như lạt-ma Govinda có nói: Để giải thích ý nghĩa được bao hàm trong một chữ Aum thì dù có hằng sa kiếp cũng chẳng thể giải thích trọn vẹn.

khác thì gọi là *"khuyến tấn hành giả"*.

(Diễn) Thử Đại Thừa bất cộng hạnh nghiệp dã.

(演)此大乘不共行業也。

*(**Diễn**: Đây là hạnh nghiệp Đại Thừa chẳng cùng chung [với Nhị Thừa hoặc phàm phu]).*

Phước cuối cùng này thuần túy là phước mà Đại Thừa Bồ Tát mới có, phàm phu và Nhị Thừa đều chẳng có. Câu đầu tiên là *"phát Bồ Đề tâm"*, hôm nay chúng ta xem từ phần này. *"Tín nhân quả, độc Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"* (Tin nhân quả, đọc kinh Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành nhân), chúng ta cũng có [điều này, nhưng] thật ra, chúng ta chỉ là tương tự, chẳng phải là thật sự! Vì sao? Chẳng có Bồ Đề tâm. Nhất định là phải có Bồ Đề tâm, bốn câu này chính là Bồ Tát tâm. Chẳng có bốn câu này, ba câu kế đó vẫn là phàm phu tâm. Do vậy có thể biết, xác thực là Đại Thừa Phật pháp được kiến lập trên cơ sở Bồ Đề tâm. Dưới đây là một đoạn vấn nạn.

(Sao) Nạn vị "vân hà phát Bồ Đề tâm, nhi dữ thượng chi nhị giả đồng danh viết phước?"

(鈔)難謂云何發菩提心，而與上之二者同名曰福。

*(**Sao**: Vặn rằng: Vì sao phát Bồ Đề tâm lại cùng với hai điều trước đều gọi là phước?)*

"Nạn" (難) là có người cố ý đến gây khó dễ. *"Phát Bồ Đề tâm"* thì phát tâm là chuyện thuộc về Lý, có thể nào lại xếp chung với hai điều trước để luận định ư? Những điều trước là "kính trọng người trên lẫn kẻ dưới", thuộc về Sự. Tam Quy, trọng giới cũng đều thuộc về Sự, Sự là phước. Lẽ nào phát tâm là phước? Nêu ra một câu hỏi như thế để cật vấn. Tuy trong kinh nói giả thiết, nhưng trên thực tế, chắc là sẽ có [kẻ bắt bẻ như vậy]. Dưới đây là lời giải thích của Liên Trì đại sư:

(Sao) Kim minh phước hữu Sự Lý.

(鈔)今明福有事理。

*(**Sao**: Nay nói rõ phước có Sự và Lý).*

Phước có Sự và Lý.

(Sao) Thử Bồ Đề tâm, thị Bát Nhã trung "như hư không bất khả tư lượng chi phước", phi Đạt Ma sở xích nhân thiên hữu lậu chi phước dã. Cố tiền nhị phước do cộng phàm tiểu, thử độc thiện Đại Thừa nhĩ.

(鈔)此菩提心，是般若中如虛空不可思量之福，非達摩所斥人天有漏之福也。故前二福猶共凡小，此獨擅大乘耳。

*(**Sao**: Tâm Bồ Đề này là phước giống như kinh Bát Nhã đã nói "như hư không chẳng thể suy lường", chẳng phải là phước nhân thiên hữu lậu bị tổ Đạt Ma quở trách. Do vậy, đối với hai thứ phước trước, phàm phu và Tiểu Thừa còn có phần, chỉ riêng phước này dành riêng cho hàng Đại Thừa).*

Chúng ta hãy xem sách Diễn Nghĩa chú giải:

(Diễn) Vân hà phát Bồ Đề tâm nhi dữ thượng nhị đồng vi phước giả, vị phát Bồ Đề tâm ký thị thiện căn, tắc Quán Kinh tiền nhị ưng danh vi phước, đệ tam phát tâm hà diệc danh phước da?

(演)云何發菩提心而與上二同為福者，謂發菩提心既是善根，則觀經前二應名為福，第三發心何亦名福耶。

*(**Diễn**: "Vì sao coi phát Bồ Đề tâm cũng là phước giống như hai điều trước", ý nói: Phát Bồ Đề tâm đã là thiện căn, vậy thì hai điều trước trong Quán Kinh phải nên gọi là phước, vì sao điều thứ ba là phát [Bồ Đề] tâm cũng gọi là phước vậy?)*

Người ấy nêu ra nghi vấn cụ thể và rõ ràng: Phát Bồ Đề tâm là thiện căn, chẳng phải là phước. Dưới đây là lời đáp, đáp rất hay!

(Diễn) "Kim minh phước hữu Sự Lý" hạ, dĩ phước hữu nhân, thiên, tiểu quả, hữu lậu, hữu vi chi Sự phước.

(演)今明福有事理下，以福有人天小果有漏有為之事福。

*(**Diễn**: Từ câu "nay nói rõ phước có Sự và Lý" trở đi, do phước xét theo mặt Sự thì có nhân, thiên, tiểu quả, hữu lậu, hữu vi...).*

Lũ bình phàm chúng ta hễ nói đến phước đều hiểu là những thứ

này, hãy còn có đại phước sâu rộng hơn mà chúng ta không biết.

(Diễn) Hữu xứng tánh vô lậu vô vi chi lý phước.

(演)有稱性無漏無為之理福。

*(**Diễn**: Xét theo Lý thì có loại phước xứng tánh, vô lậu, vô vi).*

Phàm phu chúng ta chẳng biết điều này.

(Diễn) Kim Bồ Đề tâm, chánh thị Bát Nhã kinh trung, bất trụ tướng, như hư không bất khả tư nghị chi phước, phi hữu vi sự tướng chi phước, cố vô ngại dã.

(演)今菩提心，正是般若經中，不住相，如虛空不可思議之福，非有為事相之福，故無礙也。

*(**Diễn**: Nay tâm Bồ Đề đúng như kinh Bát Nhã nói, nó là phước chẳng trụ nơi tướng, như hư không chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là phước thuộc sự tướng hữu vi, cho nên vô ngại).*

Lời giải đáp này rất viên mãn. Bồ Đề tâm là chân tâm, Bồ Đề tâm là bản tánh. Lục Tổ đại sư khai ngộ, đã nêu bày cảnh giới Ngài khế nhập như sau: *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh"*. Sau khi đã tiến nhập, Ngài mới phát hiện! *"Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ"*, *"trọn đủ"* chính là phước. Hết thảy các thiện căn chẳng có gì không đầy đủ, thuộc về Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức. *"Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp"*, chẳng có phước thì làm sao có thể sanh ra vạn pháp? Nói theo vạn pháp thì là Sự và Lý, tất cả hết thảy sự tướng thảy đều do tự tánh biến hiện. Ngay cả y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng và thế giới Tây Phương thảy đều sanh từ tự tánh, lẽ nào chẳng phải là phước? Đấy là phước báo xứng tánh. Do vậy, trong hết thảy các kinh Đại Thừa, đức Phật khuyên chúng ta hãy phát Bồ Đề tâm. Chúng ta chẳng có thiện căn, mà cũng chẳng có phước đức. Hễ phát Bồ Đề tâm, thiện căn và phước đức đều trọn đủ viên mãn. Cho dù mười phương hết thảy chư Phật tán thán, đều chẳng thể tán thán trọn hết được! Do nó thảy đều trọn đủ, lẽ nào chẳng phải là phước? Công đức phát tâm chẳng thể nghĩ bàn, phẩm Sơ Phát Tâm của kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay. Phước này hàng Đại Thừa Bồ Tát đều có, Nhị Thừa và phàm phu đều chẳng có phần.

(Sao) Nhiên kim sớ bất dĩ phối phước, nhi thuộc chi thiện căn giả hà?

(鈔)然今疏不以配福，而屬之善根者何。

*(**Sao**: Nhưng bộ sớ này lại chẳng coi [Bồ Đề tâm] là phước, mà xếp nó vào thiện căn là vì lẽ gì?)*

"Kim sớ" (今疏) là nói đến bộ Sớ Sao này. Trong Sớ Sao, Bồ Đề tâm được xếp vào thiện căn, chẳng xếp vào phước, là do duyên cớ nào?

(Sao) Lương dĩ thiện chi dữ phước, Biệt chi tắc nhị, Tổng chi tắc nhất.

(鈔)良以善之與福，別之則二，總之則一。

*(**Sao**: Ấy là vì thiện và phước, xét theo Biệt thì là hai, xét theo Tổng bèn là một).*

Thiện căn và phước đức, có lúc có mối quan hệ liên đới mật thiết. Tục ngữ Trung Hoa thường nói: *"Phước chí tâm linh"*, tức là kẻ ấy bình thường rất đần, khi phước báo đưa đến, bỗng nhiên thông minh. Điều này nói rõ mối quan hệ liên đới giữa thiện căn và phước đức. Người thật sự có phước, nhất định là có thiện căn, nhất định là có trí huệ. Nếu có phước, chẳng có trí huệ, chẳng có thiện căn, kinh Phật gọi điều phước ấy là "si phước", ngu si đó mà! Si phước chẳng đáng coi là quý! Tuy có phước báo, kết quả là suốt một đời vẫn phải chịu khổ, chịu nạn, rất nhiều! Thế gian này rất nhiều kẻ có tiền, là đại xí nghiệp gia, khổ sở khôn cùng! Cuộc sống cũng rất tiết kiệm, bớt ăn, bớt mặc, tiền của rất nhiều, đều để cho kẻ khác hưởng phước, suốt đời vất vả kinh doanh cho người khác hưởng phước. Có phải là kẻ ấy thật sự tạo phước cho quý vị hưởng hay không? Chẳng phải vậy! Người ấy chẳng có cái tâm đó, mà cũng chẳng có ý nghĩ đó, nhưng sống hồ đồ mơ màng cả đời. Đó là si phước. Người như vậy rất nhiều, ở Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều có thể thấy.

Người thật sự có trí huệ, có thiện căn, hễ có phước báo, nhất định sẽ để cho chúng sanh hưởng phước. Người ấy có thiện tâm như vậy, thật sự vì xã hội, vì đại chúng tạo phước, khiến cho mọi người hưởng phước, phước báo càng to hơn nữa. Suốt đời, Ấn Quang đại sư bội phục Khổng lão phu tử nhất. Khổng lão phu tử khởi tâm động niệm đều nghĩ vì quốc gia, vì thiên hạ, vì hết thảy chúng sanh, chẳng nghĩ tới chính mình. Suốt đời Ngài tu tập, tích lũy, phước báo ấy to lớn, mãi cho đến nay, con cháu

Ngài luôn được người đời tôn trọng.

Người thứ hai được tổ Ấn Quang bội phục là Phạm Trọng Yêm. Phạm Trọng Yêm suốt đời sống rất kham khổ, xuất tướng, nhập tướng[111]. Ông ta là một vị Tể Tướng nổi danh đời Tống, là một nhà quân sự kiêm chánh trị gia lỗi lạc. Suốt đời, ông Phạm dùng toàn bộ thu nhập của chính mình để làm sự nghiệp công ích cho xã hội. Làm đến Tể Tướng, mà khi chết, không mua nổi quan tài, vì tiền tài đã đem bố thí hết cả rồi! Do vậy, nhà họ Phạm mãi cho đến nay gia đạo chẳng suy, con cháu đều tốt đẹp. Trong Văn Sao, tổ Ấn Quang nói gia tộc ông ta suốt tám trăm năm chẳng suy vi, do tổ tông tích đức sâu dầy! Trong lịch sử Trung Hoa, rất ít thấy [trường hợp tương tự], gia tộc bình thường có thể duy trì ba đời cũng chẳng nhiều! Còn hai gia tộc ấy (gia tộc Khổng Tử và gia tộc Phạm Trọng Yêm) mấy chục đời đều chẳng suy. Điều này đáng cho chúng ta phản tỉnh, đáng cho chúng ta noi theo.

(Sao) Biệt nhi ngôn chi, tắc Bồ Đề tâm thiên thuộc thiện căn. Tổng nhi ngôn chi, tắc Bồ Đề tâm diệc khả vân phước. Quán Kinh tổng cử, ngôn phước vô ngại.

(鈔)別而言之，則菩提心偏屬善根；總而言之，則菩提心亦可云福。觀經總舉言福無礙。

*(**Sao**: Nói theo Biệt, Bồ Đề tâm thiên về thiện căn. Nói theo Tổng, cũng có thể nói Bồ Đề tâm là phước. Quán Kinh nói theo Tổng, nên bảo [Bồ Đề tâm] là phước chẳng trở ngại gì).*

Trong kinh này, Liên Trì đại sư chẳng quy Bồ Đề tâm vào phước đức mà xếp Bồ Đề tâm vào thiện căn. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ

---

[111] Xuất tướng, nhập tướng (出將入相): Ra ngoài các tỉnh, làm vị tướng cầm quân, về triều làm Tể Tướng. Từ lúc vừa mới thi đỗ Tiến Sĩ, ông đã được phong làm Tư Lý Tham Quân huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, trải qua nhiều chức quan, do tính cương nghị, nói thẳng, không e ngại, nên từng có lúc bị vu cáo, bị đày đi làm Thông Phán phủ Hà Trung. Khi Lý Nguyên Hạo của Tây Hạ quấy rối biên giới, ông đã được phong làm Kinh Lược An Phủ Sứ Chiêu Thảo Phó Sứ của tỉnh Thiểm Tây, phù tá chủ soái Hạ Tủng bình định loạn Tây Hạ, phòng ngự biên giới phía Tây. Dân chúng ca tụng tài thao lược của ông bằng câu: *"Quân trung hữu nhất Phạm, Tây tặc văn chi kinh phá đảm"* (trong quân có một ông Phạm, giặc Tây nghe tiếng sợ nát gan). Về sau, ông từng làm đến chức Khu Mật Sứ (chức quan coi việc chánh trị cao nhất, chỉ dưới Tể Tướng), rồi kiêm nhiệm Tham Tri Chánh Sự (phó Tể Tướng).

Phật, đức Thế Tôn xếp Bồ Đề tâm vào phước đức, đều đúng, chẳng trở ngại gì!

(Sao) Vấn: Bảo Tích Đại Bổn vân: "Dục kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, ưng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Phục đương chuyên niệm bỉ quốc, tích tập thiện căn". Tắc Bồ Đề, thiện căn, tự vi nhị sự, kim hà trực dĩ thiện căn thuộc Bồ Đề tâm?

(鈔)問：寶積大本云：欲見無量壽佛者，應發無上菩提心，復當專念彼國，積集善根，則菩提善根，似為二事，今何直以善根屬菩提心。

*(**Sao**: Hỏi: Kinh Đại Bổn trong bộ Bảo Tích có nói: "Muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật, hãy nên phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Lại hãy nên chuyên niệm cõi ấy, chứa nhóm, tu tập thiện căn". Như vậy thì Bồ Đề và thiện căn dường như là hai chuyện, sao nay lại thẳng thừng bảo thiện căn thuộc về Bồ Đề tâm?)*

Nói thật ra, bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư có cái hay là vô cùng tường tận, giải trừ rất nhiều nghi hoặc của bọn chúng sanh chúng ta! Đọc kinh quá nhiều, vấn đề cũng lắm. Vì sao? Trong kinh này, đức Phật nói như thế này, kinh kia lại nói theo kiểu như thế nọ, chuyện phiền toái bèn xảy ra. Người hoàn toàn chẳng niệm kinh sẽ chẳng có vấn đề gì, thật thà niệm Phật đâm ra sẽ thành tựu rất nhanh chóng. Vì thế, các vị pháp sư trong Giáo Hạ rất nhiều người chẳng bằng những ông già bà cả thật thà niệm Phật. Khi vãng sanh, họ biết trước lúc mất, đứng mất, ngồi mất rất nhiều. Tình hình [lúc mất của] những vị pháp sư trong Giáo Hạ chẳng bằng họ là do nguyên nhân nào? Xem kinh nhiều quá, nghi vấn cả đống. Nếu chẳng thể đoạn trừ nghi vấn, tín tâm sẽ bị chướng ngại. Nói thật ra, qua tác phẩm Sớ Sao, chủ ý chánh yếu của Liên Trì đại sư là nhằm giúp chúng ta phá mê, dấy lên lòng tin, kiến lập tín tâm. Quý vị đã có tín tâm, tự nhiên sẽ phát nguyện tu hành.

Đây là do đọc hội Vô Lượng Thọ trong kinh Bảo Tích, thấy có nói một câu như thế này: *"Dục kiến Vô Lượng Thọ Phật giả"* (Muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật), quý vị mong thấy Vô Lượng Thọ Phật, phải hội đủ những điều kiện nào? *"Ưng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm"* (Hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề), đây là điều kiện thứ nhất. *"Phục đương chuyên niệm bỉ quốc"* (Lại hãy nên chuyên niệm cõi ấy), đấy là nhớ Phật, niệm Phật. Đó là điều kiện thứ hai. *"Tích tập thiện căn"* là điều kiện thứ ba,

phải đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Trọn đủ ba điều kiện ấy thì mới có thể thấy Vô Lượng Thọ Phật, nói cách khác là mới có thể vãng sanh thế giới Tây Phương. Chiếu theo cách nói này, *"tắc Bồ Đề thiện căn"* (thì Bồ Đề và thiện căn) dường như là hai chuyện. Trong ba điều kiện trên đây, điều kiện thứ nhất là Bồ Đề tâm, điều kiện thứ ba là thiện căn, dường như là hai chuyện, chẳng giống như là một chuyện. Cớ sao Liên Trì đại sư xếp Bồ Đề tâm vào thiện căn, chẳng phải là biến chúng thành một chuyện ư?

(Sao) Đáp: Bỉ đản ngôn thiện căn, thử nãi vân đa thiện căn, "đa" chi nhất tự, phi Bồ Đề tâm, hà dĩ đương thử?

(鈔)答：彼但言善根，此乃云多善根，多之一字，非菩提心，何以當此。

*(**Sao**: Đáp: Kinh ấy chỉ nói "thiện căn", kinh này bèn nói là "nhiều thiện căn", một chữ "nhiều" ấy, nếu chẳng phải là Bồ Đề tâm thì dùng gì để tương ứng với nó được?)*

Liên Trì đại sư rất cao minh. Trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói *"thiện căn"*, kinh Di Đà nói *"nhiều thiện căn"*. *"Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc"*, chính là nhiều thiện căn, then chốt ở ngay một chữ Nhiều! Trong kinh chẳng có chữ ấy. Kinh chỉ nói: *"Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc"*, chẳng thể ít, đương nhiên là nhiều! Đã là nhiều, mà nếu chẳng gieo thiện căn từ Bồ Đề tâm, làm sao có thể coi là nhiều cho được? Đáp rất hay khéo, rất khá! Tiếp đó, lại có một câu hỏi khác.

(Sớ) Vấn: Tức trì danh vi đa thiện căn, phước đức, thử kinh chi ngoại, biệt hữu chứng cứ phủ?

(疏)問：即持名為多善根福德，此經之外，別有證據否。

*(**Sớ**: Hỏi: Nếu trì danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, ngoài kinh này ra, có chứng cứ nào khác hay không?)*

Điều này do Liên Trì đại sư đề xướng, cổ nhân có tranh luận, nên lão nhân gia đã dung hợp trọn hết các ý nghĩa của cổ đại đức, coi trì danh là thiện căn, lại coi trì danh là phước đức. [Do đó], trì danh là nhiều

thiện căn, nhiều phước đức. Người chất vấn bèn nói: "Ngoài kinh này ra, còn có chứng cứ nào khác hay không?"

(Sớ) Đáp: Lịch lịch khả chứng, như Đại Bi, Đại Phẩm đẳng thuyết.

(疏)答：歷歷可證，如大悲大品等說。

*(**Sớ**: Đáp: Rành rành có thể chứng minh, như các kinh Đại Bi, Đại Phẩm v.v… đã nói).*

Liên Trì đại sư xác thực là uyên bác các pháp thế gian và xuất thế gian, có thể nêu ra chứng cứ.

(Sao) Chứng thiện căn giả.

(鈔) 證善根者。

*(**Sao**: "Để chứng minh [trì danh là] thiện căn").*

Trước hết, nêu ra chứng cứ nhằm chứng minh thiện căn.

(Sao) Đại Bi kinh vân: "Nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới, bất khả cùng tận".

(鈔)大悲經云：一稱佛名，以是善根，入涅槃界，不可窮盡。

*(**Sao**: Kinh Đại Bi[112] nói: "Dùng xưng danh hiệu Phật như là thiện căn để nhập Niết Bàn giới, chẳng thể cùng tận").*

Kinh văn đã nói rất rõ ràng, minh bạch, *"xưng danh"* là thiện căn.

---

[112] Kinh này do pháp sư Na Liên Đề Lê Da Xá và Pháp Trí cùng dịch vào năm Thiên Bảo thứ chín (570) đời Bắc Tề gồm mười ba phẩm. Kinh được giảng khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn. Đức Phật nằm bên hông hữu, phóng quang chiếu khắp đại thiên, Đại Phạm Vương đến thỉnh pháp, được đức Phật phó chúc hộ trì đại thiên thế giới. Ma tử Thương Chủ thỉnh Phật trụ thế, đức Phật thọ ký ông ta sẽ thành Bích Chi Phật. Đức Phật lần lượt dạy pháp cho nhiều người, phó chúc Ca Diếp hoằng truyền chánh pháp, thọ ký những vị thượng thủ sẽ hoằng dương Phật pháp sau khi đức Phật nhập diệt như tỳ-kheo Tỷ Đề Xa, tỳ-kheo Đề Tri Ca, Ưu Ba Cúc Đa, A Thâu Sa Cúc Đa, Úc Đa Già v.v… Đồng thời, đức Phật dạy về công đức cúng dường xá-lợi và công đức Niệm Phật…

(Sao) Hựu vân.

(鈔)又云。

*(**Sao**: Lại nói).*

Vẫn là điều được nói trong kinh Đại Bi.

(Sao) Ngã diệt độ hậu, Bắc Thiên Trúc quốc, hữu tỳ-kheo danh Kỳ Bà Già, tu tập vô lượng tối thắng thiện căn, dĩ nhi mạng chung, sanh ư Tây Phương quá bách thiên ức thế giới, Vô Lượng Thọ Phật quốc, dĩ hậu thành Phật, hiệu Vô Cấu Quang Như Lai.

(鈔)我滅度後，北天竺國，有比丘名祈婆伽，修習無量最勝善根，已而命終，生於西方過百千億世界，無量壽佛國，以後成佛，號無垢光如來。

*(**Sao**: Sau khi ta diệt độ, tại nước Bắc Thiên Trúc, có tỳ-kheo tên là Kỳ Bà Già tu tập vô lượng thiện căn thù thắng nhất, khi đã mạng chung, bèn sanh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ ở Tây Phương cách đây trăm ngàn ức thế giới. Về sau, sẽ thành Phật, hiệu là Vô Cấu Quang Như Lai).*

Trong đoạn kinh văn này, đức Phật thọ ký cho ngài Kỳ Bà Già, nói minh bạch: Tu thiện căn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là một chứng cớ rất thuyết phục được nêu ra trong kinh Đại Bi. Ngoài kinh Đại Bi ra…

(Sao) Hựu Đại Trang Nghiêm Kinh Luận.

(鈔)又大莊嚴經論。

*(**Sao**: Lại theo Đại Trang Nghiêm Kinh Luận[113]).*

Đây là chú giải của kinh Đại Trang Nghiêm.

(Sao) Phật thế nhất lão nhân lai cầu xuất gia, Xá Lợi Phất đẳng chư đại đệ tử câu bất khẳng độ, dĩ quán bỉ đa kiếp vô thiện căn cố.

---

[113] Đại Trang Nghiêm Kinh Luận còn gọi tắt là Đại Trang Nghiêm Luận hay Trang Nghiêm Luận là một bộ luận do Mã Minh Bồ Tát viết, được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán văn, gồm mười lăm quyển. Luận gồm chín mươi chương, có chép nhiều sự kiện liên quan đến cuộc đời đức Phật.

(鈔)佛世一老人來求出家，舍利弗等諸大弟子俱不肯度，以觀彼多劫無善根故。

*(**Sao**: Thời đức Phật tại thế, có một cụ già đến xin xuất gia, các vị đại đệ tử như Xá Lợi Phất v.v... đều không chịu thế độ, vì xét thấy ông cụ trong nhiều kiếp chẳng có thiện căn).*

Năng lực thần thông của A La Hán chỉ có thể quan sát năm trăm đời. Hơn năm trăm đời, các Ngài chẳng có năng lực thông đạt. Năng lực thần thông của các Ngài chỉ to ngần ấy. Các Ngài thấy cụ già ấy trong suốt năm trăm đời chẳng gieo thiện căn, làm sao có thể xuất gia cho được? Chư vị phải hiểu: Thời đức Phật, người xuất gia đích xác là đều có thiện căn. Vì vậy, sau khi xuất gia, không một ai chẳng chứng quả, mức độ thấp nhất là chứng quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa. So trong ba thứ Bất Thoái, quả Tu Đà Hoàn là Vị Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng bị thoái đọa vào tam đồ, [sau khi] qua lại cõi trời và nhân gian bảy lần, bèn chứng A La Hán. Nếu chẳng có Phật xuất hiện trong thế gian này, người ấy bèn thành Bích Chi Phật, quyết định thành tựu! Sau khi đức Phật đã diệt độ, bèn có người xuất gia mà chẳng có thiện căn, hiện thời mọi nơi đều là [những kẻ như vậy]! Chúng ta tu cả đời, cũng chẳng chứng được quả Tu Đà Hoàn. Nói thật thà, tu hành suốt đời, một phẩm phiền não cũng chẳng đoạn nổi! Tu hành sao cho cả đời phiền não không tăng trưởng là đã ghê gớm lắm rồi, đã được coi là rất có thành tựu! Đoạn phiền não há phải là chuyện dễ! Do vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, nếu chẳng tu pháp môn Niệm Phật, chẳng cầu đới nghiệp vãng sanh, quyết định là chẳng thể thành tựu, ắt phải biết điều này! Chúng ta xem đoạn văn này, [thấy rõ] năng lực của A La Hán nhỏ bé, chẳng thể thấy cụ già ấy trong đời quá khứ đã tu thiện căn, [thật sự] có thiện căn.

(Sao) Phật tự độ chi, tức chứng đạo quả.

(鈔)佛自度之，即證道果。

*(**Sao**: Đức Phật liền tự độ cụ già ấy, cụ liền chứng đạo quả).*

Đức Phật cho cụ già ấy xuất gia, xuống tóc cho cụ. Sau khi xuống tóc không lâu, cụ bèn chứng quả A La Hán. Các đồng học thấy vậy đều lấy làm lạ: "Người này chẳng có thiện căn, cớ sao cũng có thể chứng quả A La Hán?" Đức Phật liền nói cho đại chúng biết nhân duyên ấy.

(Sao) Nhân cáo đại chúng, thử nhân vô lượng kiếp tiền.

(鈔)因告大眾，此人無量劫前。

*(**Sao**: Nhân đó, [đức Phật] bảo đại chúng: "Người này trong vô lượng kiếp trước").*

Vô lượng kiếp trước! Vô lượng kiếp trước thì đương nhiên là A La Hán đành chịu thua, năng lực của A La Hán rất hữu hạn.

(Sao) Vi thải tân nhân, mãnh hổ bức cực, đại bố thượng thụ.

(鈔)為採薪人，猛虎逼極，大怖上樹。

*(**Sao**: "Làm người đẵn củi, do bị hổ dữ bức bách quá đỗi, hết sức kinh hoảng trèo lên cây").*

[Thuở ấy], cụ là một tiều phu, lên núi đẵn củi gặp phải cọp. Cọp sắp ăn cụ, cụ hoảng hốt, trèo lên đầu ngọn cây, kêu một tiếng "Nam-mô Phật". Do câu "Nam-mô Phật" ấy mà gieo thiện căn. Câu chuyện này xuất phát từ kinh Pháp Hoa, Đại Trang Nghiêm Luận dẫn câu chuyện này từ kinh Pháp Hoa.

(Sớ) Xưng nam-mô Phật, dĩ thị thiện căn, ngộ ngã đắc độ.

(鈔)稱南無佛，以是善根，遇我得度。

*(**Sớ**: Xưng "Nam-mô Phật", do thiện căn ấy, gặp ta, đắc độ).*

Vô lượng kiếp trước, bị cọp dọa nạt, hét một tiếng "Nam-mô Phật"; vô lượng kiếp sau, gặp gỡ Thích Ca Mâu Ni Phật, do một tí thiện căn ấy mà đắc độ. Do vậy, đối với các chúng sanh trong hiện tại, quý vị khuyên họ niệm "Nam-mô A Di Đà Phật" một tiếng, tức là đã gieo chủng tử. Cũng có lẽ trong vô lượng kiếp sau, khi gặp được vị Phật nào đó, họ sẽ đắc độ. Chúng ta có thể làm được chuyện này. Vì vậy, [để độ chúng sanh], phải dùng các thứ phương tiện thiện xảo. Chẳng hạn như người học Phật trên tay thường cầm chuỗi tràng hạt, người ta trông thấy, bèn "A Di Đà Phật". Quý vị chẳng khuyên kẻ ấy, chính kẻ ấy tự kêu, tự niệm một tiếng "A Di Đà Phật", công đức vô lượng, trong tương lai người ấy nhất định đắc độ, chúng ta biết chắc như vậy. Do đó, cửa nhà chúng ta dán một câu "Nam-mô A Di Đà Phật", người ta vừa thấy [bèn nhẩm thầm] A Di Đà Phật, thế là được rồi. Chúng tôi in những tấm băng dính có danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc in hình A Di Đà Phật, các đồng tu

có thể thỉnh về nhà. Tết đến, đối với liễn dán cửa (câu đối Tết) bèn dán "Nam-mô A Di Đà Phật", cát tường nhất, chẳng có gì tốt lành hơn được! Nếu chư vị chê nhỏ thì in dài hơn, in to như [khuôn khổ các] câu liễn dán cửa. Hai bên [cửa] đều dán Nam-mô A Di Đà Phật. Tôi ở Mỹ, căn nhà ấy chỗ nào cũng đều dán, có rất nhiều đồng học trông thấy, bất luận quý vị bước vào phòng nào cũng đều thấy A Di Đà Phật. Đó là chính mình tự gieo thiện căn, cũng giúp cho người khác gieo thiện căn, thời thời khắc khắc, khắp nơi khắp chốn nhắc nhở chính mình, [khiến cho] câu Phật hiệu chẳng bị gián đoạn. Vì thế, khắp nơi đều dán, khiến cho Phật hiệu của chúng ta chẳng bị gián đoạn.

(Sao) Hoa Nghiêm Đệ Thập Hồi Hướng vân: "Nguyện ức niệm vô lượng vô biên thế giới, khứ lai hiện tại nhất thiết chư Phật".

(鈔)華嚴第十回向云：願憶念無量無邊世界，去來現在一切諸佛。

*(**Sao**: Phần giảng về Đệ Thập Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm có nói: "Nguyện ức niệm vô lượng vô biên thế giới, quá khứ, vị lai, hiện tại hết thảy chư Phật").*

"Khứ" (去) là quá khứ, *"lai"* (來) là vị lai, *"khứ lai hiện tại"* là ba đời, mười phương ba đời hết thảy chư Phật.

(Sao) Nhi thứ vân: "Dĩ thử niệm Phật thiện căn".

(鈔)而次云：以此念佛善根。

*(**Sao**: Kế đó, bèn nói: "Do thiện căn niệm Phật này").*

Niệm Phật là thiện căn, lại tìm ra một chứng cứ.

(Sao) Phàm thử, giai trì danh vi đa thiện căn chi minh chứng dã.

(鈔) 凡此，皆持名為多善根之明證也。

*(**Sao**: Phàm những câu như vậy đều là chứng cớ rành rành [chứng tỏ] trì danh là nhiều thiện căn vậy).*

Đấy là chứng cứ của "nhiều thiện căn". Dưới đây là lời giải thích của sách Diễn Nghĩa đối với hai câu trong lời Sao. Câu đầu tiên [được giảng như sau]:

(Diễn) "Dĩ thị thiện căn nhập Niết Bàn giới, bất khả cùng tận giả": Dĩ xưng danh thiện căn, bất dữ nhất thiết hữu vi tương ứng, nãi tăng trưởng vô vi, tùy thuận vô vi chi thiện căn dã. Cố nhập Niết Bàn bất khả cùng tận. Thí như hữu nhân thực thiểu kim cang, chung cánh bất tiêu, yếu đương xuyên cốt nhi xuất. Xưng danh công đức trực chí Niết Bàn, diệc phục như thị.

(演)以是善根入涅槃界，不可窮盡者，以稱名善根，不與一切有為相應，乃增長無為，隨順無為之善根也，故入涅槃不可窮盡。譬如有人食少金剛，終竟不消，要當穿骨而出，稱名功德直至涅槃，亦復如是。

*(**Diễn**: "Dùng thiện căn này để nhập Niết Bàn giới chẳng thể cùng tận": Do thiện căn xưng danh chẳng tương ứng với hết thảy hữu vi, nên tăng trưởng vô vi, tùy thuận thiện căn vô vi. Vì thế, nhập Niết Bàn chẳng thể cùng tận. Ví như có người ăn một chút kim cang, rốt cuộc chẳng thể tiêu được, chất kim cang sẽ xuyên qua xương mà lọt ra, công đức xưng danh đạt thẳng đến Niết Bàn, cũng giống như thế đó).*

Giải thích và tỷ dụ đều rất hay. Chúng ta thường nói: "Tạo hết thảy thiện nghiệp, quả báo ở trong ba thiện đạo; tạo hết thảy ác nghiệp, quả báo ở trong ba ác đạo". Niệm một câu A Di Đà Phật, rốt cuộc sẽ vào đường nào? Trong ba thiện đạo và ba ác đạo thảy đều chẳng có [A Di Đà Phật]. Do vì quý vị xưng niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát chẳng tương ứng với hết thảy các pháp hữu vi trong tam giới lục đạo, nên bất đắc dĩ gọi là "Tịnh nghiệp". Mục tiêu chung cực viên mãn của Tịnh nghiệp là Đại Niết Bàn nơi quả địa Như Lai, nó tương ứng với điều này. Đúng là *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. Đối với *"thâm tín nhân quả"* được nói trong Tam Phước, thông thường tôi không giảng theo cách này, mà trực tiếp nói *"niệm Phật là nhân, thành Phật là quả"*. Nhân quả ấy rất sâu, [ngay cả những vị] Bồ Tát bình phàm cũng đều không biết. [Nếu] đã biết thì không có vị nào chẳng niệm Phật, niệm Phật thành Phật mà! Cùng một đạo lý giống như vậy, quý vị niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm thiên sẽ sanh lên trời, niệm gì thành nấy, niệm lực to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Người thế gian rất đáng thương, họ niệm ba ác đạo. Vì sao niệm ba ác đạo? Nghiệp nhân của ba ác đạo là Tam Độc. Trong tâm quý vị thường nghĩ tới tham sẽ là ngạ quỷ đạo. Hằng ngày nghĩ tới nóng giận sẽ là địa ngục đạo. Niệm nào cũng đều ngu si, chính là súc sanh đạo. Ngu si

là tà, chánh, thiện, ác, chân, giả đều chẳng hiểu rõ ràng, đó là ngu si. Sống suốt cả đời hồ đồ, mơ màng; đó là súc sanh đạo. Do vậy, kẻ niệm ba ác đạo đông lắm, kẻ niệm tham, sân, si nhiều lắm. Câu thứ hai:

(Diễn) Tu tập vô lượng tối thắng thiện căn giả, "vô lượng" ngôn kỳ quảng đại, "tối thắng" ngôn kỳ vi diệu. Dĩ xứng tánh chi tu, nhất tu, nhất thiết tu, quảng vô nhai bạn, diệu bất khả trắc cố. Nguyện ức niệm vô lượng vô biên thế giới, thị hoành biến nhất thiết xứ; khứ lai hiện tại nhất thiết chư Phật, thị thụ biến nhất thiết thời. Sở vị "nhất niệm, nhất thiết niệm; nhất thiết niệm, nhất niệm" dã.

(演)修習無量最勝善根者，無量言其廣大，最勝言其微妙。以稱性之修，一修一切修，廣無涯畔，妙不可測故。願憶念無量無邊世界，是橫遍一切處，去來現在一切諸佛，是豎遍一切時，所謂一念一切念，一切念一念也。

*(**Diễn**: "Tu tập thiện căn vô lượng tối thắng": Nói "vô lượng" nghĩa là rộng lớn. "Tối thắng" là vi diệu. Do tu xứng tánh, nên một tu, hết thảy tu, rộng rãi không ngằn mé, mầu nhiệm chẳng thể lường. "Nguyện ức niệm vô lượng vô biên thế giới" tức là theo chiều ngang trọn khắp hết thảy các chốn. "Quá khứ, vị lai, hiện tại hết thảy chư Phật" là theo chiều dọc trọn khắp hết thảy các thời. Đó gọi là "một niệm, hết thảy niệm; hết thảy niệm là một niệm").*

Nói thông thường, đây chính là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh"*; vì thế, thiện căn và phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Các đồng tu chúng ta niệm Phật, đặc biệt là Trì Danh Niệm Phật, nếu quý vị thật sự là *"nhất tâm xưng danh"*, thiện căn do quý vị tu tập, tích lũy sẽ giống như kinh đã nói. Trên đây là trích dẫn kinh luận hòng nêu rõ trì danh niệm Phật là thiện căn, chẳng sai! Cớ sao lại nói trì danh niệm Phật là phước đức? Đoạn dưới đây nêu ra một chứng cứ.

(Sao) Chứng phước đức giả.

(鈔) 證福德者。

*(**Sao**: Chứng tỏ [trì danh] là phước đức).*

Chứng tỏ trì danh niệm Phật là phước đức.

(Sao) Đại Phẩm Bát Nhã kinh vân: "Nhược nhân tán tâm niệm Phật, diệc đắc ly khổ, kỳ phước bất tận, huống định ý niệm".

(鈔)大品般若經云：若人散心念佛，亦得離苦，其福不盡，況定意念。

*(**Sao**: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã[114] nói: "Nếu ai tán tâm niệm Phật cũng được lìa khổ, phước ấy bất tận, huống hồ là ý an định mà niệm").*

"Tán tâm": Chẳng phải là chuyên tâm, chẳng phải là nhất tâm. Thông thường là tán niệm, [nghĩa là] đôi khi là miệng có, tâm không, xướng lên câu Phật hiệu này thì gọi là tán niệm. Tán niệm cũng có phước.

(Diễn) Tán tâm niệm Phật, thị trước thật ức trì, trước thật thể cứu. Vị nhập nhất tâm giả, phi như kim nhân toàn bất trước ý, đồ sự thần thiệt dã.

(演)散心念佛，是著實憶持，著實體究。未入一心者，非如今人全不著意，徒事唇舌也。

*(**Diễn**: Tán tâm niệm Phật là thật sự nghĩ nhớ, trì niệm, thật sự thấu hiểu, tham cứu; [nói "tán tâm niệm Phật" nghĩa là nói tới] người chưa đắc nhất tâm, chẳng phải như người hiện thời hoàn toàn chẳng dốc ý, chỉ niệm suông bằng miệng lưỡi mà thôi).*

"Tán tâm niệm Phật, diệc đắc ly khổ, kỳ phước bất tận" (Tán tâm niệm Phật cũng được lìa khổ, phước ấy bất tận). *"Tán tâm"* là nói đối ứng với nhất tâm, [tức là] "chưa chứng đắc nhất tâm". Trước khi chứng đắc nhất tâm thì đều gọi là *"tán tâm niệm Phật"*. Kinh Vô Lượng Thọ nói tán tâm niệm Phật là *"một mực chuyên niệm"*. Chưa đắc nhất tâm, tiêu chuẩn sẽ là *"trước thật ức trì"* (thật sự nghĩ nhớ, trì niệm), thật sự

---

[114] Kinh Đại Phẩm Bát Nhã còn gọi là Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát Nhã, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, hoặc Tân Đại Phẩm Kinh, do ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch vào đời Diêu Tần, gồm hai mươi bảy quyển. Các bộ Đại Trí Độ Luận, Đại Phẩm Kinh Nghĩa Sớ (do ngài Cát Tạng biên soạn) và Chú Giải Đại Phẩm Kinh (của Lương Vũ Đế) đều là chú giải của bản kinh này. Các bản dịch khác của kinh này là Quang Tán Bát Nhã Ba La Mật Kinh (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn), Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh (do ngài Vô La Xoa dịch vào đời Tây Tấn). Đại Phẩm Bát Nhã Kinh tương ứng với hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường.

niệm, thật sự *"thể cứu"*. Thể (體) là thấu hiểu, *"cứu"* (究) là tham cứu. Người ấy chẳng phải là nghiên cứu, nghiên cứu là [sử dụng] thức thứ sáu, tức ý thức. Chẳng dùng tâm ý thức thì gọi là tham cứu, cũng là chuyên tâm, nhất tâm nhất ý xưng niệm, nhưng chưa đắc nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, đã có thể chế phục phiền não, [vẫn còn] chưa đoạn phiền não. Đoạn phiền não thì mới gọi là nhất tâm, xác thực là đã khuất phục phiền não. Niệm Phật hay niệm kinh đều phải có công phu này thì mới đạt được phước báo. *"Phi như kim nhân toàn bất trước ý"* (Chẳng phải là như người hiện thời hoàn toàn chẳng dốc ý), nói đến những kẻ "miệng có, tâm không". Chẳng thể nói kẻ "miệng có, tâm không" chẳng có phước báo; họ cũng có phước báo, nhưng chẳng thể vãng sanh trong một đời này! Như trong phần trước đã nói: Tiều phu do bị hổ đuổi gắt gao, bèn hét lên một tiếng Nam-mô Phật, phải chờ tới vô lượng kiếp sau mới có thể đắc độ, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Nếu mong thành tựu trong một đời này, tán tâm niệm Phật vẫn được. Tán tâm niệm Phật là công phu thành phiến, có thể sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, *"tán tâm"* ở đây mang ý nghĩa này. Có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, há có thể bảo là chẳng có phước ư? Chẳng có phước báo, làm sao có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cho được? Đây là nói tới tiêu chuẩn của tán tâm trì danh.

(Diễn) Định ý niệm Phật, thị ký đắc Sự nhất tâm.

(演)定意念佛，是既得事一心。

*(**Diễn**: Ý an định niệm Phật là đã đắc Sự nhất tâm).*

Điều này quả thật chẳng dễ dàng! *"Sự nhất tâm"* là cảnh giới gì? Đã đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng phải là chế phục. Chế phục là công phu thành phiến. Đã đoạn Kiến Tư phiền não bèn bằng với A La Hán trong Tiểu Thừa, công phu như vậy đó.

(Diễn) Nhi phục ư định tâm trung, niệm niệm ức trì, tâm tâm nghiên cứu giả. Nhược thị Lý nhất tâm, tắc thị ly niệm cảnh giới. Ký dĩ vô ý, kiêm diệc bất chỉ thị định dã.

(演)而復於定心中，念念憶持，心心研究者。若是理一心，則是離念境界，既已無意，兼亦不止是定也。

*(**Diễn**: Lại còn trong cái tâm đã định mà niệm niệm nghĩ nhớ,*

vâng giữ, tâm luôn nghiên cứu. Nếu là Lý nhất tâm thì sẽ là cảnh giới ly niệm. Đã là không có ý thì cũng chẳng phải là chỉ giới hạn trong Định ấy).

Sự nhất tâm bất loạn là đã đoạn Kiến Tư phiền não. Trong Định, một câu Phật hiệu thường chẳng gián đoạn, không xen tạp, như vậy thì sẽ có thể niệm đến Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là phá một phần vô minh, Trần Sa phiền não cũng đoạn, Vô Minh phiền não cũng phá mấy phẩm, vị ấy còn niệm hay không? Vẫn niệm câu A Di Đà Phật, một mực niệm đến cùng. Ngay như khi người ấy đã niệm đến mức thành Phật viên mãn rốt ráo thì còn có niệm hay không? Vẫn niệm! Đấy là *"huống định ý niệm Phật"* (huống hồ là tâm ý an định niệm Phật). Hết thảy chư Phật, chẳng có vị Phật nào không niệm Phật. Vì vậy, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Đã thành Phật mà vẫn niệm Phật, đấy là đại từ, đại bi, nêu gương cho chúng ta nhằm hóa độ chúng sanh. Chúng ta thấy Phật luôn niệm A Di Đà Phật, [sẽ nghĩ] chắc là A Di Đà Phật tốt lắm, chúng ta niệm Ngài sẽ chẳng có vấn đề gì! Chư Phật đều niệm A Di Đà Phật cơ mà! Đương nhiên là chúng ta cũng phải nên niệm A Di Đà Phật. Đấy là phương tiện để đức Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật. Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật, không vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật.

Ở đây, Tổ đã nêu chứng cứ được nói trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã [hòng chứng tỏ] niệm Phật là phước đức. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 216

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi tám:

(Sao) Chứng phước đức giả. Đại Phẩm Bát Nhã kinh vân: "Nhược nhân tán tâm niệm Phật, diệc đắc ly khổ, kỳ phước bất tận, huống định ý niệm".

(鈔)證福德者。大品般若經云：若人散心念佛，亦得離苦，其福不盡，況定意念。

*(**Sao**: "Chứng tỏ [trì danh] là phước đức": Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: "Nếu ai tán tâm niệm Phật cũng được lìa khổ, phước ấy bất*

tận, huống hồ là ý an định mà niệm").

Đại sư lại dẫn kinh luận để chứng minh trì danh niệm Phật là nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Do vậy, tu thiện căn và phước đức thì thật thà niệm Phật sẽ đều trọn đủ. Thông thường, kẻ chẳng thể thâm nhập kinh tạng, nghe những lời này, chưa chắc là đã có thể tin tưởng, cho nên mới phải trích dẫn kinh điển để chứng minh. Đoạn trên nhằm chứng minh [trì danh niệm Phật là] thiện căn, còn đoạn này nhằm chứng minh niệm Phật là tu phước. Trước hết, Tổ trích dẫn một đoạn trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã. Sách Diễn Nghĩa có chú giải:

(Diễn) Tán tâm niệm Phật, thị trước thật ức trì, trước thật thể cứu. Vị nhập nhất tâm giả, phi như kim nhân toàn bất trước ý, đồ sự thần thiệt dã.

(演)散心念佛，是著實憶持，著實體究。未入一心者，非如今人全不著意，徒事唇舌也。

*(**Diễn**: Tán tâm niệm Phật thật sự nghĩ nhớ, trì niệm, thật sự thấu hiểu, tham cứu; [nói tán tâm niệm Phật nghĩa là nói tới] người chưa đắc nhất tâm. Chẳng phải là như người hiện thời hoàn toàn chẳng dốc ý, chỉ niệm suông bằng miệng lưỡi mà thôi).*

Nói rõ *"tán tâm niệm"* là gì? Có thể nói "tán tâm niệm" là khá chuyên tâm, bất quá công phu chưa đạt đủ mức, chẳng có thành tựu. Đương nhiên là chúng ta phiền não tập khí rất nặng, tuyệt đối chẳng phải là trong một khoảng thời gian ngắn ngủi bèn có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, hoặc là niệm đến mức công phu thành phiến, chẳng dễ dàng như vậy! Có những kẻ niệm Phật ba tháng hoặc nửa năm, cảm thấy vẫn chưa thể đắc nhất tâm, bèn bỏ ngay, chẳng niệm nữa! Hoặc nghe nói tông khác [thành tựu] nhanh chóng, liền đi học pháp khác. Học kiểu đó thì học suốt đời chẳng thành công. Nghiêm túc niệm, thật thà niệm, niệm đến nửa năm, quyết định là sẽ có tiến bộ, tiến bộ nhìn từ chỗ nào? Vọng niệm bớt đi; vẫn có vọng niệm, nhưng ít hơn trước kia. Trước kia hồ đồ, mông muội, nay thì chẳng quá mức hồ đồ, đầu óc sáng suốt đôi chút. Sự sáng suốt ấy chính là trí huệ, chính là sanh trí huệ, trí huệ tăng trưởng. Phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng, đó là hiệu quả rất tốt đẹp, là thành tựu do niệm Phật. Niệm tới đôi ba năm, vọng niệm càng ít hơn, công phu đắc lực, bèn có thể cảm nhận, có tín tâm đối với sự vãng sanh,

nắm chắc vãng sanh, có thể niệm đến mức độ ấy. Đó là công phu rất tốt đẹp.

Vì sao niệm Phật chẳng đắc lực? Quý vị chẳng chịu buông phiền não tập khí xuống, niệm Phật như vậy, chẳng dễ gì đắc lực! Nói cách khác, mỗi người phải thật sự giác ngộ, giác ngộ điều gì? Sanh tử là chuyện lớn, luân hồi đáng sợ, là nỗi kinh sợ thật sự. Quý vị phải có cái tâm cảnh giác ấy. Nói cách khác, suốt một đời này, thứ gì ta cũng đều chẳng cầu, ta mong cầu liễu sanh tử, vượt thoát luân hồi. Do phương pháp gì thì mới có thể thực hiện được? Chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, pháp sư Ấn Quang đã tự viết một câu để cảnh tỉnh người niệm Phật, chính Ngài là như vậy: *"Suốt ngày từ sáng đến tối, dán một chữ Tử trên trán"*. Trong phòng của tổ Ấn Quang có một tiểu Phật đường, thờ một bức tượng A Di Đà Phật, sau tượng A Di Đà Phật là một bức bình[115] nhỏ, viết một chữ Tử. Thường có tâm cảnh giác như vậy, công phu tự nhiên đắc lực.

Tán tâm niệm Phật, *"trước thật ức trì"* là nghiêm túc niệm, *"trước thật thể cứu"*, Thể là thấu hiểu, Cứu là tham cứu, thật sự thấu hiểu, thật sự tham cứu, nhưng chưa đắc nhất tâm. Hễ chưa đắc nhất tâm thì đều gọi là *"tán tâm"*, quyết chẳng phải là giống như người hiện thời "miệng có, tâm không". Niệm [suông ngoài miệng] như vậy, chẳng có tác dụng chi cả! Người niệm Phật trong tâm dấy tham, sân, si, mạn, bên ngoài bị cảnh giới dụ dỗ, mê hoặc, cổ đức bảo niệm Phật kiểu đó là *"hét toạc cổ họng cũng uổng công"*, chỉ có thể nói là "gieo thiện căn", muốn vãng sanh ngay trong một đời này sẽ khá khó khăn!

(Diễn) Định ý niệm Phật, thị ký đắc Sự nhất tâm.
(演)定意念佛，是既得事一心。
*(**Diễn**: Ý an định niệm Phật là đã đắc Sự nhất tâm).*

Công phu thành phiến được bao gồm trong phạm vi của Sự nhất tâm. Công phu thành phiến là Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn, niệm Phật đến mức đoạn trừ Kiến Tư phiền não là Sự nhất tâm ở mức độ sâu. Nếu chúng ta chia Sự nhất tâm thành ba phẩm thì hạ phẩm là công phu thành phiến, trung phẩm là đoạn Kiến Hoặc, thượng phẩm là đoạn Tư Hoặc. Công phu thành phiến là gì? Suốt ngày từ sáng đến tối trong tâm

[115] Bình (屏) ở đây là một bức giấy đặt nằm ngang để viết đại tự theo lối thư pháp.

có Phật hiệu, trong tâm tưởng Phật. Trừ việc nhớ Phật, niệm Phật ra, vọng niệm gì cũng chẳng nghĩ tới. Đó là công phu đã thành phiến. Trọn chẳng đoạn phiền não, Kiến Tư phiền não chưa đoạn; tuy chẳng đoạn, nhưng công phu đã đắc lực, cũng là phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành. Phiền não vừa xuất hiện, vọng niệm thứ nhất dấy lên, vọng niệm thứ hai phải là A Di Đà Phật, giằn ép nó (vọng niệm thứ nhất) xuống. Có công phu như vậy, thưa cùng chư vị, quyết định vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu niệm đến thượng phẩm Sự nhất tâm bất loạn, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quyết định có thể vãng sanh. Do vậy, sau khi đã niệm đến mức công phu thành phiến, vẫn tiếp tục niệm câu Phật hiệu này chẳng ngừng!

(Diễn) Nhi phục ư Định tâm trung, niệm niệm ức trì, tâm tâm nghiên cứu giả.

(演)而復於定心中，念念憶持，心心研究者。

*(**Diễn**: Nhưng lại ở trong cái tâm Định, niệm nào cũng nghĩ nhớ, vâng giữ, niệm tâm nào cũng đều là nghiên cứu).*

Ở đây, *"nghiên cứu"* chẳng phải là dùng tâm ý thức, chỉ là một mực niệm đến cùng là được rồi. Trong mỗi niệm đều trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh; trong mỗi niệm trọn đủ Lục Độ và Thập Nguyện, nói theo ý nghĩa này. Sự nhất tâm đã thành tựu, vẫn chẳng thể gián đoạn, vẫn là công phu miên mật chẳng ngừng, nâng cao cảnh giới của chính mình, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị sẽ tăng cao.

(Diễn) Nhược thị Lý nhất tâm, tắc thị ly niệm cảnh giới, ký dĩ vô ý, kiêm diệc bất chỉ thị định dã.

(演)若是理一心，則是離念境界，既已無意，兼亦不止是定也。

*(**Diễn**: Nếu là Lý nhất tâm thì chính là cảnh giới ly niệm. Đã là vô ý thì cũng không giới hạn trong Định vậy).*

Niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, người ấy có niệm hay không? Vẫn niệm. Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm, câu Phật hiệu quyết định chẳng gián đoạn. Do vậy, cảnh giới không ngừng tăng cao, phẩm vị cũng không ngừng tăng cao. Người niệm Phật phải luôn ghi nhớ: Quyết định đừng tham sống sợ chết! Nói thật ra, vãng sanh Tây Phương Cực

Lạc thế giới càng sớm càng hay! Phải biết thế gian này quá khổ, chẳng có mảy may nào đáng để lưu luyến. Lưu luyến thế giới này là ngu si, quý vị có lý do gì để lưu luyến thế giới này?

"Tán tâm niệm Phật, diệc đắc ly khổ, kỳ phước bất tận" (Tán tâm niệm Phật cũng được lìa khổ, phước ấy bất tận), chúng ta chẳng có cách nào diễn tả phước báo ấy, mà chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể nói trọn hết được! Thật đấy! Bởi lẽ, câu danh hiệu này là vạn đức hồng danh.

(Sao) Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh vân.

(鈔)稱揚諸佛功德經云。

*(**Sao**: Kinh Xưng Dương Công Đức Chư Phật[116] nói).*

Nói rõ trì danh niệm Phật xác thực là phước đức, trong kinh luận có rất nhiều [chứng cứ]. Đây lại là một bộ kinh [nói rõ như vậy], trong kinh có nói [như sau]:

(Sao) Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả, nhất tâm tín nhạo, trì phúng tụng niệm. Thử nhân đương đắc vô lượng chi phước, vĩnh ly tam đồ, mạng chung chi hậu, vãng sanh bỉ sát.

(鈔)若有得聞無量壽如來名者，一心信樂，持諷誦念。此人當得無量之福，永離三途，命終之後，往生彼剎。

*(**Sao**: Nếu có kẻ nào được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai mà nhất tâm tin ưa, trì, phúng, tụng, niệm[117], người ấy sẽ được vô lượng phước, vĩnh viễn lìa khỏi tam đồ. Sau khi mạng chung bèn vãng sanh cõi*

---

[116] Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh do ngài Thiên Trúc Tam Tạng Cát Ca Dạ dịch vào đời Nguyên Ngụy. Đức Phật thuyết kinh này tại núi Linh Thứu nơi thành La Duyệt Kỳ (Vương Xá). Do tôn giả Xá Lợi Phất thưa hỏi: "Hiện thời có bao nhiêu vị Phật đang thuyết pháp?" Đức Phật bèn tán thán và nêu ra một vài vị Phật hiện đang thuyết pháp như trong phương Đông, nơi thế giới Thiên Thần có Bảo Hải Như Lai, trong thế giới Bảo Tập có Bảo Anh Như Lai, trong thế giới Bảo Tối có Bảo Thành Như Lai, trong thế giới Quang Minh có Bảo Quang Minh Như Lai, trong thế giới Tràng Phan có Bảo Tràng Phan Như Lai, trong thế giới Diệu Lạc có A Súc Như Lai… và nhiều danh hiệu khác nữa. Đối với mỗi danh hiệu Phật, đức Phật đều nêu bày cặn kẽ công đức do nghe và niệm danh hiệu các vị Phật ấy.

kia).

Kinh này chẳng thuộc vào Tịnh Độ Tam Kinh. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức chẳng xưng tán, ca ngợi một vị Phật. Chữ *"chư Phật"* nhằm nói đến mười phương ba đời hết thảy chư Phật, rất chẳng thể nghĩ bàn! Hết thảy chư Phật đều niệm Phật, Bồ Tát lại càng chẳng cần phải nói nữa! Đức Phật nêu gương cho chúng ta, điều then chốt là *"nhất tâm tín nhạo"*, Nhạo (樂) là yêu thích, đọc giọng Khứ Thanh (tức Yào, ㄠˋ). *"Nhạo háo"* (樂好) là yêu thích, nhất tâm yêu thích.

(Diễn) Nhất tâm tín nhạo, thị Tín Nguyện nhị tư.
(演)一心信樂，是信願二資。
*(**Diễn**: Nhất tâm tin ưa là hai thứ tư lương Tín và Nguyện).*

Nếu người ấy chẳng tin, chẳng mong cầu vãng sanh, sẽ chẳng thể sanh tâm hoan hỷ đối với pháp này. Có thể sanh tâm hoan hỷ, nhất định là tin sâu, nguyện thiết, đã trọn đủ hai điều trước trong ba điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) Trì phúng tụng niệm thị Hạnh tư.
(演)持諷誦念是行資。
*(**Diễn**: Trì, phúng, tụng, niệm là tư lương Hạnh).*

Tín, Nguyện, Hạnh ba điều kiện đều trọn đủ. Trì (持) là thọ trì, là tiếp nhận. Người ấy hoàn toàn hiểu rõ, hoàn toàn tiếp nhận lý luận, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển. *"Phúng tụng"* (諷誦) là xướng niệm lớn tiếng câu Phật hiệu này.

(Diễn) Trì nhi phúng, tụng nhi niệm, chánh dụng tâm chi cực.
(演)持而諷，誦而念，正用心之極。

---

[117] Theo nghĩa đen, Trì (持) là giữ gìn, tức là thường xuyên hành, thường niệm, chẳng bỏ lửng hay để gián đoạn. Phúng (諷) là nhìn vào kinh văn để đọc, Tụng (誦) là đọc thuộc lòng không cần kinh văn. Niệm (念) vừa là đọc, vừa là thường nghĩ đến. Nếu hiểu niệm là đọc tụng thì không nhất thiết phải đọc ra tiếng, có thể niệm thầm trong tâm hoặc mấp máy miệng, còn phúng và tụng thì nhất định phải phát ra tiếng rõ ràng.

*(**Diễn**: Trì bằng cách phúng, tụng bằng cách niệm, chính là dụng tâm tột bậc).*

Thật sự dụng công, lại còn là công phu hết sức đắc lực.

(Diễn) Sở vị khẩu dữ tâm, thanh thanh tương ứng; tâm dữ Phật, bộ bộ bất ly dã. Thử bất vãng sanh, thùy phục vãng sanh?

(演)所謂口與心，聲聲相應；心與佛，步步不離也。此不往生，誰復往生？

*(**Diễn**: Đó gọi là miệng và tâm từng tiếng tương ứng, tâm và Phật, từng bước chẳng lìa. Người này chẳng vãng sanh thì còn ai vãng sanh nữa đây?)*

Người này chẳng vãng sanh, còn ai có thể vãng sanh? Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ, phước đức, thần thông và đạo lực gần như bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát, công đức và lợi ích thù thắng ấy đến đâu để tìm được? Do vậy, người ấy có phước báo to lớn.

"Thử nhân đương đắc vô lượng chi phước" (Người ấy sẽ đắc vô lượng phước): Trên thế gian, bất luận quý vị tu phước báo như thế nào, cũng đều chẳng sánh bằng người ấy. Vì thế, người niệm Phật chúng ta muốn tu phước, đến đâu để tu? Niệm một câu A Di Đà Phật là tu phước. Khuyên người khác niệm Phật là tu đại phước báo, người thế gian chẳng biết điều này! Chẳng biết niệm Phật là huệ, không biết niệm Phật là phước; do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói các chúng sanh ấy là kẻ đáng thương. [Phước báo do trì danh chính là] *"vĩnh ly tam đồ, mạng chung chi hậu, vãng sanh bỉ sát"* (Vĩnh viễn lìa khỏi tam đồ, sau khi mạng chung, sanh về cõi ấy).

(Sao) Trí Luận vân: Thí như hữu nhân, sơ sanh đọa địa, tức năng nhật hành thiên lý, mãn nhất thiên tuế, thất bảo phụng Phật, bất như hữu nhân, ư hậu ác thế, nhất thanh xưng niệm A Di Đà Phật, kỳ phước thắng bỉ.

(鈔)智論云：譬如有人初生墮地，即能日行千里，滿一千歲，七寶奉佛，不如有人，於後惡世，一聲稱念阿彌陀佛，其福勝彼。

*(**Sao**: Đại Trí Độ Luận nói: "Ví như có người vừa mới sanh ra,*

rơi xuống đất liền có thể mỗi ngày đi một ngàn dặm, tròn một ngàn năm, dùng bảy báu dâng lên Phật, chẳng bằng có người khác trong đời ác mai sau, xưng niệm A Di Đà Phật một tiếng. Phước của người sau vượt trỗi người trước").

Trong Đại Trí Độ Luận có một đoạn văn như thế. Dùng tỷ dụ ấy để nói lên phước báo thù thắng do niệm Phật. Giả sử có một người, người ấy rất đáng nể, vừa sanh ra đã biết đi, lại còn mỗi ngày có thể đi cả ngàn dặm. Nói thật ra, đây là tỷ dụ, chẳng có người như vậy! *"Mãn nhất thiên tuế"* (Tròn một ngàn năm), người ấy có thọ mạng dài ngần ấy. Dùng bảy báu để cúng dường Phật, ý nói phước báo cúng Phật rất lớn! Nhưng người ấy tu phước báo to ngần ấy, vẫn chẳng bằng nếu như có người trong đời ác mai sau, tức là đời ác ngũ trược, thật ra là nói về thời đại hiện tại của chúng ta, xưng niệm A Di Đà Phật một tiếng! Chẳng niệm nhiều, chỉ niệm một tiếng. Phước báo do niệm A Di Đà Phật một tiếng vượt trỗi phước báo của kẻ *"sơ sanh đọa địa, nhật hành thiên lý, mãn nhất thiên tuế, thất bảo phụng Phật"* (vừa mới sanh rơi xuống đất [đã biết đi], mỗi ngày đi ngàn dặm, tròn một ngàn năm, dùng bảy báu dâng lên Phật), vượt trỗi kẻ ấy. Chúng ta có tin điều này hay không? Phước báo của kẻ trước có thể nói là đời đời kiếp kiếp hưởng phước báo trên cõi trời hoặc trong nhân gian. Vì sao? Vì nó chẳng phải là cái nhân xuất thế, nên phước báo đạt được là phước báo trong cõi trời hay nhân gian, vẫn có lúc hưởng hết. Niệm A Di Đà Phật một tiếng, tuy hiện thời chẳng thấy gì, trong A Lại Da đã gieo một chủng tử kim cang. Dẫu chẳng thể thành tựu trong một đời này, nhưng nhiều đời nhiều kiếp sau, khi gặp được duyên, chủng tử ấy sẽ dấy lên hiện hành, nhất định sẽ vãng sanh thành Phật. Phước báo [do xưng niệm] danh hiệu là phước thành Phật. Phước báo do cúng dường chư Phật là phước báo nhân thiên, chẳng thể sánh bằng, đúng như vậy đó! Vì thế, phước do xưng niệm A Di Đà Phật một tiếng chẳng ai có thể nói trọn hết!

(Sao) Tăng Nhất A Hàm kinh vân: "Tứ sự cúng dường Diêm Phù Đề nhất thiết chúng sanh, nhược hữu xưng Phật danh hiệu, như thủ nhũ khoảnh, công đức quá thượng, bất khả tư nghị".

(鈔)增一阿含經云：四事供養閻浮提一切眾生，若有稱佛名號，如取乳頃，功德過上，不可思議。

*(**Sao**: Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Dùng tứ sự cúng dường hết*

thảy chúng sanh trong Diêm Phù Đề, nếu có người xưng danh hiệu Phật như trong khoảng vắt sữa, công đức vượt trỗi [người trước] chẳng thể nghĩ bàn").

Đây là kinh Tiểu Thừa, là một kinh trong Tứ A Hàm. *"Tứ sự cúng dường"*: *"Tứ sự"* (四事) là ăn uống, quần áo, ngọa cụ (臥具: đồ để trải nằm, để đắp), và thuốc men. Thuở Phật tại thế, để cúng dường người tu hành, chỉ có bốn chuyện ấy. Vì thuở đó, cách sống của người xuất gia là *"nhật trung nhất thực, thụ hạ nhất túc"* (giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây). Chẳng ở trong nhà, cũng chỉ trú dưới cội cây một đêm, hôm sau phải dời sang nơi khác. Vì vậy, quý vị có thể cúng dường họ bằng thức ăn, quần áo, đồ trải để nằm, khi họ ngã bệnh [bèn dâng cúng] thuốc men. Người tu đạo tay chẳng cầm tiền, trước kia là cúng dường như vậy. *"Cúng dường Diêm Phù Đề nhất thiết chúng sanh"* [nghĩa là] cúng dường hết thảy chúng sanh trên địa cầu. Phước báo ấy có lớn hay không? Đương nhiên là rất lớn. Nhưng như thế nào? Vẫn chẳng bằng người niệm Phật hiệu một câu! *"Xưng Phật danh hiệu, công đức bất khả tư nghị"* (Xưng danh hiệu Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn). Kinh A Hàm chẳng hề nói đến chuyện xưng niệm A Di Đà Phật, mà nói là *"xưng Phật danh hiệu"*, công đức ấy thù thắng, được phước nhanh chóng, chẳng có pháp tu nào khác có thể sánh bằng! Kinh đã dạy rất minh bạch: *"Nhược hữu xưng Phật danh hiệu, như thủ nhũ khoảnh"* (Nếu có người xưng danh hiệu Phật như trong khoảng thời gian vắt sữa), thời gian vắt sữa bò rất ngắn, ý nói: Thời gian quý vị niệm Phật rất ngắn, mà đạt được công đức vượt trỗi người dùng tứ sự cúng dường hết thảy chúng sanh trong Diêm Phù Đề, nói rõ công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh đã khen ngợi công đức niệm Phật rất nhiều chỗ, chẳng thể nêu trọn. Ở đây chỉ nêu đại lược mấy loại để chứng minh.

(Sao) Phàm thử, giai trì danh vi đa phước đức chi minh chứng dã.

(鈔)凡此，皆持名為多福德之明證也。

*(**Sao**: Phàm những đoạn như vậy đều là chứng cớ rõ rệt chứng tỏ trì danh là nhiều phước đức).*

Chứng cớ rõ ràng, xác đáng. Nếu chúng ta chẳng tin thì đành hết cách!

(Sao) Hựu Bảo Tích thập cửu kinh vân: "Thời nhất tỳ-kheo, văn Phật tán dương Bất Động Như Lai Phật sát công đức, tâm sanh tham trước, nhi niệm sanh bỉ. Phật ngôn: - Bất dĩ ái luyến chi tâm, toại đắc vãng sanh, duy hữu thực chư thiện bổn, tu chư phạm hạnh, đắc sanh bỉ sát".

(鈔)又寶積十九經云：時一比丘，聞佛讚揚不動如來佛剎功德，心生貪著，而念生彼。佛言：不以愛戀之心，遂得往生，惟有植諸善本，修諸梵行，得生彼剎。

*(**Sao**: Lại nữa, kinh Bảo Tích quyển thứ mười chín có nói: "Khi ấy, có một vị tỳ-kheo nghe đức Phật ca ngợi công đức của cõi Phật Bất Động Như Lai, sanh tâm tham đắm, nghĩ muốn sanh về đó. Đức Phật dạy: - Chẳng thể do cái tâm ái luyến mà được vãng sanh, chỉ có gieo các cội lành, tu các phạm hạnh là được sanh về cõi ấy").*

Đây là một đoạn kinh văn trong quyển thứ mười chín[118] của kinh Bảo Tích. Đoạn này rất trọng yếu, có nhiều người trong số các đồng tu niệm Phật chúng ta phạm phải khuyết điểm giống hệt. Khuyết điểm gì vậy? Nghe nói Tây Phương Cực Lạc thế giới rất tốt đẹp, bèn dấy lòng tham ái đối với cõi ấy. Bên đó là cung điện bảy báu, vàng ròng làm đất, sang bên đó hưởng thụ cho đã! Dùng cái tâm tham ái để niệm A Di Đà Phật, tuy chấp trì danh hiệu mà chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Nơi ấy là Tịnh Độ, *"tâm tịnh, cõi nước tịnh"* thì mới có thể vãng sanh. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh. Dẫu quý vị niệm Phật hiệu nhiều cách mấy, chỉ là gieo cái nhân vãng sanh trong tương lai, không thể vãng sanh trong một đời này!

Chư vị phải hiểu, nhất định phải niệm câu Phật hiệu cho đến mức tâm địa của chính mình thanh tịnh. Mẫu chuyện này trong kinh Bảo Tích đáng cho chúng ta cảnh giác. *"Thời nhất tỳ-kheo"*, [nghĩa là] một người xuất gia thuở ấy, nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, đức Phật tán dương công đức của cõi Phật Bất Động Như Lai (Akṣobhya). Nghe

---

[118] Kinh Bảo Tích do nhiều pháp hội hợp thành, quyển mười bảy và mười tám chính là pháp hội Vô Lượng Thọ (sách Sớ Sao Diễn Nghĩa gọi pháp hội này là Bảo Tích Đại Bổn), pháp hội kế tiếp chính là pháp hội Bất Động Như Lai gồm hai quyển mười chín và hai mươi. Do tôn giả Xá Lợi Phất khải thỉnh, đức Phật bèn trần thuật cõi nước và nhân hạnh của Bất Động Như Lai: Trong cõi Diệu Hỷ của đức Phật Quảng Mục, có một vị tỳ-kheo tên là Bất Động phát tâm Vô Thượng Bồ Đề và phát hoằng thệ nguyện, được Phật thọ ký, sẽ thành Phật hiệu là Bất Động Như Lai.

xong, vị ấy trong tâm rất hoan hỷ, dấy lòng tham ái đối với cõi Phật Bất Động Như Lai, *"nhi niệm sanh bỉ"* nghĩa là mong vãng sanh [cõi ấy]. Thuở Phật tại thế, tốt lắm! Đức Phật thần thông rộng lớn, trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, Ngài biết ngay. Đức Phật thấy người ấy dùng tâm tham ái niệm Phật để cầu sanh về cõi Phật, bèn dạy: *"Chẳng thể dùng tâm ái luyến để được vãng sanh"*, chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Chúng ta hãy xem lời tiểu chú sau đây:

(Diễn) Bất dĩ ái luyến chi tâm, toại đắc vãng sanh giả, dĩ ái luyến chi tâm thị tình thức, bất thị trí huệ cố. Thị đản tri thủ tướng, bất tri diệu lý cố. Thị đồ sanh hiếu lạc, vị khởi chân hạnh cố.

(演)不以愛戀之心遂得往生者，以愛戀之心是情識，不是智慧故。是但知取相，不知妙理故。是徒生好樂，未起真行故。

*(**Diễn**: "Chẳng thể do cái tâm ái luyến mà được vãng sanh": Vì cái tâm ái luyến là tình thức, chẳng phải là trí huệ. Do chỉ biết chấp lấy tướng, chẳng biết diệu lý. Do chỉ mong sanh về đó, ham ưa vui sướng, chưa khởi hạnh chân thật).*

Tín nguyện như vậy chẳng phải là chân thật. Chân thật là lý trí, chẳng phải là cảm tình. Xử sự theo tình cảm chỉ có thể gieo cái nhân xa xôi, chắc chắn là chẳng thể thành tựu trong một đời này. Do vậy, người học Phật nhất định phải có lý tánh. Lý tánh hóa cảm tình thành từ bi chân thật. Người thế gian chúng ta nói Ái, Phật pháp nói từ bi. Nói thật ra, từ bi là ái. Vì sao nói từ bi mà chẳng nói ái? Ái là cảm tình, từ bi là lý tánh. Nói cách khác, tình yêu thương theo lý tánh bèn gọi là từ bi, chẳng phải là cảm tình.

Vãng sanh, nói thật ra, chẳng phải là chuyện dễ dàng; chẳng có lý tánh sẽ không thể làm được. Có một cặp vợ chồng ở Tân Trang học Phật đã đôi ba năm, ở cách chúng ta rất xa, do vậy, chỉ nghe băng thâu âm, nghe rất hoan hỷ. Ngày hôm qua, ông ta kể với tôi nguyên nhân khiến ông ta học Phật. Ông ta làm bác sĩ, biết nhân quả báo ứng, nên hễ khám bệnh cho người khác bèn lấy tiền công rất ít, người nhà chẳng thông cảm với ông ta, kêu ca ông ta thu tiền khám bệnh mà ngay cả dùng để mua thuốc theo giá vốn cũng chẳng đủ! Cha và vợ ông ta đều chẳng vui lòng, chẳng thông cảm cho lắm. Do bà vợ cũng học Phật, tôi bảo bà ta: "Tích tài chẳng bằng tích đức! Nay chồng bà làm như vậy, ông bà sẽ có phước

mai sau, ông ta làm không sai. Chỉ cần có thể sống qua ngày là được rồi, cần gì phải kiếm nhiều tiền? Chẳng bằng tích đức cho nhiều". Ông ta cho tôi biết: Ông ta học Phật là do nghe băng thâu âm bèn dấy tín tâm, còn nguyên nhân xa là do bà nội của ông ta đã tạ thế từ mấy năm trước [phát khởi]. Thuở đó, cả nhà đều chẳng tin Phật, bà nội niệm Phật, do mọi người trong nhà không tin, nên chỗ nào cũng gặp chướng ngại. Bà cụ niệm thầm trong tâm, chưa bao giờ niệm ra tiếng, cụ niệm theo cách như vậy. Khi mất, cụ tỉnh táo, sáng suốt. Cụ bị bệnh ung thư, nói theo người khác thì sẽ rất đau khổ; nhưng cụ chẳng bị đau khổ. Khi cụ mất, chẳng bị đau khổ, dẫu bị bệnh cũng chẳng đau khổ. Khi sắp mất, cụ biết sẽ mất lúc nào, biết trước lúc mất. Khi đã chết, khuôn mặt còn hồng hào, còn dễ nhìn hơn vẻ mặt lúc sống. Cha ông ta gọi người trong nhà đến xem, cha ông ta chẳng biết niệm Phật, nhưng biết mẹ mình là người tu hành, bèn nói: "Người tu hành khác hẳn, nhất định là cụ sanh lên trời, tướng mạo trang nghiêm dường ấy". Thuở ấy, ông ta chẳng tin tưởng cho lắm, nay do nghe Phật pháp, bèn biết đó là sự thật, [bà cụ] quyết định vãng sanh! Khi cụ sắp mất, đã bảo con cái: "Phật đã đến, đang đợi ta ở cửa". Nói xong, cụ qua đời. Khi ấy, vì họ chẳng tin Phật, ngỡ bà cụ quáng mắt, chẳng bình thường cho lắm, ăn nói nhăng nhít, nay suy nghĩ, biết là thật, Phật đến tiếp dẫn.

Vì vậy, quyết định chẳng thể dùng cảm tình, vì tình thức chẳng tương ứng, nhất định là phải có trí huệ, phải có lý tánh, chẳng phải là chấp tướng, mà là thật sự khế nhập diệu lý, đó là tu hành chân thật. Thật sự lý giải pháp thế gian và pháp xuất thế gian, biết lấy bỏ, cái nào đáng nên lấy, cái nào chẳng nên giữ lấy. Trong thế gian này, ngũ dục, lục trần, lục đạo luân hồi đều là giả, chẳng có gì là chân thật, quyết định chớ nên tham luyến. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đúng. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành tựu viên mãn đạo nghiệp của chính mình. Chính mình đã có năng lực, bèn quay lại thế giới này để hóa độ chúng sanh. Đó là người thật sự thông minh, thật sự có trí huệ.

Hoằng pháp trong thế gian này, mọi người phát tâm học giảng kinh, hoằng pháp, tốt lắm! Tốt ở chỗ nào? Tốt ở chỗ quý vị can đảm, hy sinh chính mình hòng thành tựu người khác. Hy sinh chính mình, trong tương lai chính mình phải đọa tam đồ, vì sao? Vì chính mình chẳng nắm chắc sẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, [thế mà] quý vị lại xen tạp; giảng kinh, thuyết pháp là xen tạp! Quý vị hãy suy ngẫm những câu

chuyện do pháp sư Đàm Hư đã kể. Lão pháp sư Đế Nhàn suốt đời hoằng pháp lợi sanh, Ngài là tổ sư tông Thiên Thai vào cuối đời Thanh. Quý vị thấy người đồ đệ của Ngài, niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh. Người ấy suốt ngày từ sáng đến tối là một câu Phật hiệu, chẳng hề xen tạp! Lão pháp sư Đế Nhàn khi mất còn bị bệnh, chẳng bằng ông ta; nhưng phải hiểu, người như cụ Đế Nhàn, hoặc như pháp sư Đàm Hư, xác thực là có thể vãng sanh. Chính mình thật sự nắm chắc, phẩm vị thấp một chút chẳng sao, bỏ mình vì người, các Ngài hy sinh phẩm vị của chính mình để giúp đỡ chúng sanh. Nay chúng ta thì ngay cả phẩm vị cũng chẳng trông cậy được, giúp người khác mà chính mình phải đọa tam đồ, phải luân hồi trong lục đạo, đáng sợ quá!

Vì vậy, tôi khuyên các vị đồng học giảng kinh, thuyết pháp phải nghiêm túc nỗ lực tu trì, chính mình quyết định nắm chắc vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, sau đấy mới ra hoằng pháp lợi sanh, sẽ là đúng, là chánh xác. Hiện thời, tiền đồ là một bầu hắc ám mờ mịt, [thế mà] chẳng biết lo cho chính mình, còn làm sao được nữa! Tâm phát ra đại nguyện ấy là chánh xác, nhưng trong giai đoạn này, phải hiểu rõ ràng: Trong giai đoạn thứ nhất, chính mình phải nghiêm túc tu học, học giảng kinh là chuyện kèm theo. Đến khi chính mình thật sự nắm chắc vãng sanh, ta sẽ coi hoằng pháp lợi sanh là bậc nhất, thời gian tu trì của chính mình ít hơn một chút cũng chẳng sao, quyết định có thể vãng sanh! Phải biết điều này. Vì thế, "bỏ mình vì người" vẫn là có hạn độ, hạn độ thấp nhất là có thể đạt tới hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Hạ hạ phẩm mà chẳng nắm được, không được rồi! Lầm lẫn đặc biệt to đùng! Hoằng pháp lợi sanh là *"trên đền bốn ân, dưới cứu ba khổ"*, quyết định chẳng phải vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Nếu vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà hoằng pháp lợi sanh, nhất định sẽ bị đọa lạc.

Đoạn kinh Bảo Tích này đáng cho chúng ta cảnh giác. Ở đây, đức Phật nói: *"Duy hữu thực chư thiện bổn, tu chư phạm hạnh, đắc sanh bỉ sát"* (Chỉ có gieo các cội lành, tu các phạm hạnh, sẽ được sanh về cõi ấy). Cội lành và phạm hạnh nói theo Tịnh Tông chính là một câu Phật hiệu.

(Sao) Thiện bổn tức thiện căn, phạm hạnh tức phước đức.
(鈔)善本即善根，梵行即福德。
*(**Sao**: Cội lành chính là thiện căn, phạm hạnh là phước đức).*

Một câu A Di Đà Phật là phước huệ song tu.

(Sao) Thử hựu song hiển trì danh, vi đa thiện, đa phước chi minh chứng dã. Chư kinh giao tán, khả phất tín thọ?

(鈔)此又雙顯持名，為多善多福之明證也。諸經交讚，可弗信受。

*(**Sao**: Điều này rõ ràng lại là chứng cớ minh bạch chứng tỏ cả hai điều: Trì danh vừa là nhiều thiện, vừa là nhiều phước. Các kinh đều xen lẫn tán dương [pháp môn Niệm Phật], há có thể nào chẳng tin nhận ư?)*

Hết thảy kinh đều tán thán như vậy, chúng ta vẫn chẳng tin ư? Vẫn chẳng thể tiếp nhận ư? Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp. Trong đoạn ấy, đại sư giả thiết một cuộc vấn đáp.

(Sớ) Vấn: Thử độ đơn tu viên đốn, bất nguyện vãng sanh giả, ninh khả vị chi thiểu thiện căn da?

(疏)問：此土單修圓頓，不願往生者，寧可謂之少善根耶。

*(**Sớ**: Hỏi: Đối với người chỉ tu pháp viên đốn trong cõi này, chẳng nguyện vãng sanh, há có thể nói là ít thiện căn ư?)*

Hỏi hay lắm! *"Thử độ"* là thế gian này, xác thực là có hạng người như vậy, *"đơn tu viên đốn pháp"* (chỉ tu pháp viên đốn), Thiền Tông là pháp viên đốn, họ chẳng mong vãng sanh Tịnh Độ. Nhiều vị đại đức trong các tông phái Thiên Thai, Hoa Nghiêm, và Bát Nhã cũng chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Có phải những người ấy cũng là ít thiện căn hay chăng?

(Diễn) Đơn tu viên đốn, bất nguyện vãng sanh giả, thị tông môn sư đức.

(演)單修圓頓不願往生者，是宗門師德。

*(**Diễn**: Người chỉ tu pháp viên đốn, chẳng muốn vãng sanh là bậc thầy, bậc đại đức trong Tông Môn).*

Là các vị tổ sư đại đức trong Thiền Tông.

(Diễn) Trực minh trực tánh, bất đới tiêm trần.

(演)直明直性不帶纖塵。

*(**Diễn**: Trực tiếp minh tâm kiến tánh, chẳng vướng mắc mảy trần).*

Trực tiếp cầu minh tâm kiến tánh, đúng là chẳng có tí xíu vọng niệm nào!

(Diễn) Phật lai dã sát, ma lai dã sát, niệm Phật nhất thanh, sấu khẩu tam nhật giả.

(演)佛來也殺，魔來也殺，念佛一聲，漱口三日者。

*(**Diễn**: Phật đến cũng giết, ma đến cũng giết[119], niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày).*

Đây là người chẳng niệm Phật, không cầu vãng sanh. Chư vị xem ngữ lục của Thiền Tông sẽ biết.

(Diễn) Ninh khả vị chi thiểu thiện căn giả, vị dĩ trì danh vi đa thiện căn, tắc thử đẳng sư đức, giai túc cụ Bát Nhã linh căn nãi năng nhĩ dã, ninh khả vị chi thiểu thiện căn da?

(演)甯可謂之少善根者，謂以持名為多善根，則此等師德，皆夙具般若靈根乃能爾也，甯可謂之少善根耶。

*(**Diễn**: Há có nên nói họ là kẻ ít thiện căn, bảo trì danh mới là nhiều thiện căn ư? Các vị tổ sư đại đức ấy đều trọn đủ linh căn Bát Nhã từ xưa nên mới có thể được như thế, há có thể nói họ là phường ít thiện căn ư?)*

Tổ sư đại đức của Tông Môn đều là bậc lỗi lạc, xác thực là đã tu học rất sâu dầy trong đời quá khứ, chẳng lẽ người như vậy cũng là kẻ ít thiện căn, ít phước đức hay sao? Chúng ta xem Liên Trì đại sư giải đáp

---

[119] Thành ngữ này dựa trên lời khai thị nổi tiếng của ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền: *"Như nay người học tập Thiền Đạo thì phải tự tin, đừng hướng ra ngoài để tìm cầu bất cứ gì. Cầu Phật, sẽ đánh mất Phật, đánh mất đạo. Cầu Tổ, sẽ đánh mất Tổ. Hễ hướng ngoại thì cứ gặp liền giết. Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La Hán giết La Hán, gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp thân quyến giết thân quyến, thì mới chẳng bị ngoại vật trói buộc, mới có thể giải thoát tự tại". "Gặp"* ở đây là chấp trước. Tổ Lâm Tế khuyên người hành Thiền đừng nên chấp trước ý niệm, *"giết"* có nghĩa là đoạn trừ sạch những ý niệm đối đãi, chấp trước nơi cảnh giới. Câu nói này về sau được rút gọn thành *"gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ"*, hoặc *"Phật đến chém Phật, ma đến chém ma"*.

như thế nào!

(Sớ) Đáp: Viên đốn hành nhân.

(疏)答：圓頓行人。

*(**Sớ**: Đáp: Người tu hành viên đốn).*

"Hành" (行) là người tu hành, cũng là nói tới những người tu hành trong Thiền Tông.

(Sớ) Tuy ngộ nhất tâm, thượng dư hậu hữu.

(疏)雖悟一心，尚餘後有。

*(**Sớ**: Tuy đã ngộ nhất tâm, nhưng hãy còn sót lại thân sau).*

"Ngộ" là đã ngộ. Đây là giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Nói cách khác, người ấy chưa đoạn phiền não tập khí, chẳng thoát khỏi sanh tử luân hồi.

(Diễn) Tuy ngộ nhất tâm, thượng dư hậu hữu giả, vị nhược ngộ nhi tức chứng Vô Sanh, thị chân thiện căn thâm hậu. Nhậm cừ hoành thuyết, thụ thuyết, vô sở bất khả, giáo cừ vãng đông, vãng tây, chân như thuyết mộng.

(演)雖悟一心尚餘後有者，謂若悟而即證無生，是真善根深厚。任渠橫說豎說，無所不可；教渠往東往西，真如說夢。

*(**Diễn**: "Tuy ngộ nhất tâm mà hãy còn sót lại thân sau": Ý nói, nếu là đã ngộ, liền chứng vô sanh, thì đúng là thiện căn sâu dầy. Mặc cho người ấy nói ngang, nói dọc, không gì chẳng thể được, mặc cho người ấy sang đông, sang tây, đúng là như nói chuyện nằm mộng vậy).*

Mấy câu này nói đến người thật sự ngộ, tức là chứng ngộ. Người đã chứng ngộ bèn có thể [làm như vậy], tức là hạng người giống như Lục Tổ đại sư, đã minh tâm kiến tánh. Đó là thật sự ngộ, đúng là *"thiện căn sâu dầy"*. Người như vậy chẳng nhiều, hết sức hy hữu, xác thực là đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(Diễn) Nhược vị đắc Vô Sanh, nhi tự phụ viên nhân.

(演)若未得無生，而自負圓人。

*(**Diễn**: Nếu chưa đắc Vô Sanh, mà tự phụ là hạng viên đốn).*

Chưa đạt đến cảnh giới ấy, chưa thể thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, tự tưởng chính mình là căn tánh viên đốn, tự cậy thông minh.

(Diễn) Độn trí Tịnh Độ, diệc thị thiện căn thiển tiển dã.

(演) 鈍置淨土，亦是善根淺尠也。

*(**Diễn**: Kẻ căn cơ chậm lụt mà gác bỏ Tịnh Độ thì cũng là kẻ thiện căn nông cạn vậy).*

Nói hay quá! Thuở ấy, khi Liên Trì đại sư viết bộ Sớ Sao này, Thiền Tông rất thịnh, Tịnh Độ hết sức suy vi. Nói chuyện chẳng cẩn thận, sẽ mất lòng các vị đại đức trong Thiền Tông, sẽ rất khó thể chịu đựng, sẽ vướng phải bao nhiêu kẻ quở trách, phê bình! Vì thế, Ngài nói năng chú ý cẩn thận! Trong bộ kinh này, chỗ nào Ngài cũng dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích, vì Thiền Tông cũng tôn sùng Hoa Nghiêm, do đây mà nâng cao thân phận và địa vị kinh Di Đà, rát miệng, buốt lòng! Vì vậy, Ngài rất uyển chuyển: *"Tuy ngộ nhất tâm, thượng dư hậu hữu"* (Tuy đã ngộ nhất tâm, vẫn còn sót lại thân sau).

(Sớ) Chánh nghi cầu sanh bỉ quốc, thân cận Di Đà.

(疏)正宜求生彼國，親近彌陀。

*(**Sớ**: Đáng nên cầu sanh cõi ấy, thân cận Phật Di Đà).*

Đáng phải nên cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, lời này có căn cứ. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là tấm gương tốt nhất. Trong Thiền Tông, thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, về già chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng dương Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông. Thiền sư Triệt Ngộ cũng là từ Thiền Tông quay lại. Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục toàn là khuyên người tham Thiền hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Có những căn cứ ấy.

(Sớ) Triết Lão, Thanh Công, kiểu nhiên phúc triệt. Nhược kỳ tự phụ viên nhân, bất nguyện vãng sanh, đương tri diệc thị thiện căn bạc cố, như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(疏)喆老青公，皎然覆轍，若其自負圓人，不願往生，當知亦是善根薄故，如華嚴中說。

*(**Sớ**: Cụ Chân Như Triết, ngài Thanh Thảo Đường là những vết xe đổ rành rành. Nếu kẻ nào tự phụ là hạng viên đốn, chẳng muốn vãng sanh, hãy nên biết người ấy cũng là phường thiện căn mỏng manh như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói).*

Sợ người ta không tin, phải nêu ra kinh Hoa Nghiêm để làm căn cứ. Chúng ta hãy xem chuyện của hai vị Triết lão và Thanh công.

(Diễn) Triết Lão trụ kinh sư tứ thập niên, thường tọa bất ngọa.

(演)喆老住京師四十年，常坐不臥。

*(**Diễn**: Cụ Chân Như Mộ Triết[120] trụ tại kinh đô bốn mươi năm, thường ngồi chẳng nằm).*

Đây là bậc đại đức tham Thiền, nay chúng ta nói là *"bất đảo đơn"* (不倒單: chẳng ngả mình xuống đơn).

(Diễn) Hóa hậu.

(演)化後。

---

[120] Ngài Chân Như Mộ Triết họ ngoài đời là Văn, quê ở Lâm Xuyên, gia cảnh nghèo hèn, mồ côi từ bé. Ngài theo học với luật sư Viên Giác chùa Vĩnh An ở Kiến Xương, có chí hoằng pháp, giữ giới luật rất tinh nghiêm, được vị Thiền đức nổi danh đương thời là thiền sư Thúy Nham Khả Chân coi trọng. Khi thiền sư Khả Chân đã mất, Sư bèn y chỉ ngài Hoàng Bá. Sư tham học khắp nơi. Tham học xong, Sư được đại chúng suy tôn làm Trụ Trì chùa Đại Quy, nhưng Ngài chuyên trông coi hương đăng và làm các việc nặng nề trong chùa suốt bốn mươi năm, luôn giữ cho hương đèn chẳng tắt. Khi quá mệt mới dùng khăn che đầu, dựa vào vách, tạm ngủ giây lát. Cho đến già, Sư vẫn sống rất khiêm cung, không bệnh mà mất. Khi trà tỳ có xá-lợi to như hạt đậu, tròng mắt và móng tay đều chẳng cháy. Theo Tổ Ấn Quang, hậu thân của Chân Như Triết chính là vua Khâm Tông (Triệu Hoàn) nhà Tống. Khi quân Kim tàn phá đất Bắc Tống, vua cha là Tống Huy Tông (Triệu Cát) hèn nhát, trốn tránh trách nhiệm, bèn nhường ngôi cho Khâm Tông. Khâm Tông lấy niên hiệu là Tĩnh Khang. Làm vua chưa đầy một năm (từ ngày 19 tháng 01 năm 1126 đến ngày 09 tháng 01 năm 1127), cha lẫn con bị quân Kim bắt cầm tù, giải về phương Bắc, phải xưng là "thần" (bầy tôi) với vua Kim, về sau chết ở thành Ngũ Quốc. Sử Trung Hoa gọi biến cố này là "nỗi nhục Tĩnh Khang". Như vậy, vua Khâm Tông chỉ hưởng vinh hoa rất ngắn, mà phải chịu tủi nhục, giày vò trong suốt ba mươi bốn năm lưu đày!

*(**Diễn**: Sau khi hỏa táng).*

Khi hỏa táng.

(Diễn) Chỉ áo diệc thiêu xuất xá-lợi.
(演)紙襖亦燒出舍利。
*(**Diễn**: Giấy bọc, áo liệm cũng thiêu thành xá-lợi).*

Đừng nói là thân thể, ngay cả quần áo Sư mặc, sau khi thiêu, đều xuất hiện các hạt xá-lợi.

(Diễn) Dĩ bất tu Tây Phương, sanh đại phú quý xứ.
(演)以不修西方，生大富貴處。
*(**Diễn**: Do chẳng tu về Tây Phương, nên sanh vào nơi đại phú quý).*

Đời sau sanh trong gia đình phú quý, quyền cao chức trọng. Vì thế, người làm đế vương hay quan to trong thế gian này trước kia đều là người tu hành đã lâu. Hễ chuyển sang đời khác, cả một đời tu hành đổi lấy sự phú quý trong nhân gian.

(Diễn) Thanh Công tức Thanh Thảo Đường.
(演)青公即青草堂。
*(**Diễn**: Thanh Công chính là Thanh Thảo Đường).*

Đây là một vị đại đức hết sức nổi tiếng trong Thiền Tông.

(Diễn) Niên cửu thập dư, cảm Tăng gia nữ nhân tống cúng.
(演)年九十餘，感曾家女人送供。
*(**Diễn**: Tuổi ngoài chín mươi, do cảm kích sự cúng dường, biếu tặng của nữ nhân nhà họ Tăng).*

Sư có tín đồ họ Tăng, hết sức tốt đối với lão pháp sư, thường xuyên cúng dường Sư. Khi lâm chung, Sư nói: "Bà cúng dường ta rất nhiều, ta làm con của bà là xong". Sau khi mất, Sư đầu thai vào nhà bà ta, làm con bà ta, tức là Tăng Lỗ Công, làm Tể Tướng đời Tống, làm quan

đến chức Tể Tướng. Hôm phu nhân nhà họ Tăng sanh con, mộng thấy Thanh Thảo Đường bước vào phòng bà ta. Bà liền sai người đến chùa xem, lão hòa thượng đã viên tịch, biết Sư đến đầu thai, về sau, [người con ấy] làm đến chức Tể Tướng. Đấy là những người chẳng cầu vãng sanh.

(Diễn) Phúc triệt giả, Hán Giả Nghị vân: "Tiền xa ký phúc, hậu xa đương giới".

(演)覆轍者，漢賈誼云：前車既覆，後車當戒。

*(**Diễn**: "Vết xe đổ": Đời Hán, Giả Nghị[121] nói: "Xe trước đã đổ, xe sau hãy nên răn dè").*

Phải ngăn ngừa! Quý vị thấy tình hình của người xưa như vậy, há nên học theo ư? Những vị ấy nếu cầu sanh Tịnh Độ, nói thật ra, rất dễ dàng, họ có công phu như vậy, ý niệm vừa chuyển, ngay lập tức sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ chẳng chịu cầu vãng sanh, nên đạt được sự phú quý trong nhân gian. Do vậy, người phú quý, kẻ tài hoa trong thế gian đều là có lai lịch. Mọi người chẳng nghiêm túc tu hành, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quý vị học giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh, đời sau cũng là phú quý! Tu trì suốt một đời để đổi lấy sự phú quý trong nhân gian, đây là chuyện rất đáng sợ! Hai vị ấy đã nêu gương cho mọi người biết: *"Nhược kỳ tự phụ viên nhân, bất nguyện vãng sanh, đương tri diệc thị thiện căn bạc cố"* (Nếu kẻ ấy tự phụ là hạng căn cơ viên đốn, chẳng nguyện vãng sanh, thì hãy nên biết cũng là kẻ thiện căn mỏng manh vậy). Đúng như vậy, chẳng giả tí nào!

---

[121] Giả Nghị (200-168 trước Công Nguyên) là một chính trị gia, tư tưởng gia, và văn học gia nổi tiếng thời Tây Hán. Những tác phẩm nghị luận nổi tiếng của ông như Quá Tần Luận, Luận Tích Trữ Sớ, Trị An Sách v.v… được đánh giá rất cao. Ông là người có văn tài, thông minh, nên mới hai mươi hai tuổi đã được Hán Văn Đế cử làm Đình Úy cho thái thú Nam Quận là Ngô Công. Ngô Công hết sức tán thưởng tài năng ông, tâu vua cho ông được thăng lên chức Bác Sĩ (Bác Sĩ là chức quan dành cho người thông thạo Ngũ Kinh, gọi đầy đủ là Kinh Học Bác Sĩ, có thể hiểu đơn giản là chuyên viên đầy uy tín để giảng giải, chú giảng Ngũ Kinh của Nho gia, có thẩm quyền hiệu đính các điển tịch cổ, đồng thời cũng là cố vấn của nhà vua). Ông trở thành một vị quan Bác Sĩ trẻ tuổi nhất thời ấy. Chỉ một năm sau, ông lại được thăng lên làm Thái Trung Đại Phu. Chức quan cao nhất của ông là làm Thái Phó cho Lương Vương (Lưu Tập).

(Sao) Hậu hữu giả, hậu ấm dã, tức lai sanh dã. Viên nhân kiến địa, tuy dữ Phật tề, nhiên nhi thô tế vô minh do vị tận trừ, hằng sa Tánh Đức do vị tất bị. Hữu Hoặc nhuận sanh, ninh vô hậu hữu? Ký tồn hậu hữu, tắc hữu sanh phương, bất ly lục đạo.

(鈔)後有者，後陰也，即來生也。圓人見地，雖與佛齊，然而粗細無明猶未盡除，恆沙性德猶未悉備。有惑潤生，寧無後有，既存後有，則有生方，不離六道。

*(**Sao**: "Hậu hữu" là hậu ấm, tức là đời sau. Người viên đốn tuy kiến địa bằng với Phật, nhưng vô minh thô hay tế còn chưa trừ hết, hằng sa Tánh Đức còn chưa trọn hết. Hễ có phiền hoặc tràn trề nẩy sanh, há lẽ nào chẳng có thân sau cho được? Đã có thân sau thì phải tái sanh, chẳng lìa khỏi lục đạo).*

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ sự thật này! Kiến giải của quý vị giống như Phật, thử hỏi quý vị: Quý vị có đoạn vô minh hay chưa? Tánh Đức có thấu lộ hay chưa? Nhìn từ chỗ nào? Nay chúng ta chẳng cần nói tới vô minh vi tế, mà nói về [vô minh] thô, [vô minh] thô là gì? Kiến Tư phiền não. Quý vị đã đoạn hết Kiến Tư phiền não hay chưa? Quý vị còn có nhân ngã, thị phi hay không? Còn có tham, sân, si, mạn hay không? Nếu còn có đôi chút như vậy, nói cách khác, chắc chắn là quý vị chẳng thoát khỏi tam giới! Quý vị có kiến giải giống chư Phật, vẫn uổng công, chẳng thoát khỏi tam giới! Trong thế gian, từ xưa tới nay, quả thật có không ít kẻ cuồng vọng, thậm chí tưởng chính mình vượt trỗi chư Phật. Tự tưởng mình đã vượt trỗi chư Phật, đó là cuồng vọng tự đại. Người khác tán thán bèn hoan hỷ, người ta nói mấy câu chẳng thuận tai bèn bực tức, có được hay chăng? Không chỉ là chẳng thể thoát khỏi tam giới, chỉ sợ là cả ba đường lành đều chẳng giữ nổi, cõi trời lẫn nhân gian đều chẳng có phần! Đối với vô minh thô và tế, sách Diễn Nghĩa có chú giải:

(Diễn) Thô tế vô minh do vị tận giả, tế tức căn bản, thô tức chi mạt.

(演) 粗細無明猷未盡者，細即根本，粗即枝末。

*(**Diễn**: "Còn chưa hết sạch vô minh thô và tế": Tế là căn bản, thô là chi mạt).*

"Tế" là căn bản vô minh, *"thô"* là chi mạt vô minh.

(Diễn) Viên nhân kiến dữ Phật tề, hoặc toàn vị phá, dĩ Lý tuy đốn ngộ, thừa ngộ tinh tiêu, Sự tu tiệm trừ, nhân thứ đệ tận cố.

(演)圓人見與佛齊，惑全未破，以理雖頓悟，乘悟併消，事須漸除，因次第盡故。

*(**Diễn**: Người viên đốn kiến giải bằng với chư Phật, nhưng chưa phá trừ toàn thể Hoặc, xét theo Lý thì tuy là do đốn ngộ bèn [có thể] nương vào ngộ để tiêu trừ [phiền não], nhưng xét theo Sự thì cần phải trừ khử dần dần, sẽ lần lượt trừ hết).*

Ngộ ở đây là giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Tuy quý vị đã ngộ, nhưng làm chẳng được. Nói cách khác, chẳng biến cảnh giới của Phật thành cảnh giới của chính mình. Đối với cảnh giới của Phật, quý vị nói rành mạch, rõ ràng, nhưng đó là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là cảnh giới của chính mình. Cảnh giới của chính mình và cảnh giới của Phật hoàn toàn khác nhau, còn làm thế nào được nữa?

(Diễn) Hằng sa Tánh Đức do vị tất bị giả, đức hữu Tánh Đức, Tu Đức. Tánh Đức bổn cụ, Tu Đức tu thành.

(演)恆沙性德猶未悉備者，德有性德修德，性德本具，修德修成。

*(**Diễn**: "Hằng sa Tánh Đức còn chưa trọn đủ": Đức có Tánh Đức và Tu Đức. Tánh Đức vốn sẵn trọn đủ, Tu Đức là do tu thành).*

Chẳng sai! Xét theo Tánh Đức, hết thảy bọn chúng sanh chúng ta chẳng khác chư Phật, nhưng nếu quý vị chẳng tu, dẫu có Tánh Đức, chẳng khởi tác dụng!

Hai, ba mươi năm trước, tôi gặp một đồng tu, ông ta học Phật cũng rất lâu rồi, bảo tôi ông ta đã chứng đắc A La Hán. Tôi nghe nói, hết cách! Ông ta tin tưởng sâu xa chính mình đã chứng quả A La Hán, nói cách nào ông ta cũng không nghe lọt tai được. Cuối cùng, tôi suy nghĩ rồi hỏi ông ta: "A La Hán có Lục Thông, chúng ta ngồi trong phòng khách, trên đường ngoài tường, người ta đi tới đi lui, ông có thấy hay không?" Ông ta đáp: "Chẳng thấy". A La Hán có Tha Tâm Thông, nay trong lòng tôi nghĩ gì, ông có biết hay không? Ông ta đáp: "Chẳng biết". Tôi nói: "Tôi khẳng định ông chẳng chứng đắc A La Hán". Như vậy thì mới thuyết phục được ông ta! Có phải là ông ta phạm vọng ngữ hay

chăng? Chẳng phải là vọng ngữ, mà là Tăng Thượng Mạn như trong Phật pháp đã nói. Ông ta ngỡ chính mình thật sự chứng đắc A La Hán, trong tâm có chút thanh tịnh, đạt được đôi chút pháp hỷ, tự nhận là đã chứng quả.

Hiện thời, trên thế giới có lắm nơi có những kẻ kỳ quái, những chuyện lạ lùng. Có một năm, tôi giảng kinh tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles), có năm người trẻ tuổi ở Lạc Sam Cơ, hôm đó, tôi gặp được ba người, họ đến nghe tôi giảng kinh. Nghe nói có một vị lạt-ma Tây Tạng giảng kinh tại Lạc Sam Cơ, thọ ký cho năm người bọn họ, bảo là năm người bọn họ đã khai ngộ. Những người ấy hết sức cuồng vọng, đến nghe tôi giảng kinh. Sau khi giảng xong, họ đến hỏi tôi, muốn tôi cũng chứng minh họ đã khai ngộ. Tôi nói: "Các ông chẳng khai ngộ!" Họ rất tức tối, vặc lại: "Lạt-ma Rinpoche[122] chứng minh chúng tôi khai ngộ, sao thầy nói chúng tôi chưa khai ngộ?" Tôi bảo họ: "Tôi chẳng khai ngộ, quý vị đến hỏi tôi, đương nhiên là quý vị chẳng khai ngộ!" Tôi vừa nói xong, thính chúng khi ấy rất nhiều người cười rộ. Quý vị đã khai ngộ, còn phải đến hỏi tôi nữa ư? Hiện thời, kẻ lừa người rất đông, thọ ký hoặc chứng minh cho quý vị đều giả trất, đều chẳng tin cậy được! Còn có nào là quán đảnh, phá đảnh[123], dùng ngọn cỏ cắm vào đỉnh đầu, [tuyên bố] "trong tương lai, khi quý vị chết đi, thần thức sẽ từ nơi đây sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu đỉnh đầu quý vị không mở được, trong tương lai, sẽ chẳng có cách nào vãng sanh!" Cả đống người kéo đến! Nghe nói để mở đỉnh đầu phải nộp hai mươi đồng Mỹ kim, kẻ đó đem cọng cỏ cắm vào [đỉnh đầu quý vị]. Ở Á Đặc Lan Đại (Atlanta), tôi gặp một bác sĩ. Vị bác sĩ ấy nói trên đỉnh đầu có một huyệt đạo, thủng lỗ rất lớn, ông ta nói: "Kiểu ấy thì tôi cũng có thể cắm được, cắm một cái là lọt vào ngay". Người hiện thời chuộng kỳ ham quái, đúng là bó tay! Nếu

---

[122] Rinpoche là một mỹ danh để gọi các vị lạt-ma Tây Tạng (người Hoa thường phiên âm thành Nhân Ba Thiết, 仁波切). Rinpoche nói chung có nghĩa là trân bảo, cao quý, quý báu, tương đương với chữ Ratna trong tiếng Phạn. Danh xưng này thoạt đầu chỉ dùng để gọi các vị hóa thân, các vị trưởng lão, những vị lạt-ma học giả, hoặc các lạt-ma thật sự thành tựu. Nhưng về sau tín đồ cứ thấy vị lạt-ma nào hoằng pháp cũng đều gọi là Rinpoche hết.

[123] *"Quán đảnh"* là dùng nước rưới lên đỉnh đầu, ngụ ý truyền trao trí huệ, dùng trí huệ cam lộ thủy rưới lên đỉnh đầu. *"Phá đảnh"* là khai mở huyệt đạo trên đỉnh đầu bằng cách truyền dạy bí quyết pháp tu P'howa. Người Tây Tạng tin tưởng: Nếu tu pháp này thành công, khi mất, sẽ chuyển dời thần thức về Tây Phương Cực Lạc qua lỗ thủng trên đỉnh đầu.

cọng cỏ cắm vào ấy chẳng sạch sẽ, quý vị sẽ bị chứng u não, sớm có ngày vãng sanh! Những hiện tượng quái đản như vậy, Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều có, lại còn hết sức phổ biến, chúng ta phải cẩn thận, ngàn muôn phần chớ bị mắc lừa!

Chắc chắn là Phật pháp chẳng dùng phương pháp ấy để vãng sanh. Vì sao? Tịnh Độ Ngũ Kinh cũng như hết thảy kinh điển Đại Thừa chẳng có cách nói ấy. Do vậy, [đối với những chuyện] người ta nói và làm, phải tìm được căn cứ từ kinh điển [thì mới tin tưởng, chấp nhận]. Nay chúng ta tu Tịnh Độ Tông, kinh điển chủ yếu của Tịnh Độ Tông là năm kinh một luận. Trong năm kinh một luận chẳng có phương pháp ấy (cắm cọng cỏ vào đỉnh đầu để mở huyệt hòng chuyển dời thần thức vãng sanh), chúng ta nhất loạt chẳng cần phải tin tưởng! Người nương theo năm kinh một luận để tu hành, bao nhiêu người vãng sanh! Từ xưa tới nay, trong hiện tại, ở Đài Loan, tại Đại Lục, tại hải ngoại, những người ấy đều là các tấm gương chân thật đặt ngay trước mặt chúng ta, vẫn chẳng tin tưởng ư? Vẫn cứ tin tưởng những chuyện kỳ quái kia! Những kẻ ấy đúng là phường *"ít thiện căn, ít phước đức"* như kinh đã nói, thậm chí có thể nói là *"chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức"*, đều đang quấy rối tại đó!

"Hữu Hoặc nhuận sanh, ninh vô hậu hữu" (Đã có phiền hoặc tràn trề nẩy sanh, làm sao không có thân sau cho được), Hoặc (惑) là mê hoặc, là phiền não, tức là nói đến Kiến Tư phiền não. Chưa đoạn hết Kiến Tư phiền não, sẽ chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi. *"Hậu hữu"* (後有) là quý vị vẫn phải thọ sanh, về sau vẫn phải luân hồi. *"Ký tồn hậu hữu, tắc hữu sanh phương"* (Đã có thân sau thì phải tái sanh), *"sanh phương"* (生方) là phương thức sanh ra, đến đầu thai, [được sanh ra theo một trong bốn phương thức là] thai, noãn, thấp, hóa, *"bất ly lục đạo"* (chẳng lìa lục đạo), bảo rõ ràng, minh bạch cùng quý vị: Quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhất định sẽ luân hồi trong lục đạo.

(Sao) Trừ bỉ dĩ đăng Thật Báo, dư hoặc vị miễn nhân thiên.

(鈔) 除彼已登實報，餘或未免人天。

*(**Sao**: Trừ những người đã lên cõi Thật Báo, những trường hợp khác chắc là chưa tránh khỏi cõi trời, người).*

Trừ phi người ấy xác thực là đã phá vô minh, chứng đắc Pháp Thân, bèn vượt thoát. Nếu chẳng có công phu như vậy, chẳng thật sự phá

vô minh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Nói cách khác, dẫu quý vị tu tốt đẹp đến mấy, bất quá cũng là phước báo nhân thiên, [vì thế nói là] *"vị miễn nhân thiên"*.

(Sao) Nhi thiên thượng đa dục, nhân gian tạp khổ.
(鈔)而天上多欲，人間雜苦。
*(**Sao**: Nhưng cõi trời lắm dục, nhân gian các khổ xen lẫn).*

Cõi trời vui sướng. Trước kia, ngài Sư Tử Giác là một vị cao tăng Ấn Độ. Ngài cùng Vô Trước và Thiên Thân, ba người đều tu Di Lặc Tịnh Độ. Lại còn cùng nhau ước định: "Ai vãng sanh trước, đến được Di Lặc Tịnh Độ bèn trở về báo tin". Sư Tử Giác mất trước, đã mất rất nhiều năm chẳng có tin tức gì. Sau đó, Vô Trước Bồ Tát vãng sanh, sanh đến Đâu Suất Nội Viện, ba năm sau mới quay lại báo tin. Thiên Thân Bồ Tát hỏi: "Vì sao ông mất ba năm rồi mới đến báo tin cho tôi?" Ngài Vô Trước đáp: "Thời gian trên cõi trời rất dài, bất quá tôi nhiễu quanh Di Lặc Bồ Tát một vòng liền vội vã trở xuống báo tin cho ông". Thiên Thân Bồ Tát hỏi: "Sư Tử Giác thì sao?" Ngài Vô Trước đáp: "Sư Tử Giác tham cầu sự vui sướng trên cõi trời, vẫn còn đang ở ngoại viện của Đâu Suất Thiên, còn chưa gặp Di Lặc Bồ Tát". Ông ta thấy ngũ dục lục trần trên cõi trời thù thắng vượt trỗi nhân gian quá nhiều, lưu luyến nơi ấy, thôi rồi! Đạo tâm bị thoái thất. Vì thế, người tu đạo không dễ dàng, ngũ dục lục trần trong thế gian này hằng ngày dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Sức mạnh dụ dỗ, mê hoặc trong thế gian chưa mạnh lắm, sức dụ dỗ mê hoặc trên cõi trời mạnh mẽ hơn. Sư Tử Giác chẳng bị ngũ dục lục trần trong nhân gian dụ dỗ, mê hoặc, nhưng bị chư thiên dụ dỗ, mê hoặc, chẳng chống nổi, đi theo họ, còn nói gì được nữa! Điều này hết sức đáng sợ. Những vị ấy đều đã chứng đắc quả vị Bồ Tát, do chưa đoạn tập khí, chẳng chống nổi dụ dỗ, mê hoặc, trong tâm còn có tham, sân, si, mạn. Đó là *"thiên thượng đa dục"* (cõi trời lắm dục). *"Nhân gian tạp khổ"* (Nhân gian các khổ xen lẫn), đời này chúng ta sống trong nhân gian, đã liễu giải và thấu hiểu trạng huống trong nhân gian.

(Sao) Đọa lạc giả chúng, giải thoát giả hy.
(鈔)墮落者眾，解脫者希。
*(**Sao**: Kẻ đọa lạc đông đảo, người giải thoát ít ỏi).*

Đây là lời chân thật, người đọa lạc đông lắm! Đúng là trong thế gian này, người tu pháp môn khác chứng đắc cõi Thật Báo, tức là phá vô minh, chứng đắc Pháp Thân, hạng người như vậy rất ít. Trong Thiền Tông Trung Hoa, thù thắng nhất là Lục Tổ Huệ Năng. Một đời Huệ Năng đại sư có bốn mươi hai người khai ngộ minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài. Quý vị đọc Đàn Kinh sẽ hiểu, trong Thiền Tông, chuyện này thù thắng khôn sánh, là vô cùng thù thắng, thật sự là không tiền tuyệt hậu (空前絕後: trước kia chưa hề có sau này cũng không)! Trong hội của một vị tổ sư đại đức, người thật sự có thể minh tâm kiến tánh khai ngộ, quá nửa là một, hai, ba, năm người thì rất nhiều! Trong hội của Lục Tổ có hơn bốn mươi người [khai ngộ, trong khi] người theo Tổ tu học đâu phải chỉ là ngàn vạn? Vẫn là tỷ lệ không tương xứng! Lại xem Huệ Viễn đại sư thuở ấy kết chòi tranh ở Lư Sơn, một trăm hai mươi ba người cùng ở một chỗ niệm Phật, ai nấy đều vãng sanh. Hội của Lục Tổ Huệ Năng đại sư chẳng bằng. So giữa hai vị, quý vị liền biết sự thù thắng của việc niệm Phật vãng sanh.

(Sao) Bất sanh Tịnh Độ, nhi tương yên vãng.

(鈔)不生淨土，而將焉往。

*(**Sao**: Chẳng sanh về Tịnh Độ, thì sẽ đi về đâu?)*

Nếu quý vị chẳng sanh về Tịnh Độ, quý vị sẽ đến nơi đâu? Đọc phần cuối đoạn chú giải, sẽ có thể khiến cho chúng ta liễu giải chân tướng, tăng trưởng tín tâm.

(Diễn) Trừ bỉ dĩ đăng Thật Báo, dư hoặc vị miễn nhân thiên giả, năng đoạn vô minh chứng Pháp Thân, sanh Thật Báo độ, tắc siêu lục đạo.

(演)除彼已登實報，餘或未免人天者，能斷無明證法身，生實報土，則超六道。

*(**Diễn**: "Trừ những người đã lên cõi Thật Báo, những trường hợp khác chắc là chẳng thoát khỏi cõi trời, người": Có thể đoạn vô minh, chứng Pháp Thân, sanh vào cõi Thật Báo, bèn vượt thoát lục đạo).*

Vượt thoát lục đạo, vĩnh viễn chẳng còn luân hồi nữa.

(Diễn) Nhược bất nhiên giả, túng bất đọa ác thú, diệc đọa nhân

thiên, yên vô hậu hữu da?

(演)若不然者，縱不墮惡趣，亦墮人天，焉無後有耶。

*(**Diễn**: Nếu chẳng vậy, dẫu chẳng đọa trong đường ác, cũng đọa trong cõi trời, người, làm sao chẳng có thân sau cho được?)*

Nếu chẳng phải là như vậy, quý vị quyết định chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Dưới đây là một đoạn vấn đáp:

(Diễn) Hoặc vấn viết: Đoạn vô minh, chứng Pháp Thân Bồ Tát, sanh Thật Báo giả, huýnh siêu lục đạo bất tất ngôn hỹ!

(演)或問曰：斷無明證法身菩薩生實報者，迴超六道不必言矣。

*(**Diễn**: Hoặc có kẻ hỏi: "Bậc Bồ Tát đã đoạn vô minh, chứng Pháp Thân thì vượt thoát khỏi lục đạo [là chuyện] chẳng cần phải nói nữa!")*

Chuyện này đương nhiên chẳng cần phải nói, quyết định là vượt thoát lục đạo.

(Diễn) Sanh Phương Tiện Hữu Dư giả, diệc siêu tam giới, bất thọ luân hồi.

(演)生方便有餘者，亦超三界不受輪迴。

*(**Diễn**: Kẻ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng vượt thoát tam giới, chẳng bị luân hồi).*

Nói đến công phu kém hơn. Dẫu kém hơn đôi chút, vẫn có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, giống như những vị từ A La Hán trở lên.

(Diễn) Hà đản ngôn "trừ Thật Báo năng miễn nhân thiên", bất ngôn "trừ Phương Tiện diệc miễn nhân thiên" da?

(演)何但言除實報能免人天，不言除方便亦免人天耶。

*(**Diễn**: Vì sao chỉ nói là "ngoại trừ Thật Báo có thể thoát khỏi nhân thiên", chẳng nói "ngoại trừ cõi Phương Tiện cũng tránh thoát*

nhân thiên"?)

Hỏi rất hay, đúng là tìm thấy lý do để chất vấn. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng A La Hán chẳng chứng đắc cõi Thật Báo, [vì các Ngài] chẳng minh tâm kiến tánh. Cớ sao quý vị chỉ nói sanh về cõi Thật Báo, chẳng nói sanh trong cõi Phương Tiện? Câu hỏi này rất có lý, hãy xem đại sư đáp theo cách nào.

(Diễn) Thử chương vấn đáp, đơn luận viên nhân.

(演) 此章問答，單論圓人。

*(**Diễn**: Lời vấn đáp trong chương này chỉ luận định theo phía người căn cơ viên đốn).*

Chỉ nói theo Viên Giáo, chẳng nói với quý vị về Tạng Giáo hay Thông Giáo. Theo tiêu chuẩn của Viên Giáo thì tình hình là như vậy đó.

(Diễn) Viên nhân đoạn vô minh giả, tức sanh Thật Báo.

(演)圓人斷無明者，即生實報。

*(**Diễn**: Người thuộc căn cơ Viên Giáo hễ đoạn vô minh bèn sanh vào Thật Báo).*

Chẳng thể sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư.

(Diễn) Như vị đoạn vô minh, tạo chí Thất Tín, tuy sanh Phương Tiện, sở kiến chi cảnh dữ Thật Báo đồng, bất đồng Tạng Thông nhị giáo thể tích chi nhân, thật sanh Phương Tiện, cố lược nhi bất ngôn dã.

(演)如未斷無明，造至七信，雖生方便，所見之境與實報同，不同藏通二教體析之人，實生方便，故略而不言也。

*(**Diễn**: Nếu chưa đoạn vô minh, đã đạt tới địa vị Thất Tín, tuy sanh trong cõi Phương Tiện, mà thấy cảnh giới giống như trong cõi Thật Báo, chẳng giống như [kiến giải của người tu tập] Thể Không Quán và Tích Không Quán trong Tạng Giáo và Thông Giáo, [người thuộc hai giáo ấy] thật sự sanh trong cõi Phương Tiện. Vì thế, lược đi chẳng nói).*

Nói theo tứ giáo, chỉ luận định Viên Giáo, chẳng nói về Tạng Giáo, Thông Giáo, hay Biệt Giáo. Đây là kiến địa của người thuộc Viên Giáo, cảnh giới xác thực là chẳng giống Tạng Giáo và Thông Giáo. Người Viên Giáo đã đoạn Kiến Tư phiền não bèn vượt thoát lục đạo luân hồi. Tuy sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, sự hưởng thụ của người ấy trong cõi Phương Tiện Hữu Dư chẳng khác Thật Báo. Vì sao? Trí huệ khác nhau, đoạn chứng giống nhau; nhưng chư vị phải hiểu: Cảnh chuyển theo tâm. Nói cách khác, tâm của bậc Thất Tín trong Viên Giáo chẳng giống tâm của A La Hán hay Bích Chi Phật. Một đằng là tâm lượng hẹp nhỏ, một đằng tâm lượng to lớn; do vậy, Ngài (Thất Tín Bồ Tát) thọ dụng cảnh giới khác hẳn. Tuy sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, gần như bằng với cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng giống cảnh giới của hàng Tiểu Thừa.

(Sao) Triết Lão, Thanh Công, câu xưng hữu ngộ.

(鈔)喆老青公，俱稱有悟。

*(**Sao**: Các vị Chân Như Triết và Thanh Thảo Đường đều được gọi là có ngộ).*

Hai vị này đều là bậc khai ngộ trong Thiền Tông.

(Sao) Nhi Triết Lão hậu thân, đam luyến phú quý; Thanh Công hậu thân, đa lịch khổ ưu.

(鈔)而喆老後身，耽戀富貴；青公後身，多歷苦憂。

*(**Sao**: Nhưng hậu thân của Chân Như Triết mê đắm phú quý, hậu thân của ngài Thanh Thảo Đường trải lắm nỗi khổ sở, lo âu).*

Làm quan to, rất vất vả. Quý vị thấy những người làm quan to hiện thời đều rất nhọc nhằn.

(Sao) Giai diêu bất mộ vãng sanh, tự thất thiện lợi.

(鈔)皆繇不慕往生，自失善利。

*(**Sao**: Đều là do chẳng hâm mộ vãng sanh, tự đánh mất lợi ích tốt lành).*

Quý vị thấy tình hình của họ, lỗi lầm ở chỗ chẳng mong cầu vãng sanh Tịnh Độ, chẳng tin pháp môn này. *"Tự thất thiện lợi"*: [Đánh mất]

lợi ích thù thắng nhất, chính mình tự lầm mình.

(Sao) Trí sử yêm trệ đa sanh, khoáng Bồ Đề lộ.

(鈔)致使淹滯多生，曠菩提路。

*(**Sao**: Khiến bị chìm đắm nhiều đời, đường Bồ Đề xa vời vợi).*

Đương nhiên là trong tương lai người ấy vẫn có thể vãng sanh, nhưng chẳng biết là đến đời nào, kiếp nào! Người ấy nhất định sẽ nghe danh hiệu A Di Đà Phật, nhất định thấy tượng A Di Đà Phật, trong A Lại Da Thức có chủng tử A Di Đà Phật, chỉ là chẳng chịu xưng niệm mà thôi, chẳng mong cầu sanh! Như vậy thì con đường Bồ Đề sẽ rất dài! Chẳng biết phải đi vòng vèo bao xa, sau đó mới hồi tâm chuyển ý, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

(Sao) Khởi phi thiện căn lương bạc, nãi trí như tư.

(鈔)豈非善根涼薄，乃致如斯。

*(**Sao**: Há chẳng phải là do thiện căn kém mỏng, nên khiến cho đến nỗi như vậy).*

Kẻ ấy thiện căn kém mỏng! Chẳng thể nói kẻ ấy không có thiện căn và phước đức, mà là thiện căn lẫn phước đức đều chẳng nhiều.

Trong phần trên, Liên Trì đại sư đã dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh, *"như Hoa Nghiêm trung thuyết"* (như đã nói trong kinh Hoa Nghiêm). Kinh Hoa Nghiêm nói ở chỗ nào? Nay Ngài bảo cho chúng ta biết.

(Sao) Ngôn Hoa Nghiêm giả, Nhập Pháp Giới phẩm vân.

(鈔)言華嚴者，入法界品云。

*(**Sao**: [Trong lời Sớ đã] nhắc tới kinh Hoa Nghiêm thì như trong phẩm Nhập Pháp Giới có nói).*

Phẩm Nhập Pháp Giới chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, phẩm này gồm hai mươi mốt quyển. Tứ Thập Hoa Nghiêm là kinh văn của toàn bộ phẩm này.

(Sao) Giá Na hội thượng, chư đại Thanh Văn, bất kiến Phật giả, dĩ thiện căn bất đồng cố, bổn bất tu tập kiến Phật tự tại thiện căn cố.

Cố tri chấp trì danh hiệu, nguyện kiến Di Đà, thành đa thiện căn, đại thiện căn, tối thắng thiện căn, bất khả tư nghị thiện căn dã.

(鈔)遮那會上，諸大聲聞，不見佛者，以善根不同故，本不修習見佛自在善根故。故知執持名號，願見彌陀，誠多善根、大善根、最勝善根、不可思議善根也。

*(**Sao**: Trong hội Giá Na, các vị đại Thanh Văn chẳng thấy Phật là vì thiện căn khác nhau, vốn là do họ chẳng tu tập thiện căn tự tại thấy Phật. Vì thế biết là chấp trì danh hiệu, nguyện thấy Di Đà, tạo thành nhiều thiện căn, thiện căn to lớn, thiện căn thù thắng nhất, thiện căn chẳng thể nghĩ bàn).*

Dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có nói, Giá Na là Tỳ Lô Giá Na Phật, tức Pháp Thân Phật trong hội Hoa Nghiêm. *"Chư đại Thanh Văn"* chẳng thấy, chẳng nghe, do nguyên nhân gì? Thiện căn ít, phước đức ít. Chỉ có bốn mươi mốt vị Pháp Thân đại sĩ thấy Phật, nghe lời Phật dạy. Đấy là do thiện căn bất đồng. Vì sao họ ít thiện căn, ít phước đức? *"Bổn bất tu tập kiến Phật tự tại thiện căn cố"* (Do họ vốn chẳng tu tập thiện căn tự tại thấy Phật). Nói cách khác, trong vô lượng kiếp, họ đời đời học Phật, nhưng chẳng tu pháp môn này. Pháp môn gì vậy? Pháp môn chấp trì danh hiệu, tức là pháp môn Niệm Phật, họ chẳng niệm Phật.

Người tham Thiền không niệm Phật, người nghiên cứu Giáo chẳng niệm Phật, cho nên thiện căn và phước đức ít ỏi. Rõ rệt nhất, tôi nêu trường hợp của thầy trò pháp sư Đế Nhàn, quý vị sẽ thấy ngay. Đồ đệ niệm Phật, thầy mỗi ngày lo nghiên cứu kinh điển, giảng kinh, thuyết pháp; do vậy, thiện căn và phước đức của thầy chẳng bằng trò. Đồ đệ niệm ba năm vượt trỗi thầy. Pháp sư Đế Nhàn hiện thân thuyết pháp cho chúng ta thấy, chuyện này chẳng được coi là cách xa chúng ta cho lắm, là chuyện thuộc thời đầu Dân Quốc, cách chúng ta bất quá năm mươi năm mà thôi. Đó là chuyện thật. Vì thế, biết nói chẳng bằng biết nghe, thật vậy đấy! Người biết nói chẳng đạt được lợi ích chân thật, người biết nghe bèn đạt được, bèn thành tựu. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa
Quyển VII hết

"Hoan nghênh ấn tống - công đức vô lượng"